



VÔ HỮU

SỰ SỐNG



NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

LỜI MỞ ĐẦU

Đời sống con người rất linh hoạt, nhờ đó nó luôn được đổi mới. Nếu không có sự đổi mới, con người sẽ cảm thấy nhàm chán trong sinh hoạt. Ngược lại, sự đổi mới gây thích thú cho đời sống, và tiến hóa con người từ sự bình thường của sự thụ tạo chuyển sang sự siêu việt của một sinh linh có khả năng sáng tạo theo sự Thuận Lý.

Đổi mới trong sự tiến hóa đến cùng đích, tư tưởng con người vượt qua mọi sự tương đối có thể so sánh hoặc còn có thể so sánh được, để nhập vào sự tuyệt đối của Nguyên Lý vũ trụ.

Ở mỗi cá nhân, đời sống vật chất, đời sống tinh thần còn sự tương đối. Sự tuyệt đối của sinh linh chỉ có trong đời sống tâm linh.

Sự tuyệt đối của đời sống tâm linh hòa nhập vào sự sinh động và chuyển động toàn hảo của vũ trụ. Cả hai vũ trụ thành “Một”, như một phân tử nước hòa nhập vào đại dương. Phân tử nước là đại dương, mà ngược lại, đại dương cũng là những phân tử nước hợp lại.

Cả hai vũ trụ cực to và cực nhỏ đều bằng nhau. Tính cách tuyệt đối này không do thể tích, không do không gian của chúng, mà do sự bức xạ của sự Sáng của siêu siêu Trí (Tuệ). Thân thể con người không bằng vũ trụ được, nhưng sự Sáng của siêu siêu Trí (Tuệ) bức xạ, quang tỏa vào vũ trụ. Sự quang tỏa của sự Sáng của Tuệ hòa nhập vào sự Sáng của vũ trụ và bằng với thể tích của vũ trụ. Điều này cũng giống như bóng đèn điện không lớn bằng căn phòng, nhưng khi điện được bật lên, ánh sáng của bóng đèn tỏa ra và ánh sáng đó bằng với thể tích của căn phòng.

Cả hai đồng nhất trong bản chất, bản tính và tính năng trong sự hòa hợp của Thân với Thiên Năng quanh địa cầu, Tâm với Thiên Cơ và Trí với Thiên Lý, Tuệ cảm ứng được với nguyên động lực xúc tác vào vũ trụ.

Sự toàn hảo trong sự toàn diện của đời sống tâm linh là sự sinh động, chuyển động đồng bộ giữa ba cõi giới tự nhiên, siêu nhiên và siêu siêu nhiên của con người với ba thể giới tự nhiên, siêu nhiên và siêu siêu nhiên của vũ trụ.

Trong con người, ba cõi giới này là Thân, Tâm, Trí.

Thân: là cõi tự nhiên, phát triển nhờ thu nhập năng lực quanh địa cầu thuộc Thiên Năng.

Tâm: là cõi giới siêu nhiên, liên quan cảm ứng với thể giới siêu nhiên và tự nhiên.

Trí: là cõi giới siêu siêu nhiên, liên quan cảm ứng với ba thể giới trong vũ trụ.

Con người, do cách sống chủ quan của bản ngã, tự tách mình ra khỏi sự sinh động, chuyển động đồng bộ giữa hai vũ trụ, vì vậy mà mất đi tánh linh thiêng và sự mẫu nhiệm trong đời sống.

Sự mẫu nhiệm ở Trí, sự linh thiêng ở Tâm và sự kỳ diệu ở Thân.

Bản chất, bản tính và tính năng của đời sống tâm linh là linh thiêng, nhưng hiệu quả của sự linh thiêng là mẫu nhiệm. Cho nên, muốn phục hồi lại sự linh thiêng và mẫu nhiệm trong đời sống này, con người cần Luyện, Tu và sống Đạo.

Trong thế giới tự nhiên, những điều lạ lùng không thể giải thích được bằng luật tự nhiên con người cho là linh thiêng và mẫu nhiệm. Nhưng đó chỉ là bản chất, bản tính và tính năng bình thường của những hiện tượng trong thế giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên, dần dần do sự tiến hóa tự động hoặc chủ động mà con người phải tiến tới và trải qua.

Tiến trình này nằm trong mọi tạo vật và ngược lại, mọi tạo vật đều bị chi phối bởi tiến trình này.

Trong tiến trình tự động, một tạo vật chỉ sống bằng cảm giác, chuyển hóa sang sinh hoạt bằng tình cảm và tư tưởng, có khả năng sống trong bầu khí quyển trong thế giới tự nhiên phải mất hàng chục vạn năm. Và từ tạo vật ở mức tiến hóa này chuyển sang sinh hoạt của thế giới siêu siêu nhiên phải mất thêm hàng chục vạn năm nữa. Nhưng, nếu tạo vật và sinh linh nào hiểu rõ được các định lý, qui luật trong thế giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên, họ có thể tiến hóa chủ động ngay trong đời sống hiện tại.

Nền tảng của đời sống tâm linh là sống bằng Nguyên Lý này, nhưng trước hết phải giác ngộ được nó bằng siêu siêu Trí (Tuệ). Sự sáng tạo của Tuệ từ Nguyên Lý tuôn trào ra những tư tưởng không sai lầm cho mọi thời đại, bất biến đổi, sinh động bằng nguyên năng của Nguyên Lý, cho nên chúng tồn tại. Như, từ Nguyên Lý (Thiên Lý) mà Thiên Cơ được sáng tạo, và từ Thiên Cơ sinh hóa ra Thiên Năng. Ba thành tố này của sự sinh động của vũ trụ mang tính cách sáng tạo, chúng không hề biến đổi.

Sau đó, từ Thiên Năng mà muôn vật với muôn dạng khác nhau được cấu tạo, từ sự đơn sơ thô thiển như viên đá đến phức tạp, vi tế, linh động như con người. Rồi từ những mẫu đó, con người mô phỏng, sửa đổi thêm và kiến tạo. Nhưng tất cả những nỗ lực để thành tựu, dù có lớn lao đến như thế nào, chúng cũng thuộc về đời sống tinh thần.

Mục tiêu trình bày trong quyển sách này là hướng nhãn quan của độc giả quay vào trong để rồi tự chính mình khám phá ra những kỳ diệu, linh thiêng và mẫu nhiệm ngay trong bản thân.

Trở về nguồn sinh hóa chỉ có một con đường này. Nó đưa trí khôn con người giác ngộ được Nguyên Lý, cảm biết được sự sống và vui sống bằng sự sống trong sự tiến hóa không ngừng.

Đà Lạt ngày 18/10/2002

VÔ HỮU
(Nguyễn Quan Thế Phi)

MỤC LỤC

Lời mở đầu.....	05
Chương I: VŨ TRỤ.....	09
Sự biến đổi không ngừng	11
Sự tiến hóa	14
Năng lực.....	35
Năng lực nguyên thủy	39
Năng lực tác tạo	47
Năng lực tiên thiên và hậu thiên	52
Chương II: SỰ SỐNG	61
Con người tìm sự sống.....	63
Sự sống của mọi sức sống ở đâu?	69
Sự sống.....	74
Lý	81
Những thành tựu phi thường của con người	92
Hiện tượng vật lý và sinh lý trong những thành tựu phi thường....	106
Sự mâu nhiệm trong sự sống.....	123
Chương III: CÁC ĐỜI SỐNG	133
Sự tự do và con người.....	135
Đời sống con người.....	145
Đời sống vật chất	150
Đời sống tinh thần.....	159
Đời sống tâm linh.....	179
Ba đời sống	230
Chương IV: SÁNG TẠO VÀ THỤ TẠO.....	249
Con người	251
Sự kỳ bí trong vô hình	259
Sinh hóa và chuyển hóa	274
Các loại thân trong sự chuyển hóa.....	301

Chương V: CẤU TRÚC HUYỀN BÍ	323
Cái nhìn của Trí khôn.....	325
Năng lực trong sinh hoạt, hành động	356
Ý thức.....	373
Cấu trúc huyền bí trong tiểu vũ trụ	404
Chương VI: CỨU CÁCH CỦA ĐỜI SỐNG.....	485
Phương tiện và cứu cách của đời sống	487
Vận.....	502
Những điều cần biết.....	509
Cứu cách	694
Chương VII: CON ĐƯỜNG VÀO SỰ SỐNG.....	699
Luyện	709
Tu	751
Sống Đạo.....	777
Chương VIII: CÁC PHƯƠNG PHÁP.....	803
Giá trị lưu dụng	811
Thiền	820
Con đường giác ngộ	839
U minh trong sự Sáng	860

Chương I

VŨ TRỤ

- Sự đổi mới không ngừng
- Sự tiến hóa
- Năng lực
- Năng lực nguyên thủy
- Năng lực tự tạo trong con người
- Năng lực tác tạo
- Năng lực tiên thiên và hậu thiên

VŨ TRỤ

SỰ ĐỔI MỚI KHÔNG NGỪNG

Mọi tạo vật dù ở dưới dạng nào, hữu hình, siêu hình hay vô hình đều luôn bị biến đổi hay được đổi mới không ngừng.

Trong thế giới hữu hình, cực to như các hành tinh, cực nhỏ như phân tử nước, vi khuẩn..., chúng cũng không giữ được nguyên trạng.

Tạo vật siêu hình của con người là tư tưởng, cũng được biến đổi về tốc độ sinh hóa, luôn cả cường độ. Hay là, Trí con người ngày càng suy nghĩ nhanh và lâu bền hơn lúc còn thơ ấu.

Trong sự đổi mới, có cái tồn tại, sinh động thăng hoa, có cái bị biến đổi rồi đi vào sự hủy hoại.

Nhìn những di tích từ nhiều ngàn năm, và vô số những vật dụng cho thấy được sự sáng tạo phong phú của Trí khôn con người – một sinh tạo và cũng là một kỳ quan kỳ bí hơn tất cả mọi kỳ quan nhân tạo mà còn hiện hữu trên địa cầu do sự suy nghĩ, tài năng và khả năng con người kiến tạo.

Suy nghĩ là đổi mới, hay là sự đổi mới trong sự suy nghĩ, nhưng nó có thể làm cho con người tiến hóa hay thoái hóa. Hiên nhiên, có sự tiến hóa của Trí khôn, nhưng đa số lại thoái hóa; từ Tánh hồn nhiên chuyển sang Tâm động loạn, sự chơn thật của tuổi thơ bị thay thế bởi sự gian, dối, xảo quyệt.

Điều đã có, tất phải diễn tiến, nếu không có biến hóa, thì không thể tiến hóa, mà 3 dạng cơ bản của sự biến hóa là: biến tướng, biến thể, biến thái.

Biến tướng: thay đổi hình, tướng, như nhỏ ra to, to ra nhỏ.

Biến thể: từ thể này chuyển sang thể khác (Đối với con người, nó liên quan đến thân thể).

Biến thái: “từ động sang tĩnh”, từ “tĩnh sang động” trong năng lực vô hình (ở con người nó liên quan đến Tâm, Trí).

Với sự tiến hóa của con người, “biến thái” cần thiết cho sự hiểu biết đến mức vô tận học, tức là đạt đến sự giác ngộ Nguyên Lý của vũ trụ vậy.

Sự đổi mới không ngừng trong mọi tạo vật và sinh linh là một sự thật. Nếu sự thật không được chấp nhận vì một định kiến, thì định kiến đó làm cho con người càng trở nên chủ quan, cố chấp. Nó gây ra sự trở ngại trong sự suy nghĩ. Cụ thể, giống như một vật đã định hình như quả núi, như nhà ở v.v... không còn sự di động trong đó, trái lại sự di động của gió tạo cho nó có tính tự do – Cũng vậy, nếu con người không còn định kiến, thì đời sống sẽ nhẹ nhàng, tự do hơn.

Tạo vật vô tri, vô giác có sức sống bên trong bị biến đổi một cách tự động. Nhưng, trong con người, nơi hội tụ tất cả các loại năng lực có trong vũ trụ luôn luôn sinh động. Các loại năng lực này chứa đựng “sự sống” và “các sức sống có thời hạn”.

“Sự sống” sinh hóa ra những sức sống có thời hạn. Sức sống được sinh hóa ra, chúng mang tính cách tự động, nhưng “chủ động là bản tính” của Sự sống.

Như vậy, con người, cái tiểu vũ trụ qui bầu này, vừa có tính cách tự động, và có cả sự chủ động để đổi mới, để tiến hóa theo ý muốn.

Quá khứ và hiện tại cũng chứng thực điều này. Con người được sinh ra, giống nhau ở Nhục thân, nhưng khác nhau ở Tâm, Trí. Do đó, có người cứ mãi là phàm nhân, một số khác trở nên phi thường, siêu việt hơn, mà con người gọi là Thần, Tiên, Phật, Thánh v.v... Không phải ở danh xưng hay ngôi vị mà con người tôn trọng gán cho là quan trọng, điều thiết yếu, để được quan tâm và chú ý ở những người đó, là họ đã suy nghĩ, khám phá ra nội lực (thần lực, huyền lực, huyền năng), cường hóa và ứng dụng chúng trong sinh hoạt.

Sự thành tựu đổi mới đời sống của họ theo hướng thăng tiến.

Nó khó cảm nhận từ bên ngoài, nhưng dễ cảm nhận từ bên trong ở mỗi người. Đó là sự thăng tiến của đời sống tinh thần và đời sống tâm linh.

Linh cảm, tiên cảm của đời sống tâm linh chỉ một số rất ít người biết được, nhưng đa số các nhà trí thức của đời sống tinh thần đã quen thuộc với những đức tính mà họ ứng dụng trong sinh hoạt. Chúng biến đổi từ một tâm địa tầm thường lên mức Thiện, hay cao hơn nữa, là mức Chí Thiện. Chỉ cần biết rõ một trong nhiều đức tính của đời sống tinh thần, như sự cao thượng ta cũng thấy được sự đổi mới trong đời sống nội tâm.

(Một trong những đức tính của đời sống tinh thần, là sự cao thượng. Nó vượt trên cả tình cảm và cảm giác của một cá nhân còn bản ngã, tức là nhân tánh vượt qua thú tánh.

Khi sự cao thượng sinh động, ác thú, mãnh thú, kể cả các loại thủy quái... không thể làm hại Nhục thân được.

Vì sao?

Vì, khi tính cao thượng sinh động, năng lực của nó mạnh hơn những lực gây ra sự tác hại cho Nhục thân.

Những nhà trí thức, các bậc đạo đức, chân chính luôn thoát được những hiểm nguy, ta cho là họ may mắn, nhưng thật sự là sự sinh động của đức tính đã cứu lấy họ vậy.

Cường độ sinh động của đức tính càng cao, hiệu quả của nó càng nhiều, tức là năng lực của nó càng mạnh, sức chế ngự của nó càng nhiều).

Đời sống của Nhục thân chỉ kéo dài trên dưới một trăm năm – Trong khoảng thời gian đó, đa số hướng tâm hồn mình vào nhu cầu ăn, uống, sự đổi mới của

tiện nghi – Nhưng chính đời sống nội tâm mới đáng quan tâm, đáng nói. Đó là sự tiến hóa trong con người từ những sức sống và những gì có tính tương đối đến sự tuyệt đối, là sự sống. Chúng liên quan đến những biến đổi trong sinh lý, tâm lý, vật lý đến cơ thể...

Những biến đổi này có tính cách thực tế, mà hễ là thực tế, tất nhiên chúng phải liên quan đến các thực thể, dù cho chúng là siêu hình hay vô hình. Không có gì gọi là trừu tượng cả.

SỰ TIẾN HÓA

Từ nhiều ngàn năm, con người đã muốn khám phá ra nguyên nhân của sự hình thành vũ trụ bằng khả năng của giác quan, và ngay cả ngày nay, với những phương tiện kỳ diệu chứng tỏ sự phi thường của Trí khôn, con người vẫn tiếp tục thực hiện mục tiêu này. Trí khôn người được tạo nên, trước hết qua sự trung thu của các giác quan mà khả năng của chúng rất giới hạn. Cứ mãi dùng các giới hạn để mong biết được sự vô tận, nhất là những sinh động siêu hình và vô hình, thì làm việc này, tuy là con người có thêm nhiều kiến thức, nhưng kết quả đó khó thỏa mãn được ý muốn.

Như vậy, ta phải tìm ra một phương cách khác. Nó cũng đòi hỏi một sự quan sát, một cảm nghiệm trong một sinh tạo, mà sự sinh động của nó cũng chứa một bản chất, bản tính và tính năng như đại vũ trụ, tức là con người vậy.

Từ ba nhân tố trên, và từ thực tại trở về nguyên nhân sáng tạo, con người nhận ra trong sự sinh động đó có sự sinh hóa, chuyển hóa để tiến hóa.

Tiến hóa là gì?

Là một qui luật của Thiên Lý (1) (Nguyên Lý) phát sinh từ sự tác động của Thiên Tuệ vào sự Sáng (cũng là “thể Sáng”, một năng lực tự có của vũ trụ chưa biến thành hai dòng năng lực Dương và Âm).

Thiên Lý trở thành một chức năng để tạo ra những qui luật quan trọng là sinh hóa và chuyển hóa để tiến hóa tạo vật.

Nó có sự đổi mới không ngừng để mọi tạo vật tiến hóa, như từ những sức sống có thời hạn sang sự sống (sự hằng sống); từ đơn giản đến tinh vi, phức tạp; từ ít đến nhiều, từ gần đến xa v.v...

Cũng như trong con người, có nhiều bộ phận tiến hóa. Sự tiến hóa của khả năng đưa đến sự biến đổi, tạo nên một chức năng mới, như sự tiến hóa của Tâm, Trí. Chúng là những bộ phận hay cơ quan vô hình, khơi động những chức năng mới, là các trực giác quan, linh giác quan.

Nhờ những chức năng mới này, mà siêu Trí phát triển Trí năng con người.

Theo qui luật này, thì vật chất có sức sống cũng tiến hóa, bản tính và tính năng của vật chất theo đó mà tiến hóa. Vì vậy, phương cách, phương thức áp dụng đạo lý để tiến hóa đời sống tinh thần và tâm linh con người cũng phải đổi mới để thích hợp với mức tiến hóa của Trí khôn. Do đó mà có nhiều phương pháp, pháp môn mới ra đời.

(1) Là nguyên lý của vũ trụ, nhưng ta quen dùng Thiên Lý, Thiên Cơ (là máy của vũ trụ, sự chuyển động của nó gọi là Vận), Thiên Năng (năng lực chuyển động trong vũ trụ).

A. NHỮNG LIÊN QUAN ĐẾN TÍNH NĂNG HẰNG HỮU TRONG LUẬT TIẾN HÓA

Bất cứ một thể linh thiêng (1) nào trong vũ trụ cũng luôn đổi mới để sinh tồn hay là phải luôn sinh động để tồn tại.

Sự đổi mới của mỗi thể, thay đổi theo thời gian sinh động của mỗi loại đơn vị tương quan với thể đó. Thời gian biến đổi của đơn vị của Thủy nhanh hơn Khí, Khí nhanh hơn Điện và Điện nhanh hơn sự Sáng.

Như vậy, đơn vị (nguyên tử hay phân tử) của nó luôn đổi mới.

1. Sự đổi mới do sự xúc tác của một thể khác.
2. Sự đổi mới tự tạo, “khi sức sống của nó bằng với sự sống của nó” thì tự nó đổi mới lấy nó.

(Trong con người, năng lực tự tạo, tự đổi mới nằm trong những bộ phận màu nhiệm, hay là những bộ phận, cơ quan vô hình có sự sống như Tâm, Trí, Tánh, Lương tâm, linh hồn, Tuệ v.v... đều có năng lực tự tạo, tự đổi mới để sinh tồn).

Trong thể giới tự nhiên (thể giới hữu hình), Sinh và Diệt là qui luật tiến hóa của vũ trụ.

Sự sinh động này đổi mới không ngừng trong thể giới tự nhiên mà hiện tượng của nó là sự biến tướng (to, nhỏ), biến thể (nước sang khí...), biến thái (nóng, lạnh...).

Sinh, Diệt là sự tiến hóa trong chu kỳ, tức là sự tiến hóa còn có chu kỳ, có dịch kỳ, có sự luân phiên.

Sự tiến hóa có chu kỳ, có dịch kỳ, có sự luân phiên... chuyển dần sang sự tiến hóa của thể giới vô hình – là sự tiến hóa không còn sự luân phiên, không có chu kỳ, không có dịch kỳ... Do đó mà “chỉ có Sinh không có Diệt”.

Sự sinh động vô hình, con người khó nhận ra, phương chi là sự biến đổi trong sự sinh động đó. Nhưng, nó cũng nằm trong qui luật tiến hóa, nghĩa là, nó cũng sinh hóa, chuyển hóa để tiến hóa. Như:

“Màu nhiệm sinh hóa ra linh thiêng; linh thiêng sinh hóa ra kỳ diệu. Hay ngược lại”.

“Kỳ diệu chuyển hóa thành linh thiêng; linh thiêng chuyển hóa thành màu nhiệm... để tiến hóa”.

“*Màu nhiệm*” trong thể giới siêu siêu nhiên và cõi giới siêu siêu nhiên.

“*Linh thiêng*” trong thể giới siêu nhiên và trong cõi giới siêu nhiên.

(1) Bốn thể linh thiêng trong vũ trụ là: sự Sáng (sự sống hay là thể Sáng), Điện, Khí và Thủy (các loại chất lỏng).

“Kỳ diệu” trong thế giới tự nhiên và cõi giới tự nhiên.

Trong sinh hóa: mẫu nhiệm sinh → linh thiêng (trong linh thiêng sinh động sự mẫu nhiệm), linh thiêng → kỳ diệu (trong kỳ diệu có sự linh thiêng và mẫu nhiệm).

Trong chuyển hóa: kỳ diệu → linh thiêng; linh thiêng → mẫu nhiệm.

Con người, vũ trụ nhỏ bé chứa đựng đầy đủ những chức năng của đại vũ trụ, đó là những sinh động vô hình: kỳ diệu, linh thiêng và mẫu nhiệm.

Thân (Tâm, Trí) : kỳ diệu (linh thiêng, mẫu nhiệm)

Tâm (Trí) : linh thiêng (mẫu nhiệm)

Trí (Siêu Trí, Tuệ): mẫu nhiệm

+ Trí: điều khiển được sự kỳ diệu

+ Siêu Trí: điều khiển được sự linh thiêng

+Tuệ (siêu siêu Trí): điều khiển được sự mẫu nhiệm và cảm ứng được với “năng lực nguyên thủy” xúc tác vào Thiên Lý (Nguyên Lý).

Địa cầu là một đơn vị trong những tạo vật của vũ trụ cũng bị chi phối bởi luật tiến hóa của vũ trụ, do sự tiến hóa có chu kỳ, có dịch kỳ, có sự luân phiên (luật Sinh, Diệt), và do sự tiến hóa, không còn, và không có sự luân phiên, không có chu kỳ và dịch kỳ.

Những gì được nảy sinh từ địa cầu là tạo vật, là sinh tạo của địa cầu. Chúng cũng bị chi phối bởi luật “Sinh, Diệt”, để sinh tồn và tiến hóa, và những gì “hằng hữu” (Vô sanh) vẫn luôn sinh động để tiến hóa.

Trong sự sinh tồn, trải qua hai dạng “Sinh và Diệt”, thì “nguyên nhân” sinh hiệu quả. Và sau đó, hiệu quả đó, cũng trở lại thành nguyên nhân.

Nguyên nhân → Hiệu quả → Nguyên nhân

Thí dụ:

Hột → Cây (quả) → Hột

Còn về “hằng hữu” (vô sanh) chỉ có một dạng duy nhất, là Sinh và mãi mãi Sinh, thì nguyên nhân cũng là hiệu quả.

$$\left. \begin{array}{l} \text{(Nguyên nhân + hiệu quả)} \\ 1 \end{array} \right\} = \text{sự hằng hữu}$$

Trong con người, chỉ có Tuệ (siêu siêu Trí) bản chất là sự Sáng có năng lực vô sanh. Hay là, năng lực hằng hữu và sinh động của vũ trụ có trong não con người.

Những gì thuộc về vũ trụ thì vô sanh tự hữu và hằng hữu.

Những gì thuộc về tạo vật thì sinh tồn (Nguyên nhân có trước và hiệu quả có sau – Nguyên nhân, thì Dương có trước và Âm có sau). Còn về sinh tồn, sự

sống, hay sức sống tồn tại của tạo vật, phải trải qua sự di truyền, từ nguyên nhân sang hiệu quả, và từ hiệu quả sang nguyên nhân, và cứ tiếp diễn mãi mãi như vậy trong sự tiến hóa.

Trên địa cầu, qui luật Sinh, Diệt trải qua bốn dạng: Sinh, Trưởng, Lão, Diệt. Rồi từ dạng Trưởng nảy ra Sinh (Sinh hóa) và cứ tiếp tục như vậy.

Sinh, Trưởng, Lão, Diệt



Sinh, Trưởng, Lão, Diệt



Sinh, Trưởng, Lão, Diệt...

Qui luật này chi phối mọi sinh vật, thực vật, muôn vật, muôn loài có sức sống để sinh tồn qua sự di truyền.

Những biến đổi, biến chuyển này còn liên quan đến yếu tố thời gian của địa cầu (giờ, ngày, tháng, năm).

Thời gian của địa cầu không phải là thời gian của vũ trụ, bởi vì vũ trụ không có thời gian.

Muốn vượt qua qui luật này, phải chuyển sang qui luật của vũ trụ:

“Sinh, Trưởng, chuyển hóa” năng lượng cho đến trạng thái Vô sanh (1). Và từ Vô sanh để vào sự hằng sống.

Qui luật này sinh động trong nội lực của con người (một sinh tạo cao quý nhất trên địa cầu gồm có bốn thể linh thiêng của vũ trụ trong thân thể là Thủy (Huyết), Khí, Điện và sự Sáng).

Nội lực của Thủy hóa Khí.

Khí hóa ra Điện.

Điện hóa ra sự Sáng (cũng là thể Sáng). Sự Sáng tăng trưởng đến mức độ cao nhất của nó mà trở thành Vô sanh. “Sức sống” đạt đến “sự sống” và không còn chuyển hóa được nữa nên nó là Vô sanh, bất diệt.

Hiện tượng này xảy ra trong con người như thế nào?

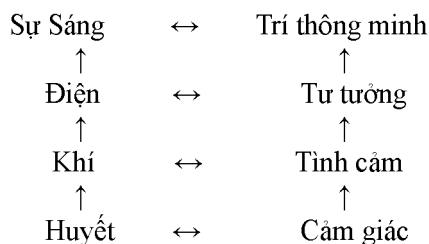
- Trong con người có một thể tuyệt đối mạnh nhất là sự Sáng (thể Sáng). Thể này là bản chất của Trí khôn con người. Nó xúc tác vào những thể khác (như

(1) Vô Sanh gồm hai dạng:

a. Một năng lượng, một thể tự có, thể nguyên thủy này sinh hóa ra những thể khác và mọi tạo vật

b. Một năng lực hay một thể được sinh ra sau đó tăng trưởng đến một trạng thái không còn sinh hóa được nữa

Huyết, Khí, Điện) để những thể này chuyển hóa:



Sự chuyển hóa để tiến hóa những tạo vật hay hiện tượng vô hình này do ý thức của Trí khôn. Đó là sự xúc tác có tính vật lý của sự biến đổi năng lượng trong các cơ quan, bộ phận vô hình (ngũ tạng và Trí khôn).

Cảm giác là một năng lực yếu, được chuyển hóa thành tình cảm – là một năng lực nhẹ hơn về thể chất nhưng lại mạnh hơn về cường độ. Tư tưởng nhẹ hơn tình cảm và cảm giác, nhưng cường độ của nó trên cả cường độ của tình cảm và cảm giác.

Trong tiến trình sinh hoạt từ cảm giác sang tình cảm và tư tưởng cũng lùi cuốn theo một sự chuyển hóa của năng lực, nghĩa là, từ sinh hoạt liên quan của năng lực quanh địa cầu (Khí, Thủy) chuyển sang những gì liên quan đến năng lực vũ trụ là Điện và sự Sáng, tương quan với tư tưởng và Trí khôn.

Điều này chứng minh, trong con người có những thể, những sinh hoạt liên quan đến địa cầu, và những thể, những sinh hoạt thuộc về vũ trụ. Thủy, Khí (cảm giác, tình cảm) ảnh hưởng và chịu ảnh hưởng đến những hiện tượng của Thủy, Khí quanh địa cầu. Còn tư tưởng và Trí thông minh (Điện và sự Sáng) thì thuộc về năng lực chung của vũ trụ.

Như vậy, ta thấy là mọi sinh vật, sinh linh được sinh ra phải tiến hóa đúng với định luật tiến hóa của vũ trụ. Và cũng phải kiến tạo đúng như định luật kiến tạo của vũ trụ (sinh động, sinh hóa, chuyển hóa và tiến hóa).

Kiến tạo để tiến hóa, hay tiến hóa trong sự kiến tạo (Nếu có sự vui thích trong sự kiến tạo, thì mức độ tiến hóa càng nhanh – Nhờ đó mà sinh hoạt của đời sống tinh thần trở nên phong phú).

Với những loại “thể”, đồng bản chất, bản tính và tính năng trong kết cấu của 2 vũ trụ to và nhỏ, mà đời sống con người luôn gắn liền với vũ trụ.

Ba đời sống (vật chất, tinh thần và tâm linh) liên quan đến sự tiến hóa tự động và chủ động trên địa cầu và vũ trụ.

Sự tiến hóa trên địa cầu:

- Sự tiến hóa tự động trên địa cầu liên quan đến đời sống vật chất (Nhục thân, Tâm, Trí)

- Sự tiến hóa chủ động trên địa cầu liên quan đến đời sống tinh thần (Tâm, Trí). Hay là, đời sống tinh thần có tính cách tiến hóa chủ động trên địa cầu.
Sự tiến hóa trong vũ trụ:

- Chỉ có đời sống tâm linh của con người mới có sự chủ động tiến hóa trong vũ trụ.

Mọi tạo vật dù là hữu hình, siêu hình hay vô hình đều tự động tiến hóa. chính do qui luật tiến hóa mà mọi tạo vật phải biến đổi, biến hóa... để tiến hóa, tức là bản chất, bản tính và tính năng của chúng không còn giữ nguyên trạng như lúc mới xuất hiện hay như lúc mới được tạo nên.

Những gì đổi thay, biến đổi, biến hóa... trong sự tiến hóa không ngừng thì thuộc về qui luật tiến hóa của vũ trụ. Và đó cũng là chức năng của Thiên Cơ.

Đối với đời sống tâm linh cũng vậy, chức năng Biết, Hiểu luôn luôn tiến hóa. Nhờ ở sự tiến hóa, mà khả năng của chức năng đó tăng lên mãi, cho đến khi khả năng đó có thể làm cho sự Sáng của Trí (siêu Trí và siêu siêu Trí) hòa nhập vào sự Sáng, sự sống của vũ trụ. Hay là chức năng của Hiểu và Biết của con người hòa nhập vào chức năng của Thiên Cơ, hòa nhập vào vận của Thiên Cơ. Và Vận của Thiên Cơ sáng tạo, đổi mới mãi mãi trong sự tiến hóa không bao giờ sai.

Còn những gì đổi thay, biến đổi, biến hóa, có lúc tiến bộ, có khi thoái hóa (hay là có đúng, có lúc sai, tức là còn trong vòng đối đãi) thì nó không thuộc qui luật tiến hóa của vũ trụ.

Như vậy, những gì không thuộc về qui luật tiến hóa của vũ trụ, thì chúng không thể hòa nhập vào Thiên Năng, Thiên Cơ và Thiên Lý để vĩnh cửu tồn tại.

(Sự hòa nhập của con người vào ba chức năng của vũ trụ là Thiên Năng, Thiên Cơ và Thiên Lý, do ba cõi giới hay là do ba thành tố tạo nên đời sống của con người là Thân, Tâm, Trí.

Ở *Thân*, Lực và năng lực của Nhục thân chứa đựng, phải hòa nhập vào Thiên Năng để thực hiện chức năng tăng và giảm của Lực và năng lực, để biến hóa, biến đổi.

Ở *Tâm*, thì Lương Tâm(1) con người mới có khả năng hòa nhập vào Thiên Cơ, vào Vận của Thiên Cơ. Và nhờ vào đó, mà con người có thể “chủ động” đổi thay được “nhân Vận” của mình (là Phước, Họa, Đức, Đạo).

Ở *Trí*, thì sự Sáng của siêu siêu Trí (Tuệ) hòa nhập sự Hiểu, Biết của con người vào Thiên Lý để cho sự Hiểu, Biết đó đạt đến mức tuyệt đối của nó. Đó là sự Hiểu, Biết vĩnh cửu cũng là thể Sáng của Trí con người chứa đựng Thiên Lý sinh động mãi. Sự Hiểu, Biết này không cần đến đối tượng hữu hình, siêu

(1) Lương tâm loài người là nơi xuất nguồn ra Trí thức (là sự Hiểu, Biết). Nhờ đó mà “Tâm Đạo” phát sinh. Nhưng mức độ của Trí thức trong mỗi Đạo do con người làm ra, không ở cùng một mức độ. Sự tiến bộ và mức độ Trí thức cũng do nơi Lương Tâm.

hình và siêu siêu hình khơi động đề tăng thêm Trí năng.

Tiến hóa nằm trong Vận của vũ trụ và trong năng lực tự tạo là sự Sáng, sinh linh nào vận dụng được nhiều sự Sáng, thì sinh linh đó càng tiến hóa nhanh. Cũng vậy, người nào vận dụng nhiều sự Sáng của Trí thì người đó càng tiến bộ nhanh trong việc đời, và tiến hóa nhanh trong sự sống.

Mặc dầu là tiến hóa, nhưng sự tiến hóa cùng cực của con người ở đâu?

- Sự tiến hóa cùng cực của con người ở sự chuyển hóa trong đó sinh hoạt duy nhất chỉ là sự sinh động của sự Sáng trong trạng thái hòa nhập của Dương và Âm.

Sự sinh động trong Thái cực của sự Sáng Dương và Âm là sự tiến hóa cùng cực của con người. Vì đó, cũng là sự sinh động vĩnh cửu của sự Sáng của vũ trụ trong con người.

Nếu con người đã tiến hóa rồi thì mục tiêu của sự tiến hóa là gì?

- Mục tiêu của sự tiến hóa là sự sáng tạo, sự tác tạo, trong đó bao gồm hai chức năng: sinh hóa và chuyển hóa.

Và ngược lại, trong sự sáng tạo, tác tạo có sự tiến hóa trong đó.

Trong vũ trụ “sinh hóa là đề sáng tạo”, còn “chuyển hóa là đề tiến hóa”. Cả hai đều sinh động không ngừng.

Nếu con người cảm nghiệm được hai điều này trong mọi sinh hoạt của đời sống, thì con người và vũ trụ đã đồng nhất rồi.

Nhưng sự tiến hóa xảy ra trong bao nhiêu dạng?

- Sự tiến hóa xảy ra, và diễn tiến trong vô số dạng, nhưng chung quy chỉ nằm trong ba cõi giới và thể giới hữu hình, siêu hình và siêu siêu hình.

Hay là, cả vũ trụ đều bị qui luật tiến hóa chi phối.

Cho đến nay, con người đã tiến hóa lên những bậc nào cao hơn?

- Từ con người mà có Thân, Tiên, Phật, Thánh. Sự quan trọng không ở danh xưng hay ngôi vị, mà ở sự tiến hóa của một sinh linh. Mức tiến hóa đó, lại căn cứ trên mức linh thiêng và mẫu nhiệm trong đời sống, trong sinh hoạt của các loại thân khác (như Khí thân, Điện thân, Quang thân) tiềm tàng sinh động trong Nhục thân, và những bộ phận vô hình liên quan đến các loại thân đó.

Đối với các lực và năng lực, những hoạt động và sinh hoạt không chỉ giới hạn ở tinh lực mà chúng còn được mở rộng đến thần lực, huyền lực, và có thể cả đến huyền năng nữa.

Sự tiếp xúc không phải chỉ riêng giữa con người, mà còn được liên quan đến những sinh linh của nhiều cõi giới siêu hình và siêu siêu hình.

Đề đúng với mức tiến hóa, con người phải vận dụng những bộ phận vô hình mới được tạo thành, để thăng hoa những khả năng của chúng (1). Nếu đã có sự

(1) Xin xem ở cuối trang 21.

linh thiêng rồi, thì sinh linh này luôn sinh hoạt, hoạt động bằng sự mầu nhiệm, để thăng hoa sự mầu nhiệm ở một mức cao hơn. Riêng đối với sinh hoạt của Nhục thân, thì sinh hoạt và hoạt động luôn luôn ứng dụng sự kỳ diệu của tinh lực.

Như vậy, đời sống của một sinh linh, tùy theo sinh hoạt và hoạt động của đời sống, mà vận dụng sự kỳ diệu, linh thiêng và mầu nhiệm.

Chính trong tính chất của 3 nhân tố này, mà ta nhận ra mức tiến hóa của một sinh linh qua Thần, Tiên, Phật, Thánh...

Trong sự tiến hóa, những gì tồn tại và những gì mất đi?

- Những gì mà vũ trụ cho con người thì những cái đó không mất được, còn những gì mà con người tạo ra, không từ sự sống, sự Sáng..., thì có tăng, có giảm, hay phải mất đi.

Thiên tạo: không mất (vũ trụ tạo ra: tăng mãi).

Nhân tạo: tăng, giảm, mất đi.

Như sự khôn ngoan, sự thông minh của một số ít người từ “sự Sáng nguyên thủy” sinh động trong Trí con người, thì tăng lên mãi và tồn tại, còn thể lực, thần lực và huyền lực... do con người tự tạo lấy, đến một lúc nào đó, chúng sẽ không còn, hoặc không ổn định được ở mọi lúc mọi nơi.

Những gì có giá trị tồn tại mãi, chúng mới đáng quý, và những gì tồn tại nhất thời, chúng chưa thật đáng quý.

Biến đổi để tiến hóa, nhưng tại sao trong đó, sự sinh hóa và chuyển hóa lại tiềm ẩn sinh động tính nhân đạo?

- Quy trình sinh hóa là quy trình Sinh rồi Diệt, và cứ tiếp tục như vậy, nhưng trong sự Diệt nó có sự chuyển hóa – Sự chuyển hóa mang tính tiến hóa.

“Diệt” không phải là một trạng thái vô hiệu quả, mà nó là một hiện tượng có hiệu quả tiến hóa.

Vì vậy, mà mọi sự Diệt đều có hiệu quả và hiệu quả này trở thành “nguyên nhân mới” cho sự sinh hóa tiếp diễn. Do đó, không có sự chết vĩnh cửu, chỉ có biến đổi để tiến hóa. Như vậy nó mang tính nhân đạo (2).

(1) Đối với việc giáo dục con người cũng vậy, khi nào có những bộ phận mới được tạo thành thì người dạy phải tập, luyện, những bộ phận đó để thích ứng với sự tiến hóa – Như trẻ con bắt đầu có “Trí nhớ” hoạt động, phải tập cho chúng nhớ; có “Trí suy nghĩ” phải tập cho chúng suy nghĩ. Nếu không, đời sống của chúng không tiến hóa đúng mức, chúng sẽ nhàm chán.

(2) Người đời chỉ nhìn và rõ được hai hiện tượng hiện thực, là sự sống và sự chết của Nhục thân, sự tan rã của tạo vật hữu hình. Nhưng đạo nhân nhìn và hiểu rõ được sự sinh động vĩnh cửu của vũ trụ, trên đó tiếp diễn mãi mãi sự sống, sự chết nên họ không bị ảnh hưởng bởi sự sống, sự chết mà sống bằng sự sinh động của vũ trụ. Sự sinh động của vũ trụ trong con người là sự Sáng của Trí (siêu Trí, siêu siêu Trí).

Nói một cách khác, sinh hóa và chuyển hóa là đề tiến hóa. *Và tiến hóa là một đạo tính, Thiên Lý có trong chức năng của đạo tính. Và tiến hóa đã có sẵn Đạo Bì.*

Trong con người, nếu Đạo Bì sinh động mãi mãi trong tâm hồn và linh hồn rồi thì chẳng còn luân hồi nữa, vì nó là Đạo tính của vũ trụ sinh động trong con người.

Còn tình cảm cá nhân, và tình thương thuộc về cá nhân, tức là còn thuộc về cá nhân, tức là còn thuộc về thế giới tự nhiên, hay là còn sự sinh động của khí quanh địa cầu, còn luân hồi (còn cảm giác, còn tình cảm..., còn luân hồi).

Những gì có khả năng vượt qua sức hút của bầu khí quyển, không còn luân hồi đề tiến hóa, mà nó có khả năng tiến hóa thêm, như đức tính (thuộc về Điện của vũ trụ), đạo tính (thuộc về sự Sáng của vũ trụ).

B. TIẾN HÓA TRONG MỌI TẠO VẬT

Trong mọi tạo vật, có sự tiến hóa. Có vật tiến hóa trong sự tăng trưởng, có vật thêm nhiều bộ phận khác (như cây sinh ra gỗ, trong gỗ sinh ra lõi...)

Nhưng con người, tiến hóa từ cõi giới này sang cõi giới khác, từ thế giới này sang một thế giới khác rộng lớn hơn, linh thiêng và mầu nhiệm hơn, tức là từ đời sống kỳ diệu sang một đời sống linh thiêng và mầu nhiệm.

Sự tiến hóa lôi cuốn theo sự chuyển hóa, từ bộ phận kỳ diệu sinh hóa ra thêm những bộ phận linh thiêng và mầu nhiệm, tương ứng với thế giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên. Chúng có khả năng sinh hoạt trong đó.

Cấu trúc của những bộ phận linh thiêng và mầu nhiệm được hình thành bằng những thể sinh động trong thế giới đó. Như, linh hồn được tạo nên bằng Điện và sự Sáng thì linh hồn đồng bản chất, bản tính và tính năng của hai thể sinh động trong thế giới siêu nhiên. Vì vậy, linh hồn hoạt động được trong thế giới đó, do sự tương đồng về thể được cấu tạo.

Khả năng hoạt động của những bộ phận vô hình và mầu nhiệm của con người hoạt động được trong thế giới nào (siêu nhiên hoặc siêu siêu nhiên), thì mức tiến hóa của con người đạt đến mức đó.

Tiến hóa đến mức cao, nhưng nếu con người không làm cho khả năng của những bộ phận đó tiến bộ thì chúng sẽ thoái hóa dần khả năng đó.

Thần, Tiên, Phật, Thánh... là những sinh linh có những mức tiến hóa khác nhau do sự tiến hóa và ứng dụng những bộ phận vô hình khác nhau, và cõi giới và thế giới khác nhau.

Cho nên, muốn sống trong thế giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên, con người phải sinh hoạt bằng những bộ phận vô hình và mầu nhiệm tương quan.

Đây là sự tiến hóa trong mọi tạo vật hữu hình, siêu hình và siêu siêu hình.

Mọi tạo vật (1) tiến hóa theo thời gian trong luật sinh hóa và chuyển hóa, như cây cối, mỗi ngày to lớn ra..., dưới đất rễ mọc sâu xuống, càng sâu, càng hút được nhiều chất bổ dưỡng cho thân, cành.

Con người cũng không thể tách ra khỏi qui luật này, Thân, Tâm, Trí phải phát triển.

Tâm, Trí như rễ cây, phải quan sát, học hỏi những hiện tượng siêu hình, siêu siêu hình để tạo nên kiến thức và kinh nghiệm về cõi siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Đó tức là tiến hóa vậy.

(Tiến hóa có nhanh, có chậm. Có cõi giới tiến hóa nhanh, cõi giới khác tiến hóa chậm – Tất cả đều do con người, do ở mỗi người: muốn tiến hóa về Trí thức, thì luyện Trí, luyện chức năng của Trí; muốn linh thiêng, mầu nhiệm, thì luyện Tâm, sống bằng Lương Tâm để cảm ứng được với sự sinh động vô hình trong Thiên Lý).

Có thể nói thêm là: *“Những gì không tự hữu đều là tạo vật”* hay là *“những gì không tự có đều được tác tạo do một nguyên tố khởi sinh”*.

Con người, một sinh tạo cũng là một sinh linh, vẫn bị chi phối bởi luật sinh hóa và chuyển hóa, tức là con người phải sống đúng với sự tiến triển của những cấu trúc, thành phần, các chức năng của những bộ phận có trong người để tiến hóa.

Hay là, sinh hoạt của con người phải được đổi mới đúng với sự nảy sinh của những bộ phận, cơ quan vô hình dần dần xuất hiện như Tánh (hồn nhiên), Tâm, Trí, siêu Trí, Lương Tâm, Tuệ v.v...

Sự phát sinh những bộ phận nói trên với nhiều “chức năng phức cấu”, chứng tỏ là có sự tiến hóa trong sự hình thành của chúng.

Sự tiến hóa đưa sinh hoạt con người từ cõi giới hữu hình (tự nhiên) của Thân vào sinh hoạt của cõi giới siêu hình (siêu nhiên) của Tâm (của Lương Tâm loài người) và cuối cùng là sinh hoạt của con người vào cõi giới siêu siêu nhiên (hay

Nếu con người chưa khám phá ra, hay chưa nhận ra sự tiến hóa trong đời sống của mình, thì con người chưa biết, hay không biết cách sống như thế nào, để đúng với mức tiến hóa trong đời sống của mình.

Nếu chưa rõ được mục đích sáng tạo trong Thiên Lý, muốn đưa các tạo vật về đâu, bằng qui luật tiến hóa, thì con người cũng có thể tự hỏi, qui luật tiến hóa đưa sự Hiểu, Biết của con người về đâu, và năng lực của con người tạo ra trong đời sống của mình sẽ ra sao, sau khi Nhục thân chết, tan rã?

(1) Tất cả những gì được tạo ra đều là tạo vật dù cho chúng thuộc dạng hữu hình, siêu hình (như tư tưởng, tình cảm), vô hình (như Tâm, Trí, Tuệ v.v...), chúng cũng phải tiến hóa.

- Nguồn gốc tiến hóa khởi đầu bằng sự sinh hóa.

Từ sự sinh hóa đó, mới có sự phát triển, tiến triển, tăng triển. Còn nguồn gốc cội gốc siêu siêu nhiên, hoặc vô hình) của Trí (siêu Trí và Tuệ).

sinh hóa là “sự Sáng” của vũ trụ - Sinh linh có ít nhiều sự Sáng, và nhờ ở chức năng của Trí vận dụng, vận động, mà sự Sáng được tạo thêm. Con người vui hưởng được sự Hiểu, Biết, rõ được cái lý sinh động trong sự Sáng.

Vật thu tạo không tách ra khỏi sự sinh động của vũ trụ được, do sự Sáng có trong tạo vật. Như vậy, những gì do con người tạo ra, cũng lại góp phần vào trong vũ trụ. Riêng sự Sáng của vũ trụ, thì sự Sáng nhận được thêm sự Sáng tự tạo nơi con người, và sự Sáng lại chứa thêm sự Hiểu, Biết của mỗi sinh linh.

Con người phải sống như thế nào để thích nghi với mức tiến hóa?

- Mức tiến hóa trong con người tùy thuộc vào sự nảy sinh những bộ phận vô hình trong con người.

Sự nảy sinh này có tính cách tuần tự như Thân sinh ra Tâm, và Tâm sinh ra Trí. Đến phiên Trí, sinh ra siêu Trí và siêu siêu Trí (Tuệ). Hoặc Tánh hồn nhiên sinh Tâm và Lương Tâm v.v...

Sự nảy sinh này là sự tiến triển trong mức tiến hóa, và mức tiến triển dần dần trong sự tiến hóa, qua sự hình thành của những bộ phận vô hình. Những bộ phận vô hình được hình thành sau, chúng càng trở nên phức tạp, tinh tế với khả năng và chức năng cao hơn, đưa con người hòa nhập, hay là đưa sự Hiểu, Biết con người hòa nhập vào vũ trụ, vào sự Sáng của vũ trụ chứa đựng mọi nguồn gốc tác tạo và sáng tạo.

Cách sống thích nghi với mức tiến hóa là bộ phận nào nảy sinh, thì sinh hoạt con người phải liên hệ, liên quan đến bộ phận đó để phát triển khả năng và chức năng của nó, đồng thời, đời sống của mình, nhờ đó mà trở nên phong phú hơn.

Con người phải sống để thích nghi với mức tiến hóa, nhưng trong đó có bao nhiêu dạng?

- Sự tiến hóa không phải chỉ nhận ra được bằng những biểu hiện bên ngoài, mà nó còn do sự tăng trưởng nội lực bên trong nữa. Hay là, sự phát triển năng lực và những chức năng vô hình bên trong thân thể, mà chỉ mỗi người mới tự cảm nghiệm được.

Sự tiến hóa trong con người xảy ra dưới nhiều dạng:

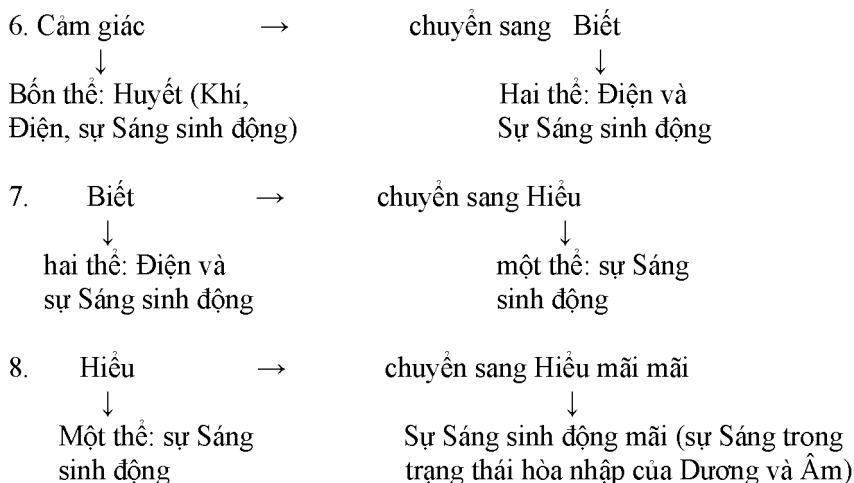
1. Sinh hoạt của đời sống vật chất → chuyển sang đời sống tinh thần → đời sống tâm linh.

2. Sinh hoạt của đời sống Nhục thân → chuyển sang Khí thân → Điện thân → Quang thân.

3. Sinh hoạt của đời sống trên địa cầu → chuyển sang đời sống liên quan đến vũ trụ.

4. Khả năng tự nhiên → chuyển sang khả năng siêu nhiên.

5. Cảm giác → chuyển sang → Biết → Hiểu → Hiểu mãi mãi.



C. SỰ TIẾN HÓA TRONG CON NGƯỜI

Trí khôn của loài người và của con người tiến hóa lấy đời sống của chính mình. Và cũng chính con người do cách sống tự hủy hoại mức tiến hóa đó.

Đối với cá nhân, khi Trí khôn tăng trưởng, người đó có thể trở nên tự phụ, tự thỏa mãn..., gia tăng sự khoái cảm, khoái dục của đời sống vật chất. Mức độ đam mê của những cảm giác đó làm hại đến sức tiến hóa của đời sống tinh thần và tâm linh.

Do đó, con người tự tạo ra tai họa cho chính mình.

Đối với một cộng đoàn, hay một dân tộc cũng vậy, do cách sống, cách sáng tạo làm tăng thêm những cảm giác thích thú cho Nhục thân để tận hưởng, trái lại, chính họ hủy hoại đi, đời sống tinh thần, đạo đức và tâm linh, nghĩa là họ làm mất đi sự linh thiêng và mẫu nhiệm trong đời sống của họ.

Như vậy, con người tự mình tạo ra sự tiến hóa, hay sự thoái hóa của sự linh thiêng và mẫu nhiệm trong cuộc đời quá ngắn ngủi của Nhục thân mà thời gian chỉ kéo dài trên dưới một trăm năm.

Nhìn kỹ xem, cuộc đời con người quá ngắn để tiến hóa, vậy mà con người lại phí phạm đi sự quý báu của quãng thời gian đó.

Hiểu được như vậy, con người phải tu luyện, sống đạo..., phải đánh giá chính xác mỗi đời sống, để có thể lựa chọn đúng phương pháp, phương thức hữu hiệu để tiến hóa.

Tất cả đều đổi mới trong vũ trụ, nhưng là một sự đổi mới trong tiến hóa.

Con người cũng vậy, từ sinh hoạt, nhu cầu của Nhục thân, chuyển sang những sinh hoạt, nhu cầu tiến hóa của Tâm, Trí.

Rõ được điều này, con người xóa bỏ được quý tánh, thú tánh là sự Độc, Ác, Dữ... để sống bằng nhân tánh. Rồi từ nhân tánh, chuyển hóa để sinh hoạt bằng Tánh siêu nhiên, bằng sự chí thiện.

Hiệu quả của sự Độc, Ác, Dữ... là sự thống trí, khổ tâm, đau đớn..., có nghĩa là, nếu con người sống bằng quý tánh, thú tánh thì người đó tạo nên sự thống khổ, đau đớn cho tha nhân. Và, con người đó đã chứa đựng sự Độc, Ác, Dữ... trong Tâm, Trí mình.

Khi con người biết sống bằng nhân tánh, người đó đã tiến hóa nhiều, vì cái hay, vẻ đẹp của nhân tánh là sự vui, an hòa, hiền lành... Những điều này được chứa đựng trong sự lịch sự, được biểu lộ trong lời nói, cử chỉ, trong cách cư xử với tha nhân.

Có thể nói: “Lịch sự và văn minh biểu lộ nhân tánh trong sinh hoạt. Nó làm cho tha nhân được vui, an tâm, dễ thông cảm”.

Dùng nhân tánh sống với người quý tánh, thú tánh dần dần sự độc, ác, hung dữ sẽ mất đi, dù cho chúng không mất hẳn, nhưng chúng cũng bị hóa giải đi (1) một phần nào.

Sự tiến hóa của con người không dừng hẳn ở mức Nhân tánh, nó có thể đưa sự Hiếu, Biết sinh hoạt con người vào cõi siêu nhiên, khi những bộ phận vô hình và mẫu nhiệm của con người đã được hình thành.

Hay là, sự hình thành những bộ phận vô hình và mẫu nhiệm của con người là những phương tiện đưa sinh hoạt và đời sống con người vào cõi siêu nhiên và siêu siêu nhiên, nghĩa là nhờ vào những bộ phận này, mà con người được siêu nhiên hóa, được thánh thiện hóa.

Biết rằng có sự tiến hóa, nhưng làm sao con người có thể tiến hóa theo ý muốn?

- Người nào “cảm nhận Biết, và Hiếu” được sự tiến hóa trong sự sáng tạo thì người đó có thể tiến hóa theo ý muốn.

Hay là:

Người nào nhận rõ được sự tiến hóa của những bộ phận vô hình (như Tâm, các chức năng của Trí, Tánh v.v...) thì người đó mới có thể hiểu được Thiên ý trong sự sáng tạo, và mới có thể được mặc khải để tiến hóa nhanh.

(Trong con người, tất cả những vật thụ tạo của Thân, Tâm, Trí là cảm giác, tình cảm, tư tưởng đều tiến hóa, nhưng quan trọng nhất là sự tiến hóa của những bộ phận vô hình. Như Trí con người là vô hình, nếu không có sự tiến hóa thì Trí

(1) Muốn “lành mạnh hóa xã hội” một cách hữu hiệu là nên hóa giải sự độc, ác, hung dữ... trong tâm hồn con người bằng cách giáo dục tâm hồn ở tuổi thơ, hơn là trừng phạt hình sự ở tuổi trưởng thành.

Với thú, mãnh thú, con người còn thuần hóa chúng được, tại sao tâm hồn con người lại không thể tiến hóa được?

khôn con người không phát triển. Có sự phát triển, tức là có sự biến đổi trong trạng thái.

Nhờ vào đó mà sự Sáng trong Trí mới trở thành năng lực tự tạo, thành sự hằng sống).

Trở thành hằng sống, cũng là trở về nguồn sáng tạo, sự tiến hóa của con người khởi xuất từ đâu?

- Sự tiến hóa của con người để trở về nguồn sáng tạo là từ dưới chân lên trên đầu, từ ngoài vào trong (từ cảm giác bên ngoài của Nhục thân, từ Huyết để chuyển sang Khí. Nó là gốc của tình cảm – Và từ Khí chuyển sang Điện, hay là tình cảm chuyển sang tư tưởng). Và các chức năng của Trí cũng không còn thuộc về bản ngã con người nữa.

Mất chức năng nhưng không phải là những chức năng đó mất luôn, mà các chức năng liên quan đến sự Sáng của Trí hòa nhập vào các chức năng của vũ trụ là Thiên Lý, Thiên Cơ và Thiên Năng. Chúng sinh động trong sự Sáng của Trí con người.

Dần dần ta nhận thấy sự tiến hóa của con người càng xa, rộng, nhưng con người có thể tiến hóa như vũ trụ không?

- “Vũ trụ sinh động, tự nó tiến hóa mà không cần đến đối tượng”, vì nó tự có năng lực tự tạo là sự Sáng (hay là “thể Sáng” cũng là thể hằng có và hằng sống). Sự Sáng sinh động, tự tạo lấy năng lực cho nó bằng cách sinh hóa và chuyển hóa.

Con người, muốn tiến bộ, phải có đối tượng để suy nghĩ, suy luận. Nếu muốn tiến hóa được như vũ trụ, con người cũng phải sinh hoạt bằng sự Sáng của vũ trụ, tức là bằng sự Sáng của siêu siêu Trí (Tuệ) hòa nhập vào Thiên Lý (nguyên lý của vũ trụ) và “Hiểu mãi mãi” chẳng cần đến suy nghĩ, suy luận nữa.

Chẳng cần đến suy nghĩ, suy luận nữa, thì làm gì còn đối tượng, và cần đến đối tượng để suy nghĩ.

Như vậy Hiểu được cái Lý vô hình, và Hiểu mãi mãi, chẳng phải là tự tiến hóa hay sao?

Tiến bộ, có lúc nhanh, lúc chậm, lúc tiến bộ, có khi thoái hóa, vì tiến bộ còn cần đến đối tượng, đến sự cố gắng. Còn “tiến hóa” thì lúc nào cũng tiến hóa, vì Thiên Lý luôn luôn sinh động và Hiểu cũng luôn luôn sinh động. Cả hai đều sinh động trong sự Sáng của vũ trụ.

Trong sự tiến hóa, hiệu quả của nó chỉ tăng và tăng mãi. Nếu không như vậy, làm sao ngày nay có vô số cái Lý mà con người nhận ra.

Nhưng vô số cái Lý đó cũng đều xuất nguồn từ cái “Một”, là từ Thiên Lý vậy.

Sự huyền nhiệm trong Thiên Lý, sự tiến hóa cũng ở Thiên Lý, ta phải xem mức tiến hóa của tạo vật, con người, sinh linh... mới nhận ra được sự phi thường trong đó:

- Vô giác, vô tri (đất, đá, cỏ, cây...).
- Có cảm giác (thú vật, động vật).
- Có cảm giác, có ý thức về cảm giác (con người lúc con thơ ấu, có cảm, có biết).
- Có cảm, có ý thức, có Hiểu (con người khi có Tâm, Trí).
- “Hiểu tức thì” Nguyên lý và các Lý (Hiểu không qua sự Cảm, Biết, không qua các giác quan, không có đối tượng).

Thông thường, con người Biết rồi mới Hiểu được. Nhưng, nếu Hiểu mà không cần phải Biết, phải học..., đó là Thần đồng, thiên tài năng. Hiểu được những gì con người đã làm, đã có từ con người – Đây là chuyện phi thường.

- Mức tiến hóa cuối cùng, là người, tuy sống bằng Nhục thân, nhưng là một sinh linh với Tâm, Trí mở rộng như vũ trụ.

Tâm, Trí phải mở rộng ra như vũ trụ, con người mới giác ngộ (“Hiểu tức thì”) được Nguyên Lý. Hay là, chỉ có sự Sáng của Trí thông minh tỏa ra bằng với thể tích của vũ trụ, lúc đó con người cũng là vũ trụ mới có thể có khả năng chứa đựng được Nguyên Lý.

Nhờ vào phương tiện có tầm hoạt động và quan sát xa như các phi thuyền vũ trụ, siêu viễn vọng kính, máy phát sóng v.v..., tầm quan sát của con người ngày nay mở rộng rất nhiều, nhưng đó cũng thuộc về giác quan. *Những gì thuộc về hoạt động của giác quan không có khả năng mở siêu Trí.*

Cao hơn nữa, từ khả năng “Hiểu vô tận” sinh linh còn mang Nhục thân được mạc khải Đạo lý, với nhiệm vụ là tiến hóa đời sống tinh thần với đời sống tâm linh.

(Đạo lý khởi đầu bằng sự Thiện hóa đời sống tinh thần, và dẫn đến thánh thiện hóa đời sống tâm linh – Đời sống chi sinh hoạt bằng sự linh thiêng và mầu nhiệm).

Theo sự sinh động và chuyển động có tính cách vật lý, thì mức tiến hóa cuối cùng của con người là gì?

- Mức tiến hóa cuối cùng của con người là sự hòa nhập sự Sáng của Tuệ từ sự bức xạ của nó vào sự Sáng của vũ trụ.

Sự Sáng của Tuệ từ não bộ tỏa ra, đi ngược lại thời gian của địa cầu đã trải qua, và bao trùm luôn cả thời gian mà địa cầu sẽ phải tiến đến.

Ngược lại với thời gian của địa cầu, Trí khôn con người bao trùm tất cả thời gian hiện tại đến thời gian bắt đầu của vũ trụ được hình thành.

Và hơn nữa, sự bao trùm này của sự Sáng của Tuệ làm cho Trí khôn con người hòa nhập vào Nguyên Lý của vũ trụ, nên Trí khôn giác ngộ (Hiểu tức thì).

Muốn rõ hơn về sự hòa nhập của hai vũ trụ, ta cũng cần biết những bộ phận, cơ quan vô hình nào đưa con người vào sự tiến hóa cuối cùng?

- Nhờ những bộ phận vô hình như Tâm, Trí mà con người tiến hóa từ thụ tạo hòa nhập vào sự sáng tạo, từ Nhục thân mà Tâm, Trí, Tuệ được sinh hóa.

- Nhục thân có cảm giác. Và cảm giác sinh tình cảm, tức là Thân sinh ra Tâm.

Tâm có tình cảm, tâm trạng sinh ra tư tưởng, tức là Tâm sinh Trí. Cuối cùng Trí sinh ra Tuệ.

- Thân có Huyết (Thủy)
 - Tâm có tâm trạng (Khí)
- } → sinh động quanh địa cầu
- Trí sinh ra tư tưởng. Tư tưởng là “Điện”
 - Trí thuần túy là “sự Sáng”
- } → sinh động trong vũ trụ

Đây là sự tiến hóa của con người, nhờ những bộ phận vô hình sinh hóa ra những bộ phận vô hình khác.

Với những bộ phận vô hình đó, làm sao con người phân biệt và tìm ra được cái gì là sức sống, là vật thụ tạo; và cái gì là sự sống có sự sáng tạo?

- Tất cả những sinh hóa từ Điện, Khí, Thủy đều là thụ tạo cả, dù chúng là vô hình, siêu hình (như tư tưởng, tình cảm, cảm giác... của con người).

Tất cả những thứ ấy đều là tạo vật có sức sống được sinh hóa từ sự Sáng của Trí, từ sự sống.

Như vậy, sự Sáng của Trí có phải là “sự hằng sống” hay không?

- Sự Sáng, sự sống của Trí con người có khả năng sáng tạo, nhưng nó không phải là sự sống tự hữu (tự có), sự hằng sống.

Nếu không phải là sự sống tự hữu thì sự sống, sự Sáng mà con người có, và sáng tạo được không phải là sự sống nguyên thủy (là sự hằng có, hằng sống).

Dù nó chưa có tình hằng sống, nhưng đã là sự Sáng, sự sống rồi, nó có thể hòa nhập vào sự sống nguyên thủy để trở thành sự hằng sống, có cùng một bản chất, bản tính và tính năng của đại vũ trụ.

Từ “sức sống” chuyển sang “sự sống” hay là từ một con người bình thường trở thành thánh nhân, đạo nhân, ta thấy có một sự biến đổi lớn lao. Nhưng trong sự diễn tiến bình thường của đa số, thì mỗi giai đoạn của cuộc đời cũng liên quan đến sự tiến hóa của 3 cõi giới (Thân, Tâm, Trí) của tiểu vũ trụ.

Hay là, mỗi giai đoạn của cuộc đời (thời thơ ấu, thiếu niên, thanh niên, trung niên, lão niên) có cách sống khác nhau, liên quan và phù hợp với sự tiến hóa của 3 cõi giới.

Như, thiếu niên mà sinh hoạt như người già thì tuổi trẻ mất đi sự nhanh nhẹn của thân thể.

Nếu già mà sinh hoạt như thanh niên (1) thì không thấy được sự già dặn, từng trải của Trí thông minh.

(1) Tuổi già, nhưng tác phong không nghiêm trang, tinh thần thiếu đạo đức... lại sinh hoạt bằng dục cảm, cảm khoái, nhục dục của Nhục thân, như một thanh niên trong thời kỳ chỉ sống thiên về đời sống vật chất.

Tuổi trẻ (16-32): tinh lực mạnh, sinh hoạt bằng cảm giác. Và phải có kinh nghiệm về cảm giác.

Trung niên (32-48): có kinh nghiệm về tình cảm và đức tính và hiệu quả (thấy được Lương Tâm mình và của tha nhân).

Trung lão niên (40-56): có kinh nghiệm về đức tính và hiệu quả của nó trong đời sống tinh thần, trong kỹ thuật, nghệ thuật, văn học, tư tưởng học...

Lão niên (56→...): có kinh nghiệm về đạo tính.

Như vậy, sinh hoạt của mỗi giai đoạn của đời sống mang đến cái gì?

- Những hiện tượng tâm lý, sinh lý, vật lý trong con người... làm cho Trí tiến hóa, sự Sáng tăng trưởng, tức là, những gì còn có thể tiến hóa được, chúng phải được tiến hóa.

Cái tốt, cái đẹp cũng phải tiến hóa đến mức tốt cùng của nó, đến mức toàn hảo của nó:

Từ không tốt → khá tốt → tốt → thật tốt → tốt hoàn toàn.

Cũng có thể nói, đây là sự diễn tiến của tinh hoa của sự sống nằm trong sức sống. Tương tự như Hột là tinh hoa của cây, trái, nó là sự sống của thân cây và trái, vì thân cây là sức sống. Sức sống không còn, thân cây mục nát, còn hột là sự sống, nhờ vào đó mà sức sống tiếp diễn.

Cũng như con người, Thân có trước, mới có Tâm và Trí.

Ba thành tố (Thân, Tâm, Trí) này chứa đựng những phương tiện nào để con người tiến hóa?

- *Chức năng của một bộ phận hữu hình, siêu hình và vô hình... cũng là phương tiện để cho con người tiến hóa.*

Giác quan	}	đều là những phương
Trực giác quan		tiện để tiến hóa Tâm, Trí,
Linh giác quan		Siêu Trí, Tuệ, Tánh

Ngay cả đến sự linh thiêng và mẫu nhiệm cũng là những phương tiện để cho con người tiến hóa.

Có những chức năng phụ liên quan đến chức năng chính, và những phương tiện phụ nằm trong những chức năng chính như:

Sự linh cảm là chức năng phụ, chức năng này liên quan đến chức năng chính, là sự linh thiêng.

Tóm tắt:

Về những gì liên quan đến sự tiến hóa của hai vũ trụ.

Tiến hóa là gì?

- Là sự đổi mới thường xuyên của mọi tạo vật, đối với con người, là sự biến đổi theo chiều hướng tốt, đi lên của mọi trạng thái sinh hoạt liên quan đến Thân, Tâm, Trí.

Từ sự sống của những loại thân có khả năng hoạt động trong hai thể Khí, Thủy quanh địa cầu chuyển sang những thân nhẹ hơn có khả năng hoạt động trong Điện và sự Sáng của vũ trụ.

Từ sinh hoạt ở mức độ “cảm nhận chuyển sang Biết” rồi từ “Biết chuyển sang Hiểu”.

Từ ngoài vào trong: từ sinh hoạt của Nhục thân sang sinh hoạt của Khí thân, Điện thân, Quang thân.

Từ đời sống vật chất tiến lên đời sống tinh thần và tâm linh, với sự toàn diện của sự kỳ diệu, linh thiêng và mầu nhiệm.

Có gì trong sự tiến hóa?

- Trong sự tiến hóa còn có cả sự tiến bộ nữa. Đời sống con người luôn đổi mới, do sự biến thái, biến tướng, biến thể. Do đó, trong sự sinh hóa có sự tiến bộ, tiến hóa trong bản năng, khả năng và các chức năng của những bộ phận cơ quan hữu hình, siêu hình và vô hình trong cơ thể con người.

“Tiến bộ trong bản năng và khả năng”, và “tiến hóa trong các chức năng” tức là có những chức năng mới được nảy sinh.

Tiến bộ trong bản năng, khả năng do thói quen, tập luyện, công phu... đưa đến sự thuần thục, chính xác. Hay ngược lại sự thuần thục, chính xác trong bản năng, khả năng là sự tiến bộ.

Đối với sự tiến hóa, thì khó nhận ra, vì nó liên quan đến những bộ phận, cơ quan vô hình sinh động trong con người như Tâm, Tánh, Trí, Lương Tâm v.v...

Tiến hóa là sự sinh động, sinh hóa vô hình khó nhận ra, nhưng thật ra là có, như sự sinh hóa của những chức năng của Trí.

Từ sự quan sát của các giác quan sinh ra chức năng “nhớ” của Trí. Sau đó, chức năng “suy nghĩ” được tạo nên do chức năng quan sát và nhớ. Cuối cùng là sự thông minh, nó được tạo nên do 3 chức năng kia. Đó là sự tiến hóa của các chức năng của Trí.

Trong tiến trình tiến hóa, sự sinh hóa của những chức năng của Trí lời cuốn theo một số hiệu quả của nó, “từ sự cảm nhận, đến Biết, và sau hết là Hiểu.

(Sự cảm nhận và Biết của con người luôn chính xác hơn các loại máy do con người chế tạo, vì con người trực tiếp “ý thức tức thì” những gì có trong con người, hoặc thâm nhập từ bên ngoài vào.

Cao hơn hết là Hiểu. Bản chất, bản tính và tính năng của nó là phương tiện để con người giác ngộ được Thiên Lý).

“Qui luật của vũ trụ để tiến hóa sức sống và sự sống trong tạo vật như thế nào. Tại sao “có Sinh có Diệt” và chỉ “có Sinh mà chẳng có Diệt” nữa?

- Qui luật “Sinh Diệt” và “Sinh chẳng có Diệt” (Vô sanh: tự có và hằng sống) đều thuộc về vũ trụ để tiến hóa các tạo vật có sức sống và sự sống, hay là những tạo vật chỉ có sức sống mà chưa có sự sống hoặc có rất ít sự sống.

Qui luật “Sinh, Diệt”: dùng để tiến hóa “sức sống”; có tăng có giảm; có sống, có chết.

Qui luật “Sinh”: dùng để tiến hóa “sự sống”, nó chỉ làm tăng mãi chứ không có giảm.

Trong vũ trụ, cũng như trong con người, có những tạo vật hữu hình, siêu hình và siêu siêu hình. Chúng có sức sống và cũng có những tạo vật có sự sống.

“Những tạo vật nào có sức sống thì phải trải qua sự Sinh, Diệt để tiến hóa”, để tăng sức sống bằng cách chuyển hóa, tức là phải trải qua trạng thái Diệt để tiến hóa.

Còn những tạo vật nào có “sự sống” rồi, và tự sinh động lấy, chúng chỉ tăng chứ không có giảm. Như “Hiếu” là một chức năng và cũng là tạo vật (một bộ phận vô hình) trong Trí con người, nó chỉ tăng thêm sự Hiếu chứ không có giảm.

Đến đây ta nhận ra điều gì?

- Là “qui luật Sinh”, sinh động tiềm ẩn trong “qui luật Sinh, Diệt”.

Hay là: “sự tiến hóa luôn tồn tại sinh động trong sự biến hóa”.

Hay là: “sự sống” vĩnh cửu sinh động trong “sức sống”.

Hay là: “Tĩnh” vẫn luôn sinh động bên trong cái “Động”.

Nói một cách khác là: “sự chơn thường tiềm ẩn trong vô thường” (Vô thường và chơn thường... là những từ dùng để nói sự đối thay và sự bất biến đối của một tạo vật, một hiện tượng hay một trạng thái nào đó. Về phương diện vật lý, “vô thường” là trạng thái biến đổi, đối thay của sức sống, và “chơn thường” liên quan đến sự sống là trạng thái bất biến đối).

Tương tự như “loài người và mỗi người”. “Loài người” là sự sống, con người là sức sống. “Con người có Sinh, có Diệt”, nhưng “loài người vẫn tiếp tục Sinh”, vẫn tiếp tục tồn tại.

Sự tiến hóa trong vũ trụ là một chức năng bất biến đối của vũ trụ, nhưng tạo vật được tiến hóa do đâu?

- Sự tiến hóa của tạo vật do sự xúc tác nguyên thủy, có lực khởi động năng lực nguyên thủy để sinh hóa. Sự xúc tác nguyên thủy trở nên Nguyên Lý vũ trụ (Thiên Lý) sinh động trong sự Sáng để tạo vật được sinh hóa và tiến hóa.

Sinh động trong sự Sáng, Thiên Lý làm tăng sự Sáng (sự sống) qua hai chức năng của vũ trụ là Thiên Cơ và Thiên Năng. Căn cứ vào chức năng của Thiên Lý, thì mọi Lý khác được sinh hóa từ Thiên Lý đều có chức năng tiến hóa mọi tạo vật liên quan.

Trong con người, “khi sự Sáng tiềm ẩn sinh động trong những thể linh thiêng khác mà tăng trưởng, thì những bộ phận liên quan đến những thể linh thiêng đó phát triển thêm khả năng, tài năng và tính chất linh thiêng.

Những bộ phận vô hình trong con người được hình thành mang tính cách tiến hóa, như Lương Tâm, tâm hồn, linh hồn, siêu Trí, Tuệ...

Tính cách tiến hóa trong con người bắt đầu từ sự kỳ diệu của những bộ phận, cơ quan hữu hình đến sự linh thiêng và mầu nhiệm của những bộ phận vô hình, cho nên:

Tiến hóa: từ sự kỳ diệu → linh thiêng → mầu nhiệm.

Kỳ diệu: trong cấu trúc của bộ phận (ngũ tạng, lục phủ, hệ thần kinh, hệ miễn nhiễm, hệ nội tiết, hệ tuần hoàn, hô hấp v.v...)

Linh thiêng: trong sự cảm ứng của hai thể linh thiêng cùng loại, giữa hai vũ trụ.

Mầu nhiệm: trong sự “hiện thực tức thì” qua những bộ phận mầu nhiệm... như Trí, siêu Trí và Tuệ.

Trong đời sống, ta nhận ra sự tiến hóa và tiến trình của nó, nhưng cùng đích của sự tiến hóa của con người là gì?

- Là hòa nhập sự sống (sự Sáng của Trí) vào sự Sáng (sự sống) của vũ trụ.

Sự sinh động của vũ trụ để sinh hóa ra muôn vật, muôn loài thuộc mọi dạng... là sự Sáng và Thiên Lý.

Vì vậy, sau khi sự sống (sự Sáng của Trí) hòa nhập vào sự Sáng của vũ trụ thì con người, ngay lúc đó, là một tiêu vũ trụ (1).

Cuộc sống giống như sự sinh động của vũ trụ, là sinh hoạt bằng Lý và Trí.

Muốn hòa nhập sự sống trong con người vào sự sống của vũ trụ, phải bắt đầu từ đâu?

- Con người phải bắt đầu bằng sự Sáng của Trí. Chỉ có sự Sáng (sự sống) của Trí mới hòa nhập được với vũ trụ.

“Sống và sinh hoạt mà được như vậy thì Đạo cũng là Đòi, và Đòi cũng là Đạo”.

Tính chất trong cuộc sống đó như thế nào?

- *Tính chất của sự Sáng như thế nào, thì cuộc sống bằng sự Sáng cũng như thế đó.*

Tính chất của sự Sáng toàn diện trong 3 nhân tố: kỳ diệu, linh thiêng và mầu nhiệm.

Vì vậy, đời sống con người trong sự hòa nhập đó, lúc nào và nơi nào cũng kỳ diệu, linh thiêng và mầu nhiệm.

Trong vũ trụ, sự Sáng là thể linh thiêng đầu tiên sinh hóa ra những thể khác. *Đối với tiêu vũ trụ, sự Sáng của Tuệ là mức cuối cùng của sự chuyển hóa, hay là mức cuối cùng của sự tiến hóa của tạo vật (hoặc của sinh linh).*

Khi sự Sáng của Tuệ của con người (hoặc của sinh linh) bằng với sự Sáng của vũ trụ, thì con người (hoặc sinh linh) đó đạt đến mức cuối cùng của sự tiến

(1) Đối với vũ trụ, “sự sống” không có ngôi vị (Thần, Tiên, Phật, Thánh...). Ngôi vị do con người đặt ra (Thế tôn: thế gian tôn trọng). Cái nhìn thật đúng đó là: “sự sống của tiêu vũ trụ đã hòa nhập vào sự sống vũ trụ”.

hóa, của sự chuyển hóa, tức là “sự chuyển hóa bằng với sự sinh hóa”, hay là “khởi điểm cũng là cuối điểm” hay ngược lại.

(Giao điểm của sự chuyển hóa và sinh hóa không có yếu tố thời gian.

Cũng vậy, giao điểm của hai hướng đi ngược chiều không còn yếu tố thời gian và không gian.

Hay là: “cái gì sinh động mà không còn yếu tố không gian và thời gian chi phối, cái đó hằng sống”).

Sự Sáng của Tuệ hòa nhập vào sự Sáng (sự sống) của vũ trụ, nhưng tại sao tiểu vũ trụ lại bằng với đại vũ trụ được?

- Tiểu vũ trụ không thể bằng với đại vũ trụ được, khi đem so sánh nhục thân với đại vũ trụ. Nhưng trong tiểu vũ trụ, có một thể linh thiêng có thể bằng với sự rộng lớn của đại vũ trụ, đó là sự bức xạ, cũng là sự quang tỏa của sự Sáng của Tuệ (siêu siêu Trí).

Sự quang tỏa của sự Sáng của tiểu vũ trụ bằng với sự rộng lớn của đại vũ trụ (1), lúc đó hai vũ trụ bằng với nhau về sự rộng lớn, và cùng đồng một bản thể, bản tính và tính năng.

Nếu sự quang tỏa của sự Sáng không còn nữa thì Nhục thân trở lại cực nhỏ so với đại vũ trụ. Cho nên, muốn bằng mãi với đại vũ trụ thì sự quang tỏa của sự Sáng của Tuệ phải được duy trì mãi, tức là con người phải luôn luôn trong trạng thái đại định.

(1) So sánh một bóng đèn điện với căn phòng rộng lớn, bóng đèn nhỏ hơn nhiều. Nhưng khi bóng đèn được bật lên, ánh sáng của nó bằng với thể tích của căn phòng đó. Lúc ánh sáng còn, thì hai vật bằng nhau, khi ánh sáng không còn nữa, thì bóng đèn lại nhỏ hơn so với căn phòng.

NĂNG LỰC

Cái gì, điều gì mà con người cảm nhận được bằng bất cứ một phương tiện, giác quan hay những bộ phận vô hình nào, chúng cũng chứa đựng cái “Lý” trong đó.

Cái “Lý” là nguồn gốc của nguyên nhân – Tại sao lại phí thời giờ đi tìm nhân duyên?

Bám mãi vào nhân duyên mà suy nghĩ, bàn luận, có gì không tìm nguồn gốc sinh hóa của nhân duyên, là nguyên nhân – Nếu đã hiểu nguyên nhân rồi, chẳng còn gì phải suy nghĩ nhiều nữa.

Nguyên nhân là gì?

- Nguyên nhân là sự sinh động vô hình, đến khi sự sinh động đó chuyển động mới có nhân duyên. Hay ngược lại:

Sự sinh động nguyên thủy là nguyên nhân. Từ sự chuyển động; mới có nhân duyên, có sinh hóa.

Tương tự như Trí là sự sinh động nguyên thủy, từ đó tư tưởng được sinh hóa, kết hợp với ngoại cảnh, tâm trạng mà sinh ra sự việc. Và từ sự việc đó, lại sinh hóa ra vô tận những sự việc khác.

Cái cốt yếu của nhân duyên là sinh hóa. Sự sinh hóa do ít, nhiều nhân tố hợp lại, mang tính cách đa nguyên (nhiều nguồn gốc sinh hóa). Hay là, nhiều “nhân duyên sinh hóa”, từ một nguyên nhân nguyên thủy.

Các nhân tố hợp lại trong sự sinh hóa, sinh tạo ra nhiều sức sống khác nhau (dài hay ngắn tùy theo sức sống của thể linh thiêng kết hợp lại với nhau), do đó mới có bản thể, bản tướng, bản thái... của những sinh tạo mới – Và do “sức sống duy trì được khác nhau”, cho nên mới có biến thể, biến tướng, biến thái.

(Các nhà khoa học quân sự trong sự thất bại trên bình diện quân sự thuần túy, chỉ biết dùng một năng lực mạnh để chế ngự một năng lực khác. Trái lại, đạo nhân, chân sư lại dùng “năng lực tự tạo lấy năng lực” trong con người để kéo dài sức sống cho một lực khác. Hay là biết dùng sự Sáng để tăng thêm và kéo dài sức sống cho các thể linh thiêng là Điện, Khí, Thủy).

Căn cứ trên sức sống sinh hóa từ nhân duyên, mọi sinh tạo đều biểu lộ ra sự tương đối.

Sinh hóa vô tận, nhân duyên vô số, sinh tạo vô tận..., thì sự tương đối cũng theo đó, trở nên vô tận.

Nhân duyên mang tính cách tương đối, tìm cái vô tận trong sự tương đối, thì đến bao giờ ta mới tìm được sự tuyệt đối, và duy trì mãi sự tuyệt đối đó ở trong ta.

Sự tuyệt đối đó không có trong nhân duyên, trong mọi sinh tạo, vậy sự tuyệt đối ở đâu?

- Trong “nguyên nhân nguyên thủy” sinh hóa ra những nguyên nhân phụ, và đây chuyện khác, mới có sự tuyệt đối. Hay là:

Sự tuyệt đối chỉ có trong nguyên nhân nguyên thủy, còn trong sự sinh hóa chỉ có tương đối.

Cũng vậy “hiện tượng thì vô tận, mà nguyên nhân chỉ có một”.

Như vậy, phải hướng về đâu để tìm ra sự tuyệt đối, sự tương đối, năng lực, sự sống, sự hằng sống v.v...?

- Con người hướng nhìn về đâu thì Tâm, Trí cũng hướng về đó.

Tâm, Trí ở đâu, thì ý nghĩ cũng ở đó. Ý nghĩ lôi cuốn mọi sinh hoạt theo về hướng đó. Cuộc sống con người hoàn toàn đổi thay.

Cái nhìn hướng về vũ trụ, cuộc sống hướng về Thiên Lý, Thiên Cơ, Thiên Năng.

Cái nhìn hướng về tha nhân với tình thương thì sinh hoạt mang tính cách phục vụ.

Hướng về sự thụ hưởng của Nhục thân, mọi sinh hoạt chỉ hướng về mình.

Cái nhìn hướng ra ngoài, mọi sinh hoạt hướng ra sự tự nhiên, thiên nhiên.

Nhưng sự siêu nhiên và siêu siêu nhiên mà con người cảm nhận, cảm nghiệm được đều ở trong. Muốn tìm, con người phải hoàn toàn hướng vào trong – một tiểu vũ trụ có tất cả những gì con người cần tìm như năng lực nguyên nhân, nguyên lý (trong đó gồm có cả sự Thuận Lý, Chơn Lý, Đạo Lý, Phước, Đức, Đạo, sự sống, sự hằng sống v.v...)

Cho nên, đi tìm tất cả những gì mà con người chưa tìm ra, hoặc không thể khám phá ra từ bên ngoài, thì phải quay nhãn quan vào trong, và quan trọng nhất, đó là sự định hướng.

Định cho đúng hướng, là một sự rất khó, còn nhắm vào cho đúng đích, lại còn khó hơn, ví như cầm cung nhắm bắn vào lỗ nhỏ chỉ vừa mũi tên xuyên qua vậy.

Nắm đúng hướng của mũi tên xuyên qua được lỗ nhỏ, con người tốn bao nhiêu thời giờ, kiên nhẫn, sáng suốt để có được sự chính xác như vậy.

Nhận xét trên thực tế về hai cách, nhìn bên ngoài và bên trong giữa các nhà khoa học và đạo nhân.

Các khoa học gia tìm ra cái Lý trong những tạo vật và những hiện tượng hữu hình, nhưng các đạo nhân thì kiếm cái Lý trong tạo vật, trong những hiện tượng siêu hình và vô hình. Nhờ đó, họ khám phá ra sự mâu nhiệm trong cái Lý, và sự sáng tạo của Thiên Tuệ trong đó.

Vì vậy, có sự khác biệt giữa hai sự khám phá ra cái Lý.

Đối với khoa học, con người tìm ra được sự kỳ diệu, với đạo nhân, là sự mâu nhiệm.

Kỳ diệu đem lại sự thích thú tinh thần, màu nhiệm khởi nguồn cho sự hoan lạc tâm linh, cho nên sinh hoạt của họ luôn gắn liền vào đó, để rồi thụ hưởng trong sự tiến hóa.

Không phải tất cả mọi người đều nhận ra điều này, huống gì là đề Tâm, Trí vào việc tìm kiếm nguồn gốc sinh hóa ra mình.

Nhưng đáng thương hơn nữa là tự cho mình là một sinh tạo tự hữu (tự có).

Cứ cho mình là tự hữu, thì con người đã biết sử dụng sự kỳ diệu, linh thiêng và màu nhiệm ngay từ lúc mới được sinh ra, và chẳng bao giờ biết được mình từ đâu, và do đâu mà có.

Ngược lại, khi con người biết mình là không tự hữu (không tự có), thì sẽ biết mình là một thụ tạo sinh động bằng nhiều loại năng lực, có sự sống và nhiều loại sức sống.

Hay nói một cách khác là “sự sống và sức sống” đều là năng lực, tức là “con người sống bằng năng lực”.

Không riêng về con người sống bằng năng lực mà tất cả sinh vật, động vật, thực vật... có sự biến thể, biến tướng, biến thái cũng hàm chứa và sinh động bằng năng lực.

Vậy năng lực là gì?

- Là sự sinh động của một thể, hay của bất cứ một thể nào dưới dạng hữu hình hay siêu hình hay siêu siêu hình. Quan trọng nhất trong mọi năng lực, đó là năng lực nguyên thủy có tính hằng hữu (hằng có). Nó thuộc về tánh, và cũng là một trong những thành tố của vũ trụ.

Tại sao những gì thuộc về tánh của vũ trụ, hay là những gì thuộc về thành tố của vũ trụ đều là hằng hữu (hằng có)?

- Hằng hữu (hằng có) không phải là “cái Có” đơn giản như cái Có của người đời, về của cải, tài sản... Có rồi lại mất, hay là mất rồi lại Có.

Nhưng trong sự “hằng hữu vô hình” này có sự “hằng sống động”, và trong đó có một “năng lực tự tạo”. Chính nó tự tạo lấy năng lực cho nó, và tự làm tăng trưởng năng lực của nó.

Nhờ đó, mà những thành tố của vũ trụ tăng thêm năng lực.

Như vậy:

Trong “sự hằng hữu”, phải có sự hằng sinh động. Trong sự hằng sinh động, có một “năng lực tự tạo”. “Năng lực tự tạo”, tự tạo lấy năng lực cho nó. “Tự tạo năng lực”, là làm cho năng lực đó tăng trưởng.

Nhờ vào đâu mà sự sáng tạo của vũ trụ vẫn tiếp tục mãi mãi?

- Sự sáng tạo của vũ trụ không phải xảy ra một lần rồi chấm dứt. Nó vẫn tiếp tục mãi mãi nhờ vào sự hằng hữu của các thành tố của vũ trụ trong chức năng sáng tạo.

Từ sự hằng hữu của các thành tố của vũ trụ, con người mới nhận ra sự tuyệt đối từ nguyên thủy.

Trong sự tuyệt đối không có tính cách đối đãi, so sánh.

Những gì vũ trụ chứa đựng đều mang tính cách tương đối, nhưng nó thì tuyệt đối. Nguồn gốc sinh hóa cũng tuyệt đối, vì vậy mà “thể nguyên thủy” của nó là sự Sáng (1) (sự sống) cũng tuyệt đối.

Tiêu vũ trụ cũng vậy, sự Sáng (sự sống) cũng tuyệt đối, bởi vì nó là “thể nguyên thủy”, nó sinh hóa ra những thể khác mang tính tương đối.

Nhờ vào phần tuyệt đối này, mà con người lớn hơn địa cầu, chế ngự, khắc phục và điều khiển được mọi tạo vật khác. Thân người tuy rất nhỏ so với diện tích địa cầu, nhưng nhờ vào sự Sáng của Trí. Tâm quang tỏa của sự Sáng của Trí bao trùm cả địa cầu, châu biến đến những hành tinh cực xa qua thị giác, chưa nói đến tầm nhìn của Tuệ nhãn bao trùm toàn diện (mọi phương, mọi phía) với sự thấy 360° (mà danh từ của đạo pháp gọi là Toàn Kiến. Toàn Kiến mới Toàn Tri được).

(Hiện tượng này tương tự như máy phát sóng của điện thoại di động, máy tuy nhỏ, nhưng cường độ của điện mạnh, thì vùng phủ sóng càng rộng).

Tóm lại: “Những gì xuất nguồn từ sự tuyệt đối đều mang tính tuyệt đối, như cái “Lý” vô hình và mẫu nhiệm là nguồn gốc sáng tạo, sinh hóa (2)... thì mọi sáng tạo, sinh hóa từ cái Lý cũng mang cái tính tuyệt đối vậy.

Liên quan đến năng lực nguyên thủy, đến sự Sáng, sự sống, trong ba đời sống (vật chất, tinh thần, và tâm linh), thì chỉ có đời sống tâm linh mới đưa sinh hoạt con người vào sự tuyệt đối. Tại sao?

- Vì đời sống tâm linh chỉ sinh hoạt bằng sự sinh động của năng lực nguyên thủy của vũ trụ. Hay là, chỉ riêng đời sống tâm linh mới tạo nên chơn Ngã (Đạo ngã hay là vũ trụ ngã).

(1) “Sự Sáng” là một thể, cũng có thể gọi là “thể Sáng”. Nó chưa có trong từ khoa học, vì con người chưa khám phá ra, và ứng dụng nó vào lĩnh vực khoa học.

Nó là “sự sống”, nó sinh hóa ra mọi sức sống có trong vũ trụ, từ to lớn như các hành tinh, cực nhỏ như những đơn vị điện tử v.v... Bản chất của nó: là thể Sáng; bản tính là sự Sáng; tính năng là huyền năng, hay là năng lực nguyên thủy của vũ trụ.

(2) Trong cách đặt và tìm một công án (để tài có thực hay trừu tượng, vô hình) hành giả dùng chức năng thứ ba của Trí, là “Trí suy nghĩ” để suy nghĩ mà tìm ra cái Lý vô hình trong đề tài. Đây là phương pháp có tính vật lý. Nó làm cho sự Sáng sinh động đến mức tối đa, đủ để cho sự Sáng của Trí bức xạ, đủ rằng Trí chưa thấu triệt được cái Lý đang tìm.

(Tác giả đưa ra một số danh từ, thật sự không liên quan trực tiếp đến đề tài: nhưng để độc giả thoáng qua có một khái niệm, một ý niệm về những danh từ đó, để phần sau ta đề vào phần chuyên đề).

NĂNG LỰC NGUYÊN THỦY

Sự Sáng (thể Sáng) là năng lực nguyên thủy của vũ trụ.

Sự Sáng là sự sống nguyên thủy cũng là sự hằng sống. Sự hằng sống không thể có được, nếu như nó không tự tạo lấy năng lực cho chính nó.

Hai chức năng trong việc tự tạo lấy năng lực là “sự sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ”. Nhờ vào sự sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ, mà sự Sáng tự tăng trưởng năng lực.

Con người (tiểu vũ trụ) giống với đại vũ trụ, có khả năng sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ, tự tạo lấy năng lực có tính hằng sống là nhờ ở Trí.

Sự Sáng của Trí khôn này sinh ra tư tưởng. Đây là chức năng sinh hóa và đồng thời nó chuyển hóa, tức là tư tưởng này tạo thêm sự sáng suốt, sự thông minh cho Trí.

Trí khôn sinh hóa ra tư tưởng, bản chất của sự Sáng (thể Sáng) tăng.

Tư tưởng tạo thêm sự sáng suốt, bản tính của sự Sáng chuyển hóa.

“Sinh hóa, chuyển hóa đồng bộ”, tức là vừa sinh, vừa tăng trưởng: tính năng (năng lực của bản tính) của sự Sáng tăng. Đây là sự tiến hóa của sự Sáng trong sự tự tạo thêm năng lực, năng lượng trong sự sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ.

Sự Sáng lan tỏa đến đâu, nơi đó có sự sống, và đó cũng là thể tích của vũ trụ.

Vũ trụ ngày càng giãn nở nhờ ở sự sinh động tự tạo lấy năng lực do những chức năng sinh hóa, chuyển hóa đồng bộ, trong đó Lực và năng lực tăng dần và không hao, vì chúng chuyển động và sinh động trong một dịch kỳ khép kín, như sự Sáng của Trí khôn con người.

Sự sinh động trong năng lực nguyên thủy

- *Sinh hóa*: từ sự sống mà những sức sống khác được tạo nên càng nhiều.

Hay là, từ sự Sáng mà những thể khác (Điện của vũ trụ, Khí, Thủy) được tạo nên.

Từ sự Sáng của vũ trụ, cái “Một” mệnh mang cực lớn sinh hóa ra vô tận tạo vật. Và những tạo vật này lại tiếp tục sinh hóa ra những tạo vật khác.

Như sự Sáng và Điện của vũ trụ sinh hóa ra hành tinh. Và sau đó, các hành tinh sinh hóa ra vô số các tạo vật khác sống trên chúng. Cũng vậy, trong con người, sự Sáng của Trí khôn sinh ra tư tưởng. Tư tưởng là tạo vật của Trí khôn, nó tiếp tục sinh hóa ra tình cảm, và tình cảm là tạo vật của tư tưởng và Trí khôn. Nó sinh ra cảm giác. Cảm giác được sinh tạo bởi tình cảm.

Cảm giác, tình cảm, tư tưởng đều là sức sống. Dù chúng có thời hạn sống

khác nhau; cảm giác có sức sống ngắn hơn tình cảm, và sức sống của tình cảm không lâu hơn tư tưởng. Nhưng tất cả ba loại sức sống này đều do sự sống, sự Sáng của Trí khôn mà ra. Hay là, mỗi loại thể (Huyết, Khí, Điện) đều do sự Sáng mà ra.

Trong cả hai vũ trụ, sự Sáng (sự sống) sinh hóa ra sức sống và các thể khác:

Hiện tượng vật lý của sự sinh hóa:

Từ cực to sinh hóa ra những thể với thể tích, năng lực và lực nhỏ và yếu hơn.

Sự Sáng	Điện	Khí	Thủy (huyết)
Có không gian tuyệt đối rộng	Có không gian rộng lớn	Có không gian lớn	Có không gian nhỏ hơn hết
Sự sống	Sức sống	Sức sống	Sức sống

Hiện tượng vật lý của sự chuyển hóa là:

“Thể chuyển hóa” lớn và mạnh hơn thể chứa đựng nó.

Sinh hóa: to sinh hóa ra nhỏ.

Chuyển hóa: nhỏ chuyển hóa ra to.

Từ cái “Một” (sự sống) sinh hóa ra vô tận sức sống. Và chính sự sống đó lại sinh động trong những sức sống do nó sinh hóa ra, cũng như hạt nhân, nó có sức mạnh nhất nằm trong những sức khác ở bên ngoài nó.

Hạt nhân sinh động trong hạt nhân “thực lực (nội lực) trong lực” sinh động cực nhanh trong sự sinh động tương đối nhanh hay chậm hơn. Như tần số cao chuyển động trong tần số trung và thấp. (Tần số cao, nhanh trong thời gian, nhưng lại bằng nhau về không gian của tần số trung và thấp).

Trong con người, thực lực sinh động trong lực cũng vậy:

Khí là thực lực (nội lực hay là hạt nhân) của Thủy. Điện là hạt nhân của Khí và Thủy. Sự Sáng là sự sống.

“Sự sống” bằng với “sức sống” của nó, nên không có sự chuyển động một chiều chỉ có sự sinh động của chính nó.

Sự sinh động của nó không tỏa ra những lực khác để xúc tác.

Xúc tác những lực khác thì có sinh hóa và chuyển hóa.

Không có sự xúc tác những lực khác, thì sự xúc tác tự chính nó mới sinh ra sự bức xạ.

Cho nên nói rằng:

“Sự bức xạ tự động” là do nơi sự xúc tác của chính năng lực đó.

“Sự bức xạ tự động của một năng lực làm cho năng lực đó là một năng lực tự tạo”.

Một lực mạnh hơn sinh động trong một lực yếu hơn, thì bản tính của một năng lực mạnh hơn cũng sinh động trong bản tính của một lực yếu hơn.

Bản tính của 4 thể sinh động trong hai vũ trụ (to và nhỏ) là: kỳ diệu, linh thiêng và mẫu nhiệm.

Trong cái bình thường bên ngoài có sự sinh động của sự kỳ diệu. Sự linh thiêng nằm trong sự kỳ diệu và bình thường. Sự mẫu nhiệm sinh động trong sự linh thiêng, kỳ diệu và sự bình thường.

Bình thường: thuộc về bên ngoài, thuộc về Nhục thân.

Kỳ diệu: thuộc về ngũ tạng, lục phủ (Khí, Huyết), cảm giác, tình cảm; thuộc về tâm hồn (Tâm và Trí).

Linh thiêng: thuộc về tư tưởng (Điện), linh hồn (siêu Tâm + siêu Trí).

Mẫu nhiệm: thuộc về sự Sáng, sự sống, liên quan đến Trí, siêu Trí và siêu siêu Trí (Tuệ), đến Tánh của vũ trụ trong nhân tánh.

Đối với các Lực liên quan đến mỗi trạng thái (bình thường, kỳ diệu, linh thiêng, mẫu nhiệm) cũng vậy. Lực này lồng vào lực khác, hay là nhiều loại nội lực lồng và sinh động bên trong của một lực bên ngoài.

Điều kỳ diệu trong sự sinh động chung của vũ trụ là bản chất bày sinh động trong bản chất khác, bản tính trong bản tính khác, tính năng này trong tính năng khác. Hay là hạt nhân tiềm ẩn sinh động trong hạt nhân; nhân tố sinh động trong nhân tố; năng lực sinh động trong Lực.

Năng lực tiềm ẩn sinh động bên trong năng lực chứa đựng nó luôn có cường độ cao hay mạnh hơn năng lực chứa đựng nó.

Và khi năng lực chứa đựng nó bị tan vỡ thì cường độ của năng lực mới, lúc đó mới tỏa ra được.

Thí dụ: Thủy đang sinh động thì Khí, Điện, sự Sáng cũng tiềm ẩn sinh động, nhưng Lực của chúng chưa được bộc lộ ra.

Thủy: sinh động, Lực của Thủy được bộc lộ ra, trong khi đó:

Khí Điện Sự Sáng	}	→ tiềm ẩn sinh động, Lực của chúng chưa được bộc lộ ra

Nếu Thủy bị tan biến, Khí bộc lộ ra Lực của nó, Điện và sự Sáng vẫn tiềm ẩn sinh động trong Khí.

Khí: sinh động, Lực của Khí được bộc lộ ra.

Điện Sự Sáng	}	→ tiềm ẩn sinh động, Lực của chúng chưa được bộc lộ ra

Đôi với Điện và sự Sáng cũng vậy.

Trong sinh hóa, sự sống luôn sinh động trong sức sống.

Khi một sức sống được tạo ra, thì trong sức sống đã tiềm ẩn một sự sống. Và từ sự sống đó hình thành một tạo vật mới, dù cho tạo vật đó vô hình đối với nhãn quan của Nhục thân.

Thí dụ: tình cảm và Tâm.

Tình cảm được sinh ra từ cảm giác. Bản chất của tình cảm là Khí. Tình cảm là sức sống, chính trong sức sống tiềm ẩn sự sống là Tâm. Khi Tâm có sự sống rồi, thì sự sống đó tự sinh động, và tự nó lại tạo ra tình cảm.

Như vậy, Tâm là một tạo vật mới một tạo vật vô hình có sự sống tự sinh động. Theo vật lý, “*vật nào tự sinh động để sống, để tăng trưởng Lực cho nó, thì vật đó là một năng lực tự tạo*”. Như vậy, “*Tâm cũng là một năng lực tự tạo*”

Tóm lại:

“Những tạo vật nào có năng lực tự tạo, tức là có sự sinh động vĩnh cửu, thì tạo vật đó thuộc về vũ trụ, vì nó giống bản chất, bản tính và tính năng của vũ trụ”.

“Tâm cũng thuộc về vũ trụ” (1) mặc dầu nó được chứa đựng trong Nhục thân nhỏ bé so với vũ trụ.

- *Chuyển hóa*: từ những sức sống, trong đó sinh động sự sống, tất cả đều tăng trưởng để góp năng lực, năng lượng tích lũy về cho năng lực nguyên thủy. Hay là, sự Sáng tích lũy trong Thủy, Khí, Điện sinh động, sự Sáng hòa nhập vào sự Sáng của vũ trụ.

Từ những tạo vật hữu hình trong đó năng lực chuyển hóa sang những tạo vật siêu hình và siêu siêu hình (ta quen gọi là vô hình).

Trong con người, sự chuyển hóa này dễ nhận ra, là những bộ phận được sinh ra sau, lại ưu việt hơn những bộ phận sinh ra nó, như Thân sinh ra Tâm; và Tâm sinh ra Trí.

Nhờ đâu mà chúng ưu việt hơn Thân?

- Tuy được sinh ra sau, nhưng nhờ vào tầm cỡ châu biến năng lực, sinh hoạt rộng lớn hơn, có cường độ mạnh hơn bộ phận sinh ra nó, tức là từ cái tự nhiên sinh ra cái siêu nhiên. Và từ cái siêu nhiên sinh ra cái siêu siêu nhiên. Cuối cùng, cái siêu siêu nhiên bao trùm lấy cái siêu nhiên và tự nhiên và sinh động trong chúng.

Trong chuyển hóa, có “thể” chuyển hóa đơn độc, hay có hai hoặc nhiều thể tập hợp lại với nhau để tạo ra những thể khác, hoặc một thể khác.

Thể được tạo nên, tốt và đẹp hơn một thể đơn độc.

Thí dụ: móng (cầu vồng) có nhiều màu sắc sỡ là do ánh sáng mặt trời chiếu

(1) *Tâm, Tánh, Trí, Lương Tâm... là những bộ phận vô hình đưa con người vào sự sống của vũ trụ.*

vào hơi nước. Điện tạo từ đồng và nam châm...

Nhân quan con người không thể nhận ra được sự chuyển hóa trong những hiện tượng siêu hình và siêu siêu hình trong vũ trụ. Nhưng trong tiêu vũ trụ, tâm hồn (Tâm + Trí) con người trực tiếp cảm nghiệm những chuyển hóa, những biến đổi ngay trong sinh hoạt của đời sống từ thời thơ ấu đến trưởng thành.

Trong khoảng thời gian này, con người bắt đầu sống bằng cảm giác, dần đến tình cảm, đến tư tưởng và cuối cùng là sự hình thành Trí khôn. Sự chuyển hóa này tương quan với sự diễn tiến của sự tiến hóa trong đời sống từ sự cảm nhận của Nhục thân đến Biết, ý thức rồi cuối cùng là Hiểu, để tạo nên Trí khôn.

Đối với năng lực cũng vậy, từ ngoại lực chuyển vào sự sinh động gần như thường xuyên của nội lực, tức là sự sinh động của Huyết (cảm giác) chuyển sang sự sinh động của Khí (tình cảm), của Điện (tư tưởng) và cuối cùng là sự Sáng (Trí).

- Năng lực tự tạo trong con người

Trong vũ trụ, năng lực nguyên thủy là năng lực tự tạo.

Trong con người, sự Sáng (thể Sáng) là sự sống. Nó sinh động trong Trí con người.

“Sự sống” hay là “sự sinh động vô tận” cũng là năng lực tự tạo lấy năng lực cho chính nó.

Khi nào năng lực này có thể tự tạo lấy năng lực cho chính nó?

- Khi năng lực này hoàn toàn tự về não và luôn cả sự Biết, Hiểu cũng tự về não luôn. Lúc đó sự Sáng sinh động và tự tạo thêm năng lực cho chính nó.

Sự Sáng tăng lên, do tự nó sinh động, thì khả năng Biết và Hiểu cũng do sự sinh động đó mà tăng theo.

Nếu lúc đó tim ngưng đập, phổi ngưng thở, thì Điện thân xuất hiện, các trực giác quan hoạt động, sự Biết và Hiểu lúc đó thuộc về siêu Trí, chúng liên quan đến thế giới siêu nhiên.

Khác với sự sống, *“bất cứ một năng lực nào còn liên quan đến thời gian (của địa cầu hay của bất cứ hành tinh nào), thì năng lực đó thuộc về sức sống.*

Khi sự Sáng của Trí được hướng vào bên trong vỏ não, thì sự Biết, Hiểu chỉ là chức năng thuần túy, không còn ý thức những thông tin của hệ thần kinh sọ (các dây thần kinh) và tất cả những dây thần kinh của ống tủy sống. Hay là, lúc đó Trí không còn ý thức những thông tin từ ngoài da của toàn thân cảm nhận, và những thông tin của ngũ giác quan thu nhận.

Thêm vào đó, nếu tình cảm (Tâm) và tư tưởng (Trí suy nghĩ) hay là Khí và Điện không dậy động lên, lúc đó các trực giác quan hoạt động, và “siêu Trí” ý thức được những thông tin do các trực giác quan cảm nhận (hay thu nhận) được.

Sự Biết, Hiểu này của siêu Trí liên quan đến sự rung động của Điện trong thế giới siêu nhiên.

Ba chức năng của các trực giác quan là Thấy, Nghe, Ngửi đều bằng sự rung động điện và bên trong sọ não.

Hiện tượng sinh lý cũng là vật lý xảy ra là *“sự Sáng của Trí hoàn toàn tập trung vào não và vẫn sinh động. Nó hoàn toàn cách ly với thế giới tự nhiên, với ngũ giác quan và hệ thần kinh ngoại biên và luôn cả các dây thần kinh của sọ”*.

Đôi với đời sống con người, năng lực tự tạo quan trọng như thế nào?

- Năng lực tự tạo là sự sống, và nó cũng là sở đắc tuyệt đối của con người.

Trong điều kiện và trong trạng thái nào, sự Sáng mới tự sinh động để trở thành năng lực tự tạo?

- Khi sự Sáng sinh động liên tục và không còn can hệ vào một chức năng nào của Thân, Tâm, Trí (1)... , bắt đầu từ lúc đó, nó trở thành năng lực tự tạo, tức là nó trở nên năng lực tự tạo của vũ trụ, có khả năng sinh hóa ra mọi tạo vật như chính vũ trụ vậy.

Cái gì “không còn can hệ” vào các chức năng của Trí?

- Chỉ có *“sự Hiểu”*, cũng là *“sự sinh động tiềm tàng sinh động trong sự Sáng”* là không còn can dự vào những chức năng của Trí nữa... Và đó cũng là cái tuyệt đối để con người có thể giác ngộ được Nguyên Lý của vũ trụ.

“Sự Hiểu” có thể được coi như hạt nhân cuối cùng sinh động trong nhiều loại hạt nhân bao quanh chuyển động bên ngoài. Cũng có thể nói, nó là năng lực tuyệt đối mạnh sinh động bên trong những năng lực tương đối mạnh bao quanh nó, và đang sinh động cùng lúc với nó.

“Khi sự Hiểu sinh động tiềm tàng một cách vĩnh cửu trong sự Sáng”, sở đắc của con người là gì?

- Khi sự Hiểu tiềm tàng sinh động một cách vĩnh cửu trong sự Sáng, thì con người đắc được sự sống vĩnh cửu. Đó cũng là sự hằng sống, chẳng còn sự hiện hữu của sức sống nữa, tức là chẳng còn sự chết nữa, hay là không còn thời hạn của sức sống nữa (2).

Người giác ngộ lấy sự Sáng (sự sống) từ đâu?

- Người giác ngộ (Hiểu tức thì Nguyên Lý của vũ trụ không qua chức năng Biết) lấy sự Sáng trong trạng thái đại định qua sự sinh động của cái Hiểu. Người này lấy sự sống (sự Sáng) từ não để nuôi những sức sống khác nằm trong Nhục thân (và các loại thân khác).

Đối với con người bình thường, sự Sáng (thể Sáng để con người có khả năng

(1) Nếu sự Sáng còn can hệ vào các chức năng, liên quan đến Thân, Tâm, Trí... thì sự Sáng này chỉ có sức sống trên 100 ngàn năm. Vì nó là sự Sáng của Trí được tạo nên qua các chức năng của Trí, chưa thành năng lực tự tạo lấy năng lực cho chính nó.

(2) Thời hạn của mỗi sức sống tạo nên “sự Sinh rồi Diệt”. Bắt đầu thời hạn của sức sống là Sinh, cuối thời hạn là Diệt. Có vô số tạo vật, thì cũng có vô số “Sinh, Diệt”, liên quan đến tạo vật.

đê Hiếu) có lúc liên quan đến con người, có lúc đến vũ trụ, hay là năng lực tự tạo có 2 mối liên quan.

Sự Sáng ở khắp cả vũ trụ, sinh động mãi nhưng tại sao có lúc liên quan đến con người có lúc chỉ liên quan đến vũ trụ?

- Liên quan đến con người, đến cá nhân, bản ngã, khi sự Sáng còn liên hệ đến Thủy (Huyết), Khí, Điện... trong con người, trong chức năng của Nhục thân, Tâm, Trí con người. Hay là, sự Sáng còn liên quan hoạt động với cảm giác, tình cảm, tư tưởng của mỗi cá nhân.

- Liên quan đến vũ trụ, khi sự Sáng không còn liên hệ hoạt động đến những thể linh thiêng, là Thủy (Huyết), Khí, Điện trong con người..., thì sự Sáng trong con người hòa nhập vào sự Sáng của vũ trụ. Và nó cũng là sự Sáng, sự sống của vũ trụ, và trở nên sinh động...

Hay là:

- Khi nào “Ta chỉ thấy Ta”, “Ta chỉ biết có Ta”..., thì “Ta chỉ là Ta”, Ta không thể hòa nhập vào vũ trụ được.

Trái lại, nếu “Ta không thấy Ta nữa”, thì “Ta không còn là Ta nữa”, lúc đó “Ta cũng là vũ trụ”, chỉ còn lại sự Hiếu sinh động trong sự Sáng của Trí hòa nhập vào Thiên Lý, Thiên Ý sinh động trong sự Sáng của vũ trụ mà thôi.

Sự Sáng, năng lực tự tạo, là “thể xúc tác tuyệt đối mạnh” để sinh hóa và chuyển hóa những thể linh thiêng khác trong con người và mọi năng lực để sinh ra hóa chất.

Trong thế giới tự nhiên, hữu hình, một trong những nguồn gốc chính xúc tác để biến hóa thành hóa chất là ánh sáng mặt trời trong đó, thể xúc tác chính vẫn là sự Sáng...

Xúc tác, là tạo nên Lực hoặc năng lực trong chức năng sinh hóa, chuyển hóa trong trạng thái “Động, Tĩnh”.

Trạng thái “Động”:

Một thể dao động hoặc chuyển động, đó là lực hay sức sống của thể đó. Thể này sinh hóa.

Trạng thái “Tĩnh”:

“Động trong Tĩnh” là “sự sống” của thể đó, cũng gọi là sự sinh động của thể đó.

Sự sinh động kéo dài, thì sức sống của sự sống tăng – Nếu sức sống của sự sống tăng mãi để thành sự sinh động tự tạo (hay là sự sống tự tạo lấy năng lực cho nó) thì sự sống đó thành sự hằng sống.

Sự hằng sống của sự Sáng vũ trụ có sự mâu nhiệm tuyệt đối cao hơn hết so với sự mâu nhiệm và linh thiêng của những thể sinh động trong vũ trụ.

Mỗi thể linh thiêng đều có tính cách liên quan cảm ứng với nhau (như Khí và Thủy) nhờ vào sự hiện hữu tiềm ẩn của một thể nhẹ sinh động trong một thể

nặng hơn nó (Khí hòa nhập được với Thủy, vì trong Thủy đã sẵn có Khí như một phân tử nước là H₂O).

Hai thể hòa nhập vào nhau, thì năng lực của hai thể (hay là thực lực của hai thể) cộng hưởng, chúng tạo nên một thực lực mới.

Cường độ của nó kém hơn cường độ của một thể nhẹ, và mạnh hơn cường độ của một thể nặng.

Thí dụ: Khí trong cơ thể hòa với máu đen, sinh hóa ra máu đỏ.

{Khí + Thủy Âm (máu đen) = Thủy Dương

{Khí + máu đen = máu đỏ (1)

Cảm giác tiến hóa sang	Tình cảm →	→ Tư tưởng →	→ Trí thông minh
↕	↕	↕	↕
Huyết tiến hóa →	Khí →	→ Điện →	→ Sự Sáng

Thí dụ khác: Thanh khí Dương ở vùng cao nguyên nhiều hơn ở thành phố lớn (có nhiều trực khí), thì máu đỏ trong con người ở vùng cao có cường độ mạnh hơn những người ở thành phố. Nhờ đó, những người ở vùng cao nguyên có sức đề kháng tốt và sống lâu.

(1) Tỷ lệ màu nhiệm của máu đỏ (1/64 so với sự Sáng) cao hơn máu đen (1/128) và thấp hơn Khí Âm (1/32). Tỷ lệ màu nhiệm cao, thì mức linh thiêng cũng cao theo.

NĂNG LỰC TÁC TẠO

Năng lực tác tạo ra những lực khác mạnh hơn là những lực được tác tạo ra.

Trong con người, sự Sáng (thể Sáng) là năng lực tác tạo có sức mạnh tuyệt đối so với những lực được nó tạo ra như:

“Sự Sáng” tạo ra	Điện →	Khí →	Thủy (Huyết)
↕	↕	↕	↕
Trí → tạo ra →	Tư tưởng →	→ tình cảm →	→ Cảm giác

Nhưng, cái gì tạo ra sự Sáng trong con người?

- Sự Sáng có sẵn trong sự di truyền (qua sự sinh sản), nhưng nó chưa có khả năng tác tạo khi con người mới được sinh ra.

Từ chưa có khả năng cho đến khi có khả năng tác tạo cho ta thấy có một sự tăng trưởng và tiến hóa trong sinh hoạt, trong năng lực của đời sống:

Cảm giác tiến hóa sang	Tình cảm →	→ Tư tưởng	→ Trí thông minh
↓	↓	↓	↓
Huyết tiến hóa →	→ Khí →	→ Điện →	→ Sự Sáng

Sự tiến hóa của năng lực, của sinh hoạt từ ngoài vào trong (từ bên ngoài Nhục thân vào não bộ) và từ dưới lên trên (từ thân lên não bộ).

Năng lực tác tạo ra những lực khác hay là những thể khác mà mỗi thể trong vũ trụ, và trong con người có một chức năng riêng. Chức năng của:

Sự Sáng: là sáng tạo. Sự Sáng là nền tảng của sự sáng tạo. Bản tính của sự Sáng là mẫu nhiệm. Sáng tạo được là nhờ ở Lý (“Lý” là sự sinh động vô hình có chức năng sáng tạo).

Hay là, *sự Sáng có những đặc thù: có sự mẫu nhiệm; có Nguyên Lý; có sự sáng tạo.*

Điện: hình thành cấu trúc. Bản tính của Điện là linh thiêng. Hình thành được tạo vật, nhờ ở “Cơ”.

Hay là, *Điện có những đặc thù: Có sự linh thiêng; có Cơ (cấu trúc); có sự hình thành.*

Khí, Thủy (trong Nhục thân là Huyết): hiện thực từ cấu trúc. Bản tính của chúng là kỳ diệu. Trong sự hiện thực, chuyển động “Năng”.

Hay là, *Khí, Thủy có đặc thù: có sự kỳ diệu; trong sự hiện thực có Năng lực.*

Trong tiểu vũ trụ hay trong con người có sự mâu nhiệm, linh thiêng và kỳ diệu, nhưng vì không rõ hay chưa hiểu được cấu trúc phức tạp và những bản tính vô hình khó nhận ra trong thân thể, con người sinh hoạt theo ý riêng, ngăn chặn sự cảm ứng của 3 đặc tính trong tiểu vũ trụ với đại vũ trụ.

Muốn thực hiện sự cảm ứng của sự mâu nhiệm, linh thiêng và kỳ diệu trong con người với đại vũ trụ, hành giả phải rõ sự sinh động của những thể liên quan đến mỗi sinh hoạt thuộc về cảm giác, tình cảm, tư tưởng và Lý.

Cảm giác thuộc về Huyết (Thủy), tình cảm là Khí, tư tưởng thuộc về Điện, Lý nằm trong sự Sáng. Khi cảm giác sinh động, nó ngăn chặn không cho nội khí, Điện và sự Sáng toát ra. Nếu tình cảm dao động, nó ngăn chặn không cho Điện và sự Sáng toát ra, tức là sự linh thiêng và mâu nhiệm không thể cảm ứng được với sự linh thiêng và mâu nhiệm trong vũ trụ.

Hiện tượng sinh lý cũng là vật lý dễ nhận, là cái chết của Nhục thân trong trạng thái này, cảm giác không còn. Vì vậy, Khí, Điện, sự Sáng toát ra với bản tính của chúng là sự linh thiêng và mâu nhiệm, cũng theo đó mà nhập vào bầu khí quyển.

Nói rõ hơn, là khi Nhục thân chết, sự kỳ diệu của nó không còn nữa, chỉ còn lại sự linh thiêng và mâu nhiệm toát ra sinh động trong một loại thân khác nhẹ hơn.

Thí dụ:

Muốn sự Sáng tỏa ra với những đặc thù của chức năng của nó thì những sinh hoạt liên quan đến Điện, Khí, Thủy phải ngưng động, tức là tư tưởng, tình cảm, cảm giác phải hoàn toàn ngưng động, hay là “Tâm và Thân phải không có một sinh hoạt nào nữa” (1). Về sinh lý, hệ thần kinh ngoại biên và trung tâm không có một tín hiệu nào hết, kể cả các chức năng của Trí liên quan đến sinh hoạt cũng ngưng luôn.

Mỗi đặc thù của sự Sáng có vô số cái liên quan đến nó, cũng sinh động, sinh hóa và chúng chỉ liên quan đến sự Hiểu. Như vậy, Trí khôn chỉ còn Hiểu, và Hiểu vô số cái liên quan đến đặc thù trong sự Sáng mà chẳng cần qua sự cảm nhận và Biết.

(1) *Thân như chết và Tâm thì chết:*

Thân như chết: Tim ngưng đập, Phổi không hô hấp, nhưng nội khí thì vẫn sinh động bên trong Nhục thân.

Tâm chết: “Trí nhớ, Trí suy nghĩ” ngưng động. Từ cái chết đó, mới toát ra sự sống (sự Sáng).

Hiện tượng này giống như một phân tử nước hòa nhập vào đại dương, tự nó thành đại dương mới cảm nhận được tất cả những gì có trong khối nước lớn lao đó. Vì đồng bản chất, bản tính và tính năng nên phân tử nước mới nhập vào đại dương. Và đại dương đã có từ lâu, thì thời gian của phân tử mới nhập vào, cũng bằng với thời gian đã có từ lâu của đại dương.

Hiện tượng lạ lùng và khó hiểu này cũng là sự mâu nhiệm trong sự tuyệt đối khi sự Sáng của Tuệ (siêu siêu Trí) hòa nhập vào sự Sáng của vũ trụ, thì Trí khôn (Trí thông minh) của con người ý thức được, là sự sống của con người đã có, và đã sống từ nguyên thủy (trước cả thời kỳ tạo Thiên lập Địa).

Qua thực tế này, con người mới biết mình hằng sống và cái làm cho con người hằng sống là sự Sáng – thể cùng cực nhẹ và tự sinh động để tăng trưởng năng lực trong sự tồn tại. Tất cả những gì có trong sự Sáng đều tuyệt đối không còn tương đối, tức là không sự so sánh, đối đãi, mâu thuẫn trong “cái Một”.

Những gì khác thường, phi thường có tính siêu việt mà không tồn tại mãi, thì những điều đó không thuộc về vũ trụ.

“Chỉ có những gì xuất nguồn từ sự Sáng, dù sự Sáng đó có trong con người, nó mãi mãi sinh động, nó mới thuộc về vũ trụ, như cái Lý “sinh hóa từ Trí, hoặc từ Tuệ của con người”.

Với một cách nhìn khác, “*năng lực tác tạo của vũ trụ là sự Sáng, nó không bao giờ bị hủy diệt*”. Hay là, “*không có sự chết của sự sống, chỉ có sự chết của sức sống*”.

Trong con người cũng vậy, tại sao không có sự chết của sự sống mà chỉ có sự chết của sức sống?

- Con người có Trí, mà bản chất của Trí là sự Sáng. Sự Sáng là sự sống của vũ trụ.

Dù cho sự Sáng (sự sống) có nhỏ đến đâu đi nữa (do chưa phát triển, chưa thăng hoa) nó đã là sự sống rồi, thì trong con người, sự sống đó sẽ không bao giờ chết được.

Nó sinh động để tăng năng lực cho sự sống.

Sự sinh động của sự Sáng (sự sống) do những chức năng của Trí như: “quan sát”, “nhớ”, “suy nghĩ”... chúng làm tăng năng lực cho sự sống, từ sự sống có trong tiểu vũ trụ trở thành năng lực của vũ trụ, tức là sự sống của vũ trụ vậy.

Ngoài sự sống ra, chỉ có những sự chết của những sức sống mà thôi. Những sức sống này ở đâu?

- Mọi sức sống tuy có khác nhau do trường độ sống, nhưng tất cả đều quy vào ba loại: Thủy, Khí, Điện... là cơ bản.

Sức sống khác nhau do sự phối hợp nhiều hay ít của một, hai, hoặc của 3 loại theo tỉ lệ khác nhau cho đến vô tận.

Từ đó, chúng có trường độ sống khác nhau, không một sức sống nào giống

nhau ở trường độ (con người có số mạng ngắn, dài, chẳng ai giống ai, cùng một tuổi, nếu có chết cùng năm, cùng tháng, thì ngày, giờ, phút... chẳng giống nhau).

Mọi sức sống đều được tạo ra từ sự sống dù cho sức sống đó là một thể đơn độc hay là nhiều sức sống được phối hợp thành một tổng thể như Nhục thân.

Hay là, Nhục thân được hình thành từ sự sống trong đó có nhiều sức sống, nhiều thể, với nhiều thời gian sống khác nhau.

Khi Nhục thân chết (tan rã), con người còn sống không?

- Nếu ta coi con người là Nhục thân thì khi nào Nhục thân chết, là con người chết. Nhưng, nếu ta hiểu được con người là sinh linh, đã từng trải qua những kinh nghiệm, những thực tế siêu nhiên, thì khi Nhục thân chết, con người vẫn sống với dạng Khí thân, Điện thân hay Quang thân. Có nghĩa là, sinh linh đó không còn sống với sức sống ngắn hạn của Nhục thân nữa, mà sinh hoạt đã chuyển qua những sức sống khác với các loại thân khác và với sức sống dài hạn hơn.

Các loại sinh linh sống bằng gì, và hoạt động bằng cái gì?

- Sự Sáng, sự sống là nguồn gốc sáng tạo ra mọi sức sống. Nhờ đó, các sinh linh đều sống bằng sự Sáng, và nguồn gốc của mọi hoạt động của sinh linh cũng từ sự Sáng mà có.

Nhờ có sự Sáng mà Khí thân, Điện thân (1), Quang thân của mỗi sinh linh đều có sinh hoạt và hoạt động đặc thù của nó.

Trong con người, do tính chủ động trong sinh hoạt và hoạt động, năng lực tác tạo liên quan đến những gì?

- Do tính chủ động trong đời sống, năng lực tác tạo liên quan đến sự sinh hóa và chuyển hóa trong con người.

Mọi sinh hóa là từ trong ra ngoài, từ vô hình sinh ra siêu hình, và từ siêu hình sinh ra hữu hình.

Mọi chuyển hóa, thì từ ngoài vào trong từ hữu hình chuyển sang siêu hình và vô hình.

(1) Khí thân là thân của ma (người chết), Điện thân là thân của quỷ, thần (người chết) chúng vẫn sinh hoạt và hoạt động bằng cá tính của chúng. Những sinh hoạt này là tư tưởng riêng lẻ của sự Sáng của chúng. Nhưng sự Sáng này chưa hòa nhập vào sự Sáng của vũ trụ... Những gì thuộc về sự Sáng mà còn cá tính, thì những tư tưởng đó vẫn còn “nghiệp chúng” (dù tốt, hay xấu).

Từ trong ra ngoài

Thân (cảm giác)	}	→
Tâm (tinh cảm)		→ {ý muốn → thực hiện}
Trí (tư tưởng)		→

Vô hình (1)	→	siêu hình	→	hữu hình
↑↓		↑↓		↑↓
Trí	→	tư tưởng	→	thực hiện

Việc thực hiện của con người từ sự sáng tạo của Trí có đến vô tận, biến đổi không ngừng như ánh sáng mặt trời, mặt trăng, đèn... lấp lánh trên mặt nước.

Đa số con người, qua các giác quan chỉ bám vào sự biến đổi vô tận của sự việc bên ngoài, thử hỏi làm sao mà tâm hồn (Tâm, Trí) không dao động?

Từ ngoài vào trong

Con người mới thấy được nguồn gốc sinh hóa và chuyên hóa.

Nguồn gốc đó là sự sinh động của “cái Lý vô hình”.

Khi Trí con người ngưng được chức năng sinh hóa, thì Nguyên Lý sinh động trong sự Sáng mới hiện lộ ra.

Nhưng trong một ngày, con người nhìn vào trong được bao lâu, và cảm ứng với sự sinh động vô hình được bao lâu?

- Khi Trí cảm ứng được với sự sinh động vô hình càng lâu bao nhiêu, thì siêu Trí và Tuệ càng hoạt động nhiều đến bấy nhiêu, nghĩa là siêu Trí và Tuệ phát triển (2), tương ứng với thời gian đó.

Liên quan đến bản chất, bản tính và tính năng của Tuệ, là sự Sáng (thể Sáng), thì chỉ có sự Sáng (sự sống) mới có sự màu nhiệm cao hơn hết. Vì nó có khả năng sinh hóa và chuyên hóa mãi mãi. Hay là nó có khả năng tự tạo lấy năng lực cho nó mà không cần đến sự “Thu, Giữ và Dừng” năng lực của vũ trụ như Thủy, Khí, Điện (như là khả năng của sức sống).

Từ Trí con người trong trạng thái hư vô, sự Sáng có khả năng “Thu, Giữ và Tăng” sức sống và sự sống của nó, theo ý thức của Tuệ.

Theo sự ý thức của Tuệ, khả năng xúc tác của sự màu nhiệm mới sinh ra sự linh thiêng và kỳ diệu.

(1) Vô hình sinh hóa ra hữu hình:

Sự vĩ đại của những kỳ quan trong thời cổ đại, ngày nay và trong tương lai... được thực hiện do cái đầu nhỏ bé của con người. Cái đầu của con người, chứa đựng sự sinh động vô hình của Trí, siêu Trí và Tuệ, của sự Sáng và sự sáng suốt của chúng.

(2) Đây là hiệu quả của phương pháp Thiền và Định, tức là để cho những chức năng của Trí, liên quan đến ngoại cảnh và nội cảnh ngưng nghỉ, trong khi đó siêu Trí và Tuệ hoạt động. Càng hoạt động, chúng càng linh hoạt, càng sáng suốt.

NĂNG LỰC TIÊN THIÊN VÀ HẬU THIÊN

Năng lực cũng như năng lượng trong vũ trụ gồm nhiều loại. Chúng không có cùng một lúc. Năng lực có trước sinh hóa ra những năng lực sau, và chức năng này tồn tại mãi, do đó mà năng lực sinh động một cách vĩnh cửu.

Năng lực tiên thiên có trước khi “tạo thiên lập địa”, hay là có trước khi các tạo vật to lớn (các hành tinh) được hình thành. Năng lực tiên thiên gồm 2 loại:

Sự Sáng (thể Sáng) và Điện.

Sự Sáng (thể Sáng) là năng lực nguyên thủy gồm có Dương và Âm sinh động, sinh hóa ra Điện vũ trụ.

Dương và Âm của sự Sáng sinh động, biến thành hai dòng năng lượng, nhờ ở sự xúc tác nguyên thủy từ Thiên Tuệ. Và từ đó, sự Sáng (thể Sáng) của vũ trụ bắt đầu sinh hóa, trong chức năng đó, sự màu nhiệm của sự Sáng ở vào mức cao nhất.

Đối với hành tinh của chúng ta, năng lực hậu thiên là Khí, Thủy. Chúng được sinh hóa từ năng lực tiên thiên là sự Sáng và Điện. Năng lực tiên thiên sinh động trong vũ trụ và đồng thời tiềm ẩn sinh động trong năng lực hậu thiên, tức là là sự Sáng và Điện bao trùm cả vũ trụ và đồng thời tiềm ẩn sinh động bên trong Khí và Thủy.

Hiện tượng sinh động của một năng lực tiềm ẩn trong một năng lực khác, mà hầu như mọi người biết được, đó là sự sinh hóa từ Khí ra Thủy: “Khí” có trước, sinh hóa ra “Thủy” trên địa cầu. Và “Khí” vẫn sinh động tiềm tàng trong Thủy, nghĩa là oxygen có trước và sau đó hydrogen mới được sinh ra, kết hợp thành H_2O . Và oxy vẫn tiềm tàng sinh động trong nước và đồng thời bao trùm cả khối nước trên địa cầu và lan tỏa ra cả bầu khí quyển.

Ở tiêu vũ trụ, sự sinh hóa của một năng lực này sang một năng lực khác cũng giống như tiến trình sinh hóa năng lực của đại vũ trụ vậy.

Năng lực tiên thiên và hậu thiên trong cơ thể con người

Thân thể con người được tạo nên bằng hai năng lực tiên thiên và hậu thiên.

Năng lực tiên thiên liên quan đến vũ trụ, và năng lực hậu thiên liên quan đến địa cầu, tức là thân thể con người chứa đựng cùng một lúc sức sống và sự sống.

Năng lực tiên thiên khởi động từ não, đầu, phía sau lưng (trong tủy sống).

Năng lực hậu thiên chuyển động phía trước thuộc về bụng, ngực và phần trước của đầu.

1. Năng lực tiên thiên

Trong thân thể, khi cột sống và ngũ tạng, lục phủ, năm hệ thống (tuần hoàn, hô hấp, thần kinh, miễn nhiễm, nội tiết) chưa được hình thành, thì mầm sống của thai nhi đã có chức năng sinh hóa, luôn tăng trưởng. Nó tiềm tàng sinh động và vẫn tiếp tục sinh hóa để tạo nên sức sống cho thai nhi, mà những năng lực này là Điện, Khí, Huyết.

Trong con người, năng lực tiên thiên gồm có hai phần:

- Sự Sáng và Điện (thể Sáng và nhân điện). Chúng sinh động và sinh hóa ở đâu?

- Sự Sáng sinh động trong não, sinh hóa ra Điện, và sự Sáng tiềm tàng sinh động trong Điện.

Sự Sáng Dương và Âm sinh động trong não (đầu). Điện (trong đó tiềm ẩn sinh động sự Sáng) sinh động trong cột sống. Hay là não và cột sống chứa đựng năng lực tiên thiên và liên quan mật thiết đến năng lực và năng lượng trong vũ trụ, đến sự sinh hóa và chuyển hóa của năng lực vũ trụ.

2. Năng lực hậu thiên

Năng lực hậu thiên được sinh hóa từ năng lực tiên thiên.

Nó có khả năng chuyển hóa để trở thành năng lực tiên thiên.

Nó sinh động trên địa cầu, và gồm có hai năng lực là:

Khí, Thủy, và trong tiểu vũ trụ (trong con người), chúng là Khí, Huyết (liên quan đến mọi chất lỏng có trong thân thể).

Khí, Huyết sinh động ở phần trước của Thân. Hai năng lực này của Thân được năng lực hậu thiên của địa cầu cung cấp cho, qua hai khiếu chính trên đầu là mũi và miệng.

Tóm tắt về hai năng lực tiên thiên và hậu thiên:

Trong con người, có hai năng lực tiên thiên và hậu thiên sinh động.

Năng lực tiên thiên sinh hóa ra năng lực hậu thiên và sinh động trong năng lực hậu thiên, giống như dòng điện sinh động trong bóng đèn điện, ánh sáng của bóng đèn điện được sinh hóa ra từ năng lực của điện.

Chúng gồm có: sự Sáng, Điện, Khí, Thủy (trong con người là Huyết). Mỗi thể gồm nhiều loại do sự phức hợp nhiều, hoặc ít do tỷ lệ, và do Dương và Âm của mỗi thể, như Khí gồm nhiều loại, và chất lỏng cũng có nhiều loại...

Năng lực tiên thiên sinh động trong não và cột sống, tức là ở đầu và lưng. Năng lực hậu thiên sinh động ở phía trước đầu (ở mặt) và phía trước Thân.

Các khiếu chính dùng để thu nạp năng lực hậu thiên và tiên thiên là: mũi,

miệng, huyền khiếu (lỗ hồng ở ngay đỉnh đầu).

Nơi nào chứa lực mạnh nhất của năng lực hậu thiên và tiên thiên?

- Hạ tiêu(1) (phần dưới của bụng từ rún trở xuống): nơi chứa lực mạnh nhất của lực hậu thiên.

- Não(2) nơi chứa lực mạnh nhất của lực tiên thiên.

Năng lực hậu thiên và tiên thiên trong đời sống

Sinh hoạt của Thân, Tâm, Trí biểu lộ tính sinh động của đời sống. Tất cả liên quan đến năng lực hậu thiên và tiên thiên.

Cảm giác (Huyết), tình cảm cá nhân (Khí), thuộc về năng lực hậu thiên.

Tư tưởng (Điện) thuộc về Lý (Thuận Lý, Chơn lý, Đạo lý... sinh hóa, chuyển hóa, tiến hóa...) thuộc về năng lực tiên thiên. Hay là, những gì thuộc về Điện, sự Sáng (thể Sáng) thì thuộc về năng lực tiên thiên.

Những gì thuộc về sự sinh động của năng lực tiên thiên liên quan đến Điện thân, Quang thân, mà sự thu nạp những hiện tượng siêu nhiên và siêu siêu nhiên do các trực giác quan và linh giác quan.

Còn tư tưởng liên quan đến cảm giác, tình cảm cá nhân làm hao tán năng lực tiên thiên (Điện và sự Sáng).

Năng lực tiên thiên tiêu hao từ não (từ đầu), từ cột sống... tỏa ra hai hệ Khí và Huyết, tức là hệ hô hấp và tuần hoàn.

Trong sinh hoạt của đời sống, sự hao tán và thu nạp năng lực tiên thiên xảy ra sao?

- Theo sự cảm nghiệm hay theo phương pháp tu luyện, thì khi con người suy nghĩ, nhớ, quan sát nội tại với Tâm hư vô... lúc đó sự Sáng, nhân điện tăng lên, như trong giấc mộng, trong thị kiến siêu nhiên (siêu kiến).

Theo vật lý siêu nhiên và siêu siêu nhiên, thì những sinh hoạt đó chính là năng lực tiên thiên tự sinh động để tăng thêm năng lực cho nó, và tăng thêm khả năng cho chức năng của nó.

Riêng về đời sống Nhục thân, mọi sinh hoạt liên quan đến sự sinh động và chuyển động của Ngũ hành hậu thiên:

Khí, Huyết biến chuyển, chuyển động liên quan đến sự biến chuyển, chuyển động của Ngũ hành hậu thiên.

Những biến chuyển, chuyển động của mùa, tiết... cũng là sự chuyển động của Ngũ hành hậu thiên.

Sự chuyển động của Ngũ hành hậu thiên liên quan đến Thủy (và Khí trong Thủy) theo chu kỳ của thời gian là 60 năm. Chu kỳ này liên quan đến những biến đổi của Nhục thân.

(1) Muốn luyện Khí để Nhục thân sống lâu, không phải luyện Khí ở hạ tiêu.

(2) Muốn giác ngộ, Toàn Tri... phải tập trung sự Sáng (thể Sáng) về não.

Sự biến chuyển, chuyển động của Ngũ hành tiên thiên liên quan đến thể “Điện” của vũ trụ (tức là sự chuyển động của các tinh tú xa hoặc gần (1). Chúng liên quan ảnh hưởng đến Tâm, Trí con người).

Dương và Âm

Dương và Âm là hai thực thể vô hình đối với nhãn quan, và cũng là hai chức năng hoạt động trong sự sinh hóa và chuyển hóa của các thể linh thiêng. Chúng được tạo nên trong sự sinh động của năng lực có khả năng biến thể, biến tính, biến thái từ sự xúc tác của một nguyên năng (hay là năng lực nguyên thủy).

Chúng sinh động mãi trong vũ trụ cũng như ba chức năng của vũ trụ là Thiên Lý (Nguyên lý vũ trụ), Thiên Cơ và Thiên Năng, trong đó tiềm ẩn sự sinh động của Dương và Âm.

- Sự Sáng Dương và Âm sinh động: thuộc về Thiên Cơ.
- Sự Sáng Dương và Âm hòa nhập (Thái cực): thuộc về Thiên Lý.

Tóm lại:

Thái cực
(Dương và Âm chưa phân
chia, hay là hòa nhập) →

Dương và Âm phân chia
(Dương và Âm sinh động) →

Ngũ hành (2) (tiên thiên, hậu
thiên) sinh động →

Đại vũ trụ	Tiểu vũ trụ
Thiên Lý	Lý Trí (siêu Trí), Tuệ
Thiên Cơ	Chức năng của những bộ phận mẫu nhiệm trong Thân, Tâm, Trí
Thiên Năng	Năng lực của các loại lực trong chức năng

(1) Người được xem sự biến chuyển, chuyển động của Ngũ hành hậu thiên trên diện sắc của Nhục thân qua sự biến đổi của ngũ sắc, có thể xem phước họa của con người.

Người xem và hiểu được sự biến chuyển, chuyển động của Ngũ hành tiên thiên... thì có thể đoán biết được Trời, Đất, liên quan đến thiên tai, địa họa của một vùng rộng lớn bao gồm nhiều dân tộc.

(2) Ngũ hành tiên thiên, hậu thiên sinh động thì có Sinh có Diệt (có Sinh, có khắc chế lẫn nhau) trong chu kỳ của Ngũ hành, tức là có biến hóa, biến tướng, biến thái... thuộc về vô thường (những gì luôn biến đổi).

Những gì có Dương và Âm thì linh thiêng, nếu có Thiên Tuệ, Thiên Tánh (hay Thiên Lý) sinh động trong đó, thì mẫu nhiệm (như Lương Tâm con người – bộ phận vô hình điều khiển và điều chỉnh tâm địa, tâm hồn con người để trở nên chơn chính).

Con người hầu hết đều hướng nhãn quan ra bên ngoài do nhu cầu của Nhục thân, vì vậy không quan sát được sinh hoạt bên trong của tâm hồn liên quan đến sự dao động của Ngũ hành, đến sự sinh động của Dương và Âm.

Trong con người:

Dao động: do Ngũ hành (đến ngũ tạng khí).

Sinh động: do Dương và Âm.

- Ngũ hành dao động thì sinh hóa ra sự kỳ diệu, sinh hóa ra Phước, Họa

Phước: do tâm trạng thuộc về Dương khí, sinh ra sự vui, mừng, yêu (Dương khí sinh động cảm ứng với tầng tinh khí, trên cả những đám mây cực nhẹ. Trên đó, không có những biến động của Khí, Thủy. Cũng vậy, nếu con người đang sống với sự vui, mừng, yêu..., thì không gặp nhân họa, nhưng chưa tránh được Thiên tai, Địa họa).

Họa: do tâm trạng nặng nề của Âm khí, sinh hóa ra giận, lo, sợ. Ba loại tình cảm này càng dao động nhiều, thì Âm khí càng tăng – Đó là nguyên nhân bên trong tạo ra bệnh do sự phản ứng hóa chất sinh ra từ tâm trạng ảnh hưởng đến các cơ quan.

Giận (nộ khí mạnh) từ 2 đến 4 giờ chiều: đau gan, hoặc mật có sạn.

Lo (sự lo lắng kéo dài): từ 10 đến 12 giờ trưa: tiểu đường, hoặc đau bao tử.

Sợ: từ 4 đến 6 giờ chiều: sạn thận, tiểu đêm.

Những bệnh này là Họa do chính mình gây ra, đồng thời Âm khí của con người cảm ứng với Âm khí bên ngoài, cá nhân này bị lôi cuốn vào vòng Nhân họa, Thiên tai, Địa ách...

- *Dương và Âm sinh động, thì có sự chuyển hóa ra Đức, Đạo (1), ra sự linh thiêng.*

Từ tính linh thiêng, xúc tác bởi chơn ý (của Thuần Trí, siêu Trí và Tuệ) mà có sự hiện thực của sự mẫu nhiệm.

Cho nên nói rằng: “*Ngũ khí của ngũ tạng mà dao động, Tâm là phạm tâm, cuộc sống thuộc về thế gian* (dù cho con người có hưởng được Phước).

Nếu con người sống bằng sự sinh động của Dương và Âm, thì cuộc sống của người đó sinh hoạt bằng sự linh thiêng và mẫu nhiệm”.

(1) Đức, Đạo không phải là những từ mơ hồ, trừu tượng mà chúng là những sinh động vô hình của tâm hồn, linh hồn, Lương Tâm, tánh siêu nhiên và siêu siêu nhiên... làm cho con người trở nên siêu việt. Còn Phước, Họa... liên quan đến Nhục thân, hiệu quả của chúng dễ nhận ra. Người sống bằng Đức, Đạo luôn hưởng được chơn phước, tránh được Họa.

Vì sao?

- Vì Dương và Âm mà sinh động được, là do sự xúc tác của Thiên Tuệ (là nguồn gốc của sự mẫu nhiệm và linh thiêng).

Hay là: “Sự xúc tác của Thiên Tuệ là nguyên động lực tác động mãi mãi trong Dương và Âm. Cho nên, người sống bằng Dương và Âm trong bốn thể linh thiêng (sự Sáng, Điện, Khí, Thủy) mới cảm nhận được Thiên ý, cảm nghiệm được Thiên tánh”.

Nói một cách khác: “Tâm trạng động, Ngũ hành trong Thân động – Ngũ hành “động”, “Sinh khắc” phát sinh. Dương và Âm không toát ra sự linh thiêng và mẫu nhiệm được”.

Điều này, trong thực tế, cũng đã xảy ra trong nhiều gia đình và ngoài xã hội.

Tại sao một lời nói ra lại trở nên hiện thực, vậy sự hiện thực này do đâu?

- Lời nói của sự trần trối, căn dặn của cha mẹ, tiên tri... luôn hiện thực trong tương lai, chúng xuất nguồn từ đâu?

- Sự hiện thực trong tương lai là một mẫu nhiệm – Mẫu nhiệm lại là kết quả của sự linh thiêng.

Linh thiêng chỉ sinh động bên trong Thân, trong nội lực – Nguồn gốc của nội lực ở não. Não bộ chứa sự sinh động, sự sống của những thể linh thiêng. Còn ngũ tạng, lục phủ thì chứa đựng sự dao động của những thể linh thiêng.

Dương và Âm trong con người và bên ngoài con người, tức là trong cả vũ trụ, thì chúng linh thiêng và mẫu nhiệm. Còn Ngũ hành thì chỉ dùng để thể hiện sự linh thiêng.

“Sự sống có trong Dương và Âm, còn sức sống thì ở Ngũ hành”.

Trong con người, những bộ phận vô hình có Dương, Âm, mẫu nhiệm và linh thiêng là: Lương Tâm, Chơn Tâm, Tánh, Chơn Tánh, Chơn Trí, Tuệ...

Lời nói xuất nguồn từ những bộ phận vô hình có Dương và Âm... đều hiện thực được (1), vì nó không thuộc về bản ngã cá nhân nữa.

Dương và Âm sinh động cùng khắp cả vũ trụ, ngay cả đến trong tạo vật (siêu hình và vô hình).

Những gì được sinh ra từ Dương và Âm của một thể linh thiêng hoặc nhiều thể linh thiêng mà có sức sống đều là tạo vật, không phải chỉ những gì cảm nhận được bằng giác quan như tư tưởng.

Tư tưởng này sinh từ sự Sáng mà giác quan không cảm nhận được, chỉ có sự Sáng của Trí mới cảm, mới thấy được.

Nó có sức sống được sinh ra từ sự sống. Nó có hình dáng, nhưng hình dáng này được tạo nên bằng nhân diện. Như vậy, tư tưởng là một tạo vật.

(1) Siêu Ý hoặc siêu siêu Ý của siêu Trí và Tuệ tác động vào Dương và Âm của sự Sáng hay Điện... thì “lời nói hay ý đó” được hiện thực.

Tình cảm cũng là một tạo vật được kết thành do Khí và Điện, xuất nguồn từ tư tưởng. Nó có sức sống, sức rung động, ảnh hưởng đến Khí, Huyết trong Nhục thân, tác động có lợi, hoặc có hại cho sức khỏe tùy theo loại tình cảm.

Con người là một tiểu vũ trụ - Và vũ trụ này cũng tạo ra vô số tạo vật trong nó. Những tạo vật được tạo nên từ mỗi thể linh thiêng, hoặc từ nhiều thể linh thiêng qua sự tác động của Dương và Âm.

Trong 3 tạo vật tư tưởng, tình cảm, cảm giác thì cảm giác phối hợp nhiều thể linh thiêng sinh động hơn là tư tưởng.

Ngược lại, tư tưởng là một tạo vật có sức sống mạnh hơn là cảm giác, vì nó thuộc về lực siêu nhiên.

Trong chức năng sinh hóa và chuyển hóa, mỗi thể linh thiêng đều có Dương và Âm. Hay là, mỗi thể linh thiêng có một hệ thống liên quan đến sự sinh động của Dương và Âm của thể đó.

Thí dụ: Thể Thủy (Huyết) gồm có:

- Sự tuần hoàn (của máu đen, máu đỏ).
- Sự xúc tác của những hệ trung gian.
- Sự xúc tác của những thể khác để chuyển hóa.

Sinh hoạt của con người xem như rất bình thường đối với nhân quan, nhưng sự sinh động bên trong khó nhận ra, trong đó có luôn cả sự sinh hóa của Ngũ hành, sự chuyển hóa của Dương và Âm:

“Thân” thuộc về Ngũ hành, liên quan đến năm, tháng, ngày, giờ..., tức là còn liên quan đến yếu tố thời gian, liên quan đến “tiêu trường” (tiêu hao, tăng trưởng), “sinh, khắc” của Ngũ hành. “Tiêu trường, sinh khắc” là còn trong vòng Phước, Họa.

Phước, Họa liên quan đến thời gian, nên sự may, rủi xảy đến có năm, tháng, ngày, giờ...

Tâm, Trí thuộc về Dương và Âm

Nhưng cả 2 loại Dương và Âm này cũng tạo ra sự sinh hóa của Ngũ hành do tư tưởng (Trí) do tình cảm (Tâm).

Tư tưởng tác động đến tình cảm để sinh hóa ra Ngũ hành (tác động đến Thanh khí, Trọc khí, Độc khí) trong ngũ tạng mà sinh ra Phước, Họa..., tạo nên mầm mống mới từ Trí và Tâm (1).

Chon Trí, Chon Tâm, Lương Tâm dù có sinh động, cũng là Dương và Âm sinh động.

(1)Điện và sự Sáng (của tình cảm và tư tưởng) hòa vào khí, sinh ra nhiều tính chất khác nhau, có phản ứng hóa chất. Hay là, Điện và sự Sáng hòa vào Khí của ngũ tạng sinh ra Thanh khí, Độc khí hoặc Trọc khí trong Nhục thân.

Độc, Ác, Dữ của tư tưởng hòa vào Khí..., sinh hóa ra Độc khí. Phiền não, ưu sầu... hòa với Khí... sinh hóa ra Trọc khí.

Trí suy nghĩ về Lý, Ngũ hành không sinh động, nên không có sự sinh hóa của Ngũ hành.

Lương Tâm sinh động cũng vậy, Ngũ hành chẳng sinh hóa.

Như vậy, Dương và Âm dù có sinh động, nhưng không sinh hóa ra Ngũ hành, thì Dương và Âm sinh động trong sự tiến hóa.

Nhờ vào sự hiểu biết này, chơn đạo và các chánh đạo dùng Chơn Tâm, Chơn Trí, Lương Tâm, tu, sinh hoạt... để hóa giải Họa, Phước của nhục thân, làm tăng sinh động của Tâm, Trí tức là làm tăng sự sinh động của Dương và Âm, hóa giải sự sinh hóa của Ngũ hành, xóa luôn sự Sinh, Diệt của thế giới tự nhiên, xóa “Nghiệp”.

Đến cùng đích chẳng phải dễ, nếu ta không thấu triệt được sinh hoạt.

Trong con người, bộ phận vô hình nào còn vương vào Ngũ hành, và bộ phận vô hình nào sinh động bằng Dương và Âm của sự Sáng của vũ trụ?

- Tâm: thuộc Ngũ hành, do con người tạo nên – *Nó thuộc về địa cầu.*

- Tánh: có Dương và Âm, xuất nguồn từ sự Sáng của vũ trụ, trong đó sinh động Thiên Lý – *Nó thuộc về vũ trụ.*

Tâm là nơi chứa đựng tâm trạng – Tâm trạng có ngũ khí sinh động. Nó có Sinh, có Khắc.

“Sinh, Khắc” là gốc của Phước, Họa – Và Phước, Họa xảy ra cho Nhục thân, là do Tâm vậy.

Tâm ở đâu?

- Ở đầu (não) và liên quan đến ngũ tạng.

Đầu thuộc về Trời (vũ trụ), ngũ tạng thuộc về Thân, thuộc về Đất (địa cầu).

Như vậy, Tâm liên quan đến vũ trụ và địa cầu.

Do đó, người sống bằng phàm tâm còn vương Ngũ hành.

Nghiệp của Tâm chưa dứt, luân hồi (quay đi trở lại để tiến hóa) ở địa cầu.

Tánh thuộc về Dương và Âm của sự Sáng – sự Sáng thuộc về Trí.

Trí sinh hóa ra tư tưởng. Sự sinh hóa này chỉ có Sinh và Sinh mãi, không có Khắc, không có Diệt.

Tánh (tròn nhiên, siêu nhiên) có trong sự Sáng của Trí.

Sự Sáng của Trí được tạo nên do sự Sáng của vũ trụ. Sự Sáng của vũ trụ sinh hóa được nhờ Dương và Âm, trong đó đã có Thiên Lý. Và Thiên Lý xuất nguồn từ Thiên Tuệ.

Hay là:

Thiên Lý có trước sự sinh động, sinh hóa của sự Sáng (thể Sáng) Dương và Âm, do sự xúc tác của Thiên Tuệ vào sự Sáng, sự sống nguyên thủy.

Trí con người được tạo nên từ sự Sáng nguyên thủy của vũ trụ. Nó cũng có Dương và Âm sinh động, sinh hóa, đồng bản chất, bản tính, đồng tính năng với sự Sáng nguyên thủy của vũ trụ.

Từ sự hiện hữu của Trí, đi ngược lại nguồn gốc sinh hóa nó, ta thấy được gì?

- Từ sự sinh động của nó, ta có thể tìm ra bản chất, bản tính và tính năng của vũ trụ, sự sinh hóa với tất cả những gì do sự Sáng (thể Sáng) tạo nên, như Thiên Cơ, Thiên Năng và vô số những hiện tượng khác.

Từ sự xuất hiện của Trí, theo sự diễn tiến của sự tiến hóa, con người có suy nghĩ và có biết mình làm gì không?

- Con người là một tạo vật, một sinh linh có sự Sáng của vũ trụ, mà năng lực này được tăng thêm do sự sinh động và hoạt động do các chức năng của Trí.

Đây là sự cung cấp năng lượng, năng lực cho vũ trụ từ một thụ tạo. Hay là, con người được sinh ra từ năng lực nguyên thủy, rồi sau đó thu hút thêm năng lượng, sức sống và sự sống được tăng thêm, và cuối cùng trả năng lượng, năng lực về cho vũ trụ với chức năng Sinh mà không còn có Diệt nữa. Trạng thái này đưa đến sự hợp nhất của Dương và Âm của sự Sáng.

Trong bốn thể linh thiêng, thể nào còn Dương và Âm sinh động, thể đó đang trong vòng sinh hóa, còn dịch kỳ chuyển động, là còn Sinh còn Diệt. Khi nào Dương và Âm hợp nhất, thể đó tự chuyển hóa, chỉ còn Sinh mà không còn Diệt nữa.

Chương II

SỰ SỐNG

- Con người tìm sự sống
- Sự sống của mọi sức sống ở đâu?
- Sự sống
- Lý
- Những thành tựu phi thường của con người
- Hiện tượng vật lý và sinh lý trong những thành tựu phi thường
- Sự mâu thuẫn trong sự sống

SỰ SỐNG

CON NGƯỜI TÌM SỰ SỐNG

Thông thường, con người đói thì ăn, khát thì uống. No nê, trở nên nhàm chán khẩu vị, một số người tìm của ngon, vật lạ để hưởng thụ, mục đích là mong sống lâu hơn bình thường. Các món ăn được tăng lên rất nhiều, với những tinh hoa, thực lực của cây cỏ, nhưng da vẫn nhăn, má hóp; có người còn hăm cả châu ngọc nhiều ngày để tiêu thụ chất tinh túy được chứa đựng trong chúng, nhưng tóc vẫn bạc, mắt mờ.

Thực phẩm có chất dinh dưỡng cao làm tăng trọng lượng của Nhục thân, ngay cả linh chi có tính dưỡng Thân; Sâm bổ khí trong Huyết cũng không thể làm cho con người sống lâu như rắn, rùa được.

Rắn lột da để trẻ hóa sức sống; rùa thở cực nhẹ, nhờ đó mà tim đập rất nhẹ và chậm, nên cả hai loại có sức sống lâu hơn con người.

Nhục thân không thể sống mãi được, nó bị luật Sinh Diệt chi phối. Người nhận ra được điều được, không coi sự sống của Nhục thân là tuyệt đối quý, mà đi tìm sự sống vĩnh cửu trong chơn Tâm, chơn Trí.

Qui luật Sinh Diệt trong con người là sự tăng, giảm của tinh lực trong Nhục thân. Tinh lực tăng đến tối đa, sau đó giảm dần để đi đến cái chết.

Tại sao?

- Vì Nhục thân thuộc về hữu hình, có lực tăng, giảm, tức là có Sinh, có Diệt. Những gì có Sinh, mà chẳng bị Diệt trong con người?

- Những gì thuộc về vô hình như: Tâm, Trí, Lương Tâm, Tánh, Tình Thương, Đức Tin... chúng có Sinh nhưng không có Diệt.

Con người có thể làm tăng năng lực của chúng, và cũng thể làm giảm năng lực của chúng. Nhưng một khi chúng đã có rồi thì không còn bị Diệt nữa.

Có gì trong tiến trình từ Sinh đến Diệt của Nhục thân?

- Đó là sự diễn tiến của những trạng thái của cơ thể đi dần đến cái chết của Nhục thân. Thông thường, sự diễn tiến những trạng thái này không thay đổi từ lúc trẻ đến tuổi già:

Môi → mệt (1) → yếu (suy nhược) → bệnh → đau đớn (giảm nội lực) →
→ chết (nội lực kiệt: cái chết của Nhục thân)

(1) Mệt thân: do sự mỏi của cơ bắp. Sự mỏi này do sự vận động quá sức chịu đựng của cơ bắp... thuộc về Huyết. Mệt do hệ Khí: hô hấp không được điều hòa, do trược khí và độc khí Mệt Tâm: đưa đến mệt Thân, và làm suy nhược hệ thần kinh.

Người đã lớn tuổi, nếu không có những trạng thái trên đây, có thể trường thọ, trường sinh (đời sống mạnh của Khí thân, Điện thân... Sau cái chết của Nhục thân), trường sinh bất lão (sự hiểu biết của Trí khôn rất linh hoạt, như lúc thanh niên), cải lão hoàn đồng...

Trường thọ: không bệnh tật, không mệt mỏi, khí, huyết mạnh, tinh thần linh hoạt. Nhục thân trường thọ.

Trường sinh: Thần, Khí mạnh. Nội lực đầy đủ. Các loại thân khác đã có khả năng hoạt động khi Nhục thân đang sống.

Trường sinh bất lão: làm ngược lại sự diễn tiến của sự sinh hóa, hay là làm chủ được hệ thần kinh thực vật bằng cách điều khiển cho tim và phổi ngưng hoạt động, thì các tế bào không già. Trong sự nhịn ăn, hoặc do cách lấy năng lực vũ trụ vào (lấy sự Sáng hay là sự Sáng tự sinh động để sinh hóa ra những thể khác mà không có CO_2 (1) trong các thức ăn) để bổ túc cho những năng lực và lực hao hụt mà không cần đến ăn uống. Đây là cách làm ngược lại diễn tiến thông thường, là lấy lực bên trong ra nuôi thân thể mà không cần đến thực phẩm và thức uống từ bên ngoài đưa vào. Vì vậy, mầm bệnh trong bộ tiêu hóa tự diệt.

Cải lão hoàn đồng: muốn trở lại trạng thái nhi đồng, phải đi ngược lại diễn tiến của sự sinh hóa:

“Hoàn đồng” tinh hoàn, hay là tinh hoàn thì có, nhưng tinh trùng không sản xuất. Mạch Xích (mạch của Thận) ở cườm tay trái ngưng động.

Nếu bộ sinh dục teo nhỏ lại, đó là hiện tượng Tinh hóa Khí (Khí thân trở nên mạnh mẽ, có khả năng hóa to, nhỏ tùy theo siêu Ý).

Những biến đổi trong sự hoàn đồng: Âm thanh trong, tóc đen da bóng. Hệ thần kinh tốt, hệ nội tiết, hệ miễn nhiễm như trẻ thơ. Tánh hồn nhiên, vui vẻ...

Sự tìm kiếm luôn tiếp diễn

Con người bắt đầu tìm những gì tạo cho mình sự sống vĩnh cửu với những thực vật. Nhưng, thức ăn uống chỉ làm cho Nhục thân được trường thọ.

Con người đi tìm từ bên ngoài trước dần dần khám phá ra nội lực và biết được trong Nhục thân có những loại thân khác được hình thành với những bộ

(1) CO_2 là một trong những nhân tố và cũng là một độc tố làm cho tế bào của Nhục thân lão hóa nhanh. Do đó, người dùng rau quả nhiều, ít bệnh và lâu già hơn những người dùng các thức ăn chế biến từ động vật chứa nhiều CO_2

phận, cơ quan vô hình được đưa vào sinh hoạt của đời sống. Từ đó, nhiều khoa được tạo nên như châm cứu, thôi miên v.v...

Càng hướng sự quan sát, sự suy nghĩ của Trí khôn vào trong, con người khám phá ra, chính mình có nhiều loại lực ngoài tinh lực và khí lực, còn có cả thần lực, huyền lực, huyền năng. Và cuối cùng mới cảm nghiệm được sự sống (sự hằng sống) ngay trong bản thân mình, mà hiệu quả của nó là “sự sống cảm ứng được với nguồn gốc của sự sống qua sự mạc khải”.

Trong sự diễn tiến đi tìm sự sống, con người trải qua:

- Dưỡng sức sống
- Luyện
- Tu
- Sống đạo

Trong “Luyện nội lực”, đã sẵn có cách nuôi dưỡng sức sống.

Trong Tu, đã sẵn có Luyện và Dưỡng sức sống.

Trong sống Đạo đã sẵn có tu luyện và Dưỡng sức sống.

Sự tìm kiếm luôn tiếp diễn, mặc dù vậy, những sự suy nghĩ của con người luôn bất đồng, có người coi sinh hoạt là sự sống của chính mình. Và tùy theo mục đích hướng về sự tiến hóa của một đời sống (vật chất, tinh thần, tâm linh) mà lý thuyết, chủ thuyết (1), Đạo lý... được tạo nên).

1. Hướng về sự tiến bộ, tiến hóa, sung mãn của tài sản..., nhiều thuyết về kinh tế, tài chánh được phổ biến.
2. Hướng vào đời sống tinh thần: có nhiều sáng tạo về Triết lý. Mục đích của Triết học là áp dụng Triết lý vào đời sống nội tâm để nâng cao tâm hồn lên.
3. Hướng vào đời sống tâm linh: có sáng tạo về Đạo lý.

Mục đích của sống Đạo là áp dụng Đạo lý vào đời sống tâm linh để sinh hoạt bằng sự màu nhiệm và linh thiêng.

- Nhận xét về các đời sống (vật chất, tinh thần, tâm linh) để rõ được mức tiến hóa của một cá nhân, gia đình, bộ tộc, dân tộc..., chỉ cần:

- + Quan sát sinh hoạt, tập quán, phong tục.
- + Tín ngưỡng.
- + Sách báo, nghệ thuật, mỹ thuật.

Việc tìm kiếm luôn tiếp diễn dù với Trí khôn cực thông minh được tạo nên do ngũ giác quan, nó cũng không thể cảm nghiệm được nguồn gốc sinh hóa.

Trí khôn là một tạo vật. Như vậy, đã là một tạo vật thì “chẳng có một tạo vật, hay sự thụ tạo nào tự có” kể cả sinh linh, con người. Nhưng rất ít người tự hỏi,

(1) Lý thuyết: Lý dùng để học hỏi, phân tích, nghiên cứu.

Chủ thuyết: là một lý thuyết, căn cứ trên đó mà thực hiện, thực hành tư tưởng của sáng tác gia.

con người sinh để làm gì, và tiến hóa đến đâu?

- Được sinh ra, con người có khả năng tạo thêm năng lực cho vũ trụ. Và với những bộ phận vô hình và mẫu nhiệm, đời sống con người được kéo dài đến mức trường sinh, sau đó đến hằng sống.

Cũng nhờ những bộ phận vô hình này, con người có thể cảm ứng được với Thiên Năng, Thiên Cơ và Thiên Lý qua sự sinh động vô hình của Dương và Âm trong đó.

Đời sống con người có thể kéo dài đến mức trường sinh, đến sự sống, hay sự hằng sống. Trường sinh, có nhiều người đạt được, nhưng mức hằng sống tuy có, nhưng rất mơ hồ và trừu tượng đối với con người bình thường.

Nói đến sự hằng sống, dĩ nhiên phải có những gì biểu hiện của sự sống.

Trạng thái và những hiện tượng nào biểu hiện cho sự sống?

- Hiệu quả cuối cùng làm cho sự sống (sự Sáng) trở nên hằng sinh động là sự giác ngộ Nguyên Lý vũ trụ (“sự Hiểu tức thì và tự động” không qua chức năng Biết và cảm nhận).

Sự Hiểu này chứng thực là có Tuệ hiện hữu (siêu siêu Trí hiện hữu) và hoạt động. Nó làm cho con người luôn tỉnh thức, không còn ngủ nữa (1), và con người không còn vướng vào vòng Sinh, Diệt, vì vậy mà sự chết không còn.

Trạng thái này là kết quả của Hư vô (trạng thái chơn không) của Trí, Tâm và Thân (tương tự như trạng thái sống của thai nhi trong bụng mẹ). Và từ sự Hư vô, mà 3 nhân tố đó trở nên Chơn Thân, Chơn Tâm, Chơn Trí.

Chơn Thân:

Nhục thân khỏe, vì không còn gốc (mầm mống) của bệnh.

a. Huyết:

Lưu thông tốt trong mọi thời gian, toàn thân luôn ấm áp, tay chân không lạnh, cơ bắp mềm mại.

Liên quan trực tiếp đến Huyết là các Tạng, Phủ. Và liên quan đến Thanh huyết (huyết sạch) là nước miếng ngọt, hơi bốc lên từ bao tử có mùi thơm (hơi thơm hơn hơi thở của trẻ con khi chưa biết ăn, chỉ uống sữa). Nước tiểu trong, phân màu vàng. Tiểu tiện, đại tiện nhẹ nhàng, tạo sự thoải mái cho Nhục thân(2).

Thân thể hoạt động nhẹ nhàng và có sự mềm mại như thân thể của trẻ con.

b. Khí (nội tức, chơn tức).

Nội tức (thở bên trong): Sự hư vô của Tâm của Trí (vô tâm trạng, vô tư tưởng, nhưng luôn ý thức được trạng thái hư vô) đưa đến sự đổi thay của hô hấp bình

(1) Khi con người suy nghĩ, sự Sáng của Trí hoạt động, con người không thể ngủ được, khi Trí thông minh hiểu, càng không thể ngủ được, phương chi khi Tuệ đang hiểu, con người luôn tỉnh thức. Đến khi nào, Trí hoạt động trở lại bình thường, lúc đó mới ngủ được.

(2) Dây cũng là một yếu tố của chơn phước mà con người được hưởng ở Nhục thân, trong đó có sự ngủ ngon, ăn ngon, tiêu hóa, bài tiết tốt...

thường. Hay là, sự hô hấp bằng phổi ngưng hoạt động do sự hư vô của Tâm, Trí, mà dịch kỳ của hô hấp nhẹ dần và chuyển sang nội tức.

Cách thở này biến khí trong Nhục thân thành một mảng khí mang vóc dáng của Nhục thân. Không khí ra vào qua các lỗ chân lông.

Chơn tức (thở bằng não): Khi trạng thái Hư vô của Tâm và Trí kéo dài, thì nội tức chuyển sang chơn tức, là cách thở bằng sự Sáng ở não.

Sự Sáng ở não cung cấp nhân điện và khí cho Nhục thân. Nhờ vào sự cung cấp này, mà năng lực trong các kinh, lạc thông với nhau, tức là khí Dương và Âm hòa nhập vào nhau, nên không còn sự chuyển động có dịch kỳ của Dương khí và Âm khí trong Nhục thân nữa.

Chỉ khi nào Dương khí và Âm khí hòa nhập vào nhau, lúc đó Khí thân mới có thần lực mạnh nhất.

Sự lưu thông toàn hảo của “chơn khí” (khí hợp nhất) trong kinh, lạc trong toàn thể Nhục thân tạo ra một hiện tượng khác thường ở các khiếu (7 khiếu của người nam, 9 khiếu của người nữ). Khi “chơn khí” hoạt động, các khiếu đều sạch, không còn sự bài tiết hoặc tụ đọng của những chất dơ bẩn, như mắt không còn ghèn; tai, mũi không có chất dơ.

Tóm lại:

Chơn thân, mà con người đạt được là một trạng thái của Nhục thân thu hút năng lực, năng lượng trực tiếp của vũ trụ qua nội tức, và chơn tức với sự ngưng hoạt động của tim (1) và phổi.

Sự ngưng hoạt động của tim và phổi làm cho Huyết và Khí không còn dịch kỳ chuyển động nữa. Nó đưa hai thể này về trạng thái nguyên thủy. Như vậy, diễn tiến của sự sinh hóa không còn, trái lại, nó tạo ra sự chuyển động ngược lại, đó là sự chuyển hóa từ sinh động trở về trạng thái hư vô, tức là mọi sức sống trở về sự sống (sự hằng sống).

Trong sự sinh hóa, năng lực tuyệt đối mạnh sinh ra những lực khác có tính tương đối mạnh, như huyền lực, thần lực và tinh lực, tức là có sự giảm dần về cường lực.

Trong sự chuyển hóa, trái lại, có sự tăng trưởng về cường lực đến mức tuyệt đối của trạng thái nhất nguyên, mà trong cơ thể con người, đó là sự hư vô của Tâm và Trí.

Trạng thái nguyên thủy này khác với trạng thái nguyên thủy về Khí, Huyết của trẻ thơ, vì các thể linh thiêng (sự Sáng, Điện, Khí, Huyết) trong người trưởng thành đã được phát triển đến một mức cao hơn, tức là nội tức đã có đầy đủ, để có thể dùng được trong sự hiện thực những sự phi thường do siêu Ý, hoặc siêu siêu Ý điều khiển.

(1) Máu không còn dịch kỳ chuyển động, mỗi đơn vị của máu tự động sinh động, tự tạo lấy sức sống cho nó.

Nhờ ở sự ngưng động của tim và phổi mà những gì liên quan đến hai hệ khí huyết như các cơ quan, chức năng, các kinh, lạc, mạch, tế bào v.v... đều được lành mạnh hóa tức là những mầm mống của bệnh thuộc về khí, huyết đều bị diệt do sự thanh tẩy những độc tố tiềm ẩn sinh động trong hai hệ đó bằng thanh khí thấm nhập trực tiếp qua da. Nhờ oxy thấm nhập trực tiếp qua diện tích rộng lớn của da, mà các tế bào của ngũ tạng, lục phủ, đầu, não v.v... đều lành mạnh do thanh khí trực đẩy độc khí, trược khí ra ngoài (1).

Trong trạng thái này, không còn sức sống luân phiên chuyển động trong hai hệ khí, huyết nữa, tức là không còn dịch kỳ của khí, huyết nữa, mà chỉ có một mảng khí mang hình dáng của Nhục thân. Chính sự biết của con người cảm nghiệm được sự sống của thể linh thiêng, hay là con người ý thức và cảm nghiệm được sự sống của khí cũng là thần lực của khí đang sinh động vậy.

Tóm tắt:

“Chức năng chuyển động của khí, huyết không còn, thì sức sống của hai thể này không còn tăng, giảm, không còn Sinh, Diệt. Trong sự hợp nhất đó, toát ra sự sống, tức là trong trạng thái Hư vô, toát ra sự sống, chỉ có duy nhất sự Sinh (sự sống) và “tự động sống”.

(1)Hiện tượng của da ngứa cũng là hiệu quả của sự thanh tẩy của độc khí, của trược khí do sự thấm nhập của oxy vào đến tận các tế bào. Và độc khí, trược khí được đẩy ra ngoài.

SỰ SỐNG CỦA MỌI SỨC SỐNG Ở ĐÂU?

Trăm năm vô thường (1) luôn thấy rõ trong tuổi tác. Ai cũng có thể nhìn rõ được sự biến đổi hình dáng của cha mẹ, lúc trẻ đến già, rồi chết. Đến phiên mình, từ trẻ đến già, yếu và sự lớn dần của con cháu từ tuổi thơ đến trưởng thành.

Đây là sự diễn tiến của thời gian của sức sống.

Vậy, sự sống của mọi sức sống ở đâu?

- *“Cái nhìn ra được sự diễn tiến của thời gian của sức sống là sự sống vậy. Nó là sự Sáng của trí khôn của con người”.*

Con người, hầu như suốt cuộc đời, chỉ tìm hiểu cái bên ngoài (sự vô thường nằm ở bên ngoài) mà không quay vào trong để tìm sự sống (sự chọn thường nằm ở bên trong).

Sự vô thường, chọn thường trong 2 vũ trụ là huyền bí, chúng sinh động trong sự hằng sống, sức sống và sự chết của Nhục thân.

Những gì liên quan đến vũ trụ đều có những huyền bí trong đó, nhất là những gì có sự sinh động của sự Sáng và Điện, vì hai thể linh thiêng này là hai thể cơ bản của vũ trụ. Và sự sống, sức sống và sự chết của Nhục thân con người sinh động bằng hai thể này mà người ta thường gọi là số mạng.

Đó là mối liên hệ huyền bí mà con người ít quan tâm đến, và chưa khám phá ra.

Thật ra, trong con người, sự sống con người nằm trong sự Sáng (thể Sáng) còn sức sống và sự chết của Nhục thân do ở nhân điện, do ở cường độ của nhân điện trong 2 hệ thống của thân kinh, nhất là hệ thân kinh thực vật (hệ đối giao cảm)(2).

Trường thọ hay đoản thọ của Nhục thân đều do cường độ nhân điện trong hệ đối giao cảm.

Nếu làm chủ được hệ này, con người mới sống được bằng sự Sáng, tức là sự sống con người hòa nhập vào sự sống của vũ trụ và hằng sinh động như đại vũ trụ vậy.

Tóm lại:

Huyền bí trong đời sống con người là sự sống, sức sống và sự chết của Nhục thân.

(1) “Vô thường” là tính cách không tồn tại, không thường xuyên hiện hữu. Nó luôn biến đổi, con người khó nhận ra, và cả đời sống bị nó lôi cuốn theo. Còn “chọn thường” có tính tồn tại vĩnh cửu, không bị biến đổi.

(2) Liên quan đến hệ thân kinh thực vật, số nhịp tim đập đã định sẵn, như vậy số mạng đã có thời gian. Nếu tâm trạng dao động mạnh, chất men làm cho nhịp tim đập mau và nhiều, thì thời gian của tuổi thọ rút ngắn lại. Ngược lại, nếu con người có thể điều khiển cho tim ngưng đập, phổi ngưng thở, thì người đó có thể vượt quá thời gian của số mạng đã được định sẵn.

Người đời coi sức sống của Nhục thân và sự chết của nó là quan trọng. Họ coi trọng Nhục thân mà không quan tâm tìm hiểu sự sống vĩnh cửu là sự Sáng sinh động trong não bộ, mà hoạt động của nó được biểu lộ dưới dạng các thể Trí (Trí, siêu Trí và Tuệ).

1. Những sinh động thuộc về vũ trụ, về tạo vật

Có mấy loại sinh động, những sinh động nào thuộc về vũ trụ và những sinh động nào thuộc về tạo vật?

Có 3 loại sinh động:

- a. Sinh động hữu hình là những loại mà giác quan con người nhận được.
- b. Sinh động siêu hình: loại mà trực giác quan con người nhận được.
- c. Sinh động siêu siêu hình (mà ta thường gọi là vô hình): giác quan con người không nhận được, nhưng con người nhờ sự Sáng của Trí mà ý thức được, như sự sinh động vô hình của trạng thái hư vô.

Nếu linh giác nhận được, hình ảnh đó thuộc về hình ảnh siêu siêu nhiên.

Thời gian sinh động gồm có mấy loại?

Có 2 loại:

- a. Sinh động có động có tĩnh (có nghĩ).
- b. Sinh động vô tận, như sự sinh động của vũ trụ.

Những sinh động nào thuộc về vũ trụ và những sinh động nào thuộc về tạo vật?

- *Những sinh động hữu hình và siêu hình thuộc về tạo vật. Chúng sinh động có giới hạn về không gian và thời gian.*

Còn những gì sinh động không có giới hạn về không gian và thời gian, tức là vô thời hạn, vô tận, vô sinh (không được sinh ra từ tạo vật, có sinh và sinh động mãi mãi) thì thuộc về vũ trụ.

Trong con người, sự sinh động vô tận ở đâu?

- Ở siêu siêu Trí (Tuệ) của con người. Nó là sự Sáng của Trí bức xạ thành năng lực của vũ trụ, cũng là năng lực nguyên thủy của vũ trụ.

Biết được như vậy, muốn hòa nhập vào sự sống của vũ trụ, con người chỉ cần ngưng những gì sinh động có giới hạn. Và chỉ để cho những sinh động thuộc về vũ trụ sinh động mà thôi.

2. Cái gì tồn tại mãi mãi?

Trong vũ trụ, các tạo vật to lớn như các hành tinh đến cực nhỏ như vi trùng, vi khuẩn, những hiện tượng trong thiên nhiên, trong tự nhiên... đều có Sinh rồi lại Diệt. Nhưng, Thiên Lý, Thiên Cơ, Thiên Năng tồn tại mãi, và những gì có tính tự hữu, hằng hữu và vô sanh.

“Sự tự hữu (bao gồm bản chất, bản tính và tính năng tự hữu) có trong mỗi tạo vật từ tạo thiên lập địa đến nay đã sẵn có trong sự hằng hữu mà bản chất của nó là sự Sáng (thể Sáng).

Đây là sự rộng lớn mệnh mang có sự sống và thời gian vô tận như vũ trụ mà con người có được trong Trí và trong Lương Tâm.

Những cái mà con người coi là có từ ngày nay và do di truyền của loài người, thì tất cả vốn đã hằng hữu (1) (hằng có) rồi.

a. Sự phi thường trong sự bình thường: là sự sinh động vô hình.

Con người, hầu hết chỉ thấy sự bình thường của hiện tượng qua giác quan, nhưng không nhận ra được sự phi thường trong sự bình thường.

Đó là sự sinh động vô hình bên trong hiện tượng được coi như là một huyền bí. Nhưng, nếu hiểu được sự sinh động đó, thì điều đó không còn là một huyền bí nữa, mà nó là một thực tế.

Thí dụ: Sắc diện con người là một hiện tượng bình thường, nhưng sự phi thường huyền bí trong sắc diện đó là sự sinh động vô hình của Phước hay Họa sẽ xảy đến cho người có sắc diện đó.

Sắc diện con người chứa đựng một huyền bí, nhưng sự việc đã xảy ra (Phước, Họa) rồi, đó là một thực tế không còn huyền bí nữa.

Điều này chứng minh điều gì?

- Nó chứng tỏ, *“có một sự sinh động vô hình (hay động lực vô hình) luôn luôn sinh động trong mọi hiện tượng, mọi tạo vật hữu hình và siêu hình”.*

Đòi với đời sống, có cần thiết hay không để con người biết và hiểu được sự sinh động vô hình này?

- *Sự sinh động vô hình luôn luôn sinh động trong 3 cõi giới Thân, Tâm, Trí liên quan đến Phước; Họa; Đức, Ác đức và Đạo.*

Nếu con người hiểu biết và điều khiển được sự sinh động vô hình, người đó mới sống và sinh hoạt bằng Phước tính, Đức tính và Đạo tính, tức là người đó sống và sinh hoạt bằng ba Thiên Ân luôn có trong vũ trụ với tính toàn hảo của nó.

b. Sự cảm ứng của các loại lực của tiểu vũ trụ (con người) và vũ trụ:

- Thủy cảm ứng với Thủy (các thể lỏng cảm ứng với thể lỏng).
- Khí cảm ứng với Khí (các loại khí cảm ứng với các loại khí).
- Điện cảm ứng với Điện (2) (các loại Điện cảm ứng với các loại Điện

(1) *“Hằng hữu, tự hữu cũng là vô sanh”, nghĩa là không có gì sinh ra nó, mà nó đã có sẵn rồi. Vậy, nó là nguyên thủy tự hữu, nên có tính vô tận.*

(2) *Thần giao cách cảm: là sự cảm ứng của nhân điện với nhân điện qua sự rung động của tần số. Sự rung động của tần số được khởi động bằng tư tưởng, mà mức độ tỏa ra của tần số do cường độ mạnh, nhẹ của nhân điện trong tư tưởng.*

“Tĩnh hay Động”).

- Sự Sáng (thể Sáng) cảm ứng với sự Sáng.

Các cơ quan, bộ phận hữu hình và vô hình, tạng phủ trong con người hoạt động với loại lực nào, những loại lực đó có thể cảm ứng được với Lực cùng loại trong vũ trụ

Như, sự Sáng của Tuệ (siêu siêu Trí) cảm ứng và hòa nhập được với sự Sáng của vũ trụ trong đó đã sẵn chứa Nguyên Lý của vũ trụ. Nhờ sự hòa nhập này, mà con người giác ngộ (hiểu tức thì không qua chức năng suy nghĩ) được Nguyên Lý của vũ trụ.

Bản tính của sự Sáng là sự mâu nhiệm. Do sự cảm ứng mà sự mâu nhiệm của sự Sáng có thể hòa nhập với sự mâu nhiệm của vũ trụ. Hay ngược lại, sự Sáng, sự mâu nhiệm của vũ trụ có thể hòa nhập vào sự Sáng của tiểu vũ trụ.

Ứng dụng:

Biết được sự chứa đựng các loại năng lực và hoạt động của mỗi cơ quan, bộ phận..., con người có thể dùng nó mà cảm ứng được với các loại lực và năng lực trong vũ trụ.

c. Sự sống và sự hằng sống trong sự tự tạo.

Bất cứ một bộ phận nào trong con người, dù vô hình như Trí và các chức năng của nó (như Trí quan sát, Trí nhớ, Trí suy nghĩ) mà hoạt động, thì sự sống đó vẫn sinh động trong tiểu vũ trụ, tức là còn trong giới hạn. Sự sống đó chưa đạt đến mức hằng sống của vũ trụ.

Khi sự sống không còn động trong giới hạn nữa mà vẫn sống, thì sự sống đó tự tạo lấy năng lực cho nó và hằng sinh động trong “trạng thái cực tĩnh”. Nó tăng năng lực và bức xạ thành năng lực vũ trụ.

Trong con người, bộ phận và chức năng này chỉ có một. Đó là Trí thông minh (một bộ phận vô hình chứa đựng sự Sáng do Trí quan sát, Trí nhớ, Trí suy nghĩ cung cấp và chức năng của nó là Hiểu).

Trong đời sống bình thường bằng các giác quan làm sao và lúc nào, con người nhận ra được bản thể của vũ trụ?

- “Sự thanh lặng trong thiên nhiên (1) toát ra bản thể của vũ trụ (Trời Đất) với sự mất đi không gian và thời gian của nó” mà con người nhận được qua giác quan (vì qua giác quan con người nhận ra không gian và thời gian).

Người nào ở trong thanh lặng hoàn toàn cảm nghiệm được trạng thái đó, thì người đó có thể tu luyện, tiến bộ bằng cách “thanh lặng hóa” hay “Tĩnh hóa”

(1) Người sống ở thành phố lớn, sinh hoạt nào nhiệt cả ngày lẫn đêm, không thể thấy và cảm nghiệm được sự giao hòa của Trời Đất, của Dương và Âm, phương chi là thấy được sự sống sinh động trong Dương và Âm, trong Trời Đất.

mọi chức năng vô hình trong Thân, Tâm, Trí của mình.

Hay là:

“Cảm nghiệm được sự Hư vô của vũ trụ bằng sự Hư vô của chính mình, thì sự sống của chính mình hòa nhập vào sự sống của vũ trụ”

SỰ SỐNG

Con người có kỳ vọng, hoặc vì hiểu kỳ muốn biết, muốn hiểu về sự sống của vũ trụ, nhưng không thể đạt được theo ý muốn.

Lấy cái hữu hạn để đo lường cái vô hạn, vô tận thì không thể làm được.

Tuổi thọ con người kéo dài trên dưới 100 năm, làm sao biết, hiểu được sự sống vô tận của vũ trụ. Giả như, ta có lấy tuổi thọ của loài người, luôn cả trí khôn được tạo nên qua ngũ giác quan từ con người nguyên thủy đến nay, con người sống bằng Nhục thân cũng không thể nhận ra được sự sống.

Như vậy, con người không thể hiểu, biết và cảm nghiệm được sự sống hay sao?

- *Không hẳn như vậy, duy chỉ có sự sống (sự Sáng) mới cảm biết, giác ngộ được sự sống của vũ trụ.*

Sự sống trong con người là sự Sáng (thể Sáng) của Trí, nhưng phải là sự Sáng bức xạ của siêu siêu Trí (Tuệ) mới hòa nhập được vào bản chất, bản tính và tính năng của sự Sáng của vũ trụ.

(Chỉ trong sự hòa nhập của sự sống, sự Sáng của con người vào sự sống, sự Sáng của vũ trụ, con người mới cảm nghiệm được sự sống của vũ trụ. Nhưng, con người luôn muốn thấy sự sống như một đối tượng theo tính chủ quan để làm chủ và điều khiển luôn cả năng lượng, năng lực nguyên thủy này theo tham vọng của mình) (1).

Sự hòa nhập của sự Sáng của Tuệ vào trong ba chức năng của vũ trụ:

- Hòa nhập vào Nguyên Lý: nên giác ngộ.
- Hòa nhập vào Thiên Cơ: rõ được Vận.
- Hòa nhập vào Thiên Năng: nên sự Sáng của não, của 3 loại Trí trở thành năng lực tự tạo, tự sống.

Có thể nói: “Sức sống hữu hạn của Nhục thân với Trí khôn của nó không thể đo lường được sự sống, nhưng trong con người chứa đựng luôn cả sức sống hữu hạn và sự sống vô tận”.

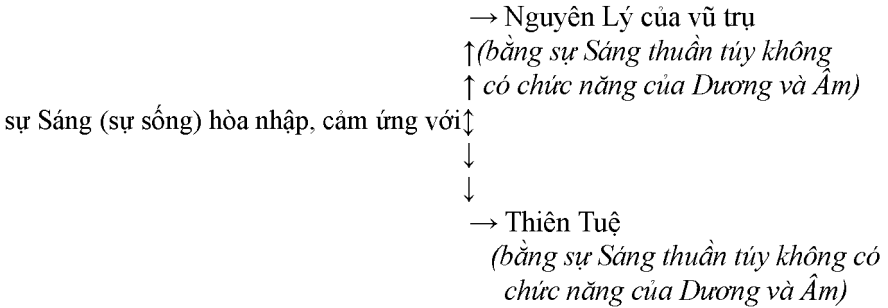
Nói cách khác là:

“Cái gì có sự sống mới có thể hòa nhập vào sự sống, sự hằng sống của vũ trụ, vào Nguyên Lý của vũ trụ và cảm ứng được với nguồn gốc sinh hóa”.

Trong con người, sự sống đó là sự Sáng.

(1) Tham vọng đưa con người đến sự tìm kiếm một loại năng lực có sức hủy diệt mạnh hơn bom nguyên tử, đó là bom ánh sáng, hay vũ khí hủy diệt bằng ánh sáng (thể Sáng).

Hay là: Chỉ có sự Sáng của Trí (Trí, siêu Trí và siêu siêu Trí) trong não con người mới hòa nhập vào Nguyên Lý của vũ trụ (cũng là nguồn gốc sinh hóa ra vũ trụ, sinh hóa ra các tạo vật siêu siêu hình, siêu hình và hữu hình) và cảm ứng được Thiên Tuệ - nguồn năng tạo ra Nguyên Lý của vũ trụ.



(Nếu có Dương và Âm sinh động, đó là trạng thái đang sinh hóa của Dương và Âm. Trạng thái thuần túy không có chức năng của Dương và Âm, đó là tổng thể của thể nguyên thủy – là sự Sáng nguyên thủy chứa đựng Nguyên Lý, khi thể này chưa sinh hóa ra các tạo vật.

Khi Dương và Âm sinh động, sinh hóa thì Nguyên lý vẫn tồn tại sinh động, hằng hữu trong chúng).

Người đời thấy Nhục thân hoạt động, biết được mình còn sống, nhưng khi Nhục thân chết, không còn thấy được sự sống bằng nhãn quan nữa, nên gọi là chết.

Con người có chết không?

- Nhục thân, có sống có chết, nhưng khi Nhục thân chết, sự sống vẫn tiếp diễn. Vì sao sự sống vẫn tiếp diễn được?

Vì “sự sống là một năng lực tự tạo lấy năng lực cho nó để sinh tồn”.

Trong con người, “năng lực tự tạo lấy năng lực” thuộc bộ phận nào?

- Nó thuộc về Trí mà “bộ phận (hay chức năng) để tạo ra năng lực là Trí thông minh”. Đây là sự sống (sự Sáng) tự sinh động lấy để tự tạo thành năng lực của vũ trụ. Nhưng để đạt đến sự sinh động này, con người nhờ ở chức năng suy nghĩ của Trí, tức là nhờ ở Trí suy nghĩ hoạt động mà sự sinh động của sự sống (sự Sáng) được tạo nên sự tự động.

Trong con người, chỉ có hai chức năng, suy nghĩ và thông minh của Trí thuộc về vũ trụ, vì chúng tạo nên sự Sáng (sự sống) đồng bản chất, bản tính và tính năng của sự Sáng của vũ trụ, khi sự Sáng (sự sống) của Trí con người đạt đến sự sinh động vĩnh cửu như sự Sáng của vũ trụ.

Còn sự Sáng của Trí quan sát, Trí nhớ còn liên quan đến địa cầu, liên quan đến

Và trường độ của thời gian sinh động của nó thuộc về sức sống của thể linh thiêng đó (như Điện, Khí, Thủy), hay là sức sống của mỗi cõi giới.

Tóm lại, *chỉ có sự Sáng Dương và Âm thuận tùy sinh động trong hai chức năng sinh hóa và chuyển hóa, có Sinh mà chẳng có Diệt.*

“Sinh mà chẳng Diệt, nên sự Sáng tăng”.

Và những gì dính dáng đến sự tương đối của thời gian, còn có sự sống, sự chết, vì nó còn trường độ.

Những gì không có yếu tố thời gian, hay là không còn yếu tố thời gian (do sự chủ động tiến hóa) thì không có sự chết.

Trong cấu trúc con người, Huyết (máu), Khí, Điện còn dính dáng đến yếu tố thời gian, chúng liên quan đến sự sinh, sự diệt, để tiến hóa – Chỉ có một thể duy nhất là sự Sáng, thể này chẳng dính dáng đến sự chuyển động của vũ trụ, của các hành tinh (tức là đến Vận, Thiên Cơ), thể này hằng sống.

b. Nguồn gốc của mọi tạo vật trong Thân, Tâm, Trí

Trong con người, mức độ mẫu nhiệm cao nhất sinh động trong sự Sáng (sự sống). Nó là nguồn gốc tạo mọi tạo vật.

Nói đến tạo vật là nói đến sinh hóa trong 3 cõi Thân, Tâm, Trí. Nhưng trong mọi sinh hóa, điều kỳ diệu nhất là sự sinh hóa ra tư tưởng.

Tư tưởng là một tác tạo do sự xúc tác của sự Sáng. Từ tư tưởng, nảy sinh hóa khác có tính cách dây chuyền là tình cảm và cảm tính, cảm xúc.

Xúc tác là một động lực của sự Sáng. Một động lực có tốc độ, có cường độ, vì vậy mà tư tưởng được nảy sinh nhanh hoặc chậm (người trưởng thành, tư tưởng nảy sinh nhanh; trẻ thơ chậm hơn. Nhanh tức là có sự Sáng nhiều). Cường độ: có khả năng suy nghĩ được lâu (trẻ thơ không suy nghĩ được lâu, trừ ra các thần đồng; Trí đã tiến hóa, nay tiếp tục tiến hóa).

c. Xúc tác là một động lực và cũng là chức năng cần thiết cho sự biến hóa mà nguyên động lực là sự Sáng

Sự sống, sự sáng tạo ra sức sống siêu nhiên đối với địa cầu là mặt trời.

So với sức sống tự nhiên của thể giới tự nhiên, thì sức sống siêu nhiên là sự sống của thể giới tự nhiên.

Mặt trời là sự sống siêu nhiên tạo ra sức sống tự nhiên. Nó nuôi dưỡng và tăng trưởng cho mọi tạo vật của thể giới tự nhiên. Nhưng mặt trời là tạo vật của sự Sáng, nó là sức sống siêu nhiên được tạo nên do sự Sáng.

Thực lực của mỗi thể là Dương và Âm của thể đó. Nhưng năng lực nguyên thủy để nuôi dưỡng mọi thực lực là sự sống, sự Sáng.

Nó rơi vào thực lực của thể nào, thì thể đó tăng trưởng. Hay là, sự Sáng, sự sống rơi vào thực lực của một thể nào, thì thể đó tăng sức sống. Nhưng sự sống,

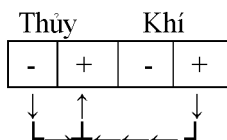
sự Sáng phải ở vào mức độ cực sáng, cực mạnh, cực sáng suốt.

Đối với Trí, đó là Trí thông minh phải ở trong trạng thái tỉnh thức, lúc đó Trí quan sát mới đưa sự Sáng soi vào thực lực của những thể khác được. Như Trí soi sự Sáng vào sự sinh động của Huyết (Thủy), của Khí, hoặc của Điện.

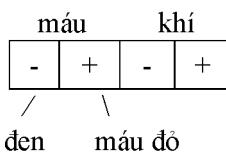
Sự xúc tác của sự Sáng, sự sống vào một thể khác sinh hóa ra một phản ứng vật lý (cũng là sinh lý), một hiệu quả làm tăng thêm lực.

Như, khi thể nhẹ hòa nhập với một thể nặng và yếu hơn thì thể yếu hơn được tăng thêm lực.

Thí dụ: Khí hòa nhập vào Thủy Âm (máu đen) thì thể Thủy tăng thêm năng lực để biến thành Thủy Dương.



Hay là:



Sự Sáng, sự sống có khả năng xúc tác những thể khác, nhưng thực lực của nó có thể làm cho chính nó tăng trưởng được không?

- Thực lực của năng lực mạnh nhất tự nó tăng trưởng, khi Dương và Âm của nó ngưng tác động, và ngưng sinh động trong chức năng của nó.

Thí dụ: mọi chức năng của Trí ngưng hoạt động (nhưng chỉ còn lại ý thức của trạng thái hư vô), thì sự Sáng của Trí tự nó tăng trưởng.

d. Sức sống trong sự sống

Những gì tồn tại mãi thì thuộc về sự sống. Những gì có Sinh, tăng trưởng và bị hủy diệt, thuộc về sức sống.

Trong sinh hoạt bình thường của đời sống, con người có thể nhận ra một loại sự sống trong đó. Như tình thương tồn tại mãi qua tổ tiên, ông bà, cha mẹ, con, cháu đến hậu duệ.

Thân thể con người là sức sống, còn tình thương nối tiếp mãi là sự sống.

Cũng như hạt giống chứa đựng sự sống, còn thân, cành, lá, trái... là những sức sống. Sức sống này bị đổi thay, nhưng sự sống vẫn tiếp diễn mãi mãi trong hột giống.

- Thân cây, cành lá: được coi như thân thể.
- Trái : là tâm hồn.
- Hột : là linh hồn, cũng là sự sống, nó tiếp diễn mãi mãi.

(Người hiểu rõ sự sống và sống bằng sự sống thì không bao giờ chết cả).
Trong cả hai vũ trụ, có “vô tận sức sống” sống trong sự sống nguyên thủy.

Như nước biển sinh ra vô số sinh vật, và những sinh vật đó sống trong nước biển.

Cũng vậy, sự Sáng của Trí sinh hóa ra nhiều tư tưởng không thể nhớ hết, và những tư tưởng đó cũng sinh động trong sự Sáng.

Trong vũ trụ, sự sống nguyên thủy sinh hóa ra vô tận sức sống. Và những sức sống này sống động trong sự sống.

e. Sự chuyển hóa của sức sống để thành sự sống

Khi sức sống phát triển đến mức tối đa của nó, sức sống đó chuyển thành một sức sống khác có lực cao hơn, và chuyển hóa dần dần để trở nên sự sống.

Tất cả mọi tạo vật cực nhỏ đến cực lớn cũng đều bị chi phối bởi qui luật này, ngay cả sự tan rã của một hành tinh to lớn.

- Sự tan rã của một hành tinh không phải tự nó xảy lúc nào cũng được. Nó phải xảy ra ở thời kỳ cuối của tiến trình Sinh và Diệt. Khi đất ở hành tinh đó đã già, thì khoáng chất của đất cũng nhiều, số nguyên tử trong đó ngày càng tăng, tức là thể Điện trong trạng thái “Tĩnh” (tĩnh điện trong nguyên tử) tăng mãi.

Sự tan rã của hành tinh là sự hủy hoại của nguyên tử (tĩnh điện trong lòng đất) để chuyển hóa thành sự Sáng của vũ trụ.

Sự đổi thay của năng lực (tăng dần “sự sống”, giảm dần “sức sống”) trong vũ trụ to lớn, các nhà khoa học khó nhận ra tức thì, nhưng với một đạo nhân (1), thì sự đổi thay này được thể hiện ngay trong bản thân. *Những hiện tượng này được biết và hiểu trực tiếp ngay trong tiểu vũ trụ. Vì vậy, trong sự chứng thực và chứng minh không có sự suy luận. Đó là sự thật của hiện tượng, của sự biến đổi ngay trong con người.*

Sự chuyển hóa sức sống trong đời sống con người liên quan đến sự chết của Nhục thân. Hay là sự chết của Nhục thân là sự biến đổi làm tăng thêm sức sống và sự sống (sự Sáng) cho vũ trụ.

Nhưng con người thường bị quan về cái chết, vì họ không rõ được hướng đi để tiến hóa, không rõ được những gì liên quan đến sự sống, chết.

Cứ thấy chết, họ bị quan, nhưng đâu có sự chết vĩnh viễn.

Sự chết chỉ là sự biến đổi từ một thể và hình thể này sang một thể và một hình thể khác.

Sự biến đổi đó làm tăng thêm sức sống và sự sống.

Trong cái chết (thật, tạm thời) thì khả năng của Nhục thân mất đi, chỉ còn lại

(1) Người sống bằng Đạo lý, hay thực hành sự đổi thay năng lực từ giới hạn đến tuyệt đối trong đời sống.

sự **Biết, Hiểu** của Trí.

Như vậy, Nhục thân tuy chết, cái còn sống động là Trí (sự Sáng cũng là sự sống).

Sự sống tồn tại, còn sức sống thì ngưng động trong Nhục thân rồi chuyển hóa.

LÝ

Lý là một động lực vô hình kích hoạt sự chuyển động trong mọi năng lực, trong mọi tạo vật có sự sống và sức sống. Và nó tồn tại sinh động một cách vĩnh cửu.

Đối với đời sống con người, để dễ nhận ra cái Lý vô hình này, ta thấy sự việc trong đời sống, đơn thuần chỉ là sự việc liên quan đến sinh hoạt mà không nhận ra được sự sinh động vô hình trong đó.

Sự sinh động bên trong sự việc là cái Lý. Nó được coi như linh hồn, cốt lõi có sức sinh động của sự việc, và là sự thật có trong mọi hiện tượng.

Trong vũ trụ, nó là Nguyên Lý của vũ trụ (Thiên Lý) cũng là nguyên nhân tác tạo và sáng tạo mọi tạo vật từ vô hình (siêu siêu hình), siêu hình và hữu hình, từ hình dáng cực to đến cực nhỏ.

Nguyên Lý (Thiên Lý) sinh động trong sự Sáng (thể Sáng), xúc tác, khơi động thể này sinh hóa, sáng tạo và tác tạo.

Từ nguyên nhân tác tạo này mà vũ trụ có thêm hai thành tố là Thiên Cơ và Thiên Năng.

Thiên Cơ (bộ máy của vũ trụ) được tạo nên từ Thiên Lý, nó mãi mãi tiềm tàng sinh động trong Thiên Cơ.

Bộ máy vũ trụ có một kiến trúc huyền vi, mà một trong những chức năng của nó là Vận. Nhờ vào phần hữu hình, hữu vi của sự chuyển động của các hành tinh, con người làm nên lịch. Nhưng bản tính và tính năng của Vận, đối với con người vẫn còn là những bí ẩn. Hay là, con người khám phá ra sự chuyển động có định kỳ và chu kỳ mà phân ra nguyên, vận, năm, tháng, ngày, mùa, tiết v.v... Nhưng sự lạnh, dữ trong định kỳ và chu kỳ của sự chuyển động cùng với cường độ của nó, con người không thể biết trước được, có nghĩa là, con người với Trí Khôn được tạo nên qua các chức năng của giác quan, không thể biết trước được sự xảy đến do bản tính và tính năng của Vận tạo nên.

Nguyên Lý sinh động mãi trong sự Sáng, hay là trong sự Sáng có sự sinh động mãi mãi của Nguyên Lý luôn cả sự sáng tạo (1). Sự Sáng hằng sống động, thì sự sáng tạo cũng hằng có, hay là luôn luôn tiếp diễn.

Đây là sự tiếp diễn của sự sáng tạo của Thiên Tuệ qua tạo vật, sinh linh, cũng là sự nối tiếp của sự sáng tạo từ Thiên Lý được tiếp diễn qua các loại Trí của sinh linh, tức là qua sự sáng tạo không ngừng của siêu siêu Trí, siêu Trí và Trí

(1) Tương tự như mọi tạo vật có khả năng tự động do con người làm ra, cũng biểu lộ sự tiếp diễn và sự hiện hữu của Trí và Lý trong đó.

... (Sự tiếp diễn của sự sáng tạo của các loài có Trí đều từ Thiên Lý mà ra, ở con người, đặc biệt có sự sinh động của Tình thương. Và cũng từ Tình thương trong sáng tạo mà nảy sinh ra sự Độc, sự Ác, sự Dữ và sự Thiện, sự Chí Thiện v.v...)

Sự Sáng (thể Sáng) là nguyên thể, hay là “thể tự có đầu tiên” trong vũ trụ chứa Nguyên Lý. Ngoài Nguyên Lý, trong sự Sáng còn có những gì?

- Có sự Cực lạc, sự kỳ diệu, linh thiêng, sự mầu nhiệm, sự hằng sống... (1)

Sự mầu nhiệm trong sự Sáng có trước tất cả những sinh hóa khác. Do đó, nó tiềm ẩn sinh động trong những sinh hóa do nó tạo nên.

Như vậy, sự mầu nhiệm tiềm ẩn sinh động trong sự linh thiêng.

Sự mầu nhiệm và sự linh thiêng tiềm ẩn sinh động trong sự kỳ diệu.

Sự sống (sự Sáng) chứa đựng 3 yếu tố đó, nhưng sức sống chỉ có sự kỳ diệu và linh thiêng mà thôi.

Hay là, mầu nhiệm có trong nguồn gốc sáng tạo, còn linh thiêng và kỳ diệu có trong tạo vật, trong những gì được sinh hóa.

Một sinh linh ở địa cầu có 3 yếu tố đó:

- Bộ phận, cơ quan nào gồm có 4 thể sinh động, nó có tính cách kỳ diệu như tạng, phủ, tể bào... Huyết, Khí + (Điện, sự Sáng).

- Gồm 2 thể (Điện, sự Sáng) bộ phận, cơ quan đó có sự linh thiêng (trong đó tiềm tàng sự mầu nhiệm) như Tâm, Linh hồn...

- Chỉ có một thể duy nhất là sự Sáng, nó có sự mầu nhiệm như các loại Trí, siêu Trí, siêu siêu Trí, Lương Tâm...

“Lý” trong tiểu vũ trụ

Thiên Lý tiềm tàng sinh động trong sự Sáng (thể Sáng) sinh hóa ra 3 thể giới bao gồm thể giới siêu siêu nhiên, thể giới siêu nhiên và tự nhiên. Tính toàn diện của vũ trụ do 3 thành tố này làm nên. Trong mỗi thể giới, có một loại Lý sinh hóa từ Thiên Lý để tiến hóa đời sống tâm linh, hay tâm linh và tinh thần của sinh linh trong mỗi loại thể giới.

Trong con người (tiểu vũ trụ) cũng có ba cõi giới tương quan, tương ứng với 3 loại thể giới trong vũ trụ, đó là Thân, Tâm, Trí.

Sự sinh hóa tiềm tàng của Thiên Lý trong con người cũng tạo cho tiểu vũ trụ có tính toàn diện, và đầy đủ với sự phát sinh 3 loại Lý là Đạo Lý, Chơn Lý và Thuận Lý trong đời sống. Bộ phận hay cơ quan vô hình tuyệt đối quý trong đời sống của con người là Trí mà chức năng tiến hóa nhất để đưa con người vào sự rộng lớn mệnh mạng của 3 thể giới trong vũ trụ là “Hiếu”.

“Mức tột cùng của Hiếu” là tìm cho ra được Lý. Và chỉ duy nhất có Trí mới thực hiện được việc này.

(1) Trong đời sống hay trong thực tập, khi sự sống (sự Sáng) của người nào hòa nhập vào sự sống (sự Sáng) của vũ trụ, thì đời sống của người đó có tất cả những gì mà sự Sáng chứa đựng.

Chức năng của Trí để thực hiện việc tìm ra cái Lý là Trí suy nghĩ, hay là chức năng suy nghĩ của Trí.

- Sự suy nghĩ của Trí tìm ra được sự Thuận Lý trong thế giới và cõi giới tự nhiên và hữu hình.
- Sự suy nghĩ của siêu Trí tìm ra được Chơn Lý trong thế giới và cõi giới siêu nhiên và siêu hình.
- Riêng siêu siêu Trí (Tuệ) mới giác ngộ được Thiên Lý (Nguyên Lý vũ trụ) mà chẳng cần đến chức năng suy nghĩ.

Ba loại Lý này có khác nhau không?

- Dù Lý là sự sinh động vô hình, nhưng do sự khác biệt trong sự tạo thành của mỗi loại thế giới và cõi giới mà mỗi loại Lý có sự liên quan khác nhau với hai yếu tố của vũ trụ là không gian và thời gian.

Cho nên:

- Trí tìm Thuận Lý – *Thuận Lý liên quan đến không gian và thời gian.*
- Siêu Trí tìm Chơn Lý – *Chơn Lý liên quan đến không gian, không có thời gian.*
- Siêu siêu Trí (Tuệ) giác ngộ Thiên Lý trong sự Sáng của vũ trụ. Sự Sáng không còn không gian và thời gian (1).

Tóm tắt:

Các loại Trí	Lý	Không gian	Thời gian
Trí →	→ Thuận Lý	Có không gian	Có thời gian
Siêu Trí →	→ Chơn Lý	Có không gian	Không có thời gian
Siêu siêu Trí → (Tuệ)	→ Thiên Lý	Không còn yếu tố không gian và thời gian	

“Lý” do Thiên Tuệ được tạo ra như thế nào?

- “Lý” nào thuộc về thế giới tự nhiên, siêu nhiên và siêu siêu nhiên được chứa đựng, hoặc sinh động trong Thiên Cơ, Thiên Năng... thì “Lý” đó do Thiên Tuệ tạo ra. Và con người chỉ có thể hiểu được bằng sự Sáng của các loại Trí mà thôi.

Sự sinh động vô hình, vô tận của Lý là một năng lực tự tạo, tự đổi mới luôn (2). Tự đổi mới, nên có sự tiến hóa.

Sự sinh động cực tinh của Lý đến mức độ mà người sống bằng sự sinh động

(1) Đây là không gian và thời gian của địa cầu...

(2) Dòng điện nhân tạo con người dùng trong đó proton, electron luôn luôn đổi mới. Như vậy, vật chất cũng luôn được đổi mới trong thế giới và trong cõi giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

này luôn “trắng nghiêm như sự hư không vậy”.

Sự sinh động cực tĩnh, vô hình, vô tận, của Lý là sự tuyệt đối, từ đó phát sinh ra những cái tương đối, với ngôn ngữ của Lễ (Lý lẽ), với giác quan là những hiện tượng.

Sự tuyệt đối của nó có tính cách chung, nghĩa là mọi người đồng công nhận, không còn gì để bàn luận.

Sự sinh động vô tận là sự sống và cũng là sức sống có trong sự Sáng của vũ trụ.

Vô hình mà sinh động vô tận mới có được sự kiên cường vô tận.

Trí con người cũng có sự sinh động vô tận như vậy – Sự sinh động vô tận của Trí nhập vào sự sinh động của Lý, là giác ngộ được Thiên Lý và sự sống của vũ trụ.

Và sống bằng Lý và sự sống của vũ trụ là đắc Đạo vậy. Người đắc nhập vào Thiên Lý, nhập thể giúp đời một cách tích cực, vì trong Lý luôn chứa Phước tính, Đức tính và Đạo tính.

(Muốn sống bằng Lý, chỉ có sinh linh có Trí mới đắc nhập được, những sinh linh chưa có Trí không thể đắc nhập được).

Đắc nhập vào Thiên Lý, hay là giác ngộ được Nguyên Lý vũ trụ, lúc đó con người sống bằng Đạo lý, trong đó có cái “một tuyệt đối”, có sự toàn diện của Lý. Vì trong Lý không còn một chi tiết nào hết. Hay là đạo nhân (người sống bằng Đạo lý) sống với cái một tuyệt đối và sự toàn diện của nó.

a. Nhờ gì mà sinh linh cảm ứng được với Thiên Tuệ?

- Thiên Tuệ tác động trong sự Sáng để tạo nên Nguyên Lý vũ trụ.

Sinh linh nhờ sự Sáng của Tuệ (siêu siêu Trí) mà cảm ứng được với Thiên Tuệ; nhờ sự Sáng của siêu Trí, cảm ứng được với Thiên Thân; nhờ sự Sáng thuần túy của Trí, cảm ứng được với quỷ, thần, ma... trong bầu khí quyển.

- Sinh linh nhờ sự Sáng của Tuệ mà giác ngộ được Nguyên Lý của vũ trụ.

- Nhờ sự Sáng của Tuệ và sự Sáng trong Lương Tâm mới được Thiên Tuệ mạc khải.

Sự vĩ đại, siêu việt của sinh linh thụ đắc từ vũ trụ xuất nguồn từ bên trong, từ cái “Có vô hình” của những bộ phận, cơ quan màu nhiệm.

b. Muốn làm chủ được tiểu vũ trụ, con người phải thấy rõ tất cả những thể, những hệ thống hình thành tiểu vũ trụ. Nhưng trước hết phải hiểu được Nguyên Lý sinh động trong vũ trụ với những chức năng cơ bản là:

Sinh động, sinh hóa, chuyên hóa và tiến hóa của những sức sống và sự sống.

Điều quan trọng nhất trong những đạo tính vũ trụ trên, đối với con người, là sự chuyên hóa nhanh, và thể linh thiêng nào trong con người có thể dùng để

chuyển hóa nhanh để đi vào sự sống (sự hằng sống).

(“Chức năng thiêng liêng và mẫu nhiệm” của sự sinh hóa và chuyển hóa là tiến hóa.

Tiến hóa là chức năng của vũ trụ chỉ có Sinh mà không bị Diệt. Như Trí suy nghĩ, một khi đã có, nó không bao giờ bị Diệt cả, chỉ là con người muốn suy nghĩ hay không mà thôi. Sự tiến hóa trong khả năng của chức năng, là sự suy nghĩ ngày càng nhanh.

Việc tu luyện, sống đạo đòi hỏi con người tiến hóa đến tận cùng, và không coi sự tiến bộ tương đối là cứu cánh).

c. “Lý” là sự sinh động vô hình, là sự thật không biến đổi... tác tạo nên mọi vật hữu hình, siêu hình và vô hình (như Tánh, Trí...)

Nguyên nhân (Nguyên Lý) thì tuyệt đối, còn hiện tượng thì tương đối.

Nguyên nhân sinh ra hiện tượng. Giữa các hiện tượng còn so sánh được, vì có nhiều hiện tượng.

Nguyên nhân sáng tạo chỉ có Một. Cái “Một” không gì để so sánh.

Do đó, mọi sự toàn hảo đều xuất nguồn từ Nguyên Lý, đối với tạo vật có Trí khôn, đó là Thiên Lý vậy.

Đối với con người, ai luôn nói đúng?

- Chẳng một ai có thể nói đúng mọi điều trong mọi hoàn cảnh, “chỉ những gì xuất nguồn từ Thiên Lý là đúng mà thôi. Vì vậy, sự sinh động, chuyển động của Thiên Cơ, Thiên Năng mới toàn hảo”.

(Như vậy, theo phò tá cho người sai lầm là bỏ công sức để phục vụ cho cái sai hay sao?)

Có gì trong sự toàn hảo để con người có thể nói đúng được?

- Đó là sự thật. Sự thật là gì, và tìm ra được ở đâu?

- Sự thật là sự sinh động tiềm ẩn trong mọi sự việc, mọi hiện tượng tự nhiên, siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Sự thật được tìm ra ở trong Lý.

Người hiểu được sự thật trong Lý là người sáng suốt.

Người hiểu được sự thật, và công nhận Lý, là người chơn thật.

Người sống bằng sự thật trong Lý là đạo nhân.

Cho nên, muốn trở thành đạo nhân, con người, trước hết phải sáng suốt và chơn thật. Sau đó phải sống bằng sự sáng suốt và chơn thật.

“Lý” có 3 loại thì đạo nhân cũng có 3 bậc – Nói đến 3 loại Lý là nói đến nền tảng vô hình (cơ bản vô hình) của chúng.

Nền tảng vô hình là sự sinh động vô hình để tiến hóa con người, sinh linh và mọi sinh tạo... sinh hoạt bằng những bộ phận, cơ quan vô hình.

Chúng tiến hóa mọi tạo vật bằng cách thiện hóa, chí thiện hóa và toàn thiện

hóa (toàn hảo hóa).

“Lý” gồm 3 loại để tiến hóa mọi tạo vật trong 3 thể giới, hay là mọi tạo vật trong toàn thể vũ trụ. Chúng là: Thuận Lý, Chơn Lý và Đạo Lý.

1. Thuận Lý

Xuất nguồn từ sự thật mà nền tảng, hay bản tính của nó là Tốt, Đúng, Phải.

Dựa trên sự so sánh của Tốt với Xấu, Đúng với Sai, và Phải với Trái... để tiến hóa Tâm, Trí con người.

Thiện hóa là tiến hóa Tâm, Trí con người. Nhưng đó là sự tiến hóa Tâm, Trí con người bằng cách so sánh.

So sánh là “sự chứng thực sự thật” bằng sự suy nghĩ, suy luận, xét đoán, đánh giá sự việc trong thể giới tự nhiên, hữu hình liên quan đến ngũ giác quan.

Hay ngược lại, “sự chứng thực sự thật” còn so sánh, còn tính đối đãi và tương đối trong Thuận Lý. Đi tìm hiểu Thuận Lý là việc làm của Trí.

2. Chơn Lý

Cũng xuất nguồn từ sự thật mà nền tảng chỉ có một đức tính, là sự Tốt.

Nó không có tính cách đối đãi của sự so sánh nhị nguyên, chỉ có sự tương đối của một đức tính duy nhất.

Sự so sánh vẫn còn, nhưng là sự so sánh về mức độ, cường độ tăng giảm, về sự ít nhiều của một đức tính. Sự so sánh của chính nó không tạo ra mâu thuẫn, tranh chấp.

Tâm hồn không thể cảm biết được sự sinh động này, chỉ có linh hồn mới cảm nhận được do sự linh cảm về mức độ rung động của sự Thiện, Thánh Thiện và Chí Thiện.

“Thiện ở tâm hồn”, nhưng “Chí Thiện và Thánh Thiện ở linh hồn”.

Tìm hiểu chơn lý, thuộc về siêu Trí. Nó còn suy nghĩ, suy luận.

Tác dụng của chơn lý là gì?

- Để tiến hóa sinh linh, con người, nhưng đúng ra là tiến hóa linh hồn (siêu Tâm, siêu Trí) của những sinh tạo sống bằng những bộ phận vô hình, sinh hoạt và hoạt động trong thể giới siêu nhiên.

3. Đạo Lý

Xuất nguồn từ sự sáng tạo ra vũ trụ, từ sự hình thành đầu tiên của tạo vật, của các năng lực có sức sống, có nghĩa là từ “Thiên Tuệ”, do đó mà Đạo Lý có sự toàn hảo.

Sự toàn hảo này sinh động mãi mãi trong vũ trụ, trong sự Sáng, trong năng lực nguyên thủy.

Tính cách tuyệt đối của Đạo Lý do ở sự sinh động vô tận của sự toàn hảo từ nguồn gốc sinh hóa đến mọi tạo vật được sinh hóa, đến mỗi giai đoạn sinh hóa ra 3 thể giới. Đối với con người, sự toàn hảo lan tỏa ra 3 cõi giới Thân, Tâm, Trí

để tiến hóa, nhưng ít người cảm nhận được.

Hay ngược lại và cũng đồng thời, “sự toàn hảo hóa” từ sự sinh động vô tận là sự chuyên hóa và tiến hóa mang tính cách tuyệt đối của Đạo Lý.

Nó đưa sự Sáng của Trí khôn con người vào sự toàn thiện, về vật lý là “mức cực sạch của sự Sáng, sự sống trong Trí khôn con người”.

Như vậy, có sự chủ đích tiến hóa (1) trong Đạo lý.

Đạo lý có từ đâu?

- Đạo lý vô hình, khởi sinh từ Thiên Tánh, Thiên Tuệ, tiềm ẩn sinh động trong sinh linh.

Trong con người, Đạo lý xuất nguồn từ Lương Tâm. Và Lương Tâm xuất hiện khi con người có Trí suy nghĩ. Trí suy nghĩ hoạt động do ở sự Sáng (thể Sáng). Sự Sáng hoạt động được nhờ ở Dương và Âm của sự Sáng.

Đạo lý sinh động trong sự Sáng, chỉ hòa nhập vào sự Sáng của sinh linh, của con người khi nào Trí con người quay vào Lương Tâm (2).

Các loại Lý có làm đổi thay con người không?

- Nhờ vào Hiểu được Lý mà đời sống con người đổi thay rất nhiều.

Thông thường, khi sự việc xảy ra, người ta mới có điều để nói, nhưng với Lý, lúc nào cũng nói được, và những điều nói ra luôn được đổi mới, không nhàm chán.

Như vậy, tại sao chúng ta không nói đến cái Lý, hay nói những điều phát sinh từ Lý để cho Trí được sáng, được khôn ra, nhưng lại luôn xét đoán về sự việc chưa xảy ra để phải bận tâm và sinh ra nhiều chuyện bận tâm, phiền não.

a. Trong vũ trụ, Thiên Lý là một động lực vô hình sinh động mãi mãi bao gồm 2 diện, là trạng thái và thực thể.

Thiên Cơ: sự sinh động của Dương và Âm cùng với Đạo tính và Đạo lý trong đó.

Thiên Năng: năng lực chuyển động, sinh hóa, chuyển hóa trong:

- Sự chuyển động của năng lực tiên thiên (Điện và sự Sáng).
- Sự chuyển động của năng lực hậu thiên (Thủy, Khí trong đó sinh động Điện và sự Sáng). Trong con người, chúng chuyển động trong các tạng, phủ.

(1) Thiên ý chủ đích tiến hóa Trí khôn, sự Sáng trong Trí của sinh linh bằng Đạo Lý. Xuất nguồn từ Thiên Lý, Đạo Lý là vật thụ tạo, có khả năng khơi động Trí thông minh con người, sinh linh...

(2) Ngủ: Đạo Lý không xuất hiện. Thủ vật không có Trí suy nghĩ, chúng không có Lương Tâm. Con người, lúc tỉnh thức, Trí soi vào Lương Tâm mới học và hiểu được Đạo Lý.

Ngày nay, chưa có một trường nào chuyên dạy về Đạo Lý, chỉ có Lương Tâm là trường đào tạo Nhân đạo, nhân bản, nhân cách từ Thuận Lý, Chơn Lý và Đạo Lý.

Con người học hỏi những điều cao siêu ngay trong mình.

Động lực vô hình của Thiên Lý cũng là một chức năng tác động trong sự sinh hóa và chuyển hóa để tiến hóa mọi tạo vật, và có trong tạo vật có chứa đựng sự Sáng.

Hay là, mọi tạo vật được tạo nên từ Thiên Lý, tương tự như Lý Trí con người tạo ra tạo vật cho chính nó, và những người khác.

Tạo vật vô số, vô tận, nhưng cũng cùng một nguồn sinh hóa, hay là “những gì xuất nguồn từ Nguyên Lý” đều là tạo vật, dù cực lớn như vũ trụ, dù hữu hình, siêu hình và siêu siêu hình, cho đến những tạo vật cực nhỏ.

Những tạo vật cực to có sức lớn, chúng ban sức sống cho những tạo vật nhỏ hơn, như sự Sáng, sức nóng của mặt trời nuôi sống những tạo vật trên các hành tinh. Biên cả sinh hóa và nuôi sống các thủy sinh vật.

Tất cả đều được tạo nên cùng một nguồn sinh hóa.

b. Trước khi mọi tạo vật được hình thành đã có Thiên Lý rồi.

Thiên Tuệ tác động sự Sáng để biến sự Sáng thành 2 dòng năng lực, sự Sáng Dương và sự Sáng Âm, thì Thiên Lý đã tiềm ẩn sinh động trong đó.

Khi tạo vật được hình thành, trong sự sống của tạo vật đã có Thiên Lý.

Muốn cảm ứng được sự hằng hữu của nguyên lực sáng tạo, sự Sáng của Tuệ của con người phải giác ngộ Thiên Lý trước đã.

Và khi con người đã sống bằng cái Lý rồi, thì đời sống trở nên vô biên.

Mọi “Lý” xuất nguồn từ Thiên Lý đều có sự sống. Có sự sống, là có sự Sáng, sự sáng suốt.

Trong tình cảm có sức sống của Khí, Điện và sự Sáng, vì vậy mà Lý luôn bao trùm mọi tình cảm – Hay là, sự Sáng, sự sống luôn bao trùm cả mọi tình cảm.

Người thường dùng Lý, dù thân thể đã già, nhưng trong lời nói, hành động vẫn biểu lộ sự sinh động, linh hoạt.

c. Chỉ cái “Một” (Thiên Lý) mới có sự tuyệt đối và không còn gì để so sánh. Nhưng, từ Thiên Lý mà sinh hóa ra, tạo nên, những cái đó có thể so sánh, có thể nhận rõ được, nhất là chúng thuộc về hữu hình, ngay cả sự sinh sản của con người.

Người được sinh ra, nhân tướng đã hiện “Vận”. Và “Vận” diễn tiến ra thân phận trong tương lai.

Vận gồm có 3 loại:

Do Nghiệp (do sự tiến hóa tự nhiên, tự động).

Do Di truyền (do cha mẹ).

Do Nguyên lực Sáng tạo.

Do Nghiệp: trẻ được sinh ra không giống nhiều ở cha mẹ. Sự sinh ra này không thuần túy thuộc về tình yêu nhưng do tình dục nhiều hơn. Do đó, tính khí, tính nết của trẻ không giống cha mẹ. Chúng đã có những dấu hiệu liên quan đến Phước, Họa, Đức, Ác đức v.v...

Do cha mẹ: có đặc điểm di truyền rõ rệt ở cả Thân, Tâm, Trí. Trẻ giống

nét của cha mẹ, tính khí cũng giống. Trẻ được tạo nên từ tình yêu.

Do Nguyên lực Sáng tạo: được sinh ra từ cha mẹ thể gian, nhưng có những hiện tượng và dấu hiệu siêu nhiên, lạ thường xảy ra, không giống gì cha mẹ đề hoàn thành nhiệm vụ Đạo...

d. Hiệu quả của Lý:

Thuận Lý: luôn luôn hợp lý, và dùng cường lực của sự Thuận Lý.

Nghịch Lý: để bảo vệ Nghịch Lý, người ta cưỡng lý, và dùng bạo lực.

Nghịch Lý, cưỡng lý, bạo lực... đưa đến sự đau khổ do sự sai, trái, xấu, độc, ác, dữ... tiềm ẩn trong những điều đó

Thuận Lý đưa đến sự An, Vui.

Trong đời sống xã hội, nếu người lớn nói ra những điều Nghịch Lý để trẻ con dùng Thuận Lý mà sửa sai, thì Trí của chúng đã trưởng thành, và của người lớn vẫn còn trong trạng thái ấu trĩ.

Có thể nói rằng: “Nền tảng của sự sai lầm, tranh cãi và thất bại là do nơi Nghịch Lý vậy”.

Ngược lại, với Nghịch Lý, cái gì khiến người khác tuân phục?

- Khi người khác tuân phục, cái đó phải có sự oai vệ, nghiêm trang.

Oai vệ, nghiêm trang không gì bằng Thuận Lý. Còn cái oai của quyền thế khiến cho người ta sợ, nhưng không làm cho nhân tâm phục.

Việc thắng bại, hơn thua chẳng có Đạo lý, cho nên trong chiến tranh, con người sử dụng mọi thủ đoạn, mưu mô để hại nhau.

Hơn thua, thắng bại – làm cho Tâm, Trí con người trong cuộc bất an, chẳng nên tham gia, cùng cực lắm, mới phải tham dự.

Hơn thua, thắng bại trong chiến tranh, tranh chấp, phải lấy chính nghĩa, sự Thuận Lý làm gốc.

Thuận Lý mới tạo được “Thế”. Càng có nhiều người chấp nhận sự Thuận Lý, thanh thế càng mạnh.

“Thế mạnh” tinh thần được kiên cường, nhẫn, can đảm.

“Thế” là sức mạnh tinh thần trong tranh chấp.

“Thế mạnh” ắt Lực mạnh. “Lực là sức mạnh vật chất”.

Cho nên nói rằng: “Sự Thuận Lý tạo nên sức mạnh tinh thần và vật chất”. Nó là sự sống trong sức sống được biểu lộ bên ngoài.

(Nó được coi như sự sống của cây trái.

Thế: được coi như rễ cây.

Lực: là thân, cành và lá cây vậy...

Tất cả đều có thể mất, nhưng sự sống vẫn tồn tại.

Cũng vậy, sự Thuận Lý chẳng bao giờ mất).

e. Tính tuyệt đối và tương đối trong sự sáng tạo và thụ tạo từ Lý

Trong tuyệt đối, không có sự so sánh, còn trong tương đối, có sự so sánh.

Vì vậy, “số nhiều có trong tương đối” và “duy nhất có trong tuyệt đối”.

Trong Lý (1) không có sự so sánh, vì nó vô hình. Đối với hiện tượng hữu hình và siêu hình, có sự so sánh.

“Cái Lý tuy có, nhưng có cũng như không có”. Vì vậy, nên sống bằng Lý, thì tâm hồn (Tâm, Trí) con người chẳng vương, bận việc thế gian.

Việc thế gian thì vô tận khi con người tồn tại, sinh tồn.

Giống như cỏ cây mọc vô số, nhưng chẳng cây, ngọn cỏ nào giống nhau, huống gì là ý kiến, quan niệm, tâm trạng của con người vô tận, làm sao mà chẳng có sự so sánh, bất đồng.

Nhưng, “cái Lý chỉ có một. Và nó không có cái nào để so sánh”.

Cái khó nhất là rõ được điều này.

Nếu đã rõ được điều đó, con người chẳng cần đến việc tu sửa cho tồn công phu, mà tâm hồn vẫn được toại nguyện.

Chỉ cần sống với cái Lý, thì việc thế gian chẳng có gì để phiền hà, chẳng có gì để so sánh, hơn thua.

Ứng dụng vào việc đời, kẻ “Sĩ” cũng dùng Lý để giải quyết.

Sự thắng bại, hơn thua, do ở Lý (Thuận Lý), ưu thế, cường lực cũng do Thuận Lý mà ra.

Cho nên nói rằng: “Có Lý là có Thế. Có Thế là có Lực”. Hay là, “Thế có Lực đều do Thuận Lý mà có”.

- Có Lý, thì khiến người phục.

- Có Thế, thì chiếm phần hơn (ưu).

- Có Lực (cường lực của Thuận Lý), thì chiếm phần thắng.

Dùng Lực (bạo lực) mà giải quyết việc thì không phải kẻ sĩ. Nhưng kẻ sĩ có thể tùy cơ mà dùng:

- Dùng Lý là thượng sách (sách lược thượng thặng).

- Dùng Thế là trung sách.

- Dùng Lực là hạ sách.

g. Căn cứ trên hàng triệu sách, tài liệu, dữ liệu... chúng ta suy nghĩ, và phân nào kinh ngạc về kiến thức, sự Biết và Hiểu của con người – Nhưng thử hỏi, cái thấy của loài người đến đâu?

- Mọi hiện tượng, hình ảnh siêu hình (như trong mộng, mơ) và siêu siêu hình, không phải tự chúng ta tạo lấy, mà tất cả được tạo nên từ một Nguyên Lý. Dù cho sự tạo thành đó nhanh hay chậm, hoặc tiềm ẩn do sự phối hợp hay do sự xúc tác lẫn nhau, thì diễn tiến “sinh sinh, hóa hóa” vô tận đó cũng xuất nguồn từ một Nguyên nhân Sáng tạo.

(1)Lý là nguyên nhân, nguyên động lực là sự thật trong mọi sinh hóa của tạo vật hữu hình, siêu hình, siêu siêu hình.

Với nhãn quan của loài người từ di sản kiến thức, hiểu biết của vài vạn năm, trí khôn con người ngày nay cũng chưa biết chính xác các hành tinh đã có từ bao giờ trong người của chính mình, chưa rõ được sự sinh động vô hình của trạng thái Hư vô, phương chi có thể thấy được Nguyên nhân Sáng tạo?

Thí dụ: Về sự Hư vô

“*Tâm chơn không*” (Tâm Hư vô) chẳng phải nhẹ như Khí, vì Khí còn chuyển động.

“*Trí chơn không*” (Trí Hư vô) chẳng phải nhẹ như Điện, vì Điện còn tốc độ.

Lấy gì trong con người để cân ánh sáng mặt trời vì ánh sáng quá nhẹ.

Quá nhẹ và cực nhanh như ánh sáng mặt trời cũng chưa phải là “trạng thái Hư vô” cũng chưa hẳn là “trạng thái chơn không” của Tâm, Trí con người.

Vì “thể Sáng”, hay từ Hư vô sinh ra ánh sáng mặt trời, Điện, Khí... chẳng có gì để so sánh, chỉ biết là: “Nó có mà như không, nhưng trong cái như không lại có sự sinh động, nên tạm gọi là Hư vô vậy”.

Có thể nói: “Con người tìm tòi mãi, biết rất nhiều, nhưng không thể Hiểu hết”. Vì sao?

- Vì Hiểu quá chậm, mất nhiều thời gian do phải suy nghĩ mới Hiểu được. Dù cho con người có thay đổi phương pháp học để hiểu biết hơn, cũng phải mất hàng chục năm.

Như vậy, con người luôn phải chịu như vậy sao?

- Chức năng suy nghĩ của Trí đã tạo cho mỗi người có sự tự do rồi. Và sự tự do này làm cho con người tiến hóa nhanh.

Muốn hiểu biết nhanh, thay vì dùng Trí, con người dùng đến siêu Trí, hay cực nhanh, là siêu siêu Trí (Tuệ).

NHỮNG THÀNH TỰU PHI THƯỜNG CỦA CON NGƯỜI

Sống theo sự tự nhiên của Nhục thân, loài thú có đầy đủ năm giác quan, chức năng giác quan đó không khác gì con người.

Nếu con người sống hoàn toàn bằng sự tự nhiên, con người chẳng khác gì chúng.

Nhưng, sự siêu việt con người có được là Tâm và Trí, đặc biệt là những chức năng của Trí (Trí nhớ, Trí suy nghĩ, Trí thông minh).

Lúc nào con người sống bằng 3 chức năng này, con người khác hẳn con thú.

Não bộ con người chuyển từ đời sống tự nhiên sang đời sống siêu nhiên, và siêu siêu nhiên bằng những chức năng của Trí, siêu Trí và Tuệ (siêu siêu Trí).

Sự tiến hóa của Trí đưa con người vào sinh hoạt siêu nhiên và siêu siêu nhiên. Chúng tồn tại trong những kỳ quan với những điều huyền bí vừa phi thường. Và loài người cũng công nhận sức tiến hóa của một số người với danh xưng là Thần, Tiên, Yêu, Quỷ, Phật, Thánh v.v... gia tăng với cường độ của tính Thiện, Ác.

- Sự tiến hóa của sự Thiện (Lành) đưa đến sự thánh thiện (sự Thiện trong cõi siêu nhiên).

- Sự tiến hóa của sự Độc, Ác, đưa đến sự cực Độc, cực Ác (sự Độc, sự Ác trong cõi siêu nhiên).

Tâm địa của sinh linh ở thế giới siêu nhiên, Thiện thì cực Thiện, mà Độc, Ác, thì cực Độc, cực Ác (1). Con người có loại tâm địa này cũng tương đồng với sinh linh của thế giới siêu nhiên.

Trừ quỷ, yêu ra, Thần, Tiên, Phật, Thánh... là những bậc thành tựu từ sự Luyện, Tu, sống Đạo được con người tôn trọng, tôn kính.

Thần

Là người làm chủ được cảm giác, tức là không còn bị cảm giác ảnh hưởng đến tư tưởng nữa.

- Làm chủ được sự chuyển động của nhịp tim. Làm chủ và điều khiển được Thần (là lực vô hình của máu đỏ).

- Làm chủ và điều khiển được Thủy thân trong thể Thủy quanh địa cầu.

- Thần (thần lực) lấy Dũng làm gốc. Sự dũng cảm vượt qua sự đau đớn của Nhục thân.

(1) Sự Độc, sự Ác trong cõi và thế giới tự nhiên gây thiệt hại cho thân thể, chỉ gây ra sự đau đớn cho Nhục thân.

Sự Độc, Ác trong cõi và thế giới siêu nhiên gây ra sự thống, khổ cho Trí và Tâm.

Đây là tính chất độc, ác của tư tưởng (của Điện) có khả năng làm hại cả Thân, Tâm, Trí... khác với nanh, vuốt của loài thú.

Lực này toát ra từ Khí, Huyết, đưa lên đầu, bộc lộ ra ở mắt. Lực này vô hình, có oai lực, tạo nên dáng oai nghiêm, có mãnh lực.

Sự oai nghiêm và dũng cảm sinh động mãi cho đến khi Nhục thân chết (sự tử, cọp, beo... dũng mãnh chiến đấu cho đến chết vẫn luôn dũng mãnh. Con người có thần lực, có cặp mắt rất oai nghiêm, ánh mắt nhìn ra từ tất cả nội lực và cũng dũng mãnh cho đến chết chẳng bao giờ có sự sợ trong ánh mắt).

Tiên: (địa tiên và thiên tiên)

a. Địa tiên:

- Làm chủ được tình cảm, không bị tình cảm, tâm trạng ảnh hưởng đến tư tưởng. Làm chủ luôn cả cảm giác.
- Làm chủ hay điều khiển được sự chuyển động của hô hấp. Làm chủ được Thần lực của Khí.
- Điều khiển được Khí thân trong thể Thủy và Khí quanh địa cầu.

b. Thiên tiên:

- Làm chủ được tư tưởng, tình cảm và luôn cả cảm giác, tức là làm chủ luôn cả sự sinh hóa ra tư tưởng và những ảnh hưởng do tư tưởng sinh ra.
- Làm chủ, điều khiển được cả huyền lực của nhân điện.
- Làm chủ và điều khiển được Điện thân xuyên vật chất.

Phật:

- Làm chủ được Thân, Tâm, Trí.
- Dùng sự Sáng của Tuệ (siêu siêu Trí) giác ngộ Nguyên Lý của vũ trụ.
- Có Thần lực, Huyền lực..., nhưng không phát huy những lực này.
- Có Quang thân, làm chủ được 3 thể Điện, Khí, Thủy.

Thánh:

- Có Tu, không Luyện, sống bằng Đạo Bị, Đức Bị.
- Làm chủ được Tâm, Trí - Điện thân xuất hiện.
(Sự thánh thiện của Tâm, Trí của thánh nhân hóa giải sự độc, ác, hung, dữ... trong lòng người).

Cầu nguyện cho tha nhân bằng sự thánh thiện, từ đó huyền lực của Tâm, Trí lan tỏa ra và hóa giải được sự độc hại cho tha nhân.

Hiện tượng này có nền tảng vật lý: Thanh điện trong người hiền nhân, thánh nhân châu biến ra ngoài đẩy lùi những độc tố của Điện, Khí, Thủy... trong môi trường.

Tương tự như gần bờ biển có mùi hôi, thối (trực, độc khí) của sinh vật chết bốc lên, gió biển (thanh khí) thổi vào mùi hôi thối sẽ mất đi).

Những thành tựu phi thường này không thuộc về đại chúng, đó là khả năng của một số ít.

Ngoài lực bình thường mà mọi người đều có, một số ít người có khả năng:

- Dùng được tha lực:

Đây là Lực mà các sinh linh thu hút được từ năng lực vũ trụ.

- *Thu hút trực tiếp năng lực trong vũ trụ:*

Thu hút bằng những bộ phận, cơ quan... sinh động bằng năng lực tiên thiên (1) có khả năng “thu, giữ, dùng...” những năng lực tiên thiên có trong vũ trụ.

{(Thực phẩm và không khí để tạo thành năng lượng hậu thiên (Thủy, Khí) được đưa vào cơ thể do miệng và mũi ở đầu bằng “ý của Trí”, thì Điện và sự Sáng cũng được đưa vào não và tùy để tăng thêm năng lực tiên thiên bằng siêu Ý và siêu siêu Ý. Khi những bộ phận và chức năng liên quan đến sinh hoạt sử dụng Điện và sự Sáng là Tâm và Trí phải hoàn toàn ngưng động.

Sự thu hút năng lực tiên thiên trong vũ trụ vào cơ thể con người bằng sự thấm nhập tự nhiên của năng lực cùng loại qua sự “vô cảm giác của Thân”, “vô tình cảm của Tâm”, “vô tư tưởng của bản ngã”, nhưng luôn ý thức được sự sinh động của Hư vô, tức là ý thức được sự sinh động của sự Sáng (thể Sáng), hay là ngay lúc đó “ta chính là sự Sáng duy nhất đang sinh động vậy.”}

Đối với những người khác thường, làm sao phân biệt được, và nhìn đâu để nhận ra thần lực, huyền lực và huyền năng sinh động?

- Ba loại lực này đều là nội lực. Cường độ của lực toát ra quanh đầu và ánh mắt.

Lực toát ra quanh đầu là do từ trường của mỗi loại lực, từ sáng mờ đến sáng rõ với vòng từ trường mờ rộng, với sức sáng rõ.

Trong ánh mắt:

- Thần lực có oai nghiêm, có mãnh lực, mắt không dao động, trực thị.

- Huyền lực có trầm lực, vững chắc từ bên trong, không dao động.

- Huyền năng trầm lắng, như Hư vô, sâu rộng như vũ trụ, hóa giải tất cả tâm trạng của người nhìn vào mắt (hay là Hư vô hóa sự dao động của tâm hồn của người nhìn vào mắt).

Những thành tựu phi thường của người trước, cũng là thành tựu của người sau. Nó là con đường được mở rộng ra cho người đi sau, đi nhanh hơn, có kết quả nhanh hơn.

Muốn sự siêu việt vượt qua sự bình thường của người thường, hành giả phải:

- Dừng mãin luôn cho đến Nhục thân chết.

- Biết lấy năng lực của các thể linh thiêng trong vũ trụ để nuôi dưỡng năng lực và Lực trong cơ thể.

- Sáng suốt cho đến hơi thở cuối cùng.

- “Hư vô hóa Tâm, Trí” và “Hiếu” cho đến vô tận.

(1) Bộ phận, cơ quan của tiểu vũ trụ có cùng một loại năng lực của vũ trụ được thu hút vào cơ thể do sự cảm ứng cùng một bản chất, bản tính và tính năng...

a. Trí khôn:

Nơi hiện thực sự mâu thuẫn và phép lạ.

Phép lạ, hay những hiện tượng mâu thuẫn do con người hay do sinh linh hiện thực đều do nơi Trí khôn.

Nếu Trí khôn, không có “ý khơi nguồn” sẽ không có gì lạ xảy ra. Đây là sự khơi nguồn của siêu Ý và siêu siêu Ý.

Nếu sự khơi nguồn không có lực khơi động thì không có gì xảy ra.

Trí khôn chứa sự Sáng sinh động, còn “siêu Ý và siêu siêu Ý là lực khơi động” hay là sự xúc tác của một năng lực mạnh nhất trong não con người vào những năng lực khác để sinh hóa, để biến hóa.

Khả năng bẩm sinh trong mầm sống được truyền thụ từ nguyên lực tác tạo cho con người và sinh linh.

Đó là khả năng sáng tạo những điều kỳ lạ để chứng minh sự tiến hóa, và mức tiến bộ với những điều kỳ diệu vượt quá sự bình thường của Trí của đại chúng.

Nguyên lực tác tạo xúc tác vào sự Sáng của vũ trụ để tạo ra hệ thống sinh hóa và chuyển hóa. Con người dùng siêu Ý và siêu siêu Ý để xúc tác vào năng lực quanh địa cầu và trong địa cầu để tạo nên những sự mâu thuẫn.

Thí dụ: Sự thu hút năng lực

Sự thu hút năng lực hậu thiên và tiên thiên vào cơ thể và não bộ con người như thế nào?

- Năng lực hậu thiên (Khí, Thủy) nuôi cơ thể bằng 2 khiếu (mũi và miệng). Khí được đưa vào Phổi, và thực phẩm được đưa vào bao tử, và sau đó qua nhiều giai đoạn, được biến hóa thành Huyết đưa vào Tim.

Còn năng lực tiên thiên thì thu vào từ đâu?

- Vô não liên quan đến năng lực hậu thiên, còn não bộ thì cảm ứng với năng lực tiên thiên (Điện và sự Sáng hay thể Sáng).

Do sự điều khiển của Trí, khi vô não ngưng hoạt động thì năng lực hậu thiên ngưng chuyển động. “Tim ngưng đập, Phổi ngưng thở” (1), lúc đó siêu Trí, hay cao hơn nữa là Tuệ ý thức được năng lực tiên thiên sinh động, tăng năng lượng. Điện và sự Sáng tỏa ra quanh đầu và hòa vào năng lực tiên thiên trong vũ trụ.

Từ sự hòa nhập và cảm ứng đó, năng lực tiên thiên của vũ trụ đổ vào não con người.

Còn sự hấp thu năng lượng của vũ trụ do nơi siêu Ý (của siêu Trí) hay do siêu siêu Ý (của Tuệ).

(1) Máu hết chuyển động theo dịch kỳ, nhưng mỗi đơn vị máu, tự động sinh động để sống.

Phổi ngưng hít thở, Tim ngưng đập, cảm giác không còn, oxy tự ra vào cơ thể qua các lỗ chân lông. Như cây sống dưới nước rút oxy vào, vì chúng không có cảm giác.

Những hiện tượng mẫu nhiệm được thực hiện như thế nào?

- “Sự hiện thực tức thì” những hiện tượng mẫu nhiệm bằng siêu Ý và siêu siêu Ý cũng khởi nguồn từ năng lực này.

Hay là:

Hiện thực sự mẫu nhiệm do siêu Ý xúc tác vào Điện của vũ trụ.

Hoặc ở mức cao hơn, là siêu siêu Ý xúc tác vào sự Sáng của vũ trụ.

Công thức:

1. Hiện tượng mẫu nhiệm từ: (Siêu Ý + Điện)

2. Hiện tượng mẫu nhiệm từ: (Siêu siêu Ý + sự Sáng)

Tóm lại:

Diễn tiến để thu năng lượng tiên thiên của vũ trụ vào con người sẽ như sau:

- Làm ngưng động năng lực hậu thiên.
- Để năng lực tiên thiên sinh động.
- Dùng siêu Ý hay siêu siêu Ý xúc tác vào Điện hay sự Sáng của vũ trụ.

Hay là:

Năng lực trong thân thể, các bộ phận, cơ quan trong cơ thể và vỏ não hoàn toàn ngưng động, thì năng lực tiên thiên trong não bắt đầu sinh động một cách riêng rẽ. Và từ đó, dùng siêu Ý và siêu siêu Ý thu năng lượng và hiện thực những mẫu nhiệm.

Sự mẫu nhiệm do siêu Ý và siêu siêu Ý khơi động, nhưng vì sao sự mẫu nhiệm được hiện thực tức thì?

- Sự mẫu nhiệm được hiện thực tức thì theo siêu Ý (của siêu Trí) và siêu siêu Ý (của Tuệ) trong con người, thì sự mẫu nhiệm này không còn là một chức năng nữa, mà tự nó là bản chất, bản tính và tính năng mẫu nhiệm.

Như vậy, sự mẫu nhiệm không còn là hiệu quả của sự linh thiêng được hiện thực theo sự xúc tác của sự Sáng, mà sự mẫu nhiệm đã hợp nhất với sự linh thiêng trong thể Sáng (sự Sáng) rồi.

Vì vậy, khi ý của siêu Trí và Tuệ mà nảy sinh, thì ý đó hiện thực tức thì.

Thí dụ khác: Các loại khoa học siêu nhiên dù chúng không thuộc về sự mẫu nhiệm có tính cách hiện thực tức thì, nhưng chúng cũng là những thành tựu của Trí khôn.

Những khoa mà nền tảng của nó bao gồm nguyên lý và qui luật siêu nhiên là những khoa học siêu nhiên.

Hiểu biết những khoa này phải có siêu Trí và Điện thân hoạt động, tức là những khám phá không do sự suy nghĩ của Trí, nhưng do siêu Trí và các trực giác quan.

Trực giác quan của Điện thân là đề biết và cảm biết. Siêu Tâm rung cảm bằng đức tính. Thí dụ: Đức yêu thương (Đức bi) rung cảm trong một tâm cỡ mệnh mang hơn là tình yêu có đối tượng hữu hình. Siêu Trí hiểu được nguyên

lý sinh động, chuyển động của lực siêu nhiên.

Những khoa Thiên văn, Địa lý, Tử vi, Y lý (Y đạo) liên quan đến Vận của vũ trụ và con người... là những khoa học siêu nhiên.

Ai hiểu được những khoa này?

- Người hiểu được nguyên lý của khoa này, là những người có được chơn đức tính và sống sinh hoạt bằng chơn đức tính, bằng siêu Trí của Điện thân.

Sống bằng chơn đức tính, hiểu được nguyên lý của sự sinh động và chuyển động của lực siêu nhiên, đó là siêu nhân (các khoa học gia siêu nhiên sống bằng siêu Tâm, siêu Trí và Điện thân trong sự khám phá ra những gì thuộc lãnh vực siêu hình. Như, các huyết trong khoa châm cứu, không thể dùng mắt thường để xác định vị trí dưới lớp da được. Đây là những vị trí siêu hình nằm trong cái hữu hình là da con người vậy).

b. Ý thức và phép lạ

Khi nào con người không còn bản ngã hoạt động nữa, lúc đó những bộ phận vô hình hoạt động, và những lực vô hình của nó (năng lực của vũ trụ trong con người) sinh động và sinh hóa theo lực của siêu Ý và siêu siêu Ý.

Sự hiện thực của năng lực của hai loại ý này, gọi là phép lạ.

Như vậy, những bộ phận vô hình có Lực, và Lực này xuất hiện, tăng giảm như thế nào?

- Những bộ phận vô hình “có và sống được”, vì nó có lực, nhưng là “Lực vô hình”. Những lực này chỉ tăng, không giảm vì nó thuộc về năng lực vũ trụ, là sự Sáng. Như Tâm, Trí và những bộ phận khác, chúng tăng khả năng trong chức năng “chứa, giữ và dùng”.

Khi so sánh ở sự tiến hóa, phát triển và ứng dụng các loại Trí, thì sự minh chứng càng rõ.

Sinh linh: một tạo vật linh thiêng, nhờ ở sự Sáng (sự sống) nên có khả năng cảm ứng được với những gì có trong vũ trụ.

Con người có khả năng này, vì vậy trội vượt và chế ngự được những sinh vật có trên địa cầu, chỉ vì con người Hiểu.

Có tru thể hơn, nhờ vào Hiểu. Hơn nhau một bộ phận, một chức năng, đẳng cấp đã khác rồi.

Thú vật có cảm giác, Biết, nhưng không ý thức được điều chúng Biết.

Trẻ con có sự cảm nhận về cảm giác, Biết và ý thức được những điều chúng biết. Nhờ đó Trí nhớ phát triển hay là khả năng của bộ nhớ tăng.

Người lớn thì Cảm, Biết, ý thức và Hiểu được, vì vậy mức tiến hóa đã khác rồi.

Tiến hóa cho đến mức có được sự linh cảm, tiên kiến, tiên cảm được những hiện tượng siêu nhiên và siêu siêu nhiên trong vũ trụ qua các loại giác quan (giác quan, trực giác quan, linh giác quan) của các loại thân đưa đến sự phát

triển và ứng dụng của các loại Trí (Trí, siêu Trí, siêu siêu Trí)... lúc đó con người mới trở thành một sinh linh.

Do những bộ phận vô hình và chức năng, đã phát sinh ra đẳng cấp trong sự tiến hóa, thì những gì vượt qua giác quan con người, như mức độ linh thiêng và màu nhiệm cũng gồm nhiều bậc.

Như vậy, làm sao con người biết mình đang có sự linh thiêng và màu nhiệm, và có mấy bậc linh thiêng và màu nhiệm?

- Bốn thể Thủy, Khí, Điện, sự Sáng, thể nào cũng linh thiêng và trong đó đã sinh động màu nhiệm rồi.

Linh thiêng thì do Dương và Âm, còn màu nhiệm nhiều, hoặc ít, thì do thể nào cực nhẹ. Và cực nhẹ sinh động trong sinh hoạt của con người.

- Thể Thủy: Dương và Âm trong Thủy linh thiêng, nhưng màu nhiệm thật ít. Vì tỷ lệ của sự Sáng rất ít trong Thủy.

- Thể Khí: Dương và Âm trong Khí thì linh thiêng, nhưng màu nhiệm ít. Nhưng so với Thủy, thì Khí màu nhiệm nhiều hơn về tỷ lệ.

- Thể Điện: Dương và Âm trong Điện linh thiêng, nhưng màu nhiệm thì nhiều. Vì tỷ lệ của sự Sáng trong đơn vị của Điện nhiều hơn ở Khí và Thủy.

- Sự Sáng: Linh thiêng và màu nhiệm tối đa.

Tính linh thiêng và màu nhiệm được bộc lộ ra như thế nào?

- Trong 4 thể, nếu không có sự dao động liên quan đến 4 thể thì sự linh thiêng và màu nhiệm được bộc lộ ra.

c. Con người có khả năng phát triển sự linh thiêng và màu nhiệm hay không?

- Trong đời sống, nhiều người, đôi khi cũng cảm nhận được sự linh thiêng và màu nhiệm xảy ra, và họ không thể bác bỏ được, vì đó là sự thật.

Đây là sự thật của một hiện tượng vật lý siêu nhiên và siêu siêu nhiên, mà Trí khôn thông thường được tạo nên từ 5 giác quan của Nhục thân không thể thấu hiểu được. Nhưng siêu Trí và Tuệ thì hiểu và tạo nên được, khi con người không dùng đến những chức năng của Trí và chuyển sang những chức năng của siêu Trí và Tuệ.

Con người có một chức năng đặc biệt, là theo ý muốn, điều khiển một chức năng nào đó của Trí, của siêu Trí hoặc của Tuệ hoạt động, các giác quan, trực giác quan và linh giác quan, và các loại thân nữa.

“Thể” của chức năng đặc biệt này (bộ phận có khả năng tuyệt đối trên mọi chức năng) là “sự Sáng thuần túy vô nhiễm” trong não bộ.

Tóm lại:

Con người có khả năng phát triển sự linh thiêng và màu nhiệm trong não. Và từ đó, làm được những điều kỳ lạ, ta thường gọi là phép lạ.

Vậy, phép lạ là gì?

- Là những hiện tượng vật lý xảy ra, hay được hiện thực bằng những thể linh thiêng từ thể “Điện, Khí, Thủy”... do sự xúc tác của sự Sáng.

Hay là, những hiện tượng có sức sống được tạo nên bằng thể Sáng (sự Sáng hay sự sống).

Tóm lại:

“Chỉ có sự sống, sự Sáng mới tạo nên những sức sống. Những sức sống này là những hiện tượng vật lý có năng lực yếu nhẹ hơn sự Sáng. Và chúng được tạo hình bằng sự Sáng.

Với điều kiện nào, con người có thể tác tạo bằng sự Sáng?

- Chỉ khi nào con người có khả năng tách sự Sáng ra khỏi mọi sức sống trong con người.

Muốn tách sự Sáng ra khỏi mọi sức sống, con người phải ở vào trạng thái Vô ngã (bản ngã thể gian không còn, thì chơn Ngã hiện ra với sự sinh động duy nhất của sự Sáng và Ý trở nên siêu siêu Ý).

Với siêu siêu Ý, con người mới có thể tác tạo bằng sự Sáng.

d. Sự Sáng có thể tạo nên những lực khác, sự hiện thực xảy ra như thế nào?

- Từ năng lượng, ta có thể tạo thành năng lực và nhiệt lượng, nhiệt độ theo ý muốn, theo sức mạnh của tư tưởng.

Trong con người cũng vậy, huyền năng là sự Sáng, sự sống. Nó có thể tạo thành những lực khác là huyền lực (Điện), thần lực (Khí) và tinh lực (Huyết), có nghĩa là sự sống có thể tạo thành sức sống (nhiều loại sức sống khác nhau).

“Khi mọi sức sống trong trạng thái Tĩnh”, hoặc trong dịch kỳ đóng lại (không hao tán ra ngoài) thì mọi sức sống và sự sống trong con người bằng với sức sống và sự sống trong vũ trụ, tức là Thiên Năng, Thiên Cơ, Thiên Lý của 2 vũ trụ đều bằng nhau do sự hợp nhất.

1. Tạo năng lực thành những lực khác, và điều khiển năng lực trong và ngoài thân là một phương pháp có những qui luật vật lý, nhưng nó cũng không ngoài chức năng mẫu nhiệm của luật sinh hóa và chuyển hóa của Vận (Đại, Trung và Vận tự nhiên).

(Trong 3 Vận, Vận tự nhiên là Vận phức tạp vì tế... của luật sinh hóa và chuyển hóa, vì nó gồm nhiều thể do sự phối hợp từ đơn giản đến vô cùng phức tạp của nhiều thể với những tỷ lệ khác nhau của nhiều thể trong sự cấu tạo do môi trường).

Phương pháp này bên trong tạo được gì, và bên ngoài làm được những gì?

- Bên trong:

Theo sự sinh hóa, năng lực này điều hòa mọi dịch kỳ, nên thân thể không đau ốm, bệnh tật.

Chuyển hóa, thì sức sống ngắn hạn chuyển sang dài hạn, nên con người được trường thọ, trường sinh, và đi đến sự hằng sống.

Nhờ chuyển hóa, các lực mới (lực siêu nhiên và siêu siêu nhiên) được phát sinh với những hiệu quả liên quan của nó. Và sau đó, nuôi dưỡng những hiệu quả đó bằng cách thực hành chúng.

Thí dụ: huyền lực (cũng là điện lực trong đầu não).

Hiệu quả liên quan đến huyền lực là những đức tính mà đức tính gốc để tạo ra những đức tính khác là “Đức Bi”. Rồi đến Đức Bi tỏa ra, phân phối những ơn, phước của nó cho những tạo vật khác (cho người, sinh vật, thú vật...).

Như vậy, con người là một tiểu vũ trụ chứa đựng mọi qui luật, Vận, luật sinh hóa và chuyển hóa, sự linh thiêng và mẫu nhiệm mà điều kỳ diệu là có thể phát triển sự linh thiêng và mẫu nhiệm đó nhanh hơn là sự tiến hóa có tính cách tự động của đại vũ trụ qua luật sinh hóa, chuyển hóa và tiến hóa.

Mẫu nhiệm là hiệu quả của sự linh thiêng. Sự phong phú của hiệu quả mẫu nhiệm ở sự kiến tạo, cấu tạo đơn giản hay phức tạp của nhiều thể, nhiều “hành”, của Dương và Âm, trong đó và hình dáng v.v..., và cốt lõi của sự mẫu nhiệm trong sự kiến tạo và cấu tạo là sự sống, và sức sống trong đó.

- Bên ngoài:

Sự hiện thực những biến đổi bên ngoài của những lực theo sự sinh hóa và chuyển hóa cũng đều do bên trong theo sức mạnh của siêu tư tưởng, hoặc của siêu siêu tư tưởng của Tuệ.

Sức mạnh của tư tưởng (siêu, siêu siêu) xúc tác đến những lực cần đến sự sinh hóa và chuyển hóa phải châu biến và bao trùm những lực đó.

Sự Sáng của tư tưởng xúc tác vào những lực đó mới hiện thực được.

2. Sức sống trong trạng thái tĩnh, hoặc dịch kỳ đóng lại để không hao tán gồm có 2 cách:

- Dịch kỳ đóng lại là dịch kỳ tự động chuyển hóa không có can dự của Tâm, Trí như khi con người ngủ - Nếu có sự can dự của Tâm, Trí thì sẽ có sự dao động trong dịch kỳ của Khí, Huyết (tức là có tình cảm, cảm giác).

- Dịch kỳ đóng lại, và thu hẹp dịch kỳ đến sự hợp nhất của Dương và Âm của những thể linh thiêng.

Sự hợp nhất của Dương và Âm của những thể linh thiêng là trạng thái vô sanh.

$$\text{Vô sanh} = \frac{(\text{Đông} + \text{Tĩnh})}{1} = \frac{(\text{sinh hóa} + \text{chuyển hóa})}{1}$$

Những cái gì vô sanh trong trạng thái vô sanh?

- Đó là Tuệ, cũng là sự Sáng Dương và Âm trong sự hợp nhất. Do đó, Tuệ nhập vào Nguyên Lý của vũ trụ, nên giác ngộ được Nguyên Lý.

e. Sự thành tựu phi thường khởi đầu do sự nhận ra được thời gian tồn tại tương đối và tuyệt đối của một giá trị

Có thể nói là người nào nhận ra được “thời gian tồn tại của một giá trị” (như đẹp, hay, giỏi...) hay nhận ra được thời gian tồn tại tương đối và tuyệt đối của đời sống, thì người đó có thể lựa cho mình một cách sống để đưa mình vào cõi hằng sống.

Những thành tựu từ tu luyện, các phương pháp, phương thức... con người thực hành là:

- Pháp thuật: chữa bệnh không dùng thuốc.
- Những thực hiện phi thường: đi trên nước, ngồi lâu dưới nước, nhịn đói lâu ngày, chôn dưới đất trong hòm kính v.v...
- Giác ngộ Nguyên Lý vũ trụ.
- Được mặc khải.

Đây là một số những sự phi thường được thực hiện vượt quá khả năng con người bình thường.

Những người này chẳng phải từ lúc sơ sinh đã có những năng lực hay quyền năng này. Cũng là những người bình thường, nhưng nhờ phương pháp tu luyện, hay họ hiểu rõ những tiềm lực sinh động trong thân thể, và phát huy những tiềm lực đó.

Chúng là những năng lực siêu nhiên và siêu siêu nhiên (năng lực tiên thiên) tiềm ẩn sinh động trong cơ quan vô hình trong thân thể con người. Họ sử dụng thành công những lực đó trong sinh hoạt khác thường để rồi trở nên siêu nhân.

Chẳng phải con người là siêu nhân từ lúc sơ sinh, nhưng đó là sự thành tựu phi thường từ con người, từ nhân loại.

Như Trí khôn, người nào đã thực sự khôn, biết, hiểu từ lúc mới được sinh ra. Nó là năng lực được khuếch đại từ sự Sáng qua các chức năng của Trí, đặc biệt là do chức năng suy nghĩ.

Trí khôn con người tạo nên những thành tựu phi thường. Nó đưa con người vào vũ trụ, xuống biển sâu, vào lòng đất bằng những phương tiện nhân tạo.

Nhưng siêu nhân thì khác, biết dùng những phương tiện tự có, tức là biết dùng những bộ phận vô hình với năng lực của chúng có sẵn trong con người.

Những thành tựu phi thường đều xuất nguồn từ Trí khôn.

Nó có khả năng tự tạo lấy năng lực – Vật vô tri, vô giác như cây cỏ, hoa trái... sinh động và lớn lên, nhờ một năng lực, năng lượng khác như nắng, gió, mưa, đất v.v... và từ các hành tinh khác (có nghĩa là từ các tạo vật có năng lượng tỏa ra cho tạo vật trên địa cầu).

Nhưng Trí khôn con người, đặc biệt là Trí suy nghĩ, tự nó sinh động, sinh hóa vô tận tư tưởng. Nó tự tạo lấy năng lượng như sự sống, sự Sáng (là năng

lực, năng lượng sinh hóa ra mọi tạo vật).

Sự sáng tạo từ một năng lực như nguyên lực của vũ trụ để thành năng lực tự tạo lấy năng lực và để tự tiến hóa.

Cái gì làm cho con người tự tiến hóa và tiến hóa nhanh như siêu nhân?

- Đó là chức năng suy nghĩ của Trí. Khi con người suy nghĩ là tự tiến hóa đồng thời tạo thêm năng lực, năng lượng cho sự Sáng, sự sống.

Nhưng cao hơn hết là Trí thông minh. Nó là hiệu quả của sự tổng hợp từ Trí suy nghĩ, Trí nhớ, Trí quan sát.

Trừ Trí thông minh ra, thì từ Trí suy nghĩ, Trí nhớ, Trí quan sát, Tâm, trở xuống đến sinh hoạt của Thân... đều thuộc về con người, thuộc về phàm nhân.

Chỉ có Trí thông minh (Thuần Trí) hoạt động, người đó là một “sinh linh”.

g. Linh thiêng: một yếu tố thành tựu của sự phi thường

Đại nhân trội vượt hơn người thường vì tánh cao thượng. Siêu nhân trội vượt hơn đại nhân, tiểu nhân, nhờ ở sự linh thiêng.

Cao thượng là hiệu quả của đức tính. Còn hiệu quả của sự linh thiêng là sự linh cảm, tiên cảm, tiên kiến.

Trong sự linh cảm có sự tái kiến những sự việc đã xảy ra trong quá khứ, và những sự việc sẽ xảy ra trong tương lai.

Tại sao sự việc trong quá khứ lại được giữ lâu như vậy?

- Sự việc trong quá khứ được giữ lâu, vì những hình ảnh này là những chấn động của Điện có khả năng sinh động hàng vạn năm trong bộ nhớ của Trí. Chỉ có siêu Trí, siêu Tâm (linh hồn) (1) với tầm châu biến rộng lớn bao trùm cả quá khứ và tương lai của Nhục thân hiện hữu mới có thể cảm nhận được.

Linh cảm, tiên cảm, tiên kiến đều có tính tiên tri, là biết trước được những gì xảy ra trong tương lai. Nhưng những hiện tượng nào tạo nên chúng?

- Trong những hiện tượng cốt lõi được hình thành bằng Điện và Khí để hiện thực trong tương lai, chỉ có Điện thân (hoặc những trực giác quan, những bộ phận mẫu nhiệm như linh hồn...), hoặc Khí thân mới có thể cảm biết được. Còn Nhục thân chỉ cảm biết được những gì xảy ra trong thực tại.

Hay là: “Tiên tri được tương lai, chỉ có Khí thân, Điện thân và Quang thân có khả năng cảm, biết và hiểu được những gì đã xảy ra dưới dạng siêu hình và chúng phải sẽ xảy ra dưới dạng hữu hình liên quan đến Nhục thân”.

Những loại thân này có khả năng khác nhau trong sự cảm nhận, hiểu biết. Điều này tùy thuộc vào những thể cốt lõi hình thành trong hiện tượng như:

(1) Bản chất của linh hồn là Điện và sự Sáng. Sức quang tỏa châu biến của nó bao trùm cả sự sinh động, hoạt động của Thân, Tâm, Trí. Tương tự như tâm phủ sóng của điện thoại di động bao trùm một vùng trong đó máy điện thoại di động chịu ảnh hưởng.

- Khí (Điện, sự Sáng)
 - Điện (sự Sáng)
 - Sự Sáng (Dương, Âm)
- } → trong hiện tượng được hình thành

Tiên tri không bị giới hạn ở bản thân của mỗi người, nó còn liên quan đến người khác. Nhưng làm sao hay bằng cách nào, một người có thể biết được quá khứ và tương lai của một người khác?

- Những gì tồn tại hoặc sẽ xảy ra cho một con người đều được thể hiện trên Khí thân hoặc Điện thân. Do trường độ sống của hai loại thân này mà những sự kiện của quá khứ hay của tương lai đều hiện rõ trên đó, nghĩa là cái đã có, và sẽ có của Nhục thân đã được hình thành trên Khí thân hoặc Điện thân.

Nhận ra được những sự kiện này, là nhờ vào chức năng của trực giác quan (của Khí thân hoặc của Điện thân). Tại sao?

- Vì những sự kiện loại này là những sự kiện siêu hình có sức tồn tại như một tư tưởng.

Tóm lại:

Nhờ vào trực giác quan, hay linh giác quan mà một người có thể biết được quá khứ và tương lai. Những sự kiện của quá khứ và tương lai đã được hiện thực trên Khí thân, Điện thân.

Người biết được quá khứ và tương lai bằng trực giác quan là người như thế nào?

- Khả năng khác thường này không do Nhục thân, do ở Khí thân hoặc Điện thân. Hai loại thân này hoạt động trong cõi siêu nhiên. Tầm hoạt động của khả năng này được mở rộng ra trong hai thể giới tự nhiên và siêu nhiên.

Trong đời sống, người này có khả năng dùng nhiều loại thân (Nhục thân, Khí thân, Điện thân) trong sinh hoạt thuộc thể giới tự nhiên và siêu nhiên.

Dù cho sự Biết được mở rộng vào thể giới siêu nhiên, nó vẫn chưa cao, còn phải Hiểu nữa. Nhờ Hiểu được Lý siêu nhiên (trong thể giới siêu nhiên), mới có thêm được một sáng tạo mới. Nhưng nếu không có sự sáng tạo thuận Nguyên Lý thì công phu, hay việc làm đó chẳng có công đức.

Việc làm tạo ra công đức là sinh hoạt chính của đời sống đạo nhân. Trong đời sống này, Tâm, Trí luôn hướng về sự sống, sự to tát, sự sinh động của sự sống ngay bên trong người. Và Tâm, Trí không bị chia cắt bởi những sự vật vánh bên ngoài.

Công đức là hiệu quả của sự sáng tạo thuận Nguyên Lý, như vậy tính quan trọng của công đức được tạo nên từ đâu?

- Từ cái Lý

Nó là linh hồn của sự việc, bên ngoài. Hay là, “Lý là sự sống, sự sinh động

vô hình của sức sống bên ngoài là sự việc”.

Sống bằng Lý, dù bằng Thuận Lý, là cái Lý thấp nhất so với các Lý khác, thì phong cách con người đã nghiêm trang rồi. Do đó, cử chỉ, lời nói, hành động... đều nghiêm trang, trang trọng...

Tại sao vậy?

- Vì khi nào Lý sinh động, thì cảm giác và tình cảm cá nhân không còn dao động nữa, và không còn bán ngã con người xã hội nữa. Hay là, lúc nào con người sống bằng cái Lý, ngay lúc đó, làm chủ được chính mình và vô tư, bởi vì cảm giác và tình cảm cá nhân lúc nào cũng có tính thiên vị hết (1).

Tóm lại:

Người sống bằng cái Lý thì cử chỉ nghiêm trang, lời nói minh triết. Tất cả những điều này chẳng phải do sự cố gắng của cá nhân, chúng tự nhiên toát ra từ cái Lý vậy.

(Nói cách khác, là giá trị nhân cách được bộc lộ từ bên trong. Nhưng làm sao nhận ra giá trị đó?

- Tác phong (đi, đứng, nằm, ngồi...) và trang phục, hay hình dáng, hình thức bên ngoài chưa bộc lộ hết nhân cách con người.

Giá trị nhân cách phải được bộc lộ từ trong ra ngoài. Nó bao gồm tư tưởng, ngôn từ và tác phong).

h. Một trong những thành tựu phi thường được sử dụng trong sinh hoạt của siêu nhân là thần thông. Vậy thần thông là gì?

- Hai chữ “thần thông” người ta thường dùng ngụ ý là những việc làm siêu phàm mà người bình thường không thực hiện được.

Nhưng nó cũng xuất nguồn từ con người, và cái gì trong con người có khả năng thực hiện những việc làm đó?

- Đó là những bộ phận vô hình, những lực được tạo ra từ 4 bốn thể linh thiêng (Huyết, Khí, Điện, sự Sáng) như Hồn, Vía, Thần, linh hồn, Khí thân, Điện thân, Quang thân, các trực giác quan, linh giác quan, siêu Tâm, siêu Trí, Tuệ v.v... với điều kiện, chúng phải có sự sống riêng, tách ra khỏi những thể linh thiêng và có tâm hoạt động ngoài Nhục thân.

Nhờ tách ra khỏi dịch kỳ sinh động trong hệ thống của chúng, những lực, trong những bộ phận vô hình đó mới tự về não bộ.

Và từ não, siêu Ý, siêu siêu Ý của siêu Trí và Tuệ mới điều khiển chúng được.

Từ con người bình thường, xuất hiện ra những gì siêu việt, con người đó trở thành siêu nhân và cũng là một sinh linh.

(1) Khi nào “cái Tôi” xuất hiện, hay có “cái Tôi” trong câu nói, thì trong đó đã có sự thiên vị về mình rồi, “cái Lý mất đi sự thật và tính toàn hảo của nó”.

Nhưng đời sống và sinh hoạt của một sinh linh khác với đời sống và sinh hoạt của phàm nhân như thế nào?

- Sinh linh sống bằng sự linh thiêng và mầu nhiệm, sinh hoạt bằng sự linh cảm và tiên cảm, tức là thấy trước, cảm biết trước những sự việc sẽ xảy ra cho Nhục thân.

Cái gì thấy trước, biết trước những sự việc xảy ra cho Nhục thân?

- Biết trước, thấy trước là một thực tế sẽ xảy ra trong tương lai, nhưng Nhục thân thì không có khả năng này. Chỉ có trực giác quan (hoặc cao hơn nữa là linh giác quan) với những bộ phận vô hình như linh hồn (siêu Tâm, siêu Trí) mới thấy trước và biết trước được.

Tất cả đều thuộc về Khí thân, Điện thân, Quang thân, hay là chỉ có những loại thân này mới có những khả năng trên.

Còn phàm nhân chẳng bao giờ biết trước được. Có khi Nhục thân của họ đã chết rồi, mà trí khôn cũng chưa biết mình đã chết, vì vậy mà Khí thân vẫn muốn nhập lại thân xác.

Tóm lại:

Dù Nhục thân hiện hữu, nhưng sinh linh sinh hoạt bằng những loại thân khác nhẹ hơn, mạnh hơn Nhục thân.

Ngoài việc sử dụng thần lực của Khí thân, huyền lực của Điện thân, huyền năng của Quang thân, đây là mức tiến hóa và cũng là phương tiện qua đó sinh linh được mạc khải.

Mạc khải bằng:

- Siêu thị kiến: thấy những hình ảnh siêu nhiên.

- Những tư tưởng siêu việt, lạ lùng mà con người không thể nghĩ ra... hay bằng những lời dạy bảo.

HIỆN TƯỢNG VẬT LÝ VÀ SINH LÝ TRONG NHỮNG THÀNH TỰU PHI THƯỜNG

Hai chức năng sinh hóa và chuyển hóa trong vũ trụ tạo ra những màu nhiệm, linh thiêng và kỳ diệu cho tạo vật một cách tự động.

Nhưng con người có thể chủ động, từ hai chức năng này, thể hiện nhiều việc làm phi thường. Đa số người thích nhìn sự việc xảy ra không suy nghĩ, hoặc thấy không cần thiết để suy nghĩ đến nguyên nhân, vì họ cho rằng những kỳ công đó không thực tế cho nhu cầu đời sống xã hội.

Từ sự nhận xét không đồng nhất đưa đến sự nhận định và quan niệm sống tương phản ở mức độ cao. Như, một phụ nữ, khi mặc trang phục cưới lộng lẫy, lòng hân hoan, thấy mình đang đứng trước ngưỡng cửa của hạnh phúc, trái lại, người khác với tu phục đơn sơ, một màu, sắp nhận nghi thức cạo tóc để nhập tu viện, với sự thanh thoát của Tâm, Trí để bước vào cảnh giới siêu thoát của tâm linh. Với đời sống hôn nhân, đôi vợ chồng coi sự lựa chọn của mình là khôn ngoan, hưởng thụ mọi vui sướng trần gian, và coi cách sống cô lập xuất thế là một quyết định ngu xuẩn. Tuy nhiên, với cái nhìn khác hẳn, tu sĩ, lòng cảm thương cho những người vì gánh nặng gia đình, nên chậm bước vào những cõi giới cao hơn của đời sống tâm linh.

Trong thực tại, sự bất đồng chính kiến của cá nhân chưa chứng minh được điều gì, nhưng với thời gian, hậu quả thực tế của mỗi cách sống mới xác định được giá trị của sự suy nghĩ của quá khứ.

Không vì hiếm kỳ, thực tế của những thành tựu phi thường được dùng để so sánh mức cao thấp về bí quyết, tài năng, nhưng vì sự tiến hóa, ta phải quan tâm tìm hiểu những hiện tượng vật lý và sinh lý trong những sự việc lạ lùng do con người thực hiện như ngồi lâu trong nước, nằm thiếp trong lồng kiếng đem chôn nhiều ngày dưới đất v.v...

Ngồi lâu trong nước

Trên mặt đất có sự sống, dưới nước cũng có sinh vật bao gồm cả động vật và thực vật mà dưỡng khí (oxy) là yếu tố quan trọng để chúng sinh tồn.

Động vật có nhiều loại, nhưng hầu hết chúng có những bộ phận để lọc lấy dưỡng khí như cá có mang. Đặc biệt là loại tảo, thủy tảo là những loại vô tri, vô giác, vậy mà chúng cũng có thể thu oxy để duy trì sự sống.

Con người không có khả năng sống mãi trong nước, nhưng với cấu trúc vô cùng huyền bí, phức tạp, thu hút bốn loại năng lực là sự Sáng, Điện, Khí, Thủy, và hơn nữa, có thể điều khiển hai chức năng sinh hóa và chuyển hóa nên có thể

sinh hoạt và hoạt động ở nhiều môi trường khác nhau, nơi có khí loãng, hay ngồi lâu trong nước.

Liên quan đến Khí, Thủy là hai tạng Phổi và Tim.

Hai cơ quan này liên đới với nhau, nếu một trong hai mà ngưng hoạt động thì cơ quan kia cũng theo đó mà ngưng luôn. Như Tim ngừng đập, Phổi sẽ ngưng hít thở, trái lại nếu Phổi ngưng hít thở thì Tim sẽ ngừng đập.

Khi Tim ngừng đập, máu ngưng lưu thông theo dịch kỳ của nó, nhưng mỗi đơn vị máu sẽ đứng một chỗ tự động chuyển động để sống. Do đó, nhiệt độ của Nhục thân bên trong da vẫn giữ nguyên 37°C. Máu không lưu thông, các giác quan mất chức năng của nó, khả năng các chức năng không còn, thì sự Sáng (của Trí tỏa ra các chức năng để biết) tụ về não.

Chức năng Biết từ vô não không còn, thì chức năng Hiểu của Trí cũng không hoạt động. Trí không hoạt động nữa, nó chuyển sang siêu Trí. Và siêu Trí lôi cuốn theo sự hoạt động mới, liên quan đến các trực giác quan và những bộ phận chi cần đến hai loại năng lượng là Điện và sự Sáng.

Tim ngưng đập (1), vô não ngưng hoạt động, Nhục thân mất cảm giác. Sức sống bên ngoài ngưng hoạt động, nhưng sự sống sự Sáng vẫn còn. Lúc đó Nhục thân giống như thân của tảo, thủy thảo, vô cảm giác, oxy trong nước được rút vào Nhục thân qua các lỗ chân lông, vì bên trong sự sống còn được duy trì, tự nó quân bình năng lượng.

Trạng thái vô cảm giác của Nhục thân rút năng lượng là oxy từ bên ngoài vào một cách tự động. Nhưng con người có thể chủ động theo luật sinh hóa, là tạo năng lượng từ một thể cực nhẹ nhưng lại cực mạnh để duy trì những sức sống khác (là oxy) để ngồi lâu được trong nước, tức là dùng đến chơn tức (2).

Tảo, thủy tảo thu oxy vào thân chúng vì chúng vô tri, vô giác. Chơn tức, ngược lại tạo ra oxy từ trong thân.

(1) Phương pháp luyện này tuy chậm, nhưng an toàn. Luyện nhịp tim chậm lại và ngưng đập, chủ yếu dùng “Trí quan sát” điều khiển nhịp tim chậm lại và càng chậm dần theo hơi thở ra. Hơi thở ra từ ngắn và mạnh đến dài và nhẹ, rồi đến ngưng thở, để khí thông qua lỗ chân lông.

*Ứng dụng: - Rút thanh khí vào các tế bào
- Ép đẩy trước khí, độc khí ra bên ngoài da
- Mau hết say rượu.*

(2) Là cách thở của chơn nhân. Đứng ra, đó là sự chuyển hóa của năng lực từ “Tình hóa Khí”, “Khí hóa Thần” và “Thần hoàn Hư” là năng lực nhập vào năng lực nguyên thủy của vũ trụ.

Do trạng thái chơn không của Tâm và Trí. “Thần lực” là lực vô hình của máu đỏ tụ về phần dưới ngay giữa não tuyến nội tiết (hypothalamus). Nhịp tim đập nhẹ ở nơi này, thay vì đập ở tim. Thần lực nhẹ dần để “hoàn Hư”. Lúc đó, oxy từ sự sống (sự Sáng) sinh hóa ra, nên không cần sự hít, thở bình thường của Phổi, Nhục thân rất khỏe vì đó là thanh khí (khí sinh hóa từ sự Sáng vô nhiễm).

Phương pháp trái với luật tự nhiên chứng minh con người làm chủ được tiêu vũ trụ, điều khiển được luật sinh hóa và chuyển hóa ngay trong bản thân, khởi đầu bằng cách điều khiển được hệ thống thần kinh thực vật (hay là hệ đối giao cảm), thông thường con người không thể làm được. Vì sao?

- Vì hệ thần kinh này liên tục hoạt động một cách tự động ngay cả lúc ngủ, tim vẫn đập, phổi vẫn thở.

Nhưng với sự điều khiển của chơn ý, tim ngưng đập, phổi ngưng thở.

Sự khác thường của sinh hoạt của một hệ thống lỗi cuốn theo sự biến đổi, phát sinh ra những hiện tượng về vật lý và sinh lý ngay trong tiêu vũ trụ.

Về vật lý, hiện tượng này liên quan đến năng lượng, đến nội lực, và thực lực của nội lực ngay trong chức năng sinh hóa.

Về sinh lý, chúng liên quan đến sức khỏe của cơ thể nói chung, nhưng riêng rẽ, chúng liên quan đến mỗi loại tế bào của từng thể linh thiêng là Huyết, Khí, Điện.

Liên quan đến năng lượng, khi hành giả không còn tính chủ quan tâm lý nữa, hay bản ngã mất đi, lúc đó chỉ còn thuần Trí sinh động với sự Sáng. Sự Sáng tăng dần lên do sự tụ về não, hay nói cách khác, sự Sáng tiềm ẩn trong 3 thể Huyết, Khí, Điện được chơn ý điều về não bộ. Sự Sáng (thể Sáng) trong não bộ tăng lên cho đến khi cường thể của nó bằng với sự Sáng của vũ trụ về cường thể, thì hai chức năng sinh hóa và chuyển hóa xảy ra đồng bộ như đại vũ trụ. Lúc đó, cơ thể con người, do hai chức năng sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ, nên thực lực, nội lực và ngoại lực đều được đầy đủ, và không cần đến sự thu nạp của khí (của không khí) và thức ăn, thức uống nữa.

Luyện tập đến mức không cần đến hít thở, ăn uống nữa, mà vẫn sống được, con người cho đó là một kỳ công với công phu tuyệt hảo. Thật ra, đó là sự mâu nhiệm xảy ra từ những thể linh thiêng trong chức năng “sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ” trong Nhục thân với một cấu trúc huyền bí gồm nhiều bộ phận vô hình.

Kỳ công và công phu con người không bị giới hạn ở cái một, hay là chỉ có một kỳ công duy nhất. Sinh hoạt và nhu cầu của con người càng nhiều, thì kỳ công của con người cũng không ít.

Kỳ công do con người tạo ra, nhưng mâu nhiệm để tạo ra kỳ công đã có sẵn trong vũ trụ và cả trong tiêu vũ trụ (1). Nó không có yếu tố thời gian, hay là mâu nhiệm thì hằng có, nhưng những thành tựu phi thường xảy ra ở nhiều thời điểm khác nhau.

Nếu, những thành tựu lạ lùng được coi như sự mâu nhiệm, thì mức độ mâu nhiệm ít hoặc nhiều gắn liền với cách thức thể hiện kỳ công đó.

(1) Mâu nhiệm xảy ra khi con người trở thành một tiêu vũ trụ với chơn ý, siêu Ý, và siêu siêu Ý. Nó không xảy ra ở Nhục thân, Tâm và Trí, khi con người còn bản ngã và cá nhân sinh động.

Ngày nay tâm hồn con người hướng nhiều về Danh, Lợi để tạo bản ngã trên đó. Vì vậy, “sự Thật, Giả” trong việc làm, lời nói... khó nhận ra, và rất khó lường trước.

Nếu những thành tựu phi thường không đúng thật là một công phu, kỳ công, xuất nguồn từ sự mầu nhiệm trong con người, thì tất cả những điều được hiện thực là những pháp thuật với bùa chú, với những chất thuốc kích thích (dope), đơn luyện để giữ lâu nội lực. Hoặc ở một mức thấp hơn, đó là ảo thuật hay xảo thuật được nghĩ ra với những dụng cụ tinh tế vượt qua sự kiểm soát của Trí bình thường. Người xem hướng mắt nhìn vào sự lạ xảy ra, tán thưởng, tâm hồn bị mê hoặc, Trí chẳng còn thời gian để suy nghĩ ra sự hư thực trong đó.

Ngồi lâu trong nước là điều kỳ lạ, nhưng trong môi trường này vẫn có oxy sinh động. Hành giả dùng chơn ý điều khiển làm mất cảm giác. Nhờ đó, oxy trong nước tự động rút vào Nhục thân qua các lỗ chân lông, trong khi đó, chỉ còn năng lực tiên thiên (Điện, sự Sáng) sinh động trong Nhục thân.

Các năng lực đang trong chức năng chuyển hóa năng lượng.

Trong một môi trường khác, không có không khí chuyển động, hoặc có, nhưng rất ít như một người trong hòm kiếng được đem chôn dưới đất mà vẫn sống được (1) thì hiện tượng vật lý và sinh lý sẽ xảy ra như thế nào, người biểu diễn sẽ dùng những chức năng nào của vũ trụ để thực hiện việc làm này?

Người sống chôn trong lồng kiếng

Nhục thân không ăn, uống, thở, nó không thể sống được. Trong lồng kiếng không thực phẩm, nước, và không có không khí, con người làm sao sống được trong một thời gian dài. Vậy mà có người, và có loài sinh vật vẫn có thể sống được.

Trước tiên, ta nói đến các con vật có khả năng duy trì sức sống của Nhục thân trong thời gian dài, không cần đến tiêu thụ thực phẩm hằng ngày là rùa và gấu trắng, một số khác cũng có cách sống tương tự.

Gấu trắng trốn rét qua đông bằng cách ngủ thiếp trong thời gian đó. Cơ thể của chúng được giữ, trữ đầy đủ chất béo, nhịp tim đập nhẹ đến không đập. Tư chi và thân thể không hoạt động, nội lực vẫn giữ nguyên không chuyển thành ngoại lực để làm tiêu hao năng lượng.

Yếu tố quan trọng để cho có thể duy trì sức sống ở mức bình thường, không bị tiêu hao nhanh năng lượng, nhờ tim ngưng đập, phổi ngưng thở, khi nó trốn rét qua đông.

Trạng thái nửa sống, nửa chết của Nhục thân làm cho các tế bào trẻ lâu, vì

(1) Nhiều người đã từng chứng kiến hiện tượng về người chết được đem chôn và sau đó sống lại.

Chết là Nhục thân chết, tim không đập, phổi không thở, nhưng nội lực và thực lực vẫn còn sống, tức là não vẫn còn sống, Điện và sự Sáng vẫn sinh động. Năng lực tiên thiên (Điện, sự Sáng) cung cấp năng lực cho năng lực hậu thiên. Nhục thân chết sẽ sống lại.

không hoạt động, nên hệ thống tiêu hóa và hô hấp không tạo ra nhiều thán khí (CO_2) trong cơ thể của gấu trắng.

Rùa: trong số các loại sinh vật sống trên địa cầu như thượng cầm, hạ thú, kình ngư... thì rùa là loại sống lâu, có con tuổi thọ đến vài trăm năm.

Những gì không bình thường, tất phải có những hoạt động khác thường. Đây là tiền đề để Trí khôn con người suy nghĩ để biết, hiểu và để tiến hóa.

Rùa chuyển động chậm chạp do sức nặng của mai rùa đè xuống bốn chân của nó. Đây không phải là yếu tố để nó sống lâu. Yếu tố trường sinh của nó là: gan và cách thở.

Gan rùa to, so với gan của các sinh vật khác theo tỷ lệ của thể tích, luôn luôn chứa nhiều chất bổ để có thể tự nuôi lấy sức sống trong một thời gian dài, khi nó không được ăn, uống.

Quan trọng nhất để kéo dài mức sống lâu, là cách thở của rùa (ta gọi là “quy tức”, áp dụng trong thuật trường sinh) (1).

Rùa thở cực nhẹ, nhịp tim rất chậm và nhẹ. Oxy được giữ lại nhiều và lâu, nên nó sống dưới nước được lâu. Nếu rùa bị cột, treo vào gốc cây, nó chỉ cần vài giọt sương, với cấu trúc của gan to, và cách thở của nó, rùa có thể sống được vài chục ngày.

Với những cấu trúc của bộ phận, cơ quan rất đặc biệt của loài thú, có người cảm thấy cơ thể con người thua kém loài thú ở những khả năng của chúng. Nhưng thật ra con người làm chủ muôn loài trên địa cầu, nhờ vào một cấu trúc rất kỳ diệu, có luôn cả sự linh thiêng và mẫu nhiệm sinh động như đại vũ trụ, trong đó có 2 loại năng lực tiên thiên và hậu thiên.

Loài thú chỉ có năng lực hậu thiên sinh động là chủ yếu. Nếu chúng có năng lực tiên thiên, con người không thể điều khiển hay chế ngự chúng được.

Loài thú không thể thành Thần, Tiên, Phật, Thánh... được. Những ngôi vị này không có trước khi loài người có trên địa cầu, chúng có sau khi con người tiến hóa và biết dùng đến năng lực tiên thiên (Điện, sự Sáng) trong sinh hoạt đời sống.

Có thể nói ngôi vị trên được tạo nên từ những thành tựu phi thường trong việc ứng dụng năng lực tiên thiên, mà tất cả các loài thú không có một loài nào có thể có được, nhất là sự Sáng (2).

(1) Là phương pháp tập cho Nhục thân khô và trường thọ, chủ yếu lấy “thanh khí” (oxy tinh tuyền vô nhiễm tạp chất) làm gốc. Đó là cách thở cực nhẹ và cực dài đem thanh khí xuống chứa ở hạ tiêu, trong khi đó Tâm không có tâm trạng, nên không có phản ứng của hóa chất, không khí mới trở nên “thanh khí”.

(2) Có một số ít loài thú có tích điện. Những loài thú này ăn thịt các loài thú khác chỉ ăn cây cỏ. Nhiều sinh vật điện, nội lực của chúng toát ra, sau khi Nhục thân chết, để thành yêu tinh... Chỉ thiếu một nhân tố là sự Sáng, đẳng cấp đã khác xa giữa con người và thú vật.

Người ứng dụng được năng lực tiên thiên trong cơ thể, thấu triệt được luật sinh hóa và chuyển hóa ngay trong bản thân. Và từ đó, có thể tạo nên những thực hiện phi thường, và người thường coi những điều đó như một phép lạ.

Như vậy, người nằm trong lòng kiếng sử dụng năng lượng trong luật sinh hóa và chuyển hóa như thế nào để duy trì sức sống trong khoảng thời gian dài?

- *Sử dụng năng lượng để duy trì sức sống của Nhục thân là phương pháp sử dụng vật lý để điều hòa những điều kiện, hay nhu cầu của sinh lý.* Nó liên quan đến luật sinh hóa trong sự cung cấp năng lượng, và luật chuyển hóa, trước khi hành giả bắt đầu thực hiện cuộc biểu diễn.

Sinh hóa là một hiện tượng có thực, nhưng với những năng lượng vô hình, khi nó biến thể, nhãn quan con người khó nhận ra, vì vậy nó có vẻ trừu tượng. Nhưng những hiện tượng xảy ra trong đời sống, con người dễ cảm nhận hơn, ví dụ như, những sinh hóa của năng lượng, năng lực, của các thể linh thiêng trong tiến trình thai nhi được cấu tạo trong bụng mẹ.

Tiến trình năng lượng cấu tạo thai nhi theo luật sinh hóa của vũ trụ:

Sự Sáng sinh hóa ra Điện. Điện sinh hóa ra Khí. Và Khí sinh hóa ra Huyết.

Để dễ nhận, tiến trình sẽ như sau:

Sự Sáng → Điện → Khí → Huyết

Cấu trúc không đơn giản như vậy trong sự sinh hóa.

Khi sự Sáng (thể Sáng) sinh hóa ra Điện thì trong một đơn vị của Điện đã có nhiều đơn vị của sự Sáng sinh động trong đó.

Khi Điện sinh ra Khí thì trong một đơn vị của Khí đã sinh động nhiều đơn vị của Điện và sự Sáng.

Khi Khí sinh ra Huyết thì trong một đơn vị của Huyết có nhiều đơn vị của Khí, Điện, sự Sáng trong đó đang sinh động.

Như vậy, cấu trúc sinh hóa các năng lượng sẽ được trình bày như sau:

Sự Sáng → Điện

Điện (sự Sáng) → Khí

Khí (Điện, sự Sáng) → Huyết

Cuối cùng, Huyết chứa đựng sự sinh động của Khí, Điện, sự Sáng trong nó: Huyết (Khí, Điện, sự Sáng).

Trên đây là sự diễn tiến của năng lượng trong sự sinh hóa theo hiện tượng vật lý. Trong sự sinh hóa của 2 vũ trụ, thì hiện tượng vật lý cũng là hiện tượng sinh lý.

Theo hiện tượng sinh lý, thì những bộ phận, cơ quan trong thai nhi được cấu tạo theo sự tuần tự của sự sinh hóa như thế nào?

Từ mầm sống (não) sinh hóa ra hệ thần kinh, đến các kinh, và sau hết là tạng, phủ...

Hay là:

Não bộ → hệ thần kinh → kinh lạc → tạng phủ

Như vậy, tiến trình sinh hóa vừa có tính cách vật lý và sinh lý xảy ra đồng bộ như sau:

Sự Sáng	→	Điện	→	Khí	→	Huyết
↓		↓		↓		↓
Mầm sống (não bộ)	→	hệ thần kinh	→	kinh, lạc	→	tạng phủ

Từ mầm sống (não bộ) hay là từ sự sống có trong não con người sinh hóa ra những sức sống khác. Những sức sống này tương quan với mỗi loại sinh hoạt, và chúng cũng là nguồn gốc của sự di truyền căn cứ trên bốn thể linh thiêng để có những đặc thù trong sinh hoạt của đời sống.

Những đặc thù trong sinh hoạt của đời sống phần lớn do sự di truyền. Chúng tạo cho mỗi gia đình có cách sống khác nhau do tập quán của sự di truyền.

Nguồn gốc sinh hóa của chúng là:

Sự Sáng	→	Điện	→	Khí	→	Huyết
↓		↓		↓		↓
Trí	→	tư tưởng	→	tình cảm	→	cảm giác

Sự sống sinh hóa ra sức sống, nhưng trong sức sống được sinh hóa luôn luôn sinh động bên trong nó sự sống. Như vậy:

Trong tư tưởng đã có Trí khôn sinh động. Trong tình cảm đã sẵn có tư tưởng và Trí khôn sinh động.

Trong cảm giác đã sẵn có tình cảm, tư tưởng và Trí khôn sinh động. Hay là:

Trong Tư tưởng (có Trí khôn sinh động),

Tình cảm (tư tưởng, Trí khôn)

Cảm giác (tình cảm, tư tưởng, Trí khôn).

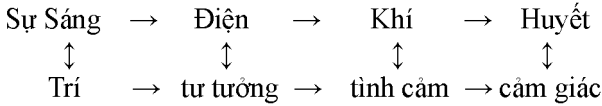
Khi thai nhi đạt đến mức đầy đủ năng lượng, năng lực để có thể sống trong thế giới tự nhiên, nó tự đòi ra, không phải người mẹ muốn sinh ra nó theo thời gian lựa chọn (1)

Khi thai nhi ra đời, sinh hoạt của nó bắt đầu theo tiến trình chuyển hóa.

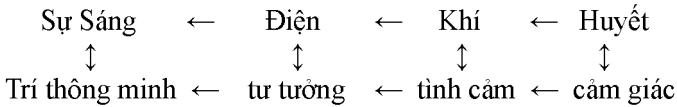
Trẻ con có cảm giác trước, dần dần phát sinh tình cảm, đến tư tưởng và cuối cùng đến phát triển Trí khôn để vào lĩnh vực Hiểu của Trí thông minh.

(1) Nếu thai nhi được mổ lấy ra theo ý muốn của cha mẹ thì vận số của nó không hòa nhập với Vận của vũ trụ.

Trong sinh hóa của thai nhi:



Trong chuyển hóa của trẻ con đến lúc trưởng thành, diễn tiến của các thể linh thiêng sẽ đi ngược lại để tăng năng lực:



Khi đã hiểu được luật sinh hóa và chuyển hóa các năng lực thì việc nhốt mình trong hòm kiếng mà vẫn sống được, không phải là điều con người không thể làm được. Nhưng sự việc này diễn tiến như thế nào?

- Luật chuyển hóa được áp dụng trước

Bắt đầu, hành giả hồi quang đưa toàn bộ sự Sáng tập trung về não, tức là sự Sáng sinh động trong Điện, Khí, Huyết trong toàn Nhục thân được đưa về não.

Sự Sáng không sinh động trong Huyết, không có những tín hiệu từ Huyết đưa về não, nên không còn cảm giác ở Nhục thân.

Với hai hệ Khí và Điện cũng vậy, khi sự Sáng không sinh động trong chúng, thì tình cảm và tư tưởng cũng không còn.

Sự Sáng tụ về não, không còn tiềm tàng sinh động trong hệ thần kinh thực vật nữa, nên tim ngưng đập, phổi ngưng thở... Sự sống vẫn còn, nhưng những sức sống khác thì ngưng. Lúc đó hành giả chỉ còn lại một ý thức duy nhất về trạng thái hư vô – một trạng thái chỉ có sự Sáng (sự sống) tự sinh động để tăng năng lực một cách tự động để năng lượng của nó tăng dần đến mức đầy đủ, để có thể quay trở lại chu kỳ sinh hóa năng lượng, và cung cấp cho nhu cầu của Nhục thân.

Đến đây, hành giả sử dụng lực sinh hóa để cho sự Sáng (sự sống) sinh hóa ra các loại năng lượng để cung cấp cho các bộ phận, cơ quan của Nhục thân để duy trì sức sống mà không cần đến ăn, uống, hít, thở...

Khi sức sống giảm dần thì sự Sáng (sự sống) bắt đầu tỏa ra một cách tự động để quân bình mọi năng lượng.

Về phương diện sinh lý, sự Sáng cung cấp năng lượng cho cơ thể qua những bộ phận và với những chức năng nào?

- Sự Sáng tỏa ra từ não vào hai mạch Nhâm, Đốc, biến thành “Điện” để quân bình điện thế. Sau đó, dòng điện được chuyển sang “Khí” để chạy vào

các kinh. Cuối cùng, “Khí” từ các kinh được chuyển thành “Huyết” để nuôi các tế bào.

Tất cả loại năng lực được sinh hóa từ sự Sáng của não đều trong trạng thái vô nhiễm những độc tố trong thời gian hành giả thiếp nghỉ.

Do không dùng đến các thức ăn uống nên hệ tiêu hóa không hoạt động, không có sự bài tiết chỉ do sự cung cấp năng lượng tiên thiên sang năng lực hậu thiên, cho nên chỉ có tóc và râu dài thêm thôi.

Điều này cho ta thấy, năng lượng từ sự Sáng sinh hóa, chỉ tăng chứ không giảm.

Trong đại vũ trụ, sự sinh hóa và chuyển hóa luôn xảy ra đồng bộ, hoặc là hai chức năng này sinh động đồng bộ. Nhưng với trường hợp trên, trong tiểu vũ trụ, con người có thể điều khiển riêng rẽ từng chức năng, hoặc điều khiển sự chuyển hóa, hay sự sinh hóa năng lượng để thực hiện những việc phi thường.

Hiệu quả mâu nhiệm trong sự sinh động tâm lý

Sinh hoạt con người liên quan đến nhiều dạng, nhiều hiện tượng như vật lý, sinh lý, tâm lý v.v... Có người có khả năng điều khiển được chúng dưới dạng năng lượng, hay ngược lại đa số người bị chi phối bởi ảnh hưởng của chúng.

Nói cách khác, là có người điều khiển được những năng lực tiên thiên để làm nên những chuyện lạ lùng. Có người do tâm lý, cảm nhận được tác động của năng lực tiên thiên xảy ra trong cơ thể mình như một sự mâu nhiệm.

Sự mâu nhiệm xảy ra do sự thụ động tâm lý. Trạng thái hư vô của sự thụ động tâm lý làm cho sự Sáng được bộc lộ ra, và sinh động. Và do đó, nó xúc tác vào những sức sống để lập lại sự quân bình của Nhục thân. Tức thì, những bộ phận, chức năng của mọi hệ thống hoạt động trở lại một cách bình thường. *Những “đổi thay tức thì của trạng thái và thể trạng” trong con người là một mâu nhiệm vậy.*

Như bệnh nan y, thuốc chữa lâu ngày không lành, nhưng đột nhiên bệnh tức khắc hết. Mọi hiện tượng xảy ra đều có nguyên nhân, dù cho đổi thay chậm hay có tính đột biến.

Thuốc từ ngoài được đưa vào Nhục thân không có hiệu quả, như vậy, bệnh được lành, tất nhiên phải do từ bên trong.

Nếu bệnh đã kéo dài thì bệnh nhân không có khả năng điều khiển năng lực tiên thiên để tự chữa. Như vậy, bệnh được lành ngay do ở tâm lý của bệnh nhân.

Tâm lý con người ảnh hưởng đến sinh lý và vật lý (năng lực) trong Nhục thân, hay là tâm lý tác động đến sinh lý và vật lý để tạo nên một sự đổi thay.

Cái gì có khả năng tác động hay ảnh hưởng đến cái khác, nó là một năng lực. Như vậy, tâm lý con người là một năng lực.

Nếu có sự xúc tác hay tác động của một năng lực, và xảy ra sự đổi thay, thì

(1) Xin xem ở cuối trang 115.

điều đó không phải là sự lạ lùng nữa.

Tâm lý là nguyên nhân của sự đổi thay của trường hợp nêu trên – một sự đổi thay hoàn toàn của quan niệm sống, của cách nhìn, của hai con người sống trong một bản thân là bản ngã và chơn Ngã (hay Vô ngã), mà điều quan trọng nhất là hồi quang và hiệu quả của nó.

Vậy cái nhìn của nó như thế nào, và hiệu quả liên quan đến những gì?

- *Nhìn ra ngoài là hướng nhìn của bản ngã. Hồi quang (nhìn quay vào trong) là cái nhìn của chơn Ngã. Hay là, cái nhìn của chơn Ngã phát sinh từ sự hồi quang.*

Hồi quang làm tan biến bản ngã. Từ đó toát ra sự kỳ diệu, linh thiêng và mầu nhiệm. Ba loại tính này không phải từ bên ngoài đưa vào, chúng đã có sẵn từ trong con người. Hay là, con người đã có sẵn sự kỳ diệu, linh thiêng và mầu nhiệm. Chúng chưa biểu lộ ra, vì luôn bị sự sinh động của bản ngã che lấp. Nhờ hồi quang (nhìn quay vào bản thể) ba tính này mới xuất hiện được và sinh động. Những gì sinh động, nó trở nên một năng lực. Và ba tính này là những năng lực. Nếu nó sinh động lâu, năng lực nó tăng lên, và năng lượng tăng lên.

Như vậy, nếu hồi quang càng lâu bao nhiêu, thì sự mầu nhiệm, linh thiêng và kỳ diệu, theo thời gian đó, tăng thêm bấy nhiêu.

Hồi quang làm tan biến bản ngã. Chẳng còn bản ngã, Phước Họa cũng không còn. Đời sống con người sinh động trong cõi siêu nhiên và siêu siêu nhiên với đức tính và đạo tính, tức là sinh hoạt liên quan đến Điện và sự Sáng. Nó thay đổi luôn trạng thái của Nhục thân, của Tâm và luôn cả Trí nữa. Hay là, hồi quang làm thay đổi cả một tiểu vũ trụ trong sự tiến hóa bằng sự chuyển hóa năng lực.

Về sự đổi thay trạng thái của Nhục thân, bệnh nan y của Nhục thân tự nhiên được lành bằng năng lực tiên thiên trong con người qua sự hồi quang.

Nguồn gốc phát sinh bệnh: do từ bên ngoài vào, hay do bên trong bộc phát.

Bên trong, bộc phát do tâm trạng. Khi một tâm trạng nổi lên, nó tạo ra một phản ứng hóa chất.

Phản ứng này làm suy nhược Khí, Huyết (1). Từ sự suy nhược đó, các tế bào bị hại. Có một số tế bào do phản ứng hóa chất trở thành tế bào độc. Chúng có sức mạnh làm hại tế bào khác (như dây leo, nó bám và ăn cây nó bám vào, để lớn lên cho đến khi cây bị nó bám vào, bị tiêu mất luôn).

Còn nhiều bệnh khác phát sinh từ bản ngã, từ sự căng thẳng của tâm hồn.

Bệnh của bản ngã phát sinh, chỉ có chơn Ngã, với sự hồi quang mới làm

(1) Ngược lại, vô tâm trạng, vô bản ngã (Vô ngã), sức khỏe được phục hồi một cách tự động. Nếu Tâm và Trí đều chơn không, hay là chơn Ngã hoạt động, thì Điện và sự Sáng tăng, tức là thần lực, huyền lực, huyền năng tăng.

lành tức thì bệnh nan y do sự toát ra của thực lực là Điện và sự Sáng.

Hiện tượng này diễn tiến như thế nào?

- Bệnh trạng và đau đớn kéo dài, bệnh nhân cảm thấy không thể sống được nữa, nên không lo, và cũng chẳng sợ đến cái chết.

Trong trạng thái tuyệt vọng và vô tâm trạng, bản ngã cũng tan biến luôn. Mất tuy nhắm, nhưng lại nhìn quay vào trong, hay là mất mờ, nhưng nhìn hướng vào trong, tâm hồn (Tâm, Trí) ngưng động, hay hoàn toàn thư giãn. Lúc đó thực lực (năng lượng tiên thiên) bắt đầu sinh động từ não bộ, hay là Điện và sự Sáng sinh động từ não bộ tỏa ra hai hệ thống Khí, Huyết. Năng lực này châu biến ra toàn thân, xuyên qua các loại vi trùng và diệt chúng, nên bệnh được lành tức thì. Và bệnh nhân cảm thấy khỏe hơn lúc bắt đầu đau.

Bệnh lành tức thì mà không cần đến thuốc do con người chế tạo, đó là một mâu nhiệm. Nhưng nó là một mâu nhiệm xảy ra trong Nhục thân. Thật ra, đó là hiện tượng của một năng lực mạnh bổ túc cho sự thiếu thốn của những năng lực khác. Năng lực các loại trong thân được quân bình, bệnh trạng phải tan biến.

Ngoài sự mâu nhiệm xảy ra từ sự tan biến của bản ngã trong bệnh nan y, ta cũng cần biết đến cái nhìn của bản ngã liên quan đến thế giới tự nhiên đến Nhục thân như thế nào?

- Sinh hoạt của Nhục thân gắn liền với Phước, Họa – Hay là Phước, Họa chỉ xảy ra với đời sống của Nhục thân.

Sự luân phiên xảy ra của Phước, Họa trong đời sống là sự việc bình thường của con người sống bằng bản ngã, mà họ luôn tìm kiếm hạnh phúc trong đó.

Sự từng trải, kinh nghiệm dù có nhiều đến đâu cũng giới hạn trong vòng Phước, Họa. Nhu cầu ở trong đó, và cứu cánh cũng trong giới hạn đó. Những sự bình thường vẫn tiếp nối mãi theo sự bình thường của một đời sống với bản ngã của con người xã hội.

Định kiến càng lâu, tính cố chấp càng cao. Con người xã hội khó thoát khỏi sự kiềm hãm của bản ngã. Hay là, bản ngã của con người xã hội chặn đứng tâm hồn mình vào cõi siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Vật lý siêu nhiên trong những thành tựu phi thường

Những gì bất ngờ xảy đến cho ta, gây cho ta sự thích thú, kích thích óc tò mò, hay những gì tai chưa bao giờ nghe, mắt chưa từng thấy, ngoài sự suy đoán, suy nghĩ, ta cảm thấy ở chúng sự sinh động một sự kỳ diệu.

Nhưng sự kỳ diệu không phải là chỗ cuối cùng để con người đánh giá. Vì trong nó còn tiềm ẩn nhiều thứ để Trí khôn con người tìm kiếm, tìm hiểu những năng lực sinh động siêu hình, hoặc vô hình để ứng dụng chúng vào sự tiến hóa.

Đó là sự linh thiêng và mâu nhiệm. Hai nhân tố này không phải là những danh từ trừu tượng, mà chúng là năng lực có thật, có khả năng và chức năng tác

động và xúc tác vào ngoại lực để tạo ra sự kỳ diệu.

Như đầu và não con người.

Năm giác quan ở đầu. Sự sắp xếp 5 giác quan ở vị trí cao thấp tương ứng với khả năng cảm nhận trong không gian xa gần.

Mắt nhìn được xa nhất, và sự cảm nhận về không gian của các giác quan khác dưới mắt được rút ngắn lại, và cuối cùng là xúc giác... chỉ trực tiếp cảm nhận không có một quãng cách.

Sự kỳ diệu của 5 giác quan là chức năng đưa những tín hiệu bên ngoài vào não để con người biết, và ý thức được điều mình biết.

Nhưng biết và ý thức được điều mình biết không phải là mức cuối cùng của hoạt động của Trí khôn, vì còn sự Hiểu nữa.

Tất cả ba chức năng này đều vô hình. Nhưng vô hình mà hoạt động được, tất nhiên chúng nhờ vào những động lực. Những động lực khởi động cho những chức năng vô hình, dù cho chúng chỉ sinh động từ não bộ, cho đến nay chưa một phương tiện, một máy nào nhận dạng được, những động lực này cũng thuộc về vật lý. Có điều chúng nằm trong vật lý siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Những thực hiện phi thường nằm trên cơ sở vật lý siêu nhiên của một ít người đã mở đường cho con người vào cõi siêu nhiên, dù đó chỉ là con đường nhỏ mà nhãn quan vừa thoáng thấy từ những hiện tượng vừa lạ lùng, vừa kỳ diệu trong những biểu diễn.

Con đường nhỏ sẽ được mở rộng để nhiều người có thể vào dễ dàng trong cõi siêu nhiên, nếu những thực nghiệm phi thường đó được tạo thành phương pháp khoa học dễ thực hành, với giải thích dễ hiểu, và mức chính xác trong sự điều khiển nội lực và thực lực.

Với người cầu tiến, những hiện tượng mới, là động lực khơi động trí suy nghĩ của họ, hướng gì là vật lý siêu nhiên – một lãnh vực làm phát triển sự thông minh của hai loại Trí, tức là siêu Trí và Trí, vì cả hai loại Trí có cùng một bộ nhớ.

Trong thực nghiệm, qua sự điều khiển của nội lực và thực lực từ não bộ, sự sinh động bên trong Nhục thân không có sự phân chia thành những lãnh vực riêng rẽ của một nhân tố đồng nhất thành từng ngành như vật lý, sinh lý và tâm lý, mà cả ba là sự đồng nhất trong một nhân tố.

Tương tự như người ta thường chia ra thành 3 phương diện của một vật thể là: bản thể, bản tính và tính năng (năng lực của bản tính). Nhưng thật ra cả ba là một.

Trong thế giới cũng như trong cõi tự nhiên, mức độ phức tạp trong cấu trúc cao nhất được tạo nên bởi nhiều nhân tố mang tính kỳ diệu của nhiều chức năng. Càng nhiều chức năng, sự điều khiển của Trí làm chi Trí tăng nhanh trí năng. Nhưng sự chính xác trong sự điều khiển những chức năng để nhận ra sự

khác biệt về khả năng đưa đến sự phân biệt rõ rệt về bản năng, khả năng và thiên tài năng (1).

Dù với cấu trúc phức tạp chứa đựng nhiều nhân tố, nhưng đa số người điều khiển những chức năng rất dễ dàng, vì sinh hoạt và hoạt động xảy ra dưới dạng hữu hình. Nhờ ở hữu hình, trí khôn con người phát triển nhanh, tất cả được bộc lộ ra trước nhãn quan. Và thị giác là giác quan rất quan trọng để tiến hóa trí khôn con người nhanh hơn bốn giác quan kia.

Với vật lý siêu nhiên, mọi hiện tượng không xảy ra ở dạng hữu hình, mà tất cả ở dạng siêu hình. Nó vượt qua tầm quan sát của nhãn quan về cấu trúc của nó cũng như về không gian.

Con người nhỏ bé và yếu đuối so với thế giới tự nhiên, nhưng chức năng suy nghĩ duy nhất của Trí làm tăng tánh hiếu kỳ và lòng tự đại của mình. Hai tính này kích thích sự sáng tạo bằng sự chấp nối tầm quan sát của nhãn quan với những siêu viễn vọng kính, những phương tiện hoạt động xa trong không gian.

Con người luôn tìm kiếm những điều kỳ lạ, trong tầm nhìn cực xa, cực to và cực nhỏ. Ngày nay kỳ diệu tiếp nối kỳ diệu, nhưng chức năng và khả năng của mọi giác quan vẫn chưa thâm nhập vào cõi giới siêu nhiên được. Có thể nói con người không thể khám phá ra thực thể của thế giới siêu nhiên bằng những phương tiện hiện hữu, được chế tạo bằng trí khôn, được phát triển qua sự sử dụng của năm giác quan.

Điều xác định được là phương tiện nhân tạo không thể đưa con người vào thế giới siêu nhiên được. Nhưng những cấu trúc, bộ phận, cơ quan siêu hình và vô hình trong cơ thể con người mới đưa con người vào thế giới đó, qua sự cảm nhận của trực giác quan và linh giác quan. Nhờ vào sự cảm nhận của hai loại giác quan này, mà siêu Trí và Tuệ mới nhận ra được sự sinh động của vật lý siêu nhiên và siêu siêu nhiên trong cơ thể con người.

Không phải từ những thành tựu phi thường ngày nay mà Trí khôn con người xác nhận có một điều gì đó rất huyền bí luôn sinh động bên trong sinh hoạt và hoạt động của mỗi người.

Có những điều ngày nay có thì chúng vốn cũng đã có từ thời xa xưa, nhưng ít người nhắc đến, vì vậy mà nguyên nhân của chúng rất mờ mịt, và sự ứng dụng không được phổ biến rộng rãi.

Một trong những môn mang tính vật lý siêu nhiên là môn chiêm cứu, bảm huyết mà y học Đông, Tây chưa có sự công nhận đồng nhất về hiệu quả của nó. Vì sao?

(1) Từ này dùng để chỉ rõ những người mới sinh ra đã bộc lộ ra tài năng phi thường, mà trẻ cùng lứa tuổi không có được. Đây là tích lũy của sự thông minh, của kiến thức rất nhiều trong quá khứ (trong tiền kiếp) được đem ra dùng để tiếp tục tiến hóa.

- Vì nó rất khó dùng. Nó đòi hỏi một kiến thức tích lũy từ hai loại, Trí và siêu Trí, và sự hiểu biết uyên thâm của sự sinh động và chuyển động của các loại lực từ trong ra ngoài, là huyền năng, huyền lực, thần lực và tinh lực được chuyển động trong những tuyến vô hình.

Từ vài ngàn năm trước, nó là môn cấp cứu đạt đến mức “cứu tử, hồi sinh” mà không cần thuốc bên ngoài đưa vào Nhục thân.

Thoáng nghe, lời nói này thật phi lý. Nhưng không phải ở mức độ nào của Trí khôn cũng hiểu được Lý.

Không cần thuốc bên ngoài đưa vào Nhục thân, vậy lấy gì để hồi phục sức sống trở lại trạng thái bình thường của sức khỏe, và để cứu sống sinh mạng?

Thật ra, được chất đã tích sẵn trong thân người. Được chất này không còn ở trạng thái thô thiên của vật lý tự nhiên trong thảo mộc, trong sinh vật, mà loài người, cho đến nay, mới tìm ra trên ngàn vị thuốc.

Được chất thô thiên trong thảo mộc, trong sinh vật được tạo nên do Trời, Đất, tức là do ánh sáng mặt trời, khoáng chất dưới đất, Khí, Thủy. Các loại được chất này chi bồi bổ cho Khí và Huyết. Một ít số khác thu được tĩnh điện trong bầu khí quyển, chúng có khả năng an Thần(1), cường hóa Thần.

Được chất dưới dạng thô thiên tiềm tàng trong thực vật và sinh vật được đưa vào Nhục thân qua sự ăn uống.

Vào trong cơ thể, chúng được biến đổi thành một loại năng lượng với được tính cao hơn, dưới dạng vật lý siêu nhiên, một loại năng lực cao, có thể dẫn truyền nhanh trong kinh và mạch (nhân điện).

Ngoài loại năng lượng dưới dạng thực vật và sinh vật, con người là nơi hội tụ bốn thể loại linh thiêng, quan trọng là năng lực tiên thiên (Điện, sự Sáng) đã sẵn có trong Nhục thân. Từ đó con người có thể hấp thu thêm từ bên ngoài vào một cách trực tiếp qua sự sinh động bên trong của năng lực tiên thiên, trong khi năng lực hậu thiên ngừng hoạt động.

Được chất được tinh luyện từ bên trong cơ thể con người bằng sự Sáng (thể Sáng) và Điện từ não bộ, làm cho nó có tính cấp cứu nhanh, vì nó được chuyển sang dạng điện năng.

Được chất dưới dạng điện năng được chứa giữ trong huyết. Khi huyết được châm, hoặc bấm, điện năng được tỏa ra, dẫn truyền theo kinh và mạch đến những nơi năng lượng trong cơ thể hao hụt, với thời gian nhanh hơn là được chất được đưa vào, qua sự tiêu hóa dưới dạng thô thiên.

Với phương tiện khoa học hiện đại, người ta chế ra máy dò huyết, nhờ vào sự tỏa năng lượng ra từ vị trí đó mà huyết được nhận ra.

(1) Không phải là thuốc an thần của Tây y dùng để ức chế sự suy nghĩ của con người. “Thần” là kết tinh của thanh khí và máu đỏ. Nó là lực vô hình sinh động trong máu đỏ ở tim, ảnh hưởng đến sự tăng, giảm của huyết áp.

Điều này xác nhận sự khám phá từ nhiều ngàn năm trước của môn này như một huyền ảo và một số y sĩ chưa coi đó là một khoa học. Nhưng thử nghĩ, máy dò có huyết, với người xưa, họ dùng phương tiện nào để tìm ra những huyết siêu hình, và để vẽ vị trí của chúng trên thân thể.

Phương tiện hữu hình, qua một thời gian tập sử dụng, với khả năng, đa số người điều khiển được, vị trí hữu hình, mọi người, với nhãn quan, đều thấy được. Nhưng đối với vị trí siêu hình, người định vị phải dùng đến thị trực giác quan, khi Điện thân hoạt động. Hay là, khi Điện thân xuất hiện, các trực giác quan mới hoạt động được.

Sự xuất hiện của Điện thân không thể xảy ra theo ý muốn của Trí khôn, cũng như Trí khôn con người không thể chiêm bao theo ý muốn, khi con người đang tỉnh thức, con người không chiêm bao được. Cũng vậy, khi Nhục thân đang hoạt động, Khí thân, Điện thân không thể xuất hiện được. Tương tự, khi nào tần số thấp đang hoạt động, tần số trung và cao không thể dùng được, dù chúng đang tiềm ẩn sinh động trong đó.

Như vậy, muốn Điện thân toát ra và hoạt động được, Nhục thân phải hoàn toàn ngưng động. Hay là, con người phải ở trong trạng thái nửa thức, nửa ngủ.

Thức: là Trí hoạt động được, nhưng Nhục thân ngủ, vì vậy mà Trí chuyển sang thành siêu Trí.

Ngủ: là Nhục thân ngủ, không còn cảm giác, tỉnh cảm sinh động, từ nhục thân, Khí thân thoát ra.

Không còn cảm giác, tỉnh cảm tư tưởng sinh động, nhưng Trí vẫn còn ý thức được trong trạng thái chơn không, từ Nhục thân, Điện thân toát ra.

(Kết quả này do công phu của Tu và Luyện một cách nghiêm túc và có cơ sở khoa học. Trí khôn con người vẫn làm chủ được Điện thân. Nếu không hiểu rõ, con người có thể bị điều khiển bởi tha lực do bùa, chú ảnh hưởng vào hệ thần kinh và não bộ, để cho Khí thân và Điện thân toát ra. Hoặc do thuốc ức chế vào não, để Khí thân toát ra, như trong trường hợp giải phẫu, bệnh nhân được chụp thuốc mê.

Trước khi được đánh thuốc, bệnh nhân không có tâm trạng. Nhờ trạng thái vô tâm trạng mà khí trong người kết tụ lại thành Khí thân. Và sau đó, toát ra khỏi Nhục thân, chứng kiến Nhục thân mình đang được giải phẫu.

Một số pháp sư trước đây dùng thuốc uống, hoặc hương liệu có thể đưa Khí thân của người khác vào sinh hoạt ở cõi giới phi cảm giác của thể giới siêu hình chỉ sinh động bằng khí, trong đó Khí thân tiếp tục sống, mà ta gọi họ là ma).

Những hiện tượng và những sinh động siêu nhiên không phải do Trí con người suy diễn ra, mà chúng là những thực tế, với những thực thể siêu hình, chỉ được chứng thực rõ rệt ở sự tiến hóa của mỗi người.

Sự tiên cảm, tiên tri..., có người cảm nghiệm được lúc còn trẻ, người khác đến lúc già mới trải qua. Điều này do mức tiến hóa từ quá khứ, đã từng sử dụng siêu Trí, hay do cách sinh hoạt bằng năng lực tiên thiên ở hiện tại, để những khả năng đặc biệt đó xảy ra trong tương lai.

Sở đặc những khả năng đặc biệt không quan trọng ở thời gian có trước hay sau, mà là ở mức tiến hóa. Người sau có thể sử dụng thành thạo, và hiệu quả hơn người biết trước.

Những khả năng đặc biệt có thể mất nếu ta không hiểu rõ và duy trì chúng theo sự hiểu biết của một khoa học, dù đó là khoa học siêu nhiên.

Nó phải bắt đầu từ nguồn gốc sinh hóa, tức là từ nguyên nhân đến hiện tượng. Trong sự diễn tiến đó, có sự sinh hóa và chuyển hóa, hay là có sự sinh động thường xuyên trong những chức năng mẫu nhiệm đó.

Nếu ta làm chủ được sự sinh động và điều khiển được sự sinh động trong đó thì sở đặc mới được duy trì. Còn không, ta sẽ mất cả công phu lẫn sự đổi mới trong đời sống. Và đó là một sự phí phạm do tính chủ quan và không hiểu một cách thấu đáo (1).

Trong khoa học tự nhiên và siêu nhiên, sự phát triển của Trí khôn bắt đầu từ hiện tượng vật lý, trên đó chức năng suy nghĩ của hai loại trí tìm kiếm nguyên nhân.

Sự thông minh của mỗi loại Trí được tạo nên từ sự suy nghĩ. Và con người suy nghĩ được là nhờ vào các giác quan hay trực giác quan thu nạp những tín hiệu từ những hiện tượng tự nhiên, hay những hiện tượng siêu hình đưa vào não bộ.

Nhưng mức thông minh của hai loại Trí khác nhau rất nhiều, do sự giảm bớt của chức năng của hai loại thân (Nhục thân và Điện thân).

Nhục thân: từ giác quan đưa những tín hiệu vào não phải trải qua nhiều giai đoạn hơn, tức là từ sự cảm nhận của giác quan, đến Biết, ý thức, suy nghĩ rồi cuối cùng mới Hiểu.

Trí con người muốn Hiểu được cái Lý có trong một hiện tượng phải trải qua nhiều giai đoạn, hay phải chuyển qua nhiều chức năng. Vì vậy, Trí thông minh của con người bình thường tăng quá chậm.

“Sự tích lũy của Hiểu trong Trí tương ứng với mức tiến hóa của Trí thông minh”. Hay ngược lại, “sự sáng suốt của Trí thông minh do sự tích lũy của Hiểu trong não bộ”.

Trong công đức của mục tiêu giúp nhân loại, yếu tố quan trọng trong Trí

(1) Dựa trên cơ sở khoa học, các chuyên gia thu điện năng từ ánh sáng mặt trời, giữ và dùng rất hiệu quả. Não người cũng thu được năng lực tiên thiên (Điện, sự Sáng) trong vũ trụ, nhưng ta không biết giữ và dùng, nên tiến hóa chậm, và sống không lâu, trờ ra các vị tiên, thánh, đạo nhân, siêu nhân – những người thực sự đặc pháp.

thông minh không phải ở sự tích lũy sự Hiểu, mà ở sự phản ứng nhanh, chính xác, Thuận Lý của Trí thông minh trong mọi sự việc liên quan đến sự tiến hóa của mọi người.

Sự phản ứng nhanh và chính xác nhờ vào sự suy nghĩ trực tiếp từ nguyên nhân của sự việc, hiện tượng và ngay lập tức đưa ra cách giải quyết. Nói một cách khác, là “Trí nhập vào Lý” vậy.

Sự phát triển của Trí khôn con người không đồng nhất trên phương diện sinh lý hay trên tuổi tác. Nó do tâm lý của mỗi cá nhân, tùy thuộc vào sức sinh hoạt của nội lực, của năng lực tiên thiên trong cơ thể.

Sức sinh động của nội lực đưa Trí con người vào một cõi giới mới, vượt qua tầm hoạt động của các giác quan. Đó là cõi giới siêu nhiên được cảm nhận qua các trực giác quan của Khí thân hoặc của Điện thân với sự xuất hiện của siêu Trí.

Sự mơ, mộng, thị kiến, tiên kiến v.v... là hoạt động của Khí thân, Điện thân cảm nhận những hiện tượng, sự việc trước khi chúng xảy đến với Nhục thân trong tương lai, là những sự kiện để siêu Trí hoạt động, và cũng là những dữ kiện để “siêu Trí” suy nghĩ để tiến hóa.

Sức tiến hóa của siêu Trí nhanh hơn Trí thường, và những thành tựu phi thường phần lớn nhờ ở siêu Trí, tức là do sức sinh động nhanh hơn của loại vật lý siêu nhiên, mà năng lực thuộc về năng lực tiên thiên.

Hay ngược lại, những thành tựu phi thường mang tính siêu nhiên, thì bản thể thuộc thể linh thiêng, với tính năng là sức sinh động cực nhanh. Nghĩa là 3 nhân tố trong vật thể của vật lý siêu nhiên là bản thể, bản tính và tính năng, là một thể cực nhẹ, chuyển động nhanh cùng với cường lực mạnh hơn trong thể giới tự nhiên.

Thời niên thiếu ai cũng trải qua những hiện tượng siêu nhiên ngay trong cơ thể của mình, nhưng ít người quan tâm đến những biến đổi vô hình đó. Đa số chỉ coi những sự việc liên quan trực tiếp đến Nhục thân là quan trọng. Nhưng tính quan trọng cho sự tiến hóa của Trí khôn con người là những diễn biến xảy ra bên trong.

Người nào nhận ra được điều này và khám phá ra được tính ưu việt của năng lực tiên thiên sinh động, người đó có thể dùng siêu Trí để tiến hóa nhanh, ứng dụng chúng trong nhiều lãnh vực, và điều làm cho nhiều người ngạc nhiên là những thành tựu phi thường của con người nhờ vào biết cách sử dụng năng lực, năng lượng trong vật lý siêu nhiên và trong sinh lý.

SỰ MÀU NHIỆM TRONG SỰ SỐNG

Hàng chục triệu quyển sách được xuất bản trên thế giới chứng tỏ sự suy nghĩ con người thật đáng kể. Trong đó phải nói đến sức suy nghĩ, sự tiến bộ trong cách trình bày dễ hiểu, dễ nhớ. Chúng đưa con người vào đời sống luôn được đổi mới trong sự hưởng thụ nhiều tiện nghi hiện đại, một đời sống tinh thần tương đối cao, và đời sống tâm linh vừa mới thoáng mở, nhưng khó vào, vì con người với óc khoa học thực tiễn, đa số chưa thật sự chấp nhận có sự màu nhiệm có xảy ra trong đời này.

Chưa chấp nhận, hay không chấp nhận có sự màu nhiệm xảy ra trong đời này, điều này đúng với đa số, với quan niệm hưởng thụ hiệu quả của khoa học thực tiễn, khoa học ứng dụng. Bởi vì hạnh phúc của họ, phần lớn được tạo nên từ sự kỳ diệu của khoa học, với sự cảm nghiệm trực tiếp của Nhục thân những thoải mái do những phương tiện khoa học đem lại.

Thoải mái tiếp theo thoải mái, kỳ diệu luôn theo kỳ diệu. Chúng mê hoặc tâm hồn (Tâm, Trí) con người, che lấp cứu cánh con người – một hạnh phúc vĩnh cửu, đó là sự sống.

Sự sống là vũ trụ, hay là vũ trụ có sự sống. Nếu không, làm sao vũ trụ tồn tại được. Theo quan điểm của một số khoa học gia, nhờ những phương tiện khám phá không gian, cho rằng vũ trụ lớn dần ra, tức là sự sống tăng, hay là năng lực nguyên thủy tăng.

Dù cho quan điểm, hay nhận xét này là một thực tế, đối với đại chúng, những gì có thật, mà vượt qua sự cảm nhận trực tiếp của giác quan cũng mang tính trừu tượng, mơ hồ. Và những gì trừu tượng, mơ hồ đều không quan trọng để họ quan tâm suy nghĩ.

Trái lại, những gì cụ thể xảy ra trong đời sống, hay trong bản thân của họ, mà họ cảm nghiệm được, chúng mới thật sự quan trọng. Đó là sự sống trong con người.

Con người luôn luôn coi là quan trọng về những gì đã có trong chính mình. Và những gì có trong vũ trụ, mà trong mình chưa có, thì những thứ đó chưa được coi là quan trọng.

Như vậy, con người coi sự sống sinh động trong tiểu vũ trụ quan trọng hơn sự sống trong đại vũ trụ, dù cho sự sống nguyên thủy là nguồn sinh hóa ra mọi tạo vật, có sức sống.

Một số kinh sách với nội dung chứng thực được con người khám phá ra sự sống ngay trong bản thân, dù sự khám phá đó không do sự suy nghĩ, mà do sự

giác ngộ của Trí thông minh, với trạng thái Cực lạc của Trí con người.

Rất ít người vào được cõi giới này để cảm nghiệm được sự sống sinh động trong cõi Cực lạc. Nếu dùng sự suy nghĩ của Trí để dấn nhập vào cõi giới đó thì mọi người đều có thể thực hiện được với ý chí kiên cường.

Đây là mức tiến hóa cực cao của Trí khôn, mà không dùng đến chức năng suy nghĩ của Trí.

Ngày nay, sinh hoạt con người luôn nhắm vào Danh, Lợi. Sự cạnh tranh trở nên gay gắt, con người ráo riết, sẵn sàng suy nghĩ để tìm ra những gì mới, để chiếm ưu thế trong mậu dịch. “Sự sống” vẫn còn là một đề tài vô lợi, ít người quan tâm đến.

Qui luật của nền văn minh công nghiệp là sự sáng tạo những phương tiện quan trọng hơn sự tìm kiếm cứu cánh, dù nó có tính tuyệt đối như sự sống vĩnh cửu.

Hãy đi ngược lại sự tiến hóa của sự suy nghĩ để xem tiền nhân quan niệm về sự sống như thế nào?

- Thời nào cũng có người muốn sống lâu như một số động vật, các đại mộc, có sức sống vài ngàn năm, hưởng gì là người xưa, sao lại chẳng muốn sống lâu. Nhưng trong lòng chỉ muốn cho Nhục thân đạt đến mức trường sinh, bất tử... qua nhu cầu ăn uống...

- Nhục thân tiêu thụ thực vật, động vật chỉ làm tăng sức sống, chứ không thể tạo cho Nhục thân sự sống vĩnh cửu. Vì sao?

Vì mỗi loại thực vật hay động vật đều có đặc thù của nó. Và đặc thù đó có giá trị cao quý như thế nào, nó cũng mang tính cách tương đối do sự tương đối về thời gian trường sinh.

Hợp lại nhiều cái tương đối để trở thành một tổng hợp, thì sự tổng hợp nhiều cái tương đối cũng không thể trở nên tuyệt đối được.

Chưa có một loại thực vật, động vật nào có thể đạt đến mức bất lão, bất tử. Như vậy sự tương đối về “thời gian trường sinh” của thực vật, động vật do Nhục thân hấp thu, cũng không thể làm cho Nhục thân trở nên bất lão, bất tử được.

Nhục thân không thể không già, không chết, vậy trong con người cái gì, có khả năng trở nên hằng sống, hay là cái gì là sự sống?

- Nhục thân hữu hình, và mọi tạo vật hữu hình đều tương đối, vì chúng còn có thể so sánh được từ hình dáng. Và sự so sánh đó được nhận định từ nhãn quan con người.

Hay là, khi nhãn quan con người có thể so sánh được thì tất cả mọi tạo vật đều tương đối.

Nhục thân cũng vậy, nhãn quan con người quan sát được, sự biến đổi từ trẻ đến già, đến cái chết của Nhục thân, tức là đến sự tăng giảm của sức sống trong người.

Vậy, hữu hình tất hữu hoại, và không phải là những gì hằng sống, có tính

tuyệt đối. Chỉ có Hư vô mới tuyệt đối, vì Hư vô chẳng có hình dáng như Tâm hư vô, Trí hư vô... đều tuyệt đối vì chúng vô hình.

Không phải vô hình là sự sống, mà đó là “năng lực vô hình có sự sống sinh động trong trạng thái hư vô”.

“Hư vô” vô hình, vô tận. Cái cực lớn của tạo vật hữu hình vẫn nhỏ hơn Hư vô. Hay là, chẳng có gì lớn hơn “Hư vô” vô hình.

Con người, đa số coi mình là lớn. Những nhơn tài không đức, hay những người lớn tuổi khó tánh, luôn coi bản ngã của mình lớn. Nhưng không coi mình to lớn hơn địa cầu mình đang sống, hay quan trọng hơn mặt trăng, mặt trời được.

Tuy nhiên, cái cực lớn của những tạo vật đó, lại trở nên cực nhỏ so với cái “Hư vô” vô hình.

Bởi vì, vô hình xuyên suốt qua hữu hình và siêu hình. Còn siêu hình thì xuyên qua hữu hình.

Như Trí vô hình hiểu rõ Tâm (và tâm trạng) và Thân (các cảm giác của Thân). Tâm ý thức được Thân và cảm giác. Hay là, sự xuyên suốt của cõi giới, của năng lực này qua cõi giới và năng lực khác.

Trong vũ trụ, sự xuyên suốt của vô hình qua hữu hình và siêu hình không phải là sự xuyên suốt qua các năng lực nặng hơn nó. Cũng như, năng lực nguyên thủy sinh động trong những năng lực được nó sinh hóa ra trong vũ trụ.

Hiện tượng này tương tự như chất ngon ngọt sẵn có trong trái giống, được đem gieo trồng, cây sinh ra nhiều quả, trong mỗi quả đều chứa chất ngon ngọt của trái giống.

“Năng lực nguyên thủy” là sự Sáng (hay “thể Sáng tự có” trước khi tạo vật được hình thành, hay là trước khi các năng lực khác được sinh hóa).

“Năng lực tự có”, tức là “tự có sự sống”. “Sự sống tồn tại được, tự nó phải sinh động, và vĩnh cửu sinh động”.

“Sinh động”: năng lực, năng lượng tăng. Vĩnh cửu sinh động, thì năng lực, năng lượng tăng mãi. Như vậy, vũ trụ dẫn ra do năng lực nguyên thủy sinh động. Và trong sự sinh động đó, chức năng sinh hóa và chuyển hóa hoạt động đồng bộ để có sự tiến hóa.

Trong thực tế, ta thấy được những gì xảy ra trong sự sinh động tự động của sự Sáng, của năng lực nguyên thủy?

- Vô số cá biên và hải sản sống và tiếp tục sinh sản trong đại dương nhờ ở chất mặn trong nước và vô số hải vật được sinh hóa.

Trên mặt đất, trong vũ trụ, vô số tạo vật được sinh hóa ra từ sự Sáng. Hay là từ sự Sáng mà tạo vật được tạo nên.

Tất cả tạo vật dù hữu hình, siêu hình hay vô hình đều được sinh ra từ cái “Một”. Đó là sự Sáng.

Con người chế tạo, vật nào cũng hữu hình, tức là có hình, có dáng. Nhưng tại sao từ vũ trụ sinh hóa ra, tạo vật gồm 3 loại: hữu hình, siêu hình, vô hình (siêu siêu hình)?

- Bởi vì sự sinh hóa không đơn thuần là sinh hóa, nhưng trong chức năng vô hình này, sinh động những nhân tố vô hình khác. Những nhân tố này có tính kỳ diệu, linh thiêng và mầu nhiệm.

Hay ngược lại, tính kỳ diệu, linh thiêng và mầu nhiệm sinh động trong chức năng sinh hóa từ năng lực nguyên thủy.

Và mỗi nhân tố trong sự sinh hóa lại liên quan đến hai yếu tố của vũ trụ là không gian và thời gian.

Nói cách khác, tùy theo sự phối hợp của hai yếu tố của vũ trụ liên hệ đến tạo vật mà mỗi loại mới biểu lộ ra đặc tính trong sức sống của nó.

Sự kỳ diệu:

Đặc tính nào có trong sự sinh động trong chức năng sinh hóa của tạo vật hữu hình?

- Mọi tạo vật hữu hình đều có hình, có dáng; nếu không có sự sinh động bên trong, nó là vật vô tri, vô giác.

Vật hữu hình liên quan đến hai yếu tố không gian và thời gian của hành tinh, mà thiếu hai chức năng sinh hóa và chuyển hóa, nó cũng chưa biểu lộ được đặc tính trong sự sinh động của vũ trụ.

Bởi vì sự sinh động ở trong bất cứ một tạo vật nào mà ngưng lại thì nội lực của tạo vật đó sẽ bị tê liệt. Và tạo vật đó sẽ ở vào trạng thái vô tri, vô giác.

Cho nên, *tạo vật hữu hình liên quan đến hai yếu tố không gian và thời gian, trong nó có sự sinh động của hai chức năng “sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ” của vũ trụ trong tạo vật đó, thì sự sinh động đó là sự kỳ diệu.*

Hay là, sự kỳ diệu là một đặc tính của sự sinh động của hai chức năng sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ của vũ trụ liên quan đến không gian và thời gian ảnh hưởng đến tạo vật trong không gian đó. Và tạo vật đó phải được tạo nên bằng những thể linh thiêng. Tại sao vậy?

- Bởi vì hai chức năng sinh hóa và chuyển hóa chỉ sinh động trong những thể linh thiêng của vũ trụ (Thủy, Khí, Điện, sự Sáng).

Hay là, các loại chất lỏng, các loại có hơi bốc lên, các loại đơn vị của Điện, của sự Sáng (các thể Sáng) chịu sự xúc tác của sự sinh động chung trong những thể linh thiêng để biến thể, biến tướng, biến thái và “sinh sinh, hóa hóa” vô tận cùng... mà không làm đảo lộn Vận của Thiên Cơ. Cũng như trong thân thể của con người lúc ngủ, hô hấp không khí và sự tuần hoàn của máu luôn luôn hoạt động đúng Vận của chúng, không làm đảo lộn tình trạng sức khỏe con người như lúc thức, khi con người có tâm trạng dao động.

Trong các tạo vật hữu hình trong thiên nhiên, người ta dễ nhận ra sự kỳ diệu

trong các loài động vật hơn là trong thực vật, thảo mộc. Và càng rõ rệt hơn, là ngay trong thân thể của chính mình, dù có nhờ Trí quan sát và suy nghĩ, nhưng con người vẫn khám phá chưa hết những kỳ diệu trong chức năng của nội tạng, cấu trúc của các cơ quan trong sự sinh hóa và chuyển hóa năng lực, năng lượng (từ tinh lực, sang thần lực, huyền lực và huyền năng).

Đối với không gian và thời gian được nhận ra trong vũ trụ, con người không thể khám phá hết sự kỳ diệu trong sự sinh hóa và chuyển hóa khi hai chức năng này vượt qua tầm nhãn quan. Nhưng trong tiểu vũ trụ, sự kỳ diệu dễ nhận ra, tuy nhiên nó dường như vô tận, vì cấu trúc của Nhục thân tuy nhỏ, nhưng do sự tổng hợp của những gì vũ trụ có, thì trong con người cũng có, dù với tỷ lệ nhỏ hơn.

Hai vũ trụ đều giống nhau ở sự tổng hợp các năng lực, năng lượng, cùng kỳ diệu như nhau ở chức năng sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ, nhưng vũ trụ có Vận được sắp đặt sẵn, còn con người lại chủ động điều khiển Vận chính mình. Tuy rằng con người điều khiển được Vận của mình, làm chủ được sinh hoạt, định hướng được tương lai của mình, cũng không phải vì những điều có được, mà trở nên tự đại, tự tôn, cao ngạo. Bởi vì khoa học ngày nay, đặc biệt là ngành y, khám phá ra những điều kỳ diệu này, nối tiếp những điều kỳ diệu khác trong cơ thể con người, mà những chức năng, vận hành, sinh hóa, chuyển hóa lại không phải chính con người tạo ra, có nghĩa là con người thụ hưởng sự kỳ diệu của tạo hóa, mà năng lực chính trong những năng lực khác, là thể Sáng.

Tóm lại:

Sự Sáng (thể Sáng) tạo nên sự kỳ diệu sinh động trong hai chức năng “sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ” trong những thể linh thiêng của thân thể động vật, sinh vật liên quan đến không gian và thời gian.

Sự linh thiêng

Sự linh thiêng ở một mức cao hơn sự kỳ diệu. Nó không thể cảm nhận qua giác quan, mà trực tiếp biết được qua sự linh cảm qua Tâm, trong trạng thái vô tâm trạng thái khi thức, hay khi “ngủ mà Trí vẫn còn hoạt động” (1).

Nó là một trong những đặc tính của sự Sáng sinh động trong hai chức năng sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ nhưng chỉ liên quan đến không gian và không có yếu tố thời gian trong đó.

Điều này rất khó nhận ra trong vũ trụ bao la, nhưng trong đời sống bình thường, có nhiều lúc ta đang đứng trong không gian tỏa ra sự linh thiêng mà ta không biết, không hiểu được những nhân tố nào tạo nên. Nhưng trong lòng ta

(1) Trạng thái này không có tính cách chung của đại chúng. Chỉ có ở người nào có luyện về Trí, hoặc những nghề có liên quan đến sự suy nghĩ thường xuyên về khoa học, Triết lý, Đạo lý v.v...

vẫn cảm thấy có một cái gì lạ, khiến cho tâm hồn nhẹ nhàng dễ chịu hơn, đặc biệt là Trí, thông minh hơn.

Trong thiên nhiên, những nơi có nhiều hang động sâu vào lòng núi, những nơi không có ánh sáng mặt trời trực tiếp rọi vào, với ánh sáng gián tiếp, người ta không định được giờ giấc. Có không gian, mà không có thời gian, tự nơi đó toát ra sự linh thiêng.

Đánh giá sự linh thiêng của một vùng, của đất nước, không thể dùng Trí thường để suy luận, rồi đánh giá, mà phải dùng Tâm chơn không (sự hư vô của Tâm) để linh cảm những nơi mình đến, và so sánh qua những linh cảm, và qua mức thông minh của Trí.

Sự thông minh không cùng một mức ở mọi hang động. Đứng ở nơi này, ta thấy thông minh hơn ở nơi khác, và tâm hồn thư thái hơn, không bị căng thẳng (1) và trong Trí nảy sinh nhiều tư tưởng trong khi đó ta không cố ý để suy nghĩ.

Sự linh thiêng ở những nơi này tỏa ra, thâm nhập vào Thân, vào Tâm con người. Nó hóa giải được phần nào sự căng thẳng của Tâm, Trí, mà một số bệnh nhân cảm thấy mình bớt đau buồn... nhưng không rõ nguyên nhân nào tác động, ảnh hưởng đến sức khỏe của mình.

Cùng với sự linh thiêng trong thiên nhiên, còn có sự linh thiêng do con người tạo nên với những kiến trúc có dấu ấn của đời sống tâm linh còn tồn tại đến ngày nay.

Các tháp, đền, những nơi thờ phượng mà con người gọi là kỳ quan, không phải chỉ riêng sự đồ sộ, vĩ đại của kiến trúc độc đáo đối với nhãn quan ở bên ngoài của công trình. Mà bên trong, bầu không khí huyền bí xóa hẳn tâm trạng con người toát ra từ sự tĩnh lặng của không gian, không có sự rộn rã của tiếng động. Thêm vào đó tỏa ra sự linh thiêng của yếu tố vô thời gian.

Giá trị của loại kiến trúc cổ đại bao gồm cả hai đời sống, tinh thần và tâm linh, trong một công trình tác tạo.

Nó được sáng tạo từ sự kết hợp giữa tâm hồn (Tâm, Trí) và linh hồn (siêu Tâm, siêu Trí).

Tâm hồn liên quan đến đời sống tinh thần, còn linh hồn là nền tảng của đời sống tâm linh. Những gì giác quan cảm nhận được với sự rung động của Tâm, và sự suy nghĩ của Trí, chúng thuộc về đời sống tinh thần.

(1) Ngày nay, đời sống xã hội làm cho Tâm, Trí con người luôn căng thẳng trong sự đối phó. Từ đó phát sinh ra bệnh căng thẳng (stress). Bệnh tâm lý mà chữa bằng vật lý, không hết hẳn. Những bệnh nhân này nên được nằm chữa ở những an dưỡng đường được xây cất theo kiểu không có yếu tố thời gian. Vì còn thời gian, bệnh nhân còn ấn tượng đến "thời bệnh tâm lý". Đây là cách phối hợp màu trên cửa kính để xóa yếu tố thời gian giúp cho bệnh nhân mau lành.

Trong những nơi như vậy, tâm hồn cảm nghiệm được phần nào sự khác thường so với những bình thường. Về sự huyền bí và linh thiêng, tâm hồn không cảm ứng được sự sinh động trong một năng lực siêu nhiên, đã có ở nơi này từ vài ngàn năm, mà nay nó vẫn tiếp tục sinh động.

Huyền bí và linh thiêng không phải không có, chẳng phải không còn, chỉ vì con người chưa biết dùng những cơ quan vô hình nào trong cấu trúc Thân, Tâm, Trí để cảm ứng được mà thôi.

Và hơn nữa, sự huyền bí và linh thiêng của đời sống tâm linh luôn bị che lấp bởi sự kỳ diệu khi Nhục thân và tâm hồn hoạt động.

Hay là, khi nào sự kỳ diệu mà ngưng sinh động thì sự linh thiêng xuất hiện, tức là sự linh thiêng tiềm ẩn sinh động trong sự kỳ diệu. Cũng như chất mặn có trong nước biển, khi nước bốc hơi, muối mới hiện ra.

Sự kỳ diệu và linh thiêng luôn sinh động trong sự Sáng của vũ trụ.

Qua những chức năng của tiểu vũ trụ hai đặc tính kỳ diệu và linh thiêng sinh động trong sự Sáng của vũ trụ lại được thể hiện trong những công trình tác tạo từ nền văn minh cổ đại bằng Trí và siêu Trí con người. Nói một cách khác, *“Sự Sáng trong Trí con người có thể tạo nên sự linh thiêng và kỳ diệu trong kiến trúc, trong những câu chú, lá bùa... mà thực chất của chúng là những năng lực siêu nhiên ảnh hưởng đến những thể linh thiêng có trong Nhục thân, nhưng kém năng lực hơn chúng”*.

Con người có khả năng tự tạo ra sự linh thiêng và cũng có thể hủy hoại nó, nếu không hiểu rõ sự lợi ích của sự linh thiêng ảnh hưởng đến cả 3 đời sống của con người là vật chất, tinh thần và tâm linh.

Ngay trong con người, những kỳ quan nhân tạo, kỳ quan thiên nhiên, con người phải bảo tồn sự linh thiêng sinh động ở những nơi đó. Vì sự linh thiêng, hay năng lực siêu nhiên ở những môi trường đó sức làm giảm bớt, hoặc đẩy xa lực của Khí, Thủy tác động trong thiên tai, địa ách.

Sự mâu nhiệm

Mâu nhiệm là đặc tính cao nhất so với những đặc tính khác sinh động trong sự Sáng (sự sống).

Từ đặc tính này nảy sinh ra sự linh thiêng và kỳ diệu, tức là sức sinh hóa của mâu nhiệm là tuyệt đối. Vì sự tuyệt đối này có trong sự Sáng (sự sống).

Hay là, *sự Sáng (sự sống) tự nó đã có sẵn trong sự tuyệt đối*.

Sự Sáng (sự sống) là năng lực nguyên thủy tự hữu, nên sự mâu nhiệm cũng đã có từ nguyên thủy. Sức sinh động của sự Sáng bất tận, bất diệt, càng sinh động, nó tự tạo thêm lực cho nó, và sự mâu nhiệm cũng theo đó mà tăng mức mâu nhiệm lên.

Sự sinh động tự tạo lấy năng lực không phải là một sự sinh động đơn thuần, mà tự trong sự sinh động đó, có những chức năng, dù những chức năng đó vô

hình đối với nhân quan. Đó là sự sinh hóa và chuyển hóa.

Vũ trụ quá rộng lớn, nhân quan và Trí quan sát của con người không thể thấy hết, huống gì là những chức năng vô hình hoạt động trong sự Sáng, trong sự rộng vô biên như trong Hư vô vậy.

Nhưng trong vũ trụ thu hẹp lại, mọi hiện tượng, mọi chức năng vô hình trong con người đều nằm trong tầm châu biến của sự Sáng của Trí.

Tức là, sự Sáng của Trí quang tỏa và bao trùm tất cả những gì có trong Thân, Tâm, Trí con người, kể cả những cái khó thấy, những điều khó hiểu qua sự cảm nhận của giác quan trong vũ trụ như chức năng sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ.

Sự Sáng (sự sống) sinh động trong 3 thể giới của vũ trụ, cũng cùng một sự Sáng (sự sống) sinh động trong 3 cõi giới, và trong 3 loại Trí (Trí, siêu Trí, Tuệ).

Mâu nhiệm là một đặc tính của sự Sáng sinh động trong hai chức năng sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ của chính nó (của sự Sáng; sự sống) mà không có yếu tố không gian và thời gian.

Cái tương đồng với trạng thái và sự sinh động này ở con người là Trí.

Trí có cũng như không có. Sự Sáng (thể Sáng) của Trí không có yếu tố không gian và thời gian, nhưng có chức năng sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ.

Sự Sáng Dương và Âm trong Trí sinh động do ý, nảy sinh ra tư tưởng. Đây là chức năng sinh hóa của Trí hoạt động, đồng thời với sự sinh hóa, chuyển hóa hoạt động cùng lúc, tức là sự sáng suốt tăng thêm.

Trong khi sự Sáng của Trí sinh động, chức năng vô hình là sinh hóa và chuyển hóa hoạt động đồng bộ, không có yếu tố không gian và thời gian trong sự Sáng của Trí, sự mâu nhiệm nảy sinh.

Sự Sáng của Trí và sự Sáng trong vũ trụ tương đồng ở trạng thái, ở chức năng hoạt động đồng bộ, nhưng không giống nhau ở sự sinh động.

Trong vũ trụ, sự Sáng luôn luôn sinh động, nên sự mâu nhiệm luôn có. Còn Trí con người “có lúc Động, lúc Tĩnh”, “có Sinh, có Diệt”, cũng vậy sự mâu nhiệm lúc có, lúc không.

Dù rằng, vũ trụ và Trí con người không giống nhau một cách tuyệt đối như Tuệ (1) và vũ trụ, nhưng nó cũng đủ cho con người nhận ra chính trong mình có sự mâu nhiệm – một đặc tính tuyệt đối cao hơn hết trên mọi đặc tính khác có trong cả hai vũ trụ.

Sự Sáng của vũ trụ luôn luôn sinh động, sự linh thiêng và mâu nhiệm lúc nào cũng có, con người, nhờ có sự Sáng của Trí, có thể tạo nên sự mâu nhiệm.

(1) Tuệ (siêu siêu Trí): sự Sáng của Trí ở vào trạng thái đồng nhất của Động và Tĩnh chẳng còn sự luân phiên của Sinh và Diệt nữa, nên sự Sáng hằng sinh động như đại vũ trụ. Do đó, mà sự mâu nhiệm cũng hằng sinh động. Tiểu vũ trụ có tất cả mọi đặc tính như đại vũ trụ trong trạng thái đồng nhất với vũ trụ.

Nhưng ở vào trạng thái nào mà Trí suy nghĩ hoạt động với hai chức năng sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ sinh động, nhưng sự mầu nhiệm không nảy sinh?

- Vũ trụ sinh động một cách tự động, không có sự chủ động của nó, vì vậy nó thuộc Vô ngã, vô vi. Con người, khi bản ngã chủ động, liên quan đến Thân, Tâm, tức là bản ngã còn vương vào thời gian và không gian. Dù cho sự Sáng của Trí hoạt động với hai chức năng sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ của Trí suy nghĩ, sự Sáng của Trí khôn tuy có tăng, sự sáng suốt cũng tăng theo, nhưng sự mầu nhiệm không xảy ra.

Vì còn bản ngã trong sinh hoạt này, mầu nhiệm không được tạo ra, tuy nhiên, mọi công sức bỏ ra đều được vũ trụ đáp đền, tức là Trí khôn được tăng thêm sự Hiểu, Biết. Tốc độ suy nghĩ nhanh hơn, và thời gian suy nghĩ được lâu hơn trước, và kiến thức ngày càng nhiều.

Con người, ai cũng có Trí, sự kiện, hiện tượng dù là vô hình xảy ra trong sinh hoạt của mình không mang tính trừu tượng.

Thực tế, ai cũng có suy nghĩ nhiều hoặc ít, tính cụ thể trong sinh hoạt của mỗi người tự nó chứng thực, con người biết tức thì chẳng cần đến nhiều thời gian để nghiên cứu. Đó là khi nào, “Trí của bản ngã của cái tôi” mà suy nghĩ, thì chẳng bao giờ sự mầu nhiệm xảy ra.

Như vậy, “sự mầu nhiệm luôn xảy ra trong tiểu vũ trụ” (2), khi sự Sáng của Trí hoạt động. Và khi bản ngã hiện hữu, và Trí “suy nghĩ”, đó là sinh hoạt của một sinh tạo, không phải là của tiểu vũ trụ, vì vậy sự mầu nhiệm không xảy ra.

Nhục thân con người bé nhỏ, nhưng bản ngã trong nó lại quá lớn, chặn đứng được sự phát triển của sự mầu nhiệm trong sự Sáng của các loại Trí.

Việc suy nghĩ làm cho sự Sáng của Trí tăng, tuy là có sự tiến bộ trong sự hiểu biết của Trí khôn, nhưng không có sự mầu nhiệm trong sự Sáng, dĩ nhiên không có sự tiến hóa của những bộ phận vô hình trong tiểu vũ trụ.

Những bộ phận, cơ quan vô hình trong con người, khi sinh động mà không vì bản ngã, chúng tiến hóa theo sức tiến hóa của sự Sáng trong vũ trụ. Còn những bộ phận siêu hình, hay những gì hữu hình, khi sự Sáng của Trí sinh động cùng với bản ngã, chúng chỉ tiến bộ, tức là có sự tiến bộ trong 3 cõi giới trong con người, nhưng có lúc tăng lúc giảm.

Sự Sáng của Trí, của siêu Trí còn vương vào bản ngã, sự sinh động của nó trong chức năng suy nghĩ chỉ có tiến bộ không thể tiến hóa như sự sinh

(2) Mầu nhiệm là một công đức của vũ trụ. Được gọi là công đức tức là những gì tạo nên Phước, Đức, Đạo cho nhân loại. Tạo nên sự mầu nhiệm cho sự Sáng của vũ trụ, cho muôn loài sống bằng sự Sáng, đây là công đức của vũ trụ. Nó tiến hóa mọi Đạo tính, Đức tính, Phước tính có trong sự Sáng của vũ trụ.

động của sự Sáng trong vũ trụ, dù trong sự sinh động đó, có sự kỳ diệu hay sự linh thiêng.

Sự tiến bộ hay tiến hóa không phải là điều mà người này có thể áp đặt trên người khác. Hai mức, sinh hoạt, vừa là sự định đoạt, do sự suy nghĩ của mỗi người. Khi con người bắt đầu biết suy nghĩ, cũng từ đó, con người nhận ra sự tự do trong suy nghĩ của mình, và làm chủ mọi sinh hoạt của Thân, Tâm, Trí.

Chức năng suy nghĩ của Trí tạo nên sự tự do cho con người. Và con người tự do suy nghĩ, tự do lựa chọn cho mình sự tiến bộ hoặc sự tiến hóa.

Tuy nói vậy nhưng sự lựa chọn rất khó, bởi vì điều này rất cần đến kinh nghiệm, suy nghiệm.

Trong cuộc sống, con người từng trải qua nhiều kỳ diệu, linh thiêng và mầu nhiệm. Nhưng những cảm nghiệm này không trở thành những dữ kiện để con người suy nghĩ, để chúng trở thành kinh nghiệm. Và những kinh nghiệm là nền tảng cơ bản, để con người đặt niềm tin trong sự lựa chọn, so sánh những đặc tính để xác tín, và quyết định sống theo sự lựa chọn đó.

Thật sự, sự lựa chọn không dễ, nếu không có sự trưởng thành của Trí khôn, hoặc Trí thông minh chưa thấu triệt được Lý trong 3 cõi giới.

Tóm lại:

Tất cả những đặc tính kỳ diệu, linh thiêng và mầu nhiệm đều xuất nguồn từ sự Sáng (sự sống) của vũ trụ, và được chứa sẵn trong tiêu vũ trụ, tức là trong 3 cõi giới của một con người là Thân, Tâm, Trí.

Sự kỳ diệu sinh động trong những cấu trúc, bộ phận, cơ quan của Nhục thân.

Sự linh thiêng sinh động trong Tâm, nếu Tâm không có tâm trạng dao động. Nếu tâm trạng dao động, tức là tình cảm sinh động, thì Tâm mất tính linh thiêng.

Sự mầu nhiệm sinh động trong sự Sáng của Trí.

Và Trí có khả năng phát triển sự mầu nhiệm. Theo vật lý, sự mầu nhiệm sinh hóa ra sự linh thiêng và kỳ diệu, hay là sự Sáng (năng lực nguyên thủy) sinh hóa ra những năng lực khác mà những năng lực này yếu hơn những năng lực sinh hóa ra nó.

Đối với người “Tâm chơn không, Trí chơn không”, trong người, sự linh thiêng và mầu nhiệm đang sinh động, bùa chú không ảnh hưởng được. Bởi vì nhân điện và thể Sáng (sự Sáng) đang sinh động, năng lực của bùa chú bị đẩy lui.

Bùa, chú do con người tạo nên bằng năng lực siêu nhiên. Sự mầu nhiệm và linh thiêng cũng do con người tạo nên bằng sự Sáng và nhân điện.

Điều này chẳng có gì lạ, đó chỉ là sự đối đầu của hai năng lực mà tất cả đều do con người tạo nên.

Sự linh nghiệm của bùa chú được dùng theo hai chiều: tà tâm (hại người); chính tâm (cứu người).

Chương III

CÁC ĐỜI SỐNG

- Sự tự do và con người
- Đời sống con người
- Đời sống vật chất
- Đời sống tinh thần
- Đời sống tâm linh (quan niệm định hướng, tâm linh, đời sống nội tại, tiến hóa tâm linh)
- Ba đời sống (giá trị của đời sống)

CÁC ĐỜI SỐNG

SỰ TỰ DO VÀ CON NGƯỜI

Do nhu cầu riêng biệt của cơ thể của cá nhân, và đặc biệt là sinh hoạt tâm lý – mà sự tự do cá nhân được tạo ra.

Nhu cầu đòi hỏi này sinh ra ý muốn, hành động. Như vậy, sự đòi hỏi để thực hiện nhu cầu, sinh hoạt, biểu lộ ra sự tự do.

Sự tự do trong giới hạn của đời sống cá nhân thuộc 3 cõi giới Thân, Tâm, Trí. Nhưng sinh hoạt có tính cách thường xuyên chiếm ưu thế trong sự đòi hỏi sự tự do, đó là sinh hoạt tâm lý của tâm hồn.

Tuy nhiên mức tiến hóa không đồng đều ở tạo vật, và ở con người, mức sinh hoạt tâm lý của tâm hồn cũng vậy.

- Cây cỏ thua sinh vật vì sinh vật có cảm giác. Sinh vật các loài không bằng con người vì loài người có cảm giác, tình cảm và tư tưởng...

Hơn nữa, những người tiến hóa vào cõi siêu nhiên và siêu siêu nhiên, sinh hoạt bằng tình cảm, tiên cảm, tiên tri trong đời sống có mức độ khác nhau trong cùng một cách sống. Điều này do ở sự cấu tạo nhân tố.

Như những người nào nhận ra được sự sống, sức sống, vẻ đẹp... của tạo vật trong sinh vật, trong thảo mộc..., thì trong tâm hồn của người đó đã có tính Thiện sinh động trong đó. Nhưng sự rung động của tính Thiện ở Tâm, sự sinh động ở Trí của cá nhân cũng không cùng một mức độ.

Tính tích cực trong sự tiến hóa không đồng đều, ngược lại với chiều hướng này, tại sao có một số người dần dần lại chán sống?

- Những gì lặp đi lặp lại, không đổi mới trong sinh hoạt, sinh ra nhàm chán. Ngay cả trong sự ăn uống, thích thú ở vị, hương, đầu tiên, nhưng dùng mãi, dù là món ngon, vật lạ, cũng hết ngon.

Nhàm sinh ra chán, chán sinh nản lòng, nản chí. Và khi đã nản lòng, nản chí, người ta không muốn sống nữa.

Vì vậy, con người phải tạo cho được sự tiến hóa trong cuộc đời.

Tính tích cực trong sự tiến hóa tạo ra sự lạc quan cho con người. Chỉ tiến bộ thôi, con người cũng cảm thấy vui rồi, huống gì là sự tiến hóa, con người chẳng bao giờ nản lòng, thất chí.

Nói cách khác, đời sống luôn tích cực, vì người đó nhận ra giá trị của sự tiến hóa có mục tiêu.

Nếu con người sống không có một mục đích, một mục tiêu để hướng vào đó

người bắt đầu suy nghĩ, và có trong sự suy nghĩ của con người.

Sự suy nghĩ không được qui định ở con người, không do tuổi tác, mà do ở mức độ tiến hóa của Trí khôn của mỗi cá nhân.

Sự tự do trong sự suy nghĩ quyết định thân phận con người, về phương diện nhân luân (nhân đạo luân lý) hướng theo Thuận Lý hay Nghịch Lý, tức là theo sự Đúng, Tốt, Phải hay là Sai, Xấu, Trái.

Tóm lại, sự tự do của sự suy nghĩ, đưa đời sống con người vào con đường Thiện hay Ác.

Nó là một trong những nhân tố quan trọng, để con người trở thành một sinh linh, vì trong đó có sự sinh động của sự Sáng.

Khởi đầu cuộc sống con người, sự tự do chưa định hướng theo Thuận Lý hay Nghịch Lý, chưa có sự đối đãi, mâu thuẫn, tranh chấp. Nó rất tự nhiên từ tánh hồn nhiên của trẻ thơ, có thể nói: “*sống một cách tự nhiên, là sống tự do vậy*”, *hơn nữa trong đó toát ra cái Vui và sự bình an.*

Hay là, *cái Vui của tánh hồn nhiên rất an nhiên (sự bình an tự nhiên từ trong toát ra, còn cái Vui của phàm tâm là cái Vui dao động nhất thời của tình cảm (nghĩa là có Vui, nhưng không an).* Với tánh hồn nhiên, trẻ thơ hưởng được sự tự do cho chính nó, và cũng hòa nhập sự tự do đó cho những người xung quanh.

Đời sống con người không ngừng đổi thay. Vậy, đời sống con người là gì?

- Là sự diễn tiến của những sinh hoạt hữu hình, siêu hình và vô hình (siêu siêu nhiên), nhưng theo quan niệm sống khác nhau ở mỗi người, gia đình, địa phương, dân tộc và ở chủng tộc...

Từ đó, có người nhận ra, hoặc không nhận ra được, giá trị thật và tuyệt đối của đời sống.

Giá trị thật của sự diễn tiến là sự tiến hóa đến tận cùng, đến sự hằng sống, mà bản chất của nó là năng lực tự tạo.

b. Ý và hành động

Khi trẻ thơ không sống hồn nhiên, thì chúng bắt đầu có tâm trạng. Và tâm trạng là nền tảng của sự hình thành bản ngã.

Bản ngã và tâm trạng đưa con người vào đường Thiện hoặc Ác.

Nếu có sự hướng dẫn và kiểm chế của Đạo lý (1), và con người chấp nhận

(1) *Đạo lý của Chơn Đạo, Chánh Đạo luôn khơi dậy sự sinh động của Lương Tâm, và dùng Lương Tâm để hướng dẫn, hướng thiện mọi sinh hoạt của con người (tư tưởng, lời nói, việc làm).*

Nếu không có sự can dự của Lương Tâm, đó không phải là Chơn Đạo, Chánh Đạo, mà chỉ là nhãn hiệu của Tà giáo.

Huấn giáo, huấn lệnh giúp cho con người tốt, đúng, mà không khơi động Lương Tâm, chúng chưa được gọi là Đạo lý, nhưng cũng tốt cho đời sống.

nó, đời sống sẽ hướng về đường Thiện. Nhưng nếu theo tham vọng, dục vọng của bản ngã, chắc chắn con người sẽ đi vào nẻo Ác.

Bản ngã và tâm trạng đưa con người vào đường Ác như thế nào?

- Vì coi trọng cái Tôi (bản ngã), hay vì sợ mất danh dự, con người bắt đầu:

- Chối

- Chối đưa đến Dối (nói dối)

- Dối tăng dần lên Gian

- Gian chuyển sang Xảo (giảo). Đến đây con người nghĩ ra chước, mẹo để lừa người.

- Xảo trá đưa đến quỷ quyệt. Ở mức này, trí khôn con người lập mưu, bẫy người.

Tâm địa chung của Ác nhân là lên lút, không dám công khai, lời nói tránh né.

Tinh thần yếu đuối. Nếu cần tự vệ, ác nhân trở nên liều lĩnh.

Ý và hành động của trẻ thơ xảy ra như thế nào?

- Bình thường, hành động của trẻ con xảy ra ngay sau ý, tức là hành động theo ý mình.

Ý → hành động → hậu quả

Đối với người trưởng thành, con người có ý, sau đó suy nghĩ, rồi hành động

Ý → suy nghĩ → hành động

Nhưng sự suy nghĩ có thể Thuận Lý hay Nghịch Lý.

Nếu suy nghĩ Thuận Lý thì:

Ý → suy nghĩ Thuận Lý → hành động → hậu quả (Tốt, Đúng, Phải)

Nếu Nghịch Lý, thì:

Ý → suy nghĩ Nghịch Lý → hành động → hậu quả (Xấu, Sai, Trái)

Như vậy, thời gian tồn tại của thành quả do sự đánh giá, lựa chọn... theo ý và hành động của mỗi người.

Điều này cần đến sự trưởng thành của Lý, Trí trong việc sử dụng sự tự do, nếu không nó sẽ gây ra tai hại cho tha nhân, và luôn cả cho chính người sử dụng nữa.

Có nhiều cha mẹ cho con cái tự do quá sớm, khi chúng chưa tự chủ được sự đòi hỏi, sự cảm dỗ của Thân, Tâm, Trí, chưa phân biệt được rõ Tốt, Xấu; Đúng, Sai; Phải, Trái..., thì sự tự do đó chỉ đem lại tai hại cho con cái.

Nếu con người được tự do, mà tự chủ được mọi sinh hoạt một cách Tốt, Đúng, Phải, người đó mới thật trưởng thành.

Thật sự, đây là sự trưởng thành của Trí và Lý trong con người.

So sánh các loại tự do đem ra sử dụng ở mỗi lứa tuổi, ở mỗi người, thì sự tự do trong sự hồn nhiên của trẻ thơ là đáng yêu và dễ thương nhất. Vì sao?

Vì sự hồn nhiên của trẻ thơ mang tính thực tại, không định kiến, cũng chẳng có hậu ý trong hành động. Trẻ hưởng được sự Vui, Thích, vì mọi điều mà giác quan thu nhận đều mới và lạ.

Những gì mới và lạ đều gây thích thú cho con người, nhất là trẻ thơ. Vì vậy, đời sống của chúng luôn lạc quan.

c. Sự trưởng thành của Trí trong Lý

Trí khôn không xác định được sự trưởng thành của con người. Tức là, con người không được gọi là trưởng thành do dựa vào Trí khôn. Như vậy căn cứ trên cái gì để con người được gọi là trưởng thành?

1. Căn cứ trên một số tuổi để qui định sự trưởng thành, điều này chưa được xác đáng. Vì sao?

- Vì tuổi tuy đã nhiều, nhưng những người này vẫn còn ấu trĩ trong cách suy nghĩ. Do đó, nhiều người còn phạm tội lỗi.

2. Căn cứ trên sự biết nhiều, sự từng trải để qui định sự trưởng thành, điều này vẫn chưa thỏa đáng. Vì sao?

- Thấy nhiều, nghe nhiều, nên biết nhiều, nhưng cách cư xử không Thuận Lý hoặc chưa Thuận Lý.

Như vậy, sự trưởng thành căn cứ vào đâu?

- Sự trưởng thành căn cứ trên sự Hiểu được Lý. Và xử sự đúng với sự Thuận Lý. Nhưng sự Thuận Lý do đâu có được?

- Sự Thuận Lý khởi nguồn từ Lương Tâm con người. Cũng có nghĩa là “khi nào con người sống bằng Lương Tâm trong mọi sinh hoạt, hoàn cảnh, trạng huống, người đó mới trưởng thành”.

Đây là sự trưởng thành của Trí khôn trong mọi Lý.

Khi đã trưởng thành rồi, người đó mới có thể tiến hóa thêm để trở thành đại nhân, siêu nhân, thánh nhân, đạo nhân v.v...

3. Khi đã có sự trưởng thành của Trí khôn trong mọi Lý, con người có thể xem là một sinh linh hay không?

- Tất cả sinh vật, sống theo bản năng của cảm giác đều tiến hóa. Nhưng chúng tiến hóa theo sự tiến hóa tự động, tự nhiên.

Con người, khi đã có Trí suy nghĩ rồi, có thể chủ động tiến hóa. Vì vậy con người được xem là một sinh linh.

Hay là, được gọi là sinh linh, vì con người có Trí suy nghĩ, có sự Sáng của Trí sinh động. Sự sinh động linh thiêng của sự Sáng có sự can dự của Thiên Lý trong đó mới tạo nên sự mẫu nhiệm. Vì vậy, sinh linh là một sinh tạo có sự linh thiêng và mẫu nhiệm.

Trong sự chủ động tiến hóa, có nhiều bậc, có nhiều giá trị, nhiều cõi giới để suy nghĩ, con người biện biệt, đánh giá, lựa chọn.

Có quyền lựa chọn, tức là có quyền chủ động tiến hóa, có sự sáng tạo. Tức là, sự sáng tạo biểu hiện cho sự chủ động tiến hóa.

Tiến hóa nhanh hay chậm do sự lựa chọn của chính mình:

- Tiến hóa trong đời sống vật chất.
- Tiến hóa trong đời sống tinh thần.
- Tiến hóa trong đời sống tâm linh, vào cõi giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

d. Con người giống và khác nhau do đâu?

- Nếu con người thường xuyên sinh hoạt gần như cố định ở một trong 3 nơi (Thân, Tâm, hay Trí) thì có thể gần như thú vật, hay là con người thuộc phạm nhân, hoặc là Thánh (hay quý).

1. Sống hoàn toàn bằng cảm giác, bằng bản năng và không suy nghĩ, con người không xa loài thú.

Nếu sống bằng cảm giác, có một ít tâm trạng, đời sống thuộc về con người, nhưng cũng biểu lộ phần nào thú tánh.

2. Nếu sống bằng Tâm, bằng tình cảm... sinh hoạt này thuộc về con người.

3. Sống hoàn toàn bằng Trí và Lương Tâm, sự siêu việt thuộc về Thiên Tánh (tánh của vũ trụ sinh động trong Trí của con người), con người được liệt vào hàng Thánh.

- Sống bằng Trí và Ác tính, Độc tính: thuộc về tính quý.

Với ba lối sống trên, đời sống nào tiến hóa nhất, và có thể dẫn dắt con người tiến bộ được?

- Chỉ có người sống bằng Trí (Thuần Trí) và Lương Tâm mới dẫn dắt, chỉ dẫn được Tâm của tha nhân, tức là mới “Thiên hóa” được Tâm của tha nhân bằng Lương Tâm. Vì trong Lương Tâm, không có tâm trạng đặc thù của mỗi cá nhân.

Do sự tiến hóa không đồng đều ở loài người mà nhiều loại tánh được tạo nên.

Vậy thú tánh, nhân tánh, thiện tánh, thiên tánh sinh động ở nơi nào trong con người?

- *Thú tánh*: tính của thú vật gồm có Ác, Độc, Hung dữ. Chúng ăn thịt lẫn nhau để sinh tồn.

Thân thể con người cũng giống như thân thể của các loại thú có những tính kể trên.

Thú tánh sinh động ở thân người.

- *Nhân tánh*: nhờ ở đầu với những chức năng của Trí như Trí quan sát, nhớ, suy nghĩ ... mà nhân tánh phát sinh.

Cho nên nói rằng: “Nhờ ở đầu, não, và những chức năng của Trí mà con người khác với thú vật”.

- *Thiên tánh*: Thiên tánh sinh động trong con người được, vì con người nhờ vào Trí thông minh, tức là nhờ vào sự Sáng thuần khiết của vũ trụ sinh động trong Trí, mà con người mới có được Thiên tánh.

Tóm lại:

Nhân tánh con người có được, nhờ ở ba chức năng của Trí, là Trí quan sát, Trí nhớ, Trí suy nghĩ.

Thiên Tánh chỉ sinh động ở Trí thông minh mà thôi.

(Thông minh từ tuổi thơ, là trẻ này đã có Thiên tánh sinh động trong Trí.

Như vậy, ba chức năng của Trí là Trí quan sát, Trí nhớ, Trí suy nghĩ đã phát triển, cho nên chẳng cần đến sự luyện tập, học hỏi nhiều như những trẻ bình thường khác).

Hay là:

- *Thú tánh ở thân thể*, thì con người hoàn toàn sinh hoạt bằng thân thể.

- *Nhân tánh ở đầu não*, cuộc sống ở Thân, Tâm, Trí.

- *Thiên tánh ở trong sự Sáng của vũ trụ*, sinh động trong mức tiến hóa cuối cùng của Trí, là Trí thông minh, tức là, không cần đến sự quan sát, nhớ, suy nghĩ nữa, mà vẫn Hiểu được.

Hay là, “Thiên tánh chỉ sinh động trong sự Hiểu của Trí thông minh”.

Cứu cánh của cuộc sống, chỉ cần đến Trí thông minh, Hiểu được Thiên Lý, mà chẳng cần học hỏi ở con người. (Nhưng vì nhu cầu để giải thích mọi Lý, chỉ cần biết đến những hiện tượng hữu hình và siêu hình do Trí khôn con người khám phá ra).

e. Cách nhìn của mỗi mẫu người

Sự rung cảm của Tâm và sự tự do trong suy nghĩ tạo nên những mẫu người với những cách nhìn khác nhau trong đời sống.

Trong sinh hoạt, công việc, hoặc nhìn vào sinh hoạt, việc làm của tha nhân mà đưa tình cảm vào: đó là phạm nhân.

- Dùng Lý, Trí trong sinh hoạt, việc làm là nhà trí thức (khoa học gia, kỹ thuật gia v.v...). Vì vậy, nhà trí thức là người sáng suốt.

- Dùng Lý, Trí, Lương Tâm trong sinh hoạt, việc làm: là hiền nhân. Người này sáng suốt và khôn ngoan.

- Dùng Lý, Trí, Lương Tâm, Lương Trí trong sinh hoạt, việc làm: là nhà hiền triết. Mẫu người này, sáng suốt, khôn ngoan, có khả năng dạy dỗ tha nhân bằng lý thuyết của mình về những đức tính.

- Dùng Lý, Trí, Lương Tâm, Lương Trí, Đạo Bi trong sinh hoạt, việc làm: đó là Thánh nhân.

g. Sự tồn tại của thành quả

Một nhân tố quan trọng của sự tồn tại của một thành quả là thời gian tồn tại của thành quả đó.

Nó nhờ vào sự đánh giá, lựa chọn những phương pháp, phương thức và quan niệm sống để con người có thể tiến hóa nhanh duy trì thời gian tồn tại của thành

quả lâu hay mau.

Nhưng phương pháp, phương thức, quan niệm sống nào đưa con người tiến hóa nhanh?

- Phương pháp nào, dù là tiệm pháp (phương pháp chậm) hay đốn pháp (phương pháp nhanh) cũng phải tốn công phu, tốn ít nhiều thời gian.

Nhưng “nhanh hơn phương pháp luyện tập, đó là thay đổi quan niệm sống” – một sự thay đổi hoàn toàn về cách nghĩ, cách sống.

Như câu: “Vứt bỏ đồ đao, tức khắc thành Phật”.

Rõ ràng hơn là “đứt bỏ ác tâm, thiện tâm hiện”. Hay “đứt bỏ phàm tâm, chơn tâm hiện”. Cũng có nghĩa là: “chẳng còn tâm trạng cá nhân, thì Tánh của vũ trụ hiện”.

(Tánh của vũ trụ sinh động trong nhân tánh. Về vật lý, nó là thể Sáng, sự sống của vũ trụ sinh động trong con người. Và nhờ đó, con người giác ngộ được).

Tại sao sự thay đổi quan niệm sống có thể làm cho con người tiến hóa nhanh như vậy, và do đâu?

- Sự thay đổi nhanh như vậy là nhờ ở sự “thấy được chính mình”.

Thấy được chính mình là gì?

- Là thấy được tâm địa, tâm hồn, tâm trạng, tư tưởng... đang hiện hữu, đang sinh động. Và nhận ra được “tính” độc, ác, thiện... của mọi sinh hoạt liên quan đến Thân, Tâm, Trí của chính mình để rồi tự mình lựa chọn để đổi thay.

Chính trong sự thấy được chính mình, con người khám phá ra tính tương đối và tuyệt đối trong đó. Và sự đổi thay có thể ở mức tương đối hay tuyệt đối, đều do nơi sự tự do lựa chọn, đánh giá của mỗi cá nhân.

Con người luôn có kỳ vọng lựa chọn sự tuyệt đối hơn là tương đối.

Vậy sự thay đổi tuyệt đối như thế nào?

- Đó là sự thay đổi hoàn toàn từ “Có sang Không” hay từ “Không sang Có”, từ cái cùng cực nhỏ đến vô tận, như từ tiểu vũ trụ trở thành đại vũ trụ với tất cả sớ hữu của đại vũ trụ, có nghĩa là từ một tạo vật trở nên sự sáng tạo.

Đối với con người, sự thay đổi này do nơi chính mình, là “lấy cái Không để xóa cái Có”. Hay là “lấy cái Hư vô (chơn không) để xóa cái Ta, cái bản ngã”.

Vì còn cái Ta, bản ngã còn sinh hoạt.

Đó là “tạo vật chủ động sinh hoạt trong đó luôn có Phước, Họa, Nhân Đức (tính), Nhân đạo v.v...”

Còn Hư vô sinh động sinh hoạt, là vũ trụ sinh động, sinh hoạt với bản chất, bản tính và tính năng của nó.

Do đó, trong sinh hoạt của chơn Ngã luôn luôn sinh động và xuất hiện Chơn Phước, Chơn Đức, Chơn Đạo.

1. Môi trường và nhân sinh

Sinh hoạt của bản ngã liên hệ đến môi trường, đến cộng đồng nhân sinh.

Phong, Thủy, đất đai thuộc “môi trường thiên nhiên”.

Phong, Thủy, thảo mộc, cầm thú, đất đai, tạo nên “môi trường sinh thái”.

Hai loại môi trường này không ảnh hưởng thường xuyên đến con người, chỉ có “môi trường nhân sinh”, trong đó cộng đồng dân cư với tập quán âm thực giống nhau sinh hoạt trong các ngành nghề liên kết hỗ trợ, mới ảnh hưởng trực tiếp đến con người được sinh sau trên môi trường đó. Dù cho số hậu sinh thuộc cộng đồng đa chủng hay thuần chủng độc nhất, số người đó được tạo nên từ khuôn mẫu của một sinh hoạt chung với đặc thù của cộng đồng trên môi trường nhân sinh đó.

Đặc thù của cộng đồng trong sinh hoạt bên ngoài không biểu lộ hết sự toàn diện của đời sống cá nhân.

Sự toàn diện của đời sống cá nhân bao gồm cả ngoài và bên trong. Bên ngoài, là sinh hoạt của môi trường nhân sinh, bên trong là sinh động của Tâm, Trí – một đời sống vừa mang yếu tố khách quan, đồng thời có sự chủ quan của con người.

Tính chủ quan của con người là một yếu tố quan trọng. Nó đổi thay cả bộ mặt bên ngoài của cộng đồng. Bởi vì môi trường không thể ảnh hưởng đến sự chủ động của tính chủ quan của con người, hay là sự thụ động của môi trường bị điều khiển, bị chế ngự bởi sự chủ động của con người.

Sự chủ động của tính chủ quan con người nhờ ở sự tự do tư tưởng, ở sự tự do của Trí khôn trong chức năng suy nghĩ. Từ đó tỏa ra nhiều cách sống, sinh hoạt, liên quan đến nhiều Thân (Nhục thân), Tâm hoặc Trí.

Liên quan nhiều đến Thân, nhiều người coi trọng Nhục thân. Họ muốn thân thể và đồ dùng luôn sạch sẽ, không dính bụi, cát, bùn.

Số khác coi đời sống bên trong quan trọng hơn. Họ sống bằng tâm hồn (Tâm, Trí) tinh thần. Thời gian của sinh hoạt tâm hồn và tinh thần chiếm nhiều hơn là nhu cầu dành cho Nhục thân. Họ luôn muốn Tâm được sạch, được bình an, không để tâm trạng làm động loạn đời sống.

Còn lại, là những người sống bằng Trí, luôn vận dụng những chức năng của Trí để tiến bộ. Trong số đó, có một ít người hướng đời sống vào lãnh vực tâm linh, sinh hoạt bằng Tâm chơn không (Hư vô), bằng Tánh và Thuần Trí.

2. Nhập thế và xuất thế

Hai cách sống này liên quan đến sự tồn tại của thành quả. Giúp đời, tiến hóa con người là khía cạnh tích cực của lối sống nhập thế và xuất thế.

Trong cách sống nhập thế, con người luôn tiếp xúc với nhau, trước hết cần đến Đạo lý. Hay là, “tổ chức đề giáo hóa con người, qua Đạo lý, đưa đến sự hình thành tôn giáo, giáo hội.

Với lối sống xuất thế, quan niệm sống tách biệt, các phương pháp có trước để thực hành, và tổ chức giáo hội có sau. Hay là, phương pháp và lối sống để thích nghi với phương pháp có trước, và sau đó giáo hội được thành lập.

Hai lối sống này tương phản về tính tích cực bên ngoài và bên trong, về cách thực hiện và thực hành Đạo Bi (1).

Nhưng cả hai lối sống này đều tốt cho con người.

Sống và tiếp xúc với người, sống bằng Đạo lý.

Sống riêng với chính mình: thư giãn tâm trạng, tâm hồn với quan niệm chẳng còn, chẳng có gì thật sự thuộc về mình mãi mãi, trừ sự Sáng (thể Sáng).

Năng lượng thu và giữ được trong Nhục thân để tăng sự Hiểu, Biết. Cuối cùng, tất cả cũng trả về vũ trụ như hydro và oxy trong Nhục thân; Khí, Điện của Tâm, Điện và sự Sáng trong Trí, kể cả sự Biết và Hiểu.

(1)Thực hiện Đạo Bi trong xã hội: những tổ chức mang tính nhân đạo như cứu nạn, cứu trợ, cứu đói, cứu khổ v.v..., nhưng chưa có nhiều chương trình, kế hoạch để cứu nguy, đổi thay thân phận con người (cho Thân, Tâm, Trí).

Thực hành Đạo Bi:

Thiện hóa tâm hồn, thánh thiện hóa linh hồn cho cá nhân mình trước, bắt đầu từ đào tạo tinh thần, không sát sinh, đến sự quý mến tạo vật có sự sống.

ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI

Không có sự thuần nhất hay đồng nhất trong đời sống con người, dù trong một cộng đoàn, cộng đồng, một sắc tộc có cùng một tập quán, phong tục. Ngược lại, phong tục, tập quán chung của tổ chức xã hội có cùng một nếp sống văn hóa cũng không thể tạo nên sự thuần nhất trong sinh hoạt cá nhân, mặc dầu xã hội đó đã có quan niệm và đánh giá về đời sống. Cả hai yếu tố này đều dựa trên sự thành tựu và hiệu quả đã trải qua một thời gian dài hay ngắn, hoặc vô tận.

Từ thời gian của sự thành tựu và hiệu quả, con người nhận ra đời sống của mình, vừa có sự sáng tạo và vừa là thụ tạo.

Sáng tạo liên quan đến sự sống, đến thể Sáng – năng lực nguyên thủy của vũ trụ sinh động trong con người.

Sự thụ tạo liên quan đến sức sống, bản ngã.

Còn bản ngã, còn nhiều cõi giới sinh động (cảm giác, tình cảm, tư tưởng, hay là còn liên quan đến Thủy, Khí, Điện, tức là liên quan đến Huyết, Khí, Điện trong Nhục thân, đến đời sống vật chất, tinh thần...)

Trên mỗi đời sống, sự đánh giá về đời sống cũng không có tính đồng nhất, ngay cả hạnh phúc, mà con người coi là cứu cánh.

Như phạm phu lấy tình dục (tình cảm và nhục dục) làm cứu cánh cho hạnh phúc. Khi tình cảm và nhục dục kém đi, thì hạnh phúc cũng giảm đi.

Nếu một trong hai người không còn giữ được một trong hai yếu tố đó, hoặc không còn giữ được cả hai, thì hạnh phúc sẽ biến đổi thành tình bạn. Nhưng nếu có sự hờn, giận trong đời sống, hạnh phúc ban đầu sẽ biến thành hận, hoặc nặng hơn sẽ là hận thù.

Đây là kết hợp của Dương và Âm (Nam, Nữ) bên ngoài.

Đối với đại nhân, họ lấy Nhân, Nghĩa làm cứu cánh cho hạnh phúc. Vì vậy, nó trội vượt trên tình dục. Dù cho tình dục chẳng còn, hạnh phúc vẫn không mất.

Đạo nhân hoàn toàn sống ở bên trong, lấy Dương và Âm bên trong mà hòa hợp. Do đó, hạnh phúc đạt đến mức Cực lạc, và chẳng bao giờ hạnh phúc bị tiêu tan.

Đời sống con người có vô tận, vô cùng sinh hoạt, sinh hóa liên quan đến nhiều yếu tố. Chúng tương ứng, tương quan đến nhiều loại thân (Nhục thân, Thủy thân, Khí thân, Điện thân, Quang thân).

Các loại sinh hoạt xuất nguồn từ cảm giác, tình cảm, tư tưởng, đức tính, đạo tính liên hệ đến 3 cõi giới của tiểu vũ trụ và 3 thể giới của đại vũ trụ, nhưng con người rất khó nhận ra, vì nhãn quan chỉ nhìn ra ngoài, do tính chủ quan.

Tuy nhiên, cho đến nay, dựa trên sự quan sát có tính cách khách quan, người ta quy đời sống thành 3 loại: đời sống vật chất, tinh thần và tâm linh, mặc dù chúng chưa thật sự chứa tính toàn diện của đời sống con người.

Tính toàn diện của đời sống con người không chỉ ở lời nói, việc làm trong cõi giới tự nhiên, hữu hình của thế giới giác quan. Chúng là những sinh hoạt xuất nguồn từ tư tưởng, từ sự suy nghĩ của con người, mang sẵn những hình ảnh siêu nhiên.

Sự sinh động từ bên trong tỏa ra ngoài, từ hình ảnh siêu nhiên được hiện thực bằng những hiện tượng hữu hình. Nhưng nguồn gốc của sự sinh động siêu nhiên được khơi động bằng năng lực siêu siêu nhiên, vô hình. Đó là Trí con người, mà bản thể của nó là thể Sáng (sự Sáng, sự sống).

Như vậy, tính toàn diện của đời sống con người là sự sinh động cả bên trong và bên ngoài, liên quan đến 3 cõi giới của tiểu vũ trụ (tự nhiên, siêu nhiên, siêu siêu nhiên).

Bên trong là sự sinh động siêu nhiên và siêu siêu nhiên (sự sinh động siêu hình và vô hình) cộng với sinh hoạt tự nhiên bên ngoài tạo nên sự toàn diện của đời sống.

Sự toàn diện của đời sống của mỗi cá nhân không biểu lộ được sự toàn hảo của sự tiến hóa của vũ trụ trong con người.

Sự tiến hóa của vũ trụ luôn xảy ra trong 3 thế giới (tự nhiên, siêu nhiên và siêu siêu nhiên) trong sự toàn hảo. Hay là, sự toàn hảo của sự sinh động vô tận trong vũ trụ được thể hiện bên ngoài bằng Thiên Lý, Thiên Cơ, Thiên Năng).

Nhưng mọi sự tiến hóa của tạo vật trong vũ trụ đều mang tính thụ động, trừ ra các sinh tạo có Trí khôn, đặc biệt là Trí suy nghĩ, trong số các sinh tạo đó, có con người.

Do đó, con người có khả năng tiến hóa chủ động, tức là con người có thể tiến hóa nhanh hơn cả sự tiến hóa của vũ trụ trong sự toàn hảo.

a. Sự toàn hảo

Vũ trụ sinh động vô tận. Nhưng những biến chuyển trong đó qua hai chức năng sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ luôn xảy ra trong sự toàn hảo.

Con người khi được sinh ra chỉ có Nhục thân, còn Tâm và Trí chưa hoạt động. Tức là, cõi giới tự nhiên hoạt động, trong khi đó hai cõi giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên tiềm ẩn trong đó liên quan sinh động.

Lớn dần lên, Tâm, Trí con người được tạo nên và cả 3 cõi giới (Thân, Tâm, Trí) hoạt động có lúc riêng rẽ, đôi khi đồng bộ, với cảm giác, tình cảm và tư tưởng.

Dù riêng rẽ hay đồng bộ, *hoạt động của mỗi cá nhân đều khởi xuất từ bản ngã mang tính chủ động. Chúng không xuất nguồn từ sự sinh động, sinh hóa của vũ trụ, vì vậy chúng biểu hiện tính bất toàn.*

Sự tuyệt đối của sự toàn hảo nằm trong sự sinh động của vũ trụ. Sự sinh động này sinh động mãi mãi của một năng lượng nguyên thủy, tức là “chỉ Sinh và Sinh mãi, không bị Diệt”.

Sự toàn hảo cũng vậy, luôn luôn tồn tại trong sự sinh hóa và chuyển hóa của năng lực nguyên thủy là sự Sáng (thể Sáng), dù cho có những sức sống, những hiện tượng bị hủy hoại, chúng cũng không thể làm mất đi sự toàn hảo trong sự sinh động của vũ trụ.

Con người, hầu hết coi thiên tai, địa họa là những biến cố quan trọng, vì chúng làm mất sinh mạng và tài sản. Nhưng theo sự toàn hảo, đó là một hiện tượng mới, điều chỉnh một hiện tượng cũ. Hay là, *sự thừa và thiếu của một sức sống chuyển động trong sự sống của vũ trụ được chỉnh thuận theo sự toàn hảo, dưới dạng tàn phá hay hủy hoại của một năng lượng.*

Sự chỉnh thuận trong sự toàn hảo là sự biến đổi không ngừng trong vũ trụ, kích thích Trí khôn con người tiến hóa.

Nhưng sự toàn hảo của sự sinh động trong sinh hóa và chuyển hóa có từ lúc nào?

- Sự toàn hảo có từ khi Nguyên Lý được tạo nên. Hay nói cách khác, nó tiềm tàng trong sự sinh động vô hình của Nguyên Lý.

Và nó tiếp tục mãi trong chức năng sinh hóa và chuyển hóa của mọi năng lực và năng lượng của vũ trụ, tức là nó có trong những năng lực, năng lượng của vũ trụ có chức năng sáng tạo ra mọi tạo vật, mọi sinh tạo.

b. Sự bất toàn

Mọi thụ tạo chỉ có sức sống mà không có sự sống thì đều bất toàn. Chúng được tạo nên, rồi bị hủy hoại, không có khả năng tồn tại mãi.

Con người, vừa thụ tạo, vừa sinh tạo có sức sống và sự sống, là một tổng hợp của nhiều năng lực, năng lượng. Chúng có chức năng “Sinh Diệt và vô sinh”, làm cho con người có thể tiến hóa và thoái hóa. Hay là, *con người chứa đựng sự kết hợp của sự bất toàn, và toàn hảo, tức là đời sống con người vừa tương đối và có sự tuyệt đối trong đó*

Sự bất toàn mang tính tương đối, và sự toàn hảo luôn tuyệt đối.

Liên quan đến vật lý trong sinh lý của Nhục thân, năng lực hậu thiên (Khí, Huyết) mang tính tương đối và bất toàn. Vì chúng có Sinh có Diệt, hay là cường lực của chúng có tăng, có giảm (cạn kiệt, để rồi Nhục thân phải chết, tan rã).

Ngay cả đời sống tinh thần cũng vậy, vẫn bất toàn và tương đối.

Có những dấu hiệu hiển nhiên giữa sự bình thường và khác thường mà người ta vẫn thấy. Nhưng nếu không quan tâm, để ý, ta không tìm ra được nguyên nhân nào tác động trong đó, như sự khôn khéo và khôn ngoan.

Sự khôn khéo con người học được ở con người qua kinh nghiệm tích lũy từ

nhiều năm, hay qua nhiều thế hệ. Nhưng sự khôn ngoan từ tuổi thơ đã sẵn có, chẳng cần con người dạy bảo, cũng không do sự di truyền của cha mẹ.

Nếu cái tự có, chẳng do sự di truyền của cha mẹ, nó không phải không có nguyên nhân. Ngoài “Nguyên năng tự hữu” ra, “không có gì tự có tức thì” được, và tất cả đều có nguyên nhân.

Sự khôn ngoan của trẻ thơ cũng vậy, không học, cũng không do sự di truyền của cha mẹ, thì sự khôn ngoan này là một Thiên Ân được truyền vào Trí của trẻ, nên nó có một sự minh mẫn làm cho người lớn phải ngỡ ngàng, ngạc nhiên. Thiên Ân đổ vào Trí của trẻ thơ chỉ có thể thực hiện qua sự Sáng (thể Sáng) (1) mà thôi.

Nhưng tại sao đứa trẻ có sự khôn ngoan khi còn thơ ấu?

- Không phải trẻ thơ nào cũng có sự khôn ngoan. Và dấu hiệu bên ngoài có sự khôn ngoan là Trí nhớ cực nhanh, như nó đã phát triển siêu Trí rồi vậy. Với hoạt động của thân thể, tứ chi, lời nói..., mỗi động tác đều chính xác như đã thành thạo quen dùng. Một dấu hiệu nữa là sáng tạo trong sinh hoạt.

Sự khôn ngoan từ tuổi thơ không phải là điều bình thường. Sự phi thường của sự khôn ngoan đó đến với thế gian, ít hay nhiều cũng có nhiệm vụ tiến hóa, hay để mở Tâm, khai Trí cho con người, cho sinh linh.

Mức độ tiến hóa tha nhân do nơi mức độ sáng suốt và sự khôn ngoan của mỗi người có nhiệm vụ được giao phó. Cũng như, mưa nhỏ, lượng nước ít chỉ làm mát cây cỏ, mát đất. Nhưng mưa lớn, nước nhiều, thấm sâu vào lòng đất, làm tan khoáng chất, giúp cho rễ cây dễ hấp thu chất bổ vào thân cây, làm cho cây cỏ lớn nhanh.

Đời sống con người, sự bất toàn tuy nhiều, nhưng nó cũng tỏa ra những cái phi thường của sự toàn hảo, để con người đưa sinh hoạt của đời sống vào sự toàn hảo, mà một trong những nhân tố đó là sự khôn ngoan.

Khôn ngoan của trẻ thơ là một Thiên Ân, một nhiệm vụ để khai Tâm, mở Trí cho con người. Nếu người nào hiểu rõ, gìn giữ, bảo vệ, tăng trưởng cho sự khôn ngoan đó, người đó cũng được thừa hưởng những điều lành, may mắn toát ra từ Thiên Ân đó, vì đã góp phần vào sự thăng hoa của nó. Một phần trong sự gìn giữ, bảo vệ, bồi bổ cho sự khôn ngoan đó là sự săn sóc đến sức khỏe của trẻ thơ.

(Gia đình nào có người khôn ngoan, gia đình đó được hưởng nhiều phước, may mắn. Không phải ở Nhục thân của người khôn ngoan, nhưng chính sự khôn ngoan trong con người đó, mới thật là Thiên Ân.

(1) Sự Sáng của Trí (hay là thể linh thiêng) con người có được, nó phải tuân tự tiến hóa từ cảm giác, tình cảm và sau đó mới có tư tưởng liên quan đến bản ngã cá nhân.

Nhưng sự khôn ngoan thì khác hẳn, nó biểu lộ ra một cái gì đó đã có rồi, đã trải qua rồi..., hay những điều gì sẵn có mà không do chính mình tạo nên. Đặc biệt là trẻ thơ này, “Hiếu mà không qua kinh nghiệm Biết trong thực tế”.

Vùng nào có nhiều người khôn ngoan sinh sống, vùng đó được hưởng nhiều may mắn, nhiều điều lành.

Người nào cố ý diệt sự khôn ngoan, người đó sẽ phải gặp tai họa, thảm họa, vì cố ý diệt một Thiên Ân, tức là chống lại luật tiến hóa của vũ trụ).

Trong sự sinh hoạt của đời sống, sự kết hợp của sự bất toàn, tương đối, và sự toàn hảo tuyệt đối khó nhận ra được. Như vậy, muốn tiến hóa đến sự toàn hảo, ta phải làm sao?

- Sinh hoạt của bản ngã cá nhân che lấp sự sáng suốt của Trí khôn, vì tính chủ quan. Với tính khách quan, Trí khôn con người mới có thể khám phá ra bản chất, bản tính và tính năng của những thể linh thiêng liên quan đến đời sống vật chất, tinh thần và tâm linh, tức là liên quan đến năng lực hậu thiên và tiên thiên sinh động trong mỗi đời sống, cũng như sự bất toàn, tính tương đối, trong đời sống vật chất và tinh thần.

ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT

Hàng triệu quyển sách đã nói về con người về kiến thức, những thành quả con người đã đạt được. Có thể nói, khi loài người còn tồn tại trên địa cầu, hay còn trong vũ trụ, thì sẽ có vô cùng, vô tận những sinh hóa, sáng tạo liên quan đến nhiều yếu tố, đến Thân, Tâm, Trí xảy ra.

Những sáng tạo, sinh hóa sau của Trí khôn, luôn được hoàn thiện, hoàn chỉnh hơn những sáng tạo trước. Nó biểu lộ sự tiến bộ, sự tiến hóa của Trí khôn con người.

Từ phạm nhân, Trí khôn đưa con người trở thành siêu nhân, thánh nhân, đạo nhân. Cũng vậy, từ đời sống vật chất, con người chuyển sống bằng đời sống tinh thần, hay cao hơn nữa là đời sống tâm linh.

Trí khôn giúp con người tiến hóa, nhưng quan niệm sống của mỗi cá nhân có thể làm cho họ thoái hóa, chuyển đời sống cao xuống thấp, từ đời sống tâm linh, hay từ đời sống tinh thần xuống đời sống vật chất.

Vì sao?

- Vì con người không nhận ra mức tiến hóa vô hình trong chính mình. Hơn nữa, phải duy trì và thăng hoa nó mãi. Nếu không, sự thoái hóa sẽ phải xảy ra, tức là trở lại sống đời sống vật chất.

Đời sống vật chất là gì?

- Là đời sống mà mọi sinh hoạt phải trải qua Nhục thân. Nó là nền tảng của mọi sinh hoạt, hoạt động liên quan đến cảm giác, mà xúc giác và vị giác là cảm giác đầu tiên của đời sống con người.

Cảm giác thuần túy, không có tình cảm và tư tưởng xen vào, hay không xúc tác, ảnh hưởng đến cảm giác, thì cảm giác đó chưa tạo nên dục cảm, như trong thời gian đầu của trẻ sơ sinh.

Chức năng của xúc giác và vị giác giống nhau ở con người và thú vật.

Do ở xúc giác và vị giác mà nhục dục phát sinh ở Nhục thân. Nhục dục tự nhiên của muôn loài là đẻ sinh sản, sinh tồn của mỗi loài.

Con người ngày càng lớn ở Nhục thân, nếu tình cảm và tư tưởng nhiều, chúng sinh hóa nhiều dục cảm.

Khi nào thói quen của cảm giác, tâm tư của con người bám rễ sâu vào Trí nhớ con người, những thứ đó sẽ làm cho con người trở nên ghiền – một thói quen, một cảm giác ưa thích ăn sâu vào Trí nhớ, có tính gợi cảm. Dần dần, nó đưa con người vào sự đam mê. Càng đam mê, con người trở nên ngu muội và liều lĩnh.

Liều lĩnh trong sự ngu muội, con người dễ phạm tội lỗi. Nếu ngu muội và liều lĩnh trong công việc, trong sự lập nghiệp, chắc chắn người đó không tránh khỏi thất bại.

Hay là:

Đam mê làm mất sự sáng suốt của Trí khôn, do đó con người trở nên ngu muội.

(Đam mê của nhục dục, dục cảm, khoái cảm làm cho đời sống thoái hóa, tạo nên tai họa. Nhưng có những đam mê tạo nên thú vui, tăng ý chí sống, những loại này có giá trị tinh thần và tâm linh cao).

Sự thành công hay thất bại trong đời sống con người liên quan đến sự sáng suốt, hay lúc ngu muội của Trí khôn. Lúc Trí khôn sáng suốt, con người làm chủ sinh hoạt, lúc ngu muội, sinh hoạt làm chủ con người.

Hai trạng thái, có hai hiệu quả và tâm trạng khác nhau.

1. Làm chủ được sinh hoạt, công việc:

Trí thu xếp công việc một cách sáng suốt, sắp đặt theo thứ tự tiến trình của công việc không sai lầm.

Không có tâm trạng dao động như: lo, sợ, ngại ngùng, bực bội.

2. Công việc, sinh hoạt làm chủ con người:

Tâm trạng dao động: lo lắng, sợ, bực tức, ngại ngùng v.v...

Tâm trạng nổi lên như mây che ánh sáng mặt trời, Trí sáng suốt bị lu mờ, công việc bị nhiều sai lầm.

a. Những yếu tố liên quan đến đời sống vật chất

Những yếu tố này bao gồm tất cả những gì liên quan đến dục cảm của Nhục thân mà con người hưởng thụ. Chúng không có sức tiến hóa, đời sống như vậy, chỉ dựa trên bản năng nhiều hơn là vận dụng trí khôn để tiến hóa.

Đặc thù của đời sống vật chất là sự hưởng thụ của sự khoái cảm, dục cảm... dính dáng đến nhiều yếu tố như Thể, Lực, Hiện tượng tâm sinh lý, bộ phận, không gian, cõi giới, mẫu người v.v...

Thể: trong Nhục thân sinh động bốn thể linh thiêng Huyết (tương đương với Thủy bên ngoài Nhục thân), Khí, Điện, sự Sáng (thể Sáng).

Khí, Điện sinh động trong Huyết, tạo nên cảm giác, nghĩa là có Huyết mới có cảm giác (1). Hay là, cảm giác được sinh hóa ra từ Huyết, trong đó sinh động hai thể nhẹ hơn, là Khí và Điện.

Nhưng con người ý thức, và nhận thức được cường độ của cảm giác, do sự Sáng (thể Sáng). Nó là bản chất, bản tính và tính năng sinh động trong Trí khôn. Nó sinh động trong 3 thể kia (Điện, Khí và Huyết), nhưng thể Thủy (Huyết) là sinh hoạt chính trong đời sống vật chất, hay là cảm giác sinh động nhiều hơn hết, so với tình cảm và tư tưởng.

(1) Nhục thân chết, máu ngưng lưu thông, Nhục thân không còn cảm giác.

Trí cảm nhận được cảm giác thì sự sinh động của Huyết không thể cùng sự Sáng của Trí khôn đề sinh hóa ra tình cảm và tư tưởng.

Như vậy, các thể linh thiêng trong Nhục thân ảnh hưởng và xúc tác lẫn nhau đề sinh hóa ra nhiều loại sinh hoạt. Và mỗi thể, cũng có thể sinh động riêng rẽ, do sự chủ động điều khiển của Trí con người.

Sự sinh động hỗn hợp của Huyết với cơ thể là một cảm giác thuần túy, không tạo nên ký ức. Những cảm giác đó làm tăng thêm sự thông minh của Trí, qua sự cảm nhận, và chúng không tạo nên bản ngã. Trái lại, nếu chúng gây ra sự ưa thích, trở nên ký ức, và được lặp đi lặp lại do Trí nhớ, chúng sẽ trở nên sự đam mê. Nó là một trong những nhân tố, và là yếu tố tạo nên bản ngã của đời sống vật chất.

Lúc: Đời sống vật chất không giới hạn ở sự sinh động của Nhục thân mà con người trực tiếp cảm nhận như hô hấp của phổi, sự tuần hoàn của máu nhờ vào sự co bóp của tim. Hay là, nó không bị thu hẹp ở sinh động hữu hình, mà còn được mở rộng ra cõi siêu hình và vô hình.

Sự sinh động trong sinh hoạt, và hoạt động của một đời sống, không cùng một tốc độ. Mỗi hoạt động có thể nhanh hoặc chậm, như tư tưởng nhanh hơn tình cảm, và cảm giác chậm hơn tình cảm.

Sự nhanh, chậm do tốc độ, mà tốc độ lại do cường độ.

Cường độ của lực chính, sinh động trong đời sống vật chất, có tốc độ chậm và yếu. Vì chúng là lực của Huyết và Khí, dù sự xúc tác bên trong hai lực này là Điện và thể Sáng.

Được thể hiện dưới dạng hiện tượng sinh lý và vật lý, cảm giác và tình cảm có tốc độ chậm hơn tư tưởng. Biết được điều này, khi con người đề tâm quan sát, qua sự cảm nhận, và cảm nghiệm của Trí khôn.

Hai lực Huyết và Khí sinh động trong Nhục thân, nhưng được coi như ngoại lực, và là năng lực hậu thiên. Chúng có chức năng phát triển Nhục thân, và duy trì sức sống của Nhục thân, qua sự hấp thu hai năng lượng cùng loại, trên và quanh địa cầu.

Như vậy, hai lực này liên quan và ảnh hưởng đến thể giới tự nhiên bên ngoài, qua 5 giác quan. Đặc biệt là xúc giác, vị giác, khứu giác (da, miệng, mũi) trực tiếp hấp thu năng lượng để nuôi Nhục thân. Và chính yếu là Nhục thân sinh hoạt bằng cảm giác. Nó là một loại lực thuộc về tình lực.

Hai loại lực này, chuyển động trong những cấu trúc vi tế như tế bào, thịt và các kinh...

Hiện tượng tâm sinh lý: đời sống vật chất không hoàn toàn thuộc về Nhục thân. Nó liên quan đến những nhân tố khác. Chúng hoạt động, sinh động đề biểu lộ sự toàn diện của một đời sống bao gồm cả Thân, Tâm, Trí. Nhưng Thân, Tâm trực tiếp can dự vào sinh hoạt của đời sống vật chất, tức là sinh hoạt của

tâm sinh lý, của tình cảm và cảm giác.

Sự sinh hoạt trong đời sống này đi ngược lại chức năng tiến hóa của Trí khôn, không làm tăng năng lượng tiên thiên (Điện, sự Sáng) cho chính mình và cả vũ trụ nữa (1). Nói cách khác, nó không phát triển Trí năng qua sự suy nghĩ về những đề tài và những Lý vô hình.

Tiến trình tiến hóa của Trí khôn theo chiều thuận, từ ngoài vào trong. Từ những hiện tượng bên ngoài qua sự trung thu của giác quan được đưa vào trong qua sự cảm nhận, ý thức, Biết và Hiểu. Từ cảm giác, tình cảm sinh hóa ra tư tưởng, hay là từ Nhục thân, Tâm làm tăng Trí năng.

Ngược lại, nếu Trí phục vụ cho Tâm và Thân, hay là tư tưởng tạo nên tình cảm và cảm giác cho sự hưởng thụ, đó là sinh hoạt của đời sống vật chất.

Đó là sự diễn tiến theo chiều nghịch của năng lượng tiên thiên, bị tiêu hao cho năng lượng hậu thiên trong sinh hoạt của đời sống vật chất, tức là tâm linh và tinh thần phục vụ cho sự đòi hỏi của đời sống vật chất.

Sự hỗn hợp sinh động của tâm lý và sinh lý luôn xảy ra trong tính cách tương xứng, tương quan.

Như trong phạm tâm, tình cảm của bản ngã dao động là phạm tâm.

Tình cảm nổi lên, cảm giác tương cảm cũng sinh động theo. Vì vậy, Nhục thân có sự khoái cảm, khoái dục, có đau khổ.

Ngược lại, nếu cảm giác gây ra sự khoái cảm, khoái dục, đau khổ, thì tình cảm cũng tương ứng, tương cảm sinh động, tức là có liên quan đến sự dao động của toàn thể Nhục thân.

Sự tương ứng, tương cảm của tình cảm và cảm giác hay của cảm giác và tình cảm, là một động lực của tâm sinh lý. Nhưng nó không phải là nguyên lực. Chúng bị xúc tác bởi một thể cực nhẹ và mạnh hơn chúng, đó là sự Sáng (thể Sáng).

Thể Sáng xúc tác vào cảm giác và tình cảm tạo nên sự kết hợp sinh động mang tính tâm sinh lý, và tính tương ứng, tương cảm... làm rung động Nhục thân và Tâm con người.

Sự rung động này, do loại cảm giác sinh ra dục cảm, nặng nề nhất là nhục dục và sau đó là vị dục.

Những cảm giác do sự tiếp xúc của Nhục thân với những hiện tượng trong thế giới tự nhiên không sinh ra “Dục” như những đổi thay của thời tiết, ngày đêm...

Loại cảm giác này không tạo nên ký ức lâu dài, chúng chỉ liên quan đến Trí

(1) Trí khôn con người là sự Sáng (thể Sáng). Khi Trí năng tăng triển, sự Sáng trong Trí con người đồng bản chất, bản tính và tính năng của sự Sáng của vũ trụ được tăng lên. Nó góp phần vào tiềm năng của vũ trụ.

quan sát, chúng kích thích Trí khôn, và nhờ đó, Trí thông minh phát triển.

Ngược lại, loại cảm giác nào nảy sinh ra tình cảm, tư tưởng, và tạo nên ký ức về cảm giác đó, tức là cảm giác nảy sinh ra, có sự can dự của Tâm, Trí, sinh ra sự ưa thích về cảm giác đó.

Nó mang tính cách ký ức của một bản ngã. Và vì chúng thuộc về bản ngã, ký ức này được nhắc nhớ lại do sự khởi dậy của động lực tâm sinh lý tiềm ẩn sinh động, khi con người còn bám vào bản ngã của mình.

Bồ phận: liên quan đến đời sống vật chất là sự sinh hoạt toàn diện của ba nhân tố là Thân, Tâm, Trí. Nhưng Tâm, Trí lại phục vụ cho Thân, tức là, Nhục thân là nơi mà hầu hết những sinh hoạt hằng ngày phải xảy ra với 5 giác quan.

Sự trung thu những hiện tượng hữu hình của thế giới bên ngoài không trực tiếp được đưa vào Trí suy nghĩ, để biến chúng thành kiến thức, để tạo nên sự thông minh. Đối với đời sống vật chất, các giác quan đều là phương tiện để sinh hóa ra “Dục”, chính yếu là vị dục và nhục dục. Hai loại này sinh ra sự khoái cảm, sự ưa thích của miệng, lưỡi và da.

Ba giác quan trên là mắt, tai, mũi là phương tiện, có chức năng tiến hóa đời sống tinh thần, tâm linh. Nhưng chúng cũng phục vụ cho đời sống vật chất, khi bản ngã con người biến chúng thành Dục (sắc dục, thanh dục, hương dục, vị dục và nhục dục), hay là thành nơi phát sinh ra Dục.

Nhục thân có 7 khiêu (1), trừ rún và hậu môn ra, 5 khiêu còn lại, là những nơi phát sinh ra Dục, trong đó có 2 khiêu tạo nên sự mất quân bình, sự xáo trộn của các tạng và phủ của Nhục thân. Đó là miệng, và khiêu của bộ phận sinh dục.

Vị dục từ lưỡi, phát sinh từ tư tưởng; miệng đưa thức ăn, uống vào cơ thể, tạo nên thặng dư quá nhu cầu bình thường của cơ thể, không cân xứng với cấu trúc của xương.

Nhục dục cũng vậy, nếu vượt quá nhu cầu của tuổi tác, của nội lực của mỗi cá nhân, nó trở thành dâm dục. Nội lực dưới mức bình thường, Nhục thân mệt, mệt, yếu, dễ sinh bệnh và mau già.

Không gian: đời sống vật chất được giới hạn trong không gian, trong đó sinh động hai thể linh thiêng bao quanh địa cầu. Tức là, đời sống vật chất sinh hóa từ Nhục thân liên hệ với ngoại cảnh, với sự tự nhiên của thế giới hữu hình (thế giới của giác quan) trong sự sinh động của Khí, Thủy (2), trong một không gian cực nhỏ so với vũ trụ bao la.

Sự mệnh mang của vũ trụ và sự sống con người bao gồm và sinh động bằng nhiều yếu tố siêu hình và vô hình. Điều này bộc lộ ra tính đơn sơ trong

(1) Người nam có 7 khiêu, người nữ có 9 khiêu, và cũng là một sinh tạo có cấu trúc phức tạp – một tác tạo hoàn chỉnh nhất, nhưng kém linh thiêng và mẫu nhiệm hơn người nam.

(2) Khí bao gồm nhiều loại, và nhiều loại chất lỏng gọi chung là Thủy. Nhưng chủ yếu Khí Thủy có 3 tính: Thanh, Trược, Độc.

không gian nhỏ của đời sống vật chất, dù cho con người cố gắng bồi dưỡng Nhục thân với những tinh hoa của sinh vật, thực vật hay bằng những phương pháp tập luyện để tăng thêm sức sống cho Khí, Huyết.

Với đời sống này, yếu tố không gian và cả thời gian của địa cầu căn cứ trên Nhục thân, và Trí lúc nào cũng hiện hữu.

Mẫu người: Mỗi đời sống tạo nên một mẫu người, với tâm hồn và sinh hoạt khác nhau.

Hai yếu tố này sinh ra thân phận của mỗi người. Nói cách khác, con người tự tạo ra thân phận của chính mình.

Thân phận của con người sống bằng đời sống vật chất gắn liền với hai nguồn năng lực hậu thiên (Khí, Thủy) quanh địa cầu. Đời sống chi phối, và chịu ảnh hưởng của những biến động, thay đổi của hai nguồn năng lực này. Đó là sự may rủi, liên quan đến Nhục thân, ta thường gọi là Phước, Họa.

Không giống như đời sống tinh thần và tâm linh, hai đời sống này có khả năng làm giảm, hay hơn nữa, là hóa giải được mức độ của Họa, nhờ vào sự sinh động của năng lực tiên thiên (Điện, sự Sáng) qua tâm hồn (Tâm, Trí) và linh hồn. Hay là, nhờ vào sự sinh động của đức tính và đạo tính, người sống bằng hai đời sống này, gặp nhiều may mắn, thuận lợi, tức là Đạo, Đức sinh ra Phước, hóa giải được Họa.

Điều này cho ta thấy, con người với đời sống bằng năng lực tiên thiên (bằng tâm hồn, linh hồn) có khả năng chi phối, ảnh hưởng đến năng lực hậu thiên, và có thể thay đổi phong thủy trong môi trường nhân sinh, và trong cả môi trường thiên nhiên (1).

Chẳng linh cảm, tiên cảm, hay dù đã trải qua đời sống tinh thần, nhưng quay sang sống bằng dục cảm, nhục cảm, khoái cảm... mẫu người sống bằng đời sống vật chất, sinh hoạt thuộc loại phạm phu, thường chết một cách đột ngột.

Tính bất đắc kỳ tử này xảy ra không phải không có nguyên nhân. Nó được sinh hóa ra từ cái rủi, từ sự ô uế của dục cảm và nhục cảm, với sự vô luân sinh động bên trong.

Đó là một trong những nguyên nhân sinh ra Họa.

Nếu mẫu người này tăng lên, cái Họa cũng lớn theo. Dĩ nhiên, nó ảnh hưởng đến nhân sinh và môi trường.

(1) Ta đã từng nghe và đọc, có nhiều siêu nhân tạo nên phong, vũ (gió, mưa...). Những nhân vật này cũng dùng đến năng lực tiên thiên để làm đổi thay năng lực hậu thiên, trái với thời tiết.

Người ta coi đó là quyền năng, phi thường. Nếu việc làm đó gây hại cho nhân sinh, hành động này tạo nên tội, làm người thực hiện mất Đức. Bởi vì, không ai được quyền tự mình làm mất sự tự do của người khác.

b. Ảnh hưởng và hậu quả của đời sống vật chất

Tính tích cực hay tiêu cực của đời sống được biểu lộ qua sinh hoạt. Nhưng sinh hoạt và hành động của đời sống, được thể hiện dưới 3 dạng (hữu hình, siêu hình và vô hình).

Đối với đời sống vật chất, tính tích cực được nhận rõ trong những sinh hoạt, và hoạt động hữu hình, liên quan trực tiếp đến Nhục thân. Còn sinh hoạt và hoạt động siêu nhiên và siêu siêu nhiên (siêu hình và vô hình) của tâm hồn (Tâm, Trí) và linh hồn (siêu Tâm, siêu Trí) thì tiêu cực, không hòa nhịp vào sự tiến hóa đồng bộ của 2 vũ trụ.

Hay là, nó không tạo ra năng lượng tiên thiên trong con người (tiểu vũ trụ) dưới dạng đức tính và đạo tính (1).

Đức tính và đạo tính là năng lực vô hình. Bất cứ một loại lực nào mà không được luyện tập, vận dụng, thì sẽ không phát triển; chúng sẽ bị thoái hóa, tiêu hao.

Như vậy, tâm hồn và linh hồn trong đời sống vật chất càng trở nên tiêu cực hơn.

Những người chỉ lo cho sự khoái cảm, khoái dục của Nhục thân, đời sống tinh thần và tâm linh yếu kém, tức là có vẻ như mạnh bên ngoài, yếu bên trong:

Mạnh thể lực (2), yếu linh hồn.

Nặng thân thể, nhẹ ý chí.

Tâm hồn (Tâm, Trí), linh hồn (siêu Tâm, siêu Trí) là những bộ phận vô hình có chức năng sinh hóa, sáng tạo, khởi phát, nhưng cả hai đều là năng lực, là nội lực.

Tính tiêu cực biểu hiện, là nội lực yếu, hay là, Tâm và Trí đều yếu kém.

Hậu quả của sự yếu kém của Tâm, Trí (hay là của nội lực) đưa đến sự mơ hồ và hồ đồ của Trí khôn.

Trí hồ đồ: chức năng suy nghĩ kém.

Trí mơ hồ: sức nhớ giảm.

Suy nghĩ không còn nhanh, sức nhớ giảm mau quên: tuổi thọ chẳng còn kéo dài được bao nhiêu.

Đối với Tâm cũng vậy, nó ảnh hưởng đến sự Nghịch Lý và Thuận Lý trong một cảm giác:

Cảm giác vô luân sinh ra Họa.

Cảm giác Thuận Lý sinh ra Phước.

Cảm giác Vô luân sinh ra Họa.

(1) Đạo tính là tính của vũ trụ sinh động trong 2 vũ trụ tạo thêm năng lực cho vũ trụ, luôn cả Phước, Đức, Đạo, và duy trì mãi tinh kỳ diệu, linh thiêng và mầu nhiệm.

(2) Lực sẽ có sức mạnh của ý chí tinh thần, tạo nên thể lực.

Cảm giác Thuận Lý sinh ra Phước: vì cảm giác đó tốt, đúng, phải... do sự cảm nghiệm từ Lương Tâm loài người.

Ảnh hưởng và hậu quả của đời sống vật chất do sự hấp dẫn của ngoại cảnh, hay là, sinh hoạt do tâm trạng nổi lên, vì ngoại cảnh, thì tâm hồn của cá nhân còn lẫn lộn trong đời sống gian trần. Hay là, tâm hồn gian trần không thoát khỏi cõi gian trần.

Đời sống con người tuân thủ, và hoạt động theo một định luật là: ngoài mà sinh động, bên trong kém hoặc ngưng hoạt động, trái lại, bên ngoài ngưng động, bên trong sinh động hay hoạt động nhiều hơn.

Như, ngoại cảnh sinh động, sinh hoạt với tốc độ cao, Tâm, Trí bị lôi cuốn ra ngoài, đặc biệt ở những thành phố lớn ứng dụng kỹ thuật cao. Những loại kỹ thuật với tốc độ cao, làm tăng nhanh Trí năng, đồng thời nó sẽ đưa con người vào nền văn minh kỹ thuật.

(Văn minh kỹ thuật hấp dẫn tâm hồn. Sự kỳ diệu của nó làm mất sự linh thiêng và mẫu nhiệm con người – Âm thanh, ánh sáng, màu sắc nhân tạo, đưa Tâm, Trí ra ngoài.

Tâm, Trí bị lôi cuốn ra ngoài, con người lấy gì để làm chủ được bản thân?

Tâm, Trí bị ngoại cảnh cám dỗ, bản thể linh thiêng và mẫu nhiệm tiềm ẩn sinh động liên quan cảm ứng với “bản thể chung” trong vũ trụ bị gián đoạn. Lúc đó, con người tự khen ngợi, đề cao chính mình.

Hay là:

Nếu sống hoàn toàn bằng ngoại cảnh do sự kỳ diệu của nền văn minh kỹ thuật, con người tự bóp nghẹt sự sinh động của đời sống tâm linh.

Lòng Đại Bi xuất nguồn từ đời sống tâm linh. Nếu đời sống tâm linh không sinh động thì lòng Đại Bi cũng ngưng sinh động. Đại Ác thay thế, đại họa tất phải xảy ra từ Trời, từ Đất, và từ con người với tư tưởng sát nhân hàng loạt, hơn nữa, là tư tưởng diệt chủng).

Đời sống vật chất trong nền văn minh vật chất, văn minh kỹ thuật ở mức cao, tạo sự vui thích và sự bất an cho con người.

Xã hội trong nền văn minh này có một tổ chức với nhiều cơ cấu phức tạp, tinh vi. Nhưng con người có quá nhiều việc, nhu cầu. Chúng luôn nổi tiếp, đưa con người vào vòng lẩn quẩn, biến đổi như ảo vọng, tâm hồn luôn bất an.

Cảm nhận được điều này, nhiều người chỉ phiền trách, nhưng không can đảm để tự mình đổi thay, và sống giản dị hơn trong thực tại với tâm hồn bình an.

Đời sống vật chất, trong một xã hội như vậy, tạo cho con người quá nhiều ước vọng. Nhưng ước vọng trong tương lai là ảo vọng.

“Sở hữu” vật vô thường, hay ước vọng để có vật vô thường, cũng là ảo vọng vậy.

Nhu cầu và sự việc tiếp diễn mãi không ngừng, lôi cuốn theo cảm giác và

tình cảm, sự linh thiêng và mẫu nhiệm bị mất đi.

Bình thường, bốn thể linh thiêng trong vũ trụ lúc nào cũng sinh động. Nhưng khi cảm giác và tình cảm cá nhân nổi lên, thì Huyết và Khí trong cá nhân đó toát ra sự đặc thù của chúng – Hay là, sự đặc thù của chúng tách cá nhân đó ra khỏi sự linh thiêng và mẫu nhiệm của vũ trụ.

(Đặc thù ở Tâm, Trí của mỗi cá nhân, nhưng cái chung thì ở Tánh loài người).

ĐỜI SỐNG TINH THẦN

Sinh hoạt của con người không dừng lại ở đời sống vật chất. Cuộc sống con người được mở rộng thêm vào cõi siêu nhiên của Tâm, và siêu siêu nhiên của Trí.

Sinh hoạt phong phú này là sự chuyển hóa quan trọng. Nó biểu hiện rõ nhân bản, trên đó cá nhân có thể phát huy những tinh hoa của Tâm và Trí. Chúng vượt qua nhu cầu của thân thể liên quan đến ẩm thực, sinh sản..., để biểu lộ vẻ đẹp của tâm tình và cái hay của tư tưởng, tức là vẻ đẹp và cái hay của tâm hồn được biểu lộ một cách chủ động và tự do.

Sinh hoạt trong đời sống tinh thần có sức tiến hóa nhanh nhờ vào việc phân biệt được các giá trị.

Sinh hoạt trong các đời sống linh hoạt vô cùng, nhưng sinh hoạt ở đời sống nào, con người phân biệt được giá trị của sinh hoạt đó mới tiến hóa được.

- Như, phân biệt được hương, vị trong thức ăn ngon, môi trường sống yên bình hay động loạn v.v..., và tất cả những gì liên quan đến đời sống vật chất.

- Phân biệt được giá trị tinh thần: cảm nhận được tình cảm nhẹ nhàng, hay nặng nề...

- Phân biệt được giá trị của đức tính (Ác đức tính), đạo tính.

Thí dụ: vui, mừng là hai tình cảm mà mọi người muốn có, và sống bằng hai tình cảm đó. Nhưng có trường hợp hay nghịch cảnh làm cho ta phải phiền não, ưu sầu...

Nhận rõ được những sự trái ngược, phiền toái ấy, ta chủ động tránh đi.

Và con người khi đã sáng suốt, phân biệt được giá trị, thì lúc nào cũng chủ động được, sống và tiến hóa trong đời sống.

Sự sáng suốt của Trí là nền tảng của đời sống tinh thần, và là một trong những ngọn nguồn của hạnh phúc. Hay là, đời sống tinh thần tạo nên hạnh phúc cho con người.

Ngược lại, nếu thiếu sự minh mẫn, con người sẽ gặp mặt trái của hạnh phúc, đó là sự đau khổ.

Nhưng trong luật bù trừ, nếu biết mọi sinh hoạt, hoàn cảnh... đều là bài học thì con người, qua đó, vẫn có thể tiến hóa được.

Bởi vì, *“trong vui sướng, con người hưởng thụ, không học được bao nhiêu, nhưng trong đau khổ, học được nhiều hơn, vì muốn thoát khỏi hoàn cảnh đó”*.

Hai phương diện, cũng là hai trạng huống nổi bật của cuộc đời là hạnh phúc và đau khổ. Và đau khổ là động lực mạnh, giúp cho con người tiến hóa nhanh do ý chí, hoặc buông xuôi, do thất vọng, chán nản...

Hạnh phúc và đau khổ trong đời sống tinh thần liên quan đến hai trạng thái của Trí khôn, đó là sự thông minh và ngu muội.

Nhưng tại sao con người có lúc thật minh mẫn, có lúc lại ngu muội?

- Sự minh mẫn (sáng suốt) là một trạng thái của Trí thông minh ở vào mức độ cao của sự Hiểu, tức là khả năng Hiểu rất nhanh.

Trong thời gian này không có sự can dự của Trí quan sát hướng ra ngoài, Trí nhớ không hoạt động.

Hơn nữa, nếu Trí quan sát không hướng ra ngoài, Trí nhớ và Trí suy nghĩ không hoạt động, thì Trí thông minh rất minh mẫn.

Ngoài ba chức năng quan sát, nhớ và suy nghĩ không can dự vào Trí thông minh, còn có cả sự “hư không của Tâm” (hay là Tâm không có tâm trạng dao động) và thân thể khỏe mạnh. Lúc đó không có một cảm giác nào ảnh hưởng đến các chức năng của Trí, thì Trí ở mức minh mẫn cao.

Trái lại, nếu cảm giác sinh ra dục cảm, nhục cảm, tâm trạng, tư tưởng... làm cho sự thông minh không xuất hiện, không hoạt động được, thì Trí không minh mẫn, tức thì con người lọt vào trạng thái ngu muội.

Theo vật lý thì sự minh mẫn của Trí thông minh do sự Sáng của Trí không bị hao tán. Và sự hội tụ của sự Sáng (thể Sáng) về não càng nhiều, thì mức độ của sự minh mẫn càng tăng, tốc độ Hiểu càng nhanh.

Vì mức tiến hóa của đời sống tinh thần, làm sao con người duy trì được sự minh mẫn thường xuyên của Trí thông minh?

- Đời sống con người liên quan đến 3 cõi giới Thân, Tâm, Trí nhưng sinh hoạt hầu như thường xuyên trong cuộc sống, lại là cái Tâm.

Tâm trạng dao động, lôi cuốn Trí nhớ và Trí suy nghĩ vào mọi sự việc. Do đó, những sinh hoạt này làm cho Trí thông minh bị mờ đi, và không Hiểu được cái Lý trong sự việc.

Nếu Tâm không còn tâm trạng thì Trí thông minh lại trở nên minh mẫn. Và nếu “Tâm hư không” trong mọi thời, mọi lúc, trong mọi trạng huống, thì sự minh mẫn cũng theo đó được duy trì thường xuyên. Và sự Hiểu cũng có khả năng Hiểu thường xuyên, ngay cả trong khi ngủ có chiêm bao, có tiên kiến, thì sự minh mẫn vẫn được duy trì.

Sức tiến hóa của con người không dừng lại ở đời sống tinh thần, nó có thể tiến xa và sâu rộng hơn nữa. Nhưng có phải đây là điều kiện, là trạng thái khởi đầu, để cho Trí được chuyển sang siêu siêu Trí (Tuệ), và là bước đầu để sự Hiểu thành cái “Hiểu tức thì” mà không cần đến đối tượng?

- Điều này vượt quá đề tài của đời sống tinh thần, nhưng nó rất cần thiết cho sự tiến hóa tốt cùng của con người, của Trí khôn nhân loại.

Đúng vậy, khi sự Sáng của Trí thông minh sinh động và kéo dài mức sinh động của nó đến mức cực động (hóa tĩnh), thì sự Sáng bức xạ vào vũ trụ, và trở

thành sự Sáng của vũ trụ, thành sự sống, thành năng lực tự tạo..., thì sự Hiểu trở nên hằng sinh động và Hiểu mãi mãi không ngừng.

Khi đó sự Hiểu đạt được mức độ Toàn Tri. Đó là sự Hiểu ngay tận Nguyên Lý của vũ trụ (có trong thể Sáng của vũ trụ), và không cần đến đối tượng để suy nghĩ, để hiểu.

Trạng thái này tạo cho con người sự Cực lạc, thì sự thông minh cũng mang đến cho con người hạnh phúc vậy.

Khi mức độ thông minh của một đời người kéo dài nhiều hơn sự ngu muội, thì hạnh phúc mà con người được hưởng cũng nhiều hơn sự đau khổ, mà người ấy phải chịu đựng.

Như vậy, dù con người có tiến hóa và sống bằng đời sống tinh thần, sự thông minh cũng không thể bao trùm tất cả mọi sinh hoạt.

Đối với một dân tộc hay nhân loại cũng vậy, sự thông minh của một thời đại không thể được coi như sự thông minh vĩnh cửu của nhân loại.

Đó chỉ là sự tiến bộ của Trí năng con người trong thời đó, không phải là sự tiến hóa của Trí sang Tuệ với sự thông minh tuyệt đối, và vĩnh cửu của Thiên Lý được chứa sẵn trong thể Sáng của vũ trụ.

a. Những yếu tố của đời sống tinh thần

Đời sống tinh thần lấy Tâm, Trí làm nền tảng. Theo luật tiến hóa (1), đời sống tinh thần phải được cải thiện bằng cách hướng Tâm, Trí vào con đường Tốt, Đúng, Phải... và phát triển khả năng và chức năng của chúng.

Chức năng của Tâm và Trí thì vô hình và siêu hình. Chúng phát triển được đời sống tinh thần liên quan đến phát triển nội lực (siêu nhiên, siêu siêu nhiên).

Tâm hồn (Tâm và Trí) là nền tảng của sinh hoạt của đời sống tinh thần.

Bản tính của sinh hoạt của đời sống tinh thần bao gồm hai yếu tố: Hay và Giỏi (2).

“Giỏi” ở Trí.

“Hay” ở Tâm. “Hay” do ở sự rung cảm của Tâm.

Nói cách khác, là sự rung cảm của Tâm tạo nên cái Hay.

“Giỏi” do sự suy nghĩ của Trí khôn. “Giỏi” do công phu, sinh ra khả năng, rồi trở nên thuần thực. Thuần thực trong khả năng chuyển sang tài năng.

(1) Luật tiến hóa là định luật của vũ trụ, nó nằm trong sự sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ.

Người thường nhận thức được định luật tiến hóa trong cõi giới và thể giới tự nhiên. Nhưng sự tiến hóa này còn có tác dụng và ảnh hưởng trong thể giới và cõi giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

(2) Ngoài hai yếu tố liên quan trực tiếp đến đời sống tinh thần, với những đời sống vật chất và tâm linh thì trong con người còn tiềm tàng nhiều nhân tố tiến hóa.

Còn “Hay” do bẩm sinh, do sự tự nhiên mà có được (như chim hót hay, không do công phu luyện tập. Ta không thể nói chim hót giỏi).

Vậy ta nhận thấy được gì?

- “Hay” là sự sinh động bên trong của “Giỏi”, cũng có thể nói “Hay” là linh hồn của cái “Giỏi” vậy.

Tóm lại:

Nếu trong một sinh hoạt, thiếu “Hay và Giỏi”, thì sinh hoạt đó chưa phải là sinh hoạt của đời sống tinh thần.

(Nghệ thuật toàn hảo: nghệ gia toàn tài. Hầu hết các ngành nghệ thuật trình diễn gồm có 2 phần: phần kỹ thuật và nghệ thuật.

1. Kỹ thuật tinh vi: do Trí và công phu.

2. Nghệ thuật cao: do sự rung cảm của tâm hồn.

Hiệu quả:

Kỹ thuật tinh vi: được coi là giỏi.

Nghệ thuật cao: làm rung động tâm hồn của khán giả, thính giả, gọi là Hay.

Người vừa Hay vừa Giỏi mới được gọi là người toàn tài của ngành nghệ thuật đó.

Cao hơn nữa là nghệ sĩ chơn chính. Người này có thể dễ tu và đắc đạo được.

Bản chất, bản tính của một nghệ sĩ chơn chính phải như thế nào?

- Bên trong: Tâm rung cảm.

- Bên ngoài: Trí cực minh mẫn, kỹ thuật mới được tinh tế.

Cho nên nghệ sĩ chơn chính có lòng nhân hậu, Trí luôn minh mẫn, đời sống tinh thần cao.

Thông minh, nên có linh cảm, vì vậy mà có đời sống tâm linh).

Sự sinh động của tâm hồn trong đời sống tinh thần phát triển mức độ trí thức, và con người trở nên Trí thức.

Người Trí thức luôn có sự sáng suốt trong sinh hoạt.

- Ở Thân: động tác chính xác.

- Ở Tâm, Trí: ngôn ngữ rõ ràng, tư tưởng minh bạch, có Lý, không có sự dao động mạnh của tâm trạng, âm thanh của tiếng nói không ồn ào của những tâm trạng nặng nề.

Sự trẻ trung của tâm hồn: Những ngành thuộc về đời sống tinh thần như nghệ thuật, khoa học, âm nhạc, văn học v.v... luôn làm đời sống trẻ trung, vì Trí không có tuổi tác.

Trong đời sống thuần túy thuộc về tinh thần, việc làm cũng là sự tiêu khiển, là thú vui trong sự tiến hóa. Có thể nói “tiêu khiển trong sự tiến hóa là việc làm của các nhà trí thức sống bằng đời sống tinh thần”.

Nhờ vậy, đời sống tinh thần luôn tạo ra nhiều sáng tạo trong sự kiến tạo (sự tiến hóa của Trí) và tăng thêm nhiều đức tính (sự tiến hóa của chơn Tâm).

Trong sự trẻ trung của tâm hồn của những người sống bằng đời sống tinh thần thuần túy lại toát ra sự trưởng thành. Nó không căn cứ trên tuổi trưởng thành, mà là sự trưởng thành của Trí khôn.

Ngày nay, người ta cho tuổi 18 là tuổi trưởng thành. Nhưng trưởng thành là do thân thể phát triển đầy đủ, đầu hẳn là đã “thành nhân”, cũng chẳng phải là Tâm, Trí (tâm hồn) đã trưởng thành. Vì vậy, mà lứa tuổi phạm pháp sai lầm... phần lớn nằm trong tuổi trên dưới hai mươi.

Một tâm hồn đã trưởng thành thì tâm hồn phải rõ được cái Lý (sự Thuận Lý). Nhờ đó, con người có thể giải quyết được những vấn đề gút mắc (1) trong mọi hoàn cảnh và trạng huống.

“Thuận Lý” tiến hóa cả loài người, đồng thời nó cũng chi phối tất cả mọi cá nhân. Vì vậy, người dùng sự Thuận Lý một cách hữu hiệu, là khi người đó có tâm hồn của nhân loại trong con người của mình, tức là có sự hiện hữu của chơn Ngã trong sự tan biến của bản ngã.

Tóm lại:

“Khi một người mà biết dùng Lý thì người đó đã trưởng thành, chẳng cần đến sự qui định của tuổi”.

“Càng dùng nhiều đến cái Lý, con người càng tiến hóa, nhờ tâm hồn minh triết. Đó cũng là sự trưởng thành của tâm hồn minh triết, thông Lý, thấu suốt mọi lẽ”.

Đối với những vấn đề liên quan đến nhiều người, ngoài việc dùng Lý, thì khi nào Trí cực minh mẫn, mới quyết định những việc quan trọng.

Muốn được như vậy, con người đừng để mình lọt vào trạng thái ngu muội.

Ngược lại, người không thận trọng, giải quyết mọi chuyện theo ý muốn, theo sự phản ứng tâm lý, mà không theo Lý, Trí, cho nên phạm phải sai lầm.

Hậu quả của việc làm Thuận Lý:

Phải chăng chỉ ở hiện tại, Trí khôn con người mới rõ được việc làm, và những sự kiện của quá khứ. Nói cách khác, chỉ ở hiện tại, con người mới phân biệt được sự Tốt, Xấu; Đúng, Sai; Phải, Trái... của quá khứ để rồi đánh giá những việc làm đó bằng cách phê bình, xét đoán.

Nếu sự việc xảy ra rồi mới phê bình thì con người không có sự minh mẫn, sáng suốt ở hiện tại hay sao?

- Nếu con người luôn minh mẫn, sáng suốt... thì tư tưởng, lời nói, việc làm đều Thuận Lý. Và hậu quả của chúng luôn Đúng, Tốt, Phải.

(1) Sự thành thạo, từng trải trong một nghề nghiệp, trong một chức vụ... giải quyết những vấn đề có tính cách chuyên môn chưa phải là sự trưởng thành của một tâm hồn của loài người trong một con người. Hay là, sự giải quyết phiến diện không thể bao trùm sự toàn diện của sự Thuận Lý.

Do đó, người ở những thế hệ sau, không có gì để phàn nàn về sự u minh, ngu muội của quá khứ, mà hậu quả của nó là sự chậm tiến và sự khốn khổ, mà con người ngày nay đang phải chịu đựng.

Như vậy, nếu con người luôn minh mẫn thì việc làm của quá khứ không bị con người ở hiện tại xét đoán, phê bình. Và tương lai cũng như hiện tại, chỉ còn lại những gì Tốt, Đúng, Phải của việc làm mà thôi.

Ngoài những hậu quả của việc làm Thuận Lý, sự từng trải của người sống đời sống tinh thần thuần túy còn cảm nghiệm được nhiều điều trong cái Lý, như sự vô tư, sự trang nghiêm, tình thương, sự cao thượng và nhiều đức tính khác.

- Có sự vô tư, sự trang nghiêm trong cái Lý. Do đó, mà người ta đồng ý về cái Lý được nói ra.

- Có tình thương. Nhờ đó, người nghe cái Lý, có sự quý mến, vì trong đó toát ra sự cao thượng.

- Vô tư, Vô ngã nên không có sự mâu thuẫn trong cái Lý.

Tất cả những yếu tố và những đức tính đó tạo nên sự An và Vui trong sinh hoạt của đời sống tinh thần.

Sự An và Vui chứa đựng tình Thiện (sự Lành) được thể hiện bên ngoài bằng sinh hoạt lạc quan. Hay là “sinh hoạt lạc quan có tính Thiện sinh động bên trong”.

Mọi sinh động bên trong, nhãn quan con người không thể nhận ra.

Như trong sự cao thượng có vẻ đẹp vô hình, vô bóng.

Trong đức tính có cái Tốt, cái Đẹp vô hình. Khi chúng sinh động, tâm hồn mới cảm nghiệm được.

Nhưng sự sinh động bên trong đó toát ra từ sự hư không của Tâm.

(Âm thanh ngón đàn siêu thoát từ sự hư không của Tâm. Hay là, chẳng còn hình ảnh tâm tư của bàn ngã sinh động, thì âm thanh siêu thoát, nhẹ nhàng, có thể linh động hết mức).

Đến đây, con người khám phá ra nhiều vẻ đẹp.

Vẻ đẹp bên ngoài mới chỉ là sự kỳ diệu từ sự chiêm ngưỡng của giác quan.

Vẻ đẹp của tình cảm, đức tính chỉ có tâm hồn mới cảm nhận được. Nó làm cho đời sống tinh thần trở nên phong phú.

Còn vẻ đẹp huyền bí của đời sống tâm linh do sự cảm nhận của linh hồn làm cho linh hồn tiến hóa.

Tình chất bồi dưỡng của kiến thức trong đời sống tinh thần.

- Thực phẩm, chất uống tạo ra sức nuôi dưỡng thân thể, sau đó dần dần sức hao tán. Nhưng kiến thức có tính chất bồi dưỡng và tự tăng trưởng sự bồi dưỡng. Đó là thức ăn của tinh thần và tâm linh.

Chúng làm cho đời sống tinh thần và tâm linh được “Vui và Hay”.

“Vui và Hay” là động lực làm cho kiến thức tự tạo thêm kiến thức, cũng vì con người muốn tạo thêm cái Vui, cái Hay cho mình mà không tốn kém và vô hại.

Kiến thức trong đời sống tinh thần của con người được coi như gì?

- Nó được coi như thành quả của Trí khôn con người.

Ngoài đời sống tinh thần, kiến thức loài người được lưu truyền đến nay là thành quả của Trí khôn.

Nếu ta nói lên kiến thức, đó là chứng thực trí khôn của tiền nhân. Nó không thuộc về trí khôn của riêng mình. Có nghĩa là ta chỉ thụ hưởng những di sản đó mà chưa tạo ra những kiến thức khác. Vậy mà, có nhiều người tự cho những kiến thức đó là của chính mình, bởi vì từ miệng mình nói ra những điều đó.

Hàng vạn năm để có được một vốn kiến thức như vậy là thật quá ít so với những gì có trong vũ trụ.

Kiến thức tuyệt đối và vô tận xuất nguồn từ Nguyên Lý của vũ trụ. Những gì xuất nguồn từ Nguyên Lý vũ trụ vượt quá giới hạn của địa cầu, trong khi tầm nhãn quan con người lại quá ngắn, hẹp so với không gian vô tận của vũ trụ.

Nhờ nơi Nguyên Lý của vũ trụ mà kiến thức của đạo nhân không bị ràng buộc bởi hai yếu tố không gian và thời gian trong tầm châu biến của giác quan con người.

Kiến thức này do sự “hiểu tức thì Nguyên Lý” được nói ra từ Trí thông minh, Trí khôn... mà không cần được lưu giữ ở Trí nhớ, bộ phận nhớ, như người thường, để rồi sau đó được trình bày bằng Trí thông minh, có lúc nhớ, lúc quên, hoặc nhớ lại không hết.

Sự Sáng của Trí thông minh có tốc độ vượt qua các tốc độ của Trí suy nghĩ, Trí nhớ, Trí quan sát. Do đó, Trí thông minh kiểm soát và điều khiển được 3 chức năng kia của Trí.

Một dấu hiệu của sự đặc đạo của đạo nhân là “sự sáng suốt mãi mãi ổn định” của Trí thông minh, được hiện ra trong ánh mắt, tiềm ẩn sinh động sự Sáng của Tuệ.

Khác với người thường, đạo nhân luôn dùng Trí thông minh để nói lên những kiến thức xuất nguồn từ Nguyên Lý của Vũ trụ. Do đó, có sự phong phú, mới lạ trong những kiến thức vô tận được chứa sẵn trong kho tàng vũ trụ.

Nó quá mênh mông so với kiến thức của loài người được chứa đựng trong bộ nhớ của con người.

Tinh hoa nhân bản

Tinh hoa của nhân bản là nhân văn trong đó, sự sinh động của “nhân tính” đẩy lùi “thú tính” trong mọi sinh hoạt.

Nhân tính được thăng hoa bằng những vẻ đẹp, cái hay của tình cảm, đức tính và tư tưởng của con người. Chúng tạo nên nền tảng của Luân lý, Triết lý, Đạo lý, và từ đó tỏa ra sự phong phú trong phong tục, tập quán.

Nhưng tinh hoa cao cả nhất trong mọi tinh hoa của nhân bản là Tình yêu (Tình thương).

Nó nảy sinh từ sự rung cảm của tâm hồn và cũng là nhân tố chính của nhân tính, sinh hóa ra tính Thiện, Ác. Chúng sinh sinh hóa hóa vô tận.

Tại sao sự Thiện, Ác nảy sinh từ Tình yêu?

- Do đối tượng mà Tình yêu muốn đổ vào, nên sinh ra tính Thiện, Ác.

- Vì bản thân, bản ngã mà hướng hoàn toàn Tình thương vào đó, nên từ đó phát sinh ra sự Độc, sự Ác, sự Dữ.

(Hướng về mình, thì “cái Tôi” lớn dần. Cái Tôi được “quan trọng hóa”. Vì vậy, trong sinh hoạt, trong đối thoại, cái Tôi luôn được nhắc đến.

Cái Tôi là sự ngăn ngại, cản trở đề con người vào con đường “Đạo”, vào sự tiến hóa chung của những sinh linh có sự sống).

- Tình thương mà hướng về tha nhân, nó sinh ra sự Thiện.

- Còn tình thương mà hướng về sự sống của mọi tạo vật, nó sinh ra sự thánh thiện, Đạo Bi.

Trong đời sống tinh thần, hai ngành liên quan nhiều đến tinh hoa của nhân bản là Nghệ thuật và Triết lý. Đó là sự rung cảm của Tâm và sự sinh động của Trí khôn.

Những gì do con người tạo nên, mà ta chiêm ngưỡng, thưởng thức, khiến ta phải suy nghĩ, qua các giác quan, đều mang tính nghệ thuật. Những cái hay, vẻ đẹp của nó vượt qua sự bình thường của người đời.

Nhưng có những thứ vô hình như tư tưởng trong lời nói khiến cho Trí khôn con người phải suy nghĩ, thần phục, vì nó phi thường, lạ lùng, đem lại sự đổi mới trong cách sống, do đó, nó vừa mang tính chất nghệ thuật, vừa có tính Triết lý.

“Khía cạnh nghệ thuật” được cảm nhận trong tâm hồn qua giác quan thì sự thưởng thức chiêm ngưỡng, đánh giá gần như giống nhau ở mọi người.

Đối với tư tưởng, sự cảm nhận, suy nghĩ, đánh giá trực tiếp từ Trí khôn tạo nên đức tính.

(Rõ được đức tính trong nghệ thuật, nghệ sĩ cũng khám phá ra Triết lý, tức là, từ Nghệ thuật tìm ra Triết lý).

Tinh hoa của nhân bản không phải là sự bất động. Nó là sự sinh động vô hình, con người khó nhận ra, khó kiểm soát, vì vậy sự thăng hoa của tâm hồn không thông đạt theo ý muốn, theo tiến độ của sự chủ động.

Như con người, ai cũng tư duy, suy nghĩ nhưng hầu hết chẳng nghĩ đến tư tưởng có lực hay không?

- Thật ra, tư tưởng là một lực được khởi phát từ sự Sáng (thể Sáng), năng lực của Trí. Trong đó, hai tính đối nghịch nhau là Thiện và Ác cũng là một lực. Nó cũng là mầm mống của một lực.

Như vậy, tội ác, tội lỗi cũng là một lực, âm ỉ sinh động trong tâm hồn con người. Nếu nó được khơi dậy mãi, sức sống của nó vẫn tồn tại.

Thiện Tánh cũng vậy, nếu lực của nó được sinh động nhiều và mãi mãi, thì lực của Thiện Tánh sẽ không cho sức sống của tội lỗi, tội ác... dâng lên. Và dần dần chúng bị tan biến (1).

Như vậy, sự thật hiển nhiên là nếu Tình thương trong tâm hồn, linh hồn con người mà sinh động, thì làm gì sự Độc, sự Ác làm tan biến hay làm giảm đi những tinh hoa của nhân bản.

b. Hiệu quả và hậu quả của đời sống tinh thần

Tinh thần là gì, và sức mạnh của tinh thần ở đâu?

- Tinh thần là một từ kép, không định rõ được nhân tố hay yếu tố nào tạo nên nó. Do đó nó rất trừu tượng và gần như mơ hồ, khó hiểu. Nó cũng không hẳn là Tinh lực hay Thần lực phối hợp lại.

Nhưng nhờ sinh hoạt rất linh hoạt và vô hình, không có Nhục thân can dự trực tiếp, vì vậy con người nhận ra “tinh thần là một thực thể, sinh ra từ một thực thể”.

“Thực thể này là Trí”. Và “thực lực của Trí là sự Sáng”.

Hay là “sức mạnh của tinh thần là sự Sáng”. “Sức mạnh của tinh thần do sự tăng trưởng của sự Sáng”.

Sự Sáng (thể Sáng) tăng trưởng nhờ sự sinh động của sự Sáng trong sự vận dụng những chức năng của Trí (quan sát, nhớ, suy nghĩ).

Thời gian vận dụng những chức năng của Trí càng dài lâu thì khả năng của chức năng cũng theo đó tăng lên.

Sức mạnh của tinh thần có lúc tăng, lúc giảm. Tức là, sự Sáng có tăng, giảm.

Sự Sáng tăng (sức mạnh tinh thần tăng), khi sự Sáng thuần túy sinh động.

Tinh thuần túy, tinh khiết của sự Sáng tăng do nó không phân tán ra tâm trạng, tình cảm, cảm giác.

Hay là, sự Sáng chỉ sinh động trong não bộ mà không phân tán ra vô não và các tế bào của Nhục thân, thì sự Sáng tăng trưởng, sức mạnh tinh thần lớn lên.

Làm sao nhận ra được sức mạnh tinh thần?

- Khó nhận ra sự sinh động vô hình bằng nhãn quan. Nhưng từ những hiện tượng hữu hình con người nhận ra, thì những gì có tính tương tự cũng dễ biết, dễ hiểu.

Như cá to, cá lớn không thể ở sông hẹp, vì không đủ thức ăn để nuôi lớn. Chỉ ở đại dương, chúng mới sống được. Chúng là tạo vật của đại dương.

Cũng vậy, ý chí, tư tưởng kiên cường là tạo vật của Trí, của sự Sáng.

Nếu sự Sáng không nhiều, không rộng lớn, không có sức mạnh tinh thần,

(1) “*Thủ tính*” bị thuần hóa do “*Nhân tính*”. Và “*Nhân tính*” được thánh hóa do “*Thiên tính*” có trong *Lương Tâm* con người. Thủ dữ được con người thuần hóa trong một thời gian ngắn, nhưng con người phải tự thánh hóa, thiện hóa lấy.

làm sao có được sự kiên cường của ý chí, sự bền bỉ của tư tưởng.

Làm sao cho sức mạnh tinh thần tăng?

- Chỉ là “Thân vô bệnh, Tâm trong, Trí sáng”. Trí càng sáng, sức mạnh tinh thần càng tăng.

Trong đời sống con người, nếu có một sự biến đổi, nó sinh hóa nhiều đổi thay khác, nhưng hầu hết Tâm, Trí con người luôn hướng ra những sinh hoạt bên ngoài. Vì vậy ít người cảm nghiệm được những sinh hóa của tinh hoa, của đời sống tinh thần.

Nó tạo ra những may mắn, thuận lợi cho đời sống hằng ngày với nhiều dạng:

- Sự may mắn đến để hóa giải Họa.
- Sự may mắn xảy ra để tạo Phước.
- Sự may mắn đến để trau dồi Đức.
- Sự may mắn đến để con người thành Đạo.

Hóa giải Họa:

Sự may mắn đến để giải Họa có tính cách tức thì. Nó không có những điều kiện thuận lợi để phát huy tiếp.

Sự may mắn xảy ra để tạo Phước:

Sự may mắn này khởi đầu cho một Vận tốt. Nó có điều kiện thuận lợi để phát triển tiếp theo, có nghĩa là có nhiều sự may mắn sẽ tiếp diễn để kéo dài cái Vận tốt trong nhiều năm liền.

- Dấu hiệu về Vận tốt: trong nhà, vật thực dư ra, của cải thu vào nhiều hơn chi phí, đặc biệt là bụng thường no, không thèm, không thấy đói...

Tại sao Vận tốt xảy ra?

- Để cho con người biết nhận ơn, và biết làm ơn cho người khác, để hưởng Phước và tạo Phước.

Phước cũng là cái được tác tạo như tạo vật, như một hạt giống. Nó phải tăng trưởng, tiến hóa, tiếp diễn sinh sản. Phước cũng phải tăng trưởng.

Dấu hiệu nào báo trước cho con người sắp được Phước và đang được Phước?

- Thượng tiêu đang nặng nề về khí, sau đó cảm thấy nhẹ nhàng, đó là dấu hiệu Phước sắp đến.

- Thượng tiêu nhẹ nhàng, mắt sáng, thì đang hưởng được Phước. Liên quan đến thể giới tự nhiên, Phước thuộc thanh khí, thoải khí; môi trường nào có nhiều thanh khí, thoải khí, nơi đó đang hưởng được Phước.

Sự may mắn tạo ra Phước

Sự may mắn này thuộc về Tâm, Trí. Hay là Tâm, Trí có cơ hội để tiến hóa lấy Tâm, Trí của bản thân. Nó là dấu hiệu thuận lợi của một Vận tốt để phát triển Đức qua chức nghiệp và nghề nghiệp liên quan đến đời sống tinh thần.

Đây là sự vận dụng của ngũ giác quan (đặc biệt là mắt và tai) và Tâm, Trí.

Vận tốt của Đức cao hơn Vận tốt của Phước (1). Nó sinh động ở đầu não. Tâm, Trí hân hoan, mắt sáng, trong đen long lanh, tiếng nói trong, không vương vào sự dao động của khí ở ngũ tạng.

Ở môi trường thiên nhiên, sinh thái, “Đức” liên quan đến Khí Dương và Điện. Dấu hiệu bên ngoài là ở những vùng đó nước trong, có thoát khí, vùng trời trong sáng. “Thủy” trong cây cỏ tốt, nên không có sâu, nhện...

Với con người cư ngụ, sinh sống trong vùng đó, tâm hồn họ nhẹ nhàng, không có sự tranh cãi.

Khi “Đức” đến, con người có thể duy trì và phát triển không?

- Con người được ơn đó cũng có quyền phát triển, nhưng phải thấu triệt Đức tụ ở đâu. Và khi biết Đức tụ nơi nào, sau đó phát triển để duy trì Đức.

Sự may mắn đến để con người thành Đạo (2)

Là đã giác ngộ được Nguyên Lý của vũ trụ. “Ngộ”, được coi như là dấu hiệu của sự may mắn trong Vận lành.

Muốn thành Đạo (đắc đạo) là duy trì luôn Vận lành.

Tất cả sự may mắn dưới nhiều dạng có trong đời sống tinh thần không tự có được để làm thay đổi sinh hoạt của đời sống. Tính linh hoạt vô hình của những bộ phận, cơ quan trong con người tạo ra những năng lực tiên thiên (Điện, sự Sáng). Hai loại năng lực này có khả năng hóa giải mầm mống của Họa, và cường độ của năng lượng trong những năng lực này tạo ra Phước, Đức, trong đời sống tinh thần – một đời sống chỉ sinh động bằng Phước và Đức.

Hay là, đời sống tinh thần luôn luôn được nhiều thuận lợi, may mắn, không có sự may rủi, bất thuận lợi do những biến đổi bất thường xảy ra trong môi trường sinh sống (gió, nắng, mưa, bão lũ v.v...) như những ngành, nghề thuộc về nông nghiệp, ngư nghiệp, du lịch, xây dựng v.v...

Rõ ràng hơn, là sự sáng tạo từ nhân tính đem tinh hoa cho đời sống tinh thần, tự trong nó đã có mầm mống của Phước và Đức. Cho nên, mức độ của thành quả trong sự sáng tạo, không thể không có được. Nó chỉ đạt được ít hoặc nhiều, và không xảy ra thiệt hại.

Thành quả này nhờ vào sự sáng tạo có mục đích như trong khoa học, nghệ thuật, kỹ thuật v.v...

- Khoa học tự nhiên: mục đích là khám phá ra nguyên lý của những hiện tượng tự nhiên trong thế giới và cõi giới tự nhiên để hiểu và ứng dụng.

(1) Con người có thể được nhiều ơn cùng một lúc, vừa được Đức vừa có Phước.

Đức: được tăng tiến trong chức nghiệp, sự nghiệp, chức vụ. Nhờ Đức mà Phước được phát sinh, tức là theo đó mà có sự nghiệp.

(2) Vấn đề này liên quan đến đời sống tâm linh, nhưng đời sống tinh thần là nền tảng để con người chuyển hóa lên đời sống tâm linh, hay là từ nhân sinh quan tiến lên vũ trụ quan.

Dùng: Trí và Lý qua ngũ giác quan.

- Khoa học siêu nhiên dùng siêu Trí, chơn lý và các trực giác quan của Khí thân hoặc Điện thân.

- Nghệ thuật dùng: Trí, Tâm, Lý và một hoặc nhiều giác quan.

Sức mạnh tinh thần

Siêng năng là một trong những sức mạnh của tinh thần.

Khi sức mạnh của tinh thần hoạt động, thân thể phục vụ cho sinh hoạt của tinh thần.

Tinh thần sinh hoạt thường xuyên, Nhục thân không có dục cảm phát sinh.

Siêng năng trong chức năng suy nghĩ để tìm cái Lý, thì Trí trở nên thông minh, con người tiến bộ.

Siêng năng là sức mạnh. Sức mạnh này sinh động, nó tự tạo ra sức mạnh cho chính nó.

Sức mạnh tinh thần, cũng như sức mạnh của Nhục thân, phải được luyện tập, nó mới tăng trưởng.

Siêng năng là một đức tính. Sinh hoạt bằng nhiều đức tính thì sức mạnh tinh thần đó mạnh mẽ lắm.

Siêng năng là sức mạnh của tinh thần nhưng nội lực của sức mạnh ấy là gì?

- Nội lực của siêng năng là ý chí. Nó là sức mạnh nội tại trong sự siêng năng, sinh động bằng hai thể mạnh và linh thiêng, là Điện và sự Sáng.

Hai thể này sinh động trong sự điều hòa, sức mạnh của nó tăng. Và thời gian sinh động được bền lâu.

Ý chí mạnh mẽ tiến hóa đời sống tinh thần và tâm linh, con người không bị vương mắt vào cảm sự khoái của Nhục thân, của nhục cảm (như sự đam mê về khẩu vị, ăn, uống, dâm dục v.v...).

Trái lại nếu thất chí, con người sinh bệnh, vì Điện và sự Sáng trong thân thể yếu đi, không đủ sức đề kháng và bệnh nặng phát sinh.

(Những bệnh nặng, dù là nan y... cũng có thể tự nhiên được khỏi, phần lớn do ở ý chí mạnh mẽ, do tính lạc quan trong cuộc sống.

Tính lạc quan là sự biểu hiện bên ngoài của một ý chí mạnh mẽ. Niềm vui trong lòng là một loại nội lực sinh động của Điện và sự Sáng, nó góp phần vào sự đề kháng của cơ thể và cường hóa tâm hồn.

Thành tâm cầu nguyện cũng là một ý chí mạnh mẽ phát triển nội lực siêu nhiên và siêu siêu nhiên).

Những điều xảy ra khi thành danh

Người sống hoàn toàn bằng đời sống vật chất không màng đến danh vọng. Và danh vọng đối với họ chỉ là ảo ảnh – một thứ không thực tế so với nhu cầu ẩm thực, tiện nghi....

Nhưng đối với người sống bằng tinh thần, danh vọng biểu hiện cho tài năng.

Nó đưa cá nhân mình trội vượt trên nhiều người, dần dần tách mình ra khỏi sự bình thường để tự cho mình là siêu việt, hay “thần thánh hóa” mình...

Người đời thích thần thánh hóa để tôn vinh mình lên, hay để cho người ta vinh danh và tôn thờ mình.

Sự thật, thần thánh hóa mình là do dục vọng, do tham vọng, trong khi thực tính của Thần, của Thánh lại không có.

“Tinh” động, “Khí” loạn, “Thần” sao hóa được.

Hay là, Tinh lực, Khí lực động loạn, làm sao Thần lực tự?

Như vậy, thực lực, thực tính của Thần có được sao?

Tâm, Trí động loạn vì cái tôi, vì bản ngã, làm sao nên Thánh được. Như vậy, tâm hồn động loạn vì cái Tôi, làm sao mà cảm ứng được với Thiên, Địa, Nhân. Làm sao mà sự linh thiêng và mẫu nhiệm của vũ trụ hòa nhập vào linh hồn để nên Thánh được.

Tóm lại, “Thần thánh hóa” mình do dục vọng và tham vọng là cái Vui do dục vọng, và tham vọng của chính mình tạo ra, khi dục vọng và tham vọng đó đang sinh động.

“Những gì con người đề cao, tôn vinh mình thì con người tự đánh giá lấy chính mình.

Và những gì con người làm, được Thiên Cơ đánh giá, thì giá trị đó mới đúng với sự thật, tức là giá trị thật đó do Thiên Cơ “đánh giá và hóa giá” nó ra Phước Đức... trái với hai giá trị này, đó là Họa, Ác đức, ác Đạo...

“Đánh giá và hóa giá” là chức năng của Thiên Cơ trong sự thưởng và phạt mà con người phần nào nhận rõ trong đời sống của Nhục thân trong đời sống xã hội.

Trái với tư tưởng “thần thánh hóa” mình, “những người làm cho Trí khôn, và Tâm người tiến hóa mà không làm rối loạn Thiên Cơ và ngược lại với Thiên Lý... đều thuộc về công đức”.

“Những ai góp phần vào công trình phổ biến kiến thức siêu nhiên và siêu siêu nhiên để “Thiện trí hóa và Trí thức hóa” con người, thì việc làm này cũng chính là công đức vậy”.

c. Sự chơn chính của đời sống tinh thần

Sự chơn chính của đời sống tinh thần là trạng thái thuần túy của Tâm, không có sự sinh động của tình cảm cá nhân.

Trạng thái này chứa đựng sự chơn thật phát sinh từ sự ngưng động hoàn toàn của phạm tâm không bị khuấy động do ngoại cảnh. Tâm không bị động loạn do ngoại cảnh, mặc dù các giác quan vẫn hoạt động, Trí thu nhận những hiện tượng, sự việc, nhưng chúng không tạo nên một sự dao động nào để gây ra tâm trạng, hay những định kiến do tâm trạng phát sinh. Ngay cả những gì do phạm tâm đã lưu lại, như tình cảm, hay ký ức của tình cảm.

Trạng thái chơn chính không loại bỏ sự cảm nhận qua sự trưng thu của giác quan. Sự cảm nhận này vừa chủ quan, đồng thời nó cũng mang tính khách quan. Nghĩa là có sự đồng bộ của tính chủ quan và khách quan của sự cảm nhận trong mọi hiện tượng và sự việc bên ngoài.

Tính khách quan do nơi sự việc được Trí giữ nguyên trạng, không có ý riêng, tình cảm cá nhân cũng không. Vì vậy, không có sự xét đoán, phán xét về tâm lý trong những gì thu nhận được. Chỉ còn lại sự thông minh thuần túy của Trí khám phá ra cái Lý trong những gì thu nhận được qua các giác quan.

Chủ quan và khách quan trên một sự việc, thì sự chơn thật của nó được biểu lộ ra. Đó là cái Lý nằm trong sự việc đó.

Tìm ra được cái Lý, Trí sẽ tìm ra cách giải quyết sự việc đó đúng theo sự Thuận Lý.

Tính đồng bộ của sự chủ quan và khách quan cũng làm cho Tâm và Trí trở nên “một”, tức là Tâm cũng là Trí, mà Trí cũng là Tâm. Đó là *sự chơn chính của một tâm hồn, sinh động hoàn toàn bằng chơn Tâm, chơn Trí, hay là tâm hồn của loài người sinh động trong chơn Ngã thì Tâm và Trí mới đồng nhất được.*

Sự đồng bộ trong tiểu vũ trụ của Tâm và Trí cũng là “sự đồng bộ của hai yếu tố liên quan trong thế giới tự nhiên là không gian và thời gian”.

Nhờ ở sự đồng bộ của Tâm và Trí trong sự chơn chính mà không gian và thời gian của thế giới tự nhiên không còn ảnh hưởng đến sinh hoạt của chơn Ngã. Hay là, chỉ có cái Lý sinh động trong hai yếu tố đó liên hệ mật thiết đến sự khám phá của Trí khôn của loài người mà thôi.

Một cõi giới mới được mở rộng ra trong sinh hoạt con người. Nó chứa tất cả những gì đồng nhất. Bên ngoài, không gian và thời gian tuy có, nhưng tâm hồn chơn chính chẳng cảm thấy. Vì vậy, *người sống bằng chơn Ngã đồng hóa mình với không gian và thời gian của thế giới hữu hình, cho nên Tâm được tự do, tự tại nguyên vẹn.*

Bên trong, sự sinh động của tâm hồn mang tính thực tại. Nó xóa đi những gì thuộc về quá khứ của tâm trạng, nhân tính và tình cảm chung của loài người biểu hiện. Do đó, không còn sự mâu thuẫn giữa các loại tình cảm khác nhau giữa người với người.

Người bình thường không thể cảm nghiệm được trạng thái này. Họ thấy không gian là một cõi, một thế giới mênh mông trong đó thời gian chuyển động. Nhưng Tâm phàm thu hẹp nó lại, hoặc có khi chẳng còn thấy rõ được thế giới bên ngoài, vì tình cảm và tư tưởng tạo cho mình một cõi giới riêng biệt, tách khỏi sự vĩ đại của thế giới bên ngoài.

Cõi giới mới này là một cõi giới có thật trong đó không gian và thời gian đồng nhất. Do đó nó thoát ra sự linh thiêng và mẫu nhiệm trong một cõi siêu nhiên sinh động bằng chơn Tâm, chơn Trí.

Tóm lại:

-*Thân*: hữu hình không thể trở nên siêu việt được.

-*Tâm, Trí*: vô hình, khi chúng không còn bị nhiễm bởi ngoại cảnh, chúng có thể trở nên siêu việt được.

Tính siêu nhiên trong đời sống tinh thần tỏa ra từ sinh hoạt bên ngoài có một sự khác thường luôn mang tính ổn định, mà ta nhận ra được ở chơn tài.

Trong chơn tài năng, đức tính sinh động trong nhân tính. Sự chơn thật luôn được biểu lộ ra ngoài với một thái độ duy nhất không thay đổi đối với mọi người, bình đẳng trong mọi tư tưởng, hành động, mà không cần đến sự gắng gượng.

Thái độ chơn chính đó toát ra từ sự thật, cho nên không có sự dối dối, dối nghịch giữa Tâm người và Tâm mình, giữa Trí người và Trí mình. Sự an nhiên, tự do, tự chủ trong chơn tài năng hiện ra trên diện mạo.

Những yếu tố này trong chơn tài làm chủ được mọi trạng huống, mọi hoàn cảnh và làm lắng dịu được tâm trạng động loạn của tha nhân với nét thanh cao trong sinh hoạt.

Nhân tính và nhân tình vẫn toát ra từ sự siêu nhiên trong đời sống bình thường. Lời nói ra từ lòng yêu thương, nhân hậu thì êm ái; vì giáo huấn, thì minh bạch, dễ hiểu; vì khiển trách, thì nghiêm trang; vì sự Nghịch Lý, bất công, thì cương quyết, mạnh mẽ.

Cao cả hơn, lời nói có hiệu quả thay đổi cả thân phận, định kiến của con người mà không cần đến sự thuyết phục, đó là danh ngôn vừa là chơn ngôn (lời nói xuất nguồn từ tính siêu nhiên trong chơn tâm).

Chơn ngôn là phương tiện Tâm truyền Tâm. Người được nghe dùng Tâm để nghe, tự cảm nghiệm, tự đổi thay lấy sự suy nghĩ của mình.

Đây là phương pháp giáo dục kỳ diệu. Nhờ ở những đức tính, sự cao thượng, sự siêu nhiên trong chơn ngôn trực tiếp soi sáng cho tâm hồn. Người nghe, chú ý nghe, tâm hồn được thư giãn, được chuyển biến vì ảnh hưởng của những đặc tính siêu nhiên. Và sự chuyển biến có tính tức thì.

2. Hiệu quả của tính siêu nhiên trong đời sống tinh thần

- Thường nhân sống bằng bản ngã, Trí khôn lệ thuộc vào tình cảm và tư tưởng cá nhân, đời sống nội tâm là nguồn gốc phát sinh phiền não. Nhưng với đời sống tinh thần, đời sống nội tâm sinh động từ sự chơn chính của chơn Tâm, chơn Trí tạo ra sự An, Vui trong tâm hồn với một nội cảnh phong phú, sung mãn, phóng khoáng, tự do, tự tại.

Đời sống nội tâm từ sự chơn chính là sự sinh động của đức tính, và tính thường xuyên của nó mới tạo nên hạnh phúc của nội tâm được.

Đức tính sinh động, lan tràn đến nhiều nơi trong con người, cả Thân, Tâm,

Trí, là 3 cõi giới đều cảm thấy nhẹ nhàng, thanh thoát. Đó là lòng được vui thích, tâm hồn, Trí khôn đều sung sướng.

Cuộc sống nội tâm của đời sống tinh thần thuần túy là một hạnh phúc thật, không một diễn biến phiền não. Nó tràn đầy những vẻ đẹp, điều hay, tốt lành; phóng khoáng cho ra những điều mình có, không lo lắng sự chia sẻ, vì chẳng vị kỷ, nên ích kỷ tiêu tan, không bị ngoại cảnh, sự việc bên ngoài ràng buộc.

Đời sống này không thuộc về nhân tài, mà nó thuộc về của chơn tài. Hay là đức tính tạo nên chơn tài năng. Ta cũng có thể nhận ra điều này ở con người có Đức, có Đức ắt có chơn tài. Nếu tài năng chưa được, hay chưa có cơ hội để biểu hiện ra, thì lòng nhân hậu, yêu thương tha nhân vẫn luôn sinh động, hiện hữu trong sinh hoạt của đời sống.

Vì sao đức tính có thể đổi thay đời sống từ một cõi giới này sang một cõi giới khác?

- Mọi sự đổi thay trong dạng hữu hình, siêu hình hay vô hình không thể tự nó đổi thay được. Cũng vậy, mọi sự biến thể, biến tướng, biến thái phải có một lực xúc tác nó mới chuyển đổi được.

Như vậy, sự đổi thay từ một cõi giới này sang một cõi giới khác do đức tính cũng không ra ngoài qui luật này.

Đức tính không phải là một từ trừu tượng, nó là một năng lực vô hình thuộc năng lượng tiên thiên (Điện và thể Sáng của vũ trụ)

Sự sinh động của nó khơi động các trực giác quan (thị, thính và khứu giác quan). Các trực giác quan này trở nên linh hoạt hơn, khi Tâm và Trí đều trong trạng thái chơn không.

Trong trạng thái chơn không này, khi đức tính hoạt động với cường độ cao thì sự sáng suốt của Trí và siêu Trí tăng lên.

Thể Sáng trong sự sáng suốt của Trí và siêu Trí là một huyền lực. Khi nào sự sáng suốt của hai loại Trí này tăng lên, thì huyền lực này cũng tăng lên.

Huyền lực không thuộc về Khí, Huyết tức là nó không phải là Tinh lực và Khí lực. Nó do Tâm và Trí tạo nên, mà bản chất của nó là Điện và sự Sáng. Hai thể này sinh động trên địa cầu và cả trong vũ trụ.

Sự sinh động của huyền lực trở nên rộng lớn, thì đức tính và ảnh hưởng của nó cũng lan tỏa vào cả hai thể linh thiêng của vũ trụ là Điện và sự Sáng có trong vũ trụ.

Như vậy, đời sống tinh thần không còn giới hạn ở thể giới và cõi giới tự nhiên, nó bao gồm cả 2 thể giới và cõi giới tự nhiên và siêu nhiên.

Sự đổi thay trong đời sống con người có tính cách mở rộng sự sinh hoạt, hoạt động của cả 3 cõi giới (Thân, Tâm, Trí), nhưng chơn Tâm, chơn Trí chủ động điều khiển cuộc sống, tức là những gì thuộc về siêu nhiên chủ động kiểm soát và điều khiển những gì thuộc về tự nhiên.

Tức là, tính linh thiêng trong đời sống tinh thần điều khiển những gì kỳ diệu trong Nhục thân để hưởng thụ và thăng hoa thêm sự kỳ diệu sẵn có trong đời sống con người.

Ứng dụng vào sự tiến hóa của cá nhân và xã hội, là dùng đức tính để thăng hoa cảm giác và tình cảm vào thuần phong mỹ tục, Luân lý và Thuận Lý. Hay là, dùng đức tính trong sinh hoạt để chế ngự hay xóa bỏ thú tính trong cảm giác, sự nặng nề, thô bạo trong tình cảm thiếu tính nhẹ nhàng của những người sống bằng đời sống vật chất.

Sự tiến hóa nhanh trong đời sống tinh thần.

Sự chọn chính trong đời sống tinh thần giúp cho con người tiến hóa nhanh nhờ vào ứng dụng đức tính trong mọi sinh hoạt, hành động.

Đức tính càng sinh động thì siêu Trí càng tiến bộ, tiến hóa. Nhưng tiến hóa là cứu cánh của một sinh linh, còn tiến bộ là nhu cầu của cá nhân trong đời sống xã hội.

Tiến hóa của siêu Trí nhờ vào chức năng mẫu nhiệm tương đồng với chức năng của vũ trụ là sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ.

Sinh hóa và chuyển hóa của đức tính và siêu Trí xảy ra như sau:

Đức tính khơi động các trực giác quan làm tăng sự sáng suốt của siêu Trí. Và ngược lại, siêu Trí sinh hóa ra đức tính.

Tương tự như Trí suy nghĩ của cá nhân tạo ra tư tưởng, đồng thời tư tưởng làm tăng thêm thể Sáng và sự sáng suốt cho Trí khôn.

Như vậy, con người càng suy nghĩ nhiều, càng thông minh; và luôn dùng nhiều đức tính, thì siêu Trí càng tiến hóa, tiến bộ.

(Sự đồng bộ sinh động trong chức năng sinh hóa và chuyển hóa có tính mẫu nhiệm và linh thiêng trong đó.

Những bộ phận, cơ quan vô hình và mẫu nhiệm sẵn có trong con người, muốn sáng tạo, con người không thể tạo ra những tạo vật được kết hợp bằng những chất liệu vô tri, vô giác, để có được tính linh thiêng và mẫu nhiệm trong đó.

Tạo vật nhân tạo chỉ chứng minh được sự kỳ diệu của Trí khôn con người trong những cấu trúc của chúng mà thôi, nhưng hoàn toàn không có sự linh thiêng và mẫu nhiệm).

Sự tiến hóa nhanh trong đời sống tinh thần do chức năng suy nghĩ của Trí suy nghĩ mang tính cách vật lý. Đó là sự tăng trưởng của sự Sáng (thể Sáng) từ sự hoạt động của chức năng suy nghĩ. Nhưng trong đó, nó không biểu hiện được sự công chính trong mức tiến hóa, khi Trí khôn con người còn dựa trên bản ngã.

Sự chọn chính trong sự tiến hóa của đời sống tinh thần phải toát ra từ sự sinh động của Lương Tâm của một chơn Ngã. Nó khơi động Trí suy nghĩ con người từ Thiên Lý tiềm ẩn sinh động, khi bản ngã con người không còn chủ động.

Lương Tâm là bộ phận, cơ quan vô hình, Thiên Lý trong Lương Tâm cũng vậy. Nó tác động khi Trí trong trạng thái hư không (chơn Trí), không vương vấn những hình ảnh của cảm giác, dục cảm, khoái cảm, tình cảm và tư tưởng cá nhân.

Những hình ảnh hữu hình và siêu hình đó che lấp Lương Tâm, làm ngăn ngại sự sinh động, sự cảm ứng của sự linh thiêng và mẫu nhiệm với vũ trụ.

Nếu Lương Tâm sinh động thì sự linh thiêng và mẫu nhiệm sinh động, tăng trưởng trong đời sống tinh thần.

(Lương Tâm bị Danh, Lợi, Tài, Sắc che lấp, nhưng nó không bị che lấp mãi. Có lúc con người thấy rõ lại tham vọng của mình. Lúc đó Lương Tâm hoạt động, thì phân động lực của tham vọng, của tội ác quật khởi, khiến cho Trí trở nên sáng suốt.

Cho nên, người biết ăn năn, hối hận làm cho Trí sáng suốt, còn sự thống hối giúp cho Tâm trở nên Thiện).

Mức tiến hóa của Trí từ hoạt động của Lương Tâm như thế nào?

- Lương Tâm chứa đựng Thiên Lý, nhưng tùy theo sự phát triển, tiến hóa của Trí, mà con người khám phá, phát hiện được Đạo lý, Chơn lý và Thuận Lý.

Trí rõ được Thuận Lý.

Siêu Trí hiểu được Chơn lý.

Tuệ rõ được Đạo lý.

(Loài thú cũng có Trí, nhưng là Trí nhớ. Chúng không có Trí suy luận, nên không hiểu được Lý. Chúng sống bằng cảm giác thuần túy không có sự can dự của Tâm và Trí.

Đối với con người, cảm giác là bức màn vô hình che lấp sự xuất hiện của Lương Tâm.

Người có Trí, không thông được Thuận Lý, không có Lương Tâm trong việc làm, thì việc làm của họ rất dữ, thâm độc và đại ác).

Sự chơn chính ảnh hưởng như thế nào đến cuộc sống?

- Lương Tâm chứa đựng Thiên Lý và sự chơn chính trong đó ảnh hưởng đến sự toàn diện của sinh hoạt con người.

Sự chơn chính xuất nguồn từ Lương Tâm lan tỏa ra cả ba cõi giới (Thân, Tâm, Trí) và ảnh hưởng đến chúng.

Sự chơn chính ở Nhục thân thì có sự chơn chính trong cảm giác. Cảm giác đó đúng với Luân lý, Thuận Lý.

Sự chơn chính ở Tâm, thì trong tình cảm có sự chơn chính, từ đó trở nên đức tính.

Sự chơn chính ở Trí, thì tư tưởng toát ra từ Lý, tồn tại mãi do giá trị tuyệt đối của nó.

Sự chơn chính trong tâm hồn (Tâm, Trí) là nền tảng của chơn tài năng. Nếu

được phát triển nhiều ngành nghệ thuật được phát sinh. Và những tác phẩm được tồn tại do giá trị chọn chính trong đó sẽ vượt thời gian.

Từ đời sống tinh thần, nếu sự chọn chính được sinh động liên lũy từ Lương Tâm, tất có đạo nhân xuất hiện.

(“Nhân đạo” phát sinh, hay là Đạo do con người biết và hiểu qua Lương Tâm con người, không phải từ Thiên Tuệ trực tiếp mạc khải).

ĐỜI SỐNG TÂM LINH - QUAN NIỆM ĐỊNH HƯỚNG

Từ trước đến nay, nhiều dân tộc và cá nhân dùng Trí thông minh được tạo nên từ sự trung thu của 5 giác quan để khám phá ra những kỳ bí, cấu trúc của vũ trụ đều không đạt được theo ý muốn.

Ngày nay, những nước tiên tiến dùng những phương tiện khoa học cao, có tầm hoạt động di chuyển xa và nhanh, những phương tiện quan sát rộng và cực xa... cũng không tạo cho con người một kiến thức tuyệt đối đầy đủ, để hiểu biết một cách toàn diện về vũ trụ, mà mục tiêu cuối cùng là khám phá ra sự sống nguyên thủy của mọi tạo vật đã có và hiện có (1).

Trí thức tăng rất nhiều từ những việc làm này, nhưng “Trí thức” về sự thật trong sự cấu tạo của vũ trụ không được bao nhiêu.

Cứ như vậy thì biết đến bao giờ con người mới biết rõ được hết vũ trụ?

Với Trí khôn, con người không nên giữ mãi một định kiến, hay cứ kiên trì làm một việc tốn kém, mà việc đó không mang lại một sự tiến hóa nhanh cho loài người. Vì vậy, con người phải lựa chọn một phương cách không tốn kém, nhưng thật hữu hiệu qua sự hiểu biết từ những thực nghiệm của chính mình.

Nhưng nếu tiếp tục như vậy, liệu xem con người phải mất bao nhiêu năm mới khám phá ra sự thật trong sự cấu tạo của vũ trụ?

Có một phương pháp hữu hiệu và không tốn kém, là khám phá ra sự thật, nguyên lý cấu tạo của vũ trụ trong con người bằng cách để cho sự Sáng của siêu siêu Trí (Tuệ) hòa nhập vào Nguyên Lý (Thiên Lý).

Cái Hiểu (chức năng Hiểu) trong sự Sáng của Tuệ cũng hòa nhập vào Thiên Lý để Hiểu được một cách toàn diện và tức thì, nên được gọi là Toàn Trí.

(Điều này cũng giống như đại dương, chất mặn trong nước tỏa ra khắp nơi, làm cho đại dương có chất mặn. Chất mặn là yếu tố chính của nước trong đại dương, thì sự Hiểu cũng là một yếu tố quan trọng của sự Sáng (thể Sáng) của mọi loại Trí. Và sự Hiểu của Trí được coi như chất mặn của đại dương có trong mỗi phân tử).

Phương cách này giúp cho con người khám phá ra Nguyên Lý của vũ trụ trong chính mình mà không cần đến đối tượng, hay những hiện tượng hữu hình do các giác quan đưa vào Trí suy nghĩ. Hơn nữa, nó không tốn kém hay gây phiền hà cho những người khác.

(1) Hiểu biết tăng rất nhiều ở sự khám phá ra nhiều hiện tượng mới – Trí năng tăng, nhưng để giác ngộ được Nguyên Lý, con người phải vận dụng đến siêu siêu Trí (Tuệ).

Nhưng phương cách này rất ít người chấp nhận. Quan niệm này bị đảo ngược do sức sáng tạo không ngừng và ngày càng nhiều, trong đó những suy nghĩ phi thường được hiện thực. Từ việc làm đó, nảy sinh ra sự tự tôn, tự đại. Sự tự cao đó ở mức độ nào?

- Khi con người sáng tạo được nhiều và hiệu quả các vật dụng, phương tiện có sức hấp dẫn tâm hồn con người, thì trong số những người sáng tạo đó, có thể quên mình là một thụ tạo và tự coi mình như đấng tạo hóa với quyền phán xét, xét đoán, quyết định luôn cả số phận của người khác.

Có điều chính yếu mà con người quên, đó là “vật thụ tạo sáng tạo”. Và sự sáng tạo luôn có giới hạn.

Vật được sáng tạo từ con người không thể tồn tại lâu, vì nó thiếu hoặc không có nguyên liệu đầy đủ của vũ trụ, hay nó không được tạo nên từ nguyên liệu vĩnh cửu tồn tại, là thể Sáng, Điện, (năng lực tiên thiên có trong vũ trụ) và Khí, Thủy (năng lực hậu thiên của địa cầu).

Như vậy, con người tác tạo những tạo vật không có sự sống, làm sao những tạo vật đó tồn tại lâu được.

Chúng phải bị hủy hoại trong một thời gian nào đó. Có một số tạo vật có sức sống nhân tạo, là những tạo vật liên quan đến điện nhân tạo. Chúng tồn tại khá lâu nhưng rồi cũng bị hư hoại.

Những gì sẽ phải xảy ra khi con người tự đại, tự tôn mình lên?

- Thời kỳ nào, con người có khả năng sáng tạo những tạo vật tinh vi, cấu trúc phức tạp, và có ý nghĩ tự đại, tự tôn vinh mình, thì đại họa sẽ phải xảy ra, và nó vượt qua mọi trù liệu, quan phòng của Trí khôn con người.

(Nơi nào có những tạo vật, những phương tiện với khoa học hiện đại, kỹ thuật cao... mà con người tự hào về “Trí khôn tề thiên” (bằng Trời), về tài năng siêu việt của mình, thì nơi đó sẽ phải xảy ra tai họa để con người được chứng kiến hậu quả của sự tôn vinh mình một cách quá đáng.

Điều này được chứng minh ở những kỳ quan còn sót lại trên địa cầu của nền văn minh cổ đại và tiên tiến, mà con người thời đó đã biết vận dụng siêu Trí, huyền lực trong kiến trúc).

Tất cả những suy nghĩ như vậy do sự u minh của Trí khôn. Sự u minh này xuất hiện khi Trí khôn con người chỉ nghĩ đến con người mà không cố tìm đến nguồn sống, nguồn sinh hóa của mình.

Hàng vạn năm, loài người tích lũy kiến thức, kiến văn... để tạo nên trí thức. Với sở đắc đó, có đủ để loài người tự cho mình là biết và hiểu được tất cả hay không; con người đã hiểu rõ được sự kỳ diệu của sự sống của chính mình chưa?

- Chưa rõ được kỳ diệu của chính mình đang có, làm sao thấy được sự mầu nhiệm đang sinh động trong vũ trụ, hướng gì đến khả năng cảm nhận được sự linh thiêng, mầu nhiệm trong Thiên Lý, Thiên Cơ, Thiên Năng của vũ trụ.

Trí thức bao gồm kiến thức, kiến văn. Như vậy con người học hỏi nơi con người chẳng được bao nhiêu, vì mức độ trí thức bị giới hạn do thời gian (vài ngàn năm), do không gian (do khả năng của các giác quan).

Cho đến nay, mức độ trí thức của con người là quá trình của sự tiến bộ trong sự tích lũy kiến thức một chiều từ bên ngoài đưa vào trong – từ những hiện tượng hữu hình bên ngoài khai trí con người.

Muốn tiến hóa đến mức tuyệt đối, con người phải Toàn Trí.

Đây là mức cuối của sự hiểu và biết toàn diện, trong đó con người có thể cảm nhận, cảm biết và hiểu được sự kỳ diệu, linh thiêng và mầu nhiệm của sự sáng tạo của Nguyên năng.

Đề tiến hóa đến Toàn Trí không qua sự tích lũy kiến thức của nhiều thế hệ loài người, con người chỉ có một bộ phận hay một chức năng vô hình là “sự Hiểu của Trí thông minh” cùng là cái Hiểu tiềm tàng sinh động trong sự Sáng.

(Các đại chương giáo qua “sự giác ngộ tức thì” mà Toàn Trí. Những vị này thấu triệt Nguyên Lý, Đạo Lý... bằng chức năng Hiểu của Trí thông minh mà không theo sự học hỏi nơi con người, có nghĩa là Hiểu trực tiếp từ Thiên Tuệ, hay từ Thiên Lý qua sự cảm nhận, hay sự cảm nghiệm của siêu Trí hoặc cao hơn hết là Tuệ).

Những đối tượng bên ngoài với sức hấp dẫn tâm hồn đi vào sự tiến hóa, dù cho sức tiến hóa không nhanh, quan niệm sống của đa số rất khó đổi, khi con người đã quen thuộc với sự sáng tạo của mình.

Họ luôn yêu thích tạo vật mặc dù chúng không có sự sống, không thể sinh hóa được.

Tạo vật của con người được cấu tạo bằng vật liệu chết (không có sự sống) nên chúng không thể sinh hóa được.

Như một tòa nhà cao tầng không thể sinh ra một nhà nhỏ hơn; một chiếc xe tải cũng không sinh ra được một chiếc xe con.

Nhưng con người, vật thụ tạo của Nguyên năng được hình thành bằng những nguyên liệu có sự sống của vũ trụ, vì vậy nó có thể sinh hóa và chuyển hóa.

Sự sống đó được tồn tại bằng sự di truyền của 4 thể linh thiêng trong con người.

Tạo vật của con người không thể sinh hóa được, còn con người có thể sinh hóa và chuyển hóa đề tiến hóa đến sự hằng sống.

Rõ ràng, cái tương đối, mãi cho đến muôn đời, dù cho nhiều đến vô kể, cũng không thể nào bằng với sự tuyệt đối được.

Hiểu được như vậy, sự tự hào, tự đại về sự sáng tạo của mình sẽ bớt đi. Và đó cũng là cơ hội và điều kiện thuận lợi để tâm hồn hướng vào những gì tuyệt đối với sức tiến hóa cực nhanh, mà con người đã biết, đã ngưỡng mộ, quý mến và thần phục.

“Quý mến” những đức tính của đời sống tâm linh. Đức hạnh này được nói lên

qua những phương tiện thông tin, được lưu giữ qua sách báo, hình ảnh.

“Thán phục” đức hạnh, nghĩa khí trong việc phục vụ con người được ca ngợi.

Quan niệm sống quen thuộc khó đổi thay, nhưng không phải không có sự đổi thay, và tâm hồn của loài người ngày nay được biểu hiện như thế nào?

- Ngày nay, Trí độ con người tăng lên rất nhiều có cả sự can dự của Lương Tâm, con người sống gần nhau hơn qua những đức tính được kết hợp trong những cứu trợ có tính cách quốc tế với tính Thiện, và một ít sự chí thiện (thánh thiện).

Về sự sáng tạo, một số ngành khoa học lóe lên sự vận dụng của siêu Trí.

Sự vận dụng của siêu Trí trong thời gian gần đây chứng minh phần nào thế kỷ 21, là thời gian khởi đầu đi vào sự hình thành một nền văn minh tâm linh.

Mục tiêu này có thể hiện thực, nếu con người quyết tâm quét sạch mọi ô nhiễm của đời sống tâm linh.

(Ô nhiễm của đời sống tâm linh là những gì gây ra nhục cảm, dục cảm, khoái cảm, và những gì sinh hóa ra chúng, như những kỹ nghệ, nghề nghiệp liên quan đến chúng).

Một nền văn minh lành mạnh và vĩnh cửu là nền văn minh đó phải được xuất nguồn từ đời sống tâm linh thuần túy, trong đó mọi sinh hoạt đều dùng đến linh hồn, không dùng đến tâm hồn như trong nền văn minh tinh thần và vật chất.

Đây là mức tiền hóa cuối cùng của xã hội với sự vận dụng Thiên tính và Nhân tính, loại bỏ hoàn toàn thú tính cùng với sự độc ác, hung dữ... trong sinh hoạt.

Sự tiền hóa chơn chính của con người không phải là sự tiến bộ vượt bậc của Trí khôn riêng rẽ, mà là sự tiến hóa dựa trên sự vận dụng đồng bộ của siêu Trí và Lương Tâm.

Đúng theo sự tiến hóa chơn chính, thế kỷ 21 là thế kỷ của sự phát triển Đức và Đạo... không còn là thế kỷ của Phước và Họa liên quan đến mỗi cá nhân, mà Họa phải xảy ra cho cả một vùng rộng lớn, hay nhiều vùng cùng lúc.

Con người ở thế kỷ này lấy Đức làm nền tảng, dùng siêu Trí để tiến hóa nhân loại. Chơn lý được đem ra giảng dạy để phát triển sự cao thượng, và tính chất siêu nhiên của đức tính, tức là đưa linh hồn vào sinh hoạt.

Thời đại này, chơn lý thay cho sự Thuận Lý, hay thấp hơn, là chơn lý và Thuận Lý xóa đi Nghịch Lý. Hiệu quả của sự thay thế này là con người ở thời đại này không còn khổ tâm, thống trí nữa.

Siêu Trí thay cho Trí, Lạc (1) thay cho sự khoái cảm. Hay là thời đại này là thời đại của đời sống tinh thần và tâm linh. Con người trở nên thanh cao, siêu thoát, sống nhẹ nhàng thoải mái hơn con người của thế kỷ 20.

Nhưng điều này còn tùy thuộc vào sự khôn ngoan, sáng suốt của con người.

(1) “Lạc” là niềm vui của tinh thần, của tâm hồn (của Tâm và Trí).

“Cực lạc” là cái Vui của đời sống tâm linh, của Tuệ và Tánh của vũ trụ trong con người.

Ở thời đại này, thiên tài xuất hiện nhiều, nhưng thiên tài có thể chiếm ưu thế trên sự lan rộng không ngừng của những tệ đoan xã hội hay không?

Nếu con người tiến hóa và sống bằng đời sống tâm linh, thì thời đại đó là thời đại của thiên tài. Hay là, khi thiên tài xuất hiện nhiều, đó là dấu hiệu của đời sống tâm linh.

Nếu sự sáng tạo xuất nguồn từ tài năng và Lương Tâm, đời sống con người trong xã hội thời đó hưởng được sự An và Vui.

Ngày nay, cái Hay, Tài, Giỏi... của con người đạt đến mức cao.

Sự thăng hoa này đòi hỏi nhiều công phu, quyết tâm, ý chí, thời gian... Nhưng có nhiều thành tích không thể duy trì được mãi.

Cái Hay, cái Đẹp của nền văn minh do 3 yếu tố chính là Thân, Tâm, Trí tạo nên. Nhưng ngoài cái Hay, Đẹp, Tài, Giỏi, còn có những thứ khác có giá trị quý hơn trong sinh hoạt là sự linh thiêng và mẫu nhiệm mà con người không thể khám phá ra qua giác quan.

Sự khám phá bằng sự cảm nghiệm hai yếu tố này cần sự quyết tâm, công phu, ý chí và thời gian. Nhờ vào sự linh thiêng và mẫu nhiệm sinh động trong đời sống, nên con người trở thành sinh linh... vượt qua mọi sáng tạo và những tạo vật do con người tạo nên, dù cho chúng có đạt đến mức kỳ diệu.

Đó là sự tiến hóa đúng mức của con người ngày nay.

Con người phải luôn luôn tăng trưởng nội lực, phát triển khả năng của những chức năng thuộc những bộ phận, cơ quan vô hình như siêu Trí, Tuệ, siêu Tâm, chơn Tâm, Lương Tâm v.v... Đặc biệt là trong thời kỳ mà tinh lực kém dần.

Sự phát triển đó, là sự tiến hóa đúng mức của con người ở thế kỷ đầu của thiên kỷ thứ ba, là dùng quen thuộc sự linh cảm và huyền lực trong những sinh hoạt. Nhờ vào sự siêu việt của nó, con người có thể duy trì được ưu thế trên sự kỳ diệu và tiến bộ nhanh của khoa học ngày nay. Đồng thời, với tính chất siêu nhiên trong sinh hoạt mà tiêu vũ trụ sinh động đồng bộ với năng lực tiên thiên trong vũ trụ.

Sự tiến hóa đúng mức này còn mang tính cách cần thiết cho con người ngày nay và cả tương lai nữa.

Điều này chỉ cần sự Sáng của Trí khôn nhập vào hệ thống sinh hóa và chuyển hóa của một thể hoặc nhiều thể linh thiêng, thì người đó đã có sự linh cảm về những hiện tượng và sự sinh động của thể đó. Và sau đó, ứng dụng sự linh cảm trong cuộc sống.

Mức tiến hóa cần thiết của những người có Đức Bi ở thời nay và tương lai là dùng siêu Trí, hoặc cao hơn là Tuệ thay thế cho Trí trong sự hướng dẫn tha nhân.

Hiệu quả của nó giúp cho con người tránh được sai lầm, vì nó vượt qua Lý luận, và luôn cả sự Thuận Lý nữa.

Khi vận dụng được siêu Trí, con người đã cảm nghiệm được sự thoát tục

trong sinh hoạt. Nhờ sự giao lưu tình cảm và tư tưởng mà con người thấy được sự kỳ diệu của Tâm và Trí. Nhưng nếu có sự linh cảm và mẫu nhiệm trong đời sống, thì sinh hoạt đã thoát tục, tâm hồn đã siêu thoát.

Và nhờ trải qua cách sống này, con người trở thành vĩ nhân, siêu nhân, thánh nhân...

Mức tiến hóa này là sự chuyển hóa quan trọng của đời người, như vậy những giá trị trong đời sống tinh thần có thể làm nền tảng để phát triển đời sống tâm linh không?

- Đời sống tinh thần không được qui định rõ ràng ở những thành tố liên quan. Có người coi sinh hoạt thuần túy của Trí thuộc về đời sống tinh thần; người khác cho rằng nền tảng của đời sống này là tâm hồn (Tâm, Trí).

Khoa học, kỹ thuật do sự khám phá, sáng tạo của Trí thuần túy. Nghệ thuật, văn học do tâm hồn tạo nên.

Những giá trị tinh thần dựa trên nhân sinh quan được hình thành, không thể làm nền tảng chính yếu để chuyển sang và phát triển đời sống tâm linh được.

Tại sao như vậy?

- Vì đời sống này liên quan, tương quan, tương ứng với vũ trụ, do đó mà nền tảng của nó là những gì có, hoặc thuộc về bản chất, bản tính và tính năng của vũ trụ mà trong con người đã sẵn có như Lương Tâm (1) và những bộ phận vô hình sinh động bằng năng lực tiên thiên.

(1)Lương Tâm: bộ phận vô hình bao gồm cả nhân sinh quan và Nguyên năng sáng tạo. Từ đây con người có thể cảm nhận và cảm nghiệm được nguồn gốc sinh hóa ra con người.

Tâm Linh

Tâm linh, theo vật lý siêu nhiên và siêu siêu nhiên là trạng thái hư vô của 2 cõi giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên tương ứng với 2 thể giới tương quan của vũ trụ.

Trong trạng thái sinh động này những yếu tố và nhân tố siêu nhiên và siêu siêu nhiên như siêu Tâm, siêu Trí (linh hồn), Tuệ, năng lực tiên thiên (Điện, sự Sáng) của các loại thân khác nhẹ được tạo nên do trạng thái hư vô, được đưa vào sinh hoạt.

Trạng thái này tách sự hoạt động của Nhục thân ra khỏi các loại thân khác (Khí thân, Điện thân và Quang thân) để cho một trong ba loại thân nhẹ này đi vào hoạt động của nó với những bộ phận, cơ quan liên quan đến mỗi loại thân. Những bộ phận, cơ quan siêu hình và vô hình này có khả năng cảm nhận, trung thu những năng lực tiên thiên để nuôi dưỡng các loại thân này. Những hiện tượng siêu nhiên và siêu siêu nhiên là những đối tượng để phát triển siêu Trí, siêu Tâm qua sự trung thu của các trực giác quan.

Số trực giác quan ở Khí thân và Điện thân chỉ có ba: khứu trực giác, thính trực giác và thị trực giác (Điện thân tiến hóa hơn Khí thân, sự trung thu mọi hiện tượng của Điện thân trực tiếp bằng thể Điện. Sự cảm nhận những hiện tượng này được đưa ngay vào não bộ, không qua sự trung gian của tùy sống, vô não, hệ thần kinh...).

Linh giác quan của Quang thân chỉ có một, là sự thấy toàn diện của 360° (Hình tròn, không phải 360° trên mặt phẳng. Sự thấy này trái ngược với cái thấy của cặp mắt của Nhục thân là từ trong thấy ra ngoài, mà từ ngoài thấy vào trong do sự bức xạ của thể Sáng từ Tuệ toát ra. Toàn Kiến mới có thể Toàn Tri được. Sự Hiểu toàn diện này không qua hiện tượng được thấy, mà do Tuệ nhập vào Nguyên Lý của vũ trụ, và Hiểu được ngay nơi Nguyên Lý, hay là Trí khôn nhập vào Lý để Hiểu được Lý).

Trạng thái hư vô không do sự suy nghĩ, suy luận, những phương tiện nhân tạo mà có được. Nó phát sinh từ sự thực hành những phương pháp, phương thức, rất ít người đạt được kết quả, như trong trạng thái đại định, tọa vong, mặc khải v.v...

Hoạt động của con người được mở rộng vào vũ trụ, không qua một phương tiện nhân tạo nào, đó là sự tiến hóa đến cùng đích của Trí khôn con người.

Sự chứng thực này giúp cho con người có một quan niệm đúng đắn về vũ trụ. Và vũ trụ quan, từ sự chứng thực này mới hướng dẫn nhân sinh quan đúng

với Nguyên Lý, luôn sinh hóa trong sự toàn hảo(1).

Như vậy, Trí khôn con người tiến hóa đến cùng đích là Trí khôn nhập vào “cái Một”, tức là sự Sáng (thể Sáng) của Trí con người nhập vào sự Sáng của vũ trụ, chứa đựng Nguyên Lý mãi mãi sinh động trong đó, do cùng một bản thể, bản tính và tính năng với thể Sáng của vũ trụ.

Sự Sáng của vũ trụ hằng sinh động cho nên nó hằng sống. Khi sự Sáng của Trí hòa nhập mãi mãi với sự Sáng của vũ trụ, Trí (siêu Trí, siêu siêu Trí) mới trở nên hằng sống.

Đời sống con người trở về với Nguyên năng sáng tạo, hay là quay về với “cái Một”, nguyên nhân sinh hóa ra tạo vật.

1. Cái Một trong tâm linh

Trong tâm linh chỉ có một Nguyên Lý, là nguyên nhân sinh hóa ra vạn vật.

Số 1, là Nhất nguyên, hay là Nguyên Lý vũ trụ là Nhất nguyên.

Từ sự sinh động vô hình của Nguyên Lý (mà ta quen gọi là Thiên Lý) đã có sự tiến hóa trong đó rồi. Vì vậy, người sống bằng Thiên Lý không cần đến thầy. Tự hỏi, tự học trong Thiên Lý, con người có thể hiểu mọi hiện tượng phát sinh từ Thiên Lý chẳng hề sai lầm.

Trong đời sống con người, cái gì thuộc về Nhất nguyên?

- Tâm linh thuộc về Nhất nguyên. Ngoài tâm linh ra, đời sống tinh thần, vật chất khởi nguồn từ nhị nguyên, rồi sinh ra đa nguyên, dần dần đa hệ xuất hiện.

Nhị nguyên sinh ra đối tượng, đối đãi, so sánh.

Đối đãi, so sánh... sinh ra tranh chấp, mâu thuẫn.

Tranh chấp mâu thuẫn sinh ra phiền não. Từ nhị nguyên sinh ra đa nguyên, đa hệ. Và từ đó, đời sống xã hội ngày càng phức tạp hơn.

Nhị nguyên được sinh ra từ đời sống con người, hay là từ Trí suy nghĩ của con người.

Đời sống con người dựa trên số học, thì nguyên nhân của mọi sự so sánh, tranh chấp phiền não đều ở số hai trở lên đến nhiều con số, hay là đến số nhiều.

Trong số học, số 1 là nguồn gốc sinh hóa ra nhiều số khác. Nhưng trong vũ trụ bao la, mênh mông vô tận, thì con người không phải là con số 1, sinh hóa ra các tạo vật cực to đến cực nhỏ, không phải là Nhất nguyên, cũng không phải là Thiên Lý. Tuy nhiên, con người có thể hòa nhập vào Nhất nguyên, vào Thiên

(1) Sự sai lầm của nhiều người là dựa trên nhân sinh quan của sự suy luận mà tạo ra vũ trụ quan. Điều này chẳng khác nào lấy sức sống có giới hạn mà đo lường sự sống, hay là lấy tạo vật để xét đoán sự sáng tạo vậy.

Lý với trạng thái hư vô của tâm linh, tức là trở về nguồn sáng tạo, là Thiên Lý (Nguyên Lý vũ trụ).

Thiên Lý có trước mọi tạo vật, mọi chức năng vô hình của sinh linh, loài người, và trước cả Tâm, Trí, Lương Tâm. Chỉ có Thiên Lý là Nhất nguyên.

Sống bằng Thiên Lý, thì Tâm, Trí, Lương Tâm con người hòa hợp vào Nhất nguyên, vào “cái Một” không còn gì để so sánh, để tranh chấp, phiền não. Có thể nói không có tranh chấp ở con số 1. Vì vậy, nó mới tuyệt đối.

Thông thường, nhờ vào sự so sánh, Trí khôn con người tiến bộ, tiến hóa, nhưng khi không còn gì để so sánh, tranh luận, làm sao con người tiến hóa được?

- Trí con người không hoạt động, nó sẽ bị tê liệt, muốn tiến hóa nó phải sinh động luôn, tức là từ tư tưởng xuất nguồn từ một nguyên nhân vô hình.

Tư tưởng xuất nguồn từ Đạo lý trong Thiên Lý tự nó đã tiến hóa con người rồi.

Đây là “sự tiến hóa từ Nhất nguyên, không có sự so sánh, không tranh chấp, tranh luận”. Nó không có một dấu hiệu nào để nhận ra được từ bên ngoài, nhưng nó thật toàn hảo, và có khả năng hoàn chỉnh những bất toàn làm mất sự tiến hóa.

Sự tiến hóa của Trí khôn cũng là sự tăng trưởng của sự Sáng (thể Sáng), và sự sáng suốt của Trí vậy.

Trong sự sinh động của Thiên Lý trong vũ trụ lúc nào cũng có sự kỳ diệu, linh thiêng và mâu nhiệm, mà Trí của thường nhân không thể khám phá được. Hay ngược lại, ba nhân tố này đã sẵn có trong Thiên Lý, chỉ có tư tưởng của chơn Ngã mới nhận ra được chúng trong Đạo lý hay trong Thiên Lý mà thôi.

Trong Nhị nguyên, hay trong đa nguyên cũng có sự tiến hóa, nhưng sự tiến hóa này có thể được nhận ra từ bên ngoài, từ sự so sánh, tranh chấp, tranh luận v.v...

Nó không có tính cách toàn hảo và hoàn chỉnh cho mọi thời, mà phần lớn là sự tiến bộ do sự suy nghĩ của Trí khôn hướng về một mục tiêu để thực hiện (trong ngành, nghề...).

“Cái Một trong tâm linh” của chơn Ngã giống như một phần tử nước trong đại dương, cái cực nhỏ cũng sinh động như cái cực lớn.

Tiểu vũ trụ cũng như đại vũ trụ tự nó sinh động để tự tồn tại, tăng năng lực để tiến hóa theo sự sinh động thật hoàn chỉnh và toàn hảo.

Sự hoàn chỉnh không một sai lầm, sai sót do nơi Thiên Tuệ, và sự toàn hảo do nơi Thiên Tánh.

Cả hai nhân tố này có trong Thiên Lý, Thiên Cơ và Thiên Năng, trong đó tiềm ẩn sinh động sự mâu nhiệm, linh thiêng và kỳ diệu.

Như vậy, những gì không làm ngược lại, không làm trở ngại Thiên Lý, Thiên Cơ, Thiên Năng, tức là những gì liên quan đến Đạo lý trong Thiên Lý, đến Vận của Thiên Cơ, và sự tăng, giảm của Thiên Năng, thì chúng bao giờ cũng mâu

nhệm, linh thiêng và kỳ diệu.

Sự sinh động thật toàn hảo, sự vận động thật chính xác, hoàn chỉnh. Hay, có thể nói “sự hoàn chỉnh và chính xác là hiệu quả của sự toàn hảo”.

Toàn hảo ở Thiên Lý. Sự chính xác, hoàn chỉnh ở Thiên Cơ và Thiên Năng.

Đối với con người, nếu chọn Ngã hoạt động thay thế cho bản ngã, lúc đó con người mới thật sự là một tiểu vũ trụ trong đó sinh động những nhân tố của vũ trụ.

Khi tư tưởng toàn hảo thì hành động luôn chính xác và hoàn chỉnh.

2. Những nhân tố hoạt động trong tâm linh

Để có được sức sống và sống trên địa cầu, con người được tạo nên từ những năng lực tiên thiên và hậu thiên của vũ trụ, và cả trên địa cầu, theo luật sinh hóa. Và để tiến hóa đến mức cuối cùng, con người phải chuyển hóa qua những đời sống từ vật chất, tinh thần, đến tâm linh.

Sự sinh hóa từ tính chất siêu siêu nhiên sinh ra tính chất siêu nhiên và tự nhiên. Hay là từ sự mâu nhiệm trong thể Sáng (sự Sáng) sinh hóa ra sự linh thiêng, và linh thiêng sinh hóa ra sự kỳ diệu.

Ngược lại, chuyển hóa, tiến hóa, thì từ sự kỳ diệu chuyển sang đời sống linh thiêng và mâu nhiệm.

Đời sống linh thiêng liên quan đến mộng, tiên cảm, siêu thị kiến... Những sinh hoạt, hiện tượng, cảnh chứng trong mộng, thị kiến là những sinh hoạt của Khí thân, Điện thân được định hình trước để chứng thực sinh hoạt của Nhục thân sẽ phải trải qua trong tương lai, hay đã xảy ra trong quá khứ (trong tiền kiếp).

Đời sống tâm linh liên quan đến siêu thị kiến, mạc khải...

Những sinh hoạt, hiện tượng, cảnh chứng trong siêu thị kiến là sinh hoạt của Quang thân được tượng hình trước để chứng kiến, chứng thực sinh hoạt của Điện thân sẽ phải trải qua sau khi Nhục thân chết (1).

Đạt đến mức tiến hóa này, sinh hoạt của con người luôn luôn linh thiêng và mâu nhiệm.

- Tính chất của thể giới siêu siêu nhiên: mâu nhiệm	↓	↑
- Tính chất của thể giới siêu nhiên: linh thiêng	↓	↑
- Tính chất của thể giới tự nhiên: kỳ diệu	↓	↑

(1) “Sự chứng kiến những thực tế” đã xảy ra trong quá khứ và sẽ xảy ra trong tương lai chứng tỏ trong con người có những bộ phận, cơ quan vô hình có khả năng kiểm soát và quan sát được thời gian trong nhiều ngàn năm những biến cố quan trọng trong nhiều kiếp sống.

Con người với sự Sáng của Trí, làm chủ và kiểm soát không gian – chỉ có sự Sáng của Tuệ với sự hằng hữu bao trùm cả mọi thời gian, thời hạn xảy ra trong sức sống của mỗi kiếp.



Nếu con người dùng những phương tiện của Thân, mà Tâm, Trí không còn liên quan đến Thân, thì sinh hoạt đó linh thiêng và mầu nhiệm.

Hay là, “Tâm, Trí mà ở vào trạng thái chơn không thì Tâm, Trí đều linh thiêng và mầu nhiệm”.

Sự kỳ diệu, linh thiêng và mầu nhiệm có theo một qui luật vật lý nào không?

- Tất cả những gì sinh động, dù dưới dạng nào (hữu hình, siêu hình, vô hình), đều có qui luật vật lý. Ba yếu tố này tồn tại, hằng hữu do sự sinh động vô tận của sự Sáng với sự xúc tác của Thiên Tuệ trong đó.

Tức là, những qui luật vật lý trong vũ trụ sinh động trong sự Sáng được tác động từ Thiên Tuệ. Tính sinh hóa và chuyển hóa của huyền năng, huyền lực, thần lực (sự Sáng, Điện, Khí) vượt qua sự cảm nhận của giác quan, do đó Trí thường không hiểu nổi.

Như sự Thiện, Ác... do tư tưởng, tâm trạng con người nảy sinh. Chúng là huyền lực cũng sinh hóa, cũng chuyển hóa theo qui luật vật lý, tức là từ sự Sáng sinh hóa ra Điện (với tính chất thanh, trược, độc), ra Khí, Thủy (thanh, trược, độc). Từ đó, chúng kết thành Phước, Họa, May, Rủi ...

Vì vậy, Phước, Họa ngày nay xảy ra đều có nguyên nhân từ trước. Ngay cả đến sự tiến hóa trong đời sống tâm linh cũng vậy.

Nếu ai biết đời sống con người là một sự tiến hóa và hiểu được điều đó là một Thiên Ân, thì người đó sẽ trở nên siêu việt.

Tính siêu việt này xuất nguồn từ Thiên Lý, Thiên Tuệ trong sự tiến hóa, và Thiên Tánh trong Thiên Ân tiềm ẩn trong sự tiến hóa. Đời sống con người thụ đắc qua sự học hỏi là những sinh hoạt của tiên cảm, linh cảm, tiên tri... chúng liên quan đến những nhân tố hoạt động trong tâm linh.

Những sinh hoạt của tiên cảm, linh cảm, tiên tri trong tâm linh đưa con người gần gũi với sinh linh trong thế giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Nhờ vào đời sống này, sự cảm ứng dưới dạng mạc khải mới xảy ra.

Đời sống chỉ sinh hoạt bằng Lý và Trí, tư tưởng xuất sinh từ Lý thuộc về vũ trụ và những gì thuộc về Thân, Tâm... chẳng làm cho Trí bị rung động.

Sinh hoạt bằng Lý, Trí, con người thoát khỏi tính tương đối trong đời sống. Hay là, khi sinh hoạt của con người không dính dáng đến tính tương đối của không gian và thời gian thì Trí của người đó đã hòa nhập vào sự tuyệt đối, tức là Trí của người đó cũng là vũ trụ, hay là sự Sáng của Trí đang sinh động trong thực tại của vũ trụ, mà không còn sự cảm nhận của giác quan về không gian và thời gian của địa cầu.

Thí dụ: Về sự tuyệt đối của không gian.

Ngồi trong một căn phòng nhỏ, hẹp. Đối với người thường, mở mắt nhìn thấy sự nhỏ hẹp của căn phòng. Nếu nhắm mắt lại, Tâm chơn không, mắt chẳng còn thấy

không gian đó nữa. Đối với đạo nhân, thì dù cho mắt mờ hay nhắm lại..., chỉ thấy Tánh, Trí, Lý sinh động, còn không gian của căn phòng không gây ra tâm trạng.

Khi con người sinh hoạt bằng Lý và Trí thì Trí độ đã khác với sự vận dụng của Trí người thường. Sự thông minh được tạo nên từ sự sống, sự Sáng của tâm linh không cùng một mức độ của Trí thông minh được tạo nên từ sự từng trải, kinh nghiệm của Thân và Tâm.

Như vậy, Trí độ ở mỗi người khác nhau như thế nào?

- Con người, ai cũng có mắt để nhìn, tai để nghe, vậy mà Trí độ khác nhau. Có người biết được việc, mà không hiểu được ý.

Người khác, biết được việc, hiểu được ý, nhưng chưa thông được Lý trong ý, Lý của việc.

Có người biết được việc, hiểu được ý, thông được Lý bên trong.

“Biết được việc, hiểu được ý, thông được Lý” là người thông minh, nhưng chưa hẳn là người tài. Vì còn phải có cách giải quyết được việc nữa, và người tài phải giải quyết được việc bằng sự thông minh.

Sự thông minh này có trong sự khôn ngoan. Sự khôn ngoan không cần đến kinh nghiệm, từng trải thì thuộc về sự sống, sự Sáng, Thiên Tuệ... nên chẳng cần đến tuổi già cũng đã khôn rồi. Các thiên tài có sự khôn ngoan từ tuổi trẻ.

Đề tặng thêm sự khôn ngoan, thiên tài học thêm ở đâu?

- Học ở Đạo lý, ở Lương Tâm. Hiểu và thực hành sự khôn ngoan từ Đạo lý, Lương Tâm, thì không cần phải trải qua kinh nghiệm.

Vì vậy, mà người trẻ nhờ vào đó mà vượt qua sự khôn ngoan của người lớn tuổi, vì họ phải trải qua kinh nghiệm trong cuộc đời.

Lương Tâm con người là kho tàng của Đạo lý, thiên tài học và làm theo bằng đức tính và đạo tính trong đó.

Người thường học những kinh nghiệm từ loài người, từ sinh vật và làm theo bằng cảm tính cá nhân mình.

Dù cho con người có Trí thông minh, nhưng mức độ thông minh khác nhau như thế nào?

- Trí thông minh thông suốt được cái Lý tự nhiên mà chỉ có siêu Trí mới thông được cái Lý siêu nhiên.

Trí thông minh thuộc về tâm hồn, đôi khi cũng còn liên quan đến sự rung động của ngũ tạng khí, nên sinh ra một môi cho Trí.

Nhưng siêu Trí thuộc về linh hồn, tất cả đều dồn về não. Khi siêu Trí hoạt động, thì thân thể không hề một môi, trái lại nội khí rất nhẹ nhàng, siêu thoát.

Khi linh hồn hoạt động thì Trí rất sáng suốt, còn Nhục thân được nhẹ nhàng, vì sự chuyển động của khí, huyết trở nên tự động. Và mọi việc ứng xử của Trí rất tinh anh, linh hoạt và phi thường.

Việc ứng xử này được chứng minh ở người có biện tài.

Do đâu mà con người có tài biện luận lưu loát?

- Do nơi sự sinh động không ngừng của sự Sáng của Trí và nơi chức năng của Trí hoạt động có hệ thống. Hay là các chức năng của Trí quan sát, Trí nhớ, Trí suy nghĩ, Trí thông minh đều sinh động ở bên trong mà không bị ảnh hưởng của ngoại cảnh; những chức năng này hoàn toàn hoạt động một cách tự do ở bên trong, mà không bị ngoại cảnh chi phối.

Trí hoạt động có hệ hống để biện luận lưu loát phải khởi đầu từ Trí thông minh, đến Trí suy nghĩ, Trí nhớ, và sau cùng là Trí quan sát.

Trí thông minh: tìm ra cái Lý – Tìm ra Lý, thì minh Lý, tức là rõ được cái Lý phải trình bày, hay là vấn đề cốt lõi được nói ra.

Trí suy nghĩ : minh chứng, biện luận, dẫn chứng tuần tự.

Trí nhớ : nhớ đến những từ phải dùng trong minh chứng, biện luận, dẫn chứng với ý nghĩa chính xác của nó.

Trí quan sát : quan sát âm thanh trong mỗi từ được nói ra. Quan sát thời gian của mỗi câu, mỗi ý được nói ra.

Từ những biểu hiện bên ngoài nào cho thấy người có biện tài là một thiên tài?

- Đặc thù của thiên tài trong biện luận, ứng xử là:

+ Không còn bần ngã.

+ Luôn luôn minh triết ở Lý trong mọi sự việc. Lời nói ra sâu sắc ở cái Lý; giải bày đầy đủ mọi sự việc như một chuyên đề.

(Vớ phạm nhân, một tâm trạng nổi lên, Trí bất minh. Trong ngôn từ, biện lẽ nhiều hơn là biện Lý; một cái Lý thông thường không nói được, làm sao có thể nói đến Thuận Lý, chơn lý và Đạo lý được.

Biện lẽ đưa đến tranh chấp giữa người với người. Biện lý tiến hóa được tâm hồn con người).

3. Cảm ứng siêu nhiên

Sự cảm ứng của tâm hồn với ngoại cảnh của thế giới hữu hình, bình thường ai cũng có, nhưng sự cảm ứng siêu nhiên của linh hồn (siêu Tâm, siêu Trí) chỉ có ở những người sống bằng đời sống tâm linh. Hay có người sống bằng hai đời sống, có lúc thuộc về tinh thần, tâm hồn (Tâm, Trí), có khi sống bằng đời sống tâm linh với sự sinh động, hoạt động của linh hồn (siêu Tâm, siêu Trí). Họ có hai loại cảm ứng là sự cảm ứng tự nhiên của tâm hồn, và sự cảm ứng siêu nhiên của linh hồn.

Tâm hồn hoạt động, ắt phải có tâm trạng xuất hiện, chúng liên quan đến ngoại cảnh.

Linh hồn hoạt động, không có tâm trạng nổi lên do ngoại cảnh, chỉ liên quan

đến siêu nhiên và siêu siêu nhiên, vì vậy nó cảm ứng được với những gì thuộc về hai thế giới này (1), có được siêu thị kiến, được mạc khải.

Cho nên nói rằng: “Tâm hồn hoàn toàn ngưng động, thì linh hồn sinh động và hoạt động”. Ngược lại: “Tâm hồn động, loạn, thì linh hồn ngưng hoạt động”, vì sự rung động của tâm hồn che lấp linh hồn – Và, vì cả hai cùng một nguồn sinh hóa, như nước và sóng.

Nếu sóng động mạnh, bản thể của nước là sự trong suốt mất đi. Cũng vậy, nếu tâm hồn động, thì linh hồn bị che lấp; nếu con người hoạt động bằng đời sống tinh thần, thì những gì thuộc về tâm linh không hoạt động được.

Nước và sóng được đưa ra để Trí con người cảm nhận được phần nào về sự sinh động của những bộ phận, cơ quan vô hình từ những hiện tượng hữu hình.

Nhưng thực chất của những bộ phận, cơ quan vô hình này là gì?

- Chúng là những thực thể, là những tinh hoa của những tinh hoa khác được tạo nên từ những bộ phận, từ những chất thô sơ (2) theo qui luật tiến hóa và chuyển hóa.

Cũng vậy, linh hồn là tinh hoa của tâm hồn, hay là siêu Tâm và siêu Trí xuất nguồn từ Tâm và Trí. Còn Tâm và Trí được tạo nên từ tình cảm, cảm giác mà bản thể của nó là Khí và Huyết – là năng lực tự nhiên tạo thành những năng lực tiên thiên, là tâm hồn và linh hồn.

Tâm hồn sinh động trong Nhục thân, nhưng linh hồn hoạt động trong Khí thân và Điện thân.

Sự cảm ứng siêu nhiên trong đời sống tâm linh do sự hoạt động của linh hồn trong Điện thân cùng với những chức năng và cơ quan hoạt động trong Điện thân như các trực giác quan v.v... qua các trạng thái như linh cảm, tiên cảm, tiên kiến, tiên tri, mộng v.v...

Tất cả những khả năng siêu nhiên và siêu siêu nhiên là những cảm ứng của sự linh thiêng và mẫu nhiệm giữa con người và vũ trụ vượt qua sự cảm ứng thông thường của Nhục thân.

Sự cảm ứng siêu nhiên đòi hỏi một nội lực mạnh vì nếu nội lực kém sẽ không thể linh cảm được. Điều này cho thấy vì sao mà trẻ con không cảm ứng được với thế giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Vì nội lực (Điện, sự Sáng) trong Nhục thân chưa đủ mạnh để nội lực đó tỏa ra bên ngoài Nhục thân. Lực tỏa ra, là lực tiên thiên mới cảm ứng được.

(1) Sự vĩ đại của thiên tài không do sự sáng tạo của Trí thường (phàm trí), hầu hết do siêu Trí và siêu Tâm cảm ứng với thế giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên trong khi họ ngủ, nhưng linh hồn (siêu Tâm, siêu Trí) đang hoạt động, hay lúc tỉnh thức, thân “tọa vong” mà linh hồn vẫn hoạt động.

(2) Như “Thần” là lực vô hình của máu đỏ được chứa nơi tim. Máu đỏ là tinh hoa của máu đen, và máu đen được tạo nên từ thực phẩm. Đây là năng lượng tạo nên năng lượng theo qui luật chuyển hóa từ thô sơ đến mức tinh hoa.

Ngay cả người lớn, nếu chỉ làm tăng tính lực thì nội lực của Tâm và Trí cũng chưa đủ mạnh để cảm ứng được với những hiện tượng siêu nhiên.

Như vậy, nội lực mạnh con người mới linh cảm được, thông thường khi Nhục thân ngủ, nghỉ, con người dễ linh cảm, nhưng khi thức, linh cảm có thể xảy ra không?

- Sự linh cảm không do Nhục thân, nói cách khác Nhục thân không có khả năng linh cảm. Lúc thức mà Nhục thân cũng như ngủ, hay là vô não không nhận tín hiệu bên ngoài, thì con người mới linh cảm được.

Linh cảm, tiên cảm, tiên kiến... đều do Khí thân và Điện thân cảm nhận qua trực giác quan siêu Tâm, siêu Trí.

Do đâu ta biết được điều này?

- Chỉ khi nào con người ngủ, mới xảy ra chiêm bao, mộng..., trong đó xảy ra những điềm báo trước. Những hiện tượng này được trung thu, cảm nhận bằng Khí thân, Điện thân và cao hơn nữa là Quang thân.

Tại sao ba loại thân này có thể cảm nhận được sự linh cảm?

- Chúng cảm nhận được linh cảm do ở nội lực. Nội lực tăng, chúng hoạt động được. Khi Nhục thân ngủ, nghỉ..., các giác quan đều đóng lại, ngưng hoạt động, nội lực không hao tán ra ngoài, vì vậy nội lực bắt đầu sinh động. Nội lực tự sinh động, nội lực tăng. Nội lực tăng, các loại thân khác tiềm ẩn trong Nhục thân hoạt động. Nội lực thuộc loại nào tăng nhiều hơn những loại nội lực khác thì loại thân được hình thành bằng loại lực đó hoạt động (1).

Do đó, sự linh cảm tùy theo loại thân nào hoạt động, thì loại linh cảm thuộc loại thân đó cảm nhận được.

Ứng dụng vào thực tế, muốn có linh cảm, chỉ cần làm tăng nội lực (thần lực, huyền lực, huyền năng), hay là làm tăng Khí lực, Điện lực và thể Sáng (sự Sáng), thì các loại thân nhẹ (Khí thân, Điện thân, Quang thân) hoạt động trong khi Nhục thân thức cũng như ngủ.

Linh cảm là một trong những sinh hoạt của sinh linh, tức là sinh hoạt của Khí thân, Điện thân hay của Quang thân.

Những thân này hoạt động được khi Nhục thân còn sống động, thì con người đã siêu thoát rồi.

Có thể nói thêm rằng, sự linh cảm của linh hồn với những điều gì liên quan đến Thân, Tâm hồn... là những tiên cảm, thị kiến, báo mộng...

Ngược lại, tiên cảm, thị kiến, báo mộng... là do linh hồn linh cảm và cảm ứng được qua Điện thân, hay yếu hơn là Khí thân.

(1) Những người luyện khí, hoặc tu, sống bằng những bộ phận liên quan đến hệ khí (như Tâm không động vì tình cảm), thì nội lực thuộc về thể khí tăng, thì linh cảm thuộc về Khí thân.

Nội lực thuộc về điện mà tăng, thì Điện thân linh cảm.

Trong sự tiến hóa của con người vào vũ trụ, những bộ phận, cơ quan vô hình cùng với những loại thân nhẹ sinh động, và tiềm ẩn trong Nhục thân, cảm ứng, nhưng theo vật lý, thì cái gì linh cảm trong con người?

- Không phải con người linh cảm, cũng chẳng phải các loại thân nhẹ hay Tâm, Trí linh cảm, chính “từ sự Sáng, thể Sáng mà mọi hiện tượng siêu nhiên và siêu siêu nhiên được cảm nhận, nhờ sự Sáng tiềm ẩn sinh động trong 3 thể linh thiêng”.

Như vậy, con đường tiến hóa cực nhanh của con người là làm sao để cho sự Sáng sinh động, tỏa ra bên ngoài để cảm nhận, và để Hiểu được những hiện tượng siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Trong trạng thái nào thì sự Sáng mới linh cảm được?

- Khi sự Sáng (thể Sáng trong não bộ) không liên can đến mọi sinh hoạt của cá nhân, của bản ngã, của Nhục thân..., nó mới cảm nhận được những hiện tượng siêu nhiên và siêu siêu nhiên, kể cả sự mạc khải.

(Con người được mạc khải từ Thiên Tuệ cũng nhờ vào sự Sáng cực sạch, cực mạnh, vô nhiễm những sinh hoạt của bản ngã. Sự Sáng thuần túy sinh động, lúc đó không liên hệ, liên quan đến 3 thể linh thiêng Thủy, Khí, Điện, mới gọi là cực sạch, vô nhiễm từ quá khứ).

Sự linh cảm có liên quan đến giác quan của Nhục thân hay không?

- Sự linh cảm không liên quan đến giác quan của Nhục thân.

Nó là sự cảm nhận tự nhiên và biết trước sự việc sẽ xảy ra. Sự cảm nhận này trực tiếp ngay lúc có một tư tưởng, ý nghĩ của một người hướng về mình, hoặc sự việc sẽ xảy ra cho mình đã được hình thành trước, và việc xảy ra sau đó.

Sự cảm nhận này không do giác quan, mà do tâm hồn, khi con người đang tỉnh thức, ở một mức cao hơn nữa là do linh hồn, khi ngủ, do linh hồn.

Như vậy sự linh cảm là sự cảm nhận của hai bộ phận vô hình là tâm hồn và linh hồn. Nó là sự biết trước của tâm hồn và linh hồn những việc sẽ xảy ra.

Lúc nào tâm hồn và linh hồn linh cảm được?

- “Khi tâm hồn và linh hồn không có sự chủ động của bản ngã, tức là tâm hồn và linh hồn sinh động trong trạng thái hư vô thì con người mới linh cảm được”.

Sự linh cảm dưới hiện tượng vật lý được giải thích như thế nào?

- Nó là sự cảm biết linh thiêng dưới dạng tiên cảm, hay là sự cảm biết trước những gì sẽ xảy ra.

Nó là hiện tượng vật lý đã có, nhưng chưa hiện thực trong thế giới tự nhiên của giác quan cảm nhận được.

Như tư tưởng con người, thực tế đã có hình ảnh, nhưng chúng chưa hiện ra, chưa được hiện thực trong thế giới tự nhiên, hữu hình.

Con người có khả năng tiên cảm những gì sẽ xảy ra, và linh cảm những gì trong quá khứ còn tồn tại dưới dạng của 3 thể (Khí, Điện và sự Sáng) tức là những thể có sức tồn tại lâu hơn là thể Thủy (Huyết).

Đây cũng là sự cảm nhận của 3 loại thân (Khí thân, Điện thân và Quang thân) với những giác quan và chức năng riêng biệt của mỗi loại thân (là trực giác quan và linh giác quan).

Đó cũng là sự hòa nhập của 3 thể linh thiêng giữa 2 vũ trụ (tiểu và đại) khi những bộ phận vô hình của con người là Tâm, Trí, Tuệ... không còn liên quan đến sự sinh động của bản ngã nữa. Hay là, khi nào Tâm, Trí, Tuệ ở vào trạng thái hư vô, không dính dáng đến bản ngã nữa, thì con người mới linh cảm qua Khí thân, Điện thân hay Quang thân.

Như vậy, linh cảm mang tính linh thiêng, nhưng trong trạng thái nào con người mới linh thiêng?

- Nhục thân chết, ngủ... con người không có, và không còn cảm giác, thì mới linh thiêng được. Hoặc khi con người đang sống, tỉnh thức mà sinh hoạt bằng sự chơn không của Tâm, Trí thì con người có thể linh cảm và tiên cảm được, tức là khi con người không có cảm giác, tư tưởng sinh động, dao động..., lúc đó có sự linh cảm, tiên cảm xảy ra.

Nói cách khác là: “càng Vô ngã, càng linh thiêng và mức linh cảm, tiên cảm càng cao”.

Sinh hoạt trong đời sống con người, rất phong phú do hoạt động đổi thay của nhiều bộ phận, cơ quan vô hình và mức độ linh thiêng khác nhau của những cơ quan đó. Tức là, mức độ linh thiêng được sử dụng trong những sinh hoạt không thuần nhất ở cùng một mức độ trong một ngày như sự vận dụng tâm hồn và linh hồn trong những sự việc khác nhau.

Bình thường con người sống bằng tâm hồn, tiếp xúc và cảm ứng với thế giới tự nhiên cũng bằng bộ phận, cơ quan này. Sinh linh sống và hoạt động bằng linh hồn trong thế giới siêu nhiên.

Tâm hồn không thể cảm ứng và tiếp xúc với linh hồn được, chỉ linh hồn mới linh cảm và tiếp xúc với những linh hồn khác hay với những sinh linh trong thế giới siêu nhiên.

Nhưng không phải lúc nào con người cũng có thể tiếp xúc hay linh cảm với những sinh linh. Điều này do nội lực của cơ quan vô hình kém hoặc giảm quá khả năng sử dụng.

Như vậy, sự linh thiêng không phải lúc nào cũng được ổn định. Sự bất ổn định này tăng hay giảm do nội lực trong con người, tức là sự bất ổn định do sự chủ động kiểm soát, và điều khiển của con người.

Sự linh thiêng, dù ổn định, hay bất ổn định trong nội lực, thì sự linh cảm của con người cũng biểu hiện một mức tiến hóa cao.

Sự tiến hóa của con người không chỉ nhờ vào sự suy nghĩ của Trí khôn, mà còn ở mức độ cao hơn nữa, đó là sự linh cảm.

Sự linh cảm không tốn thời gian để vận dụng, không làm hao tán nội lực như sự suy nghĩ, nhưng hiệu quả của nó là chính xác.

Đời Sống Nội Tại

Đời sống nội tại không phải là đời sống nội tâm. Sự sinh hoạt của đời sống này không còn yếu tố thời gian do sự cảm nhận của giác quan. Vì yếu tố thời gian bị xóa đi trong sự sinh động nội tại nên sinh hoạt mới trở nên linh thiêng. Nói rõ ra, những bộ phận, cơ quan vô hình hoạt động từ nội lực của nội tại trong sinh hoạt mới có tính linh thiêng.

Đời sống nội tại hay đời sống tâm linh có cùng một nguồn gốc, mà hình thức của đời sống là đời sống nội tại, còn cách sống thuộc đời sống tâm linh. Cả hai được coi như Thể và Dụng vậy.

Đời sống nội tâm khác với đời sống nội tại và tâm linh như thế nào?

- Đời sống nội tâm sinh hoạt bằng tình cảm và tư tưởng. Nó liên quan đến Tâm, Trí.

Theo vật lý, sinh hoạt thuộc về Khí (tình cảm) và Điện (tư tưởng).

Đời sống nội tâm có 2 loại, nếu không rõ được giá trị của sinh hoạt, người sống bằng đời sống này khó tiến hóa:

a. Sinh hoạt { → tình cảm nhẹ nhàng (vui, mừng)
→ tư tưởng tốt lành (Thiện)

b. Sinh hoạt { → tình cảm nặng nề (giận, lo, sợ)
→ tư tưởng độc, ác, dữ (Ác)

- Đời sống tâm linh sinh hoạt bằng đức tính. (Nó là tinh hoa của nhân tính, nhân tính của loài người trong con người) và tư tưởng xuất nguồn từ Thiên Lý sinh động trong Lương Tâm, liên quan đến các loại Trí (Trí, siêu Trí, Tuệ)

Về vật lý, sinh hoạt thuộc về Điện và sự Sáng của vũ trụ mà trong đó sinh động sự kỳ diệu, linh thiêng và mầu nhiệm.

Sinh hoạt của đời sống không có sự đối đãi, so sánh. Chỉ sống bằng Lý, nên các loại Trí trở nên toàn thiện.

(Trong thực tế, có người đổi thay hoàn toàn cách sống, cách ứng xử sau giấc mộng có siêu kiến xảy ra – Bởi vì trong giấc mộng đó, Điện thân hoạt động, siêu Tâm, siêu Trí (linh hồn) này sinh ra đức tính.

Một khi linh hồn đã hoạt động được, nó tiếp tục hoạt động khi con người thức hay ngủ.

Trong lúc tỉnh thức mà con người nảy sinh ra đức tính, thì đức tính này có bản chất, bản tính và tính năng siêu nhiên. Hay là đức tính này xuất nguồn từ linh hồn (siêu Tâm, siêu Trí) và Điện thân vậy.

Cho nên, khi đức tính sinh động trong khi con người tỉnh thức, thì Nhục thân tránh khỏi tai nạn, hiểm nguy. Tại sao?

- Vì đức tính là huyền lực. Nó chế ngự được những lực của Khí, Thủy tác động trong tai nạn).

1. Sinh hoạt trong đời sống tâm linh

Đời sống tâm linh hay đời sống nội tại dùng linh hồn trong sinh hoạt, đời sống tinh thần dùng tâm hồn trong sinh hoạt.

Linh hồn và đời sống tâm linh có sau tâm hồn và đời sống tinh thần, nhưng chúng hoàn chỉnh hơn những gì sinh ra nó, và tiến hóa hơn những cái trước nó.

Nếu con người lấy đời sống tâm linh để hướng dẫn đời sống tinh thần và vật chất thì hai đời sống này mới đúng với Chơn lý và Thuận Lý, hay là đời sống tâm linh định hướng cho đời sống tinh thần và vật chất.

Trong đời sống này, con người sinh hoạt bằng đức tính và tư tưởng siêu việt của chơn lý trong sự ứng xử, nhưng bên trong đang sinh hoạt bằng linh hồn trong sạch. Tức là linh hồn đang sinh hoạt, thì trong đó chỉ có đức tính và tư tưởng siêu việt xuất hiện. Cuộc sống thật bình an.

Đây là sự biến đổi từ sự ngưng động của tâm hồn chuyển sang sự sinh động của linh hồn. Sự biến đổi này tạo nên trạng thái siêu thoát, hay chỉ có linh hồn mới sinh hoạt bằng sự siêu nhiên.

Sinh hoạt bằng linh hồn, nó mới có kinh nghiệm, người sống bằng đời sống tâm linh có thể truyền đạt lại cho những người khác những gì mình biết, hiểu về linh hồn ngay trong cuộc sống của mình.

Cảm nhận được linh hồn và sự sinh động của nó phải từ bên trong.

- Linh hồn sinh động trong sinh hoạt của Thân (các chức năng của Nhục thân) thì các chức năng này đạt đến sự chính xác của chúng.

- Linh hồn sinh động trong hoạt động của nghệ thuật (thuộc về Tâm, Trí) thì nó đạt đến mức siêu việt của nó (tức là sự siêu việt của linh hồn tỏa ra bên ngoài và người khác cảm nhận được).

- Linh hồn sinh động trong sự cầu nguyện thì lời cầu nguyện đó được linh ứng và được ơn.

Cho nên, “tính chất siêu nhiên của linh hồn toát ra trong mọi sinh hoạt không có tâm trạng thế gian, tâm trạng cá nhân trong đó: tức là không có sự sinh động của ngũ tạng khí, chỉ có sự sinh động của Điện trong sinh hoạt, vì vậy sinh động đó làm rung động được sinh linh siêu nhiên, chỉ có sự rung động siêu nhiên của

điện và sự Sáng trong linh hồn”.

Làm rung động được con người, thú vật... là do ý (của Trí), do Tâm, hay là do tâm hồn.

Nhưng làm say sưa được siêu linh, siêu linh vật... thì do linh hồn (do siêu Ý, siêu Tâm).

Lấy linh hồn để nhìn, nghe, ngửi, cũng là lấy những phương tiện siêu nhiên là các trực giác quan mà nhìn, nghe, ngửi..., vì vậy mà sự hiểu biết đạt được chỗ thâm sâu nhất.

Tư tưởng của linh hồn biểu lộ như thế nào?

- Có sự minh triết, lý luận, luận chứng của siêu Trí trong đó, đặc biệt là không có tâm trạng hòa lẫn trong ngôn ngữ, âm thanh.

- Linh hồn tiên cảm (1), rung cảm sự việc trong tương lai, còn tâm hồn không tiên tri, tiên cảm. (Những người có khả năng tiên tri, rung cảm những sự việc sắp xảy ra... là người đã lọt vào thế giới siêu nhiên, và cõi siêu nhiên dễ tiến hóa).

Vì sao tâm hồn không tiên cảm được?

- Nói đến tâm hồn là nói đến sự rung động của Tâm, Trí, hay là nói đến sự dao động của ngũ tạng khí, của cảm giác.

Sự dao động của Khí, Thủy, ngăn ngại sự châu biến của nhân điện. Do đó, tâm hồn không có tiên cảm. Nhưng nếu tâm hồn đã nhẹ nhàng, thanh thoát, thì người có được điều này đã vượt từ đời sống vật chất và tinh thần qua đời sống tâm linh.

Đời sống nội tại, hay đời sống tâm linh sinh động bằng những lực siêu nhiên và siêu siêu nhiên từ đó các bộ phận, và cơ quan vô hình được tạo nên sự nhanh, chậm, một phần do ý chí con người.

Ý chí và nội lực cần cho đời sống tâm linh, hay là nội lực sinh động trong con người có cả ý chí nữa.

Nội lực này sinh động làm cho tâm hồn và linh hồn trở nên mạnh mẽ.

Người không có ý chí thì sự chết của Nhục thân bắt đầu từ bên trong, tức là khởi đầu từ sự Sáng và Điện, rồi đến Khí và Huyết.

Đối với người có ý chí mạnh mẽ thì sự chết của Nhục thân bắt đầu từ ngoài, tức là từ máu (Huyết) đến Khí. Hai hệ này tuy ngưng hoạt động, nhưng Điện và sự Sáng vẫn sinh động do ý chí. (Những bệnh nặng do hệ Huyết phát khởi làm Nhục thân đau đớn, có thể lành lại được, phần lớn nhờ ý chí mãnh liệt).

Trong đời sống tâm linh, chính ý chí kiên trì, vững chắc trong việc tu và

(1) Sự rung cảm, tiên cảm, tiên tri về những sự sắp xảy ra của các đại chương giáo là do ở linh hồn. Sự sinh động liên tục trong thực tại của linh hồn là sự sinh động siêu nhiên của nội lực (của Điện, sự Sáng) hiện thực được sự mẫu nhiệm (phép lạ) xảy ra trong thế giới hữu hình do siêu siêu Ý, siêu Ý và nội lực. Sự siêu việt đó do sinh hoạt của linh hồn.

hành mới đưa con người đến sự giác ngộ được, ngay cả sự hình thành các loại thân (Khí thân, Điện thân và Quang thân) và sự tồn tại lâu dài của chúng.

(Trong cơ thể con người cũng như kim loại, cái nào cứng hoặc nặng, cái đó lâu tan rã vì khó “oxy hóa”... như xương, tóc, răng... còn thịt da thì mau tan rã).

Khí thân, Điện thân, Quang thân không bị oxy hóa nên các loại thân này tồn tại lâu. Cả 3 thể này cũng là vật chất, nhưng chúng vượt qua cảm nhận của giác quan. Chúng không bị xúc tác bởi Thủy và Khí.

Hay là, những gì thuộc về vật chất siêu nhiên và siêu siêu nhiên không bị xúc tác bởi vật chất tự nhiên, hữu hình.

2. Sự siêu việt trong linh cảm

Một trong những yếu tố để tạo nên sự siêu việt là linh cảm.

Sự siêu việt là trạng thái, là một thực tế phi thường vượt qua sinh hoạt của đời sống bình thường liên quan đến Thân, Tâm, Trí. Trạng thái mới, với tính trội vượt này lôi cuốn theo sự biến đổi trong sinh hoạt của đời sống với cảm nhận “Biết và Hiểu” được mở rộng tầm cỡ và sức sinh động vào cõi và thể giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

“Sự cảm nhận, Biết và Hiểu” nhanh hơn, không qua hai hệ thống Huyết và Khí.

Đó là sự cảm nhận trực tiếp bằng hệ Điện và sự Sáng, được gọi là linh cảm.

Hiện tượng này giống như việc phát sóng của đài truyền thanh, truyền hình. Những làn sóng được máy thu thanh, thu hình thu lấy, chúng không bị những hiện tượng của “thủy, khí, vận” chặn đứng lại.

“Cái gì con người cảm nhận được thì con người cũng Biết và Hiểu được, ngay cả sự linh cảm những thị kiến siêu nhiên và siêu siêu nhiên”.

(“Hiểu” là khả năng tuyệt vời của con người có thể lan tỏa theo sự bức xạ của sự Sáng của Trí. Sự lan tỏa của sự Sáng tràn ngập cả vũ trụ, bao trùm mọi tạo vật, đồng thời cũng tiềm ẩn trong mọi tạo vật bằng nguyên tố của sự Sáng. Nhờ đó con người có thể hiểu được cả Nguyên Lý của vũ trụ.

Đây là cấu trúc huyền nhiệm mà tất cả tạo vật trên địa cầu không có một loài nào có được, trừ con người.

Về sự linh cảm, thì sự linh cảm này không chỉ giới hạn trên địa cầu với con người hay với các sinh linh quanh và trên địa cầu. Tùy theo sự châu biến của Điện và sự quang tỏa của sự Sáng, sự linh cảm và những thị kiến trong thể giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên, con người cũng Biết và Hiểu được).

Sự linh cảm là một biểu hiện siêu việt liên quan đến 3 thể linh thiêng.

Nó vượt qua sự cảm nhận của cảm giác. Sự linh cảm ở thể Khí cũng là sự cảm nhận của tâm trạng, tình cảm từ một người thường hướng về một người có

tu luyện đạt được sự thanh thoát ở Tâm. Người này có khả năng cảm nhận trực tiếp tâm trạng của tha nhân.

Cao hơn nữa, sự linh cảm về một sinh hoạt, về một đời sống mới sẽ xảy ra trong tương lai.

Sự linh cảm này là một sinh hoạt chỉ còn liên quan đến sự sinh động của 2 thể linh thiêng (Điện và sự Sáng). Về cơ thể học, nó chỉ là sinh hoạt của đầu, nhưng thật ra, đó chỉ là sinh hoạt của não bộ mà thôi.

Điện và sự Sáng sinh động trong toàn thể vũ trụ. Như vậy, sự linh cảm được gọi là siêu việt, có khả năng cảm nhận tất cả những gì thuộc về sự sinh động của Điện và sự Sáng trong vũ trụ, những hiện tượng của Điện và sự Sáng quanh địa cầu và cả trong vũ trụ.

Làm sao ta biết được mức độ siêu việt ở mỗi người?

- Mức độ siêu việt là một trạng thái, một thực tế liên quan đến sinh hoạt có sự can dự của nhiều hoặc ít các thể linh thiêng. Sự can dự của càng ít thể linh thiêng thì mức độ siêu việt càng cao.

Tính siêu việt được biểu hiện bằng những sinh hoạt liên quan đến Khí, Điện và sự Sáng.

Mức độ siêu việt, cũng là mức độ linh thiêng và mẫu nhiệm từ thấp lên cao là:

Khí (Điện, sự Sáng) : thấp

Điện (sự Sáng) : cao

Sự Sáng : tuyệt đối cao

Tóm lại:

Sinh hoạt còn liên quan đến Huyết (cảm giác), Khí, Điện, sự Sáng: đó là sinh hoạt của phàm nhân.

Còn đời sống siêu việt thì mọi sinh hoạt chỉ liên quan đến 3 thể linh thiêng, hoặc 2, hay cuối cùng là một thể duy nhất là sự Sáng.

Đến đây, ta thấy không phải sự siêu việt làm cho con người trở nên siêu việt mà là tính chất siêu nhiên sinh động trong sinh hoạt làm cho con người trở nên siêu việt.

Dùng tính chất siêu nhiên trong sinh hoạt, lúc đó con người trở nên siêu việt, và cũng là một sinh linh của thế giới siêu nhiên, có sự linh thiêng trong sinh hoạt.

a. Ý thức nội tại

Đời sống bên ngoài là đời sống thuộc thể gian ta gọi là Đời, bên trong là đời sống nội tại, và ý thức hoàn toàn quay vào trong để ý thức những sinh động nội tại. Những sinh động này nối liền với những sinh động siêu nhiên và siêu siêu nhiên trong vũ trụ, tức là con người nhờ đời sống nội tại, cảm ứng, hiểu biết được những hiện tượng siêu hình và vô hình trong vũ trụ.

Đời sống nội tâm vẫn thuộc về Đời, dù sinh hoạt thuộc về Tâm, Trí, nhưng sinh hoạt đó vẫn từ ngoài cảnh đưa vào. Và chúng tạo nên mỗi ưu tư, tâm trạng v.v..., ý thức con người vẫn luôn hướng ra ngoài.

Hai loại ý thức khác nhau như thế nào?

- Ý thức góp phần trong sự tiến hóa của những bộ phận cơ quan vô hình, nó liên quan trực tiếp đến sinh hoạt của đời sống.

Muốn rõ được từng loại ý thức, ta phải biết rõ sinh hoạt của hai đời sống khác nhau như thế nào?

- Sinh hoạt liên quan đến các giác quan đến các chức năng của chúng.

Đối với sinh hoạt của đời sống bên ngoài thì chức năng của giác quan hướng ra ngoài để biết và hiểu những hiện tượng sự việc bên ngoài. Vì vậy, Trí không biết nhiều về những gì sinh hoạt bên trong, ngay cả sự chết của Nhục thân, cũng chẳng cảm được ngay, giờ của nó.

Còn đời sống bên trong (đời sống nội tại) thì sinh hoạt hoàn toàn bên trong, tức là mọi chức năng của giác quan luôn hướng vào trong.

Chức năng thấy, nghe, cảm, biết đều hướng vào trong, cho nên nghe, thấy, cảm, biết được sự chuyển động của Huyết, Khí, tức là biết được thực lực của Khí, Huyết (là Thân).

Chức năng thấy, nghe, cảm, biết của giác quan liên quan đến chức năng quan sát của Trí (tức là liên quan đến Trí quan sát).

Chức năng của Trí quan sát hướng vào bên trong Nhục thân thì những chức năng khác liên quan đến Trí quan sát là Trí nhớ, Trí suy nghĩ, Trí thông minh cũng liên quan sinh động và hoạt động bên trong (hiện tượng sinh lý xảy ra do Trí quan sát hướng vào trong là sự Sáng (thể Sáng) tập trung vào bên trong vô não: con người nửa thức, nửa ngủ. Vì vô não ngưng nhận tín hiệu, Nhục thân như ngủ; sự Sáng sinh động bên phía trong vô não, nên Trí tỉnh thức).

Chỉ riêng sự quan sát của Trí hướng vào trong, sự Sáng của Trí đã không hao tán ra bên ngoài.

Điều này cho ta thấy rõ hiệu quả của sự nhìn ra ngoài và trong.

Trong trạng thái nào mà chức năng nghe, thấy, cảm, biết của giác quan mới chuyển chúng sang trực giác quan và linh giác quan?

- Trong trạng thái không còn ý thức trong các giác quan (như ngủ có giấc mơ, mộng... chức năng quan sát của Trí quay vào trong và hoạt động, hay hoàn toàn quay vào trong như trong đại định...) thì những chức năng thấy, nghe, ngửi... chuyển sang trực giác quan. Và chỉ có chức năng thấy toàn diện 360° (Toàn Kiến) chuyển sang linh giác quan, khi các giác quan và trực giác quan hoàn toàn ngưng hoạt động.

Hiệu quả của ý thức là làm tăng Trí năng. Ý thức được những hiện tượng, sự việc bên ngoài, sự Sáng của Trí tăng. Nhưng khi Trí quan sát hướng vào trong,

các giác quan ngưng nhận những tín hiệu bên ngoài, thì Trí chuyển sang siêu Trí và ý thức trở thành siêu Ý thức. Và siêu Ý thức làm tăng siêu Trí năng, sự Sáng của siêu Trí tăng, nhờ đó Trí thông minh của Trí cũng theo đó mà trở nên thông minh hơn.

b. “Ý” là sự khởi phát của sự Sáng

Nếu không có một tia lửa khởi phát, sẽ không có đám cháy to. Nếu tia lửa đó không tiếp tục cháy trong một thời gian dài thì sẽ không có một đám cháy lớn với sức nóng kinh khủng.

Đối với huyền năng của Trí cũng vậy, nếu không có ý nảy sinh, con người sẽ không có ước muốn đạt đến mục tiêu nào đó.

Ước muốn được duy trì là nhờ vào ý chí.

Bản chất của ý chí là sự Sáng, bản tính của nó là sự sáng suốt.

Sự Sáng sinh động trong một thời gian dài, tạo thành năng lực của sự Sáng mà hiệu quả của nó là sự minh mẫn (1).

Ý → ước muốn → ý chí → thời gian sinh động của ý chí → năng lực của sự Sáng tăng → minh mẫn

Sự diễn tiến tuần tự:

- Ý: sự Sáng khởi phát.

- Ước muốn: sự Sáng bắt đầu sinh động.

- Ý chí: phương tiện làm cho sự Sáng tăng.

- Thời gian sinh động của ý chí: thời gian sinh động càng lâu dài, cường độ của sự Sáng tăng.

- Năng lực của sự Sáng tăng: huyền năng của Trí tăng (và siêu Trí, Tuệ tăng)

- Minh mẫn: là hiệu quả của huyền năng của Trí. Hiệu quả này bao gồm nhiều sự linh thiêng và mầu nhiệm, đó là:

+ Tiên cảm

+ Thị kiến của Khí thân, Điện thân; Toàn Kiến của Quang thân

+ Linh cảm

+ Giác ngộ

+ Sự hiện thực của siêu Ý, siêu siêu Ý của Tuệ.

(Sự hiện thực của siêu Ý, và của siêu siêu Ý là một hiện tượng vật lý. Hiện tượng này giống như sự tạo sóng của một viên đá được ném xuống mặt nước.

(1) Người có đức tin hướng về nguồn năng sáng tạo, về những sinh linh trong vũ trụ, thì sự minh mẫn là điều kiện, và cũng là khả năng để cảm ứng, và để được mạc khải qua sự sinh động của sự Sáng, khi sự Sáng ở vào mức độ đầy đủ. Sự cảm ứng, cảm nhận này đưa con người vào sự hiện thực những sự phi thường mà không qua sự học hỏi bình thường của Trí khôn.

Nó cũng giống như khí hít vào trong Nhục thân, ém khí thật nhẹ và nhiều. Khi “khí” được đẩy ra bằng cơ bắp của tay, chân... nó tạo nên một lực cực mạnh. Bao cũng vậy, không khí lắng càng nhiều giờ, nhiều ngày, thì bao càng mạnh.

Thời gian lắng đọng của sự Sáng càng lâu thì siêu Ý bộc phát ra và trở nên hiện thực).

Tóm lại:

“Ước muốn” tạo nên năng lực, tạo nên sự Sáng. Con người muốn sống, và sống mãnh liệt, thì năng lực trong con người tăng mạnh hơn.

“Một tia lửa tạo nên một đám cháy kinh khủng, tương tự thế ước muốn của con người cũng tạo nên một huyền năng khủng khiếp như vậy”.

c. Niềm tin hiện thực

Nếu một điều gì, một việc nào mà người ta tin là có thể thực hiện được, thì người đó thực hiện. Nhưng trong ý nghĩ đó chưa có sự dứt khoát, sự quyết tâm cao, chưa có sự mãnh liệt trong ý chí.

Nếu điều đó, và việc đó, con người tin chắc thực hiện được, người đó sẽ đạt được kết quả với sự dứt khoát, quyết tâm cao và với sự mãnh liệt trong ý chí.

Cho nên, hiệu quả của sự “Tin là có thể thực hiện được, không bằng hiệu quả của sự chắc chắn, là thực hiện được”.

Tin là có thể thực hiện được thuộc về đời sống tinh thần, vì điều này, việc này... phải trải qua quá trình suy luận.

Chắc chắn thực hiện được thuộc về đời sống tâm linh, vì điều đó, việc đó đã được linh cảm, tiên cảm.

(Đối với đạo nhân, khi họ đã hiểu rõ được giá trị của đời sống tâm linh, họ đã dứt khoát không để phiền não thế gian làm ô nhiễm đời sống tâm linh. Họ duy trì đời sống tâm linh với ý chí mãnh liệt).

Một trong những hiện thực từ niềm tin với ý chí mãnh liệt trong đời sống tâm linh để khuất phục, hàng phục nhân tâm với mục tiêu để tiến hóa Tâm, Trí họ, mà ta từng thấy, chứng minh sự phi thường, sự siêu việt của một số người.

Ai hàng phục được nhân tâm, và lấy gì để hàng phục, khuất phục?

- Chỉ những người sống bằng đời sống tâm linh, và thiên tài mới hơn được chơn tài, và chơn tài hơn được nhân tài. Nhưng hàng phục được nhân tâm để tâm phục, khẩu phục, thì chơn tài và nhân tài chưa đủ khả năng, chưa đủ tư cách và đức độ để thực hiện việc đó, chỉ có thiên tài.

Vì sao?

- Vì phàm nhân có thể trở thành nhân tài, nếu họ cố gắng học hỏi kiến thức với sự kiên nhẫn. Và, nếu họ sống và thực hiện những đức tính trong tài năng, họ sẽ là chơn tài.

Thiên tài lấy gì để hàng phục nhân tâm?

- Hàng phục nhân tâm chỉ có cái Lý. Cái Lý xóa tan bản ngã (1).

Người nói ra được cái Lý, là đã Hiểu. Và Hiểu không qua sự giáo dục của con người, là đã có Thiên Tánh trong Tánh, Trí người đó rồi, tức là đã có sự xúc tác của Thiên Tuệ, Thiên Tánh trong sự Sáng của trí khôn của người đó.

Đây là sự thông minh phi thường, trực tiếp nhận được từ Thiên Tuệ, Thiên Tánh sinh động trong “chức năng Hiểu” để “Hiểu được cái Lý” từ sự Sáng của các loại Trí.

Niềm tin hiện thực với ý chí mãnh liệt của đời sống tâm linh biểu lộ ra bên ngoài với sự minh mẫn thường xuyên của Trí khôn, Trí thông minh trong lời nói, việc làm, đặc biệt là trong cách giải quyết, luôn có sự tiến hóa tâm hồn của tha nhân, ngay cả trước khi Nhục thân chết, Trí khôn vẫn luôn minh mẫn.

Trí khôn thường xuyên minh mẫn, cách giải quyết luôn có sự tiến hóa cho tha nhân, ngay cả chính mình, đó là sự tiến hóa thật của Trí khôn.

d. Sự tiến hóa thật của Trí khôn

Sự tiến hóa thật của con người, của Trí khôn ở chức năng Hiểu. Hay nhờ Hiểu, mà thể Sáng của Trí tăng, và sự sáng suốt cũng tăng lên.

Vì vậy “Biết không bằng Hiểu”.

“Biết” thì trước hay sau con người cũng Biết. Nhưng Hiểu được điều mình Biết, không phải lúc nào cũng Hiểu được, vì có điều mình Hiểu được, có cái chưa Hiểu được ngay.

“Biết” và “Hiểu” thuộc hai lãnh vực, hai cõi giới khác nhau.

“Biết” (nhận thức) còn thuộc về bản ngã, vẫn còn tính cách chủ quan, thuộc về đời sống vật chất, hoặc đời sống tinh thần. Nhờ “Biết” mà kinh nghiệm được phát sinh.

“Hiểu được Lý” thì không cần đến kinh nghiệm.

“Hiểu” thuộc về đời sống tâm linh, kinh nghiệm thuộc về đời sống vật chất hoặc tinh thần.

Tại sao?

- Vì Lý thuộc về sự sinh động trong vũ trụ, không dính dáng đến bản ngã. Do đó, Trí suy nghĩ về Lý, thì lúc đó Trí thuộc về Vô ngã.

Vô ngã thuộc về đời sống tâm linh. Đời sống này hoàn toàn sinh hoạt bằng

(1) Vì còn bản ngã nên còn phạm nhân. Do đó, phạm nhân phải chịu khuất phục dưới cái Lý. Và ngược lại, “người không còn thấy sự hiện hữu của bản ngã mình, thì cái Lý được nói ra mới hàng phục được nhân tâm. Cho nên, Thiên tài chỉ thấy cái Lý, mà không thấy chính mình nữa.

Cái Lý là sự sinh động vô hình, làm mà như không làm, nó mới tuyệt đối được.

sự Sáng, sự sống, luôn trong thực tại (sự thật trong hiện tại), không hình, không tướng, không còn gì để phân biệt, biện biệt, so sánh.

3. Sự tích cực trong tâm linh

Trong đời sống của xã hội văn minh vật chất, với nhu cầu liên hệ rất nhiều giữa người với người, nếu chẳng ai hiểu được mình thì con người cảm thấy cô đơn. *Nhưng trong đời sống tâm linh sự cô đơn là một lý tưởng của đời sống.*

Vì sao?

- Vì chỉ có mình tự hiểu lấy mình nên không cảm thấy cô đơn.

Có thể nói, không cần tìm bạn hữu nữa theo sự sống của người thường, vì chính mình đã tìm được “nhân tính, nhân tình” (tính của nhân loại và tình cảm nhân loại) ngay trong con người của mình.

Và đó là chân tình nên không bao giờ bị thất vọng vì một vọng cầu nào hết.

Vui vẻ, pha trò, hoạt bát... là sự sinh động, sự tích cực bên ngoài của đời sống xã hội.

Nhưng im lặng, suy nghĩ về cái Lý là sự tích cực bên trong của nội tại, của đời sống tâm linh.

Sự tích cực bên ngoài của đời sống xã hội mang tính bộc phát do đối tượng, hoàn cảnh nên không thường xuyên. Và mức độ tích cực cũng xảy ra do tính quan trọng hay bình thường của đối tượng mà con người xã hội tiếp xúc, tức là mức độ tích cực có tính tương đối.

Cái gì có trong tương đối luôn làm con người thất vọng, bất mãn..., vì nó còn chỗ để so sánh.

“Tương đối” có trong thế giới hữu hình, trong đời sống vật chất và tinh thần.

Chỉ có trong đời sống tâm linh, điều làm cho con người luôn An, Lạc, đó là sự tuyệt đối, có nghĩa sự tích cực trong tâm linh là tuyệt đối. Nó sinh động mãi như than hồng cháy càng lâu càng tăng nhiệt độ, không như lửa rơm bùng cháy, rồi tàn ngay, sức nóng không lâu.

Sự tích cực bên trong và ngoài của các đời sống cũng vậy.

Sự tích cực bên trong do những sinh hoạt liên quan đến những bộ phận vô hình như Tâm, Tánh, Trí, tâm hồn, Lương Tâm... dùng để ứng xử với con người, và linh hồn cảm ứng và ứng xử với sinh linh.

Chúng chủ động trong mọi sinh hoạt. Những sinh hoạt này đều có tính cách vô hình. Nhục thân chỉ hiện thực.

a. Sự tích cực trong Vô ngã

Đời sống nội tại, với những sinh động của những bộ phận vô hình trong sinh hoạt xóa tan sự hiện hữu của bản ngã.

Trong sinh hoạt của bản ngã, sự tích cực có cao đến đâu và rất lâu cũng chỉ là tương đối.

Hay là, những gì con người làm ra từ bản ngã chỉ ở vào mức tương đối.

Như trong giáo dục, học vị ngày nay cao nhất là giáo sư tiến sĩ, thạc sĩ v.v... Những người đạt được học vị này còn tiếp tục học hay không?

- Chắc chắn họ vẫn tiếp tục học. Như vậy, những học vị này chỉ tạm thời là cao nhất, không phải là tuyệt đối cao, nhưng chỉ tương đối cao so với sự tiến hóa của Trí khôn trong tương lai.

Đối với mọi điều, sự việc khác, cũng vậy, chỉ tương đối thôi, ngay cả sự Thiện, Ác cũng vậy.

Biết mọi sự đều tương đối đều xuất nguồn từ bản ngã, vì vậy chẳng nên khát khe, gắt gao nghiêm khắc như trong sự nhận định, trong sự đòi hỏi của sự tuyệt đối của sự hoạt động từ Vô ngã mà ra.

Nếu dựa trên tính tuyệt đối mà đánh giá thì mọi sự việc phải đạt đến mức hoàn hảo, và luôn hoàn hảo ở mọi thời và ở mọi nơi.

Đối với những người sống với tính Thiện trong xã hội, nếu quan tâm đến sự tích cực trong tính Thiện, khó mà nhận ra được tính Thiện và sự chí thiện, thánh thiện trong sự tương đối hay tuyệt đối.

Sự thánh thiện khác với tính Thiện như thế nào?

- “Thiện là sự lành”. Mọi sinh hoạt đều có tính Lành. Sự lành này toát ra từ một bản ngã. Hay là từ một bản ngã toát ra sự lành trong mọi sinh hoạt.

Tính Lành như vậy chưa được gọi là thánh thiện.

Sự thánh thiện không toát ra từ một bản ngã, nó xuất ra từ Vô ngã.

Do từ Vô ngã (hay chơn Ngã), tính thánh thiện toát ra cùng lúc với sự linh thiêng và mầu nhiệm.

Như vậy, có thể nói: *“Tính Lành toát ra trong hành động vừa linh thiêng và mầu nhiệm, đó là sự thánh thiện vậy”*

(Sự kiện này cho thấy rõ, con người không thể theo ý riêng của mình để phong ngôi vị thánh cho nhau. Nhưng con người tự chứng thực sự thánh thiện của mình trong đời sống với những sinh hoạt và hành động mang tính linh thiêng và mầu nhiệm.

Nhờ tính Thiện, con người có lòng từ bi, có tình thương, nhưng do đối tượng, do hoàn cảnh sinh ra không có tính liên tục, thường xuyên. Có khi là tình cảm hay đức tính luôn phiên hành động.

Trong Vô ngã, tất cả những đức tính sinh động cùng lúc. Sự hợp nhất của mọi đức tính duy nhất là Đức Bi – một tình thương siêu nhiên tỏa ra tất cả những đặc tính, năng lực của nó sung lúc như ánh sáng mặt trời chan hòa tỏa ra mọi lúc, mọi nơi.

Vì Đức Bi, xuất nguồn từ Vô ngã trong đó sinh động năng lực siêu nhiên,

cho nên Đức Bi là một năng lực siêu nhiên sinh động mãi mãi.

Tính tích cực của nó cũng là sự sinh động không ngừng của một năng lực tiên thiên trong vũ trụ, cũng là tình thương vô nguồn gốc thế gian, không do những hình ảnh của thế gian hình thành sẵn có trong sự siêu nhiên và từ bản chất, tính chất siêu nhiên trong con người.

Tính tích cực trong trạng thái Vô ngã làm đổi thay tính chất sinh hoạt của bản ngã.

Sinh hoạt có tính chủ quan của bản ngã được chuyển sang sự hồn nhiên và thánh thiện, tức là không tâm trạng trong sinh hoạt, nên lòng trong sáng. Có tâm trạng là có sự dao động của Ngũ hành; còn tâm trạng là còn bản ngã.

Tính tích cực trong Vô ngã làm cho cuộc sống hồn nhiên thì cường độ sự xác tín từ Lương Tâm càng cao, nó làm tan biến bản ngã. Nhờ đó, Tâm, Trí sáng suốt, thông suốt được cái Lý (là sự thật sinh động trong sự việc).

Sự thánh thiện sẽ toát ra trong đó, có cả sự linh thiêng và màu nhiệm. Hay là Tâm Thánh thánh thiện, tự nó thoát ra sự linh thiêng và màu nhiệm.

Sự màu nhiệm của tình thương siêu nhiên trong đời sống tâm linh xóa mọi sự Độc, Ác, Dữ... mà không cần đến sự kiểm soát, chế ngự lấy tính chất độc, ác, dữ, xấu...

Xóa đi mọi nọc độc, ác, dữ mà không cần đến sự cố gắng kiểm soát và chế ngự, cho ta thấy rõ được khả năng tuyệt đối của sự màu nhiệm trong tình thương siêu nhiên, vô nguồn gốc thế gian.

Tài trí và đức độ trong tình thương siêu nhiên làm cho tha nhân được vui, mừng, sung sướng.

Ngược lại, làm cho người khác khổ sở, khốn đốn, đau thương..., việc làm này cũng biểu lộ tài trí, nhưng tài trí này không có đức độ.

(Khô tâm, khô trí... là cái dơ, cái độc của sự Sáng. Quý tính trong Tâm, Trí con người làm dơ, độc sự Sáng.

Sự Sáng bị ô nhiễm, sự sống yếu đi. Khô tâm, khô trí là nguyên nhân của mọi sự đau khổ, đau đốn của thân xác.

Đối với thú vật, thì ác thú, mãnh thú làm đau đốn thân xác con mồi bị chúng vồ được. Nó thích thú trong sự đau đốn thân xác của con thú khác.

Người có Tánh này là người Ác).

b. Sự siêu thoát trong tâm linh

Thông thường, người ta có định kiến đến khi nào Nhục thân chết, tâm hồn, linh hồn mới siêu thoát.

Thật ra, khi Nhục thân còn sinh động, mà Tâm, Trí con người không bị ảnh hưởng, dao động của cảm giác, tình cảm và tư tưởng để tạo ra tâm trạng, trí trạng nữa, lúc đó Tâm, Trí mới hoàn toàn tự do, tự tại.

Trạng thái này đưa sự sống, sức sống con người vào sự siêu thoát.

Hay là, khi sự bình an đã hoàn toàn xuất hiện trong tâm hồn, trong mọi thời gian, thì cuộc sống con người đã siêu thoát, nhẹ nhàng.

Mọi động tác (tư tưởng, lời nói, việc làm, đi, đứng, nằm, ngồi v.v...) đều chính xác, ung dung, khoan thai... *Tâm hồn không bị ngoại cảnh chi phối, ảnh hưởng, có nghĩa là Nhục thân không làm cho tâm hồn xao xuyến, kể cả những sự đau đớn của thân thể.*

Như vậy, *tâm hồn đã làm chủ được Thân, tức là sự tự do của Tâm, Trí đã làm chủ được Thân.*

Tâm hồn đã làm chủ được thì linh hồn sẽ tách ra khỏi sự ràng buộc của Nhục thân, chẳng bị việc thế gian ảnh hưởng làm ô nhiễm tâm hồn và linh hồn.

Tâm hồn hoạt động một cách tự do, linh hồn tách ra khỏi Nhục thân và hoạt động. Đó là trạng thái siêu thoát trong tâm linh.

Trạng thái siêu thoát làm biến đổi sinh hoạt của con người, biến đổi luôn cả tính chất của sự việc liên quan đến may rủi trong trạng thái bình thường và siêu thoát.

Bình thường, tự tin ở khả năng và tài năng của mình, lòng tự tin là một đức tính, tạo nên chí khí, hy vọng. Nhưng nếu Tâm động loạn, Trí kém sáng suốt, thì việc làm sẽ tạo nên sai lầm. Sai lầm sẽ kéo theo những sai lầm khác.

Nếu đức tin có trong trạng thái siêu thoát, tâm hồn luôn bình an, thì may mắn sẽ đến và mọi việc sẽ tự nó được giải quyết lấy.

Đức tin của linh hồn thuộc về đời sống tâm linh mà đời sống này chỉ sinh hoạt bằng đầu, não, năng lực tiên thiên. Vì vậy, mọi việc liên quan đến Tâm, Thân sẽ tự nó giải quyết lấy với sự may mắn trong những việc đó.

c. Sự tiến đổi trong tâm linh

Sự tiến đổi là sự đổi thay có tính cách tiến hóa. Trong đời sống nội tại, sự tiến đổi do một yếu tố hay một bộ phận vô hình mới, tác động đến mọi sinh hoạt bên trong, có một năng lực cao hơn ngoại lực. Đó là linh hồn (siêu Tâm, siêu Trí) hoạt động, lôi cuốn theo những sinh hoạt khác liên quan đến một loại thân sinh động tiềm ẩn trong Nhục thân, là Điện thân với những bộ phận và trực giác quan có khả năng hoạt động trong thế giới siêu nhiên (1).

(1) Thế giới siêu nhiên và thế giới tự nhiên tương tự như trên mặt địa cầu và trong lòng đại dương. Khí oxy sinh động trên mặt đất, và lan tỏa tiềm ẩn trong đại dương, oxy sinh động trong sự kết hợp của một loại khí khác để trở thành H₂O. Thế giới siêu nhiên cũng vậy, nó sinh động riêng biệt và đồng thời nó cũng tiềm ẩn sinh động trong thế giới tự nhiên.

Điện thân, cũng giống như rùa, vừa sống dưới nước và cả trên mặt đất, tức là Điện thân có thể hoạt động luôn trong hai thế giới. Như vậy, sức sống được mở rộng ra trong hai loại không gian.

Hay là, linh hồn (siêu Tâm, siêu Trí) sinh động thì các trực giác quan đều hoạt động, và nhờ đó mà Điện thân mới thu và giữ nội lực được. Sau đó, nội lực mới vận dụng được, và được vận dụng.

Hoạt động bằng linh hồn, tức là sinh hoạt của đời sống đã chuyển vào những thể linh thiêng hơn, tỷ lệ mẫu nhiệm trong con người cũng nhiều hơn.

Yếu tố thời gian và không gian của địa cầu căn cứ trên Nhục thân và Trí chẳng còn.

Sự tiến đổi trong tâm linh do sự hoạt động của linh hồn phát sinh từ sự siêu thoát của tâm hồn.

Sự thay đổi có tính cách tiến hóa từ ngoài vào trong của linh hồn ảnh hưởng đến sức khỏe của Nhục thân.

Từ sự siêu thoát, tâm hồn không còn phiền não vì sự việc bên ngoài gây ra, nhờ đó, tâm hồn và linh hồn được “An”.

Từ tính chất siêu nhiên sinh động trong trạng thái siêu thoát mà mọi sinh hoạt trong năng lực tiên thiên tạo nên sự “Lạc”. Khi sự “Lạc” sinh động, con người không cảm thấy cái chết của Nhục thân.

Bởi vì “Lạc” là một trong những nhân tố sinh động trong sự sống (sự Sáng).

“Sự sống, sự Lạc sinh động trong sức sống nên nội lực tăng trưởng”. Do đó, Nhục thân khỏe mạnh, hay là “nội lực tăng trưởng ảnh hưởng đến ngoại lực là Khí, Huyết của Nhục thân” (1).

1. Mức cao nhất trong sự tiến đổi

Mức cao nhất trong sự tiến đổi của đời sống tâm linh sinh hoạt hoàn toàn bằng sự Sáng cũng là mức trong sạch nhất của linh hồn.

Chỉ có Trí (các loại) làm chủ, hoạt động, vì vậy, lúc nào mắt cũng sáng, tai thông... Hiện tượng này biểu hiện sức linh hoạt của Trí tỏa ra bên ngoài.

Trí làm chủ, sự Sáng sinh động. Sự Sáng sinh động, tự tăng trưởng và tiến hóa.

Sự Sáng tự nó sinh động, cho nên có sự xúc tác vào những thể linh thiêng khác. Và những thể này nhờ đó mà tiến hóa.

Sự sinh động của sự Sáng cũng là sự tiến hóa, tăng trưởng của sự Sáng.

Nó tăng trưởng, tiến hóa trong “trạng thái động” và trong “trạng thái Tĩnh”.

Tiến hóa, tăng trưởng trong “trạng thái động”:

- Những chức năng quan sát, nhớ, và suy nghĩ của Trí hoạt động, thì sự Sáng tăng.

Nếu có tâm trạng can dự vào, sự Sáng bị hao tán. Hiện tượng sinh lý xảy ra: khí không điều hòa, không thông, hô hấp nặng nề.

(1) Một số người sống bằng đời sống nội tại hay đời sống tâm linh, từ hiện tượng tiến đổi này, tạo ra nhiều phương pháp “Thu, giữ và dùng” nội lực, hoặc sống Đạo trong thực tế nên Nhục thân của họ được khỏe mạnh.

Hiệu quả của sự tiến hóa, tăng trưởng sự Sáng trong “trạng thái động” là hoạt động của chức năng thuần túy của Trí, không có sự can dự của Tâm và Thân, hay là không có tâm trạng, tình cảm và cảm giác v.v... chỉ phối sự tập trung của sự Sáng hoàn toàn ở não bộ và ở Trí.

Tiến hóa, tăng trưởng trong “trạng thái Tĩnh”:

- Sự sinh động của sự Sáng của một chức năng sâu nhất, chức năng cuối cùng của Trí, là sự thông minh.

Nó không còn dính dáng đến giác quan, trực giác quan, tức là không còn liên quan đến Thân, Tâm và ba chức năng của Trí và siêu Trí (quan sát, nhớ và suy nghĩ). Tức là sự sinh động của sự Sáng, của thông minh tách ra khỏi những sinh động của Thân và Tâm, luôn cả những chức năng của Trí thường.

Sự sinh động của sự Sáng đạt đến độ cực tĩnh (thời gian sinh động rất lâu của sự thông minh, của sự Sáng) cũng là mức cực động của sự Sáng, thì “Động cũng là Tĩnh”, mà “Tĩnh cũng là Động”, sự Sáng của sự thông minh không còn một dịch kỳ nào cả và cả chiều hướng cũng không.

Trạng thái đồng nhất này (Động + Tĩnh) là sự màu nhiệm của Thái cực (Dương + Âm)

1

Sự màu nhiệm này là tuyệt đối so với những màu nhiệm khác của Dương và Âm và 3 thể linh thiêng kia (Thủy, Khí, Điện). Chúng khác nhau về tỷ lệ màu nhiệm.

Trạng thái đồng nhất (Thái cực của sự Sáng) này mới mở được linh giác quan và Tuệ. Hai bộ phận màu nhiệm này có khả năng hoạt động được trong thế giới siêu siêu nhiên.

Tất cả những gì liên quan đến Thân, Tâm và các chức năng của Trí liên hệ với thế giới tự nhiên phải hoàn toàn ngưng động (1), thì hai bộ phận màu nhiệm kể trên mới đi vào hoạt động được.

Đầu, não	Thể Sáng của Trí, siêu Trí, Tuệ (*)
Phía trong của Thân	Tâm: tình cảm, ký ức (**)
Phía ngoài của Thân	Thân: cảm giác (***)

(*) hoạt động

(**), (***) hoàn toàn ngưng động: Điện, Khí, Thủy ngưng chuyển động, nhưng vẫn sinh động.

(1) Hiện tượng này cũng như trong sự châu biến của các tần số.

Tần số cực cao mà hoạt động, thì hai tần số trung và thấp phải ngưng hoàn toàn. Nhưng cả 3 tần số cũng từ một nguồn năng sinh ra.

Trong đời sống tâm linh, mọi sinh hoạt đều Cực lạc và vô cùng linh động, tức là chỉ còn sự Sáng sinh động, vì vậy “lúc nào Trí cũng tỉnh thức”.

2. *Hiệu quả của sự tiến hóa của đời sống nội tại*

Danh nhân hoan trong Tâm, Trí với sự ca ngợi, náo nhiệt bên ngoài, duy chỉ có đạo nhân mới hưởng sự Cực lạc trong linh hồn, trong Tánh của vũ trụ và Tuệ, với sự cực tĩnh bên ngoài của cuộc sống.

Nếu ta lấy đời sống nội tại, đời sống tâm linh để tiến hóa đời sống tinh thần và vật chất thì rất Thuận Lý.

Hễ những gì Thuận Lý, chúng thuận theo Thiên Lý, có nghĩa là Đạo lý hướng dẫn Đời, thì mọi sự việc đều được yên vui.

Ngược lại, dùng Đời mà hướng dẫn thì sẽ hỗn loạn. Vì sao?

- Vì Đời chứa những sai trái, xấu xa, tội lỗi... Mọi thứ này do Nghịch Lý sinh ra... Con người sống trong Nghịch Lý, làm sao không xảy ra hỗn loạn, bất đồng.

Trong xã hội, và ngay cả trong gia đình cũng không có được sự thuận nhất về cách ứng xử. Điều này do ở sự tiến hóa không cùng một tiến độ của Trí khôn và sự ứng dụng khác nhau ở mỗi người, như tâm hồn, Lương Tâm, linh hồn, tình thương v.v... trong mỗi đời sống.

Như đời sống vật chất phải thuận với Thuận Lý. Con người đối xử với nhau bằng sự Tốt, Đúng, Phải.

Đời sống tinh thần sinh hoạt và hoạt động từ Chơn lý (nguồn gốc của mọi Triết lý) và Thuận Lý. Nó sẽ toát ra cái Hay, Đẹp của tâm hồn.

Đời sống tâm linh dựa trên Đạo lý. Đạo lý bao gồm cả Chơn lý và Thuận Lý.

Đời sống tâm linh sống bằng sự toàn hảo của Lý (Đạo lý, Chơn lý và Thuận Lý), ta gọi là sống Đạo. Con người tạo công đức cho nhau.

Đến đây, ta nhận ra sự thuận nhất trong mỗi đời sống, nhưng nó chưa phải là sự thuận nhất của mọi đời sống, vì mỗi người theo quan niệm sống của mình, họ có thể sử dụng riêng rẽ từng bộ phận, cơ quan vô hình. Như:

- “Tâm hồn” đem ra dùng, thông cảm được với con người.

- “Lương Tâm” được đưa ra ứng xử, thì đạt được sự công bằng, chính trực, nhân, nghĩa.

- “Linh hồn” đem ra dùng, con người cảm ứng và linh cảm được với thế giới siêu nhiên.

- “Sống bằng linh hồn trong sinh hoạt”, Nhục thân thoát khỏi vòng Phước, Họa... vì sinh hoạt thuộc về Điện thân, Khí thân.

- “Sống bằng Trí”, có tiến bộ. Nhưng đối với tha nhân, còn hơn thua, tranh chấp.

- “Sống bằng Lý”, có tiến bộ. Đối với tha nhân, giúp họ tiến hóa.

- “Sống bằng tình thương”, thì hiệu quả ra sao?

Mọi tạo vật đều tiến hóa, tăng trưởng trong những thể linh thiêng. Đối với

con người Tình thương cũng được tăng trưởng, tiến hóa.

Tình thương càng tăng thì lòng tha thứ, thương xót càng tăng theo.

Tha thứ lỗi lầm của người khác, vì cố ý hay không biết mà lỗi lầm. Nếu tha thứ, mà không giải bày chỉ dẫn, thì người lầm lỗi không được tiến hóa.

“Tha thứ” là tâm hồn rộng lượng, quảng đại... nhưng không chỉ dẫn, dạy dỗ thì Tình thương không tiến hóa, thăng hoa đức tính.

Chỉ dẫn, dạy dỗ... là phương thức làm tăng thêm Tình thương.

Đôi nghịch với sự quảng đại là lòng hẹp hòi, ích kỷ, vị kỷ, mà dấu hiệu bên ngoài là sự khó chịu, khó khăn, trách móc.

Sự tiến đổi trong đời sống nội tại đưa đến sự trưởng thành trong tâm linh mà trách nhiệm là hướng dẫn, dạy dỗ cho những tâm hồn ấu trĩ, cho hậu sinh.

Người trẻ tuổi, hay trẻ con, nếu không được hướng dẫn về con đường Đạo, Đức, chúng sẽ đi theo con đường xấu, độc ác, hung dữ.

Muốn hướng dẫn người khác, hoặc muốn tiến hóa cả người và mình, đức tính đầu tiên là sự siêng năng.

Sự siêng năng cộng với sự suy nghĩ trong việc làm giúp cho người ta trở nên thông minh trở thành Trí thức.

(Siêng năng có nhiều phương diện: thân thể hoạt động và chịu đựng. Trong sự chịu đựng, nảy sinh sự kiên nhẫn, nhẫn nhục. Kiên nhẫn, nhẫn nhịn, nhẫn nhục tạo nên ý chí kiên cường.

Hiệu quả của sự siêng năng làm cho Thân, Tâm, Trí phát triển, tiến hóa).

Người trưởng thành trong tâm linh hướng dẫn, chỉ dạy sự Tốt, Đúng, Phải, nhưng đối với trẻ con, trước hết phải được hướng dẫn và thực hành sự siêng năng, chúng mới trở nên thông minh được.

Hết thông minh thì linh hoạt (hoạt bát, nhanh nhẹn, chính xác).

Hay ngược lại, chỉ cần thấy được sự linh hoạt trong sinh hoạt, người đó chắc chắn thông minh và siêng năng.

Hiệu quả của sự hướng dẫn, chỉ dạy một phần quan trọng tùy thuộc vào âm thanh của tiếng nói.

Tiếng nói của Đạo, Đức từ não đưa ra, không có nhấn âm. Hay là, tiếng nói hoàn toàn của Trí, của linh hồn không có nhấn âm.

Nó là tiếng nói của tư tưởng thuần túy, không có tâm trạng sinh động trong tư tưởng (bản chất là Điện và sự Sáng), vì vậy ngoài con người ra, sinh linh khác cũng nghe được.

Thực chất, đó là tiếng nói của Dương và Âm, không có âm thanh của ngũ tạng khí, của Ngũ hành.

Tiếng nói của tâm hồn (Tâm, Trí) còn trong vòng sinh động của Ngũ hành, liên quan đến con người.

Không vương ở ngoại cảnh, tiếng nói của linh hồn (siêu Tâm, siêu Trí) thuộc

về sinh động của Dương và Âm. Nó cảm ứng và cảm thông được với sinh linh trong cõi siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Vô tâm trạng trong âm thanh, nên tiếng nói không ảnh hưởng đến tâm hồn, người nghe hiểu trực tiếp tư tưởng và ý nghĩ của người nói, do đó hiệu quả truyền đạt cao.

Ngoài những điều dễ nói trong sự tiến hóa con người, thái độ của người truyền dạy tuy không cố tâm nhưng vẫn luôn được thận trọng trong sự đơn sơ.

Trong xã hội, không có sự việc nào được nói trước đối với người sống bằng đời sống nội tại.

Vì vậy, “chẳng có gì để nói trước về lời hứa, lời nói của một người”, chỉ khi nào việc đã xảy ra rồi, mới có điều để nói.

Hay là, “chỉ khi nào, lời hứa và lời nói của một người đã được hiện thực thì từ việc đã xảy ra rồi, mới có điều để nói”.

Và những điều nói ra luôn minh bạch, đó là hiệu quả của sự truyền đạt do sự sáng suốt của Trí thông minh trong mọi thời gian.

Có thể nói, “*sự sinh động của đời sống tâm linh là sự hiện hữu của sự sáng suốt của Trí thông minh trong mọi thời gian*”.

Ngược lại, sự sáng suốt của Trí thông minh trong mọi thời gian là biểu hiện bên ngoài của đời sống tâm linh.

Sinh hoạt của đời sống tâm linh là “sự sinh động đồng bộ của Trí và Lý trong mọi thời gian”.

3. Sinh động vô hình trong sự tiến đổi

Sinh hoạt của đời sống tâm linh được hiện thực bên ngoài bằng những sự việc, hiện tượng... linh thiêng và màu nhiệm, khác thường, không có tính cách bình thường, tự nhiên.

Những sinh hoạt này xuất nguồn từ những sinh động siêu nhiên và siêu siêu nhiên mà bản chất, bản tính và tính năng của chúng thuộc về Điện và sự Sáng. Hai thể này tác động để hiện thực những sự việc, hiện tượng tự nhiên (1).

Sự sinh động, sinh hoạt từ trong, tuy có mà như không có, không thể nhận ra bằng giác quan, chỉ cảm, biết được bằng sự Sáng của Trí..., giống như Tâm con người, tuy có mà cũng như không có.

Những gì vô hình, siêu hình đều thuộc về đời sống tâm linh. Và bộ phận, cơ quan nào cảm, biết, hiểu được những sinh hoạt bên ngoài, những sinh động bên trong của những cái vô hình, siêu hình... là bộ phận, cơ quan cao nhất.

Bộ phận đó là Trí (siêu Trí, siêu siêu Trí). Cho nên nói rằng: “đời sống tâm

(1) Như sấm sét là hiện tượng tự nhiên, trong đó có sự sinh động và tác động của những năng lực vô hình, siêu nhiên mà giác quan không cảm nhận được.

linh là đời sống Tâm, Trí (các loại Tâm và các loại Trí liên quan đến năng lực siêu nhiên và siêu siêu nhiên), và sinh hoạt của Tâm, Trí hoàn toàn sinh động bên trong, không còn dính dáng đến ngoại cảnh (trong hiện tại (1), hoặc trong quá khứ, những hình ảnh này còn sinh động trong bộ nhớ, trong ký ức...).

Khi không còn dính dáng đến ngoại cảnh thì Tâm, Trí cảm ứng được với thế giới siêu nhiên, siêu siêu nhiên bên ngoài bằng sự hòa cảm của 2 cõi giới siêu nhiên, siêu siêu nhiên bên trong.

Hết 2 cõi giới này bắt đầu sinh động thì Tâm và Trí cũng đổi luôn, thành siêu Tâm, siêu Trí (và cao hơn là Tánh của vũ trụ và Tuệ).

a. *Sự tiến đổi con người vào đời sống tâm linh* tạo ra một quan niệm sống mới, khác thường so với hai đời sống tinh thần và vật chất.

Quan niệm sống của người sống bằng đời sống tâm linh:

- Không quan tâm đến sự sống, chết của Nhục thân, không lo sợ, e ngại cho Nhục thân sẽ phải xảy ra điều gì.

- Không quan tâm đến sự sống chết của Tâm. Người thường chưa bao giờ nghe nói đến “cái chết của Tâm”. Nếu có nghe, họ cho đó là chuyện hoang đường, bịa đặt.

Nhưng đối với “chơn tu sĩ”, để nhập đại định, đó là ngưỡng cửa quan trọng khó bước qua, là nơi dễ tận diệt mọi chủng tử luân hồi (nói theo vật lý siêu nhiên, đó là qui tắc tiến hóa đưa sức sống trở về với sự sống của vũ trụ, khi sức sống đó bằng với sự sống của vũ trụ).

Cái chết của Tâm, mà bộ phận làm cho người tu lo ngại “chết” là bộ nhớ (các ký ức được chứa đựng do sự rung động của nhân điện dưới dạng tần số).

Bộ nhớ của Tâm (và Trí) là kho dự trữ những dữ liệu cho chức năng “Biết” của Trí.

- Người sống bằng đời sống tâm linh không phải xóa đi các bộ phận vô hình, mà phải làm chủ chúng, điều khiển mọi chức năng của những bộ phận vô hình.

Làm ngưng những chức năng của những bộ phận liên quan đến 2 cõi giới tự nhiên, siêu nhiên (là Thân, Tâm), thì sự Sáng tự về và sinh động ở cõi giới siêu siêu nhiên (là não bộ).

- Sự sáng suốt tăng đến mức tuyệt đối “biết và hiểu” cùng lúc xảy ra, giác ngộ được Nguyên Lý, ngay lúc này, con người sống bằng sự sống, cảm thông

(1) Trong hiện tại, “Trí luôn luôn hồi quang”, để cho Trí quan sát không còn vương bận, dính dáng đến ngoại cảnh. “Hồi quang” là hướng Trí quan sát vào sự sinh động và đời sống bên trong.

Sự Sáng sinh động bên trong tăng thêm cường độ, và sự sáng suốt của Trí cũng tăng theo.

Hiệu quả sinh lý xảy ra: mắt sáng, tai thông, ngôn từ phát ra lưu loát...

được mọi vật.

“Mọi tạo vật giống nhau ở sự sống, tức là, sự sống trong mọi tạo vật có thể Sáng (sự Sáng) đều giống nhau, nhưng khác nhau ở sức sống, khác nhau ở thành phần cấu tạo. Không có một tạo vật nào tuyệt đối giống nhau, ngay cả cùng một loài, một chủng... (người này với người kia, cây với cây, cỏ với cỏ... không hoàn toàn giống nhau, như lúa có cọng cao thấp, mang nhiều hoặc ít lúa).

b. Sự Khoái, Lạc trong hiện sinh của đời sống tâm linh

Đời sống tâm linh là đời sống của đạo nhân vừa xuất thế, vừa nhập thế.

Đạo nhân luôn sống trong hiện tại, sống bằng sự hiện sinh của sự sinh động của vũ trụ đúng theo sự sinh hóa, chuyển hóa, và tiến hóa trong sự lạc quan.

Sự hiện sinh của Đạo nhân sống bằng 3 sự lạc quan của 3 đời sống Thân, Tâm, Trí, 3 đời sống liên quan đến đời sống vật chất, tinh thần và tâm linh.

Sự lạc quan này sinh động trong ba thời hạn của sức sống của Thân, Tâm, Trí. Nó là nền tảng của mọi sinh hoạt của đời sống tâm linh.

Muốn tiến bộ trong một ngành, một khoa học nào, người ta cần rõ nguyên tắc, thấu triệt được nguyên lý của nó.

Muốn tiến hóa trong đời sống, giá trị của mỗi đời sống cũng phải được nhận định rõ. Và giá trị của mỗi đời sống khác nhau nhiều. Nhưng điều chính yếu là khám phá ra sự lạc quan và sống bằng sự lạc quan trong mỗi đời sống, trong sự luân phiên sinh hoạt của Thân, Tâm, Trí.

Những gì liên quan đến nhu cầu của Thân thì cần thiết và có sự khoái cảm; đến nhu cầu của Tâm là Lạc trong sự cao thượng và sự Cực lạc của Trí (siêu Trí, siêu siêu Trí).

Hay là:

- Đời sống vật chất thì cần thiết (1).

Đời sống tinh thần thì cao thượng.

Đời sống tâm linh thì màu nhiệm.

Ngược lại:

Sự cần thiết cho thân thể.

Sự cao thượng cho tâm hồn.

Sự màu nhiệm cho linh hồn.

Sự cao thượng mà không sinh động thì sự cao thượng không tăng tiến được.

(1)Nhu cầu ăn, ở, trang phục thích hợp với thời tiết cần thiết cho thân thể. Sự thặng dư quá nhu cầu, và tiện nghi quá mức cần thiết đưa đến xu hướng thọ cảm về sự khoái cảm và dục cảm... tạo thành nền văn minh vật chất. Nó làm lu mờ sự cao thượng của đời sống tinh thần và làm mất đi sự màu nhiệm của đời sống tâm linh.

Sự mẫu nhiệm không sinh động thì sự mẫu nhiệm không được bén nhảy, tăng tiến.

Về nhu cầu cần thiết cho thân thể chỉ cần ở mức vừa đủ.

Tuy sự cao thượng phải luôn được tăng tiến, nhưng sự cao thượng của con người ở đâu để làm cho nó sinh động?

- Sự cao thượng của con người toát ra từ những đức tính. Nó là sự kết hợp của Lương Tâm và Trí con người.

Con người sinh hoạt thường xuyên bằng đức tính thì sự cao thượng luôn hiện hữu trong sinh hoạt.

Nhưng trong Lương Tâm có sự tác động, quan phòng của Thiên Tuệ, Thiên Tánh, do đó sự cao thượng mới biểu lộ được tính siêu việt.

Khi sinh hoạt biểu lộ tính siêu việt thường xuyên, đó là đời sống của một chơn Ngã.

Khi một người đã sống bằng chơn Ngã, chơn Đạo, người này không quan tâm đến việc làm để tạo nên Phước, Đức nữa, nhưng trong đời sống lúc nào cũng hưởng được chơn Phước, chơn Đức.

Đây không còn đời sống của một con người bình thường, mà là đời sống của tiểu vũ trụ hòa nhập với đại vũ trụ, với sự sinh động của vũ trụ là Thân (chơn Thân) gắn với Thiên Năng, Tâm (chơn Tâm) với Thiên Cơ, Trí (chơn Trí các loại) với Thiên Lý.

Thân là Quang thân gắn với Thiên Năng.

Tâm là chơn Tâm gắn với Thiên Cơ.

Trí là chơn Trí gắn với Thiên Lý.

Đây là đời sống xuất thế, nhưng trong nhập thế, người sống bằng đời sống tâm linh tiếp xúc với đời sống xã hội sẽ vận dụng những gì trong việc xử thế?

- Dùng Lương Tâm trong việc xử thế, trong đó có sự công bằng (1) và cao hơn là tình thương.

(Khi con người dùng Lương Tâm thì Trí quan sát, Trí suy nghĩ hướng vào trong để tìm cái Lý..., hay là hồi quang vào một đối tượng vô hình. Nhờ đó, Trí thông minh tăng sự sáng suốt và trí năng, hay là sự Sáng, sự sống trong sức sống tăng).

Lương Tâm sinh động thường xuyên trong sinh hoạt, sự miễn cảm càng bén nhảy, “tình người” càng tăng (tình cảm của loài người trong chơn Ngã tăng), nên cho những người sống đời sống tâm linh đặc Đạo nhân.

Hay là, “Đạo nhân” xuất nguồn từ Lương Tâm, “Đạo” nào cũng liên quan

(1) Sự công bằng dùng cho những người cố chấp, có định kiến, tâm địa hẹp hòi, còn nhiều thù tính (độc ác, hung dữ...), chưa có lòng tha thứ.

Những điều này được bộc lộ ra sinh hoạt bên ngoài bằng cái Tôi.

đến Thiên Tuệ, Thiên Tánh.

Như vậy, “trong Đạo nhân có Thiên Tuệ, Thiên Tánh sinh động trong tình Người”.

Đây cũng là “sự đắc nhập của con người vào sự sinh động của Thiên Tuệ, Thiên Tánh qua bộ phận mẫu nhiệm và vô hình là Lương Tâm”.

- Dùng Trí trong sự tiến hóa con người, là dùng Trí quan sát, Trí suy nghĩ... nhìn vào Lương Tâm để tìm ra sự cao thượng, siêu việt, sự mẫu nhiệm.

Nhờ ở những điều đó, Đạo nhân có thể giáo hóa con người (1) nhờ ở sự cảm ứng, cảm nghiệm với các loại năng lực bằng sự Sáng (sự sống) thuần túy của Trí, Siêu Trí, Tuệ vào những chức năng của vũ trụ mà giác ngộ được Lý, Vận, và những chuyển động trong đó.

(1) Người đời rất khó chấp nhận những điều mới lạ, nếu như những điều này không cao hơn những điều họ suy nghĩ, hay không trội vượt hơn những gì mà họ đang sử dụng.

Tiến Hóa Tâm Linh

Đời sống tâm linh không tạo nên một lối sống lập dị, cách biệt với xã hội.

Những người sống bằng đời sống này một cách tích cực, là vì họ khám phá ra ở nó giá trị thành tựu cao và hiệu quả vững bền, có khả năng tiến hóa luôn hai đời sống tinh thần và vật chất.

Khám phá ra cái tinh hoa trong một vật thô sơ bên ngoài, điều này đòi hỏi kinh nghiệm, từng trải mất nhiều thời gian. Cũng vậy, đối với các đời sống, quá trình sống với sự cảm nghiệm, so sánh, con người mới khám phá ra những nhân tố, hiệu quả và hậu quả từ mỗi đời sống, và tiến trình của nó là một sự tiến hóa vô cùng quý ở bản tính, cũng như sự tồn tại sinh động của bản tính đó trong đời sống tâm linh.

Cái tinh hoa của đời sống tâm linh là cái tinh hoa hoàn hảo, bao gồm tất cả những cái khác có trong hai đời sống tinh thần và vật chất. Chẳng khác nào hạt giống chứa đựng tất cả các sức sống khác, phát triển từ mỗi giai đoạn, để tích lũy hoàn toàn mọi sức sống trong chức năng di truyền, là để cho sự sống tồn tại, tăng trưởng trong sự biến đổi của sức sống.

Sự biến đổi vô hình trong mọi thời gian của mầm sống (hạt giống) đến thời sinh hoa kết quả, phải trải qua một thời gian dài của tạo vật không có Trí khôn, không có khả năng tiến hóa chủ động, vậy mà nó luôn luôn có kết quả trong sự di truyền, trong sự tồn tại tự động.

Còn con người, với sức sống của Nhục thân trong thời hạn trăm năm, có Tâm, có Trí, “chủ động tiến hóa”, nhưng số người sống bằng đời sống tâm linh rất ít, mặc dù thời gian sống cũng tương đối dài. Đời sống chưa tỏa ra hết cái tinh hoa của những bộ phận vô hình liên quan đến vũ trụ. Cho đến ngày nay, thú tính vẫn nhan nhản bộc lộ trong sinh hoạt, nổi bật là sự Độc, Ác, Hung, Dữ.

Nhưng tại sao đa số người dùng bốn độc tố này để giải quyết sự việc trong xã hội?

- Bởi vì những người này sợ thiệt thòi hoặc muốn chiếm ưu thế trên người khác.

Bốn điều này thuộc về gì?

- Chúng là bản năng của các loài thú được vận dụng trong sự sinh tồn. Người còn ít nhiều, hoặc có cả 4 điều này, thì còn thú tính trong người.

Và con người cứ mãi lầm tưởng rằng chúng là phương tiện hữu hiệu để giải quyết sự việc. Vậy chúng có thể giải quyết tận Lý của sự công bằng hay không?

- Không, vì đây là hạ sách, dù người có thắng thế, nhưng thực chất, chúng

không giải quyết được theo sự công bằng.

Đối với một xã hội, trong đó con người chú trọng nhiều đến tài sản vật chất thì bốn điều tệ hại kia sẽ tăng trưởng trong tâm hồn người rất nhanh và nhiều.

Chúng được xem như gì?

- Như sắt thép, độc tố, như móng, vuốt, nanh nhọn của độc thú, ác thú, mãnh thú. Sắt thép được đúc thành khí giới, tự nơi chúng đã toát ra hung tính rồi. Móng vuốt, nanh nhọn của mãnh thú, ác thú... tự nó bộc lộ ra sự ác, sự đau đớn rồi.

Khi các thú tính được dùng để giải quyết sự việc trong xã hội thì nhân tính trong con người mất dần, vì nhân tính (hiền hòa, nhân hậu, các đức tính...) không có cơ hội dùng đến để tăng trưởng.

Đề chuyên hóa từ thú tính sang nhân tính, người ta đã dùng đến giáo huấn, giáo dục và sự trừng phạt của công lý. Nhưng liệu xem công lý có xóa được tận gốc thú tính trong tâm hồn con người hay không?

- Sự trừng phạt của công lý trên tội lỗi do thú tính sinh ra chỉ tạm thời chế ngự được người phạm tội. Nhưng nó không thể xóa hẳn được thú tính trong loài người, và ngay cả trong con người đã phạm tội.

Nếu công lý xóa được thì tại sao người đã phạm tội lại tái phạm cùng một tội, hoặc những tội khác nghiêm trọng hơn.

Tính mạo hiểm luôn đôi mới trong tư duy, và sự đôi mới phải mang lại tiến bộ, tiến hóa và hiệu quả cao. Nếu sự trừng phạt của công lý không cải hóa được tâm hồn của con người bằng cách xóa đi thú tính thì con người lấy gì để tận diệt thú tính trong mình?

- Để xóa sạch thú tính trong cơ thể con người thì chỉ chính mình mới tự xóa lấy bằng sự sinh động của Lương Tâm.

Bởi vì, khi Lương Tâm con người hoạt động thường xuyên thì nhân tính đã thay thế cho thú tính rồi. Nhờ đó, con người tiến hóa.

Lương Tâm hoạt động thì Trí (Trí thông minh) tăng tiến, Tâm phát triển theo chiều hướng lành, mọi đức tính tăng lên mức thiện, rồi chí thiện.

a. Tinh hoa của đời sống tinh thần và tâm linh

Lương Tâm chưa hoạt động, thú tính trong con người vẫn còn và khi nó can dự vào sinh hoạt con người, thú tính giảm dần. Đến một lúc nào, nó thường xuyên hoạt động, lúc đó từ nó toát ra những tinh hoa của đời sống tinh thần và tâm linh.

Tinh hoa của đời sống tinh thần là những đức tính trong đó sinh động sự cao thượng.

Người sống bằng đời sống tinh thần có nhiệm vụ làm tăng thêm đức tính, thăng hoa sự cao thượng.

Trên khía cạnh của sinh hoạt trong đời sống nó tăng triển Đức. Và Đức tăng

triển, năng lực siêu nhiên sinh động, hóa giải được cái Họa cho thân nhân và tha nhân trong vùng.

Có thể nói rằng: “Sự cao thượng và tính cách vô vi là bản tính của đức tính”.

Một tâm hồn của đời sống tinh thần (1) thiếu một trong hai yếu tố này, thì đó chưa đúng là đời sống tinh thần.

Cao hơn tinh hoa của đời sống tinh thần, là tinh hoa của đời sống tâm linh.

Chúng là những đạo tính (tính tiềm ẩn trong sự Sáng của vũ trụ) trong đó sinh động sự siêu thoát, sự sống, sự linh thiêng, sự mầu nhiệm trong Lý, Cơ, Năng, mà cùng đích là hòa nhập vào Nhất Nguyên, vào sự hằng hữu, vào qui luật của vũ trụ.

Qui luật này là sinh hóa, chuyển hóa đến vô tận để tiến hóa.

Nhưng trong sự tiến hóa mới có điều kỳ diệu xảy ra. Đó là sự đổi mới không ngừng mà trong đời sống con người, điều kỳ diệu này dễ nhận ra, “sự tăng trưởng của sự Hiểu, Biết”.

Con người thụ đắc hai điều này, có được “cái Có thật”, không mất và cũng không bị mất, đáng lẽ phải lạc quan, ngược lại luôn sống bi quan, thật đáng thương.

“Sự Hiểu, Biết” này là “cái Có thật” không thuộc về con người, vì khi Nhục thân chết, nó vẫn tồn tại (vì nó là sự sinh động của năng lực vũ trụ). Sự tồn tại sinh động của nó thuộc về vũ trụ. Nhưng trong đó luôn biểu lộ ra sự linh thiêng và mầu nhiệm trong một đời sống tiến hóa nhất của con người, là đời sống tâm linh.

Đó là tinh hoa cao quý nhất trong mọi tinh hoa mà con người có được.

Thật sự, sinh hoạt của đời sống tâm linh là gì?

- Là một đời sống trong đó, mọi sinh hoạt đều linh thiêng và mầu nhiệm.

Tức là, khi nào con người sống bằng sự linh thiêng và mầu nhiệm, người đó mới thật sự là một sinh linh, sống bằng đời sống tâm linh.

Hai yếu tố linh thiêng và mầu nhiệm trong đời sống biểu lộ rõ sự hòa nhập của tiêu vũ trụ vào đại vũ trụ với Dương và Âm của 4 thể linh thiêng và mầu nhiệm liên quan đến 3 cõi giới tự nhiên, siêu nhiên và siêu siêu nhiên trong con người, là Thân, Tâm, Trí.

Sự hòa hợp của hai vũ trụ làm cho sinh hoạt của Thân, Tâm, Trí trở nên sinh hoạt của một chơn Ngã.

Khi con người biết vận dụng chơn Ngã trong đời sống, tinh hoa của đời sống

(1) Nhiều chức nghiệp thuộc về đời sống tinh thần, nhưng tâm hồn của người có chức nghiệp lại không được cao thượng. Người này chẳng biết, chẳng hiểu, nên không hưởng được những tinh hoa của những đức tính.

Chẳng khác nào tu sĩ, thân mặc tu phục, nhưng tâm hồn chẳng tu tiến, chẳng hưởng được sự An, Lạc của tâm hồn, làm sao đi đến cùng đích, đó là giác ngộ và đắc Đạo.

tinh thần và tâm linh không ngừng tiến hóa, thăng hoa. Và mức độ tiến hóa rất nhanh. Bởi vì, chơn Ngã luôn vận dụng chơn Trí (Thuần Trí) trong mọi sinh hoạt và rõ được giá trị của mỗi tư tưởng.

Tư tưởng của một chơn Ngã xuất nguồn từ Thuần Trí (chơn Trí, siêu Trí và siêu siêu Trí) là siêu tư tưởng hay tư tưởng siêu nhiên và siêu siêu nhiên. Nó không liên quan đến cảm giác (Thân), đến tình cảm (Tâm), hay là nó không thuộc về bản ngã cá nhân.

Nếu tư tưởng xuất nguồn từ Lương Tâm, với mục đích tiến hóa tha nhân, tư tưởng đó có sự chơn chính.

Tóm lại:

“Nghe được một tư tưởng xuất nguồn từ đâu, ta mới biết được giá trị của nó”.

Biết được giá trị của nó, là nhận ra hiệu quả của nó.

Như trong khoa học, nghệ thuật, kỹ thuật, nhân văn.

Hiệu quả của khoa học, kỹ thuật: là làm cho Trí tiến bộ.

Nhân văn: làm cho con người tiến hóa về Tâm, Tánh, Trí, Lương Tâm (làm mất đi thú tính trong con người).

Tâm, Lương Tâm, Tánh, Trí... đưa con người vào đời sống tinh thần (vào tinh hoa của đời sống tinh thần) và chuyên hóa con người vào đời sống tâm linh.

Cái tinh hoa của đời sống tinh thần là Nhân văn.

Nó làm cho phong tục, tập quán phong phú về nhân tính và Thiên tính.

“Nghe được tư tưởng xuất nguồn từ đâu, ta cũng phân biệt được nó thuộc về sự thông minh của Trí hay siêu Trí và Tuệ”.

- Sự thông minh của Trí diễn tiến từ sự quan sát, nhớ, suy nghĩ..., từ những hiện tượng, hình ảnh hữu hình của thế giới tự nhiên mà hình thành, hay là còn nhờ đến những đối tượng bên ngoài để hiểu được cái Lý bên trong của chúng.

Sự thông minh của siêu Trí cũng nhờ đến ba chức năng (quan sát, nhớ, suy nghĩ) và những hiện tượng siêu nhiên, cảm nhận qua ba trực giác quan mà nó được tạo nên.

Còn sự thông minh của Tuệ có được từ sự giác ngộ Nguyên Lý, hay là sự thông minh thụ đắc từ “sự Hiểu tức thì” trong sự Sáng của Tuệ.

Vì vậy, phàm nhân phải học trước, rồi sau đó mới thực hành. Trái lại, siêu nhân và đạo nhân, biết cách để đi tắt, “hành và học cùng một lúc”.

Những gì từ Thiên Lý (Nguyên Lý) mà ra, đạo nhân “Hiểu và Biết”, còn những gì loài người sáng tạo như ngôn ngữ, kỹ thuật, khoa học (dù rằng khoa học của loài người đều mang tính cách phỏng tạo), đạo nhân muốn biết cũng phải học, phải hỏi.

Ta có thể phân biệt sự thông minh của Trí và Tuệ qua sinh hoạt bình thường của một người, là:

- Mức độ thông minh của Trí được tạo nên bởi sự Biết và Hiểu qua phương

tiện là Nhục thân.

- *Mức độ thông minh của Tuệ được tạo nên từ linh giác quan, nên thấy được toàn diện và “Hiếu tức thì” Nguyên Lý của vũ trụ qua sự Sáng của vũ trụ trong con người.*

Hay là, “*sự Sáng của vũ trụ (sự sống) tự nó hiểu lấy cái nó chứa đựng, đó là Nguyên Lý của vũ trụ vậy*”.

Người ta có thể phân biệt được sự thông minh của Trí và Tuệ, nhưng làm sao đo, và biết rõ được mức độ trí thức?

- Thông thường, người ta căn cứ trên kiến thức, kiến văn của một người mà nhận định, hay dựa vào kiến thức, ý thức của chức năng nhớ và suy nghĩ để đánh giá mức độ trí thức của một người.

Nhưng nếu hai người cùng một học vị (thí dụ: nếu cả hai đều giáo sư tiến sĩ), làm sao phân biệt được mức độ trí thức?

- Phải căn cứ vào tốc độ hiểu nhanh của Trí thông minh về cái Lý.

Như vậy, sự hiểu của một đạo nhân khác với sự hiểu của một nhà khoa học như thế nào?

- Đạo nhân “hiếu tức thì và trực tiếp” cái Lý, và nói ra cái Lý mà không qua chứng thực, chứng minh cái Lý đó bằng những hiện tượng hữu hình hoặc siêu hình.

Trái lại, các nhà khoa học phải đi từ những hiện tượng, và những thành phần cấu tạo để tìm ra cái Lý.

b. Tinh hoa di truyền

Luật của vũ trụ là sự tiến hóa trong sự tồn tại, mà nhân tố quan trọng là sự di truyền.

Sự sinh hóa cũng vậy, các tạo vật sinh hóa, sinh sản trong sự di truyền.

Di truyền để tồn tại, để tiến hóa, thăng hoa, tăng trưởng v.v... Đối với những gì hữu hình, con người dễ nhận ra, nhưng đối với những thứ vô hình như tình thương, tình yêu, sự thông minh, thì khó nhận ra.

Một hạt lúa giống sinh nhiều hạt khác, tương tự, tình yêu, tình thương phải được thăng hoa đến mức đẹp nhất của nó để làm cho tâm hồn con người rung động được.

Mức tiến hóa trong tình thương, tình yêu do mỗi cá nhân tự nhận ra như “sự Thiện” tiến hóa thăng hoa đến mức chí thiện, thánh thiện.

Thiên Ân cũng vậy, người được ban cho, người đó phải thăng hoa nó bằng cách di truyền, phổ biến để ban tặng, chỉ dẫn, chỉ dạy cho những người khác.

(Của cái vật chất cũng vậy, do may mắn, do những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi mà có, người được hưởng cũng nên trích ra một số để cho, tặng cho những người khác. Sự may mắn, vui mừng đó cũng phải di truyền).

Thiên Ân tự nó không có chức năng di truyền, mà phải do sự hiểu biết sâu

sắc của con người.

Người ta thường rất tự hào về những gì mình có được, tạo được do khả năng, tài năng của mình mà nguồn năng của nó là sự thông minh.

Nhưng có một sự thông minh có tính siêu việt mà không do sự suy nghĩ của cá nhân thì sự thông minh này không bình thường.

Những gì xảy ra không bình thường và không do con người tạo ra thì do đâu?

- Do nguồn năng sáng tạo trực tiếp ban cho hay gián tiếp ban cho, khiến cho con người muốn tiến hóa.

Lòng muốn tiến hóa đưa lại sự tìm tòi những chức năng vô hình và mẫu nhiệm, mà nguồn năng đã được tạo nên cho con người từ Thiên Tuệ.

Trực tiếp ban cho người nào thì người đó có nhiệm vụ mở Đạo cho sinh linh.

Gián tiếp ban cho người nào, người đó rõ được Thiên Lý (giác ngộ được Nguyên Lý).

Cũng có thể, con người tự hào và hãnh diện về những gì mình tạo nên, nhưng làm sao có thể tự hào và khoe khoang về sự siêu việt, về một Thiên Ân không do sự di truyền của con người.

Nếu biết được như vậy thì tại sao con người nhận được Thiên Ân đó lại không khiêm tốn?

Hay ngược lại, nếu con người có những sự siêu việt, có Thiên Ân... mà ngày càng trở nên khiêm tốn (1), hay là chẳng còn thấy bản ngã của mình hiện hữu nữa, thì sự siêu việt và Thiên Ân trong con người đã được đem ra ứng dụng rồi.

Sự thông minh được tạo nên từ nguồn gốc nào?

- Sự thông minh được tạo nên từ hai nguồn:

Thông minh do con người tạo nên và sự thông minh không do con người, do nguồn năng sáng tạo cảm ứng.

1. Sự thông minh do con người tạo ra cho chính mình phải trải qua một thời gian dài mà bộ phận quan trọng và chính yếu là sự suy nghĩ.

Sự suy nghĩ cần đến những nhân tố khác là sự nhớ và sự quan sát.

Như vậy, hiệu quả và thành quả của sự suy nghĩ là “Trí thông minh”. Đó là sự đóng góp của những chức năng quan sát, nhớ và suy nghĩ (2).

(1) Biểu hiện bên ngoài của sự khiêm tốn là sự đơn sơ của tư cách, cách sống giản dị, lời nói từ tốn, khiêm tốn..., là không có “cái Tôi” trong đó.

(2) Trí thông minh của con người thật vĩ đại. Nó bao trùm cả một không gian rộng lớn do khả năng quan sát của giác quan, đặc biệt là sự thấy. Nó bao trùm cả thời gian lâu dài của quá khứ cho đến hiện tại, tức là nó bao trùm cả không gian và thời gian.

Hay là, nơi nào và thời gian nào có sự Sáng sinh động, nơi đó có Trí thông minh của con người. Nhờ đó mà Trí thông được Lý trong bất cứ một thời gian nào, mà sự Sáng của Trí còn hoạt động, dù Nhục thân đã chết..

2. Sự thông minh được nguồn năng sáng tạo cảm ứng, ban cho, mà không qua các chức năng “Thu” của giác quan, “Giữ” của Trí nhớ, và “Dùng” của Trí suy nghĩ để đạt đến sự Hiểu thì sự thông minh đó không cần đến học mà vẫn hiểu được.

Như vậy, cho ta thấy con người có một cấu trúc với những bộ phận chứa đựng sức sống và sự sống liên quan đến con người và vũ trụ - Một cấu trúc mang tính huyền bí và huyền diệu mà Trí khôn thông thường của con người không thể hiểu được.

Thật vậy, ngay cả những hiện tượng hữu hình, những vật, tạo vật không có Trí khôn (như hạt giống, động vật) nhưng vẫn chu toàn tính di truyền của chúng. Mà đa số con người Trí khôn cũng khó thấu triệt.

Nhưng nếu muốn tiến hóa, con người phải luôn vận dụng Trí khôn để mở rộng sự hiểu biết của mình vào vũ trụ, vào những cõi giới, các bộ phận có chức năng tiến hóa.

Trong đời sống con người, bộ phận nào thuộc về sự tiến hóa của con người, và sự tiến hóa của vũ trụ?

- *Thân*: thuộc về nhu cầu sinh tồn. Đối với thân, mọi sinh hoạt đều thuộc về nhu cầu của Nhục thân.

- *Tâm (1)*: thuộc về sự tiến hóa của con người.

- * Tâm tình (tình cảm): sinh hoạt này làm cho con người sống bằng nhân tính, loại đi thú tính.

- Tâm tình sinh động, nhân tính sinh động. Nhân tính sinh động, thú tính mất đi.

- *Trí*: thuộc về sự tiến hóa của vũ trụ. Trí đưa sự Hiểu nhập vào Thiên Lý, đưa con người trở về nguồn sáng tạo, tăng thêm huyền năng cho vũ trụ.

3. Đời sống con người liên quan đến Thân, Tâm, Trí nhưng sinh hoạt nào quý nhất và bộ phận và chức năng nào làm cho con người tiến hóa nhanh nhất?

- Sinh hoạt quý nhất của con người là sự suy nghĩ (tạo ra tư tưởng) và sau đó là Hiểu.

Hiểu là mức tiến hóa nhất mà con người có được và đạt được. Và mức tiến hóa tuyệt đối là “Hiểu được Nguyên Lý” mà không cần đến sự suy nghĩ nữa.

Nếu con người nhận ra giá trị của sinh hoạt của chức năng đó và sống bằng sinh hoạt và chức năng đó thì con người đang sống trong chơn phước.

(1) *Tâm là một bộ phận vô hình. Những bộ phận vô hình (Tâm, Trí, Tánh, Lương Tâm...) có chức năng tiến hóa con người vào sinh hoạt siêu nhiên và siêu siêu nhiên, có tính linh thiêng và mẫu nhiệm.*

Chon phước này không bao giờ mất, vì giá trị này hằng hữu và vô hình, không ai chiếm được.

(Người khôn ngoan giữ những gì có trong mình và thắng hoa nó, còn của cải thế gian, tuy có nhưng chẳng bền tâm).

Như vậy, sống bằng chon phước chẳng có phiền não.

Đối với người thấu triệt Đạo lý thì sinh hoạt và chức năng đó là sự sinh động của sự sống, sự Sáng.

“Sống bằng sự sống, sự Sáng, là sống bằng sự sống, không còn sống bằng sức sống nữa”, vì chúng còn Sinh còn Diệt, còn tăng còn giảm.

Sống được như vậy, chẳng cần tu, chẳng cần sửa, Tâm tự nó cũng sạch được bụi trần.

Ngược lại với chon phước thì sinh hoạt bình thường của con người lọt vào vòng Phước, Họa, may rủi luân phiên đến với đời sống con người.

Thật ra, nếu nói về con người, chẳng có bao nhiêu điều nghiêm túc để nói vì lịch sử nhân loại còn đếm được bằng năm.

Còn nói về vũ trụ, có vô tận điều để nói, vì vũ trụ chẳng có tuổi. Hơn nữa, vô số những hiện tượng siêu hình, vô hình sinh động, với Trí khôn con người, ít người biết đến và cảm nghiệm được.

Người thường, chủ yếu sống bằng Tâm, Thân, nên nhỏ hẹp.

Đạo nhân sống bằng Tánh của Trời Đất (Tánh của vũ trụ sinh động trong con người), nên to lớn nghiêm trang.

Sống bằng Tánh của vũ trụ là sống bằng sự sinh động linh thiêng và màu nhiệm.

Nếu Tâm con người nổi lên thì Tánh của vũ trụ tan biến. Hay là, nếu bản ngã hoạt động thì chon Ngã bất động. Cũng như nếu sóng lớn nổi lên, ta thấy sự hung hãn của sóng ở một vùng biển nhưng lại mất đi sự vĩ đại, mệnh mông và nghiêm trang của đại dương trong đó tiềm ẩn sự linh thiêng và màu nhiệm.

Trong đời sống, ta vẫn cảm nghiệm trong sự nghiêm trang có sự chính đáng, công chính. Còn trong khô hời không có sự nghiêm trang, nghiêm túc (nhưng nó có hiệu quả thư giãn sự căng thẳng của tâm hồn).

Sống bằng Tánh của vũ trụ, con người luôn sống trong thực tại, chẳng bao giờ lưu lại trong ký ức sinh hoạt của phạm phu nên việc đời chẳng có gì để nói, để đàm luận.

Luôn nghĩ đến cái Lý của vũ trụ, cho nên Đạo lý nói chẳng bao giờ hết.

Như vậy, người sống bằng Tánh của vũ trụ có cái nhìn về đời sống con người như thế nào?

- Người ta thường chia đời sống con người ra Đời và Đạo, là hai cách sống gần như tương phản. Nhưng thực tế, người sống bằng Đạo lý quan niệm khác hẳn.

Đời: còn phân biệt Ta và người (Ta và tha nhân).

Đạo (không phải là tôn giáo, thuộc về vũ trụ): thì coi “loài người là mình” hay “mình là loài người”.

Và khi nào con người coi nhân loại là một thành tố (hay một nhân tố của vũ trụ) và coi “nhân loại là mình”, hay “mình là nhân loại”, người đó mới là đạo nhân, chẳng còn phân biệt “Ta và Người” nữa.

4. Tìm giá trị thật để tiến hóa, con người cần phải so sánh.

So sánh là để tìm ra được giá trị thật của những gì mà ta cần so sánh.

Nhưng nếu ta đã đánh giá chính xác được việc gì, điều gì mình cần biết, cần hiểu thì chẳng cần đến sự so sánh nữa.

Như Lương Tâm con người, không có gì để so sánh với nó, vì nó thuộc về loài người, còn Tâm của một cá nhân, có thể so sánh được với Tâm của một cá nhân khác.

Cái gì thuần nhất không biến đổi và vô hình thì không thể so sánh được, chỉ chính nơi mình cảm nghiệm được mà thôi.

Sự từng trải trong cuộc đời qua nhiều hoàn cảnh, đời sống, Trí khôn con người có thể so sánh vì tính tương đối của giai đoạn, hoàn cảnh, nhưng với sự tuyệt đối thì sự so sánh không còn giá trị của nó, như trong đời sống tâm linh.

Giàu nghèo, đẹp xấu, to nhỏ... chẳng có nghĩa gì trong đời sống tâm linh, vì trong hư vô chẳng thấy gì để so sánh.

Tốt xấu, đúng sai, phải trái..., với tai còn nghe, mắt thấy... thì Lương Tâm con người còn phân biệt, còn so sánh được. Vì chúng còn có ý nghĩa đối với đời sống tinh thần.

Trong đời sống tinh thần, có sự so sánh để con người tiến hóa trong sự Thiện hóa đời sống. Còn trong đời sống tâm linh, chẳng có gì để so sánh, nên có sự tuyệt đối. Nhờ sự so sánh, con người mới cảm nghiệm được sự thống khổ hay hạnh phúc.

Trong sự diễn tiến, có sự diễn biến của hoàn cảnh và trạng thái của Trí khôn, mà thống khổ hay hạnh phúc do sự trưởng thành hay ấu trĩ của Trí khôn, mà sự diễn tiến khởi đầu từ tuổi thơ.

Trẻ thơ sống một cách hồn nhiên và yên vui vì đời sống của chúng được cha mẹ, ông bà... chăm sóc và giải quyết cho mọi vấn đề.

Đến khi nào con người tự mưu sinh, phải tự chăm sóc và giải quyết mọi vấn đề liên quan đến cuộc sống, lúc đó con người mới thật sự nếm được vị ngon ngọt, cay đắng của cuộc đời.

Tất cả những điều xảy ra trong cuộc đời do nơi đâu phát sinh?

- Sự yên, vui hay sự buồn phiền, thống khổ của đời sống... phần lớn (1) đều do sự trưởng thành hay ấu trĩ của Trí khôn.

(1) Xin xem ở cuối trang 227.

Trí khôn với sự sáng suốt của nó soi sáng cho sự suy nghĩ con người để có thể hóa giải sự thống khổ.

Như nếu sự nhớ lại làm Tâm ta buồn phiền thì chớ nên nhớ, vì càng nhớ càng buồn thêm.

Nếu sự suy nghĩ làm tâm hồn mình thống khổ thì đừng suy nghĩ nữa, vì càng suy nghĩ, càng thống khổ hơn.

Phần lớn buồn phiền, thống khổ do sự ấu trĩ của Trí khôn ta. Chỉ bằng luôn sống trong thực tại và mọi sinh hoạt đều hướng về những điều Tốt, Đung, Phải, Hay, Đẹp, An, Vui... thì còn làm gì còn buồn phiền, thống khổ.

Từ cách sống trong thực tại phát sinh ra những sinh hoạt khác thường có tính cách siêu nhiên.

Những sinh hoạt khác thường này làm cho con người nhận ra được sự tiến hóa vượt qua những sinh hoạt bình thường của con người.

Đó là linh cảm, tiên cảm, tiên kiến (thấy trước), tiên tri (biết trước).

Những hiện tượng này vượt qua chức năng và khả năng của Tâm, Trí. Chúng xảy ra không qua sự thu nhận của các giác quan, của Nhục thân, nhưng liên quan đến đời sống nội tại.

Đời sống nội tại sinh hoạt hoàn toàn sinh động bên trong có tính siêu nhiên.

Sinh hoạt nội tại liên quan đến nhiều bộ phận vô hình, mẫu nhiệm. Tâm cỡ sinh động ảnh hưởng, tác động đến cõi giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên trong Nhục thân con người.

Những bộ phận vô hình, mẫu nhiệm, là:

- Chơn Tâm, Lương Tâm, siêu Tâm.
- Thuần Trí, Lương Trí, siêu Trí, Tuệ.
- Linh hồn, Tánh siêu nhiên, Tánh của vũ trụ.

Mỗi bộ phận liên quan, tương ứng với mỗi cõi giới. Do đó, sinh hoạt nội tại có nhiều mức độ tiến hóa khác nhau, ngay cả sự tiến hóa trong mỗi cõi giới của mỗi người, trong đời sống nội tại cũng khác nhau.

Sự tiến hóa trong mỗi cõi giới khác nhau do ở sinh hoạt của mỗi bộ phận.

Mức độ tiến hóa khác nhau của đời sống nội tại ở mỗi cõi giới do mức sinh hoạt thường xuyên, hay không thường xuyên của cùng một bộ phận.

Dù ở mức độ tiến hóa khác nhau, đời sống nội tại với sự hoạt động của những bộ phận linh thiêng và mẫu nhiệm làm cho con người trở nên siêu thoát trong khi Nhục thân còn sống.

(1) Có một phần Phước, Đức tiềm tàng sinh động trong cuộc đời của một người khi còn trong bào thai. Khi đứa bé được sinh ra, nó được hưởng hay trải qua những hoàn cảnh tốt, với những điều kiện thuận lợi, tốt đẹp cho đời sống.

Đó là những dấu hiệu của Phước và Đức vậy.

Những bộ phận vô hình, mẫu nhiệm không phải tự nó sinh động một cách tự động để tiến hóa. Chúng được con người vận dụng nhưng là sự vận dụng của những năng lực siêu nhiên. Nói cách khác, những năng lực siêu nhiên sinh động trong những bộ phận vô hình được con người vận dụng. Nhờ vào sự vận dụng của Trí khôn con người mà những năng lực của vũ trụ có trong con người được tăng trưởng về bản chất, thăng hoa về bản tính, và phát triển tính năng của chúng.

Rõ hơn nữa, ta tự hỏi, con người siêu thoát sống và sinh hoạt bằng những gì thuộc về siêu nhiên?

- Người siêu thoát sống và chủ động sinh hoạt với năng lực siêu nhiên. Những năng lực này tách ra khỏi năng lực tự nhiên và tự sinh động một cách riêng rẽ nhờ vào Trí quan sát hướng vào trong, nên cảm nghiệm được những sinh động siêu nhiên trong trạng thái Hư vô.

“Hư vô là trạng thái không có gì”, đối với nhãn quan nhưng trong đó có sự sinh động vô hình của những năng lực hằng sinh động trong vũ trụ, và trong những bộ phận vô hình có chức năng tiến hóa con người vào đời sống tâm linh. Và từ đó, con người hòa nhập vào sự sinh động của vũ trụ.

Con người siêu thoát sống bằng năng lực siêu nhiên và siêu siêu nhiên:

Thân: sống bằng “thực lực của Khí, Huyết” (1).

Tâm: sống bằng Siêu Tâm, Chơn Tâm, Lương Tâm.

Trí : dùng Thuần Trí, Siêu Trí, Tuệ.

Đến đây, ta có thể nhận ra hiệu quả của sự siêu thoát trong đời sống tâm linh và vì sao đời sống tâm linh lại cực mạnh so với sự yếu đuối của Thân và tâm hồn?

- Vì đời sống tâm linh sinh động hoàn toàn bên trong bằng những bộ phận vô hình và mẫu nhiệm, không liên quan đến bản ngã cá nhân, như Lương Tâm, Lý, Trí... là những cái thuộc về vũ trụ, những sinh động đó liên quan đến “Điện và sự Sáng của vũ trụ”.

Cái yếu của tâm hồn do đâu?

- Do bên ngoài và cả bên trong. Do ngoại cảnh đưa vào tạo nên tâm trạng. Và do tâm trạng khuấy động, nên tâm hồn yếu.

Cái yếu của Thân do đâu?

- Do bệnh tật sinh ra. Nhưng gốc của bệnh tật do từ ngoài đưa vào và do tâm trạng bên trong sinh ra.

(1)Trừ Nhục thân và Tâm ra, tất cả những bộ phận vô hình đều liên quan đến năng lực sinh động trong cả vũ trụ, là năng lực siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Nhục thân sinh động nhờ vào Khí, Huyết chỉ liên quan đến năng lực sinh động quanh địa cầu. Thực lực của Khí là Điện, thực lực của Huyết là Thanh Khí.

Tình cảm, tâm trạng thuộc về Tâm, sinh động bằng Khí, Điện. Thực lực của Khí là Điện, thực lực của Điện là sự Sáng. Như vậy, Tâm thuộc về địa cầu, đồng thời cũng thuộc về vũ trụ.

Bỏ qua những đau đớn, bệnh hoạn của Thân, sự phiền não, thông khổ của Tâm ra, thì hạnh phúc dương trần của con người phát sinh từ đâu?

- Hạnh phúc dương trần, đến từ ngoài,

Cực lạc tâm linh, khởi bên trong.

Từ sự Cực lạc của tâm linh, của sự sống, sự Sáng, lúc đó Trí khôn con người mới cảm nghiệm được cái “Một” của vũ trụ do sự hợp nhất của hai vũ trụ bằng sự quang tỏa của sự Sáng của Trí vào vũ trụ.

Sự từng trải, kinh nghiệm là cơ bản phát sinh ra phương pháp, cách sống, để người khác có thể ứng dụng hay thực hiện được.

Cách sống hợp nhất của hai vũ trụ là:

“Khi ta còn thấy ta, thì còn có đối tượng, còn mâu thuẫn.

Còn mâu thuẫn, còn đối tượng, còn Nhị nguyên, đa nguyên”.

Khi nào “Ta sống chẳng còn thấy ta, chỉ còn lại sự Hiếu..., lúc đó là Nhất nguyên”.

BA ĐÒI SỐNG

Đời sống con người bao gồm cả các sức sống và sự sống, hay là tổng hợp của Thân, Tâm, Trí.

“Sức sống của con người thì quý, còn sự sống mới tuyệt đối quý”. (1)

Nhưng với quan niệm thiên cận, con người, đại đa số, coi nhu cầu của Nhục thân là tuyệt đối quý, nuôi dưỡng sức sống cho Nhục thân và thụ hưởng.

Thật ra, con người thụ hưởng trong sự tiến hóa của tổng hợp của Thân, Tâm, Trí, là nuôi dưỡng cả sức sống và sự sống. Và nuôi dưỡng bằng gì và bằng cách nào?

Nuôi Thân: cần đến thực phẩm. Nhưng thực phẩm, có loại bổ dưỡng, có loại có độc tố.

Nuôi Tâm: có loại tình cảm nhẹ nhàng, thanh thoát, có loại nặng nề.

Nuôi Tâm, phải sinh hoạt bằng tình cảm nhẹ nhàng như vui, mừng...

Đề Lương Tâm sinh động, thì Tâm được nuôi bằng nhiều đức tính, bằng sự trang nghiêm, sự Thiện, hay là trong tình cảm nhẹ nhàng như vui, mừng có tính Thiện sinh động.

Nuôi Trí: bằng những tư tưởng lành, tránh độc ác...

Tóm lại:

Nuôi dưỡng sức sống và sự sống bằng cách:

Cho Thân: hấp thụ chất bổ dưỡng.

Cho Tâm: sinh hoạt bằng những tình cảm nhẹ nhàng, thanh thoát.

Cho Trí: sinh động bằng những tư tưởng lành.

Như vậy:

Thân: sẽ khỏe mạnh.

Tâm: Thiện.

Trí: thánh thiện. (2)

(1) Trong Đạo lý, ta mới khám phá ra điều này. Đạo lý dạy cho con người nuôi dưỡng sự sống, nhưng vì không hiểu nổi, chỉ thích hưởng thụ và nuôi dưỡng sức sống lâu dài cho Nhục thân.

Nếu không có ý đó, con người không bao giờ có được cái Trí, và để làm gì, trong khi trên địa cầu, không có một loài nào có Trí với nhiều chức năng để tiến hóa để hòa nhập sự sống mình vào sự hằng sống của vũ trụ.

(2) Với qui luật tiến hóa của vũ trụ thì sự sống của tạo vật cần được giữ gìn, thăng hoa, lành mạnh hóa nó bằng Đạo lý.

Từ đó tuôn trào ra giáo điều, giáo lý, luân lý v.v... Nếu so sánh, chúng được coi như thuốc để chữa bệnh của tâm hồn, lành mạnh hóa tâm hồn.

Nếu quan niệm thiên cận vẫn được duy trì, con người coi người mạnh là do thể lực, chứ không phải ở Trí khôn.

Thật ra, người mạnh và sáng suốt nhất là người chỉ dùng Trí khôn, mà không có tâm trạng nổi lên.

Cũng có thể nói “người có tinh thần và tâm linh mạnh mẽ là người mạnh nhất, chứ không phải là người có thể lực mạnh”.

Sức mạnh tinh thần được tạo nên từ đâu?

- Sức mạnh tinh thần được tạo nên từ nhiều yếu tố, trong đó đáng kể nhất là đức tính.

Càng nhiều đức tính càng có nhiều sức mạnh tinh thần. Nhiều đức tính hoạt động, nhân diện tăng.

Trẻ con chưa có đức tính, sức mạnh tinh thần của chúng chưa có.

Các loài vật to lớn, có thể lực mạnh, nhưng chúng không có đức tính nên chẳng có sức mạnh tinh thần.

1. Dấu hiệu, sinh hoạt bên ngoài bộc lộ sự tiến hóa bên trong

Những bộ phận vô hình bên trong khó nhận ra, nhưng nhờ vào ánh mắt và âm thanh trong tiếng nói mà mức độ tiến hóa của một người có thể nhận ra được.

Trạng thái tâm hồn và linh hồn con người bộc lộ ra bên ngoài bằng ánh mắt, âm thanh (tiếng nói, tiếng cười, cách nói, ý nghĩa...)

Mức tiến hóa của con người từ lúc sơ sinh cho đến trưởng thành (của Nhục thân cho đến Tâm, Trí...) từ cảm giác tiến hóa sang tình cảm, đức tính, đạo tính, Lý, chơn lý, Đạo lý.

Nhìn vào sinh hoạt thuộc lãnh vực nào, ta nhận ra ngay trình độ tiến hóa của một cá nhân.

Trình độ tiến hóa từ ngoài vào trong Thân → Tâm → Trí → siêu Trí → Tuệ. Những trình độ này tạo nên nhiều mẫu người như tiểu nhân, đại nhân, hiền nhân, thánh nhân v.v...

Tiểu nhân: không hẳn là người độc ác..., gồm nhiều bậc, nhưng chung quy chỉ sống hoàn toàn cho chính mình (vị kỷ).

- *Sống bằng cảm giác*: muốn chiếm hữu những gì liên quan đến nhục cảm, dục cảm, cảm khoái của chính mình.

Từ ý muốn chiếm hữu sinh ra sự Ác. Sự Ác gây ra thiệt hại cho người khác, cho vật, gây ra sự đau đớn bên ngoài (của Nhục thân).

Nếu có sự can dự của Trí khôn vào sự Ác thì sự Ác đó biến thành Độc. Độc tính gây ra tai họa, sự đau đớn bên trong, sự thống khổ của tâm hồn.

Người có Độc tính, Lương Tâm bất động, nên không Nhân, bất Nghĩa, bất Tín, Vô Lễ (nếu có, chỉ miễn cưỡng).

- *Mẫu người tiến hóa hơn*: sống bằng cảm giác và tình cảm.

Lòng muốn chiếm hữu để được vui mừng. Chiếm hữu sự vui mừng cho mình, không quan tâm đến người khác.

Tâm hồn không độc địa, Nhân, Nghĩa lúc có, lúc không. Không quan tâm đến người khác, thứ, bậc không phân minh, nên Thất Lễ.

- *Sống bằng tình cảm có sự can dự của Lý Trí*, mẫu người này làm chủ được một phần của chính mình.

Có Lý vào tình cảm, nên hợp với Luân lý. Hợp với Luân lý là có thể hòa tình cảm vào tình cảm của người khác. Mẫu người này có Lễ, biết phân biệt được thứ, bậc, dễ thành đạt trong sự nghiệp vật chất, nhưng không thể tạo danh tiếng trong lãnh vực Luân lý, Đạo đức (1) cho mình được.

Dù những mẫu người kể trên còn trong vòng tiểu nhân, nhưng rõ rệt, có mức tiến hóa:

- Sống bằng cảm giác hoàn toàn (Nhục thân).

- Sống bằng cảm giác và tình cảm (Nhục thân và Tâm).

- Sống bằng tình cảm và Lý (Tâm và Trí).

* Đối với người sống hoàn toàn bằng cảm giác:

- Ánh mắt: hung hãn, thô bạo, không kiềm chế, liêu lĩnh... Thần toát ra ngoài, dễ bị tai nạn, bất đắc kỳ tử.

- Âm thanh: ồn ào, nếu muốn chiếm hữu, hay muốn phần hơn, thì gằn thét trong tiếng nói. Vô ý tứ.

* Mẫu người sống bằng cảm giác và tình cảm: mẫu người này tiến hóa hơn, mặc dù vẫn còn trong vòng tiểu nhân, nhưng có sự rung động của tình cảm, của tâm hồn.

Chiếm hữu được: thì vui, mừng.

Không được: thì buồn.

Mất: sầu, khổ.

Nếu tình cảm động loạn thì sợ ý. Sợ ý nên thất lễ.

* Mẫu người sống bằng tình cảm và Lý Trí: có Lý Trí can dự nên được sáng suốt, phân biệt và biện luận được. Có ý tứ nên thực hiện theo Luân lý, tuy nhiên vẫn còn vị kỷ.

Đại nhân: mẫu người này tiến hóa vào cõi siêu nhiên, và sống bằng sinh hoạt của cõi giới này. Sống cho người và cả cho mình nữa. Sự đồng nhất của tâm hồn loài người và Lương Tâm.

(1) Danh tiếng chính đáng được người đời tôn trọng, tôn vinh xuất nguồn từ lòng Nhân, Nghĩa. Đức hạnh quảng đại từ lòng Nhân, được thể hiện bằng Nghĩa cử, mới tạo nên danh tiếng chính đáng.

Bất Nhân, bất Nghĩa cũng làm nên danh, nhưng người đời nhắc đến trong sự mỉa sát, vì tài trí được dùng trong độc ác.

Sống cho mình bằng sinh hoạt cõi siêu nhiên. Sống cho người bằng cách tiến hóa tâm hồn người.

Sống bằng Lương Tâm trong xã hội, nên không có sự khác biệt về tình cảm cá nhân, mà sống bằng chơn tình cảm của loài người.

Từ sự đau khổ tâm hồn của tha nhân, “Lương Tâm xúc động” (1), đức tính nảy sinh. Hay, vì muốn giúp đỡ tha nhân, mà đức tính trong Lương Tâm nảy sinh.

Nếu có Lý Trí và Lương Tâm hỗ trợ cho đức tính thì sự tiến hóa trong cõi siêu nhiên càng nhanh.

Sinh hoạt bằng Lương Tâm, ánh mắt hướng vào trong, nên “mắt cá nhân tính” trong ánh mắt, ánh mắt chan hòa trong hư không với sức sống siêu nhiên.

Âm thanh: ôn tồn nhưng có nội lực.

Cuộc sống gặp nhiều may mắn, ít tai họa, nếu có, cũng có người đến giúp.

Nhục thân, thuộc về phàm thân, nhưng Lương Tâm và Trí hoạt động bằng đức tính (hoặc chơn đức tính), đời sống thuộc về thần nhân rồi.

Tâm hồn: bình an, được ổn định, chẳng vui mừng nhiều, cũng không sầu khổ quá đáng vì lòng đã vứt bỏ sở hữu vô thường, chỉ nuôi dưỡng cái chơn thường bên trong.

Thánh nhân: mẫu người tiến hóa nhất, chỉ sống cho người khác. Và lúc nào cũng để “Đạo” sinh động trong đời sống là:

- Luôn tự biết mình là sự thụ tạo, nhưng luôn luôn sáng tạo.
- Đạo lý luôn sinh động trong Trí.
- Thực hiện Đạo lý đối với tha nhân (dùng Đạo Bi, sự công bằng).

(Đạo Bi sinh động, Thiên Ân luôn có. Thiên Ân sinh động, may mắn luôn đến.

Những sinh động vô hình mang lại sự khôn ngoan, tốt lành cho đời sống con người. Đó là mẫu nhiệm vậy).

2. May mắn thuận lợi trong sự tiến hóa của Tâm

Nếu con người không rõ được luật tiến hóa của tạo vật, dù vật đó hữu hình, siêu hình hay vô hình..., thì người đó khó tiến hóa theo sự chủ động của mình.

Cái Tâm cũng vậy, tuy vô hình, nhưng nó cũng có thể tiến hóa theo ý muốn nếu con người hiểu rõ được sự sinh động của nó.

(1) “Lương Tâm xúc động” là “Đạo” được khởi phát trong con người mà không qua tôn giáo. Nói rõ hơn, là người nào mà Lương Tâm xúc động thì người đó đã có Đạo. Nhưng vì không hiểu, không biết vận dụng thường xuyên, nên chẳng có đạo hạnh, từ đó con người mới cần đến tôn giáo. Đạo lý của chơn giác, chính giác cũng chỉ đánh thức, khơi dậy Lương Tâm con người là chính.

Sự tiến hóa của nó từ:

Phàm tâm → sang Tâm chơn không → Siêu Tâm

Hay từ:

Tình cảm cá nhân → chuyển sang tình cảm của loài người trong cá nhân → chuyển sang trạng thái chơn không → trạng thái linh thiêng có khả năng linh cảm, tiên cảm → và tiến hóa đến trạng thái mẫu nhiệm (có khả năng hiện thực những ý nghĩ của mình).

Trạng thái mẫu nhiệm là trạng thái toàn năng hiện thực những ý nghĩ của mình qua hệ của sự Sáng với những chức năng của Trí (siêu Trí, Tuệ).

Nói rõ ra, sự hình thành hiện thực mọi ý nghĩ, việc làm... từ sự Sáng, mà sự Sáng này tiềm ẩn sinh động trong mọi tạo vật kể cả những sinh linh sống bằng 3 thể, 2 thể... tức là Thần, Tiên, ma, quỷ...

Hiểu được và cảm nghiệm được linh cảm và tiên cảm trong sự tiến hóa của Tâm, con người có thể dùng sự may mắn, thuận lợi để tránh khỏi những phiền não trong sự mâu thuẫn gây ra.

Trong cuộc đời bình thường, phàm phu tự phụ, lấy Trí dấu Trí, lấy sức dấu sức.

Thắng thì huênh hoang, thua thì liêu lĩnh, Tâm, Trí chán nản.

Người có đức tin trong sự tiến hóa, dựa vào Thiên Ân để mưu sự. Lấy may mắn thắng Trí người, lấy Trí thắng sức đối thù, lấy cái Lý mà thu phục nhân tâm.

Nếu thắng thì thâm vui, biết ơn. Nếu thất bại, biết mình kém Đức, can đảm chịu và cố gắng hơn.

“Biết mình” là chấp nhận sự thật.

Chỉ có sự thật mới làm cho Trí con người được thông minh. Hay là “sự thật khai Trí, minh Trí”.

Khi chấp nhận sự thật, ngoài Trí ra, Lương Tâm con người hoạt động. Nhờ đó mà Tâm tư trở nên công chính và thông minh. Vì sao?

- Vì khi chấp nhận sự thật, tính chủ quan không còn hiện hữu nữa.

Chính tính khách quan làm cho con người tiến hóa, tiến bộ, khi con người chấp nhận sự thật trong mọi sự việc.

Tính khách quan tiến hóa Tâm, Trí con người dễ dàng chuyển sang Vô ngã.

Trái lại, tính chủ quan tạo ra nhiều phản ứng tâm lý.

Và càng sống với tính chủ quan tích cực, càng sinh ra nhiều phản ứng tâm lý, vì sinh hoạt của bản ngã dựa trên tâm trạng chủ yếu.

Với tính khách quan, sinh hoạt dựa trên Trí quan sát, suy nghĩ (1). Hai chức

(1) *Tình thần của Thiên định, hay là tình hoa của phương pháp tọa thiền để vào đại định, phát Tuệ, giác ngộ là Vô ngã. Tính khách quan làm Trí sáng, không có phản ứng tâm lý.*

Ứng dụng trong sinh hoạt hằng ngày, nhờ đó mà sự thật trong mọi sinh động được bộc lộ ra, hay là nguyên nhân của mọi sự việc được Trí thấu triệt.

năng này hoạt động nhiều, Trí càng thông minh.

3. Hiện tượng bên ngoài bộc lộ trạng thái bên trong

Nhìn được sắc diện đậm, lợt trên những vùng, ta cũng biết được sự may rủi sẽ xảy ra nhanh hay chậm cho một cá nhân.

Triệu chứng là hiện tượng bên ngoài của bệnh lý. Nhìn hiện tượng liên quan cũng biết được tạng, phủ nào bắt đầu, hay đang đau. Quan sát được cường độ và trường độ của triệu chứng thì biết được mức độ của bệnh.

Đối với đời sống tinh thần và tâm linh cũng vậy.

Tâm, Trí linh hoạt thì đời sống tinh thần sung mãn, Nhục thân không đau nhức.

Siêu Tâm, siêu Trí trong Nhục thân linh cảm, tiên cảm thì các loại thân khác nhẹ hơn đang hoạt động, bên ngoài, da hồng hào, kinh mạch đều thông.

Linh cảm, tiên cảm xảy ra là triệu chứng, hiện tượng siêu nhiên liên quan đến siêu Tâm, siêu Trí (linh hồn). Mức linh hoạt của nó biểu lộ sự sống tiềm ẩn sinh động trong sức sống của Nhục thân.

Thân xác con người là sức sống, phải già nua, cần cỗi, tâm hồn con người cũng héo hắt vì những tình cảm nặng nề. Nhưng linh hồn thì không già nua cần cỗi.

Những gì già nua, cần cỗi phải chết, còn cái gì không già nua, cần cỗi, nó sống mãi, vì nó không bị không gian và thời gian chi phối.

Linh cảm, tiên cảm không thuộc về sinh hoạt bình thường. Và những gì không bình thường, tất phải khác thường, phi thường.

“Những gì phi thường, hiển nhiên phải có sức tiến hóa nhanh”.

Trong sinh hoạt, nếu sống bằng thể linh thiêng nào thì mức tiến hóa con người gắn liền với tỷ lệ mâu nhiệm của thể đó. Hay là, người này có sự mâu nhiệm, nhưng tỷ lệ của nó gắn liền với thể linh thiêng mà người đó đang vận dụng.

Sự bộc lộ trạng thái thường xuyên bên trong ra hiện tượng bên ngoài là âm thanh trong tiếng nói.

Hễ là con người, ai cũng nói, nhưng rất ít người để ý nghe âm thanh của lời nói, quan tâm đến hiệu quả của những lời nói đó.

Âm thanh của những lời nói đó có:

- *Tâm trạng*: có tâm trạng thì âm thanh đó được phát ra do tình cảm đang sinh động, hay dao động.

- *Tư tưởng*: (hay trí trạng) do tâm trạng phát sinh.

Đối với người có định kiến (có mưu đồ, có mục đích) thì:

- *Tâm trạng bị chế ngự*, tư tưởng, ý tứ... đều nhắm vào mục tiêu.

Đối với đạo nhân ra sao?

- Đạo nhân làm chủ được bản ngã. Xóa bản ngã đi, nên là Đạo ngã, làm chủ

tiểu vũ trụ. Vì vậy lời nói toát ra từ:

+ *Tánh*: không có đặc thù của tâm trạng, của tình cảm cá nhân.

- Hiệu quả của lời nói: Hay, Tốt, Đúng, Phải.

“Hay” bao gồm Tốt và Đúng. “Hay” làm cho thính giả thích nghe.

Thích nghe vì nó lạ lùng, thêm vào đó, có sự Tốt và Đúng. Hai điều này không làm cho thính giả phải nghi ngờ nên lòng họ nhẹ nhàng (1).

Cái “Hay, Tốt, Đúng, Phải” trong lời nói làm cho chúng được lưu truyền và tồn tại vì giá trị được mọi người thu nhận và ca ngợi.

(Đạo lý: những lời nói từ cái Lý của Đạo được tồn tại mãi, vì trong đó sinh động bốn đặc tính này).

4. Tham, Dục mạnh của đời sống vật chất (hữu hình) trong nền văn minh vật chất

Có nhiều loại sở hữu, tức là có nhiều cái “Có”. Cái Có hữu hình, siêu hình và vô hình liên quan đến mỗi đời sống, đến mục tiêu thành đạt của mỗi cá nhân, theo quan niệm tiến hóa hay thụ hưởng những sở hữu vô thường hay chọn thường.

Trong đời sống vật chất, sở hữu vật chất, hữu hình chiếm ưu thế trên hai sở hữu tinh thần và tâm linh.

Sự sáng tạo của Trí khôn tập trung vào sự chế biến, chế xuất vật dụng. Sự suy nghĩ chiếm nhiều thời gian và hướng ra ngoại cảnh, ngoại vật.

Trí khôn hướng ra ngoài, bên trong Tham, Dục nổi lên rất mạnh và mất nhiều thời gian trong sinh hoạt.

Đúng vậy, Tham, Dục trào dâng mạnh nhất trong đời sống vật chất, đời sống hữu hình do con người sáng tạo.

Sở hữu tài sản hữu hình luôn làm Tâm, Trí vương vẩn vào hình dáng của tài sản. Thật khó để con người hướng Trí khôn của mình vào những gì phi thường, siêu nhiên có sức tồn tại lâu dài bên trong.

Đây là đặc thù, và tất nhiên, nó phải nảy nở trong nền văn minh vật chất.

Nếu không quan tâm, để ý, con người không thể nhận ra tính vô thường (tính biến đổi) của sở hữu tài sản hữu hình này.

Người “Trí sáng” thấy được sự diễn tiến của Tham, Dục vào đường Tội Lỗi, cho nên họ thường tránh hơn là phản nản về thực tế này.

(1)Loại âm nhạc nào trong đó có những nét giai điệu làm cho lòng người trở nên nhẹ nhàng thì cái hay của nó mới đạt được hiệu quả cao. Hiệu quả của cái hay của âm nhạc là làm thư giãn tâm hồn, không phải ở sự kích động cảm giác, hay khơi động tư tưởng của Trí suy nghĩ.

Hướng đời sống vào sự tiến hóa, vào sự mở rộng của không gian và thời gian lâu dài bên trong, sở hữu bên ngoài phải bỏ hết. Hình dáng tài sản và tâm tư con người liên quan đến bên ngoài cũng không còn.

Đây chẳng phải là sự từ bỏ hoàn toàn “cái có hữu hình”, quan niệm này có quá đáng không?

- Thật ra, khi con người đưa đời sống vào trong Trí khôn và Trí quan sát không hướng tầm nhìn ra bên ngoài, nên “sở hữu tài sản tuy Có, nhưng cũng như không Có”. Như vậy, chúng chỉ là những phương tiện hữu ích cho nhu cầu cần thiết cho một đời sống bình dị trong nền văn minh vật chất.

Bình dị trong giao tế xã hội bên ngoài, cao thượng, cao siêu luôn sinh động trong đời sống nội tại.

Vì thế, đưa đời sống vào trong là bỏ tất cả những gì làm Tâm, Trí vướng bận, lúc đó Tâm, Trí mới được giải thoát và tự do.

Từ sự vô hình dáng, vô tâm trạng, Tâm, Trí con người hiện hữu trong trạng thái chơn không, Hư vô.

Trạng thái chơn không, Hư vô của Tâm, Trí là nền tảng của đời sống tâm linh. Và mọi sinh hoạt, hoạt động của Tâm, Trí đều xuất nguồn từ trạng thái này.

Tóm lại:

Đời sống vật chất liên quan đến “cái Có hữu hình”.

Đời sống tinh thần dính dáng đến “cái Có siêu hình”.

Đời sống tâm linh liên quan đến “cái Có vô hình”.

Cái Có hữu hình: luôn bị biến đổi, giới hạn không ổn định, cho nên có:

Thăng trầm, cảnh ngộ biến đổi, gặp phong trần.

Sang, hèn, vinh, nhục... tất phải trải qua.

Đó là Phước, Họa vậy.

Cái Có siêu hình: của đời sống tinh thần chỉ có tăng, không bị giảm.

Nó ổn định, đặc biệt là đức tính. Nếu con người sống, sinh hoạt bằng Đức thì Thân được hưởng chơn phước, Tâm, Trí thanh cao, và mãi mãi thanh cao.

Cái Có vô hình: thì vô tận và mãi mãi tiến hóa (tự sinh động, tự nâng bản chất, bản tính, tính năng) như sự Sáng của Trí trong con người.

Tham, Dục sinh động mạnh của đời sống vật chất trong nền văn minh vật chất là sự trội vượt của cảm giác trên tình cảm và tư tưởng thuộc về Lý.

Con người ở thời đại văn minh vật chất, hay con người sống bằng đời sống vật chất không tu được. Nếu muốn tu cũng rất khó, bởi vì Tâm, Trí luôn tiếp xúc với bên ngoài. Và, do con người tạo quá nhiều vật dụng tinh vi, phức tạp trong cơ cấu, với sự can dự liên tục của Trí, khi điều khiển, vận dụng chúng. Hơn nữa, thú tiêu khiển qua thính thị hoạt động suốt ngày đêm.

Do đó, con người không còn thời gian để hồi quang, để nhìn vào bản thể của mình trong trạng thái hư vô, tức là “cảm nhận được sự sống thật

của chính mình” (1).

Nhờ vào trạng thái hư vô của Tâm, Trí mà con người cảm nghiệm được sự linh thiêng và mẫu nhiệm.

Nhưng nếu chỉ một tâm trạng nổi lên, Trí bắt minh, sự linh thiêng, mẫu nhiệm tức thì, tan biến.

Sự chơn thường do vô thường phá tan. Sự sống thật bên trong bị sự sống giả tạm bên ngoài che lấp với sự dấy lên của Tham, Dục của tâm tư. Nhưng Tham, Dục ngày càng tăng do sự cảm dỗ, đặc biệt là sự cảm dỗ của nhục dục.

Sự cảm dỗ của nhục dục có sức ngăn trở sự tiến hóa của đời sống tâm linh.

Nhưng dục cảm của Nhục thân hủy hoại sức sống tâm linh. Đối với đời sống này, nó được coi như thuốc độc, một loại độc tố cực mạnh làm tiêu biến sự linh thiêng và mẫu nhiệm.

Như vậy, con người thụ hưởng sự khoái cảm, dục cảm làm mất đi sự linh thiêng, vì Tánh (hồn nhiên, siêu nhiên và siêu siêu nhiên) bị sự rung cảm của cảm giác (của Huyết, Khí, Điện) che mờ đi.

Đối với người sống bằng đời sống nội tại, Tâm, Trí luôn cảnh giác trước sự cảm dỗ, và phải tự giữ mình liên tục.

Trẻ con chưa đủ Trí khôn để phân biệt được sự dơ, sạch, có hại cho Thân. Người lớn, tuy đủ Trí suy nghĩ, nhưng vẫn phạm vào những điều làm dơ, hại đến tâm hồn như sự Dữ, Độc, Ác, những điều sai, trái, xấu.

Trẻ thơ phải được hướng dẫn để giữ gìn cho Thân được sạch sẽ, khỏe mạnh.

Người lớn phải tự giữ lấy sự trong sạch của tâm hồn.

5. Muốn tiến hóa nhanh, phải dùng những bộ phận cao quý để điều khiển những thứ cần thiết

Theo qui luật của Thiên Cơ thì trong mọi sự chuyển động đều có sự tiến hóa. Nó có hai đặc tính, tiến hóa tự động và chủ động.

Mọi tạo vật từ cực to đến cực nhỏ, không có chức năng suy nghĩ, thì chúng tiến hóa tự động.

Với sinh linh có Trí suy nghĩ thì sinh linh đó có khả năng chủ động tiến hóa nhưng với điều kiện là phải thấu triệt được những gì liên quan đến sự chuyển động.

Vậy những gì có liên quan đến sự chuyển động vô tận của luật tiến hóa?

- Trong sự chuyển động nào cũng có sự diễn tiến, trong đó có tiến trình của nó. Tiến trình này liên quan đến yếu tố không gian và thời gian.

(1) “Sự sống thật” sinh động với sự linh thiêng và mẫu nhiệm, nhưng con người không tìm ra được do những sinh hoạt của sức sống của “cái Tôi” bên ngoài che đậy mắt.

Con người muốn chủ động tiến hóa cần thấu triệt không gian và thời gian trong tiến trình tiến hóa liên quan đến những gì?

- Yếu tố không gian liên quan đến các cõi giới (Thân, Tâm, Trí, hay là cõi giới tự nhiên, siêu nhiên và siêu siêu nhiên), còn yếu tố thời gian liên quan đến tuổi tác, đến mỗi thời kỳ của đời sống.

Mỗi thời kỳ đánh dấu đến sinh hoạt của mỗi cõi giới, mà sự tiến hóa của mỗi cõi giới là phát triển khả năng của những bộ phận sinh hoạt và thăng hoa cái đẹp, những tinh hoa của mỗi cõi giới...

Như vào thời niên thiếu, con người phải nhận ra được vẻ đẹp của Tâm, của những tình cảm có thể tạo nên thiện cảm để thăng hoa nó, tức là nuôi dưỡng, sinh hoạt bằng niềm vui, cái đáng yêu.

Rồi qua nhiều năm tháng, mức tiến hóa tăng dần, sự vận dụng những chức năng của Trí, của Lương Tâm, siêu Trí v.v... và những bộ phận tiến hóa hơn hết để điều khiển ngược lại những bộ phận sinh ra nó nhưng hiệu quả chỉ có giới hạn.

Con người, từ chức năng suy nghĩ của Trí, có thể khám phá ra những chuyển động trong những tạo vật vô tri, vô giác và những chuyển động vô hình chuyển hóa qua nhiều hệ, nhiều thể của những thụ tạo có hồn, có giác.

Sự hiểu biết càng sâu sắc thì hiệu quả của sự vận dụng càng cao, tiến hóa càng nhiều. Sự tìm tòi, khám phá của sự hiểu biết không giới hạn ở một đề tài, một vấn đề, nó phải được cảm nhận qua các giác quan từ những vật, cơ cấu đơn sơ đến phức tạp, vi tế có trong môi trường nhân sinh, và có cả trong con người.

Như cây cỏ, thú vật..., ta hãy tìm thử xem, cây trái có gì độc đáo trong chúng.

Trái cây ngon, trước hết là do hương, sau đó là vị.

Hương, vị do quả mà có. Quả do nhựa trong thân cây. Nhờ có thân cây mà những chất trong đất, trên mặt đất được thu vào.

Tinh hoa cuối cùng được sinh hóa là hương và vị vậy.

Con người cũng vậy, cao quý nhất là Tuệ đến Trí, Tâm, Thân.

Thân lấy được năng lượng trong trời đất mà sống.

Nhờ có Thân mà có Tâm, Trí và Tuệ, “nhưng cái cao quý nhất phải điều khiển những cái cần thiết” cho đúng với luật sinh động, sinh hóa chuyển hóa của vũ trụ. Trong đời sống, con người phải:

- Lấy Tuệ để điều khiển Trí; lấy Trí để kiểm soát Tâm; lấy Trí Tâm để gìn giữ Thân. Liên quan đến đời sống tinh thần và tâm linh là:

- Lấy từ Nguyên Lý (1), Chơn Lý, Thuận Lý mà sinh ra tư tưởng thì bản tính sinh động trong tư tưởng được chơn chính, hay, tốt, đúng, phải...

(1)Siêu nhân đúng nghĩa, không phải là người có pháp thuật để thi thố việc làm phi thường, mà là người sống bằng tình của Trời đất (Đạo tình) để nâng cao nhân tính cho tha nhân. Nhân tính cao thượng xóa thù tính trong Tâm người.

- Lấy Trí điều khiển Tâm, là dùng tư tưởng Thuận Lý để điều hướng tình cảm cho đúng Luân lý.

- Lấy Tâm mà điều khiển Thân, là lấy nhân tình (tình cảm nhân loại) để điều tiết cảm giác cho đúng thuần phong, mỹ tục.

Giá Trị Đời Sống

Giá trị của một đời sống liên quan đến nhiều yếu tố như cõi giới liên quan, sinh hoạt, những bộ phận, sử dụng các loại Lý trong sinh hoạt v.v... và đầy đủ nhất là hoạt động của con người trong xã hội, trong một môi trường nhân sinh. Từ hoạt động đó toát ra tâm địa, giá trị của mỗi đời sống, tính Thiện, Ác trong đó. Và ước muốn chung của con người trong sự cư xử với nhau, là Nhân, Nghĩa...

Nếu toàn dân có “Nhân” thì xã hội đó có Phước, có Đức, không còn đối đãi, sự mâu thuẫn, tranh chấp giữa Tốt và xấu, mà chỉ có Tốt, Lành. Hai điều này là hiệu quả của Phước Đức, và Phước Đức xuất nguồn từ lòng Nhân.

Ngày nay, rất hiếm có một xã hội toàn diện đạt đến mức này. Nhưng cũng có những cộng đồng nhỏ, sống với tinh thần này mà sự sinh động bên trong tỏa ra thanh khí, thoải khí, thanh điện... có sức cản trở được, hay làm giảm bớt sự tàn phá của thiên tai, địa ách.

Trong một xã hội mà có người dùng đến “Nghĩa” thì xã hội đó đã có điều bất nghĩa xảy ra.

Bất nghĩa xảy ra khi nghĩa khí đã kém, hoặc mất đi.

Nghĩa khí kém, con người sa đoạ. Nếu nhân dân kém nghĩa khí thì xã hội đó sa đoạ.

Nghĩa khí kém, nếu dân dùng lực, đó là bạo lực. Và người bất nghĩa mới dùng bạo lực.

Trái lại, người có nghĩa khí, khi dùng đến lực, đó là cường lực. Lực được dùng theo sự Thuận Lý. Nó chế ngự được bạo lực, vì nó được sử dụng theo sự Tốt, Đúng, Phải.

Cường lực trong nghĩa khí toát ra sự cao thượng, nghiêm trang, bình tĩnh của đức tính trong sinh hoạt, thái độ của con người.

Đời sống con người không phải lúc nào cũng thuận lợi theo ý muốn. Có Nhân, Nghĩa, tâm địa tốt, nhưng phải có cơ hội đến, mới thực hiện được, nhưng lời nói lúc nào cũng phải nói ra.

Chỉ vì lời nói không tao nhã làm mất lòng người, thì những bất lợi đã xảy đến cho mình trước khi có cơ hội để làm việc Thiện.

1. Cách sống của mỗi mẫu người

Mỗi mẫu người sống với sinh hoạt khác nhau trong sự thụ hưởng thực tại và sự thụ hưởng kéo dài luôn trong tương lai.

Điều này do quan niệm sống của mỗi mẫu người. Chúng được bộc lộ ra ở những hoạt động, sinh hoạt riêng tư, hay trong giao tế.

Trong thực tại:

- Phạm phu tục tử: sống hầu hết trong mọi sinh hoạt bằng cảm giác, nhục cảm, dục cảm, thích hưởng thụ khoái cảm, dục cảm.

- Phạm nhân: sống bằng tình cảm..., hưởng thụ khoái cảm nhiều hơn dục cảm.

Cả hai mẫu người này sống bằng đời sống vật chất. Trong giao tế, thích thú nói cho nhau nghe những điều tai nghe, mắt thấy.

- Đức nhân: sống bằng đức tính nhiều hơn tình cảm cá nhân, sống bằng tính chất siêu nhiên (thanh thoát và siêu thoát). Hưởng thụ sự An, Lạc của tâm hồn.

Trong sự tiếp xúc với tha nhân, nói cho nhau nghe cái Hay, Tốt, Đẹp của Tâm và Trí.

Mẫu người này sống bằng sự chơn chính trong đời sống tinh thần.

- Đạo nhân: lòng đã cảm nghiệm, cảm thông được tính của trời đất, nên sống bằng đạo tính của vũ trụ. Hưởng thụ sự Cực lạc trong sự vĩnh cửu.

Mẫu người này sống bằng đời sống tâm linh, trong lời nói chứa đựng sự tốt lành, đẹp... của đạo tính.

2. Vẻ đẹp trong cuộc sống

Cách sống của mỗi mẫu người khác nhau do quan niệm sống. Nhưng tất cả đều có một vẻ đẹp giống nhau dù sang hay hèn, trí thức hay ngu dốt... xa hơn nữa, vẻ đẹp này là của cả loài người, và con người dễ tiếp xúc, dễ thông cảm nhau, nhờ vào vẻ đẹp này, đã là con người, ai cũng thích.

Chẳng cần gieo trồng, nó cũng tự sinh. Chẳng cần chăm sóc, nó vẫn tồn tại cho đến khi con người chết.

Nó đẹp hơn tất cả cái đẹp mà con người có được. Nếu thiếu nó, người nữ không thể trở nên mỹ nhân, giai nhân được.

Nó là một trong những giá trị của đời sống bên ngoài và luôn cả bên trong. Một vẻ đẹp toàn diện, vừa siêu nhiên, vừa tự nhiên, được rất ít người biết đến giá trị cao quý của nó, và hiểu được hiệu quả luôn mang đến sự an bình trong kết quả khi ta có nó.

Vậy vẻ đẹp này là gì?

- Là nụ cười.

Nụ cười nào cũng nở trên môi, nhưng chúng khác nhau trong tính chất, trong đời sống, sinh hoạt. Hay là, nó khác nhau do sự sinh động bên trong của tâm hồn, linh hồn..., của đời sống tâm linh, tinh thần, vật chất và trong đời sống hồn nhiên của trẻ thơ.

- Nụ cười của đời sống tâm linh: nụ cười từ sự Cực lạc của Thái cực (sự hợp

nhất của Dương và Âm trong sự Sáng) trong trạng thái đại định, của sự siêu thoát trong sinh hoạt của đạo tính.

- Nụ cười của đời sống tinh thần: nụ cười từ sự hân hoan của tâm hồn, của đức tính.

- Nụ cười của đời sống vật chất: cười từ sự cảm khoái của Nhục thân.

- Nụ cười hồn nhiên, nhẹ nhàng của trẻ thơ, hài nhi: là nụ cười của chơn phước, của cái Lạc trong sự sinh động của vũ trụ.

3. Sinh hoạt của mỗi mẫu người

Những gì có nhiều, và xảy ra nhiều, ta mới thấy được sự phong phú của nó. Nếu trong đó có những điều, những cái có thể so sánh được, từ đó ta nhận ra được đặc thù, đặc tính, sự dị biệt trong sự tổng hợp đó.

Sinh hoạt của con người cũng vậy, có tính chung, và cũng có những sinh hoạt với giá trị khác nhau của mỗi mẫu người, như của phạm tâm, khoa học gia, của đạo nhân v.v...

Sinh hoạt bên ngoài, nhưng trong đó có ảnh hưởng của tâm trạng, đó là sinh hoạt của người thường.

Sinh hoạt, hoạt động với Tâm hư vô, chỉ có sự sáng suốt của Trí trong đó, là sinh hoạt của nhà khoa học.

Sinh hoạt với Tâm hư vô, với Thuần Trí sinh động bằng Đạo lý, đó là sinh hoạt của đạo nhân.

Những gì xảy ra mà mắt thấy tai nghe, là sự bình thường, ai cũng biết, ta không cần nói đến, vì đã có nhiều người nói. Nhưng điều gì mà ít người biết, thì nó lạ, cần được nói ra để Trí người khác được tiến hóa. Hay là, những gì con người đã sẵn có, nhưng chưa biết đến, chưa vận dụng được, như sự linh thiêng và mẫu nhiệm.

Nó là giá trị của đời sống tinh thần và tâm linh mà người sống bằng đời sống vật chất không cảm nghiệm được.

Người có đời sống tinh thần hưởng thụ được sự kỳ diệu trong thế giới và cõi giới tự nhiên, và sự linh thiêng trong thế giới và cõi giới siêu nhiên.

Sử dụng được những chức năng của Tâm và Trí (chức năng quan sát, nhớ, suy nghĩ...) nhưng chưa biết vận dụng thường xuyên và hiệu quả để tiến hóa chúng.

Với đời sống tâm linh, hành giả hưởng thụ được sự kỳ diệu, linh thiêng và mẫu nhiệm của ba cõi giới và trong ba thế giới.

Làm chủ và tiến hóa được mọi chức năng của Thân, Tâm, Trí, tức là, làm chủ được tiểu vũ trụ, bằng cách chỉ sử dụng một thể duy nhất là sự Sáng để điều khiển mọi sinh hoạt của đời sống.

(Làm chủ được tiểu vũ trụ xảy ra trong hai trạng thái khi đức tin, hay lòng

xác tín đạt đến mức tuyệt đối trong Tâm, Trí, và khi chơn Ngã hoạt động. Bản ngã con người xã hội tan biến, chỉ còn lại sự Sáng (thể Sáng), sự sống sinh động với sự linh thiêng và mẫu nhiệm trong đó.

Linh thiêng, vì con người không còn cảm giác, tình cảm, ký ức riêng của cá nhân.

Mẫu nhiệm, vì trong tư tưởng của chơn Ngã có sức mạnh siêu nhiên và siêu siêu nhiên để hiện thực tức thì những ý muốn đó.

Thái độ biểu lộ ra bên ngoài là sự khiêm tốn, khiêm nhường và hiền lành).

Bộ phận tiến hóa để điều khiển sự Sáng trong trạng thái hư vô là linh hồn. Nó vận dụng sự Sáng để hiện thực bằng siêu Ý và siêu siêu Ý.

Cho nên lời nói từ linh hồn biểu lộ mức linh hoạt cao, vì nó chỉ còn lại sự Biết và Hiểu. Đây là hai chức năng của mọi sinh linh và con người được tạo nên từ những sinh hoạt qua sự cảm nhận và sự thọ cảm của Nhục thân.

Sự Biết và Hiểu từ sự Sáng của Trí tạo nên, có sức sống và sự sống riêng. Nó có thể hoạt động một cách tự động, khi sự cảm nhận và thọ cảm của Nhục thân không còn, hay không có.

Ở mọi người, chức năng này giống nhau, nhưng khả năng của chức năng lại khác nhau.

Vì có sự khác biệt, nên có sự so sánh. Có so sánh, mâu thuẫn phát sinh đối đãi, cố chấp.

Cố chấp vào sự khác biệt, bản ngã được tạo nên.

Với con người xã hội, đời sống tinh thần là cao quý, nhưng bản ngã vẫn tồn tại, vẫn làm chủ đời sống (đặc biệt trong ước vọng lưu truyền hoặc phổ biến danh hiệu, danh xưng).

Khả năng Biết, Hiểu thuộc về cá nhân, nó là nền móng tạo nên bản ngã.

Còn chức năng Biết, Hiểu, thuộc về cái chung của loài người, của năng lực vũ trụ, tạo thành Vô ngã (chơn Ngã), vì không có sự so sánh trong chức năng.

Đời sống tâm linh khác xa với đời sống tinh thần, vì trong đời sống này không còn bản ngã hoạt động, chỉ có sự Biết, Hiểu của linh hồn hoạt động.

4. Giá trị của mỗi đời sống

Hậu quả và hiệu quả của mỗi đời sống và sinh hoạt của mỗi mẫu người trong một quãng đời mới biểu lộ được giá trị của đời sống.

a. Trong đời sống vật chất, sự thụ hưởng của Nhục thân phát sinh ra những tệ đoan. Ngược lại, nơi nào tệ đoan xã hội có nhiều, và có sức bành trướng mạnh (1),

(1) Các bộ lạc, bộ tộc... sống theo phong tục, tập quán truyền thống với lối sống bình dị, không tích lũy nhiều của cải, họ không bị văn minh vật chất lôi cuốn, nên họ không vướng vào tệ đoan và những bệnh hiểm nghèo do tình dục và sự căng thẳng của tâm lý gây ra.

nơi đó nhiều người sống và sinh hoạt bằng sự thụ hưởng của Nhục thân.

Tâm, Trí hẹp hòi, vì bám vào sở hữu vật chất.

b. Với đời sống vật chất dựa trên nhu cầu sinh tồn của Nhục thân là chính yếu, tư tưởng không hướng về mục tiêu tiến hóa đời sống tinh thần và tâm linh (tiến hóa Tâm, Trí, và linh hồn), nhưng khi nhu cầu của Nhục thân đầy đủ, dân ở bộ lạc, bộ tộc vẫn biểu lộ được sự thoải mái của tâm hồn trong điệu múa, lời ca của họ.

Bình dị trong sinh hoạt, tâm hồn thoải mái, ca hát ngẫu ngao, hồn nhiên, âm thanh mộc mạc, làn điệu chuyển lên xuống trong vài nốt nhạc..., chắc chắn, những người như vậy có chân tình.

(Các bài dân ca với âm thanh hồn nhiên và bình dị toát ra chân tình. Ca khúc ngày nay, sáng tác từ thành thị, tuy rằng có sự suy nghĩ, có tình cảm nhưng trong đó ẩn chứa nhiều lo âu, chán nản.

Các làn điệu, giai điệu dân ca sáng tác từ chân tình, không cần đến sự cố gắng. Ngược lại, ca khúc, nhạc khúc sáng tác từ sự cố gắng, trong âm thanh sẽ thiếu chân tình).

Trong đời sống tinh thần, vì không bám víu vào sở hữu vật chất nên Tâm, Trí mở rộng hơn.

Người có tâm hồn cởi mở, khi đã có kinh nghiệm và từng trải mà thích suy nghĩ, hăng hái hoạt động, người như vậy sẽ thành công trong mọi lãnh vực, trên bất cứ phương diện nào.

Sống bằng cái Lạc của Tâm, Trí sáng tạo, dù vậy, bản ngã cũng còn.

Với đời sống tâm linh, bản ngã không còn nữa, không có gì để so sánh nữa, không còn phải thanh lọc. Tánh, Trí mở rộng mệnh mang, thu nhận tất cả, nhưng không cảm thấy thu nhận, như đại dương thu và chứa tất cả những gì các dòng sông đưa vào, mà không biết mọi độc tố được thanh giải.

chơn Ngã trong đời sống tâm linh cũng vậy, “nhận tất cả những gì được đưa vào Tâm, Trí từ con người, nhưng không bị ô nhiễm”.

Giá trị của đời sống có thể nhận ra ở bên ngoài hay ở sự cảm nghiệm ở bên trong của Tâm, Trí.

Khi văn minh kỹ thuật ở mức cao, Trí thông minh phát triển nhiều. Sự thụ hưởng của sự khoái cảm, dục cảm rất đa dạng, và ở mức độ cao. Nhục thân sung sướng nhiều hơn sự đau đớn, nhưng tâm hồn luôn bất an, phiền não ngày càng nhiều.

Từ sự bất an đó, người Trí sáng suốt mới nghĩ đến một phương cách nào đó để có thể làm cho tâm hồn bình an, thanh thoát và dần đến sự siêu thoát.

5. Tính tích cực trong mỗi đời sống

Sự thụ hưởng của Nhục thân hay sự thành tựu trong mỗi đời sống đều do ở tính tích cực.

Tính tích cực của đời sống vật chất (đời sống tiện nghi ở mức cao dành cho Nhục thân), và của tinh thần (của tâm hồn) được nhận ra ở sinh hoạt bên ngoài như:

- Hoạt động của cơ thể, tay chân, năng nổ trong lời nói... biểu hiện tính siêng năng, phấn đấu để được thành quả.

Chúng là mầm mống của sự tự hào, trên đó, sự so sánh đưa con người đến sự kỳ thị, phân ra đẳng cấp.

Trái lại, đời sống tâm linh không bộc lộ bên ngoài tính tích cực của nó.

Bên ngoài, sinh hoạt có vẻ như tiêu cực, lười biếng, thụ động, mơ mộng (dấu hiệu bên ngoài của sự trầm tư, mặc tưởng), hay ngồi bất động (trong sự hồi quang liên lũy).

Nhưng thật ra, sự tích cực, chủ động luôn sinh động một cách vô hình ở bên trong.

Đó cũng là chức năng của Trí suy nghĩ tạo thêm năng lượng, thêm Trí năng. Con người không cần quan tâm gìn giữ như một “sở hữu hữu hình”, và không tự hào về những gì mình hiểu.

Khi sự hiểu biết của con người chưa bao hàm được những gì có trong 3 đời sống (vật chất, tinh thần, tâm linh) thì quan niệm cũng chưa bao quát, và chưa nhận rõ được tính tích cực, thực tế của mỗi đời sống. Vì vậy, việc nhận xét về tính thực tế, cần thiết, vẫn còn phiến diện chưa toàn hảo.

Tính thực tế của mỗi đời sống phát sinh từ sự đánh giá, từ quan niệm sống của mỗi người. Hiệu quả và thành đạt được do sự suy nghĩ và tính tích cực của mỗi người. Nhưng trong đời sống vật chất, tinh thần, còn có sự tranh chấp, phấn đấu, mà thành quả đó, là phần thưởng của công sức mình đổ ra.

Đối với đời sống tâm linh, tính tích cực, thực tế này không có tranh chấp, đau khổ và phiền não.

Sự toàn thiện của con người trong sự “tự mình tiến hóa” là sinh hoạt không tạo ra tranh chấp, đau khổ, phiền não cho tha nhân, và ngay cả cho chính mình nữa.

Hay là, “sự toàn thiện của mỗi người chỉ có trong đời sống tâm linh”.

Muốn sống bằng sự toàn thiện của đời sống tâm linh, trước hết phải có một thân thể khỏe mạnh, sau đó là đời sống tinh thần lành mạnh.

Thân thể đau yếu, bệnh hoạn, thầy thuốc chữa khỏi được (1), nhưng sự đau

(1) Xin xem ở cuối trang 247.

khô của tâm hồn làm yếu tinh thần, phải tự chữa lấy bằng sự hiểu biết những bộ phận vô hình liên quan, những tâm trạng và trí trạng nào ảnh hưởng đến.

Khi thân thể khỏe mạnh, tinh thần ổn định rồi, hành giả mới chuyển sang sống và sinh hoạt bằng đời sống tâm linh.

6. Bảng tóm tắt về ba đời sống liên quan đến cõi giới, đời sống, bộ phận, Lý, sinh hoạt và giá trị

Cõi giới	Đời sống	Bộ phận	Lý	Sinh hoạt	Giá trị
Tự nhiên	Vật chất	Tâm hồn (Tâm, Trí) Thân	Luân lý Thuận Lý	Tình cảm Vui, mừng	Đẹp, quý
				Khoái cảm quanh địa cầu	Đúng Luân lý
Siêu nhiên	Tinh thần	Tâm hồn	Triết lý	Nhân đức tính	Sự cao thượng của đức tính đối với nhân loại
	Tâm linh	Linh hồn	Chơn lý	Chơn đức tính	
Siêu siêu nhiên	Thuần túy tâm linh	Linh hồn, Tuệ	Đạo lý (mọi sáng tạo của đạo nhân xuất nguồn từ Nguyên Lý)	Đạo tính	Tình thương vĩnh cửu hằng sinh động (Đạo Bi)

Tư tưởng con người sinh hóa cực nhanh và có tốc độ cực nhanh. Đời sống con người luôn bị nó làm chủ, điều khiển mọi sinh hoạt. Ngược lại nếu ta làm chủ được tư tưởng, là kiểm soát được tốc độ và sự sinh hóa của nó, thì ta làm chủ được tiểu vũ trụ với các đời sống tương quan đến mỗi loại sinh hoạt của Thân, Tâm, Trí.

(1) Có những bệnh của tạng, phủ không do độc tố của thức ăn uống gây ra, nhưng do dao động của khí lực của tâm trạng làm cho tạng phủ đau yếu, lệch lạc chức năng... Những bệnh do tâm lý gây ra, phải tự chữa lấy bằng cách điều hòa lại tâm trạng.

Bình thường, mọi sinh hoạt của một người, khi thì liên quan đến Thân, có lúc liên quan đến Tâm, đến Trí. Hay là, có sự xuất hiện của nhiều cõi giới trong ngày, mà con người không nhận ra được.

Cõi giới nào cũng có những yếu tố tương quan. Nếu những yếu tố này hoạt động nhiều thì đời sống thuộc về cõi giới đó tăng thêm sức sinh động.

Chương IV

SÁNG TẠO VÀ THỤ TẠO

- Con người**
- Sự kỳ bí trong vô hình**
- Sinh hóa và chuyển hóa**
- Các loại thân trong sự chuyển hóa**

SÁNG TẠO VÀ THỤ TẠO

CON NGƯỜI

Không biết rõ con người trên địa cầu này đã có từ bao giờ. Và con người vẫn luôn suy nghĩ để tìm nguồn gốc và nguyên nhân của chính mình.

Một nguyên nhân có từ hàng vạn, hàng triệu năm thật khó tìm. Có thể nói là không thể tìm ra một nguyên nhân từ sự sống hay từ sức sống với một thời gian quá xa xôi luôn bị biến đổi bởi thiên nhiên và con người.

Thông thường tìm một nguyên nhân có hai cách:

- Dò tìm từ những hiện tượng, di vật chưa hư hại hoàn toàn, từ đó dựa vào Trí khôn con người suy luận, suy đoán để chứng minh, chứng thực nguyên nhân.

- Không tìm ở hiện tượng, nhưng chứng Lý.

1. Tìm ở hiện tượng, di vật

Di vật thuộc về quá khứ, nhân tạo, hay là những di tích, di vật có trong thiên nhiên còn tồn tại.

Tìm từ những hiện tượng, vẫn hiện hữu sinh động, có sức sống, nhưng không có sự sống.

Những gì thuộc về nhân tạo, con người biết được hiểu được, và khám phá ra nguyên nhân của nó.

Những gì thuộc về thiên nhiên, hiện hữu sinh động, với sự suy luận, suy đoán, con người cũng có thể hiểu được phần nào, nếu cấu trúc của nó không vượt quá sự cảm nhận của giác quan, như những chuyển động siêu hình hoặc vô hình.

Nhưng với chính mình, con người được tạo nên với nhiều cấu trúc vi tế, huyền nhiệm, hoạt động bằng nhiều thể, nhiều hệ thống vừa hữu hình, siêu hình và vô hình của sức sống và sự sống.

Từ những gì mình có được, sống được, loài người cũng không biết, và chưa biết được con người đã “tự có”, hay “đã được tạo ra”, một cách trực tiếp hay gián tiếp, trên mặt địa cầu này từ bao giờ.

Với những bộ xương chưa bị hư hoại được tìm ra do sự ngẫu nhiên hay do khai quật, người ta đã suy đoán về thời gian sống của loài người.

Nhưng trong tương lai, nếu có những xác chết được tâm ướp kỹ, hay những bộ xương lâu đời hơn những bộ xương đã được tìm ra trong thời đại này, liệu

xem con người có thể chứng minh một cách xác thực về nguyên nhân sinh hóa của loài người dựa trên những di vật, hiện tượng hay không?

Nếu từ hiện tượng, không chứng thực được nguyên nhân, ta phải dùng đến Lý để chứng minh nguyên nhân.

2. Tìm nguyên nhân ở Lý

Lý là sự sinh động vô hình, sinh hóa ra mọi hiện tượng hữu hình, siêu hình và siêu siêu hình. Trong Lý chứa đựng sự thật.

Lấy sự thật trong Lý mà suy luận, ắt tìm ra nguyên nhân.

Chứng minh được sự thật trong Lý thì không cần đến hiện tượng xảy ra trong không gian và thời gian. Vì sự thật luôn vĩnh hằng, không bị ảnh hưởng bởi không gian điểm và thời gian.

Nói cách khác, những hiện tượng xảy ra trong một không gian luôn bị biến đổi, một thời gian còn giới hạn, nguyên nhân khó tìm.

3. Tự hữu hay thụ tạo

Con người không tự hữu (không tự có) nếu con người tự hữu, tất phải có từ sự sống nguyên thủy. Và sự sống này phải bất diệt, nghĩa là nó phải tự sinh động, tự tạo lấy năng lực để tồn tại trong sự tổng hợp của đời sống là Thân, Tâm, Trí.

Nhục thân (Thân) không thể vĩnh viễn tồn tại, vì nó không phải là sự sống, nó chỉ có sức sống.

Sức sống trong Nhục thân có tăng, giảm. Sự biến đổi này đưa đến cái chết của Nhục thân.

Nếu con người tự hữu, tự có sự sống thì từ sự sống, con người có thể tác tạo ra vô số những sức sống khác mà không cần đến sự di truyền qua sự sinh sản.

Không có quyền năng này, con người không phải tự hữu.

Nếu con người “tự hữu” thì mỗi người “tự hóa thân”, không cần đến sinh sản để nhân loại tồn tại.

Sự sống tác tạo, sức sống sinh động trong tạo vật.

Sự sống vĩnh hằng sinh động mãi mãi trong mọi sức sống.

Loài người không “tự hóa thân”, nhưng tồn tại bằng sự di truyền qua sự sinh sản, nhờ vào sự sống chứa đựng trong Nhục thân mà những sức sống nối tiếp sinh hóa.

Trong sự di truyền qua sinh sản của con người, hiện ra một hiện tượng “Sinh và Diệt” trong sức sống. Và trong hiện tượng “Sinh và Diệt” đó, có sự hằng sống của sự sống, mãi mãi tiềm ẩn sinh động trong sức sống.

Hay nói ngược lại, có sự sống và sức sống trong sự di truyền qua sinh sản của con người.

Trong di truyền, có một điều bất biến của hai nhân tố, của sự sống và sức sống trong Nhục thân là, ngày nay, con người vẫn hiện hữu.

Những gì bất biến, dựa trên đó, ta có thể tìm ra nguyên nhân. Từ con người đang sống, với tính bất biến của sự sống trong sự biến động của sức sống, nguyên nhân cũng dễ tìm ra, vì nguyên nhân có trong sự sống, sự hằng hữu.

Với tính xác thực trong sự thật, sự sinh động vô hình của Lý không có sự so sánh có tính cách tương đối, như những đối tượng hữu hình, mà sự xác định từ cái Lý chỉ có một. Và “cái Một” không có sự so sánh của chính nó.

Như một điều, hay một hiện tượng nào đó, nó có, hoặc không có. Nó không thể vừa có, cũng vừa không.

Từ sự thật đó, ta mới xác định được con người “tự có” hay “được tạo ra”.

Nếu con người “tự có” thì sự “tự có” này luôn luôn tiếp diễn, mà không cần đến sự di truyền qua sự sinh sản. Và con người “tự có”, tự mình tác tạo ra Dương và Âm trong các thể, các hệ thống trong Nhục thân, tự tạo ra Ngũ hành với chức năng sinh, khắc trong sức sống.

Trong thực tế của đời sống, con người không làm chủ được các thể, các hệ, cho nên không thể điều khiển theo ý muốn sự sống, sự chết của Nhục thân. Rồi Nhục thân sẽ chết.

Nếu con người “tự có”, con người làm chủ được sự sống, sự chết. Và theo ý muốn, con người sẽ không bao giờ muốn chết. Như vậy, con người sẽ hằng sống, và luôn cả Nhục thân cũng bất diệt.

Sự thật từ chứng Lý này, là con người không “tự có”. Với điều này, ta xác định con người “được tạo ra”, hay con người là một thụ tạo.

Trong một thụ tạo, có sức sống chuyển động, sức sống có tăng, giảm. Nhưng “trong sức sống chuyển động, có sự sinh động của sự sống” được nối tiếp mãi trong di truyền qua sinh sản, nó mang tính sáng tạo.

Như vậy, con người là “một thụ tạo trong đó có sự sáng tạo”. Vì đây, là nguyên nhân sinh hóa của loài người.

Nhưng nhân tố quan trọng, chính yếu trong nguyên nhân sinh hóa này, là sự sáng tạo mà bản chất của nó là sự sống, sự Sáng – một năng lực có từ nguyên thủy.

Như vậy, loài người hiện hữu đã có nguồn gốc xa xôi, liên hệ đến cả vũ trụ nhờ vào sự Sáng (sự sống). Nói cách khác, con người đã có sự sống từ nguyên thủy mà bản chất của nó là sự Sáng.

Nhưng đời sống con người là một tổng hợp gồm nhiều loại sức sống kết tụ bên ngoài sự sống. Những sức sống này được kết tụ sau khi địa cầu được hình thành. Tức là, con người có sau khi địa cầu được hình thành, mà Nhục

thân chứa đựng sự sống (từ nguyên thủy), và sức sống (có trong và xung quanh địa cầu).

4. Sự tìm kiếm nguyên nhân sinh hóa

Con người luôn tìm kiếm nguyên nhân sinh hóa ra mình và quá khứ của mình để đánh giá mức tiến hóa của mỗi thời đại trên những di sản, di tích.

Chúng bị phá hủy đi phần nào do bàn tay con người, hay bị chôn vùi dưới lòng đất, trong lòng đại dương do những cuộc biến thiên.

Do ngẫu nhiên, do sự khai quật, tìm kiếm có tổ chức hay có mục tiêu, con người lưu trữ được một số lớn di sản, di tích. Nhưng quan trọng hơn hết là di vật tồn tại lâu năm của đời sống Nhục thân là bộ xương.

Đây là sự chứng thực của con người thấy được mình qua bộ xương bằng giác quan trong thế giới hữu hình.

Một số người nảy ra tư tưởng đi tìm nguyên nhân sinh hóa và thời gian xuất hiện của loài người trên những bộ xương.

Tư tưởng đó rất lạ, nhưng sự tìm kiếm nguyên nhân sinh hóa, hay tìm sự sống trong di vật của cái chết, khó đạt được kết quả.

Xương người là thành tố rắn chắc nhất của Nhục thân, nhưng nó không phải là tinh hoa của đời sống tinh thần và tâm linh, trong đó có sự linh hoạt của những bộ phận vô hình có sự sống sinh động.

Nhờ vào những bộ phận vô hình có sự sống sinh động mà sự linh hoạt của đời sống tinh thần và tâm linh được duy trì. Hay ngược lại, sự sinh động của sự sống càng duy trì, hay càng hoạt động được bao lâu, thì sự linh hoạt của đời sống tinh thần và đời sống tâm linh càng kéo dài đến đó.

Xương người còn đó, nhưng Nhục thân của người đó đã bị hoại. Nhục thân chứa đựng những tinh hoa của sự sống và sức sống bị hủy hoại, vậy sự sống và sức sống được chứa đựng trong Nhục thân biến đi đâu? Hay là, sự chết còn đó, nhưng sự sống và sức sống vô hình toát ra từ Nhục thân, sinh động ở đâu?

Sự sống, sức sống dưới dạng năng lượng, năng lực vô hình vẫn còn sinh động, nhưng nhãn quan con người không thể nhận ra trong thế giới siêu nhiên.

Sự sống vô hình không thể tìm ra ở cái chết hữu hình của bộ xương. Sự sống vô hình chỉ được tìm ra ở sự sống, khi sự sống này còn sinh động trong Nhục thân, tức là tìm ngay ở con người hiện sống với tất cả sức sống đang hoạt động.

Nguyên nhân sinh hóa không phải là một từ mang tính trừu tượng. Nó là một năng lực có sức sinh hóa, bản chất là sự Sáng, bản tính là sự sống (sự hằng sống, hằng hữu).

Sự Sáng, sự sống từ nguyên thủy có trong đời sống con người, hay ngược lại, con người có sự sống, sự Sáng trong bản thân. Chúng cũng đồng bản chất,

bản tính, tính năng với sự Sáng, sự sống của vũ trụ.

Như vậy, nhờ vào sự Sáng, sự sống mà con người biết được nguyên nhân sinh hóa của mình, và với những tạo vật khác có sự sống và sức sống sinh động.

Tất cả những tạo vật này và con người, cùng có một nguyên nhân sinh hóa.

Thời gian xuất hiện của loài người là đi ngược về quá khứ, đi ngược lại thời gian của địa cầu, ngược lại sự diễn tiến của vòng quay của nó, để kiểm soát được những hiện tượng và sự kiện còn được lưu lại trên địa cầu dưới dạng năng lực bằng sự chấn động của Điện (1).

(Những chấn động của Điện tuy có, nhưng siêu hình, với phương tiện khám phá ra quá khứ và tương lai, con người dùng năng lực siêu nhiên để kiểm soát những hiện tượng, sự kiện... còn tồn tại bằng sự chấn động của điện trong thế giới siêu nhiên.

Sức sống của Khí, Thủy trong những hiện tượng, sự kiện trong quá khứ bị hủy hoại. Năng lượng toát ra từ hai thể này là những chấn động của Điện còn tồn tại sinh động. Từ sự tồn tại này, con người có thể khám phá được những hiện tượng, sự kiện trong quá khứ).

Với những tiến bộ và sự ứng dụng của Điện, ngày nay, con người có thể kiểm soát một không gian hữu hình lớn lao, nhưng chưa có thể kiểm soát được thời gian, dù cho thời gian này còn liên quan đến không gian. Như thời gian của địa cầu, quá khứ và tương lai liên hệ đến vòng quay của địa cầu. Đây là sự tương quan của một không gian hữu hình với một thời gian vô hình, trong đó có quá trình và sự diễn tiến của những hiện tượng và sự kiện liên quan đến nhân loại.

Máy móc và phương tiện nhân tạo không có khả năng khám phá ra những gì đã xảy ra và sẽ xảy đến. Nhưng con người, với cấu trúc huyền nhiệm chứa đựng nhiều loại năng lực, có khả năng làm chủ được thời gian, kiểm soát những gì đã xảy ra trong quá khứ, biết trước những điều gì sẽ xảy đến trong tương lai.

Lấy gì để kiểm soát quá khứ và tương lai?

- Kiểm soát về thời gian là một hiện tượng xảy ra của một năng lực cực nhẹ, có một cường độ mạnh ảnh hưởng trên một năng lực nặng hơn, nhưng có cường độ nhẹ hơn. Và năng lực cực nhẹ kiểm soát được những hiện tượng có trong năng lực có cường độ yếu hơn.

Ví dụ như sự Sáng của Trí có khả năng kiểm soát được sự biến, hiện của tư tưởng, của hình ảnh siêu hình trong tư tưởng. Và sự tồn tại của tư tưởng có thể kéo dài đến hàng vạn năm.

(1) Nếu con người có thể tạo ra phương tiện để kiểm soát quá khứ và tương lai bằng sự cảm ứng của sự chấn động của Điện. Mức tiến hóa này cũng đã cao, nhưng phương tiện này chưa kiểm soát được sự sinh động của sự Sáng, sự sống vì thế này không bị ảnh hưởng bởi không gian và thời gian, tức là không thể khám phá được sự suy nghĩ, Trí khôn con người trong quá khứ.

Tư tưởng là những chấn động của Điện được hiện lên sự Sáng (thể Sáng), tương tự như hình ảnh của phim hiện lên màn bạc.

Nhờ đó, sự Sáng của Trí có khả năng kiểm soát những hiện tượng, sự kiện đã xảy ra từ thời gian trước bằng những chấn động của Điện.

Trường độ của khả năng kiểm soát của Trí cũng là thời gian sinh động của sự Sáng của Trí (1). Nó kéo dài đến chục vạn năm, dù cho Nhục thân đã tan rã, sự Sáng của Trí vẫn sinh động, nhưng lực sẽ giảm dần.

Sự châu biến của sự Sáng của Trí (và Tuệ) lan tỏa ra đến đâu thì sự hiểu biết, về những hiện tượng, sự kiện bằng những chấn động của điện, cũng tương ứng đến đó.

Nói cách khác, những chấn động của Điện trong vòng quay của địa cầu từ vài ngàn năm trước và sau, tính từ hiện tại, bị bao trùm bởi thể Sáng (sự Sáng) của Trí, và bị Trí kiểm soát.

Hay là, “sự Sáng của Trí con người không có yếu tố thời gian, bao trùm lấy thời gian có định hạn gây ra bởi không gian của địa cầu – một không gian trải dài liên tục do sức quay của địa cầu”. Không gian của địa cầu tạo ra thời gian cho nó.

(Những di tích mà con người coi là kỳ quan, trong đó ẩn hiện mức tiến hóa của Trí khôn, của Trí suy nghĩ của con người, khám phá ra năm, tháng, ngày, giờ..., dựa theo vòng quay của địa cầu và mùa, tiết theo cách quay của nó... Nhưng vào thời đại đó, những gì còn lưu lại đến ngày nay, không có một vật nào, điều gì... biểu lộ nguyên nhân sinh hóa, hay thời gian xuất hiện của con người trên địa cầu).

Khả năng con người thật phi thường, siêu việt nhờ vào sự Sáng của Trí.

Sự châu biến của sự Sáng (sự sống) của Trí bao trùm và có trong mọi tạo vật trên địa cầu. Hay là, sự sống của con người có khả năng bao trùm mọi sức sống, kiểm soát được những sức sống nếu chúng còn khả năng sinh động.

Nếu con người dùng sự Sáng (sự sống) của mình để kiểm soát những sức sống trong quá khứ và tương lai, tính từ thời điểm này, thì ảnh hưởng của nó chỉ giới hạn trong khoảng một vạn năm.

Mặc dù sự Sáng của Trí có sức sống hàng chục vạn năm, và của Tuệ, sự Sáng

(1) Trừ những lời tiên tri có tính mạc khải về những sự kiện sắp xảy ra để giáo hóa tâm tư con người thì những người tu luyện theo phương pháp tập trung sự Sáng về não bộ cũng có khả năng biết được quá khứ của mình trong nhiều kiếp, và biết được sự tiến hóa của mình trong tương lai của qua các loại thân.

Khả năng này, là vận dụng sự châu biến của sự Sáng của Trí và Tuệ để kiểm soát và nhận ra những hiện tượng, sự kiện trong khoảng thời gian của một vạn năm, dưới dạng chấn động của Điện, tức là sự nhận biết qua sự châu biến của sự Sáng năm ngàn năm trước và sau, tính từ hiện tại.

hằng sống bao trùm mọi không gian, nhưng nó cũng không thể xác định được thời gian xuất hiện của loài người. Vì loài người đã có từ lâu, mà di tích, hiện tượng, sự kiện bằng những chấn động của Điện không còn sinh động, hay là sức sống dưới dạng năng lượng không còn sinh động nữa, cho nên sự Sáng của Trí không còn gì để có thể nhận ra, hay định hạn được những gì đã có từ trước.

Tóm lại, sự Sáng của Trí, Tuệ con người có thể khám phá ra những gì xảy ra trong quá khứ, nhưng những sức sống của con người trong quá khứ không còn tồn tại nữa. Sự khám phá không có kết quả.

Vì vậy, thời gian xuất hiện của con người trên địa cầu vẫn còn là một sự bí ẩn.

Đối với sự thụ tạo gián tiếp hay trực tiếp, nguyên nhân sinh hóa ra con người luôn là sự kỳ bí, dù cho con người đã giác ngộ được Nguyên Lý của vũ trụ, chức năng Hiểu hoạt động liên tục. Hiểu được nguyên lý sinh hóa, nhưng không biết được thời gian sinh hóa. Sự kỳ diệu này tương tự như robot được con người tạo ra, với vài chức năng suy nghĩ, dùng cho những việc, theo mục đích riêng của người tác tạo. Điều không thể tránh được, bằng sự suy nghĩ, robot sẽ ngỡ ngác tìm hiểu, tại sao nó hiện hữu, và ai đã tạo nên nó. Nhưng về lâu, robot hoạt động, suy nghĩ, nó tưởng rằng nó có sự sống do chính nó tạo ra. Thật ra, Trí khôn của người tác tạo vào cấu trúc hoạt động và chức năng suy nghĩ của nó. Và năng lực tiềm tàng sinh động trong chức năng suy nghĩ của robot. Hay là robot thực hiện chức năng suy nghĩ do sự khởi phát từ nguyên ý (ý đầu tiên) của con người.

5. Sự sáng tạo trong sự thụ tạo

Sự thụ tạo của con người được nhận rõ ở sự thụ thai mà thời gian kéo dài thông thường từ 270 đến 300 ngày.

Người mẹ cảm biết mình có thai, lo nuôi dưỡng bào thai và thai nhi. Nhưng người ta không hiểu được, sự thụ tạo của một con người chứa đựng nhiều sự kỳ bí trong sự cấu tạo. Người mẹ chỉ thụ động thực hiện một công trình, và cũng là một chương trình đã được sắp sẵn, để duy trì sự sống, sự Sáng, tăng trưởng năng lực này qua sự di truyền của việc sinh sản.

Con người không chủ động được trong sinh sản, vì nhiều phụ nữ muốn có con, nhưng không thể thụ thai được một cách tự nhiên.

Ý muốn con người bất lực trước những qui luật của sự sáng tạo của vũ trụ, mà bản chất của sự sáng tạo là sự Sáng, sự sống. Có nghĩa là, sức sống không thể điều khiển được sự sống. Ngược lại, sự sống ảnh hưởng đến sức sống.

Sự thụ tạo không thể điều khiển được sự sáng tạo.

Sự di truyền trong sinh sản thuộc về sự sáng tạo. Con người có khả năng di truyền, nhưng không làm chủ được chức năng di truyền.

Sự sáng tạo tồn tại sinh động trong sự thụ tạo, trong vật thụ tạo. Cũng vậy, sự sống tiềm ẩn sinh động trong sức sống.

Về vật lý, sự sống là bản tính của sự Sáng, hay sự Sáng (thể Sáng) là bản chất; sự sống là bản tính, và tính năng (bản tính của năng lực) của nó bất biến, bất tận.

Bản chất, bản tính, huyền năng của sự sống, sự Sáng bất biến, tồn tại trong mọi sinh hóa và chuyển hóa của muôn vật, muôn loài, của mọi thụ tạo có sức sống và sự sống.

Những gì liên quan đến sự sống, sự Sáng tồn tại mãi, và chức năng sinh hóa, chuyển hóa trong sự di truyền cũng bất biến, bất tận.

Sự sáng tạo luôn sinh động trong sự thụ tạo được tác tạo một cách tự nhiên. Tương tự như Trí khôn con người (một thực thể vô hình) tiềm ẩn sinh động trong tư tưởng, tình cảm và cảm giác – mà chúng là những thụ tạo của Trí khôn.

SỰ KỶ BÍ TRONG VÔ HÌNH

Quan trọng là những gì liên quan đến cuộc sống, nhưng quan trọng và thiết yếu hơn là những gì liên hệ trực tiếp đến sinh mạng con người.

Những gì liên quan đến đời sống đều được con người quan tâm tìm kiếm, nghiên cứu. Các ngành khoa học, trong đó, có ngành được coi như nhu cầu, có ngành được đánh giá như cứu cánh.

Dù chúng thuộc lãnh vực nào, việc nghiên cứu cũng bao gồm ở hai phần:

- Nghiên cứu, xem xét về cấu trúc, thành phần, từ đơn thuần đến nhiều thành tố. Từ đơn giản đến phức tạp với những liên hệ giữa các thành tố.

- Nghiên cứu những chức năng của mỗi thành tố, và chức năng tổng hợp.

Như trong nguyên tử học, người ta tìm kiếm cấu trúc của những đơn vị, những nhân tố kết tụ thành sự tổng hợp.

Và nghiên cứu chức năng của mỗi thành tố để biết được năng lực của chúng để ứng dụng năng lượng cho mục đích sử dụng.

Đây thuộc về nhu cầu năng lượng, đối với cứu cánh thuộc mạng sống con người, ngành y cũng nghiên cứu những thành tố của những cơ quan có sự sống, sức sống.

Rồi tìm hiểu chức năng của chúng để chữa bệnh, cao hơn nữa là cứu mạng sống của Nhục thân, theo những diễn tiến của chức năng trong một cơ quan có sức sống.

Cho đến nay, tất cả những nghiên cứu đều vận dụng đến các giác quan, đặc biệt là mắt. Mắt trần con người dùng trong sự kiểm nghiệm, với những tế bào nhỏ với thành phần cực nhỏ, vi trùng, vi khuẩn... chúng được khuếch đại bằng kính hiển vi để mắt trần con người có thể quan sát, xét nghiệm.

Trong ngành y, con người tiến thêm một bước dài, dùng những phương tiện có khả năng siêu hình để xét nghiệm những bệnh chứng hữu hình như quang tuyến X, CT (computed tomography), MRI (magnetic resonance imaging), PET (position emission tomography), siêu âm (ultrasound scanning) v.v....

Với lòng nhân đạo, sự sáng tạo từ sự khám phá ngày nay không phải là sự sáng tạo, hay sự khám phá cuối cùng. Nó sẽ nối tiếp, và phương tiện dùng những thực thể siêu hình càng tinh vi, phức tạp, thì tính hữu hiệu trong sự xét nghiệm và điều trị càng cao và chuẩn xác (1).

Trong tương lai, nếu người ta có thể điều hòa năng lực vận hành trong chức năng của một cơ quan bị đau hoặc yếu một cách trực tiếp thì việc đưa hóa chất

(1) Xin xem ở cuối trang 260.

dưới dạng được phẩm sẽ giảm đi rất nhiều. Nói cách khác, đưa năng lượng trực tiếp vào năng lượng thiếu hụt trong sự vận hành của chức năng của một cơ quan đau, yếu, thì năng lượng siêu nhiên dưới dạng tần số sẽ được thay thế cho được phẩm.

Năng lực vận hành trong chức năng của các cơ quan, tế bào v.v... là sự Sáng. Chúng có khả năng điều hòa lại năng lực vận hành thiếu hụt trong một cơ quan đau yếu, để trở lại trạng thái bình thường (2).

Trong thế giới tự nhiên, hữu hình, với sự hoạt động của giác quan, những hiện tượng khác thường đã nhiều lần xảy ra trong đời sống, nó không còn là điều mới lạ nữa. Nhưng người ta không đồng ý và chấp nhận nguyên nhân, vì tính phong phú và đa dạng trong đó.

Sự thật là, luôn có sự bất đồng trong tính chủ quan của mỗi cá nhân, và sự dị biệt trong cách suy nghĩ, ngay cả trong một đối tượng hữu hình.

Sự bất đồng và dị biệt trong cách suy nghĩ xuất nguồn từ tài năng, hiểu và kiến thức khác nhau ở mỗi người, chưa kể đến các trạng thái của tâm hồn góp phần tạo nên định kiến và bàn cãi.

Trạng thái của tâm hồn là do sự biến động của tâm trạng.

Sự biến động này không phải tự có, cũng không phải tự động. Nó là sự sinh động vô hình của một năng lực của một năng lượng có tăng, có giảm.

1. Sự sinh động vô hình

Mắt trần của con người nhận dạng được mọi vật, mọi hiện tượng hữu hình, và nhìn được phần nào những hiện tượng siêu hình chuyển sang hữu hình do những chấn động, tần số, âm ba của điện từ. Nhưng với những chuyển động, sinh động của năng lực, năng lượng vô hình, mắt trần của con người không thể thấy được. Tuy nhiên, có người cũng hiểu được sự sinh động vô hình trong những hiện tượng siêu hình và hữu hình liên quan đến năng lực nguyên thủy trong sự sinh động.

(1) Y thuật và y lý được ứng dụng thì số tử vong giảm rất nhiều. Nhưng con người vẫn dùng sức sống để điều trị sức sống, dùng hóa chất để trị hóa chất, dùng độc tố mạnh để tiêu hủy độc tố nhẹ, lấy vi trùng mạnh để giết vi trùng yếu v.v...

Y đạo không trị bệnh, mà dùng sự sống để điều hòa, bổ túc cho sức sống. Lấy nội lực để chữa lành nội thương – Điều chỉnh chức năng trong cơ quan bị lệch lạc chức năng, dùng thế Sáng để điều hòa Khí, Huyết.

(2) Có những bệnh nan y, con người chờ chết vì thuốc vô hiệu, đột nhiên bệnh nhân lành bệnh và khỏe lại. Nguyên nhân do sự xúc tác của sự Sáng vào chỗ đau. Sự Sáng xuyên qua các tế bào bệnh, vi trùng bị diệt, năng lực vận hành hoạt động lại bình thường, sự mẫu nhiệm đã xảy ra.

Như cơn bão và sự tàn phá của nó. Từ mức độ tàn phá về không gian và thời gian, người ta cảm nhận được sự chuyển động siêu hình của gió.

Vùng rộng hay hẹp bị tàn phá xác định tầm cỡ của lực siêu hình trải ra trong không gian đó.

Thời gian tàn phá nhanh hay chậm do cường độ của gió, chứng minh được sức chuyển động của năng lực siêu nhiên tác động trong gió. Cường độ của năng lực duy trì lâu hay ngắn do ở tiềm năng của năng lực nguyên thủy.

Nó là sự sinh động vô hình tạo ra sự sinh hóa của các loại lực siêu nhiên và tự nhiên trong cơn bão.

Trên di tích tàn phá của bão, người ta có thể cảm nhận, biết được lực siêu nhiên và tự nhiên, nhưng sự sinh động vô hình tác động trong đó, con người không quan tâm tìm hiểu, vì vậy nguyên nhân của nó vẫn còn bí ẩn.

Đối với đời sống bằng giác quan, những biến động lớn lao như thiên tai, địa chấn không thường xuyên xảy ra cho nhân loại. Và bí ẩn về sự sinh động vô hình trong vũ trụ vẫn còn tồn tại.

Nếu con người muốn khám phá ra sự sinh động vô hình của vũ trụ, không qua sự quan sát của giác quan, chỉ có một cách duy nhất là quan sát tiêu vũ trụ bằng Trí khôn của chính mình. Với cách này, Trí khôn con người quan sát, và cảm nghiệm được sự sinh động vô hình trong con người, biểu lộ ra sự sống có trong thân thể. Nó cũng là sự sống nguyên thủy có trong vũ trụ sinh động trong sức sống con người dưới dạng sinh động vô hình.

Trong thế giới hữu hình, những tạo vật to lớn như hành tinh, thiên tượng v.v... mang tính vĩ đại. Nhưng những thành tố cực nhỏ của chúng rất thiết yếu, do chức năng tạo ra sức sống cho những tạo vật đó, cho nên chúng được coi là sự quan trọng có tính vĩ đại. Và cuối cùng là sự sống sinh động trong sức sống với sự xúc tác trong sự sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ (1). Nó mới thật là nguyên năng, hay là nguồn năng sinh động trong mọi lực khác liên quan có sức sinh động siêu nhiên và tự nhiên.

Trong sự linh động mang tính liên hoàn, nguyên năng là sự sống tạo ra những sức sống cho cấu trúc với sự kỳ bí trong sự sinh động vô hình.

Sự sinh động liên hoàn cũng xảy ra trong tiêu vũ trụ, trong cơ thể con người. Và Trí khôn có thể cảm biết, cảm nghiệm được những cấu trúc và chức năng của cơ thể.

(1) Người biết đi tìm sự kỳ bí trong sự sinh động vô hình, Trí khôn người đó tiến hóa nhanh. Cũng vậy, các nhà sáng tạo luôn đi tìm nguyên nhân, còn người sử dụng, học để biết cấu trúc, và chức năng của vật sáng tạo để vận dụng.

“Hiểu rõ” nguyên nhân để sáng tạo. “Biết rõ” tạo vật để vận dụng và ứng dụng tốt.

Chúng còn phức tạp hơn nhiều so với những tạo vật có trong vũ trụ. Điều này do ở những tạo vật từ cực lớn đến cực nhỏ đều không có Trí khôn.

Cơ thể con người được chia thành nhiều hệ thống cơ quan. Trong mỗi hệ thống gồm nhiều cơ quan liên hệ. Và mỗi cơ quan chứa đựng nhiều loại tế bào với những chức năng khác nhau và cấu trúc phức tạp, vi tế.

Trong giải phẫu, mắt trần có thể nhận ra những cấu trúc của một số cơ quan. Nhưng phải dùng đến kính hiển vi và những phương tiện với kỹ thuật đặc biệt mới quan sát được các tế bào.

Dù thế, với những phương tiện trên, hay bằng mắt trần, con người không thể thấy rõ được các huyết trên hệ thống chẳng chịt của kinh, mạch, lạc, trong đó chứa đựng tiềm lực của Khí và nhân điện.

Chúng được coi như kho dự trữ của năng lượng tự nhiên và siêu nhiên để bổ túc cho cơ quan, điều hòa sự thiếu năng lượng khi cơ thể cần đến.

Đây là một hệ thống có sự sinh động vô hình với cấu trúc siêu hình, và chức năng của nó rất huyền diệu.

Hệ thống quan trọng đến sự phát triển của Trí khôn là hệ thần kinh với chức năng cảm, biết và hiểu.

Cảm, biết liên quan đến sức sống, còn hiểu liên quan đến sự sống, sự Sáng.

Sự sống, sự Sáng thuộc về nguyên năng của vũ trụ. Do ở sự sống, sự Sáng, đời sống con người liên quan đến vũ trụ sinh động vô tận, mà sự sinh động này vô hình.

Sự sinh động vô hình này tiềm ẩn sinh động và xúc tác trong những sức sống được chứa đựng trong các tế bào, cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể con người.

2. Những cơ quan vô hình và sự sinh động vô hình trong đó

Vũ trụ có 3 thế giới sinh động, tiến hóa tự động, tiểu vũ trụ cũng có 3 cõi giới sinh động, nhưng có sức tiến hóa chủ động.

Nhờ ở sức tiến hóa chủ động mà tạo vật bé nhỏ này chứa đựng nhiều tính ưu việt, và kỳ diệu hơn đại vũ trụ. Bởi vì con người có thể tiến hóa nhanh, hay chậm tùy thuộc vào sự hiểu biết những chức năng của những bộ phận vô hình.

Với sự hiểu biết này, con người được quyền làm chủ hai chức năng của vũ trụ có trong con người là “sự sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ”.

Trong con người “sự sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ” liên quan đến những bộ phận, cơ quan vô hình trong đó có sự sinh động vô hình của năng lực, năng lượng của vũ trụ có trong cơ thể, đặc biệt là ở đầu.

Hai nơi trọng yếu này chứa đựng năng lực nguyên thủy là sự Sáng, bản tính của nó là sự sống. Chúng có 3 chức năng là “thu, giữ và dùng”.

Năng lực này liên quan đến ba đời sống vật chất, tinh thần và tâm linh.

Hai đời sống tinh thần và tâm linh sinh động và hoạt động bằng những cơ quan vô hình. Nhưng cơ quan này có mà dường như không có. Thực tế chúng là những thực thể, nhưng vô hình.

Chúng chủ động trong sự tiến hóa của đời sống tinh thần và tâm linh trong khi đó, thời hạn sống của Nhục thân chỉ trên dưới 100 năm.

Những thực thể vô hình tuy có mà như không có. Chúng sinh động trong trạng thái vô không gian, vô thời gian, tức là sự sinh động trong không gian và thời gian vô tận, so với hai yếu tố này của sức quay của địa cầu.

Sự sinh động trong trạng thái vô không gian, vô thời gian biểu lộ sự sống, và cũng là sự hằng sống.

Những thực thể vô hình, vô dáng sinh động mãi mãi do sự sống trong đó chứa đựng hai chức năng “sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ” để tiến hóa.

Thực thể nào trong con người đều là nhu cầu trong đó có hai dạng, phương tiện và cứu cánh. Nếu là phương tiện thì sự vận dụng có tính cách tạm thời, có thời hạn. Nếu là cứu cánh, sự vận dụng luôn thường xuyên, vĩnh viễn.

Với thực thể vô hình, nó luôn luôn là cứu cánh, sự vận dụng mang tính thường xuyên.

Nó có sự sống, trong đó sinh động những sức sống. Chúng gồm nhiều loại:

- Sức sống của Huyết, của Khí, Điện và những sức sống do sự phức hợp của hai hoặc nhiều sức sống khác nhau kết hợp lại với sự sống.

Con người có thể cảm nghiệm được những sức sống này trong sinh hoạt hằng ngày dưới dạng của lực chuyển động trong cơ thể, hay là lực dao động trong đời sống tâm lý, tinh thần và tâm linh.

- Sức sống dưới dạng vật chất là tinh lực biểu hiện trong cơ bắp, gân...

Lực tâm lý là sức sống, có lực mạnh hơn lực vật chất (tinh lực) được kết tụ từ Khí, Điện, sự Sáng. Nó được biểu hiện bên ngoài bằng tình cảm (tâm trạng) và tư tưởng.

Lực tinh thần cũng là sức sống, có lực mạnh hơn hai sức sống trên (lực vật chất và tâm lý). Nó được tạo nên do Điện và sự Sáng, thuộc lực siêu nhiên, tương đương với lực siêu nhiên có trong vũ trụ. Trong đời sống, nó biểu lộ bằng tư tưởng và ý có trong tư tưởng (sự thông minh).

Lực tâm linh là sức sống mạnh nhất trong các loại lực mà con người có được. Sức sống này cũng là sự sống. Bản thể của nó là sự Sáng (thể Sáng). Nó được biểu lộ ra ngoài bằng ý của tư tưởng, đó là sức sống của nó. Bên trong là sự sống của nó, ý của tư tưởng được phát sinh từ Lý.

Đây là sức sống tinh tuyền của một thể duy nhất là sự Sáng không có sự phối hợp, hay phức hợp với những thể khác.

Sức sống tinh tuyền này cũng là sự sống có trong con người. Hay nói ngược

lại, trong con người, có sự sống sinh động. Nếu con người biết vận dụng thường xuyên sự sống thì sự hằng sống sẽ thay thế cho những gì chỉ có sức sống mà chúng chỉ tạm thời sinh động, hay chỉ sinh động trong một thời hạn.

3. Những cơ quan vô hình trong đời sống

Đối với các loài sinh vật được tồn tại qua sự di truyền, chúng có sự tiến bộ của khả năng trong bản năng. Nhưng không có sự tiến hóa trong sự sinh hóa ra những cơ quan vô hình như con người – một sinh tạo hoàn chỉnh trong cấu trúc có khả năng hoạt động trong 3 cõi giới tự nhiên, siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Tương quan, tương ứng với vũ trụ, với đời sống vật chất, tinh thần và tâm linh, con người trội vượt hơn tất cả sinh vật nhờ vào sự sinh hóa và chuyển hóa. Vì vậy, con người, với những cấu trúc kỳ bí và huyền diệu, có khả năng tiến bộ và tiến hóa.

Tiến hóa quan trọng hơn tiến bộ. Sự tiến bộ xảy ra trong khả năng của chức năng của Nhục thân. Sự tiến hóa nhờ vào sự nảy sinh ra những bộ phận vô hình, cơ quan vô hình, mà chúng là những nhân tố hoạt động của đời sống tinh thần và tâm linh.

Sức tiến hóa của con người được mở rộng vào vũ trụ, vào thế giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên nhờ vào tính năng hoạt động của đời sống tinh thần và tâm linh. Nhưng chính yếu và trực tiếp là sự hoạt động của những cơ quan vô hình.

Chúng có mà dường như không có. Như vậy, cơ quan vô hình là một thực thể.

Một thực thể không tự có, nó phải được sinh hóa từ cơ quan vô hình. Và trong sự sinh hóa có sự diễn tiến của nhiều lần sinh hóa với mức tiến hóa càng cao.

Thêm vào đó, những cơ quan vô hình được sinh hóa có nhiều chức năng hơn, phức tạp, vi tế hơn cơ quan có trước nó (1).

Sự tiến hóa trong sự sinh hóa của nhiều cơ quan vô hình mở rộng không gian và thời gian. Từ không gian hữu hình có giới hạn được mở rộng đến vô tận nhờ những cơ quan vô hình. Đối với thời gian cũng vậy, từ thời hạn được mở rộng đến vô tận, tức là từ thời hạn, từ sự chuyển động của địa cầu đến vô hạn của vũ trụ.

Nói một cách khác, con người nhờ những cơ quan vô hình sinh hóa trong quãng thời gian sinh sống, đưa sự hiểu biết con người vào thế giới siêu hình và vô hình.

(1) Tri con người có sự sinh hóa của nhiều chức năng, của nhiều nhân tố, bộ phận nguyên thủy của Tri có chức năng quan sát, liên quan đến 5 giác quan. Sau đó là chức năng nhớ (bao gồm nhớ, và nhớ lại, gọi lại). Nhờ chức năng nhớ, mà Tri suy nghĩ được sinh hóa trong đó bao gồm cả chức năng quan sát, nhớ và suy nghĩ. Cuối cùng là Tri thông minh được sinh hóa với nhiều chức năng hơn là: Hiểu (trong Hiểu gồm có suy nghĩ, nhớ và quan sát).

a. Tiến hóa trong sinh hóa

Trong sự sinh hóa của những cơ quan vô hình có sự tiến hóa, nhưng nhân quan con người không thể nhận ra, chỉ có Trí khôn trong trạng thái thuần túy của nó mới cảm nhận được.

Trạng thái thuần Trí luôn mang tính khách quan, vì vậy sự quan sát của nó đúng với sự thật.

Sự sinh hóa của những cơ quan vô hình xuất nguồn từ Nhục thân hữu hình là một sự thật được con người biết đến bằng Thuần Trí như Tâm.

Tâm là một cơ quan vô hình, có mà như không có. Đây là một tạo vật vô hình chứa đựng tình cảm (vui, buồn, lo, sợ, giận, yêu, ghét v.v...).

Tình cảm là những sức sống sinh động trong Tâm, có sự sống. Sự sống này tự có, tự sinh hóa trong mỗi cá nhân.

Con người có nhiều cơ quan vô hình có sự sống. Rồi từ những sự sống này mà nhiều sức sống được sinh hóa ra.

Những hiện tượng trên biểu lộ sự biến đổi, có sự tiến hóa trong sinh hóa. Từ sức sống có thời hạn của Nhục thân sinh ra những bộ phận, cơ quan vô hình có sự sống. Rồi đến phiên những cơ quan vô hình, tự chúng tạo ra sức sống.

Hay là sức sống tạo ra sự sống. Và sự sống tiếp tục tạo ra sức sống.

Diễn tiến của sự sinh hóa này khởi đầu từ Tánh hồn nhiên (Tánh tự nhiên) của tuổi thơ, chưa tạo nên bản ngã của một cá nhân.

Tánh hồn nhiên chỉ liên quan đến Trí, chưa có sự can dự của Tâm, tức là Trí trong trạng thái thuần túy không có tâm trạng, tình cảm dấy lên.

Tánh hồn nhiên và thuần Trí là trạng thái của sự chơn thật mà sự cảm nhận mọi sự, mọi việc trong thực tại đúng với tính khách quan.

Tánh hồn nhiên làm cho đời sống của trẻ thơ hoàn toàn thoải mái, tự nhiên, không có định kiến trong tâm tư. Chúng không cố gắng công chính, nhưng tánh hồn nhiên và tự nhiên làm cho chúng luôn công chính, vì giác quan cảm nhận như thế nào, chúng nói như thế đó.

Nhưng đời sống con người luôn tiếp diễn với những đổi thay. Và những biến đổi này nhanh hay chậm tùy thuộc ở mỗi cá nhân và môi trường nhân sinh, đặc biệt là ở chức năng suy nghĩ (1).

Sự biến đổi mang tính dị biệt ở mỗi cá nhân đưa đến sự hình thành bản ngã là tình cảm, tâm trạng nảy sinh trong con người sau cảm giác.

Tức là, sự hình thành của Tâm là sự biến đổi quan trọng từ Tánh hồn nhiên của trẻ thơ.

(1) Chức năng này làm thay đổi nhanh chóng đời sống, luôn sáng tạo, nên có nhiều chuyện để nói, để làm... có thể mở trí người đối thoại, hoặc tạo nên phiên toàn... nếu không minh tâm.

Tánh giống nhau ở con người, nhưng Tâm làm cho mỗi người trở nên khác nhau, ngay trong khoảng thời gian ngắn nhất là giây và phút.

Sức sinh hóa của tình cảm, tâm trạng gia tăng rất nhiều ở sự sinh động của Tâm. Và càng nhiều hơn khi chức năng suy nghĩ hoạt động từ tình cảm của bản ngã được ưa thích hay không thích.

Đời sống con người từ sự quan sát bên ngoài bằng các giác quan được đưa vào trong cõi giới siêu hình và vô hình của tình cảm, tâm trạng và sự suy nghĩ.

Đây là sự tiến hóa trong sinh hóa của Nhục thân sang Tánh hồn nhiên. Và từ Tánh hồn nhiên sang Tâm.

Nhục thân → Tánh hồn nhiên → Tâm

Đến sự hình thành của Tâm trong đời sống, sức tiến hóa của con người rất xa, nhưng nó không ngừng sinh hóa. Và những cơ quan vô hình vẫn tiếp tục được tạo nên với cấu trúc phức tạp và nhiều chức năng hơn, như Trí và tâm hồn.

Đối với người bình thường, chưa vận dụng Trí và tâm hồn trong sinh hoạt, thì tình cảm và tâm trạng hoạt động thường xuyên hơn. Hay là trong sinh hoạt hằng ngày, Tâm sinh động nhiều hơn những cơ quan vô hình khác.

Tùy theo hoàn cảnh, cách sống và môi trường sống mà Trí được sinh hóa, hay tâm hồn được phát sinh để đáp ứng với nhu cầu của cuộc sống.

Đến đây, Tâm sinh hóa ra Trí, hoặc Tâm sinh ra tâm hồn.

$$\text{Tâm} \rightarrow \left\{ \begin{array}{l} \rightarrow \text{Trí} \\ \rightarrow \text{tâm hồn (Tâm + Trí)} \end{array} \right.$$

Trong đời sống xã hội, khi sự liên hệ tăng lên, cá nhân nào sống bằng tính chủ quan, thì tâm hồn luôn hoạt động. Ngược lại, với tính khách quan trong những liên hệ hướng về sự công bằng, hay thiện hóa tâm hồn, thì từ đó nảy sinh ra Lương Tâm.

Hay là, tính chủ quan hoạt động nhiều, bản ngã càng lớn, tính khách quan sinh động, bản ngã tan biến, vì lợi ích của tha nhân, Trí và tâm hồn sinh hóa ra Lương Tâm và Tánh siêu nhiên.

$$\left. \begin{array}{l} \text{Trí} \\ \text{Tâm hồn} \end{array} \right\} \rightarrow \text{Lương Tâm; Tánh siêu nhiên}$$

Tùy hoàn cảnh sống, Lương Tâm có thể được sinh hóa từ siêu Trí và linh hồn.

Trí → siêu Trí
 Tâm hồn → linh hồn (siêu Tâm + siêu Trí)

Và

Siêu Trí }
 Linh hồn } → Lương Tâm; Tánh siêu nhiên

Sự sinh hóa những cơ quan vô hình vẫn tiếp tục nếu bản ngã cá nhân không còn. Tức là chỉ trong trạng thái Vô ngã, với tính khách quan, những cơ quan vô hình liên quan đến vũ trụ mới được sinh hóa như Tánh vũ trụ.

Vô ngã → Tánh vũ trụ (bản thể sinh động là Tuệ).

Trong tất cả sinh hóa của cơ quan vô hình có sự tiến hóa mà tinh hoa của nó luôn gia tăng trong sự hoàn hảo. Không giống như tạo phẩm của Trí khôn con người, nó cũng được sáng tạo thêm chức năng, nhưng chỉ cải tiến, hoàn chỉnh hơn và không thể đạt được sự toàn hảo.

Sự toàn hảo trong sự sinh hóa của những cơ quan vô hình xuất nguồn từ sự sáng tạo của nguyên lý không cần đến sự cải tiến, hoàn chỉnh của Trí khôn con người. Tuy nhiên, nó chỉ cần đến sự hiểu biết và sự vận dụng những cơ quan vô hình để tiến hóa trong sự toàn hảo.

b. Vận dụng những cơ quan vô hình

Sự hiểu biết của Trí khôn tiến bộ nhanh nhờ ở sự so sánh và sự vận dụng những chức năng nào có thể giúp cho Trí thông minh phát triển nhanh và ít tốn thời gian để học hỏi.

Cũng vậy, các phương pháp, phương thức, công thức, phương tiện... không có cùng một hiệu quả, tức là có nhanh, có chậm. Nhưng càng ngày, chúng được cải tiến thêm, hoàn chỉnh hơn. Dù vậy, sự vận dụng nhằm vào hiệu quả của chúng không thể không có sự so sánh, để cho mình có được một niềm tin vững chắc. Nếu không, sẽ nảy sinh ra sự nghi ngờ, làm cho Trí khôn trở nên hồ đồ, và cản trở niềm tin.

Với người có ý thức tiến bộ, sự vận dụng luôn nhằm vào những gì có hiệu quả nhanh của thời đại đó. Nếu không, con người sẽ thoái hóa do sự tiến triển của sự sáng tạo của tương lai, tức là người không ý thức được sự tiến bộ, “Trí độ” dừng lại ở một thời điểm, không theo kịp sự tiến triển của sự sáng tạo, người đó sẽ thoái hóa.

Ý thức được sự tiến hóa cao hơn ý thức tiến bộ, vì nó liên quan đến những cơ quan vô hình mà mỗi cơ quan có đặc thù tiến hóa khác nhau do sự sinh hóa không cùng một lúc.

Như Tánh vũ trụ tiến hóa và nhiều đặc thù hơn Tánh siêu nhiên. Và Tánh siêu nhiên có chức năng và cấu trúc phức tạp hơn Tánh hồn nhiên.

Chức năng và cấu trúc càng phức tạp khó nhận càng biểu lộ tinh hoa của sự tiến hóa trong những cơ quan vô hình như vậy.

Loài người tuy đông, nhưng chỉ một số ít ý thức được mức tiến hóa của sự sinh hóa, để có thể vận dụng một cách hữu hiệu những cơ quan vô hình được sinh hóa sau, nhưng có khả năng ưu việt.

Trí được sinh ra từ Thân và Tâm, nhưng đa số dùng Tâm nhiều hơn Trí, hay là để cho Tâm hoạt động nhiều hơn Trí. Bởi vì Tâm là một trong những yếu tố tạo nên bản ngã nhanh hơn những cơ quan vô hình khác.

Điều này cũng dễ nhận thấy là những sáng tạo từ Trí con người, ngày nay còn tồn tại như chứng tích không nhiều so với sự sinh động của tình cảm và tâm trạng của mỗi cá nhân.

Sự sinh động của tình cảm và tâm trạng được người coi đó như sinh hoạt chủ yếu của đời sống, nếu chúng không xuất hiện trong sinh hoạt thì lẽ sống cũng không còn nữa. Mẫu người này chiếm đa số, đời sống của họ chỉ tiến lên ở sự vận dụng của Trí, rồi lại thoái xuống ở sinh hoạt của Tâm. Bản ngã được tạo nên, khó lay chuyển. Có người suốt một cuộc đời chỉ dùng đến Tâm. Trí, hành động theo ý muốn của bản ngã với sự chủ quan, và may rủi luân phiên xảy đến, vui sống và chịu đựng, tự an ủi, coi những điều xảy ra cho một số phận đã được an bài.

Sự suy nghĩ này trái với luật tiến hóa là những gì có thể tiến hóa mình cần được nhắc nhớ lại, tức là những suy nghĩ có thể tiến hóa được con người cần phải nhớ lại, nhắc lại để tiến hóa mình, và cả tha nhân. Nhưng, những người sống, sinh hoạt bằng Tâm luôn nhớ lại tâm trạng và hiệu quả do tâm trạng tạo nên. Vì vậy tính chủ quan càng trở nên vững chắc.

Thiếu tính khách quan trong đời sống, sinh hoạt của tính chủ quan sẽ trở nên nhầm chán. Hơn nữa, có người suốt đời vẫn khổ tâm, chỉ vì quan trọng hóa sự việc vô thường.

Tính khách quan nhìn vào trong mới thấy rõ sinh hoạt của bản ngã, hóa giải được sự can dự của tính chủ quan, mà một cơ quan vô hình luôn sinh động tính khách quan, là Lương Tâm.

Có thể nói, Lương Tâm luôn mang tính khách quan điều chỉnh tâm hồn con người sinh hoạt theo sự Thuận Lý, thay đổi bản tính của bản ngã - một tạo vật vô hình chứa đựng mầm mống của bệnh tâm lý.

(Bệnh ở Nhục thân do vi trùng gây ra làm đau đớn cơ thể. Nhưng còn một thứ bệnh khác nghiêm trọng hơn, làm tâm hồn (Tâm, Trí) con người thống khổ... mà không một loại thuốc nào chữa khỏi.

Đó là bệnh: “Lớn bản ngã”).

Lương Tâm có vô số đặc thù của nó toát ra từ Thuận Lý. Nếu người nào biết vận dụng nó, cuộc sống đổi thay một cách nhanh chóng, từ bất hạnh, phiền não chuyển tức khắc sang đời sống hạnh phúc và vui vẻ... chỉ cần ứng dụng một trong những đặc thù của nó, ảnh hưởng rất lớn lao, như “sự khôn ngoan và sức mạnh của nó”, hay là “sức mạnh của sự khôn ngoan” xuất nguồn từ Lương Tâm, ta sẽ thấy một hiện tượng khác thường.

Sự khôn ngoan, bình thường chưa được biểu lộ ra, ta không thấy được sức mạnh của nó.

Khi nó được đưa ra trong sự sáng tạo, trong tác phẩm, công trình, phong trào, chương trình văn hóa, văn nghệ, thể thao, thể dục v.v... với cái hay, điều lạ cùng với sự hưởng ứng và tham gia của khán giả, quần chúng... ta mới thấy được sức mạnh của nó.

Sự tham gia rất tích cực và sống động trong đó, vì mọi người đều cảm thấy vui, thích...

Đây là một loại sức mạnh, nhưng là sức mạnh tinh thần.

Nói gọn lại: “Sự khôn ngoan là một sức mạnh tinh thần được nhiều người hưởng ứng, khi nó được biểu lộ trong sự sáng tạo”.

c. Tiến hóa trong tư tưởng

Mọi cơ quan vô hình đều có sự sống, và từ đó sức sống được sinh hóa. Nhưng không phải loại sức sống nào cũng tiến hóa được sự hiểu biết của Trí khôn.

Tiến hóa nhờ vào sự sáng tạo mà tạo vật có sức tiến hóa nhanh là tư tưởng của Trí, không phải là tâm trạng hay tình cảm của Tâm. Nhưng tư tưởng phát sinh từ nhiều nơi liên quan đến bản ngã, đến vũ trụ.

Hay là, tư tưởng liên quan đến bản ngã tạo ra cảm giác, tâm trạng, tình cảm... và với Vô ngã, chơn Ngã, tư tưởng liên quan đến Lý, đến vũ trụ.

Tư tưởng không tạo ra tâm trạng, không sinh ra phản ứng tâm lý, nó liên quan đến Lý.

- Tư tưởng phát sinh từ Trí suy nghĩ, không gây ra tâm trạng, không có phản ứng tâm lý là những tư tưởng đang tìm kiếm Thuận Lý, Chơn lý, Đạo lý, Nguyên Lý... Chúng có khả năng tiến hóa Trí khôn con người đang suy nghĩ. Tức là, “*suy nghĩ, là mở Trí cho mình*”.

- Xuất nguồn từ Lý (mọi thứ Lý), tư tưởng không gây ra tâm trạng, không có sự phản ứng tâm lý. Những tư tưởng này tiến hóa con người, tiến hóa nhân loại.

- Tư tưởng này sinh từ Lương Tâm, chúng chứa đựng Thiên Tuệ, Thiên Tánh, có khả năng đổi thay tâm hồn con người bằng thiện tánh, thánh hóa linh hồn con người bằng Đạo Bi.

Nếu Thiên Tuệ sinh động trong tư tưởng thì Trí luôn minh triết, minh mẫn.

Minh mẫn trong từng chi tiết của sự việc. Minh triết trong mỗi chữ của ý, của câu nói.

- Tư tưởng nảy sinh từ cảm giác, tình cảm của cá nhân, bản ngã..., chúng sẽ gây ra tâm trạng, phản ứng tâm lý, gây ra phiền não cho Trí và Trí sẽ trở nên mê muội.

Bốn loại tư tưởng khác nhau như thế nào?

- Ba loại tư tưởng trên liên quan đến vũ trụ, đến Thiên Tuệ, Thiên Tánh... sinh động trong Lý, trong Lương Tâm.

Chúng tạo nên sự may mắn cho con người, khi có những tư tưởng thuộc loại đó, và tăng thêm sự khôn ngoan cho Trí khôn – *“Người khôn ngoan luôn gặp may”*. Và có thể nói, *“Sự may mắn luôn sinh động trong sự khôn ngoan”*.

Loại tư tưởng sau tạo nên phiền não cho Tâm, mê muội cho Trí. Trong chúng đã tiềm ẩn sự sinh động rủi ro rồi.

Cho nên nói rằng: *“Phiền não, mê muội đã chứa sẵn sự rủi ro rồi”*.

- Tư tưởng nảy sinh từ Trí suy nghĩ của bản ngã, liên quan đến sự việc hữu hình bên ngoài..., còn có sự so sánh, có hay dở, tranh chấp, thắng bại...

Tư tưởng này có khả năng làm cho Trí tiến bộ, nhưng không tiến hóa.

Tư tưởng thuộc về bản ngã, không thuộc Vận của vũ trụ, chỉ có tiến bộ.

Tiến hóa thì thuộc vào Vận của vũ trụ và Lý của vũ trụ tạo ra sự sinh hóa và chuyên hóa đồng bộ để tiến hóa sinh linh.

d. Tiến hóa trong sự vận dụng những sinh hóa mới

Đối với đời sống bình thường, một người không quan tâm, để ý đến sự tiến hóa xảy ra trong đời sống của mình – một sự tiến hóa vô hình xảy ra trong sự sinh hóa những cơ quan vô hình – thì người này chỉ thấy những biến đổi xảy ra trong thế giới bên ngoài liên quan đến các giác quan. Và cứ tiếp tục sống như vậy.

Nhưng khả năng phát triển của các giác quan đạt đến mức tối đa, căn cứ trên sự phát triển tinh lực của Nhục thân ở mức mạnh nhất (với người nam ở tuổi 32, và nữ ở tuổi 28, là tuổi thông thường, răng khôn mọc ra, sau đó tinh lực giảm dần).

Muốn tiến hóa nữa, con người phải quay vào đời sống bên trong, tức là chuyển hóa cuộc sống tự nhiên bên ngoài, sang đời sống siêu nhiên và siêu siêu nhiên bên trong.

Đây là sự đổi thay mọi sinh hoạt tự nhiên sang sinh hoạt siêu nhiên và siêu siêu nhiên, với những phương tiện có tầm cỡ hoạt động xa hơn là các trực giác quan và linh giác quan của các loại thân nhẹ và có sức sống lâu hơn (là Khí thân, Điện thân, Quang thân) cùng với sự vận dụng những cơ quan vô hình mới. Chúng được sinh hóa từ sự hoạt động của Trí. Tức là, khi Trí con người bắt đầu hoạt động, thì “sự Sáng của Trí là nguyên lực” tạo nên những cơ quan vô hình, với những biến đổi của chúng như Tâm và Chơn Tâm, Lương Tâm, siêu Tâm v.v...

Con người ai cũng có Tâm, nhưng có người cảm nhận được sự hiện hữu của nó, người khác chỉ nhận ra được tình cảm khi chúng đầy động, còn Tâm của mình lại không nhận thấy được.

Tâm, dù là phạm Tâm (liên quan với cảnh giới bên ngoài của một bản ngã), nó là một cơ quan vô hình mẫu nhiệm đề tiến hóa con người. Sự tiến hóa chơn thật của Tâm không phải là sự tiến bộ có giới hạn về phương diện vật chất, như sự sống lâu của Nhục thân, khả năng phát triển của những chức năng liên quan đến Nhục thân. Đó là sự tiến hóa của đời sống từ một dạng thấp chuyển hóa sang những dạng khác cao hơn và siêu việt hơn.

Sự sinh hóa của một cơ quan vô hình luôn là vô hình, và sinh hóa vô cùng. Người, tuy có Tâm, nhưng không thấy được sự sinh hóa vô cùng của Tâm.

Tâm sinh ra tình cảm; tình cảm sinh ra ý; ý sinh ra thói quen. Thói quen của tình cảm sinh ra tâm địa; tâm địa sinh ra định kiến; định kiến tạo nên đặc thù của bản ngã.

Những biến đổi của Tâm cũng vậy, từ sự phong phú của sự sinh hóa của Tâm sinh hóa ra sự vô cùng phong phú trong những sinh hóa mới như Chơn Tâm.

Chơn Tâm không phải là một loại Tâm mới được sinh ra. Nó là trạng thái thuần túy của sự chơn không (hư không), không có sự sinh động của tình cảm, hay sự dao động của tâm trạng.

Do vậy, trạng thái của Tâm không còn sự sinh động do ngoại cảnh gây ra, không thu nhận những gì bên ngoài xuyên qua các giác quan để tạo thành sự sinh động của Tâm, và ký ức của tình cảm.

Không có ký ức của tình cảm, không có sự sinh động của Tâm do ngoại cảnh, không chấp nhận ngoại cảnh của thể giới hữu hình, cũng đồng nghĩa với không còn sự hiện hữu của không gian và thời gian của thể giới hữu hình.

Giác quan vẫn giữ chức năng của chúng, nhưng sự cảm nhận của Chơn Tâm bằng trực giác quan xuyên qua các giác quan.

Sự cảm nhận này vừa chủ quan vừa khách quan trên một sự việc, chính là sự chơn thật của sự việc đó ở Chơn Tâm. Hay có thể nói, Chơn Tâm cảm nhận được sự chơn thật trong thể giới hữu hình.

Khách quan có tính quan sát, nhờ đó mà có sự tiến hóa.

Sự quan sát của Chơn Tâm với tính khách quan, thấy rõ được mọi dao động của Tâm, là những đầy động của tình cảm.

Quan sát được thì sẽ điều chỉnh được những tâm trạng tác hại đến đời sống tinh thần và tâm linh.

Nhờ ở Chơn Tâm, sự cảm nhận mới tiếp xúc được với sự thật sinh động trong thể giới hữu hình.

Trong sự thật của sự việc không có “không gian điểm” và “thời gian” của thể giới hữu hình. Sự sống sinh động đó là sự thật trong thực tại với sự đồng nhất

của không gian và thời gian của thế giới hữu hình.

Trạng thái chơn không của Tâm là sự biến đổi mới của nó. Sự biến đổi nào cũng trôi cuộn theo những đổi thay khác với ảnh hưởng tốt hoặc xấu, lợi hay có hại cho đời sống.

Chơn Tâm cũng vậy, ảnh hưởng đến Nhục thân. Nó là loại Tâm chung của loài người, cảm giác của cá nhân cũng trở thành cảm giác chung của nhân loại. Vì vậy, khi chơn Tâm sinh động, con người cảm thông được những cảm giác đau đớn của tha nhân.

Sự bao trùm của Chơn Tâm trên Tâm của cá nhân biểu lộ sự lớn rộng của những cơ quan vô hình mà sự suy nghĩ của Trí khôn bình thường không thể cảm biết được.

Thân người tuy bé nhỏ, nhưng phạm tâm lớn rộng, mắt nhìn đến đâu, Tâm, Trí châu biến đến đó.

Bên ngoài, nó bao trùm tất cả không gian và thời gian, bên trong nó chứa đựng hết những gì mà không gian chứa đựng và những gì mà con người có được từ hình ảnh bên ngoài, tạo nên sự rung cảm của Tâm.

Chơn Tâm chứa tất cả những gì đồng nhất; bên ngoài là cảnh giới hữu hình của thế giới tự nhiên; bên trong là sự sinh động của cõi giới siêu nhiên và siêu nhiên.

Sự sinh động này là sự sống. Bên ngoài Chơn Tâm bao trùm không gian và thời gian trong sự đồng nhất, khi các giác quan hoạt động. Nếu Trí hướng vào trong thì không gian và thời gian đồng nhất với Chơn Tâm.

Nếu đời sống là sự sinh động của Chơn Tâm thì Chơn Tâm là sự sống, và đời sống của người này là không gian và thời gian vô tận.

Như vậy, sự sống là sự sinh động trong không gian và thời gian vô tận, thì mọi hiện tượng sự việc... có sức sống giới hạn trong thế giới hữu hình, và những gì “đã có, hiện có và sẽ có” đều sinh động trong Chơn Tâm.

Sự đồng nhất của không gian và thời gian trong Chơn Tâm toát ra sự linh thiêng. Nó ảnh hưởng đến những gì không linh thiêng, như Nhục thân sinh hoạt bằng cảm giác, bằng sự kỳ diệu của ngũ tạng (Ngũ hành có Sinh có Khắc của Khí và Huyết). Nhờ ở sự linh thiêng của Chơn Tâm, Nhục thân được chuyển sang chơn thân, tách ra khỏi Phước, Họa luôn hưởng được chơn Phước.

Sự đổi thay trong trạng thái vô hình này, con người khó nhận ra, nhưng thật sự có sự đổi thay từ cõi tự nhiên sang cõi siêu nhiên.

Cõi siêu nhiên này sinh động. Và những gì xuất nguồn từ sự siêu nhiên, nó cũng mang tính siêu nhiên. Cũng vậy, những gì được sinh hóa từ sự linh thiêng, nó cũng mang tính linh thiêng. Nó không giống như phạm tâm, là phạm tâm được tạo thành từ ngoại cảnh, bị chi phối bởi ngoại cảnh, hay bị ảnh hưởng bởi ngoại cảnh.

Đối với sự kỳ diệu sinh động trong Ngũ hành của Nhục thân thì sự linh

thiêng của Chơn Tâm là một sự kỳ bí. Nhưng với người sống bằng Chơn Tâm thì sự linh thiêng chỉ là sự sinh hoạt bình thường của đời sống siêu nhiên của Chơn Tâm trong sinh hoạt tự động của Nhục thân.

Sự kết hợp của siêu nhiên trong sự tự nhiên của Chơn Tâm trong Nhục thân, tương tự như hương thơm trong hoa hồng. Con người, thông thường, luôn chiêm ngưỡng vẻ đẹp của sắc hoa hơn là thưởng thức hương thơm trong hoa.

Cái vô hình luôn bị che lấp bởi sự hiện hữu của cái hữu hình. Hương thơm của hoa hồng là Khí, tiềm ẩn sinh động trong Thủy, là chất lỏng có trong các cánh hoa.

Cũng vậy, cõi giới siêu siêu nhiên và siêu nhiên tiềm ẩn sinh động trong cõi giới tự nhiên. Và sự sinh động bên ngoài của cõi tự nhiên che lấp những sinh động bên trong.

Do đó, con người luôn bị cái bình thường, tầm thường, che lấp những gì phi thường mà mình có. Và những cái phi thường, siêu việt là những cơ quan vô hình được sinh hóa sau. Chúng tiến hóa và huyền nhiệm hơn những gì sinh ra nó.

Sự sinh hóa của Chơn Tâm cũng nằm trong qui trình tiến hóa, từ những bộ phận cơ quan mang tính tương đối dần dần chuyển đến mức tuyệt đối trong sự sinh hóa.

Thấy được tiến trình này, và khi nào con người nhận ra được sự xuất hiện và sinh động của những cơ quan vô hình, lúc đó, sự vận dụng những sinh hóa đó mới có hiệu quả tiến hóa

SINH HÓA VÀ CHUYỂN HÓA

Từ sự sinh động nguyên thủy, mọi định luật được tạo nên và các tạo vật dưới dạng siêu siêu hình, siêu hình và hữu hình cũng đều xuất nguồn từ sự sinh động đó.

Trong những định luật được tạo nên từ sự sinh động nguyên thủy, có sự sinh hóa và chuyển hóa. Chúng cũng là những chức năng hoạt động không ngừng. Nhờ sinh hóa mới tồn tại, nhờ chuyển hóa mới có sự tiến hóa. Hay là, vũ trụ và tạo vật đều tiến hóa trong sự tồn tại nhờ vào sự sinh động nguyên thủy.

Trong vũ trụ, vô vàn sự kỳ diệu xảy ra, nhưng với giới hạn của tầm nhìn của giác quan, con người không thể biết và hiểu được hết.

Trên địa cầu, vô số sự mâu nhiệm nảy sinh từ sự sống và sức sống con người mà cho đến nay con người cũng không biết hết được. Nhưng tất cả đều do sự sinh hóa và chuyển hóa trong con người. Hai chức năng này chuyển động một cách tự động, nhưng con người không hề hay biết trực tiếp sự chuyển động đó.

1. Sinh hóa

Sinh hóa là một hiện tượng xảy ra từ sự nảy sinh của sự sống hay của sức sống. Đó cũng là sự nảy sinh từ một nguyên năng hay từ những năng lực được tạo nên từ nguyên năng có sức sinh động vô tận tự tạo thêm năng lực và năng lượng do sự sinh hóa và chuyển hóa.

Bản chất, bản tính của nguyên năng này bất biến, tồn tại mãi trong mọi sinh hóa và chuyển hóa của mọi tạo vật. Cho nên, chức năng của sinh hóa và chuyển hóa cũng bất tận, bất biến.

Những gì bất tận, bất biến thì trong sự sinh động vô tận của nó tiềm ẩn sự mâu nhiệm.

Sự mâu nhiệm này tồn tại mãi, nó không do một nguyên nhân nào tạo ra, vì chính nó là nguyên nhân.

Sự mâu nhiệm có trong nguyên năng. Nó là bản chất, bản tính và tính năng hằng có, hằng sống, là nguyên nhân của mọi sự sáng tạo mà ta gọi là sự sống.

Sự sống sinh hóa ra sức sống. Và sức sống là tạo vật, hay tạo vật là sức sống có giới hạn. Sức sống tiếp tục sinh hóa ra nhiều loại.

Sức sống mạnh sinh ra sức sống yếu hơn. Nhưng sức sinh động giới hạn của nó là một loại năng lực gọi là lực. Mỗi loại là một thể. Sức sinh động của nó tạo thành hệ thống của thể đó.

Hệ thống nào sinh động cũng đều có Dương và Âm.

Nhờ vào chức năng của Dương và Âm, sự sinh hóa từ sức sống này qua một

sức sống khác mới tiếp diễn được.

Sự tiếp diễn này xảy ra như thế nào?

- Sức sống mạnh sinh ra sức sống yếu hơn. Trong sức sống mạnh có Dương và Âm, nhưng Âm của sức sống này quan trọng trong sự sinh hóa. Nó sinh hóa ra Dương của sức sống được sinh hóa, và Dương tiếp tục sinh ra Âm của sức sống mới được sinh hóa.

Dương và Âm trong những sức sống được sinh hóa từ sự sống, sự Sáng chuyển động theo hệ thống.

Sự sống, sự Sáng sinh động nhưng không có sự chuyển động theo một chiều nhất định. Sức sống sinh hóa từ sự sống thì chuyển động, nhưng chuyển động trong sự sinh động của sự sống.

Dương và Âm là hai chức năng cũng là hai sức sống của một thể. Chúng đồng bản chất nhưng khác nhau về bản tính của thể, chúng giao hòa sinh động nên sinh hóa.

Sự sinh hóa của một sức sống mạnh ra một sức sống khác với Dương và Âm sinh động và chuyển động, trong đó vượt qua sự cảm nhận của giác quan, vì chúng vô hình.

Những hiện tượng vô hình khó chứng thực được với giác quan con người, nếu những hiện tượng đó xảy ra trong vũ trụ. Nhưng trong tiêu vũ trụ, trong con người, thì con người có thể cảm nhận được, và hiểu được như sự sinh tạo ra con người qua sự hình thành của thai nhi từ sự sống đến những sức sống của mỗi thể và hệ thống của mỗi thể.

Tính chất cốt yếu của sự hình thành thai nhi là mầm sống và cũng là sự sống được kết tinh từ sự Sáng của đôi nam nữ, khi cả hai có đủ khả năng để tạo nên một sự sống, và những sức sống khác từ sự sống đủ sức sinh hóa.

Sự sống đủ sức sinh hóa khi sự Sáng đủ sức sinh hóa. Khi Trí khôn của đôi nam nữ phát triển đến mức Hiểu, lúc đó sự Sáng (thể Sáng) của Trí đủ khả năng để tạo nên sự sống khác.

Nói cách khác, là sự di truyền của sự sống có thể hiện thực khi Trí khôn con người có khả năng “Hiểu” (1).

Hay là, “Hiểu” là dấu hiệu của thể Sáng (sự Sáng) đầy đủ để sinh hóa ra một sự sống khác qua chức năng di truyền.

Mầm sống (sự kết tinh của sự sống) hay là sự Sáng, sự sống sinh động trong

(1) Loài thú không có khả năng di truyền sự sống như con người, vì chúng không có chức năng suy nghĩ và thông minh.

Hai chức năng này, khi hoạt động tạo thêm sức sống cho sự sống. Loài thú, khi sức sống của chúng đầy đủ khả năng để sinh hóa, lúc đó mới xảy ra sự di truyền của sự sống, tức là loài thú chỉ có bản năng di truyền sức sống...

mầm sống là khởi điểm của sự hình thành thai nhi, từ sự sống qua những sức sống có năng lực từ mạnh đến yếu. Năng lực cực mạnh thì cực nhẹ, năng lực yếu thì nặng hơn.

Sự sinh hóa khởi đầu bằng sự sinh động của sự Sáng. Sự Sáng sinh động, sinh hóa ra nhân điện, trong nhân điện sự Sáng vẫn luôn sinh động. Nhân điện sinh hóa ra Khí, và trong Khí, sự Sáng và nhân điện vẫn luôn sinh động. Khí sinh hóa ra Huyết, trong Huyết, sự Sáng, nhân điện, Khí vẫn luôn sinh động.

Sự Sáng sinh hóa ra Điện (nhân điện).

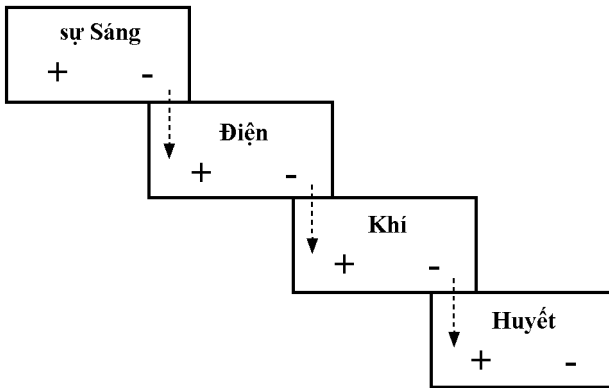
Điện sinh hóa ra Khí.

Khí sinh hóa ra Huyết.

Tất cả 4 thể sinh động trong Nhục thân. Và mỗi thể đều có một hệ thống sinh động của Dương và Âm để sinh hóa.

Sự sinh hóa tiếp tục từ Dương sang Âm và từ Âm sang Dương.

Như Âm của sự Sáng sinh hóa ra Dương của nhân điện. Và từ Dương của nhân điện sinh ra Âm, và cứ tiếp diễn như vậy cho mấy thể khác...



Tất cả 4 thể và hệ thống Dương và Âm của mỗi thể đều sinh động và những thể nhẹ và cực nhẹ tiềm ẩn sinh động trong thể nặng như trong Huyết.

Huyết tự nó sinh động và chuyển động, trong nó có Khí, Điện và sự Sáng cũng sinh động và chuyển động.

Huyết + {(Khí +, -) + (Điện +, -) + (sự Sáng +, -)}

Khí + {(Điện +, -) + (sự Sáng +, -)}

Điện + (sự Sáng +, -)

(sự Sáng +, -)

Nhục thân chứa đựng tất cả các thể này cùng sự sinh động và chuyển động của mỗi năng lực. Mỗi thể có một hệ thống cơ quan liên hệ, do sự sinh hóa từ sự sống (sự Sáng) qua sức sống (Điện, Khí, Huyết) với sự kỳ bí trong sự sinh hóa vô hình.

Mầm sống (sự sống) chứa tất cả mọi sự sinh hóa của những năng lực và lực để tạo nên những cơ quan và hệ thống của cơ quan.

Như thể Sáng và những cơ quan vô hình liên quan là não, tủy sống và tế bào não.

Từ thể Sáng sinh hóa ra nhân điện với những cơ quan liên hệ là hệ thần kinh và huyết đạo sinh động bằng nhân điện.

Rồi kế tiếp là sự sinh hóa của Khí và hệ thống của Khí là Phổi, Tam tiêu, các kinh... đặc biệt là hệ thống hô hấp.

Sau cùng là Huyết được sinh hóa từ Khí, các cơ quan (tạng, phủ) được tạo nên, với những hệ thống hệ trọng là hệ thống tuần hoàn, tiêu hóa v.v...

Sự sinh hóa từ sự sống sang sức sống từ mạnh đến yếu (sự Sáng → Điện → Khí → Huyết) qua hệ thống từ Dương sang Âm; và từ Âm sang Dương của một thể khác trong thai nhi hoàn tất, khi thai nhi có đầy đủ khả năng sống ngoài bụng mẹ, thai nhi đòi ra, không phải người mẹ muốn sinh con theo ý muốn, theo giờ và ngày đã lựa chọn sẵn để đứa trẻ sau này có thân phận tốt.

(Tất cả những gì không thuận sự tự nhiên trong sự sinh hóa, chuyển hóa... là nghịch với Thiên Cơ, tức là con người tự mình làm sai Vận, tự ý cải số. Điều này làm đảo lộn Vận của Phước Họa của cha mẹ, bởi vì giữa cha mẹ và con cái có sự di truyền những tinh hoa của 3 cõi giới thuộc về giá trị tâm linh, tinh thần và vật chất...).

Sự sinh hóa trong sự hình thành thai nhi tuy có, nhưng vô hình đối với nhãn quan con người, vì sự sinh hóa không xảy ra trong thời gian ngắn mà kéo dài gần một năm.

Nếu sự sinh hóa xảy ra trong đời sống hằng ngày, trong sinh hoạt của chính mình thì sự cảm nhận sẽ làm cho Trí khôn phát triển. Nhưng rất ít người để ý, quan tâm đến sự biến đổi những hiện tượng này.

Khi Trí khôn phát triển cũng là sự Sáng đã tăng triển. Từ đó, sự Sáng có khả năng sinh hóa.

Bản chất của Trí là sự Sáng (thể Sáng) do sự sinh động của Dương và Âm trong sự Sáng, sinh hóa ra tư tưởng.

Tư tưởng sinh hóa ra tình cảm. Và từ tình cảm, hay từ tình cảm và tư tưởng mà cảm giác được sinh hóa.

Sự diễn tiến của sự sinh hóa từ trên đầu xuống dưới thân, hay từ trong não đi ra ngoài Nhục thân.

Tóm lại:

Trí thông minh → sinh hóa ra tư tưởng; tư tưởng → tình cảm → cảm giác.

Tạo vật		Thể	
Trí thông minh	←	→	Sự Sáng
↓			↓
Tư tưởng	←	→	Điện
↓			↓
Tình cảm	←	→	Khí
↓			↓
Cảm giác	←	→	Huyết

Sự sinh hóa từ sự sống sang sức sống hay sang nhiều sức sống khác là sự sinh hóa của năng lực mạnh sang năng lực yếu hơn.

Nhưng sức sống cũng có thể sinh hóa ra một loại năng lực như nó.

Như, tư tưởng sinh hóa ra tư tưởng
tình cảm sinh hóa ra tình cảm
cảm giác sinh hóa ra cảm giác.

Con người là một tiểu vũ trụ, có cùng một bản chất, bản tính và tính năng giống như vũ trụ, nhưng sự tiến hóa ưu việt hơn vũ trụ là con người có thể chủ động tiến hóa. Vì vậy sự sinh hóa trong con người cũng chủ động, nhờ ở Trí khôn.

Sự sinh hóa tự nhiên của con người là qua các giác quan của Nhục thân mà cảm giác được sinh hóa.

Nhưng trong sự sinh hóa chủ động, thì cảm giác được sinh hóa do sự can dự của tư tưởng, tức do sự sáng tạo của Trí. Hay là do sự can dự của Trí vào Nhục thân mà vô số cảm giác được sinh hóa.

Đặc tính của cảm giác trong Nhục thân, có lúc thì đơn độc, có khi nhiều cảm giác hợp lại cùng lúc.

Với tình cảm cũng vậy, sự sáng tạo của Trí soi vào Tâm, tình cảm được sinh hóa. Từ tình cảm nguyên thủy sinh hóa những tình cảm khác do sự can dự của Trí soi vào tình cảm đầu tiên mà những tình cảm khác xuất nguồn hay những tình cảm khác phát sinh từ tình cảm nguyên thủy.

Như vậy, trong sự sinh hóa, tự nó tiếp tục sinh hóa.

Cao hơn sự sinh hóa của cảm giác và tình cảm, là sự sinh hóa của tư tưởng

Từ tư tưởng nguyên thủy, Trí suy nghĩ tiếp tục suy nghĩ, tư tưởng đầu tiên sinh hóa cả dây chuyền tư tưởng.

a. Hiệu quả của sinh hóa

Mọi sự sinh động, chuyển động, hoạt động đều tạo ra lực mà bản chất, bản tính và tính năng của nó tăng theo thời gian, theo mức độ sinh động, chuyển động, hoạt động của thời gian.

Cùng một thời gian sinh động, chuyển động, hoạt động, nhưng mỗi loại lực được tăng lên, chúng khác nhau ở cường độ. Và ở sự giảm cũng vậy, các lực khác nhau ở cường độ.

Sự sinh hóa liên quan trực tiếp đến ba yếu tố của sinh hoạt con người là cảm giác, tình cảm và tư tưởng. Và đó cũng là sự hiểu biết chung của con người được đem ra ứng dụng với sinh hoạt của đời sống. Nó tương quan, tương ứng với Nhục thân, Tâm, Trí, tức là từ ngoài Nhục thân đi vào Tâm, Trí.

Sự tăng giảm của lực trong sự sinh hóa của cảm giác, tình cảm và tư tưởng liên quan đến nội lực sinh động trong Nhục thân là Huyết, Khí và Điện.

Sự tăng giảm của nội lực của 3 thể đều do sự xúc tác của sự Sáng của Trí.

Sự tăng trưởng của nội lực, khi lực này được sinh động bên trong Nhục thân, mà không tỏa hay thoát ra khỏi Nhục thân.

Sự giảm của lực xảy ra khi nội lực tỏa hay thoát ra khỏi Nhục thân, như sự đau đớn của Nhục thân, của tâm hồn, dục cảm v.v...

Lực được tăng trưởng bên trong Nhục thân do 3 giác quan là xúc giác, vị giác và khứu giác... Sự sinh hóa của cảm giác càng tăng thì nội lực của Huyết cũng theo đó được cường hóa do các cảm giác được ưa thích.

Hay là nội lực của Huyết được cường hóa do sự sinh hóa của cảm giác ưa thích mà cảm giác này không tỏa, hay thoát nội lực ra khỏi Nhục thân.

Nói cách khác, sự sinh hóa của cảm giác ưa thích cường hóa nội lực của Huyết, làm tăng sức đề kháng cho Nhục thân.

Sự sinh hóa của tình cảm cũng không ra ngoài qui luật này. Tình cảm nhẹ nhàng như vui, mừng... sinh hóa, chúng thuộc về Thanh Khí, cường hóa nội lực của Khí, loại thải Trược khí ra ngoài. Vì vậy tế bào được nuôi bằng hồng huyết cầu và Thanh khí đầy đủ.

Hiện tượng bên ngoài Nhục thân cho thấy, những người sinh hoạt với hai loại tình cảm này, da dễ được hồng hào và bóng láng, đặc biệt là trẻ con.

Nội lực của Khí tăng rất nhiều.

Sự linh hoạt của tư tưởng đạt đến mức tối đa so với những sinh hoạt khác, nhờ vào lực của nó có tốc độ cực nhanh.

Sự sinh hóa của tư tưởng càng nhiều, mức linh hoạt theo đó tăng lên. Nội lực của nhân diện được cường hóa và ý thức về những tín hiệu dẫn truyền chính xác.

Sự tiến hóa của con người xảy ra dưới nhiều phương diện, khía cạnh và trong nhiều thể trong sự sống bên trong của con người. Nhưng số người nhận biết rất

giới hạn, đa số chỉ nhận thấy được sức sống có thời hạn của cái vỏ bên ngoài, là Nhục thân, hoặc sự diễn tiến của Nhục thân trong sinh hoạt của đời sống xã hội.

Sự sống và sức sống trong con người luôn sinh động dù cho sự sinh động có thể nhận thấy bằng giác quan, hoặc không thể, chúng vẫn sinh động, chuyển động, hoạt động... trong đó có sự sinh hóa.

Cái cùng cực của “Lý sinh động” là trong con người luôn có sự tiến hóa. Trong Nhục thân sự sinh hóa để tiến hóa chính mình thấy rõ hơn ai hết.

b. Chức năng mâu nhiệm của sự sinh hóa

Sinh hóa và chuyển hóa là hai chức năng mâu nhiệm trong đó có sự tác động vô tận của Nguyên năng.

Trong con người cũng như trong vũ trụ, bốn thể liên quan đến sự sinh hóa, chuyển hóa, đến sự tác động và xúc tác của Nguyên năng, cho nên chúng chứa đựng sự linh thiêng và mâu nhiệm.

Hay là Nguyên năng tác động trong hai chức năng mâu nhiệm, và hai chức năng này sinh động trong bốn thể linh thiêng của con người và vũ trụ.

Nói cách khác, bốn thể linh thiêng chứa đựng sự mâu nhiệm trong sự sinh hóa và chuyển hóa.

Những thể này tồn tại mãi, và con người nhờ vào sự tồn tại của bốn thể linh thiêng này để sự di truyền của loài người được duy trì.

Bản thể của bốn thể đều linh thiêng, nhưng sự mâu nhiệm có trong chức năng nhờ Dương và Âm sinh hóa và chuyển hóa.

Bốn thể linh thiêng này sinh động nhờ ở thể nguyên thủy là sự Sáng (thể Sáng).

Sự Sáng là chất tự có, nên gọi là vô sanh. “Tự có”, chất này là sự sống.

Sự Sáng có sự sống, hay là “sự Sáng tự nó là sự sống”. Bản tính của nó hằng sống, bản thể là sự Sáng (thể Sáng).

Bản thể là thể Sáng (sự Sáng); bản tính là hằng sống; tính năng (năng lực của bản tính) là sức sống tuyệt đối.

Ở trạng thái nguyên thủy này, sự sống cũng là sức sống tuyệt đối. Nói cách khác, sức sống tuyệt đối bằng với sự sống, nên sự “tự sinh động” chỉ có Sinh không có Diệt (không bị biến tướng, biến thái, biến thể).

Sự sống = sức sống

Hay là sức sống = sự sống

Sự sinh hóa chưa xảy ra khi sự sống bằng với sức sống.

Cho đến khi Nguyên năng xúc tác vào sự sống, tách sự Sáng thành hai dòng năng lực Dương và Âm (1), lúc đó chức năng sinh hóa bắt đầu hoạt động.

(1) Xin xem ở cuối trang 281.

Vô tận các loài, tạo vật được tạo nên từ sự sinh hóa của Dương và Âm trong các thể, trong những sức sống xuất nguồn từ sự sống nguyên thủy.

Dương và Âm trong sự sinh hóa từ sự Sáng chúng đồng bản chất, nhưng bản tính và tính năng lại khác nhau, dù cùng một chức năng sinh hóa.

(Sự linh thiêng giống nhau trong bất cứ một thể linh thiêng nào, nhưng mẫu nhiệm ở Dương nhiều hơn Âm.

Giữa Nam và Nữ, con người có sự linh thiêng của bốn thể trong Nhục thân, nhưng sự mẫu nhiệm trong Dương và Âm có sự khác biệt.

Dương nhiều hơn Âm, vì vậy người Nam chuyển hóa những thể linh thiêng dễ hơn người Nữ. Số người tu hành và thành Thân, Tiên, Phật, Thánh nhiều hơn người Nữ.

Trong sự xúc tác của Nguyên năng vào thể Sáng (sự Sáng) thì Dương khởi động trước và lôi cuốn theo sự hình thành của Âm, nên Dương mẫu nhiệm hơn Âm và có trước Âm.

Và nhờ vào Âm mà sự sinh hóa ra những sức sống khác mới tiếp diễn được, kể cả sự di truyền (2).

Trong con người, sự sống (sự Sáng) sinh hóa để tạo thành những sức sống có giới hạn, từ huyền năng tạo ra huyền lực, thần lực, tinh lực. Hay là, từ năng lực siêu siêu nhiên sinh hóa ra năng lực siêu nhiên và tự nhiên.

Sự sinh hóa tạo ra sự khác biệt về tính năng do ở bản chất của mỗi thể được sinh hóa. Như Huyết nặng hơn Khí. Khí trong cơ thể nặng hơn Điện (sinh vật điện, nhân điện). Và Điện nặng hơn thể Sáng (sự Sáng).

Hay là:

Thể sáng (sự Sáng, sự sống): vô cùng nhẹ

Nhân điện : cực nhẹ

Khí : nhẹ

Huyết : nặng

(1) Tất cả những tạo vật có sự sinh hóa thì trong chúng phải có Dương và Âm, dù đó là một tạo vật có sức sống vô hình, siêu hình hay hữu hình.

Sự tồn tại của chúng, loại nào qua chức năng di truyền cũng đều có Dương và Âm, thì sự sinh hóa mới hiện thực được.

(2) Từ suy nghĩ về những sinh động vô hình mới biểu lộ được sự thông minh của con người, như có người tự hỏi: “trứng gà có trước hay gà có trước”.

- Nếu trứng có trước gà, và trứng không có trống, thì trứng đó không thể nở ra gà trống hoặc mái.

Gà mái phải có trước trứng. Nếu gà mái đẻ trứng, trứng đó cũng không nở ra gà, vì không có trống.

Như vậy, gà trống phải có trước. Và từ đó mọi sinh hóa sẽ tiếp diễn, tức là Dương có trước và Âm có sau. Dương và Âm giao hòa mà tạo nên sinh hóa. Sự sinh động vô hình trong sinh hóa là một kỳ bí.

Theo tính năng của mỗi thể, thì thể nào nhẹ nhất, thể đó có lực mạnh nhất.

Lực mạnh do ở tốc độ chuyển động. Và tốc độ của một thể nhẹ có thể xuyên qua thể nặng hơn.

Như, thể Sáng (sự Sáng) của Trí khôn con người tỏa ra, bao trùm và có cả trong Điện, Khí, Huyết. Hay là, thể Sáng của Trí con người tiềm ẩn sinh động trong Điện, Khí, Huyết, trong tất cả hệ thống cơ quan của cơ thể con người.

Tốc độ của nó tuyệt đối, có thể nói, nó không có tốc độ, nhưng luôn sinh động trong thể nặng hơn nó.

Huyền năng (sự Sáng) xuyên qua và sinh động trong huyền lực (Điện), thần lực (Khí) và tinh lực (Huyết).

Sự sống (sự Sáng) sinh hóa ra những sức sống khác nhau ở bản thể, bản tính và tính năng, thì sự màu nhiệm trong mỗi thể được sinh hóa cũng giảm dần theo tỷ lệ của sự Sáng sinh động trong mỗi thể, và trong Dương và Âm của mỗi thể cũng không đồng đều.

Tỷ lệ màu nhiệm trong hai vũ trụ giống nhau ở mỗi thể.

Sự Sáng Dương động trước, chỉ số của nó là 1

Sự Sáng Âm : 1/2

Điện Dương : 1/4

Điện Âm : 1/8

Khí Dương : 1/16

Khí Âm : 1/32

Thủy (Huyết) Dương (máu đỏ) : 1/64

Thủy Âm (máu đen) : 1/128

Tỷ lệ màu nhiệm giảm dần trong sự sinh hóa của thể cực nhẹ đến nhẹ và sau cùng là thể nặng. Tức là, sự màu nhiệm, linh thiêng rất ít trong những thể nặng như máu đen và máu đỏ, và nhiều dần lên trong Khí và nhiều hơn, là ở trong thể cực nhẹ là sinh vật điện, nhân điện.

Dưới nước, sinh vật sống với những thể nặng, máu đen nhiều. Chúng thiếu những thể cực nhẹ và nhẹ, sinh sản nhiều, cung cấp thực phẩm cho những loài tiến hóa, có nhiều sinh vật điện.

Trên mặt đất, các loài cỏ cây, sinh vật không có nhiều sinh vật điện, sự Sáng. Chúng cũng sinh sản nhiều để làm thức ăn hay làm môi cho các loại thú có khả năng thị giác xa. Chúng là những sinh vật tiến hóa hơn với đầy đủ năm giác quan, với cặp mắt nhìn thẳng như thị giác của loài người.

Đối với con người và các loài sinh vật, tỷ lệ màu nhiệm và linh thiêng trong sự sống và sức sống trong sự sinh động và sinh hoạt của đời sống ẩn định mức tiến hóa của mỗi cá nhân, của mỗi sinh vật.

(Trong những pháp môn, phương pháp tu luyện cũng vậy, hiệu quả đạt được do ở sự vận dụng những thể cực nhẹ để luyện, để tu, hay là dùng thể cực nhẹ và vô cùng cực nhẹ để thực hành trong sinh hoạt. Tỷ lệ mẫu nhiệm, linh thiêng trong đời sống xác định được mức tiên hóa của sự tu luyện..., cũng như thời gian tiên hóa nhanh, hay chậm.

Tất cả đều tùy thuộc sự hiểu biết về giá trị của mỗi thể và phương pháp thu, giữ và dùng những năng lượng.

Như, trường chay, dùng rau quả, diệt dục, nhưng không luyện Khí, Điện, sự Sáng... Kết quả, máu đỏ có sức sáng long lanh, có khả năng đề kháng cao, cảm nhận được những biến đổi trong thể Thủy trong thiên nhiên. Nhưng không linh cảm được tâm trạng, tâm địa của tha nhân.

Tỷ lệ mẫu nhiệm và linh thiêng trong người trường chay đạt ở mức 1/64.

Mức mẫu nhiệm và linh thiêng trong người tăng lên ở sự luyện Khí.

Mức đạt được là 1/16. Nếu biết dùng sự Sáng để xúc tác vào Khí thì sự linh thiêng và mẫu nhiệm để cảm nghiệm, là linh cảm được tâm trạng và tư tưởng của tha nhân.

Mức đạt được là 1/8 của sự mẫu nhiệm và linh thiêng.

Những mức cuối cùng là luyện Điện, sự Sáng, tức là luyện ngay não bộ thể Sáng và Điện.

Tóm lại, nếu người tu luyện hay sống Đạo mà không rõ được giá trị của năng lực của mỗi thể, những chức năng liên quan... thì không thể đạt được kết quả mong muốn. Cho nên, kết quả nhanh hay chậm đều do thấu triệt những nguyên nhân liên quan).

2. Chuyển hóa

Cũng như sinh hóa, chuyển hóa là một hiện tượng vật lý và là một chức năng mẫu nhiệm hoạt động trong vũ trụ và trong mọi tạo vật có sự Sáng sinh động.

Sinh hóa, chuyển hóa thì tồn tại. “Sinh hóa đơn thuần” thì những sức sống, năng lực được sinh ra phải tự hủy hoại. Nhưng nhờ chuyển hóa mà có sự tiến hóa, sự sống được duy trì và tăng thêm.

Tức là, sự sống sinh hóa ra sức sống. Sức sống sinh động, trong đó sự sống cũng sinh động. Sức sống tăng trưởng đến mức tối đa của nó rồi tự hủy hoại, đồng thời sự sống vẫn tăng và tồn tại sinh động.

Sự tăng trưởng của một năng lực vô hình khó nhận ra, huống gì là một chức năng vô hình như sự chuyển hóa. Nếu con người không có Trí khôn, thì sự chuyển hóa trong đời sống con người không thể nhận ra được, mặc dù con người luôn thấy có sự đổi thay, sự tiến bộ trong đời sống.

Trước mắt con người, trên hành tinh con người đang sống, tất cả các loài thực vật, sinh vật, đều trải qua sự sinh hóa, chuyển hóa một cách trực tiếp hay gián tiếp, bằng cách ăn lẫn nhau để các thể trên địa cầu có thể tiến hóa trong thân của chúng. Nhờ đó mà sức sống có giới hạn hay lực yếu của một thể nặng, được chuyển sang những lực nhẹ hơn, nhưng có cường độ mạnh hơn. Và hiện tượng này tiếp diễn mãi.

Sinh hoạt của con người cũng vậy, sự đổi thay mang tính tiến bộ, tiến hóa, nhờ vào sự chuyển hóa, biến đổi, sinh động vô tận từ trong ra ngoài, từ vô hình sang siêu hình, cuối cùng sang hữu hình để con người có thể nhận ra được phần nào, tức là có sự cảm nhận, nhưng không thể toàn diện. Nó chỉ phiến diện do ở sự cảm nhận trực tiếp của giác quan.

Sự quan sát của giác quan qua Trí khôn chỉ khám phá ra sự kỳ diệu trong sinh hoạt hữu hình, nhưng nó thiếu đi sự linh thiêng và màu nhiệm sinh động trong sự kỳ diệu đó.

Sự linh thiêng và màu nhiệm sinh động trong những lực, dạng, bản thể... siêu hình và vô hình do sự xúc tác của sự sáng tạo ra sự chuyển hóa để tiến hóa.

Từ đó sinh hóa ra những tạo vật siêu hình và vô hình trong con người, do sự sinh hoạt của mỗi cá nhân tạo nên, nhưng chính mình cũng không hề biết, vậy làm sao hiểu được.

Tất cả những tạo vật vô tri vô giác, sinh vật, thực vật... không có sự Sáng của Trí, không thể sinh hóa được những bộ phận, cơ quan siêu hình, vô hình để tiến hóa như con người được.

Đây là sự tiến hóa có ý thức, không phải là sự tiến bộ từ kiến thức, kiến văn.

Sự chuyển hóa từ sự Sáng (thể Sáng) cũng là sự tiến hóa có ý thức của loài người, mang tính màu nhiệm. Đó là, từ một thụ tạo chuyển hóa thành sự sáng tạo của một vũ trụ chứa đựng cùng bản thể, bản tính và tính năng như đại vũ trụ.

Những gì giống như vũ trụ, nó tồn tại như vũ trụ và tiến hóa trong sự sinh động chung của nó, không như sự tiến bộ của Trí khôn của mỗi người chỉ diễn tiến trong quãng thời gian sống của Nhục thân.

a. Chuyển hóa trong sinh hoạt

Sinh hoạt trong đời sống con người biến đổi, thay đổi vô cùng. Có sinh hoạt ta cảm nhận được trực tiếp, nhưng có sinh hoạt ta phải quan tâm, chú ý mới nhận ra được chúng, và kiểm soát được sự diễn biến của nó.

Tất cả sức sống trong con người và luôn cả sự sống đều tạo ra những sinh hoạt theo ý muốn của mỗi người. Với đa số, trong một giây, một phút, vô số sinh hoạt khác nhau biểu hiện, không cùng một loại xảy ra.

Sự phong phú của sinh hoạt chứng minh đời sống con người có một sự biến đổi từ sự đơn sơ đến phức tạp, tinh tế mà con người hưởng thụ. Nhưng nhiều

người không cảm biết, vì đã không quan sát những diễn biến này, và do đó không kiểm soát được chúng để tận hưởng những tinh hoa của sinh hoạt, và của tất cả mọi loại sinh hoạt. Vì vậy, họ chỉ thấy đời sống luôn hiện ra những phiền não, mà kiếp người phải trải qua như một sự đọa đày. Họ sống với quan niệm bi quan.

Ngược lại, nếu con người quan sát được trong sự đổi mới của sự tiến hóa, tiến bộ của Thân, Tâm, Trí ngày càng có nhiều tinh hoa trong mỗi sinh hoạt, thì đời sống của họ luôn sinh động bằng những quan niệm lạc quan.

Quan niệm lạc quan của đời sống chứa đựng bên trong sự thụ hưởng, tận hưởng những tinh hoa của tiến bộ, tiến hóa trong sinh hoạt – một sự thụ hưởng, tận hưởng không tạo ra sự đam mê, không làm cho đời sống tinh thần, tâm linh phải thoái hóa. Còn những đam mê do ngoại cảnh đưa vào bằng cảm giác, hoặc tình cảm mà con người ưa thích, như những loại cảm giác tạo nên ảo ảnh, kích dục, hoặc tạo ra những ảo tưởng, chúng dần dần in sâu vào chức năng nhớ của Trí, tước đoạt sự kiểm soát, quyền làm chủ của Trí khôn minh trên bản thân (1).

Chuyển hóa trong sinh hoạt là sự đổi mới trong sự tiến hóa mà con người cảm nghiệm được qua sự tuần tự can dự của Thân, Tâm, Trí.

Sinh hoạt khởi đầu từ Thân (Nhục thân) tức là từ cảm giác thô sơ đến tinh tế, có sự quan sát, cảm nghiệm của Nhục thân và Trí.

Cảm giác thấp nhất là xúc giác, đến vị giác, khứu giác, thính giác, thị giác. Sự chuyển hóa trong sinh hoạt từ ngoài da, đến lưỡi, mũi, tai, sau cùng là mắt, tương quan vị trí của các giác quan trên đầu từ thấp lên cao.

Hay ngược lại, các giác quan ở những vị trí cao, càng tinh tế, và có khả năng tiếp xúc ở một không gian xa, như tai đặc biệt là mắt.

Sự chuyển hóa của con người trong sinh hoạt từ Thân, đến Tâm và sau cùng là Trí. Hay là, sự chuyển hóa từ cảm giác đến tình cảm và cuối cùng là tư tưởng.

Cảm giác có được nhờ Nhục thân. Cảm giác sinh ra tình cảm. Và cảm giác, tình cảm là nguồn gốc sự chuyển hóa ra tư tưởng.

Ở Nhục thân, sự chuyển hóa cũng xảy ra trong những chức năng của giác quan qua sự cảm nhận từ gần đến xa những hiện tượng của thế giới tự nhiên để đưa những tín hiệu về não để phát triển Trí năng.

(1)Ma túy, quỷ túy... làm mất Trí khôn. Mất Trí khôn, con người mất hết quyền làm chủ, trở thành nô lệ cho đam mê.

Mất Trí khôn, Lương Tâm không còn, nhân tính mất, thú tính và quỷ tính thay thế cho sự khôn ngoan tạo nên những hành vi, hành động ác độc, quỷ quái cho tha nhân.

Những hiện tượng cảm nhận được từ Nhục thân qua giác quan, đầu tiên là:

Da cảm được Nhiệt độ (nóng, lạnh, ẩm, mát...).

Miệng nếm được Vị.

Mũi ngửi được Hương.

Tai nghe được Thanh.

Mắt nhận ra Sắc.

So với vị trí của các giác quan ở đầu từ thấp lên cao, những giác quan ở vị trí cao có tầm hoạt động xa, tiếp xúc nhiều hiện tượng. Chúng có khả năng phát triển nhiều Trí năng hơn những giác quan ở vị trí thấp. Mức tiến hóa trong sự chuyên hóa như sau:

Giác quan	Cảm nhận	Ý thức của Trí
Mắt	Sắc	↑ Mức tiến hóa
Tai	Thanh	↑ trong sự
Mũi	Hương	↑ chuyên hóa
Miệng (Lưỡi)	Vị	↑
Da	Nhiệt độ	↑

Sinh hoạt đầu tiên trong đời sống Nhục thân là cảm giác.

Trong Nhục thân, nếu không có thể Thủy (Huyết) thì không có cảm giác. Nhưng nếu không có sự Sáng (Trí) sinh động trong đó thì không có sự nhận biết trong đó. Như khi ngủ, con người không có cảm giác, hay là khi Nhục thân chết, Huyết ngưng chuyển động, cảm giác không còn.

Cảm giác có được là nhờ ở sự sinh động và chuyển động của Huyết, nhưng nếu không có sự Sáng sinh động trong đó, ý thức không phát sinh, thì không có sự cảm nhận về cường độ của cảm giác.

Nhờ sự xúc tác của thể Sáng (sự Sáng) của Trí với ý thức trong cảm giác, mà một hiện tượng khác được nảy sinh dưới dạng của Khí trong Huyết. Đó là tình cảm.

Được sinh ra là tạo vật, một thụ tạo.

Tình cảm là một tạo vật, một thực thể, một năng lực mới, một nhân tố mới trong sinh hoạt trong nhân sinh quan và vũ trụ quan của đời sống tinh thần và tâm linh....

Dù cho bản chất, bản tính và tính năng của nó thuộc về loại nào, thì tình cảm là một hiện tượng được chuyên hóa từ cảm giác.

Nó là một hiện tượng tâm sinh lý sinh ra từ cảm giác, hay là một phức hợp

của tâm lý và sinh lý tạo ra sự ham muốn, ưa thích hay không ưa thích.

Sự ham muốn, ưa thích về cảm giác mà ta gọi là Dục, gồm có 5 loại, liên quan đến năm giác quan là:

- Nhục dục
- Vị dục
- Hương dục
- Thanh dục
- Sắc dục

Các loại cảm giác phát sinh ra Dục cũng tạo ra một phần của tình cảm, kích thích Trí khôn hoặc đưa con người vào sự đam mê.

Sự này sinh tình cảm từ cảm giác mở rộng sự sinh hoạt của con người, giúp cho sự tiếp xúc giữa người với người trở nên phong phú hơn, và ngay cả trong bản thân của mình và của tha nhân.

Nó không giống như cảm giác, chỉ sinh động ngắn hạn trong Nhục thân của mỗi cá nhân.

Sinh hoạt của con người được chuyển hóa từ:

Cảm giác → sang tình cảm, hay từ:

Nhục thân → sang Tâm.

Tính quan trọng của sự chuyển hóa này là sự nảy sinh của một bộ phận vô hình là Tâm. Nó chứa đựng sự sinh động của tình cảm.

Nếu tình cảm được đưa vào sinh hoạt, nghĩa là đời sống con người có sự can dự của một bộ phận vô hình, đó là Tâm.

Nói cách khác, sinh hoạt bên ngoài trở nên phong phú hơn nhờ vào sự sinh động vô hình của “một bộ phận có, cũng như không có”, trong thân con người.

Đối với quá trình tiến hóa, sự nảy sinh những bộ phận vô hình và sự sinh động của nó rất quan trọng. Nhưng sự chuyển hóa vẫn tiếp diễn từ cảm giác và tình cảm, hay là từ Nhục thân và Tâm sang một thực thể khác.

Sự chuyển hóa này đưa đến một sự đổi thay quan trọng cho đời sống con người, đó là tư tưởng của Trí.

Không như tình cảm, sự rung động của tình cảm phải có đối tượng hữu hình, nó mới khởi động được. Nó không xảy ra thường xuyên, và tốc độ rung cảm không nhanh.

Trái lại, tốc độ của tư tưởng cực nhanh. Nó làm cho sinh hoạt trở nên vô cùng linh động. Đối tượng sinh hóa ra tư tưởng tăng lên từ hữu hình, siêu hình và vô hình.

Đối tượng vô hình chẳng cần đến sự can dự của giác quan trong tư duy, để tìm ra cái Lý trong sự việc, hiện tượng v.v...

Sự tiến hóa từ sự chuyển hóa của những yếu tố liên quan được nhận ra từ mỗi yếu tố, nơi sinh động, và tốc độ của mỗi yếu tố:

Yếu tố		Nơi		Mức tiến hóa do tốc độ
Tư tưởng	← →	Trí	← →	Nhanh
↑		↑		↑
Tình cảm		Tâm		Vừa
↑		↑		↑
Cảm giác		Nhục thân		Chậm

Sự cảm nhận của thị giác con người ngày nay rất nhanh do sử dụng những phương tiện có tốc độ nhanh.

Nó làm tăng mức linh hoạt của Trí, tuy nhiên, tất cả đều là sản phẩm của tư tưởng, mà tốc độ xuất hiện của nó, con người chưa đo, chưa biết được. Dù vậy, Trí con người vẫn kiểm soát được tốc độ vô hình của sự nảy sinh ra tư tưởng.

Đối với thế giới giác quan, tức là thế giới sinh hoạt của con người với 5 giác quan được đưa vào sử dụng trong sinh hoạt tổng hợp của cảm giác, tình cảm và tư tưởng, thì sự tiến hóa của con người đạt đến mức nào?

- Trong sinh hoạt của con người luôn có sự đổi mới. Sự khác thường này, nếu là sự vui, nó có thể được giữ lại trong ký ức, nếu không, nó sẽ bị quên đi.

Thật ra, sự quên lãng của ký ức, do nó không có giá trị thực tiễn, hoặc cá nhân đó, không khám phá ra giá trị tiến hóa để suy ngẫm, để thăng hoa nó.

Cũng như trong sinh hoạt tổng hợp của cảm giác, tình cảm và tư tưởng, thì sinh hoạt nào có tốc độ nhanh nhất, có khả năng tiến hóa nhanh. Đó là sinh hoạt của tư tưởng, cũng là vận dụng của Trí con người vậy.

Vận dụng Trí khôn con người trong sinh hoạt, là mức tiến hóa đạt đến mức cao nhất của Nhục thân với việc sử dụng năm giác quan. Nhưng tinh hoa của tư tưởng không đơn thuần là sự tiến hóa của một cá nhân, mà nó là giá trị để tiến hóa nhân bản trong sự khởi động Lương Tâm.

Tức là, nhờ sự hoạt động của Lương Tâm, tư tưởng của con người có giá trị thật để tiến hóa nhân bản, hướng theo sự thiện, dần đến sự thánh thiện. Và nó hóa giải được tính độc ác của Trí khôn con người, của tư tưởng sáng tạo với mục đích đề cao, tôn vinh bản ngã trong sự tranh đua danh tiếng.

Trong sinh hoạt tổng hợp của cảm giác, tình cảm, tư tưởng của đời sống tự nhiên, chỉ có tư tưởng là một yếu tố quan trọng, đưa con người lên hàng ưu việt, siêu việt đối với tất cả loài sinh vật hữu hình trên địa cầu, sống bằng bản năng tự nhiên để sinh tồn.

Quảng cách biệt từ bản năng là tư tưởng tạo nên tài năng và thiên tài năng.

Đây là những tinh hoa của Trí khôn, Trí thông minh, được tạo nên từ tư tưởng. Nó sinh động mãi, không mệt mỏi và ngày càng nhanh.

Sự sinh động và tồn tại trong sự sáng tạo mới chứng tỏ được sự tuyệt đối quý của một bộ phận vô hình trong con người, đó là Trí khôn, nơi tạo ra tư tưởng.

Từ hoạt động của tư tưởng cho thấy khoảng cách của bản năng đến khả năng rất xa, từ khả năng chuyển sang tài năng, cuối cùng đến thiên tài năng, có một cách biệt mà sở đắc không thể ấn định được bằng một thời gian nhất định như trong giáo dục học đường, qui định giáo trình theo ngày, giờ, tháng, năm.

Dù khả năng, tài năng, và thiên tài năng là kết quả của tư tưởng, nhưng hiệu quả của nó lại thuộc về sự sáng suốt của Trí khôn và mục tiêu, kỳ vọng, do bản ngã của mỗi cá nhân.

Suy ra, sự thành đạt của mỗi lãnh vực, mỗi bậc là do nơi sáng suốt của Trí khôn, sự tích cực của tư duy, sự vận động bền bỉ của chức năng suy nghĩ.

Nói cách khác, sự suy nghĩ không mệt mỏi và sự sáng suốt của Trí khôn sinh hóa ra giá trị của tư tưởng, tự nó tạo ra đẳng cấp, lãnh vực của sinh hoạt.

Trong ngày, sinh hoạt từ tư tưởng con người dù dưới dạng hữu hình, siêu hình hay vô hình được tạo ra vô số, nhưng không phải ai cũng cảm nhận được sự bộc phát, sự diễn tiến của chúng. Nghĩa là, rất ít người kiểm soát được bản thể, bản tính và tính năng của tư tưởng đơn thuần, chưa kể đến sự kết hợp của tư tưởng với những bộ phận, cơ quan vô hình cùng sinh động để tạo nên mỗi lãnh vực của sinh hoạt.

Như sự khác biệt rất xa về giá trị của khả năng, tài năng và thiên tài năng với sự vận dụng của những bộ phận, cơ quan vô hình.

Khả năng: là mức tiến hóa trên bản năng, nó là sự kết hợp của tư tưởng, của Trí khôn với các giác quan, tay, chân, ngón tay, cuồn tay những khớp nối của những bộ phận có khả năng hoạt động, chuyển động.

Đây là sự kết hợp của tư tưởng, Trí khôn với Nhục thân, chưa tạo nên được sự rung động của tâm hồn của nhân tính. Vì vậy, tính nhân văn trong lãnh vực của khả năng chưa biểu lộ rõ ràng.

Tài năng: là mức tiến hóa của con người trên cả bản năng và khả năng. Nó là sự kết hợp ở bên trong cả bên ngoài.

Bên trong là sự kết hợp của Tâm và Trí (của tâm hồn), bên ngoài là khả năng của Nhục thân. Sự kết hợp này rất phong phú, bao gồm cả tình cảm, tư tưởng sáng tạo, và khả năng thuần thực của Nhục thân.

Sự rung động của tâm hồn ở mức nào, thì tài năng được biểu lộ cũng tương quan ở mức đó. Nhân tính xuất hiện trong sinh hoạt, tình cảm nhẹ nhàng và tư tưởng sáng tạo sinh động làm tan biến thú tính.

Cái hay, vẻ đẹp trong tài năng được toát ra trong phong cách dịu dàng và lịch lãm. Tâm hồn rung động làm giảm đi các loại dục của Nhục thân, nghĩa là sinh

hoạt và hoạt động của tâm hồn chế ngự được dục cảm của Nhục thân.

Cái hay, vẻ đẹp của đời sống con người được thăng hoa do tài năng, và tính ưu việt trong nhân văn cũng do yếu tố này, mà nhân tài, chơn tài cảm nghiệm được sức điều khiển của Trí khôn của một sinh linh.

Hay là nhân tài, chơn tài nhận ra được sự tiến hóa của con người từ sự sinh động của tâm hồn, đưa sinh hoạt và hoạt động của đời sống ra khỏi cái vỏ chứa đựng nó (là Nhục thân) đến một mức linh hoạt cao hơn là bản năng và khả năng của Nhục thân.

Nói cách khác, khi tài năng hoạt động thì bản năng và khả năng lệ thuộc vào nó. Tức là khi Tâm, Trí (tâm hồn) sinh động thì Nhục thân không còn chủ động, mà nó trở nên thụ động, lệ thuộc vào hoạt động của Tâm, Trí.

Thiên tài năng: là một từ thường dùng để chỉ rõ một sự khác thường, một tài năng trội vượt trên cả tài năng, khả năng và bản năng..., thành đạt được do công phu cố gắng.

Thiên tài năng không do sự cố gắng, nó có sẵn từ bẩm sinh với những dấu hiệu, hiện tượng lạ thường, như thân thể toát ra hương thơm ở da, tai thông, mắt sáng..., đặc biệt là da không bị trầy xước, không có thẹo...

Sự khác thường của sự tiến hóa không theo sự diễn tiến bình thường của đa số trong sinh hoạt là cảm giác, tình cảm và tư tưởng.

Với thiên tài năng, sinh hoạt toát ra những đức tính từ thời thơ ấu. Sinh hoạt hồn nhiên biểu lộ những đức tính trước cả tình cảm, cảm giác trong sinh hoạt chứng minh sự ưu việt, siêu việt trong đời sống.

Đức tính là nhân tố chính trong sinh hoạt sinh động trong tư tưởng xuất nguồn từ Lương Tâm.

Tinh hoa của nhân tính đạt ở mức cao nhờ sự sinh động của tính siêu nhiên trong đức tính, xóa tan bản ngã cá nhân, đặc thù của mỗi người, để tỏa ra cái hay, vẻ đẹp chung của loài người trong mỗi người.

Hay là, trong đời sống của thiên tài năng, đức tính trong nhân bản sinh động làm tan biến bản ngã cá nhân, biểu lộ sự ưu việt và siêu việt trong sinh hoạt.

Ở con người bình thường, Trí khôn muốn hiểu được, phải tuần tự trải qua sự cảm nhận, biết và sau đó mới hiểu được, tức là muốn hiểu được cái Lý, phải có những hiện tượng hữu hình xảy ra. Vì vậy, “Hiểu” của “Trí bình thường”, là hiệu quả của “Biết” và “cảm nhận”. Nó không có tính cách sáng tạo mà chỉ phỏng tạo.

Ngược lại, thiên tài năng dùng Lý mà tạo ra những hiện tượng siêu hình và hữu hình. Cho nên, thiên tài năng sáng tạo từ cái Lý vô hình ra sự hình dung trong tư tưởng, ra những hiện tượng siêu hình không thuộc về Trí thông thường nữa.

Nó là phương tiện cũng là chức năng để Trí chuyển sang sự vận dụng của Siêu Trí, và cao hơn nữa là siêu siêu Trí (Tuệ) trong sự sáng tạo với những gì mới lạ được coi như gương mẫu để người đời học làm theo.

Sự chuyển hóa trong thiên tài năng ở mức cực cao đối với sự phát triển của Trí. Và tốc độ được vận dụng trong sinh hoạt cũng cực nhanh do ở sự sinh hoạt, sự vận dụng thường xuyên của tư tưởng nhiều hơn tình cảm và cảm giác. Trái lại, ở khả năng và tài năng, đời sống hoạt động nhiều về cảm giác và tình cảm với tốc độ chuyển động chậm và tương đối chậm hơn tư tưởng.

Với tốc độ chuyển động và sinh động chậm, sự tiến hóa của Trí khôn tương quan cũng chậm.

Mức tiến hóa của Trí khôn do việc vận dụng các chức năng của Trí. Nghĩa là do sự hiểu biết rõ hiệu quả mỗi chức năng của Trí, con người có thể chủ động tiến hóa tùy theo sự ứng dụng của mỗi chức năng của Trí.

So sánh bốn mức tiến hóa (bản năng, khả năng, tài năng, thiên tài năng) với những chức năng của Trí, liên quan đến sự vận dụng và sinh hoạt trong đời sống, mức tiến hóa được nhận rõ ở mỗi bậc.

Bản năng: vận dụng chức năng quan sát của Trí.

Khả năng: sử dụng chức năng quan sát và chức năng nhớ của Trí.

Tài năng: sử dụng chức năng quan sát, nhớ và suy nghĩ.

Thiên tài năng: sử dụng tất cả các chức năng của Trí bao gồm chức năng quan sát, nhớ, suy nghĩ, thông minh (Thông minh: là kết quả, hiệu quả của sự tiến hóa của Trí khôn do nhiều chức năng quan sát, nhớ, suy nghĩ của Trí tạo nên).

Thiên tài năng chủ yếu sử dụng Trí thông minh để tự tiến hóa bằng cái Lý luôn luôn tiềm ẩn sinh động trong thể Sáng của Trí. Từ sự sinh động của cái Lý vô hình, tuôn trào ra mọi tư tưởng cho mọi chức năng suy nghĩ mà không cần đến những hiện tượng hữu hình bên ngoài.

Hơn nữa, siêu Trí và Tuệ được vận dụng. Đặc biệt là những tư tưởng xuất nguồn từ Tuệ, chúng tồn tại mãi, vì sự toàn hảo sinh động trong cái Lý – sự sinh động này chỉ có một tính là Sinh mãi mà không bị Diệt.

Sự thông minh thụ đắc từ cái Lý của Tuệ mới thật là thiên tài năng. Tư tưởng được sinh ra từ “cái Lý của vũ trụ” được coi như mẫu số chung cho tất cả những tư tưởng khác xuất ra từ Trí và siêu Trí. Chúng được coi như tử số, vì những tư tưởng này còn có thể so sánh được.

Bản tóm tắt về mức tiến hóa, và các chức năng của Trí (siêu Trí, Tuệ) được sử dụng

Mức tiến hóa	Các chức năng của Trí (Siêu Trí,Tuệ) được sử dụng			
Bản năng	quan sát			
Khả năng	quan sát	nhớ		
Tài năng	quan sát	nhớ	suy nghĩ	
Thiên tài năng	quan sát	nhớ	suy nghĩ	thông minh

Mức tiến hóa của con người khác nhau rất xa do sử dụng nhiều hay ít chức năng của Trí. Mỗi bậc liên quan đến mỗi cõi giới, từ cõi tự nhiên sang cõi siêu nhiên và siêu siêu nhiên trong sinh hoạt rất tự do và chủ động. Nhưng con người không nhận ra được, chỉ vì Trí khôn không quay vào trong để quan sát những sinh động vô hình, siêu hình, nên không nhận ra được mỗi chức năng thuộc mỗi cõi giới khác nhau.

Như chức năng quan sát của các giác quan thuộc về cõi giới tự nhiên, nhưng “nhớ” lại thuộc về cõi giới siêu nhiên, dù những sự kiện, hiện tượng siêu hình được giữ trong bộ nhớ được cung cấp từ ngoại cảnh hữu hình. Chức năng suy nghĩ hoạt động trong cõi giới siêu siêu nhiên, từ cái Lý vô hình.

Mỗi chức năng của Trí được coi như phương tiện, hay là một cửa mở đóng để đưa sinh hoạt con người từ một cõi giới này sang một cõi giới khác trong một tiêu vũ trụ với một cấu trúc vi tế, đầy đủ như một đại vũ trụ.

Một cõi giới trong tiêu vũ trụ, tuy nhỏ và vô hình, nhưng mức tiến hóa của nó rất xa từ cõi giới này sang sinh hoạt của Trí ở một cõi giới khác.

b. Các cõi giới trong sự chuyển hóa

Sự chuyển hóa trong tiêu vũ trụ là sự tiến hóa của đời sống con người từ một cõi giới này sang một cõi giới khác rộng lớn hơn. Như cõi siêu nhiên trong con người rộng lớn hơn cõi tự nhiên, và cõi siêu nhiên và tự nhiên nhỏ hơn cõi siêu siêu nhiên.

Sự tiến hóa của đời sống con người do sự khác biệt về tốc độ trong sinh hoạt. Và tốc độ trong sinh hoạt do ở tầm cỡ rộng hẹp của không gian của mỗi cõi giới. Nghĩa là cùng một thời gian xảy ra cho ba cõi giới khác nhau về không gian. Do đó, tốc độ của một sinh hoạt trong 3 cõi giới không đều nhau, không cùng một tốc độ sinh động.

Tốc độ của tư tưởng của Trí không nhanh bằng của siêu Trí. Và tư tưởng xuất nguồn từ Tuệ có tốc độ tuyệt đối vượt qua cả tốc độ của Trí và siêu Trí.

Sự tiến hóa của mỗi cá nhân được căn cứ trên tốc độ của sinh hoạt, hay là sinh hoạt đó toát ra từ cõi giới nào, thì mức tiến hóa của cá nhân đó đang hiện hữu trong quãng thời gian đó.

Nếu tư tưởng là sinh hoạt trong cõi giới đó thì thời gian tồn tại của tư tưởng cũng là thời gian sinh động của một sức sống trong cõi giới đó. Nó là sức sống của một năng lượng tồn tại bằng sự sinh động của chính nó, trong một cõi giới và trong cả thể giới tương quan của đại vũ trụ; mà không cần đến sự lưu giữ bằng phương tiện ẩn loát, hay điện từ của các kỹ thuật gia trên địa cầu.

Sự tiến hóa của con người căn cứ trên sự phát triển của thể Sáng (sự Sáng) của Trí và các loại Trí (siêu Trí và Tuệ). Hay là, mức tiến hóa được xác định trên sự quang tỏa của thể Sáng vào những cõi giới, những thể giới rộng lớn hơn cõi giới và thể giới tự nhiên.

Sự quang tỏa của thể Sáng vượt qua cõi giới, thể giới tự nhiên, cũng là sự tăng trưởng của sức sống tự nhiên sang sức sống siêu nhiên, hay cao hơn nữa là sức sống siêu siêu nhiên.

Khi thể Sáng có sức sống siêu siêu nhiên thì sức sống đó bằng với sự sống của vũ trụ.

Đến mức này, sự chuyển hóa của năng lượng trong con người đạt đến sự tiến hóa tuyệt đối. Và sự tiến hóa của con người bằng với sự tiến hóa của vũ trụ trong sự hằng sinh động của năng lực nguyên thủy.

Sự tiến hóa tuyệt đối của con người diễn tiến trên sự tiến hóa tương đối, đối với những người nhận ra sự chuyển hóa này, dựa trên sự chủ động, tự do của Trí khôn, mà không cần đến sự biến đổi của ngoại cảnh trong thể giới tự nhiên, do con người hay do biến đổi trong thiên nhiên.

Với cái nhìn khác, trong bản chất nào cũng sẵn có bản tính của chất đó, thì trong sự tiến hóa tuyệt đối và tự nhiên của vũ trụ, các tạo vật có sự Sáng (thể

Sáng) sinh động, khi bản chất mà thay đổi thì bản tính cũng biến hóa theo.

Như trí khôn con người, khi thể Sáng của Trí tăng lên thì bản tính của sự Sáng là sự sáng suốt, sự thông minh cũng theo đó mà tăng lên.

Những gì mang tính tăng trưởng đều chứa đựng trong đó sự tiến bộ và tiến hóa, nơi con người cũng như trong vũ trụ.

Riêng về con người, cũng như tiểu vũ trụ, sự tiến bộ và tiến hóa xảy ra ở mỗi cõi giới. Nhờ đó mà đời sống, sinh hoạt của con người chuyển hóa từ cõi giới này sang cõi giới khác một cách vô hình, không cảm nhận được bằng giác quan, nhưng con người cảm biết được qua ý thức.

Muốn ý thức được sự chuyển hóa trong các cõi giới, ta cần phải biết cõi giới là gì, và những yếu tố, nhân tố nào liên quan đến sự tạo thành của nó?

- Cõi giới trong con người không phải là cái sẵn có trong con người, mà nó được tạo nên từ thể giới bên ngoài. Tức là, cõi giới trong con người là thể giới bên ngoài được thu nhỏ lại trong con người qua sự thu nhận của giác quan.

Thể giới bên ngoài cực to, cõi giới cực nhỏ trong con người, nhưng cả hai đều bằng nhau trong sự toàn diện của không gian và thời gian của thực tại.

Sự mênh mông cực to của thể giới tự nhiên bên ngoài mà con người cảm nhận, ý thức được do tâm châu biến của nhãn quan.

Sự cảm nhận, ý thức này không giống nhau do sự khiếm khuyết của giác quan như người đui, mù, điếc v.v... Thể giới bên ngoài bị thu hẹp do sự thiếu kém của giác quan, tương quan, tương ứng với trạng thái đó, cõi giới bên trong cũng bị hẹp lại.

Đối với đời sống con người, sự rộng lớn của không gian của thể giới tự nhiên là quan trọng, nhưng cần thiết cho sự tiến hóa, chuyển hóa thì sinh hoạt của con người trong không gian đó mới là những yếu tố chính.

Sinh hoạt của con người trong không gian đó là sự sinh động của nội lực trong cõi giới trong con người. Nội lực trong sinh hoạt xuất nguồn từ Thân, Tâm, Trí.

Nói ngược lại để dễ hiểu, là ba yếu tố (Thân, Tâm, Trí) khởi động nội lực trong sinh hoạt, trong hoạt động. Và chúng cũng là những nhân tố chính của cõi giới tự nhiên sinh động trong đời sống con người.

Thể giới tự nhiên được sinh hóa, được tạo nên sau thể giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên, nhưng nó có nhiều nhân tố hơn trong thành phần cấu tạo so với thể giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên. Và sự sinh động của nó cũng phức tạp hơn.

(Như nước trên địa cầu, nếu ta phân tách nó ra từng thành phần, sự cấu tạo của nó phức tạp hơn tinh điện bên ngoài và bên trong bầu khí quyển, bởi vì nước gồm có 4 thành phần chính của năng lực có trong vũ trụ là: nước (chất lỏng), Khí, Điện và thể Sáng.

Sự sinh động của nó phức tạp là: thể Sáng sinh động trong Điện.

“Thể sáng, Điện và Khí” sinh động trong nước. Và mỗi thể trong thành phần cấu tạo của một phân tử nước sinh động và chuyển động theo dịch kỳ riêng của mỗi thể).

Mức độ phức tạp càng cao bao nhiêu thì Trí năng con người càng tăng lên bấy nhiêu. Nói cách khác, sự tiến hóa (1) càng nhanh của Trí khôn con người nhờ vào sự liên hệ của Trí vào sự phức tạp, sự phức hợp của những yếu tố sinh động dưới dạng siêu hình và vô hình mà chức năng suy nghĩ của Trí mới có điều kiện để hoạt động.

1. Cõi giới tự nhiên

Cõi giới là một biểu hiện được thu nhỏ từ thể giới bên ngoài với đầy đủ những gì thể giới chứa đựng.

Biểu hiện được thu nhỏ từ thể giới bên ngoài với đầy đủ các loại thể linh thiêng có trong vũ trụ, với sự sinh động được khơi động từ nguyên năng, sinh hóa và chuyển hóa đến vô tận trong Nhục thân.

Sự sinh động của nguyên năng trong con người sinh động vô tận trong thời gian có giới hạn của đời sống Nhục thân. Nhưng nhờ vào sự xúc tác của thể Sáng vào những thể linh thiêng khác trong Nhục thân mà con người được tiến hóa. Hay là, nhờ vào sự Sáng sinh động trong đời sống mà một cõi giới này chuyển hóa sang một cõi giới khác rộng lớn hơn trong tiêu vũ trụ.

Biểu hiện những sinh động trong cõi giới tự nhiên là Nhục thân – nơi chứa đựng bốn thể linh thiêng sinh động, chuyển động là: Huyết (2), Khí, Điện và sự Sáng (thể Sáng).

Điều kỳ diệu của Nhục thân trong sự chứa đựng sự sinh động của bốn thể linh thiêng là sự tương quan cảm ứng, tương quan ảnh hưởng giữa cõi giới và thể giới tự nhiên bên ngoài.

“Sự cảm ứng của thể giới tự nhiên bên ngoài và cõi giới tự nhiên bên trong Nhục thân” (3) xảy ra như thế nào?

(1) Tiến hóa là sự chuyển tiến về bản chất và bản tính của sự Sáng (thể Sáng), hay là năng lượng của sự Sáng tăng lên, và sự sáng suốt của Trí thông minh càng châu biến sâu vào các Lý đề giác ngộ, đề sáng tạo.

Còn tiền bộ là sự phát triển, chuyển tiến trên sự thuần thực, thói quen của bản năng và khả năng.

(2) “Huyết” tương đương với Thủy (chất lỏng) trong thể giới tự nhiên bên ngoài về chức năng sinh hóa và chuyển hóa.

(3) Xin xem ở cuối trang 296.

- Bốn thể linh thiêng trong vũ trụ sinh động, chuyển động và biến động, thì bên trong tiểu vũ trụ cũng sinh động, chuyển động và biến động theo. Vì chúng đồng bản chất, bản tính và tính năng. Nhưng không phải tất cả bốn thể biến động cùng một lúc, mà chỉ có một hoặc hai, ba thể biến động trong thời gian đó.

Con người cảm nhận được những biến động trong thiên nhiên qua sự cảm ứng của sự mất năng lượng, và sự hoàn hồi của năng lượng trong những biến động của ba thể linh thiêng như trong cơn bão.

Trước khi cơn bão xảy ra, những vùng nào sẽ có bão thì nơi đó sinh vật và con người bị mệt, đau, nhức... do “sinh vật điện” bị thu hút vào trung tâm bão.

Ở con người, nhân điện bị hao hụt, không đủ lực để thông khí. Lực của Khí kém, không thông được Huyết, nên Nhục thân, mệt mỏi, đau nhức, khó thở..., cho đến khi Điện sinh động cùng cực mạnh ở tâm bão, sinh hóa ra Khí (gió), Khí (gió) sinh ra Thủy (mưa)... trên những vùng mà con người và sinh vật bị ảnh hưởng bởi những biến động đó, được hoán hồi năng lượng mất, thì mưa tạnh, cơn bão chấm dứt.

Sự cảm ứng của con người về những biến động, của thế giới bên ngoài theo qui luật động lực và phản động lực.

Trung tâm bão thu hút năng lượng của sinh vật điện là “động lực”, sự hoàn hồi của năng lượng cho sinh vật là “phản động lực”.

Sự cảm ứng trực tiếp với thế giới tự nhiên bên ngoài do Nhục thân. Nhưng sự toàn diện của cõi giới tự nhiên bao gồm 3 nhân tố Thân, Tâm, Trí.

Sự cảm nhận của Nhục thân với những hiện tượng trong thế giới tự nhiên qua năm giác quan, liên hệ trực tiếp đến Huyết, Khí (tế bào, thịt và các kinh) sinh hóa ra cảm giác.

Sự sinh hóa của thế giới và cõi giới tự nhiên luôn có tính cách tiến hóa. Từ cảm giác chuyển sang tình cảm, và tư tưởng. Hay là nhờ Nhục thân mà Tâm và Trí được sinh hóa qua từng thời gian, từng giai đoạn do sự biến đổi của những năng lực trong Nhục thân.

Như vậy, cõi giới tự nhiên đưa đời sống con người vào cõi giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên bên trong, là Tâm và Trí.

Sự hoạt động của Thân, Tâm, Trí biểu lộ hết tính toàn diện của một tiểu vũ trụ. Nhưng nó chưa thể hòa nhập vào sự hoạt động chung của đại vũ trụ, do sự

(3) Sự cảm ứng giữa hai vũ trụ là sự cảm ứng tự nhiên của những thể linh thiêng, vì chúng đồng một bản chất, bản tính và tính năng. Sự biến động của một thể bên ngoài Nhục thân, cũng là sự biến động của thể đó trong con người.

Con người ý thức được sự biến động này do sự khách quan hay do sự chọn không (sự Hư vô) của Thân, Tâm, Trí. Sự cảm ứng không xảy ra khi con người chủ quan sinh hoạt bằng bản ngã. Hay là, khi bản ngã sinh hoạt, nó làm gián đoạn sự cảm ứng giữa hai vũ trụ.

chủ quan của bản ngã cá nhân, có lúc sống bằng đời sống vật chất, có khi bằng đời sống tinh thần hoặc tâm linh.

2. *Cõi giới siêu nhiên*

Cõi giới siêu nhiên sinh động bên trong Nhục thân với hai mức độ liên quan đến Khí thân (thân bằng Khí sau khi Nhục thân bất động, hay là khi Nhục thân chết hẳn) và Điện thân (thân được tạo nên từ “nhân điện” màu đỏ như hồng ngoại tuyến, có khả năng hoạt động ngoài Nhục thân).

a. Khí thân có tầm hoạt động rộng lớn hơn Nhục thân. Nơi nào có Khí sinh động, nơi đó, Khí thân có thể hoạt động được, trong bầu khí quyển và luôn cả trong đại dương(vì nước cũng có nhiều loại khí kết hợp lại).

Nhưng trong Nhục thân, các thể linh thiêng của Khí thân trong sinh hoạt chỉ còn lại 3 thể hoạt động là Khí, Điện và thể Sáng (sự Sáng), liên hệ với kinh mạch, hệ thần kinh và não.

Khí thân mang vóc dáng của Nhục thân. Tức là, Nhục thân là phần bên ngoài của Khí thân, tương tự như màu sắc và hóa chất được tô điểm phần ngoài của sợi tơ của một mảng hàng dệt.

Nhưng sự cảm ứng của cõi giới siêu nhiên với thể giới siêu nhiên được mở rộng với những hiện tượng siêu hình qua sự hoạt động của trực giác quan (1).

Trực giác quan cảm nhận những hiện tượng siêu nhiên trước khi chúng được biểu lộ dưới dạng hữu hình. Cũng như việc Khí thân cảm nhận, cảm biết được những hình ảnh và hiện tượng siêu nhiên trước khi chúng được nhận ra bằng giác quan của Nhục thân.

Ý thức trực tiếp những hiện tượng siêu nhiên của trực giác quan cũng là sự đổi thay, sự vận dụng một chức năng mới của cùng một giác quan có khả năng cảm nhận được trong ba cõi giới.

Sự cảm nhận của trực giác quan là sự cảm nhận của phần bên trong của giác quan trong vỏ não.

Đó là sức sống được tăng trưởng từ ngoài vào trong. Hay là, sức sống chuyển hóa ngược chiều, từ ngoài vào trong, từ Nhục thân sang sự sinh động của Khí thân, Điện thân.

Sự cảm nhận của trực giác quan là sự tiến hóa của con người trong Nhục thân qua sự hình thành Khí thân, Điện thân trong cõi giới siêu nhiên. Tức là

(1) Một giác quan chia làm 3 phần, liên quan đến 3 cõi giới là: giác quan, trực giác quan và linh giác.

Giác quan cảm nhận những hiện tượng tự nhiên từ vỏ não.

Trực giác quan ý thức trực tiếp những hiện tượng siêu nhiên bên trong vỏ não qua sự rung động của tần số.

Linh giác Toàn Tri nguyên lý của mọi hiện tượng bằng thể Sáng tiềm ẩn trong chúng.

trong một khuôn mẫu, có những thân với thể chất khác nhau được tạo nên.

Do nguồn năng của các thể chất khác nhau trong cấu trúc, mà các loại thân tạo nên bên trong Nhục thân, có sức sống khác nhau, từ ngắn đến dài là Nhục thân, Khí thân và Điện thân.

Tất cả mọi hiện tượng liên quan đến sự tiến hóa của sức sống trong Nhục thân đều chịu ảnh hưởng xúc tác của thể Sáng (sự Sáng).

Nhưng tỷ lệ của sự Sáng trong Nhục thân bé nhỏ của trẻ con không bằng sự Sáng trong Nhục thân đã phát triển đến mức tối đa to lớn của nó. Nghĩa là, sự Sáng (thể Sáng) trong Nhục thân của trẻ con không bằng người lớn. Vì vậy, sự chuyển hóa từ thân này sang thân khác có sức sống dài hơn phải chờ cho đến khi Nhục thân phát triển đầy đủ.

Sự phát triển đầy đủ của Nhục thân căn cứ trên sự sinh hóa phát triển đến mức tốt cùng của nó. Đối với người nam ở tuổi 32, người nữ ở tuổi 28.

Tỷ lệ biến đổi theo sự tăng trưởng, theo tuổi tác trong Nhục thân là sự chuyển hóa từ một thể nặng sang một thể khác nhẹ hơn. Nhưng cường độ của thể chuyển hóa mạnh hơn và có sức sống lâu hơn.

Sự chuyển hóa của sức sống trong Nhục thân cũng là sự chuyển hóa những hiện tượng vật lý trong vũ trụ. Cả hai sự chuyển hóa của sức sống trong hai vũ trụ (cực nhỏ và cực to) đều giống nhau. (Con người có thể cảm nhận được sự chuyển hóa của những hiện tượng trong Nhục thân mà hiểu biết được những biến đổi bên ngoài. Hoặc ngược lại, nhận ra được những biến đổi bên ngoài, mà cảm nghiệm được sự chuyển hóa của những sức sống bên trong Nhục thân.

Dựa trên qui luật chuyển hóa của những sức sống trong Nhục thân, con người có thể chủ động chuyển hóa nhanh những sức sống để tiến hóa vượt mức trong đời sống quá ngắn ngủi của Nhục thân).

Sự chuyển hóa của những sức sống trong Nhục thân cũng là sự biến đổi, chuyển hóa của vật lý trong con người. Tức là có sự biến đổi, chuyển hóa bản chất, bản tính và tính năng của một thể, hay nhiều thể trong cuộc sống của con người.

Tương ứng, tương quan với sự biến đổi này là sự sinh hóa của đời sống vật chất sang đời sống tinh thần và tâm linh.

Như vậy, trong đời sống, từ sự biến đổi đó, xuất hiện những sinh hoạt của đời sống tinh thần và tâm linh, tức là sự xuất hiện, hoạt động của cõi giới siêu nhiên trong con người, là Khí thân và Điện thân mà con người không cảm nhận được, khi sinh hoạt luân chuyển cực nhanh của tâm trạng và tư tưởng.

b. Sự tiến hóa đúng thật của một sinh tạo trong thể giới siêu nhiên là Điện thân.

Nơi nào có Điện sinh động, nơi đó Điện thân sinh hoạt được – Tâm hoạt

động của nó được mở rộng ra bên ngoài khí quyển, luôn cả trên địa cầu và trong lòng đại dương.

Sức sống của nó hoàn toàn sinh động bằng nhân diện. Sự sống tiềm ẩn sinh động trong Khí thân và Nhục thân bằng thể Sáng (sự Sáng).

Sức sống liên hệ đến não, hệ thần kinh và mạch (Nhâm, Đốc). Và sức sống của Điện thân được nuôi dưỡng, tăng trưởng bằng sự Sáng sinh động, và tự tăng trưởng ngay trong não bộ.

Điện thân mang dáng vóc của Nhục thân, nhưng chỉ sinh động bằng hai năng lượng, năng lực: là Điện và sự Sáng.

Mọi “sức sống có sự sống” (có sự Sáng) của một sinh tạo đều được tạo nên bằng năng lượng có trong vũ trụ.

Trong con người, có những sinh tạo mới xuất sinh từ Nhục thân, như Khí thân, Điện thân, Quang thân... cũng được tạo nên và nuôi dưỡng bằng năng lượng có trong vũ trụ và trong tiểu vũ trụ.

(Thai nhi trong bụng mẹ, hấp thụ năng lượng trong bào thai, tích lũy bốn thể linh thiêng là Huyết, Khí, Điện và thể Sáng (sự Sáng) cho đến khi Nhục thân nó đầy đủ sức sống ngoài thế giới tự nhiên, thai nhi tự động đòi ra, không phải người mẹ chủ động sinh con ra theo ý muốn, theo sự tính toán của mình.

Điện thân cũng vậy (tu sĩ Tiên đạo gọi Điện thân là “thánh thai”), phải hấp thụ Điện năng và thể Sáng cho đến khi Điện thân đủ sức sinh hoạt trong thế giới siêu nhiên (một thế giới chỉ sinh động bằng điện năng như ngoài bầu khí quyển, tiềm ẩn sinh động trong bầu khí quyển, và luôn cả trong lòng đất và đại dương), nó toát ra khỏi huyền khiếu (ở đầu) bằng một tiếng nổ cực lớn trong não bộ. Từ đó, Điện thân có thể hoạt động trong thế giới siêu nhiên, chuyển động, xuất nhập bằng siêu Ý của siêu Trí. Cũng như Nhục thân hoạt động phải theo ý của Trí.

Nói rõ hơn, mọi động tác, hoạt động của Nhục thân đều được thực hiện theo ý của Trí. Sự xuất và nhập của Điện thân ra hay vào Nhục thân cũng điều khiển bởi siêu Ý của siêu Trí.

“Ứng dụng được siêu Trí” chứng minh khả năng của con người được mở rộng ra trong hai thế giới tự nhiên và siêu nhiên.

Năng lượng của Trí là thể Sáng châu biến, thâm nhập vào hai thế giới.

Tầm quang tọa của thể Sáng của siêu Trí bao trùm cả tầm quang tọa của Trí. Nhờ vào đó, siêu Trí kiểm soát được mọi hoạt động của Trí. Mức tiến hóa của hai loại Trí (siêu Trí và Trí) qua thể Sáng mở rộng sự cảm ứng của con người với vũ trụ.

Với bản năng đó, con người nhận ra được sức sống và sự sống trong mình được cấu tạo từ những thể linh thiêng, đồng bản chất, bản tính và tính năng của đại vũ trụ.

3. Cõi giới siêu siêu nhiên

Cõi giới này sâu thẳm nhất trong hai cõi giới kia, nhưng năng lượng của nó tỏa ra khắp vũ trụ.

Năng lượng của nó là thể Sáng. Khi cõi giới này hoạt động được, thể Sáng của nó tăng năng lượng trên cả năng lượng bình thường của vũ trụ. Nó bức xạ và hòa nhập vào năng lượng nguyên thủy của vũ trụ.

Làm sao năng lượng trong tiêu vũ trụ có thể mạnh hơn năng lượng của vũ trụ mà bức xạ được?

- Năng lượng nguyên thủy của vũ trụ là thể Sáng (sự Sáng) sinh động vô tận với hai chức năng sinh hóa và chuyên hóa đồng bộ. Vì vậy, nó luôn ổn định trong sự thăng bằng trong sự tự động.

Trái lại, con người, với Trí khôn, có thể chủ động trong sự sinh hóa, và trong sự chuyên hóa. Hay là, con người có thể tiêu hao nhanh năng lượng trong sự sinh hóa, và cũng có khả năng tập trung năng lượng nguyên thủy (sự Sáng) tiềm ẩn trong những năng lượng khác (như trong Huyết, Khí, Điện) lan tỏa ra toàn thân về một vị trí cực nhỏ, là não bộ, một diện tích, khối lượng nhỏ hơn, so với cùng một diện tích, khối lượng trong vũ trụ.

Trong một diện tích, khối lượng cực nhỏ mà chỉ còn một thể Sáng sinh động, không bị chi phối bởi sự sinh hóa, cho nên thể Sáng (sự Sáng) trong não tăng rất nhanh. Cường độ của nó mạnh hơn cường độ của thể Sáng trong vũ trụ, do đó, thể Sáng sinh động trong não bức xạ. Và năng lượng bức xạ này hòa nhập vào năng lượng của vũ trụ. Năng lượng trong não bộ trở nên hằng sống.

Năng lượng hằng sống trong não bộ cũng là sự hằng sống của cõi giới siêu siêu nhiên. Nó hình thành Quang thân. Đó là thân của thể Sáng mang dáng vóc của Nhục thân, nhưng nó bất hoại.

(Quang thân bất hoại không phải là sự hoang đường, hay huyền thoại. Nó là một thực tế.

Cũng như tinh hoa của thực phẩm, mà ta gọi là chất đạm, tạo nên tế bào mới, nhưng chúng sẽ già đi rồi bị hủy diệt. Đối với tế bào não, khi chúng được nuôi dưỡng bằng sự Sáng trong vũ trụ, năng lượng này luôn tồn tại. Do đó mà Quang thân bất hoại).

CÁC LOẠI THÂN TRONG SỰ CHUYỂN HÓA

Năng lượng nào tự sinh động, tự tăng trưởng năng lực cho chính nó, đều theo tiến trình tiến hóa.

Nếu năng lượng này xúc tác vào những năng lượng có cường độ nhẹ hơn nó thì những năng lượng bị (hay được) xúc tác sẽ tăng lực hay bị chuyển hóa thành những năng lực có cường độ cao hơn, tức là có sự biến thể, biến tướng, biến thái xảy ra.

Như trong con người, nếu thể Sáng (sự Sáng) của Trí khôn xúc tác vào cảm giác thì cảm giác sẽ chuyển hóa sang tình cảm, hoặc tư tưởng.

Về vật lý cũng là sinh lý, cảm giác sinh ra từ Huyết, tình cảm thuộc Khí, và tư tưởng xuất nguồn từ nhân điện.

Như vậy, thể Sáng xúc tác vào Huyết, tạo ra sự phức hợp của hai năng lượng, tạo ra Khí và nhân điện, tức là có một hiện tượng chuyển hóa xảy ra. Nó giúp cho năng lượng bị xúc tác chuyển hóa sang năng lượng khác có cường độ cao hơn năng lượng bị xúc tác.

Nói cách khác, sự Sáng của Trí, cũng là sự sống tạo ra thêm những sức sống khác (cảm giác, tình cảm, tư tưởng thuộc về sinh tâm lý, hay là Huyết, Khí, Điện được tăng về cường năng thuộc về vật lý).

Sự sống (sự Sáng) tạo ra những sức sống khác, nhưng nó không bị diệt. Trái lại sự sống sinh động mãi nên sức sống của nó ngày càng tăng, dù cho nó luôn sinh hóa ra những sức sống cho những năng lượng, sức sống khác.

Và sự sống tiềm ẩn sinh động trong những sức sống khác được tạo ra từ sự sống. Như sự Sáng của Trí luôn tiềm ẩn trong cảm giác, tình cảm và tư tưởng. Hay ngược lại, khi tư tưởng, tình cảm hay cảm giác nổi lên, trong đó luôn có sự sinh động của Trí khôn.

Trừ ra những người điên, tâm khùng, trí loạn, con người không làm chủ được Trí khôn, sự Sáng không thể tạo ra những sức sống khác. Hay là, chức năng sinh hóa và chuyển hóa của sự Sáng không hoạt động trong khi “Trí khôn” không hoạt động bình thường, có thể gọi là mất Trí (1). Còn tất cả những người sống trong trạng thái bình thường, với sự sinh hóa và chuyển hóa trong đời sống thì những lực mới được nảy sinh, tức là lực của mỗi thể sẽ tạo ra những hiện

(1) *Điên hay mất trí: không có cảm giác, tình cảm, tư tưởng; bản năng sinh tồn của Nhục thân vẫn còn, nhưng vô trí, vô giác như các tạo vật không có sự Sáng. Vì vậy, sự miễn nhiễm ở mức độ cao.*

tượng mới, trong đó có sự hình thành của những loại thân khác, như Thủy thân, Khí thân, Điện thân và Quang thân.

Hay ngược lại, những loại thân mới được hình thành trong Nhục thân, do những lực mới được nảy sinh từ sự sinh hoạt của con người mà phần chính do sự Sáng của Trí khôn.

Trong ngày, sinh hoạt của con người được luân phiên xuất hiện với ba nhân tố là cảm giác, tình cảm và tư tưởng.

Chúng biểu hiện lực của mỗi thể, và mỗi lực của một thể liên quan đến sự hình thành của mỗi loại thân.

Tức là sự chuyển hóa của nội lực trong Nhục thân tương quan đến sự hình thành các loại thân nhẹ và mạnh hơn Nhục thân. Do đó, các loại thân được tạo nên từ sự chuyển hóa của nội lực có sức sống lâu hơn Nhục thân.

Sự chuyển hóa nội lực liên quan đến mức độ, trường độ sinh động của cảm giác, tình cảm, đức tính, Ác đức tính, tư tưởng trong thời gian hình thành các loại thân.

Như vậy, sự hình thành các loại thân ở mỗi người không giống nhau do sinh hoạt, do quan niệm sống khác biệt. Vì vậy, sự hình thành các loại thân không thuần nhất khi con người có Trí khôn, với Trí độ cảm nghiệm và hiểu được sự sinh động của nội lực khác nhau.

Thêm vào đó, sự hình thành Thủy thân, Khí thân, Điện thân, Quang thân trong Nhục thân của mỗi người không cùng một thời gian, không một tiến độ nhất định.

1. Thủy thân

Trên địa cầu, những chất lỏng chứa nhiệt độ, dễ nhận ra hiện tượng này là nước. Nhiệt độ có thể tăng lên đến 100°C, và hàn độ, có thể xuống đến vài chục độ dưới không. Ngoài ra, các chất lỏng còn chứa cả vị nữa.

Trong Nhục thân cũng vậy, nó chứa nhiều chất lỏng, nhưng máu là chất lỏng thiết yếu nhất của Nhục thân. Nó cũng chứa nhiệt độ và vị.

Nhiệt độ và vị là nguồn gốc của cảm giác. Và cảm giác là sức sống của Thủy thân.

Như vậy, là Thủy thân (tiềm ẩn trong Nhục thân) cảm nhận được cảm giác, không phải là Nhục thân. Bởi vì, khi Nhục thân chết, máu ngưng thì con người hết cảm giác.

Sức sống của Thủy thân là cảm giác được sinh hóa từ Huyết. Và nguồn gốc của cảm giác là nhiệt độ và vị, liên quan đến xúc giác và vị giác.

Nhiệt độ và vị trong Huyết là tinh hoa của thức ăn, thức uống.

Căn bản của những thức ăn, uống là thể Thủy, là chất lỏng góp phần vào sự hình thành Thủy thân, mà tạng chính yếu là gan. Từ đó những lực vô hình (Hồn,

Vía, Thần) bắt đầu được tạo nên do sự phối hợp với Khí.

Những lực vô hình này chứng thực có một sự tiến hóa xảy ra dưới dạng chuyển hóa năng lượng bằng sự biến thể từ năng lượng chứa trong vật hữu hình tạo nên những năng lực vô hình chuyển động trong cơ thể con người.

Đối với trẻ con chưa có Trí khôn đầy đủ để hiểu được sự chuyển hóa năng lượng vô hình trong con người thì “sự tiến hóa này xảy ra một cách tự động” (1).

Khi răng đã mọc nhiều, với sự thích chọn lựa những thức ăn, uống có hương thơm, vị ngon, thì từ Nhục thân, Thủy thân của chúng đã được hình thành.

Hai cơ quan thiết yếu của Nhục thân là gan và phổi hoạt động. Thật ra thì Thủy và Khí (dưới dạng không khí) phối hợp sinh động mà sinh hóa ra Huyết và Khí (nội khí), tạo ra những lực vô hình (Hồn, Vía, Thần) cũng sinh động, dù cho những lực này còn yếu.

Đây là sự chuyển hóa của năng lực trong cơ thể. Từ những lực có bản chất nặng được tạo, chuyển lên những lực có bản chất nhẹ hơn và mạnh hơn.

Trong ngày, mỗi người trải qua rất nhiều sinh hoạt, nhưng rất ít người quan tâm để nhận ra hiệu quả của chúng, huống gì nghĩ đến những chuyển hóa trong cơ thể.

Trong Nhục thân, sự hình thành của Thủy thân do sự xúc tác của Khí vào Huyết xảy ra một cách tự động. Nhưng còn một sự xúc tác có hiệu lực hơn, là sự Sáng của Trí can dự vào sinh hoạt để đẩy nhanh tiến trình hình thành Thủy thân.

Sự can dự này biểu hiện qua sự ý thức trong sinh hoạt, và cao hơn nữa, là sự thường thức trong ý thức mà con người có trong nhu cầu ăn uống.

Như trong các động vật, chúng ta quen thuộc trâu, bò... chỉ ăn nhiều, ăn no. Nhưng con người, với Trí khôn, chủ yếu thu hẹp những tinh hoa của thức ăn, thức uống qua sự ý thức và thường thức, nên ăn ngon và vừa đủ.

Trí khôn can dự vào ý thức và thường thức, đó cũng là sự xúc tác của sự Sáng vào Khí, Thủy (trong thức ăn uống).

Sự xúc tác này giúp cho sự hình thành của Thủy thân được nhanh, mạnh và cảm giác nhiều và bén nhạy.

Hay ngược lại, mức bén nhạy của cảm giác biểu hiện cường độ của Thủy thân.

2. Khí thân

Năng lực, năng lượng nào sinh động trong một năng lực, năng lượng khác, nó là tinh hoa của năng lực, năng lượng đó.

(1) *Thể Sáng trong Trí con người có khả năng sinh hóa và chuyển hóa các năng lực trong cơ thể. Năng lực từ ngoài đưa vào để chuyển hóa, nhưng sự tiến hóa mang tính tự động, tiến độ tiến hóa chậm. Trái lại, những năng lực thuộc nội lực được thể Sáng của Trí xúc tác thì sự tiến hóa nhanh và chủ động.*

Như Hương là tinh hoa của Vị. Hương thơm trong Vị ngọt của quả xoài chín là tinh hoa của Vị ngọt. Nó bổ Khí, còn Vị bổ Huyết. Hương thơm thuộc Thanh Khí, và Thanh Khí sinh động trong Huyết làm cho Huyết có sức mạnh và sắc đỏ đẹp.

Trái lại, bùn bị nước ứ đọng, toát ra mùi hôi thối. Không phải bùn hôi thối, mà Khí toát ra từ bùn, nó hôi thối. Đó là độc Khí, và là nguồn gốc gây bệnh (1).

Với Khí thân cũng vậy, Khí thân được tạo nên từ Nhục thân và Thủy thân. Cũng như tình cảm được sinh ra từ cảm giác.

Tình cảm là trạng thái của sự dao động của Tâm, nguồn gốc của nó thuộc Khí. Và cũng là một trong những nhân tố sinh ra Khí thân.

Nhưng Khí thân là gì?

- Là thân bằng Khí được tạo nên với nhiều loại Khí:

Nguyên khí, không khí, vị khí, cốc khí v.v... (trong thức ăn, thức uống)

a. Nguyên khí

Nguyên khí cũng là nguyên lực của trẻ sau khi ra khỏi bụng mẹ. Nó được tạo nên từ tinh hoa của cha mẹ. Trong quãng thời gian gần 10 tháng, nguyên lực được tăng trưởng theo định luật “Dương sinh, Âm dưỡng”, với nội lực, trong đó đã sẵn có sự sinh động của đức tính (hoặc Ác đức tính), phúc tính, họa tính... Nhưng với đạo tính, rất hiếm hoi vì khi được sinh ra, đứa bé thuộc hạng “Sinh nhi tri”, nghĩa là “sinh ra đã hiểu biết”.

b. Không khí

Là thể quan trọng, chính yếu của sự sống của Nhục thân. Con người có thể nhịn ăn, nhịn uống trong một thời gian dài, nhưng không thể không thở. Chỉ vài phút không có không khí ra vào, cơ thể sẽ phải chết.

Không khí là nhân tố quan trọng để hình thành Khí thân, với sự xúc tác của nhân diện và thể Sáng vào nó.

Sự xúc tác của hai thể nhẹ và có cường độ cao vào ngũ tạng, sinh hóa ra ngũ tạng khí và tạo ra tình cảm. Và chúng trở nên năm loại tình cảm chính là vui, mừng, giận, lo, sợ...

Sự tuần tự sinh hóa từ tạng trên đi xuống tạng dưới là: Phổi, Tim, Gan, Tỳ, Thận...

(1) Con người, khi đã dùng nhiều những món quen thuộc, muốn thưởng thức sự ngon trong vật lạ. Những vật lạ không hoàn toàn là của ngon, trái lại, chúng có thể chứa trong máu những chất dơ, độc... có hại cho hai hệ thống Khí và Huyết. Từ đó, nảy sinh ra những bệnh khó chữa.

Vui: sinh ra từ sự sinh động của Phôi (phế khí).

Mừng: từ Tâm khí (Khí ở Tim).

Giận : từ Can Khí (Khí ở Gan).

Lo : do Tỳ Khí (Khí của Tỳ).

Sợ : từ Thận Khí (Khí của Thận).

Năng lượng (không khí) hấp thu vào cơ thể không đồng nhất ở mọi người. Do đó, sự sinh hóa của tình cảm ở mỗi cá nhân không cùng một thời gian. Hay là trạng thái của sự dao động của Tâm ở mỗi người không giống nhau.

Như vậy, sự biến đổi từ “Tánh hồn nhiên” sang “Tâm” hoàn toàn khác nhau ở mỗi cá nhân, mà một trong những nhân tố chính yếu là môi trường nhân sinh. Nơi nào, con người sử dụng nhiều Trí và Tâm trong sinh hoạt, thì sự biến đổi từ “Tánh hồn nhiên” sang Tâm càng nhanh. Như các vùng xa xôi, hẻo lánh..., trẻ thơ duy trì được lâu “Tánh hồn nhiên”. Trái lại, ở thành phố đông đúc, sinh hoạt nhiều bằng Tâm, Trí..., trẻ thơ mất nhanh “tánh hồn nhiên”.

Về sinh lý, không khí được đưa vào cơ thể, hấp thu bởi ngũ tạng, sinh hóa ra ngũ tạng khí, góp phần tạo nên nội khí, chân khí.

c. Ngũ vị khí, cốc khí

Những loại khí này cũng từ không khí hòa nhập vào các Vị, và các loại ngũ cốc mà được tạo ra. Tất cả được đưa vào cơ thể bằng những thức ăn uống.

Loại khí này được coi như linh hồn của Vị, hay là tinh hoa của các Vị được toát ra dưới dạng Khí.

Ngũ vị gồm năm Vị chính là: Ngọt, Chua, Cay, Đắng, Mặn. Trong năm vị này đều có Khí sinh động trong đó. Và từ năm Vị này, con người phức hợp ra nhiều loại Vị khác.

Cốc khí (ta thường dùng là ngũ cốc như gạo, nếp, bắp v.v..., nhưng tất cả những thực phẩm nào làm cho con người lâu đời, đều tốt cả) cũng có Khí sinh động trong đó.

Các loại Khí này, tuy quan trọng đối với sức khỏe của Nhục thân nhưng chúng chỉ là những thành phần để tạo nên một loại Khí duy nhất là nội Khí hay chân Khí.

d. Sự hình thành Khí thân

Khí thân là thân bằng Khí, mang dáng vóc của Nhục thân. Nó là một mảng khí thuần nhất tỏa ra khắp Nhục thân, sinh động bên trong Nhục thân.

Loại Khí thuần nhất này là sự cộng hưởng của tất cả các loại Khí hoạt động riêng rẽ và chuyên biệt theo những chức năng của nó với những sức sống khác nhau, như trong chức năng hô hấp, tuần hoàn v.v...

Trong chức năng hoạt động của các hệ thống cơ quan có Khí chuyển động

trong đó, là sức sống của Khí chuyển động theo dịch kỳ có Dương và Âm luân phiên hoạt động.

Sự chuyển động theo dịch kỳ có sự luân phiên của chức năng Dương và Âm trong khí là sức sống của Khí.

Sức sống của Khí tăng dần thì sự sống trong sức sống đó cũng tăng lên, có nghĩa là, “Khí thuần nhất” trong đó cũng lớn và mạnh thêm. Nhưng nó chưa có khả năng kết lại thành một mảng, mang dáng vóc của Nhục thân vì còn sự can dự của hệ thần kinh động vật hoạt động theo chủ quan của con người.

Trái lại, “Sự sống của Khí” hay là “Khí thuần nhất” hình thành được Khí thân, khi nào hệ thần kinh thực vật hoạt động riêng rẽ không còn sự can dự của hệ thần kinh động vật, hoặc con người chủ động điều khiển được hệ thần kinh thực vật, lúc đó Khí thân mới xuất hiện được.

Khí thân xuất hiện cũng là “sự sống của Khí” tỏa ra khỏi sức sống của nó.

Trong trạng thái sinh lý nào, Khí thân có thể tỏa, hay toát ra khỏi Nhục thân?

- Hai trạng thái sinh lý chính của Nhục thân là sự chết, sự sống của Nhục thân, dưới hai dạng đó, Khí thân có thể tỏa ra, hoặc tức thì toát ra khỏi Nhục thân.

Hai dạng này liên quan đến nhiều hiện tượng và trạng thái sinh lý.

Với cái chết thật của Nhục thân, sức sống của khí không còn chuyển động được theo dịch kỳ Dương và Âm nữa. Do đó, Dương và Âm hợp nhất, các loại Khí tụ lại thành một mảng duy nhất, gọi là Khí thân. Nó không còn nơi để sinh động nữa, nên tự động thoát ra khỏi Nhục thân và tiếp tục sống trong bầu khí quyển.

Khí thân (1) là năng lượng còn tồn tại sinh động, trong đó còn có cả điện và thể Sáng tiềm ẩn sinh động.

Với sự chết giả cũng vậy, đó là sự chết tạm thời của Nhục thân, như trong giải phẫu chụp thuốc mê, cảm giác quá đau gây ra ngất xỉu bệnh nặng mê man, mất cảm giác v.v..., lúc đó Khí thân xuất hiện và hoạt động.

Hay như trong mộng du, Khí thân không toát ra khỏi Nhục thân, nhưng nó chủ động hoạt động với lực của nó. “Khí lực mạnh hơn tinh lực”(2), nó có thể nâng cao Nhục thân một cách nhẹ nhàng, và Nhục thân không hề hấn gì, vì mất cảm giác.

(1)Người chết là Nhục thân chết, nhưng Khí thân vẫn tiếp tục sống, mà ta gọi là “ma”. Khí thân có khả năng sống từ 720 năm đến ngàn năm – Số tuổi ngắn dài này do cường độ của những thể Điện và sự Sáng sinh động trong Khí thân.

(2)Với sự chủ động điều khiển được Khí thân, con người có thể dùng nó trong những sinh hoạt phi thường như đi trên mặt nước, ngang qua than lửa, phi hành, ngồi lâu dưới nước (như các loại cây, tảo... dưới nước, vì chúng không có cảm giác, nên oxy tự nhập vào thân chúng; với con người, oxy được nhập vào cơ thể qua lỗ chân lông...)

Tóm lại, chết giả hay chết thật, Nhục thân đều mất cảm giác. Và khi đã mất cảm giác thì Khí thân xuất hiện.

Mất cảm giác không chỉ ở trạng thái của sự chết của Nhục thân, ngay trong khi Nhục thân còn sống, hiện tượng này cũng xảy ra.

Với sự sống của Nhục thân, sinh hoạt tư tưởng, tư duy con người liên quan ảnh hưởng đến sự hình thành và xuất hiện của Khí thân.

Tức là, không phải đợi đến Nhục thân chết, Khí thân mới tỏa hay toát ra, mà ngay trong khi con người còn đang sống, Khí thân vẫn có thể xuất hiện và hoạt động, khi con người hiểu và biết rõ những cơ cấu vô hình trong chính mình. Từ đó, con người chủ động trong sinh hoạt, và những sinh hoạt này cường hóa Khí thân, cũng như sự xuất hiện của Khí thân.

Sinh hoạt này bao gồm nhiều “phương pháp, phương thức”(1), như trường chay, diệt dục, điều khí, luyện khí, hồi quang xúc tác năng lực, kinh nguyện v.v...

Những phương tiện này, tuy rất nhiều và với hiệu quả thành công khác nhau, mà giá trị của nó đặt trên nhanh và chậm của thời gian được sử dụng. Nhưng hiệu quả giống nhau ở phần cơ bản thấp nhất, là sự biến mất của cảm giác của Nhục thân. Trong đó, xúc giác và vị giác là sức ngăn trở chính của sự xuất hiện của Khí thân.

e. Sự tồn tại của Khí thân

Trong con người, yếu tố quan trọng nhất để cho sức sống chuyển hóa dần đến sự sống, là thể Sáng (sự Sáng). Hay là, từ sức sống có thời hạn ngắn chuyển hóa thành những sức sống có thời hạn lâu dần lên đến vô thời hạn, nhờ vào sự sinh động của thể Sáng trong não bộ con người.

Như sức sống của Khí thân dài hơn sức sống của Nhục thân, hay là thời hạn sống của Khí thân lâu hơn của Nhục thân.

Hiện tượng này được coi như mầm sống có trong hạt giống của thảo mộc. Nhưng sức sống của mầm sống của thảo mộc được di truyền để thành thảo mộc kế tiếp, cũng cùng một sức sống, không tăng trưởng vì chúng không có thể Sáng (sự Sáng) sinh động.

Đối với con người, những loại thân được hình thành sau, năng lực của sức chuyển hóa càng mạnh, tức là thời gian sống của những loại thân được hình thành sau, càng tăng dần lên sức sống.

Như Khí thân sống lâu hơn Nhục thân; Điện thân được hình thành sau Khí thân, nó sống lâu hơn Khí thân; sau cùng là Quang thân, sức sống của nó cũng

(1) Hiệu quả của mỗi phương tiện được diễn giải rõ ở chuyên đề “Phương pháp” trong các chương sau.

là sự sống. Sự sống sinh động, chẳng còn sự chết nữa, bởi vì nó được tạo nên từ năng lực nguyên thủy của vũ trụ.

Trong con người, có nhiều hiện tượng siêu hình xây đến, vượt quá sự kiểm soát, sự quan sát của giác quan, như chiêm bao và mộng. Nhiều người không quan tâm đến, nhưng tất cả mọi hiện tượng dù ở dạng tự nhiên, siêu nhiên hay siêu siêu nhiên đều có nguyên nhân và phải coi đó là những thực thể biểu hiện cho một sự việc, một trạng thái có thật hay là một năng lượng đang sinh động trong một năng lực khác.

Chiêm bao (mơ) là một hiện tượng siêu hình xảy ra ngoài sự chủ động của một người bình thường, bao gồm sự sinh động phối hợp của tiềm thức và ý thức. Nhưng nó không báo hiệu một sự thực nào xảy ra trong tương lai.

Hai chức năng hoạt động trong chiêm bao là quan sát và nhớ của Trí, đôi khi có sự can dự của sự suy nghĩ. Nhưng sự thấy trong cảnh tượng chỉ có một chiều sâu, tức là chỉ có mình với cảnh vật. Đó là sinh hoạt của Thủy thân trong khi Nhục thân ngủ. Chiêm bao xảy ra khi Trí bắt đầu tỉnh thức, thấy được và ý thức được quá khứ trong sự giao tiếp giữa tiềm thức và ý thức. Thời gian sau khi Nhục thân được phục hồi đầy đủ nội lực, sáng hay trưa, chiêm bao vẫn có thể xảy ra.

Cùng là một những hiện tượng siêu nhiên xảy ra trong cõi tự nhiên là Nhục thân, “mộng” có thể khác xa với chiêm bao (mơ). “Mộng” là một hoạt động của Khí thân, liên quan đến siêu Trí và các trực giác quan (phần nối liền với giác quan nằm bên trong vỏ não, cảm nhận những tín hiệu bên ngoài bằng tần số của nhân điện, và số trực giác quan của Khí thân và Điện thân chỉ có 3: thị giác, thính giác và khứu giác).

“Mộng” có cái thấy hai chiều sâu, hay là Khí thân thấy Nhục thân của mình trong siêu cảnh, tức là trong cảnh xảy ra, có sự hiện hữu của Nhục thân, và Khí thân thấy được sinh hoạt của Nhục thân trong cảnh đó.

Nó là viễn cảnh sẽ xảy ra với sự can dự của Nhục thân trong tương lai, gần là một vài ngày, vài tuần, và xa, đến vài năm.

Cảnh xảy ra trong tương lai đúng với viễn cảnh mà Khí thân tiên kiến, siêu Trí tiên cảm.

Nhưng tại sao Khí thân có thể thấy trước được sự diễn tiến của Nhục thân?

- Khi Khí thân được hình thành trong Nhục thân, và với sự hoạt động của các trực giác quan và siêu Trí, thì thời gian sống của Khí thân trong không khí đã có thể kéo dài từ bảy trăm đến một ngàn năm (trong khoảng thời gian này, đơn vị của Khí phải biến thể, biến thái để chuyển hóa sang Điện, hoặc phải sinh hóa để trở lại đơn vị của Thủy, tức là Khí phải chuyển sang Điện Âm hay sang Thủy Dương).

Với quãng thời gian sống trên dưới ngàn năm của Khí thân, tầm hoạt động

của Khí thân bao trùm và kiểm soát được mọi diễn tiến của Nhục thân trong tương lai, cũng như biết được một hay nhiều tiến kiếp của “Nhục thân hiện tại” trong quá khứ.

Sự bao trùm của thời gian dài và sự kiểm soát của nó trên thời gian ngắn cũng tương tự đối với sự chênh lệch của không gian trên không gian. Như tầm nhìn ở cao với không gian rộng lớn kiểm soát mọi chuyển động ở bên dưới khi một người ngồi trên phi cơ hay đứng trên núi v.v....

Sự trội vượt của Khí thân trên Nhục thân không chỉ giới hạn trên hai lãnh vực này, mà nó liên quan đến mọi sinh hoạt và hoạt động của Khí thân với năng lực cao hơn, có khả năng sinh động trên dưới ngàn năm.

Đó cũng là thời gian tồn tại của Khí thân sau khi Nhục thân tan rã đối với người sống bằng tình cảm và cảm giác. Nhưng với người thường xuyên sinh hoạt bằng tư duy, với những tư tưởng liên quan đến Lý, trong lúc Nhục thân còn sống, thì Khí thân đã hoạt động rồi, kể cả lúc ngủ, và lúc tỉnh thức.

Như vậy cường lực của Khí thân đã tăng trưởng, có thể tỏa, toát ra không cần đến khi Nhục thân chết hoặc tan rã.

Cường lực của Khí thân được biểu hiện dưới ba dạng:

- Khí Nhục thân còn sống.

- Khí Nhục thân chết.

- Thời gian khi Nhục thân tan rã (49 ngày, Khí thân còn yếu đuối trong đời sống mới, như trẻ sơ sinh lúc mới được sinh ra, sau đó mới mạnh dần).

Khi Nhục thân còn sống, khởi đầu Khí thân xuất hiện trong cơn mộng, tức là vô não hoàn toàn ngưng hoạt động, nội khí kết thành một mảng, mang dáng vóc của Nhục thân rồi xuất hiện.

Vô não ngưng hoạt động, Trí cũng ngưng, nhưng não vẫn hoạt động, Trí không hoạt động, do không liên quan đến vô não, lúc đó Trí chuyển sang sự hoạt động của siêu Trí. Cơ quan này liên hệ đến các trực giác quan (trực thị giác, trực thính giác và trực khứu giác) và lôi cuốn chúng vào hoạt động, thu và phát bằng tần số.

Ngược lại, “mộng” là hiện tượng siêu nhiên biểu hiện một thực tế, trong đó có sự xuất hiện của Khí thân. Và cường độ của Khí thân được cảm biết do những hoạt động của Khí thân, cũng như mức tiến hóa của siêu Trí được biết đến do sự vận dụng của các chức năng và khả năng của những chức năng đó, đặc biệt là sự suy nghĩ của siêu Trí trong cơn mộng.

Mộng xảy ra trong khi ngủ, nhưng lúc tỉnh thức sự hiện hữu vô hình của Khí thân như thế nào?

- Sự hiện hữu của Khí thân thì vô hình trong khi Nhục thân hoạt động. Vô hình vì nó tiềm ẩn sinh động trong Nhục thân. Cũng như Trí khôn con người, hoạt động vô hình khi tỉnh thức, và con người cảm nhận được, ý thức được hoạt

động của Trí với mỗi chức năng của nó.

Cũng vậy, lúc tỉnh thức, Khí thân hoạt động bằng sự tiên cảm, linh cảm. Hai yếu tố này trội vượt qua cảm giác và tình cảm. Chúng cảm nhận cùng lúc khi những hiện tượng, tư tưởng của tha nhân phát sinh, hướng về Khí thân của người có tiên cảm và linh cảm, nhưng ở một không gian xa cách.

Chúng cũng là năng lực – một loại năng lực siêu nhiên của Khí thân. Sự hoạt động ít nhiều của chúng biểu hiện mức giảm và tăng cường độ của Khí thân.

Chúng góp phần vào mức tồn tại ngắn dài của Khí thân, sau khi Khí thân toát ra khỏi Nhục thân.

Khí lực có nhiều cường độ khác nhau, và mức độ khác nhau của cường độ xác định sự ngắn, dài của sức sống Khí thân.

Khí Nhục thân còn sống, Khí thân đã xuất hiện trong mộng, ở thời kỳ trung niên, hay thanh niên, thì cường độ của Khí thân đã ở mức cao.

Cường độ của khí lực kém hơn, khi Nhục thân chết, Khí thân thoát ra.

Và cuối cùng sau một thời gian, Nhục thân tan rã, Khí thân mới toát ra được, sức sống của Khí thân rất kém về cường độ.

Cường độ của Khí thân trong lúc tỉnh thức được xác định bằng sự tiên cảm, linh cảm.

Tức là, tiên cảm và linh cảm là hoạt động của Khí thân. Chúng biểu hiện hoạt động tiềm tàng của Khí thân đang thực sự sinh động trong Nhục thân.

Vậy, sự hoạt động tiềm tàng của Khí thân trong khi Nhục thân tỉnh thức có ý nghĩa gì trong đời sống con người?

- Từ sự hoạt động của Nhục thân sang Khí thân là một tiến trình rất xa. Nhưng sự diễn tiến của nó không thể nhận ra được bằng nhãn quan mà chỉ với Trí khôn, sự diễn tiến vô hình này mới được biết đến.

Bình thường, con người sống bằng Nhục thân, với sinh hoạt của Thân, Tâm, Trí luân phiên hoạt động bằng cảm giác, tình cảm và tư tưởng. Tuy nhiên, tùy mỗi đời sống của cá nhân ba sinh hoạt này được sử dụng không thuần nhất. Có người sống bằng cảm giác, người khác đưa tình cảm lên hàng đầu, nhưng có người coi tư tưởng là lẽ sống của mình.

Đối với người cảm nghiệm được sinh hoạt của Khí thân thì đời sống không ở mức bình thường nữa.

Nếu đời sống không còn bình thường nữa, tất phải có sự khác thường trong đó.

Đúng vậy, sinh hoạt không bị giới hạn ở ba loại sinh hoạt cơ bản, mà nó được tăng lên thành năm loại là:

Cảm giác, tình cảm, tư tưởng, tiên cảm, linh cảm.

Các sinh hoạt tự nhiên và siêu nhiên làm cho đời sống con người trở nên phong phú hơn. Nó không phải là sự tiến bộ, mà là một mức tiến hóa.

Sự tiến hóa này tuy vô hình, nhưng nó là một xung lực sinh động trong hạnh phúc con người hay là Trí khôn con người khám phá ra được tính chất thật sự của hạnh phúc luôn sinh động, có ý nghĩa siêu nhiên mà người bình thường không cảm nghiệm được, vì bị sinh hoạt của Nhục thân che kín đi.

3. Điện thân

Mọi tạo vật, sinh tạo, có sự Sáng (sự sống) sinh động, mà sự sinh động này nối liền với sự Sáng nguyên thủy của vũ trụ, thì tạo vật hay sinh tạo đó luôn luôn tiến hóa. Sự tiến hóa trong những tạo vật và sinh tạo được nhận ra hay được cảm nghiệm qua sự chuyển hóa ngay trong thân mình.

Như trong con người, sự chuyển hóa này được cảm nghiệm trong sinh hoạt ngày càng mới và càng nhiều trong đời sống qua cảm giác, tình cảm, tư tưởng của người bình thường, với linh cảm, tiên cảm của người tiến hóa, của Khí thân, và ở sinh hoạt cao hơn nữa của Điện thân có thể giao tiếp, giao cảm với các sinh linh có Điện thân.

Nhưng sự hình thành của Điện thân như thế nào?

- Sự hình thành của Điện thân không khác gì Khí thân, tức là có sự chuyển hóa trong năng lượng từ thể này sang thể khác nhẹ hơn, nhưng có cường độ cao hơn.

Sự chuyển hóa từ Nhục thân sang Thủy thân, từ Thủy thân sang Khí thân, và từ Khí thân sang Điện thân. Đó là sự chuyển hóa năng lượng.

Sự chuyển hóa của con người trong Nhục thân do ở sự xúc tác của thể Sáng (sự Sáng) của Trí. Không có một loài sinh vật hay thú vật nào trên địa cầu này có bản năng chủ động xúc tác thể Sáng của Trí để chuyển hóa năng lượng trong Nhục thân để tiến hóa.

Nếu có, các sinh vật, thú vật cũng có cảm giác, tình cảm và tư tưởng như con người thì con người không thể kiểm soát và điều khiển chúng.

Sự kiểm soát và điều khiển của sinh tạo này trên tạo vật, sinh vật khác là sự chế ngự của năng lực mạnh trên năng lực yếu hơn.

Sự chế ngự của năng lực biểu hiện đẳng cấp giữa những sinh vật do sự chứa đựng nhiều hay ít loại năng lực trong cơ thể, thân thể... Như huyền năng (của sự Sáng) chế ngự được huyền lực (Điện), khí lực (Khí) và tinh lực (của Huyết). Và huyền lực chế ngự được Khí lực và Tinh lực.

Hay là, Quang thân có năng lực mạnh hơn Điện thân, Khí thân, Thủy thân và Nhục thân.

Năng lực thuộc về vật lý, trong con người nó thuộc về sinh lý. Như vậy, theo phương diện này, vật lý cũng là sinh lý, hay có thể tạm gọi đó là vật lý sinh học.

Về sinh lý, thì năng lực trong cơ thể liên quan đến chức năng và các cơ quan

mà các bộ phận quan trọng để hình thành Điện thân, là hệ thần kinh và não bộ. Đồng thời chúng cũng có chức năng để cường hóa Điện thân.

Trong con người, sự sinh động của năng lực rất quan trọng, vật lý cũng là sinh lý. Từ đó sinh hóa ra tâm lý, tinh thần và tâm linh... chúng góp phần vào sự hình thành của Điện thân, hay là Điện thân được tạo nên qua nhiều dạng.

a. Dạng tâm lý và tinh thần

Sự suy diễn về tình cảm và tư tưởng để quy cho đời sống tâm lý và tinh thần không chính xác bằng sự cảm nghiệm của sự sinh động của các năng lực ngay trong Nhục thân.

Nói cách khác, những quan niệm sống bằng những sinh hoạt của tình cảm và tư tưởng bên ngoài không thấu triệt được thực lực của chúng trong thời gian, mà chúng đang sinh động, và nơi nào mà những năng lực đó phát sinh.

Như vậy, thực lực của tình cảm và tư tưởng là nội lực, là năng lực. Nguồn gốc sinh hóa ra đời sống tâm lý và tinh thần từ nội lực, từ năng lực sinh động dưới dạng vật lý. Nhưng cường độ sinh động của mỗi loại năng lực khác nhau, do đó thời gian tồn tại của chúng cũng không cùng thời hạn.

Như cảm giác là sự sinh động của tính lực mau tan biến.

Tình cảm là sự sinh động của khí lực liên quan đến các tạng kéo dài hơn ở cảm giác.

Tư tưởng là điện năng. Trong con người nó là nhân điện, nhưng trong vũ trụ, nó là lực siêu nhiên.

Vật lý trong con người được quy vào dạng sinh lý. Các năng lực dưới dạng Thủy, Khí trong thức ăn, thức uống... được thu nạp trong cơ thể một phần, và phần khác bị loại ra. Nhưng Điện trong con người dưới dạng tư tưởng có thể được chứa đến vô số và tồn tại lâu trong vũ trụ như một lực siêu nhiên.

Thủy, Khí có quanh địa cầu, trong con người là Huyết và Khí sinh động trong Nhục thân, và nuôi dưỡng nó bằng những tinh hoa, còn những cặn bã được loại thải về địa cầu, kể cả cảm giác của Nhục thân.

Tư tưởng không phải là một tạo vật siêu nhiên tự có được. Nó được tạo ra do sự xúc tác của sự Sáng (Dương và Âm) trong não bộ, do trí suy nghĩ tác động vào tình cảm mà hóa sinh ra đức tính hay Ác đức, hoặc do từ sự suy nghĩ từ Lý, mà tư tưởng được tạo nên.

Nói cách khác, tư tưởng, đức tính và Ác đức là sự sinh động của nhân điện xuất nguồn từ não bộ, liên quan đến toàn bộ hệ thần kinh do sự xúc tác của sự Sáng của Trí khôn.

Hay là, sự Sáng của Trí khôn sinh động tạo ra thêm sự Sáng cho chính nó, và nhân điện cho não và hệ thần kinh qua đời sống tâm lý và tinh thần.

Con người sống bằng đời sống tâm lý, tinh thần là sống bằng những đức

tính, Ác đức tính, tư tưởng thuộc về bản ngã, hay từ Lý mà phát sinh... tạo nên cường độ nhân diện cho mình.

Thời gian sinh động của những yếu tố trên cũng là cường độ của nhân diện sinh động trong sinh hoạt của người sống bằng đời sống tâm lý hay tinh thần.

Cả hai đời sống này đều liên quan đến Trí, tức là liên hệ đến sự Sáng (thể Sáng).

Vận dụng sự hoạt động của Trí là khơi động sự sinh động của sự Sáng, năng lượng của nó tăng lên, đồng thời cường độ của nhân diện cũng gia tăng.

Hai loại năng lực này không liên tục tăng lên, không ổn định được ở cường độ do sinh hoạt của hai đời sống bị gián đoạn, luân phiên hay những sinh hoạt khác xen vào như cảm giác, cảm xúc của Nhục thân.

Ngay cả đến những người sống nhiều bằng đức tính, lý tưởng. Chúng vẫn luân phiên sinh động, luôn bị ngưng động, vì con người chưa tìm được nguồn gốc sinh hóa ra mọi đức tính (như hy sinh, kiên nhẫn, nhẫn nhục, khiêm tốn, hiếu nghĩa v.v...).

Nguồn gốc sinh hóa ra vô tận đức tính (mà con người đã có, đã biết, và sẽ có và sẽ biết đến) là Đức Bi (1).

Từ tình thương nhân loại sinh động vô tận và không gián đoạn mà các đức tính được sinh hóa. Tiếp theo, mỗi đức tính lại sinh hóa thêm những đức tính khác nữa.

Tức là, năng lượng gốc sinh hóa ra những năng lượng khác. Và những năng lượng sau lại sinh hóa ra những năng lượng khác dưới dạng đức tính trong sinh hoạt của đời sống tâm lý và tinh thần.

Sự sinh động của tình thương nhân loại (Đức Bi) cũng là sự sinh động của năng lực siêu nhiên (nhân diện) trong con người. Để hình thành Điện thân, nó phải được nuôi dưỡng đầy đủ cho đến khi nó đủ sức để sống riêng, để tách ra khỏi Nhục thân. Như thai nhi trong bụng mẹ, cũng phải được bồi bổ cho đến khi nó đủ sức sống ngoài bụng mẹ, chính nó tự đòi ra.

Nhục thân của thai nhi do năng lực và sự hiểu biết của người mẹ nuôi dưỡng, còn Điện thân do sự hiểu biết của Trí khôn của mỗi người và năng lực để tạo nên Điện thân là sự Sáng được vận dụng thường xuyên trong tư tưởng, trong sinh hoạt của đời sống tinh thần và tâm lý...

Sự hình thành của Điện thân khác với Nhục thân của thai nhi. Nó không bị giới hạn bởi tuổi tác, hay do đầy đủ của Tinh, Khí, Huyết (thông thường ở tuổi 16 của người nam, 14 ở nữ giới) mà do năng lực siêu nhiên (Điện, sự

(1) Đức Bi dù ở một mức cao, nhưng chưa thể so sánh được với Đạo Bi.

Đức Bi là tình thương dành cho đồng loại, cho loài người, còn Đạo Bi là tình thương vô nguồn gốc thể gian sinh động trong con người dành cho muôn loài.

Sáng) sinh động ở đầu, não... Hay, rõ ràng hơn, Nhục thân được hình thành trong bụng mẹ, còn Điện thân được tạo nên ở đầu, trong não bộ bằng năng lực siêu nhiên, là Điện và sự Sáng sinh động trong não bộ.

Nói cách khác là Điện và sự Sáng trong não sinh động hình thành Điện thân. Tương quan với hai thể sinh động trong não và hệ thần kinh là sự sinh động và sự vận dụng của Tâm và Trí. Hai cơ quan vô hình này là yếu tố chính để tạo nên bản ngã cá nhân, nhờ sự phát triển của nó mà Điện thân được cường hóa.

b. Dạng tâm linh

Trong đời sống tâm linh, mọi hoạt động đều dồn về đầu, não. Khí, Huyết lưu thông về đầu, não, chỉ giữ chức năng điều hòa sức sống của Nhục thân.

Sinh hoạt chính là đức tính hoặc Ác đức tính, hoặc đạo tính.

Sự vận dụng thường xuyên các tính trên cũng là hoạt động của những năng lượng của Điện và sự Sáng.

Cường độ và trường độ của sự sinh động làm tăng cường độ của nhân điện. Nhờ đó, sự hình thành Điện thân rất nhanh so với những đời sống khác, như đời sống vật chất, tâm lý hoặc đời sống tinh thần.

Sự hình thành của Điện thân nhanh do sinh hoạt mang tính chủ động là sự tiến hóa căn cứ trên sự hiểu biết, đánh giá được mỗi đời sống. Và sống với đời sống tiến hóa nhất.

Mức tiến hóa này khác xa với sự tiến bộ về khả năng và tài năng trong mỗi đời sống.

Đó là sự mất đi bản ngã để chuyển hóa sang cách sống khác của chơn Ngã, đại ngã hoặc Đạo ngã. Cách sống này được coi như mẫu số chung của mọi cách sống với sức sống khác nhau.

Sự hình thành của Điện thân theo dạng tâm linh mang tính chủ động, khác với sự hình thành của Nhục thân có tính thụ động và tự nhiên, bị giới hạn theo một thời gian.

Vì do tính chủ động của tâm hồn và linh hồn, những tài năng này nở sớm và thiên tài năng có Điện thân khi tuổi còn nhỏ.

Sự hiện hữu của Điện thân được biểu lộ trong sinh hoạt với những đức tính (như kiên nhẫn, thích cho ra hơn là chiếm hữu, có lòng yêu thương tha nhân v.v...). Những đức tính này có trước cả tình cảm, tiếp tục hoạt động, vượt qua giai đoạn sinh động và vận dụng của Tâm và Trí của những người bình thường khác.

Nói rộng ra, sinh hoạt chuyển từ Tánh hồn nhiên và Trí của tuổi thơ sang Tánh siêu nhiên và siêu Trí, không qua sự diễn tiến bình thường từ Tánh hồn nhiên sang Tâm.

Sinh hoạt căn cứ trên Lý và Trí, thay vì tình cảm và tư tưởng của bản ngã

như những con người bình thường.

Hay là, những đức tính phát sinh từ Tánh (siêu nhiên) và Trí không do Tâm và Trí. Mọi tư duy xuất nguồn từ cái Lý bên trong mà không cần đến đối tượng bên ngoài hay những hiện tượng hữu hình để suy nghĩ, so sánh giữa những điều Tốt và Xấu, Đúng, Sai, Phải và Trái...

Từ cái Lý để suy nghĩ, chỉ có những đức tính tốt nảy sinh do Tánh và Trí. Những hoạt động này làm tan biến bản ngã.

Đây là sự biến chuyển quan trọng của sự chủ quan trong bản ngã sang tính khách quan để nhận xét sự việc, kể cả mọi sinh hoạt của chính mình một cách minh bạch, không còn định kiến, hết nghi ngờ, không có gì để xét đoán nữa.

Sự sinh hóa có tính cách dây chuyền từ định kiến sang nghi ngờ, xét đoán tạo nhiều phiền não hơn là thông minh, bản ngã càng lớn hơn.

Bản ngã càng lớn thì sự tự do càng bị vây hãm bằng nhiều lớp phiền não do bối cảnh xã hội gây ra.

Nhưng khi bản ngã tan biến do sự chủ động do Ý và Trí con người, đó là sự chuyển hóa từ đời sống tự nhiên sang đời sống siêu nhiên với sự hoạt động tiềm ẩn của Điện thân, của siêu Tâm và siêu Trí (là linh hồn).

c. Sự hoạt động của Điện thân

Điện thân hoạt động bằng lực siêu nhiên tỏa ra ngoài Nhục thân.

Sự thu và phát ra năng lực của Điện thân bằng siêu Ý và siêu Trí.

Năng lực toát ra ngoài, cảm ứng với ngoại cảnh siêu nhiên bằng 3 trực giác quan. Hay là, Điện thân chỉ còn 3 loại giác quan ngửi (khứu giác), nghe (thính giác), thấy (thị giác) thu nhận những tín hiệu, hiện tượng, hình ảnh siêu nhiên bằng tần số, bằng sóng điện và hiểu bằng siêu Trí.

(Những người tu luyện đúng phương pháp, bản ngã không còn hiện hữu, chỉ còn chơn Ngã hoạt động, những lúc đó, các trực giác quan thu nhận được những hiện tượng, hình ảnh của các electron kết hợp lại như trên màn hình Tivi. Từ trước đến nay, ta cho đó là Thiên lý nhãn, Thiên lý nhĩ v.v... một cái gì đó siêu việt, khác thường. Nhưng đó chỉ là các trực giác quan của Điện thân đang hoạt động).

Điện thân được cường hóa bằng nhân điện. Nguồn nhân điện này được sinh hóa bằng nhiều nguồn năng. Nhưng tất cả những nguồn năng này đều được tạo ra bằng siêu Trí, liên quan đến phương pháp tu luyện, hay sống trong thực tế, như các thiên tài, thần đồng hay các khoa học gia chân chính...

Liên quan đến sinh lý, khi Điện thân hoạt động, dù trong trạng thái thức hay ngủ, hoặc trong trạng thái nửa thức, nửa ngủ, vô não ngưng tiếp nhận những tín hiệu bên ngoài do các giác quan đưa vào.

Nói cách khác, là vô não ngưng hoạt động, chỉ còn bộ não bên trong hoạt động,

nhân điện tụ về não sinh động, thu phát bằng tần số do sự hoạt động của siêu Trí.

Khi nào siêu Trí hoạt động thì Trí ngưng động, Thân và Tâm ngừng tiếp xúc với Trí. Lúc đó cảm giác và tình cảm cũng ngưng luôn.

Cảm giác của Nhục thân, tình cảm của Tâm, tư tưởng của Trí, tất cả cùng một lúc tạm thời ngưng hoạt động. Nghĩa là bản ngã của con người xã hội không còn nữa. Nhưng chúng không mất hoàn toàn.

Đó chỉ là những sinh hoạt của một hệ thống thấp được chuyển lên những sinh hoạt và sinh động của một hệ thống hoạt động - của một hệ thống cao hơn, với năng lượng và năng lực mạnh hơn, đó là sự sinh động của nhân điện trong sinh hoạt của Điện thân.

Sự đổi thay hệ thống này sang hệ thống khác, hay cao hơn là sự diễn tiến vô hình. Đó cũng là sự tiến hóa của đời sống tự nhiên sang đời sống siêu nhiên mà con người không thể cảm nhận hoặc thấy được bằng giác quan. Nhưng con người có thể ý thức được sự tiến hóa này ngay trong những sinh hoạt mới lạ này.

Đó là những linh cảm, tiên cảm, tiên kiến của Điện thân đang hoạt động trong sự tạm thời ngưng nghỉ của Nhục thân.

Cảm giác, tình cảm, tư tưởng của bản ngã được thay thế bằng sự linh cảm, tiên cảm, tiên kiến, tiên tri (1) của Điện thân.

d. Điện thân trong cấu trúc năng lượng của vũ trụ và con người

Năng lượng sinh động trong cả vũ trụ là Điện và thể Sáng (sự Sáng). Nhưng trên địa cầu hai năng lượng này tiềm ẩn sinh động trong Thủy (các thể lỏng) và Khí (các loại Khí).

Trong Nhục thân, Huyết (Thủy và các loại thể lỏng) và Khí (các loại Khí) sinh động trong sinh hoạt bên ngoài bằng cảm giác, tình cảm... che lấp sự sinh động của nhân điện và thể Sáng bên trong. Do đó, con người không nhận ra được khả năng siêu nhiên và siêu siêu nhiên, luôn tiềm ẩn sinh động trong đời sống và trong sức sống của Nhục thân.

Sinh hoạt của con người ấn định sự tiến hóa của mình trong cấu trúc năng lượng, trong mỗi cõi giới.

Với sinh hoạt luôn bằng cảm giác và tình cảm, con người sống bằng Nhục thân và Khí thân. Hai loại thân này, dù cho có sự di chuyển từ châu này sang một châu khác, hay từ lục địa này sang một lục địa khác, xa cả đến hàng chục ngàn cây số, chúng cũng bị giới hạn trong bầu khí quyển. Chúng không thể thoát khỏi hấp lực của địa cầu, hay không thể sống một cách tự nhiên ngoài bầu

(1) Các thiên tài nhờ vào sinh hoạt của Điện thân nên có những sáng tạo mới. Hay là, nhờ vào siêu Trí mà những sáng tạo đó có trước sự suy nghĩ của Trí thường.

khí quyền mà không cần đến đường khí.

Điện vũ trụ là một năng lực siêu nhiên, sinh động trong toàn thể vũ trụ. Điện thân cũng vậy, do đồng bản chất, bản tính và tính năng của điện vũ trụ, nó có thể hoạt động bất cứ nơi nào có điện vũ trụ sinh động, như trong nước, trong bầu khí quyền và cả trong vũ trụ. Tương đồng như Nhục thân có thể sống bất cứ nơi nào có không khí để hít thở.

Ta thấy rõ đây là sự tách rời của một loại thân nhẹ về thể chất, nhưng mạnh hơn về năng lực ra khỏi một loại thân chứa đựng nó. Đó cũng là sự đổi thay một cách sống khác ra khỏi một đời sống chỉ sinh hoạt bằng cảm giác và tình cảm.

Đời sống mới này sinh hoạt bằng tư tưởng, đức tính... của một con người không còn bản ngã được tạo nên từ xã hội.

Tư tưởng không xuất nguồn từ bản ngã, từ cái Tôi trong nhân loại, nó phát sinh từ chơn Ngã, từ cái Lý trong Thuần Trí (cái Trí thuần túy của nhân loại trong Trí của con người tức là sự sinh động của cái Lý của tổng thể trong một cá nhân. Hay ngược lại, tổng thể cũng đồng với cá thể, và cá thể cũng bằng với tổng thể trong sinh hoạt xuất nguồn từ cái Lý của Thuần Trí vậy).

Cấu trúc của năng lượng của vũ trụ trong con người (trong Thân, Tâm, Trí) là một sự phức hợp của bản chất, bản tính và tính năng của các loại năng lượng đó. Bản chất sinh động, con người dễ nhận ra, nhưng bản tính rất khó biết được. Nhưng nếu người nào nhận ra được sự sinh động của bản tính, duy trì thường xuyên sự sinh động, chắc chắn người đó có thể tiến hóa không ngừng.

Sự sinh động của bản tính toát ra từ bản chất của năng lượng của vũ trụ trong con người là sự kỳ diệu, linh thiêng và mầu nhiệm.

Năng lượng với năng lực yếu như Thủy, Khí trong đó sinh động Điện và sự Sáng chỉ ở vào mức kỳ diệu.

Sự kỳ diệu này luôn xảy ra trong sự biến hóa của hai chức năng “Sinh và Khắc” của Ngũ hành trong Nhục thân.

Tức là, trong Nhục thân luôn xảy ra sự kỳ diệu do sự sinh động của Ngũ hành trong hai chức năng “Sinh và Khắc” để biến hóa, để tiến hóa nhờ vào sự xúc tác của những năng lượng mạnh và những năng lượng khác yếu hơn.

Những năng lượng mạnh là Điện và sự Sáng xúc tác vào Huyết và Khí để tạo nên những sức mạnh. Những sức mạnh này có cường độ cao hơn năng lực nguyên thủy khi chưa bị xúc tác.

Sự xuất hiện của những năng lượng mạnh trong đời sống biểu hiện sự tiến hóa của con người. Nhưng tinh hoa của những năng lượng đó ở bản tính của chúng không phải ở bản thể - Như trong đời sống tinh thần, hai cơ quan vô hình là Tâm và Trí làm nền tảng của đời sống, nhưng vẻ đẹp của Tâm, Trí (tâm hồn) là tình cảm dịu dàng và tư tưởng thanh cao. Chúng là bản tính của đời sống tinh thần, và cũng là mức tiến hóa của con người trong đời sống văn minh.

Đời sống tinh thần là sinh hoạt của Khí thân sinh động trong Nhục thân với sự can dự của tình cảm và tư tưởng, trong khi đó cảm giác của Nhục thân ngưng động.

Rõ hơn, đời sống tinh thần là sinh hoạt của Khí thân và tâm hồn (Tâm, Trí) trong Nhục thân.

Quá trình của một đời sống này đưa con người vào tiến trình của một đời sống khác tương tự. Nói cách khác, sự từng trải của đời sống tinh thần là sự hiểu biết giúp cho con người dễ dàng tiến nhập vào đời sống tâm linh, mà bản chất của nó là sự sinh động của Điện thân.

Bản chất của Điện thân là Điện của vũ trụ sinh động trong Nhục thân được thu hẹp trong Điện thân. Bản tính của Điện thân thuộc về đời sống tâm linh, mà hai cơ quan sinh động trong hoạt động là siêu Tâm và siêu Trí. Đó là linh hồn – một bộ phận vô hình được kết hợp bằng siêu Tâm, siêu Trí.

Điện vũ trụ không bị hấp lực của địa cầu ảnh hưởng, do đó, Điện thân có tính siêu thoát, tức là Điện thân không bị giới hạn trong bầu khí quyển, trong không khí hay trong tầm chuyển động của Thủy Dương và Thủy Âm.

Sự sinh động của Điện thân có tính siêu thoát, mặc dù nó tiềm ẩn trong Nhục thân. Nhưng sự hoạt động của các trực giác quan, siêu Tâm, siêu Trí trong thế giới siêu nhiên làm cho đời sống tâm linh nhập vào một không gian rộng lớn, tức là vũ trụ vậy. Hiện tượng này tương tự như hạt giống và mầm non vượt khỏi lòng đất tiếp xúc với một không gian mênh mông trên mặt đất.

Đời sống vật chất và tinh thần được coi như hạt giống nằm trong lòng đất trong một không gian nhỏ hẹp. Đời sống tâm linh là mầm non trội vượt, vươn lên với sức sống ngày càng mạnh, để duy trì sự sống trong sức sống, đồng thời tăng trưởng sự sống trong chức năng Sinh mãi chẳng bị Diệt.

Đời sống tâm linh là bản tính của Điện thân, hay ngược lại, Điện thân là bản chất của đời sống tâm linh với năng lượng của vũ trụ trong cấu trúc phức hợp của con người.

Nếu bản tính mà tăng thêm tính năng của nó thì theo đó bản chất của nó cũng tương quan tăng theo. Nghĩa là khi đời sống tâm linh phát triển thêm tính năng của nó thì cường độ năng lượng của Điện thân cũng tăng thêm.

Hiểu được như vậy, con người mới thấy được tính quan trọng của mình, của cách sống, là đóng góp năng lượng cho vũ trụ trong sự tiến hóa của mình qua Điện thân và bằng đời sống tâm linh, có khả năng tiếp xúc với những sinh linh sống bằng Điện thân.

4. Quang thân

Quang thân là một loại thân được tạo nên bằng thể Sáng (sự Sáng), bằng năng lượng nguyên thủy của vũ trụ có trong con người.

Năng lượng này không phải được tạo nên bằng thức ăn, uống, hay bằng Huyết và Khí trong Nhục thân, liên quan đến hệ tuần hoàn, hay hệ thống hô hấp.

Có nghĩa là Nhục thân không thể tạo nên Quang thân. Ngay cả đến Tâm, nó cũng không phải là yếu tố chính để tạo nên Quang thân, mặc dù Tâm sinh hóa ra Trí. Cũng không phải Trí sinh ra Quang thân, nhưng là thể Sáng của Trí, khi Dương và Âm của sự Sáng hợp nhất. Năng lượng này bức xạ trở nên năng lượng nguyên thủy của vũ trụ. Từ trạng thái đó, Quang thân mới được hình thành.

Tiến trình của sự hình thành Quang thân lôi cuốn nhiều sự đổi thay, biến đổi liên quan đến sinh hoạt, năng lượng, thời gian, không gian, các đời sống, những qui luật của địa cầu và vũ trụ, các loại thân v.v...

a. Những biến đổi trong sinh hoạt trong tiến trình hình thành Quang thân

Sinh hoạt thông thường của một cá nhân dính dáng đến bản ngã bao gồm những nỗi vui buồn, sướng khổ... được biểu lộ bên ngoài dưới dạng hữu hình, tự nhiên, là những sức sống luôn luôn dao động.

Chúng mở rộng Trí khôn con người, nhưng rất ít người nhận ra sự biến đổi này một cách khách quan.

Hiện tượng này tương tự như sóng biển luôn sinh động. Chúng che lấp sự trong suốt của nước, sự sinh động vô hình của những phân tử nước.

Cũng vậy, tâm tư con người luôn dao động mà cá nhân coi đó là lẽ sống, còn chơn Ngã bên trong bị sự chủ động của bản ngã phủ kín.

Tâm tư con người là sức sống dao động bên ngoài, che đậy sự sống (sự Sáng) tiềm ẩn sinh động bên trong cơ quan vô hình là Trí khôn.

Cường độ dao động của sức sống trong tâm trạng, tư tưởng mang tính tương đối ở sự tăng, giảm, có rồi lại không (Sinh, Diệt), trong khi đó sự sống (sự Sáng) của Trí khôn luôn tăng, chẳng giảm (Sinh và Sinh mãi). Nó mang tính tuyệt đối.

Nhờ ở sự tương đối dễ nhìn, dễ nhận ra, mà con người khám phá ra sự tuyệt đối, hay những gì có sự tuyệt đối bên trong.

Tương đối thuộc về tạo vật, những gì được sinh hóa ra. Còn tuyệt đối thuộc về nguồn gốc sinh hóa, sáng tạo, năng lượng, năng lực nguyên thủy.

Tâm trạng (tình cảm) và tư tưởng là những tạo vật của Trí khôn. Chúng mang tính tương đối, kỳ diệu trong sự biến đổi.

Trí khôn, Trí thông minh là cơ quan vô hình sáng tạo, nguồn gốc sinh hóa của con người. Nó chứa đựng sự mâu nhiệm trong “sự sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ” như sự sáng tạo của vũ trụ luôn luôn tuyệt đối.

Quang thân là loại thân được tạo nên bằng thể Sáng (sự Sáng) của hai loại Trí (Trí và siêu Trí) khi những chức năng của chúng hoàn toàn ngưng động sinh hóa.

Sự ngưng động hoàn toàn không sinh hóa của chức năng của hai loại Trí đưa tất cả sự Sáng quang tỏa trong các loại thân tụ về não bộ. Sự tập trung trong

một thời gian của thể Sáng ở não bộ làm cho Dương và Âm của thể Sáng ngưng hoạt động, hòa nhập vào nhau và bức xạ ra một năng lượng tuyệt đối. Năng lực này cao hơn năng lực nguyên thủy của vũ trụ khi nó bức xạ. Và sau đó, nó hòa nhập vào năng lực nguyên thủy của vũ trụ, từ đó Quang thân được hình thành với bản chất, bản tính và tính năng tuyệt đối.

Năng lực nguyên thủy của vũ trụ “sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ”, cho nên năng lực chỉ Sinh và Sinh mãi mà không hề bị Diệt hay bị hao hụt. Vì vậy, Quang thân cũng có sự tuyệt đối đó mà không bị hư hoại.

Trong tiến trình hình thành Quang thân từ các loại thân (như Nhục thân, Khí thân, Điện thân) nhiều sự biến đổi, đổi thay trong sinh hoạt, trong hoạt động của con người phải xảy ra.

Tức là, những sinh hoạt bên ngoài của con người, như cảm giác, tình cảm, tư tưởng của cá nhân phải tạm ngưng trong thời gian khi con người muốn chuyển hóa đời sống từ ngoài vào trong, từ sự tương đối của những sức sống đến sự tuyệt đối của sự sống, và từ sức sống có thời hạn đến sự hằng sống của Quang thân và Tuệ (siêu siêu Trí).

b. Sự hình thành Quang thân qua sự ngưng nghỉ của các đời sống thông thường

Hai đời sống thông thường trong xã hội là đời sống vật chất và tinh thần liên quan đến sự hoạt động của Nhục thân, Khí thân và đôi khi đến sự hoạt động của Điện thân.

Cao hơn hai đời sống trên là đời sống tâm linh chỉ trong đời sống này mà Quang thân mới được hình thành.

Trước khi Quang thân được tạo nên, bản ngã đã tan biến, hay là đời sống vật chất và tinh thần không còn hoạt động nữa.

Sự sinh hoạt của hai đời sống này như thế nào?

- Đời sống vật chất: Tâm, Trí lệ thuộc vào Nhục thân. Hay là: tư tưởng, tình cảm phục vụ cho cảm giác và nhục dục.
- Đời sống tinh thần: Tâm, Trí hướng ra ngoài và cả bên trong. Hay là: tư tưởng và tình cảm hoạt động liên quan đến cả ngoài và trong.
- Đời sống tâm linh: Tâm, Trí hoàn toàn sinh động ở bên trong, nhưng là sự sinh động trong sự chơn không của Tâm của Trí.

Đây là giai đoạn đầu của đời sống.

Sự hình thành của Quang thân ở sự ngưng động hoàn toàn của Tâm, của các chức năng của Trí và siêu Trí.

Trong trạng thái đó, sự Sáng (thể Sáng) Dương và Âm hòa nhập vào nhau mới tạo ra Quang thân với sự Cực lạc. Tuệ giác ngộ được Nguyên Lý của vũ trụ và Hiểu liên lũy, chẳng cần đến chức năng suy nghĩ và cảm biết như Trí và siêu Trí.

Sự xuất hiện và sự sinh động của Tuệ và Quang thân trong trạng thái hư vô (chơn không) là mức tiến hóa tuyệt đối của con người trong tiến trình chuyển hóa.

Ở mức tiến hóa tuyệt đối này, tiểu vũ trụ bằng với đại vũ trụ, tức là cái cực nhỏ bằng với cái cực to qua sự hợp nhất của hai vũ trụ bằng sự bức xạ của sự Sáng của Trí vào sự Sáng của đại vũ trụ.

Nhờ đó, tiểu vũ trụ sinh động cùng một bản chất, bản tính và tính năng như đại vũ trụ. Đại vũ trụ không có yếu tố thời gian và không gian, chỉ có những tạo vật (to, nhỏ, vừa) chuyển động trong nó có thời gian và không gian tương đối với nhau trong sự so sánh trên phương diện hữu hình và siêu hình.

(Để dễ hiểu hơn về sự bằng nhau của cái cực nhỏ và cực to ta đã quen: bản đồ nhỏ được vẽ trên giấy, nó bao gồm tất cả những gì được chứa trong một vùng rộng lớn mà nhãn quan chúng ta không có khả năng đề trực tiếp nhìn đầy đủ được, nhưng trong cái nhỏ đó, tất cả những gì cái to chứa đựng đều được biểu lộ ra hết).

c. Quang thân đối với qui luật của địa cầu và vũ trụ

Địa cầu là tạo vật của vũ trụ, hay là được sinh hóa từ vũ trụ, chứa đựng nhiều sức sống khác nhau về năng lực và thời hạn sống động. Trong những năng lực đó, tiềm ẩn sinh động sự sống (sự Sáng).

Con người cũng vậy, là tạo vật của địa cầu và vũ trụ, trong đời sống bao gồm nhiều sức sống và sự sống.

Thời hạn sống động của sức sống biểu lộ tính Sinh và Diệt của những sức sống. Nhưng sự sống sinh động trong những sức sống đó chỉ Sinh và Sinh mãi không hề bị Diệt.

Những sức sống này sinh động trong các loại thân như Nhục thân, Thủy thân, Khí thân, Điện thân.

Trừ Điện thân và Quang thân không bị hấp lực của địa cầu, được gọi là siêu thoát. Nhưng Điện thân vẫn còn sinh động trong qui luật Sinh Diệt của địa cầu và vũ trụ, chỉ có Quang thân là thân bằng thể Sáng sinh động vô tận như thể Sáng của vũ trụ, hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi mọi sức sống của địa cầu.

Quang thân mới thật sự siêu thoát, không còn trầm luân, và có sự sống vĩnh cửu trong đó xuất hiện bản lai diện mục.

Bản lai diện mục là gì?

- Là chơn Ngã hiện hữu từ trạng thái Hư vô của con người, hay từ sự chơn không của Thân, Tâm, Trí, chơn Ngã toát ra từ cái chết của bản ngã.

“Siêu siêu Ý thức” của Tuệ ý thức được sự sống vĩnh cửu sinh động khi mọi sức sống trong con người ngưng động hoàn toàn.

Sự sống vĩnh cửu này có tự bao giờ?

- Từ nguyên thủy và sinh động cho đến vô tận. Sự sống vô sanh này có Sinh,

nhưng chẳng bị Diệt, nên sinh động mãi.

Vì sao?

- Vì nó là năng lượng nguyên thủy. Trong con người có năng lượng này.

Nhờ có nó, con người mới hòa nhập được với đại vũ trụ, hay là vật thụ tạo hòa nhập vào sự sáng tạo qua năng lượng nguyên thủy.

Nói một cách khác là chơn Ngã được tạo nên từ sự Hư vô (chơn không hóa) của bản ngã (gồm sự sinh động tổng hợp của Thân, Tâm, Trí, của 3 cõi giới trong con người).

Theo vật lý, đó là sự sinh động thuần túy của sự Sáng (hay là sự sinh động duy nhất của thể Sáng tụ về não bộ, thể Sáng không còn can dự vào những chức năng của Thân, Tâm, Trí).

Thể sáng (sự Sáng) là năng lực cơ bản của Trí. Tức là, Trí hoạt động được là nhờ ở sự Sáng.

Các chức năng của Trí ngưng hoạt động, sự Sáng không ngưng động, vẫn tiếp tục sinh động một cách tự động để tăng năng lực.

Sự Sáng thuần túy sinh động tự động, đó cũng là Trí thông minh duy nhất của các loại Trí sinh động, còn các chức năng khác của Trí và siêu Trí ngưng động.

Tóm lại:

Bản lai diện mục là chơn Ngã, mà sự sinh động của nó là Trí thông minh của các loại Trí trong trạng thái thuần túy sinh động vậy.

Chương V

CẤU TRÚC HUYỀN BÍ

- **Cái nhìn của Trí khôn**
- **Năng lực trong sinh hoạt, hành động**
- **Ý thức**
- **Cấu trúc huyền bí trong tiểu vũ trụ**

CẤU TRÚC HUYỀN BÍ

CÁI NHÌN CỦA TRÍ KHÔN

Con người luôn tìm hạnh phúc cho mình, thông thường bằng nhãn quan. Nhưng hạnh phúc của con người ở đâu?

- Nó không phải là những thứ con người có được bên ngoài Thân con người. Những vật vô tri, vô giác, tài sản... chỉ là vật dụng của con người.

Hạnh phúc thật sự luôn gắn liền với Thân, Tâm, Trí của con người. Hạnh phúc đó là:

- Thân cường
- Tâm thanh tịnh
- Trí minh

Như vậy, muốn được hạnh phúc, phải có phương pháp tu luyện là:

- Cường thân
- Thanh tịnh Tâm
- Minh Trí

Ở mức này, con người tuy hưởng được hạnh phúc, nhưng vẫn tương đối, vì Nhục thân chỉ có thể sống trên dưới trăm năm.

Để đạt được mức tuyệt đối, con người phải có cách nhìn khác. Đó là cái nhìn của Trí khôn.

Cái nhìn của Trí khôn như thế nào?

- Lấy mắt nhìn mọi sự việc, hiện tượng, chỉ thấy được vẻ bên ngoài mà chẳng hiểu được cái Lý bên trong.

Nhưng lấy Trí khôn để nhìn, con người rõ được cái Lý bên trong (sự sinh động vô hình bên trong).

Bởi vì Trí khôn chứa thể Sáng, tức là “lấy sự Sáng của Trí nhìn vào sự sinh động của sự Sáng trong mọi sự việc...” (1), sự Sáng mới hiểu được cái Lý có trong những sự việc đó.

Từ hai cách nhìn, bên ngoài bằng nhãn quan, bên trong là Trí khôn, con người khám phá ra nhiều điều, nhiều qui luật có trong những gì hữu hình và vô hình liên quan đến luật “Sinh Diệt” và “vô Sinh” nhưng mãi mãi sinh động.

(1)Hoạt động này liên quan đến phương pháp hồi quang. “Hồi quang” là đưa sự Sáng vào trong, hay là dùng sự Sáng (thể Sáng) của Trí khôn quay vào trong Nhục thân để kiểm soát, và làm chủ mọi sinh động nội tại của Thân, Tâm, Trí. Và rốt ráo, là để cho sự Sáng của Trí tự sinh động, tự tăng trưởng để chuyển thành Tuệ.

Những gì hữu hình phải bị chi phối bởi luật “Sinh Diệt”. Những gì vô hình chỉ Sinh chẳng bị Diệt, và Sinh Sinh mãi mãi.

Hạnh phúc trọn vẹn của con người gồm 3 cõi giới (Thân, Tâm, Trí) sự hưởng thụ đi ngược lại định luật Sinh Diệt, chỉ còn Sinh và Sinh mãi. Hạnh phúc đó gắn liền với đời sống trường sinh và hằng sống.

Trong con người chỉ còn 2 hai bộ phận vô hình có khả năng Sinh mãi là Tâm và Trí (các loại Trí).

“Thân” ngủ, nghỉ về đêm, nhưng Tâm, Trí lúc nào cũng hoạt động được, chẳng vướng vào thời gian của địa cầu. Chúng thuộc về vũ trụ.

Liên quan đến đời sống, Tâm và Trí thuộc về tinh thần. Trí (các loại) thuộc về tâm linh.

Cả hai bộ phận vô hình có khả năng trường sinh và hằng sống.

Cũng từ hai cách nhìn từ ngoài và trong, con người tìm được sự vĩnh cửu ở đâu?

- Một công trình xây dựng hữu hình, dù bằng những vật liệu cứng bền như đá, kim loại, cũng chỉ có thể tồn tại trong vài chục ngàn năm, nhưng công sức đổ ra để thực hiện phải mất nhiều năm.

Trái lại, một mục tiêu vô hình với công phu ngắn hạn, độ vài chục ngày đêm, con người sẽ cảm nhận được sự vĩnh cửu, sự hằng sống ngay trong Trí, Tuệ của mình (cảm nhận được sự sống, sự Sáng sinh động).

Các công trình hữu hình là sản phẩm của Trí, chúng không thể tồn tại lâu. Và những gì được sáng tạo bằng Tuệ, tồn tại mãi, vì chúng được xuất nguồn từ sự Sáng, từ năng lực hằng hữu.

(Những phép tính, công thức... được dùng trong các ngành khoa học chỉ là những phương tiện ứng dụng trong sinh hoạt. Chúng không phải là cứu cánh đưa con người vào sự hằng sống như Đạo lý, như các phương pháp ngưng sinh hoạt của Thân, Tâm, Trí... để Tuệ hoạt động, để cho sự Sáng sinh động mãi).

Những gì liên quan đến đời sống vật chất, tinh thần, dù chúng là nhu cầu, cũng không thể tồn tại mãi. Nếu nhu cầu đó do sự sáng tạo của Tâm, Trí, thì công sức của tâm hồn (Tâm, Trí) cũng chỉ được thoáng nhắc lại trong tương lai (hay dư luận ồn ào trong hiện tại, nhưng lại nhẹ nhàng trong tương lai, ngược lại, giá trị chưa biết được rõ trong hiện tại, nhưng lại được ca ngợi trong tương lai).

Chỉ có sự sống mới có tính vĩnh cửu, còn mọi đời sống đều có thời hạn.

Nhờ vào cái nhìn của Trí khôn, con người khám phá ra được sự sống dưới dạng vô hình, và luôn cả cái Lý sinh động bên trong với những đặc tính và chức năng của nó.

Như “Lý” sinh hóa, sinh tạo ra vô tận hiện tượng, tạo vật.

“Lý” chỉ Sinh, nhưng các tạo vật, hiện tượng thì bị Diệt, dù những tạo vật, hiện tượng vẫn tiếp tục sinh hóa theo dạng di truyền để tồn tại.

Sự vĩnh cửu của Lý sinh động mãi, vì “Lý” sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ.

1. Những sinh động vô hình trong con người

Những bộ phận, cơ quan, chức năng nào có trong con người mà Trí điều khiển, chủ động được thì chúng thuộc về quyền sử dụng trực tiếp của con người.

Những gì con người không hoàn toàn chủ động được trong mọi thời gian, mà chúng vẫn tự động hoạt động..., thì chúng thuộc về năng lực của vũ trụ sinh động trong con người một cách vô hình. Tất cả những sinh động vô hình trong con người đều là sự huyền bí.

Như hệ thần kinh giao cảm (động vật) và đối giao cảm (hệ thần kinh thực vật); hệ thần kinh đối giao cảm hoạt động một cách tự động và thụ động. Tính cách thụ động này nhờ ở năng lực của vũ trụ tiềm ẩn sinh động trong thân người.

Sự sinh động vô hình mang tính huyền bí, con người có thể khám phá, và sử dụng nó được không?

- Tùy người và mục đích muốn đạt, Trí khôn con người có thể chủ động điều khiển được sự sinh động và hoạt động của những cơ quan liên quan đến hệ thần kinh đối giao cảm (là tim và phổi), đưa chúng đến trạng thái ngưng động trong một khoảng thời gian.

Với hiệu quả của sự điều khiển này, con người hòa nhập năng lượng của mình vào năng lượng của vũ trụ. Và do đó, có thể khám phá hay nhận ra được phần nào sự huyền bí trong những biến đổi và những hiện tượng bên trong Nhục thân.

Năng lượng của vũ trụ hằng sinh động, hằng sống, con người theo sự hòa nhập đó có sự biến đổi khác thường mà bộ phận trở nên hằng sống là Trí (và các loại Trí: Trí, siêu Trí và Tuệ), tức là sự Sáng của Trí, Tuệ trở nên hằng sinh động.

Từ sự hòa nhập này, sự sinh động vô hình ở dạng năng lượng của vũ trụ là sự Sáng của Trí Tuệ trở nên rộng lớn như vũ trụ.

Vũ trụ rộng lớn bao trùm tất cả những gì có tính cách toàn diện, đó là tính của vũ trụ ở thể Sáng của Trí, Tuệ trong con người, với tính toàn diện của vũ trụ là Toàn năng, Toàn Trí và Toàn giác, nhờ năng lực bao trùm tất cả mọi năng lực, mọi lực, là sự Sáng.

Vì vậy, *Toàn năng* là năng lực toàn diện. Nó bao trùm tất cả mọi năng lực khác và đồng thời sinh động trong mọi năng lực (Ở phương diện nhỏ hẹp như bầu khí quyển và nước trên địa cầu, khí bao trùm tất cả mọi khối nước, đồng thời nó cũng có trong nước và sinh động trong đó).

Toàn Trí là biết tất cả những gì vũ trụ đang chứa đựng.

Toàn giác là Hiểu tất cả những Lý được sinh hóa ra từ Nguyên Lý của vũ trụ và Hiểu mãi mãi.

Có một sự biến đổi khác thường, khi con người ở trong trạng thái này, là bản

ngã xã hội không còn nữa, chỉ còn lại sự sinh động của sự Sáng thuần túy vô nhiễm trong tiểu vũ trụ.

Tức là, “chỉ còn lại sự sống sinh động trong sự ngưng đọng của những sức sống”. Nói cách khác, duy nhất “chỉ có sự Sáng sinh động, nó hòa nhập vào sự Sáng vũ trụ, trong khi đó Thủy (Huyết), Khí, Điện ngưng nghỉ trong tiểu vũ trụ”.

Như vậy, chẳng còn tiểu vũ trụ hoạt động riêng rẽ nữa. Nó hòa nhập vào đại vũ trụ, chỉ có cái đại ngã này mới Toàn năng, Toàn Tri và Toàn giác. Và sự Sáng, sự sống của tiểu vũ trụ trở nên bất diệt, bất tận... như đại vũ trụ vậy.

Nhờ ở sự hòa nhập của sự Sáng của con người vào đại vũ trụ mà những sinh động vô hình trong đó, Trí khôn dần dần khám phá ra, những ơn ích vô tận trong đại vũ trụ.

Ơn ích này do Tạo hóa ban cho tạo vật muôn loài thì vô tận. So với lợi ích con người giúp cho con người rất giới hạn. Ơn ích này chỉ có thể giúp cho một vài người, hay một số người, nhiều hơn là một địa phương, một dân tộc.

Tại sao gọi là “ơn ích vô tận”?

- Đại vũ trụ có những gì, con người có tất cả. Và những ơn ích đó có tính toàn diện và luôn mãi cho đời sống con người với ba nhân tố là Thân, Tâm, Trí.

Chúng được nuôi dưỡng và tăng trưởng.

Thân được lớn lên nhờ thực phẩm. Những thực phẩm không được con người nuôi, trồng, chúng cũng đã sẵn có trên đất, dưới nước...

Tâm được phong phú nhờ ở sự rung cảm của tình cảm.

Trí được thông minh nhờ ở chức năng suy nghĩ, suy luận mà có được sự Biết, Hiểu...

Cả 3 nơi (3 cõi giới) Thân, Tâm, Trí hoạt động, sinh động mãi mãi, tiến hóa không ngừng, không bị trở ngại.

Đó chẳng phải là ơn ích vô tận hay sao, dù cho nó chỉ xảy ra trong một con người nhỏ bé.

Đối với con người, nếu có lòng vị tha, bác ái, sự giúp đỡ cũng có giới hạn dù cho điều đó ở một qui mô lớn như sự thiếu thốn của một cộng đồng dân tộc trải qua chiến nạn, thiên tai...

Sự giúp đỡ con người với con người chỉ có tính cách giai đoạn, tạm thời, không có tính cách trường kỳ, và chẳng bao giờ đầy đủ cả...

Trong đời sống, ta thường thấy cách giúp đỡ của con người với con người là:

- Được một ít của bố thí, được một bữa ăn: chỉ đỡ đói.
- Được việc làm: để nuôi thân.
- Được nghề: để tạo nên sự nghiệp.
- Được kiến thức: để tiến bộ v.v...

Với ơn ích vô tận, Tạo hóa tạo nên loài người, đã tạo nên vô số thực phẩm, thực vật. Chúng sinh sản, sinh hóa mãi mãi, và lúc nào cũng đầy đủ cho cả loài

người (trên mặt đất, trong đất và trong biển cả vô tận...).

“Sự sáng tạo chỉ một lần”, nhưng vật thụ tạo vẫn sinh tồn do sự di truyền của tạo vật.

Loài người chẳng bao giờ thiếu thốn, chỉ do con người làm mất đi nên mới xảy ra hoàn cảnh đó mà thôi.

Sự sáng tạo những ơn ích vô tận quá lớn lao, nhãn quan giới hạn của con người không thể thấy hết được, chỉ có Trí con người mới nhận ra khi tầm cỡ của sự Sáng của Trí được mở rộng ra cả không gian và thời gian của vũ trụ.

2. Sự suy nghĩ trong sự Sáng của Trí và Tuệ

Sự suy nghĩ của con người căn cứ trên những hiện tượng trưng thu và cảm nhận từ 5 giác quan, 3 trực giác quan hay từ linh giác quan.

Từ đó sinh ra nhiều cách nhìn của mỗi cá nhân, nhưng chỉ quy vào cái nhìn của Đời và Đạo, hay rõ hơn là của phàm phu hay đạo nhân.

Đời sống luôn gắn liền với bản ngã, người bình thường hay lấy cái bên ngoài để so sánh nên mâu thuẫn phát sinh. Càng so sánh càng rõ tính phàm phu, và dễ nhận ra sự suy nghĩ luôn hướng ra ngoài.

Bản ngã là nền tảng của lòng vị kỷ (vì mình). Bản ngã là gốc của sự mâu thuẫn, còn lòng vị kỷ tạo ra sự phức tạp trong đời sống, từ đó sinh ra phiền não.

Đạo nhân nhìn vào bên trong mà so sánh, nhận rõ được mức tiến hóa của đời sống tinh thần và tâm linh của mình. Do đó, chẳng có mâu thuẫn phức tạp, nên đời sống đơn giản. Và mọi lúc, mọi nơi, luôn làm chủ được sự suy nghĩ của mình.

Đối với người quan tâm đến sự suy nghĩ, nếu biết được sự suy nghĩ trong sự việc của một người, thì người đó thấy được tương lai của thân phận người kia.

Sự suy nghĩ ở mỗi cá nhân trong đời sống quá nhiều, hướng gì là sự suy nghĩ của cả loài người.

Có người:

“Việc nhỏ thì coi to, việc lớn lao lại coi nhỏ. Quan tâm đến việc nhỏ nên việc lớn bị che lấp”.

“Có người rất chú ý, tỉ mỉ trong việc nhỏ, nhưng thờ ơ, bất cần trong việc lớn. Quan trọng trong giao tế, trong sự tạo nên thiện cảm, nhưng lại quá coi thường nghề, sự nghiệp”.

Có thể nói, những người như vậy chỉ thấy gần mà chẳng thấy xa, thấy rộng.

- Tâm, Trí dò được cái cạn, nhưng không hiểu được những gì sâu sắc (nông cạn biểu hiện bên ngoài bằng sự lịch thiệp, lễ độ trong giao tế; sự sâu sắc trong đức tính, với thời gian quá ngắn trong sự gặp gỡ khó biểu lộ ra).

- Thấy được đời sống hữu hình, nhưng không rõ được đời sống siêu hình và siêu siêu hình.

- Thấy rõ Đời, nhưng chẳng biết Đạo (1).
- “Thấy được việc Người làm, nhưng chẳng rõ được việc Trời làm”.
- Thấy được ở Đất, nhưng không thấy được ở Trời (ở vũ trụ).
- Biết được luân lý, nhưng Đạo lý thì không.
- Hoạt động tích cực với việc Đời là việc nhỏ, tích cực sống với Đạo, việc

Đạo là việc lớn.

- Biết được tâm hồn con người (dù là từng trái), là việc nhỏ, rõ được Thiên Lý (Toàn Tri) mới là việc lớn.

Vì từng trái không bằng Toàn Tri. Hay là, “nhỏ ở Trí, to ở Tuệ”.

Nếu ta coi sự so sánh này là khả năng của hai thực thể (Trí và Tuệ) thì khả năng này phải được căn cứ trên sự suy nghĩ.

Suy nghĩ để Hiểu được, con người coi đó là khả năng của mình. Nhưng không suy nghĩ mà Hiểu được, điều này do đâu mà có?

- Con người suy nghĩ điều gì cũng phải có đối tượng, dữ liệu hay đề tài..., mới có thể suy nghĩ được. Tất cả những điều đó do từ 5 giác quan đưa vào Tâm, Trí. Con người phải cố gắng, tốn thời gian mới Hiểu được phần nào cái Lý của ngoại cảnh, của thế giới tự nhiên.

Tuy nhiên, có những điều phi thường có thể xảy ra không do sự cố gắng, cố sức thực hiện, đó là sự giác ngộ (là “sự hiểu biết tức thì” cái Lý mà không phải suy nghĩ từ một đối tượng nào thuộc hữu hình, siêu hình hay siêu siêu hình).

Điều duy nhất cần nhận thức là những gì không do con người làm ra mà chúng đã có sẵn thì chúng thuộc về sự kiến tạo, cấu tạo của tạo hóa trong cấu trúc của tạo vật.

Thiên Lý (Đạo) dù vô hình, nhưng nó là sự sinh động vô tận.

Sự sinh động trong một vũ trụ rộng lớn, mệnh mang mà sự Sáng của Trí khôn con người hòa nhập vào cùng với sự Hiểu. Thiên Lý, với sự hòa nhập của sự Sáng của Trí khôn vào sự sinh động đó, tự nó truyền sang sự Hiểu, sang bộ phận vô hình mà không cần đến chức năng suy nghĩ nữa.

Từ sự Hiểu có giới hạn của chức năng suy nghĩ đến sự “Hiểu toàn diện” của Trí thông minh về Thiên Lý làm cho con người thay đổi hoàn toàn.

(Thiên Lý cũng gọi là Nguyên Lý là nguồn gốc của mọi sự sinh hóa ra Thiên

(1) Đời con người quá ngắn, dù đã trải qua nhiều kinh nghiệm, sự hiểu biết này chẳng được bao nhiêu, còn Đạo (Thiên Lý) thì vô tận thời gian. Sống bằng sự vô tận, con người mới hằng sống. “Sự vô tận sống”, hay là “sự sống vô tận” ở đâu trong con người?

- Ở trong sự Sáng của Tuệ, ở Lương Tâm.

- Thuộc vũ trụ (Trời) là Tuệ, thuộc về sự trưởng thành trong sự cư xử với người là Lương Tâm. Trời sinh động trong Đất (địa cầu) và ảnh hưởng đến Đất. Hay là Thiên Lý (Đạo) sinh động trong Lương Tâm vậy.

Cơ, Thiên Năng mà sự giác ngộ của Trí con người có khả năng và năng lực tuyệt đối vượt qua ảnh hưởng của Thiên Cơ và Thiên Năng).

Sự “Hiếu toàn diện” làm cho con người cảm nhận và thấu hiểu được mình là một tuyệt tác vượt qua mọi sinh vật, sinh tạo trên địa cầu được kiến tạo bằng sự Sáng và sự sống với bản chất, bản tính và tính năng vừa vũ trụ.

Sự kỳ diệu mà con người có được là “cái cực nhỏ bé bằng với cái cực to”, đó là sự Sáng (thể Sáng) trong não bộ con người có thể bằng với sự Sáng của vũ trụ.

Khi hai vũ trụ bằng nhau qua sự đồng nhất của bản chất, bản tính và tính năng của sự Sáng, sự sống, ngay lúc đó, sự tự hữu (1) mới nảy sinh ở sự Sáng của Trí (siêu Trí, siêu siêu Trí) con người, tức là, lúc đó sự Sáng chứa đựng sự mẫu nhiệm và linh thiêng có khả năng tác tạo mọi hiện tượng, tạo vật mà các nhân tố của chúng thuộc về ba thể, Điện, Khí, Thủy.

a. Điều đáng nói: sự sống

Chẳng có gì nhiều để nói về Nhục thân. Vì Nhục thân chỉ có sức sống khoảng 100 năm, và lại, nó thuộc về cá nhân.

Nhiều điều để nói là những gì sinh hóa từ Tâm, Trí (tâm hồn) còn tồn tại nhờ vào sự Tốt, Đẹp, Hay. Vì giá trị này được nhiều người chấp nhận.

Cái đáng nói và phải nói nhiều hơn hết mọi sự, là “sự sống có trong loài người”.

Tức là:

Cá nhân chẳng có gì nhiều để nói. Những gì thuộc về nhân loại, có nhiều điều để quan tâm và được nói nhiều hơn. Nhưng cái quý và đáng nói nhất, là sự sống sinh động trong con người liên quan đến sự sinh động trong vũ trụ.

Sự sống vô cùng lớn lao, sinh động vô tận, nhưng vô hình. Sự sinh động vô hình, nhân quan con người không thể nhận thấy, do đó cái cực quan trọng ít được người ta nhắc đến.

Nhưng quan tâm đến sự sống và để hiểu biết về sự sống chỉ có đạo nhân. Từ đó, đời sống của phàm nhân và đạo nhân khác nhau.

- *Phàm nhân* sống với những gì thuộc về hữu hình và coi đó là thực tế.
- *Đạo nhân*, ngược lại, sống trong thực tại (Tâm, Trí luôn trong hiện tại, không hướng về quá khứ, tương lai, không bị thời gian của địa cầu ảnh hưởng).

(1) *Tự hữu*: là sự tự có, tự sống mà không cần đến nguồn gốc sinh hóa ra nó. Và những gì từ nó sinh hóa ra đều nằm trong tâm hiểu biết của nó và trong ảnh hưởng của nó.

Cũng như sự sống, sự Sáng của vũ trụ sinh hóa ra các sức sống có thời hạn sống khác nhau. Sự sống sinh động trong mọi sức sống, đồng thời nó ảnh hưởng đến những sức sống đó.

Đời sống liên quan đến những gì thuộc về vô hình, siêu hình (1) (Thiên Lý, Địa Lý..., những sinh động vô hình, siêu hình có trong những sinh động hữu hình).

Đạo nhân là người sống vì Đạo, nhưng Đạo vô hình lớn hơn cả vũ trụ hữu hình, vậy tầm nhìn của đạo nhân hướng về đâu?

- Hướng về sự vô tận, về sự sống. Còn tầm nhìn của con người xã hội, dù hướng về tương lai, tầm nhìn đó cũng bị giới hạn bởi thời gian, dù trong đó có cả kỳ vọng, hy vọng và ước vọng..., chúng chỉ làm tăng nhiệt tâm, sức muốn sống trong đời sống mà thôi.

Sự tiến hóa của con người và sinh linh nhờ vào sự hiểu biết của mỗi cá nhân và Đạo lý, Pháp được lưu truyền và ứng dụng.

Ngoài Đạo lý mà Tạo hóa dùng để tiến hóa tạo vật (con người và sinh linh), cũng có những ngôn từ của những sinh linh nói về sự tiến hóa mà những sinh linh đó tiến hóa được nhờ vào Đạo lý, Pháp và sự mạc khải.

(Đạo lý là ơn và lợi ích của số nhiều. “Pháp” được một số ít người đem ra ứng dụng trong sự tu luyện. Còn mạc khải là ơn và lợi ích cho số ít người được ơn đặc biệt).

Nhờ vào đó, sinh linh có một tầm nhìn xa và rộng hơn.

Thông thường, con người hướng về tương lai của một giờ, một ngày, tuần, tháng, năm, thập kỷ, hoặc của một đời người, một thế kỷ, nhiều thế kỷ. Ở mức này đã quá xa rồi, nhưng với con người thật sự tiến hóa, người này hướng về sự hằng sống, sự vô tận của một sinh tạo được tạo ra với mục tiêu là đặc nhập vào sự sống của vũ trụ.

Nhìn ra bên ngoài, càng xa bao nhiêu, con người càng thấy rõ sự sáng tạo vĩ đại và huyền bí của Tạo hóa. Nhưng họ chỉ thấy được sức sống lâu, sự chuyển động lạ lùng của những tạo vật không lồ, vô tri, vô giác. Chúng không có sự chủ động tiến hóa.

Ngược lại, nhìn vào trong, con người ý thức, cảm nghiệm được sự sinh động, sự sáng tạo cực tinh vi, kỳ diệu, linh thiêng của sức sống và sự mẫu nhiệm của sự sống..., mà chính con người có thể chủ động chuyển hóa được các sức sống và luôn cả sự sống.

b. Sự thay đổi hướng sống và sinh hoạt

Khi con người sống bằng cảm giác, tình cảm hoặc bằng tư tưởng, thì hướng sống và sinh hoạt đã khác rồi.

Chỉ riêng một bộ phận có nhiều chức năng như Trí, sinh hoạt thường xuyên

(1) Đây là dấu hiệu của người tiến hóa do tiền căn, trải qua nhiều kiếp có căn tu luyện.

Thời thơ ấu, lòng đã muốn tu, thích những chuyện lạ thường, khó hiểu có tính mê hoặc như ảo thuật, phép lạ, tiên tri, không sinh ra có, và có hóa không, biến hóa...

bằng chức năng quan sát, hoặc chỉ tập trung vào sự nhớ, hay vận dụng nhiều chức năng suy nghĩ thì mỗi người đã có tính cách và tập quán khác nhau.

Cùng một qui luật, hướng nhìn ra ngoài và vào bên trong của Trí khôn thay đổi hoàn toàn hướng sống và sinh hoạt theo qui định của sự tiến bộ và tiến hóa, đó là Đời và Đạo.

Đời: nhìn ra

Đạo: nhìn vào

Nhìn ra: - Bản ngã cá nhân càng lớn,
chơn Ngã càng nhỏ.

- Bản ngã luôn hoạt động,
chơn Ngã biến mất.

Nhìn ra: - Tâm, Trí (tâm hồn) hoạt động, linh hồn ngưng động.
Trái lại, tâm hồn ngưng động, linh hồn hoạt động.

- Tâm hồn hoạt động, nên vương bận sự việc của thế gian.
Tâm trạng nổi lên, Trí mờ mịt, sự việc giải quyết không
thỏa đáng, vì thiếu sự sáng suốt.

Nhìn vào: - Bản ngã cá nhân nhỏ và dần dần tan biến, chơn Ngã hoạt động.
- chơn Ngã luôn hoạt động, bản ngã biến mất.

Nhìn vào: - Linh hồn hoạt động, tâm hồn tan biến, chẳng còn vương
bận việc thế gian. Thấy rõ được Lý của sự việc, giải quyết
thỏa đáng theo sự Thuận Lý.

“Đời” đưa đời sống con người vào vạn nẻo, “Đạo” quy về “Một”.

Sinh hoạt của bản ngã càng phân tán, sức sống của con người càng yếu đi.

Sở dĩ con người yếu đuối, vì con người sống bằng cảm giác, bằng tình cảm.

Cảm giác, tình cảm... thuộc về cá nhân nên con người yếu. Lòng vị kỷ càng
nhiều, sự yếu đuối càng tăng. Và yếu hơn nữa, vì chúng trở thành Dục.

Nếu tình cảm và cảm giác dựa trên ý chí, lòng yêu thương xuất nguồn từ sự
vị tha (vì tha nhân), con người sẽ trở nên mạnh mẽ, can đảm.

Hơn nữa, nếu con người sống bằng Lương Tâm sinh hoạt sẽ trở nên mạnh
mẽ, kiên cường vì luôn sống bằng Lý (Thuận Lý, Chơn lý, Đạo lý).

“Lý” sinh động mãi mãi trong thể Sáng của vũ trụ.

Những gì thuộc về vũ trụ mà con người biết dùng trong sinh hoạt, con người
đó trở nên mạnh mẽ, lành mạnh và chẳng sai lầm.

Hay là, khi nào con người dùng “Lý” thường xuyên trong sinh hoạt thì chẳng
phạm sai lầm.

“Dùng Lý”, là có sự can dự của Trí suy nghĩ và Lương Tâm.

Khi Trí suy nghĩ và Lương Tâm hoạt động (1) thì Trí thông minh tiến hóa, và

(1) Xin xem ở cuối trang 334.

con người mới làm chủ lấy được mình được (tự chủ, tự cường và tự do).

Ngày nay, Trí suy nghĩ nhiều, nhưng vắng bóng Lương Tâm, tâm hồn con người trở nên yếu đuối ở nơi nào nên văn minh vật chất chiếm ưu thế.

Tại sao?

- Vì văn minh vật chất tạo nhiều tiện nghi, làm tăng sự khoái cảm cho Nhục thân. Dần dần sự khoái cảm biến đổi con người trở nên dục cảm (lòng ham muốn của cảm giác, sự thích thú trong cảm giác tăng lên).

Dục cảm tăng, tâm hồn (Tâm, Trí) yếu đuối, vì dục cảm có sức quyến rũ, cám dỗ rất mạnh, khiến tâm hồn phải đắm mê.

Tâm hồn đã đắm mê, nó trở nên yếu đuối, mặc dù thân thể vẫn khỏe mạnh.

c. Chủ động tạo sự lạc quan trong đời sống

Hướng ra ngoài, sự cám dỗ của khoái cảm lôi cuốn tâm hồn của con người vào sự thụ động, vào sự phiền não. Chúng là hậu quả của sự khoái cảm, dục cảm. Nếu chúng mang tính vô luân, con người sẽ dần mình sâu vào tội lỗi mà không hề hay biết, vì coi đó là niềm hạnh phúc, niềm vui.

Con người phải có niềm vui trong đời sống, nhưng cuộc sống phải được quan niệm như thế nào, và làm sao nhận ra được cái vui?

- Nếu ai quan niệm và hiểu rõ được đời sống con người là sự diễn tiến của sự tiến hóa từ đời sống vật chất sang đời sống tinh thần và tâm linh thì sinh hoạt phải đổi thay từ sự hưởng thụ cảm giác bên ngoài của Nhục thân vào bên trong với những niềm vui của sinh hoạt bằng đức tính của đời sống tinh thần và sinh hoạt bằng đạo tính của đời sống tâm linh.

Chỉ có cái vui bên trong của đức tính và đạo tính mới hóa giải được sự bức bối, phiền não, biến nó thành niềm vui mà thôi.

Chủ động tạo sự lạc quan trong đời sống, ít ra mỗi ngày, con người phải hưởng được những niềm vui. Nếu không được như vậy, con người cũng phải có một niềm vui để hưởng. Nếu có sự bức bối, phiền não, hãy chủ động hóa giải chúng và biến chúng thành niềm vui.

Cái vui bên trong liên quan đến đời sống của đạo nhân.

Đạo nhân quan niệm thế nào về đời sống?

- Đạo nhân luôn coi mình là vũ trụ, là sự toàn diện, cũng là một tổng thể. Do đó, thấy mình rộng lớn, và cũng chẳng thấy mình, vừa thấy có, vừa là không.

(1) Trong Lương Tâm con người, Thiên Lý luôn được tác động bởi Thiên Tuệ. Do đó, con người dùng Lương Tâm, được quan sát và phòng vệ bởi “Tạo hóa”, cho nên tâm hồn trở nên lành mạnh.

Mọi Lý sinh động trong Lương Tâm, phương thức xét mình là dùng Lương Tâm trong sinh hoạt.

Phương thức này cường hóa sự tự chủ của con người. Và mọi sinh hoạt toát ra “sự chân chính, cái Hay và vẻ Đẹp” của nó.

Trái lại, phàm nhân thấy mình là một cá thể riêng biệt nên không thể hòa nhập vào vũ trụ được. Vì vậy, chỉ sống bằng cảm giác, tình cảm, tư tưởng của mình, không rõ được đạo tính, Thiên Lý trong một tổng thể, hay trong cái “Một cực to” (cái cực to lớn không có gì để so sánh cũng là “cái Không” vậy).

Quan niệm “có mà như không” làm cho sinh hoạt của đạo nhân không còn sự đối đãi nữa.

“Đối đãi khó hòa đồng”, “không có sự đối đãi dễ hòa đồng”.

Trong xã hội, bản ngã đối với bản ngã này sinh ra sự đối đãi (đối đãi đưa đến nhiều hậu quả như đối kháng, đối địch, đối lập, đối chọi v.v...). Có đối đãi, khó hòa đồng.

Người và vũ trụ, chẳng có đối đãi trong bản ngã, nên dễ hòa nhập.

Vô hình chẳng có đối đãi. Hữu hình và siêu hình thì còn đối đãi.

Người khôn ngoan thấy được đối đãi, so sánh để Trí tiến hóa, không vương vào sự đối đãi, nên chẳng bận tâm.

Điều quan trọng hơn sự đối đãi mà đạo nhân nhận ra được, đó là sự sinh động vĩnh cửu trong Thân, Tâm, Trí của con người.

Sinh hoạt trong đời sống, trong sự sinh động vĩnh cửu như thế nào?

- Cách sống của con người, mang tính vô thường (luôn biến đổi), sinh hoạt khác thì chơn thường (không biến đổi).

Tính vô thường của sinh hoạt, người đời cho là quan trọng nên thường xuyên quan tâm đến. Vì vậy, cuộc đời của họ luôn phiền não, khổ tâm.

Sự biến đổi vô tận mà lòng người muốn giữ, làm sao có thể được, ngay cả thân thể, con người coi đó là của chính mình, cũng phải biến đổi, chết và tan rã.

Đạo nhân rõ được điều này nên sống bằng sự chơn thường trong sự vô thường, sống bằng sự sống trong những sức sống phải đổi thay, vì đạo nhân đã nhận ra được sự chơn thường trong những sinh hoạt, thực thể có tính cách vô thường.

Nói cách khác là, đạo nhân đã nhận ra “sự sinh động vĩnh cửu” trong “những sinh động có tính Sinh, Diệt” của mọi sinh hoạt liên quan đến Thân, Tâm, Trí của con người.

3. Cái “có” khác thường của một sinh linh

Người đời, ai cũng muốn có, hy vọng làm chủ được một điều gì đó như làm chủ, hay sở hữu một số tài sản vật chất.

Số khác, sinh hoạt liên quan đến Tâm, Trí, làm chủ đời sống tinh thần và tâm linh. Họ không màng đến tài sản vật chất, đời sống của họ nhẹ nhàng ở Tâm, lạc quan ở Trí.

Vì sao họ muốn làm chủ đời sống tinh thần và tâm linh?

- Vì những gì có trong đời sống này, tuy “có” nhưng vô hình và siêu hình, không một thiên tai, địa ách nào hủy diệt được nó, và không một ai có thể chiếm hữu được nó.

Đặc biệt trong cách sống tâm linh, là dùng Trí thông minh dành việc tìm Đạo, Hiểu Đạo và sống Đạo suốt mọi thời, cho đến khi làm chủ được tiểu vũ trụ.

Con người làm chủ được tiểu vũ trụ, nên lúc nào cũng điều khiển được ba cõi giới của mình (Thân, Tâm, Trí).

Sự tiến hóa tuyệt đối này là sự diễn tiến của sự sinh hóa từ một thụ tạo hữu hình là Nhục thân đến những bộ phận vô hình khác như Tâm, Trí, Tuệ, liên quan đến chúng là tâm hồn, linh hồn, tánh v.v...

Hay là, từ sinh hoạt có giới hạn của Nhục thân quanh địa cầu đến vô giới hạn của sinh hoạt của Tâm, Trí, Tuệ.

Trong đời sống hữu hình, muốn điều khiển được một xe gắn máy, trước hết người điều khiển phải rõ từng chức năng và khả năng của mỗi bộ phận để điều khiển được nó. Nếu không làm chủ được nó, chính nó sẽ gây ra tai nạn cho người điều khiển.

Cũng vậy, biết rõ từng chức năng, khả năng, sinh hoạt, trạng thái sinh động, năng lực, tâm hoạt động của những bộ phận vô hình liên quan đến 3 cõi giới..., thì con người tu có kết quả, mới tiến hóa và làm chủ tiểu vũ trụ. Và từ đó mới trở thành một sinh linh thật thụ.

Một sinh linh khác với phạm nhân ở chỗ nào?

- Sinh linh khác với phạm nhân là họ có những cái mà phạm nhân không thể có được.

Đó là sự kỳ diệu, linh thiêng và mầu nhiệm sinh động trong trạng thái chơn không của những bộ phận vô hình:

Tâm chơn không: mức kỳ diệu.

Trí chơn không: sinh động linh thiêng.

Từ sự linh thiêng: siêu Ý, siêu siêu Ý khởi sinh sự mầu nhiệm.

Hay là:

- Tâm vô tâm trạng (cũng như khi ngủ), không có sự xúc tác của hóa chất ở Nhục thân. Các bộ phận, cơ quan hoạt động bình thường. Và những gì không bình thường sinh ra bệnh, trở lại hoạt động bình thường (1), Nhục thân khỏe mạnh. Đó là sự kỳ diệu.

- Trí chơn không: các chức năng liên quan đến sinh hoạt (quan sát, nhớ, suy nghĩ) ngưng hoạt động, chỉ còn sự Sáng của “Trí thông minh” sinh động.

Sự Sáng thuần túy của Trí thông minh rất linh thiêng.

(1) Sự Sáng thuần túy sinh động, hóa giải hóa chất do tâm trạng và tư tưởng của bản ngã sinh ra.

(Người thông minh có tánh linh do ở sự Sáng thuần túy sinh động. Sự Sáng suốt của Trí qua hành động bên ngoài từ Thuần Trí hay từ Lương Tâm và Trí... biểu hiện sự linh thiêng của Trí bên trong).

Nhưng nếu còn tâm trạng dao động, còn tính khí, thì Trí thuộc về phàm ngã, mức hơn kém, có thể thực hiện dễ dàng.

Tất cả những gì có từ con người (Thân, Tâm, Trí, Tánh, và những gì phát sinh từ những nhân tố này) đều thuộc về con người bình thường.

Khi một trong các nhân tố này sinh động trong sinh hoạt thì sự mâu nhiệm không phát sinh, không xảy ra.

“Ngưng tất cả những gì thuộc về con người với bản ngã thì những gì thuộc về vũ trụ có trong con người mới sinh động”, tức là Thiên Tuệ (sinh động trong Thiên Lý, Thiên Cơ, Thiên Năng có trong Dương và Âm trong vũ trụ)... trong sự Sáng thuần túy của các loại Trí thông minh, lúc đó, con người mới cảm nhận được sự sinh động đó trong trạng thái Vô ngã của một sinh linh.

“Vô ngã” là không còn bản ngã của con người xã hội. Cho nên, Vô ngã cũng đồng nghĩa, đồng trạng thái với “xuất thế” (xuất thế gian).

Thế nào mới thật là xuất thế?

- Chẳng còn sự sinh động của bản ngã thì chẳng còn gì để nói, để suy nghĩ về bản ngã nữa. Đó mới thật sự là xuất thế.

Chẳng phải vào ở một nơi vắng vẻ, không có ai, mới gọi là xuất thế.

Nếu tâm tư (tâm trạng, tư tưởng) còn sinh động, dao động hay ngấm ngấm hoạt động..., thì vẫn chưa xuất thế.

Cho nên nói rằng: *“Vô ngã là xuất thế” và sống bất cứ ở môi trường nào cũng được.* Hay là, “vô bản ngã là xuất thế”, và lúc đó “sự sống thật” mới bắt đầu sinh động.

Sự sinh động của “sự sống thật” bắt đầu trong một đời sống mới trong chơn Ngã của một sinh linh.

Sinh linh trở nên linh thiêng, mâu nhiệm do một năng lực, năng lượng trong vũ trụ là sự Sáng (thể Sáng hay sự sống).

Sự Sáng “Sinh” và “Sinh hóa” mãi. Nó không bị diệt.

Nhờ sinh hóa mãi nên sự linh thiêng và mâu nhiệm của sinh linh tăng mãi.

Sự tiến hóa này vô hình, nhãn quan con người khó nhận ra.

a. Sự tiến hóa tương đối của sinh linh

Sự tiến hóa tương đối và tuyệt đối của một sinh linh dựa trên sở đặc của các loại năng lượng có trong vũ trụ, mà sinh linh dùng trong sinh hoạt của các loại thân được hình thành trong Nhục thân.

Ở mức tiến hóa tương đối của Khí thân, Điện thân, sinh linh phải tiếp tục tu luyện, hay sống Đạo để đạt đến mức tuyệt đối.

Đến khi nào sinh linh mới hết quay lại theo tiến trình tiến hóa, hay là cho đến khi nào con người mới hết luân hồi?

- Mức tiến hóa tốt cùng của mọi tạo vật là phải trở thành năng lực tự tạo như sự Sáng (sự sống) của vũ trụ. Đối với con người, từ Nhục thân chuyển sang “thân tiến hóa cuối cùng” là Quang thân (thân bằng thể Sáng của năng lượng nguyên thủy của vũ trụ).

Tất cả các loại thân khác (như Thủy thân, Khí thân, Điện thân) đều vương vào vòng “Sinh Diệt”, tức là còn thời hạn sống đều phải quay lại đời sống của Nhục thân (thuộc địa cầu hoặc những hành tinh còn 4 thể linh thiêng sinh động) để tiến hóa, hoặc quay lại đời sống của Khí thân (thuộc những hành tinh còn 3 thể linh thiêng sinh động), hay phải quay lại vòng sinh mới của Điện thân để tiếp tục tiến hóa trên những hành tinh chỉ còn lại 2 thể linh thiêng.

Thời hạn sống của:

Nhục thân, khoảng vài chục đến trăm năm.

Khí thân, khoảng 700 đến ngàn năm.

Điện thân, khoảng 8000 đến vạn năm.

Làm sao nhận ra được sự quay trở lại để tiến hóa của một sinh linh?

- Đề ý đến sinh hoạt của trẻ liên quan đến cảm giác, tình cảm, tư tưởng..., hay là sinh hoạt nào liên quan đến Thân, Tâm, Trí và những gì biểu lộ sự linh cảm, tiên cảm của chúng, hoặc những gì liên quan đến siêu Trí...

Tóm lại:

- Thân, Tâm, Trí... liên quan đến Nhục thân.

- Tâm, Trí liên quan đến tinh thần (thuộc Khí thân).

- Siêu Tâm, siêu Trí (linh hồn)... liên quan đến Điện thân (thuộc các nhà khoa học; nếu thích về đời sống tâm linh thì trong tiền kiếp đã trải qua sự tu hành).

Có thể nói rằng: “Sự tiến hóa tương đối trong sự quay đi, trở lại các loại thân là sự tiến hóa chưa đến đích của một sinh linh”.

b. Tại sao con người được gọi là sinh linh?

- Vì con người có khả năng linh cảm, và khi nào con người linh cảm được thường xuyên thì lúc đó con người là một sinh linh.

Nhưng linh cảm là gì?

- Là sự cảm nhận của một sinh linh qua sự cảm ứng của cùng một thể linh thiêng giữa hai vũ trụ (tiểu và đại).

Có mấy loại linh cảm?

- Có 4 loại linh cảm liên quan đến 4 loại Thân, là Thủy thân, Khí thân, Điện thân, Quang thân. Hay là, chỉ có 4 loại Thân thuộc 4 thể linh thiêng trong Nhục thân có linh cảm mà thôi.

- Có những loại linh cảm liên quan đến những bộ phận vô hình, như các trực giác quan, linh hồn, siêu Trí, Tuệ, Lương Tâm...

- Sự linh cảm có thể xảy ra giữa sinh linh và những hiện tượng siêu nhiên, giữa sinh linh và sinh linh hay với Đấng tạo hóa.

- Qua sinh hoạt siêu nhiên trong Phước, Đức, Đạo của sinh linh, sự linh cảm có thể xảy ra. Hay là, khi sinh linh sống bằng Đạo Bi, Đức Bi... thì trong sự sinh hoạt đó, sự linh cảm có thể xảy ra. Hoặc, trong sự nhẹ nhàng của tình thương có sự linh cảm.

- Trong trạng thái Vô ngã, sự linh cảm xảy ra liên quan đến mỗi thể linh thiêng trong tâm châu biến của năng lực đó vào vũ trụ.

Tóm lại:

Sự linh cảm liên quan đến 3 cõi giới và 3 thể giới vượt qua khả năng của giác quan. Sự cảm nhận của linh cảm được hiện thực cùng lúc với sự xuất hiện của tư tưởng của một sinh linh khác, hay là có sự cảm nhận trước khi sự việc xảy ra.

Ngoài những bộ phận, cơ quan của Nhục thân, còn nhiều bộ phận vô hình có chức năng hoạt động cực nhanh và cực xa mà mỗi Đạo, pháp môn, sử dụng được một phần, tùy theo phương pháp luyện, tu hoặc sống Đạo.

Sự linh cảm xảy ra với các loại thân khác khi Nhục thân và bản ngã ngưng hoạt động, khi đó con người đang sống bằng một loại thân khác.

Các loại thân này là Khí thân, Điện thân hay Quang thân sinh hoạt, sinh động. Sự sinh động của một trong những loại thân đó làm ngưng động sự sinh hoạt trực tiếp của Nhục thân, Tâm và Trí... với những hiện tượng siêu nhiên và những sinh linh khác.

1. Sự tiến hóa của sinh linh dưới dạng Nhục thân, hay là hoạt động của sinh linh trong chính con người của mình. Điều này cũng có thể nói: “một đời sống mới hoạt động trong Nhục thân, như cường hóa các loại thân tiềm ẩn sinh động trong Nhục thân”.

Sự cường hóa được xảy ra như thế nào?

- Cũng như Nhục thân sinh hoạt, sinh động, tự nó cường hóa, thì các loại thân khác cũng vậy, khi nào chúng sinh hoạt, sinh động, chúng được cường hóa qua sự tiên cảm, tiên kiến, linh cảm... và ngay cả trong giấc chiêm bao, mộng, với sự điều khiển của siêu Trí, Tuệ...

Nhờ vậy, con người sống với sự linh thiêng và mẫu nhiệm.

Nếu trong đời sống, sự linh thiêng và mẫu nhiệm tăng lên thì họ tiến hóa (1).

(1) Đây là sự tiến hóa của sinh linh. Các Thánh, Thần... sau cái chết của Nhục thân, với những năng lực của những loại thân khác, ngày càng làm nhiều điều lạ lùng, mẫu nhiệm.

Điều này chứng tỏ có sự tiến hóa, tăng trưởng của sự linh thiêng và mẫu nhiệm.

Trái lại, nếu mất đi hai điều này, họ sẽ trở lại đời sống bình thường của phàm nhân.

Sự linh thiêng có trong Dương và Âm của 4 thể linh thiêng, sự mâu nhiệm có trong sự xúc tác của Thiên Tuệ vào Dương và Âm của 4 thể. Ở sinh linh, sự xúc tác của Tuệ vào sự Sáng của Dương và Âm của những năng lượng khác, mà phát sinh ra sự mâu nhiệm có giới hạn, tương quan với năng lượng và năng lực có trong người.

2. Bao giờ một loại thân (Khí thân, Điện thân, Quang thân) mới hoạt động được với khả năng, bản năng của chính nó?

- Một loại Thân hoạt động được với khả năng và bản năng của chính nó khi nó có năng lực riêng của chính nó.

Nhưng loại năng lực này không ổn định trong mọi thời, do sự tăng giảm của sự mâu nhiệm trong sự Sáng, liên quan đến tỷ lệ mâu nhiệm của mỗi thể và trong sự phức hợp của nhiều thể.

Các thể (Thủy, Khí, Điện, sự Sáng) đều linh thiêng, nhưng sự mâu nhiệm tối đa và tuyệt đối sinh động trong sự Sáng.

Sự Sáng sinh động càng nhiều, sự mâu nhiệm trong nó càng tăng.

Trong sinh hoạt con người, làm sao cho sự Sáng trong Trí tăng thêm sự mâu nhiệm?

- Sự hiện thực của Trí là tư tưởng. Trong tư tưởng chỉ có sự biểu lộ của Lý (Đạo lý, Chơn lý, Thuận Lý), thì sự Sáng trong Thuận Trí (thuần túy thông minh) làm tăng thêm sự mâu nhiệm.

Nếu trong tư tưởng có cảm giác, tình cảm, tâm trạng thuộc bản ngã... thì sự Sáng không biểu lộ được bản chất tinh tuyền của nó. Sự Sáng (thể Sáng) bị pha lẫn những tạp chất của Huyết (cảm giác), Khí (tình cảm), vì vậy, mức mâu nhiệm của nó bị giảm do các sức sống động của các thể nặng che lấp nó.

Sự kết hợp và cường độ của cảm giác, tình cảm trong tư tưởng tạo nên mức độ và tỷ lệ của sự mâu nhiệm.

Tỷ lệ của sự mâu nhiệm như thế nào?

- Tỷ lệ nhiều và ít của sự mâu nhiệm trong tạo vật, trong sự thụ tạo, và trong sự sinh hóa của sự thụ tạo (như cảm giác, tình cảm, tư tưởng..., chúng là những thụ tạo của những thể linh thiêng) tùy thuộc vào số ít nhiều của những thể linh thiêng kết hợp và hình thành trong tạo vật, trong sự thụ tạo.

Tỷ lệ mâu nhiệm trong tạo vật, trong sự thụ tạo:

Thủy (Khí, Điện, sự Sáng): rất ít

Khí (Điện, sự Sáng): ít

Điện (sự Sáng): nhiều

$\frac{(\text{Sư Sáng Dương} + \text{Sư Sáng Âm})}{1}$ } tuyệt đối nhiều

Tỷ lệ màu nhiệm của mẫu thức trên, trong đời sống, tương quan với những loại sinh hoạt của con người biểu lộ rõ sự màu nhiệm trong linh cảm:

Cảm giác sinh động trong (tình cảm, tư tưởng, Trí thông minh): rất ít

Tình cảm sinh động trong (tư tưởng, Trí thông minh): ít

Tư tưởng sinh động trong Trí thông minh: nhiều

$\frac{(\text{Sư Sáng Dương} + \text{Sư Sáng Âm})}{1}$ } của Trí thông minh: tuyệt đối nhiều
có được trong tiêu vũ trụ

(Sự tuyệt đối màu nhiệm này chỉ có được trong lúc Tuệ sinh động, tức là, “*khi sự Sáng Dương và Âm của các loại Trí*” hòa nhập vào nhau và trở thành “*Một*”, còn được gọi là *Thái cực*. Và chỉ trong cái “*Một*”, mới nảy sinh ra sự *Cực lạc*)

Với đại vũ trụ, tỷ lệ màu nhiệm trong chức năng cũng có nhiều và ít:

- Trong Thiên Lý: màu nhiệm tối đa.
- Trong Thiên Cơ: màu nhiệm nhiều.
- Trong Thiên Năng: màu nhiệm ít hơn hai chức năng trên.

Trong sự sinh hóa, tỷ lệ màu nhiệm giảm, nhưng tăng trong sự chuyển hóa, đối với thể giới và cõi giới cũng vậy:

- Trong thể giới và cõi giới siêu siêu nhiên: màu nhiệm tối đa
- Trong thể giới và cõi giới siêu nhiên: màu nhiệm nhiều
- Trong thể giới và cõi giới tự nhiên: màu nhiệm ít hơn.

3. Sự sinh hóa của sự màu nhiệm và sự liên quan của sự màu nhiệm

Bản tính của một bản thể hay của một thể linh thiêng dù vô hình cũng bị chi phối bởi sự sinh hóa và chuyển hóa.

Từ nguyên thủy, màu nhiệm sinh hóa ra sự linh thiêng, sự linh thiêng sinh hóa ra sự kỳ diệu.

Màu nhiệm → Linh thiêng → Kỳ diệu

Màu nhiệm tiềm ẩn sinh động trong linh thiêng.

Và màu nhiệm cùng linh thiêng tiềm ẩn sinh động trong kỳ diệu.

Từ đâu sinh ra sự linh thiêng?

- Sự linh thiêng được sinh hóa từ sự màu nhiệm, nó cũng là kết quả của sự xúc tác của sự màu nhiệm vào một thể đó.

Sự linh thiêng có trong tạo vật, trong sự thụ tạo... mặc dù trong nó có sự màu nhiệm tiềm ẩn sinh động.

Do sự hằng sinh động của sự màu nhiệm xúc tác sinh hóa ra sự linh thiêng,

vì vậy sự linh thiêng cũng tiếp tục sinh hóa trong tạo vật, trong sự thụ tạo. Và sự linh thiêng tồn tại.

Sự kỳ diệu ở đâu?

- Sự kỳ diệu có trong những chức năng, trong cấu trúc của tạo vật, của sự thụ tạo. Cấu trúc của những chức năng càng phức tạp, thì sự kỳ diệu càng ở mức độ cao (như chức năng quan sát, nhớ, suy nghĩ... của Trí).

Sự diễn tiến của sinh hóa tiếp tục mãi, nhưng chính yếu vẫn là nguồn gốc của nó, tức là sự mầu nhiệm liên quan đến những gì?

Mầu nhiệm liên quan đến  → Thiên Tuệ
→ Sự hằng sống (năng lực tự tạo, tự sinh động trong sự vĩnh cửu)
→ Sự sáng tạo nguyên thủy (1) của Thiên Tuệ (nguồn gốc)

Từ nguồn gốc sinh hóa ra tạo vật và từ sự sáng tạo luôn có sự hằng sinh động, trong đó có sự tăng giảm của sự mầu nhiệm.

Sự mầu nhiệm giảm và tăng như thế nào trong sự hằng sinh động?

- *Những gì hằng sinh động thì thuộc về bản chất, bản tính và tính năng của vũ trụ. Và tất cả đều quy về Thiên Tuệ, Thiên Tánh.*

Còn sự mầu nhiệm trong 3 yếu tố căn bản của vũ trụ (Thiên Lý, Thiên Cơ, Thiên Năng) thì liên quan ảnh hưởng đến sự sinh động của vũ trụ, đến sự tiến hóa của vũ trụ, có nghĩa là sự mầu nhiệm liên quan đến chức năng sinh hóa và chuyển hóa của sự hằng sinh động của vũ trụ.

Sự mầu nhiệm diễn tiến như sau:

Trong sự sinh hóa, thì sự mầu nhiệm giảm dần trong thể, trong tạo vật, trong sự thụ tạo được sinh hóa.

Trong sự chuyển hóa thì sự mầu nhiệm tăng dần trong thể, vật, sự thụ tạo... được chuyển hóa.

Hay là:

“*Sự mầu nhiệm giảm dần trong sự sinh hóa, và tăng dần trong sự chuyển hóa*”.

Đối với tiểu vũ trụ:

Sự mầu nhiệm giảm dần trong sự kết hợp từ ít thể linh thiêng đến nhiều thể linh thiêng.

Trong sự Sáng của Thuần Trí: mầu nhiệm tối đa.

Trong tư tưởng: mầu nhiệm ít.

(1) Với con người, sự sáng tạo giống như sự sáng tạo nguyên thủy của Thiên Tuệ, xuất nguồn từ Tuệ, và từ sự Sáng của vũ trụ trong Tuệ.

Trong tình cảm: mẫu nhiệm ít hơn.

Trong cảm giác: mẫu nhiệm rất ít.

Hay là mẫu nhiệm giảm dần từ ít đến nhiều thể:

Sự Sáng của Thuần Trí giảm dần trong → tư tưởng (Điện, sự Sáng) → tình cảm (Khí, Điện, sự Sáng) → cảm giác (Huyết, Khí, Điện, sự Sáng).

a. *Mẫu nhiệm của sự sinh hóa*

Tạo vật là vật được sinh hóa. Nó cũng có thể sinh hóa, dù tạo vật đó là hữu hình, siêu hình hoặc vô hình (như Tâm, Trí, Tánh, siêu Trí, Tuệ, Lương Tâm v.v...).

Và vật đó có khả năng tự tăng trưởng, do đó nó tự sinh động.

Nếu không có sự sinh hóa, không có tự tăng trưởng, không tự động sinh hóa thì tạo vật đó không có sự mẫu nhiệm. Tức là những tạo vật nào có sự mẫu nhiệm thì chúng thuộc về tạo vật do Đấng Tạo hóa tạo ra từ Thiên Tuệ, Thiên Tánh và Thiên Lý.

Trái lại, tạo vật do con người làm ra sự sáng tạo của Trí dưới dạng hữu hình, chúng không có sự mẫu nhiệm. (Những tư tưởng xuất nguồn từ sáng tạo của Thuần Trí, dưới dạng siêu hình, chúng vẫn tiềm ẩn sự mẫu nhiệm bên trong).

Từ sự tự động sinh động của vũ trụ, ta thấy “sự mẫu nhiệm trong sự sinh hóa (1) vẫn tiếp tục diễn tiến trong sự tồn tại”.

Tạo vật vô hình không thể nhận ra bằng nhãn quan, nhưng chúng vẫn có và có sinh hóa hay không?

- Dù vô hình, nhưng những loại tạo vật này “khi đã có sức sống và sự sống rồi”, “chúng có khả năng sinh hóa” như Tâm, Trí, tâm hồn, linh hồn v.v....

Tâm sinh hóa ra tình cảm, Trí sinh hóa ra tư tưởng; tâm hồn sinh ra tâm địa (2), ra đức tính, Ác tính.

Linh hồn chỉ sinh ra đức tính, Ác tính, nhưng không có tình cảm (vì chẳng còn gì dính dáng đến Nhục thân).

Tạo vật vô hình cũng có sự tương quan như những bộ phận vô hình và hữu hình có trong con người.

(1) Sự mẫu nhiệm trong sự sinh hóa tiếp tục diễn tiến trong sự tồn tại. Sự sinh động này làm tăng trưởng sự mẫu nhiệm trong vũ trụ, hay là lực vô hình tăng trưởng.

Với sinh linh cũng vậy, nhờ vào sự mẫu nhiệm, đức tin của linh hồn, các phép lạ được xảy ra – Đây là dấu hiệu của sự mẫu nhiệm, nhưng điều khó khăn đối với sinh linh là làm sao duy trì sự mẫu nhiệm đó.

(2) “Tâm địa” là đặc tính của tâm hồn được tạo nên từ tình cảm, tư tưởng.

Sự phối hợp này sinh ra tính đặc thù làm cho tâm địa sinh động bằng sự độc ác, hung dữ, hiền lành.

Như mỗi giác quan có chức năng khác nhau thì mỗi tạo vật vô hình và mẫu nhiệm cũng có chức năng khác nhau và khả năng không giống nhau.

b. *Tính cách mẫu nhiệm*

Tính cách mẫu nhiệm như thế nào?

- Ngoài sự “sinh động đồng bộ” của chức năng sinh hóa và chuyển hóa, tính cách mẫu nhiệm luôn xảy ra trong dạng biến hóa.

Tính cách này là “từ Không sinh ra Có”, và “từ Có hóa Không”.

Như vậy, sự mẫu nhiệm không phải là một trạng thái chết, hay ngưng động, trái lại nó là một trạng thái rất sinh động.

Trong con người, một bộ phận có tính cách giống như vậy, đó là Trí suy nghĩ, Trí thông minh.

Suy nghĩ, hoặc tưởng tượng, thì “Có”, ngưng lại thì “Không”. “Có đến Không”, rồi “Không đến Có”, đó là một sự biến hóa.

Nhưng sự biến hóa của một hiện tượng phải xuất nguồn từ một thể chất, dù thể chất này, mắt người không thấy được. Nó vẫn hiện ra trong đầu óc con người, trong một mảng ánh sáng. Và nó là thể Sáng, sự Sáng.

Từ sự Sáng này sinh ra “cái Có, cái Không”. “Có rồi Không”, “Không rồi Có” là hiện tượng của sự mẫu nhiệm.

Sự tiếp diễn và diễn tiến đến vô tận của sự mẫu nhiệm cũng do nơi sự Sáng mà thôi.

Cũng như sóng và nước, dù cho sóng lớn, sóng nhỏ có tiếp diễn đến vô cùng, tất cả cũng chỉ phát sinh từ nước.

“Mọi mẫu nhiệm xảy ra trước mắt con người với những hiện tượng khó hiểu đối với Trí khôn, tất cả đều xuất nguồn từ sự Sáng mà con người không ngờ, chính nơi mình chứa đựng sự mẫu nhiệm và sự tuyệt đối của nó”.

Sự tuyệt đối ở đâu?

- Trong vũ trụ, chỉ có một sự tuyệt đối là sự sống, sự sáng tạo, còn tất cả những gì thụ tạo (được sinh hóa từ sự sống) đều tương đối và sức sống có giới hạn.

Trong con người, cũng vậy, chỉ có một sự tuyệt đối là sự sống (sự Sáng), còn tất cả những bộ phận khác đều có sức sống tương đối.

“Sự sống” trong con người hiện hữu, nhưng không hiện thực.

Nó vượt qua sự cảm nhận của giác quan và trực giác quan, không cần đến sự kiến nhận nguyên nhân bên ngoài của cảm giác lẫn những hoạt động bên trong, luôn cả những thị kiến siêu nhiên..., chỉ có sự sống (sự Sáng) trong con người hòa nhập vào Nguyên Lý của vũ trụ - Nguyên nhân sinh hóa và tác tạo mọi vật thụ tạo trong vũ trụ.

Đây là “sự sống (sự Sáng) trong con người nhập vào (1) sự sống (sự Sáng)

(1) Dựa trên sự hiểu biết này, phương pháp cực nhanh này không cần đến sự tu luyện từng phần trong cơ thể, trong sinh hoạt của đời sống.

của vũ trụ”. Nói cách khác, “sự tuyệt đối trong con người nhập vào sự tuyệt đối của vũ trụ”, hoàn toàn bằng sự Sáng (sự sống) của các loại Trí.

Trong trạng thái này, dù nó không duy trì được thường xuyên, sự tuyệt đối này ở con người là nguyên nhân sinh hóa và sáng tạo dưới dạng mẫu nhiệm.

Nhưng vì sao sự mẫu nhiệm có thể xảy ra?

- Mọi việc xảy ra đều có nguyên nhân, dù nó hiện thực một cách vô hình.

Đó là một năng lực mạnh xúc tác vào một lực yếu hơn hay một lực nhẹ hơn.

Trong con người, năng lực này là sự Sáng. Và sự Sáng phải mạnh hơn các lực, hay là các năng lực khác sinh động trong động vật, trong sinh linh hay những sinh tạo khác.

Sự Sáng này được khởi động từ não do “siêu siêu Ý”.

Nếu do “siêu Ý”, thì năng lực khởi động là sự Sáng của siêu Trí.

Cả hai loại “Ý” này xúc tác, hay là để cho năng lực được xúc tác, để “Ý” được hiện thực, là tâm hồn phải ở trạng thái hư vô thì linh hồn, hay cao hơn nữa là Tuệ, mới khiến cho các loại năng lực, các lực thấp hơn khởi động được theo “Ý”.

Tóm lại:

Sự hiện thực của một mẫu nhiệm liên quan đến “Ý” của con người là:

Chỉ có sự Sáng sinh động trong trạng thái thuần túy của Trí, khi nó hoàn toàn tụ về não, không bị chi phối, ảnh hưởng do cảm giác, tình cảm, tư tưởng của bản ngã nữa.

Trong trạng thái này, Thủy, Khí, Điện trong con người cũng là những thể linh thiêng sinh động trong vũ trụ, tức là trong và ngoài đều đồng nhất về bản chất, bản tính và tính năng.

Chính lúc này, “Thuần Trí”, là “Trí không liên quan đến sự chủ động của bản ngã”, nó có sự Sáng của vũ trụ. Và sự Sáng được tập trung về não do 3 thể linh thiêng khác chứa đựng nó. Lúc đó cái “ý thuần túy của Thuần Trí” mới có thể xúc tác vào các năng lực, lực yếu hơn nó. Tức là, lúc đó “sự Sáng khởi động do Ý thuần túy” xúc tác vào những thể linh thiêng để hiện thực sự mẫu nhiệm.

Về phương diện vật lý, “sự mẫu nhiệm là kết quả của một năng lực mạnh ảnh hưởng trên một hoặc nhiều năng lực khác do sự xúc tác của một loại Ý khơi động”.

Như vậy, ở con người:

- “Ý thuần túy” của Thuần Trí khởi động: sự Sáng của Thuần Trí xúc tác vào Huyết, Khí... để một sự mẫu nhiệm được hiện thực.

- “Siêu Ý” của siêu Trí khởi động: sự Sáng của siêu Ý xúc tác vào Điện, Khí, Huyết để một sự mẫu nhiệm được hiện thực.

- “Siêu siêu Ý” của Tuệ khởi động: sự Sáng của vũ trụ xúc tác vào Điện của vũ trụ, vào Khí, Thủy quanh địa cầu để một sự mẫu nhiệm được hiện thực.

c. Sự mâu nhiệm trong những bộ phận vô hình

Những bộ phận vô hình trong con người linh thiêng và mâu nhiệm, vì chúng sinh động trong con người và luôn cả trong vũ trụ, tức là trên địa cầu và trong vũ trụ.

Nhưng tính mâu nhiệm không đồng nhất ở mọi người, ở mọi lứa tuổi, hay ở sự vận dụng những bộ phận vô hình trong đời sống, trong sinh hoạt.

Mức độ mâu nhiệm cũng là mức tiến hóa trong đời sống tâm linh. Do đó, trẻ thơ với sinh hoạt của đời sống liên quan đến cảm giác chưa biểu lộ được sự mâu nhiệm. Và chỉ ở người lớn mới có sự mâu nhiệm.

Tại sao, người lớn mới có sự mâu nhiệm và do “thể” nào mà sự mâu nhiệm được phát sinh?

- “Thể” sinh động vô tận trong vũ trụ và trong thân thể con người là Điện và thể Sáng (sự Sáng) trong đó luôn có sự mâu nhiệm và linh thiêng.

Thể Sáng (sự Sáng) sinh động nhiều ở não mà con người vận dụng qua một bộ phận vô hình là Trí. Hay ngược lại, Trí hoạt động bằng thể Sáng, bản tính của thể Sáng là sự sáng suốt.

Thể Sáng do hoạt động nhiều, sự sáng suốt theo đó tăng lên, trong đó sự mâu nhiệm phát triển. Hay là, Trí được vận dụng, phát sinh sự mâu nhiệm.

Nhưng Trí gồm nhiều chức năng, tỷ lệ mâu nhiệm không cùng một mức độ phát triển ở mọi chức năng, do sự vận dụng nhiều ít và thời gian hoạt động dài hay ngắn.

Những chức năng của Trí bao gồm (quan sát, nhớ, suy nghĩ, thông minh) liên quan đến tỷ lệ mâu nhiệm trong sự Sáng từ ít đến nhiều là:

Chức năng của Trí	Quan sát	Nhớ	Suy nghĩ	Thông minh
Tỷ lệ mâu nhiệm trong sự Sáng	Rất ít	ít	Nhiều	Rất nhiều

Tỷ lệ mâu nhiệm trong sự Sáng (thể Sáng) của Trí thông minh rất nhiều, nhưng sự hiểu biết của con người từ Trí, dù có cao, có nhiều đến đâu cũng còn giới hạn. Chúng liên quan nhiều đến địa cầu, và phần ít đến vũ trụ.

Sự hiểu biết của con người từ Tuệ, là sự hiểu biết đầy đủ xuất nguồn từ Nguyên Lý, liên quan đến cả vũ trụ.

Nó khác xa với sự hiểu biết của Trí được tích lũy nhiều đời, thật ra chẳng được bao nhiêu.

Với khoa học tự nhiên, hữu hình, khoa học gia vận dụng Trí, chỉ tìm được sự kỳ diệu trong sự phức hợp của tạo vật hữu hình. Còn đạo gia dùng Tuệ, khám phá ra sự mâu nhiệm trong cái Lý.

Nhưng cái Lý chẳng phải tự có được. Nó được tạo ra bởi Đấng tạo hóa, trong đó có sự mẫu nhiệm và sự sáng tạo.

Hay là:

Đấng tạo hóa → sáng tạo → mẫu nhiệm → Lý

Tìm sự mẫu nhiệm, Trí quan sát phải hướng vào trong. Càng sâu vào trong, sự thông minh càng tiến hóa, nhưng chưa hẳn là sự hiểu biết tuyệt đối.

Sự hiểu biết tuyệt đối không cần đến một phương tiện nhân tạo nào nữa, đó mới thật là sự hiểu biết tuyệt đối.

Chỉ ở Tuệ (siêu siêu Trí) mới có sự hiểu biết này. Vì thế, con người dùng Tuệ để tìm hiểu đại vũ trụ từ tiêu vũ trụ. Đó là tìm hiểu sự cấu trúc của đại vũ trụ vậy.

Đây là phương pháp của các vị đại giáo, không dùng phương tiện nhân tạo, như các khoa học gia, để thâm nhập vào đại vũ trụ trong chính mình bằng Tuệ (bằng cái thấy của Tuệ nhãn, hiểu tức thì).

Nó là một thực thể cũng là một phương tiện có khả năng bao trùm cả ba thế giới, đồng thời hòa nhập vào Nguyên Lý để làm cho con người đạt đến mức Toàn Kiến, Toàn Trí, Toàn Giác và Toàn Năng (1), mà tất cả những phương tiện nhân tạo từ trước đến nay không thể có được những khả năng đó.

1. Những bộ phận vô hình và mẫu nhiệm hướng dẫn những bộ phận thuộc về phàm tâm

Khi Tuệ của con người giác ngộ được Nguyên Lý của vũ trụ và hơn nữa, khi Tuệ cảm ứng được với Thiên Tuệ, lúc đó con người cảm nhận được sự hiện hữu của Thiên Tánh, Thiên Tuệ luôn sinh động trong những bộ phận vô hình và mẫu nhiệm (như Lương Tâm, Tuệ, linh hồn v.v...).

Ở mức tiến hóa thấp, như Lương Tâm hướng dẫn tâm hồn (Tâm + Trí) bằng cách Phán xét, Thương, Phật.

Hay là, những bộ phận vô hình và mẫu nhiệm hướng dẫn những bộ phận thuộc về con người xã hội trong phương diện Đạo Lý để hướng thiện con người trong sự tiến hóa.

Từ sự cảm nghiệm và vận dụng được những bộ phận vô hình và mẫu nhiệm, ta hiểu được những gì được tạo nên từ sự xúc tác của Thiên Tuệ đều sinh động mãi mãi. Và trong đó, có sự mẫu nhiệm, linh thiêng và kỳ diệu như Thiên Lý, Thiên Cơ và Thiên Năng. Sau đó đến các tạo vật, sinh linh... với những bộ phận vô hình, mẫu nhiệm, rồi đến cả Dương và Âm của sự Sáng, huyền lực của Điện, thần lực của Khí v.v...

(1) Khi Tuệ hoạt động, trong đó có tất cả huyền năng, huyền lực, thần lực trong ba thế giới. Và tất cả ba loại lực đó hòa nhập với 3 loại lực của ba thế giới bên ngoài, nhưng nó không phải là nguồn gốc sinh hóa nguyên thủy của nguyên năng.

(Với thể giới hữu hình, sự di truyền của tạo vật biểu lộ sự sinh động mãi qua sự xúc tác của Thiên Tuệ.

Sự di truyền của tạo vật, của loài người là dấu hiệu của sự sinh động mãi mãi qua sự sinh sản.

Còn tạo vật do con người làm từ những tạo vật đã sẵn có, chúng không có tính cách di truyền từ tạo vật này sang tạo vật khác.

Nếu có thì đó là nguyên liệu của Thiên Năng, tạo vật đó sẽ không bao giờ có nhân tính, Lương Tâm; thú tính sẽ trội vượt hơn nhân tính, khó giáo hóa).

2. Những bộ phận vô hình và mẫu nhiệm của con người liên quan đến Thiên Cơ, Thiên Lý

Việc làm của con người không thể toàn hảo, luôn có sai lầm. Nếu có Thiên Lý sinh động trong tâm hồn, con người sẽ không sai lầm.

Thiên Cơ chuyển động trong sự toàn hảo, nhờ vào sự sinh động vô hình của Thiên Lý trong nó.

Sự chuyển động không biết đã bắt đầu từ bao giờ, vậy mà chẳng có sai lầm, chẳng có một sự cố nào xảy đến.

Nếu con người có Thiên Lý sinh động trong tâm hồn thì mọi sinh hoạt, tư tưởng... cũng chẳng sai lầm.

Đối với con người, những sinh động hữu hình, siêu hình, vô hình trong vũ trụ liên quan đến đời sống. Trong số những sinh động vô hình có cả Thiên Lý nữa, thử tìm hiểu xem, có gì sai trong Thiên Lý không?

- Thiên Lý là một động lực vô hình, từ đó sinh ra Thiên Cơ, Thiên Năng. Thiên Cơ có Vận, Thiên Năng có tăng, có giảm để biến đổi, để tiến hóa.

Nếu Thiên Lý có sai lầm thì “Vận” trong Thiên Cơ ắt đảo lộn; sự tăng, giảm trong Thiên Năng phải rất bất thường.

Tính cách đảo lộn, và bất thường biểu lộ sự sai lầm của Thiên Lý.

Nhưng nếu Vận không có sự đảo lộn, Thiên Năng không có những thay đổi, biến đổi bất thường thì sự chuyển động đều của Vận và sự biến đổi điều hòa và bình thường của Thiên Năng chứng tỏ sự sinh động vô hình của Thiên Lý luôn luôn toàn hảo.

Thiên Lý mãi mãi sinh động trong sự toàn hảo, vậy thì những Lý từ Thiên Lý sinh ra, như Đạo lý, Chơn lý, Thuận Lý cũng luôn luôn sinh động trong sự toàn hảo, và không có sự sai lầm trong đó.

Nếu đời sống con người xuất nguồn từ Đạo lý, Chơn lý và Thuận Lý, thì mọi sinh hoạt bằng tư tưởng, lời nói, việc làm... chẳng bao giờ phạm sai lầm. Trái lại, mọi sinh hoạt đều Tốt, Đúng, Phải, Hay, Đẹp, An, Vui.

Tất cả những điều này là những nhân tố của hạnh phúc của con người thế gian.

Bản ngã cá nhân càng to thì tính cách chủ quan của người đó càng lớn. Nó

đưa cá nhân này ra khỏi sự đồng nhất trong tính cách khách quan.

Hầu hết những người này “đánh giá cao các chi tiết”, hơn là “nhận ra giá trị thật của sự toàn diện”.

Hạnh phúc con người thế gian cũng vậy, chẳng cần đánh giá mỗi sinh hoạt, chỉ cần ứng xử Đạo lý, Chơn lý hay Thuận Lý vào sự việc, đúng lúc, đúng nơi... thì hạnh phúc đó mới thật sự đạt được giá trị của sự toàn diện liên quan đến sự màu nhiệm.

3. Hoạt động của những bộ phận vô hình

Những bộ phận vô hình, tuy con người không trực tiếp cảm nhận liên tục những hoạt động của nó bằng nhãn quan, nhưng nó liên quan đến nhiều yếu tố. Như sự tiếp diễn của sức sống và sự sống; sự trội vượt của năng lực siêu nhiên bên trong so với lực tự nhiên của Nhục thân bên ngoài; vị trí cao thấp của chức năng của những bộ phận vô hình; những loại tiên cảm; những phức hợp của những thể chính của một số bộ phận vô hình v.v...

Đến nay, đa số người sống chỉ quan tâm đến sự việc trong đời sống hằng ngày. Nhãn quan luôn hướng ra ngoài với sự rung cảm của tâm hồn.

Số ít tìm những hoạt động của những sinh động vô hình ở bên trong như sức sống và sự sống với sự tiếp diễn của chúng, và những nhân tố tạo nên sự phong phú trong đời sống tinh thần và tâm linh.

Ở mức tiến hóa thấp, có người tự hỏi trong đời sống con người, cái gì làm cho sức sống và sự sống tiếp diễn. Và đời sống con người gồm những gì?

- Trên bình diện của đời sống thông thường mà con người dễ nhận, là sự tổng hợp của Thân, Tâm, Trí sinh hóa ra 3 tác nhân (3 nhân tố có khả năng xúc tác): Thân, tâm hồn và linh hồn.

Chúng được xem như gì trong sự so sánh để dễ nhận biết?

- Thân, tâm hồn và linh hồn được xem như: Trái, hột, và sự di truyền của hột (sự tiếp diễn trong sức sống và sự sống trong hột).

Sức sống của tạo vật hay sinh vật liên quan đến thời gian, đến thời hạn của sức sống đó.

Trái: không thể cất giữ được lâu.

Hột: có thể giữ được lâu.

Sức sống trong hột: tiếp diễn để tồn tại sức sống và sự sống trong chức năng di truyền chủng loại.

Với con người cũng vậy, Nhục thân dù cho được nuôi dưỡng, bồi bổ thật tốt, cũng chẳng sống được vài trăm năm, chỉ còn lại tâm hồn và linh hồn sau cái chết của Nhục thân.

Tâm hồn con người được người đời ghi, giữ lại, nhắc nhớ qua các tác phẩm, sự việc còn tồn tại tạo nên công ích cho nhiều người.

Tâm hồn (Tâm, Trí hay tâm trạng và tư tưởng, theo vật lý là Khí và Điện) có sức sống giới hạn sau cái chết của Nhục thân, nó không có sự sống vĩnh cửu.

Chỉ có linh hồn (siêu Tâm, siêu Trí hay là Tuệ, sự Sáng, sự Sống) tự nó có sức sống.

Cho nên, những người am hiểu thời gian sinh động những nhân tố này, họ nuôi dưỡng và quan tâm nhiều đến sự cải thiện tâm hồn hơn là thể xác.

Nếu tâm hồn được cải thiện, tiến hóa (1), thì linh hồn theo đó, được tiến hóa.

Muốn cải thiện và tiến hóa nó đến sự siêu việt là phải quan sát nó không rời từng sát na (đơn vị thời gian nhanh hơn sự nảy sinh của một tư tưởng).

Hai bộ phận vô hình (tâm hồn và linh hồn) là những thực thể, hay là những năng lượng tạo nên chúng.

Những “thể” chính hình thành tâm hồn là:

Khí }
Điện } → tâm hồn

Hai thể này liên quan đến sinh hoạt của đời sống là:

Tình cảm (Khí) }
Tư tưởng (Điện) } → tâm hồn

Linh hồn là một thực thể tiến hóa hơn tâm hồn, dù nó được “sinh hóa từ tâm hồn” (2). Nhưng “thể” chính hình thành linh hồn có năng lực mạnh hơn.

Điện }
Sự Sáng } → linh hồn

Sinh hoạt liên quan đến hai năng lượng này là:

- Đức tính (hoặc Ác đức tính) }
- Tư tưởng } → linh hồn
- Trí khôn sinh hóa ra tư tưởng lành, dữ }

Nhờ ở hai bộ phận vô hình này, sự giao tiếp giữa người và người, và với sinh

(1)Chơn lý: mục tiêu của nó là nhắm vào sự cải thiện tâm hồn và linh hồn. Nhưng theo từng giai đoạn, dùng Luân Lý để chế ngự thú tánh trong con người, sau đó dùng Chơn lý để mở rộng nhân tánh hẹp hòi, ích kỷ của cá nhân để vào vũ trụ Tánh (thánh thiện hóa).

(2)Loài thú không có linh hồn vì chúng không có tâm hồn (không có tình cảm và tư tưởng). Do đó, chúng không thể tạo thêm năng lượng cho vũ trụ, dù chúng đang sống.

linh mới thực hiện được. Và cái quý nhất trong giao tế là sự thông cảm của tâm hồn, hay là sự thông cảm của tình cảm và tư tưởng giữa con người, nhưng quý trọng nhau, do đức tính và tư tưởng cao siêu.

Sự cao thượng, siêu việt đưa con người lên một đẳng cấp cao.

Tâm hồn vượt qua thú tánh, nhờ linh hồn con người vượt qua nhân tánh.

Có đức tin, linh hồn có thể được mạc khải – một loại “ơn như không” giúp con người vượt qua sự tiến hóa tự động của luật sinh hóa và chuyển hóa.

Trong xã hội, có nhiều tầng lớp, đẳng cấp... được đánh giá, sắp xếp theo sự thành đạt, may mắn, kiến thức, tài năng, nhưng trong bản thân của mỗi cá nhân, đẳng cấp cũng có, tuy nhiên, nó được coi như sự tiến hóa căn cứ trên những sinh hoạt, sinh động bên trong.

Đẳng cấp này dựa trên những yếu tố liên quan sinh động.

NHÂN	TÁNH	BỘ PHẬN	SỰ SINH ĐỘNG
Thú nhân	Thú tánh	Thân thể	Cảm giác
Phàm nhân	Nhân tánh	Tâm hồn	Tình cảm
Siêu linh	Siêu linh tánh	Linh hồn	Đức tính (Ác đức tính)
Siêu siêu linh	Thiên tánh	Linh hồn	Đạo tính

Sự sinh động bên trong Nhục thân thuộc loại sinh hoạt siêu hình và vô hình mà các loài cầm thú không có được.

Nhưng tại sao loài cầm thú không chiêm bao, không có mộng (linh kiến)?

- Vì chúng không có sự rung động của tâm hồn, linh hồn, mà chỉ có con người có. Đó là phương tiện đưa sự hiểu biết của con người vào thế giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Chiêm bao: là sự tỉnh thức của tâm hồn (Tâm, Trí) trong khi Nhục thân ngủ. Sự tỉnh thức của tâm hồn liên quan đến Khí thân. Do đó, trong chiêm bao có sự sinh hoạt của Khí thân. Linh hồn tỉnh thức nhưng chưa tách khỏi tâm hồn.

Nhờ vào đó, Trí khôn con người biết được tình trạng yếu, mạnh của khí, huyết, của ngũ tạng, lục phủ (các cơ quan nội tạng).

Tình trạng thịnh suy (1) của khí, huyết ở nội tạng được biểu lộ trong các

(1) *Chiêm bao là Khí thân hoạt động trong khi Nhục thân ngủ.*

Khí thân mạnh, lực vô hình trong Khí thân mạnh. “Lực vô hình của Khí” trong Khí thân là “Vía”, của Huyết trong Nhục thân là Thần.

Vía mạnh: Trong chiêm bao, Khí thân bay bổng; Nếu có siêu Trí điều khiển, Khí thân biến hóa ra to, nhỏ, tùy theo siêu Ý.

Thần mạnh: Khí thân đánh đuổi được Khí thân khác.

cảnh và tâm trạng, trạng thái liên quan đến nội tạng.

Linh kiến: là linh hồn hoạt động trong thể giới siêu nhiên, do sinh hoạt của Điện thân. Trong sinh hoạt đó, có sự can dự của Điện thân với huyền lực, và có luôn sự can dự của siêu Trí trong mọi hoạt động.

Lúc tỉnh thức, Nhục thân cảm thấy khỏe mạnh (khí, huyết đều mạnh), tức là khi linh hồn hoạt động, thì khí, huyết đều mạnh.

So sánh giữa chiêm bao và linh kiến (mộng): “chiêm bao là thân thể ngủ, linh hồn tỉnh thức, làm tỉnh thức luôn tâm hồn, Khí thân hoạt động trong cảnh của giấc mơ (chiêm bao).

Còn “mộng, hay linh kiến”: thân thể ngủ, linh hồn hoạt động, có siêu Tâm rung động, siêu Trí suy nghĩ. Điện thân hoạt động, ảnh hưởng đến Nhục thân, cho nên Khí, Huyết đều mạnh.

“Mộng, linh kiến, chiêm bao”, dù thuộc siêu hình cũng chỉ là những sinh hoạt ở đầu, ở não bộ, ngay cả những bộ phận vô hình liên quan đến những sinh hoạt đó, là tâm hồn và linh hồn.

Mỗi bộ phận vô hình trong con người đều có một phương tiện để mở, để tiến hóa.

Như linh hồn là một bộ phận màu nhiệm, vô hình. Và phương tiện để vào linh hồn, là mộng, linh kiến.

Nhờ những phương tiện đó, con người biết có linh hồn và dùng được linh hồn, như các nhà nghệ thuật biết đặt tâm hồn vào sự sáng tạo vậy.

4. Những bộ phận vô hình liên quan đến luật sinh hóa và chuyển hóa, đến giá trị tinh thần, tâm linh

Với con người,

Sinh hóa: từ trong sinh hóa ra ngoài. Từ Trí sinh ra Tâm và Thân, tức là tư tưởng sinh ra đức tính, tình cảm và cảm giác.

Chuyển hóa: từ ngoài chuyển vào trong. Từ cảm giác sinh ra tình cảm, rồi tư tưởng.

Chuyển hóa làm cho lực tăng lên. Từ ngoài vào trong, lực càng mạnh hơn. Lực bên trong sâu, mạnh hơn ngoài, nó có ưu thế hơn.

Có ưu thế hơn, lực mạnh điều khiển được lực yếu hơn.

Lực liên quan đến bộ phận nào, bộ phận đó điều khiển và kiểm soát được những bộ phận yếu hơn.

Như Thân yếu hơn Tâm; Tâm yếu hơn Trí. Tâm hồn không mạnh bằng linh hồn..., vì vậy cái mạnh, cực mạnh làm chủ được cái yếu.

Thí dụ: Trí mạnh hơn Thân, nên Trí sai khiến thân thể phải làm theo.

Linh hồn sạch, mạnh... có khả năng thay đổi được bản chất, bản tính và tính năng của những thể nhẹ hơn.

Trong con người, vị trí cao thấp và những chức năng của những bộ phận vô hình và các tạng... liên quan đến giá trị tinh thần, tâm linh, đến sự cao thượng, thấp hèn của con người.

Về tinh thần:

- Đức tính thì cao thượng. “Đức”, vì nó thuộc về đầu, não.
- Tình cảm nhẹ nhàng như vui, mừng, yêu... thì dễ mến. Những tình cảm này là gốc của “Phước”, sinh động ở thượng tiêu.
- Tình cảm nặng nề (giận, hận, thù, lo sợ...) sinh ra sự khó chịu, gốc của “Họa”. Nó thuộc về trung tiêu và hạ tiêu.

Về tâm lý và sinh lý:

Đức tính không có sự phản ứng của tâm trạng, tình cảm, không làm ngũ tạng dao động về khí.

Con người sinh hoạt bằng đức tính (1), là sinh hoạt bằng đầu, não, bằng sự bền bỉ của hệ thần kinh. Nghĩa là, khi đức tính hoạt động. Tâm không bị dao động, ngũ tạng điều hòa.

Sinh hoạt từ đầu não của những bộ phận vô hình mở rộng sự tiếp xúc của con người, và luôn cả sinh linh nữa.

Con người tiếp xúc với nhau bằng ngôn từ (bằng thanh), nhưng không thể tiếp xúc với sinh linh (sống bằng Khí thân, Điện thân, Quang thân) với phương tiện này, chỉ có thể tiếp xúc bằng tiếng nói của tư tưởng (bằng Âm) của linh hồn trong các loại thân nhẹ.

5. Hiệu quả của những bộ phận vô hình trong các loại thân nhẹ

Những hiện tượng đưa con người vào những cảnh giới siêu nhiên như chiêm bao, mộng, linh kiến v.v... tạo nên một cuộc sống siêu thực của Khí thân, Điện thân hoạt động và sinh hoạt trong khi Nhục thân ngủ, nghỉ.

Hay là, khi nào Nhục thân không còn cảm giác, thọ cảm (chết, ngủ, nghỉ, chụp thuốc mê để giải phẫu...) thì Khí thân hoạt động.

Người muốn Khí thân hoạt động, như chiêm bao theo ý muốn, thì trong sinh hoạt lúc tỉnh thức, không để cho Khí thân bị rung động bằng tình cảm, cảm giác, để chúng tạo thành ký ức, hay là làm cho khí không thể kết hình thành một màng khí mang dáng vóc của Nhục thân.

Hơn nữa, ngũ khí trong các tạng không dao động mạnh, Khí thân mới đầy đủ lực toát ra khỏi Nhục thân, tức là khí lực của Khí thân mạnh hơn lực của không

(1) Đức tính là một trong những yếu tố do tình thương tạo nên.

Con người thực thì lòng yêu thương, lòng thương xót hóa giải được mọi phản ứng tâm lý. Đây là một phương thức hữu hiệu làm tăng lực cho Điện thân, đồng thời cũng lành mạnh hóa luôn Nhục thân và Khí thân. Đạo lý này là một phương thuốc siêu nhiên giúp cho con người sống khỏe mà không cần đến thuốc.

khí bên ngoài Nhục thân.

Chỉ có siêu Ý mới điều khiển Khí thân được.

Khí thân mạnh, nó cực nhẹ. Khí thân cực nhẹ mới bay cao được. Và chỉ có “Khí thân Dương” mới bốc lên cao và bay được, vì khí Dương trong Khí thân bằng với khí Dương của tầng bình lưu (Stratosphere) trong bầu khí quyển. Vì vậy, lực trong tầng bình lưu rút “Khí thân Dương lên cao được do sự đồng bản chất, bản tính và tính năng”.

Hiện tượng siêu nhiên của Điện thân trong sinh hoạt khi Nhục thân ngủ, nghỉ... là mộng và linh kiến.

Đó là một cuộc sống khác của Điện thân hoạt động, trong khi Nhục thân, và Khí thân ngủ, nghỉ.

Hay là, khi nào Nhục thân không còn cảm giác, Khí thân trong Nhục thân không còn tình cảm dao động nữa, hoặc Khí và Huyết không bị dao động do ý nữa, thì Điện thân hoạt động và tách ra khỏi Nhục thân và Khí thân (1).

Điện thân, khi đủ sức tách ra khỏi Nhục thân, Khí thân, có thể chuyển động xuyên qua khí quyển, mà người đời gọi là phép lạ.

Sự tách ra này có hai trạng thái: tự động và chủ động.

Tự động: ngủ có mộng, có siêu kiến, là Điện thân hoạt động trong khi Nhục thân ngủ.

Chủ động: trong trung định, Điện thân đủ sức ra vào Nhục thân do siêu Ý điều khiển.

Nếu trạng thái này được siêu Ý điều khiển quen thuộc thì môn phân thân được tạo nên.

Những hiện tượng siêu nhiên xảy ra trong dạng chiêm bao, mộng, siêu kiến cũng là một loại tiên cảm, linh cảm. Và chúng có thể hiện thực được khi con người tỉnh thức.

Về phương diện sinh lý cũng như vật lý, các loại tiên cảm, linh cảm này xảy ra do sự ngưng đọng của cảm giác, tình cảm và tư tưởng của bản ngã..., chính trên màn ảnh trong não bộ xuất hiện những hình ảnh siêu nhiên và tự nhiên của sự kiện, sự việc sẽ xảy ra trong tương lai.

Như vậy, loại tiên cảm, linh cảm này cũng có thể hiện thực ngay trong ban ngày, nếu trạng thái vật lý và sinh lý cũng giống như lúc ngủ.

(1) Hiện tượng siêu nhiên của một loại thân nhẹ mang dáng vóc của Nhục thân xuyên qua vật chất tự nhiên là một thực tế do “siêu Ý” hay do “siêu siêu Ý” điều khiển Điện thân hay Quang thân trong hoạt động.

Hai loại thân cực nhẹ này không bị hấp lực của khí, nên nó có thể chuyển động xuyên qua Khí, Thủy và vật chất.

Hiệu quả của những bộ phận vô hình là tạo thêm năng lực cho chính nó.

“Sự linh cảm và tiên cảm” (1) có tính linh thiêng. “Linh thiêng là một hiện tượng vật lý siêu nhiên” xảy ra ở bộ não con người.

Sự cảm biết này do ở sự châu biến của nhân điện khi cường lực của nó sinh động riêng rẽ, không còn dính dáng đến Nhục thân nữa, tức là khi Nhục thân và ngũ tạng không còn cảm giác, tình cảm nổi lên.

Nói cách khác, “Thân và Tâm” không chi phối sự sinh động của nhân điện, ngay cả đến ký ức về cảm giác và tình cảm cũng không được tái hiện, lúc đó con người linh cảm.

Trong thực tế, sự linh thiêng và sự linh cảm là một trạng thái có qui luật vật lý, nếu con người rõ được qui luật đó, họ có thể làm tăng mức linh thiêng và linh cảm.

Chúng liên quan đến sự châu biến của điện và sự quang tỏa của thể Sáng, mà hai bộ phận liên quan là Tâm và Trí.

Nếu Tâm và Trí được chơn không hóa (hay là Hư vô hóa) thì “sự sinh động thuần túy của nhân điện và sự Sáng” trong đầu não làm tăng dần huyền lực và huyền năng của chúng.

Cường độ này tăng dần, nó vượt quá nhu cầu của Nhục thân và tỏa ra bên ngoài (như cường lực của điện năng quá cường thể của nó thì nó tạo ra từ trường).

Sức châu biến của lực này đến đâu thì sự linh thiêng và tiên cảm cũng tỏa ra đến đó. Và “mức thu và phát đồng bộ” của chúng cũng ở đó.

Như vậy, con người có hai bộ phận để tạo thêm năng lực, năng lượng cho vũ trụ là Tâm và Trí, sau khi hai bộ phận này thu năng lực của vũ trụ vào.

Khi Tâm và Trí được tạo nên, hay là khi chúng có sự sống rồi, thì sự sinh động của chúng tạo thêm năng lực, năng lượng cho cả vũ trụ.

Năng lực tự tạo này phải xảy ra trong trạng thái chơn không của chúng.

(Sự sinh động của Tâm và Trí trong “trạng thái Tĩnh”, sự sống tăng; trong “trạng thái Động”, sức sống tăng).

(1) *Linh cảm*: là trạng thái siêu thoát của Tâm, Trí (tâm hồn) cảm ứng được những hiện tượng trong thế giới siêu nhiên qua cõi giới siêu nhiên của tiểu vũ trụ.

Người thường, sống bằng tình cảm, nhưng siêu nhân, thì bằng sự linh cảm và mẫu nhiệm.

NĂNG LỰC TRONG SINH HOẠT, HÀNH ĐỘNG

Sinh hoạt là một động lực, một sức sống trong con người. Nói cách khác, nó là một năng lực, năng lượng.

Và mọi năng lực, năng lượng đều có sự sinh động bên trong.

Sự sinh động này không phải tự có (tự hữu), nó do từ một nguyên nhân, hay từ một năng lực xúc tác, một năng lực khơi động.

Trong con người, sự tác động này gồm có sự khơi động “tự động hay chủ động”.

Như vậy, sự khơi động tự động hay chủ động khởi sinh từ một nguyên nhân, hay từ một nguyên động lực:

Nguyên nhân hay nguyên động lực → sinh động → sinh hoạt

Tóm lại:

“Mọi sinh động có tính cách sinh hóa trong vũ trụ đều có từ một nguyên lực, đó là sự Sáng.”

Trong con người cũng vậy, mọi sinh hoạt của Thân, Tâm, Trí đều xuất nguồn từ một nguyên lực. Đó là sự Sáng của Trí trong não bộ.

Tức là, “Trí ở não bộ là nguyên nhân khơi động và khơi động” (xúc tác) của mọi sinh hoạt và hành động.

Có gì trong hành động?

- Hành động (gồm có việc làm, lời nói) trong đó đã sẵn có tư tưởng rồi.

Tư tưởng đó, có thể do Trí, Tâm, Lương Tâm, do tánh hồn nhiên mà phát sinh. Hay là do bản ngã cá nhân, của loài người, hoặc do chơn Ngã mà ra.

Trong bốn bộ phận vô hình này, sinh động các tính Thiện, Ác, Độc, Hung dữ... và các Lý (Thuận Lý, Chơn lý, Đạo lý). Và từ sự sinh động của các Lý, các tính đó tạo nên đặc thù của tư tưởng biến thành hành động.

Từ hiệu quả, hiện tượng, hiện thực của hành động, mà Trí khôn con người nhận ra được cường độ của tính bên trong, và cả các Lý nữa.

Khi các Lý, các tính đã sinh động rồi, chúng sẽ tiếp tục sinh động, dù cho Nhục thân trải qua các trạng thái ngủ, chết, hay tỉnh thức.

Nếu nó tiếp tục sinh động sau khi Nhục thân tan rã thì nó là năng lực, năng lượng của vũ trụ.

Năng lượng loại nào cảm ứng theo loại đó và hòa nhập vào cùng loại. Từ đó sinh ra sự truyền nhiễm tính tốt, xấu cho con người trong dạng Phước, Họa, ô nhiễm trong Tâm, Trí..., mà con người chưa tìm ra hoặc không tìm ra được nguyên nhân sinh động của những năng lực, năng lượng vô hình này.

1. Sức mạnh của tư tưởng

Sức mạnh tư tưởng cũng là sức mạnh vật lý, vì tư tưởng là Điện sinh hóa ra từ sự Sáng.

Đức tin sinh ra sự mầu nhiệm (của việc lạ thường) cũng là sức mạnh vật lý. Nó không thuộc về sức mạnh của Khí, Huyết ở cơ bắp của Nhục thân, nên con người gọi là sức mạnh tâm linh ở não bộ.

Sức mạnh tư tưởng tập trung đến mức độ hiện thực được thì sức mạnh đó là sự sinh động của Điện và sự Sáng.

Chúng có năng lực trên Khí, Huyết và không bị ngăn ngại, hoặc bị ảnh hưởng bởi Khí, Thủy. (Vì vậy phạm nhân phải sáng tạo ra những phương tiện để di chuyển, vì họ chưa đủ sức tập trung sức mạnh của tư tưởng để hiện thực).

Sự hiện thực của sức mạnh của tư tưởng là một hiện tượng vật lý siêu nhiên.

Sức mạnh này ở vào mức độ cao nhất để có thể hiện thực, hầu hết là tư tưởng đầu tiên của trạng thái chơn không.

Trạng thái chơn không ở mức tối đa thuộc Vô ngã, chơn Ngã là:

Sau khi thiền định, sau khi ngủ đầy đủ (Trí cực sáng) trong đại định, trong lúc “linh thao”, “tọa vong”, “cầu nguyện bằng linh hồn” v.v... (những phương pháp, phương thức áp dụng khi không còn bản ngã hoạt động).

Sức mạnh tư tưởng của Trí khác với sức mạnh của siêu Trí.

Tư tưởng xuất nguồn từ siêu Trí có một năng lực mạnh, siêu nhiên (1).

Năng lực này làm chuyển động năng lực cốt lõi của nhiều lực bao quanh sinh động bên ngoài (cũng như hạt nhân là năng lực cốt lõi của nhiều chất khác, hay năng lực yếu hơn nó, bao quanh sinh động bên ngoài).

a. Siêu Ý hiện thực

Khi sự Sáng và Điện trong các hệ thống tụ về não thì cõi giới tự nhiên đóng lại, và cõi giới siêu nhiên mở ra với tất cả những gì liên quan, như Điện thân, siêu Tâm, siêu Trí v.v...

Trong trạng thái đó, sự Sáng mới có thể xúc tác được Điện để hiện thực theo siêu Ý (2).

Trước khi ngủ, nếu có trạng thái này thì khi ngủ sẽ có mộng hay siêu kiến, tức là Điện thân hoạt động được trong thế giới siêu nhiên.

Ban ngày cũng vậy, trong trạng thái này Điện thân vẫn cảm ứng được những hiện tượng siêu nhiên.

(1) Tư tưởng Thiên sinh ra hiện tượng Thiên; Ác sinh ra hiện tượng Ác.

(2) Sự châu biến của nhân điện, chỉ toát ra rất mạnh ở đầu não, khi lực của nó tụ về não, do sự mất cảm giác ở Nhục thân, và không còn tình cảm rung động bằng khí ở ngũ tạng.

Những hiện tượng này mang tính biến đổi.

Trong con người cũng như trong vũ trụ, khi có sự biến đổi về thể trạng vật lý, sự biến đổi cùng lúc tạo nên một thể trạng về tâm lý, tinh thần, và một thể trạng tâm linh tương quan, tương ứng với thể trạng vật lý đang biến đổi.

Thí dụ: Khi những sức sống của Thủy, Khí, Điện trong Nhục thân ngưng chuyển động thì sự Sống (sự Sáng) trong những lực đó tụ lại, và toát ra.

Sự biến đổi về thể trạng tâm lý, là Nhục thân chết lòi cuốn theo sự biến đổi về tinh thần và tâm linh: là sự sống toát ra từ sự chết của Nhục thân.

“Sự toát ra của sự Sáng từ Trí sang Tuệ không gây ra tiếng nổ”. Tức là “sự bức xạ của sự Sáng của Trí để thành Tuệ (sự Sáng nguyên thủy của vũ trụ) không gây ra tiếng nổ”.

“Siêu Ý” hiện thực liên quan đến siêu Trí, linh hồn, nhưng hiệu quả do nơi sức mạnh của những bộ phận vô hình đó.

Sức mạnh của những bộ phận này có không, và nếu có thì chúng biểu lộ như thế nào?

- Cũng như thân thể có sức mạnh, nhưng có lúc, sức yếu. Sức mạnh của những bộ phận vô hình là sức mạnh của những lực vô hình của Điện và sự Sáng.

Người sống, khi Trí cực sáng suốt, sự Sáng và nhân điện cực mạnh, lúc đó những bộ phận đó cũng mạnh.

Biết được điều này, con người có thể cường hóa linh hồn được.

Linh hồn mạnh, sự Hiểu, Biết bén nhạy, tướng mạo nghiêm trang.

Sức mạnh của tư tưởng trong siêu Ý để hiện thực là một hiện tượng vật lý trong bộ phận vô hình, là linh hồn.

Cường độ cao của nó đòi hỏi sự trong sạch trong bộ phận đó, tức là một linh hồn sạch.

Không còn bản ngã, linh hồn trong sạch không còn tình cảm cá nhân. Nếu còn tình cảm thì còn sự vương vấn của tâm hồn.

Trong sạch, vì nó không liên quan đến ngũ tạng, đến sự phát sinh của “ngũ tạng khí”.

Thân → Tâm → Trí



Tâm hồn → Linh hồn

Hiện tượng sinh hóa từ vật hữu hình sang tạo vật vô hình tương tự như củi, lửa; sức nóng không phải là lửa, mà đó là hơi nóng do lửa tạo ra.

Lửa thì còn có khói, nhưng hơi nóng của lửa thì sạch.

Củi	→	→	Lửa	→	→	Hơi nóng
Tình cảm	} →	→	Tâm hồn	→	→	Linh hồn
Tư tưởng						

Hơi nóng nhẹ hơn lửa, nhưng có lực cao hơn lửa; lửa nhẹ hơn củi.

Linh hồn là cái tinh hoa toát ra từ tâm hồn, nhẹ và mạnh hơn tâm hồn, vì không còn tình cảm (không còn sự dao động của Khí), chỉ còn lại lực của Điện và sự Sáng.

Dó đó, sự hiện thực của siêu Ý dễ tạo ra. Nhưng, không phải lúc nào con người cũng có thể dùng siêu Ý, nếu tâm hồn can dự vào sinh hoạt dễ nhận ra trong âm thanh của tiếng nói.

Qua âm thanh, trạng thái của tâm hồn hay linh hồn được bộc lộ ra.

Âm thanh của tâm hồn → {
độc
ác
dữ
hiền
lành

Âm thanh của tâm hồn chứa đựng âm hưởng, tỏa ra từ ngũ tạng khí, từ nhiều đặc tính của tư tưởng xuất hiện trong ý đồ.

Âm thanh của linh hồn không có nhân âm, trong sáng, trong suốt, nhẹ nhàng xoa dịu được tâm hồn của tha nhân, và cảm thông được linh hồn của sinh linh.

Dựa trên những đặc thù này mà các phương pháp giáo hóa tâm hồn và linh hồn con người được tạo ra, như Luân lý, Thuận Lý, Triết lý, Đạo lý..., để rồi trở thành môn Triết học, Đạo học...

Các môn này có mức độ giáo hóa khác nhau:

Tâm hồn thì được “thiện hóa”. Triết lý chỉ thiện hóa tâm hồn bằng những đức tính.

Linh hồn mới “thánh thiện hóa” được, chỉ Đạo lý mới “thánh thiện hóa” linh hồn bằng Đạo tính.

Đạo lý dạy cho con người cách sống, sinh hoạt bằng linh hồn, dạy cho cách cầu nguyện bằng linh hồn để cảm ứng được với các siêu linh. Trước đó, dạy cho cách dùng Lương Tâm để thanh tẩy tâm hồn.

Đạo lý dạy cho con người yêu thương linh hồn của tha nhân.

(Tâm hồn con người yêu thương; sự yêu thương đó còn cần đến hình ảnh,

đối tượng, nhưng “sự yêu thương của linh hồn” không cần đối tượng hữu hình. Lòng yêu thương đó đẩy lên từ sự sinh động vô hình).

b. Sự tiến hóa không chu kỳ trong sự Sáng

Trong thế giới tự nhiên (thế giới hữu hình) định luật “Sinh, Diệt, Sinh” là định luật tiến hóa.

Sự sinh động này đổi mới không ngừng thế giới tự nhiên, mà hiện tượng của nó là sự biến tướng (to, nhỏ), biến thể (nước sang khí, quay đi trở lại), biến thái (nóng, lạnh, ẩm, mát v.v...).

“Sinh, Diệt” là sự tiến hóa trong chu kỳ, tức là sự tiến hóa còn có chu kỳ, có dịch kỳ, có sự luân phiên.

Sự tiến hóa có chu kỳ tiến dần vào sự tiến hóa của thế giới vô hình – là sự tiến hóa không còn sự luân phiên, không có chu kỳ, không có dịch kỳ.

Do đó, chỉ có Sinh, không Diệt, tức là Sinh và Sinh mãi trong sự hằng sinh động.

Trong con người, những thể, bộ phận nào hoạt động theo chu kỳ, dịch kỳ như Huyết, Khí, Điện đều ở Thân. Hiện tượng Sinh, Diệt tiếp diễn ở Thân.

Ba thể Huyết, Khí, Điện sinh động và hoạt động theo dịch kỳ ở Thân, theo “chu kỳ Sinh, Diệt” và tiếp diễn như vậy.

Còn sự Sáng sinh động trong não bộ không có chu kỳ, không dịch kỳ. Sự sinh động của sự Sáng chỉ “Sinh và Sinh mãi không Diệt”.

Nó tạo ra sự tiến hóa không chu kỳ trong sự Sáng, mà nơi sự sống tiếp diễn là đầu và não bộ - nguồn gốc của những bộ phận vô hình và mẫu nhiệm.

Đầu và não bộ con người trong đó sự sống tiếp diễn tương tự như hột giống, là nơi tạo ra sự di truyền của một loại cây trái.

Đầu: tương tự như hột giống.

Não: được coi như mầm sống và sức sống của hột giống.

Linh hồn: là “sự sống của mầm sống”. “Sự sống tồn tại, còn mầm sống sẽ tan rã”.

Ở con người, sự tiến hóa không chu kỳ trong sự Sáng tiếp diễn luôn cả sức sống nữa, mà chức năng quan trọng của sự tiếp diễn là sự di truyền.

Một cách tổng quát, sự di truyền biểu lộ tính tồn tại của một thể, một vật, một loại, hay là chức năng của một năng lực v.v...

Như sự di truyền của Dương và Âm trong loài người theo hiện tượng “Âm sinh động trong Dương”, và “Dương sinh động trong Âm” (hay là Thiếu Âm sinh động trong Thái Dương, và Thiếu Dương sinh động trong Thái Âm).

Nói rõ ra, con gái được di truyền từ cha, và con trai từ mẹ, với tất cả đặc thù của cha mẹ, của 4 thể linh thiêng do cha mẹ tích lũy được di truyền sang con cái.

Sự di truyền của 4 thể linh thiêng bao gồm những đặc thù của chúng trong

đời sống vật chất, sinh lý, tinh thần, tâm linh (tất cả liên quan đến Thân, Tâm, Trí) của cha mẹ trong cách sống, và trong mỗi thời kỳ khi người mẹ thụ thai, và thai nhi hấp thụ được những loại cảm giác, tình cảm, tư tưởng trong thời kỳ đó.

Sự di truyền của cha mẹ đến các con không giống nhau dù cùng một huyết nhục, nhưng khác nhau ở cảm giác, tính khí, tư tưởng. Những yếu tố này đưa đến sự lựa chọn ngành nghề theo ý riêng, luôn cả Phước, Đức, Hòa trong cuộc sống xảy ra một cách khác biệt.

Ở các loài vật “vô trí”, hoặc “vô trí, vô giác”, sự di truyền không có sự đổi thay ở bản chất, bản tính và tính năng trong môi trường bình thường. Nói cách khác, không có sự tiến hóa trong sự di truyền của những tạo vật không có sự Sáng sinh động một cách chủ động.

Tính chủ động tạo cho sự Sáng sinh động biểu lộ sự tự do, và khả năng tiến hóa thuộc vào ý chí của mỗi cá nhân. Do đó mà mức tiến hóa ở mỗi người không đồng đều, vì sự vận dụng bộ phận vô hình có chức năng tạo thêm sự Sáng, sự sáng suốt cho chính mình không đồng nhất.

Sự tiến hóa của con người dựa trên sự sinh động của sự Sáng của Trí, và sự xúc tác của sự Sáng vào Huyết, Khí, Điện ảnh hưởng đến sinh hoạt, tăng trưởng bản tính của chúng.

Do sự tiến hóa trong di truyền, sự tăng trưởng của bản tính sinh hoạt, vì vậy sự cảm xúc trong cảm giác nhiều hơn, tính khí linh hoạt, tư tưởng nhanh..., đời sống con người trở nên linh động.

Ngày nay, đời sống con người hưởng thụ sự tiến bộ, tiến hóa của những bộ phận vô hình chứa đựng sự Sáng trong chức năng di truyền.

Nhưng sự di truyền không phải lúc nào cũng toàn diện, cũng đầy đủ sự sinh động của bốn thể linh thiêng trong sự di truyền của cha mẹ sang con cái.

Tính cách phiên diện trong sự di truyền cho thấy, cha mẹ là siêu nhân, hay khoa học gia, con cái, không thể do sự di truyền, để tự động trở thành siêu nhân hay khoa học gia được.

Vì trong sự thụ hưởng của cảm giác và tình yêu của bản ngã trong sự di truyền thiếu một yếu tố quan trọng là chức năng Hiểu của Trí khôn, tức là thiếu sự Sáng và sự xúc tác của nó trong sự di truyền.

2. Tâm cơ châu biến năng lực

Tất cả những bộ phận vô hình đều linh thiêng, nhưng tùy theo các thể hình thành mà tâm cơ châu biến khác nhau liên quan đến mức mẫu nhiệm như Tâm, Trí, siêu Trí, Tuệ...

Tâm cơ châu biến của mỗi thể hình thành những bộ phận vô hình thuộc về tốc độ của mỗi thể.

Nhưng trong đời sống thực tế, giá trị về tâm lý, tinh thần mới quan trọng trong sự biểu lộ của một tư tưởng với tính vĩ đại hay nhỏ nhen của nó ở tốc độ phổ biến, và thời gian duy trì của giá trị đó.

Ở con người, tâm cỡ châu biến của năng lực thuộc tình cảm; tư tưởng liên quan đến hai yếu tố không gian và thời gian.

Về giá trị, nếu rõ được tư tưởng của một người là biết được sự vĩ đại hay nhỏ nhen của người đó.

Sự diễn tiến như sau:

- Tư tưởng và cách sống thuộc về Đạo (về vũ trụ).
- Tư tưởng và cuộc sống dành cho lợi ích của nhân loại.
- Tư tưởng và đời sống dành cho dân tộc.
- Tư tưởng và cuộc sống dành cho gia tộc (huyết hệ).
- Tư tưởng và đời sống dành cho bản thân (còn bản ngã).

Tất cả những loại tư tưởng có tâm cỡ châu biến năng lực liên quan đến Trí năng, đến luật “Sinh Diệt”, hay “vô sanh”, biểu hiện tính vô thường hay chơn thường của tạo vật, tạo nên quan niệm: “Những gì có Sinh, có Diệt, dù ngắn ngủi hay có thời hạn dài... đều là vô thường, phải được coi như ảo ảnh”.

“Những gì tự có” (Vô sanh), hay “có Sinh chẳng có Diệt”..., chúng tồn tại, như năng lực nguyên thủy của vũ trụ”.

“Những gì tự có, tự sống, tự sinh động, tự tăng trưởng, và tự tồn tại”.

Sự sinh động này tuyệt đối, nên sự châu biến năng lực của nó có một tốc độ tuyệt đối ở những khoảng cách khác nhau; gần cũng như ở xa, sự châu biến xảy ra cùng một thời gian.

Hiện tượng này được nhận rõ ở con người khi mắt nhìn một vật ngay trước mặt và một tinh tú xa hàng triệu cây số, sự cảm nhận của Trí quan sát có cùng một tốc độ, tức là Trí, quan sát được cùng một thời gian trong hai không gian cách xa nhau, (hay là ở hai điểm không gian cách xa nhau).

Trong con người, bộ phận vô hình nào có đặc tính này?

- Chỉ có sự Sáng của Trí mới có những đặc tính trên. Nó là Trí thông minh của con người. Còn những chức năng khác của Trí là Trí quan sát, Trí nhớ, Trí suy nghĩ... chỉ là những chức năng làm tăng sự Sáng cho Trí.

Những khả năng tạo nên sự Sáng ít hoặc nhiều khác nhau ở mỗi chức năng theo sự sinh hóa của chúng.

Sự sinh hóa tuần tự của chức năng của Trí:

Trí quan sát → Trí nhớ → Trí suy nghĩ → Trí thông minh

Khả năng tạo nên sự Sáng từ ít đến nhiều:

Trí quan sát: ít.

Trí nhớ : khá nhiều.

Trí suy nghĩ: nhiều.

Trí thông minh: chứa đựng sự Sáng của mọi khả năng sáng tạo của chức năng.

Sự sinh hóa tuần tự của chức năng của Trí	Trí quan sát →	Trí Nhớ →	Trí Suy nghĩ →	Trí Thông minh →
Khả năng tạo nên sự Sáng từ ít đến nhiều →	Ít →	Khá nhiều →	Nhiều →	Chứa đựng sự Sáng của mọi khả năng → sáng tạo
Chức năng của các loại Trí	Tạo ra sự Sáng	Tạo ra sự Sáng	Tạo ra sự Sáng	Chứa sự Sáng (sự sống)

(Trong cách sống, luyện, tu, con người chỉ cần biết rõ nơi nào có sự sống sinh động, cứ mãi sinh hoạt và sống nơi đó thì đạt được sự hằng sống).

a. Sự vĩ đại của tiểu vũ trụ trong ý thức

Con người coi đại dương như một cái gì vĩ đại, khủng khiếp, bí hiểm, nhưng sức sống của đại dương ở đâu?

- Sức sống chính của nó là những phân tử nhỏ bé kết thành. Những phân tử đó mới thật sự là đại dương.

Con người đối với vũ trụ cũng vậy, chỉ cần biết và hiểu được những gì kết hợp trong sức sống và sự sống thì chính mình cũng là vũ trụ vậy.

Cho nên đời sống tâm linh không phải nó tạo cho con người một ngôi vị khác thường, dị biệt..., mà chính nó làm cho con người thấy rõ được sự sinh động, chuyển động của Lý, Cơ, Năng, của vũ trụ trong chính mình, tức là qua ý thức của mình vậy.

Cái gì ý thức được những hiện tượng, sự việc trong mỗi cõi giới, thế giới?

- Từ Thân, Tâm, Trí, con người ý thức được những hiện tượng trong thế giới và cõi giới tự nhiên.

- Từ tâm hồn (Tâm, Trí) mỗi người ý thức được những hiện tượng, sự việc bên ngoài và cả những tâm trạng, Trí trạng bên trong, nhưng những điều bên trong còn liên quan đến bên ngoài.

- Các loại thân (Khí thân, Điện thân), siêu Tâm, siêu Trí..., con người ý thức được những hiện tượng trong thế giới siêu nhiên.

- Linh hồn ý thức được những hiện tượng siêu nhiên.

- Từ Tuệ: con người ý thức sự sinh động nguyên thủy của vũ trụ trong sự

Sáng của Tuệ, và sự toàn diện trong vũ trụ.

(Ý thức là một chức năng, nhưng khả năng tùy thuộc vào bộ phận của mỗi loại)

1. Sự vĩ đại trong sự sống

Vũ trụ vĩ đại, nhưng sự sống sinh động trong nó mới tạo nên tính vĩnh cửu của sự vĩ đại. Đó là cường độ của nội lực trong sự sống.

Muốn nhận rõ sự huyền bí này, con người phải khám phá nó ngay trong bản thân.

Lúc Nhục thân còn sống, nội lực sinh động bao nhiêu, khi Nhục thân chết, nội lực vẫn giữ nguyên, và dần dần thoát ra khỏi Nhục thân, hoặc toát ra nhanh (với người tu luyện).

Nói cách khác: “Cường độ của nội lực trong sự sống, chết vẫn giữ nguyên”.

Nói cách khác: “Cường độ trong trạng thái “Động” vẫn giữ nguyên cường độ của nó trong trạng thái “Tĩnh”.

- Như trong đời sống, tình cảm nhiều, Khí lực nhiều (Thần lực nhiều), lúc Thân chết, cường độ khí lực này vẫn giữ nguyên.

- Đức tính nhiều trong sinh hoạt, Điện lực nhiều (huyền lực nhiều), lúc Nhục thân chết, huyền lực này vẫn giữ nguyên.

- Tu luyện, tích lũy nhân điện và sự Sáng ở não bộ nhiều, cường độ của nội lực vẫn giữ nguyên khi Nhục thân chết.

(Cho nên con người muốn có sự sống, phải tích lũy huyền năng, huyền lực khi Thân còn sống bằng những phương pháp tu luyện sự Sáng ở não bộ, hay sinh hoạt bằng đạo tính và đức tính trong đời sống.

Con người, sau khi Thân chết, thành các loại siêu nhân, là do những nội lực thành, còn thân xác tan rã, chỉ là cát bụi).

2. Nội lực và sinh linh

Nội lực là lực thật của Nhục thân gồm nhiều loại (Huyết lực, Khí lực, Điện lực và Quang năng) liên quan đến nhiều loại thân (Thủy thân, Khí thân, Điện thân, Quang thân) sinh động trong Nhục thân, tùy theo sự hình thành của mỗi loại hoạt động trong Nhục thân.

Nội lực tự lại mạnh nhất trong trạng thái Tĩnh. Tức là, trong trạng thái Tĩnh, lực biểu hiện sức mạnh đầy đủ của nó.

Trong cách sống hay tu luyện, “trạng thái chơn không là trạng thái mà lực tự lại mạnh nhất”.

“Thân chơn không”: (ngủ, chết, đại định) thì tinh lực đạt đến độ mạnh nhất của nó.

“Tâm chơn không”: Khí lực, Điện lực ở mức cao nhất. Do đó, tinh lực cũng được mạnh theo.

“Trí chơn không”: Điện lực, sự Sáng đạt đến độ mạnh nhất của nó. Vì vậy, mà Tinh lực, Khí lực cũng được mạnh theo.

Các loại nội lực trong Nhục thân là lực của các loại thân tiềm ẩn sinh động trong Nhục thân (là Thủy thân, Khí thân, Điện thân, Quang thân).

Huyết lực, Khí lực, Điện lực, Quang năng là những lực tương quan sinh động trong Thủy thân, Khí thân, Điện thân, Quang thân.

Những loại thân này, được gọi là sinh linh.

Sinh linh không có Nhục thân, hay trước đây, họ có Nhục thân đã chết, và nội lực toát ra như ma, quỷ, thần v.v...

Làm sao người sống với Nhục thân gặp được sinh linh và tiếp xúc?

- Ma, quỷ, thần v.v... chẳng phải vô hình. Chúng có thân, nhưng khác với Nhục thân con người.

Thân của chúng thuộc: Thủy thân, Khí thân hay Điện thân.

Con người phải dùng những thân cùng loại mới tiếp xúc được với chúng. Hay là “đang sinh hoạt với thân cùng loại mới tiếp xúc được với chúng”.

Ngoại trừ ba loại sinh linh kể trên, những thiên niên kỷ gần đây, Trí khôn loài người tiến bộ, biết dùng lực của vũ trụ sinh động trong những bộ phận vô hình để phát triển.

Các phương pháp tu luyện, phương thức sống Đạo, với những năng lượng của vũ trụ trong Nhục thân, đưa con người đến những ngôi vị cao hơn, là Tiên, Phật, Thánh.

Những bậc siêu nhân này không tự có, mà đó là sự tiến hóa của Trí khôn biết ứng dụng năng lượng trong thời gian sống của mình.

3. Trí: con đường vào vũ trụ, chứa đựng sự sống

Trí là phương tiện đưa sự Hiểu, Biết con người vào Nguyên Lý vũ trụ (Thiên Lý), và nó cũng là sự sống (sự Sáng).

Sự Sáng chứa đựng sự linh thiêng và mầu nhiệm.

Dương và Âm của sự Sáng tiềm ẩn sinh động trong bốn thể làm cho những thể này có sự linh thiêng và mầu nhiệm với tỷ lệ khác nhau.

Hay là, sự linh thiêng và mầu nhiệm sinh động trong các thể (Thủy, Khí, Điện, sự Sáng) do Dương và Âm của sự Sáng tiềm ẩn sinh động trong chúng qua chức năng sinh hóa.

Chức năng sinh hóa của sự sống (sự Sáng) ra những sức sống khác (Điện, Khí, Thủy). Hay là, sự sống (năng lực nguyên thủy, tự có) sinh hóa ra các sức sống. Và mỗi sức sống có tỷ lệ mầu nhiệm và linh thiêng khác nhau, do sự phối hợp và phức hợp của chúng.

Như vậy, ta nhận thấy nguồn gốc sáng tạo là sự Sáng, và những thể được tạo

nên là “thụ tạo từ sự Sáng”, đó là Điện, Khí, Thủy. Hay là, Điện, Khí, Thủy là tạo vật, hay vật thụ tạo của sự Sáng.

Cũng vậy, mọi sức sống được sinh ra từ sự sống là sự thụ tạo của sự sáng tạo.

Nhưng những sức sống, hay vật thụ tạo vẫn sinh động nhờ vào sự sống bên trong chúng, dù mỗi sức sống đều có thời hạn sinh động riêng, ngắn hoặc dài do sức sinh động của chúng.

“Thê sáng tạo từ sự Sáng” tiềm ẩn sinh động trong chúng không mất, nếu các thể thụ tạo bị hủy hoại hay bị cạn kiệt. Có nghĩa là, “sự sống vẫn luôn tồn tại, nếu sức sống không thể hoạt động hay bị tan rã”.

(“Chết rồi sống lại”)

Trường hợp này, Nhục thân chết hay ngưng hoạt động do 3 thể Điện, Khí, Huyết ngưng hoạt động, hay mất sức sống. Nguyên nhân này do một trong ba thể gây ra đưa đến cái chết tạm thời của Nhục thân, đặc biệt là sự đau đớn quá sức chịu đựng.

Các sức sống ngưng hoạt động, nhưng sự sống, sự Sáng ở não bộ vẫn còn sinh động. Nhờ ý chí cực mạnh, muốn sống lại, kích thích lại sức sống. Nhờ đó, sức sống hoạt động lại. “Ý chí” là cường độ của thể Sáng (sự Sáng) khơi động lại các sức sống, tương tự như tia lửa tạo ra đám cháy).

Sức sống hoạt động, bản tính và tính năng của nó cũng tăng lên. Ngược lại, nó tạo thêm năng lực cho sự sống (sự Sáng).

Các sức trong con người là Điện, Khí, Huyết, bản tính của nó là tư tưởng, tình cảm và cảm giác.

Chúng càng sinh động nhiều, tính năng của chúng là Huyền lực, Thần lực, Tinh lực càng tăng lên thì Trí năng là thể Sáng trong não bộ tương quan phát triển, hay là Huyền năng theo đó mà tăng lên.

Trong thực tế, nếu tư tưởng, tình cảm và cảm giác càng hoạt động nhiều, thì Trí khôn con người càng phát triển.

Sự Sáng (thê Sáng) là nội lực của các sức sống, các thể hoạt động trong toàn thân, sinh động ở não bộ. Nói cách khác, là nguồn gốc của nội lực sinh động trong não bộ.

Còn ngũ tạng, lục phủ chứa đựng sự dao động, tăng giảm của sức sống thì ở Nhục thân.

Sự sáng tạo do ở Dương và Âm của sự Sáng sinh động mà có. Bộ phận vận dụng thể Sáng để sáng tạo là Trí.

Nó là con đường đưa con người vào vũ trụ, trở về nguồn năng lượng sáng tạo, “đưa sự sống của vũ trụ có trong con người” hòa nhập vào sự sống của vũ trụ.

Tóm lược về hai vấn đề phát sinh từ sự sống:

- Nhục thân chết, con người có thể sống lại, nếu Trí khôn con người còn hoạt động, và điều khiển được sự Sáng ở não.

- Sự Sáng (sự sống) tạo nên sức sống. Sức sống hoạt động, tạo thêm năng lượng cho sự Sáng (theo qui luật tiến hóa, là sinh hóa và chuyển hóa trong một sức sống có sự sinh động bên trong, là sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ trong một sức sống).

4. Sự toàn hảo trong sự sống sáng tạo

Tương đối và bất toàn ở sức sống và vật thụ tạo.

Tuyệt đối và toàn hảo thuộc về sự sống và sự sáng tạo của sự sống.

Trong Nguyên Lý có sự toàn hảo trong sự sinh động của nó.

Sự sinh động của nó trong sự sáng tạo là “sinh hóa, chuyển hóa đồng bộ” để tiến hóa.

Sự sinh động đồng bộ chỉ có “Sinh, không có Diệt” nên sự sinh động làm tăng mãi sự sống.

Trong con người, sự sống là sự Sáng của Trí. Nếu sự Sáng của Trí sinh động thì Trí năng tăng. Nhưng nếu Trí năng tăng lên trong sự toàn hảo, hay là tiến hóa như vũ trụ thì con người sẽ phải vận dụng những chức năng nào của Trí để có thể “sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ”?

- Hai chức năng của Trí có khả năng này, là Trí suy nghĩ và Trí thông minh.

Trí suy nghĩ:

Suy nghĩ cần có đối tượng để suy nghĩ (đối tượng hữu hình, siêu hình hay vô hình).

Trí sinh hóa ra tư tưởng, đồng thời tư tưởng tăng thêm sự sáng suốt. Hay là, bản thể của Trí là sự Sáng (thể Sáng) sinh động, cùng lúc bản tính của sự Sáng là sự sáng suốt, và bản thể của Trí là sự Sáng tăng lên.

Tóm lại:

“Suy nghĩ” là “vận dụng sự sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ”.

Nhưng “chỉ sự suy nghĩ của Thuần Trí về một đối tượng vô hình” mới tiến hóa con người trong sự toàn hảo.

Trí thông minh:

Chức năng của Trí thông minh là Hiểu. Nó là kết quả của sự quan sát, nhớ và suy nghĩ của Trí.

Khi đã Hiểu rồi, đối tượng của sự suy nghĩ không còn nữa. Nhưng với Trí, Hiểu là một động lực mới, sự sinh động này chưa được sinh động mãi như sự Hiểu của Tuệ.

Sự sinh động của Trí thông minh là “sự Sáng, tự nó sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ” mà không cần đến một đối tượng nào.

Hay là: “bản thể, bản tính và tính năng của sự Sáng của Trí” “tự sinh động đồng bộ” với “sự sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ” cùng với chức năng của vũ trụ.

Đồng bộ cả hai thứ cực to và cực nhỏ là sự hợp nhất.

Hiểu được cơ cấu vô hình của Trí thông minh, con người mới có thể vận dụng nó trong sự tuyệt đối và hoàn hảo.

Do đó, sự toàn hảo, toàn thiện và tuyệt đối mà con người có được chỉ ở Trí thông minh của Thuần Trí (1). Sự sinh động của nó cũng là sự sáng tạo từ Thiên Lý (Nguyên Lý vũ trụ).

Tóm lại:

Trí thông minh đưa con người vào trạng thái Vô ngã, chơn Ngã, kiến tánh (cảm thấy Tánh của vũ trụ sinh động).

Thuần Trí là trạng thái của Trí thuần túy luôn sinh động sự Sáng và sự sáng suốt.

(Vận dụng kiến tánh, chơn Ngã trong mọi sinh hoạt cũng là vận dụng Thuần Trí, sinh động bằng sự Sáng và sự sáng suốt.

Kiến Tánh hay sống bằng chơn Ngã là không còn tâm trạng sinh động, nên vô nhiễm sự việc của thế gian).

Trí thông minh là bộ phận có thể hợp nhất con người với vũ trụ.

Còn Trí suy nghĩ, nhớ, quan sát là những bộ phận thuộc về con người nhiều hơn là vũ trụ.

Mức tiến hóa cuối cùng của Trí, là Hiểu. Hay là, Hiểu là mức tốt cùng của Trí suy nghĩ.

Nhờ suy nghĩ, con người mới Hiểu được. Hiểu được là rõ được cái Lý trong sự việc.

Tóm lại:

“Hiểu là hiệu quả của sự suy nghĩ, cái Lý là mức tốt cùng của chức năng Hiểu”.

Hạnh phúc siêu nhiên mà ít người cảm nhận được là hiệu quả của sự suy nghĩ, nó đưa con người vào sự vô tận, vào đời sống siêu thoát.

Người đã dùng sự sáng suốt của “Trí suy nghĩ” để tìm ra cái Lý tự nhiên, siêu nhiên hay siêu siêu nhiên, dù xuất thế (tu sĩ) hay nhập thế (như người sống Đạo, khoa học gia, các nhà bác học...) đời sống của họ cũng siêu thoát, bởi vì Tâm của họ, lúc đó chẳng vướng bận việc thế gian, phiền não.

Khi sử dụng Trí suy nghĩ, có khi cần đến Trí nhớ, nhưng chỉ những dữ kiện liên quan đến cái Lý đang tìm, hoặc không cần đến những dữ kiện trong Trí nhớ.

Hay là, “*Trí suy nghĩ hoàn toàn tách ra khỏi Tâm khi đi tìm cái Lý*”.

a. Các loại Trí và mức độ sáng suốt

Minh triết: là sáng suốt, thông suốt được cái Lý của sự việc.

(1) Thuần Trí: Trí trong trạng thái thuần túy sinh động bằng sự Sáng đồng bản chất, bản tính và tính năng của năng lượng vũ trụ.

Tâm: thuộc về con người, thuộc về địa cầu.

Sáng suốt và thông suốt là sự linh hoạt của Trí.
Trí có nhiều loại nên sự sáng suốt, linh hoạt cũng có nhiều mức độ.

Trí: suy nghĩ linh hoạt, biện luận phân minh đưa đến sự giải quyết thỏa đáng, là Trí sáng suốt.

Siêu Trí: Linh hoạt hơn về tốc độ Hiểu. Nó rõ được cái Lý của sự việc ở thế giới tự nhiên mà chẳng cần đến sự suy nghĩ, biện luận theo sự kiện, theo dữ kiện được chứa trong bộ nhớ.

Tuệ (siêu siêu Trí): giác ngộ được Thiên Lý, nên thông suốt cả Chơn Lý và Thuận Lý.

Nó vô cùng linh hoạt.
Sự khác biệt giữa Trí và Tuệ như thế nào?

- Trí, từ hiện tượng, sự kiện, dữ kiện... mà suy nghĩ, biện luận... để chứng minh, để tìm ra cái Lý, tức là sự diễn tiến từ ngoài vào trong, từ hiện tượng đi vào cái Lý.

- Tuệ, từ cái Lý mà biết được hiện tượng, sự việc, tức là từ trong đi ra ngoài, từ Lý mà rõ được hiện tượng.

Hiện tượng thì vô số, Lý chỉ có một. Lấy cái vô số mà tìm cái “Một”, rất khó. Nhưng từ cái “Một” mà ra được tất cả, biết, hiểu mọi lẽ, mới tuyệt đối.

b. Sống đúng với mức tiến hóa

Con người phải sống đúng với tiến độ của sự tiến hóa. Bộ phận nào đã được hình thành thì trong thời gian đó, sinh hoạt phải căn cứ trên bộ phận đó.

Thế giới và cõi giới	Tự nhiên	Siêu nhiên	Siêu siêu nhiên
Bộ phận	Thân	Tâm	Trí
Tính chất	Kỳ diệu	Linh thiêng	Mầu nhiệm
Sinh hoạt	Cảm giác	Tình cảm	Tư tưởng liên quan đến Lý
		Đức tính	Đạo tính
Vị trí	Bên ngoài	Bên trong	Tận bên trong

Thí dụ: Khi con người đã có tình cảm, đức tính rồi, không phải sống hoàn toàn bằng tình cảm và đức tính, mà phải tìm ra tính chất siêu nhiên và sự linh thiêng trong chúng, và sinh hoạt bằng sự linh thiêng.

Chính nhờ ở sự linh thiêng trong đức tính, mà thú vật mới sợ con người, và vâng lời. Nếu con người sống hoàn toàn bằng cảm giác, thú tính vẫn còn nhiều

thì thú vật không sợ, vì vậy chúng tấn công hoặc sẽ phản công lại như chó cắn, ác thú, độc thú làm hại...

(Người dạy thú, nhân tính cao, yêu thương chúng nên điều khiển được chúng. Người sống bằng sự thánh thiện, đức tính, đạo tính nhiều mới khuất phục được mãnh thú).

c. Năng lực tự tạo có sự sống vĩnh cửu

Năng lực có sự sống vĩnh cửu là năng lực đó phải tự tạo lấy năng lực cho chính nó và sinh động mãi mãi. Và nó có chức năng sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ trong sự vĩnh cửu.

Trong con người, có một bộ phận có khả năng này, nhưng chưa đạt đến mức hằng sinh động, đó là Trí.

Sự Sáng của Trí là năng lực tự tạo, nhưng nó chưa đạt đến mức vĩnh cửu.

Nó chỉ tự tạo, khi chức năng suy nghĩ hoạt động. Nhưng khi Trí ngưng suy nghĩ thì sự Sáng ngưng tự tạo.

Ở mức này, con người chưa giống với vũ trụ.

Trong vũ trụ, sự sinh hóa và chuyển hóa sinh động mãi mãi, do sự sinh động vô tận của Thiên Lý. Và Thiên Lý động mãi do sự khơi động của Thiên Tuệ.

Tạo vật cao quý nhất trên địa cầu là con người, nhờ vào Trí.

Bộ phận này hoạt động có lúc, vì con người chưa biết nâng cấp cho nó. Lúc tỉnh thức, có lúc Trí hoạt động (quan sát, nhớ, suy nghĩ), có khi Tâm xen vào, ngủ, thì Trí ngưng hoạt động.

Chỉ có sự Sáng của Tuệ mới có sự sinh động tự tạo giống như năng lực của Thiên Lý trong chức năng sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ của sự Sáng nguyên thủy.

d. Trí trong chức năng màu nhiệm

Trí con người được coi như cây cầu nối liền tiểu vũ trụ với đại vũ trụ, mà phương tiện đưa năng lượng tự tạo (sự Sáng) vào vũ trụ là Tuệ.

Tính cách nối liền này tạo cho Trí chức năng sinh hóa và chuyển hóa.

Riêng về sự sinh hóa, con người đã nhận ra được sự màu nhiệm trong sự sinh hóa. Nó biến đổi từ đời sống thấp lên đến cao, từ giới hạn của địa cầu đến sự vô tận của không gian.

Trong sự sinh hóa, từ cực to sinh ra nhỏ, cực nhỏ. Siêu siêu nhiên sinh hóa ra siêu nhiên và tự nhiên, từ vô hình sinh hóa ra siêu hình và hữu hình.

Thế giới siêu siêu nhiên sinh hóa ra thế giới siêu nhiên. Đến lượt thế giới siêu nhiên sinh hóa ra thế giới tự nhiên (đối với loài người, là địa cầu).

Từ địa cầu, vô số sinh linh, sinh vật được sinh hóa.

Với đời sống tâm linh và tinh thần, đạo tính của vũ trụ sinh ra vô cùng đức tính (qua phương tiện dẫn truyền là Trí). Và chỉ cần một đức tính sinh động, vô số Phước tính được sinh ra.

Đối nghịch với Phước là Họa của sinh linh (“Họa” loại này thuộc Thiên tai, không phải Địa ách).

Cái vòng Phước, Họa chỉ sinh động quanh địa cầu, trong bầu khí quyển, quá nhỏ so với vũ trụ.

Phước có nhiều đến bao nhiêu, cũng chỉ quanh quẩn trên địa cầu.

“Phước, Họa” thể hiện ở mức thấp của đời sống con người tiến hóa, là sự Giàu, Nghèo, sự phong phú và thiếu thốn liên quan đến Nhục thân.

Xét kỹ, “Giàu Nghèo” là hai phương diện để tiến hóa con người, trong vô số đường, phương thức khác để con người thăng hoa.

Nó tạo cho con người nhiều đức tính. Và đức tính đổ vào con người là Thiên Ân.

Người khôn ngoan giữ gìn những đức tính đó mà thực hành, sử dụng chúng tùy theo hoàn cảnh..., như nước mưa từ trên đổ xuống, chẳng phải múc, xách..., dùng nó để nuôi thân trong sinh hoạt.

Giàu: Do tài năng, ý chí, nhưng yếu tố chính là sự may mắn, sự dễ dàng, nhẹ nhàng. Trong sự sung mãn của tài sản, giống như nước mưa, đầy rồi thì phải dùng. Và dùng đúng với nhu cầu, không đồ ra, để phí phạm.

May mắn không do tài năng, đó là ơn trên ban cho. Nhận lãnh, phải cảm tạ, và từ đó, người khôn ngoan học được sự ban bố, và thực hành sự chia sẻ cho người khác.

Nghèo: Ôn vật chất chưa được đổ vào do Tâm, Trí chưa được tiến hóa, nhưng có một ơn khác thuộc về tinh thần làm nảy sinh những đức tính, lòng hay thương xót, kiên nhẫn, nhẫn nhục, khiêm tốn... là những cái quý của đời sống tinh thần.

(Giàu, mạnh có thể tránh được Địa ách, nhưng không thoát khỏi Thiên tai.

Đế quốc La Mã hùng mạnh, dân trí thông minh, nhưng không tránh được Thiên tai. Nó làm cho Tâm loạn, Trí mờ. Nguồn gốc của sự sụp đổ phát sinh từ đó. Thiên tai đánh vào Tâm, Trí người.

Có Tài, nhưng hết Đức. Đức hết, không còn sự may mắn để duy trì tài năng, thì điều tệ hại sẽ xảy đến.

Địa ách làm hủy hoại, hư hại Nhục thân, thể hữu hình. Nhưng Thiên tai đánh vào những bộ phận vô hình của con người là Tâm và Trí – là cốt lõi của đời sống của mọi sinh hoạt chính để con người tiến hóa).

e. Trí trong chơn Ngã xuất nguồn từ Lương Tâm

Trạng thái không còn bản ngã là Vô ngã, không còn bản ngã hoạt động, nhưng còn sự sinh động, đó là chơn Ngã trong đó sinh hoạt luôn linh thiêng và mầu nhiệm.

Giữa hai vũ trụ, sự linh thiêng cảm ứng với sự linh thiêng, sự mầu nhiệm cảm ứng với sự mầu nhiệm, trong con người nó ở đâu?

- Sự linh thiêng ở trong bốn thể linh thiêng hay là sự linh thiêng là “sự sống

của thể linh thiêng”.

Còn “sự mẫu nhiệm trong sự sống” là sự sinh động của Thiên Tuệ, Thiên Tánh trong sự sống của 4 thể linh thiêng.

Trong con người, bộ phận linh thiêng (1) là Lương Tâm, trong đó sinh động của Thiên Tuệ, Thiên Tánh, sự mẫu nhiệm.

Lương Tâm con người là nơi tạo nên “chơn Ngã”, mà đời sống của chơn Ngã chỉ toàn là sự linh thiêng và mẫu nhiệm.

Đối với tạo vật, sinh linh..., thì sự linh thiêng và mẫu nhiệm trong Lương Tâm của một chơn nhân là phương tiện dùng để tiến hóa các tạo vật, sinh linh bằng cách Thiện hóa tâm hồn và Thánh thiện hóa linh hồn.

Linh thiêng và mẫu nhiệm là sự sinh động vô hình trong những bộ phận vô hình. Những bộ phận này có trọng lượng hay không?

- Tuy thuộc về vô hình, nhưng chúng cũng có trọng lượng vì sự hình thành của chúng có liên quan đến những thể nặng, nhẹ trong cấu trúc như:

Tâm hồn (Tâm, Trí) nặng nề hơn linh hồn, vì tâm trạng là khí nặng nề sinh động.

Linh hồn nhẹ hơn tâm hồn vì siêu Tâm, siêu Trí (linh hồn) là thể Điện và sự Sáng.

Nhưng linh hồn yếu hơn Lương Tâm, vì chỉ từ sự linh thiêng và mẫu nhiệm của Lương Tâm mà những việc lạ lùng có thể hiện thực được.

Tâm hồn của một bản ngã nhỏ, nhưng cực nặng, Lương Tâm của một chơn Ngã cực to, mà lại cực nhẹ.

Tâm hồn nặng nề (các thể nặng) không thể châu biến xa được. Trái lại, linh hồn, Lương Tâm (các thể cực nhẹ) càng châu biến xa.

Cái cực nhẹ trong Lương Tâm được đem ra ứng dụng trong mọi sự việc của thế gian là cái Lý, hay là sự chơn thật sinh động trong sự việc.

Nói cách khác, khi con người sống bằng cái Lý, sự chơn thật thì người này không còn bản ngã nữa, hay là bản ngã đã tan biến.

Tại sao?

- Vì khi con người rõ được cái Lý của sự việc và sống bằng cái Lý của sự việc trong sinh hoạt..., thì chỉ còn Trí thông minh và Lương Tâm hoạt động. Trong khi đó, Tâm không có Tâm trạng, Thân không có cảm giác sinh động. Do đó, chẳng còn sự hiện hữu của con người thể gian.

Trong trạng thái đó, hay trong sự chơn thật, thì sự Sáng thuần túy của Trí thông minh sinh động với sự linh thiêng và mẫu nhiệm được chứa sẵn trong sự Sáng thuần túy, khi không còn một hình ảnh nào thuộc về tạo vật xuất hiện.

(1) “Linh thiêng”, vì bộ phận này không bao giờ bị ô nhiễm bởi sự việc của thế gian. Hay là, “mọi sự việc của thế gian không thể nào thay đổi được bản chất, bản tính linh thiêng của Lương Tâm được”. Nói tóm lại, “Lương Tâm chẳng bao giờ bị ô nhiễm bởi sự việc của thế gian, của tạo vật”. Ngược lại nó ảnh hưởng đến những bộ phận vô hình của bản ngã.

Ý THỨC

Ý thức không đơn thuần là sự hiểu biết tự mình cảm thấy. Nó là sự diễn tiến qua nhiều giai đoạn, nhưng xảy ra trong một tốc độ cực nhanh từ ngoài vào trong, hay là ngay trong Tâm, Trí, như một trực giác xảy ra trong Tâm hoặc trong Trí mình.

Từ ngoài vào, con người biết được sự cảm nhận của Nhục thân, rồi hiểu được cái biết của sự cảm nhận đó.

“Ý thức” làm cho đời sống con người trở nên phong phú.

Nó giúp cho Trí năng phát triển bất cứ ở trạng thái “động” hay “tĩnh” của một cõi giới nào, ở những hiện tượng, hình ảnh tự nhiên, siêu nhiên hoặc siêu siêu nhiên (hữu hình, siêu hình, vô hình hay siêu siêu nhiên), dù ở sức sống hay ở sự sống, và những sinh hoạt đó liên quan đến Thân, Tâm hoặc liên quan đến Trí.

Như vậy, mọi sinh hoạt đều liên quan đến Trí để phát triển Trí năng, nếu có ý thức đến những sinh hoạt đó. Hay cao hơn và hữu hiệu hơn là con người ý thức được những thể linh thiêng nào trong con người liên quan đến những sinh hoạt đó, như hiệu quả tốt, hay hậu quả xấu hơn, do những sinh hoạt đó tạo nên.

Ở trạng thái nào con người ý thức được?

- Ngủ: con người không ý thức được, vì các chức năng của Tâm, Trí không hoạt động. Và ngủ nhiều, người “mụ” đi. Tức là Trí mê muội, vì Trí không hoạt động, nên các chức năng của Trí kém khả năng. Do đó, sức linh hoạt của Trí kém đi.

Muốn ý thức, con người phải ở vào trạng thái tỉnh thức. Bộ phận quan trọng để ý thức được là Trí, và Trí ý thức được là do sự Sáng (thể Sáng) sinh động.

Sự Sáng sinh động trong trạng thái tỉnh thức của Trí, nó mới tăng thêm năng lực, tăng thêm sự sáng suốt của Trí.

Hay ngược lại, sự sáng suốt của Trí chỉ tăng trong trạng thái tỉnh thức của Trí, khi Trí ý thức được trong khi Nhục thân ngủ có chiêm bao, mộng, thị kiến, hay có những hiện tượng mang tính tiên kiến của Khí thân hay của Điện thân.

Tóm lại, trong trạng thái tỉnh thức, sự Sáng của Trí sinh động để tăng Trí năng nhờ vào ý thức của Trí. Nhưng Trí năng của mỗi loại Trí tăng trưởng không do một điều kiện sinh lý duy nhất. Nghĩa là, mỗi loại Trí (Trí, siêu Trí, Tuệ) sinh động với từng vùng, với các thể linh thiêng khác. Do đó, ý thức của Trí có giới hạn ở một cõi giới, hai, hoặc toàn diện với 3 cõi giới.

Nếu siêu Trí hoạt động, siêu Ý thức làm cho “siêu Trí năng” tăng trưởng, khả năng nhớ cũng tăng lên, vì “siêu Ý thức” làm cho chức năng nhớ của siêu Trí và Trí hoạt động.

Vì vậy, khi siêu Trí hoạt động nhiều, khả năng nhớ của người đó tăng lên rất nhiều. Do đó, người sử dụng siêu Trí sẽ nhớ nhanh và lâu hơn so với khi chỉ có Trí hoạt động. Sự Sáng suốt cũng tăng thêm, vì đó là sự Sáng của hai loại Trí (siêu Trí và Trí) hoạt động.

Nếu siêu siêu Trí (Tuệ) hoạt động thì sự Sáng của Trí đạt đến mức toàn diện của nó. Hay là, sự Sáng của ba loại Trí nhập làm một, tự động sinh động, tự động tăng lực để sống.

Do đó, Trí (Trí, siêu Trí, siêu siêu Trí) luôn luôn trong trạng thái tỉnh thức, dù cho Nhục thân ngủ hay nghỉ.

Sinh hoạt của con người có Tuệ liên quan đến sinh linh, và tạo vật trải qua 3 dạng là “thu, giữ và sử dụng năng lực, năng lượng tuyệt đối”: là sự Sáng. Nhưng thu, giữ và sử dụng sự Sáng phải luôn trong trạng thái tỉnh thức của các loại Trí.

Hay ngược lại, “chỉ luôn ở trong trạng thái tỉnh thức, con người mới thu, giữ và sử dụng được sự Sáng mà thôi”.

A. THU NĂNG LỰC, NĂNG LƯỢNG

Cấu trúc cực tinh vi, kỳ diệu của con người có khả năng thu năng lượng của vũ trụ và đồng thời cũng có khả năng tạo thêm năng lượng cho mình.

Tính chủ động trong sự thu và tự tạo năng lượng, năng lực đòi hỏi hành giả có một sự biết và hiểu sâu sắc về cơ thể, về sinh lý và tâm lý, hay là phải hiểu rõ về những cấu trúc tinh tế của Nhục thân, sinh hoạt của Tâm, và những chức năng của Trí. Nhờ đó, hành giả có thể điều khiển được mọi chức năng theo ý muốn để thoát khỏi ảnh hưởng của Ngũ hành (của Sinh, Diệt) mà thông thường, con người bị lôi cuốn trong sự diễn biến và diễn tiến của nó. Điều này có nghĩa là đời sống con người luôn bị lôi cuốn vào sự tăng, giảm của Thiên Năng và Vận của Thiên Cơ.

Chỉ có một năng lực tuyệt đối, là sự Sáng vượt qua ảnh hưởng của Thiên Cơ và Thiên Năng. Ngược lại, sự Sáng lại ảnh hưởng đến Thiên Cơ và Thiên Năng, vì nó là nguồn gốc nguyên thủy của sự sáng tạo có sức sinh hóa trong các Vận của Thiên Cơ và trong cả sự tăng, giảm của Thiên Năng nữa.

Những bộ phận với những thành tố khác nhau ở những thể linh thiêng hình thành, chúng có khả năng khác nhau trong sự thu hút năng lực, năng lượng của vũ trụ bên ngoài thân qua hai dạng:

- Thu hút năng lực, năng lượng thuần túy, hay là thu hút được tinh hoa của năng lực đó.

- Thu hút năng lực, năng lượng bình thường.

Thí dụ: Huyết và nội lực của Huyết. Năng lực bình thường của Huyết là chất

lông. Nội lực của Huyết không phải là chất lông, lực vô hình này là tinh hoa của Huyết, gọi là Thần.

“Thần” là tinh hoa của Huyết được tạo nên bằng sự kết hợp của thể Khí (thanh khí) và “Huyết, Khí” được xúc tác bằng sự Sáng và Điện (1).

Cường độ của nội lực (hay là tinh hoa của năng lực) so với năng lực bình thường như thế nào?

- Năng lực được hình thành, hay được tạo nên từ một năng lực do sự thặng dư của sức sống của một năng lực. Tinh hoa này có cường độ mạnh hơn năng lực sinh ra nó.

Nó là sự sống của một sức sống.

Cái cốt lõi này mà mạnh thì sức sống cũng mạnh theo. Tức là, nếu sự sống, sự Sáng trong sức sống được cường hóa, thì sức sống cũng được mạnh theo.

Trong cơ thể con người, trừ sự Sáng ra, thì 3 thể linh thiêng là Huyết, Khí, Điện đều sinh ra nội lực. “*Nội lực của các thể có năng lực và cường lực cao hơn những thể linh thiêng trong con người*”.

Ba nội lực, hay bộ phận vô hình của 3 thể linh thiêng kể trên là Thần, Vía và Linh hồn.

Chúng có cường lực cao hơn những thể linh thiêng sinh hóa ra chúng. Vì trong 3 bộ phận vô hình này đều có ít hoặc nhiều sự Sáng sinh động. Nhờ đó, chúng linh thiêng và mẫu nhiệm hơn những thể sinh hóa ra chúng.

Mẫu nhiệm hơn, do chúng có khả năng xúc tác, nhờ đó mà sự việc được hiện thực (2).

Thu hút năng lực, năng lượng một cách bình thường và tự động của Nhục thân trong lúc tỉnh thức, khi Tâm và Trí không hoạt động, và như khi con người đang ngủ.

Trong trạng thái hao hụt năng lượng, sự thu hút năng lượng đều tùy thuộc vào sự thu hút Khí vào.

(1) Trên địa cầu, không một sinh tạo nào có thể tiến hóa nhanh bằng con người, vì con người chủ động tiến hóa. Sự chủ động tiến hóa của con người nhờ vào Trí khôn mà năng lực tuyệt đối, là sự Sáng của Trí.

Cơ thể con người có khả năng tinh chế những lực vô hình, mà vũ trụ không làm được. Vì vậy, con người mới có thể thành Thần, Tiên, Phật, Thánh..., kết quả đều do nội lực – các loại nội lực trong cơ thể định vị cho siêu nhân, không phải ở danh xưng, và cũng không phải do người khác gán cho.

(2) Trong vũ trụ cũng như trong tiểu vũ trụ, những hiện tượng xảy ra mang tính cách hóa chất đều do sự xúc tác của một năng lực cao hơn vào một thể hay một chất có cường độ nhẹ hơn, đều có tính cách vật lý.

Nghĩa là, kết quả của một hiện tượng có tính cách hóa chất đều do nguyên nhân xúc tác có tính cách vật lý. Như, những bệnh trong con người, từ sự biến đổi hóa chất trong tạng, phủ... phần lớn do sự xúc tác của cường độ tâm lý mang tính vật lý.

Và khi nào Khí đã được đầy đủ trong các tế bào thì lực của máu cũng được đầy đủ. Nhờ đó, các bộ phận vô hình liên quan đến Khí, Huyết là Hồn, Vía, Thần được cường hóa trở lại. Nhưng việc thu hút năng lượng để hồi phục nội lực đòi hỏi một thời gian lâu dài.

Sự thu hút năng lực, năng lượng bình thường mang tính cách tự động chỉ có thể được thể hiện qua Nhục thân, đặc biệt là qua sự hô hấp của phổi và da. Tức là, lấy năng lực, năng lượng bình thường để nuôi, bồi bổ cho tinh hoa của hai năng lực đó.

Còn hai năng lực cao hơn, mạnh hơn, đó là Điện và sự Sáng do Tâm và Trí tạo nên.

Hai bộ phận vô hình này không phải tự động mà có được. Nó được tạo thành một cách chủ động trong trạng thái tinh thức của Trí. Khi con người ngủ, hai bộ phận này ngưng hoạt động.

Điện và sự Sáng là hai năng lực cơ bản tạo nên tinh hoa của Khí, Huyết, cũng là nội lực sinh động trong Khí, Huyết. Và từ nội lực đó tạo nên Thần, Hồn, Vía, Linh hồn v.v...

Trong trạng thái tinh thức của Trí, con người chủ động hành động được. Hay ngược lại, muốn chủ động hành động, con người phải tỉnh thức.

Tỉnh thức là trạng thái của Trí đang hoạt động và sinh động với sự Sáng. Hay là, khi sự Sáng đang sinh động thì Trí tỉnh thức, nhưng nếu các chức năng hoạt động thì từ những hoạt động của những chức năng đó tạo thành sinh hoạt. Những sinh hoạt từ những chức năng của Trí là những sinh hoạt cơ bản. Từ đó sinh hóa ra những sinh hoạt phụ thuộc khác liên quan đến Tâm và Thân.

Sự thu hút năng lực và năng lượng của Điện và sự Sáng của vũ trụ vào trong con người phải do Tâm và Trí. Nhưng hai bộ phận vô hình phải hoàn toàn Vô ngã và Trí tỉnh thức với chức năng duy nhất và tuyệt đối tiến hóa của Trí con người là sự Hiếu. Sự Hiếu càng sinh động thì sự Sáng của Trí càng tăng.

Ngược lại, *“sự Sáng của Trí càng tăng” biểu lộ sự thu hút của não những năng lượng từ ngoài vào trong qua chức năng Hiếu.* Thực tế là, cái Hiếu của Trí đang thu hút năng lực.

Nhưng hiệu quả của sự thu hút năng lượng từ chức năng Hiếu của Trí do nơi “ý thức được sự sinh động của Hiếu” (1).

(1) Ý thức sinh ra Trí năng. Ý thức cao nhất trong mọi ý thức là ý thức được sự giác ngộ của Thiên Lý đang sinh động. Đây là siêu siêu Ý thức của Tuệ năng.

Nó làm Tuệ năng tăng, tức là làm tăng thêm sự Sáng của vũ trụ trong não.

B. THU HÚT NĂNG LỰC, NĂNG LƯỢNG BÌNH THƯỜNG

Các thức ăn uống chỉ nuôi dưỡng, bồi bổ phần nào cơ thể, nhưng không hoàn toàn tạo nên tinh hoa của Khí, Huyết hao hụt. Tinh hoa của Khí Huyết hao hụt là nội lực sinh động trong Khí, Huyết.

Chỉ trong trạng thái “*Tâm, Trí đều chơn không*” như lúc con người ngủ ngon, nội lực mới được tăng trưởng đến mức bình thường do hô hấp điều hòa.

Sự điều hòa của hô hấp đưa đến sự điều hòa của nhịp tim.

Nhờ cả hai hệ thống Khí Huyết được điều hòa mà các bộ phận vô hình của chúng là Thần, Vía, Hồn được cường hóa trở lại (1).

Không khí bên ngoài Nhục thân, khi hít vào phổi trong khi con người sinh hoạt, hoạt động, chỉ bồi bổ sức sống hao hụt của Khí Huyết mà thôi. Đến khi “*Tâm, Trí đều chơn không*” hoặc khi ngủ, không khí hít qua sự hô hấp của phổi mới trực tiếp cường hóa Thần, Vía, Hồn.

Tóm lại:

Sự thu hút năng lực, năng lượng có hiệu quả khi con người sống trong trạng thái “*Tâm, Trí đều chơn không*”, nhưng hiệu quả hơn nữa là ở “trạng thái chủ động của Trí thông minh tỉnh thức và Tâm chơn không”.

Theo vật lý, tại sao hiện tượng này có hiệu quả hơn?

- “*Sự Sáng là năng lực có sự sống và có sức xúc tác mạnh nhất. Do Tâm chơn không (không gây ra sự nhiễu, sự cản trở cho sự xúc tác của sự Sáng), nên sức xúc tác của sự Sáng ở vào mức độ tuyệt đối. Vì vậy, sự thu hút năng lực, năng lượng vào cơ thể, đặc biệt vào não ở mức độ cao và nhanh nhất*”.

1. Ý thức trong sự Hiểu: chức năng đưa con người tiến hóa

Với con người, “*Hiểu*” là mức tiến hóa cao nhất của Trí khôn. Nhưng có bao nhiêu loại Hiểu?

- Trong vũ trụ có 3 thế giới mà mỗi thế giới liên quan đến mỗi cõi giới trong con người.

Mỗi cõi giới trong con người cần đến một loại giác quan để cảm nhận, cảm biết được những hiện tượng, hình ảnh trong thế giới tương quan để Trí khôn con người có thể suy nghĩ, sau đó hiểu được cái Lý tiềm tàng sinh động trong đó.

(1) Cường hóa Thần, Hồn, Vía trong khi con người ngủ ngon một cách tự nhiên cho đến khi nội lực được đầy đủ, con người tự thức giấc hơn là dùng thuốc ngủ để ức chế cuốn não.

Trạng thái mơ màng làm cho Tâm, Trí không được hoàn toàn chơn không. Do đó, tinh hoa trong không khí không hoàn toàn cường hóa trực tiếp cho Thần, Vía, Hồn được.

Như vậy, có 3 thể giới là có 3 loại hiểu:

- Hiểu tự nhiên
- Hiểu siêu nhiên
- Hiểu siêu siêu nhiên

Nhưng Hiểu cái gì?

- Hiểu được cái Lý trong mỗi thể giới, nghĩa là Hiểu được cái Lý tự nhiên, Lý siêu nhiên và cái Lý siêu siêu nhiên.

Đó là cái “Lý nguyên thủy, hay là Nguyên Lý của vũ trụ”, mà từ trước ta thường gọi là “Thiên Lý”. Đó là sự sinh động vô hình do Thiên Tuệ xúc tác vào sự sống (sự Sáng) khi sự Sáng chưa chia ra thành hai dòng năng lực.

Cái Lý sinh động ở đâu trong mỗi thể giới?

a. Trong thể giới tự nhiên, cái Lý sinh động trong Dương và Âm, trong Ngũ hành, trong những thể linh thiêng sinh động trong thể giới đó, mà Trí khôn con người hiểu được nhờ 5 giác quan và sự suy nghĩ.

Cái Lý tự nhiên này sinh động trong Thiên Cơ và Thiên Năng. Vì những gì còn Dương và Âm, còn Ngũ hành đều sinh động, chuyển động trong Thiên Cơ và Thiên Năng, tức là còn vướng vào Vận, vào sự tăng, giảm, vào Sinh và Diệt để tiến hóa.

b. Trong thể giới siêu nhiên, cái “Lý siêu nhiên” sinh động trong Dương và Âm, trong Ngũ hành, trong những thể linh thiêng sinh động trong thể giới đó. Nhờ 3 trực giác quan mà siêu Trí mới suy nghĩ và Hiểu được.

Cái Lý siêu nhiên này cũng sinh động trong Thiên Cơ và Thiên Năng. Nó cũng còn vướng vào Vận, vào sự Sinh Diệt, tăng giảm.

c. Trong thể giới siêu siêu nhiên, chỉ có sự Sáng Dương và Âm sinh động mà thôi. Trong đó tiềm tàng sinh động cái Lý siêu siêu nhiên.

Nhờ vào linh giác quan với chức năng là sự thấy toàn diện của 360° của hình tròn mà siêu siêu Trí (Tuệ) Hiểu được tức thì (1) không qua sự suy nghĩ nữa, tức là Hiểu trực tiếp cái Lý siêu siêu nhiên tiềm ẩn sinh động trong sự Sáng Dương và Âm.

Trong thể giới này chỉ có Sinh và Sinh mãi, không có sự Diệt, chẳng còn vướng vào Vận của Thiên Cơ nữa.

Ba thể giới được tuần tự hình thành. Như vậy, trước sự diễn tiến để hình thành 3 thể giới đã có những gì, và con người có thể hiểu được những gì đã có trước đó không?

- Thể giới siêu siêu nhiên được hình thành đầu tiên bằng sự Sáng Dương và Âm. Và từ đó cũng là hai dòng năng lực nguyên thủy.

(1)Đấng tạo hóa chỉ có thể mạc khải cho những sinh linh “có khả năng Hiểu tức thì” tức là sinh linh đó, nhờ vào sự Sáng của Tuệ mới có thể nhận và hiểu được những gì được mạc khải mà không cần đến chức năng suy nghĩ nữa.

Nếu người ta nhận ra, có sự sinh động của hai dòng năng lực thì cũng có thể suy nghĩ, trước khi có hai dòng năng lực sinh động đã có cái gì trước đó, nó làm cho hai dòng năng lực được sinh động.

Nếu đã có hai dòng năng lượng sinh động cùng một thể (cùng loại), tất nhiên chúng phải xuất nguồn từ một thể duy nhất. Nói cách khác, nếu đã có hai cùng một thể, hoặc dần dần sinh hóa ra một số lớn không thể đếm được, thì tất cả chúng cũng đều từ cái “Một” mà sinh hóa ra.

Nhưng nếu cái “Một” không có sự sống, không có sự sinh động trong chính nó thì làm sao nó có thể tồn tại mãi để sinh hóa ra những cái khác được.

2. Các trình độ liên quan đến Hiểu, Biết

Theo sự tiến hóa, có 3 trình độ liên quan đến sự Hiểu, Biết.

a. Người bình thường: Biết

Người này chỉ biết được những gì đã xảy ra (những sự việc của con người và những hiện tượng trong thế giới tự nhiên v.v...) mà các giác quan của Nhục thân thu nhận hay cảm nhận được.

Biết và Hiểu

Khi có sự quan tâm, hay khi Trí khôn đã phát triển, tính tò mò khiến cho con người suy nghĩ, tìm tòi..., thì con người tìm hiểu nguyên nhân của những gì đã xảy ra.

b. Người Trí

Trí nhân là người thấy được sự diễn tiến của những sự việc (hoàn cảnh, tâm trạng, thời cuộc, những gì liên quan đến sinh hoạt của một cá nhân, của một cộng đồng...) sẽ phải xảy ra trong tương lai.

Người Trí có khả năng “Biết” cái hiện tại, “Hiểu” rõ nguyên nhân trong thực tại, và “Biết trước” sự việc sẽ phải xảy ra, nên không phạm sai lầm, và việc làm theo sự tiên đoán gần như hoàn chỉnh, và có thể hoàn chỉnh.

Với 3 khả năng này, người Trí có thể chỉ dẫn và hướng dẫn những người bình thường.

c. Người tiến hóa

Thuộc vào hàng nhân linh và siêu linh có khả năng sinh hoạt trong thế giới và cõi giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Sinh hoạt thường là linh cảm, tiên cảm, tiên kiến được những gì sẽ xảy ra trong tương lai, mà hiện tại đã hiện hữu trong sự hình thành bằng “thể Điện” và “sự Sáng” qua sự cảm nhận bằng trực giác quan.

Vì vậy mà sự linh cảm, tiên cảm, tiên kiến... là nền tảng của tiên tri.

Hay là, người tiến hóa có khả năng tiên tri (hiểu, biết trước) những gì sẽ xảy ra qua sự linh cảm, tiên cảm, tiên kiến... ngay trong mình bằng những chức năng vô hình, của các trực giác quan, linh giác quan của Khí thân, Điện thân hoặc của Quang thân.

3. Sự “Hiểu” tăng mãi “khả năng Hiểu”

Suy nghĩ là bước đầu dẫn đến sự Hiểu. Suy nghĩ là sức sống của sự Sáng của Trí sinh động (1). Từ sự sinh động của sự Sáng của Trí làm nảy sinh sự sống (sự Sáng của vũ trụ).

Hay là sự suy nghĩ làm nảy sinh ra sự Hiểu. Và Hiểu liên quan đến sự Sáng.

Sự Sáng (sự sống) của vũ trụ có khả năng chứa đựng Thiên Lý (Nguyên Lý của vũ trụ - cái Lý của Thiên Tuệ), thì sự Sáng của Tuệ cũng có khả năng chứa đựng Thiên Lý. Và sự Hiểu tăng mãi khả năng Hiểu.

Sự sinh động của “sự gia tăng thời gian Hiểu” làm cho sự Sáng của Tuệ tự sinh động. Năng lực tự sinh động là năng lực tự tạo.

Do đó, sự Hiểu Nguyên Lý vũ trụ (sự giác ngộ) làm cho sự Sáng của Tuệ trở nên hằng sống.

(Với sự suy nghĩ, sự suy nghĩ có thể kéo dài hoặc ngắn hạn. Có nhiều vấn đề, đề tài phải mất hàng chục năm. Nhưng Hiểu thì rất nhanh, và không phải lúc nào cũng hiểu được).

a. Mức chưa hoàn hảo của Trí và siêu Trí

Trí và siêu Trí còn phải suy nghĩ, suy luận để Hiểu (nguyên nhân sinh hóa ra những hiện tượng, trạng thái tự nhiên và siêu nhiên), tức là phải trải qua cái Biết để Hiểu.

Chỉ có siêu siêu Trí (Tuệ) thì Hiểu mà không cần đến Biết. Nhưng muốn Biết, cũng dễ Biết, vì đã Hiểu rồi.

“Hiểu tức thì” Nguyên Lý, hay là “giác ngộ được Thiên Lý”, là sức sáng suốt của Trí thông minh tự nó tăng lấy, mà không qua sự đóng góp của những chức năng quan sát, nhớ, suy nghĩ phải trải qua một thời gian dài để thu, để giữ... những hiện tượng, trạng thái thuộc về thế giới tự nhiên và siêu nhiên.

Sự sáng suốt của Trí thông minh tự nó tăng lên một cách tự động, nghĩa là nó “sinh động một cách tự động” đối với sự thông minh của Tuệ.

(1) “Công án” là một đề tài để Trí suy nghĩ liên tục. Nó là phương thức làm cho Trí phải suy nghĩ, hay là làm cho sức sống của sự sống phải động và động mãi cho đến khi sự sống (sự Sáng của Tuệ) nảy sinh, hay là Tuệ phát sinh từ Trí.

Sự sinh động này không ngưng nghỉ. Như vậy, sinh hoạt của đạo nhân là sinh hoạt của đời sống tâm linh cũng không bao giờ ngưng nghỉ, và phải sinh động mãi mãi (1) như Thiên Lý sinh động, sinh hóa trong Thiên Cơ và Thiên Năng vậy.

b. Sự tiến hóa và tiến bộ không cần đối tượng

Trong vũ trụ, có một sự tiến hóa tự động từ sự sinh động vĩnh cửu của Thiên Lý. Trong con người, nó là sự “Hiếu tức thi”, cũng gọi là sự giác ngộ Nguyên Lý vũ trụ phát sinh từ Tuệ.

Sự Sáng, sự sáng suốt của Tuệ (2) sinh động tự động để tiến hóa.

Sự tiến hóa cùng với sự tiến bộ này không cần đến đối tượng, đến sự so sánh, thi đua, cũng chẳng cần tìm tòi để truy nguyên qua hiện tượng hiện hữu hay đã trải qua nhiều thời đại, thời gian.

Sự tiến hóa này không ở Nhục thân, hay ở Tâm, mà ở đầu não con người.

Chức năng cao nhất và cuối cùng của các giác quan, những bộ phận vô hình và màu nhiệm là ở não. Và chỉ não bộ mới chứa đựng sự Sáng, trong đó có sự Hiếu. Nhưng với Trí, sự Hiếu còn có đối tượng mới Hiếu được.

Như vậy, “Hiếu không cần đến đối tượng” là sự Hiếu như thế nào?

- Có vô tận đối tượng thuộc về 3 thể giới; dù nhiều như vậy, nhưng chúng chỉ là hình dáng, tướng, bên ngoài của một cái Lý mà thôi.

“Hiếu không cần đến đối tượng là Hiếu ngay cái Lý trong đối tượng”.

Và cái Lý, nằm trong những tạo vật, sinh động từ nguyên thủy cho đến về sau là Nguyên Lý của vũ trụ (hay là Thiên Lý).

“Hiếu” được như vậy, chỉ có sự Sáng của Tuệ, khi sự sinh động của nó hòa nhập vào sự Sáng của vũ trụ.

Khi Tuệ bắt đầu hoạt động, mức tiến hóa tuyệt đối của con người bằng với sự sinh động vĩnh cửu của thể Sáng của vũ trụ. Trạng thái này được duy trì, nếu con người biết vận dụng.

Khi Tuệ hoạt động được thuần thực rồi, con người làm chủ được 4 bốn thể linh thiêng, và có thể tự làm cho mình sống hay chết được, hay là sống hoặc chết theo ý muốn.

(1) Trí thông minh của các vị lãnh đạo dân tộc có lúc được dùng, lúc ngưng, vì còn cần đến sự suy nghĩ, cần đến những người phụ tá, cố vấn.

Với đạo nhân, vì lợi ích tiến hóa của sinh linh, chỉ có sự thông minh của Tuệ hoạt động không ngừng, không cần đến người khác cố vấn, phụ tá..., chỉ dùng Thiên Lý ứng dụng vào sự tiến hóa sinh linh.

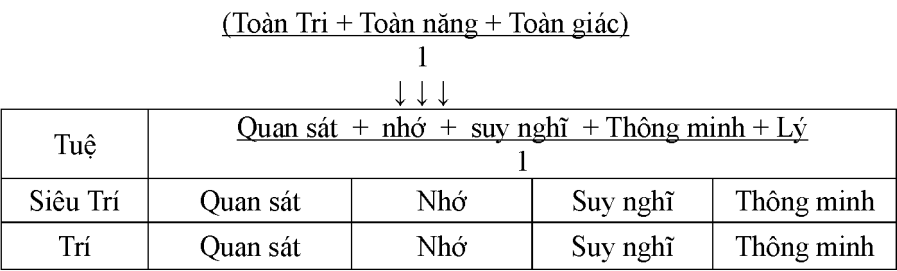
(2) Với Trí và siêu Trí, sự sáng suốt còn cần đến những hiện tượng tự nhiên và siêu nhiên để suy nghĩ, nghiên cứu, truy nguyên.

Nhờ suy nghĩ mà sự sáng suốt của Trí tăng, tức là Trí năng tăng nhờ có đối tượng để suy nghĩ.

Làm chủ được sự Sáng, điều khiển được các thể linh thiêng, nên đạo nhân có thể dùng các loại giác quan (giác quan, trực giác quan, linh giác quan) theo ý muốn, vì chúng chỉ là cầu trúc 3 phần liên quan đến các thể linh thiêng trong cầu trúc của các giác quan đó.

Theo ý muốn xuất phát từ sự Sáng của Tuệ, con người có một chức năng tuyệt đối điều khiển mọi chức năng trong cơ thể, kể cả những chức năng của bộ phận vô hình và mẫu nhiệm của Tuệ, siêu Trí và Trí.

“Chức năng tuyệt đối điều khiển mọi chức năng”. Đó là cái Hiểu của Tuệ nhập vào Nguyên Lý (1), hay là “sự Hiểu, Biết toàn diện” của sự Toàn Kiến, Toàn Trí (2), Toàn giác.



Ở Tuệ, mọi chức năng đều đồng bộ xảy ra, hay là mọi chức năng xảy ra cùng một lúc, hoạt động đồng bộ.

Còn siêu Trí và Trí, mỗi chức năng hoạt động riêng rẽ.

Khi Tuệ hoạt động, sự Sáng của các loại Trí thu hẹp về não bộ và sinh động. Mức sinh động trong một không gian nhỏ hẹp làm cho cường độ của sự Sáng tăng rất cao.

Nhờ vào cường độ của sự Sáng được nâng lên, do đó các trực giác quan và linh giác quan có thể hoạt động được (3).

Tuệ sinh động, con người giác ngộ, nhưng tại sao, sau khi giác ngộ, người này lại Hiểu nhiều và nhanh?

- Vì chức năng Hiểu tăng nhanh khả năng trong đại định. Cũng như người lớn hiểu nhanh hơn trẻ con, vì khả năng hiểu đã được tăng.

(1) Khi cái Hiểu của Tuệ nhập vào Nguyên Lý thì sự hiện thực của siêu siêu Ý là toàn năng. Nếu thuận Thiên Lý là công đức, nghịch lại thuộc về ác đạo.

(2) Toàn Kiến: sự thấy toàn diện của linh giác quan với 360°.

Toàn Trí: ý thức trực tiếp ngay ở thể Sáng của Tuệ, không qua sự cảm nhận và biết.

(3) Như vậy, mỗi loại giác quan (ngũ giác quan, trực giác quan, linh giác quan) hoạt động được, nó tùy vào cường độ đối thay của sự Sáng của Trí, căn cứ trên điện tích, thể tích của sự Sáng được mở rộng hay thu hẹp trong não bộ.

Đối với đạo nhân, khi sự Hiểu của Trí hiểu được những gì do Tuệ hiểu thì Trí khôn tăng lên một cách phi thường.

(Ba loại Trí, siêu Trí, Tuệ có cùng một bộ nhớ. Liên quan đến 3 cõi giới và 3 thể giới, bộ nhớ chứa đựng Nghiệp và liên hệ đến Sinh Diệt, và luân hồi).

4. Phương tiện tiến hóa con người

Phương tiện để con người tiến hóa từ cõi giới này sang cõi giới khác là ý thức. Nó giúp cho Trí tiến hóa, phát triển khả năng của những chức năng của Trí.

Nhiều cõi giới, thì có nhiều loại ý thức:

“Ý thức” của Trí

“Siêu Ý thức” là ý thức của siêu Trí

“Siêu siêu Ý thức” là ý thức của siêu siêu Trí (Tuệ)

Hay ngược lại:

Mức độ tiến hóa của Trí tùy thuộc vào mức độ của ý thức, nghĩa là, ý thức được nhiều, thì Trí tiến hóa nhiều; ý thức thường xuyên, Trí tiến hóa thường xuyên.

(Như Tâm động, Trí động..., vì con người không ý thức được sự dao động của Tâm trạng, Trí trạng. Nếu con người ý thức được Tâm trạng, Trí trạng, thì con người mới hóa giải được Tâm trạng và Trí trạng để đưa hai bộ phận này về trạng thái bình an.

Trên đây là ý thức được sự dao động của Tâm và Trí.

Nếu trong trạng thái “Tĩnh” của Tâm và Trí mà con người ý thức được, đó là ý thức được sự sinh động của sự sống của Tâm, Trí).

Làm sao gọi là “ý thức” được Tâm, Trí của chính mình?

- Ý thức được Tâm, Trí mình cũng là “thấy rõ và làm chủ được” (1) mọi sinh hoạt, sinh động của Tâm và Trí, điều khiển được mọi chức năng của chúng (tức là minh triết trong mọi tư tưởng, lời nói và hành động).

Thân (Nhục thân) phát triển hết mức, sau đó thoái hóa, chỉ có Tâm và Trí mới tiến hóa mãi.

a. Có mấy loại ý thức

Ý thức là hiện tượng vật lý và sinh lý được truyền dẫn trên 4 thể linh thiêng. Vì vậy, ý thức có 4 loại:

(1) Thấy rõ, làm chủ, điều khiển được Tâm, Trí là khả năng của Đạo nhân. Và đó cũng là sinh hoạt thường xuyên của Đạo nhân, là luôn luôn ý thức được mọi sinh hoạt trong 3 cõi giới để cho Trí, siêu Trí và Tuệ tiến hóa – một sự tiến hóa thường xuyên như sự sinh động của sự Sáng của vũ trụ.

1. Ý thức của Trí ở cõi giới tự nhiên qua sự truyền cảm của Nhục thân, tức là qua 4 hệ truyền dẫn của Huyết, Khí, Điện, sự Sáng.

2. Ý thức của Trí ở cõi giới tự nhiên qua sự truyền cảm của Khí thân, tức là qua 3 hệ truyền dẫn của Khí, Điện, sự Sáng.

3. Ý thức của siêu Trí ở cõi giới siêu nhiên qua sự truyền cảm của Điện thân tức là qua hai hệ truyền dẫn của Điện và sự Sáng.

4. Ý thức của siêu siêu Trí (Tuệ) ở cõi giới siêu siêu nhiên qua sự truyền cảm của Quang thân, hay là qua sự cảm nhận trực tiếp của sự Sáng Dương và Âm.

b. Trí thức (Hiểu, Biết)

Là Biết được cái bên ngoài, và Hiểu được cái bên trong (là sự sinh động vô hình). Trí thức làm cho con người trở nên minh triết, liên quan đến Tâm và cả Trí nữa.

{ “Tâm thức, Trí tri”, hay là:

{ Tâm biết, Trí hiểu.

{ “Tâm ý thức, Trí tư duy”, hay là:

{ Tâm biết, sinh ra ý. Tâm sinh ý, khiến cho Trí suy nghĩ (Tâm sinh động khiến cho Trí động theo).

Tâm có nhiều loại, nên ý thức cũng theo từng loại Tâm mà có.

{ Tâm có ý thức.

{ Siêu Tâm có ý thức.

{ Siêu siêu Tâm (Tánh của vũ trụ) có siêu siêu Ý thức.

Trí cũng vậy:

{ Trí: hiểu, do ngũ giác quan đưa vào.

{ Siêu Trí: hiểu, do 3 trực giác quan cung cấp.

{ Siêu siêu Trí: hiểu toàn diện, do linh giác quan cung cấp.

Có 3 mức độ liên quan đến ý thức và Tâm:

1. Không có ý thức về tâm trạng: Tâm làm chủ đời sống

2. Có ý thức về tâm trạng: Trí quan sát làm chủ được Tâm

Trí quan sát, hóa giải được tâm trạng.

3. Ý thức được sự sinh động của trạng thái Hư vô của Tâm: sự Sáng của các loại Trí tự lại, hòa nhập vào sự sinh động của sự Sáng vũ trụ qua trạng thái Hư vô.

Ba mức độ của ý thức trên đây đối với việc tu hành có ảnh hưởng như thế nào?

- Chưa ý thức được tâm trạng, Tâm làm chủ đời sống: là phàm nhân, chưa thể tu được, dù lòng muốn tu.

Phàm tâm động: Tâm không được linh thiêng và mầu nhiệm.

- Ý thức được tâm trạng: sửa (tu) được Tâm. Lúc nào Tâm chơn không, lúc đó Tâm linh thiêng (Ngũ hành khí ngưng động, Dương và Âm sinh động).

- Ý thức được sự sinh động của trạng thái Hư vô của Tâm: trong Hư vô, xuất hiện sự mâu nhiệm và linh thiêng. Sự mâu nhiệm có trong sự sáng tạo của Thiên Lý, còn sự linh thiêng có trong sự sinh hóa và chuyển hóa của các thể linh thiêng.

(Trong thực tế của đời sống xã hội, người có ý thức chưa hẳn là Trí thức, còn người Trí thức chưa phải là “Trí thức”. Nếu chưa “Trí thức” thì chưa thể minh triết được.

Minh triết là sự hiểu biết của sự việc bên ngoài luôn cả những sinh hoạt bên trong của Tâm, Trí, của Lương Tâm. Nhờ đó mà không phạm sai lầm.

Minh được cái Lý mà không thực hành, sáng tạo cái Lý, chưa phải là Đạo nhân.

Sự diễn tiến như sau:

Ý thức → Trí thức → Tri thức → minh triết → Đạo nhân

Hay là

Đạo nhân phải minh triết → Tri thức → Trí thức → ý thức)

c. Động lực tiến hóa của ý và ý thức

Ý: là một lực có cường độ cao, khơi động (hay kích động) một năng lực hoạt động hay sinh động mà con người không để ý đến sự sinh động của năng lực mới này.

Nếu muốn duy trì sự sinh động của năng lực mới này, con người phải ý thức, hoặc phải cảm nghiệm được sự sinh động của nó.

Sự ý thức này khiến cho năng lực mới tăng thêm năng lực. Ý thức được duy trì mãi cho đến khi nó “cực động hóa thành cực tĩnh”, ý thức dường như vô thức, thì năng lực mới này cũng thành cực động để trở nên năng lực tự tạo.

Tóm lại:

- Có Ý trước, hay là có lực kích động trước, mà lực kích động là sự Sáng có cường độ cao.

- Sau sự kích động của Ý, một năng lực mới sinh động.

- Muốn duy trì sự sinh động của năng lực mới, con người phải “ý thức” sự sinh động của năng lực mới.

- Ý thức được, duy trì mãi cho đến khi nó cực động hóa thành cực tĩnh, thì năng lực mới này trở nên năng lực tự tạo, tức là tự tăng lên đến mức tự động, tự tồn tại.

Hiệu quả nào của ý thức để tăng nhanh năng lực, nhờ vào trạng thái nào của Trí?

- Ngũ: không có mơ, mộng, không có thị kiến, con người không có ý thức. Chỉ lúc tỉnh thức, con người mới có ý thức, nhưng mức độ tỉnh táo cực độ của lúc tỉnh thức, là hiệu quả của ý thức để tăng nhanh năng lực.

(Điều này ta nhận ra trong lúc thiền định, tọa vong, khi nào trí tỉnh táo nhiều, và chỉ còn lại ý thức duy nhất, và tập trung mãi vào sự sinh động của sự Sáng, thì sự Sáng tăng nhanh để bức xạ thành năng lực vũ trụ).

Trong con người, sinh hoạt nào cũng là động lực. Nếu ý thức ở vào động lực nào thì động lực đó tăng.

Như con người có ác ý, và ý thức vào sự ác, thì động lực của ác tăng, hay tính ác tăng thêm cường độ.

Nếu con người ý thức mãi vào sự chơn không của Tâm thì “lực của Tâm chơn không” tăng, hay là sự linh thiêng tăng.

Nếu con người ý thức được tình thương sinh động mãi thì lực của Tình thương tăng, tức là sự màu nhiệm tăng.

(Sự màu nhiệm sinh động trong tình thương vô nguồn gốc thế gian)

Nếu con người ý thức được sự cảm khoái thì cường độ của sự cảm khoái tăng, tức là sự kỳ diệu tăng.

(Có sự dục cảm, khoái cảm, khoái lạc, lạc, Cực lạc..., tức là con người ý thức được sự kỳ diệu của sự thụ cảm đó.

Nếu con người không ý thức được sự thụ cảm thì các thụ cảm đó không được định loại).

1. Ý thức được sự linh thiêng và màu nhiệm

“Tâm hư vô”, linh thiêng hiện, gọi là Tâm linh.

“Trí thuần túy” (1) sinh màu nhiệm, gọi là Tánh linh.

Hay là:

Linh thiêng ở Tâm hư vô

Màu nhiệm ở Tánh linh.

- Ý thức được mức độ hư vô của Tâm, là ý thức được mức linh thiêng ở Tâm.

- Ý thức được mức độ thuần túy hư vô của Trí (quan sát, nhớ, suy nghĩ), là ý thức được mức độ màu nhiệm của Tánh linh.

Màu nhiệm của Tánh linh là sự sinh động của sự sống (sự Sáng).

Dùng được năng lực của sự sống, mới màu nhiệm tuyệt đối. Dùng được năng lực của sức sống (Điện, Khí, Thủy), cũng màu nhiệm, nhưng tương đối.

Ý thức nào ở vào mức độ tuyệt đối?

- Phải qua các giác quan, hoặc trực giác quan, là phải có sự quan sát những hiện tượng tự nhiên và siêu nhiên, Trí mới ý thức được.

(1)Trí thuần túy: là sự Sáng sinh động. Chỉ có “Ý” ở Tánh linh mới dùng được năng lực này để hiện thực. Năng lực này trở nên tuyệt đối, vì nó không còn dính dáng đến bất cứ một cơ cấu nào của con người nữa.

Ý thức không cần đến sự quan sát là giác ngộ được Thiên Lý, là sống bằng sự sống, con người lúc đó là vũ trụ vậy.

Trong con người, lúc đó vô não ngưng hoạt động, chỉ còn lại sự Sáng sinh động mà thôi.

2. Ý thức được tâm hồn và sự sống

Trí được mở mang, nhờ ở kiến thức. Nhưng Tâm trở nên Thiện, Thánh thiện, là nhờ ở ý thức được tâm hồn của mình. Hay là, ý thức được sự nguy hại của tâm trạng nặng nề, của tư tưởng gây ra sự độc, sự ác ... cho người và cho chính mình.

Vì vậy, người biết xét mình, tự phê phán có thể sửa đổi, tiến hóa được, có thể nuôi dưỡng tính thiện, và những đức tính.

Trái lại, chỉ xét đoán, phê phán người, mà không xét, không xử chính mình, thì hành động này là một trở ngại lớn cho sự tu tiến.

Thật vậy, hạnh phúc không hoàn toàn ở kiến thức, mà ở ý thức được tâm hồn của chính mình, và hơn nữa là cái gì có sự sống trong con người?

- Trong con người, cái gì có sức sống tồn tại và mang tính toàn diện, cái đó là sự sống.

Cũng vậy, sự sống (sự Sáng) của vũ trụ cũng có tính toàn diện, và tồn tại mãi bằng cách tự sinh động để tồn tại trong sự toàn diện.

Như vậy, cái gì trong con người có sự sống?

- Đời sống của con người xã hội rất khác nhau. Có người cho sự cảm khoái là đời sống của mình, người khác coi tâm trạng là cuộc sống, và có người coi tư tưởng là sinh hoạt của đời sống. Số khác chỉ thích sống bằng ký ức.

Tóm lại, tất cả những gì liên quan đến Thân, Tâm, Trí..., người ta cho đó là đời sống của con người phải trải qua trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

Nhưng cảm giác, tình cảm và tư tưởng, luôn cả ký ức về chúng cũng không thể tồn tại mãi. Chúng sẽ lu mờ và mất dần, vậy mà con người vẫn bám vào chúng, và coi đó là cuộc sống.

Chỉ có một cái tồn tại, mang tính toàn diện ở loài người, liên quan đến sự toàn diện và tồn tại của vũ trụ, đó là cái “Biết và Hiểu về cảm giác, tình cảm và tư tưởng của chính mình”.

Ký ức giảm dần mức độ nhớ, hay là Trí nhớ giảm sức, để không thể nhớ lâu. Trái lại, cái “Biết và Hiểu” lại tăng thêm sức sinh động của nó, để tồn tại khi Nhục thân chết và tan rã (1).

(1) “Luật tiến hóa của vũ trụ về năng lực” trong chức năng chuyển hóa của Vận trong Thiên Cơ, là khơi động năng lực trong con người, để có thể đạt đến mức “năng lực tự tạo” là nhờ vào chức năng (cũng là năng lực), đó là sự “Biết và Hiểu”.

Đó cũng là “sự Sáng sinh động trong Huyết, Khí, Điện” (trong cảm giác, tình cảm, tư tưởng) còn tồn tại trong sự chuyển thể (biến thể) của chúng mà thôi.

Lực nào có sức sinh động, nó là một năng lực.

“Sự Biết và Hiểu” là sinh động trong sự Sáng (thể Sáng), như vậy, chúng cũng là năng lực.

Nhưng làm sao để cho sự “Biết và Hiểu” của con người nhập vào sự “Biết và Hiểu của vũ trụ”, hay là làm sao cho năng lực này nhập vào huyền năng của vũ trụ?

- Cùng một bản thể, bản tính và tính năng, thì các năng lực cùng loại hòa nhập vào nhau. Cũng vậy, “Biết và hiểu” là sự Sáng, khi chúng không còn dính dáng đến cảm giác (Huyết), tình cảm (Khí), tư tưởng (Điện) có nghĩa là, khi chúng tách ra khỏi 3 yếu tố này, thì chúng hòa nhập vào vũ trụ, tức là “sự Sáng của Biết và Hiểu hòa nhập vào sự Sáng của vũ trụ để trở thành sự toàn diện của vũ trụ.

d. Ứng dụng phương pháp, và chức năng vô hình hóa để tiến hóa

Khi biết rõ hiệu quả của một phương pháp, hay của một chức năng vô hình trong cấu trúc của con người, hãy ứng dụng nó vào đời sống, vào sinh hoạt để có thể tiến hóa nhanh, hay để tăng thêm kiến thức, trí thức và tri thức.

Như vậy, con người có thể ứng dụng hay luyện sự Hiểu như thế nào trong giáo dục, trong đời sống tinh thần và tâm linh?

- Điều cần thiết trong sự tiến hóa con người là ứng dụng những phương pháp, những chức năng nào có hiệu quả nhất vào sinh hoạt của đời sống, phù hợp với tuổi tác, thời gian và sinh hoạt của việc làm, của hoàn cảnh.

Giáo dục là phương tiện hữu hiệu giúp cho con người tiến bộ, trong đó, sự “tự biết mình” và sự khám phá ra tiến trình sinh hóa ra những bộ phận và chức năng vô hình trong Tâm, Trí là một nhu cầu cần thiết, và là điều kiện thuận lợi làm cho con người tiến hóa nhanh hơn và đạt đến mức tuyệt đối của nó là “tự tiến hóa trong sự tồn tại, và sự tiến hóa của cái Hiểu trong sự toàn diện”.

Nhưng nhờ vào đâu mà con người có thể Hiểu được một cách toàn diện?

- Do định luật sinh hóa, chuyển hóa và tiến hóa mà trong con người có nhiều bộ phận, cơ quan vô hình được tuần tự sinh ra. Chúng có khả năng làm cho sinh hoạt con người được mở rộng vào những thế giới rộng lớn hơn là thế giới tự nhiên, liên quan đến 5 giác quan. Đó là thế giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Sinh hoạt của con người mở rộng đến đâu thì sự Hiểu và Biết của con người cũng tỏa ra đến đó.

Sinh hoạt của con người là một thực tế, và “sự Hiểu và Biết” của con người là một thực thể. Sự mở rộng của thực tế và thực thể vào trong thế giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên giúp cho con người nhận ra được sự tiến triển của sự tiến hóa ngay trong đời sống và trong bản thân mình do sự cảm nghiệm trực tiếp sự rộng lớn vô hạn trong trạng thái Hư vô (chơn không).

Cái Hư vô rộng lớn này cũng là cái cùng cực rộng lớn của vũ trụ trong tâm hồn, linh hồn đối với sinh hoạt bình thường của cá nhân. Đây cũng là sự toàn diện và

tuyệt đối của đại vũ trụ mà tiểu vũ trụ cảm nghiệm và hòa nhập vào.

Sự hòa nhập này không phải là một hiện tượng bình thường, mà con người cảm nhận qua những gì đã xảy ra trong thế giới hữu hình, tự nhiên.

Đây là sự hòa nhập của sự Sáng của Trí thông minh vào sự Sáng của vũ trụ, trong đó sinh động Nguyên Lý của vũ trụ - sự sinh động vô hình của mọi sự sáng tạo. Hay là, sự hòa nhập của sự Hiểu của con người vào Nguyên Lý, khiến cho cái Hiểu đó trở nên “Hiểu tức thì” và “mãi mãi” một cách toàn diện và tuyệt đối ngay từ nguồn gốc sáng tạo như chính vũ trụ đang chứa đựng nó.

Nhưng ngược lại, Nguyên Lý vũ trụ đang điều khiển và điều hành tất cả những gì xuất sinh từ Nguyên Lý, như Thiên Cơ, Thiên Năng và tất cả mọi tạo vật từ cực to đến cực nhỏ có trong vũ trụ.

Khi Trí (siêu Trí, siêu siêu Trí) có khả năng “Hiểu tức thì và mãi mãi” thì con người không cần học nữa (1), không cần luyện những chức năng quan sát, nhớ, suy nghĩ của Trí nữa, vì chúng đã được tự động tăng đến mức tuyệt đối khả năng của chúng do sự “Hiểu tức thì” tạo nên.

Tại sao?

- Vì trong sự Hiểu bao gồm cái Biết, sự suy nghĩ, nhớ, quan sát. Do đó, nếu sự Hiểu đạt đến mức tuyệt đối thì tất cả những chức năng kia cũng đạt đến mức cao nhất của chúng vậy.

Tại sao khi “Hiểu tức thì và mãi mãi”, con người không cần phải học để Hiểu nữa?

- Vì đã Hiểu được Nguyên lý của vũ trụ, cũng là Hiểu từ nguồn gốc sáng tạo của những Lý khác sinh động trong 3 thế giới, cho nên chẳng cần phải học nữa, mà chỉ trình giảng cho ai (2) cần biết, cần hiểu.

Như vậy, sự ứng dụng cái “Hiểu tức thì và mãi mãi” trong đời sống tâm linh và tinh thần như thế nào?

- Nếu con người nhận rõ được mức tiến hóa của mình qua những chức năng vô hình mà mình có được, và nếu khôn ngoan hơn, con người sẽ sử dụng những chức năng nào mang đến hiệu quả cao nhất trong sinh hoạt để có thể tiến hóa nhanh. Đối với người bình thường, đó là chức năng suy nghĩ và sau đó là chức năng nhớ. (Hiệu quả của một chức năng lồi cuốn theo hiệu quả khác nữa, là suy nghĩ càng tăng về trường độ, thì hiệu quả nhớ, do đó, mà tăng theo...).

(1) Con người không cần học những gì từ sự Hiểu, nhưng cần đến Biết, con người phải học, và những gì thuộc về sự sáng tạo của con người, như ngôn ngữ, kỹ thuật v.v..., dù cho những sáng tạo đó mang tính phỏng tạo, mô phỏng.

(2) Sinh linh quan trọng hơn mọi tạo vật cực to, cực nhỏ, vô tri, vô giác. Tất cả những sinh linh thuộc về 3 thế giới, nếu họ cần hiểu biết, cần tiến hóa, vì Nguyên Lý của Càn khôn bao trùm tất cả mọi Lý có trong 3 thế giới đó.

Trong đời sống tâm linh, sinh hoạt thường xuyên và chính yếu là “Hiếu mà không cần suy nghĩ” của Trí thông minh của chơn Ngã sinh động mãi mãi. Sự Hiếu càng sinh động, mức độ Hiếu càng tăng.

Khi sự Hiếu của chơn Ngã sinh động (1) thì những chức năng khác của Trí cũng theo đó mà sinh động một cách tự động.

Các thể linh thiêng khác cũng tự động sinh động, nên toàn thân cảm thấy khỏe.

Đối với đời sống tinh thần, cái Biết của con người nhiều hơn sự Hiếu. Chức năng suy nghĩ và nhớ được vận dụng nhiều, kèm theo sự hiện hữu của bản ngã, nên sinh hoạt làm cho Tâm và Nhục thân mệt (2).

Do đó, muốn tiến hóa đời sống tinh thần của tha nhân, “nên dùng cái Hiếu để cải tiến cái Biết”, tức là “dùng Lý (nói lên cái Lý) để giảm thiểu chức năng suy nghĩ của người nghe”.

Hay là, nói nhiều lần cái Lý, để người nghe giảm đi sự tìm tòi từ những hiện tượng hữu hình hoặc siêu hình... (Và chính sự tìm tòi nguyên nhân từ những hiện tượng làm cho người suy nghĩ phải nặng đầu, nhức óc...)

Cũng có thể nói: “tiến hóa đời sống tinh thần là dùng Trí thông minh làm giảm bớt thời gian suy nghĩ” mà “hiệu quả để Hiếu được nhanh hơn” bằng cách đưa ra cái Lý để dễ hiểu, hơn là vận dụng Trí suy nghĩ để tìm nguyên nhân qua những hiện tượng.

e. Sự quan trọng của ý thức

Trong sự tiến bộ của đời sống tinh thần và vật chất, người ta quan tâm đến kiến thức, so sánh về mức độ kiến thức trong xã hội.

Nhưng với sự tiến hóa của một tiểu vũ trụ (của đời sống tâm linh), con người quan tâm đến ý thức (ý thức sự sinh hóa và chuyển hóa của các thể linh thiêng trong con người).

Vì vậy, với sự so sánh mức độ của kiến thức giữa người với người, nảy sinh ra mâu thuẫn tranh chấp...

Trong ý thức, cũng có sự so sánh, nhưng không có sự so sánh giữa người với người, mà điều này chỉ xảy ra ở sự cảm nghiệm trong chính mình.

“Ý thức duy nhất và cao hơn hết trong mọi ý thức” là ý thức được sự Sáng

(1) Nếu có câu hỏi được đặt ra từ người đối thoại đạo nhân chẳng cần suy nghĩ để trả lời, chỉ đáp lại, hay giải thích bằng sự Hiếu, bằng những Lý đã sẵn có trong vũ trụ.

Như vậy, nó không có quan điểm đối lại, quan điểm của cá nhân, mà người hỏi vẫn được sáng tỏ vấn đề.

(2) Nếu còn bản ngã hiện hữu trong mọi sinh hoạt dù cho sinh hoạt đó liên quan đến toàn thể Thân, Tâm, Trí..., hoặc sinh hoạt đó liên quan đến từng phần, thì nó cũng làm cho Nhục thân mệt, hay Tâm và Trí cũng bị ảnh hưởng mà mệt theo. Như vậy, làm sao cho ta không mệt?

Chỉ cần sinh hoạt bằng chơn Ngã và sự Hiếu mà thôi.

đang sinh động trong não bộ. Đó cũng là ý thức được sự sống đang sinh động cùng với sự Cực lạc. (Chỉ trong toàn định mới có được ý thức này của Tuệ).

Nói cách khác, đây là ý thức được sự sinh động của sự sống trong trạng thái hư vô.

Từ sự ý thức được sự sinh động của trạng thái hư vô, hành giả có thể nhận thức được mọi rung động của các cơ quan, tạng, phủ...

Tại sao vậy?

- Vì trong sự rung động, hoạt động của cơ quan, tạng, phủ... có sự sinh động, chuyển động của những năng lực siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

1. Sự thay đổi ý thức từ loại này sang loại khác

Trí ý thức được sự sinh động của lực hậu thiên (Khí, Huyết) và sự sinh động của chủ lực của lực hậu thiên (Điện, sự Sáng sinh động trong Khí, Huyết) trong trạng thái hư vô.

Siêu Trí ý thức được sự sinh động của lực tiên thiên (Điện, sự Sáng).

Tuệ ý thức được sự hằng sinh động của năng lực tự tạo của lực tiên thiên.

Nhưng làm sao (bằng phương pháp nào), con người có thể thay đổi được hoạt động của ý thức này sang hoạt động của ý thức khác cao hơn. Như thay đổi từ ý thức của Trí sang sự hoạt động của siêu Ý thức, tức là thay đổi hoạt động của Trí sang hoạt động của siêu Trí hay của Tuệ?

- Khi con người đạt đến mức “Hiểu tức thì”, con người làm chủ được cả vũ trụ, mọi chức năng của các loại Trí đều bị điều khiển bởi ý muốn của con người kể cả sự đổi thay ý thức.

2. Các loại ý thức và các loại Trí liên quan

Ý thức là một động lực vô hình, nhưng nó liên quan đến nhiều yếu tố như thể giới, cõi giới, thể, vị trí của thân thể v.v...

Sơ đồ về các loại ý thức, các loại Trí và những liên quan của chúng.

Thế giới	Cõi giới	Thể	Nơi	Các loại Trí	Các loại ý thức
Tự nhiên	Tự nhiên	Huyết, Khí, Điện, sự Sáng	Toàn thân	Trí	Ý thức
Siêu nhiên	Siêu nhiên	Điện, sự Sáng	Đầu, não, Hệ thần kinh đối giao cảm	Siêu Trí	Siêu Ý thức
Siêu siêu nhiên	Siêu siêu nhiên	sự Sáng	Tế bào tủy và não	Siêu siêu Trí (Tuệ)	Siêu siêu Ý thức
		----- sự Sáng bức xạ	----- vũ trụ	----- Tuệ	----- Hiểu tức thì Nguyên Lý

Các loại ý thức liên quan đến sự Hiểu, Biết của con người.

Sự hiểu biết của con người được mở rộng hay thu hẹp do sự châu biến của năng lực tương quan, tương ứng với sinh hoạt (cảm giác, tình cảm, tư tưởng) với mỗi cõi giới (Thân, Tâm, Trí, siêu Trí, Tuệ...) với mỗi loại thân và với mỗi giác quan (trực giác quan, linh giác quan).

Sự mở rộng của Hiểu Biết qua ý thức còn liên quan đến chức năng của Trí và mức tiến hóa.

Con người hơn thú vật nhờ ở Tâm, Trí, do có tình cảm và Trí khôn. Nhưng với con người, cá nhân này hơn cá nhân kia ở sự sử dụng những chức năng của Trí.

Những chức năng này với mức tiến hóa khác nhau do sự tuần tự và thời gian được tạo nên. Và chức năng được sinh hóa sau cùng tiến hóa hơn những chức năng có trước.

Những chức năng đầu tiên liên quan đến thế giới hữu hình, tự nhiên, tạo nên những chức năng liên quan đến thế giới siêu hình (siêu nhiên) và cuối cùng đến thế giới siêu siêu hình (siêu siêu nhiên hay vô hình).

Tiến trình tiến hóa của Trí theo chức năng:

Từ Trí quan sát → Trí nhớ → Trí suy nghĩ → Trí thông minh

Chức năng của Trí	Cõi giới và thể giới	Hình, và Lý
Trí thông minh ↑	Siêu siêu nhiên	Vô hình (Lý)
↑ Trí suy nghĩ	Siêu siêu nhiên ----- Siêu nhiên	Vô hình ----- Siêu hình
↑ Trí nhớ	Siêu nhiên	Siêu hình
↑ Trí quan sát	Tự nhiên	Hữu hình

3. Ý thức trong Luân hồi

Một trong những nhân tố tạo nên Luân hồi (là sự chuyển tiếp từ kiếp này sang đời sống khác) là ý thức.

Sự chuyển tiếp này không theo sự qui định chung về thời gian. Nó do ở cường độ của ý thức trong ký ức về hành vi Thuận Lý hay Nghịch Lý đã trải qua trong quá khứ (1), mà sự chuyển tiếp xảy ra nhanh hay chậm cho mỗi cá nhân.

Ý thức càng sinh động thì từ sự sinh động đó, mà ý thức được tồn tại.

Sự tồn tại kéo dài nhiều năm, dù cho Nhục thân có tan rã đi nữa, hay là có sự chuyển kiếp.

(Về sinh lý, ý thức liên quan đến hệ thần kinh ngoại biên, hệ thần kinh trung tâm, và não. Nói cách khác, cái Biết liên quan đến hệ thần kinh và não.

Còn Hiểu chỉ liên quan đến sự Sáng của não. Hay là, chỉ có sự Sáng của các loại Trí mới Hiểu mà thôi).

Ý thức trong ký ức là một động lực tồn tại (nhiều hay ít năm) còn được gọi là Nghiệp. Nó là động lực tồn tại trong sự chuyển tiếp của nhiều đời sống liên quan đến mỗi loại Thân, đến Tâm, Trí (đến cảm giác, tình cảm và tư tưởng), mà mỗi yếu tố có sức sống khác nhau từ trăm năm đến mười ngàn năm, hay đó là sức tồn tại của một loại Nghiệp liên quan đến cảm giác, tình cảm và tư tưởng có sức sinh động trong khoảng thời gian trên.

Nghiệp trong quá khứ lại trở thành mầm mống của đời sống hiện tại.

(1) Người vừa sinh ra, đã có những bất hạnh như dui, mù, có tật bẩm sinh, với cha mẹ sống trong hoàn cảnh tốt. Không do di truyền, ông bà, cha mẹ không phải là trí thức, nhưng trẻ sinh ra đã là thân đồng, thiên tài năng rồi.

Nó do con người tạo ra, nên Nghiệp cũng do nơi Hiểu Biết của con người hóa giải nó, xóa bỏ nó để tiến hóa tuyệt đối.

Như vậy, loại thân nào mới hết Nghiệp và tiến hóa tuyệt đối.

- Loại thân nào cũng có Nghiệp (1) của loại thân đó, nhưng sự tạo ra Nghiệp (Phước, Họa, Đức, Ác đức, Đạo, Ác Đạo ...) không phải là các loại thân tạo ra, nhưng chính những bộ phận vô hình bên trong khởi sinh trước. và các loại thân chỉ thực hiện theo.

Như Nhục thân, không phải Nhục thân thực hiện trước, nhưng là Tâm, Trí (tâm hồn) khởi sinh tâm tư trước. Tức là, nguyên nhân chính để tạo ra Nghiệp (Thiện, Ác) là tâm hồn.

Khí thân cũng vậy, không phải tự Khí thân hoạt động trước, mà do linh hồn (siêu Tâm, siêu Trí) khởi sinh Nghiệp trước. (Phần tâm hồn không còn vương vấn trực tiếp việc thế gian qua các tạng khí, chỉ còn năng lực tồn tại, khi năng lực này toát ra khỏi Nhục thân và sinh động trong thời gian sinh động của khí lực quanh địa cầu).

Điện thân cũng không ngoài định luật này. Linh hồn hoạt động khởi sinh Nghiệp (Đức hoặc Ác đức), còn Điện thân chỉ là phương tiện để thực hiện những gì do linh hồn điều khiển mà thôi.

Tóm lại:

Tiến hóa tuyệt đối chỉ có Quang thân, khi Tuệ, Tánh nhập vào năng lực nguyên thủy của vũ trụ, giác ngộ Nguyên Lý của vũ trụ. Và mọi tư tưởng và việc làm từ Nguyên Lý không có Nghiệp của một bản ngã (2).

Hay nói một cách khác, “những gì từ Thiên Lý, cũng như từ Thiên Tuệ, Thiên Tánh trong một sinh tạo, không có Nghiệp”.

Còn tất cả loại thân đều có Nghiệp, và Nghiệp là việc làm của con người, ma, quỷ, thần, thánh, của mọi loại sinh linh... Những sinh tạo, với loại thân siêu hình và siêu siêu hình này vẫn còn tạo nên việc làm, tạo nên Nghiệp lành, dữ.

Nếu không, làm sao có những việc lạ lùng, những điều phi thường ngày nay vẫn xảy ra.

Như vậy, những sinh tạo này vẫn còn hoạt động, chỉ là nhãn quan con người không thể thấy được mà thôi.

4. Hóa giải mọi nhân tố tạo nên Nghiệp

Cách sống của bản ngã tạo nên Nghiệp, để từ Nghiệp đưa con người vào vòng Luân hồi để tiến hóa. Sự chuyển kiếp làm chậm sự tiến hóa của sinh linh. Hay là, cách sống không có định hướng đến mức tiến hóa tuyệt đối đưa con người vào vòng Sinh Diệt.

(1) Tư tưởng và việc làm có tính Thiện, Ác, làm tốt, xấu cho chính mình và cho tha nhân, và cho các loại sinh linh.

(2) “Còn bản ngã còn Nghiệp”. “Còn Nghiệp, còn Nghiệp báo” (còn Lành, còn Dữ) còn đối đãi.

Nhận rõ được sự trở ngại của sự tiến hóa, con người sống bằng chơn Ngã có thể hóa giải được mọi nhân tố tạo nên Nghiệp, mầm mống của Luân hồi. đó là sống Đạo (1).

Sống Đạo là sống hoàn toàn bằng sự sống (sự Sáng), khi đó mọi ảnh hưởng của sức sống (nhân tố tạo Nghiệp) đều được hóa giải. Vì sự Sáng có khả năng hóa giải mọi độc tố của Điện, Khí, Huyết, mà chúng là những nhân tố của Nghiệp, sinh động dưới dạng là tư tưởng, tình cảm và cảm giác.

Tư tưởng, tình cảm, cảm giác là năng lượng với sức sống khác nhau do thành phần cấu tạo. Và theo đó, mỗi loại Nghiệp cũng có sức tồn tại khác nhau.

Tư tưởng được tạo nên bằng sự Sáng và Điện: sức sống động kéo dài trên dưới một vạn năm, tùy theo cường độ của mỗi tư tưởng.

Tình cảm được phối hợp bằng Khí và Điện: sức sống có thể tồn tại trên dưới một ngàn năm.

Cảm giác được cấu tạo bằng Khí, Huyết: sức sống trên dưới một trăm năm.

Sự sống (sự Sáng) có khả năng tuyệt đối hóa giải mọi độc tố (mọi Nghiệp) dù cho sức tồn tại của nó có thể kéo dài hàng vạn năm, kể cả tính chất Thiện, Ác trong đó.

(“Nghiệp Ác, Thiện” phải được hóa giải, vì Thiện có lúc phải nhiễm Ác, khi nó chưa toàn Thiện, hay khi nó chưa có tính miễn nhiễm).

Tương tự như vậy, nước biển (2) nhờ có chất mặn, nên nó chẳng bị hư thối. Do đó, nó có “đặc tính hóa giải mọi độc tố” của mọi nước sông đổ vào biển, hoặc nước sạch không có độc tố, nó cũng trở nên mặn để không hư thối (3).

Trên đây là “Lý” của sự hóa giải Nghiệp, được chứng minh từ những hiện tượng hữu hình. Nhưng phần thực hành thì vô hình, tức là phương pháp thực hành những nhân tố vô hình có sự sống sinh động.

Nếu muốn sống hoàn toàn bằng sự Sáng (sự sống) thì sự Hiểu luôn luôn sinh động, tức là các loại Trí phải luôn linh hoạt, và ở trong trạng thái tỉnh táo nhất của sự tỉnh thức. Hay là, “sự tỉnh táo nhất là dấu hiệu của sự Hiểu nhiều và nhanh nhất, lúc đó sự Biết và sự cảm nhận không xảy ra, hoặc ngưng hoạt động”.

(1) “Đạo” là cốt lõi của tôn giáo, có trước sự tạo thành vũ trụ, tức là nó có trước Thiên Cơ, Thiên Năng. “Đạo” sinh động trong Nguyên Lý của vũ trụ được tạo nên từ Thiên Tuệ, Thiên Tánh sinh động trong thể vô sanh là sự Sáng của vũ trụ.

Tôn giáo do con người làm ra cho loài người hoặc qua sự mạc khải để tiến hóa con người bằng giáo lý, để tuấn tự xóa thù tình, chuyển sang cách sống của nhân tính rồi đến tính siêu nhiên... “Đạo” dành cho sự tiến hóa của mọi sinh linh, Tôn giáo dành cho nhân loại.

(2) Nước biển còn, loài người không bị diệt vì thiếu nước uống.

(3) Các nguồn nước phải đổ ra biển để được chất mặn giữ cho không hư thối. Sau đó, nước bốc hơi lên làm mưa để được tái dụng. Hiện tượng chuyển thể này nằm trong sự quan phòng của tạo hóa.

Sống bằng sự Sáng, Nghiệp được hóa giải, đời sống siêu thoát.

Vậy siêu thoát là gì?

- Thân người chết không thể siêu thoát, chỉ có tâm hồn hay linh hồn trong thân thoát ra mới siêu thoát được. Nếu như tâm hồn còn vương Nghiệp thì tâm hồn đó vẫn chưa siêu thoát được.

Vậy siêu thoát trong cách sống bằng sự Sáng như thế nào?

- Đây là trạng thái của sự Hiểu đơn độc của Trí, không còn sự Biết của các giác quan (5 giác quan và 3 trực giác quan) dù cho sự Biết đó do sự thu nhận của đối tượng, hay những hiện tượng hiện hữu và siêu hình qua các loại giác quan.

Tóm lại:

“Cái Biết không còn, chỉ còn sự Hiểu sinh động đơn độc, đó là siêu thoát”.

Đối với người thường: “Thân chết, Tâm còn sinh động”, chưa siêu thoát được.

Đạo nhân: “Tâm chết (1), Thân còn”, đời sống đã siêu thoát.

Người thường: Thân chết, nhưng tâm trạng, tình cảm còn sinh động trong bầu khí quyền dưới dạng năng lượng (là Khí, Điện), còn liên quan đến Ngũ hành, vẫn còn Sinh Diệt diễn tiến trong Ngũ hành, chưa lọt vào vòng Âm, Dương.

Đạo nhân: Tâm chết lúc Nhục thân còn sống. “Tâm chết là Tâm chơn không”, mọi dao động của tâm trạng không còn nữa.

“Tâm chơn không chẳng vương Ngũ hành, lọt vào vòng Âm Dương, chẳng còn Sinh Diệt, nhưng hằng sinh động, tức là chỉ có Sinh không còn Diệt.”

Giải thoát khỏi cõi trần bằng Tâm chơn không.

a. Sự vĩ đại của vũ trụ và của con người

Từ sự siêu thoát, Trí khôn của con người cảm nghiệm được sự vĩ đại của vũ trụ ngay trong con người.

Sự vĩ đại này ở đâu?

- Sự vĩ đại của vũ trụ và của con người ở trong trạng thái hư vô (chơn không), hay là trạng thái nguyên thủy chưa sinh ra một tạo vật nào (trạng thái nguyên thủy của sự sáng tạo).

Sự vĩ đại của vũ trụ là sự chứa đựng tất cả mọi tạo vật to đến cực nhỏ, dù cho tạo vật đó là siêu siêu hình (hoặc vô hình), siêu hình hay hữu hình.

Đối với con người, tạo vật là tư tưởng, tình cảm, cảm giác, hay những gì có hình dáng, bóng, có danh xưng v.v..., hay là những gì có trong không gian và thời gian có hạn, cũng không phải là sự tuyệt đối như Hư vô.

Làm sao sử dụng trạng thái Hư vô trong sinh hoạt xã hội?

- Trong trạng thái Hư vô, thể Sáng của Tuệ hợp nhất với thể Sáng của vũ trụ.

(1) *Tâm chết*: 1. Không còn tâm trạng của bản ngã nổi lên, nhưng nhân tình vẫn sinh động.

2. Tận diệt chủng từ Luân hồi của Tâm, từ quá khứ, để Tuệ xuất hiện.

Thê sáng luôn sinh động trong trạng thái Hư vô.

Trong sinh hoạt xã hội, sự Sáng của Trí luôn sinh động, cảm nhận mọi hiện tượng qua các giác quan mà không có sự dao động của Tâm trạng, định kiến của chức năng suy nghĩ và ký ức của Trí.

Sự cảm nhận này giống như hình dáng in bóng trên mặt nước phẳng lặng, không sóng, một cách rõ rệt.

Mặt nước phẳng lặng, không sóng dậy, được coi như Tâm an. Nước trong, bóng hiện rõ, được coi như cực sáng.

Với những trạng thái như vậy, sự thu nhận những sinh hoạt của xã hội mới hoàn toàn đúng với thực tế và thực thể của hiện tượng (1).

Tương tự như, hình dáng in bóng trên mặt nước, nhưng không làm dao động mặt nước. Việc đòi cũng vậy, mọi hiện tượng hiện ra trong Trí, nhưng Tâm không dao động.

Đó là trạng thái Hư vô ứng dụng trong đời sống xã hội.

Sự vĩ đại của vũ trụ thình lạng. Hay là sự thình lạng mệnh mang trong vũ trụ là sự vĩ đại của vũ trụ. Với con người cũng vậy, “sự thình lạng mệnh mang của Tâm, Trí toát ra sự vĩ đại của sự sống”.

b. Đạo nhân sống bằng sự sống, phạm nhân sống bằng sức sống

- Sống bằng sự sống

Sinh hoạt bằng sự sống trong đời, là sinh hoạt bằng sự Sáng, sự sáng suốt và huyền năng của Trí, siêu Trí, Tuệ.

Sinh hoạt này của loài người trong con người, liên quan mật thiết đến sinh linh sống bằng sự Sáng.

“Sống bằng cái Một” và “trong cái Một” – Cái Một không danh xưng, nên sống bằng chơn Ngã – Vô hữu, nên vô danh xưng.

Cái “Một” như thế nào?

- Con người không còn gì hết,

Nhưng cả một vũ trụ sinh động trong con người.

Chẳng phải con người đắc Đạo, nhờ công phu.

Nhưng “Đạo hiện hữu sinh động trong ý thức con người.

Chẳng cần công phu mà có, “rót ráo, tự toại, tuyệt rót ráo”.

Trong cái Một, chẳng biết ngày giờ, tháng, năm.

Đi, ở, chẳng bận tâm, bởi “Tâm, Trí là nhà”.

Làm sao nhận biết Đạo nhân?

- Ánh mắt mệnh mang, trạng thái Hư vô

(1) Lời nói, dù có diễn tả nhiều đến đâu, cũng không thể kể hết những sinh động có trong trạng thái Hư vô. Nhưng ít ra, cũng nên nói đến sự Cực lạc sinh động trong não bộ và toàn thân. Trí thông minh luôn tỉnh táo vì chức năng Hiểu của Trí đạt được ở mức cao nhất.

Ngôn ngữ toát ra sự sinh động (của) Nguyên Lý.

Làm sao “đắc Đạo” nhanh như vậy?

- “Chỉ cần biết cái Không”. “Và dùng mãi nó”.

Hay là:

“Ý thức được Hư vô, bản ngã tan biến”.

“Cái Một mệnh mang, tức thì hiện ra”.

Đó là “Ngộ Đạo” và luôn sống mãi như vậy, tất “thành Đạo” (hay đắc Đạo) vậy.

c. Tính rất ráo trong việc đi tìm sự sống

“Đi tìm sự sống và để sống bằng sự sống” qua các phương pháp, phương thức trong sự tu luyện, sống Đạo, đừng bao giờ nghĩ đến ngôi vị của mình sẽ đạt được. Bởi vì, sự suy nghĩ đó sẽ giới hạn mục tiêu tìm kiếm của mình trong sự tương đối của sự so sánh giữa các ngôi vị.

Ngôi vị này do con người đặt ra trong sự cố gắng, công phu của loài người trên địa cầu.

Sự sống (sự hằng sống) thuộc về sự sinh động của vũ trụ mà con người đạt được. Sống bằng sự sống của vũ trụ là sự tiến hóa tuyệt đối của con người qua sự vận dụng của thể Sáng vũ trụ không ngôi vị, không danh xưng.

Cũng như “sự sống” (sự hằng sống) của vũ trụ, sự hằng hữu, tự hữu của nó là nguyên năng sinh hóa ra mọi tạo vật, làm gì có danh xưng, có ngôi vị.

Như vậy, “đi tìm sự sống và sống bằng sự sống” mới rất ráo được.

1. Bộ phận có khả năng tuyệt đối

Bộ phận có khả năng tuyệt đối trên mọi chức năng là “sự Sáng thuần túy trong não bộ”.

Nó bao trùm mọi chức năng sinh hoạt, sự hoạt động của mọi chức năng của các loại thân liên quan đến 3 cõi giới trong con người.

Một trong những đặc tính của sự Sáng thuần túy vô nhiễm là sự hằng sống. Với tạo vật, sự sống này được nối tiếp, diễn tiến bằng sự di truyền qua sức sống có hạn của mỗi loài.

Sự di truyền từ sự Sáng thuần túy rất kỳ diệu và mẫu nhiệm trong sự sinh hóa ngay trong mỗi người.

Con người là một sinh tạo, trong đó có những tạo vật khác được tạo nên như Tâm, Trí, Tánh, Lương Tâm. Điều này chứng minh, từ một sinh tạo hữu hình, sinh hóa ra những tạo vật siêu hình và vô hình.

Và những tạo vật vô hình cũng sinh hóa. Như Trí, Tâm

Trí (vô hình) sinh hóa ra $\rightarrow \begin{cases} \text{Vô hình (như Lý)} \\ \text{Siêu hình (tư tưởng có hình ảnh)} \\ \text{Hữu hình (tác tạo vật dụng)} \end{cases}$

Tâm (vô hình) sinh hóa ra tâm trạng, tình cảm. Nhưng sự sinh hóa không kỳ diệu bằng sự chuyển hóa ở con người, là từ sự thụ tạo có thể trở nên sáng tạo.

Do đâu, từ thụ tạo trở nên sáng tạo?

- Trở nên sáng tạo, sự thụ tạo mới nhập được vào thành tố của vũ trụ.

Trong con người, đó là những gì vô hình có sự sống sinh động trong sức sống. Từ sự sống đó sinh động mãi để đạt được mức hằng sống, hằng hữu.

Trừ sức sống có hạn của Nhục thân ra, những bộ phận vô hình khác như: Tâm, Trí, Tuệ, Lương Tâm... đều có sự sống.

“Sự sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ” xảy ra ở 3 cõi giới trong con người, nhưng chức năng quan trọng nhất ở con người bình thường là Trí.

Thân, Tâm, Trí là 3 cõi giới mà mỗi cõi có nhiều chức năng, nhưng quan trọng hơn hết trong sự tiến bộ và tiến hóa là chức năng của Trí. Tại sao?

- Vì chúng liên quan đến sự Sáng. Chúng có khả năng làm tăng sự Sáng.

Ba chức năng (quan sát, nhớ, suy nghĩ) làm cho sự Sáng tăng, nhưng chúng phải hoạt động. Nếu không, sự Sáng không tăng.

Còn Trí thông minh, sự Sáng của nó được tạo nên do 3 chức năng kia.

Sự Sáng này tự sinh động và tự tăng trưởng mà không cần đến sự hoạt động như một chức năng. Tức là:

Sự sinh động tự động của sự Sáng của “Trí thông minh” là kết quả của những hoạt động của những chức năng quan sát, nhớ, suy nghĩ.

Trong Nhục thân, “Sự sống là kết quả của những sức sống hoạt động trong đó tiềm ẩn sự sống di truyền qua sự sinh sản”.

[Ngày nay, dân số trên địa cầu ngày càng tăng, sự sống di truyền qua sự sinh sản cũng nhiều theo. Và sự sống qua sự sống di truyền tăng trưởng, nhưng sự sống (sự Sáng) này chưa đủ khả năng để hòa nhập vào sự Sáng của vũ trụ (nguồn gốc sinh hóa và chuyển hóa). Tương tự như điện và từ trường, hay sự Sáng của “Trí thông minh” tỏa ra khỏi đầu là hào quang. Từ trường và hào quang có cường độ cao hơn điện và sự Sáng của Trí)].

2. Sự di truyền của sự sống qua các sức sống

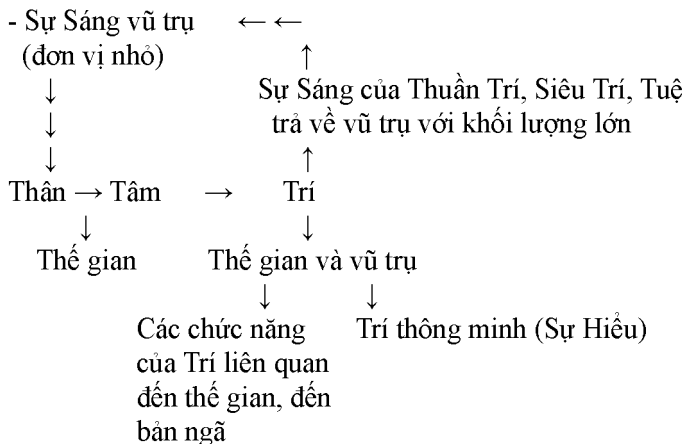
Yếu tố quan trọng của sự tiến hóa của các sinh vật là sự di truyền của sự sống qua các sức sống.

Nhờ sự sinh động của các sức sống mà sự sống tăng thêm sức tồn tại của nó.

Cũng vậy, trong con người, nhờ vào sự sinh động của Huyết, Khí, Điện mà sự Sáng được tăng thêm.

Làm sao biết được sự Sáng trong con người tăng lên?

- Sự Sáng sinh động trong Trí. Khi các chức năng của Trí (như quan sát, nhớ, suy nghĩ) trở nên linh hoạt, bén nhạy, nhanh nhẹn... Đó là dấu chỉ chứng tỏ sự Sáng tăng lên.



g. Ý thức trong sự quan sát

Ý thức trong sự quan sát của ngoại cảnh, Trí năng tăng; bên trong, ý thức trong sự quan sát những sinh động vô hình, sự sáng suốt của Trí tăng thêm sức biện biệt (biện luận và phân biệt), nhận ra sự đúng sai, phải trái v.v...

Như khi Trí sáng suốt, lúc đó chính mình thấy được cái Ngu trong việc làm sai lầm, xấu xa. Nhưng khi sự đam mê, cảm dỗ nổi lên, mình không thấy được cái Ngu trong việc làm.

Thí dụ: đam mê sắc dục, cờ bạc..., và thua thiệt vì chúng.

Cho nên nói rằng: “Lúc đam mê, ta thấy ta Khôn, mạnh dạn liều lĩnh; hết đam mê, ý thức được mình Ngu, Đại”.

Sinh hoạt này biểu lộ sự kém ý thức trong sự quan sát bên trong.

Sự quan sát bên trong mở rộng tầm cỡ quan sát vào 3 cõi giới và cả 3 thể giới của vũ trụ (qua sự đồng nhất của 2 vũ trụ) vào sự toàn diện của 3 đời sống (vật chất, tinh thần và tâm linh). Nhờ đó, sinh hoạt của cuộc sống trở nên phong phú, đa dạng với sự ứng dụng những bộ phận vô hình.

Sự phong phú, đa dạng của sinh hoạt mang nhiều tính cách của sự kỳ diệu, linh thiêng và mâu nhiệm của những bộ phận vô hình như Hồn, Vía, Thần, Chơn Tâm, siêu Tâm, Lương Tâm, Chơn Trí, siêu Trí, Tuệ v.v...

Những sinh hoạt đó hình thành nhiều loại Thân sinh động trong Nhục thân.

Muốn cho sự quan sát được tiến hóa, hành giả phải luyện chức năng quan sát từ ngoài vào trong, từ vật hữu hình sang những tạo vật siêu hình (như tinh cảm, tư tưởng), và vô hình.

Tập từ khả năng quan sát của các giác quan đến sự quan sát của các trực giác quan, từ mức độ đơn giản đến tinh vi, phức tạp của chức năng quan sát (như thấy, nhìn, ngửi, thưởng thức, biện biệt ...), tức là sự thấy của thị giác quan đến sự chú ý của Trí cùng lúc với chức năng thấy

(Trí + chức năng thấy)

1

đến sự thưởng thức cùng lúc của Tâm, Trí, chức năng thấy

(Tâm + Trí + chức năng thấy)

1

và đến biện biệt

(Trí + Lý + chức năng thấy)

1

Thí dụ: quan sát bên trong của Thân, Tâm, Trí

Ở Thân, quan sát:

- Nhịp tim mạnh, nhẹ của quả tim. Nhịp đập của thực lực của tim ở đầu (Thần của máu đỏ).

- Khí lực trong nội thân.
- Sự sinh động của sự sống ở não.
- Cảm nghiệm về tính chất của Khí trong nội thân: độc khí, trọc khí, thanh khí, khí loạn (Dương khí, Âm khí loạn chức năng ở tam tiêu).
- Độc khí ở nội thân: có sự đau đớn cho tế bào các tạng, phủ ở khớp xương.
- Trọc khí ở nội thân: có ngứa ở ngoài da.
- Thanh khí ở nội thân: các tế bào có lực, trông mắt có màu xanh, con người cảm thấy khỏe, dễ chịu.
- Loạn khí: Âm khí chuyển động ở thượng tiêu, Dương khí ở hạ tiêu. Nặng thì bụng đau; nhẹ thì lòng bồn bồn, bứt rứt, ngủ nằm nghiêng.

Quan sát Tâm

- Tâm, trong trạng thái tự nhiên: sự xuất hiện của tâm trạng, tình cảm, sức chuyển động của Khí trong lúc tình cảm sinh động.
- Quan sát tâm cỡ châu biến của “Điện” của Tâm chơn không.
- Sự cảm ứng của nhân diện với những hiện tượng có Điện sinh động trong các cõi giới.

Quan sát Trí

- Quan sát những chức năng của Trí.
 - Phát triển khả năng của chức năng.
 - Phát triển sự sáng suốt của thể Sáng...
- Sự quan sát từ đơn giản đến phức tạp, tinh vi là sự tiến hóa.

Tiến hóa là sự đổi mới không ngừng để thăng hoa đời sống từ thú tánh trong cảm giác sang nhân tánh, rồi từ nhân tánh sang Thiên tánh (tánh siêu nhiên trong Tâm, Trí, Tánh).

Nổi cách khác, có sự tiến hóa từ đời sống vật chất sang tinh thần và sang đời sống tâm linh.

Sự tiến hóa làm đổi thay một số sinh hoạt liên quan:

Tánh	Thú tánh	Nhân tánh	Thiên tánh (1)
Đời sống	vật chất	tinh thần	tâm linh
Nhân vận	rủi ro (2)	may mắn do địa cầu cung cấp	Thiên Ân (3)
Sinh hoạt	cảm giác	tình cảm	đức tính, đạo tính
Bộ phận	Thân	tâm hồn	linh hồn

(1), (2), (3) Xin xem ở cuối trang 403.

Ý thức trong sự quan sát làm thay đổi cách sống, nhưng muốn tiến hóa, con người cần đến cách nhìn toàn diện.

Cách nhìn này vừa chủ quan, vừa khách quan.

Thí dụ: Dùng một vị ngon (thuộc đời sống vật chất)

Chủ quan: thụ hưởng, thường thức vị ngon.

Khách quan: quan sát ảnh hưởng của vị ngon tác động đến cơ thể.

Thí dụ: Nghe âm thanh hay (đời sống tinh thần)

Chủ quan: thường thức cái hay, vẻ đẹp của âm thanh.

Khách quan: quan sát ảnh hưởng của âm thanh tác động đến tâm hồn.

Tóm lại:

Ý thức trong sự quan sát tất cả những gì thuộc về đời sống vật chất, tinh thần và tâm linh, con người đều có thể thụ hưởng, trong đó có cả sự tiến hóa, hay là “con người thụ hưởng trong sự tiến hóa”.

Người hiểu rõ điều này, và thực hành, mới thật sự biết cách sống, và không phí phạm thời gian tiến hóa.

(1)Được quan phòng từ Tạo hóa.

(2)Rủi ro: do cảm giác, là nguồn gốc sinh ra, tương tự như thú vật được sinh ra để tồn tại. Nhưng chúng là vật hy sinh cho nhau. Chúng ăn lẫn nhau để tồn tại.

(3)Thiên Ân: người có Thiên Ân trong đời sống:

- Được đầy đủ về nhu cầu vật chất.

- Sung mãn trong đời sống tinh thần.

- Được ơn mạc khải (ơn soi sáng) để tiến hóa đời sống tâm linh.

CẤU TRÚC HUYỀN BÍ TRONG TIÊU VŨ TRỤ

Thiên, Địa, Nhân là Tam tài – ba cái to lớn trong vũ trụ.

Nhưng trong Nhân (trong con người), là nơi chứa đựng những tinh hoa có sức sống của vũ trụ và địa cầu.

Những tinh hoa này được chứa trong năng lực của vũ trụ, trong 4 thể linh thiêng sinh động trong Nhục thân. Tất cả những gì có sức sống, có sự sinh động như mặt trời, mặt trăng, các tinh tú v.v... cũng ảnh hưởng đến Nhục thân, đến 4 thể linh thiêng trong con người, tức là năng lượng trong vũ trụ ảnh hưởng đến năng lượng trong con người.

Như, sự quay vòng của địa cầu ảnh hưởng đến Nhục thân, đến sự thức, ngủ của con người. Hay là, ngày và đêm ảnh hưởng đến sự thức, ngủ của con người.

Nhưng bên ngoài bóng che của địa cầu, đêm chẳng có, chỉ toàn là ánh sáng. Một loại ánh sáng không có một vật nào để phản chiếu.

Hiện tượng này cũng ảnh hưởng đến sự ngủ, thức của con người, không còn sự bình thường của sự luân phiên ngày và đêm nữa. Lúc nào cũng là ngày, khiến cho Trí con người tỉnh thức hơn là nghỉ, ngủ.

“Thiên, Địa, Nhân”, khởi đầu, Tam tài đều linh thiêng. Địa khí, long khí (1) đều tốt, nhưng con người vì không hiểu, làm cho môi trường trở nên ô ứ.

Do đó, nơi nào bị ô ứ, hôi thối do xác chết sinh vật (mùi hôi thối do xác con người rất nặng, rất ô ứ) làm tan khí thiêng, máu chảy xuống, ngấm đất, làm hại long khí, thì sự linh thiêng nơi đó giảm, hay bị mất đi.

(Những nơi con người thờ phượng trở nên linh thiêng là do nơi Tâm, Trí, tức là do Điện và sự Sáng tập trung vào hướng đó, thì nơi đó trở nên linh thiêng.

Nếu có máu đổ, do hận thù, dâm dục, ô ứ ở những nơi đó, sự linh thiêng sẽ mất.

Đời sống tâm linh thì linh thiêng, nếu có tâm trạng nặng nề (khí độc, khí dơ) cảm giác ô ứ... thì Tánh linh sẽ mất, vì khí, huyết trược mà sinh động, thì Điện và sự Sáng ngưng động).

Những dấu hiệu nào xuất hiện để con người nhận ra Thiên linh, Địa linh, Nhân linh được?

- Núi cao, cây to, rừng không rậm, sa mạc... hay những nơi không có ác thú,

(1) “Long khí” gồm có Điện là chính. Nó có từ trường của Điện tỏa ra trên mặt đất, và khí trong đất. Từ trường của Điện tỏa ra làm cho vùng đó trở nên vô trọng lực, “không bị oxy hóa”, nên thân xác chôn nơi đó không bị hủy hoại, ngành Phong thủy gọi là Long mạch, nơi đó gọi là Long Huyệt.

Còn Khí, là thoát khí, thanh khí, lan sâu vào lòng đất, nên nước ngầm rất trong và ngọt, uống vào, lâu khát vì nó chứa nhiều oxy.

độc thú, ác nhân, độc nhân..., tức là những nơi không có sự Độc, Ác, Dữ... xuất hiện, không có máu đổ, chết chóc của động vật, thì “nơi đó có thanh khí, thoai khí, vì Điện và sự Sáng nơi đây rất mạnh” (1).

Nếu thanh khí hay thoai khí nơi đó bị ô nhiễm bởi trực khí từ mặt đất bốc lên, hay từ nơi khác thổi đến, nơi đó sẽ có nhiều sấm nổ, chớp lóe lên để làm tan trực khí dù trong mùa nắng ráo.

Nơi nào có Điện và sự Sáng sinh động, ác thú, độc thú, thú vật... không thể đến ở được, vì chúng chủ yếu sống bằng thể Thủy. Chỉ có người sống bằng Tâm linh, Tánh linh mới có thể đến và ở nơi này được thôi.

- Thiên linh xuất hiện ở nơi nào, nơi đó thành linh địa. Mức linh thiêng của địa linh tăng, giảm hoặc còn hay mất, do cường độ của (2) đức tin hay do sự ô uế xúc phạm của con người.

- Nhân linh ở nơi nào, nơi đó trở nên lành, có thoai khí, người và vật đều tốt.

Nhân linh do đâu mà có

- Do Tâm cực sạch, Trí cực sáng (3). Nhân linh lúc nào cũng Hiếu.

Hiếu là sự sinh động của sự Sáng. Hay là sự Sáng sinh động, nên có sự linh thiêng. Sự Sáng sinh động, hay sự linh thiêng sinh động. Nó đẩy những độc tố của Điện, Khí, Huyết ra hay là nó đẩy những ô uế ra khỏi nơi đó.

- Thiên linh cùng nhân linh hiện ở vùng nào, nơi đó thành thánh địa. Thiên và Nhân hòa hợp, tâm linh tăng trưởng. Con người ở vùng đó, siêu Trí phát triển, thăng hoa, sẽ xuất hiện đạo nhân, thánh nhân, nhà đạo đức... Họ hóa giải tâm trạng, ý nghĩ xấu xa của con người bằng Đạo lý, Triết lý v.v...

(Đạo lý, Triết lý chân chính được dùng để tiến hóa Tâm, Trí con người. Nếu chúng không tiến hóa được Tâm, Trí con người, không “thiện hóa”, “thánh thiện hóa” được con người, thì chúng không chân chính. Tức là, Đạo lý và Triết lý đều là chân lý để tiến hóa Tâm, Trí con người).

Trong con người, lấy gì để nhận ra Thiên linh, Địa linh, Nhân linh?

- Sự linh thiêng của Tam tài chỉ nhận ra được bằng sự linh cảm của linh hồn (của siêu Tâm và siêu Trí). Vì chỉ có Điện và sự Sáng của linh hồn mới hòa nhập và cảm ứng được với hai thể cùng loại có sự linh thiêng của Tam tài mà thôi.

(1) Thanh khí, thoai khí: khi trong sạch, và khí lành, là không khí nơi đó không bị ô nhiễm bởi những sự hôi thối. Từ xa đến nơi này, người tuy mệt nhưng không cảm thấy khát nhiều.

Điện và sự Sáng mạnh:

1. Đến nơi này, hệ thần kinh chạy sau đầu, cổ và vai... cảm thấy nhẹ nhàng...

2. Trí minh mẫn, linh hoạt, có tốc độ suy nghĩ nhanh.

(2) Cường độ đức tin được thể hiện bằng nhiều cách: bằng những chuyến hành hương, đến để xin ơn, chữa bệnh của thân xác, tâm hồn..., cầu nguyện, trang hoàng, tôn nghiêm, thờ phượng...

(3) Tâm không còn tâm trạng, ngũ khí không động, chỉ còn Dương và Âm sinh động.

Trí thông minh hoạt động, chỉ có sự sáng suốt sinh động.

Tinh hoa của năng lực của vũ trụ trong con người ai cũng có, nhưng sự linh thiêng của Tam tài thì rất hiếm trong đời sống.

Đời sống con người là sự tổng hợp sinh động và hoạt động của Thân, Tâm, Trí, nhưng phải là một sự tổng hợp hoàn hảo của một thân thể khỏe mạnh, cái Tâm thiện, và một Trí thông minh. Như vậy mới đúng Thiên ý trong sự sáng tạo.

Do đó, đặc tính của đời sống con người bao gồm sự khỏe mạnh, sự Thiện và sự thông minh.

Không phải bất cứ ai cũng có được sự toàn hảo này. Có người chỉ được hưởng hai phần ba hay được một phần ba của sự toàn hảo này.

Sự toàn hảo có trong con người không phải tự có, vì Nhục thân chỉ có sức sống, nhưng có một thành tố có sự sống sinh động. Sự sống này liên quan đến Tạo hóa.

Những gì từ Tạo hóa tỏa ra đều là sự sống, còn những gì do tạo vật mà ra, đều là sức sống.

Sự sống được bộc lộ ra bằng sự sinh động vĩnh cửu của nó, như trong Thiên Lý, Thiên Cơ và Thiên Năng.

Có gì sinh động trong Thiên Lý, Thiên Cơ và Thiên Năng?

- Sự sinh động trong Thiên Lý, là Thiên Tuệ, Thiên Tánh.
- Sự sinh động trong Thiên Cơ, là Dương và Âm của 4 thể.
- Sự sinh động trong Thiên Năng là năng lực tiên thiên và hậu thiên.

Do có sự sinh động, tác động của Thiên Tuệ, Thiên Tánh trong Thiên Lý, nên Thiên Lý có sự toàn hảo. Trong con người, bộ phận vô hình nào có chức năng cảm ứng và hợp nhất với sự toàn hảo của Thiên Lý?

- Bộ phận này là Lương Tâm. Nó cảm ứng và hợp nhất với Thiên Lý qua sự Sáng, sự sống của Trí trong đó mà có được sự minh triết, sự khôn ngoan, tình thương vô nguồn gốc thể gian (Đạo Bí), sự linh thiêng và mẫu nhiệm.

Sống bằng những điều trên, con người không còn bản ngã của thể gian nữa. Những đặc tính trên, sinh động mãi mãi để tạo nên chơn Ngã.

Nói cách khác, chơn Ngã sinh hoạt bằng những đặc tính của vũ trụ, của đạo tính (Tính của Thiên Tuệ, Thiên Tánh được cảm ứng trong Lương Tâm con người).

A. CHỨC NĂNG MẪU NHIỆM

Trong người có nhiều chức năng trong những bộ phận hữu hình, siêu hình và vô hình. Tuy nhiên, chúng trở nên mẫu nhiệm, vì có sự Sáng (sự sống) sinh động trong những chức năng đó.

Hay là, trong những cấu trúc vi tế, huyền bí có sự sinh động của sự Sáng, thì những chức năng đó có sự mẫu nhiệm trong sự chuyển động, sức sống trong sự chuyển động, và sự sống trong sức sống.

Con người đi tìm sự sống, đi tìm sự linh thiêng và mẫu nhiệm trong sự sống. Nhưng khó nhận ra vì nó vô hình, và tiềm ẩn trong 2 dạng khác.

Trong con người, thể nào có sự chuyển động, thể đó có 3 dạng:

- Sự chuyển động. Sức sống trong sự chuyển động. Sự sống trong sức sống.

Ngược lại là:

- Sự sống có trong sức sống.

- Sự sống và sức sống có trong sự chuyển động.

Thí dụ: thể Huyết (máu)

- Sự chuyển động của máu là sự tuần hoàn của máu.

- Sức sống trong sự chuyển động là lực đẩy (mạnh, nhẹ, điều hòa) của máu qua bộ phận là Tim.

- Sự sống.

Nói đến sự chuyển động, phải kể đến chiều hướng chuyển động (tới, lui, theo đường thẳng, hoặc xoay tròn 360°). Có tới, lui đều đặn, là sự chuyển động có dịch kỳ (circuit).

Có tới, lui, còn dịch kỳ..., là có Dương và Âm sinh động luân phiên.

Hết dịch kỳ, Dương và Âm hòa hợp, hợp nhất, tức là sức sống trong sự chuyển động hòa vào nhau, lúc đó sự sống xuất hiện, sinh động, nên sức sống bằng với sự sống (sức sống = sự sống), thì sự chuyển động không còn, chỉ còn sự sống, không còn không gian và thời gian trong sự chuyển động và sức sống.

Trong con người có 4 thể, nhưng hai thể trong đó có ba dạng trong sự chuyển động có dịch kỳ..., là Thủy (Huyết) và Khí.

Còn Tâm và Trí, tuy có 3 dạng, nhưng chúng không có dịch kỳ. Chúng có đặc tính của vũ trụ là “không có không gian và cũng chẳng có thời gian”.

Nhưng Tâm có Dương, Âm, có Ngũ hành (sinh ra ngũ khí tâm trạng. Tâm có sức sống, nhưng không có sự chuyển động theo dịch kỳ).

Riêng Trí, hoàn toàn giống vũ trụ khi chưa sinh hóa. Đó là siêu siêu Trí (Tuệ). Còn Trí và siêu Trí còn có sự sinh hóa (là tư tưởng).

1. Tỷ lệ linh thiêng và mẫu nhiệm trong 4 thể và trong các loại thân

Vì có sự khác biệt về sự linh thiêng và mẫu nhiệm trong 4 thể, nên sinh hoạt liên quan đến những thể đó cũng có sự khác biệt tương quan.

Tỷ lệ linh thiêng và màu nhiệm	1 1/2	1/4 1/8	1/16 1/32	1/64 1/128
	----- + -	----- + -	----- + -	----- + -
Thể	sự Sáng	Điện	Khí	Huyết
Sinh hoạt tương quan	đạo tính	đức tính	tình cảm	cảm giác
Thân (các loại)	Quang thân	Điện thân	Khí thân	Thủy thân Nhục thân

Trong sinh hoạt bằng cảm giác, bằng Nhục thân, con người kém linh thiêng và màu nhiệm nhất.

Sinh hoạt bằng đức tính, bằng Điện thân, con người linh thiêng và màu nhiệm hơn.

Bên ngoài kém linh thiêng và màu nhiệm, càng sâu vào trong, sự linh thiêng và màu nhiệm càng tăng.

Sinh hoạt trong và ngoài liên quan đến mỗi đời sống, đến mỗi cõi giới, và thể giới tương quan

Đời sống vật chất: Thân chủ động (Tâm, Trí lệ thuộc) tương quan với cõi giới và thể giới tự nhiên.

Đời sống tinh thần: Tâm (Trí) tương quan với cõi giới và thể giới siêu nhiên.

Đời sống tâm linh: Trí (siêu Trí, Tuệ) sinh hoạt bằng sự Sáng, tương quan với cõi giới và thể giới siêu siêu nhiên.

- Đời sống tinh thần của cõi giới và thể giới siêu nhiên cũng còn sự vui thích. Nó không còn rung động của ngũ tạng khí, mà là sự chấn động của tần số của nhân điện.

Sự vui thích của trực giác quan đưa vào siêu Trí qua sự cảm nhận của huyền sắc, huyền âm, huyền hương (là những rung động bằng tần số của điện).

Mọi sinh hoạt của Điện thân, siêu Tâm, siêu Trí đều xảy ra bằng tốc độ của điện.

Sự vui thích của nhân điện sinh ra gọi là “Lạc”. Tức là, “Lạc” cái vui được sinh hóa từ những chấn động của nhân điện. Vì vậy, cái Vui loại này rất nhẹ nhàng trong đầu não.

Sinh hoạt trong con người không đơn giản biểu lộ bằng những động tác bên ngoài, nó bao gồm nhiều thành phần phối hợp với nhiều thể, hay là có sự cấu

tạo vật lý trong sinh hoạt.

Mỗi môi trường, do thành phần cấu tạo của các thể linh thiêng, theo đó mà tạo vật được cấu tạo và nảy sinh. Trong con người cũng vậy, sinh hoạt cũng liên quan đến các thể cấu tạo như cảm giác, tình cảm, đức tính, đạo tính ...

Cảm giác liên quan đến 4 thể:

- Huyết (Khí, Điện, sự Sáng) sinh động, sinh hoạt ở toàn thân, trong Nhục thân.

Tình cảm gồm 3 thể:

- Khí (Điện, sự Sáng) sinh động, chuyển động ở ngũ tạng, phủ, hệ thần kinh, đầu, não (đầu dính liền với nội quan).

Đức tính gồm 2 thể:

- Điện (sự Sáng) sinh động, sinh hoạt ở đầu, não.

Đạo tính chỉ có 1 thể sinh động:

- Sự Sáng sinh động, hoạt động trong não bộ.

Rõ được môi trường sinh động, chuyển động của sinh hoạt, con người có thể hướng sự hoạt động của sinh hoạt vào nơi đó, để tạo ra mức tiến hóa cho mình, hay nhắm vào mục tiêu tiến hóa để trở nên sinh linh, khi Nhục thân còn sống.

Sự cấu tạo vật lý của các dạng sinh hoạt liên hệ đến sự sinh hóa của những bộ phận vô hình.

Những bộ phận vô hình của con người sinh hóa cực nhanh là:

Trí, Tâm, sau cùng là Thân.

Tư tưởng có tốc độ nảy sinh nhanh hơn tình cảm, tình cảm nhanh hơn cảm giác.

Tốc độ nhanh xuyên qua tốc độ chậm, nhờ đó con người “tha tâm thông” được (thông hiểu, thông cảm được Tâm của người khác).

(Tha tâm thông là một hiện tượng vật lý, dùng sự trong suốt của nhân điện, châu biến của nhân điện để thu nhận những tín hiệu, hình ảnh bằng điện từ hình thành trong tâm châu biến của Tâm chơn không).

Người thường luyện cơ bắp để tăng nhanh tốc độ hoạt động của cơ bắp, nhưng người sống bằng tâm linh, luyện những bộ phận vô hình để tăng nhanh khả năng của những chức năng thuộc những bộ phận vô hình.

Như quan sát nhanh và trọn vẹn.

- Nhớ nhanh, và những dữ kiện được gọi lại nhanh.

- Suy nghĩ, tính toán, sắp xếp, phân tích, tóm tắt v.v... tất cả đều thực hiện nhanh.

Tóm lại:

Sự sinh hóa của những bộ phận vô hình cực nhanh, đối với đời sống tâm linh, nó phải thuận Thiên Lý. Muốn thuận Thiên Lý, sự sinh hóa của Trí và Tâm phải xuất nguồn từ Lương Tâm.

Vì sao con người sống bằng đời sống tâm linh phải luôn thận trọng trong sinh hoạt?

- Vì sinh hoạt là một lực, mỗi sinh hoạt là một loại lực.

Mỗi loại lực, hay mỗi sinh hoạt đều có Lực và phản lực của nó.

Như, tình thương của mình đổ vào một người thì tình thương đó trả ngược về cho mình.

Tình thương ở dạng Đức, chính mình sẽ nhận lại Đức. Trường độ và cường độ của Đức càng nhiều thì Đức được tích lũy trong mình càng tăng.

Tình thương ở dạng Nghĩa, chính mình sẽ nhận được Nghĩa.

Đức có nhiều loại Đức. Và Nghĩa cũng nhiều loại. Cũng như giống, hạt nào thì sẽ nảy sinh hạt, giống đó.

Ban bố thì sẽ được ban bố lại. Tạo cho người khác sự may mắn thì sẽ gặp lại may mắn.

Tất cả những loại Đức, Nghĩa có phản lực nhanh, đều xuất nguồn từ tình thương vô nguồn gốc thể gian (tình thương tự sinh ra từ linh hồn, từ Tánh của vũ trụ trong con người, không cần đến đối tượng).

Những thể linh thiêng quan trọng có trong thành phần cấu tạo đời sống con người, vì những gì liên quan đến Thân, Tâm, Trí, Tuệ đều xuất nguồn từ những thể linh thiêng.

Mọi hiện tượng, sinh hoạt, động tác, hoạt động từ con người đều có từ những thể linh thiêng.

Nếu biết rõ được nguồn gốc phát sinh ra những hiện tượng thì ta có thể biết được hiệu quả của nó.

Hay là, nếu ta rõ được tạo lực (nguyên nhân tạo lực), ta có thể dùng được những tạo lực đó để tạo tác, để sinh hoạt và hoạt động.

Thí dụ: Sự tách Điện thân ra khỏi Nhục thân.

Tạo lực là thể Điện, hoạt động của Điện thân là di chuyển. Nhưng điều khiển mọi lực đều do nơi sự Sáng của Trí (siêu Trí hay Tuệ).

Tóm lại: Kết quả, hiệu quả của một hiện tượng do:

- Biết được nguồn gốc của nguyên lực (nguyên nhân tạo lực).

- Điều khiển Lực bằng sự Sáng tập trung ở mức độ cao nhất (sự Sáng không phân tán ở Thân, ở Tâm và không ở chức năng quan sát, nhớ, suy nghĩ của Trí.

Hiện tượng này giống như ngủ mà có mộng, có siêu kiến. (Mọi quyền năng, pháp thuật đều do mức tập trung này).

Những thể linh thiêng còn liên quan đến nhiều yếu tố, như giá trị tinh thần, tâm linh, Lý, những bộ phận, đời sống, cõi giới v.v...

Cõi giới	Đời sống	Bộ phận	Lý	Sinh hoạt	Giá trị
Tự nhiên	vật chất	Tâm hồn (Tâm, Trí)	Luân lý Thuận Lý	tình cảm: vui mừng ----- cảm khoái	đẹp, quý ----- đúng Luân lý
Siêu nhiên	tinh thần ----- tâm linh	Tâm hồn ----- linh hồn	Triết lý ----- Chơn lý	nhân đức tính ----- chơn đức tính	Sự cao thượng của đức tính
Siêu siêu nhiên	thuần túy tâm linh	Tuệ	Đạo lý Nguyên Lý của vũ trụ	đạo tính	Đạo Bi

Xã hội càng văn minh, hiện đại thì sự vận dụng tư tưởng trở nên thường xuyên trong những sinh hoạt, giao tế, trong đó Trí con người hoạt động gần như liên tục. Nhưng tư tưởng không có khả năng hiện thực tức thì, do nội lực của những thể linh thiêng phát triển chưa đúng mức.

Nếu tư tưởng có khả năng hiện thực thì hiệu quả của nó phải thuận Đạo lý, Chơn lý hay ít hơn nữa là Thuận Lý.

Điều này hiện rõ giữa những người sống “nhập thể và xuất thể”.

Bộ phận	Thân	Tâm	Trí
Phàm nhân	sống bằng cảm giác	tình cảm	tư tưởng của bản ngã
Siêu nhân	nuôi dưỡng thực lực của Huyết, Khí, Điện	đức tính	tư tưởng phát sinh từ Lý
Thánh nhân	sống bằng sự Sáng	đức tính của Lương Tâm, siêu Tâm	Đạo lý Lương Trí

B. CẤU TRÚC HUYỀN BÍ CỦA CÁC GIÁC QUAN VÀ CÁC LOẠI TRÍ

Giác quan là phương tiện đưa những tín hiệu về não (về Trí).

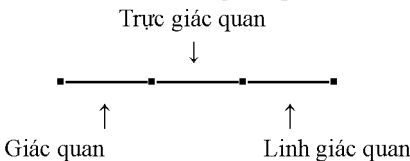
Những tín hiệu gồm nhiều loại: tín hiệu được cung cấp từ thế giới tự nhiên, siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Năm loại giác quan đều ở đầu, riêng xúc giác ở toàn thân và ở đầu.

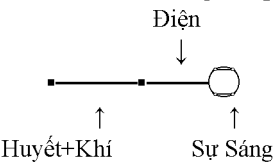
Từ năm loại giác quan sinh hóa thêm 4 loại giác quan, trong số đó có 3 trực giác quan và một linh giác quan.

Hiện tượng này do cấu trúc 3 phần liên quan đến các thể linh thiêng trong cấu trúc của các giác quan đó.

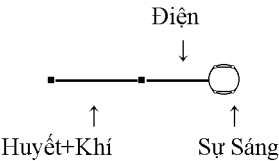
- Cấu trúc của một giác quan với 3 chức năng khác nhau:



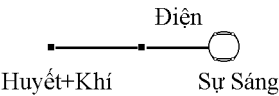
- Cấu trúc của giác quan với những thể linh thiêng:



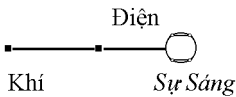
- Thành phần của những thể linh thiêng của 5 giác quan:



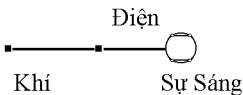
Xúc giác (4 thể)



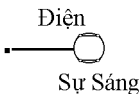
Vị giác (4 thể)



Khứu giác (3 thể)



Thính giác (3 thể)



Thị giác (2 thể)

Những giác quan có Huyết trong cấu trúc không thể trở thành trực giác quan được, như xúc giác và vị giác.

Còn khứu giác, thính giác và thị giác (chức năng ngửi, nghe, thấy) vừa là giác quan và cũng là trực giác quan.

(Sự cảm nhận của trực giác quan bằng sự rung động của tần số nhân điện. Tần số này rung động bên trong vô não, cảm nhận trực tiếp “hương, âm, hình ảnh siêu nhiên” bằng sự rung động của điện của 3 yếu tố này).

“Vô não và giác quan” liên quan đến thể giới tự nhiên, sinh động với 4 thể là Thủy, Khí, Điện và sự Sáng.

Trong vô não, là “não và trực giác quan” liên quan đến thể giới siêu nhiên, sinh động với 2 thể, là Điện và sự Sáng.

Riêng về linh giác quan, chỉ có một linh giác quan, với chức năng Thấy.

Cái Thấy toàn diện của 360° bằng sự bức xạ của thể Sáng vào vũ trụ. Và từ sức châu biến với tầm cỡ mệnh mông nhìn vào những tạo vật to lớn như hành tinh chuyển động trong tầm cỡ bức xạ của thể Sáng. Cho nên, các hành tinh được nhìn thấy với sự toàn diện của nó trong 360° hình tròn.

Liên quan với thể giới siêu nhiên này, là linh giác quan. Trong con người, là “tùy não và linh giác quan”. Hay là, “sự Sáng trong tùy não và linh giác quan”.

Đối với hoạt động của giác quan chuyển sang trực giác quan và linh giác quan, không gian của cấu trúc thu hẹp lại từ 3 phần đến 2, rồi chỉ còn một phần bên trong.

Không gian ở đầu, cũng thu hẹp lại, từ “vô não, não và tùy não” đến “não, tùy não” và sau cùng là “tùy não và sự Sáng”.

Trái lại, không gian của sự cảm nhận các giác quan được mở rộng từ thể giới tự nhiên sang thể giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Mỗi loại giác quan liên hệ với mỗi loại Trí, và với vị trí của thành phần trong cấu trúc.

- (1) { *Loại giác quan*: xúc giác, vị giác, khứu giác, thính giác, thị giác
Vị trí thành phần: vô não, não, tùy não
Loại Trí: Trí

- (2) { *Trực giác quan*: khứu giác, thính giác, thị giác
Vị trí thành phần: não, tùy não
Loại Trí: siêu Trí

- (3) { *Linh giác quan*: thị giác
Vị trí thành phần: tùy não
Loại Trí: Tuệ

Tóm tắt về cấu trúc của các giác quan:

- Mỗi giác quan được chia thành 3 phần, liên quan đến 3 thể giới. Mỗi phần của giác quan nằm trong đầu, vỏ não, não và tủy não.

Giác quan và hệ thần kinh liên quan đến thể giới tự nhiên, nằm ở đầu và vỏ não.

Trực giác quan và bộ phận của hệ thần kinh liên quan đến thể giới siêu nhiên, nằm bên trong vỏ não.

Linh giác quan và sự Sáng hoạt động được trong thể giới siêu siêu nhiên, nằm trong não và tủy não.

1. Ba chức năng của giác quan

Ba chức năng của giác quan để dẫn truyền những tín hiệu bên ngoài vào Trí là: sự cảm nhận, biết, hiểu. Hay là, sự cảm nhận, biết, hiểu... từ bên ngoài vào các giác quan, đến hệ thần kinh, và sau cùng là não.

Nhưng sự cảm, biết từ bên trong đưa đến sự hiểu qua ít giai đoạn trung gian hơn, tức là chỉ có hệ thần kinh, cảm, biết, rồi hiểu.

Sự cảm biết trực tiếp từ hệ thần kinh những hiện tượng bên trong, không qua chức năng của giác quan làm cho hệ thần kinh trở nên bén nhạy. Các trực giác quan, nhờ đó, hoạt động được, dần dần chúng trở nên bén nhạy trong sự quan sát.

Quay sự Sáng của Trí vào trong, Tâm, Trí không bị nhiễm, không dao động bởi thể giới tự nhiên nữa. Tâm, Trí trở nên chơn không, những bộ phận liên quan đến thể giới siêu nhiên bắt đầu hoạt động.

Tóm lại:

Sự cảm biết của Nhục thân để phát triển Trí và siêu Trí diễn tiến như sau:

- Giác quan → hệ thần kinh → não → Trí
- Trực giác quan (hệ thần kinh) → não → siêu Trí

Sự giác ngộ của Tuệ từ:

- Tủy não → Tuệ

2. Giác quan trong sự phát triển và tiến hóa

Năm giác quan của con người dùng để làm gì?

- Năm giác quan được dùng để phát triển thân thể và tiến hóa Tâm, Trí con người.

- Ba giác quan ở vị trí thấp của đầu (thuộc về da, miệng, mũi) dùng để phát triển Thân.

- Hai giác quan ở vị trí cao (tai, mắt) là hai phương tiện quan trọng cho sự phát triển và tiến hóa Tâm, Trí.

Hai giác quan này có chức năng chuyển hóa năng lượng, làm cho những

bộ phận vô hình trong não tăng trưởng khả năng của chúng bằng cách nghe, thấy (1), biết, hiểu ..., qua sự châu biến của nhân điện và sự Sáng trong thể giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

[(Bản thể của Tâm là sự phức hợp của 3 thể linh thiêng là Khí, Điện và sự Sáng. Nhờ đó mà các trực giác quan có thể khởi động được, khi Khí (tình cảm ngưng động) ngưng động, như ngủ hay Tâm chơn không, thì trực giác quan hoạt động.

Trực giác quan bắt đầu hoạt động, chúng khởi động siêu Trí.

Ngược lại, siêu Trí hoạt động do các trực giác quan khởi động. Trực giác quan hoạt động nhờ ở nhân điện và sự Sáng sinh động, khi Khí của ngũ tạng ngưng động, hay là “Tâm không có tâm trạng, tình cảm dao động”.

Bản thể của Trí là Điện và sự Sáng. Điện thuộc về cõi giới siêu nhiên. Ở Trí, chức năng của nó là bộ nhớ (bộ phận nhớ. “Nhớ”, là sự rung động của tần số được ghi, giữ lại trong một bộ phận của Trí).

Bộ phận này ghi, giữ lại những hình ảnh, tư tưởng, bằng sự rung động của tần số của nhân điện, mà sự dao động của cường độ nhân điện, tùy theo mỗi cá nhân, có thể tồn tại trên dưới mười ngàn năm, từ 8640 đến 1 vạn năm (2).

Trí là sự phức hợp và hoạt động của Điện và sự Sáng.

Khi Điện ngưng hoạt động thì chỉ còn lại sự Sáng sinh động. Tương quan, khi bộ nhớ ngưng hoạt động thì Tuệ bắt đầu hoạt động)].

Mỗi loại giác quan liên quan đến cõi giới tương quan. Ba loại hoạt động ở mỗi cõi giới tương quan.

Cõi giới hữu hình, siêu hình và siêu siêu hình cũng còn cảnh, còn hình, còn giới hạn, vẫn còn trong sinh hoạt, hoạt động của các loại giác quan, còn trong cái Biết.

Các loại giác quan và cõi giới tương quan:

Hữu hình } → ngũ giác quan

Siêu hình } → trực giác quan

Siêu siêu hình } → linh giác quan

(1) Nghe, Thấy: hai chức năng có khả năng tiến hóa Tâm, Trí. tầm cỡ “Thấy” xa, và rộng lớn hơn “Nghe”.

Khả năng này nhờ vào loại năng lực mạnh là sự Sáng và Điện. Cường độ của năng lực càng mạnh tầm cỡ Nghe và Thấy càng xa, mở rộng vào các thể giới khác. Muốn tăng cường độ của nội lực, phải có phương pháp để luyện tập.

(2) “Nghịệp”, “Nhân quả” đều do bộ nhớ được lưu giữ ngắn hay lâu đều do sự chấn động của nhân điện tức là cường độ của nhân điện trong sinh hoạt, hành động của thời gian đó.

“Nhân quả” là qui luật vật lý của động lực và phản lực. Nó cũng do cường độ của nhân điện mà Nghịệp quả được tái hiện.

Tất cả các cảnh giới (cõi giới) không bằng “vô cảnh, vô hình của Hư vô”. Chỉ còn lại thể Sáng (sự Sáng) duy nhất sinh động, cho nên chỉ có sự Hiểu sinh động mà thôi.

Nói cách khác, giác quan còn hoạt động, Trí khôn còn trong lãnh vực “Biết”.

- Ngũ giác quan hoạt động, còn Biết.
- Ba trực giác quan hoạt động, vẫn còn trong lãnh vực Biết.
- Linh giác quan hoạt động (Toàn Kiến: sự thấy toàn diện của 360°), vẫn còn Biết.

Khi 9 giác quan hoàn toàn ngưng hoạt động, sự Sáng (thể Sáng) của các loại Trí (siêu Trí, siêu siêu Trí) mới “Hiểu tức thì” mà không cần đến Biết. Từ thường gọi sự “Hiểu tức thì” mà không qua chức năng Biết, là Toàn Trí.

Toàn Trí là Trí nhập vào Nguyên Lý, lúc đó chỉ còn lại một chức năng duy nhất là “Hiểu liên lũy” mà thôi.

Sinh hoạt trong đời sống con người bao gồm nhiều chức năng của Thân, Tâm, Trí. Nhưng “Hiểu mãi mãi” mà không cần đến Biết, đến sự cảm nhận... là chức năng cuối cùng của mọi chức năng.

Đây là mức tiến hóa cuối cùng của con người, chỉ nhờ ở Trí (các loại) qua phương tiện các giác quan.

Từ giác quan đến sự Biết và Hiểu của Trí còn phải cần đến một bộ phận trung gian dẫn truyền những tín hiệu. Đó là tủy sống và tủy não.

Tủy sống và tủy não đối với chức năng Biết và Hiểu của Trí như thế nào?

- Tủy sống không có khả năng để Hiểu, mà chỉ truyền dẫn cái Biết về não.
- Tủy não từ sự cảm nhận cái Biết, mới chuyển sang Hiểu.

Tốc độ truyền dẫn các tín hiệu cực nhanh, nhưng vẫn có sự khác biệt về tốc độ của Cảm, Biết, Hiểu.

- Cảm, Biết bằng tốc độ từ thấp lên cao: - Huyết, Khí, Điện
 - Khí, Điện
 - Điện

Nhưng Hiểu thì bằng tốc độ của sự Sáng của Trí.

Còn giác ngộ, bằng tốc độ của sự Sáng của vũ trụ.

3. Sự trung thu của giác quan qua ba cõi giới

Một giác quan từ sự cảm nhận bên ngoài của Nhục thân đề vào đến Trí phải trải qua ba chức năng: cảm nhận, Biết và sau cùng là Hiểu. Tức là, một giác quan được hình thành với 3 phần có hoạt động khác nhau, liên quan đến nhiều yếu tố, như chức năng, bộ phận của cơ quan, vùng của đầu não, các thể linh thiêng và 3 cõi giới v.v...

Mỗi chức năng có khả năng riêng của nó. Khả năng này, có thể tăng hay giảm mức sinh hoạt bên nhảy của nó.

Ba khả năng này thuộc vào 3 cõi giới tự nhiên, siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Mỗi cõi giới liên quan đến mỗi vùng của đầu não, đến số ít nhiều của những thể linh thiêng.

Trung thu của các giác quan

Chức năng	Cảm nhận	Biết	Hiểu
Bộ phận (cơ quan)	Thần kinh ngoại biên	Thần kinh nội biên. Xung lực tăng và rung động bằng tần số và từ trường của nhân điện	Tín hiệu từ Điện chuyển sang thể Sáng, hòa nhập vào sự Sáng của Trí
Vùng	vỏ não	não	tủy não
Thể	Huyết+Khí (Điện, sự Sáng)	Điện (sự Sáng)	sự Sáng
Cõi	tự nhiên	siêu nhiên	siêu siêu nhiên

Mỗi chức năng hoạt động này sinh ra một bộ phận mới, hay là nó hình thành nền tảng của một bộ phận mới.

Tuệ		
Trí	siêu Trí	
Trí		
“Cảm nhận” của giác quan sinh ra Trí	“Biết” của trực giác quan hình thành siêu Trí	“Hiểu” do linh giác quan tạo nên Tuệ

- Cho nên, nếu con người cảm nhận nhiều thì Trí phát triển nhiều.
- Nếu Biết (cái Biết của trực giác quan) được sử dụng nhiều, siêu Trí phát triển.
- Nếu Hiểu liên tục (không cần đến đối tượng) thì Tuệ phát triển mãi.

Về phương diện sinh lý và vật lý, nếu hệ thần kinh ngoại biên hoạt động, Trí phát triển.

Nếu hệ thần kinh nội biên hoạt động thì siêu Trí phát triển.

Cuối cùng, nếu sự Sáng của các loại Trí tự nó sinh động, Tuệ phát triển.

[(Muốn luyện khả năng bên trong của chức năng (Biết trực tiếp, và Hiểu trực tiếp, mà không qua trung gian của sự cảm nhận của Nhục thân), hành giả phải rất tinh táo (hay là Trí phải trong trạng thái tĩnh thức), thì mới luyện được.

Như vậy, sự Sáng của Trí chỉ tỏa ra ở phần bên trong của vỏ não, mà không tỏa ra khắp Nhục thân. Sự Sáng của Trí làm tăng khả năng Biết của các trực giác quan, tức là làm tăng sự sinh động của nhân điện trong hệ thần kinh liên quan đến trực giác quan.

Hơn nữa, nếu muốn “Hiểu tức thì” Nguyên Lý của vũ trụ thì sự Sáng phải tụ hoàn toàn trong não bộ. Và từ đó, sự Sáng sinh động để tạo thành “năng lực tự tạo lấy năng lực cho chính nó”].

Sự trung thu của giác quan qua 3 cõi giới ảnh hưởng đến sự tiến hóa tương đối của Trí, đến sự tiến hóa tuyệt đối của Tuệ.

Trí: từ kiến thức mới thông minh. Từ sự thông minh mới Hiểu.

Nhưng sự thông minh còn cần đến đối tượng.

Tuệ: Hiểu làm tăng thêm sự thông minh (không cần đến đối tượng).

Sự sáng tạo của sự thông minh, từ sự Hiểu không cần đến kiến thức thông thường, mà từ Lý, nên sự sáng tạo không có tính cách mô phỏng hay phỏng tạo.

C. KHÍ

“Khí” là sự tổng hợp các loại khí như nguyên khí, không khí, vị khí, cốc khí, có trong những thức uống, thức ăn (gồm 3 thành phần chính là carbon, oxy, hydro) và ngũ tạng khí, sinh ra từ tình cảm (vui, mừng, giận, lo, sợ tức là từ Phôi, Tim, Gan, Tỳ, Thận. Các loại Khí này còn được gọi là Tâm khí).

Sự tổng hợp của các loại khí bên ngoài và bên trong tạo thành “Khí” chuyển động trong Nhục thân dưới dạng hơi trong các kinh, trong Huyết, và được chứa ở tam tiêu (1)

Không khí và các loại khí chuyển động trong Nhục thân có Lực, nhưng Lực này chưa thể thành Thần Lực.

Thần Lực là Lực mạnh do sự xúc tác của sự Sáng vào Khí. Sự kết hợp của hai thể làm cho Khí trở thành Thần Lực.

(Đây là cơ bản của môn “Khí công”, là dùng Thần lực trong hoạt động, trong đó có sự kết hợp của sự Sáng (thể Sáng) của Trí xúc tác vào Khí để chuyển hóa Khí thành nhân điện. Hay là, nhân điện là thực lực của Khí với cường lực cao hơn là Khí thuần túy. Theo công thức, Thần lực là: “sự Sáng + Khí”, chuyển hóa thành nhân điện tiềm ẩn sinh động trong Khí).

(1) Tam tiêu được chia làm 3 phần (thượng tiêu, trung tiêu và hạ tiêu).

Thượng tiêu: từ cổ đến chơn thủy.

Trung tiêu: từ chơn thủy đến rún.

Hạ tiêu: từ rún trở xuống dưới.

Hạ tiêu là nơi quan trọng cho sự luyện Khí, vì thể tích nó rộng lớn, có khả năng chứa được nhiều Khí, với sự dung nạp lớn, và lực đẩy Khí mạnh.

1. Tính chất của Khí

Cũng như các loại khí bên ngoài Nhục thân, nội khí trong Nhục thân được chia thành ba loại: thanh khí, trược khí và độc khí.

- Thanh khí: khí trong sạch, hoặc có mùi hương. Như thơm nhẹ là Thanh khí Dương, thơm nồng là Thanh khí Âm.

Đặc tính của nó là tẩy được trược khí (khí có mùi hôi) và độc khí (mùi thối).

Thanh khí có đặc tính trừ, tẩy trược khí, độc khí phải thuộc môi trường và hương thơm tự nhiên trong hoa, rau, quả (không thuộc hương thơm nhân tạo).

Thanh khí được thu giữ ở thượng tiêu. Sau đó được chuyển vào máu qua chức năng hô hấp.

Hiệu quả của thanh khí trong máu: da hồng hào, bóng, tóc mượt, lông thẳng...

- Trược khí: có mùi hôi, phát sinh từ sự bắt đầu hư hoại của tế bào trong sinh vật và thực vật.

Trong con người, ruột non và bao tử chứa mùi hôi. Hai bộ phận này nằm ở trung tiêu.

- Độc khí: mùi thối, sinh vật và thực vật đang trong trạng thái hư hoại (chết).

Trong con người, ruột già chứa mùi thối. Bộ phận này nằm ở hạ tiêu.

2. Sự hình thành của Khí thân

Khí thân là thân bằng khí được hình thành từ bên trong Nhục thân.

Nhưng có bao nhiêu loại khí và loại khí nào tạo nên Khí thân?

- Nhục thân, riêng nó cũng có nhiều loại khí và chức năng của khí trong sinh hóa và chuyển hóa.

Nhục thân thu nạp ngoại khí và chuyển hóa thành nội khí.

Ngoại khí:

Khí từ ngoài đưa vào hệ thống hô hấp, da... không trực tiếp hình thành Khí thân.

Nội khí:

Khí được tạo nên từ bên trong như ngũ tạng khí, trong các kinh, ở tam tiêu, tế bào v.v...

Chỉ có nội khí hình thành Khí thân, nhưng bằng cách nào các loại khí mới hòa hợp để tạo ra Khí thân?

- Nội khí gồm nhiều loại chuyển động theo chức năng, và dao động do Tâm (Tâm trạng), Trí (Trí trạng).

Hay là, Tâm và Trí làm cho nội khí, dao động, chuyển động. Vì vậy, nội khí không thể hài hòa, để kết lại thành một mảng khí, mang đúng hình dáng của Nhục thân, tức là một Khí thân sinh động hoàn toàn bằng nội khí.

Chỉ khi nào “Tâm hư vô”, ngũ tạng khí không dao động nữa, còn lại Trí thông minh hoạt động, sự Sáng sinh động, chức năng Hiểu hoạt động, lúc đó các loại nội khí mới hòa vào nhau để kết thành một mảng lớn (1), mang hình dáng của Khí thân giống như Nhục thân.

Sau khi Khí thân được hình thành, nó vẫn còn yếu, làm sao để cường hóa Khí thân?

- Nhục thân mới được sinh ra, yếu đuối, phải được bồi dưỡng bằng thức ăn bổ dưỡng. Khí thân cũng vậy, nhưng nó được cường hóa bằng hai loại lực mạnh hơn nó, là Điện và sự Sáng. Nhưng sự Sáng làm cho Khí thân mau mạnh hơn là nhân điện.

Khi sự Sáng của Trí thông minh sinh động, những chức năng khác của Trí ngưng động, sự Hiểu, lúc đó, đang hoạt động. Và ngoại khí ngưng thâm nhập qua hệ thống hô hấp.

Nhờ đó, sự Sáng của Trí thông minh soi vào mảng khí của nội khí, xúc tác một cách tự động vào Khí thân, làm cho nó được mạnh thêm.

Một yếu tố khác liên quan đến sự hình thành và cường hóa Khí thân là tam tiêu, và chức năng của nó.

Nhưng trong tam tiêu, có nơi quan trọng đối với nội khí, Khí thân và sự cường hóa của nó, có nơi kém quan trọng hơn.

- Hệ thống hô hấp là phổi nằm ở thượng tiêu liên quan trực tiếp đến việc thu và thải ngoại khí. Nhưng trung và hạ tiêu là nơi giữ lại được nhiều loại khí và ngoại khí, để chuyển hóa nó thành nội khí. Và cũng là nơi thiết yếu để tạo thành Khí thân, và cường hóa nó.

3. Ba trạng thái để Khí thân được hình thành

Ngũ tạng khí dao động là sinh hoạt của Nhục thân do Tâm, Trí khơi động.

Khi ngũ tạng khí ngưng dao động, là sự sinh động của Khí trong Nhục thân. Khi sự Sáng của Trí soi vào Khí, nó trở thành một mảng lớn mang hình dáng của Nhục thân. Nó là Khí thân.

Tức là, “thân hoàn toàn bằng khí, mang hình dáng của Nhục thân, đó là Khí thân”.

Với điều kiện sinh lý, hay với trạng thái nào, Khí thân được hình thành?

- Khí thân được hình thành khi con người ngủ, chết và trong thiền định.

Ngủ: Tâm, Trí không hoạt động, chỉ còn lại sự sinh động của Huyết (tim đập đều và nhẹ nhưng có lực) và Khí (hơi thở ra vào tự nhiên, nhẹ và đều).

Ngũ tạng khí không còn dao động, cảm giác không còn, vô não ngưng nghĩ,

(1) Nếu bản ngã còn hoạt động thì nội khí không hòa vào nhau để hình thành Khí thân. Hay là, nếu một tình cảm, tâm trạng nổi lên, dao động, nội khí không thể kết thành mảng.

nhưng sự Sáng của Trí còn sinh động bên trong Nhục thân, xúc tác một cách tự động vào Khí trong con người, tạo nên một mảng lớn mang hình dáng Nhục thân. Đó là Khí thân có sức sinh động riêng.

Hai sinh hoạt chính của Khí thân, là chiêm bao (mơ) và mộng, trong khi đó, Nhục thân ngủ.

Chiêm bao: là trạng thái kết hợp hoạt động của Khí thân và Trí (với các chức năng, như ký ức, nhưng mơ hồ, vì Trí kém sức chủ động. Do đó, những hiện tượng, hình ảnh, không có ý nghĩa với đời sống).

Mộng : Khí thân đủ sức toát ra khỏi Nhục thân, do siêu Trí điều khiển. Đây là sinh hoạt thật của Khí thân với các trực giác quan, có thể tiên kiến sự diễn tiến của Nhục thân trong tương lai. Nghĩa là, đã thấy trước những sự việc sẽ xảy ra cho nhục thân trong tương lai, gần hay xa.

Sự thấy trước của Khí thân những việc liên quan đến nhục thân đều có ý nghĩa.

Mộng thường xảy ra vào giờ khuya, cũng tương quan, là Khí thân toát ra khỏi Nhục thân vào giờ này.

Chết: Khí, Huyết đều ngưng động, chỉ còn lại sự sống của Khí trong Nhục thân. Khí, dần dần, toát ra khỏi Nhục thân khi các tế bào bắt đầu hư hoại, và kết thành Khí thân.

(Hay là, Khí thân toát ra từ sự hư hoại của Nhục thân. Khí thân vẫn tiếp tục sống (ta gọi Khí thân là ma) và nó có sức sống lâu hơn Nhục thân).

Trong thiền định: “Tâm chơn không”, ngũ tạng khí không còn dao động. Do đó, Khí thân được hình thành mau chóng.

Trí không còn liên hệ đến Nhục thân, nên Trí chuyển thành siêu Trí.

Và siêu Ý có thể điều khiển Khí thân theo ý muốn (1) (lớn, nhỏ, bay bổng v.v...).

Sự điều khiển Khí thân giống như Nhục thân. Nhục thân hoạt động, chuyển động phải theo ý muốn. Và ý muốn lại do Trí.

Khí thân chuyển động, hoạt động tùy thuộc vào siêu Ý. Và siêu Ý thì do siêu Trí điều khiển.

Nói cách khác, siêu Trí điều khiển Khí thân và tất cả mọi chức năng của Khí thân, lúc đó Nhục thân tuy có, nhưng cũng như không.

4. Sinh hoạt và phương pháp để tạo thành Khí thân

Khí thân do nội khí hình thành. Khí là năng lực hậu thiên (2) cao nhất so với

(1), (2) Xin xem ở cuối trang 422.

Huyết. Trong con người, nơi chứa nhiều Khí là tam tiêu.

Tam tiêu là nơi kết thành Khí thân. Điều khí ở tam tiêu thì Khí thân được hình thành.

Khí thân cũng giống như Nhục thân, càng hoạt động nó càng mạnh (3). Và siêu Trí sử dụng để điều khiển Khí thân cũng vậy, nó hoạt động nhiều, mức linh hoạt tăng thêm.

Siêu Trí điều khiển Khí thân, Trí điều khiển Nhục thân.

Sự điều khiển này là lấy năng lực tiên thiên (ở não, đầu) để điều khiển năng lực hậu thiên (ở Nhục thân), tức là lấy sự Sáng của các loại Trí để điều khiển các năng lực hậu thiên.

Điều khiển là một hoạt động trong sinh hoạt. Và nó có thể trở thành phương pháp để làm cho Khí thân xuất hiện.

Muốn cho Khí thân xuất hiện, trước hết phải làm cho Khí thân tỏa đều trong Nhục thân, thiết yếu là trong các tạng, “khí” không còn dao động nữa.

Hay là ngũ tạng khí không dao động nữa. Trong trạng thái đó, khí mới kết thành một mảng, và mang hình dáng Nhục thân.

Muốn ngũ tạng khí không dao động, Trí phải quan sát, điều khiển Tâm để không nảy sinh ra tâm trạng. Trong khi đó, hơi thở của hô hấp thật đều và nhẹ như lúc ngủ vậy.

Hiệu quả để khí lan tỏa ra trong Nhục thân, trong các cơ quan, bộ phận có liên quan đến khí, để trở thành một mảng khí mang hình dáng của Nhục thân phát sinh ra hai phương pháp:

a. Dùng Trí “quan sát” hơi thở ra vào, và điều hòa nó để trở nên nhẹ nhàng như lúc ngủ.

b. Lấy Trí điều khiển Tâm để Tâm không còn tâm trạng.

Tâm mà vô tâm trạng, thì Khí sẽ kết thành một mảng.

Mảng khí đó là Khí thân.

Phương pháp trên dễ thực hiện hơn, vì người thực hành dễ quan sát, dễ điều khiển.

Phương pháp thứ hai, khó hơn, vì dùng Trí để quan sát một bộ phận vô hình,

(1) Khi “Khí thân” có sự sống riêng của nó, mà không còn liên hệ đến hô hấp của Nhục thân nữa, thì người đó đã trở thành địa tiên.

(2) Những con ma chết lâu năm mạnh hơn ma mới chết. Điều này do Khí thân càng hoạt động nhiều thì Khí thân đó sẽ mạnh thêm.

(3) Năng lực hậu thiên có sau năng lực tiên thiên. Năng lực này thuộc địa cầu, là Khí và Thủy. Trong con người, nó là Khí và Huyết.

Năng lực tiên thiên thuộc về vũ trụ, thể của nó là sự Sáng và Điện.

Hai năng lực này có khả năng xúc tác vào những năng lực hậu thiên, sinh hóa ra nhiều năng lực khác, và những bộ phận vô hình trong con người.

là Tâm.

Điều khiến một bộ phận vô hình rất khó, nếu làm được, hiệu quả của nó rất lớn, và ít tốn thời gian công phu.

Hiệu quả sinh lý từ sự tạo thành Khí thân như thế nào?

- Khí thân rất nhẹ, nó có thể bay bổng và chuyển động nhẹ nhàng trong không khí. Điều này chứng tỏ, Khí thân có nhiều Dương khí và là Thanh khí.

Thanh khí Dương nhiều, trược khí và độc khí không còn sinh động trong cơ thể nữa. Và Nhục thân lúc đó rất khỏe.

Loại thân có sức sống riêng, nó phải có sự tiếp xúc, nhưng sự giao cảm Khí thân như thế nào?

- Tâm hoạt động của Khí thân rất rộng. Sự giao cảm của Khí thân với những hiện tượng trong thể linh thiêng này trở thành sự linh cảm, tiên cảm.

Chúng là những hiện tượng siêu hình liên quan đến siêu Trí. Và nhờ đó mà siêu Trí phát triển.

Khí thân hoạt động, là Thanh khí Dương hoạt động. Và hiệu quả sinh lý nào xảy ra khi Khí thân hoạt động?

- Thanh khí Dương sinh động, trược khí và độc khí bị trục, đẩy ra ngoài Nhục thân từ da. Và những cơ quan, bộ phận nào có khí sinh động trong đó đều hoạt động tốt.

Thanh khí chuyển động trong Huyết thì Huyết được sạch và mạnh. Những độc tố trong Huyết gây ra bệnh, bị Thanh khí làm yếu đi, hoặc mất đi chất độc hại.

Dấu hiệu bên ngoài cho thấy, nếu da bị xước, hoặc đứt chảy máu, ở vết thương đó, máu mau cầm và mau lành.

Con người thực hành phương pháp điều Tâm, điều Khí để tạo thành Khí thân. Và Khí thân có khả năng tách ra khỏi Nhục thân và hoạt động, con người đó đã là “ma” rồi khi Nhục thân đang còn sống.

Như vậy, có phải con người trở thành ma khi đang sống hay không?

Sự chuyển động, hoạt động của Khí thân không dùng đến tinh lực như Nhục thân. Nó thuộc về khí lực với cường độ cao gọi là Thần lực.

Như vậy, sự hoạt động của Khí thân do Thần lực.

Người luyện khí, đêm ngủ, Khí thân bay bổng trong giấc mộng, là do trước khi ngủ, Thần lực đủ mạnh để nâng bổng Khí thân.

Thần lực mạnh, nhờ nội khí sinh động ở tam tiêu.

Nội khí sinh động, nhờ Thanh khí. Có được Thanh khí, do ở sự chơn không của Tâm, Trí.

Với người thường không luyện khí, thì từ sự chết của Nhục thân, Khí thân mới hoạt động được. Hiện tượng này xảy ra như thế nào?

- Khi Khí thoát ra khỏi Huyết, trong Khí vẫn còn sự sinh động của hai thể Điện và sự Sáng.

Cũng vậy, lúc Nhục thân chết, máu ngưng chuyển động, thì Khí dần dần toát ra khỏi Nhục thân để hình thành Khí thân. Và năng lực của Điện và sự Sáng vẫn còn sinh động trong Khí thân.

Nhờ đó, Khí thân hoạt động được theo tư tưởng, ý muốn của bản ngã. Hay là, bản ngã vẫn tồn tại một thời gian, dù cho Nhục thân đã tan rã, tức là những năng lực có sức sống lâu hơn Huyết vẫn tồn tại sau khi Nhục thân chết.

5. Các loại khí trong con người và trong không gian

Khí có nhiều loại, nhưng ảnh hưởng đến Nhục thân thì có độc khí, trược khí, thanh khí và linh khí

→ { Linh (gồm Khí Dương và Điện Âm) ở đầu người.

Linh khí sinh động ở đầu người.

Khí → { Thanh (ở thượng tiêu), sinh khí.
(ở Nhục thân)

→ { Trược, độc (ở trung tiêu và hạ tiêu).

Hai loại này là gốc của tử khí.

Thức ăn uống đưa vào bao tử, ruột được chia ra “thanh khí”, “trược khí” và “độc khí” (1).

Thanh khí bốc lên thượng tiêu, còn trược khí và độc khí được đưa ra ngoài.

Nếu trược khí không được đưa ra ngoài, cơ thể, con người sẽ đau, bệnh (có khí hôi ở miệng), sắp chết (khí thối ở miệng).

Tương đương với Nhục thân, thì Địa (không gian) cũng được chia làm 3 loại:

- Từ địa, sinh địa và linh địa.

Từ địa: nơi phát sinh ra Hỏa cho Nhục thân. Đất có nhiều độc khí, trược khí.

Những loại khí này còn tồn tại và ảnh hưởng đến hai hệ Khí và Huyết của Nhục thân, như nghĩa địa, chiến trường, địa chấn chôn vùi nhiều người v.v...

Nếu linh hồn của những người chết còn vất vưởng thì độc tố còn nhiều hơn.

Sinh địa: đất có sinh khí, là đất có Thanh khí chuyển động (gió nhẹ chuyển đúng hướng, đúng mùa, không phải là gió mạnh gió giật, hay là gió loạn hướng).

Đất này dùng để ở, làm vườn, canh tác v.v...

Linh địa: Đất cao ráo, nơi có nhiều Khí Dương và Điện Âm sinh động (2) làm cho tâm hồn được bình an và đầu óc linh hoạt.

(1) Thanh khí: gốc của sinh khí

Trược khí: gốc của bệnh (bệnh khí)

Độc khí: gốc của tử khí

(2) Xin xem ở cuối trang 425.

Nhẹ nhàng và bình an là hiệu quả của sự siêu thoát, đời sống tâm linh dễ phát triển.

Đất này là nơi để tu hành, cất đèn thờ để thờ phượng.

a. Không khí và thanh khí

Không khí được đưa vào phổi, khí này chưa phải là Thanh khí.

Nó được đưa xuống hạ tiêu, và không bị ô nhiễm bởi tâm trạng nặng nề, nó được biến thành Thanh khí Âm.

Tâm trạng nặng nề là sự sinh hóa của tư tưởng (Điện) sang tình cảm (Khí).

Tâm trạng nặng nề là trược khí, nặng hơn nữa là độc khí (3).

Chỉ có “thể Thanh khí Âm” mới có thể chuyển hóa thành Thanh khí Dương.

Cả hai dòng Khí phải chuyển đúng dịch kỳ của nó. (Âm theo đường Âm, Dương theo đường Dương).

Thanh khí Dương được chuyển lên não, và không còn tư tưởng nữa (là không có chức năng suy nghĩ hoạt động), thì Thanh khí Dương sẽ biến thành Thanh Điện Âm (4).

b. Khí (tình cảm) chuyển động làm rung động cả hai cõi giới

Máu trong Nhục thân là nguồn gốc sinh ra cảm giác. Một giọt máu nhỏ cũng đủ tạo ra cảm giác cho một vùng trên da và một số lớn tế bào, hướng gì là khí, là tình cảm.

Chỉ một cơn giận, khí chuyển động làm rung cả toàn thân, rung động cả hai cõi giới tự nhiên và siêu nhiên, tức là cả Nhục thân và Tâm đều rung động.

Sự rung động của Tâm ảnh hưởng cả bên ngoài. Mức độ ảnh hưởng tỏa ra theo cường độ của sự rung động của Khí, của mỗi loại tình cảm.

Sự rung động của tình cảm có lực tỏa ra được bên ngoài, và ảnh hưởng của nó rộng lớn như vậy, thì Tình thương, sự Thánh thiện thuộc về nhân điện có thể làm rung động đến thể giới siêu nhiên, ảnh hưởng đến những sinh linh trong thể giới đó.

(2)Người đứng ở linh địa, thượng tiêu nhẹ nhàng, đầu óc linh hoạt. Thượng tiêu nhẹ nhàng, là có thanh khí. Đầu óc linh hoạt, là có sự cảm ứng của Điện trên vùng đất đỏ với nhân điện của cá nhân đó. Sự Sáng khơi động Trí thông minh.

(3)Trược khí và độc khí không phải chỉ chuyển động ở bên ngoài, tức là do môi trường sinh sống, mà còn do các cõi giới bên trong sinh ra (Tâm, Trí).

Bên ngoài, dễ tránh, nhưng bên trong không thể tránh được.

(4)Luyện Khí chỉ có thể làm tăng nhân điện, nhưng không thể làm tăng trực tiếp sự Sáng, do ở bộ phận mẫu nhiệm không hoạt động.

Còn Tu thì do Tâm, Trí. Hai bộ phận mẫu nhiệm này tạo nên năng lực khác nhau.

Tu Tâm: tạo nên nhân điện và sự Sáng.

Tu Trí: tạo nên sự Sáng của cả 3 thể giới (và 3 cõi giới).

Ảnh hưởng này xuất phát từ đâu?

- Từ sự sinh động bên trong tỏa ra ngoài, sự sinh động có tính chất “Lạnh” trong Tình thương, và sự Thánh thiện, theo đó mà tỏa ra. Với luật tiến hóa của vũ trụ, tính chất “Lạnh” trong con người cũng phải tăng theo, tuy nhiên con người khó nhận ra nó.

c. Ảnh hưởng trong và ngoài Nhục thân của Khí

Khí trong dạng tình cảm là một lực siêu nhiên sinh động trong tâm hồn (Tâm, Trí).

Bản thể của nó là Khí (trong đó có sự sinh động của Điện và sự Sáng). Nó chuyển động trong hệ Khí của Nhục thân. Và bên ngoài, nó chuyển động như Khí trên mặt đất, trong bầu khí quyển.

Nó có tính năng nhanh và mạnh.

Chỉ cần có tình cảm (dù nặng nề hay nhẹ nhàng), con người đã vượt quá xa loài thú sống bằng giác quan.

Hơn nữa, con người sống bằng tình cảm nhẹ nhàng, có quyền năng trên các loài vật có giác nhưng vô trí.

Tình cảm nhẹ nhàng là Thanh khí sinh động (như Vui, Mừng), góp phần làm cho chức năng của Trí trở nên linh hoạt.

Tình cảm là gốc của tâm trạng. Nó liên quan đến Ngũ hành, ngũ khí, sắc, thanh... biểu hiện phước, họa, may, rủi của con người.

Ngũ hành biểu hiện trong Nhục thân là ngũ tạng. “Khí” trong ngũ tạng “động” sinh ra ngũ khí. Ngũ khí sinh ra sắc, thanh trong đó chứa phước, họa.

→Ngũ sắc (Khí sinh hóa trong Huyết). Ngũ sắc biểu hiện Phước, Họa, Vận: may, rủi.

Ngũ khí sinh ra →

→Ngũ thanh: biểu hiện tâm trạng trong đó tiềm ẩn sinh động Phước, Họa, may, rủi

(Xem sắc diện, nghe âm thanh, biết được tình trạng sức khỏe, vận may rủi của con người).

Sự “động, tĩnh” của ngũ khí liên quan đến bộ phận vô hình như tâm hồn, linh hồn v.v...

Ngũ tạng khí “động”, đó là sự dao động của tâm hồn.

Ngũ tạng khí “ngưng động”, linh hồn bắt đầu hoạt động.

Huyết, Khí đều ngưng động, linh hồn toát ra, và sinh động.

Đối với mỗi mẫu người, chỉ cần biết được Khí động nơi nào, cũng rõ được

mẫu người đó. Vì thế, đây là cách nhìn người qua “Khí” trong sinh hoạt.

a. Khí của ngũ tạng động: thuộc về tâm trạng cá nhân. Khí động loạn, tâm tư bất ổn định: phạm nhân, tiểu nhân (1).

b. Khí điều hòa trong chơn thân: thuộc về Lương Tâm của loài người, tâm tư luôn ổn định, Trí minh mẫn. Khí này được nuôi dưỡng điều tiết: sinh ra quân tử, đại nhân, hiền triết gia, thánh nhân v.v...

6. Sự liên quan của “Khí và Thần”

Trong sự sinh hóa và chuyển hóa, những bộ phận hữu hình, siêu hình, vô hình đều liên quan với nhau một cách trực tiếp hay gián tiếp.

“Khí và Thần” cũng vậy, chúng liên quan ảnh hưởng đến nhau.

Khí kém, Thần yếu.

Khí vượng, Thần mạnh.

a. Khí kém do hao tán

Hao tán do:

- Thức khuya, mất ngủ.
- Tâm trạng nặng nề (do lo, buồn, sầu, sợ, khổ tâm...)
- Dùng nhiều gia vị nồng (hành, tỏi, kiệu, hẹ,...). Tán khí ở Thần khuyết (rún). Miệng ra nước miếng ở mép môi, ngủ hã miệng lấy hơi, tai ù...
- Nói nhiều hao khí, tiếng nói yếu.
- Tiêu, tiểu tiện khó khăn. Đại tiện: táo bón ...
- Các khiếu không thông (mắt mờ, tai ù) mũi nặng, miệng đắng, tiểu tiện không bình thường, da khô.
- Men rượu: tán khí, hao Thần.

b. Khí vượng

- Làm không quá sức, ngủ nghỉ đúng nhu cầu cơ thể.
- Tâm chơn không: khí hòa.
- Sự Sáng của Trí soi vào sự chuyển động của Khí: khí vượng.
- Ăn thực vật: cung cấp thanh khí cho Nhục thân.
- Uống nước đầy đủ: oxy cung cấp đầy đủ cho tế bào.
- Thở sâu ở hạ tiêu: khí được giữ lâu.

(1) Không hoàn toàn nói về mẫu người xấu xa, độc, ác, nhưng bao gồm những người có lòng vị kỷ (chỉ vì mình), tâm tư không mở rộng..., nên được coi là người nhỏ, khó tha thứ cho người khác.

D. THẦN

“Thần” là lực vô hình của Khí và Huyết kết tinh bằng trạng thái vô tâm trạng trong khi thức hay ngủ.

Lực của Thần càng mạnh hơn, nếu Khí, Huyết được kết tinh với sự Sáng của Trí được soi, và hòa nhịp với hơi thở (tức là sự Sáng hòa nhập với Khí).

Nhờ đó, Thần lực mạnh hơn lực của Khí, Huyết chuyển động trong hệ của nó.

Có Thần lực mạnh, đời sống của người đó tránh được những hiểm nguy, tai họa do lực của Khí, Thủy bên ngoài đưa vào.

Cho nên Thần phải được giữ bên trong, không để nó thoát ra ngoài.

Thần toát ra ngoài do tâm trạng, hay là tâm trạng làm Thần yếu, kém đi.

1. Thần yếu kém

Thần yếu kém thì sự chuyển động của Khí, Huyết không đều hòa.

Chức năng của Khí, Huyết lệch lạc là nguyên nhân bệnh của ngũ tạng.

Thần yếu do hai nguyên nhân:

a. Do thức ăn uống trong đó có chất say (chất say được chứa đựng trong thể Thủy, hay có trong Khí, hơi ...)

b. Do tư tưởng và tâm trạng nặng nề.

2. Thần và nhịp tim

Máu đỏ ở tim là nơi chứa Thần. Nghĩa là, Thần sinh động ở tim trong máu đỏ. Và nhịp đập của tim biểu hiện sức mạnh, yếu của Thần.

Nhịp đập của tim đều đặn, Thần an. Trong giấc ngủ không chiêm bao.

Nếu nhịp đập của tim càng nhẹ, nhưng có lực, Thần càng mạnh. Ngủ có mộng, có tiên kiến.

“Thần” cũng là “thần lực” của Khí thân. Do Khí thân thấy trước những hiện tượng, sinh hoạt mà Nhục thân sẽ phải trải qua mà ta gọi là tiên kiến.

Thần an, Thần mạnh, nhưng cũng có lúc yếu kém. Lúc nào con người quá khiếp sợ, Thần thoát, khiến cho thực lực của hột máu, của tế bào không còn. Do đó, sinh ra chứng ung thư máu, ung thư tế bào (đây là một trong những nguyên nhân). Muốn phục hồi cho Thần, phải dùng phương pháp hồi quang, là “đưa sự Sáng của Trí soi vào trong” với “Tâm vô tâm trạng”.

3. Khí hóa Thần

Khí ở trạng thái nào mới hóa thành Thần và Thần lực?

- Khí hết dao động, nó hóa thành Thần lực, hay là nó phải ở vào trạng thái “Tĩnh”. Đó là trạng thái, lực tụ lại ở cường độ cao nhất và chuyển hóa.

a. “Động”: do tình cảm, tư tưởng, cảm giác mạnh.

“Động” của Khí ở vào hai trạng thái: tự động (vô ý thức) và chủ động (có ý thức).

“Động tự động”: - Ngủ, hô hấp đều hòa một cách vô ý thức.

- Tâm, Trí hoạt động nhưng không có phản ứng tâm lý, Nhục thân tự động, nên Khí cũng “động một cách tự động”.

“Động chủ động”: Thức, nhưng Tâm, Trí dao động, hay là Điện và sự Sáng dao động, thì Khí theo đó cũng dao động theo.

b. “Tĩnh”: Khí hóa Thần.

Sự chuyển hóa này do 2 trạng thái: tự động và chủ động (do Trí điều khiển).

“Tự động”: Ngủ, hơi thở ra vào điều hòa, nhưng Tâm, Trí hoàn toàn ngưng hoạt động (không còn ảnh hưởng của sự dao động ban ngày).

Siêu Trí và các trực giác quan hoạt động. Đó là Khí đã hóa thành Thần lực.

“Chủ động”: Trí điều khiển được Dương và Âm của Khí (thở ra, hít vào) nhỏ lại và hợp nhất, thì Khí cũng hóa thành Thần.

4. Triệu chứng Khí hao, Thần kém

Tinh thoát: Khí hao, Thần kém.

a. **Khí hao**: thượng tiêu cảm thấy nặng nề, mệt khó thở.

Khó thở: Dương Khí hao, Khí không thông, Nhục thân mệt mỏi.

Dương Khí hao: giảm thọ.

Hiện tượng: trong giấc mơ, Khí thân không thể bốc lên.

b. **Thần kém**: nhân điện ở đầu não hao hụt.

- Mắt kém linh hoạt, buồn ngủ.

- Nhân diện không đủ cường độ để cảm ứng với điện vũ trụ.
Không thể có “mộng” được, không có thị kiến siêu nhiên.

Buồn ngủ là một trong những triệu chứng của Thần kém.

- Trẻ con, Thần còn yếu nên ngủ nhiều.
- Người lớn, Thần yếu (1), cũng ngủ nhiều.
- Người lớn tuổi, ngủ ít, không do tâm tư xáo động, nhưng ánh mắt sáng và mạnh là người có Thần mạnh, không phải là người có bệnh.
- Yếu thần: phải luyện Thần vào khuya và buổi trưa (Giờ Tý (2), Ngọ).

5. Thần An

Dấu hiệu bên ngoài của Thần được ổn định ở Nhục thân là không có sự dao động về huyết áp, Trí quan sát, nhớ, suy nghĩ linh hoạt.

Thần được ổn định gọi là “Thần An”. Nhưng muốn “Thần An”, thì phải “An Thần”. Có nhiều cách để “An Thần” qua sự ăn uống, luyện tập sinh hoạt v.v...

Trong các loại thực phẩm, nấm là tinh túy của thảo mộc. Như nấm mộc ở những cây có Hương, ngoài được chất bổ huyết, bổ khí còn có khả năng An Thần, như Linh Chi (3), Đông Cô, giúp cho con người ngủ ngon giấc.

“Thần” ở tim, được điều hòa, không có sự dao động cao thấp của huyết áp. Hay là Thần An, huyết áp ổn định. Nói cách khác “Thần là gốc của huyết áp”.

Thần được ổn định, được An, thì 2 hệ Khí Huyết được điều hòa (4). Nhờ đó sức khỏe con người luôn tốt.

Đối với sức khỏe con người, điều thiết yếu là “Dưỡng Tâm, An Thần”.

(1) Bệnh tim, như ngoại tâm thu, cũng là Thần yếu, Thần hao tán do tâm trạng. Có thể chết đột ngột do sự dao động mạnh của tâm trạng. Những gì bất bình thường của nhịp tim cũng làm cho Thần yếu, như nhịp đập nhanh, mạnh, không đều hay đứt đoạn v.v...

Thần yếu: ngủ nhiều, Thần sẽ hồi phục.

(2) Giờ Tý từ 0 đến 2 giờ khuya, giờ hoạt động của Hồn và Thần.

Luyện vào giờ này để cường hóa Hồn và Thần. Đưa Thần về não, để “Thần hoàn Hư”. (Giờ thay đổi từ nửa giờ đến một giờ tùy theo mùa, do sự chênh lệch khoảng 30° của địa cầu quay trong một năm).

(3) Theo sự tiến hóa trong thực vật, những loại rút được tinh hoa Âm Dương, có khả năng cao nhất trong con người, là An Thần.

Linh chi có tính chất An Thần. “Thần” được ổn định, Trí nhớ, Trí suy nghĩ, Trí quan sát đều trở nên linh hoạt.

(4) Trẻ con sống bằng Tánh hồn nhiên, không có tâm trạng nặng nề, cho nên không có sự dao động của huyết áp.

Người lớn sống bằng Tâm, Trí, tâm tư biến đổi không ngừng, khổ tâm, thống trí... Đó là nguyên nhân của sự dao động cao thấp của huyết áp. Nguyên nhân dao động của huyết áp do sự bất ổn định của Thần.

Dưỡng Tâm, An Thần có hai phương thức:

a. Dùng thức ăn, uống và thuốc có được chất dưỡng tâm, an thần.

b. Luyện Khí để điều hòa Tâm, tức là dùng Trí quan sát để điều Khí. Nếu Khí được điều hòa, Tâm an, Thần mạnh.

6. Cung cấp Lực cho “Thần”

Dưới nước không có cây to, nhưng trên mặt đất thì có. Vì vậy, chúng cung cấp nhiều lực cho Thần.

“Thần của thảo mộc” là các loại nấm được hình thành với tinh hoa của Đất và Trời, được đưa vào bao tử, chuyển hóa thành tân dịch, máu... cung cấp lực cho Thần con người.

Đến lúc nào Thần lực kém đi?

- Khi con người ăn hết biết ngon, như đau, bệnh, già sức kém, tiêu hóa kém. Nhưng nếu đã lớn tuổi, vẫn ăn ngon là Thần còn mạnh.

- Khi tâm hồn con người bị tâm trạng giằng vặt.

a. Năng lực được chuyển hóa về não

Tất cả năng lực đã được chuyển hóa về não từ các tạng phủ, từ những bộ phận vô hình, hay là tất cả các năng lực đã được chuyển hóa thành Điện và sự Sáng đều tụ về não.

- Năng lực được chuyển hóa từ thực vật:

Những thực vật nào chứa đựng Thủy (Hydro) thì bổ máu, tân dịch; chứa Khí thì bổ khí; chứa Điện thì bồi bổ nhân điện.

Muốn tụ về não, chúng phải được chuyển hóa thành Điện. Và từ thể Điện, năng lực này mới có thể tụ về não bộ qua sự điều khiển của Trí (1).

Với Thần lực của Khí là Vía, cũng vậy, khi nào Khí được chuyển hóa sang Điện, nó mới có khả năng tụ về não. Nghĩa là, khi nào con người không còn dịch kỳ hô hấp thì từ sự ngưng đọng, hay là từ sự hợp nhất của Khí Dương và Khí Âm trong con người, mới chuyển hóa sang Điện. Lực chuyển hóa này tụ về não.

Tóm lại:

Khi “Khí và Huyết” trong Nhục thân được chuyển hóa sang thể “điện” thì năng lực được chuyển hóa này, mới có thể tụ về não, khi cơ quan có chức năng sinh hóa và chuyển hóa của chúng ngưng đọng theo sự điều khiển của Trí.

(1) Thần là lực vô hình của máu đỏ, không thể tự nó tụ về não bộ được, mặc dù, máu có chuyển lên đầu. Cho đến khi hành giả điều khiển nhịp tim ngưng đập, lúc đó Thần mới tụ về não.

b. Triệu chứng liên quan đến “Thần”

Trí sáng suốt, khôn ngoan hay Trí mơ hồ, mê muội của con người đều do chính mình tạo nên.

“Thần” cũng vậy, sự yếu mạnh của Thần cũng tự con người tạo nên.

Thần yếu do:

- Chất làm cho tim hồi hộp do Nhục thân dung nạp.
- Tâm trạng như quá lo lắng, uất, hận, sợ hãi, khiếp đảm...

Ngược lại, muốn “An”, “Dưỡng” Thần, phải “hoàn ngược” sinh lý và tâm lý lại:

- Dùng thực vật, dược chất có tính an thần (những loại có chứa Thần như, Thần mộc, Thần đá (1)).

- Hóa giải tâm trạng, hay là hoàn ngược tâm lý: dùng tình cảm Vui, Mừng để hóa giải tâm trạng nặng nề.

- Muốn dưỡng Thần (là đã An Thần rồi, mới dưỡng được), thì phải:

Dùng Trí quan sát điều hòa hơi thở để An Thần, sau đó lấy sự Sáng của Trí soi vào Tâm để “chọn không hóa” Tâm.

Trạng thái này là “sự Sáng của Trí” hòa với nhân diện (Trí + Tâm) của Tâm chọn không, thì “Thần mạnh”. Hay là Thần được nuôi dưỡng để “tăng Thần lực qua Tâm chọn không”.

1. Thông Khí và bế Khí

Các khiếu trong thân thể là những nơi để Khí được thông. Khí trực, khí độc làm cho khiếu trở ngại, hoặc bị bế lại.

Khí trực, độc, do bên ngoài đưa vào, hoặc do bên trong (thức ăn, uống... có độc khí) làm tắc nghẽn các khiếu.

Muốn thông khiếu, phải dùng những dược chất, hoặc những thức ăn, uống... có hương thơm mới thông khiếu được.

Có nghĩa là dùng thanh khí để “trực, đẩy trực khí và độc khí” (2) ra khỏi các khiếu.

2. Sự tán tu của Thần

Đối với người thường, Thần tán nhanh, nhưng tụ lại rất chậm, bởi vì họ không làm chủ được Thân, Tâm, Trí.

(1) “Thần của thảo mộc” là các loại nấm ăn được, không chứa độc tố. Những loại nấm nào thuộc loại cây to, có nhiều nhựa, đặc biệt có hương thơm... có nhiều dược chất “an Thần” mạnh.

Chỉ cần An được Thần thì huyết áp được ổn định.

Thần của đá (và của khoáng chất) là sự kết tinh những tinh hoa của chúng như kim cương, trân châu v.v...

(2) Áp dụng sự khắc chế này vào sự thấm nhập của tà khí, độc khí vào da..., người ta dùng khuynh diệp, kinh giới, ngũ trảo, sả v.v... để trực độc khí ra.

Với người làm chủ được 3 cõi giới thì Thần không tán, mà tụ lại rất nhanh. Về đêm Thần tụ, có mộng.

Thần tụ, nhịp tim cực nhẹ, Thần lực tụ về não. Và “Thần lực” chuyển hóa từ Khí Huyết sang nhân điện, và có hóa thân (thành Khí thân, Điện thân).

Hóa thân sinh hoạt trong môi trường siêu nhiên, cảm nhận qua trực giác quan, biết và hiểu.

“Mộng” là hiện tượng vật lý siêu nhiên xảy ra trong thể giới, cõi giới siêu nhiên vượt quá khả năng tiếp xúc của Nhục thân. Nhưng “mộng” xuất hiện trong Khí thân, Điện thân. Nhờ đó, mà Trí được tương quan tiến hóa do siêu Trí hoạt động.

Thần mạnh mới có mộng.

Thần tán thì có mơ (hoang mang, sợ).

Nhờ Thần lực tụ nên Thần mạnh. Sự tụ lực do phương pháp được ứng dụng hay do sinh hoạt để tạo Thần lực.

Tụ lực: - Bằng cách “chơn không hóa” Tâm; với Nhục thân, thở hít cực nhẹ và sâu ở hạ tiêu.

- “Chơn không hóa” Trí: Thần lực tụ về não bộ, tức là sự sống từ những sức sống tụ về não và sinh động.

- Dùng linh hồn tin vào đối tượng vô hình. (Hiện tượng vật lý: vì là vô hình, cho nên sự Sáng của Trí sinh động trong não bộ, và không tỏa ra bên ngoài, sự Sáng sinh động, “Thần lực” tụ lại).

- Cuối cùng, Tâm, Trí ngưng động, “Thần” mới xuất hiện.

“Thần” sinh động, “Lực của Thần” tăng trưởng. Thần lực mạnh thì mắt sáng, tai thông..., trực khí, độc khí không thâm nhập được.

Muốn luyện “Thần lực” phải hồi quang mới luyện được (1). Muốn điều khiển, Tâm, Trí phải chơn không, và điều khiển bằng siêu Ý.

(“Siêu Ý” không có tình cảm và cảm giác, thông thường, “Ý” do tình cảm khơi động, và từ đó sinh ra Ý).

Môi trường và thời gian thích hợp, là nơi và lúc thảnh lặn, như trong giấc ngủ vậy.

Trẻ con, nhờ ngủ nhiều mà Thần mạnh dần, người lớn, ngoài giấc ngủ ra, nhờ vào sự sinh động của Tâm, Trí trong trạng thái chơn không của phương pháp hồi quang.

Biểu hiện bên ngoài:

- Ánh mắt mênh mang, sâu lắng, có hấp lực hóa giải tâm trạng của tha nhân khi nhìn vào.

(1) Hồi quang nhìn vào Thần lực, khi đã cảm nhận được sự sinh động của Thần lực thì chỉ thấy được sự sinh động đó, và không còn thấy gì liên quan đến Nhục thân.

- Bên trong hơi thờ nhẹ nhàng, điều hòa, chỉ còn lại Thanh khí sinh động. Thanh khí sinh động nhiều: “Hỏa” được hóa giải; ít: Hỏa giảm.

Trong đời sống, Thần có thể bị hao tán do bên ngoài (do sinh hoạt), hoặc do bên trong (nội tâm):

- “Thần”, từ 5 giác quan, tỏa ra bên ngoài.
- Thần hao tán do tâm trạng dao động.

Dấu hiệu của sự hao tán do nhịp tim đập không đều (quá nhanh, hoặc có lúc nhanh, lúc chậm, ngưng đập, gián đoạn...; quá mạnh, hoặc quá yếu) làm cho con người hồi hộp.

Tâm trạng làm Thần hao tán do ngũ tạng khí dao động.

(Thần từ 5 giác quan tỏa ra bên ngoài:

Mắt: nhìn vào ánh sáng có sức sáng quá mức, chăm chú nhìn lâu vào một vật gì đó.

Tai: nghe tiếng động mạnh, như tiếng động thường xuyên của động cơ, ồn ào..., hay một tiếng động cực mạnh làm Thần thoát.

Da: những cảm giác quá đau đớn của Nhục thân làm Thần tán).

Dưỡng Thần

Thần tụ hay tán do bên trong (đời sống nội tâm) và do môi trường sống bên ngoài.

Bên trong: do tâm trạng, Trí trạng, do sự đau nhức quá mức của Nhục thân.

Bên ngoài: do môi trường sống, ăn uống.

a. Môi trường sống

Nơi nào có nhiều oxy, máu mau đỏ. Đó là những nơi có thoáng khí (1), cao ráo, nhiều cây, hoa... tiết ra hương thơm.

b. Thức ăn uống

Thức ăn, uống nào cung cấp nhiều oxy đều tốt cho việc dưỡng Thần, càng có nhiều hương thơm nhẹ, càng tốt hơn.

Dưỡng Thần có hai cách:

- Thần tụ một cách tự động.
- Chủ động để tụ Thần.

Thần “tự động” tụ:

- Ngủ, hay nghỉ, với vỏ não ngưng hoạt động
- Tâm, Trí ngưng động: Thần tụ lại trong trạng thái vô tâm trạng.

Chủ động để tụ Thần

- Dùng chơn Trí để điều khiển nội lực.

Lực của Thần thuộc loại nào?

(1) Ngủ hay sống nơi thiếu oxy, như phòng lạnh, nơi không thoáng khí, quá kín... máu trở nên đen. Cũng như các loài cá, thủy sinh vật, sống dưới nước, ít oxy, nên máu đen.

- Thần là lực vô hình được tạo nên từ sự xúc tác của sự Sáng của Trí vào Thanh Huyết và Thanh Khí.

Nó là chủ lực của Nhục thân. Chủ lực yếu thì Nhục thân bệnh, chủ lực mạnh thì Nhục thân khỏe.

Cơ quan chứa đựng chủ lực là tim, và chất chứa đựng chủ lực, là máu đỏ. Dấu hiệu biểu lộ cường độ của chủ lực là nhịp đập của tim. Hay là, cường độ của chủ lực được biểu hiện qua nhịp đập mạnh, yếu, đều hay không đều nhanh, chậm... của tim.

Thần là chủ lực của Khí, Huyết nhưng bản chất của Thần là gì?

- Điện và sự Sáng sinh động trong Huyết và Khí. Chủ lực của Khí, Huyết là Điện và sự Sáng.

Như vậy bản chất của Thần là Điện và sự Sáng.

Điện và sự Sáng luôn nối liền với não bộ. Tức là, Thần nối liền với não bộ.

Bình thường, khi con người sinh hoạt ở Nhục thân, Thần tỏa ra khắp Nhục thân, đặc biệt là các giác quan liên quan trực tiếp với sinh hoạt.

Nhưng khi ngủ, lực của Thần tụ về tim. Và khi nào lực của Thần không còn tỏa ra Nhục thân nữa thì Thần tụ về não một cách tự động. Và cường độ của Thần được biểu lộ trong giấc chiêm bao qua Khí thân với những cảnh và tâm trạng trong đó.

Người ta có thể chủ động đưa Thần về não không?

- Trong thiền định, hành giả điều khiển nhịp tim đập nhẹ lại, qua sự điều hòa hô hấp cực nhẹ đến khi không còn hơi thở ra vào nữa, tim ngưng đập. Lực vô hình của Khí, Huyết là Thần tụ về não. Hành giả cảm nhận nhịp tim đập nhẹ trong đầu, và sau đó ngưng luôn.

Hiện tượng này chứng tỏ lực vô hình trong máu đang sinh động ở đầu. Nghĩa là, chủ lực của Khí, Huyết đã tụ về não, cũng có nghĩa là Điện và sự Sáng đã tụ về não.

Chúng là “nội lực của chủ lực” tạo nên “nội lực trong máu đỏ”. Và nội lực này được cảm nhận từ lực của nhịp đập của tim.

Tóm lại:

Khi nghe nhịp đập của tim trong đầu, lúc đó Thần đã tụ về não với hai năng lực đang sinh động là Điện và sự Sáng.

Đến khi nào mới hết nghe nhịp đập của tim trong đầu?

- Khi hiện tượng đó không còn nữa, cũng là khi nhịp đập trong đầu nhẹ dần và không còn nữa, thì lực của Thần đã biến đổi. Có nghĩa là Điện của Thần ngưng, chỉ còn lại sự Sáng trong Thần hòa nhập vào sự Sáng của Trí thuần túy.

Trong trạng thái này là tất cả sự Sáng tiềm ẩn sinh động trong 3 thể (Huyết, Khí, Điện) của Nhục thân hoàn toàn tụ về não, không còn bị chi phối bởi sinh hoạt của con người.

Sự Sáng trong 3 thể hòa nhập vào sự Sáng sẵn có trong Trí sinh động và tăng lực để thành năng lực tự tạo. Nó có cường độ cao hơn sự Sáng của vũ trụ để bức xạ vào vũ trụ.

Qua sự giải trình những hiện tượng sinh lý mà con người cảm nhận được. Và từ sự cảm nhận đó, thấu hiểu được tiến trình của nội lực, con người có thể chủ động đưa Thần về não bộ.

Nhưng hiệu quả nhanh hay chậm tùy thuộc vào sự điều khiển của cá nhân.

Đối với các loài vật có Thủy (máu, nhựa cây, cỏ...), có Khí (thở bằng khí), loài nào có Thần mạnh hơn, chúng có thể chế ngự được loài khác.

Chúng hơn nhau ở tâm nhìn xa và nghe xa.

Ồ con người làm sao biết được Thần mạnh?

- Nhìn con người.

- Bắt mạch.

- Nghe âm thanh trong lời nói, tư tưởng diễn giải mạch lạc, minh bạch.

- Không quên (Trí nhớ tốt).

- Trí quan sát, Trí nhớ, Trí suy nghĩ đều tốt.

- Chiêm bao, Khí thân bay bổng (càng cao, Thần càng mạnh, nhưng vẫn trong bầu khí quâyên).

Cao hơn nữa, là Điện thân hoạt động với trực giác quan trong Siêu kiến.

Vì sao, lúc nào con người đam mê, hay vướng sắc dục thì Thần yếu?

- Vì lúc đó, tim đập mạnh và mau, hoặc không đều do sự suy nghĩ, sự Sáng của Trí tỏa ra ngoài, hoặc Tâm có sự rung cảm, có sự dao động mạnh của tâm trạng, thì Thần yếu. Hay là, nội lực của chủ lực của Nhục thân, là sự Sáng và Điện, dao động mạnh, tán tỏa ra ngoài sự thu giữ của chủ lực, thì Thần yếu.

Trái lại, yêu thương không có đối tượng hoặc có đối tượng mà tim không có rung cảm, không đập mạnh, thì những đức tính, đạo tính làm cho Thần mạnh.

Tóm lại:

Tùy theo đối tượng và sinh hoạt của cá nhân mà chúng có thể làm cho Thần yếu hoặc mạnh.

Dùng Thần

Không phải lúc nào con người cũng tùy tiện dùng Thần. Có những sinh hoạt liên quan đến Thân, Tâm hoặc Trí, thì dùng Thần cũng vậy.

- Với đối tượng nào thì dùng Thần?

- Với trạng thái nào của Tâm, Trí (các loại) mới dùng Thần được?

a. Với các sinh vật, tạo vật có Khí, Thủy mà chúng có Ác tính, Độc tính, thì con người dùng Thần để chế ngự.

Với các sinh linh, tạo vật, sinh linh bằng Khí thân có Ác tính, Độc tính... thì con người dùng Thần để xua đuổi hoặc để chế ngự chúng.

b. Tâm, Trí đều trong trạng thái chơn không (các chức năng quan sát, nhớ,

suy nghĩ của Trí đều chơn không, hay là đều ngưng động), chỉ còn lại sự sáng suốt của Trí khôn..., lúc đó con người mới dùng Thần được. Tức là, chỉ trong trạng thái Vô ngã (hoặc chơn Ngã), con người mới dùng Thần được.

E. THÁNH THAI VÀ THAI NHI

Thai nhi là con của tiểu vũ trụ (Thai nhi: Nhục thân).

Thánh thai (1) là con của đại vũ trụ.

Thai nhi trong bụng mẹ đã có sự sống, nhưng chưa đủ sức sống. Nó hấp thu những lực trong tiểu vũ trụ của người mẹ để tăng sức sống.

Khí, Huyết của người mẹ làm tăng trưởng Nhục thân của nó.

Điện (tư tưởng), sự Sáng (Trí thông minh) của người mẹ nung đúc Tâm, Trí của thai nhi.

Thánh thai lấy năng lực trong đại vũ trụ để hình thành các loại thân.

Hai sinh tạo này hấp thu năng lượng khác nhau ở cách thu.

Thai nhi hấp thu năng lượng một cách tự động.

Thánh thai có hai cách thu năng lượng: tự động và chủ động.

- Chủ động trong sự lựa chọn năng lượng hấp thu cho mỗi loại thân (Khí thân, Điện thân, Quang thân).

Chủ động trong sự lựa chọn thời gian, thời hạn hấp thu năng lượng.

- Về sự hấp thu, nó có tính cách tự động.

Thông thường, thời gian hấp thu năng lượng của Nhục thân thai nhi, khoảng 300 ngày đêm trở lại... theo định luật sinh hóa, là “sự sống làm tăng sức sống” cho Nhục thân của thai nhi.

Đối với thánh thai, sự hấp thu năng lực theo qui luật chuyển hóa là “sự sống trong sức sống của Nhục thân làm tăng sự sống cho thánh thai.

Với thai nhi, các giác quan đều đóng lại, chưa có Tâm, Trí hoạt động, sống trong trạng thái “ngủ, nghỉ” nhiều hơn là tỉnh thức (2), lúc đó Nhục thân hấp thu năng lực một cách tự động.

Đối với thánh thai cũng vậy, dù có tỉnh thức, các giác quan tuy mở sẵn,

(1) “Tư” này do pháp môn tu luyện của “Tiền đạo” đặt ra để nói đến những loại thân được hình thành từ những năng lực siêu nhiên bao gồm 3 bậc: Khí thân, Điện thân và Quang thân.

Nói chính xác, Thánh thai: là “tư” chỉ định Điện thân.

Tiền đạo chia ra hai trình độ:

Luyện Khí: luyện “Khí thân” để trở thành địa tiên (sức sống từ 720 đến 1000 năm).

Luyện Điện: luyện “Điện thân” để trở thành thiên tiên (sức sống từ 8640 đến trên dưới 10.000 năm).

(2) Thai nhi tỉnh thức, cử động, đập đá nhiều, làm mẹ đau, khi được sinh ra, Trí phát triển nhanh hơn thai nhi ngủ nhiều.

nhưng cũng như đóng lại. Tâm, Trí sống, nhưng không động, thân thể như ngủ, như nghỉ.

Thánh thai hấp thu năng lực vừa tự động vừa chủ động.

Chủ động: do sự tỉnh thức của Trí, sống mà không động (không có tư tưởng bản ngã nổi lên) nên Dương và Âm của sự Sáng hòa nhập vào Dương và Âm của sự Sáng của vũ trụ.

Tự động: khi Dương và Âm của sự Sáng của hai vũ trụ hòa nhập vào nhau thì Khí thân, Điện thân, Quang thân hấp thu năng lực một cách tự động.

Thời gian hấp thu năng lực của thánh thai bao lâu?

- Nhục thân của thai nhi hấp thu năng lực đầy đủ trong trạng thái không có sự biến đổi nhiều phải mất khoảng 300 ngày, thì các loại thân cũng phải mất nhiều ngày. Với Khí thân, sự hình thành đầy đủ năng lực còn do sự thanh tẩy, loại cảm giác của Nhục thân ra. Với thánh thai của Điện thân, khi Điện thân đạt đủ lực thì cảm giác, tình cảm, tâm trạng phải được hoàn toàn thanh tẩy.

Sự tách ra của các loại thân qua sự chết theo sự tiến hóa tự nhiên diễn tiến như thế nào?

- Sự tiến hóa tự nhiên của các loại thân theo sự chuyển hóa của các thể linh thiêng để có được Quang thân phải trải qua thời gian trên trăm ngàn năm.

Và sự tách ra của các loại thân xảy ra trong hiện tượng là thân chứa đựng nó phải chết hay ngưng động.

Nhục thân chết (hay ngưng động): Khí thân toát ra.

Khí thân chết (hay ngưng động): Điện thân toát ra.

Điện thân chết (hay ngưng động): Quang thân toát ra.

Trong sự tiến hóa chủ động như trong đại định, trong sự Cực lạc, trong trạng thái ngưng động của lực vô hình, của sinh hoạt (cảm giác, tình cảm, tư tưởng) của các loại thân.

- Nhục thân không còn cảm giác: Khí thân sinh động, hoạt động bên trong Nhục thân.

- Khí thân không còn tình cảm (Tâm chơn không): Điện thân hoạt động.

- Điện thân ngưng động (Tâm chết, Trí Cực lạc): Quang thân toát ra.

Năng lực trong tâm cỡ nào nuôi dưỡng mỗi loại thân?

- Nhục thân của thai nhi do bụng mẹ chứa đựng thực vật (Thủy, Khí) dùng để nuôi dưỡng Nhục thân của thai nhi trên mặt địa cầu.

- Khí thân của thánh thai do Nhục thân của hành giả chứa đựng. Và Khí thân lớn lên do khí (các loại) của bầu khí quyển nuôi dưỡng.

- Điện thân do bầu khí quyển chứa đựng, Điện thân mạnh lên do Điện của vũ trụ nuôi dưỡng.

(Tiếng nổ trong đầu là trạng thái Điện thân có đủ năng lực tách ra khỏi bầu khí quyển. Tiếng nổ do Điện thân di chuyển xé rách lớp không khí của bầu khí quyển).

Sự tách ra khỏi lớp khí đưa đến sự tiếp xúc của Điện thân với thể giới siêu nhiên và hoạt động trong thể giới đó.

Khi mỗi loại thân được hình thành, nó phải sống theo nhu cầu của nó.

Các loại thân đều có thể tăng trưởng sức sống của nó do chất dinh dưỡng thích hợp với nó. Nếu thiếu, nó sẽ yếu đi, hoặc phải chết.

Như Nhục thân, nếu hấp thu đầy đủ chất dinh dưỡng, nó lớn mạnh. Ít chất bổ, nó suy yếu. Và nếu không có gì để hấp thu, Nhục thân không thể sống được.

Cũng vậy, Khí thân không có Khí để tồn tại, nó sẽ tan biến.

Đối với Điện thân cũng vậy.

Mỗi loại thân, sự nuôi dưỡng tùy thuộc vào những bộ phận liên quan.

- Chỗ chứa đựng chất dinh dưỡng để nuôi Nhục thân là bao tử.

- Chỗ chứa đựng chất dinh dưỡng để nuôi Khí thân là tam tiêu. Nó là gốc của sự hóa khí (1), tức là biến hóa Khí Âm thành Khí Dương.

Khí Dương nuôi dưỡng cho Khí thân mạnh.

- Chỗ chứa đựng và nuôi dưỡng Điện thân là tủy, tủy sống và não. Nhưng não chứa Điện mới làm cho Điện thân mạnh được.

Chỗ chứa đựng và nuôi dưỡng Quang thân là tủy não. Nhưng sự Sáng trong não là tự nó cường hóa lấy.

Tóm lại:

Muốn hấp thu năng lực, người lớn phải học cách hấp thu của thai nhi. Thánh thai (Khí thân, Điện thân, Quang thân) muốn hấp thu nhanh năng lực, năng lượng của vũ trụ cũng phải bắt chước thai nhi.

Với các loại thân, mỗi loại thân phải được nuôi dưỡng bằng thể thích hợp cho loại thân đó.

- Thủy (nước trong thực phẩm, các loại chất lỏng có dinh dưỡng) nuôi dưỡng Nhục thân.

- Khí: nuôi dưỡng Khí thân (một mảng khí mang dáng vóc của Nhục thân).

- Điện (của vũ trụ) nuôi dưỡng Điện thân.

1. Sự toát ra của một loại thân

Sự toát ra của một loại thân nhẹ (Khí thân, Điện thân, Quang thân) từ Nhục thân đều có tính cách vật lý, cũng như sự toát ra của mầm non từ hạt giống..., nghĩa là “Lực của Khí thân, Điện thân, Quang thân phải mạnh hơn lực của Nhục thân”.

(1) Không khí hít vào bằng mũi, chưa biến thành Thanh khí. Nhờ sự Sáng của Trí điều khiển từ trên xuống hạ tiêu, không khí được biến đổi thành Thanh khí Âm. Trí quan sát đưa Thanh khí Âm chuyển sang mạch Đốc đi ngược lên đầu, Thanh khí Âm biến thành Thanh khí Dương.

Loại khí này là chất dinh dưỡng tốt cho Khí thân. Chúng sinh động bên trong Nhục thân.

Trong trạng thái sinh lý nào thì Khí thân, Điện thân mạnh hơn Nhục thân về phương diện vật lý?

- Khí thân mạnh hơn Nhục thân khi nó có sự sống của chính nó (1), tức là, khi nó sinh động bằng “nội khí thuần túy” không còn sự luân phiên của Dương khí và Âm khí trong hô hấp nữa (2)

Khí dùng để nuôi Nhục thân, còn hít vào thở ra, với giới hạn diện tích của cơ quan. Còn “khí thuần túy” là sự sống của nội khí tiềm tàng trong Nhục thân, nó mang hình dáng toàn diện của Nhục thân.

2. Thánh thai và trạng thái của Tâm, Trí

Vô tâm trạng, với sự “hư vô của Tâm”, sự chơn không của Trí, trong Nhục thân mới có thánh thai (tức là Điện thân hay cao hơn là Quang thân xuất hiện). Các loại thân này được hình thành, nhưng chưa đủ khả năng để hoạt động trong thế giới siêu nhiên.

Chúng lấy năng lực trong vũ trụ, như thai nhi trong bụng mẹ, khi chưa đủ lực để tự sống, hoạt động trong cõi siêu nhiên.

Cũng vậy, với “Tâm hư vô”, thánh thai phải hấp thu năng lực của cõi giới siêu nhiên cho đến khi nó đầy đủ lực siêu nhiên để có thể tự sống trong thế giới siêu nhiên, tự nó toát ra khỏi Nhục thân.

Cho đến bao lâu, với “Tâm, Trí hư vô”, thánh thai có khả năng để toát ra khỏi Nhục thân?

- Năng lực tự nhiên (hậu thiên) được hấp thu vào Nhục thân sinh động trong giới hạn từ bầu khí quyển vào trái đất, căn bản là Khí và Thủy.

Năng lực siêu nhiên (tiên thiên) có trong bầu khí quyển và vượt quá tầm của bầu khí quyển (3) lan rộng cả vũ trụ.

Với “Tâm, Trí đều hư vô”, thánh thai (Điện thân, Quang thân) mới hấp thu được năng lực siêu nhiên cho đến khi các loại thân đó đủ lực để toát ra khỏi Nhục thân “trong trạng thái hư vô của Thân, Tâm, Trí”.

(1) Sự sống của Khí thân mới có khả năng thông các kinh của bệnh nhân theo sự điều khiển của siêu Trí.

(2) Nhờ vào nội khí thuần túy, con người tạo ra được nhiều pháp thuật như ngồi lâu dưới nước, đi trên mặt nước, phi hành v.v...

Đây không phải là Nhục thân thực hiện, mà chính Khí thân có khả năng dùng Thần lực để nhắc bổng Nhục thân lên trong hoạt động.

(3) Hiện tượng này là “năng lượng tiềm ẩn trong năng lượng”, như oxy có trong nước, và vượt quá tầm của mặt nước để tạo nên bầu khí quyển. Cũng vậy, các loại điện từ (chưa có tên) tiềm ẩn sinh động trong bầu khí quyển lan rộng vào cả vũ trụ.

3. “Thánh thai” từ Sinh Diệt vào sự sống

“Ngũ hành sinh động”, ắt Sinh, Khắc phải xảy ra.

“Có Sinh, có Khắc”, tất có biến hóa.

Biến hóa do biến tướng, biến thể, biến thái (trạng thái biến đổi) mà ra.

Cả 3 dạng biến hóa này đều lọt vào vòng Sinh, Diệt.

Thân (Nhục thân) Sinh Diệt đã đành, nhưng Tâm cũng không thoát khỏi, vì tâm trạng thuộc Ngũ hành khí.

Ngũ hành khí là gốc của Phước, Họa. Phước Họa của Nhục thân là sự sinh động của Khí, Thủy chỉ giới hạn ở địa cầu và biến hóa mãi ở đây, nếu sinh hoạt của con người không lọt vào sự sinh động của Âm Dương để thoát khỏi sự vương vấn của Ngũ hành.” còn Sinh, còn Diệt”, thì thuộc về sức sống có giới hạn.

“Âm Dương sinh động” chỉ có tiến hóa, mà không có biến hóa.

Sự sinh động của chúng chỉ có Sinh, chẳng có Diệt. Sinh động mãi nên hằng sống.

Tóm lại:

“Ngũ hành biến hóa”, “chỉ có Dương và Âm tiến hóa”.

Cũng vậy, Nhục thân biến đổi, biến hóa, chỉ có Trí (các loại Trí thuộc về sự Sáng) tiến hóa mà thôi.

Thai nhi không có tâm tư (tâm trạng, tư tưởng) nên chưa vương vào vòng Sinh, Khắc của Ngũ hành.

Người lớn tu luyện đúng pháp, đúng luật chuyển hóa của vũ trụ, không có tâm tư sinh động, không có Ngũ hành sinh khắc, nên được gọi là thánh thai (thai nhi của vũ trụ).

“Thánh thai không có Ngũ hành sinh động” không Sinh Khắc, chỉ được cường hóa bằng Dương và Âm của sự Sáng.

Năng lực tiên thiên được cường hóa từ não, đầu, nên ba hệ (thần kinh, miễn nhiễm, nội tiết) luôn được mạnh, linh hoạt.

Thánh thai (thuộc dạng Điện thân) thu hút năng lượng tiên thiên (Điện và sự Sáng của vũ trụ) để lớn lên.

Khi nó đủ năng lực để sống trong thế giới siêu nhiên, tự nó toát ra khỏi vòng nuôi dưỡng của nó bằng một tiếng nổ cực lớn ngay ổ đầu người.

Để dễ nhớ, dễ hiểu trong sự thực hành,

Kệ rằng:

“Ngũ hành sinh động, rõ nhân tính

Tâm tư xuất hiện, Phước Họa Sinh

Vô “tâm tư”, Ngũ hành ngưng động,

Âm Dương sinh động, đúng tính trời (của vũ trụ)”.

4. Thánh thai đến sự hằng sống

Thánh thai là thai nhi của vũ trụ nhưng chưa phải là sinh linh của vũ trụ, tức là thánh thai chưa có thể hằng sống.

Như vậy, đối với loài người, người nào có thể hằng sống?

- Chỉ người nào nhận ra được sự sống (sự Sáng) trong chính mình, và sống bằng sự sống đó mới trở nên hằng sống. Hay là, người nào biết nuôi dưỡng sự Sáng của Trí Tuệ mới có thể trở nên hằng sống.

Nếu biết dùng sự Sáng của Trí Tuệ để trở về nguồn sáng tạo, người đó sẽ cảm ứng được với Đấng sáng tạo.

Nếu biết dùng sự Sáng của Trí Tuệ mà trở về nguồn sinh hóa, người đó sẽ giác ngộ được Nguyên Lý của vũ trụ.

Muốn khám phá ra nguồn gốc sáng tạo và sinh hóa phải làm sao?

- Chỉ có một cách hữu hiệu là quay sự Sáng của Trí vào trong sự sống (sự Sáng) của chính mình. Chỉ trong sự Sáng, Trí Tuệ mới khám phá ra sự Sáng, sự sống của vũ trụ trong chính mình mà thôi.

Tức là, Hiểu Biết được năng lượng, năng lực trong tiêu vũ trụ, là biết và hiểu được năng lượng, năng lực trong đại vũ trụ. Vì sao?

- Vì những năng lượng, năng lực con người có được, đều được tạo nên, và được cung cấp từ đại vũ trụ.

Đối với các tạo vật khác, dù cho cực to đến cực nhỏ mà vô tri, vô giác..., tự chúng không biết được chúng, làm sao chúng có thể “chủ động” thu nạp năng lượng, năng lực của vũ trụ để chủ động tiến hóa nhanh.

Ngay cả những sinh vật có cảm giác mà không có Trí khôn để suy nghĩ thì cũng không chủ động tiến hóa được, làm sao chúng hiểu được nguồn gốc sáng tạo và sinh hóa.

Làm sao nuôi dưỡng và sống bằng sự Sáng, sự sống?

- Từ sự hiểu biết, người ta suy nghĩ và tạo ra phương pháp để đạt đến kết quả nhanh chóng.

Phương pháp nuôi dưỡng và sống bằng sự Sáng và sự sống là:

- “Đưa toàn thể sự Sáng quang tỏa khắp nơi về não”, là tập trung sự Sáng về não bằng cách đưa sự Sáng ra khỏi 3 thể linh thiêng (tức là ra khỏi Huyết, Khí, Điện).

Ba thể này không còn sự sống trong sức sống. Và những sức sống này vẫn sống như trong đại vũ trụ, nhưng chúng không động. Nhờ vào sự ngưng hoạt động đó, chúng không vướng vào sự Sinh, Diệt ngay trong lúc đó.

Nói cách khác, “sức sống của một tạo vật vẫn có, nhưng sự Sáng, sự sống thì không thuộc về tạo vật nữa, mà thuộc về sự sống của vũ trụ”. “Đưa sự sống

(sự Sáng) ra khỏi các sức sống” tạo ra một số hiện tượng vật lý (cũng là sinh lý). Đó là:

Cơ quan chính của sự tuần hoàn của Khí, Huyết là Phổi và Tim, hai cơ quan này ngưng hoạt động.

5. Hai cơ quan liên quan đến sự toát ra của Điện thân

Điện thân do nhân điện hình thành. Điện thuộc về năng lực tiên thiên (có trước khi địa cầu được tạo nên).

Năng lực này được tích lũy nhiều ở tủy sống và não, nhưng cường độ của điện tăng cao ở não.

Não là nơi tụ và tích lũy Điện.

Khi 3 chức năng của Trí (quan sát, nhớ, suy nghĩ) ngưng hoạt động, Điện trong Thân tụ về não, từ đó hình thành Điện thân.

Nói cách khác: “Đầu, não là nơi mà nhân điện phân tán ra trong toàn cơ thể, khi điện tụ về não, từ đó kết thành Điện thân mang hình dáng của Nhục thân.

Dấu hiệu để nhận ra Điện thân đã được hình thành ở một cá nhân, là vòng ánh sáng (hào quang) đã tỏa ra quanh đầu rồi (từ đầu xuống dưới cằm, có vòng sáng bao quanh). Vòng sáng càng to, nhân điện nhiều, Điện thân càng mạnh. Tùy theo nội lực, vòng sáng dao động, tăng, giảm từ 3 đến 5 phân ánh sáng quanh đầu.

Ngoài hào quang của Điện thân, còn có những loại khác.

Các loại hào quang, hay là các loại từ trường của năng lực tụ về não gồm có 3 loại:

- Khí lực (trong đó sinh động Điện lực, Quang lực): hào quang sáng mờ tỏa ra từ trên 2 tai vòng lên đầu.
- Điện lực (trong đó sinh động quang năng): vòng sáng bao quanh đầu.
- Quang năng: tỏa khắp thân.

a. Từ trường của năng lực

Từ vàng sáng quanh đầu, có 3 nội lực sinh động trong đó:

Khí + (Điện, sự Sáng)

Điện + (sự Sáng)

Sự Sáng (Dương + Âm)

Khí + (Điện, sự Sáng): chủ lực là Khí, nội lực của chủ lực là Điện và sự Sáng.

Chủ lực là vòng sáng từ vành tai lên quanh đầu.

Nó bộc lộ nội lực của Khí và huyết. Hay là, nó biểu lộ nội lực của Nhục thân. Nếu Khí đen, Nhục thân có bệnh về Khí, Huyết.

Điện + (sự Sáng): chủ lực là Điện, nội lực của chủ lực là sự Sáng.

Chủ lực là vòng sáng tỏa ra quanh đầu.

Nó biểu lộ nội lực trong kinh, mạch, lạc, hệ thần kinh, hệ nội tiết, hệ miễn nhiễm. Biểu lộ chánh lực, tà lực, chơn lực.

Sự Sáng (Dương, Âm): huyền năng của vũ trụ.

Sự quang tỏa ra xa, gần, rộng... là mức độ của sự sáng suốt, sự giác ngộ của các loại Thuần Trí (Trí, siêu Trí, Tuệ).

Nội lực của chủ lực là gì?

- Đó là một lực sinh động trong một lực khác, một sự sống sinh động trong một sức sống khác. Như:

- Sự sống của Khí là Điện, hay là từ trường của Khí là Điện.

Sự sống của Điện là sự Sáng, hay là từ trường của Điện là sự Sáng.

b. Chức năng của từ trường nhân điện

Vòng sáng (hào quang) bao quanh đầu là từ trường của nhân điện tụ về não, sinh động tỏa ra từ trạng thái chơn không của Tâm.

Từ trường của nhân điện liên quan đến các trực giác quan (1) (phần bên trong của giác quan với hệ thần kinh nối liền với não, mà hiệu quả của nó là cái Biết, được tăng xung lực để đưa tín hiệu về não).

Các trực giác quan đưa cái “Biết trực tiếp” về những tín hiệu siêu hình (siêu nhiên) về não.

Từ trường nhân điện càng rộng lớn thì các trực giác quan càng bén nhạy, linh hoạt, và tầm hoạt động của chúng càng xa.

Do tình trạng sinh lý, mà từ trường của nhân điện tăng:

- Hệ thần kinh ngoại biên và hệ thần kinh mặt ngưng cảm nhận những tín hiệu và hiện tượng bên ngoài.

Do đó, hệ thần kinh của cột sống không thu nhận, và không truyền dẫn những tín hiệu từ ngoài vào não, và từ não đưa ra.

Những tín hiệu thu nhận từ ngoài vào, và những lệnh từ não ra ngoài vì đều do sự truyền dẫn của điện trong dây thần kinh nhờ vào các neuron (2).

“Không thu nhận và không truyền dẫn tín hiệu từ ngoài vào vào não, và từ não đưa ra”, hiện tượng này chứng tỏ Thân không còn cảm giác, Tâm không tỉnh

(1) *Trực giác quan là bộ phận bên trong của các giác quan, nằm bên trong vỏ não, hoạt động bằng nhân điện. Các trực giác quan thu nhận và cảm biết được những hiện tượng siêu nhiên được tạo nên bằng những hạt điện tử của điện trong thể giới siêu nhiên.*

(2) *Neuron (nerve cell) là tế bào của hệ thần kinh trong đó có tích điện, và dẫn truyền điện từ ngoài vào não, và từ não đưa ra ngoài vì. Sự tăng giảm của cường độ nhân điện do một yếu tố, là “xai nắp” (synapse) với chức năng làm tăng cường độ nhân điện, khi đưa tín hiệu về não, và làm giảm, khi lệnh từ não đưa ra ngoài vì.*

Từ cảm nhận sang “ý thức một tín hiệu”, là sự tăng của cường độ nhân điện.

cảm, Trí không nảy sinh ra tư tưởng. Do đó, nhân điện tỏa ra từ dưới cuống não ra khắp cả thân thể được tự về não.

Nhân điện tự về não vẫn tiếp tục sinh động, và cường độ sinh động của nó tăng dần quá mức chứa đựng của não mà tạo nên từ trường của điện bao quanh đầu với 360° .

Khi từ trường của điện tỏa ra quanh đầu, nhân điện vẫn tiếp tục sinh động và tỏa ngược xuống toàn thân thành một mảng để hình thành Điện thân.

Và lúc đó, Điện thân mới thực sự sinh động (1) bằng huyền lực của chính nó.

(Ngoài sự suy nghĩ làm xương sọ phát triển ra, đầu to. Hiện tượng này, thật sự không phải từ sự suy nghĩ, mà chính là sự hoạt động và sinh động của sự Sáng của Trí trong chức năng suy nghĩ mà ra.

Đối với nhân điện cũng vậy, cường độ nhân điện tăng lên ở não làm đầu to ra, tạo một đường hờ, nứt ra ở xương sọ từ đỉnh đầu hướng xuống phía trước).

c. Những nhân tố tạo nên hào quang

Trẻ con khi mới được sinh ra chưa có hào quang. Người lớn có hào quang, nhưng không phải tất cả đều có, như vậy ánh sáng này do năng lực nào, bộ phận, cơ quan vô hình, mẫu nhiệm hoặc trạng thái nào phát sinh?

- Các loài thú không có hào quang, vì chúng không có những bộ phận vô hình, mẫu nhiệm hoạt động. Trẻ con tuy thuộc nguồn gốc sinh linh, nhưng bắt đầu sống bằng cảm giác, chưa có tình cảm, tư tưởng v.v...

Tất cả những sinh hoạt từ sơ sinh đến trưởng thành liên quan đến 3 đời sống vật chất, tinh thần và tâm linh.

Đời sống vật chất sống hoàn toàn hay nhiều cảm giác hơn tình cảm và tư tưởng, những sinh hoạt này sẽ không tạo nên hào quang được.

Đời sống tinh thần và tâm linh, trong đó sinh hoạt liên quan đến những bộ phận, cơ quan các nội lực có sự sinh động tiềm ẩn của sự Sáng, hay là có sự xúc tác của sự Sáng... đều là những yếu tố hình thành hào quang. Như Thần, hồn, Vía, tâm hồn, linh hồn, Lương Tâm, Tánh, Trí, Tuệ v.v...

Sự vận dụng những yếu tố trên trong sinh hoạt với năng lực, năng lượng khác nhau ở mỗi cá nhân, tạo nên sự khác nhau về tầm cỡ quang tỏa của hào quang quanh đầu.

- Khi tâm còn động, hào quang nhỏ chưa bao quanh đầu.
- Khi Tâm “chơn không”, hào quang bao quanh đầu.

(1) Điện thân tỏa ra từ Khí thân và Nhục thân, với trạng thái là Khí thân và Nhục thân phải hoàn toàn ngưng hoạt động, ngưng sinh động. Đây là cái chết tạm thời của hai loại thân với hiện tượng sinh lý xảy ra, là Phôi ngưng thở, Tim ngưng đập, nhưng Nhục thân cảm thấy khỏe hơn do một năng lực mạnh hơn sinh động, đó là nhân điện.

- Khi Tình thương “vô nguồn gốc thể gian” (không có đối tượng) sinh động cùng những đức tính, tư tưởng lành..., hào quang bao quanh đầu.

- Ý chí mạnh, thần lực mạnh, tư tưởng mạnh... hào quang bao quanh đầu.

- Tánh + Trí sinh động..., hào quang bao quanh đầu và sáng hơn.

Tóm lại:

Não hoạt động do Tâm, Trí sinh động mà lực không hao tán, thì hào quang tăng sự Sáng. Hay là, khi sự Sáng và Điện sinh động ở não mà không hao tán, thì vòng hào quang to ra, và sáng hơn.

d. Tim và Phổi liên quan đến sự toát ra của Điện thân

Tim và Phổi liên đới hoạt động tạo ra nhiều loại sức sống cho Nhục thân.

Ngoài sức sống thuần túy của Nhục thân ra, máu là nguồn gốc của cảm giác, khí là nền tảng của tình cảm.

Nếu một trong hai cơ quan đó ngưng động thì cơ quan còn lại cũng sẽ ngưng hoạt động. Nghĩa là, nếu Tim ngưng động trước thì Phổi cũng sẽ ngưng động.

Trái lại, nếu Phổi ngưng trước, sau đó Tim sẽ ngưng theo.

Biết được hiện tượng này, con người cũng hiểu được, là mình có thể điều khiển được hoạt động của hai cơ quan trên.

Khi nào Tim ngưng đập, Phổi ngưng thở?

1. Khi sự Sáng tỏa ra khắp Nhục thân thì Tim và Phổi tự động hoạt động, tức là nhờ vào sự sống (sự Sáng) mà chúng sống và động theo.

Khi sự Sáng được tập trung hoàn toàn về não, Tim và Phổi ngưng hoạt động. Toàn thân vẫn sống, vì sự sống (sự Sáng) không mất đi, nhưng nó được tập trung về một vùng cực nhỏ. Nhờ đó, cường độ của nó tăng lên. (Sinh động ở một khu vực cực nhỏ, cường độ của sự Sáng tăng lên rất nhanh, và cực động đến độ hóa “tĩnh”. Sự sinh động của sự Sáng đạt đến mức tuyệt đối, sự Sáng bức xạ).

2. Bình thường, nếu Phổi thở thì Tim phải bóp. Nếu thở mạnh, Tim bóp mạnh, nếu thở nhẹ, Tim đập nhẹ.

Sự hoạt động liên đới không làm cho Tim và Phổi ngưng hoạt động được.

“Tách” cách thở ra khỏi sự liên đới này, và thở ở một nơi khác, như hít khí vào hạ tiêu, thì Tim đập nhẹ và chậm lại. Dùng hạ tiêu hít thở theo chiều lên xuống, tức là ép và rút không khí bằng hạ tiêu, thì không khí được rút vào, và đẩy ra bằng các lỗ chân lông, thì Phổi nhẹ dần rồi ngưng.

(Đây là cách thở của rùa, gọi là “quy tức”. Cách thở như thổi thóp ở hạ tiêu, cực nhẹ. Hiệu quả của cách thở này, là ít tiêu hao năng lượng, dùng vào lúc cơ thể đói, khát, hay mệt quá sức).

Cách khác là dùng lối thở bằng hông (luôn cả mông) như ễnh ương, không khí được đưa vào, và đẩy ra bằng các lỗ chân lông, Tim đập nhẹ dần rồi ngưng.

(Hiệu quả: loại CO₂ nhanh khỏi cơ thể. Áp dụng cho những trường hợp vận

dụng cơ bắp hoạt động lâu và nhanh như trong lao động nặng, hay các môn thể thao làm tiêu hao nhanh năng lượng. Cơ thể vừa mới, con người vừa mệt).

Ngồi xếp bằng, nghiêng người ra phía trước, chống hai tay ra phía trước như ếch, nhái... nhắm mắt lại, rồi hít vào nhẹ và sâu, sau đó thở nhẹ ra. Cơ bắp được giãn ra nhanh, mỗi một không kéo dài, nội lực mau phục hồi (1).

Cách thở hiệu quả hơn hết là thở bằng não, gọi là “chơn tức”. (Từ này “Tiên đạo” dùng trong phép luyện khí để tạo nên Khí thân, Điện thân). Hay là “chơn tức” là cách thở bằng não, theo từ nói trên.

Não con người không thể thở được, nhưng đây là phương pháp tập trung sự Sáng về não. “Trí quan sát luôn ý thức được sự sinh động của sự Sáng (thể Sáng) thuần túy” trong một thời gian, cho đến khi sự Sáng quang tỏa ra toàn thân tụ về não. Hai chức năng của hệ thần kinh giao cảm (hệ động vật) và đối giao cảm (thực vật) ngưng hoạt động, thì Tim ngưng đập, Phổi ngưng thở.

(Trong trạng thái này, Huyết và Khí đều cực sạch và mạnh, do đó Nhục thân cảm thấy rất khô, vì nội lực vô hình của Huyết là “Thần”, của Khí là “Vía” được sự Sáng xúc tác vào để tăng lực).

Tóm lại:

Có nhiều cách làm, nhưng để thực hiện thì dùng Khí và sự Sáng:

- Dùng Khí (dùng nội tức: quy tức, chơn tức).
- Dùng sự Sáng (sinh động bên trong vô não), thì Tim ngưng đập.

“Sự Sáng” (thể Sáng) là năng lực mạnh nhất của năng lực tiên thiên. “Khí” cao hơn hết trong năng lực hậu thiên, nhưng nó có hiệu quả tốt cho đời sống con người, khi nào Khí được điều khiển.

“Khí” giúp cho con người được gì, khi hơi thở được điều hòa?

Hô hấp điều hòa
 Nhục thân khỏe mạnh
 Nội tức điều hòa
 Tâm trạng không còn
 Tâm trạng hư không
 Nội khí tăng lực
 Nội khí tăng lực
 Hình thành Khí thân
 Khí thân xuất hiện
 Thân lực hoạt động

(1) Người lớn tuổi, hay những người nguyên khí kém (những người có bệnh về đường “Khí”) không khí do Phổi hít vào không đủ, hoặc không giữ được lâu, nên tập thở bằng hai cách trên. Cần thở nhiều lần trong ngày, thì tuổi thọ được kéo dài. Vì không khí, để cung cấp cho sức sống của Nhục thân, quý hơn thực phẩm và thuốc men.

Hay là:

Nội tức điều hòa
Thân khỏe, Tâm an
Thân khỏe, Tâm an
Tánh khí hồn nhiên
Hồn nhiên, Thân mạnh
Phước đến (1), Họa lui

Trạng thái Tâm an, Thân mạnh, Phước... là những sinh động vô hình do điều khí mà phát sinh, hay “do điều hòa nội tức” mà có được những sinh động đó.

Nhưng sự hiện hữu vô hình bên trong được hiện thực một cách hữu hình, nếu có người chú ý đến.

Trẻ thơ, trẻ con, trông trắng của mắt rất trong xanh, vì chúng sống bằng “Tánh hồn nhiên”, không có nhiều tâm trạng dao động, kéo dài, ngũ tạng khí của chúng không động loạn. Người điều khí, luyện khí, tu tâm, cũng vậy, nếu sự chơn không của Tâm sinh động được lâu thì trông trắng của mắt cũng được trong xanh.

Đây là hiện tượng bên ngoài biểu lộ trạng thái bên trong. Dù trạng thái bên trong vô hình, nhưng nó cũng hiện thực bên ngoài.

Tóm lại:

Về sự toát ra của Điện thân liên quan đến sự ngưng hoạt động của Tim và Phổi.

Huyết, Khí là năng lực hậu thiên nuôi sống Nhục thân, trong năng lực đó tiềm ẩn sinh động năng lực tiên thiên là Điện và sự Sáng.

Nếu Tim và Phổi ngưng động thì năng lực hậu thiên (Huyết và Khí) cũng ngưng chuyển động, do đó, năng lực tiên thiên hoạt động. Điện thân toát ra khỏi Nhục thân và sinh động.

G. LINH HỒN

Có những bộ phận, cơ quan siêu hình hay vô hình sinh động, hoạt động trong khi Nhục thân còn sống. Nhưng sau cái chết của Nhục thân, một số hiện tượng vô hình còn tồn tại, nhờ ở sự sinh động của những năng lực siêu nhiên trong chúng vẫn tiếp tục hoạt động.

Thời gian tồn tại sinh động của chúng do thành phần cấu tạo, và cường độ sinh động của những thể linh thiêng trong cấu trúc.

(1)Loại “Phước” này thuộc “Chơn Phước”. Đây là sự may mắn sẵn có trong chức năng sinh hóa của vũ trụ không phải do con người tạo ra. Họa lui (vô họa).

Những năng lực siêu nhiên (thuộc năng lực tiên thiên) là Điện và sự Sáng của vũ trụ trong những thực thể siêu nhiên và siêu siêu nhiên sinh động liên quan đến vũ trụ.

Những thực thể siêu nhiên mà con người có, và dùng trong sinh hoạt, là Tâm hồn và Linh hồn.

Những bộ phận vô hình này vượt quá sự quan sát của giác quan, có cấu trúc vô hình, huyền bí, vì chúng sinh động bằng năng lực tiên thiên, gồm nhiều chức năng từ con người liên quan đến sinh linh, cõi giới và thể giới v.v...

1. Tâm hồn

Tâm hồn là một bộ phận kép, kết hợp của hai bộ phận vô hình khác, là Tâm và Trí.

Nó liên quan đến ngoại cảnh, hay là tình cảm (Tâm) và tư tưởng (Trí) con người được khơi động từ những hiện tượng bên ngoài Nhục thân mà tác động đến Tâm, Trí (Tâm hồn).

Tình cảm thuộc Khí. Tư tưởng là Điện.

Khí là “Thần lực”, Điện là “Huyền lực”. Tâm hồn con người sinh động, cũng là “sự sinh động của Thần lực và Huyền lực” trong Tinh lực (trong Nhục thân).

Cấu trúc của một bộ phận vô hình liên quan đến nhiều cõi giới do trạng thái đổi thay của nó, như Tâm con người, gồm nhiều loại như phàm tâm, Tâm chơn không, siêu Tâm.

Các loại Tâm liên quan đến thời gian (hiện tại, quá khứ, tương lai) và không gian (thể giới tự nhiên, siêu nhiên, siêu siêu nhiên).

- Phàm Tâm: liên quan đến thể giới tự nhiên, dao động trong hiện tại.

- Chơn Tâm: là sự chơn không của Tâm, không bị dao động trong hiện tại, trong thể giới tự nhiên. Nhưng ký ức của quá khứ vẫn tiềm tàng sinh động.

Nghĩa là, tâm trạng trong hiện tại không có, nhưng những hình ảnh, tâm trạng của quá khứ vẫn sinh động, các chủng tử luân hồi của Nghiệp vẫn sinh động. Hoặc, tính chất siêu nhiên của quá khứ còn tồn tại sinh động trong tính chất tự nhiên của hiện tại.

- Siêu Tâm: liên quan đến quá khứ và tương lai. Nhờ đó, con người có thể thấy những việc làm của tiền kiếp, của tiền thân, thấy trước được tương lai, và loại thân đã được hình thành trong khi Nhục thân còn sống.

Mức sinh động của siêu Tâm mở rộng ra quá khứ và tương lai trong thể giới siêu nhiên.

Nhờ siêu Tâm hoạt động, các trực giác quan hoạt động, tái kiến được tiền kiếp, tiền kiến được tương lai, con người ý thức được nghiệp quả của chính mình, nên có thể hóa giải được nghiệp quả xấu, bằng cách thăng hoa Phước, Đức...

Và, cũng nhờ vào sự chết của siêu Tâm, Tuệ mới toát ra vũ trụ được.

Tuệ toát ra, là một hiện tượng vật lý xảy ra khi sự sinh động của tính chất siêu nhiên trong con người ngưng động, thì tính chất siêu siêu nhiên mới khởi động được.

Siêu Tâm, nhờ vào tính chất siêu nhiên, nên có khả năng tha tâm thông và minh Tâm.

Ngoài khả năng “minh được Tâm” trong hiện tại, siêu Tâm còn minh được Tâm ở quá khứ, trong tương lai, tức là rõ được tâm trạng trong tiền kiếp và cảm nghiệm được trạng thái của Tâm trong tương lai.

Tính siêu việt của siêu Tâm với những sinh hoạt phi thường biểu lộ mức tiến hóa của tiểu vũ trụ, nhưng ít người cảm nghiệm được và quan tâm đến.

Siêu Tâm không phải là một bộ phận vô hình “tự có”, nó được sinh hóa từ Tâm, nhưng nó siêu việt hơn Tâm.

Sự sinh hóa của nó như thế nào?

- Khi Tâm con người đạt đến mức chơn không tuyệt đối, mọi sinh hoạt của các loại Khí (nội khí) ngưng động, thì hai dòng điện “Dương và Âm” hòa nhập vào nhau, sinh ra một tiếng nổ cực mạnh. Đó là tiếng “Um”, nổ ngay trong đầu.

Tiếng “Um” này tương đương với tiếng “Um” nguyên thủy (Big Bang) của vũ trụ, nổ trong tiểu vũ trụ.

Nó làm cho các neuron thuộc cõi giới siêu nhiên trong tiểu vũ trụ khởi động.

Nhờ sự khởi động của những neuron mới thuộc cõi siêu nhiên, mà siêu Trí (và Trí) con người tiến hóa, cảm ứng được những hiện tượng siêu nhiên, trong đó có cả những tư tưởng của những sinh linh (đã sẵn có trong vũ trụ hay được tiến hóa từ loài người).

(Neuron: những tạo vật này liên quan đến 3 cõi giới, liên hệ đến 5 giác quan, 3 trực giác quan và linh giác quan. Chúng chỉ được khởi động bằng những năng lực hay những tần số tương quan của Ý, siêu Ý và siêu siêu Ý).

2. Nguồn gốc của linh hồn

Cũng như tâm hồn, linh hồn là một thực thể, một tạo vật siêu nhiên được nảy sinh từ một thực thể khác.

Thực thể vô hình sinh ra linh hồn là tâm hồn.

Tâm hồn được xuất nguồn từ Nhục thân. Nhục thân thuộc về thể giới và cõi giới tự nhiên, nhưng tâm hồn (Tâm, Trí) thuộc về hai cõi giới và thể giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Đối với Nhục thân, tâm hồn sinh động bên trong, còn linh hồn được sinh ra từ tâm hồn, ở bên trong sâu thẳm..., nó vượt qua cõi giới tự nhiên. Khi nó hoạt động, chẳng vương bận những gì liên quan đến Nhục thân, đến thế gian. Có thể

ví: “Linh hồn như một quân vương, sinh hoạt nơi cung điện sâu thẳm, bao bọc bởi nhiều tường dày, thành cao, hào sâu”.

3. Cấu trúc linh hồn

Tâm hồn do Tâm, Trí tạo nên với 3 thể linh thiêng là Khí, Điện, sự Sáng.

Linh hồn do siêu Tâm, siêu Trí hình thành với 2 thể linh thiêng (hai loại năng lực tiên thiên) là Điện và sự Sáng.

Điện là huyền lực, sự Sáng là huyền năng, nghĩa là, linh hồn được cấu tạo bằng huyền lực và huyền năng, cho nên mức sinh động và hoạt động của nó đã nhập được vào thể giới siêu nhiên.

Khả năng của nó xa đến đâu thì sự hiểu biết của nó càng mở rộng đến đó. Sự hiểu biết của nó quá rộng lớn, bao gồm cả 2 thể giới, nên sự hiểu biết đó vượt qua sự hiểu biết của thượng trí, đại trí và phàm trí.

(Hiện tượng này tương tự như Trí khôn của thần đồng, dù mới được vài tuổi, nhưng Trí khôn đã vượt qua Trí khôn của người lớn bình thường).

Trong đời sống của một cá nhân, sinh hoạt do bản ngã điều khiển, linh hồn còn bị tâm hồn che lấp. Hay là, mọi sự việc đúng sai, phải trái, tốt xấu, đều do tâm hồn tạo nên, chưa có sự can dự của linh hồn.

Nói cách khác, khi còn bản ngã chủ động thì tâm hồn hoạt động. Nhưng lúc nào Lương Tâm quan sát bản ngã, hay bản ngã tan biến, thì linh hồn xuất hiện với khả năng siêu nhiên của nó.

Đưa linh hồn vào đời sống, cuộc sống siêu thoát, mọi sinh hoạt trở nên siêu việt. Nó vượt qua sự bình thường của người đời.

Tính siêu việt xuất nguồn từ sự linh thiêng và mẫu nhiệm của linh hồn, của một tiểu vũ trụ.

Khi con người trở thành một tiểu vũ trụ, bản ngã của con người xã hội không còn nữa, nó trở thành một chơn Ngã. chơn Ngã này linh thiêng và mẫu nhiệm.

Linh thiêng là sự sinh động của Dương và Âm trong những thể linh thiêng. Mẫu nhiệm có trong chức năng của một thể linh thiêng để làm cho thể đó tiến hóa qua sự sinh hóa và chuyển hóa. Tức là, qua sự tăng trưởng của sức sống, để “sự sống trong sức sống” tăng lên và tồn tại.

Thí dụ: Dương và Âm của sự Sáng của Trí con người thì linh thiêng. Nhưng sự sinh hóa và chuyển hóa qua những chức năng quan sát, nhớ, suy nghĩ, thông minh thì mẫu nhiệm.

Nói đến tính siêu việt, là nói đến sinh hoạt của linh hồn. Sinh hoạt linh thiêng và mẫu nhiệm của siêu Tâm, siêu Trí không có sự sai lầm, tội lỗi trong đó. Không còn bản ngã, linh hồn trong chơn Ngã hoạt động thuận Thiên Lý (Đạo lý, Chơn lý, Thuận Lý).

Siêu Tâm, siêu Trí rất linh hoạt, nó hoạt động đúng với sự sinh động của đạo tính.

Tính linh hoạt được biểu lộ qua sự minh triết trong chơn tình của siêu Tâm, qua ánh mắt sáng suốt, tinh táo, bén nhạy của hai chức năng Biết, Hiểu của siêu Trí.

a. Sự minh triết của siêu Trí

Tại sao sự minh triết của siêu Trí, qua lời nói, luôn biểu lộ được cái Lý mà không cần đến sự tư duy của Trí, như loại Trí thường?

- Bởi vì *“chức năng suy nghĩ của siêu Trí cảm nhận được nguyên nhân”,* hiểu được tường tận cái Lý, cho nên *“nói đến sự minh triết, là nói đến cái Trí hiểu rõ được cái Lý của nguyên nhân”*.

Còn Trí, muốn tìm được Lý, phải quan sát hiệu quả của nguyên nhân qua các giác quan, sau đó tư duy (suy nghĩ) mất nhiều thời gian, có khi đúng, nhưng có lúc không đúng.

Cho nên nói rằng: *“Từ hiệu quả mà tìm nguyên nhân, phải mất nhiều thời giờ, và sáng tạo lại kém. Còn như, hiểu rõ được Lý, thấu triệt được nguyên nhân, từ đó, có thể Sáng tạo ra nhiều hiệu quả”*.

Đối với siêu Trí, *“hiệu quả đã tiềm tàng trong nguyên nhân”*. Còn với Trí thì *“nguyên nhân và hiệu quả đều tách biệt”*.

b. Linh hồn xuất hiện trong hoạt động

Linh hồn xuất hiện trong hai trạng thái “Tĩnh” và “Động” với sự thụ động hay chủ động của con người.

- Trạng thái “Tĩnh”: linh hồn xuất hiện hay toát ra lúc Nhục thân chết, hay lúc Nhục thân ngủ.

Đây là sự xuất hiện mang tính thụ động của con người.

- Trạng thái “Động”: linh hồn xuất hiện trong khi tỉnh thức.

Con người chủ động điều khiển mọi sinh hoạt, làm ngưng động tất cả hoạt động của tâm hồn, khi ngũ giác quan ngưng thu nhận những tín hiệu bên ngoài.

Hay là, chủ động trong khi luyện tập, điều khiển hai hệ khí, huyết ngưng chuyển động, chỉ còn lại sự sống trong 2 thể đó sinh động, tức là nhân diện và sự Sáng tiềm ẩn sinh động trong Khí và Huyết được tụ về não, thì linh hồn xuất hiện và hoạt động.

Với người bình thường, ban ngày tâm hồn hoạt động; về đêm, tâm hồn ngưng mọi dao động, trong giấc mộng linh hồn hoạt động.

Vì vậy, ban đêm là thời gian thuận tiện để cho linh hồn cảm ứng với các sinh linh không còn sống bằng Nhục thân.

Hiện tượng này biểu lộ sự Sáng của Trí được chuyển sâu vào trong, về não bộ, được chuyển sang chức năng của siêu Trí, lúc đó con người đang sinh hoạt

trong cõi siêu nhiên.

Nói cách khác, “*khi linh hồn hoạt động thì con người không còn buồn ngủ nữa*”, hoặc là “*khi siêu Trí hoạt động, con người luôn tỉnh thức và ý thức được trong khi Nhục thân đang ngủ, nghỉ*”.

Nói thêm rằng: “*khi sự Sáng của những chức năng của Trí được chuyển sâu vào trong thì con người sinh hoạt trong cõi siêu nhiên*”.

Loại sinh hoạt này liên quan đến các phương pháp tu luyện là:

Chỉ cần linh hồn xuất hiện, 3 trực giác quan tự động hoạt động ngay, không cần luyện tập từng mỗi giác quan.

Muốn linh hồn xuất hiện, hoạt động thì tâm hồn phải ngưng động.

Khi tâm hồn cách ly với thế giới bên ngoài (ngoại cảnh) (1), và không còn bị rung cảm bởi thế giới bên ngoài và nội tâm nữa, lúc đó linh hồn mới hoạt động được.

Lúc linh hồn hoạt động, con người sống trong sự bình an, động tác thanh thoát, và nhẹ nhàng trong hơi thở.

Hơi thở nhẹ nhàng biểu lộ điều gì?

- Hơi thở nhẹ nhàng là dấu hiệu của chơn thân đang xuất hiện trong Nhục thân, hay là, không có sự hiện hữu của cảm giác và tình cảm đang sinh động, hay đang dao động mạnh.

Hơi thở nhẹ nhàng của chơn thân (2) chỉ là sự hô hấp tự động của Nhục thân.

Trái lại, hơi thở nặng nề là sự dao động mạnh của cảm giác và tình cảm. Sự dao động này do ngũ khí của các tạng gây ra, khiến cho hơi thở nặng nề, không phải là không khí được hô hấp.

Hơi thở nhẹ nhàng của chơn thân là không khí được Nhục thân hô hấp với sự hoạt động của linh hồn hay chơn tâm, nuôi dưỡng mọi tế bào, nên Nhục thân được khỏe mạnh.

Hiện tượng linh hồn hoạt động được, khi nó đủ sức toát ra khỏi tâm hồn, tương tự như mầm của hạt đủ sức vươn lên khỏi mặt đất, tiếp xúc với không khí, nắng, gió, mưa... và lớn dần để trở thành cây cỏ...

(1) Những người ẩn tu, các dòng tu kín... cách ly với thế giới bên ngoài, không phải là họ tự giam mình trong tu viện. Sự cách ly với ngoại cảnh đạt đến mức hoàn toàn, khi tâm hồn không còn một hình bóng của thân nhân, của những gì liên quan đến bản ngã nổi lên..., lúc đó linh hồn mới hoạt động được, đời sống đã siêu thoát khi Nhục thân còn sống.

(2) Bước đầu của tọa thiền, hay trước khi tọa thiền, và muốn cho công phu có kết quả, người tập phải có hơi thở nhẹ nhàng, hay là không còn sự rung động của cảm giác và tình cảm, hoặc ảnh hưởng còn lưu lại của sự rung động đó.

Nếu ảnh hưởng còn tồn tại, không nên tọa thiền. Muốn tọa thiền, trước hết, Tâm phải chơn không.

Hơi thở của chơn thân còn nhẹ nhàng hơn cả hơi thở của một người đang ngủ ngon.

Cũng vậy, khi linh hồn và Điện thân hoạt động trong giấc mộng, thị kiến hay phân thân, linh hồn đó mới tiến hóa, tăng thêm năng lượng qua sự thu hút những huyền lực có trong thế giới siêu nhiên.

Sự tiến hóa của linh hồn trong sinh hoạt của Điện thân giống như sự phát triển của tâm hồn (Tâm, Trí) nhờ vào các giác quan của Nhục thân, hoặc nó tự phát triển qua những chức năng của nó, mà không cần đến Nhục thân, Tâm, Trí cũng có thể tiến hóa.

Mọi sinh hoạt của con người được bao gồm trong hai trạng thái ngủ và thức, trong đó linh hồn có thể hoạt động được.

Ngủ: Nhục thân ngủ, nhưng trước đó, bên trong, Khí thân hay Điện thân đã hoạt động rồi, nhờ vào sự tan biến của tâm trạng, cảm giác và tư tưởng của bản ngã, nhưng Trí vẫn tỉnh thức. Sự Sáng sinh động trong khi Nhục thân ngưng động, giúp cho Điện thân và linh hồn toát ra khỏi Nhục thân và hoạt động được trong thế giới siêu nhiên.

Thức: Tinh thần tỉnh thức nhưng Nhục thân như trong trạng thái ngủ, tức là không còn tâm trạng và cảm giác sinh động, thì linh hồn có thể hoạt động và cảm ứng được với những hiện tượng và trạng thái siêu nhiên.

c. Sự siêu việt của linh hồn

Trong con người, những bộ phận vô hình có sự Sáng và hoạt động bằng sự Sáng, thì chúng có sự sống. Và sự sống luôn được gìn giữ.

Trong con người, linh hồn chứa đựng sự sống, tồn tại, còn Nhục thân phải tan rã.

“Linh hồn” như “mầm sống” của hạt giống. Vò hạt giống phải tan rã, để cho mầm sống tiếp diễn.

“Linh hồn” chỉ còn lại sự Hiểu, Biết. “Linh hồn” tiến hóa chỉ còn lại sự Hiểu. Còn Thân, Tâm, Trí, là những phương tiện để làm cho linh hồn tiến hóa về sự Hiểu, Biết.

Thân có cảm giác, Tâm có tình cảm, Trí có tư tưởng.

Cảm giác, tình cảm, tư tưởng... là nguồn gốc sinh ra sự Biết, Hiểu, sinh ra tâm hồn của bản ngã.

Thân chết, Nhục thân chẳng còn cảm giác, chẳng còn tình cảm, không còn tư tưởng liên quan đến Nhục thân, chỉ còn lại sự Hiểu.

Như vậy, tâm hồn cũng không còn nữa, vì phương tiện tiếp xúc với ngoại cảnh là Nhục thân chẳng còn nữa.

Những gì liên quan đến sức sống là Thân, Tâm, Trí chẳng còn, chỉ còn lại sự sống là sự Sáng chứa đựng sự Hiểu.

Mầm sống này tiếp diễn sự sống, hay là chỉ có linh hồn là mầm sống có khả năng tiếp diễn sự sống.

Thể Sáng (sự Sáng) trong linh hồn, khi có khả năng Hiểu, thì sự Sáng đó có sức sinh động tự động. Từ đó, nó trở thành sự sinh động, sự sống của vũ trụ.

Một trong những tính siêu việt của linh hồn, là nói và nghe được tư tưởng của sinh linh mà không qua ngôn ngữ, tức là khi linh hồn nói lên tư tưởng của mình, thì những sinh linh cũng đều nghe được mà không cần đến ngôn ngữ.

Bởi vì các sinh linh dù không có, hoặc không còn Nhục thân mà còn dùng đến Trí, siêu Trí, Tuệ... đều có tư tưởng. Do đó, linh hồn của một người còn mang Nhục thân có thể tiếp xúc được với các loại sinh linh.

d. Linh hồn hoạt động

Tâm, Trí (tâm hồn) tạo cho linh hồn một bản ngã, dù cho Nhục thân đã tan rã, tâm hồn toát ra nhưng linh hồn vẫn tiềm ẩn sinh động trong đó, thì linh hồn còn vương vào bản ngã.

Đó là sự nối tiếp của cái “còn”, cái “có” của một bản ngã.

Trái lại, tâm hồn không còn bản ngã, nó siêu thoát, dù cho Nhục thân còn sống động, linh hồn cũng đã siêu thoát rồi. Và cho đến khi nào không còn thấy một cái gì, một điều gì... thuộc về mình nữa. Lúc đó nó thuộc về vũ trụ, hoạt động một cách chơn thật trong Vô ngã.

Linh hồn hoạt động, nó không còn dính dáng đến Nhục thân, chỉ có tâm hồn, có lúc liên quan đến Nhục thân.

Do đó, linh hồn có tính khách quan đối với tâm hồn và Nhục thân trong sinh hoạt. Nhờ tính khách quan (1), mà linh hồn chơn thật.

Linh hồn hoạt động bằng tư tưởng, nên gọi là vô vi (việc tuy có làm, nhưng thị giác quan của phạm nhân không thấy được).

Việc làm này được thực hiện đầy đủ như tư tưởng, chứ không thiếu sót như sự “thực hiện hữu vi” qua phương tiện của Nhục thân.

Với tính cách vô vi, chơn thật Vô ngã và Thiện (Lành) trong sinh hoạt, trong việc làm của linh hồn, cho nên linh hồn mới tạo nên công đức.

Tức là, một công đức phải có tính cách:

- Vô vi: việc làm không thể thấy được bằng thị giác quan.

Nó là việc làm của tư tưởng, một việc làm trọn vẹn, đầy đủ như tư tưởng có, tỏa ra đầy đủ cường lực của nó.

- Chơn thật: vì nó có tính khách quan.

- Vô ngã: không có bản ngã trong đó, chẳng có “cá nhân tính”, có sự hòa nhập vào vũ trụ.

(1) Tính khách quan trong “siêu kiến trong mộng”, với linh hồn của Điện thân hay Quang thân... quan sát Khí thân hoạt động, hay Quang thân quan sát Điện thân hoạt động một cách khách quan.

- *Thiên (Lành)*: có tính hiếu sinh, không tàn phá, hủy hoại, không có Diệt như Độc, Ác...

Con người chủ động trong sinh hoạt, khi linh hồn sinh động thì các trực giác quan của Điện thân hoạt động.

Vô não ngưng hoạt động, phần trong của khứu giác rung động bằng siêu tần số, “trực khứu giác” có khả năng ngửi được hương siêu nhiên, và “Thiên lý nhãn”, “Thiên lý nhĩ” bắt đầu hoạt động.

Khi linh hồn đã hoạt động thì sinh hoạt của đời sống được mở rộng thêm vào thể giới siêu nhiên để phát triển siêu Trí, và cả sự gặp gỡ của linh hồn với một sinh linh hay một linh hồn khác. Nhưng sự gặp gỡ đó dễ thông cảm nhau hơn. Tại sao vậy?

- Vì khi một người đã biết sống bằng linh hồn, khi Nhục thân đang sống, thì người đó chẳng còn bản ngã của con người xã hội nữa, do đó, chẳng còn mâu thuẫn giữa con người và con người nữa.

Trái lại, một người chỉ sống bằng bản ngã của con người xã hội (hay là bản ngã do xã hội tạo nên) gặp một người khác, thì ít nhiều, cũng có sự mâu thuẫn nảy sinh trong sự tiếp xúc, dù âm thầm hay công khai.

Hay là, một tâm hồn gặp một tâm hồn, dù không có tranh chấp gay gắt về Danh, Lợi, Tài, Sắc ..., thì mức độ thông cảm vẫn có trở ngại.

Nói cách khác, con người tiếp xúc với nhau bằng tâm hồn. Sự phản ứng của tâm hồn đưa đến sự Thuận hay Nghịch với nhau.

Con người tiếp xúc với sinh linh bằng linh hồn, sự phản ứng của linh hồn đưa đến sự tôn kính hay chống đối lại, bằng sự cao thượng của đức tính hay Ác đức tính.

e. Ảnh hưởng của linh hồn trong đời sống

Linh hồn hoạt động trong Vô ngã, nên mọi sinh hoạt đều vô vi.

Sự sinh động, hoạt động của linh hồn ảnh hưởng đến đời sống tinh thần và vật chất của con người. Một trong những ảnh hưởng đó là sự may mắn.

Sự may mắn phát sinh từ đâu, ở trong hay đến với người từ bên ngoài?

- *Sự may mắn đến từ bên ngoài, mà con người cảm nhận được, chỉ là sự hiện thực của một nguyên nhân bên trong con người.*

Bên ngoài gọi là Phước, nhưng nguyên nhân bên trong là Đức và Đạo.

Hay là: “những gì con người hưởng được qua Thân (Nhục thân) đều xuất nguồn từ bên trong là Tâm và Trí”. Nói theo phần hữu vi, hữu hình, thì “những gì mà Thân được hưởng đều xuất phát từ đâu, nhưng thực chất là bộ não, mà chức năng để tạo ra sự may mắn (Phước) là Tâm và Trí (với những sinh hóa của nó là Lương Tâm, linh hồn, Tánh của vũ trụ v.v...), tức là tư tưởng và sự lãnh trong Tâm, Trí của con người”.

Sự may mắn không phải có mãi, muốn duy trì, làm chủ sự may mắn (Phước), con người phải làm sao?

- *Nắm giữ cái bên ngoài, không bằng gìn giữ và thăng hoa cái bên trong.*

Cũng vậy, *“nắm giữ hiệu quả, không bằng làm chủ được nguyên nhân”*.

Nói cách khác, “giữ của cái, không bằng phát huy Đức, Đạo bên trong. Bởi vì, “nguyên nhân phát sinh đều thuộc bên trong, tức là thuộc về Tâm, Trí”.

Cho nên, “làm chủ sự may mắn, phải làm chủ được Tâm, Trí của mình”. “Muốn làm chủ được sự may mắn lâu dài, thì phải làm chủ được Tâm, Trí mình lâu dài”.

Bởi vì, “nguyên nhân càng sinh động thì hiệu quả càng gia tăng”. Hay là “Đạo, Đức phát triển thì Phước (sự may mắn) càng gia tăng”.

Làm chủ được Tâm, Trí của mình bằng sự Vô ngã thì Tâm, Trí trở nên “chơn thật” và “chơn thiện”, linh hồn trở nên mạnh mẽ, và là nguồn gốc của sự may mắn. Tại sao?

- Vì khi linh hồn hoạt động thì sự sinh động của nó là Điện và sự Sáng (tức là năng lực tiên thiên sinh động), cho nên Thủy, Khí (năng lực hậu thiên) không còn ảnh hưởng được đến linh hồn.

Do đó, “Chơn Phước”, “Chơn Đức” xuất hiện trong con người trước.

Đối nghịch với Phước là Họa; và trái với sự may mắn là rủi ro, tai họa.

Nói cách khác là khi linh hồn hoạt động thì Thân xác tránh được tai họa. Hiện tượng này xảy ra như thế nào?

- Theo sự tiến hóa tự nhiên, lực vô hình của Khí và Huyết là Vía và Thần..., kết lại thành Lực của Khí thân.

Nhờ vào Lực này mà Khí thân có thể biến hóa ra to, hoặc nhỏ được, và di chuyển bằng thể khí, không bị hấp lực của địa cầu...

Nhưng, *“khi linh hồn mạnh và hoạt động thường xuyên” (1), thì Vía và Thần cũng nhờ vào sự sinh động, hoạt động của linh hồn mà được cường hóa theo.*

Vì vậy, *“Khi linh hồn hoạt động thì Thân xác tránh được tai họa”*.

Trái lại, khi tâm trạng nổi lên, tâm hồn yếu, nhịp tim không đều, tâm hồn dao động mạnh, Thần, Vía kém và yếu đi, thì tai họa xảy ra cho Nhục thân.

Ngoài những hiện tượng kể trên, sự hoạt động của linh hồn ảnh hưởng đến sự tiến hóa. Nghĩa là, người biết sống, sinh hoạt bằng linh hồn, người đó tiến hóa nhanh. Tại sao?

- Bởi vì trong sinh hoạt bằng linh hồn thì siêu Tâm, siêu Trí cảm ứng và tư

(1) “Lành mạnh hóa” linh hồn là đòn pháp. Một trong những phương pháp đạt được hiệu quả nhanh. Và nhờ đó, những bộ phận khác được mạnh theo.

Cường hóa bộ phận vô hình ở vị trí cao (đầu não) thì những bộ phận khác ở Thân cũng được mạnh theo.

duy, nên sự hiểu biết rộng và nhiều và tốc độ hiểu biết rất nhanh.

Hơn nữa, chỉ với linh hồn sinh động, con người mới được “mạc khải”. Nhờ vào sự mạc khải, không qua sự giáo dục của con người, nên người được mạc khải tiến hóa nhanh.

Sự mạc khải là gì, mà nó làm cho con người tiến hóa nhanh?

- Mạc khải là sự cảm ứng của bộ não với siêu tần số xuất nguồn từ siêu tần số của siêu Trí của sinh linh, hay siêu siêu tần số của Thiên Tuệ.

Những siêu tần số này làm cho những neuron được khởi động và hoạt động.

Khi những neuron này hoạt động quen thuộc thì sức tiến hóa của Trí con người trở nên nhanh.

Khi đó Trí nhớ của siêu Trí và Trí càng giữ được nhiều dữ kiện, vì chúng có cùng một bộ nhớ.

g. Nuôi dưỡng linh hồn

Tất cả những bộ phận trong thân thể con người, và ngay cả thân thể, muốn được mạnh, chúng phải hoạt động, hay là phải tự sinh động.

Cũng vậy, trẻ con mới biết đi, Nhục thân chúng vẫn còn yếu, nhưng nhờ vào hoạt động, dần dần Nhục thân chúng có lực tăng.

Khí thân cũng vậy, khi mới bắt đầu toát ra và hoạt động bên ngoài Nhục thân, “Khí thân đó cũng yếu” (1) và sau nhiều lần hoạt động, nó mạnh dần, và linh hồn cũng nhờ đó mà mạnh theo, cũng như tâm hồn (Tâm, Trí) con người đang sống liên quan đến Nhục thân vậy.

Những bộ phận, cơ quan hữu hình hay vô hình có những thể linh thiêng sinh động, chúng liên quan ảnh hưởng lẫn nhau. Nhờ hoạt động, mà chúng tương quan tiến hóa như Nhục thân đến tâm hồn và linh hồn v.v...

Dù chúng vô hình, nhưng với Trí khôn, con người cũng nhận ra được sự tiến hóa của tâm hồn, theo chức năng tiến hóa của những thể linh thiêng trong tiểu vũ trụ.

(1)Ma (hay là “Khí thân, mang vóc dáng của Nhục thân). Lúc Nhục thân chết, “Khí thân” toát ra, nó yếu đuối. Nhưng lâu ngày, Khí thân hoạt động quen thuộc trong không khí thì sức của nó ngày càng mạnh.

Cơ quan	Tâm hồn ↑↓ (Tâm, Trí)→ ↑↓	→Linh hồn→ ↑↓ (Siêu Tâm, siêu Trí) ↑↓	Linh hồn cực sạch ↑↓ →(Trí, siêu Trí +Tuệ) ↑↓
Thể	(Khí + Điện + sự Sáng) ↑↓	(Điện + sự Sáng) ↑↓	(sự Sáng) ↑↓
Trạng thái	(còn sự sinh động của Nhục thân)	[Nhục thân ngưng nghỉ (ngủ, nghỉ) linh hồn hoạt động]	(Nhục thân tan rã hoặc đại định)

Sự tiến hóa của tạo vật qua bốn thể linh thiêng là tự động. Nhưng con người thuộc sinh linh nhờ ở sự chủ động của Trí khôn, nên có thể tiến hóa nhanh những bộ phận vô hình trong người bằng cách nuôi dưỡng hay luyện chúng, như nuôi dưỡng, luyện Nhục thân, tâm hồn và linh hồn v.v...

Thực phẩm, thức uống nuôi dưỡng Nhục thân, nhưng lấy gì mà nuôi dưỡng tâm hồn và linh hồn?

- Muốn nuôi tâm hồn cho lành mạnh, phải dùng tình cảm nhẹ nhàng như vui, mừng..., những tư tưởng khôn ngoan mà nuôi dưỡng tâm hồn.

Tức là, muốn nuôi dưỡng linh hồn, con người phải sống bằng đức tính và đạo tính.

Tuy vậy, đối với con người, ngay cả sự phân biệt mức độ bổ dưỡng trong thức ăn uống cũng đã khó rồi, huống gì là sống bằng tình cảm nhẹ nhàng, bằng đức tính và đạo tính.

Thực phẩm căn bản cho sự bổ dưỡng của Nhục thân trẻ con là sữa, người lớn là ngũ cốc. Nhưng đức tính nào làm thăng hoa tâm hồn và linh hồn?

- Đức tính căn bản sinh hóa ra mọi đức tính khác, là tình thương (1).

Có sự khác biệt trong sự dinh dưỡng của đời sống vật chất, tinh thần và tâm linh là:

Thực phẩm trong Nhục thân không sinh hóa ra thực phẩm, mà trở thành hóa chất để nuôi Nhục thân.

(1) "Tình thương" trong "Tài năng", trong "trí sáng tạo" mới giúp Đời được. Trái lại. Ác tính, Độc tính trong Tài, Trí... chỉ hại người.

Nhưng với tính căn bản là tình thương, đức tính này sinh hóa ra vô tận những đức tính khác để nuôi dưỡng tâm hồn và linh hồn.

Một linh hồn được nuôi dưỡng biểu lộ ra sự sinh động của đức tính.

“Sự sinh động của đức tính của linh hồn Vô ngã” toát ra bên ngoài bằng sự trang nghiêm tự nhiên (không do sự cố gắng để tạo ra sự trang nghiêm) trong đó tiềm tàng một ý chí vững bền.

Nó hóa giải được sự cảm dỗ và đam mê.

Con người bị cảm dỗ, sau đó rồi đam mê. Nhưng tính chất siêu nhiên trong đức tính sinh động nơi siêu Tâm, siêu Trí không còn bị ảnh hưởng của Nhục thân. Vì vậy, mà đức tính hóa giải được chúng.

Thế nên, *“linh hồn hoạt động” hóa giải được những cảm dỗ, và đam mê cho tâm hồn và cả Nhục thân nữa, nhờ tính Vô ngã và đức tính của linh hồn.*

Về phương diện vật lý, “Điện và sự Sáng” (thể cơ bản của linh hồn) hoạt động, thì Khí, Huyết (tình cảm và cảm giác) không thể ảnh hưởng đến siêu Tâm, siêu Trí (linh hồn). Trái lại Điện và sự Sáng (năng lực tiên thiên) ảnh hưởng đến Khí, Huyết (năng lực hậu thiên) trong con người.

Trong sinh hoạt, nếu Đức tính hoạt động, tức là nhân điện sinh động.

Nhân điện sinh động, các trực giác quan hoạt động.

Trực giác quan hoạt động, siêu Trí hiểu biết. Sự hiểu biết của siêu Trí lôi cuốn theo siêu Tâm.

Siêu Tâm, siêu Trí là linh hồn trong Điện thân. Điện thân sinh động, hoạt động trong khi Nhục thân ngủ, gọi là mộng (có tiên kiến, siêu kiến...)

Như vậy, sự hoạt động của đức tính làm mạnh linh hồn, trực giác quan bén nhạy, Điện thân mạnh.

Linh hồn trở nên mạnh, khi nó tự động sinh động như lúc Nhục thân chết, hay đang trong trạng thái đại định, hay Cực lạc...

Lấy gì để chứng minh linh hồn mạnh lên sau cái chết của Nhục thân?

- Các Thánh, các vị chân tu sau khi tịch (1) hay sau khi Nhục thân chết, ngày càng làm nhiều phép lạ ở nhiều nơi xa xôi, mặc dù sự chết đã xảy ra lâu đời.

Hiện tượng này biểu lộ sự tăng trưởng của năng lực của Điện thân và linh hồn. Cái tạo nên phép lạ là linh hồn, cũng là sự Sáng. Nó có khả năng thu nhận được tư tưởng trong lời khẩn cầu.

Hiện thực sự mẫu nhiệm trong không gian rộng lớn biểu lộ điều gì?

- Điều này chứng tỏ sự quang tỏa của sự Sáng của linh hồn trong một không gian rộng lớn, hay ngược lại, là linh hồn mạnh mới có khả năng hoạt động trong một không gian rộng lớn (2).

(1), (2) Xin xem ở cuối trang 461.

Muốn cho linh hồn mạnh, phải để cho linh hồn hoạt động thường xuyên, tức là để cho siêu Tâm, siêu Trí hoạt động liên tục bằng cách chiêm niệm những siêu hình ảnh, siêu tư tưởng.

Những ký ức siêu nhiên (siêu kiến, linh cảm trong siêu kiến, hiểu biết trong siêu kiến...) được gọi lên, hoặc được nhớ lại nhiều lần, thì linh hồn càng mạnh.

Trái lại, những ký ức của tâm hồn được nhắc đi, gọi lại nhiều lần trong Trí nhớ, nếu những điều đó là những phiền não của tâm hồn... thì phiền não lại xuất hiện, hoặc phiền não tăng, hay là sự cảm dỗ vẫn tồn tại.

Nhưng nếu đó là những kiến thức, không ảnh hưởng đến bản ngã, tức là không làm Tâm dao động, thì sự gọi lại những kiến thức làm tăng khả năng của Trí nhớ. Nhờ đó số dữ kiện của kiến thức giúp cho chức năng suy nghĩ nhanh hơn.

Nói cách khác, khi linh hồn hoạt động, con người tích lũy được những lực siêu nhiên ở não bộ khi Nhục thân còn sống.

Linh hồn sinh động ở não bộ. Và não bộ được coi như mầm sống và sức sống. “Sự sống của mầm sống là linh hồn”, còn đầu người được coi như hạt giống.

Vì vậy, linh hồn mà hoạt động thường xuyên thì luôn luôn lực siêu nhiên được tích lũy ở não bộ.

Trong con người, sự hoạt động liên quan đến Lực và chức năng của một bộ phận, cơ quan. Lực được hoạt động, nó tăng lực. Chức năng hoạt động có sự can dự của Trí, nó tăng khả năng.

Linh hồn là một thực thể, một bộ phận tạo ra sự sống và chứa sự sống, làm sao cho linh hồn tăng lực của nó?

- Hai chức năng của nó là Biết và Hiểu thuộc về thể Điện và sự Sáng.

Nếu Biết và Hiểu mà hoạt động, thì bản thể của nó là Điện và sự Sáng cũng sinh động. “Một lực tự sinh động, là nó tự làm tăng lực của chính nó, để trở thành năng lực tự tạo và hằng sống”.

Tóm lại:

“Linh hồn là một thực thể vô hình có khả năng tự tạo lấy năng lực cho nó”.

Có mấy cách để linh hồn tự tạo lấy năng lực cho chính nó?

- Có nhiều phương pháp để luyện linh hồn, nhưng trong đời sống hằng ngày, trong sinh hoạt, thông thường có hai cách áp dụng trong việc làm và đồng thời

(1) Tịch: là trạng thái, trong đó, con người tách sự sống ra khỏi Nhục thân, hay là đưa năng lực có sức sống tồn tại sinh động trong vũ trụ ra khỏi Nhục thân, để sống trong một loại thân khác nhẹ, sống bằng năng lượng của vũ trụ.

(2) Tổ tiên, ông bà, hay cha mẹ mất lâu năm, về báo mộng cho con cháu biết những điều phải biết, và báo cho biết những điều phải làm. Nhưng trong một gia đình, không phải mọi người đều linh kiến về sự việc này. Người chứng thực thì cho là sự thật, người chưa biết đến thì cho là hoang đường...

sống trong sự tiến hóa là:

- Để cho chức năng Biết và Hiểu sinh động.

- Sống bằng Đức tin, tức là bằng sự xúc tác vô hình của một đối tượng vô hình là sự Sáng.

Nghĩa là, sự Sáng xúc tác vào linh hồn thì linh hồn được mạnh thêm.

Trong sinh hoạt hằng ngày, con người không thể lúc nào cũng sống bằng đời sống “xuất thế” (rời khỏi thế gian) với sự sinh động của linh hồn, mà phải sống “nhập thế” với sự hoạt động của tâm hồn, nhưng với hiệu quả của linh hồn tác động trong tâm hồn.

Sự tác động đó phát sinh ra nhiều hiệu quả tốt lành cho tâm hồn luôn cả Nhục thân.

Ví dụ như, linh hồn mà được bình an thì Nhục thân hưởng được Chơn Phước, được may mắn đến ngoài ý muốn và vọng cầu của mình. Sự may mắn làm cho tâm hồn được An, Vui.

Sự bình an có từ bên trong, thì ngoài cũng được bình an, vui vẻ của sự hồn nhiên.

Nhưng nếu linh hồn trong sạch, trong sự Vô ngã, chỉ còn duy nhất sự Sáng sinh động mà hướng về Đấng tạo hóa, thì linh hồn đó được sự cảm ứng, được soi sáng (1) và mạc khải...

Hay là, những gì siêu nhiên mà con người được thấy, được biết, thì những người đó được ơn đặc biệt, hoặc có đủ điều kiện để cảm nhận được.

Sống bằng đời sống tâm linh và tinh thần, con người thấy rõ được sự hiểu biết của tâm hồn và linh hồn có sự khác biệt.

Những gì thuộc về tự nhiên, hữu hình (mọi hiện tượng mà giác quan cảm nhận, cảm biết được), thì tâm hồn hiểu biết được.

Những gì thuộc về siêu nhiên, chỉ có linh hồn hiểu biết được... (những phép lạ, sự lạ lùng ngoài qui luật tự nhiên, xảy ra ..., thì các nhà bác học, khoa học... của thế giới tự nhiên dùng Trí khôn, chưa thể giải thích được rõ ràng những hiện tượng siêu nhiên).

Nhưng đối với một số ít người già, ít ngủ, mà Trí nhớ ghi nhanh và nhớ lâu, đó là siêu Trí và linh hồn hoạt động, không phải là Trí thường.

Lấy siêu Trí, siêu Tâm (linh hồn) mà dùng cho sinh hoạt thì hiệu quả của những sinh hoạt này có tính xuất thần, kỳ diệu và màu nhiệm.

Điều này chứng tỏ, con người sống siêu thoát bằng cách dùng linh hồn trong mọi sinh hoạt.

(1) Không do Trí suy nghĩ của cá nhân, nhưng có những tư tưởng siêu việt hiện ra quá sức hiểu biết thông thường của Trí khôn, của sự Thuận Lý.

Phải nói rằng: “Sự soi sáng là một ơn, như không “chỉ có linh hồn trong sạch, Vô ngã”, mới cảm nhận được”.

1. Sự thăng hoa của linh hồn

Tư tưởng con người biến đổi đời sống, hoặc thăng hoa, hay thoái hóa.

Trong chiều hướng thăng hoa, bao gồm hai phương pháp, Tu và Luyện, với điều kiện là Trí khôn luôn quan sát và điều khiển được những yếu tố, bộ phận liên quan đến sự tu luyện.

Hiệu quả của Tu là tiến bộ, và của Luyện là để tiến hóa.

Tu là sửa đổi, bồi bổ; Luyện là cải tiến.

Tu “Âm, Trí”, là sửa đổi Âm, Trí để tiến bộ.

Luyện “những thể linh thiêng” sinh động trong con người để tiến hóa.

Vì vậy người tu luyện cần thấy rõ những trở ngại của Âm, Trí (âm hồn) và linh hồn, cũng như sự xuất hiện hoạt động của mỗi bộ phận.

Như, tâm hồn dao động do ngoại cảnh, nhưng linh hồn thì không. Nó chỉ sinh động và xúc động trong thế giới siêu nhiên.

Tâm hồn có thể ở vào trạng thái thuần túy của Âm, Trí, cũng có lúc bị Nhục thân ảnh hưởng, làm xao xuyến tâm hồn.

“Linh hồn trong sạch” hay là sự sinh động của “linh hồn trong trạng thái Vô ngã”, không còn sự liên quan của tâm hồn và Nhục thân. Hay là, không còn cảm giác, tình cảm sinh động, ngũ tạng khí không động để tạo nên tâm trạng, và Trí quay vào trong, đó là linh hồn xuất hiện, sinh động.

Người tu luyện có kinh nghiệm, qua những hiện tượng vật lý, và sinh lý trong Nhục thân, cảm biết được linh hồn xuất hiện.

Như, kiểm soát được hơi thở ra thật nhẹ nhàng (Khí Dương), lúc đó sự dao động của tâm hồn ở vào mức cực nhẹ để có thể chuyển sang linh hồn (1).

Về vật lý, khi Khí Dương ở vào cuối tận hơi thở ra, ngay lúc đó, nó chuyển sang Điện Âm. Và vào lúc đó, Trí có thể điều khiển cho nhịp đập của Tim đập thật nhẹ và chậm lại, để rồi Tim ngưng đập (2).

Nói rõ hơn nữa, khi con người còn bị yếu tố thời gian ảnh hưởng đến tâm hồn (Âm, Trí) và làm cho nó xao xuyến thì con người đó còn thuộc về thế giới tự nhiên.

(1) *Cái chết của Nhục thân cũng vậy. Sự kết thúc cuối cùng của Nhục thân là hơi thở ra, rồi chấm dứt hô hấp (trong trường hợp bình thường, nhưng trong bất đắc kỳ tử, thì không như vậy).*

Nhờ hơi thở ra, linh hồn dễ dàng thoát ra.

(2) *Tim ngưng đập thì Phổi ngưng thở.*

Mỗi hạt máu tự sinh động tại chỗ. Không khí thâm nhập qua các lỗ chân lông ở da và vào cơ thể.

Huyết và Khí trong người không bị ảnh hưởng của hấp lực địa cầu, ở vào trạng thái vô trọng lực, vô trọng lượng. Các “tế bào không bị oxy hóa”, nên duy trì được sức trẻ trung trong lúc đó.

Hiện tượng này là một trong những yếu tố của phương pháp “Cải lão hoàn đồng”.

Khi nào yếu tố thời gian không còn ảnh hưởng đến Tâm, Trí thì tâm hồn đó đã siêu thoát, và nó trở thành linh hồn cảm ứng được với thế giới siêu nhiên.

Tư tưởng xuất nguồn từ linh hồn, sức mạnh của nó làm cho tư tưởng trở nên hiện thực. (Hiện thực là hiệu quả của sự sinh hóa. Hay là chức năng sinh hóa của vũ trụ mới hiện thực được).

Bản tính, bản chất và tính năng của Điện vũ trụ không có yếu tố không gian và thời gian so với Tâm, Trí con người. Do đó, tư tưởng của linh hồn mới được hiện thực.

Hiện tượng này liên quan đến Điện thân và linh hồn. Nó biểu hiện một mức tiến hóa cao.

Trừ người đã giác ngộ được Nguyên Lý của vũ trụ, người có tiên kiến qua Điện thân đã vượt quá xa phạm nhân.

Đối với người có tiên kiến qua trực giác quan, và sự minh mẫn của Trí, nếu không có sức quyết đoán và ý chí mạnh để tiếp tục nuôi dưỡng linh hồn thì sẽ lỡ mất cơ hội và thời gian.

Cơ hội không phải lúc nào cũng có, và thời gian không dừng lại ở tuổi xuân với sức khỏe sung mãn để tu luyện, dễ bị đam mê.

2. Tâm hồn và sự đam mê

Người thường sống bằng tâm hồn của bản ngã dễ rơi vào sự đam mê.

Vì tâm hồn (Tâm, Trí) hướng ra ngoài, gắn bó với vật và người, cho nên bị mê hoặc bởi vẻ đẹp bên ngoài của vật và người.

Chỉ khi nào linh hồn con người gắn bó hoặc cảm nghiệm được sự linh thiêng và mẫu nhiệm thường xuyên..., thì linh hồn đó được thánh hóa bằng “Đức tin” hoặc bằng “tình thương vô nguồn gốc thế gian”.

Tâm hồn hoạt động thuộc về đời sống tinh thần. Đời sống này vẫn bị đam mê, cám dỗ. Nhưng trong đời sống tâm linh thì linh hồn hoạt động. Chính lúc đó, tính chất siêu nhiên và siêu siêu nhiên sinh động trong con người, không có sự can dự của tâm hồn, nên linh hồn không bị đam mê.

Chơn tu sĩ là người sống bằng đời sống tâm linh, và sinh hoạt của đời sống này bằng linh hồn.

Một linh hồn trong sạch chỉ còn duy nhất sự Sáng sinh động trong sự Vô ngã. Từ sự Vô ngã của linh hồn mà mọi sự cám dỗ và đam mê của trần gian không lung lạc được chơn tu sĩ.

Nhờ sự hiểu biết của linh hồn mà đời sống tâm linh mới tiến hóa được qua sự linh cảm, tiên cảm, tiên kiến, tiên tri v.v...

Nét biểu hiện bên ngoài của đời sống tâm linh, của sự thánh thiện là sự linh thiêng và mẫu nhiệm.

Hai đặc tính này làm cho người đi tìm chơn lý, đi tìm Đạo... rõ được Đạo và Đời.

Cái tinh hoa của Đờn mới đạt đến sự kỳ diệu. Còn Đạo, cái tinh hoa của nó là sự linh thiêng và mầu nhiệm.

Sự cảm nghiệm của sự linh thiêng và mầu nhiệm loại bỏ sự đam mê của tâm hồn con người.

Sự mầu nhiệm xảy ra dưới nhiều dạng, ngay trong bản thân và cuộc sống, từng phần hay toàn diện:

Từng phần: Thân không còn bệnh tật (thuộc mãn tính). Tâm được bình an.

Toàn diện: Thân: hết bệnh, hết đau đớn.

Tâm: bình an.

Trí: sáng suốt; hơn nữa, được ơn soi sáng.

Sự chứng thực này không phải xảy ra cho tất cả mọi người. Chỉ một số ít, sống trong “Vô ngã”, nhanh hay chậm cũng cảm nhận, cảm thấy được sự linh thiêng và mầu nhiệm.

Từ sự cảm nhận xảy ra ít nhiều trong đời họ, nên lòng họ được biến đổi mà trở nên Thiện, hoặc Thánh thiện.

Không phải chỉ riêng người trí thức, người có của cải, hay có địa vị trong xã hội... là có thể trở nên thánh thiện..., mà còn người ít học, dốt nát... nhưng Lương Tâm luôn sinh động, thì thế nào họ cũng cảm nhận được sự linh thiêng và mầu nhiệm.

Cho nên, “khi nào có sự mầu nhiệm xảy ra trong đời, họ luôn suy niệm về tính Thiện, về sự Lành đó. Suy niệm tức là nuôi dưỡng, và từ sự Lành đó, mà sự may mắn sẽ đến”.

Sự may mắn hiện thực từ sự mầu nhiệm tạo cho con người lòng tin.

Lòng tin của sự mầu nhiệm xảy ra bên trong con người. Lòng tin mà quay vào trong, tức là linh hồn sinh động, về bản thể, cũng là sự sinh động của Điện và sự Sáng.

Điện và sự Sáng sinh động hoàn toàn bên trong, không hao tán ra ngoài bằng tình cảm và cảm giác, thì sự sinh động này hòa nhập vào sự Sáng của vũ trụ, trong đó có sự tác động của Thiên Tuệ.

Nhờ vào sự hòa hợp này mà linh hồn mới có Thiên Ý xuất hiện trong đó.

Nhưng nếu con người không hiểu được luật sinh hóa và cấu trúc huyền vi của những bộ phận vô hình thì sự vận dụng của tâm hồn và linh hồn sẽ không có hiệu quả trong sinh hoạt.

Trong cấu trúc huyền vi bao gồm những bộ phận vô hình sinh động trong nhau, như linh hồn cốt lõi của tâm hồn, còn sự “Hiếu, Biết” là mầm sống của linh hồn.

Nếu sự “Hiếu, Biết” còn tồn tại thì linh hồn vẫn tồn tại.

Như vậy, nuôi dưỡng sự “Hiếu, Biết”, cũng là nuôi dưỡng linh hồn và tâm hồn vậy.

Trong đời sống xã hội, nếu sự “Hiểu, Biết” được Trí khôn vận dụng trong sinh hoạt, nó sẽ trở nên những kiến thức.

Trái lại, nếu nó được Lương Tâm nhào nặn, Trí khôn con người sẽ khám phá ra được các loại Lý trong đó. Và sự sinh động của Lương Tâm mới Thiện hóa được tâm hồn, và thánh thiện hóa được linh hồn.

Nhưng làm sao biết Lương Tâm sinh động?

- Có rất nhiều trạng thái, trong đó Lương Tâm sinh động, nhưng khó nhận ra. Tuy nhiên, đa số con người trong đời mình, ít nhiều, cũng có lần quay vào trong để nghe sự Phán, Xét, Thường, Phật... của Lương Tâm, trong việc xét mình và xét tha nhân.

Như, khi nào con người nhìn việc làm của quá khứ mà cảm thấy hối hận thì chính lòng mình công nhận sự lầm lỗi, tội lỗi của mình đã gây ra. Nếu thêm sự ăn năn, thống hối thì Lương Tâm đang hiện hữu sinh động.

Nhờ đó, tâm hồn được thiện hóa. Tâm hồn được thiện hóa, tiến hóa, thì linh hồn được mạnh.

Nếu Lương Tâm không còn sinh động nữa thì linh hồn trở nên yếu đuối. Tâm hồn hoang mang, dù cho Trí khôn có cố gắng cưỡng Lý, nhưng Nghịch Lý lại làm cho con người mất đi nhân phẩm.

Lương Tâm hoạt động là Trí quay vào trong để quan sát, hoặc lắng nghe Lương Tâm.

Nhưng nếu con người, mắt tuy nhắm, lòng vẫn bức, vì hình ảnh còn hiện nơi Tâm, ắt tâm trạng vẫn còn. Cho đến khi nào tâm trạng hoàn toàn ngưng, không còn tính chủ quan của bản ngã nữa, tiếng nói của Lương Tâm mới có hiệu quả.

Nhờ Trí quay vào trong, Lương Tâm và Tâm không hoạt động, chỉ còn thể Sáng sinh động, trong không gian và thời gian hợp nhất, đó là trạng thái của “hiện tại chơn không”, nơi linh hồn hoạt động.

Nói một cách khác “hiện tại chơn không” là trạng thái vô cảm giác, không còn hình ảnh trong, ngoài, không có sự dấy lên của tư tưởng, tức là, “ở hiện tại, Thân, Tâm, Trí đều chơn không”, thì linh hồn mới ý thức được.

Đây là “ý thức của linh hồn” trong cõi giới siêu nhiên khi Nhục thân còn sinh động ở thế giới tự nhiên.

Hay là “trong hiện tại chơn không, linh hồn vẫn hoạt động được”.

Tóm lại:

Khi linh hồn linh cảm, trực kiến sự việc qua sự châu biến năng lực của nó, thì tâm hồn không còn vướng vào sự đam mê nữa, và linh hồn có khả năng thăng hoa, tiến hóa, kể cả khi Nhục thân chết, ngủ hay thức.

H. LƯƠNG TÂM

Tất cả những bộ phận vô hình có sự Sáng (thể Sáng) sinh động, đều mẫu nhiệm và liên quan đến vũ trụ. Nhưng tỷ lệ mẫu nhiệm khác nhau do ở những thành tố của mỗi bộ phận, như Tâm, Lương Tâm.

Tâm gồm có 3 thành tố: Khí, Điện và sự Sáng.

Lương Tâm chỉ có một: sự Sáng trong đó có sự sinh động của Thiên Tuệ, Thiên Tánh.

Tâm và Lương Tâm do đâu được sinh ra?

- Nếu không có 5 giác quan, không có sự tiếp xúc với ngoại cảnh, thì Tâm không được sinh ra. Cho nên nói rằng: “Tâm do ngoại cảnh sinh. Nó thuộc về thể giới tự nhiên”.

Còn Lương Tâm có từ sự sinh động vô hình bên trong. Vô hình mà sinh động được, nó do sự Sáng và Thiên Tuệ sinh. Nó thuộc về vũ trụ.

Do đó, Lương Tâm rất rộng lớn và mẫu nhiệm. Nó làm thay đổi tâm hồn con người được.

Lương Tâm khởi sinh từ khi con người biết dùng Trí khôn nhìn vào bản ngã, quan sát, giám sát những hành vi của nó một cách khách quan. Sự Sáng của Thuần Trí hoạt động.

Sự Sáng của Trí khơi động Lương Tâm. Nhìn càng lâu, Lương Tâm càng mạnh, nó biểu lộ cái kỳ diệu và mẫu nhiệm của nó trên đời sống cá nhân.

Vì vậy, nhìn vào trong để cho Lương Tâm sinh động, con người mới tiến hóa được và có thể được mạc khải. Nhìn ra ngoài để tiến bộ, có kiến thức, nhưng Tâm luôn động.

Về vật lý, Lương Tâm con người được hình thành bằng những gì?

- Bằng sự Sáng của Thuần Trí, và bằng sự Sáng của Dương và Âm chứa đựng Đạo lý trong Thiên Lý sinh động trong sự Sáng nguyên thủy sinh động trong Thuần Trí.

Hay là:

Lương Tâm: (Trí + Đạo lý trong Thiên Lý) trong con người.

Trong sự phối hợp giữa Trí và Đạo lý trong Thiên Lý, con người không còn bản ngã cá nhân nữa.

Lúc đó chỉ có Thiên Tuệ, Thiên Tánh trong sự Sáng thuần túy của Trí... giám sát và hướng dẫn đời sống tinh thần và tâm linh của con người.

Nhờ vậy mà Đạo, Đức do Lương Tâm xuất nguồn (1), còn Phước, do Thiên, Địa tạo cho con người (do Khí, Thủy, Đất), gọi là Chơn Phước.

(1) Xin xem ở cuối trang 468.

Lương Tâm có sự mâu nhiệm, vì vậy mức độ tiến hóa của sinh linh căn cứ trên mức độ mâu nhiệm của mỗi cá nhân có được. Cho nên, người nào, sống bằng Lương Tâm, người đó tiến hóa nhiều.

Còn sự tiến hóa của đời sống tinh thần, chủ yếu căn cứ trên mức độ trí thức, chứ không đánh giá trên kiến thức hoặc địa vị xã hội. (Người có nhiều kiến thức là người có nhiều công phu, sử dụng “Trí nhớ” để nhớ. Người này thuộc về người nhớ giỏi, là người giỏi. Còn người Trí thức là người tài, dùng chức năng suy nghĩ, sáng tạo từ bên trong).

Tóm lại:

“Dùng Trí thì có sự kỳ diệu, còn dùng Lương Tâm, mới thấy được sự mâu nhiệm”.

Lương Tâm được coi như mẫu số, còn Tâm như tử số.

Tâm con người không thể che đậy được Lương Tâm, mà trái lại Lương Tâm bao trùm tất cả các loại Tâm của mỗi cá nhân.

Nhưng Lương Tâm tồn tại đến bao giờ?

Lương Tâm có trong con người, và luôn cả loài người. Đến bao giờ loài người còn tồn tại thì Lương Tâm vẫn tồn tại.

Những gì thuộc về Lương Tâm, xuất nguồn từ Lương Tâm cũng tồn tại, như lời nói, tư tưởng, phản ứng tâm lý đối với những điều sai, trái, xấu. Bởi vì chúng đều thuộc về Lý (Thuận, Chơn, Đạo).

Thí dụ:

Khi có sự sai trái, xấu xa xuất hiện ở một hành động của một cá nhân, sẽ có sự phản ứng của Lương Tâm đối lại với hành động đó, trong sự phản ứng đó xuất hiện “Nghĩa khí” của Lương Tâm.

Tất cả những gì xuất nguồn từ Lương Tâm đều mạnh mẽ, nghiêm trang, có oai lực của cái Lý của toàn thể loài người trên một cá nhân.

Cần nói thêm, Tâm cá nhân còn bản ngã, còn có cá tính riêng biệt.

Lương Tâm là Tâm chung của loài người trong một con người (2). Nó không có tính riêng của một cá nhân, mà có tính của loài người trong đó.

(1)Đạo, Đức do Lương Tâm của con người thuộc về Nhân Đạo. Dù nó chưa được là Chơn Đạo do sự mạc khải của Thiên Tuệ cho một linh hồn cực sạch, nó cũng thuộc về Chánh Đạo.

Nhân Đạo từ Lương Tâm tiến hóa được 3 cõi giới của tiểu vũ trụ (Trí, Tâm, Thân) bằng Triết lý, Luân lý (trong đó có cả thuần phong mỹ tục). Nó làm thay đổi Tâm người, nhưng cái Hay của Đạo lý của Chơn Đạo là khơi dậy Lương Tâm con người.

(2)Lấy cái Tâm chung của loài người trong một người mà cầu nguyện thì ơn ích mới đổ xuống cho nhiều người. Đó là mâu nhiệm của đức tin.

Ơn ích đổ xuống như mưa, cây cỏ hút được nước, và lớn lên, sỏi đá thì không.

Với người có đức tin, Thiên Ân đổ xuống theo lòng sốt sắng cầu nguyện. Trái lại, người không tin, hay nửa tin nửa ngờ, thì Thiên Ân không thấm vào cuộc đời của họ được, dù đó là sự thật.

Phàm nhân sống bằng phàm tâm, mà sự linh động của nó là tâm trạng. Nhưng tâm trạng là gốc của Phước, Họa. Phàm nhân thích sống với sự sinh hoạt của tâm trạng, của Phước, Họa, vậy mà chẳng nhận ra chúng đề chủ động sống trong Phước và tránh Họa.

Còn thánh nhân, đạo nhân sống bằng Lương Tâm, mà sinh hoạt của Lương Tâm là Lý. Vì vậy, đời sống của họ không còn phản ứng tâm lý đối với những tâm trạng của tha nhân.

Cái Lý trong Lương Tâm như thế nào?

- Cái Lý chẳng có sự Sinh, Diệt, chẳng có sự Sinh, Khắc, mà lại là hằng hữu, hằng sinh động.

Còn tâm trạng thuộc về Ngũ hành, nên có Sinh, có khắc chế lẫn nhau, đối đãi nhau như Phước, Họa vậy.

1. Sự thật và cái đúng tuyệt đối trong Lương Tâm

Trong con người, có những thứ liên quan trực tiếp đến cá nhân, có những cái liên quan đến loài người, có những điều liên quan đến vũ trụ v.v...

Nhưng sự thật và cái đúng tuyệt đối trong sự xét, xử về hành vi của con người chỉ có trong Lương Tâm.

Con người thấy được sự thật trong hành vi, tư tưởng của mình là do Lương Tâm.

Thấy được sự thật trong đó, con người trở nên sáng suốt, rồi tiến bộ.

Sáng suốt và tiến bộ là nền tảng của sự tiến hóa.

Tất cả những tiến triển này đều do sự Sáng trong đó luôn sinh động sự linh thiêng và mẫu nhiệm. Sự Sáng lại sinh động trong Lương Tâm.

Như vậy, sống bằng sự sinh động của Lương Tâm là sống bằng sự linh thiêng và mẫu nhiệm.

Hai nhân tố này “thánh thiện hóa” đời sống con người.

Hay là: “Lương Tâm là một bộ phận vô hình (1), có chức năng “Thiện hóa” và “thánh thiện hóa” con người do sự sinh động của Thiên Tuệ, Thiên Tánh trong đó”.

Đến đây, ta thấy rõ, những gì từ Tâm sinh ra, những thứ đó thuộc về cá nhân. Còn những gì từ Lương Tâm xuất nguồn, những thứ đó liên quan đến Thiên Tuệ, Thiên Tánh, đến cả vũ trụ.

Cho nên, khi con người sầu khổ, than khóc, oan ức từ Lương Tâm, thì nỗi thống khổ làm rung động cả Thiên Tánh, cùng sinh linh...

Nếu con người biết dùng những bộ phận liên quan đến vũ trụ như linh hồn,

(1) Từ một bộ phận vô hình là Lương Tâm, ta mới nhận ra giá trị vô cùng quý của những bộ phận vô hình khác có những chức năng tiến hóa đời sống tinh thần và tâm linh.

Lương Tâm mà cầu nguyện cho sự thiện hóa, tiến hóa của những bộ phận vô hình của loài người liên quan đến vũ trụ, thì lời cầu nguyện đó mới được ứng hiện...

Đó là lý do, vì sao có nhiều người cầu nguyện, mà một số rất ít lời cầu nguyện được ứng hiện...

Cho nên, con người cần nhận rõ những mối liên quan.

- Liên quan trực tiếp đến cá nhân: là Thân.

- Liên quan đến loài người: Tâm, Trí hay (tâm hồn).

- Liên quan đến vũ trụ (hay là đến sự sinh động vĩnh cửu của vũ trụ và sinh linh): Trí, Tuệ, linh hồn, Lương Tâm...

2. Những tinh hoa tâm lý

Tất cả những tinh hoa tâm lý mà loài người hiện có được con người tôn trọng, ngợi khen... đều xuất nguồn từ Lương Tâm.

Cho nên, khi Lương Tâm sinh động, thì mọi tinh hoa tâm lý cũng sinh động.

Nhờ vậy, ta có thể nhận ra, khi nào một người mà không có tinh hoa tâm lý xuất hiện qua ngôn từ, qua hành động..., thì trong thời gian đó Lương Tâm bị phạm tâm (Tâm cá nhân có bản ngã) che lấp, và con người không làm chủ được chính mình.

Nhưng nếu sống bằng Lương Tâm thì con người nhận ra được chính mình và người khác, nhờ vào sự sáng suốt của Trí khôn, không bị Tâm che lấp, nên phân biệt được tốt xấu, đúng sai, phải trái... trong tư tưởng, lời nói, việc làm của chính mình và của người khác.

Sự phân biệt đó nhờ vào sự sáng suốt của Trí khôn.

Con người còn sự sáng suốt của Trí khôn, là còn sự sinh động của Lương Tâm, tức là Thiên Ân đang đổ vào người đó.

Tinh hoa tâm lý cao cả hơn hết, xuất nguồn từ Lương Tâm, là Tình thương. Nó khác với Tình thương của một bản ngã.

Tình thương phát sinh từ Lương Tâm, có tính Vô ngã, đạt đến mức tột cùng của nó, luôn nồng nhiệt như than hồng, không bùng cháy như lửa rom.

Vì tình thương từ Lương Tâm mà con người trở nên can đảm, cùng với vô số những đức tính khác.

Và mức tột cùng của sự can đảm là sự hy sinh (hy sinh tánh mạng, thân phận v.v...)

Can đảm sinh ra kiên nhẫn. Đức tính này sinh ra sự chịu đựng, sự cực nhọc của thân thể. Sự chịu đựng, cực nhọc tạo nên ý chí.

Ngược lại:

Người có ý chí, là người chịu đựng được sự cực khổ. Chịu đựng được sự cực khổ là người có lòng kiên nhẫn. Người có lòng kiên nhẫn là người can đảm.

Người can đảm mới dám hy sinh. Người dám hy sinh, là người có Tình thương.

Cho nên, yêu thương người thì đức tính này sinh. Còn yêu chính mình thì đam mê xuất hiện. Hơn nữa, yêu thương mình nhiều, trong lòng sẽ yếu đuối, hèn nhát...

Tình thương từ Lương Tâm bao gồm nhiều đức tính, còn được gọi là Đức Bi.

Đây là sự tiến hóa của con người từ tình thương của bản ngã sang tình thương của nhân loại trong cá nhân; từ sự sinh động của Ngũ hành sang Dương và Âm, nên không có sự khác biệt.

Trong Đức Bi, có sự cực hiền lành và lòng hay thương xót làm rung động luôn tâm hồn và Lương Tâm.

Tình thương này không có sự sinh động của Ngũ hành, của ngũ tạng.

Nó sinh động ở đâu nữa, thuộc về Dương và Âm. Hay là, Tình thương này sinh động bằng Dương và Âm của sự Sáng. Nó thuộc về vũ trụ và tồn tại mãi trong luật sinh hóa và chuyển hóa của vũ trụ.

Đức Bi có trong cá nhân tương đương với Đức Bi trong thế giới siêu nhiên.

Loài người, nếu thiếu đi một nhân tố này, đời sống sẽ bị lung lạc ngay.

Con người muốn dạy cho con người nhân đức. Nhưng nhân đức không thể tự có được, nếu chẳng có Tình thương. Và đó là sự cần thiết trong sự di truyền của loài người trong sự tiến hóa và hạnh phúc của gia đình và xã hội.

Nếu trong sự di truyền của con người, có một thời gian nào (như ngày nay) mà Tình thương mất hoặc yếu đi, thì trong đời sống con người sẽ xuất hiện thú tánh và quỷ tánh trong sinh hoạt, hay là Ác đạo làm cho Nhân đạo lu mờ đi.

Thú tánh trội vượt thì thân thể con người sẽ đau đớn. Quỷ tánh chiếm lĩnh, tâm hồn con người sẽ thống khổ, bệnh tâm lý sẽ lan tràn.

Thú tánh, quỷ tánh hoạt động trong Tâm, Trí con người... mở đường cho Ác đạo (1). Nhưng làm sao có được vinh quang, danh dự và An, Vui trong Ác đạo?

- Những điều này chỉ này sinh từ Đức Bi, Đạo Bi. Và đó cũng là ân thưởng dành cho những người đã tạo nên đức hạnh và đạo hạnh trong đời sống. Tức là, chỉ những người hành Thiện, và tâm hồn lúc nào cũng sinh động tính Thiện mới hưởng được những ân thưởng đó.

Từ đó, con người có thể nhận ra được sự quan phòng và khuyến khích của

(1) “Con đường Ác” này gồm nhiều nhánh, trong đó xuất hiện vô số nghề nghiệp, nhưng chung qui chỉ có sự Độc, Ác, Hung, Dữ... là mầm mống của tội lỗi. Như trong từ đồ tước (gái, cờ bạc, rượu chè, hút xách...). Đúng ra, những người tổ chức và thu lợi trong từ đồ tước là những người mở rộng Ác đạo.

Thật đáng thương, có người coi đó là tài năng, và sự khôn ngoan – lời cuốn được sự đam mê của người khác.

Tạo hóa trong Lương Tâm, với con người có tính Thiện, và những trừng phạt cho gia đình, và con cháu của những người mở rộng Ác đạo.

Sự thương, phạt này liên quan đến hạnh phúc gia đình, và sự trường tồn của sự nghiệp lưu truyền đến nhiều thế hệ.

- Hạnh phúc gia đình bao gồm nhiều yếu tố, phương diện, nhưng nền tảng chính vẫn là Tình yêu.

Trong những thành phần gia đình, Tình yêu càng sinh động bao nhiêu thì hạnh phúc càng tăng bấy nhiêu.

Vượt qua giới hạn của gia đình, Tình yêu sinh động trong Lương Tâm mang hạnh phúc đến cho tha nhân.

Tình yêu là nguồn gốc hạnh phúc; nó tỏa ra đến đâu thì hạnh phúc lan tỏa ra đến đó.

Sự thể hiện bên ngoài của Tình yêu là tình cảm mang lại sự Vui, Mừng cho tha nhân.

Do đó, người đã thể hiện Tình yêu, thì luôn luôn cảm nhận được sự Thiện cảm từ những người khác.

Khi Tình yêu được duy trì trong nhiều thế hệ, nó tạo nên sự trường tồn của sự nghiệp do ở Đạo Đức bên trong, không hoàn toàn do hoàn cảnh bên ngoài, như ta đã thấy sự trường tồn của những triều đại trong lịch sử nhân loại.

Chẳng phải hoàn toàn do địa lý tốt mà một triều đại được trường tồn. Cung đình được xây dựng lên, chẳng phải do ngẫu nhiên, mà do sự quan sát kỹ lưỡng về địa lý theo sự hiểu biết của các nhà địa lý tài ba. Vậy mà vua vẫn phải gặp tai ương, biến cố, phiền não, khổ tâm..., vẫn bệnh, vẫn chết (có khi chết ở tuổi còn thơ...).

Như vậy, sự trường tồn của một triều đại không phải chỉ do ở địa lý, mà chính yếu, do ở Đạo, Đức của nhà vua, của những người cầm quyền, tức là do nơi Thiện tính của Tâm, Trí con người vậy.

Nếu Thiện tính sinh động thì Lương Tâm càng tăng sự Thiện, Lương Tâm an và Lạc.

Cái Vui (Lạc) của Lương Tâm, trong sự Thiện tăng cao, làm cho con người xúc động, phải rơi lệ.

3. Chức năng của Lương Tâm

Sự “tự hữu” sẵn có trong Lương Tâm, với sự Sáng trong đó tiềm ẩn Thiên Tánh, Thiên Tuệ, và luôn cả hai chức năng sinh hóa và chuyển hóa mọi bộ phận vô hình để tiến hóa.

Từ đó xuất nguồn mọi sáng tạo liên quan đến cái Lý (Thuận Lý, Chơn lý, Đạo lý) để tiến hóa đời sống tinh thần và tâm linh của con người.

Đây là sự sáng tạo từ những tinh hoa của Thiên Lý chứa đựng trong thể Sáng nguyên thủy xúc tác vào Tâm, Trí con người. Hiệu quả của sự xúc tác này do ở mức tiến bộ của Tâm, Trí con người, theo tuổi tác, và sự vận dụng của Trí với những chức năng của nó, đặc biệt là chức năng suy nghĩ của Trí khôn.

(Mọi tạo vật đều chủ động tiến hóa, nhưng chỉ những sinh linh, trong đó có con người với Trí khôn mới có thể chủ động tiến hóa đến mức hằng sống nhờ vào năng lực tự tạo. Đó là sự Sáng (sự sống) của vũ trụ sinh động trong não bộ của con người. Sức sống có giới hạn ở Nhục thân, và Nhục thân phải chết và tan rã, nhưng chỉ còn sự Sáng sinh động tồn tại...)

Sự xúc tác của Thiên Lý vào con người cũng là sự xúc tác của đại vũ trụ vào tiểu vũ trụ. Nó có định hướng của sự toàn hảo vào sự bất toàn của con người để đạt đến sự thuần nhất.

Bởi vì, với kiến thức, kinh nghiệm của chừng một vạn năm, và sự chủ quan của bản ngã của mỗi cá nhân, chỉ tạo ra sự tiến bộ khác nhau trong đời sống tinh thần. Nó có vẻ đẹp và cái “Hay” của mỗi mức độ của đời sống, nhưng không tiến hóa theo cái mẫu chung của vũ trụ được.

Sự can dự của Lương Tâm vào tâm hồn con người tùy theo mức sáng suốt của Trí khôn.

Mức sáng suốt của Trí khôn tùy thuộc ở mỗi cá nhân, mỗi lứa tuổi, hay môi trường sinh hoạt... liên quan đến sự can dự của Lương Tâm. Nghĩa là *“Lương Tâm xúc tác vào Trí khôn tùy theo mức phát triển của sự suy nghĩ của Trí”*.

- Khi Trí khôn con người phân biệt được sự Tốt xấu; Đúng sai; Phải trái... của cảm giác, dục cảm, nhục cảm, khoái cảm của tình cảm..., thì từ Lương Tâm tạo ra Luân lý. Từ đó, những nghi thức, nghi lễ trong phong tục, tập quán... được phát sinh.

- Khi Trí khôn con người biện biệt được sự Tốt, Đẹp của Tâm hồn, thì từ Lương Tâm, Trí khôn con người tạo ra Triết lý. Từ đó, những đức tính được dùng trong sinh hoạt với cái Tốt, vẻ đẹp trong đời sống tinh thần.

(“Tốt, Đẹp” là nhân tố của tính “Thiện”. Một nền văn minh sinh hoạt bằng đời sống tinh thần với cái Tốt, Đẹp..., thì một xã hội, hay một cộng đồng, sống không có phiền não, không nhiều hại lẫn nhau, không làm khổ cho nhau, mà con người chỉ làm vui cho nhau...)

Văn học, nghệ thuật là những ngành quan trọng của đời sống tinh thần. Cái Tốt, Đẹp, cái Hay, và tính Thiện của hai ngành này, làm rung động tâm hồn con người, xóa tan sự Dữ, sự Độc, Ác trong Tâm.

Cho nên, sống bằng đời sống này, nghệ sĩ, nghệ nhân chân chính, cũng là “thiện nhân” vậy).

- Khi Trí khôn con người được tạo nên bằng sự Toàn Kiến của linh giác quan (Tuệ nhãn), sự giác ngộ của Tuệ, cảm nghiệm được sự toàn hảo trong sự

Sáng nguyên thủy..., thì từ Lương Tâm, sự sáng suốt cùng cực của Trí khôn xuất nguồn Đạo lý.

Từ những mức độ xúc tác của Lương Tâm vào những bộ phận vô hình liên quan đến sự tiến hóa của con người trong đời sống tinh thần và tâm linh, hay khi một người biết dùng đến Lương Tâm rồi thì Tâm, Trí của mình lớn hơn bản ngã. Vì sự sinh động của Lương Tâm xóa đi đặc thù của tâm địa cá nhân.

Cho nên nói rằng: “Lương Tâm lớn hơn bản ngã”.

Lương Tâm lớn hơn bản ngã nhờ vào những cái Lý của nó. Sự sinh động vô hình của cái Lý có sự chân chính bên trong.

Hay là “sự chân chính ở Lương Tâm”.

Khi con người sống hoàn toàn bằng Lương Tâm, bản ngã mất đi, đời sống con người sinh hoạt bằng chơn Ngã.

Nhưng mỗi người đều có sinh hoạt riêng, nó có tính chủ quan.

Chủ quan ở tâm hồn con người, khách quan ở Lương Tâm. Do đó có sự hòa hợp giữa Trời và Người.

Nhưng chủ động trong mọi sinh hoạt là Lương Tâm, tức là Trời hướng dẫn Người.

Đây là đời sống của “chơn Ngã nhập thế”, sống bằng Lương tâm của những bậc đạo nhân, thánh nhân, cư xử, ứng phó tức thì bằng Tình thương, không cần tư duy, cân nhắc... như những bậc quân tử, hiền triết.

Sự chân chính của Lương Tâm không thuần túy là một ngôn từ. Ngoài Tình thương chưa được nhận ra ở những sự việc liên quan đến sự công bằng, thì nó là một sự sinh động bao gồm những tính Tốt, Đúng, Phải. Nhờ đó, tâm hồn con người luôn được Tốt, Đúng, Phải.

Trong sinh hoạt đối với tha nhân, sự sinh động này mang lại sự đổi mới trong đời sống với sự tiến hóa của Trí khôn, niềm An và Vui trong tâm hồn.

Và chúng là nền tảng của hạnh phúc trần thế (1).

“Hạnh phúc thật” của con người là “niềm An, Vui” sinh động mãi, xuất nguồn từ sự chân chính của Lương Tâm, không do đối tượng của ngoại cảnh tạo nên trong một thời gian có hạn..., như những niềm hạnh phúc ngắn hạn, căn cứ trên sở hữu mau biến đổi, gắn liền niềm Vui với sự thống khổ.

Cũng như vũ trụ, Lương Tâm con người đã chứa đựng “Đạo, Đức, Phước”, mà Phước, thì con người dễ nhận ra dưới dạng hữu hình. Một trong các nhân tố của Phước là sự may mắn.

Cho nên, khi Lương Tâm sinh hoạt, trong đó đã sắp xếp sự may mắn rồi. Sự

(1) Hạnh phúc của vũ trụ trong các loại thân của con người, hay là “hạnh phúc của Quang thân”, “từ sự hợp nhất của Dương và Âm của thể Sáng trong Tuệ (và các loại Trí)” là sự Cực lạc sinh động mãi mãi, tỏa ra cho các loại thân khác.

may mắn này đem lợi ích cho con người, chẳng có thiệt hại, luôn được, chẳng bao giờ mất.

Còn được, còn mất, hơn thua, thắng bại, là do Trí con người.

Dùng Trí, phải suy nghĩ, tính toán, đó là việc làm của con người.

“Chẳng nghĩ, chẳng toan tính, mà may mắn vẫn đến, đó là việc làm của Tạo hóa từ Lương Tâm con người vậy”.

Biết rõ được những tinh hoa, quý hóa của Lương Tâm, và sống với những tinh hoa đó, con người mới trưởng thành hay thành nhân.

Sự vận dụng của Trí từ Lương Tâm làm thắng hoa nhân tánh bằng cách áp dụng sự Thuận Lý, tính Thiện và chí Thiện vào sinh hoạt.

- Thuận Lý: nền tảng của nó là Tốt, Đúng, Phải, công bằng và chơn thật.
- Tính Thiện: có lòng thương xót, yêu thương nhân loại, tình yêu, đức tính...
- Chí Thiện: có lòng hiếu sinh. Yêu thương muôn loài, vạn vật...

Ba yếu tố này biểu lộ sự tiến hóa trong Lương Tâm.

Cách sử dụng sự tiến hóa trong Lương Tâm như sau:

Sử dụng Thuận Lý → đến tính Thiện → rồi chí Thiện.

Tuy nói vậy nhưng tất cả những bộ phận vô hình đều không thấy được, chỉ cảm nhận là chúng có, tuy nhiên khó thăm dò, như Tâm người.

Cái Tâm con người đã sâu rồi, nhưng Lương Tâm còn sâu và rộng vô biên, trong đó có những sự sinh động vô hình.

Sự sinh động vô hình đó tiến hóa Tâm, Trí (tâm hồn) con người. Nó là Đạo lý vậy.

Đạo lý có thể tiến hóa tâm hồn, lại không ảnh hưởng đến mọi cá nhân. Vì sao?

- Con người rất khó thuyết phục, vì khi đã có khả năng suy nghĩ rồi thì họ không chịu nghe và làm theo sự suy nghĩ của người khác.

Muốn thuyết phục được con người, chỉ có cách dùng cái Lý để đưa tâm hồn của họ về Lương Tâm. Và con người, trong đời, ít ra cũng có một, hoặc vài lần, đã được nghe tiếng nói của Lương Tâm.

Nếu Lương Tâm mà hoạt động được thì sinh hoạt của họ mới Đúng, Tốt, Phải.

Con người mới hiểu Thuận Lý là gì? Và từ Thuận Lý đến Đạo lý chẳng bao xa.

Trái lại, nếu Độc tính và Ác tính trong Tâm, Trí (tâm hồn) mà sinh động thì thiện tính ngưng động.

Thiện tính mà sinh động thì Lương Tâm hoạt động.

Lương Tâm hoạt động, con người được Thiện hóa và thánh thiện hóa.

Lương Tâm là nơi sinh động Thiện tính để thiện hóa và thánh thiện hóa nhân tính. Cho nên Lương Tâm con người mà xót xa, tức là Tạo hóa đau lòng vậy.

Trong sự tiến hóa, con người đã biết cách dùng Lương Tâm để thiện hóa và thánh thiện hóa tâm hồn và linh hồn của mình, tại sao không tự làm lấy, mà đa

số cứ mãi đi tìm những việc lạ bên ngoài.

Chỉ khi nào con người quên dùng Lương Tâm của mình thì sẽ có những việc lạ lùng, mâu nhiệm bên ngoài xảy ra, để đánh thức hay khơi động Lương Tâm con người, dưới dạng “Thiện tai, hay Thiên tai”.

4. Hiệu quả của sinh hoạt bằng Lương Tâm

Trong con người, bất cứ một bộ phận vô hình nào hoạt động, chúng đều tạo ra hiệu quả. Bộ phận nào có chức năng tiến hóa, khi được vận dụng, đời sống con người sẽ được thăng hoa.

Hiệu quả của sinh hoạt Lương Tâm biểu hiện bên ngoài bằng thái độ, nhân cách... liên quan trực tiếp đến những đức tính bên trong, để nhận ra từ diện mạo là sự nghiêm trang.

Tại sao “người sinh hoạt bằng Lương Tâm” thì nghiêm trang?

- Vì khi Lương Tâm hoạt động, ngũ tạng khí ngưng dao động. Do đó, chỉ có lực vô hình của chúng sinh động (tức là Hồn, Vía, Thân sinh động), tức là, chỉ còn lại sự sinh động của Dương và Âm của Khí, Huyết mà thôi.

Nói rõ hơn, không có tình cảm và cảm giác của cá nhân hoạt động, hay là Thân, Tâm đều chơn không, chỉ còn sự sáng suốt của Trí tỏa ra ánh mắt với trạng thái Vô ngã. Sự sống và sức sống dồn vào đầu, não, nên diện mạo mới thoát ra sự trang nghiêm được.

Trong sự trang nghiêm, tiềm ẩn chứa nhiều đức tính khác, gọi chung là “Đức”.

Có Đức, ắt được Phước. Có Đức, tất Họa tan. Nhưng tại sao người “thật sự có Đức”, không bị Họa ảnh hưởng?

- Theo vật lý, “Đức” xuất nguồn từ Điện và sự Sáng sinh động ở đầu người và trong não bộ, có lực mạnh tỏa ra quanh đầu. Người có Đức dù sống và sinh hoạt ở tử địa cũng không bị Họa.

(Nơi chiến trường, hoặc ở những nơi có tử khí, trược khí nhiều, người có Đức lớn cũng thoát hiểm được.

Vì Lực của Khí, Thủy bị Lực của Điện và sự Sáng ngăn chặn. Nếu so ra thì tốc độ của Điện và sự Sáng nhanh và mạnh hơn).

Người thường, luôn sống với sự luân phiên của Phước, Họa. Và tâm tư gắn liền với hai yếu tố này. Đến khi nào, bản ngã xã hội tan biến đi, lúc con người có thể cảm nghiệm được sự mâu nhiệm ở đâu trong con người?

- Nhìn ngược vào trong, mới ý thức được sự mâu nhiệm có trong Lương Tâm. Vì sao?

- Khi Lương Tâm hoạt động thì sự mâu nhiệm sinh động. Cũng như, khi chức năng suy nghĩ của Trí càng hoạt động thì sự Sáng (sự sáng suốt) của Trí thông minh càng gia tăng, càng sinh động.

Ý thức được Lương Tâm hoạt động là cảm nghiệm được sự sinh động của sự mẫu nhiệm.

Cảm nghiệm được sự mẫu nhiệm đó thì cả hai vũ trụ đồng nhất, tức là tiêu vũ trụ đã hòa nhập vào đại vũ trụ, qua sự hợp, và đồng nhất của thể Sáng.

Do đó, bản ngã cá nhân tan biến đi ngay lúc đó.

Nhưng dù vậy, bản ngã vẫn không mất khi con người trở lại sống với Tâm.

Tâm hôn nhập thể, mà Lương Tâm cũng nhập thể, chỉ có “Tâm chơn không” là xuất thể gian.

“Tâm chơn không” xóa được phiền não cho chính mình, nhưng nó không có sự Thuận Lý để hóa giải được những mâu thuẫn xảy ra trong đời sống.

“Tâm chơn không” đưa con người vào đời sống xuất thể gian.

Còn Lương Tâm, tự nó đã không có sự phiền não, nó đã sẵn có các Lý (Thuận Lý, Chơn lý, Đạo lý), tự nó làm mất đi bản ngã, che lấp cá tính của mỗi cá nhân.

Nếu Lý được đem ra dùng thì mọi mâu thuẫn trong đời phải tan biến.

Lương Tâm đưa con người vào đời sống nhập thể, với tất cả tinh hoa tâm lý, để tiến hóa đời sống tinh thần và tâm linh.

Nếu luôn sống mãi với Lương Tâm thì con người luôn minh triết.

Trí khôn (sự hiểu biết) con người luôn luôn tập trung vào Lương Tâm, cho đến khi nào sự sinh động của Lương Tâm hiện ra ánh mắt bất cứ trong không gian và thời gian nào..., lúc đó con người không còn bản ngã nữa, thì chỉ có Đạo Tâm mà thôi.

Lương Tâm không sai lầm nên Trí khôn luôn luôn minh triết. Hay ngược lại, “nếu Trí luôn luôn minh triết thì đời sống đó đã sống bằng Lương Tâm rồi”.

Minh triết là trạng thái của sự hoạt động của Lý và Trí.

Chỉ còn Lý và Trí trong sinh hoạt, con người đã làm chủ được mình.

Thái độ nghiêm trang, lời nói minh bạch, chỉ cần sống luôn như vậy, đời sống đã siêu thoát rồi.

Còn tâm trạng trong sinh hoạt là còn bản ngã cá nhân, con người chưa làm chủ được mình, và vẫn lặn hụp trong đời sống phàm tục.

Người làm chủ được mình thì không còn định kiến, không có sự chủ quan liên quan đến sự việc và vật dụng..., mà chỉ có Lý, Trí trong mọi sinh hoạt, hoàn cảnh.

Người chưa làm chủ được mình chỉ nghe tâm tư của mình và làm theo, dễ đi đến tranh luận, tranh chấp, cãi vã... do tâm địa cố chấp, độc đoán hoặc hẹp hòi thiếu sự thông cảm.

Trái lại, người chịu lắng nghe Lý, Lễ của người khác mà phân biệt được Đúng sai, Phải trái, Tốt xấu... thì tâm địa được mở rộng, lòng dễ thông cảm, tâm hồn bao dung.

Cũng nghe bên trong, nhưng nghe tiếng nói của Lương Tâm, thì tâm hồn trở nên cao thượng và siêu việt.

Cùng là bên trong, nhưng chỉ khác nơi nghe, mà con người có mức tiến hóa khác nhau.

Tiếng nói của Lương Tâm hoàn chỉnh đời sống con người. Hay là, xứng đáng làm con người, nhờ ở Lương Tâm.

Nhờ sống bằng Lương Tâm, con người không còn thú tánh và quỷ tánh.

Thân thể con người không thể sống lâu, phải già yếu, phải chết, nhưng Lương Tâm con người tồn tại mãi mãi khi loài người còn sinh tồn.

Lương Tâm hoàn chỉnh Tâm, Trí con người, ngược lại Tâm, Trí liên quan đến Lương Tâm. Ở Tâm thì có tình cảm của loài người (Tình và Tình thương), ở Trí thì có Lý (Thiên Lý tiềm ẩn trong sự Sáng của Trí).

Nghĩa là, Lương Tâm là nơi có Tình và Lý, cũng là nơi hội tụ giữa Trời và Người. Vì vậy, đời sống con người mới được toàn hảo do sự tiến hóa của Thiên Lý vậy.

Trong Thiên Lý đã sẵn có “Đạo, Đức, Phước”, sinh động và ảnh hưởng trong vũ trụ. Chúng sinh động trong sự sinh hóa và chuyển hóa.

Sinh linh được hưởng chúng, như ánh sáng mặt trời cung cấp năng lượng cho tạo vật, nhưng con người không nhận ra được những năng lực vô hình đó.

Nếu biết và nhận ra sự hiện hữu của chúng trong Lương Tâm thì con người luôn hưởng được những Thiên Ân đó.

Những nhân tố đó trong Lương Tâm thanh tẩy được nọc độc của sự căm dỗ, đam mê của tâm hồn và thánh thiện hóa được linh hồn.

Trái lại, nếu chẳng còn Lương Tâm sinh động nữa thì chẳng còn Thiên Ân, vì con người đó đã không để cho Thiên Tuệ, Thiên Tánh tác động trong Lương Tâm.

Do đó, mà cuộc đời người đó không gặp may mắn, mà chỉ có rủi ro xuất hiện, xảy ra nhiều.

Lương Tâm không sinh động, bản ngã xuất hiện, và cái “Tôi” càng lớn lên.

Cái “Tôi” càng được nhắc đến nhiều thì tính kiêu ngạo, kiêu căng gia tăng.

Kiêu căng luôn có sự thử thách kèm theo, còn kiêu ngạo trước thiên hạ, cũng có sự thử thách, và kèm theo sự khốn đốn nữa.

Phải chăng, sự thử thách về sự kiêu căng và kiêu ngạo là hình phạt của Thiên Lý?

- Đây không phải là hình phạt, mà là biện pháp giáo hóa con người qua sự cảm nghiệm từ Lương Tâm, để người đó hiểu được hiệu quả của sự thử thách.

Như vậy, người nào cảm nghiệm được sự sinh động của Lương Tâm mà tiến hóa thì sự tiến hóa này luôn đúng với Thiên Tánh và Thiên Lý.

Và khi nào Trí con người hiểu được, có sự hiện hữu của Thiên Tánh và Thiên Lý trong Lương Tâm, thì Trí của người đó mới có thể được mạc khải từ

Thiên Tuệ, để trở nên khôn ngoan tức thì.

Sự khôn ngoan này xuất nguồn từ nguồn gốc sáng tạo của Tạo hóa. Vì vậy, mọi sinh hoạt đều là đạo tính cả.

Tư tưởng trong lời nói từ đạo tính đều là danh ngôn. Tại sao?

- Bởi vì nó có giá trị cho muôn đời. Vì nó là sự thật của mọi sự việc.

Sự việc thì xảy ra trong một khoảng thời gian, còn sự thật của sự việc thì tồn tại mãi.

Nhờ vào danh ngôn, mà người ta biết được sự thật.

Và muốn ứng dụng giá trị của sự thật, con người cần ghi và nhớ danh ngôn.

Hiệu quả của sự thật trong danh ngôn là sự khôn ngoan. Và đó cũng là một trong những nhân tố trong đạo tính.

Người sống bằng đạo tính, ứng dụng sự khôn ngoan trong sự giải quyết những sự việc cũng khác thường.

Đối với người khôn ngoan, việc lớn đã xong thì những việc nhỏ tồn tại tất phải giải quyết được thôi. Thế nhưng, phàm nhân không vui ở cái to tát đã hoàn tất, luôn mãi bực mình ở những chuyện nhỏ, việc nhỏ còn sót lại...

5. Bao giờ Lương Tâm hoạt động?

Sự hoạt động của Lương Tâm không đồng nhất ở mọi người, không ở cùng một lứa tuổi.

Nguyên nhân của sự hoạt động của Lương Tâm do nhiều yếu tố phát sinh từ tâm hồn (Tâm, Trí), từ ngoại cảnh, do giáo dục, ở những phương thức khơi động sự hoạt động của Lương Tâm v.v...

Phương thức đơn giản là xét mình, tức là “hồi quang”: đưa sự Sáng của Trí khôn để quan sát, giám sát hành động, hành vi, tư tưởng, tình cảm, cảm giác... của mình. Và để cho bốn chức năng của Lương Tâm là Phán, Xét, Thường, Phạt... ảnh hưởng và hoàn chỉnh tâm hồn theo hướng tiến hóa.

Mục tiêu của Chơn Đạo và Chánh Đạo đối với con người là giác ngộ được Lương Tâm.

Muốn giác ngộ được Lương Tâm thì phải tự xét mình.

Hiệu quả của nó là phân biệt được Đúng Sai, Phải Trái, Tốt Xấu.

Phân biệt được rồi, sau đó thực hành. “thực hành mãi thì tiến hóa..., có nghĩa là mỗi người tự thực hành cái vẻ đẹp của Lương Tâm để tự tiến hóa”... mà không dùng đến sự trừng phạt, răn đe của luật pháp dân sự, của quân luật, hay những biện pháp chưa cải hóa tận gốc.

(- Sự trừng phạt, răn đe, đối với những người cố chấp, chỉ tạo thêm ra sự bực bội, căm hận ...

- Quân luật tạo nên sự nhất tâm (đồng tâm). Nhất tâm tạo nên Lực đồng nhất.

Lực đồng nhất tạo nên quân thể...

Nhưng cả hai biện pháp này cũng không giúp con người giác ngộ được Lương Tâm, vì không có sự vận dụng Trí khôn của mình để tự điều chỉnh, hoàn thiện lấy).

Người đã thực hành Lương Tâm để tiến hóa, loại bỏ những gì “bất Công, bất Chính, bất Nhân, bất Nghĩa, bất Hiếu, bất Trung” v.v... và chỉ ứng dụng những tinh hoa của Lương Tâm.

Chỉ có một con đường phải đi, nhưng không dễ, vì Lương Tâm thường bị Tâm thế gian, Tâm của bản ngã (cái Tôi) che lấp, nên nó không hoạt động được.

Tâm của bản ngã, người khác khó thuyết phục được, chỉ có Lương Tâm của người đó mới làm thay đổi cuộc sống thuận với Thiên Lý mà thôi.

Đánh thức Lương Tâm con người và dễ dàng thay đổi hoàn toàn bản ngã, chỉ nhờ một điều kỳ diệu và mâu nhiệm. Đó là Tình thương.

Nó xóa tan tội lỗi, sự độc, sự ác, sự dữ. Nó như ánh sáng. Và khi ánh sáng rọi vào nơi nào, nơi đó không còn sự tối tăm.

Như trong Nhục thân, thể Sáng của Trí tỏa ra khắp tế bào. Và tế bào nhờ vào sự Sáng được khỏe mạnh, nơi đó gốc bệnh không thể phát sinh.

Cường độ Tình thương càng mạnh thì sự mâu nhiệm càng có hiệu quả.

Tình thương tinh tuyền vô nhiễm tình cảm của bản ngã của Tâm. Tính chất tinh tuyền của Tình thương chỉ có ở nơi Lương Tâm của loài người.

Xuất nguồn từ đó, sự mâu nhiệm của nó xóa tan được sự độc, sự ác, sự dữ của tâm hồn. Còn Tình thương của Tâm của bản ngã mới chỉ kỳ diệu, chưa thể xóa tan sự Độc, Ác, Dữ...

Với người thường, sống bằng bản ngã, với Tình thương của Tâm, nếu còn biết hối hận thì Lương Tâm người đó còn hoạt động.

Lương Tâm còn hoạt động, thú tánh trong con người dễ khuất phục, hoặc dễ xóa bỏ.

Còn biết hối hận thì sự xấu có thể sửa thành Tốt; sự Ác, sự Dữ được đổi thành Lành; sự Sai được sửa cho Đúng.

Đúng, Tốt, Lành... đó đã là Thuận Lý rồi.

Nhưng không phải tất cả mọi người đều có thể sống theo Thuận Lý..

Khi quý tánh và thú tánh trội vượt trên sự hoạt động của nhân tánh, con người không biết hối hận.

Trong hối hận, có hai nhân tố: ăn năn và thông hối.

Người biết ăn năn, thông hối, là đã quay lại, sống bằng Lương Tâm, hoặc Lương Tâm đã xuất hiện lại trong đời sống.

Người đó đã gặp may mắn, hoặc được ơn, do người khác nhắc nhở.

“Ăn năn”, là đã biết được Tội, Lỗi của mình, và đã tự kết tội cho mình rồi.

“Thông hối” là tự phạt, tự hành hạ mình rồi. Và phải chuộc, trả lại sự công

bằng cho người mà mình đã làm cho họ thiệt hại, đau khổ...

(Vì vậy, khi thấy người biết ăn năn, thống hối, thì không nên nhắc lại, hoặc kết tội cho họ nữa).

Ăn năn, thống hối là một dịp làm cho Trí thêm sáng suốt, cái Lý trong Lương Tâm được minh bạch hơn.

Đó cũng là cơ hội tạo thêm kinh nghiệm cho đời sống vậy.

Lương Tâm bắt đầu hoạt động do nhiều nguyên nhân, nhưng đa số do mình trước, hầu hết là tâm hồn khởi động. Như lúc con người cảm thấy sự đau đớn, thống khổ xảy ra cho chính mình, cho tha nhân hay là ở loài vật... và từ đó phát sinh ra Tình thương, lúc đó Lương Tâm bắt đầu hoạt động.

Hay là, lúc nào Trí con người cảm biết, phân biệt được Thuận Lý, Nghịch Lý; Thiện, Ác v.v...

Lương Tâm con người hoạt động được thì sự cảm ứng với Đấng tạo hóa mới có thể xảy ra, và ban được nhiều Thiên Ân, cao hơn hết là Đạo lý.

Dân tộc nào có Đạo lý thì dân tộc đó sẽ hướng dẫn các dân tộc khác về đời sống tâm linh và tinh thần.

Nhờ có Đạo lý, và sống bằng Đạo lý, thì Thiên Ân đổ xuống, dân tộc đó hưởng được Phước, Đức, được các minh vương, hay các nhà lãnh đạo sáng suốt dẫn dắt.

Người nào mà Lương Tâm hoạt động nhiều, có bốn phận hướng dẫn người khác, với sự công chính luôn sinh động trong sinh hoạt. Lương Tâm ngày càng mạnh, có sự xuất hiện của linh hồn, nên sự linh cảm gia tăng.

Những hiện tượng này biểu lộ sự hoạt động của Lương Tâm:

- Tâm và Lương Tâm là hai bộ phận vô hình quan trọng trong đời sống tinh thần và tâm linh.

Những ý liên quan đến Lương Tâm và Tâm được rút gọn trong câu văn có vần dễ dễ nhớ. Như, “Học mãi chữ Nhân, lòng người vẫn đốt”. “Mờ mịt Lương Tâm”. “Bốn phép tính trong đời sống ngày nay”. “Lương Tâm có những gì?”. “Học tính Cần khôn”. “Bao giờ thành Nhân”. “Lương Tâm màu nhiệm”.

Học mãi chữ Nhân, lòng người vẫn đốt

Chẳng dễ gì hiểu rõ chữ “Nhân”,

Tạo hóa chi, dạy, biết bao đời,

Lòng không độc, ác dễ làm Người,

Thực hành “Nhân, Nghĩa”, thành thiện nhân.

Ăn uống, ngủ nghỉ ai cũng biết,

Nhưng biết làm Người, chẳng được bao,

Nhờ Tình thương, loài người tiến hóa,

Mất Tình ấy, sát hại lẫn nhau.

Cần cỗi tâm hồn vì sức đó,
Độc, Ác vô hình, nhưng nặng cân,
Tâm múa giáo, Trí vung dao chém,
Lập mưu, bày kế, mong bẫy người.
Biết theo Trí người, thú diễn trò,
Ý Trời đó, Trí người chẳng hiểu,
Đời lặn hụp mãi, lòng vẫn đốt,
Sống là người, nhưng chưa thành Nhân.

- Con người ngày nay chú tâm vào sự phát triển của Trí khôn, cho nên Thượng Trí cũng nhiều, và Đại Trí cũng có. Tất cả đều tập trung vào chức năng suy nghĩ để sáng tạo. Việc làm của họ, nếu là Thiện thì cứu được nhiều người, nhưng nếu có Ác tính, con người chết hàng loạt.

Cái chết của nhiều người do Ác tính, vì trong sự sáng tạo vắng bóng Lương Tâm.

Mờ mịt Lương Tâm

Tham lam lớn, mờ mịt Lương Tâm,
“Ác, Độc” nhân danh, chẳng thấy trừ,
Tâm vô hình, muôn sự dẫn dắt,
Tội nghiệp thay cho người thời nay.

- Bốn phép tính là một trong những yếu tố quan trọng để phát triển Trí khôn. Nhưng nếu biết vận dụng nó để “Thiện hóa” cái Tâm, đời sống con người sẽ giảm được nhiều phiền não.

Bốn phép tính trong đời sống

Trí căng thẳng, “**cộng**” thêm phiền não,
Tâm tư “**động**”, “**trừ**” đi An, Lạc,
Độc, Ác, Hung, Dữ, “**nhân**” nhanh quá,
Thu hẹp Bác Ái, mất tính “**chia**”.

Bốn phép tính chẳng phải khó dùng,
Chỉ cần hiểu rõ mọi căn nguyên,
Đưa đúng phép, cải hóa lòng người,
“Thiện Tâm mạnh”, “Độc, Ác tự lui”.

“**Cộng**” dần lên, niềm vui tao nhã,
“**Trừ**” cảnh vô thường, rồi tâm tư,
“**Nhân**” tính Thiện, rộng cõi tâm linh,
“**Chia**” sẻ sở hữu, lớn lòng Nhân.

- Bộ phận vô hình hoạt động, tất nhiên trong sự sinh động đó, có nhiều chức năng sinh hóa và chuyển hóa để tiến hóa con người, từ đời sống thấp hẹp, lên đời sống cao và rộng hơn. Như:

Trong Lương Tâm có gì?

Sống bên ngoài, sao thấy nội tạng,
 Bản ngã chủ động, Biết chẳng Hiểu,
 Muốn rõ Lý, nhìn vào Lương Tâm,
 Học hỏi trong đó, có những gì?
 Trong chơn Ngã, chẳng thấy cô đơn,
 Vô giới tính, bất nhiễm dục cảm,
 Thường xuyên sinh động, mất nhàm chán,
 Tiến hóa không ngừng, lòng thấy vui.
 Tiềm ẩn “Thiên Tánh”, thiện hóa người,
 Thiên Tuệ soi sáng, “Trí” khôn ngoan,
 Thanh thoát, Tâm hiện tính siêu nhiên,
 “Trời, Người hợp”, Lương Tâm Càn khôn.

- Con người học ở con người, kiến thức tuy nhiều, nhưng chưa đầy đủ. Cho nên, cần học thêm tính Càn khôn để con người có thể đồng nhất với Đại ngã.

Học tính Càn khôn

Bao giờ hiểu rõ, tính Trời Đất,
 Lương Tâm học hỏi tính Càn khôn,
 Cho đến khi, nó biết “nghe, nói”,
 Tâm Tánh phạm phụ, sẽ tan biến.
 Ngôn từ ý nghĩ, vắng bản ngã,
 Từ tồn âm thanh, tư tưởng cao,
 Đây, dấu hiệu Lương Tâm hoạt động,
 “Nguyên Lý” làm thầy (1), đúng chẳng sai.

(1) Con người nếu dùng Nguyên Lý như mực thước để theo, để hành động, sinh hoạt... thì kết quả của sự việc luôn đúng, chẳng sai...

- Con người tuy sống bằng tâm hồn, nhưng nhân cách, nhân phẩm để thành Nhân phải được tôi luyện từ Lương Tâm.

Bao giờ thành nhân

Kiến thức rộng, sai lầm vẫn phạm,
Già tuổi đời, ấu trĩ Trí khôn,
Chùng nào Lương Tâm biết “nghe, nói”,
Nguyên Lý làm thầy, mới thành Nhân.

- Thân con người sinh hoạt một cách kỳ diệu, “Tâm chơn không” thì linh thiêng, nhưng sự mẫu nhiệm thì sinh động trong Lương Tâm.

Lương Tâm mẫu nhiệm

Lương Tâm mẫu nhiệm, ít người biết,
Thiên Tánh vô hình sinh động luôn,
Từ đó tuôn trào nguồn Phước, Đức,
Sinh hóa, tạo thành mọi điều may.
Chẳng phải vô cơ, việc rủi đến,
Tâm ý độc ác, xóa mầm Lành,
Cho mình có quyền đôi Cơ, Vận,
Người tuy sống, nhưng vắng Lương Tâm.

Chương VI

CỨU CÁNH CỦA ĐỜI SỐNG

- Phương tiện và cứu cánh của đời sống
- Vận
- Những điều cần biết
- Cứu cánh

CỨU CẢNH CỦA ĐỜI SỐNG

PHƯƠNG TIỆN VÀ CỨU CẢNH CỦA ĐỜI SỐNG

Phương tiện là cách thức dùng để đạt đến mục đích, cứu cánh.

Cứu cánh là kết quả cuối cùng hay mục tiêu của con người nhắm tới.

Phương tiện bao gồm nhiều loại, như phương pháp, phương thức, phương thế, phương sách, những phương tiện nhân tạo vô tri, vô giác, và các phương tiện tự hữu, vô hình như Tâm, Lương Tâm, Trí (các loại) và những chức năng của nó.

Vô số phương tiện đưa đến những cứu cánh khác nhau trong ngành, nghề, trong cách sống...

Một xã hội hoạt động với nhiều ngành, nghề..., thì phương tiện càng được phát triển nhiều. Và theo đó, cứu cánh được mở rộng thêm.

Tuy nhiên, dù cho phương tiện hay cứu cánh có nhiều đến đâu, cách sống con người cũng qui về với ba loại đời sống vật chất, tinh thần và tâm linh...

Mỗi loại đời sống có một tầm nhìn:

- Người không có tầm nhìn xa, chỉ sống qua ngày..., như những bộ tộc du canh, du cư, săn bắn ngày nào ăn ngày đó. Họ không có định hướng cho tương lai, sống bằng phương tiện, không có cứu cánh tiến hóa.

- Người có tầm nhìn vừa, có định hướng cho tương lai, là người có nghề, có sự nghiệp, liên quan đến 4 ngành chính: Sĩ, Nông, Công, Thương và các ngành lệ thuộc.

- Người có tầm nhìn xa, nhìn vào sự Tốt, Lành của loài người, là: các nhà tư tưởng học (1), các triết gia ...

- Người có tầm nhìn tuyệt đối, nhìn vào sự hằng sống của vũ trụ: các Đạo gia chân chính sống bằng Vũ trụ quan và Nhân sinh quan ...

Sự toàn diện của hai quan niệm này đưa con người vào sự chọn thường với thời gian sống vô hạn của sự sống.

Ngoài sự sống ra, tất cả đều vô thường, kể cả sức sống của những tạo vật siêu hình, có sức sống kéo dài cả muôn vạn năm.

Sự vô thường mà con người coi là quý, như Nhục thân, hay các “tạo vật có

(1) Dù cho tư tưởng còn giới hạn trong “Nhân sinh quan”, nhưng các nhà tư tưởng học, xã hội học... có định hướng giúp đời, họ trở nên các chính trị gia, các nhà lãnh đạo chân chính...

Những người làm chính trị mà không có 3 yếu tố trên thì không phải là nhà chính trị chân chính.

giá trị chết” như công trình xây dựng... đều ở bên ngoài.

Sự chọn thường sinh động bên trong, có giá trị sống, có sức tiến hóa như tư tưởng, sự Sáng của Trí, Tuệ v.v...

Nhưng nếu những tư tưởng sáng tạo nên những phương tiện, phục vụ cho đời sống vật chất, thì những phương tiện này cũng chỉ là những tiện nghi, chưa phải là cứu cánh để tiến hóa đời sống tinh thần và tâm linh.

Đặc biệt là đời sống tâm linh, con người cần thích nghi với hoàn cảnh, môi trường hơn là tiện nghi.

Con người chỉ nhìn thấy được việc làm của con người. Việc làm này do sự sáng tạo của Trí. Cái Lý vô hình của thế giới tự nhiên trong sự sáng tạo làm cho con người cảm phục sự kỳ diệu của nó.

Nhưng rất ít người được ơn để thấy được sự mầu nhiệm của nó. Vì ơn này tiến hóa đời sống tâm linh.

Tất cả sự hiểu biết đều do nơi tầm nhìn và hướng nhìn, để con người có được kiến thức, và ý thức về ba loại đời sống. Nhưng ba đời sống này hướng về hai đường: Đời và Đạo.

“Đời” bao gồm hai đời sống: vật chất và tinh thần.

Đạo chỉ có một: đời sống tâm linh.

“Kiến thức và ý thức” hướng con người vào hai đời sống khác nhau, là Đời và Đạo.

Những gì con người sáng tạo cho con người thì thuộc về Đời. Và những gì Tạo hóa sáng tạo thì tạo vật đó liên quan đến Đạo.

Thí dụ:

Mặt trời là tạo vật và năng lượng, năng lực và những chất xúc tác trong năng lực của nó, là tạo vật của tạo vật đó.

Kiến thức hướng Tâm, Trí con người ra bên ngoài. Càng muốn thu thập kiến thức bao nhiêu, con người càng hướng Tâm, Trí của mình ra ngoài. Và như thế, con người không làm chủ được Tâm, Trí của mình.

Kiến thức càng nhiều, Trí thức càng tăng. Trí thức tăng, nhưng nếu con người đặt giá trị con người lên nền tảng trí thức, bản ngã (cái Tôi) càng to, lớn lên.

Cho nên, đời sống hướng ra ngoài, con người không làm chủ được Tâm, Trí của mình, thì kiến thức và trí thức của mình có thể không sai mấy trong kỹ thuật, khoa học..., nhưng luôn sai lầm trong sự Thuận Lý của Lương Tâm.

Trái lại, ý thức được Tâm trạng và Trí trạng của chính mình, cũng đồng nghĩa là ý thức được tạo vật vô hình của Tạo hóa, đó là ý thức được Tâm và Trí của chính mình vậy.

“Ý thức được Tâm, Trí của chính mình, dần dần con người này làm chủ được Tâm, Trí cũng trở nên Trí thức, nhưng là một nhà Trí thức có Trí thức của

Lương Tâm” (1).

Tri thức được Lương Tâm của mình, có nghĩa là Hiểu được cái Lý – một Thuận Lý thuận với Thiên Lý.

Hiểu mãi được như vậy thì bản ngã xã hội, không cần đến sự cố gắng để khiêm tốn, khiêm nhường, cũng tan biến đi mà con người không hề hay biết.

Trong đời sống, sinh hoạt luôn luôn Thuận Lý, và trong đó tỏa ra cái Hiểu. Sinh hoạt đó là mẫu gương để tha nhân có thể nhận biết để tiến hóa.

Tóm lại:

“Luôn luôn Hiểu là sự Sáng luôn luôn sinh động”, hay là “Sự Sáng mãi mãi sinh động thì sự Hiểu luôn luôn hoạt động”.

Và đó cũng là sự hằng sống. Hay là, sự hằng sinh động của sự Sáng là sự Hiểu vậy.

Cho nên nói rằng:

“Con đường để đắc Đạo, để hằng sống là phải hướng đời sống vào bên trong, mà cánh cửa để vào cõi hằng sống, là ý thức được tâm hồn và Lương Tâm của mình trước hết. Và sau đó sống bằng sự Sáng của Tuệ và sự Hiểu toàn diện (Toàn Tri) và vĩnh cửu”.

Đời và Đạo, hai con đường đi ngược chiều, nếu thời gian sống càng lâu thì khoảng cách càng rộng.

Nhân quan con người luôn nhìn ra ngoài, cho nên Trí có tiến bộ. Nhưng các bộ phận vô hình liên quan đến đời sống tinh thần (đạo, đức) và tâm linh không tiến hóa.

Thời gian kéo dài, không gian rộng lớn, giới hạn tầm quan sát, và hạn chế sự xét đoán của Trí khôn trong những vấn đề của xã hội, ngay cả đến những gì liên quan đến Đạo.

Cho đến ngày nay, nhiều người coi “Đạo” như một con đường hướng dẫn Tâm, Trí con người là tôn giáo.

Thật ra Đạo lớn hơn tôn giáo. Vì sao?

- Loài người có trên địa cầu, rồi con người lập ra tôn giáo. Và do đó, mà tầm nhìn của nó từ địa cầu nhìn ra. Các tôn giáo có khoảng vài ngàn năm, một thời gian quá ngắn so với thời gian của vũ trụ được hình thành.

Còn “Đạo” có trước khi vũ trụ được tạo nên. Và Đạo lý được chứa đựng trong Thiên Lý, tất cả sinh động trong thể Sáng (sự Sáng) nguyên thủy, khi hai dòng Dương và Âm của thể Sáng chưa hoạt động, tức là thể Sáng đang trong trạng thái “Thái cực”.

Nó bao trùm tất cả mọi tạo vật, và đồng thời sinh động trong tất cả mọi tạo

(1) Tri thức của Lương Tâm có thể trở thành siêu nhân, đạo nhân, đạo sĩ...

vật của vũ trụ.

“Đạo” do Thiên Tuệ, Thiên Tánh mà có (1). Nói cách khác, “Đạo” từ Đấng tạo hóa mà có, sinh động trong nguồn gốc sáng tạo, sinh hóa.

Tóm lại:

Những gì do Đấng tạo hóa tạo ra, nó lớn hơn những gì do con người của địa cầu làm ra.

Như vậy, Đạo lớn hơn tôn giáo là sự đương nhiên vậy.

1. Chiều sâu của phương tiện và cứu cánh

Tùy quan niệm sống của mỗi cá nhân, phương tiện và cứu cánh ở mức tương đối hoặc tuyệt đối. Mức tuyệt đối thuộc về đời sống tâm linh – một đời sống bao gồm cả Nhân sinh quan và Vũ trụ quan, còn mức tương đối ở đời sống tinh thần và vật chất. Nhưng tất cả các loại phương tiện vô hình và mọi người dễ nhận ra trong sự đối chiếu giữa Đạo và Đời.

Cùng đích của Đạo là đưa con người đến sự hằng sống, tức là đưa con người thoát khỏi vòng Sinh, Diệt.

Hay là, Đạo lý chỉ dạy con người tiến hóa chủ động, nhanh chóng để cho sự sống trở thành năng lực tự tạo, bằng cách sống và sinh hoạt với những bộ phận vô hình và mẫu nhiệm (như Tâm, Trí, siêu Trí, Tuệ, Lương Tâm, Tánh của vũ trụ sinh động trong nhân tánh v.v...)

Còn vòng Sinh, Diệt là gì?

- Vòng Sinh, Diệt thuộc về sự tiến hóa tự động của tạo vật, kể cả những tạo vật vô hình như Tâm, Trí trong con người.

Nhưng trong “cái Sinh sau”, sức sống và các thể hình thành sức sống đó mạnh và lớn hơn nhiều so với “cái Sinh trước”.

Đối với tạo vật hữu hình, như hạt giống, từ một hạt giống sinh ra nhiều hạt giống khác. Đối với tạo vật vô hình, như tâm hồn (Tâm, Trí) sinh ra linh hồn (siêu Tâm, siêu Trí). Nhưng linh hồn mạnh hơn tâm hồn, và có khả năng sinh động rộng lớn hơn trong cả hai thế giới siêu nhiên và tự nhiên.

Đến khi nào con người trở thành sinh linh của vũ trụ?

- Con người trở thành sinh linh của vũ trụ khi đạt đến sự hằng sống, tức là sống bằng năng lực tự tạo.

Năng lực này tạo ra sự Sinh, Diệt, cho nên nó không bị chi phối bởi sự Sinh, Diệt.

Trở thành sinh linh của vũ trụ, tức là con người sống bằng năng lực tự tạo.

(1) Tương tự như chương trình của một kỹ sư sáng tạo, cài đặt trong máy vi tính. Nó chi phối mọi chức năng hoạt động của máy.

Trí khôn của kỹ sư trong chương trình hoạt động, nhưng con người vẫn ở bên ngoài máy.

Và làm chủ được mọi qui luật trong tiêu vũ trụ, chủ động tiến hóa qua sự giác ngộ Thiên Lý, cùng vô tận những cái Lý khác, thuộc 3 thế giới xuất nguồn từ Thiên Lý.

Ngoài sự sống này, những tạo vật có hình dáng, dù to hay nhỏ, có sức sống tăng, giảm... đều bị qui luật Sinh, Diệt chi phối để tiến hóa tự động.

Những tạo vật không có hình dáng, chỉ có sự sống, chỉ tăng, tức là chỉ có Sinh mãi mà chẳng Diệt. Sự sống này tăng theo sự toàn diện của 360° hình tròn, không phải trên mặt phẳng.

Sự tăng trưởng của sự sống không có chiều nhất định trong con người, là sự tăng trưởng của sự sống của những bộ phận vô hình như Trí, siêu Trí, Tuệ v.v..., là những bộ phận không có dịch kỳ.

Những tạo vật to lớn, nhân quan con người cho là quan trọng như mặt trời, với sự Sáng (thể Sáng) thì nó là tạo vật của sự Sáng (sự sống).

Nhưng nếu mặt trời không có sức nóng kinh khủng và ánh sáng của nó thì các hành tinh không thể chuyển động được.

Nói cách khác, “sức nóng và ánh sáng của mặt trời là năng lực nguyên thủy của tạo vật đầu tiên làm cho những tạo vật khác và các hành tinh trong Thái dương hệ chuyển động.

Nhưng so với thể Sáng (sự Sáng), nó chỉ là tạo vật được sinh hóa ra từ thể Sáng mà thôi.

Chiều sâu của phương tiện và cứu cánh liên quan đến tự hữu và tự hữu.

“Tự hữu” thuộc về con người, là những phương tiện vô tri, vô giác, tự nó không có sức sống.

Còn những gì “tự hữu” trong con người thì liên quan đến vũ trụ, đến Tạo hóa.

Chẳng hạn như, sự “tự hữu” sẵn có trong Lương Tâm, trong đó tiềm ẩn sự sinh động của Thiên Tánh, Thiên Tuệ. Với con người, từ đó xuất nguồn mọi sáng tạo Thuận Lý.

Tóm lại:

“Những gì “tự hữu” thuộc về sự sáng tạo của vũ trụ, còn “tự hữu” do con người tạo ra không thể tồn tại vĩnh cửu.

Ai sống bằng sự tự hữu, người đó đang sống bằng sự Sáng, cũng là đạt đến chiều sâu của cứu cánh vậy”.

Trong cứu cánh, con người vượt qua sự đối đãi, so sánh của những phương tiện, dù đó là những phương tiện hữu hình hay vô hình.

Như:

Ít thua nhiều

Yếu thua mạnh

Nhỏ không bằng to

Ngắn không bằng dài

Giới thẳng đỡ v.v...

Còn bản ngã, còn đối đãi, còn so sánh, chỉ có sự “chơn không” là không còn đối đãi, không còn gì để so sánh của chơn Ngã (1).

Trạng thái chơn không này không đưa con người vào sự tiêu cực của đời sống, mà “cái Có cũng như Không có”, mà “Không cũng như Có”. Không vương bận bởi những gì có trong không gian và thời gian của địa cầu, ngay cả trong vũ trụ nữa.

Chính vì vậy, đời sống rất tích cực và hoàn toàn tự do, nhờ vào sự sinh động của Thuần Trí.

Tính đối đãi của những phương tiện liên quan đến hai chức năng sinh hóa và chuyển hóa để tiến hóa.

Sự cảm nghiệm trực tiếp không gì bằng cảm nhận những hiện tượng tâm sinh lý, và trạng thái ngay trong Nhục thân, Tâm và trong Trí của chính mình.

Trong sinh hóa thì:

- Cảm khoái sinh ra Lạc, và Lạc sinh ra Cực lạc. Cũng như cảm giác sinh ra tình cảm; tình cảm sinh ra tư tưởng; tư tưởng sinh ra đức tính, đạo tính. (Tư tưởng bắt đầu từ cõi giới, thể giới tự nhiên, sinh ra đạo tính, liên quan đến cả vũ trụ).

Tất cả những gì liên quan đến cõi giới, thể giới tự nhiên, và siêu nhiên vẫn còn sự đối đãi, chỉ có những gì thuộc về đạo tính, Nguyên lý của vũ trụ mới có sự tuyệt đối, không còn sự đối đãi nữa. (Lý không có sự đối đãi, tất cả mọi hiện tượng, có đối đãi). Như:

Ở Thân: cảm khoái đối đãi với sự đau đớn.

Ở Tâm: vui mừng (khoái lạc) đối đãi với sự khổ tâm.

Ở Trí: cái Lạc của đức tính đối đãi với Ác đức tính (2) (sự thống trí).

Ở Tuệ: chỉ có sự Cực lạc trong giác ngộ, không còn đối đãi nữa.

Giác ngộ được Nguyên Lý trong sự Cực lạc, nhưng nếu chưa thực sự là chơn tu thì chưa thể làm chủ được tiêu vũ trụ.

Làm chủ được tiêu vũ trụ là làm chủ được luật sinh hóa và chuyển hóa, có

(1) “Lý” không có đối đãi, “hiện tượng” luôn là nguồn gốc của sự so sánh, đối đãi.

Thuyết Trung Dung ở ngay vào Trung vị, cũng có nghĩa là xóa bỏ đi sự đối đãi, sự dao động của hai hướng cao và thấp..., để tiến hóa trong sự bình an của tâm hồn, và sự Sáng của các loại Trí nhập vào Thiên Lý (vào Nhất nguyên). Từ đó tuôn trào ra những Đạo lý, khơi động Lương Tâm con người...

(2) Quý tánh dùng Ác đức tính, và cảm thấy vui trong đó, vì quý không có Lương Tâm, không tình cảm...

Không Lương Tâm vì nó chối bỏ, hay tách ra khỏi ảnh hưởng của Thiên Lý.

Tương tự như đứa con sống hoang đường, tách ra khỏi sự chăm sóc, quan tâm của gia đình.

nghĩa là làm chủ được cái Lý trong tiêu vũ trụ (Thuận Lý, Chơn Lý và Đạo Lý).

Lý sinh ra Thể. Và Thể sinh ra Lực.

Làm chủ được cái Lý, là siêu thoát. Tức là, con người sống bằng sự siêu thoát, là hoàn toàn sống bằng cái Lý vậy.

Sống bằng Lý, sinh hoạt của một con người bình thường bị biến đổi, thay đổi.

Sống bằng Lý, Trí quan sát hướng vào cõi siêu nhiên và siêu siêu nhiên, sự biết của Trí quan sát không cần đến chức năng của các giác quan nữa. Có nghĩa là các giác quan vẫn mở ra, trong khi con người vẫn tỉnh thức, nhưng sự quan sát của Trí lại quay vào trong, sự Sáng của Trí tiếp xúc với những bộ phận vô hình và những hoạt động của chúng.

Sức tiến bộ và sự tiến hóa của sự vận dụng các phương tiện trong con người đưa con người vào một vị trí cực cao, là làm chủ được tiêu vũ trụ.

Nhưng làm chủ được tiêu vũ trụ là gì?

- Là làm chủ được ba cõi giới tự nhiên, siêu nhiên và siêu siêu nhiên, và luôn cả những sinh linh trong cõi đó.

Những sinh linh này là các loại thân sinh động trong những cõi đó. Chúng là Nhục thân, Thủy thân, Khí thân, Điện thân và Quang thân.

- Làm chủ được, tức là sử dụng được từng loại thân, những bộ phận và chức năng của nó. Và hơn nữa, có thể làm tăng khả năng của chức năng và của bộ phận.

Cái gì làm chủ được tiêu vũ trụ?

- Tiêu vũ trụ gồm có 3 cõi giới. Và bộ phận làm chủ được 3 cõi giới đó, là Trí, siêu Trí và Tuệ.

Trí gồm nhiều chức năng, nhưng chức năng nào điều khiển được mọi bộ phận? Trí thông minh điều khiển được mọi bộ phận của Thân (1).

a. Trí điều khiển được Nhục thân.

b. Siêu Trí điều khiển được: Thủy thân, Khí thân, Điện thân.

c. Tuệ điều khiển được Quang thân.

Với người chưa dùng được siêu Trí và Tuệ, nhưng dùng Trí là trí thức.

Người Trí thức là người dùng hầu như không ngưng nghỉ chức năng của Trí.

Nhân tài, chân tài, Thiên tài đều là người có tài năng, nhưng mỗi bậc dùng chức năng của Trí rất khác nhau.

Có nghĩa, tuy cùng dùng Trí, nhưng tính linh hoạt của Trí rất dễ nhận.

- Nhân tài: a. dùng Trí nhớ nhiều, Trí quan sát.

(1) Người bình thường không thể điều khiển được những cơ quan và chức năng liên quan đến hệ thần kinh đối giao cảm (hay hệ thần kinh thực vật) nên họ chỉ phối bởi luật Sinh, Diệt và không thể chủ động tiến hóa được.

b. dùng Trí suy nghĩ nhiều, qua Trí nhớ và Trí quan sát.

- Chân tài: dùng Trí suy nghĩ (và cả Trí nhớ, Trí quan sát), nhưng có đức tính và đức độ trong việc làm.

Tài năng phát triển dựa trên Đức nên sự nghiệp vững bền.

- Thiên tài: dùng cả Tâm và Trí mà suy nghĩ. Chức năng suy nghĩ không ngừng hoạt động, nên lúc nào ánh mắt cũng sáng ngời, tỉnh táo.

Việc làm thấu Tình, đạt Lý. Danh được lưu truyền.

- Thánh nhân: dùng Tánh và Trí thông minh, nên trong lòng An, Vui, bên ngoài minh bạch. Hoặc bên ngoài cũng An, Vui, bên trong sáng suốt.

Trí con người là một phương tiện đưa con người vào cứu cánh cao nhất của loài người, đó là sự hằng sống.

Do đó, ưu thế của con người trên các phương tiện khoa học, nhờ vào Trí.

Các phương tiện khoa học, kỹ thuật, công nghệ hiện đại... đều là sản phẩm của Trí khôn. Chúng hoạt động được, nhờ vào Điện năng, sự Sáng “nhân tạo”. Những năng lượng này thiếu khả năng, hay không có khả năng tự tạo lấy năng lượng như Trí con người.

Chức năng nào của Trí cũng có khả năng tạo thêm sự Sáng (thể Sáng) cho Trí. Vì vậy, sự thông minh ngày càng tăng, tức là sự Sáng trong Trí, nhờ sự hoạt động của chức năng, tăng thêm năng lượng.

Thí dụ: Tin học là ngành khoa học mới, phát triển Trí nhớ, Trí suy nghĩ... có khả năng tiên liệu được sự diễn biến của nhiều hiện tượng, biến cố sẽ xảy ra trong thời gian ngắn (1).

Nhưng Trí con người có thể thấy trước được nhiều ngàn năm (như tiên tri về sự diễn tiến của số phận của một dân tộc).

Bộ nhớ của Trí con người có khả năng nhớ khoảng vài ngàn năm đến vạn năm, tùy theo cường độ nhân diện của mỗi cá nhân trong sự ẩn ký.

Chính vì đó mà mầm mống của Đức, Phước, Hòa... tồn tại lâu qua nhiều kiếp.

Còn bộ nhớ của máy, muốn duy trì sự nhớ, phải thay năng lượng.

Sự tồn tại của năng lượng của con người thật phi thường, kỳ diệu, khi con người ở vào một trạng thái khác, tức là trạng thái linh thiêng của cái chết của Nhục thân.

Bộ máy nhân tạo khi hết năng lượng, nó sẽ tự hoại, nhưng con người chết lại

(1) Những hiện tượng hiện rõ bên ngoài bằng Thủy, hay Khí, nhưng bên trong, là sự chuyển động của điện dưới dạng những tần số.

Tiên liệu được sự diễn biến của một biến cố, dựa trên sức chuyển động của một năng lượng, là sự cảm ứng của nhân diện và Điện có trong vũ trụ.

linh thiêng hơn người đang sống. Vì sao?

- Người chết, Nhục thân tan rã. Do đó tâm hồn (Tâm, Trí) không còn sự liên quan đến hai hệ Khí, Huyết, đến ngũ khí của ngũ tạng, đến cảm giác của Nhục thân..., mà chỉ có linh hồn (siêu Tâm, siêu Trí) hoạt động. Nghĩa là, chỉ còn Điện và sự Sáng tồn tại, sinh động, tức là chỉ có sự linh thiêng sinh động.

Cũng vậy, người sống không tâm trạng (Tâm chơn không: Ngũ hành ngưng động), với Thuần Trí (Dương và Âm của sự Sáng sinh động) trong giấc mộng (hay là trong siêu kiến), linh hồn hoạt động trong Điện thân, trong khoảng thời gian đó, bộc lộ ra sự thông minh lạ lùng của siêu Trí và sức mạnh phi thường của Điện thân.

Sự thông minh của Trí được biểu lộ ở mức tỉnh táo, linh hoạt trong khi tỉnh thức. Nó có nhiều mức độ:

- *Đầu óc (Trí) mơ màng*: “quan sát kém”, “không nhớ” hoặc “không nhớ hết”, “suy nghĩ gián đoạn”.

Mẫu người này thuộc hạng ngu muội, hay đang mê đắm, dù họ có tích lũy nhiều kiến thức, nhưng lại không Trí thức và tri thức.

- *Trí tỉnh táo, nhưng không thể dùng hết các chức năng*: quan sát tốt, nhớ khá nhiều, chức năng suy nghĩ hoạt động không bền.

- *Trí tỉnh táo đầy đủ*: quan sát tốt, nhớ nhiều, suy nghĩ được mọi cảm nhận của cảm giác, tình cảm, tư tưởng.

- *Trí hoàn toàn tỉnh táo*: bốn chức năng của Trí không vướng bận sinh hoạt của Thân, Tâm. Chỉ có Trí thông minh hoạt động, liên quan đến sự việc. Ứng dụng không sai lầm: Trí minh mẫn, linh hoạt.

- *Trí luôn luôn và hoàn toàn tỉnh táo (1)*: Trí thông minh “thông Lý”, rõ được sự thật, giải thích, trình bày, thì người nghe tin, và tin tưởng làm theo. Vì những gì họ nghe cũng như đã thấy và hiểu vậy.

Những mức độ tỉnh táo của Trí liên quan đến hiệu quả của những phương tiện và cứu cánh, nhưng làm sao để Trí có thể luôn luôn tỉnh táo?

- Chỉ có một cách là hồi quang, và ở vào trạng thái Vô ngã. Vì nếu đã Vô ngã thì phàm tâm ngưng, sự Sáng của Trí mới linh thiêng và mầu nhiệm. Nhờ đó con người mới cảm ứng được với các sinh linh.

Nhưng làm sao để biết được mức độ linh thiêng và mầu nhiệm trong con người?

- Cứ cảm nghiệm mức độ tỉnh táo của chính mình mới biết được. Thông thường, con người đói hoặc khát, tự mình biết rõ. Người tu luyện, sống Đạo... cũng phải biết lúc nào mình tỉnh táo, và khi nào không tỉnh táo thì đời sống

(1) Đây là một trong những yếu tố để truyền và dạy của chân sư.

Sự thông minh luôn gắn liền với Thiên Lý. Và mọi lời nói ra, luôn chính xác để tiến hóa 3 cõi giới người nghe.

tâm linh mới tiến bộ được.

2. Cấp bậc tiến hóa căn cứ trên phương tiện và cứu cánh

Cấp bậc tiến hóa liên quan đến nhiều vấn đề, điều kiện, sự hiểu biết của mỗi cá nhân, mỗi giới tính, cấu trúc nội tại, bộ phận v.v... như mức độ linh thiêng giữa Nam và Nữ, những bậc tiến hóa giữa con người và sinh linh, cấp bậc tiến hóa căn cứ trên hiệu quả của sự cảm ứng v.v...

a. Sự khác biệt về mức linh thiêng và mẫu nhiệm giữa giới tính

Do mức độ khác biệt này mà mức độ tiến hóa trong đời sống tâm linh có nhanh, có chậm, và về sự tiến bộ trong đời sống tinh thần cũng vậy.

Sự khác biệt về mức linh thiêng và mẫu nhiệm do ở sự phát sinh ra các loại cảm giác, các loại dục cảm.

Bởi vì người Nữ có nhiều bộ phận phát sinh ra dục cảm hơn người Nam. Do đó, người Nữ có nhiều dục cảm hơn người Nam.

Nhưng người Nam, vị dục, thanh dục, thị dục... đa số phát triển hơn Nữ. Vì vậy, đa số những người nấu ăn ngon và giỏi đều thuộc về Nam giới, kể cả các ngành nghệ thuật như: âm nhạc, hội họa, điêu khắc... đa số danh nhân thuộc Nam giới.

So sánh hai loại dục cảm, là nhục dục cảm và vị dục cảm, thì nhục dục cảm nặng nề hơn vị dục cảm.

Dù nặng nhẹ đến đâu, hai loại dục cảm này cũng che đậy, ngăn ngại sự sinh động của sự linh thiêng và mẫu nhiệm. Suy ra, khi Nhục thân còn cảm giác sinh động thì Trí liên quan đến cảm giác đó. Vì vậy, siêu Trí không thể xuất hiện hoạt động được.

Tại sao ta phải tìm cho ra các loại dục cảm đó?

- Người thường coi các loại dục cảm là sự thụ hưởng của sự khoái cảm. Và họ muốn sự thụ hưởng đó được kéo dài mãi, và cho đó là hạnh phúc.

Nhưng đối với người đã nhận rõ được mức thang giá trị của các đời sống thì dục cảm là sự ngăn ngại của sự tiến hóa của một sinh linh.

Sự khác biệt của một sinh linh với con người thường là ở chỗ đó, tức là “một sinh linh muốn tiến hóa đời sống tâm linh phải luôn sống bằng sự linh thiêng và mẫu nhiệm, đồng thời thăng hoa chúng.

Người thường chỉ mong thụ hưởng sự khoái cảm của Nhục thân, vì vậy khó trưởng thành.

Theo nghĩa này, sự trưởng thành không chỉ căn cứ trên sự phát triển của Nhục thân, nhưng dựa trên sự tiến hóa đầy đủ của Tâm và Trí.

Với Tâm, đó là sự can dự của Lương Tâm trong mọi sinh hoạt.

Với Trí, là ứng dụng cái Lý (Thuận Lý, Chơn lý, Đạo lý) trong những sinh hoạt. Hay là, có sự can dự của Lý và Trí trong tư tưởng, tức là có sự khôn ngoan và sáng suốt của Lý và Trí trong tư tưởng.

Đề hiểu sâu hơn về vấn đề này, thử hỏi nhờ đâu con người trưởng thành?

- Quy định sự trưởng thành trên tuổi tác không thể chuẩn xác được (1), mà nên quy định vào sự vận dụng của Lương Tâm. Nghĩa là, khi nào con người biết vận dụng Lương Tâm trong sinh hoạt thì người đó mới trưởng thành.

Vì sao?

- Vì Lương Tâm là một bộ phận mà loài người ai cũng có, cũng là nơi con người phân biệt được sự tốt xấu, đúng sai, phải trái. Nó là nguồn gốc của sự Thuận Lý, Luân lý, Chơn lý và Đạo lý...

Do đâu mà con người làm sai?

- Do ở sự nhìn ra ngoài, mà chẳng nhìn vào trong. Chẳng kể đến trẻ con, người lớn tuổi thuộc về hàng ấu trĩ, là người chỉ sinh hoạt bằng cảm giác, tình cảm riêng rẽ của chính mình, mà không có sự Thuận Lý trong đó.

- Mức độ tiến hóa của con người để được trưởng thành theo sự diễn tiến như sau:

Sai, Trái, Xấu → Đúng → Tốt

+ Nhìn ra ngoài → sinh hoạt bằng cảm giác và tình cảm cá nhân → Sai, Trái, Xấu → thuộc dạng ấu trĩ.

+ Nhìn vào Lương Tâm, Trí tư duy → Hiểu được Thuận Lý → Đúng → thuộc hạng trưởng thành.

+ Sử dụng được Lương Tâm → tìm ra được cái Đẹp, cái Hay trong sự Thuận Lý → Tốt → trưởng thành trong sự Thiện.

b. Cấp bậc tiến hóa căn cứ trên phương tiện

Cấp bậc tiến hóa của con người căn cứ trên phương tiện, cũng là dựa trên sự đặc nhập của sự Sáng của Trí vào các thể linh thiêng trong con người.

Đó cũng là hiệu quả từ sự cảm ứng của những thể linh thiêng trong con người với sự Sáng của Trí.

Thông thường, con người chỉ sống bằng những chức năng riêng rẽ của Thân, hoặc của Tâm, hay của Trí. Do đó, con người và vũ trụ không có sự liên quan mật thiết, mà mỗi liên hệ này cần đến sự hợp nhất giữa con người và vũ trụ.

Hợp nhất: Thể sáng của Trí (sự Biết và Hiểu) hòa nhập vào một trong những thể

(1) Người ta quy định 18 tuổi là tuổi trưởng thành, vậy mà có những người 60, 70, ngay cả đến 80 tuổi vẫn chưa phân biệt được tốt, xấu... và vẫn phạm sự sai trái, xấu xa.

Như vậy, sự quy định phải từ những gì bên trong, mới có thể đúng được.

linh thiêng, hay là, “sự Sáng của Trí hòa nhập vào một hoặc nhiều thể cùng lúc”.

Thí dụ: Trí + sự sinh động của Khí trong Nhục thân.

Sự hợp nhất tạo ra sự cảm ứng.

Sự cảm ứng

Sự cảm ứng của con người và vũ trụ qua sự hợp nhất giữa những thể linh thiêng của hai vũ trụ.

1. Qua Thủy
2. Qua Khí
3. Qua Điện
4. Qua sự Sáng

Hiệu quả của sự cảm ứng

Do sự đặc nhập của Trí vào mỗi thể linh thiêng phát sinh ra các cấp bậc khác nhau, từ thấp lên cao là:

1. Trí + Thủy (Bậc: 1,2): linh cảm được sự sinh động của Thủy trong bầu khí quyển và trong Thủy.
2. Trí + Khí (Bậc: 3, 4): linh cảm được sự sinh động của Khí trên địa cầu.
3. Trí + Điện (Bậc 5, 6): linh cảm được sự sinh động của Điện trong cả 2 vũ trụ (ở con người là “tha tâm không”: liên quan được sự sinh động của Tâm, Trí giữa con người và sinh linh).
4. Trí + sự Sáng của vũ trụ (Bậc 7): linh cảm được sự sống của sự Sáng.
 - a. liên quan giữa con người và vũ trụ: giác ngộ được Nguyên Lý: tự mình tiến hóa.
 - b. liên quan đến Đấng tạo hóa và con người: con người được mạc khải, có nhiệm vụ giúp cho sinh linh tiến hóa.

Những bậc tiến hóa giữa con người và sinh linh

Con người, ai cũng giống nhau về thành phần cấu tạo ra Thân, Tâm, Trí. Nhưng do khác nhau về mức tiến hóa của những bộ phận đó nên sinh ra sự khác biệt về khả năng, tài năng, về cách sống mà có sự Lành, Dữ.

Với các sinh linh ở thế giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên cũng vậy, do mức tiến hóa mà có sự khác biệt.

Sự toàn thiện, thuận với Thiên Lý, Thiên Cơ. Sự Dữ, làm rối loạn Thiên Cơ, Thiên Năng đảo lộn. Do đó xảy ra Thiên tai.

Thiên tai xảy ra do Thiên Lý “chính thuận” lại Thiên Cơ.

Trong vũ trụ, có nhiều bậc tiến hóa, như giữa con người và sinh linh, và giữa con người với con người, như trẻ con, Lực của chúng không bằng người lớn. Với Trí năng, thì học vị, định vị sự tiến bộ, tiến hóa của Trí khôn qua các bằng cấp.

Sơ đồ của sự chuyển hóa của con người:

Lực	Số thể linh thiêng	Lành	Dữ	Thế giới	Bậc loại tiền hóa
Huyền năng	1	- Thánh thiên thần -Đại thiên tiên -Đại thánh	Quý vương Thần quý	Siêu siêu nhiên	7
Huyền lực	2	-Thiên tiên - Thánh	Quý	Siêu nhiên	5,6
Thần lực	3	Địa tiên ----- Ma	----- Ma	Siêu hình trong bầu khí quyển	3,4 ----- 1,2
Tinh lực	4	Con người	Con người	Tự nhiên	0

Theo thành phần của những thể linh thiêng hình thành con người và sinh linh thì :

- Ma mạnh hơn người
- Quý và địa tiên mạnh hơn ma
- Thần quý mạnh hơn quý, ma

Cho nên, cùng một bậc, muốn có ưu thế phải cần sự trợ giúp của một bậc Lành cao hơn, mới trục, đuổi được sự ám của ma, quý dữ...

Tóm lại:

Sự chuyển hóa của con người do tu luyện hay sống Đạo có thể tiến hóa lên đến bậc 7 ngay trong đời sống. Nhưng nếu không giữ được, năng lượng, năng lực, sẽ giảm đi, như sức khỏe con người có lúc mạnh, khi thì yếu đau..., tất cả đều do nơi mình.

Mức tiến hóa này tạo nên sự vĩ đại của con người ngay trong bản thân của mình mà không cần đến sự so sánh bên ngoài của từng xã hội, do con người đặt ra để phân biệt.

Duy trì sự vĩ đại trong mức tiến hóa tốt cùng đòi hỏi, trước hết, một “ý chí không thể lay chuyển được”, để đạt đến mục đích, đến cứu cánh.

Tiếp theo, người có ý chí khác với người bình thường do sự sáng tạo của siêu Trí và Tuệ.

Siêu Trí hoạt động nhiều thì tính chất siêu nhiên, cũng theo đó, tăng lên nhiều. Nhờ vào sự sinh động của tính chất siêu nhiên mà đời sống của một vĩ

nhân, đạo nhân trở nên linh thiêng và mầu nhiệm.

Hiệu quả của ý chí là sự cam đảm. Và khi nào “ý chí không thể lay chuyển được” kéo dài được đến đâu, đến thời gian nào, thì sự cam đảm tăng lên đến đó.

Sự tiến hóa dựa trên ý chí cũng là sự diễn tiến trên những phương tiện hữu hình, siêu hình và vô hình, để con người tiến vào những thế giới khác, ngay trong bản thân của mình, và luôn cả bên ngoài nữa.

Khi sự sáng suốt của Trí nhìn thấy được chính mình, tức là thấy được sự sinh động thuần túy của Thân, Tâm, Trí..., hay là hồi quang (nhìn vào trong) cho đến khi bản ngã tan biến đi, thì lúc tỉnh thức, linh cảm sẽ xảy ra, khi ngủ, các loại thân khác hoạt động, thị kiến, siêu kiến sẽ xảy ra trong giấc mộng.

Trong mộng, trong thị kiến, sẽ có sự quan sát, suy nghĩ bằng Khí thân, hoặc Điện thân và siêu Trí hoạt động, tức là Khí thân, hay Điện thân đang sinh hoạt trong cảnh siêu nhiên.

Hiện tượng thấy được chính mình trong cảnh siêu nhiên, chứng tỏ, có sự tách ra của một loại thân ra khỏi Nhục thân (phân thân tự động do sự quan sát của “Trí quan sát” lúc con người tỉnh thức. Tính cách quan sát này kéo dài ra cho đến khi con người ngủ, thì trong mộng, thị kiến, siêu kiến sẽ xảy ra).

Ngoài giấc mơ (với sự kiện không thật), thì mộng, siêu kiến... là hiệu quả của trạng thái sinh lý, tâm lý, tinh thần hay tâm linh sinh động trong khi con người đang tỉnh thức.

Chúng luôn liên quan đến mỗi loại thân, đến mức tiến hóa của mỗi loại thân trong cõi siêu nhiên và siêu siêu nhiên qua sự tiếp xúc của mỗi loại thân trong thế giới tương quan. Như Điện thân thấy cảnh trong thế giới siêu nhiên qua sự tiếp xúc của các trực giác quan (ngửi, nghe, thấy bằng tần số của nhân điện).

Mức độ này không tiến hóa bằng Điện thân thấy cảnh và có cả sự suy luận, lý luận của siêu Trí trong cảnh đó.

Mức tiến hóa cao hơn của con người là linh giác quan, với sự thấy toàn diện của 360°, Tuệ giác ngộ, lúc này con người không còn mơ mộng nữa.

Vậy mơ, mộng, siêu kiến là gì?

- Chúng là những phương tiện để Trí con người tiến vào cõi giới siêu nhiên để học hỏi, tiến hóa.

Nhưng chúng có dùng được theo ý muốn không?

- Đã là phương tiện, tất nhiên dùng được. Chỉ cần quan sát bên trong, làm cho bản ngã tan biến đi, hay là “chơn không hóa” tâm trạng, ngay lúc đó, đã hóa thân vào rồi.

Các loại thân này sinh động bên trong Nhục thân rồi. Vì vậy, khi ngủ, Nhục thân ngưng hoạt động, một trong những loại thân nhẹ toát ra và hoạt động.

c. Sinh hoạt và Vận tương quan

Sinh hoạt của cá nhân ở loại nào, con người theo Vận tương quan mà sinh hóa và chuyển hóa.

Sinh hoạt là cảm giác (dục cảm, nhục cảm) thì sinh hoạt liên quan đến Thủy (Huyết), Khí, theo “Vận tự nhiên” mà chịu ảnh hưởng.

Nó thuộc về Phước hay Họa, và theo đó mà sinh hóa.

Sinh hoạt là tình cảm thì sinh hoạt thuộc về Khí (trong đó tiềm ẩn sinh động Điện và sự Sáng). Nó theo Vận tự nhiên mà chịu ảnh hưởng.

Sinh hoạt thuộc thể nào thì Thân thuộc thể đó. Vì vậy, tình cảm là sinh hoạt của Khí thân. Cho nên, khi Nhục thân ngưng động (ngủ, hay chết) thì Khí thân nhập vào thể giới tự nhiên của Khí, mà tiếp tục sinh động.

Nếu Nhục thân chết thì Khí thân toát ra, (mang hình dáng của Nhục thân) tiếp tục sinh động trong thể giới của Khí.

Nếu ngủ, mọi chấn động của Khí không còn nữa, thì trong mộng, Khí thân hoạt động. Nếu bay bổng lên cao, là “Khí thân Dương”, trên mặt đất, trên cây cỏ, là “Khí thân Âm”.

Nếu có cảm giác và tình cảm xuất hiện trong giấc mơ, đó là Thủy thân Dương, nếu xuống nước là Thủy thân Âm.

Sinh hoạt bằng đức tính: là sinh hoạt bằng tư tưởng liên quan đến cảm giác, tình cảm..., sinh hoạt đó thuộc về Vận siêu nhiên, thuộc về Điện thân.

Sinh hoạt bằng đạo tính: là sinh hoạt bằng tư tưởng của chơn Ngã, xuất nguồn từ Tuệ. Sinh hoạt thuộc Vận siêu nhiên, thuộc về Quang thân.

Sinh hoạt ở cõi giới nào thì sinh hoạt thuộc về thể giới tương quan đó.

Thí dụ: tư tưởng liên quan đến cảm giác trong lời cầu nguyện thì lời cầu nguyện không có hiệu quả. Vì nó không qua được thể giới khác.

Thí dụ khác: Điện thân chỉ có Điện (và sự Sáng) sinh động, vì vậy tư tưởng châu biến được trong thể giới siêu nhiên.

Ở trạng thái này, Nhục thân tuy có cũng như không. Hay là, Nhục thân có cũng như chết.

VẬN

“Vận” theo nghĩa chung, là sự chuyển dịch trong đó sự chuyển động của 4 thể linh thiêng liên quan đến 3 thể giới của cả hai vũ trụ.

Sự chuyển động chứa đựng Thiên Ân là Phước, Đức, Đạo... đưa đến cho con người theo sự sinh hoạt của mỗi cá nhân, tức là, theo Vận riêng của mỗi cá nhân, mà Thiên Ân xây đến dưới dạng Phước, Họa; Đức, Ác đức; Đạo, Ác Đạo...

Dưới hiệu quả của Thiên Ân, “Vận” có ưu thế hơn cả tài năng. Tức là, sự may mắn vẫn có ưu thế hơn tài trí con người.

- Sự may mắn (hay là cơ hội) dễ làm cho con người trở nên tự tin, kiêu căng, tự tôn, tự đại... và dễ thoái hóa đời sống tinh thần và tâm linh.

Do đó, “*Phước*” dễ làm hư con người.

Họa (1) là điều chẳng ai muốn xảy ra cho mình. Nhưng nó có tác dụng làm cho mình thấy lại con người thật của mình, thấy lại Lương Tâm và Trí của mình, hiểu rõ tài năng của mình bất lực trước vận số, vận mạng.

Nếu người nào thấy rõ được cái Lý, hiệu quả của Họa, thì người đó sẽ tiến hóa đời sống tinh thần và tâm linh.

Xét kỹ lại ở quan niệm nhân sinh:

- Phước là Thương.

- Họa là Phạt.

Đối với Thiên Ân trong sự tiến hóa các sinh linh và con người thì sự Thương và Phạt là hai mặt của Tình thương.

1. Vận có ưu thế hơn tài năng

Vận là cơ hội, là sự may mắn.

Bình thường, người tài vẫn có ưu thế để thành tựu sự nghiệp hơn người ngu, dốt. Ngược lại, nếu có cơ hội, may mắn (gặp Vận), người ngu dốt vẫn có ưu thế hơn người có tài năng mà thiếu Vận may.

(1)Họa: những gì xảy ra trái với ý muốn, sở thích, hy vọng của chính mình. Nó gồm nhiều dạng:

a. Đối với Thân: đau yếu, đau nhức trong thân thể, tai nạn, hao tán tài sản...

b. Đối với Tâm, Trí: những gì gây ra phiền não, trở ngại.

Mọi việc xảy ra đều có tác dụng trừng phạt. Nhưng nếu hiểu được tác dụng của sự trừng phạt là sự cảnh tỉnh, thì Họa là một bước tiến hóa...

Không phải có tài trí mà trúng số độc đắc, bán được nhà đất với giá cao. Cho nên, người ít học vẫn có thể trở thành tỷ phú trong thời gian rất ngắn, mà suốt đời người tài không thể thực hiện được.

Gặp Vận, người ít học vẫn làm chủ, làm thầy kẻ trí...

Kẻ ngu dốt mà gặp Vận may, đó là Vận của thời loạn (loạn tâm hồn).

Kẻ ngu dốt mà được Thường (được Phước), đó là sự trừng phạt (Họa) đối với kẻ Trí (1).

2. Phước và Họa

Cả hai đều có hiệu quả tốt và không tốt của nó.

Hiệu quả tốt:

Phước: trong đó có cơ hội để tiến hóa Trí, theo chiều hướng tự nhiên.

Sự tiến hóa này rất chậm.

Họa: cơ hội để tiến hóa Lương Tâm theo chiều hướng siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Sự tiến hóa này rất nhanh, vì con người giác ngộ được sự Thuận Lý trong Lương Tâm.

3. Thời gian xảy ra Phước, Họa và thời hạn của nó

Phước, Họa xảy ra rất nhanh, và không kéo dài.

Thời hạn của nó thuộc về Khí số (theo sự sinh hóa và chuyển hóa của nó). Nó kéo dài trong vài chục năm, cho nên người đời dễ thấy.

Đức: thời gian để thực hiện Đức rất lâu. Vì vậy mà thời hạn của nó kéo dài được nhiều đời (2). Đối với Đức là Ác đức.

Trong thời kỳ này, khi Phước đang xuất hiện thì không thấy được Đức.

“Đức” được biểu lộ khi “Họa” xuất hiện, tức là khi “loạn”, khổ sở, thiếu thốn, đói, khát..., mới rõ được Đức. Và khi quá “động loạn tâm hồn” trong thiên hạ mới rõ được Đạo.

Như gia đình, gặp khó khăn, thiếu thốn, mới thấy được con cái có Hiếu với cha mẹ, rõ được lòng Thảo đối với anh chị em.

Nước có loạn (3), mới rõ được lòng Trung, Nghĩa.

(1) Trong thời loạn về tâm hồn (Tâm, Trí), “Phước chẳng đến với kẻ Trí”.

Người nào hiểu rõ về điều này, đem Tâm, Trí mà tu luyện..., sẽ được tiến hóa nhanh trong đời sống tinh thần và tâm linh.

(2) Trẻ sơ sinh đã hưởng được Phước, nhưng có những trẻ lại bị tật nguyên bẩm sinh.

Mọi hiện tượng xảy ra ở hiện tại, đều có nguyên nhân từ quá khứ, liên quan đến Đức, Ác đức.

(3) Xin xem ở cuối trang 504.

4. Phước, Họa không phải là những từ trừu tượng, nó là một thực tế liên quan đến những hiện tượng vật lý và sinh lý

Những hiện tượng vật lý, là những thể linh thiêng sinh động ở những vị trí thuộc Thân, Tâm, Trí, mà sinh hóa ra Phước, hay Họa.

Về sinh lý, nó liên quan đến tính khí, tư tưởng, tình cảm.

Phước: sự Sáng, Điện, Khí, máu đỏ (phần trên của Thân).

Họa: sự Sáng, Điện, Khí, máu đen (phần dưới của Thân).

PHƯỚC

Bộ phận →	Trí	Tâm	Thân
Vị trí	Não	Đầu	Phổi, Tim
Thể	sự Sáng	Điện	Khí, Huyết
Tính	Đạo tính	Đức tính	Vui, Mừng

HỌA

Bộ phận →	Trí	Tâm	Thân
Vị trí	Não	Đầu	Gan, Thận, Tỳ
Thể	sự Sáng	Điện	Khí, Huyết
Tính	Ác Đạo	Ác đức	Giận, Lo, Sợ

Phước, Đức, Đạo, bên ngoài ít người nhận ra, nhưng Họa thì đa số đều thấy được.

Bên ngoài, ngũ khí động loạn là Thiên tai. Ngũ tạng khí trong Thân, động loạn, sinh ra Tật ách.

Nếu Điện trong vũ trụ động loạn, cuộc biến thiên sẽ xảy ra.

Ngũ khí bên ngoài động loạn, có thể do một hoặc nhiều “hành”, như có lúc mưa vừa, nhưng cũng có khi vừa mưa, vừa gió mạnh.

Tâm trạng con người cũng vậy, có lúc một tình cảm, cũng có khi nhiều loại tình cảm cùng dao động.

(3)Nước có Loạn, là cơ hội để con người phát huy được đức tính.

Thời loạn, người thành “Thần” rất nhiều.

Nước có quá “sự động loạn của tâm hồn”, con người phát huy được Đạo tính.

Thời “động loạn tâm hồn”, người thành “Thánh” nhiều, vì đã nhận ra sự tương đối của con người.

“An được Tâm” thì không còn bị tật ách do bên trong gây ra, cũng không bị ảnh hưởng do bên ngoài đưa vào.

Nhưng “Tâm an” là một trạng thái khó đạt.

5. Sự tương quan trong Phước, Họa

Phước, Họa không bao giờ cùng lúc xảy ra. Sự tương quan này có tính cách đối chiếu.

Phước đến Họa lui. Họa xảy ra Phước biến.

Hay là:

Họa của một loại này mà tăng thì Phước trong sự tương quan đối chiếu với Họa đó giảm đi.

6. Hóa giải Họa bằng Phước

Biết được nguồn gốc sinh hóa ra Phước, Họa ngay trong bản thân mình, hóa giải được Họa là làm tan biến đi sự đau khổ và phiền não của mình và của tha nhân, bằng cách luôn sống bằng tinh tâm vui, mừng, và tạo cho người khác sự vui, mừng.

Gốc của Phước, của hạnh phúc và sự thanh thoát của tâm hồn ở hai loại tình cảm này.

Phước, Họa, Đức, Ác Đức, Đạo, Ác Đạo... là những sinh động vô hình bên trong con người, nhưng tất cả đều biểu lộ ra bên ngoài qua sắc diện, và Thần ở con mắt (trông trắng, trông đen và con ngươi); với tâm trạng và tư tưởng trong âm thanh của giọng nói.

Nhận rõ được sự đau khổ của Tâm, sự thống trí... do Họa gây ra, Đức nhân, Đạo nhân mới hóa giải được Họa cho người khác.

7. Hiệu quả của việc làm từ Phước, Đức, Đạo

Việc làm do Nhục thân thể hiện, nhưng được chủ động điều khiển từ những bộ phận vô hình bên trong mà sinh ra hiệu quả.

Hiệu quả của việc làm có thể do: Tâm, Lương Tâm, Trí, Tâm, Trí, hoặc do Lương Tâm và Trí... Nó có thể là Phước, Đức, Đạo, cũng có thể do khả năng, tài năng hay do thiên tài năng.

Do Phước: do lòng muốn làm việc Thiện (lúc có, lúc không việc để làm), hiệu quả: Thiện, nhưng việc làm có thể không thường xuyên.

Do Đức: do tình thương lúc nào cũng có trong lòng. Hiệu quả của Đức Bi là Thiện. Sự sinh động, hay việc làm này thường xuyên và vô hình, có làm mà

như không có làm, nên gọi là vô vi.

Cho nên nói: “Đức là vô vi, Phước thuộc hữu vi”.

Do Đạo: do sự sinh động vô tận của Tình thương có trong Trí bằng sự Sáng. Hiệu quả của Đạo Bi là sự toàn thiện trong 3 thể giới và 3 cõi giới (Thân, Tâm, Trí... có Phước ở Thân; Đức ở Tâm; Đạo ở Trí).

- Hiệu quả của việc làm của Tâm có thể là Thiện, hoặc Ác, Độc, Dữ.

- Hiệu quả của việc làm của Lương Tâm bao giờ cũng Thiện, và nó khơi động được Lương Tâm của tha nhân.

- Hiệu quả của việc làm của Thuần Trí, có thể là khả năng, tài năng, hay là “tài năng phi thường”... mang tính cách kỹ thuật, kỹ thuật cao v.v...

a. Nguồn gốc của Đức tính sinh ra Phước

Tình thương là nguồn gốc của mọi đức tính. Và đức tính sinh ra Phước.

Nhưng tình thương ở Lương Tâm sinh hóa ra chơn đức tính. Và nó tạo ra chơn Phước.

Sự châu biến của tình thương ở Lương Tâm là Đức Bi; nó lan tỏa ra đến đâu thì Phước của người đó cũng lan tỏa đến đó.

Nếu Tình thương ở Chơn Trí (Đạo Bi) lan tỏa ra đến đâu thì Đức, Phước cũng tỏa đến đó, và ảnh hưởng.

Hay là, bản thể của Đạo Bi là sự Sáng. Sự Sáng lan tỏa đến đâu, nó mang theo Đức, Phước tỏa ra đến đó.

Nhờ vào sự châu biến này, các sinh linh cảm nhận được công đức sinh động trong tầm cỡ châu biến đó.

Đây là mẫu nhiệm trong sự sinh hóa, cũng là mẫu nhiệm của Tình thương trong sự sinh hóa. Hiệu quả này đúng với Vận của vũ trụ.

b. Bản thể, bản tính của Đức Bi

Đức Bi trong Lương Tâm con người là sự rung động hoàn toàn bằng nhân điện, không có sự chuyên động của Khí.

Sự sinh động của nhân điện mới sinh hóa ra Thanh Khí (đồng bản chất, bản tính và tính năng của Khí trong bầu khí quyển).

Thanh Khí là nguyên tố sinh hóa ra Phước tính tiềm ẩn trong tạo vật hữu hình.

Vì vậy, Đức Bi làm cho người thực hành, hoặc sống bằng Đức Bi có đầy đủ những gì mà Nhục thân cần có.

Nhưng cái cao quý của Đức Bi là sự mẫu nhiệm của đức tính. Sự rung động của nhân điện lan tỏa và ảnh hưởng đến những lực siêu nhiên, và sinh linh trong thể giới đó.

c. Tính vĩ đại trong hoạt động tích cực của đức tính

Đức tính trội vượt trên tình cảm cá nhân. Nó được tôn trọng và được kính trọng ở sự thể hiện việc làm có công ích, trong sự phát triển kiến thức.

Sinh hoạt của đức tính ở đầu, não, không có tình cảm sinh động, nên Nhục thân không có trực khí, lúc nào thanh khí cũng chuyển động.

Vì bản thể của đức tính là nhân điện nên Nhục thân không mệt mỏi. Do đó, sinh hoạt lúc nào cũng tích cực.

Sống bằng đầu não, con người đã siêu thoát khi đức tính hoạt động với siêu Tâm, siêu Trí.

Đối với đời sống tinh thần, đức tính rất cao quý, nhưng nó là sự sinh động của những thể linh thiêng (Điện, sự Sáng). Vì vậy, đức tính là sự sinh động linh thiêng.

Chơn đức tính này xuất nguồn từ Lương Tâm (liên quan với Thiên Tuệ, Thiên Tánh) cho nên nó trội vượt trên tình cảm cá nhân.

Sự vĩ đại của con người ở chỗ thâm sâu và vô hình, trong Tình thương, được Trí thông minh thể hiện ra bên ngoài.

Sinh linh và con người có tình thương. Nhưng tình thương có sự hy sinh, tha thứ, bao dung, khiêm tốn, nhẫn nhịn..., tình thương đó mới là Đức yêu thương.

Con người có Đức yêu thương thì có nhiều đức tính khác nảy nở tùy theo môi trường, hoàn cảnh... mà Đức yêu thương giao tiếp.

Từ sự vĩ đại của Đức yêu thương mà con người mới làm nên những việc vĩ đại.

Sự vĩ đại của Đức yêu thương làm tan biến bản ngã nhỏ bé của cá nhân.

Sự vĩ đại của Đạo yêu thương (Đạo Bi) chỉ những sinh linh siêu nhiên và siêu siêu nhiên mới thấy được.

Bản ngã tan biến, cuộc sống chỉ còn lại sự sinh động của Đức yêu thương, hay Đạo yêu thương.

Do bản ngã không còn, Đức yêu thương có tính bình đẳng. Tại sao vậy?

- Đức Bi là tình thương của nhân loại sinh động trong cá nhân dành cho mọi người. Nó là một loại nhân tình (tình cảm của nhân loại) mà mỗi người đều có. Nhưng do tình cảm cá nhân che đậy mỗi chân tình này.

Chân tình này, ai cũng có giống nhau, chẳng phải người lớn tuổi mới có, người trẻ lại không, hay ngược lại.

Cũng chẳng phải, người có địa vị cao sang trong xã hội có, mà người nghèo, người khổ, không địa vị, vô danh lại mất đi tình thương.

Ai cũng có Đức Bi, có nhân tình, thì tình thương này có tính cách bình đẳng. Chính ở sự bình đẳng của Tình thương, nó không có giai cấp, và vượt qua sự bình thường của người khác do sự phong phú sung mãn của Tình thương.

Sự sung mãn của Tình thương làm thay đổi cả một cuộc sống, từ sự bình thường sang sự linh thiêng, nhưng con người khó nhận ra.

Nó thuộc sự sinh động của một nội lực. Ngoại lực thì kỳ diệu, nhưng nội lực thì thể hiện được sự mầu nhiệm, sự linh thiêng này xuất nguồn từ bên trong nội lực.

Năng lực này lan tỏa ra ngoài Nhục thân, và ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Năng lực lành mạnh nhất của Tâm là Đức Bi.

Năng lực lành mạnh nhất của Trí là Đạo Bi.

Những năng lực lành mạnh hóa giải được Họa.

Như, Đức Bi hay là Tình thương sinh động, sự sinh động này tỏa ra, hóa giải được Họa xung quanh, trong người, hóa giải được bệnh tật.

Thực tế, người có lòng nhân, Đức Bi mới xoa dịu được nỗi đau khổ của tâm hồn, và sự đau đớn của thân thể của tha nhân. Họ mới có thể trở thành những triết gia chân chính, các lương y...

Người có Đạo Bi mới cứu, và xoa dịu được linh hồn của tha nhân. Và họ có thể trở thành Đạo nhân, Đạo sĩ, Thánh nhân v.v...

Chưa nói đến sự tích cực toàn diện của Đức Bi hay Đạo Bi bao gồm nhiều đức tính, mỗi đức tính có một kết quả, mà kết quả đó cũng đủ tạo nên sự thành công trong cuộc đời.

Trong đường Đạo, hay trong đời sống tâm linh, đức tính tạo nên công đức khi được ứng dụng vào Đời. Và nhờ ở đức tính, con người mới có thể sống và đắc Đạo được.

“Nó là sự thành công của việc Đời và Đạo vậy”.

Nhưng sự thành công toàn diện nhờ vào sự gì?

- Sự thành công toàn diện và lâu dài, nhờ vào đức tính cơ bản là lòng yêu thương tha nhân và tạo vật. Hay là, “Tình thương đưa đến sự thành công toàn diện và lâu dài”.

Ngược lại với Tình thương là sự Độc, Ác, Hung, Dữ được bộc lộ trong những sinh vật không có Đạo lý, không có Trí suy nghĩ...

Đạo lý luôn dạy con người bỏ, xóa đi thú tính bằng cách đưa Tình thương vào, nhưng chủ đích là muốn con người sống bằng Thiên Ân đó trong ba đời sống (vật chất, tinh thần và tâm linh).

Thiên Ân này là một di sản, con người phải biết gìn giữ, thăng hoa nó để truyền nối.

Đa số con người chỉ chú tâm tạo nên di sản vật chất và tinh thần, còn di sản tâm linh rất ít người quan tâm, và hướng dẫn tha nhân thấy rõ được di sản tâm linh và gìn giữ nó.

NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT

Đời sống con người có vô số những điều cần biết để tiến hóa. Những điều này xuất nguồn từ việc làm của Tạo hóa và con người với những sinh động, chuyển động không ngừng trong những hiện tượng, bộ phận hữu hình, siêu hình và vô hình trong cả hai vũ trụ.

Nhưng làm sao phân biệt được việc làm của Tạo hóa và con người?

- *Những gì sinh hóa, được tác tạo từ một “Vận không ngưng nghỉ”, đó là việc làm của Tạo hóa. Dù từ trong một Vận không ngưng nghỉ, nhưng mọi sinh tạo, tạo vật không giống nhau.*

Còn việc con người làm có ngưng, nghỉ, có khuôn mẫu.

Cùng một khuôn mẫu, nên vật được tác tạo giống nhau. Nó không có một “Vận vĩnh cửu”.

Tóm lại:

Những gì được sinh hóa từ một “Vận vĩnh cửu” đều thuộc về sự sáng tạo của Tạo hóa.

Từ Thiên Lý, có Thiên Cơ, Thiên Năng.

Thiên Cơ hoạt động tạo thành Vận vĩnh cửu. Thiên Năng tăng, giảm, sinh hóa ra vạn vật trong “Vận vĩnh cửu”, nên sự sinh hóa, chuyển hóa tồn tại. Sinh hóa, chuyển hóa tồn tại, vì vậy mà vạn vật tiến hóa không ngừng.

Trí khôn con người thuộc về sự sáng tạo của Tạo hóa. Nếu không phải, làm sao nó có thể sinh hóa ra vô tận tư tưởng mà chẳng cần đến một khuôn, mẫu nào hết.

Nó có sức tiến hóa không ngừng, “nhờ vào chức năng sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ”

Đối với sự tiến hóa không ngừng, Trí khôn con người vừa là phương tiện, cũng là cứu cánh, nhưng rất ít người ý thức được, nên ngày nay, đa số dừng lại để thụ hưởng những kỳ diệu của khoa học.

- Từ năm giác quan, con người Cảm nhận được “Sắc, Thanh, Hương, Vị, Cảm xúc” cùng với sự phức hợp tự nhiên, và nhân tạo được đổi mới không ngừng.

Những ai nhận ra được điều này, đời sống của họ luôn linh hoạt. Ngược lại, nếu chỉ lo cho nhu cầu của Nhục thân thì thời gian sẽ trôi nhanh trong sự nhàm chán.

Nhờ vào 5 giác quan, con người có Trí khôn. Với sự sáng tạo của Trí khôn, ngày nay, nhiều phát minh trong khoa học, kỹ thuật, nghệ thuật... làm tăng rất nhiều mức kỳ diệu cho đời sống. Sức lôi cuốn của sự kỳ diệu trong sự sáng tạo mê hoặc được Trí khôn của người bình thường. Và họ tận hưởng, hoặc học hỏi, sử dụng những phương tiện đó một cách thích thú.

Người ta đánh giá cao sự kỳ diệu của khoa học hiện đại, đặt niềm tin vào tính cách tối ưu của nó. Khi ta chỉ hướng vào một mục tiêu nhất định thì các chức năng của Trí bị giới hạn trong lãnh vực đó.

Đối với Trí khôn được tạo nên từ sự cảm nhận của 5 giác quan, con người bị giới hạn trong thế giới tự nhiên, không thể đưa Trí khôn vào sự hiểu biết rộng lớn của thế giới siêu nhiên, hay mức toàn diện của 3 thế giới tự nhiên, siêu nhiên và siêu siêu nhiên, tức là cả vũ trụ vậy.

Thật ra, điều này do chính con người, không thể nhận ra, hoặc chưa nhận ra được thực thể và thực thể của Trí, tức là chưa nhận ra được khả năng và chức năng của Trí quá chậm, so với những gì siêu Trí và Tuệ có.

Nhìn vào trong, ta cảm nghiệm được tốc độ suy nghĩ của một vấn đề, để hiểu được rất chậm và rất lâu, so với tốc độ suy nghĩ thật nhanh của siêu Trí trong một siêu kiến của giấc mộng.

Đến mức này, người ta nhận ra bộ phận quan trọng để tiến hóa con người là Trí.

- Trí nhớ con người là một chức năng, nhưng khả năng nhớ lâu, nhớ rõ là sự tiến hóa của chức năng đó.

Nhờ đâu mà khả năng nhớ lâu, và nhớ rõ có được, nếu khả năng này không phải là một Lực có cường độ mạnh thì làm sao những gì được đưa vào bộ nhớ có thể lưu lại lâu trong đó.

Như vậy, *sự tiến hóa trong con người do ở một thể chất có Lực, và do ở sự gia tăng về cường độ của nó.*

Từ đó, ta có thể nhận ra, trong sinh hoạt của một người bộc lộ được năng lực và cường độ của năng lực đó. Và đó là người tiến hóa.

Như một người có khả năng nhớ rất lâu và rõ, khả năng này cho thấy người này rất tiến hóa.

Dựa vào đâu để ta thấy rõ được mức tiến hóa của một cá nhân?

- Trí là một bộ phận quan trọng hoạt động bằng thể Sáng (sự Sáng), nhưng cường độ của năng lực này không giống nhau ở mỗi chức năng của Trí.

Cường độ năng lực của sự Sáng từ thấp đến cao:

Trí quan sát đến Trí nhớ, và cuối cùng là Trí suy nghĩ.

Cường độ năng lực của sự Sáng của Trí càng cao thì thời gian suy nghĩ được lâu và Hiệu nhanh.

Mức tiến hóa của một cá nhân dựa trên năng lực của Trí, mà chức năng biểu lộ mức tiến hóa cao nhất là ở Trí suy nghĩ.

Con người trên địa cầu hấp thu năng lượng quanh địa cầu để phát triển sự Sáng (sự Sáng của Trí). Sau đó, sự Sáng được tăng trưởng bằng nhiều cách, nhiều phương pháp... để sự Sáng thành năng lực của vũ trụ (sự Sáng của Tuệ).

Sự Sáng phát triển từ con người trên địa cầu qua phương tiện là các giác quan để tạo nên Trí. Và Trí năng này tăng lên, để hòa nhập vào năng lượng của vũ trụ.

Chỉ có sự Sáng của Trí mới có khả năng trở thành năng lực của vũ trụ.

Nhưng nếu con người không nhận ra sự Sáng vừa là phương tiện, vừa là cứu cánh để con người có thể hằng sống thì nó chỉ là một trong bốn thể linh thiêng sinh động bao gồm năng lực của Trời và Đất mà thôi.

Trong cơ thể con người có 4 thể linh thiêng sinh động. Người ta nuôi dưỡng phát triển thể nào thì thể đó tăng trưởng và tạo nên một số hiệu quả.

Hai thể Thủy, Khí (trong cơ thể là Huyết, Khí) sinh động quanh địa cầu. Còn Điện và sự Sáng sinh động trong cả vũ trụ.

Từ sự phát triển 4 thể linh thiêng, phát sinh ra rất nhiều phương pháp. (Những phương pháp phát triển những năng lực thuộc địa cầu, hay vũ trụ, liên quan đến những bộ phận hữu hình hay vô hình như Tâm, Trí, Tuệ v.v...)

Nhờ ở hiệu quả của các phương pháp, con người thật sự cảm nghiệm thấy Tâm, Trí mình lớn hơn địa cầu, và Tuệ rộng lớn như vũ trụ vậy.

Sự cảm nghiệm này như thế nào?

- Các hành tinh, địa cầu to lớn, nhưng vô tri, vô giác, chẳng có tâm hồn, mà linh hồn cũng không. Nhưng nhờ nó, mà Nhục thân con người được địa cầu nuôi sống.

Cho đến khi, con người nhờ Tu luyện, Hiểu và sống bằng Đạo lý, trở thành tiêu vũ trụ, thì con người lại lớn hơn địa cầu, nhờ ở Tâm, Trí.

Tâm, Trí con người vô hình, nhưng lớn hơn địa cầu. Tuệ lớn như vũ trụ, khi sự Sáng của nó tỏa ra.

Tuy vậy, Tâm, Trí không phải lúc nào cũng lớn hơn địa cầu, có lúc nó nhỏ hẹp, hoặc vô lượng, vô biên.

- Tâm, Trí nhỏ hẹp khi Tâm có tâm trạng. Trí có tư tưởng liên quan đến tâm trạng, đến bản ngã.

- Tâm, Trí vô biên, vô lượng, khi Tâm không có tâm trạng (Tâm hư vô, hay chơn không) và Trí không có tư tưởng liên quan đến bản ngã, mà chỉ có toàn là “Lý vô hình” của vũ trụ (1) sinh động mà thôi.

Tâm vô biên, vô lượng, cũng là “trạng thái Hư vô của Tâm”. “Trạng thái Hư vô của Tâm” là “cõi trường sinh vô tận”.

- Thân xác già nua hay trẻ đều do trạng thái của Tâm:

Phàm tâm: tâm trạng động, hình ảnh vương vào không gian, thời gian của địa cầu, của cõi trần. Gương mặt in thời gian, in tâm trạng, nên Nhục thân là sự sống. Do đó mà thân xác già nua.

(1) Đạo nhân thực hành:

Suốt ngày đêm, chỉ nhìn vào cái Tâm, Trí vô biên, vô lượng mà làm tan biến bản ngã đi.

Tức là, cái nhỏ hẹp của bản ngã mà tan biến đi thì cái vô biên, vô lượng của sự Sáng của Trí mới xuất hiện, và tự động sinh động cho đến khi cường độ của nó cao hơn năng lượng của vũ trụ, và bức xạ thành năng lượng, tự tạo lấy năng lượng cho nó.

chơn Tâm: vô tâm trạng, vô thời gian, vô không gian. Đây chính là cõi Hư vô. Cõi này cảm ứng với vũ trụ, hay nó là vũ trụ vậy.

“Nó không có tuổi tác của trần thế”. Sống bằng cõi đó, thân xác trẻ mãi.

Tóm lại:

Muốn vào cõi trường sinh vô tận, “nhất nhất” đều từ trạng thái Hư vô của Tâm.

Tâm mà được Hư vô mãi mãi, là con đường để vào sự hằng sống của vũ trụ.

(Tâm Hư vô là Tâm vô tâm trạng, Thân vô cảm giác, lúc đó chỉ còn lại sự chủ động của Trí).

Vô cảm giác: Trí sinh động riêng rẽ, “Thân” không cảm thấy nóng, lạnh, no, đói, đau, bệnh v.v..., vì hệ thần kinh giao cảm ngưng liên hệ với những gì thuộc về những hiện tượng của Huyết và Khí, của Nhục thân.

Do đó, mà năng lực được phục hồi, nên các bệnh do Khí, Huyết sinh ra, được lành từ gốc.

Nhưng điều cần biết thêm là sống bằng sự hư không, Thân, Tâm, Trí cảm biết những gì?

- Hơi thở ra, vào cực nhẹ, thân thể khỏe mạnh.

Khí thân hiện ra lúc ngủ trong giấc mộng. Ban ngày, hoặc lúc tỉnh thức, cảm nhận được sự việc sắp xảy ra bằng Khí thân.

- Tâm không còn tâm trạng dao động, đầu và não cảm thấy cực nhẹ.

Điện thân hiện ra, từ trường nhân điện châu biến, linh cảm được từ trường của tha nhân, nên được gọi là tha tâm thông.

- Trí ở trong trạng thái của Thuần Trí, vì vậy, Trí thông minh rất sáng suốt và Hiểu rất nhanh. Chỉ còn sự Sáng của Trí thông minh sinh động mà thôi.

Trong trạng thái của Thuần Trí, tình cảm cá nhân không hoạt động, chỉ có nhân tính (tình cảm nhân loại) sinh động, nên không còn bần ngã, không nảy sinh ra mâu thuẫn, đối đãi. Nhờ đó Trí thông được Lý.

Tuy nhiên, ta phải hiểu rằng, tình cảm cá nhân là một phương tiện để tiến hóa con người.

Từ sự sinh động của tình cảm, nhờ sự chơn không của Tâm, mà sự hiểu biết của con người thâm nhập được vào sự sinh động của Lý. Sự thâm nhập này mở rộng thêm tầm không gian cho sự hiểu biết.

Bắt cứ sự mở rộng nào về ý thức, kiến thức, không gian, thời gian... đều liên quan đến sự đổi mới.

Vũ trụ không ngừng đổi mới, con người cũng vậy, đổi mới không ngừng cuộc sống trong sự tiến hóa của Thân, Tâm, Trí. Do đó, mà cuộc sống chan chứa niềm vui, thích.

Và những gì làm cho con người được vui, thích, thú vị... trong sự tiến hóa của đời sống vật chất, tinh thần và tâm linh, mà không do con người tạo nên,

đều là những ơn ích của vũ trụ xảy ra dưới dạng Phước, Đức, Đạo.

A. SỰ TỒN TẠI CÓ THỜI HẠN VĨNH CỬU

Giá trị của hai sự tồn tại này khác nhau. Trong con người, tính cách quan trọng của nó, liên quan đến sức sống và sự sống trong Nhục thân, nhưng lại thuộc về những thể linh thiêng với những đặc thù của mỗi thể.

Mọi sự khám phá những thực thể vô hình đều do “cái nhìn của Trí khôn” con người, với một hay nhiều mục tiêu, đặt trên sự tham vọng, kỳ vọng hay hy vọng.

Tất cả ba ý muốn này đều tạo ra sự quyết tâm. Có quyết tâm mới có tiến hóa. Nhưng quyết tâm trong tham vọng để thụ hưởng thì hiệu quả của tham vọng sẽ gây tai hại cho người khác. Trái lại, có kỳ vọng hướng về lợi ích tinh thần hay tâm linh của tha nhân thì sự quyết tâm với sự tự trọng sẽ tạo nên sự tự tin, có ý chí quật cường, có sự tiến hóa.

Tuy nhiên, thực tế của sự khám phá phải căn cứ trên giá trị của thực thể, mà sự quan trọng hữu dụng, là bản tính và tính năng của thực thể đó. Trong con người, đó là sự sống, sức sống và sự chuyển động của sức sống.

Bản tính của:

- Sự sống (sự Sáng) là mẫu nhiệm (1)
- Sức sống (thể linh thiêng) là linh thiêng
- Sự chuyển động của sức sống là kỳ diệu.

Tính năng (là năng lực của bản tính) của sự sống (sự Sáng) là năng lực tự tạo lấy năng lực cho nó bằng hai chức năng sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ.

Nguồn năng lực tự tạo này nuôi dưỡng mọi tạo vật vô hình (như Tâm, Trí, siêu Trí, Tuệ v.v...) Nói rộng ra, nó là một cõi giới ở mức tuyệt đối. Đó là cõi giới không còn cảnh giới – cũng là cõi giới không có cảm giác của Nhục thân, không có tình cảm cá nhân của phàm tâm, không có tư tưởng của bản ngã của phàm trí, kể cả không có những cảnh giới trong đó Khí thân, Điện thân hoạt động.

Sự tồn tại có thời hạn nằm trong sức sống còn tính vĩnh cửu có trong sự sống, trong năng lực tự tạo.

Con người có loại năng lực này ngay trong cuộc sống của mình, nhưng nó bị những sinh hoạt khác che đậy, vì vậy, con người không khám phá ra sự quan trọng của nó, để tiến hóa vào sự vĩnh cửu.

Trong cả hai vũ trụ, “những gì càng sinh động, càng sống lâu”, “Tình thương” không còn đối tượng, cũng vậy, nó càng sinh động, càng sống lâu, vì

(1) Ứng dụng trong đời sống: nếu muốn có sự mẫu nhiệm sinh động trong cuộc sống thì sinh hoạt của tiêu vũ trụ phải hoàn toàn điều khiển bằng sự Sáng (sự sáng suốt của các loại Trí thuần túy).

sự sinh động tạo nên Lực của nó.

Và, khi sự sinh động này trở thành tự động thì Lực đó cũng trở thành năng lực tự tạo. “Năng lực tự tạo, là sự sống, vừa là sức sống”. Từ sự sinh động của sự sống, hay là từ sự sinh động của năng lực tự tạo, toát ra sự linh thiêng và mẫu nhiệm (1).

Hay là, “*tình vĩnh cửu của một năng lực tự tạo ở trong dạng chơn không*”.

Sự chơn không của bất cứ một bộ phận vô hình nào, hay là sự sống (sự sinh động tự động) của bất cứ một năng lực tự tạo nào cũng đều linh thiêng và mẫu nhiệm.

Như Tâm chơn không, nó linh thiêng và mẫu nhiệm, là nhờ ở sự sinh động của chính nó.

Đối với Tình thương cũng vậy. Khi nó trở thành năng lực tự tạo, Tình thương này toát ra sự linh thiêng và mẫu nhiệm trong sự việc bên ngoài..., đó gọi là phép lạ.

1. Ứng dụng mức tiến hóa

Sự tiến hóa đưa sự tồn tại có thời hạn đến sự vĩnh cửu. Về phương diện vật lý, mức tiến hóa đến tuyệt đối là con người sống bằng sức sống, chuyên sang sống bằng sự sống (sự Sáng). Nếu không, con người sẽ phí phạm sự tiến hóa của mình.

Ngày ngắn, năm dài đưa trẻ thơ đến tuổi trưởng thành, sống bằng tâm hồn nhiều hơn là cảm giác của Nhục thân. Ứng dụng mức tiến hóa trong cuộc sống, là điều Thuận Lý, chẳng ai bỏ sự phong phú trong đời sống, quay lại sống trong sự vô định hướng của sự hỗn nhiên của trẻ thơ.

Tức là đời sống con người phải chuyển hóa từ cõi giới này sang cõi giới khác, chuyển sang những hệ cao hơn, với những bộ phận vô hình, kể cả những khả năng liên quan đến Cảm, Biết, Hiểu.

Đối với người lớn, trưởng thành, gần như thường xuyên, họ đưa Tâm, Trí (tâm hồn) vào mọi sinh hoạt. Tâm, Trí, tuy là bộ phận vô hình, nhưng lại liên quan đến Nhục thân, đến thế giới hữu hình, tự nhiên.

Nay sự Hiểu, Biết muốn chuyển sang thế giới siêu nhiên để sinh hoạt thì Thân, Tâm, Trí phải ngưng động, sự Biết và Hiểu chuyển sang một hệ cao hơn, là siêu Tâm, siêu Trí.

(1) Con người là một sinh linh vừa linh thiêng và mẫu nhiệm, vì trong con người chứa nhiều bộ phận vô hình có sự sống (sự Sáng), có năng lực tự tạo... Tâm chơn không, Chơn Trí, Tuệ, Lương Tâm, Tánh siêu nhiên, Tánh của vũ trụ v.v...

Khi “Tình thương không có đối tượng” ở vào cường độ cao, được siêu Ý, siêu siêu Ý... khơi động. Sự mẫu nhiệm xảy ra như phép lạ.

Đó là hiện tượng vật lý siêu nhiên xảy ra dưới sự hiện thực của một loại năng lượng có cường độ cao.

Dù chuyển sang một hệ cao hơn, nhưng sự Biết và Hiểu vẫn là “Một”, vẫn là nơi tập trung toàn sự Biết và Hiểu của 3 loại Trí (Trí, siêu Trí, Tuệ), nhưng với khả năng khác nhau, ở cùng một chức năng :

Trí: Cảm, Biết, Hiểu (chậm)

Siêu Trí: Biết, Hiểu (nhanh)

Tuệ: Hiểu (tức thì và lâu).

Vì vậy, người muốn Hiểu, Biết nhanh, phải chuyển sự Biết và Hiểu vào một hệ cao hơn.

Từ con người sang sinh linh do ở sự chuyển hóa vào một hệ cao hơn, và với sự ứng dụng những bộ phận mới khác với con người bình thường.

a. Chức năng, bộ phận nào làm cho con người tiến hóa thành sinh linh?

- Thú vật có Cảm (1), Biết.

- Trẻ con cũng Cảm, Biết, nhưng hơn thú vật là có ý thức, và Hiểu.

- Người lớn cũng Cảm, Biết, ý thức, Hiểu, nhưng hiểu nhanh hơn trẻ con.

Trong ba chức năng Cảm, Biết, Hiểu, chỉ sự Hiểu có sự thay đổi.

Sự thay đổi của Hiểu từ chậm đến nhanh, chứng tỏ có sự tiến hóa.

Hiểu thuộc về Trí. Nó là một chức năng của Trí. Chức năng Hiểu nhờ vào sự Sáng (thể Sáng) của Trí.

Thời gian để Hiểu càng rút ngắn, càng nhanh, thì sự Sáng của Trí càng nhiều.

Sự Sáng của Trí càng nhiều, con người dễ tiến lên hàng sinh linh.

Sinh linh khác với người thường ở chỗ nào?

- Sinh linh không Cảm, Biết qua Nhục thân, mà linh cảm từ sự châu biến của điện để Biết, để Hiểu.

Nhưng sự Biết và Hiểu này tiến hóa đến mức nào?

- *Sự Biết và Hiểu tiến hóa đến mức tuyệt đối là giác ngộ, Hiểu và Biết tức thì bằng sự Sáng của vũ trụ trong Trí khôn của con người.*

Như vậy, sự Biết và Hiểu của Trí chưa phải là sự Biết và Hiểu của siêu Trí.

Và sự Biết và Hiểu của siêu Trí chưa bằng sự Biết và Hiểu của Tuệ.

Mức thay đổi đó cho thấy tiến trình tiến hóa của Trí như sau:

Từ sự Hiểu Biết chậm → sự Hiểu Biết nhanh.

Từ sự Hiểu Biết nhanh → sự Hiểu Biết tức thì.

Sự Hiểu Biết này nhập vào Nguyên Lý của vũ trụ, nên Hiểu vô tận.

Hay là, sự Sáng của Tuệ nhập vào Thiên Lý, đạt được mức hằng sống.

Sự hằng sống này vượt qua Thiên Cơ, Thiên Năng, tức là vượt qua Vận của

(1) Cảm: có cảm giác, cảm nhận về nhiệt độ, cảm giác được sự đau đớn, sự cảm khoái.

Cảm giác về sự ưa thích, hoặc không ưa thích, cảm giác, cảm nhận thuộc về các giác quan và Nhục thân.

Cảm, Biết, nhưng không ý thức được cảm giác đó.

Thiên Cơ, không bị ảnh hưởng bởi sự tăng, giảm của Thiên Năng.

Trừ sự Hiểu Biết bằng sự Sáng ra, tất cả những thể khác (Điện, Khí, Thủy) đều bị chi phối bởi Vận, vì chúng còn sức sống, dù con người có khả năng chuyển hệ để sống lâu hơn.

Sự chuyển hệ để sống lâu liên quan đến các đời sống.

Và đời sống nào cần đến sự vận dụng của bất cứ một chức năng nào, thì đời sống đó chưa đạt đến mức cao. Như:

- Đời sống của Nhục thân: vận dụng các chức năng của Trí, của Nhục thân.
- Đời sống tinh thần: còn vận dụng chức năng suy nghĩ của Trí. Có Trí suy nghĩ, mới có sự tiến bộ, tiến hóa.
- Đời sống tâm linh: Trí khôn (sự hiểu biết) được đem ra ứng dụng, không còn sự vận dụng chức năng suy nghĩ của Trí.

Sự hiểu biết qua $\rightarrow \left\{ \begin{array}{l} \text{linh cảm trực tiếp} \\ \text{linh cảm và tiên cảm} \\ \text{qua siêu kiến} \end{array} \right\} \text{linh thiêng}$

Trạng thái: “Tĩnh”

b. Mức cao của hạnh phúc con người nhờ vào sự ứng dụng mức tiến hóa của hai đời sống tinh thần và tâm linh. Nhưng nhờ vào gì mà hai đời sống này tiến hóa?

- Đời sống tinh thần tiến hóa nhờ ở tư duy.
- Đời sống tâm linh tiến hóa do ở sự linh cảm ở sự giác ngộ.

Cá nhân nào, dân tộc nào mà suy nghĩ nhiều, cá nhân và dân tộc đó tiến hóa. Tức là, “siêng năng và thường xuyên suy nghĩ, là tiến hóa vậy”.

Với hai đời sống tinh thần và tâm linh, hạnh phúc con người tuy ở mức cao, nhưng với những con người bình thường, đời sống con người được hạnh phúc, khi mà ba thành phần cấu tạo nên đời sống đó ở vào trạng thái Tốt và Lành. Với:

- Thân: khỏe mạnh
- Tâm: an nhiên
- Trí: minh mẫn

Nhưng hạnh phúc này chưa đạt được đến sự toàn diện của nó.

Tính toàn diện của hạnh phúc bao gồm nhiều nhân tố, không chỉ liên quan giới hạn giữa con người và địa cầu, mà phải được mở rộng ra cả 3 thế giới, với 3 yếu tố kỳ diệu, linh thiêng và mẫu nhiệm xảy ra trong đời sống, trong sự tiến hóa.

Mọi tạo vật, từ cực to đến cực nhỏ đều tiến hóa không ngừng. Nhờ những

bộ phận, cơ quan vô hình như Tâm, Trí, Tánh, Lương Tâm, Linh hồn... mà con người có thể tiến hóa cực nhanh để trội vượt hơn tất cả muôn loài trên địa cầu.

Tính cao thượng, siêu việt của linh cảm và tiên cảm, tiên kiến thường xuyên, là sinh hoạt linh thiêng của linh hồn.

Nếu có sự cảm ứng của Đấng tạo hóa cho một linh hồn cực sạch thì đó là một Thiên Ân, trong đó sự mẫu nhiệm luôn luôn tiềm ẩn sinh động.

Sự kỳ diệu, linh thiêng và mẫu nhiệm là những nhân tố của một hạnh phúc toàn diện trong một đời sống. Bên ngoài tuy bình thường, nhưng linh hồn đó đã cảm nhận được sự hằng sống rồi.

Cảm nhận được sự hằng sống thì linh hồn đó sẽ hằng sống. Đây là mức tiến hóa tuyệt đối của một sinh linh.

c. Nhưng sự linh thiêng và mẫu nhiệm ở đâu trong con người?

- Đầu não là bộ phận quan trọng trong sinh hoạt, “thu và phát” ra lệnh. Năm giác quan ở đầu, nhưng não là nơi mà trực giác quan và linh giác quan hoạt động.

Mơ, mộng, tiên cảm, linh cảm... đều xảy ra từ não. Biết và Hiểu cũng do nơi não bộ.

Não bộ là nơi chứa năng lực tiên thiên (Điện, sự Sáng).

Thân người chứa năng lực hậu thiên (Khí, Huyết) là chính, trong đó tiềm ẩn sinh động tiên thiên.

Năng lực tiên thiên thuộc về vũ trụ. Nó chứa đựng tính linh thiêng và mẫu nhiệm.

Còn năng lực hậu thiên chỉ có tính cách kỳ diệu mà thôi.

Hay là:

Não là nơi chứa năng lực tiên thiên, cũng là nơi sinh động sự linh thiêng và mẫu nhiệm.

Làm sao con người luôn sống với sự linh thiêng và mẫu nhiệm?

- Sinh hoạt của con người bao gồm cả sự sinh động của năng lực hậu thiên và tiên thiên – một sinh hoạt kết hợp của đầu, não và thân thể.

Có những sinh hoạt liên đới đến cảm giác, tình cảm, đức tính, tư tưởng..., mà con người không nhận ra được, hoặc chưa nhận ra được đặc tính của mỗi loại sinh hoạt. Nó thuộc về loại năng lực nào, và nó mang tính nào, như kỳ diệu, hay linh thiêng, hoặc mẫu nhiệm.

Đặc tính của chúng như sau:

Cảm giác: thuộc Huyết; thuộc toàn thân; năng lực hậu thiên; tính cách kỳ diệu; thuộc địa cầu.

Tình cảm: thuộc Khí; chuyển động ở Ngũ hành; năng lực hậu thiên; tính cách kỳ diệu; thuộc địa cầu.

Đức tính: thuộc Điện; sinh động ở não; thuộc năng lực tiên thiên; linh thiêng;

thuộc về vũ trụ.

Tư tưởng: thuộc Điện; sinh động ở não; thuộc năng lực tiên thiên; thuộc về vũ trụ.

Lý (trong tư tưởng): thuộc sự Sáng; ở não; thuộc về năng lực tiên thiên; thuộc về vũ trụ.

- “*Sống với sự linh thiêng và mẫu nhiệm, con người chỉ sinh hoạt bằng sự sinh động, hoạt động với năng lực tiên thiên trong não bộ*”

d. Dấu hiệu của sự linh thiêng và mẫu nhiệm

Linh thiêng và mẫu nhiệm là bản tính của một bản thể linh thiêng và mẫu nhiệm nhất trong mọi thể linh thiêng khác. Đó là sự Sáng của vũ trụ. Vì trong đó có sự xúc tác nguyên khởi của Thiên Tuệ, cho nên trong sự Sáng, linh thiêng và mẫu nhiệm ở mức cao nhất.

Trong con người, mức độ linh thiêng và mẫu nhiệm khác nhau trong 3 loại Trí sinh động bằng sự Sáng, từ nhiều đến ít là:

- Siêu siêu Trí (Tuệ)
- Siêu Trí
- Trí

Riêng về Trí, có nhiều chức năng của Trí, nhưng sự linh thiêng và mẫu nhiệm chỉ trong Trí thông minh là nhiều hơn hết, so với 3 chức năng khác là Trí quan sát, Trí nhớ, Trí suy nghĩ, tức là sự linh thiêng và mẫu nhiệm sinh động trong sự Sáng thuần túy của Trí thông minh.

Nghĩa là, “*trong sự Hiểu (1), con người đang trong trạng thái linh thiêng và mẫu nhiệm*”.

Trong sự chứng thực, không ai biết và hiểu rõ những đổi thay, và những hiện tượng liên quan đến Thân, Tâm, Trí của chính mình. Như hiện tượng vật lý và sinh lý giữa suy nghĩ và Hiểu.

Con người, khi suy nghĩ nhiều, Thân mệt mỏi, muốn nghỉ, ngủ. Nhưng, khi Tuệ hiểu mãi thì Thân lại khỏe mạnh, con người luôn tỉnh thức.

Như vậy:

Suy nghĩ thì mệt, trái lại, “Hiểu” sinh ra khỏe khoắn.

Đây là một hiện tượng vật lý vừa là sinh lý, tức là, khi con người giác ngộ, chỉ còn lại sự Sáng (thể Sáng) sinh động. Năng lượng tự tạo của nó tăng lên, các thể, “Điện, Khí, Huyết” cũng theo đó được cường hóa, nhờ đó mà Nhục thân được khỏe và mạnh, vì các mầm mống bệnh và các loại vi trùng, vi khuẩn bị sự Sáng diệt cả...

(1) Giác ngộ Nguyên Lý của vũ trụ trong trạng thái Cực lạc của đại định, sự “Hiểu tức thì” càng kéo dài, qua đó sự linh thiêng và mẫu nhiệm trong sự Sáng của Tuệ cũng tương ứng kéo dài theo.

Với hiện tượng này, từ khi con người có trên địa cầu, dù Trí khôn có tiến hóa đến mức cao hơn nữa, con người cũng không thể dùng cái “Hiếu của mình” để khám phá ra “cấu trúc vô hình của chức năng sinh hóa, chuyển hóa, và Vận của năng lượng trong đó”.

Ngay cả người đã giác ngộ dù đã đạt đến mức tuyệt đối của sự Hiếu, cũng phải thừa nhận “sự Hiếu tức thì” của mình có sau những gì đã sẵn có trong vũ trụ.

Để hiểu hơn là, “sự Hiếu” có sau “bộ phận vô hình tạo ra sự Hiếu”; bộ phận này trong não con người. Và con người có sau mặt trời, mặt trăng và địa cầu..., vì Nhục thân sống được phải cần đến nhiệt độ của mặt trời.

Như vậy, *“Hiếu được mọi sự, không phải là tạo ra mọi vật trong vũ trụ”*.

Từ chỗ “vô khả năng tạo ra mọi vật, nhưng Hiếu được mọi sự”, con người mới nhận ra được, là con người không thể tạo nên sự huyền bí và phi thường cho não bộ của mình. Nhưng hai nhân tố này đã sẵn có để con người tăng sự sống (sự Sáng) và điều chỉnh mọi sức sống thừa hoặc thiếu trong 3 hệ (Huyết, Khí, Điện) qua các chức năng của Trí, và các bộ phận nằm trong não.

Nếu con người tùy tiện điều chỉnh những chức năng trong cơ thể của mình, sự can dự từ u minh sẽ gây tai họa cho bản thân.

e. Linh thiêng và mẫu nhiệm trong sự Sáng nguyên thủy

Bản chất của sự Sáng (thể Sáng) nguyên thủy thì linh thiêng, vì nó có sự sống.

Nhưng bản tính của sự Sáng, sau khi có sự xúc tác của Thiên Tánh và Thiên Tuệ, là mẫu nhiệm, vì nó sống và chuyển động.

Còn tính năng của sự Sáng, nó có khả năng hiện thực được sự mẫu nhiệm.

Nhưng tại sao quỷ, thần, sinh linh, con người..., có Trí, siêu Trí, tức là có sự Sáng của Trí khôn mà vẫn sai lầm, phạm tội, mắc lỗi...?

- Sự Sáng của vũ trụ, qua sự xúc tác của Thiên Tuệ, có Dương và Âm. Nhờ đó mà có sự sáng tạo (có sinh hóa, có chuyển hóa). Nhưng nhờ ở Thiên Tánh (1) mà sự sáng tạo có chức năng tiến hóa sinh linh theo sự toàn thiện. (Sinh linh chưa đủ khả năng để đạt được mức toàn thiện, nên có sự thánh thiện, chí thiện, thiện..., tức là có nhiều mức độ “Thiện”).

Mọi sinh tạo trong 3 thế giới (sinh linh và loài người) có sự Sáng Dương và Âm của Trí (với nhiều loại), đều có khả năng sáng tạo.

Sự Sáng, tuy có, nhưng trong đó không có Thiên Lý (Đạo lý, Chơn lý, hoặc Thuận Lý...) nên phạm sai lầm, tội, lỗi...

Trong con người, ở đâu có Thiên Lý?

- Trong con người Thiên Lý sinh động ở Lương Tâm.

(1)Phân chia để dễ hiểu, nhưng thật ra Thiên Tuệ đã sẵn trong Thiên Tánh, hay Thiên Tánh cũng là Thiên Tuệ vậy.

Vì vậy, khi nào con người sáng tạo bằng Trí và Lương Tâm thì không có sai lầm, tức là:

- Trí + Lương Tâm, hay là Trí và Thuận Lý sáng tạo, thì không có sai lầm.

Với sinh linh ở thế giới siêu nhiên, sự sáng tạo được thể hiện bằng:

- Siêu Trí + Tánh siêu nhiên, tức là siêu Trí và Chơn lý sáng tạo.

Còn sinh linh ở thế giới siêu siêu nhiên thì dùng:

- Tuệ + Tánh của vũ trụ, tức là Tuệ và Đạo lý trong sáng tạo.

“Những sáng tạo xuất nguồn từ sự Sáng và Thiên Lý, thì thuận với Vận của vũ trụ. Còn những sáng tạo do sự Sáng của Trí, mà thiếu Thiên Lý bên trong, thì chúng làm trở ngại Vận. Do đó, thiên tai xảy đến, có nghĩa là, những gì được sinh ra mà không hòa nhập vào với Vận, thì những thứ đó là nhân tố của thiên tai. Trong con người, chúng là nguyên nhân của tai họa.

Đối với con người ngày nay, sự sáng tạo từ Trí rất nhiều, nhưng hiệu quả rất khác nhau. Như, sáng tạo của khoa học, kỹ thuật... của cơ giới, vi tính (tin học) tiến hóa Trí thông minh của con người.

Còn những nghiên cứu, thực nghiệm khoa học nhân văn..., thì tiến hóa Tâm, Tánh, Trí, Lý... con người. Căn cứ trên đó để đối xử với nhau, con người ít gặp mâu thuẫn và chống đối.

Nhưng nếu con người thực nghiệm được khoa học vật lý siêu nhiên trong cõi giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên thì Trí thông minh khám phá được sự linh thiêng và mầu nhiệm trong đó.

(Ngày nay, có một số nhà khoa học bỏ ra nhiều thời gian để nghiên cứu về những khả năng, Trí thông minh của sinh vật, thú vật.

Việc làm tuy có ích cho phàm trí con người, nhưng lại không nghĩ và nghiên cứu những bộ phận vô hình và mầu nhiệm của chính con người, để giúp cho loài người chuyển hóa và tiến hóa nhanh vào những cõi giới và thế giới khác rộng lớn hơn.

Số người này rất ít và hầu như không có. Vì vậy loài người tiến hóa chậm.

Biết vậy, con người mới nhận ra hai hướng nhìn khác nhau của các nhà khoa học.

- Các nhà khoa học của thế giới tự nhiên nhìn càng xa, và sâu vào những hiện tượng hữu hình, càng tốt cho kiến thức, cho Trí thông minh của họ.

- Còn các nhà khoa học siêu nhiên và siêu siêu nhiên (những người sống bằng đời sống tâm linh) càng nhìn sâu vào trong những cõi giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên..., càng tốt cho siêu Tâm, siêu Trí, Tuệ, Tánh, Lương Tâm của họ.

Nhìn ra, thấy được sự chuyển động của Thiên Cơ, Thiên Năng, thấy được sự chuyển động của vũ trụ, qua vật hữu hình, con người làm nên các khoa: Thiên văn, Địa lý, Y thuật, Y lý, Y đạo v.v...

Nhìn vào trong, con người thấy được sự toàn diện của chức năng thấy, giác ngộ được Thiên Lý).

2. Sự mở rộng trong mức tiến hóa

Sự mở rộng trong mức tiến hóa của sự Sáng của Trí khôn con người được thực hiện ở cả hai yếu tố không gian và thời gian. Nhưng dễ nhận ra mức tiến hóa này ở sự mở rộng về không gian do những phương tiện hiện đại có tốc độ nhanh mà con người gọi là chinh phục không gian.

Tuy nhiên, cho đến nay chưa có một phương tiện nào, kiểm soát được sự mở rộng về thời gian độ vài ngàn năm của quá khứ và của tương lai trên địa cầu thời.

Phương tiện nhân tạo chưa thực hiện được, nhưng chính con người, với những bộ phận, chức năng vô hình được sinh hóa, lại có thể thấy được những gì đã xảy ra trong quá khứ, và sẽ xảy ra trong tương lai, nhờ vào sự Sáng (thể Sáng) tỏa ra, và bao trùm cả thời gian nhiều ngàn năm do sự quay của địa cầu tạo nên quá khứ.

Sự Sáng của các loại Trí còn tỏa ra trước sự quay của địa cầu trong khoảng thời gian rất xa.

Sự quang tỏa của sự Sáng vào thời gian quá khứ liên quan đến những hiện tượng, sự kiện mà người ta đã nghe qua, và được nói đến là tiền kiếp.

a. Làm sao thấy được tiền kiếp?

Hiện tượng này biểu lộ năng lực vẫn tồn tại vì có thời hạn dài hơn, cho nên quá khứ vẫn hiện hữu.

Về tiền kiếp, đó là đời sống của đời sống trước kia còn tồn tại dưới dạng Khí thân, Điện thân hay Quang thân... khi Nhục thân không còn sống nữa, nhưng việc làm của đời trước vẫn tồn tại.

Đó là những hiện tượng, những gì thuộc về siêu hình (thuộc về những hiện tượng bằng Khí hay bằng Điện) mà mắt thường của Nhục thân không thể thấy được.

Chúng chỉ có thể được nhận ra bằng những bộ phận vô hình, các trực giác quan, và linh giác quan, khi những bộ phận này, và các loại giác quan đó đã có khả năng hoạt động trong khi Nhục thân đang còn sống.

Để cho những bộ phận này, và các giác quan đó có khả năng hoạt động, trước hết Tâm phải được hư không.

Từ sự hư không đó, ngũ tạng khí không dao động nữa, chỉ có Điện và sự Sáng châu biến và quang tỏa ra.

Sự châu biến và quang tỏa lan đến đâu thì các tiền kiếp nào còn nằm trong tâm cỡ đó được hiện ra trước. Hay là, nếu sự lan tỏa này vào tâm của quá khứ và tiền kiếp nào còn sự rung động mạnh của Điện thì nó hiện ra trước.

Ngay cả đến tương lai của Nhục thân, Khí thân, nếu mạnh hơn nữa, thuộc

về Điện thân... cũng hiện ra trong tâm cỡ châu biến đó. (Tâm cỡ của nhân diện tỏa ra được tính theo thời gian, không theo không gian châu biến của nhân diện. Tức là, tâm cỡ tỏa ra không gian, nhưng nó được tính bằng thời gian).

Nếu là nhân diện châu biến ra xa thì tương lai của Khí thân, Điện thân được hiện ra.

Nếu sự Sáng quang tỏa ra thì tương lai của Điện thân được hiện ra với cả sinh hoạt của Điện thân trong tương lai.

Sinh hoạt của Điện thân này được tạo nên bởi đức tính hoặc Ác đức tính. Chính chúng đã tạo nên những sinh hoạt, và những hình ảnh của Điện thân sẽ phải trải qua, hay sẽ phải xảy đến. (Đây là “nghiệp quả” lành hay ác được tạo nên qua nguyên nhân bằng siêu Ý, hay bằng siêu siêu Ý trong trạng thái hư không của Thân và Trí. Chúng có thể thuận với Thiên Lý, hoặc nghịch lại với Thiên Lý. Nếu thuận, là công đức, nếu nghịch là Ác đức...)

Đây là khả năng của con người, “chính mình có thể thấy lại cuộc đời của mình trong quá khứ, và thấy được cuộc đời của mình sẽ phải đến trong tương lai.

Thật ra, con người chẳng biết, chẳng hiểu mình một cách tường tận. nhưng qua những hiện tượng trên, thì chính con người có khả năng hằng sống. Nó chẳng có thời gian tương đối như trong mỗi kiếp người, với sức sống được giới hạn trong những điều kiện sức khỏe của Nhục thân.

Tính hằng sống, hay là sự sống vĩnh cửu này có tính cách tuyệt đối mới nhận ra được sự diễn tiến của những sức sống có giới hạn, được gọi là một kiếp người. Và kiếp người này sinh hoạt trong giới hạn sống của một Nhục thân.

Cũng vậy, chính tính cách tuyệt đối của thời gian vô tận mới chứa đựng những giới hạn tương đối của thời gian trong tiền kiếp, kiếp hiện tại, và hậu kiếp... được chuyển qua các dạng kiếp ngắn và dài của Nhục thân, Khí thân và Điện thân.

Chỉ có Quang thân không còn biến đổi nữa, sau khi sự Sáng của Trí bức xạ, và tạo nên nó. Và Quang thân trở nên hằng sống. Đây là mức tuyệt đối, là “chính mình có thể thấy lại mọi kiếp của mình trong quá khứ và trong tương lai”.

Nói cách khác, Quang thân thấy rõ được mọi diễn tiến của Nhục thân, Khí thân và Điện thân.

Điện thân thấy được sự diễn tiến của Khí thân, và Nhục thân.

Khí thân thấy được sự diễn tiến của Nhục thân. Mỗi loại thân có một đời sống. Nhưng đời sống nào cũng có sinh hoạt đặc thù của đời sống đó, và thời hạn của mỗi loại đời sống, tức là thời hạn của mỗi loại thân được hình thành trong Nhục thân do sự tiến hóa trong đời sống.

Nếu nói rằng có tiền kiếp, tất phải có sự chuyển kiếp, truyền kiếp, và nếu không có những việc phi thường của thần đồng hay thiên tài thì sự chuyển kiếp là điều huyền hoặc, không tưởng.

Nhưng có sự khác thường ở thần đồng, ở một thiên tài trong khi tuổi còn thơ là những nhân vật này luôn có hành động chính xác, tư tưởng biểu lộ sự quan sát, và lý luận trong đó.

Điều này chứng tỏ có sự từng trải của nhiều tiền kiếp trong hiện sinh, và như vậy là có truyền kiếp.

Nhưng làm sao biết được con người hiện tại đã trải qua nhiều tiền kiếp?

- Nếu đã trải qua nhiều tiền kiếp thì Trí khôn hiện thời đã tích lũy nhiều kinh nghiệm của trí khôn trong quá khứ, trong nhiều tiền kiếp.

Thời gian được mở rộng của Trí khôn qua nhiều tiền kiếp tăng thêm mức linh cảm, tiên kiến và tiên cảm.

Nếu con người hiểu được những chức năng của những bộ phận vô hình trong con người thì con người cũng biết được, và sử dụng được những khả năng vô hình có trong con người, như sẵn có trong vũ trụ vậy.

Hơi đi sâu vào cõi siêu nhiên, con người đã có thể nhận ra độ dài của thời gian, bao gồm cả quá khứ và tương lai trong giới hạn khiêm tốn của vài ngàn năm.

Nhưng với bộ phận vô hình nào mà con người thấy lại quá khứ và thấy được trước tương lai của mình?

- Với tâm hồn (Tâm, Trí) con người chỉ “biết và hiểu được hiện tại”, nhưng không thể thấy được những gì đã xảy ra trong quá khứ (Nghiệp), và những gì sẽ phải xảy ra trong tương lai.

Chỉ có linh hồn (siêu Tâm, siêu Trí) nhờ vào Khí thân, Điện thân, Quang thân... Mới thấy được “Nghiệp” trong quá khứ, và thấy trước được kết quả của việc làm hiện tại trong tương lai.

Như vậy, linh hồn có khả năng bao trùm cả không gian và thời gian trong quá khứ và trong tương lai.

Nói rõ ra là, Điện và sự Sáng (là năng lực của linh hồn) châu biến và quang tỏa của Khí thân, Điện thân hay Quang thân, có khả năng thấy được quá khứ, tương lai với điều kiện hay là trạng thái, ba loại thân này có thể hoạt động một cách riêng biệt với Nhục thân.

b. Tiền căn và Nghiệp

Tiền căn là căn nguyên của quá khứ, của nhiều đời sống trước dưới dạng năng lực siêu nhiên còn sức tồn tại, để tiếp tục sinh động trong đời sống hiện hữu. Như, những tinh túy có sức sống phát triển trong một thân cây, cỏ mới, khi vô hột giống tan rã.

Năng lực siêu nhiên có sức tồn tại lâu đời, lại liên quan ảnh hưởng đến sinh hoạt hiện tại của con người như Phước, Họa, Đức, Đạo, đến sự biểu hiện của thú tính, nhân tính, Thiên tính, sự thay đổi Phước, Họa, đến khả năng Biết, Hiểu, số mạng, thân phận, đến năng lực siêu nhiên như sự linh cảm, may mắn v.v...

Tất cả những sinh động của năng lực siêu nhiên thể hiện trong đời sống con người mà nhãn quan không nhận ra được, đều có tính huyền bí.

Nhưng với “cái nhìn của Trí khôn”, không nhiều thì ít, sự Sáng của Trí thông minh vẫn khám phá ra.

Mọi huyền bí, huyền vi đều có căn nguyên, nhưng chúng cũng có những biểu hiện, hiện tượng bên ngoài, tức là có tiềm ẩn, có hiện lộ.

Tìm được cái tiềm ẩn trong sự hiển lộ bên ngoài, là có thể hiểu được căn nguyên của nó.

Cũng như gió thổi, mây bay. Nhưng, gió thổi thì cái gì thổi gió?

Khi gió chẳng còn chuyển động thì gió còn lại cái gì? Chẳng phải còn lại Khí mà thôi sao.

Như vậy, gió thổi, là sự hiển lộ bên ngoài của Khí. Còn Khí thuần túy, là sự tiềm ẩn của Khí trong gió.

Tiền căn cũng vậy, nó là sự hiển lộ bên ngoài của cái “Nghịệp” bên trong.

Vậy “Nghịệp” là gì?

- Là sự cộng hưởng của những hành động, tư tưởng, tình cảm, đức tính, Ác đức, đạo tính, ác đạo... trong quá khứ, mà sức sinh động của nó, có khả năng kéo dài đến hiện tại, và cả trong tương lai nữa.

Nó còn là sự sinh động của tư tưởng, hành động trong hiện tại, mà hậu quả trong tương lai được thấy ngay trong hiện tại.

Tất cả những yếu tố, hiện tượng trên đều thuộc về 3 loại năng lượng có sức tồn tại lâu là Khí, Điện, và sự Sáng từ trong vòng một ngàn năm, như Khí; một vạn năm thuộc sự sinh động của những chấn động của Điện; cuối cùng trên mười vạn năm, là sức sống của sự Sáng của Trí bình thường.

Tất cả ba loại lực này (Khí, Điện, sự Sáng) là nội lực hay chủ lực của Đức, Phước, Họa xảy ra trong đời sống hiện tại.

Nói cách khác, “mầm mống của Đức, Phước, Họa được lưu giữ nhiều ngàn năm trong bộ nhớ”.

Đây là khả năng phi thường của con người trải qua nhiều đời sống.

Bộ nhớ của Trí con người lưu giữ Đức, Phước, Họa trong nhiều ngàn năm. Chúng là mầm mống của lực mạnh tái sinh ra Đức, Phước, Họa.

Mầm mống nào có lực mạnh hơn, nó sẽ tái sinh trước.

Hiểu được như vậy, trong thực tại phải nuôi dưỡng đức tính để lực của nó được mạnh hơn. Nhờ đó, nó làm khô héo mầm mống của Họa và Phước, để chỉ còn lại Đức và Chơn Phước.

1. *Nghịệp trong dạng Hoa, Phước, Đức*

Con người được sinh ra không cùng một hoàn cảnh, có người đã gặp Họa từ bẩm sinh, như mù, câm, điếc... tàn tật. Cái họa đã xảy ra cho thân thể, rồi đến

sự thiếu thốn đói khổ của tuổi thơ; có khi hoàn cảnh này kéo dài suốt đời. Có người khôn khổ lúc tuổi trẻ, “Nghệp của tiền kiếp” kéo dài đến thời gian này đã hết, phần còn lại của cuộc đời hưởng được Phước, sống nhàn hạ.

Họa và Phước liên quan đến Nhục thân, từ khi còn trong bụng mẹ, nhiều trẻ đã hưởng được Phước với đầy đủ nhu cầu và tiện nghi cho thân xác.

Với “đức độ” rộng lớn trong tiền kiếp, con người được sinh ra, luôn tỏa ra hương thơm. Dấu hiệu này minh chứng cho tính siêu việt, cao thượng trong đời sống hiện tại.

Dù ở thời gian nào, Họa, Phước, Đức đều liên quan đến cảm giác, tình cảm, đức tính và vị trí ở Nhục thân sinh hóa ra.

Như những tình cảm được sinh ra ở các tạng thấp của Tỳ, Gan, Thận là Lo, Giận, Sợ... sẽ tạo ra những tư tưởng thấp hèn.

Những tình cảm ở các tạng cao như Phổi, Tim, sinh ra sự Vui, Mừng, sinh hóa ra những tư tưởng đáng yêu, đáng mến, có thiện cảm...

Những đức tính, đạo tính ở đầu não... sinh ra những tư tưởng cao thượng, siêu việt.

Cho nên nói rằng: “Những tư tưởng cao thượng, siêu việt làm cho đời sống được siêu thoát”.

2. Nghiệp trong dạng Họa, Phước, Đức do tâm hồn sinh hóa.

Tâm hồn con người rộng lớn mệnh mang, sinh hóa ra vô tận những điều tốt xấu, hung, ác... dường như con người cũng khó nhận ra những hậu quả của chúng.

Khó nhận ra, nên khó giải quyết. Vì vậy sinh ra chán ngán việc đời.

Thí dụ: lòng tham của cái.

Lòng tham của cái sinh ra gì?

- Đầu tiên sinh ra mâu thuẫn, tranh giành. Mâu thuẫn giữa Nghịch Lý, Cường lý và Thuận Lý. Tranh giành, thì dựa vào quyền, thế, lực... Rồi đến mất quyền lợi, sinh ra oán, hận, thù... và từ nhiều thứ đó, hóa sinh ra vô tận những điều xấu khác.

Muốn giải quyết, phải rõ lòng tham lam. Nó được thể hiện qua lời nói, tư tưởng, mức độ tham, tính cách cương quyết, liều lĩnh...

Cho nên, *phải đi ngược lại sự sinh hóa để tìm ra nguyên nhân, nguồn gốc của nó, thì sự mệnh mang rộng lớn của tâm hồn chẳng còn gì là to tát cả.*

Vì sao?

- *Vì con người vẫn là chủ của nó. Có nghĩa là, làm chủ được tâm hồn, ắt “Nghiệp xấu” không sinh.*

Tuy nói vậy, nhưng làm chủ tâm hồn không phải dễ, vì nhân quan con người luôn hướng ra ngoài nên khó tránh những cám dỗ.

Nguồn gốc của sự cám dỗ là: Danh, Lợi, Tài, Sắc – là những cái vô thường,

mau biến đổi, không tồn tại, nên không tuyệt đối quý. Vậy mà chúng có sức cảm dỗ làm cho tâm hồn con người đảo điên.

- Nếu “Sắc” cảm dỗ thì phải làm sao?

Tiếp xúc với sắc đẹp, và muốn tránh khỏi bị “Sắc” cảm dỗ, chỉ nên thấy tâm hồn con người và đừng để ý đến thân thể, sắc diện...

- Nếu Lợi cảm dỗ thì phải làm sao?

Muốn khỏi bị Lợi cảm dỗ thì nên xem linh hồn, tâm hồn mình là quý hơn của cải.

- Nếu Tài cảm dỗ thì sao?

Tài và Danh đi liền với nhau. Có Tài tức có Danh, hay có Danh tức có Tài (chỉ nói Tài thuần túy, chưa có Đức).

Nếu gặp cuộc thi Tài nên tránh tham gia. So Tài, tức có phân Thắng, Bại.

Thắng thì Vinh, Bại thì Nhục.

Thích thú cái Vinh, lòng người tăng thêm sự hiếu thắng.

Thích thú trong cái Vinh, mà người Bại nghe được, thấy được, thì người thua sinh ra ghét, hận, nếu hơn nữa thì thành người thù.

3. Tâm, Trí thay đổi Phước, Họa liên quan đến Nghiệp

Phước, Họa hiện ra ở Nhục thân. Ở Nhục thân, Phước, Họa hiện ra ở xương cốt, ở thịt (ít, nhiều), ở màu sắc của da.

Nhưng diễn biến của Phước, Họa... thì biểu hiện ở diện sắc.

Phước, Họa được ấn định từ thời gian sinh ra (tháng, năm, ngày, giờ). Đó là mức độ tiến hóa của một sinh linh, kết hợp, cộng hưởng từ Thân, Tâm, Trí của cha mẹ với Nghiệp của tiền kiếp.

Nhưng mức tiến hóa này có thể bị sửa đổi do mỗi cá nhân, tức là cá nhân có thể tiến hóa hay thoái hóa do hiệu quả sinh hoạt của Tâm, Trí.

Vậy nên, Tâm, Trí có thể thay đổi Phước, Họa của Nhục thân. Vì Nhục thân được liên quan đến thời gian được sinh ra, hay là thời gian sinh ra chỉ liên quan đến Nhục thân..., còn Tâm, Trí thì không có không gian và thời gian.

(Nhục thân liên quan đến thời gian sinh ra, thì diễn biến của Phước Họa trong mức độ tiến hóa của Nhục thân cũng mật thiết liên quan đến năm, tháng, ngày, giờ... mà Phước và Họa sẽ phải xảy ra trên Nhục thân).

Tâm, Trí có khả năng thay đổi Phước, Họa của Nhục thân.

Như vậy, con người có thể thay đổi số mạng của mình không?

- Sự sống chết của Nhục thân không thể đổi thay được.

Nhưng con người có thể do cách sống của mình, làm cho sự sống của Nhục thân ngắn đi, hoặc được kéo dài thêm.

Huyết, Khí nuôi dưỡng Nhục thân, nhưng Khí số (1) là gốc của sự sống chết của Nhục thân.

Khí số ngắn dài của Nhục thân do sự sinh động của ngũ tạng khí (do tâm trạng). Vui, Mừng (Phế khí, Tâm khí): khí số dài.

Giận, Lo, Sợ, Buồn (can khí, Tỳ khí, Thận khí, Tâm khí): khí số ngắn.

Vui, Mừng là hai tâm trạng tạo nên “Thanh khí Dương”. Và “Thanh khí Dương” làm tăng khí số (tăng tuổi thọ).

Giận, Lo, Sợ, Buồn... là tâm trạng tạo nên trọc khí, độc khí. Chúng làm giảm khí số (giảm thọ).

Nếu hiểu biết con người có thể làm chủ lấy vận mạng của mình và sống bằng sự Sáng (sự sống) thì chẳng còn sự chết nữa.

Nhưng nếu con người chưa đạt đến khả năng này thì cũng có thể vượt số mạng đề trường thọ.

Làm sao vượt qua số mạng đề trường thọ?

- Nhục thân con người phải chết, mạng số mới chuyển sang khí số hoặc vận số, tức là theo luật tự nhiên, Nhục thân phải tan rã. Và từ đó, Khí thân hoặc Điện thân mới toát ra và sống lâu hơn. Đây là Nhục thân phải chết trước.

Nhưng với phương pháp điều khiển nội lực, Nhục thân chỉ chết giả tạm.

Muốn vượt mạng số, con người phải điều khiển cho Khí, Huyết của Nhục thân ngưng động, tức là Nhục thân phải chết giả.

Muốn chết giả, tâm hồn phải ngưng động hoàn toàn, tức là nội lực (Điện, sự Sáng) trong Khí, Huyết phải ngưng động trước.

Nội lực trong tinh lực ngưng động, không theo dịch kỳ của Khí Huyết. Nhưng nó tự sinh động, tự tách ra khỏi chức năng sinh hóa của Nhục thân.

Thời gian, mà mạng số ngưng động đúng vào thời gian mà Nhục thân phải chết.

“Cái chết giả” hóa giải “cái chết thật”, hay là dùng linh hồn để vượt số mạng, tức là, làm dừng lại thời gian diễn tiến của mạng số.

4. “Số, sự sống và sức sống” liên quan đến Nghiệp

- Sức sống của một loại thân có một thời gian sinh động gọi là “Số”. Và duy nhất có một loại thân không có số, hay là không có một thời gian giới hạn sức sống của nó.

Đó là *Quang thân*. Loại thân này bằng sự Sáng nguyên thủy, cũng là năng lực nguyên thủy của vũ trụ, gọi là năng lực tự tạo, mà *số của nó là Nguyên căn*.

(1) *Khí số ngắn dài của Nhục thân biểu hiện ở Thanh. Trong Thanh có Âm, và Âm là tiếng nói của tư tưởng khi chưa phát ra thành Thanh.*

Tư tưởng rành rẽ, ý mạch lạc..., đó là “Tâm minh”, Trí sáng suốt, đời sống của người này đã tiến hóa, chuyển hóa.

Trong Thanh có Lực, khí số dài.

Trong Thanh mà Lực kém thì khí số ngắn.

Nguyên căn là sự sống. Sự sống sinh hóa ra sức sống, tức là Nguyên căn sinh hóa ra vận số, khí số và mạng số (mạng số liên quan đến Nhục thân).

- Thời gian sinh động của Nhục thân, gọi là mạng số.
- Thời gian sinh động của Khí thân, gọi là khí số.
- Thời gian sinh động của Điện thân, gọi là Vận số.
- Thời gian sinh động vô tận của Quang thân thuộc về “Nguyên căn sinh hóa, chuyển hóa” của vũ trụ, không có số qui định, nên nó sinh động vô tận.

Hay là:

Mạng số: là thời hạn sống của Nhục thân.

Khí số: là thời hạn sống của Khí thân.

Vận số: là thời hạn sống của Điện thân.

Mạng số, khí số, vận số đều từ Nguyên căn mà ra.

Vì mạng số, khí số, vận số còn thuộc vào sức sống, chỉ có Nguyên căn là sự sống.

Sự sống chỉ “Sinh và Sinh mãi” chẳng có Diệt.

Loại thân	Nhục thân	Khí thân	Điện thân	Quang Thân (1)
	↕	↕	↕	↕
Số	Mạng số	Khí số	Vận số	Nguyên căn
Nơi liên quan	Địa cầu	Địa cầu	Vũ trụ	Vũ trụ

Loại số nào cũng có giới hạn về thời gian sinh động, vậy con người có thể vượt được mạng số, khí số, vận số hay không?

Hay nói cách khác, con người có thể chuyển số, có thể chuyển sức sống ngắn sang sức sống dài hơn hay không?

- Con người có thể chuyển số, nhưng phải hiểu rõ những gì liên quan đến số mà mình muốn vượt qua để chuyển đến một số khác. Và từ sự ngưng động đó, mới làm cho số khác bắt đầu sinh động.

Thí dụ: Muốn chuyển từ “mạng số” sang “khí số” thì mạng số phải ngưng sinh động hoàn toàn, khí số mới hoạt động được.

(1)Quang thân: thân ánh sáng, hay là thân bằng thể Sáng, bằng bản chất nguyên thủy của vũ trụ. Nó bất hoại. Con người tu luyện đến mức này, chẳng còn Luân hồi, Nghiệp cũng không. Tất cả những loại thân khác, có sức sống, vẫn bị ảnh hưởng bởi hai yếu tố trên.

“Số” và thời gian đều vô hình, làm sao con người có thể thấy và nhận ra. Dĩ nhiên, nói đến sự ngưng động của mạng số, là nói đến sự ngưng động của Nhục thân và những bộ phận vô hình liên quan đến mạng số của Nhục thân là Tâm, Trí (tâm hồn). Tất cả đều phải ngưng động hoàn toàn, tức là cảm giác, tình cảm, tư tưởng đều không xuất hiện, cuộc sống đang trong trạng thái “Hư vô”.

Sự ngưng động của mạng số cũng là cái chết của Nhục thân (chết thật, chết giả). Lúc đó, khí số hay vận số bắt đầu hoạt động.

Chết thật: Khí, Huyết ngưng động, Nhục thân chết trước, Tâm, Trí (tâm hồn) với bản thể của nó là Khí, Điện, sự Sáng, toát ra ngoài Nhục thân.

Tâm, Trí này, không còn được Nhục thân chứa đựng, nên khi toát ra ngoài, nó trở thành siêu Tâm, siêu Trí (linh hồn) sinh động trong Khí thân hay Điện thân.

Chết giả trong đại định: khác với cái chết thoáng qua trong ngất xỉu, đột quỵ. Đây là cái chết do sự điều khiển của hành giả, và có ý thức.

Do sự điều khiển, tâm hồn hoàn toàn ngưng động trước. Điện, sự Sáng ngưng hoạt động, không tỏa ra ở hai hệ Khí, Huyết. Nhục thân ngưng động sau, tức là nhịp tim và hô hấp ngưng hoạt động. Linh hồn không toát ra khỏi Nhục thân.

Lúc đó, thời gian của địa cầu vẫn diễn tiến theo sự chuyển động của nó, trong khi đó thời gian của mạng số ngưng lại do sự ngưng động của Khí và Huyết (Phôi, Tim). Do đó mà “mạng số” tăng thời gian cho Nhục thân.

Trong trường hợp, mạng số của Nhục thân hết hạn, tức là Nhục thân phải chết, nhưng công đức chưa hoàn tất, nhờ vào cách chết giả để vượt qua mạng số trong đại định (1) mà mạng số của Nhục thân được tăng lên trong một thời gian do sự chuyển sang sinh động bằng Khí thân hay Điện thân.

5. Trạng thái siêu nhiên trong sinh hoạt

Trạng thái siêu nhiên trong sinh hoạt được thể hiện dưới nhiều dạng như cảm ứng, linh cảm, giác ngộ, mạc khải v.v... do các thể linh thiêng trong con người hay do những thân nhẹ hơn Nhục thân cảm nhận được trước, những biến động có trước, khi những hiện tượng hữu hình xảy ra.

Trong tiến trình hay trong tương lai gần hay xa của Nhục thân, các thân nhẹ hơn Nhục thân cảm nhận trước. Như:

Thủy thân: linh cảm về cảm giác trong tương lai gần về diễn tiến phải gặp của Nhục thân với thời gian gần và trong không gian hẹp.

Khí thân: linh cảm về diễn tiến của Nhục thân trong thời gian hàng nhiều năm, và trong một không gian xa hơn nhiều, mà Nhục thân đang sống.

(1) Cùng một trạng thái, với danh từ khác nhau, như: Cực lạc, ngất trí (Trí ngất ngất trong sự Cực lạc), tọa vong v.v..., biểu hiện cho mọi sức sống đều ngưng, chỉ còn lại sự sống (sự Sáng) sinh động... Hành giả sống bên trong, chết bên ngoài.

Đối với *sinh linh* thì *linh cảm* xảy đến ngay cả trong khi tỉnh thức, khi Trí quan sát hướng vào trong các thể *linh thiêng* để *linh cảm*. Sự *linh cảm* này phát sinh từ những hiện tượng xảy ra trong các thể.

Tóm lại:

Không phải Nhục thân *linh cảm*, mà chính các thể *linh thiêng* trong những loại thân khác nhẹ hơn *linh cảm*.

Để hiểu sâu về sự *linh cảm* trên phương diện sinh lý và vật lý, hiện tượng này xảy ra như thế nào?

- *Linh cảm* là sự cảm nhận *linh thiêng* của não bộ. Sự *linh cảm* này vượt quá sự tiên cảm qua hệ Thủy, Khí, tức là qua Thủy thân và Khí thân làm cho Nhục thân cảm nhận được.

Sự *linh cảm* này do 2 hệ Điện và sự Sáng cảm nhận, hay là do Điện thân và Quang thân cảm nhận, trung thu, mà không qua sự cảm nhận trực tiếp của Nhục thân.

Hiện tượng *linh cảm* là những siêu hình ảnh, những tư tưởng. Chúng là những rung động của Điện trong thế giới siêu nhiên được trung thu, cảm nhận được do sự lan tỏa, châu biến của nhân điện, của Điện thân, hay của não bộ.

Giác ngộ vượt qua cả tiên cảm và *linh cảm*, bởi vì, nó là sự Hiểu tức thì cái Lý (Thiên Lý) của vũ trụ được tiềm tàng sinh động trong sự Sáng (Dương và Âm).

Theo mức tiến hóa của con người liên quan đến những hiện tượng tiên cảm, *linh cảm*, giác ngộ... được diễn tiến như sau:

Nhục thân	}	→	tiên cảm
Thủy thân			
Khí thân			

Điện thân	→	linh cảm
Quang thân	→	giác ngộ

Làm sao sự linh cảm có thể xảy ra thường xuyên?

- “Tự” sự Sáng quang tỏa ra khắp Nhục thân về não bộ.

Sự Sáng tăng ở não bộ thì nhân điện tăng theo. Và hai năng lượng này tỏa ra quanh đầu. Nhờ sự châu biến của hai năng lượng này mà sự *linh cảm* xảy ra.

Ở một mức thấp hơn, trong sinh hoạt hằng ngày, khi Tâm an sinh ra sự nhẹ nhàng, vui trong lòng, hay là Tâm an và Lạc, thì khí Ngũ hành không dao động, lúc đó Khí thân hoạt động, và *linh cảm* qua các trực giác quan và siêu Trí.

Sự *linh cảm* liên quan đến “tha tâm thông” (thông cảm được Tâm của người khác), hay là tha tâm thông là một trong những hình thức của sự *linh cảm*.

Nhờ gì mà con người *linh cảm* và tha tâm thông được?

- Qua sự Sáng, hay qua sự đồng nhất của “thể Sáng” trong sinh linh, sinh vật, tạo vật... mà con người linh cảm tha tâm thông được.

Hay là:

Sự Sáng của Trí (siêu Trí, Tuệ) hòa nhập vào sự Sáng của vũ trụ. Sự Sáng của vũ trụ tiềm ẩn sinh động trong sinh linh, sinh vật, tạo vật. Nhờ đó mà Trí, Tâm linh cảm, biết, hiểu được sinh linh, sinh vật, tạo vật.

6. Năng lực tự nhiên và siêu nhiên, toát ra từ cái chết của Nhục thân, sinh động dưới nhiều dạng.

Những năng lực tự nhiên và siêu nhiên là Khí, Điện, thể Sáng... sinh động trong những bộ phận vô hình như tâm hồn, linh hồn, Tâm, Tánh, Trí và những năng lượng liên quan đến sự sinh hóa, chuyển hóa như Nghiệp, Luân hồi... đều theo những năng lực tương quan, mà tất cả đều toát ra khỏi Nhục thân, do sự tan rã của những tế bào của nó.

Như vậy, Nhục thân chỉ là cái vỏ chứa đựng những tinh anh khác có khả năng sinh hóa và chuyển hóa để tiến hóa, với điều kiện là những tinh hoa đó luôn làm chủ được Nhục thân.

Trái lại, nếu lúc sống mà Tâm, Trí, linh hồn... con người yếu đuối, những lực khác còn sống trong bầu khí quỳên, là những vong hồn của ma, quỷ, thần... mạnh hơn, có thể vào cư ngụ trong Nhục thân.

Một Nhục thân bị tha lực thâm nhập thì tuy chỉ có một Nhục thân, nhưng bị nhiều năng lực khác thay nhau điều khiển mà ta gọi là quỉ ám, ma nhập.

Ngay cả đến Nghiệp trong tiền căn cũng vậy. Nó là năng lực tồn tại và sinh hóa khi ký ức được gọi lại. Có thể nói rằng nó sống lại và sinh động, và không có gì có thể xóa ngay nó được, mà chỉ có thể dùng thực tại (thực tế hiện tại) để cho ký ức dùng khơi dậy nữa, như:

- Dùng sự Sáng của Trí soi vào hơi thở, thực tại là Trí hồi quang và quan sát sự điều hòa của hơi thở. Hoặc:

- Dùng sự Sáng của Trí “quan sát” Tâm để tình cảm cá nhân dùng nổi lên, thực tại là “chơn không hóa” Tâm để ký ức lắng xuống. Hơn nữa:

- Dùng đức tính và đạo tính trong sinh hoạt. Sự sinh động của đức tính và đạo tính tăng dần sức sống siêu nhiên và sức sống này làm chết những ký ức của cõi tự nhiên tại Thân (trong đó có ký ức của cảm giác và tình cảm).

Ký ức dưới dạng năng lực sinh động vượt qua giới hạn của Nhục thân, còn luân phiên sinh hóa và chuyển hóa, chưa đạt đến mức hằng sống, nên còn phải tiến hóa.

- Những gì chưa đạt đến mức tiến hóa cuối cùng và tuyệt đối, là “sự hằng sống”, thì những thứ đó phải quay đi, trở lại để tiến hóa.

- Những gì mà có sức sống và sự sống sinh động mãi mãi trong vĩnh cửu thì

không còn luân hồi nữa..., như vậy sự sáng suốt của Tuệ sinh động mãi mãi...

Cho nên nói rằng: “Luân hồi là một qui luật nằm trong định luật tiến hóa của vũ trụ là sinh hóa và chuyển hóa”.

Muốn tránh khỏi sự Luân hồi, con người phải tìm cho ra nguồn gốc của nó.

- Nguồn gốc của nó do ngoại cảnh tạo nên, và con người muốn lưu trữ trong bộ nhớ của Tâm, Trí. Những chủng tử này được tạo thêm sức sống do Trí suy nghĩ, tức là do sự Sáng của Trí suy nghĩ, mà các cảm giác, tình cảm, tư tưởng liên quan đến cảm giác và tình cảm đó làm cho chúng thêm sức sống.

Nhưng khi con người đã có năng lực tự tạo, hay là đã có khả năng tự tạo lấy năng lực cho chính mình (sự Sáng, sự sống), thì mức tiến hóa đã hoàn tất, người đó đã tách ra khỏi vòng luân hồi rồi. Nếu không, con người còn tiếp tục Luân hồi, hay là tiếp tục tiến hóa.

- Điều này căn cứ trên sự thông minh (sự Sáng và khả năng của chức năng của Trí). Sự Sáng suốt của Trí biểu lộ sức mạnh của Trí trước khi lâm chung, hoặc sự yếu kém của Trí, không đủ sức hoạt động, sau khi Nhục thân chết đi.

Nếu Trí nhớ, Trí suy nghĩ mà kém đi, có nghĩa là sự Sáng (năng lực) trong hai chức năng này kém đi, thì sức hoạt động của nó trong các loại thân khác (Khí thân, Điện thân) không có khả năng hoạt động, và các thân này phải chết đi. Vì vậy, sự luân hồi trong một Nhục thân mới được thực hiện nhanh hơn.

Trái lại, khi Nhục thân chết, sự Sáng, nhân điện toát ra với năng lực mạnh. Lực này đủ khả năng sinh động, hoạt động trong thế giới siêu nhiên, thì sự luân hồi sẽ phải xảy ra, nhưng trong một thời gian lâu hơn.

Chính trong thời gian lâu dài mà các loại thân nhẹ hơn Nhục thân hoạt động, sinh động, vì vậy, mức tiến hóa của các thân đó trở nên nhanh hơn so với mức tiến hóa bình thường của Nhục thân.

Điều này do nơi đâu?

- Do nơi sự chênh lệch của yếu tố thời gian giữa các thế giới.

7. *Máy mắn là một động lực vô hình*

Sự may mắn đến với người này nhưng lại không đến với người khác. Dù rằng vô hình, nhưng mỗi động lực xuất nguồn từ nguyên nhân, hay từ nguyên lực (lực nguyên thủy).

Nguyên lực tạo ra nhiều dạng may mắn, nhưng cũng do 3 nguyên lực, từ Khí lực, Điện lực và sự Sáng.

- Khí lực (thuộc Thanh khí lực) là nguồn gốc của Phước.

- Điện lực là nguồn gốc của Đức.

- Sự Sáng là nguồn gốc của Đạo.

Phước: là sự may mắn trong thế giới hữu hình liên quan đến Nhục thân.

Đức: là sự may mắn trong thế giới siêu hình, ảnh hưởng đến thế giới hữu

hình, liên quan đến đời sống tinh thần của Tâm, Trí.

Như, sự may mắn trong sự nghiệp tinh thần, sáng tác, khoa cử v.v... Nó ảnh hưởng đến sự đầy đủ, và ổn định của đời sống vật chất.

Đạo: là sự may mắn đến từ vũ trụ, từ sự Sáng của vũ trụ sinh động trong cả 3 thế giới siêu siêu hình, siêu hình và hữu hình liên quan đến đời sống tâm linh, tinh thần và vật chất.

Đó là sự may mắn của cho Trí, Tâm và cho cả Thân nữa.

Nhưng Khí lực, Điện lực, sự Sáng ở trong Nhục thân do đâu mà có?

- Ba loại lực này sinh động ở trong con người, có lúc tăng lúc giảm. Tất nhiên, sự biến đổi này phải do sinh hoạt của mỗi người, tùy lúc mà xảy ra.

Như vậy, sự may mắn nhiều, ít hoặc không có... đều khởi sinh từ sinh hoạt của Thân, Tâm, Trí.

Những sinh hoạt này tương ứng với hoàn cảnh bên ngoài, tạo nên những hiện tượng có tính cách may mắn.

Hay là:

Sự may mắn do chính mình tạo ra vậy.

Nói cách khác là hiệu quả của sự may mắn đến từ bên ngoài, nhưng nguyên nhân lại khởi phát từ bên trong.

Bên trong: - có tính cách tự động

- có tính cách chủ động

a. Tự động: do Tánh hồn nhiên như trẻ thơ, “Thanh khí vượng”, người lớn: do nội khí “hòa”, không có sự dao động của tình cảm.

b. Chủ động: - do Trí điều khiển sinh hoạt của nội tâm.

- Trí sáng suốt, Tâm bình an, thì may mắn.

- do đức tin, nên “linh hồn cảm ứng” (1) được với Thiên

Ân (Đạo, Đức, Phước) mà có sự may mắn.

Đối với vấn đề này, có người tự hỏi: “Tại sao cùng một kiếp người, mà mình lại không được may mắn”. Rồi từ đó trách Trời, trách thân phận mình, mà không chịu tìm ra nguyên nhân.

Vậy nguyên nhân của nó là gì?

- Là Tình thương.

Từ Tình thương mới có Đức hạnh (2). Đức hạnh sinh ra Phước. Và Phước sinh ra sự may mắn.

Hay ngược lại, sự may mắn này sinh từ Phước. Phước được sinh ra từ Đức.

(1) *Linh hồn cảm ứng*: là sự linh cảm của linh hồn với những điều gì liên quan đến bản thân, mà tâm hồn không có được những khả năng đó.

Điều này xảy ra, khi tâm hồn phải hoàn toàn bình an, thì linh hồn mới cảm ứng được.

(2) *Hành vi chứa đựng đức độ*. Hành động có đức tính, trong đó sinh động Tình thương.

Và Đức thì do Tình thương.

Đối với người không có may mắn, thì Tình thương tha nhân chẳng có.

Tình thương này không có, thì làm sao có Đức độ. Không Đức độ, làm sao Phước được sinh. Phước đã không, làm sao may mắn xảy ra.

Tóm lại:

May mắn, Phước, Đức đều được sinh ra từ tình thương.

c. Sự may rủi do Tâm châu biến

Trạng thái và thể linh thiêng trong Tâm châu biến ra ngoài tạo nên sự may rủi, trở ngại hay thuận lợi cho cuộc sống.

- *Tâm động do Khí Âm* (tâm trạng do Khí của hạ tiêu dao động) tỏa ra, tạo nên sự rủi ro, trở ngại... Bởi vì Tâm ảnh hưởng đến người và vật xung quanh. Và ngược lại, trong sự động loạn đó tạo nên sự rủi, trở ngại cho “người có tâm động do Khí Âm” tỏa ra.

- *Tâm do Khí Dương tỏa ra ngoài* thì Tâm của tha nhân dễ thông cảm. Việc giao tế của người đó với người xung quanh sẽ nhẹ nhàng, dễ chịu hơn, kể cả các loài thú dữ, chúng cũng giảm hung hăng.

- *Tâm chọn không sinh động* khi tiếp xúc với người khác, hoặc đang muốn giải quyết một việc gì, thì việc đó được thực hiện trong sự may mắn bất ngờ.

(Các nhà khoa học chân chính với Lương Tâm, Tánh, Trí... không có tâm trạng trong sự phát triển kiến thức, muốn phục vụ tha nhân, nhờ vào tinh thần đó, mà họ luôn gặp may mắn và thuận lợi).

8. Việc làm của con người và Tạo hóa

Việc con người làm cho con người, dù việc đó gián tiếp hay trực tiếp, chúng vẫn hữu hình, nên con người nhận ra, cũng đoán biết được.

Nhưng việc làm của tạo hóa thì vô hình, con người không thể đoán biết được, chỉ khi nào hiệu quả xảy ra, con người mới biết được, trừ ra người nào được mặc khải.

Có những tạo vật, tác tạo sinh động trong con người, mà con người không nhận ra được, như bản thể của vũ trụ trong tiêu vũ trụ, khả năng thông Thiên, cảm Địa, và vô số những thứ khác xảy ra trong suốt cuộc đời v.v...

- Trẻ thơ, tuy trong cơ thể đã có năng lực tiên thiên và hậu thiên, nhưng hai loại lực này chưa phát triển mạnh để có thể thu được nhiều và phát ra xa.

Vì chúng chỉ có Tánh hồn nhiên và Trí quan sát, còn Trí nhớ còn kém. Chúng chưa có Tâm sinh động, hay là tâm hồn chưa được tạo nên.

Như vậy, *Tâm hồn là nơi mà hai loại năng lực sinh động. Và cũng là nơi, con người cảm thông được những gì có trong Trời đất.*

Nếu Tâm hoạt động, hay là Tâm có tình cảm, là con người cảm thông được với con người, với những gì thuộc về Khí, Thủy quanh địa cầu.

Trái lại, nếu “*Tâm chơn không*” (Trí ý thức được trạng thái hư không của Tâm) thì tâm cỡ châu biến của nó vượt qua bầu khí quyển. Và đó là năng lực tiên thiên hoạt động.

Hay là:

“Năng lực tiên thiên hoạt động, khi Tâm đang trong trạng thái chơn không” (1).

Tóm lại:

Thông Thiên, cảm Địa... đều do hai trạng thái của Tâm. Đó là: sự dao động và sự chơn không của Tâm.

“Thông Thiên do Tâm chơn không

Cảm Địa do Tâm động”.

a. Bản thể của tiêu vũ trụ

Đó là sự sinh động thuần túy của 4 thể linh thiêng trong con người.

Bản thể này xuất hiện khi những sinh hoạt của Thân, Tâm, Trí liên quan đến bản ngã cá nhân không còn hoạt động, hay ngưng động hoàn toàn.

Hay là, sự Sáng của Trí không xúc tác vào các thể linh thiêng. Hoặc, ngược lại, sự Sáng của Trí không thu nhận những gì mà ba thể linh thiêng kia truyền vào.

b. Tâm địa con người hiện ra ở đâu?

Trẻ thơ với diện mạo hồn nhiên do Tánh, Trí, chúng chưa có định kiến, dự kiến.

Nhưng khi có tâm trạng và tư tưởng trong sinh hoạt thì tính Thiện hoặc Ác trong đó tạo nên đặc thù của tâm địa.

Đặc thù của tâm địa, mặc dù sinh động bên trong, nhưng nó cũng tỏa ra, và hiện nơi diện mạo. Đó là diện tướng (hay là tâm tướng hiện ra trong diện mạo), đặc biệt là ở con mắt, nơi tâm địa con người hiện ra và biến đổi một cách linh hoạt.

c. Thiện Ác sinh hóa từ tâm hồn

Mọi hiện tượng đều có nguyên nhân. Cũng vậy, mọi sinh hoạt nhón nháo đầy Thiện, Ác trong xã hội đều do nơi Tâm. Và việc tạo nên cường độ của Thiện, Ác là do Trí.

Tức là, “nguồn gốc tạo nên Thiện, Ác trong xã hội do Tâm, Trí con người”.

Ngày nay, xã hội đầy sự đại Ác, đại Thiện (2), tất cả đều do tâm hồn con người.

Trí khôn con người ngày nay phát triển rất nhiều. Và Thiện, Ác cũng theo đó gia tăng theo quan niệm sống của con người.

Nếu lo Danh, Lợi, Quyền, Thế... cho mình, gia đình, họ hàng, hoặc dân tộc của mình theo sự bất công, thì Trí khôn đó sẽ tạo nên điều Ác.

(1) Mọi phương pháp để “chơn không hóa Tâm”, là “cường hóa năng lực tiên thiên”. Cảm ứng được với sinh linh của thế giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên... đều do năng lực tiên thiên.

(2) Thánh là người phải có đại Trí, chí Thiện, mới nên Thánh thiện được.

Sự Thánh thiện phát sinh từ đại Tâm, đại Trí.

Trái lại, theo sự công bằng, hơn nữa là Tình thương, thì Trí khôn đó sẽ tạo nên những điều Thiện.

Vận dụng Trí để khám phá ra bản chất, bản tính và tính năng của Thiện Ác lại không dễ.

Con người khi dùng Trí mà suy nghĩ thì khôn ra. Nhưng nếu chưa nhận ra sự thật của sự việc thì Trí khôn vẫn ấu trĩ, chưa trưởng thành.

Không khám phá ra sự thật của sự việc đưa đến sự nhận định sai.

Đa số con người tự mình làm khổ mình. Điều này do sự nhận định của chính mình.

Nhiều việc đơn sơ, đơn giản, không cấp bách, không quan trọng..., tự mình cho là quan trọng, cấp bách, làm cho việc trở nên nghiêm trọng, khiến cho tâm hồn bức bối, giận dữ...

Còn những việc quan trọng (như sinh mạng, tài sản, sức khỏe... của người khác) thì coi rất đơn sơ, không quan tâm... do sự cầu thả, làm khổ người.

- Như vậy, “nhận định sai là làm khổ mình, khổ người”.

“Nhận định đúng, chẳng làm khổ ai, mình chẳng phải khổ, mà người khác cũng không”.

“Một trong những nhân tố quan trọng của Hạnh phúc là luôn luôn nhận định đúng mọi sự việc”.

Nhận định sai, Trí luôn đi với sự tối tăm; nhận định đúng, Trí luôn sinh động với sự Sáng.

Cho nên nói rằng: “Con cái của sự tối tăm, phải Khóc, mới Khôn, mới sáng ra.

Con cái của sự Sáng, lòng Vui, cười (mỉm cười), được khôn, được sáng suốt thêm”.

Sự việc liên quan đến ngoại cảnh, khám phá ra sự thật của sự việc đã tương đối khó rồi, với Thiện Ác lại càng khó hơn. Nhưng con người không thể không quan tâm đến, vì nó vừa là yếu tố, vừa là động lực để tiến hóa đời sống con người vào sự hoàn thiện, liên quan đến Lương Tâm.

Vì sao?

- Vì Thiện, Ác là hai yếu tố khơi động Lương Tâm con người.

Lương Tâm con người bắt đầu được khơi động, khi con người cảm nghiệm được hiệu quả, hay tính chất Thiện, Ác trong tư tưởng, hành động.

Lương Tâm khơi động, lúc đó con người nhận rõ được bản chất, bản tính và tính năng của thú tính, nhân tính và Thiên tính ngay trong con người của mình.

d. Thú tính, nhân tính cũng có điểm tương đồng

Độc thú: mắt không nhắm.

Độc nhân: mắt nhìn đăm đăm.

Mãnh thú, ác thú: gầm rống.

Ác nhân: la, hét.

Cho nên âm thanh của người ác, hung, dữ... thì mạnh mẽ hung hãn, còn âm thanh của thiện nhân có tình thương thì êm dịu, ngọt ngào.

Vì vậy, nghe âm thanh phát ra, dùng Tâm mà nghe, cảm nhận, thì rõ được tâm địa của con người, thấu được bản tính của thú vật.

Thú tính và nhân tính có những điểm giống nhau:

- Mãnh thú ăn quá no: nó bớt hung hăng.

Người hung dữ ăn no: cũng bớt hung dữ, ồn ào.

Còn độc nhân: dù no, hay đói, lúc nào cũng độc.

e. Sự gia tăng của Thiện, Ác

Lòng mình vui, khi thấy người khác sống trong thanh bình, an lạc: đó là Thiện tánh.

Còn Ác tánh, khi thấy người khác sống trong thanh bình, an lạc... lòng mình sinh bực bội, ganh ghét.

Thiện, Ác đều do nhân tâm mà có. Cũng vậy, Thiện đàng, Địa ngục cũng do nơi đó, tức là do nơi Thiện Tâm và Ác Tâm.

Sinh ra và lớn lên, từ Tánh hồn nhiên, con người chưa phân biệt được Thiện, Ác. Nhưng khi tâm hồn rung động theo đối tượng trong và ngoài, ta và người, từ đó bản tính của Tâm sinh động mà sinh hóa ra sự Dữ, Độc, Ác, Thiện. Chúng “sinh sinh, hóa hóa” ra vô tận tâm địa, vô số bản tính của Tâm (như phàm tâm, thiện tâm, thánh thiện tâm, ác tâm...)

Chỉ có Trí minh mẫn mới thấy trước, biết trước sự diễn tiến do sự sinh hóa của mỗi bản tính của Tâm.

Như:

- Phàm tâm u minh che mờ, vẫn mãi u minh.

Sự Ác sinh động, con đường Ác mở rộng và dài ra.

Nếu sự Thiện sinh động ở Tâm, Thiện tánh càng lớn rộng ra.

Tóm lại:

- *Tính nào sinh động, Tính đó càng tăng. Và nó trở nên một năng lực của Tính đó.*

Cho nên nói rằng: “*Thiện tính, Ác tính, Đức tính, Ác đức tính v.v... đều là năng lực cả*”.

Điều gì làm cho Ác tính, Thiện tính sinh hóa?

- *Hơn thua, tranh chấp...* sinh ra buồn phiền, đau khổ.

- *Nhân hậu:* Tâm hồn luôn bình an.

Vui lúc cho ra.

Lòng không muốn hơn thua, tranh chấp với người.

- *Nhân hậu và Trí suy nghĩ hướng vào trong để suy nghĩ:* thì tự mình tiến hóa, không hơn thua, tranh chấp với đối tượng bên ngoài.

Hay là:

- Hòn thua, tranh chấp: Ác tính sinh

- Nhân hậu bình an: Thiện tính sinh

(Đức tính, Đạo tính, giáo lý nào làm cho tâm hồn con người được bình an, nhân hậu... là chúng tạo cho Thiện tính sinh).

3. Mức tiến hóa trong sự biểu hiện của tiền căn trong hiện tại

Sự biểu hiện của mức tiến hóa của quá khứ xảy ra trong hiện tại liên quan đến nhiều sinh hoạt, đến số mạng, thân phận, Họa Phước của Nhục thân, Đạo Đức của Tâm, Trí, Lương Tâm, đến trạng thái siêu thoát, tiền kiến cho tương lai của một loại thân, thấy được cuộc đời của quá khứ, Biết và Hiểu cái Lý, hiểu được tiền căn v.v... để hiểu được tiền căn, tu và có thể đắc đạo được.

a. Số mạng con người liên quan đến quá khứ và hiện tại

Nguồn gốc của sự sống, sự chết đều xuất nguồn từ sự Sáng. Tất cả những hệ có Dương và Âm cũng đều từ đó mà ra, như hệ thần kinh giao cảm (hệ động vật), và đối giao cảm (thực vật).

Cả hai hệ đều sinh động liên quan đến vũ trụ, đến Thiên Cơ, Thiên Năng. Cho nên sinh mạng con người có số mạng (số mạng ngắn dài của Nhục thân qua hệ Khí, Huyết, mà mức độ ngắn dài của nó lại do Điện, hay là do tư tưởng sinh động trong quá khứ và trong hiện tại).

Nói cách khác, *“những gì sinh động một cách tự động không liên quan đến sự chủ động của con người thì nó thuộc về vũ trụ”*.

Như vậy, *“trong sinh hoạt, có lúc con người thuộc về vũ trụ, có lúc thuộc về con người”*.

Ví như, tim tự động đập (động), khi không có tình cảm hoặc không có cảm giác nổi lên (tĩnh). *Tự động đập trong trạng thái “Tĩnh” là “động trong tĩnh”*. *Trạng thái này thuộc về vũ trụ, dù thức hay ngủ*.

Tim đập bất thường, khi có tình cảm hoặc tư tưởng nổi lên, là *“động trong động”*. *Trạng thái này thuộc về con người*.

Cả hai trạng thái này xuất nguồn từ sự Sáng. Người thường đang sống, không biết được cái chết của Nhục thân.

Muốn biết được cái chết của Nhục thân, con người phải ở trong trạng thái chết.

Trải qua trạng thái chết rồi, con người mới phân biệt được sự sống, sự chết của Nhục thân do ở bộ phận nào.

Sự sống, sự chết của Nhục thân do ở hệ thần kinh đối giao cảm (thực vật) mà chính nội lực trong đó mới là yếu tố quyết định.

Nội lực của hệ thần kinh là Điện lực (trong đó tiềm ẩn sự Sáng sinh động).

Sự tăng giảm của Điện lực trong hệ thần kinh này cũng là tăng giảm của sức sống của Nhục thân.

Sự ngưng động của Điện lực, là sự chết của Nhục thân (sự chết thật, hoặc sự chết tạm thời do Trí điều khiển).

Khi nào Trí điều khiển được sự sống, sự chết của Nhục thân, lúc đó con người mới làm chủ được sự sống, sự chết của Nhục thân.

Trong trạng thái của Thái cực, chẳng còn Dương, chẳng còn Âm riêng biệt. Sự sống cũng là sự chết, hay là sức sống không còn sinh động nữa, thì sức sống cũng là sự sống. Đối với con người, chính trong trạng thái Hư vô (chơn không), Dương và Âm của sự Sáng mới hợp nhất, mới trở lại Thái cực.

Sự sống, sự chết mới hợp nhất để trở thành sự sống của vũ trụ. Sự Sáng Dương và Âm hòa nhập vào nhau để thành sự Sáng, sự sống cũng là Tuệ vậy, đối với con người.

b. Biểu hiện mức tiến hóa của quá khứ trong hiện tại

Biểu hiện này liên quan đến sức hiểu, biết, tính khí, sự cao thượng, tâm đạo v.v...

Sự Biết và Hiểu

Nhờ 5 giác quan, con người “Biết” được, hay nhờ vào Thân mà Trí quan sát biết được sự việc của con người, thu nạp và cảm nhận được những hiện tượng trong thiên nhiên.

Có người quan niệm, “Biết” nhiều sự việc của con người, những hiện tượng trong trời đất, là “Hiểu” được tất cả những điều đó.

Thật ra, “Biết là phần đầu của Hiểu”.

Nhờ “Biết”, mà Trí suy nghĩ hoạt động, để con người có thể khám phá, hay nhận ra nguyên nhân của sự việc, và những hiện tượng được cảm nhận qua giác quan.

“Biết không mang tính khách quan, nhưng “Hiểu” tạo cho con người sự thông minh, sự chủ động.

Trẻ con, người lớn, cái “Biết” giống nhau, nhưng “Hiểu” thì khác nhau.

Ngày nay, phương tiện thông tin quảng bá rộng rãi, con người “Biết” nhiều, nhưng “Hiểu” thì ít.

Có thể nói rằng: “*Biết vẫn là sự ấu trĩ, sự non nớt của Trí khôn, còn Hiểu là sự trưởng thành sự từng trải của Trí con người vậy*”.

“*Hiểu*” là chức năng, đồng thời cũng là động lực vô hình thâm nhập vào cái Lý, là sự thật sinh động trong mọi hiện tượng, tạo vật..., tức là thâm nhập vào cái tuyệt đối.

“Những gì tương đối, thuộc về tạo vật

Những gì tuyệt đối thuộc về sáng tạo”.

Như Tâm con người, tạo vật vô hình, nhưng lại liên quan đến nhân sinh,

mang tính tương đối còn đối đãi, so sánh về Thiện, Ác.

Còn trong Lý, chẳng có sự Thiện Ác, chỉ có sự tiến hóa, không cần đến đối tượng để so sánh, để tiến hóa. Nó thuộc về sự sáng tạo của vũ trụ.

Nếu con người hiểu được cái Lý thì “Hiếu” là một yếu tố quan trọng làm thay đổi nhân cách, nhân phẩm theo hướng đi lên, từ sự “từ bỏ thú tính sang nhân tính”, và cao hơn nữa sang “thiên tính”.

Nó toát ra sự cao thượng, sự siêu thoát trong sinh hoạt.

Bên ngoài, đời sống dường như tiêu cực, nhưng nếu nhận rõ, nó rất tích cực với những hoạt động luôn mang tính vô vi.

Sự uyên thâm trong sự bình dị và đơn sơ toát ra tính cao thượng của một chơn Ngã. Còn sự cầu kỳ trong bản ngã là một trong những nguyên nhân của sự lịch sự, mà con người dễ nhận ra.

Ngay cả sự nhận biết được thân phận, số mạng con người cũng không khó bằng sự khám phá ra sự uyên thâm của sự Hiếu của một chơn Ngã.

- Như thân phận, xem nơi cốt tủy.

- Số mạng (của con người bình thường) do nơi hệ thần kinh đối giao cảm (thực vật).

- Sống, chết (bất ngờ của Nhục thân) do nơi Thần (Thần hồn). Nơi nhận ra được Thần hồn do nơi ánh mắt (lực tỏa ra từ con người).

Nhưng sự uyên thâm của sự Hiếu chứa đựng chứa đựng sự siêu thoát, có nghĩa là con người đang sống mà đã siêu thoát rồi vậy.

Không phải thân xác con người siêu thoát, chỉ có tâm hồn, linh hồn mới siêu thoát được thôi.

Trong trạng thái siêu thoát, sự linh thiêng, mẫu nhiệm luôn sinh động trong mọi thời, 4 thể linh thiêng cũng sinh động trong mọi thời.

Như vậy, chỉ cần lúc nào tâm hồn, linh hồn thánh thiện sinh động, ngay lúc đó nó đã siêu thoát rồi.

Cũng vậy, chẳng phải đợi đến Nhục thân chết, các thánh nhân mới làm được điều lạ, phi thường. Tính cách linh thiêng và mẫu nhiệm đã chứng thực con người đó đã thuộc về vũ trụ rồi.

Tiền căn và tâm đạo

Đời sống khác thường trong hiện tại biểu hiện tiền căn trong mức tiến hóa của cõi siêu nhiên liên quan đến sự khơi động tâm đạo, như sự cảm nghiệm được sự tách ra của các loại thân từ Nhục thân, thấy được quá khứ và tương lai của một loại thân.

Tâm đạo được khơi động, con người có thể dễ dàng tu và đắc đạo được.

1. Tâm đạo liên quan đến các trạng thái của Tâm, như “động và tĩnh”, mà ta thường gọi là Tâm động, Tâm chơn không (hay là Tâm trong trạng thái hư vô)

Tâm động (có tâm trạng): Khí, Điện, sự Sáng... tụ về tạng, phủ, tỏa ra khắp các tế bào của Nhục thân, như mưa, nắng, gió, khô, lạnh... đều ảnh hưởng đến sinh vật, thú vật.

Tâm chơn không (ở trạng thái Hư vô): Khí thân, Điện thân dễ dàng tách ra khỏi Nhục thân.

Dấu hiệu bên ngoài của tâm đạo liên quan đến tiền căn là sự trường thọ của Nhục thân.

Sự trường thọ của Nhục thân không phải tự nó làm cho nó được sống lâu mà chính là do những gì hình thành nó. Đó là các tế bào cực nhỏ hình thành Nhục thân.

Nói đến sự trường thọ, là nói đến sự sống lâu của những tế bào.

Sự sống lâu của những tế bào, phần chính là nhờ vào trạng thái Hư vô của Tâm – một trạng thái vô trọng lượng, vô trọng lực, trong lúc đó các tế bào không bị “oxy hóa” ảnh hưởng. Nhờ đó mà Nhục thân được kéo dài tuổi thọ.

Trái lại, nếu Tâm động (có tâm trạng) tuổi thọ bị ảnh hưởng:

- Lòng vui thì sống khỏe mạnh và lâu.
- Lòng buồn, sầu não... thì mau chết.
- Lòng bức tức, giận lâu thì mau già.

Ảnh hưởng của nó kéo dài khiến cho con người về già trở nên khó tánh.

Người già khó tánh, vì họ cứ tưởng là mọi lứa tuổi đều có sự suy xét, phán đoán, suy nghĩ như họ. Và cố định trên tư tưởng đó, người già trở nên khó tánh, đặc biệt với lứa tuổi thiếu niên và thanh niên, vì hai lứa tuổi này sinh hoạt rất ồn ào, náo nhiệt.

(Muốn làm giảm đi sự khó tánh, người già nên sống với trẻ thơ. Hòa được cuộc sống vào sự hồn nhiên của trẻ thơ nên nhẹ nhàng, linh hoạt hơn.

Nếu không có trẻ thơ, người già phải có thú cưng như mèo, chó v.v...)

2. Tâm đạo được khơi động, phần lớn nhờ vào sự thấy được quá khứ và tương lai của một thân.

Hiện tượng này xảy ra như thế nào?

- Nhờ tâm hoạt động rộng lớn và dài hơn về thời gian sinh động, mà một loại thân này có thể thấy được quá khứ và tương lai của một thân khác (1), hay là có thể thấy được diễn tiến của một loại thân khác. Như:

- Khí thân thì thấy được quá khứ và tương lai của Nhục thân.
- Điện thân thấy được quá khứ và tương lai của Khí thân và Nhục thân.

(1) Tương tự như một không gian rộng lớn bao trùm một không gian nhỏ hơn. Trên phi cơ, người ta có thể thấy được sự chuyển động của các loại xe trên mặt đất, cùng với sự diễn tiến của chúng.

- Quang thân thấy được quá khứ và tương lai của Điện thân, Khí thân và Nhục thân.

3. Sự tiến hóa của đời sống tâm linh hiện sinh cũng nhờ vào tiền căn khơi động tâm đạo. Nó biểu hiện trong sự sinh hoạt về người có thể Tu được, và người có thể đắc đạo được.

- *Người nghe Đạo lý, Đạo pháp, không nhằm chán và hiểu được..., người đó có thể Tu được.*

Nếu Hiểu được và thực hành không nhằm chán, không bị lay chuyển, thì người đó có thể thành Đạo (đắc đạo) được.

Nghĩa là, “*người có Tâm Đạo sinh động không ngừng (1), là người có thể đắc Đạo được*”.

- Người thích nghe Đạo lý, Đạo pháp, cũng hiểu được, nhưng lòng còn lo toan việc đời, là “*là người có Tâm tu, nhưng không thực hành được*”.

Cho nên nói rằng: “*Việc đời đa đoan, Tâm đạo non nớt*”.

- Người nghe Đạo lý, Đạo pháp không hiểu gì hết nên không thích, đó là phàm nhân.

- Người mà thú tánh còn nhiều thì không muốn nghe Đạo lý, Đạo pháp.

Về Tâm đạo và tiền căn, có 3 cách sinh hoạt của một người để nhận ra mức độ tiến hóa và Tâm tu.

- *Chỉ muốn biết:* muốn Nhục thân hưởng thụ, Tâm, Trí con người hướng ra ngoài.

Người này sống bằng đời sống vật chất.

- *Muốn Biết, muốn Hiểu:* Muốn có được điều Vui của Tâm, Trí; muốn có nhiều kiến thức (tài sản tinh thần).

Tâm, Trí con người còn hướng ra ngoài, và quay vào bên trong. Người này có thể Tu được.

- *Muốn Hiểu việc huyền bí, vô hình:* Trí con người quay vào trong.

Người này Tu rất dễ và có thể đắc Đạo được.

Tóm lại:

- *Muốn Biết:* chưa Tu được.

- *Muốn Biết và Hiểu:* có thể Tu được.

- *Chỉ hoàn toàn muốn Hiểu và hoàn toàn quay vào trong:* Tu nhanh, và mau đắc Đạo.

(1) *Người có Tâm đạo sinh động không ngừng thì không còn phản ứng tâm lý nữa, tức là phàm ngã không còn nữa. Cũng chẳng còn một đối tượng phàm nhân nào phải vẩn vương. Đây là một tâm hồn đã siêu thoát.*

4. Tiền căn và những bài học để tiến hóa

Đời sống hiện tại của một con người đã tiến hóa đôi khi cũng biểu hiện tiền căn trong sinh hoạt, tuy nhiên rất ít người nhạy cảm về sự khác thường trong những sinh hoạt đó.

Từ sự cảm nhận đến hiểu được mình đã trải qua tiền căn, số người này không nhiều. Tất cả những sinh hoạt đã có từ trước, là những bài học để tiến hóa những lực siêu nhiên của những bộ phận vô hình để vào sự sống.

Sự tiến hóa của con người căn cứ trên những sinh hoạt được mở rộng ra trong tầm thời gian (trong quá khứ và trong tương lai), tức là vượt qua thời gian của Nhục thân hiện tại về sự cảm, biết và hiểu.

Sự cảm, biết, hiểu trong quá khứ và tương lai, là những sinh hoạt liên quan đến sự tiên cảm, linh cảm, siêu kiến, tiên kiến, tiên tri v.v...

Những sinh hoạt vượt thời gian hiện tại không phải tự phát sinh, chúng thuộc về những chức năng của các trực giác quan, linh giác quan của Khí thân, Điện thân, hay Quang thân.

Như vậy, sự diễn tiến của sự tiến hóa của sinh hoạt con người để đi vào cõi hằng sống thuộc về thời gian, chứ không phải là không gian.

Sự sống, sự chết cũng thuộc về thời gian. Sự hằng sống cũng là thời gian.

Sự tiến hóa từ:

- Cảm giác, tình cảm, tư tưởng đến những sinh hoạt mang tính siêu nhiên, huyền bí như tiên cảm, linh cảm, tiên kiến, siêu kiến, tiên tri, khả năng của Thiên lý nhĩ, Thiên lý nhân, tha tâm thông... chỉ là những hiệu quả, chưa phải là kết quả cuối cùng, là đặc nhập vào sự hằng sống.

B. SỰ VĨNH CỬU CỦA HAI VŨ TRỤ

Sự sống luôn mang tính vĩnh cửu, sức sống chỉ tương đối.

Năng lượng trong 2 vũ trụ cùng một thể loại có thể hòa hợp vào nhau, tức là năng lực của tiểu vũ trụ có thể hòa nhập vào đại vũ trụ.

“Khi một đơn vị của một thể có đầy đủ đặc tính của một tổng thể có cùng một thể loại thì đơn vị đó hòa nhập được vào tổng thể của thể đó, và làm tăng thêm lực (thêm năng lực) cho tổng thể đó”.

Thí dụ: một phân tử nước hòa nhập vào một khối nước, phân tử đó làm tăng thêm lực cho khối nước đó.

Cũng vậy, *“sự Sáng của Trí, nếu nó ngưng chức năng riêng của nó thì sự Sáng thuần túy này có đầy đủ đặc tính của tổng thể của sự Sáng trong vũ trụ, nó hòa nhập vào sự Sáng của vũ trụ, và làm tăng thêm năng lực (huyền năng)*

cho tổng thể của sự Sáng”.

Ngược lại, *những gì mà tổng thể của sự Sáng chứa đựng (như Nguyên lý, sự sinh hóa, sự chuyển hóa, sự sinh động để tự tạo năng lực v.v...), thì sự Sáng thuần túy đó cũng chứa đựng.*

Theo những hiện tượng hòa nhập lực và năng lực vào nhau, con người có thể chủ động làm tăng tuổi thọ, trường sinh hay là có thể hằng sống.

Và chỉ có một thể linh thiêng duy nhất là sự Sáng (sự sống) mới có đủ đặc tính của sự Sáng trong vũ trụ, làm cho con người trở nên hằng sống, mà bộ phận vô hình và mẫu nhiệm chứa đựng nó, là các loại Trí (Trí, siêu Trí, Tuệ).

Nhưng chỉ có Tuệ (siêu siêu Trí) mới làm bức xạ được sự Sáng của vũ trụ được chứa trong sự Sáng của Trí. Và sự Sáng của Trí bức xạ ra từ sự Sáng của Thuần Trí (1) mới là năng lực của vũ trụ và hằng sinh động.

Với mỗi cá nhân, sự Sáng của Trí tăng mãi. Do đó, loài người ngày nay càng thông minh. Sự tiến hóa này xảy ra từ đời này sang đời khác.

Như vậy, có sự tự tạo năng lực và năng lực này tăng mãi.

(Năng lực của Trí khôn tăng mãi, nhưng tâm hồn có thể do nơi mình mà tiến hóa hoặc thoái hóa về phương diện Đạo, Đức, trong nhân sinh quan).

Hay là, con người có những bộ phận vô hình, mẫu nhiệm sinh động bằng sự Sáng và Điện liên quan đến cõi giới và thể giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên. Nhờ đó mà con người làm tăng mãi năng lực và huyền lực cho vũ trụ.

Trong đời sống con người, “cái dùng cực quý là cảm nghiệm được sự sống”.

Thương hại cho những người chưa tìm ra lẽ sống mà đã chết đi, hưởng gì là đã cảm nghiệm, hoặc sống bằng sự sống, mà chưa thể giúp cho nhân loại tiến hóa.

Nhưng nếu đã cảm nghiệm được sự sống và sống bằng sự sống rồi, dù Nhục thân chết đi, thì đời sống ở dương trần cũng chẳng có gì đáng tiếc cả.

Vì Nhục thân được sinh ra, tăng trưởng, Trụ, Diệt, hay là Thân sinh rồi lại bị Diệt, thuộc về địa cầu.

Tâm, Trí: sinh, tăng trưởng, chẳng Diệt, hay là Tâm, Trí: sinh và sinh động mãi, không Diệt, cho nên chúng thuộc về vũ trụ, thuộc về huyền năng.

Con người muốn có được sự vĩnh cửu phải đắc nhập vào sự hằng sống và làm chủ được tiểu vũ trụ.

Đắc nhập vào sự hằng sống là đắc Đạo, Lý Trí đồng bộ sinh động.

“Lý” vô cùng sinh động. Khi mọi sinh hoạt của con người xuất nguồn từ Lý, thì đời sống của người đó rất linh hoạt và sinh động. Mọi hoạt động mang tính tích cực.

(1) Thuần Trí: là Trí ở trong trạng thái không còn chức năng quan sát, nhớ, suy nghĩ.

Tức là, trạng thái thuần túy không còn chức năng hoạt động, chỉ còn sự Sáng sinh động, gọi là Thuần Trí.

Lý và Trí hòa nhập vào nhau thì Lý cũng là Trí. Người sống được như vậy, cũng là đắc Đạo, tức là đăng nhập vào sự sống. Sự sinh động vĩnh cửu, hay là đắc nhập vào cái “Một của Lý” vậy.

Cái “Một của Lý”, nếu sinh ra tư tưởng thì nó là tư tưởng chung của loài người. Nếu sinh ra tình cảm, nó là chơn tình, hay là tình cảm của loài người.

Cuộc sống không còn mâu thuẫn, đối đãi nữa. Và con người làm chủ được tiểu vũ trụ, có thể điều khiển được sự sống, sự chết của Nhục thân.

- Làm chủ được tiểu vũ trụ là làm chủ, điều khiển được mọi chức năng dưới dạng hữu hình (như hoạt động của thân thể và tứ chi v.v...), siêu hình (của Tâm và tâm trạng), vô hình (của những chức năng, bộ phận của Trí). Cũng có thể nói, là làm chủ tất cả những chức năng liên quan đến 4 thể linh thiêng là Huyết, Khí, Điện và sự Sáng. Hay là làm chủ luôn cả sự sống, sự chết (1) trong các loại thân được chứa đựng trong Nhục thân, và luôn cả Nhục thân nữa.

Sự sống, sự chết ở đâu trong con người có thể làm chủ được?

- Sự sống (sự Sáng) là nòng cốt, hay là năng lực chính của mọi sức sống. Nó tiềm ẩn sinh động trong mọi sức sống khác, hay là nó là huyền năng sinh động trong những lực khác là Điện, Khí, Huyết.

Sức sống càng ở bên ngoài, càng yếu; sâu ở bên trong, sức sống có trường độ dài hơn và cường độ mạnh hơn.

Trong thân thể con người, sự sống (sự Sáng) sinh động trong não bộ.

Điều khiển được sự Sáng trong não bộ là điều khiển được sự sống, sự chết của các loại thân, và có thể điều khiển được mọi lực sinh hóa và chuyển hóa theo ý muốn (2). Hay là, ý muốn được hiện thực bằng sự Sáng để sinh hóa và chuyển hóa những lực liên hệ.

1. Những sinh động trong sự vĩnh cửu

Tính vĩnh cửu liên quan đến thời gian vô hình, trong đó có những nhân tố mãi mãi sinh động, tác động đến đời sống của con người. “Từ Không sinh ra Có và “từ Có sinh ra Không”, qua sự biến thể, biến tướng, biến thái... mà một

(1) Khi con người giác ngộ được Nguyên Lý của vũ trụ với sự sinh động của sự Sáng của Tuệ, lúc đó, sự Sáng sinh động và hòa nhập vào sự Sáng của vũ trụ.

Sự Sáng này tiềm ẩn sinh động trong một chức năng liên quan đến 3 thể (Điện, Khí, Thủy). Khi đã thấu triệt được những chức năng một cách toàn diện, con người có thể muốn sống, hay muốn chết (tịch) một cách tùy ý.

(2) Phần lớn những pháp thuật đều từ sự điều khiển mọi lực (huyền lực, thần lực, tinh lực) mà ra. Tất cả đều do sự điều khiển sự Sáng ở trong những lực kia mà ý muốn được hiện thực và xảy ra tức thì.

số đạo giáo đã từng trải, thấy được “sự sống trong sự chết”, cảm nghiệm được “có sự diệu hữu trong sự chơn không” qua cái nhìn của Trí khôn, hoặc dễ nhận rõ trong thể giới giác quan qua sự biến thể của tạo vật.

Như, khi sức sống của hạt giống tan rã, lúc đó sự sống (mầm sống) của nó mới bắt đầu sinh động. Sự sống mới này, chứa đựng mọi sức sống.

Con người giác ngộ được điều này, là do ở Trí. Và từ Trí, mà “thể” để con người giác ngộ được, là sự Sáng. Hiện tượng xảy ra một cách mâu nhiệm.

Nhưng mâu nhiệm là gì?

- *Mâu nhiệm là một hiện tượng biến đổi từ “Không sang Có”, hoặc ngược lại từ “Có sang Không”.*

“Tĩnh biến đổi” trong hiện tượng do sự xúc tác của một năng lực mạnh hơn hết trên những năng lực bị xúc tác để biến đổi trong sự biến thể, biến tướng, biến thái... trong hai quy trình sinh hóa và chuyển hóa.

Thời gian xảy ra của sự mâu nhiệm có thể chậm, hoặc tức thì.

(Những thụ tạo hay những sinh tạo, sinh hoạt bằng sự Sáng có khả năng tiến hóa đến mức hằng sống, đều là sinh linh, trong số đó, có cả con người. Và con người có sự mâu nhiệm.

Sự mâu nhiệm xảy ra tức thì trong con người trong sự sinh hóa, đó là tư tưởng của con người được sinh hóa từ thể Sáng, sự Sáng của Trí khôn).

Ở sinh linh, mâu nhiệm được hiện thực do sự xúc tác của sự Sáng của siêu Trí, hay cao hơn là Tuệ... vào những thể khác có năng lực yếu hơn (Điện, Khí, Thủy).

Sự xúc tác của sự Sáng của siêu Trí và Tuệ, là siêu Ý và siêu siêu Ý.

Ở con người, do sự xúc tác của sự Sáng của Trí, siêu Trí và Tuệ (siêu siêu Trí).

Nhưng sự Sáng (thể Sáng) của Trí do “Ý” khởi động, chỉ ảnh hưởng đến nhân điện, Khí và Huyết trong Nhục thân mà thôi.

Vì vậy, Trí không tạo nên được sự mâu nhiệm bên ngoài Nhục thân, nên chỉ có sự kỳ diệu mà thôi.

Vì sao?

- *Vì sự Sáng (thể Sáng) của Trí chưa đủ năng lực thoát ra ngoài não để ảnh hưởng, hay xúc tác trực tiếp vào những năng lực yếu hơn như điện, Khí, Thủy... sinh động trong bầu khí quyển.*

- *Do đó, mà sự mâu nhiệm không hiện thực được.*

a. Sự linh thiêng và mâu nhiệm trong con người sinh động ở đâu và ở “thể” nào?

- Từ “Không sinh ra Có” là hiệu quả của sự mâu nhiệm, nhưng trong đó, tiềm ẩn sự linh thiêng. Trong đại vũ trụ cũng như trong tiểu vũ trụ, phải từ “sự chơn không của Tâm, Trí” mới sinh cái Có, đó là sự linh thiêng và mâu nhiệm.

Sự linh thiêng và mẫu nhiệm sinh động, tiềm ẩn trong sự Sáng.

Khi sự Sáng ngưng chức năng báo hiệu, xúc tác của nó ở 3 thể linh thiêng (Huyết, Khí, Điện) thì sự linh thiêng và mẫu nhiệm của nó mới xuất hiện.

Đầu, não là nơi chứa mọi sự linh thiêng, và từ đó sinh hóa ra những mẫu nhiệm.

Linh thiêng bao gồm: linh khiêu (lỗ tròn trên sọ não), linh giác quan, linh căn, linh cảm, linh hồn... tất cả đều ở não. Hay là tất cả những gì linh thiêng, liên quan đến vũ trụ đều sinh động trong não.

Nhưng thể được chứa trong não là sự Sáng. Vì vậy, sự linh thiêng của linh giác quan, linh căn, linh cảm, linh hồn..., đều từ sự Sáng mà được tạo thành.

Sự mẫu nhiệm và linh thiêng liên quan đến sự chơn không của Tâm và Trí.

Với các cõi giới trong con người, “sự chơn không” trong một cõi giới nào, làm tăng lực của nó trong cõi giới đó.

Thí dụ: Tâm chơn không.

Sự chơn không đó làm tăng Khí lực, Điện lực (tức là thần lực và huyền lực).

Điều này được minh chứng là ban đêm, khi ngủ, không còn một tâm trạng nào dao động, nên trong trạng thái chơn không của Tâm, nội lực được thu hồi, và tăng dần. Vì vậy, sáng sớm, khi thức giấc, tiếng nói mạnh. (Tiếng nói mạnh, là khí lực trong Nhục thân đầy đủ).

Sự chơn không của Tâm làm cho diện mạo được trang nghiêm, lòng mạnh mẽ.

Trái lại, Tâm còn động loạn thì lòng trở nên yếu đuối.

Lòng mạnh mẽ, hay yếu đuối là do ở “Lực” sinh động, hay là do tình cảm.

Những tình cảm nặng nề, như sợ, giận, lo..., là những lực rất mạnh, có sức tác hại đến sức khỏe của những người có loại tình cảm đó.

Tóm lại, *“tình cảm là Lực”, theo phương diện vật lý, nhưng với đời sống tinh thần, tình cảm mang nhiều vẻ đẹp của tâm hồn.*

Sự linh thiêng sinh hóa từ sự mẫu nhiệm có trong vũ trụ ở cùng khắp mọi nơi, mọi thời gian, chỉ cần Tâm, Tánh trong sáng, thì sự linh thiêng trong Tâm Tánh mới cảm ứng được sự linh thiêng trong vũ trụ mà sinh hóa ra sự mẫu nhiệm.

Nhưng làm sao khám phá ra sự linh thiêng và mẫu nhiệm trong con người?

- *Những sinh hoạt nào thuộc về cá nhân, thuộc hẳn về con người thì không có sự linh thiêng và mẫu nhiệm, như cảm giác và tình cảm cá nhân.*

“Còn những gì đã sẵn có sự linh thiêng và mẫu nhiệm trong vũ trụ mà sinh động trong con người, thì chúng linh thiêng và mẫu nhiệm, như những Lý vô hình, những đạo tính, Đạo Bi.v.v...”

Biểu hiện cái Lý bên ngoài là sự khôn ngoan.

Còn “hành động yêu thương” là biểu hiện của Đạo Bi.

Hay ngược lại, *“sự khôn ngoan và hành động yêu thương” chứa đựng sự linh thiêng và mẫu nhiệm.*

Muốn cho đời sống luôn có sự linh thiêng và mẫu nhiệm thì sinh hoạt chẳng

còn thuộc về bản ngã nữa, mà chúng xuất nguồn từ chơn Ngã.

Cũng như bầu trời chẳng có mây che phủ, ban ngày ánh sáng, mặt trời chan hòa, ban đêm, mắt nhìn rõ tinh tú.

Với con người, linh thiêng là sự sinh động nội tại của các thể trong nhiều trạng thái.

Như ngũ, Tâm, Trí không dao động, Huyết và Khí trở nên linh thiêng, nhưng con người không cảm nhận được.

Muốn cảm nhận và cảm ứng được sự linh thiêng, Tâm, Trí không dao động trong khi tỉnh thức.

“Linh thiêng là sự sinh động nội tại của các thể”. Tức là, các thể sinh động nội tại mà không dao động thì nó linh thiêng, hay là sự sống của sức sống của các thể mới linh thiêng.

Mầu nhiệm do con người tạo ra, là kết quả của sự linh thiêng xúc tác bởi siêu Trí và Tuệ.

Tất cả hai đều ở não bộ. Mầu nhiệm gồm 2 bậc:

- Chơn Tâm + siêu Trí
 - Tánh và siêu Trí
 - Tánh và Tuệ
- } não bộ

Sự hiện thực của linh thiêng và mầu nhiệm liên quan đến chơn Ngã, đến sự tu luyện, sinh hoạt... đều xảy ra. Nhưng tại sao có những người tu luyện, mà sinh hoạt có lúc linh thiêng, mầu nhiệm, có khi lại không?

- Những gì còn liên quan đến sinh hoạt của bản ngã, hay là liên quan đến các cõi giới Thân, Tâm, Trí của bản ngã, thì sự Sáng của Trí không linh thiêng, mầu nhiệm. Vì đó không phải là sự Sáng của Thuần Trí.

Muốn con người được linh thiêng và mầu nhiệm thì Trí không nghĩ đến Thân.

Trí không nghĩ đến Thân thì Phước, Họa chẳng sinh. Thân, lúc đó là Chơn Thân, nên Chơn Phước xảy ra.

Tâm không có tâm trạng thì Đức và Ác đức chẳng sinh. Tâm, lúc đó là Chơn Tâm, sinh động Chơn Đức, là những đức tính của vũ trụ sinh động trong Chơn Tâm.

Trí chẳng có gì liên quan đến bản ngã để suy nghĩ. Lúc đó, Trí là Chơn Trí, sự Sáng thuần túy sinh động, cũng gọi là Thuần Trí.

Tất cả 3 cõi giới (Thân, Tâm, Trí) không có gì dấy lên, lúc đó, chỉ có sự linh thiêng và mầu nhiệm sinh động trong con người.

Sự linh thiêng và mầu nhiệm chỉ sinh động trong sự sống (sự Sáng), không có trong sức sống. Hay là những hiện tượng mầu nhiệm và linh thiêng xảy ra từ sự sống (sự Sáng).

Với trạng thái nào, những hiện tượng lạ lùng xảy ra ở con người?

- Những hiện tượng đó chỉ xảy ra, khi con người được “Hư vô hóa” hoàn

toàn, tức là không còn bản ngã sinh động, ngay cả sự hiện hữu của Nhục thân, tuy có, nhưng cũng như tan biến.

Nói cách khác, không còn một cảm nhận nào về sự sinh động của sức sống nữa, chỉ có một ý thức duy nhất về sự sinh động của sự sống mà thôi. Lúc đó, “sự sống (sự Sáng) sinh động với tất cả sự linh thiêng và mẫu nhiệm trong đó” (1).

Không còn một cảm nhận nào về sự sinh động của sức sống, đó là con người đang trong “trạng thái Hư vô”, chỉ còn sự sống sinh động. Nhưng Trí khôn phải luôn ý thức được trạng thái Hư vô đó, vì trong đó có những nhân tố vô hình sinh động liên quan đến đời sống tâm linh của con người, đến các cõi giới khác.

Cho nên, muốn chuyển hóa sinh hoạt vào cõi giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên, Trí khôn con người phải nhập vào trạng thái Hư vô. Và sau đó mới có những sinh hoạt siêu nhiên.

Nói cách khác, là *“trạng thái Hư vô là bước đầu đưa con người vào sinh hoạt siêu nhiên”*.

Chính trong trạng thái này, con người cảm nghiệm được nhiều điều, hiện tượng lạ lùng, vượt qua khả năng của các giác quan.

Người nào thấy được sự mẫu nhiệm thì đời sống người đó ngày càng linh thiêng, dùng được các trực giác quan.

Đã có sự linh thiêng trong cuộc sống, con người mới cảm nghiệm được sự mẫu nhiệm.

Hai nhân tố (linh thiêng và mẫu nhiệm) là nền tảng, hay là nguồn sinh hóa ra công đức của chơn Ngã, của người sống bằng đời sống tâm linh có đức tin mạnh. Nó ít xảy ra, hoặc không xảy ra ở người tin vào bản ngã của mình.

Sự kỳ diệu của khoa học ngày nay do sự sáng tạo của Trí khôn, làm cho con người dùng những phương tiện, luôn cả người sáng tạo, tin vào chính mình hơn. Điều đó đưa đến sự tự phụ, kiêu căng. Do đó tính chủ quan càng tăng thêm.

Vì vậy, sự linh thiêng và mẫu nhiệm ít xảy ra, do con người kém, hoặc không có đức tin.

Người tự phụ, thường kém đức tin, và không gặp may, nhưng lại phải đối đầu với nhiều thử thách.

Cũng vậy, ở những thành phố lớn, văn minh nhiều người theo tôn giáo, nhưng họ học Đạo lý và thực hành Tình thương nhiều hơn là tin vào Đấng tạo hóa, và tin vào sự linh thiêng và mẫu nhiệm. Họ hưởng thụ thành quả của họ dưới dạng “Phước”, là sự sung mãn của đời sống vật chất. Vì vậy, những hiện tượng lạ lùng,

(1) Sự sống (sự Sáng) là nguồn sinh hóa ra tạo vật. Từ nguyên thủy, nó không có cảnh giới, cũng chẳng phải là một cõi giới, một thể giới nào.

Vì nó từ “Hư vô” sinh ra Có nên mới có sự phân biệt về cảnh giới, cõi giới... là những gì tương đối.

vượt qua sự hiện thực của Trí khôn con người, không xảy ra ở những nơi đó.

Những việc lạ lùng, phép lạ xảy ra trước nhãn quan con người, từ sự chứng kiến đó mà tâm hồn của họ đã được Thiện hóa rồi. Và họ có đức tin.

Nhưng cao hơn nữa, là sự linh thiêng và mầu nhiệm xảy ra trong Tâm, Trí con người mang tính mạc khải, như trong siêu kiến, siêu thính (siêu thính, siêu thị), thì linh hồn con người đã được “thánh hóa” rồi, sự thánh thiện bắt đầu sinh động trong sự cảm nghiệm.

Và từ đó, người đó để cho sự thánh thiện sinh động trong mọi sinh hoạt, mọi lúc, mọi nơi. Mà chẳng hề nghĩ đến công đức trong việc làm. Nhưng sự thánh thiện sinh động đó là công đức vậy.

b. Sự linh thiêng và mầu nhiệm trong tiểu vũ trụ

Trong tiểu vũ trụ sự linh thiêng và mầu nhiệm sinh động ở đâu?

- Sự linh thiêng ở trong Dương và Âm của sự Sáng. Và sự mầu nhiệm là sự sinh động nằm trong sự linh thiêng. Sự sinh động của sự mầu nhiệm liên quan đến Thiên Tuệ, Thiên Tánh.

Sự linh thiêng và mầu nhiệm có trong sự Sáng, nhưng mức độ của nó bằng nhau ở mỗi loại Trí (Trí, siêu Trí, Tuệ) không?

- Do hai yếu tố (không gian và thời gian), và châu biến, quang tỏa của sự Sáng qua các loại giác quan (giác quan, trực giác quan, linh giác quan) mà mức độ linh thiêng và mầu nhiệm có sự khác biệt.

1. Trí: sự Sáng của Trí được tạo nên do hai yếu tố không gian và thời gian trong tầm châu biến, quang tỏa của sự Sáng qua giác quan, mà tầm cỡ xa nhất là sự thấy.

2. Siêu Trí: sự Sáng của siêu Trí được hình thành chỉ do một yếu tố không gian, mà tầm cỡ châu biến của sự Sáng qua các trực giác quan.

3. Tuệ: sự Sáng của Tuệ được tạo nên do sự hợp nhất của không gian và thời gian như trạng thái nguyên thủy, khi chưa có một tạo vật nào được hình thành, để tạo vật đó có được không gian và thời gian do nó tạo nên.

Nói cách khác, sự Sáng của Tuệ không có không gian và thời gian, vô cùng rộng lớn như vũ trụ vậy.

Như vậy:

Sự linh thiêng và mầu nhiệm của sự Sáng của Tuệ (siêu siêu Trí) ở vào mức tuyệt đối so với hai loại Trí kia.

Trong con người, những bộ phận, cơ quan vô hình khó nhận ra, phương chi là những chức năng và sự sinh động của chúng, vừa huyền diệu, vừa huyền bí.

Nếu ta không nhận ra chúng, để học hỏi, vận dụng chúng, thì rất khó để tiến hóa nhanh được, đặc biệt là các loại Trí sinh động bằng sự Sáng.

Với đời sống con người, ta phải tìm ra trong sinh hoạt nào của Trí (cảm, biết,

hiếu) có sự linh thiêng và mẫu nhiệm?

- Theo hiện tượng vật lý, chỉ trong sự Sáng mới có sự linh thiêng và mẫu nhiệm. Và liên quan đến sinh hoạt, đến chức năng Hiếu, chỉ có sự Sáng thuần túy.

Như vậy, *“chỉ có trong sinh hoạt, chức năng Hiếu, mới có sự linh thiêng và mẫu nhiệm”*.

2. Đạo tính trong 2 vũ trụ

Đạo tính có trong hai vũ trụ là sự sống, và bản thể của nó là sự Sáng.

Trong con người, những gì thuộc về sự Sáng thì sinh động mãi, chỉ có Sinh mà không bị Diệt. Như sự Sáng của Trí suy nghĩ, Trí sinh hóa ra vô tận tư tưởng, Sinh và Sinh mãi.

Đạo tính có sự sinh động vô tận. Một trong những đặc tính của Đạo là sự sinh động mãi mãi, tức là sự hằng sống.

Thí dụ: Đạo Bi

“Đạo Bi là sự sinh động mãi mãi của Tình thương trong thể Sáng”.

Trong con người, nếu đắc Đạo Bi thì chỉ có một tình thương duy nhất sinh động mãi, không còn một tình cảm cá nhân xen vào (như giận, lo, sợ, ghét, hận, thù...).

Do đó, *tình thương này có sức sống gia tăng để tồn tại, để biến thành sự sống, tức là “sự hằng sống của Tình thương sinh động trong sự Sáng của tiểu vũ trụ”*

Vì vậy mà nó mẫu nhiệm, vì cái gì có sự sống thì nó mẫu nhiệm và linh thiêng. Nó thuộc về thể giới siêu siêu nhiên, tức là thuộc về toàn thể vũ trụ vậy.

Trong sự sinh động và chuyển động của những tạo vật to lớn đến nhỏ, như con người trong vũ trụ, chứa đựng ba đặc tính.

Ba đặc tính đó là:

Kỳ diệu, linh thiêng và mẫu nhiệm.

Mỗi thể giới và cõi giới có những đặc tính tương quan

- Thể giới và cõi giới tự nhiên:

Kỳ diệu (tiềm ẩn sự linh thiêng và mẫu nhiệm).

- Thể giới và cõi giới siêu nhiên:

Linh thiêng (tiềm ẩn sự mẫu nhiệm).

- Thể giới và cõi giới siêu siêu nhiên:

Mẫu nhiệm.

Ba đặc tính này sinh động trong sinh hoạt của con người dưới dạng Phước, Đức, Đạo liên quan đến Thân, Tâm, Trí, và đến nguồn gốc sinh hóa, tức là đến Thiên Tuệ, Thiên Tánh.

Nhưng làm sao biết được có Thiên Tuệ, Thiên Tánh có trong nhân tánh,

trong Trí con người?

- Ba đặc tính của vũ trụ có Thiên Tuệ, Thiên Tánh sinh động mãi mãi mà con người cảm nhận được qua 3 cõi giới Thân, Tâm, Trí của mình là Phước, Đức, Đạo.

Hay là, “Phước, Đức, Đạo biểu lộ Thiên Tuệ, Thiên Tánh trong nhân tánh, trong Trí con người”.

Sự sinh động mãi mãi từ nguồn sinh hóa xúc tác đến mọi lực có trong con người, nhưng dễ nhận ra nhất là ở Nhục thân (Thân).

Trong Thân người, mọi lực đều sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ và tự động, cho nên sự tiến hóa cũng tự động theo đúng với tỷ lệ mẫu nhiệm, và thời gian sinh hóa chuyển hóa của mỗi thể linh thiêng.

Mọi sự sinh hóa và chuyển hóa chủ động trong con người đều có sự can dự và xúc tác của sự Sáng của Trí (siêu Trí hoặc siêu siêu Trí). Sự xúc tác của sự Sáng càng lâu, hiệu quả của sự chuyển hóa càng nhiều.

Sự xúc tác của sự Sáng vào mỗi thể cũng là hiệu quả của đạo tính trong cả hai vũ trụ.

Sự xúc tác của sự Sáng (Dương và Âm) vào mỗi thể đưa đến những hiệu quả và tính năng khác nhau như:

- Sự Sáng xúc tác vào Huyết: sinh ra Khí, Điện.
- Sự Sáng xúc tác vào Khí: sinh ra điện, sự Sáng Âm.
- Sự Sáng xúc tác vào Điện: sinh ra sự Sáng Âm.

3. Tính vĩnh cửu trong thực tại và thể Sáng

“Thực tại”, là “thực tế của hiện tại”. Thực tại của thể Sáng mang tính vĩnh cửu. Vì sự Sáng (thể Sáng) là nguồn sinh hóa ra mọi tạo vật siêu siêu hình, siêu hình, và hữu hình. Nó luôn tồn tại, và từ thực tại vĩnh cửu này mà tất cả những gì có trong vũ trụ từ trước đến nay, và mãi mãi về sau, đều sinh động trong nó, luôn cả không gian và thời gian của địa cầu.

Con người của địa cầu sống với 3 yếu tố của thời gian, là quá khứ, hiện tại và tương lai. Đây là một quãng thời gian có giới hạn so với “thực tại của thể Sáng”.

Đa số nhắm vào “tương lai hư ảo” để sống hơn là vui hưởng trong thực tại. Và một số khác sống với sự “vô thường của quá khứ”.

Với người thường, vui hưởng trong thực tại, là sống trong thực tế hơn là nhắm vào tương lai để sống trong hư ảo, thế nhưng, tương lai luôn tạo cho con người hy vọng.

Trong thực tại, hưởng những gì vui là tốt, tránh những gì gây ra buồn khổ, hơn là hy vọng nhắm vào cái vui tương lai.

Vì sao vậy?

- Vì quá khứ, hiện tại và tương lai, tất cả những gì có trong đời sống gian

trần chi tương đối, không có gì là tuyệt đối cả.

Nhưng có một cái tuyệt đối.

Đó là nhận ra được sự tiến hóa và luôn sống bằng sự tiến hóa trong mình, và trong mọi thời gian.

Đây là một thực tế trong mọi thời không có sự hư ảo.

Từ thực tại dựa trên sự sinh động của thể Sáng, Trí khôn con người khám phá ra nhiều hiện tượng siêu nhiên và siêu siêu nhiên... sinh hóa ra từ thể Sáng, như sự thật của sự việc, các loại Vận, các cơ quan và chức năng vô hình v.v...

Sống trong thực tại với sự sinh động của thể Sáng... thuộc hàng đạo nhân. Đó là mẫu người suốt đời luôn sinh hoạt bằng sự tinh táo của Trí thông minh, bằng sự Sáng. Do đó, đời sống luôn biểu lộ được sự linh thiêng và mẫu nhiệm, và “chỉ có Trí và Lý trong mọi sinh hoạt”.

Nhờ đó, Trí khôn con người khám phá ra được sự thật của sự việc.

Thử hỏi, từ đâu con người thấy được sự thật của sự việc, và không thấy đúng được?

- *Trí quan sát + sự việc*: là sự thật của sự việc.

- *Tâm + Trí quan sát + sự việc*: không còn sự thật của sự việc... vì có tâm trạng, có phản ứng tâm lý, là có sự xét đoán, có định kiến về sự việc phải được giải quyết theo sự chủ quan của bản ngã cá nhân.

Như vậy, sự thật mà mất đi, đó là mầm mống của sự sai, trái, xấu. Ba yếu tố này tạo nên tội lỗi. *Còn sự công chính và chính đáng đưa sự việc về sự thật.* Và do đó, tội lỗi bị xóa đi.

“Sự thật” xem dường như thuộc về tinh thần, nhưng thực tế thuộc về vật lý, vì nó xuất nguồn từ thể Sáng (sự Sáng).

Ngay cả “Vận” cũng vậy. *Muốn biết được Vận, phải căn cứ trên luật sinh hóa của sự Sáng, tức là Vận được chuyển biến từ thể cực nhẹ qua thể nhẹ, và thể nặng hơn để hình thành những hiện tượng.*

Đối với con người, Vận bên ngoài do bên trong khởi nguồn.

Vận của Phước, Họa: do tâm trạng sinh ra.

Vận của Đức và Ác đức: do Trí trạng sinh.

Vận của Đạo và Ác đạo: do Tuệ sinh ra.

- Tâm trạng sinh ra Phước, Họa: cứ nhìn biết tâm trạng, thì rõ được Phước hay Họa ở con người.

Tâm trạng nhẹ, như vui, mừng: sinh ra Phước.

Tâm trạng nặng nề, như lo, giận, sợ: sinh ra Họa.

- Trí trạng sinh ra Đức, Ác đức:

Sự khôn ngoan do Trí và Lương Tâm của loài người hình thành, sinh ra Đức (đức tính).

Sự khôn khéo, tinh ranh, quỷ quyệt do Trí và Tâm cá nhân tạo nên, sinh ra

Ác đức (Ác tính, Độc tính).

- Thiên Tánh trong Tuệ, sinh ra Chơn Đạo,

Thiện Tánh trong Tuệ, sinh ra Chánh Đạo.

Quý tánh, độc tánh trong Tuệ, sinh ra Ác đạo.

(“Chơn Đạo”, “Chánh Đạo” và những gì cao siêu không xuất nguồn từ Nhục thân, mà từ những bộ phận vô hình và mẫu nhiệm như Tâm, Trí, siêu Trí, Tuệ, Tánh, Lương Tâm v.v..., tức là từ sự sinh động của sự Sáng bên trong).

Theo luật sinh hóa của sự Sáng, sự hình thành của thể cực nhẹ đến nặng là sự hình thành có tính cách tiếp diễn không đứt đoạn. Và “những thể được sinh hóa” đều được sinh hóa ra từ một không gian, không phải được tạo nên theo nhiều vị trí tiếp diễn, nhưng cùng một không gian, nhiều năng lực được sinh hóa ra từ sự Sáng sinh động trong một không gian cố định, như trong Nhục thân con người.

Sự sinh hóa của sự sáng tạo nên nhiều hiện tượng, tạo vật, sinh linh. Đến lượt mình, sự sinh động của sự Sáng trong những thụ tạo đó chuyển hóa một cách chủ động hay tự động, rõ ràng nhất là ở con người, với vô số sự sáng tạo.

Như “Tâm ma”, “Trí quỷ” là những tạo vật được tạo nên từ con người.

- Ma (người chết mà sống bằng Khí thân): còn tình cảm, do sự sinh động của Khí, toát ra từ Nhục thân, nhưng không còn cảm giác, vì Nhục thân tan rã. Khi nào Khí thân không còn tồn tại, tan biến đi, thì tình cảm cũng không còn. Tâm trạng (hay tình cảm) làm cho con người vui, buồn, cười, khóc.

- Còn quỷ hay Thánh là do Trí mà có.

Đây là quỷ và Thánh được tạo nên từ con người, từ địa cầu, do những bộ phận, cơ quan vô hình, với chức năng và khả năng siêu nhiên.

Trí chỉ có tư tưởng, không có sự can dự của Tâm, vì vậy quỷ Trí không có sự xúc động, cảm động, chẳng có nước mắt. Do đó, quỷ Trí chỉ là đại ác, cực độc.

Thánh Trí cũng do tư tưởng, nhưng có Lương Tâm can dự, cho nên là chí Thiện.

Những gì, từ bên trong con người toát ra như: ma, quỷ, thần, tiên, Phật, Thánh..., đều là năng lượng, liên quan đến Vận của vũ trụ, đến Thái dương hệ.

“Còn con người (nhân bản)”, do người có Trí, tạo ra không theo sự tự nhiên, (tức là không có sự rung động, cảm khoái của Thân, Tâm, trí) đúng là một tạo vật, mà không phải là một sinh linh.

Tạo vật chỉ có tiến bộ, nhưng không tiến hóa được như một sinh linh.

Người có Trí, tự tin, tự đại, tách mình ra khỏi Vận của vũ trụ, vì vậy tạo vật của họ cũng không nằm trong Vận.

Căn cứ trên cái Lý (trong Thiên Lý), và lấy nguyên liệu của Thiên Năng, để tạo nên tạo vật. Tạo vật này chỉ có hai nhân tố (Lý và Thiên Năng), thiếu mất Vận, nên chúng không hưởng được sự tiến hóa của Vận. Chúng có số mạng nhưng không có Vận mạng, không nằm trong Vận của Thiên Cơ.

Số mạng thì chỉ có Sinh có Diệt, không có Vận mạng, nên không rõ được sự

còn liên quan đến bản ngã.

Như vậy muốn “Vô Hữu hóa” cái Có của đời sống tinh thần phải làm sao?

- Nếu ta quên được bản ngã, hay không để bản ngã chủ động vào sinh hoạt của kiến thức (của dữ kiện), thì kiến thức, các dữ kiện đó có sự sinh động riêng của chính nó.

Sự sinh động riêng này làm tăng sự Sáng của Trí, nhưng với mức độ thấp và dần dần.

“Vô Hữu hóa” có tác dụng gì?

- Sự sinh động của kiến thức, của các dữ kiện được chứa đựng trong sự Sáng, làm cho sự Sáng được tăng dần, và luôn cả sự sáng suốt của Trí thông minh. Trí khôn tăng lên, và nó có sức sống tự động. Thế nhưng, sức sống tự động này chưa được hoàn toàn tự động sinh động, vì còn sự can dự của bản ngã và kiến thức (hoặc các dữ kiện).

Nếu không còn sự can dự của bản ngã và kiến thức thì sức sống tự động này (là sự Sáng của Trí) tự động sinh động và tăng dần lên bằng sự sống. Và sức sống trở thành sự sống.

Được như vậy, “sức sống cũng là sự sống”, “mà sự sống cũng là sức sống”. Nói cách khác, kiến thức (dữ kiện) cũng là sự Sáng, mà sự Sáng cũng là kiến thức.

Như vậy, “Vô Hữu hóa” có tác dụng, là Trí con người sáng tạo, đưa những kiến thức vào kho tàng của vũ trụ. Và đóng góp sức sống và sự sống vào năng lực của vũ trụ.

(Tất cả mọi vật thụ tạo, dù cực lớn hay cực nhỏ, cũng tạo ra lực, cho đến khi nó không còn khả năng nữa, nó tự hoại dần dần. Như cây sinh ra trái, từ ít đến nhiều, và ít dần lại. Đến sau, cây phải bị lão, rồi chết.

Trái lại, Trí con người, nhờ vào thể Sáng (sự Sáng), mà trở nên hằng sống).

b. Phương tiện đi vào sự vĩnh cửu

Ở con người, phương tiện để đi vào sự vĩnh cửu, sự hằng sống, là phải có tính vĩnh cửu ở cả bản chất, bản tính và tính năng của nó.

Với hai chức năng của vũ trụ, phương tiện này “chỉ sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ” để tiến hóa mãi, tức là “chỉ Sinh và Sinh mãi chẳng bị Diệt và chẳng ngưng động”.

Chẳng ngưng động, hay là “sinh động mãi” mới đạt được đến mức tuyệt đối. Trong mọi sinh hoạt, tính vĩnh cửu của sự hằng sinh động, tạo ra sự tích cực, dù cho sinh hoạt đó thuộc bất cứ lãnh vực nào, quan trọng hay bình thường (đối với sự so sánh của con người trong xã hội).

Sự quan trọng hay bình thường, mà không thể tồn tại được thì cũng chỉ là sự tương đối, không có sự sinh động mãi mãi.

Sự sinh động vĩnh cửu chỉ có ở thể Sáng (sự Sáng) của vũ trụ. Trong con người, thể Sáng của Trí bình thường có thể sinh động liên tục. Nhưng có lúc nó ngưng động, do ở sự chủ động của ý muốn con người, hoặc do sự thức, ngủ.

Như vậy, sự vĩnh cửu của sự Sáng của vũ trụ trong Trí bình thường bị con người giới hạn nó trong sự tương đối.

Do đâu xảy ra tình trạng, trạng thái này?

- Mọi sự việc còn mơ hồ vì người ta chưa khám phá được. Những điều đã biết, mà chưa dùng được, vì Trí chưa hiểu được. Con người cũng vậy, đa số chỉ biết mình đang sống, nhưng không biết hết những gì mình có để sống, thì làm sao Hiểu nổi cái mình có, để đưa mình vào sự hằng sống, dù ở con người đã sẵn có sự hằng sống, trong sự Sáng của Tuệ, sự trường sinh, trường thọ của sự Sáng của siêu Trí, và của Trí bình thường.

Biết rằng mình có Trí, nhưng không thể thấy được, nên phát sinh ra sự mơ hồ, ngăn chặn sự sáng suốt.

Với những người như vậy, khó giác ngộ Nguyên Lý vũ trụ, phải dùng đến sự Hiểu để lựa chọn giá trị, để tiến hóa dần dần, hay để gia tăng sự hiểu biết.

1. Lựa chọn giá trị để tiến hóa

Sự tiến hóa của con người biểu lộ ở tư tưởng nêu tư tưởng con người chỉ nói về nhân sinh thì những điều đó chỉ liên quan đến sự từng trải của cuộc đời, của đời sống của con người.

Nhưng nếu nói về vũ trụ thì những tư tưởng đó xuất nguồn từ cái Lý sáng tạo, liên quan đến sức sống, sự sinh động của mọi tạo vật, đến sự sống, sự hằng sống.

Hơn nữa, nếu đã giác ngộ Nguyên Lý của vũ trụ, và luôn sống bằng sự Hiểu của cái Lý, thì sinh hoạt của người đã giác ngộ không còn sự sai lầm. Cũng như vũ trụ chuyển động theo Thiên Lý, chẳng có một sai lầm nào xảy ra trong Thiên Cơ, và cứ mãi mãi như vậy.

Liên quan đến sự tiến hóa tương đối, hay tuyệt đối, là tất cả những tạo vật, có sức sống và sự sống. Còn những gì thuộc về hữu hình, siêu hình hay vô hình, mà không sinh động, tất phải chết, “dù có mà không sinh động”, cũng thuộc về vô tri, vô giác. Chúng không giúp được gì trong sự tiến hóa của sự sống con người.

Những tạo vật có sức sống và sự sống (sự Sáng) đều liên quan đến sự tiến hóa trong con người. Nhưng mức độ tiến hóa khác nhau của chúng ở chức năng và bộ phận.

Trong con người, có nhiều bộ phận, cơ quan (hữu hình, siêu hình, vô hình) với nhiều chức năng khác nhau. Theo đó, nếu cách sống của con người bằng những chức năng có sức tiến hóa nhanh thì mức độ tiến hóa của con người cũng nhanh.

Như người sống bằng cảm giác, đời sống của họ không tiến hóa nhanh như người sống bằng tình cảm (bằng Tâm). Và người sống bằng Tâm không tiến

hóa nhanh bằng người sống bằng Trí.

Đời sống bằng Trí, cũng vậy, người hoạt động bằng chức năng có sức tiến hóa nhanh thì người đó tiến hóa nhanh (như suy nghĩ tiến hóa hơn nhớ, quan sát).

Cuối cùng, với người sống bằng siêu Trí, Tuệ, thì người này có sức tiến hóa nhanh hơn người sống bằng Trí đơn thuần.

Tóm lại:

Mỗi chức năng và mỗi bộ phận trong con người có mức độ khác nhau về sự tiến hóa.

Ảnh hưởng của chúng lan rộng đến ba đời sống (vật chất, tinh thần, tâm linh).

Đời sống vật chất: Tâm, Trí lệ thuộc vào Nhục thân. Hay là, tư tưởng, tình cảm phục vụ cho cảm giác, nhục dục.

Tâm, Trí bị ngoại cảnh lôi cuốn.

Đời sống bên ngoài.

Đời sống tinh thần: Tâm, Trí hướng ra ngoài và luôn cả bên trong. Nghĩa là, tư tưởng và tình cảm hoạt động liên quan đến cả trong và ngoài.

Đời sống tâm linh: Tâm, Trí hoàn toàn sinh động bên trong, và sinh động trong sự chơn không của Tâm, của Trí.

Và từ đó, nhận ra cái Lý sinh động trong trạng thái Hư vô.

Bản ngã biến mất, và được thay thế bằng chơn Ngã.

chơn Ngã trong đời sống tâm linh nhận rõ và khám phá được những gì trong tiểu vũ trụ?

- chơn Ngã nhận rõ và khám phá ra:

“Tâm” vương Ngũ hành (1)

“Trí” toát Dương Âm

“Lý” trong Thái cực.

Hay là:

Ngũ hành (ngũ khí) sinh động trong tâm, tức là tâm trạng sinh động trong Tâm, liên quan và giới hạn trên địa cầu, thuộc về Thân.

Dương, Âm của sự Sáng sinh động trong Trí, liên quan đến cả vũ trụ, thuộc về đầu não.

“Lý” sinh động trong Thái cực, trong sự Sáng nguyên thủy khi sự Sáng (thể Sáng) chưa chia thành Dương và Âm, cũng là vũ trụ nguyên thủy khi chưa có tạo vật, chưa tạo Thiên, lập Địa.

“Lý” sinh động trong sự Sáng trong não (sự Sáng trong não là đơn vị của sự Sáng của vũ trụ, và được coi như tế bào của vũ trụ).

(1) Nhục thân (Thân) bị ảnh hưởng của Ngũ hành, của Âm Dương, tức là Âm Dương và Ngũ hành chi phối Nhục thân. Hay là, Tâm và Trí ảnh hưởng đến sự tốt, xấu của Nhục thân.

Tóm lại:

- Tâm vương Ngũ hành, sinh động trong Nhục thân.
- Trí toát Âm Dương, sinh động trong não, đầu.
- Lý trong Thái cực, sinh động trong sự Sáng nguyên thủy trong não.

2. Ba đời sống mở rộng

Sự sinh sản của con người, trong chức năng là sự thụ tạo trở về sự sáng tạo, với sự tăng trưởng sự sống (sự Sáng). Trong chuyển hóa: sức sống làm tăng trưởng sự sống (sự Sáng).

Sự cảm nhận của trực giác quan nhanh hơn những hiện tượng tự nhiên trong thế giới tự nhiên do giác quan đưa vào Trí.

Khi tốc độ của một hiện tượng nhanh thì thời gian nhận hiện tượng đó ngắn đi (như trong giấc mộng).

Ba đời sống mở rộng không gian của con người vào vô tận. Nó bỏ cái nhỏ hẹp của nhân sinh quan, mở rộng quan niệm, cách sống con người với vũ trụ quan.

Sự mở rộng quan niệm sống, một phần do sự cảm nhận của các trực giác quan, là sự tiến hóa của Trí sang siêu Trí.

Siêu Trí tăng Trí năng nhờ vào sự trung thu, cảm nhận những hiện tượng siêu nhiên, dù chưa chủ động ở thời gian khởi đầu, như hình ảnh và cảnh trong mộng. Chúng còn vương quá khứ, và tương lai, nhưng lại được nhận thấy ở hiện tại, dưới dạng siêu hình.

Từ hiện tại mà nhận thấy được quá khứ và tương lai, là sự mở rộng của thời gian, qua các trực giác quan, mà siêu Trí biết và hiểu thêm, từ vài chục đến cả ngàn năm với sự mở rộng đó.

Thời gian liên quan đến không gian. Và đây cũng là sự mở rộng của siêu Trí vào cõi siêu nhiên và luôn cả những hiện tượng siêu nhiên tiềm ẩn sinh động trong thế giới tự nhiên.

Với sự nghe, thấy những hiện tượng trong “hình ảnh” siêu nhiên mà siêu Trí hiểu được cái Lý siêu nhiên, lúc đó cũng sinh động cái Lạc (sự vui của Trí) trong Điện thân.

Hay là, “cái Lạc sinh động trong siêu Trí là lúc siêu Trí đang hiểu được cái Lý siêu nhiên”.

Sự mở rộng của siêu Trí và thời gian làm tăng thêm sức sống siêu nhiên, sinh hoạt và hoạt động trở nên tích cực hơn và đời sống luôn lạc quan.

Mức độ tích cực và lạc quan trong sinh hoạt liên quan đến sự Sáng của Trí, tức là liên quan đến sự mẫu nhiệm trong sự Sáng, mà tỷ lệ mẫu nhiệm của nó, tương ứng với mức tiến hóa.

Do vậy, sự cảm khoái, Lạc và Cực lạc là sinh động của một thể linh thiêng hay của nhiều thể linh thiêng phát sinh ra tỷ lệ mẫu nhiệm tương ứng với mức

tiến hóa.

Có thể nói rằng: *“Tỷ lệ mẫu nhiệm của một thể linh thiêng tương ứng với mức tiến hóa của con người, khi người đó sinh hoạt với một thể linh thiêng nào đó”*.

Thí dụ: một người sống và hưởng thụ với cảm giác, tức là thuộc về sự sinh động của thể Huyết (Thủy) là chủ yếu. Tỷ lệ mẫu nhiệm trong Huyết rất kém, nên mức tiến hóa của người này rất chậm.

Trái lại, một người sống và luôn sinh hoạt bằng sự Sáng là chủ yếu. Tỷ lệ mẫu nhiệm của sự Sáng ở vào mức tối đa, vì vậy mức tiến hóa của người này rất nhanh.

Tóm lại:

“Mức tiến hóa nhanh hay chậm của một cá nhân do cách sống, cách sinh hoạt của mình liên quan đến tỷ lệ mẫu nhiệm của thể linh thiêng sinh động trong sinh hoạt, trong đời sống”.

Có một điều rất chắc chắn là con người luôn tiến hóa, nhưng chậm hay nhanh là do nơi sự Hiểu và cách sống của mình.

“Hiểu rõ” mới tìm ra cách sống cho mình để tiến hóa nhanh. Và từ sự tìm kiếm, con người sẽ suy nghĩ để khám phá ra mức tối đa của sự linh thiêng và mẫu nhiệm, cùng với mức tiến hóa cực nhanh của con người có được ở vào lúc nào?

- Khi Thân, Tâm, Trí không vướng mắc vào sinh hoạt của cá nhân nữa thì chỉ còn lại sự Sáng sinh động mà thôi. Lúc đó, mức linh thiêng, mẫu nhiệm và mức tiến hóa của con người ở vào mức tối đa. (Như trong trạng thái hư vô của 3 nhân tố là Thân, Tâm, Trí).

Ngoài mức tối đa của sự linh thiêng và mẫu nhiệm, “Hư vô” là trạng thái quan trọng để con người có thể chuyển sinh hoạt sang những cõi giới và thể giới siêu nhiên.

Cần nói thêm là, khi muốn chuyển sang sinh hoạt ở thể giới siêu nhiên thì những gì thuộc về thể giới tự nhiên phải không hiện ra ở cõi giới tự nhiên, mà 5 giác quan đã thu nhận vào Tâm, Trí.

Nhưng thực hiện không dễ. Có 3 trường hợp, Tâm, Trí liên quan đến thể giới tự nhiên:

- Lúc tỉnh thức, Tâm, Trí hướng ra ngoài,
- Lúc tỉnh thức, ký ức và hình ảnh nổi lên trong Trí,
- Ngủ, vẫn còn tâm trạng nổi lên.

Lúc tỉnh thức, Tâm, Trí hướng ra ngoài.

Năm giác quan cảm ứng và thu nhận những hiện tượng và tín hiệu bên ngoài vào Tâm, Trí.

Lúc tỉnh thức, ký ức và hình ảnh nổi lên.

Dù cho con người có nhắm mắt, bịt tai..., nhưng trong Trí vẫn có những hình ảnh của quá khứ, của tư tưởng, hay những hiện tượng trong ký ức nổi lên... vẫn thuộc về thể giới tự nhiên.

Ngủ

Trong khi ngủ, chiêm bao với những hình ảnh tâm trạng nổi lên, phạm Tâm, phạm Trí vẫn hoạt động. Vẫn còn liên quan đến thế gian, thuộc về thế giới tự nhiên.

(Ngủ: không còn cảm giác, Tâm, Trí vẫn hoạt động, nhưng không ảnh hưởng đến Nhục thân, và Nhục thân cũng không ảnh hưởng đến Tâm, Trí.

Như vậy, *trạng thái này chứng tỏ, Tâm, Trí có sức sống riêng, có thể hoạt động được khi Nhục thân ngủ hay chết).*

Đây là Tâm, Trí vẫn hoạt động, khi Nhục thân ngưng, ngủ...

Tóm lại:

Cả 3 trường hợp cho ta thấy, không phải Nhục thân động loạn, mà chính Tâm, Trí con người vương vấn việc thế gian.

Như vậy, *chỉ khi nào Tâm, Trí không vương vấn một hình ảnh, hiện tượng nào thuộc về thế giới tự nhiên nữa, lúc đó Tâm, Trí mới cảm ứng được những gì trong thế giới siêu nhiên.*

a. Chức năng xúc tác trong sự tiến hóa

Sự tiến hóa của con người được biểu hiện ở sự mở rộng sinh hoạt vào ba đời sống. Đó cũng là sự mở rộng của thời gian, cùng với sự vận dụng chức năng xúc tác của một năng lượng có bản chất, bản tính và tính năng như năng lượng nguyên thủy của vũ trụ có trong con người.

Yếu tố chính yếu của sự sinh hóa và chuyển hóa của tạo vật, của sức sống (1) của chúng là chức năng xúc tác của năng lực mạnh vào năng lực yếu hơn.

Hay ngược lại, sự xúc tác làm cho tạo vật, sức sống... được sinh hóa và chuyển hóa, nghĩa là chúng bị biến tướng, biến thể, biến thái từ một dạng, một thể này sang một dạng, một thể khác.

Sự xúc tác gồm có hai loại:

- Xúc tác tự nhiên
- Xúc tác chủ động.

Xúc tác tự nhiên, tự động

Do các lực trong thiên nhiên, và những hiệu quả của năng lực còn tồn tại sinh động, do con người tạo nên.

Xúc tác chủ động

Do các sinh tạo có Trí khôn tạo nên, như con người và sinh linh, để tự tiến hóa.

(1) Sự sinh hóa và chuyển hóa của sức sống không xảy ra đồng bộ. Hai chức năng này luân phiên xảy ra.

Với đời sống, “sự sinh hóa và chuyển hóa xảy ra đồng bộ” để bản chất, bản tính và tính năng của nó tăng mãi, tức là “tự sinh động để tồn tại và tăng tiến”, như Trí suy nghĩ làm tăng sự Sáng.

(Năng lực trong con người, và cách dùng năng lực đó trong sinh hoạt, mới xác định được mức tiến hóa của người đó vào hàng các loại siêu nhân.

Khi con người biết ứng dụng năng lượng trong sinh hoạt và nhu cầu của đời sống thì con người đã biết được nguồn gốc của nó. Nhưng chỉ biết được phần nào giá trị của nó theo mức tiến bộ của Trí, hay theo trình độ ứng dụng).

Trong sự ứng dụng năng lượng trong sự xúc tác chủ động trong sự thông minh, tức là trong sự xúc tác của sự Sáng của Trí, con người mới cảm nhận được cái Vui bên trong, là Lạc và Cực lạc.

Đời sống con người có hai loại Vui:

- Vui nhất thời.
- Vui mãi mãi.

Vui nhất thời

Vui ở bên ngoài, do ngoại cảnh, sinh ra do những đối tượng hữu hình.

Còn đối tượng, lòng Vui. Mất đối tượng, cái Vui cũng tan biến.

Vui mãi mãi

Do Tâm an, Trí vui; do tâm hồn, linh hồn, Tánh siêu nhiên, do sự Sáng của Tuệ... mà có cái Vui bên trong.

Lấy cái Vui bên trong mà dùng bên ngoài thì không bao giờ hết, mà lòng không căng thẳng.

Ở con người, cùng một cái Vui, nhưng có cái Vui nhất thời, có cái Vui suốt đời.

Nhờ vào cái Vui bên trong, hay cái Lạc và Cực lạc với Tâm an, mà sự xúc tác của siêu Ý hoặc của siêu siêu Ý vào những năng lượng yếu hơn sự Sáng, mà sự mâu nhiệm được hiện thực.

Thật ra, sự mâu nhiệm trong nhãn quan của phạm nhân chỉ là sự hiện thực của sự sinh hóa, chuyển hóa của các thể linh thiêng trong cõi giới.

Sự hiện thực trong cõi giới siêu nhiên xảy ra trong trạng thái chơn không của Tâm, tức là sự Sáng tác động (hay xúc tác) vào thể “Điện” mà sự mâu nhiệm được hiện thực.

Cũng có nghĩa là linh hồn (siêu Tâm, siêu Trí) có khả năng hiện thực được siêu Ý bằng những thể linh thiêng của thể giới siêu nhiên (Điện, sự Sáng).

Cũng như tâm hồn (Tâm, Trí) có khả năng hiện thực “Ý” bằng những thể Khí, Thủy (Huyết) trong tiểu vũ trụ.

Vì vậy mà “sự chơn không” là một trạng thái mâu nhiệm.

Trạng thái mâu nhiệm của sự chơn không xảy ra như thế nào ở sinh hoạt liên quan đến các thể?

- “Không cảm giác”: sự mâu nhiệm của Huyết hiển lộ,
- “Không tình cảm”: sự mâu nhiệm của Khí hiển lộ,
- “Không có ký ức, không tư tưởng cá nhân” (Tánh và Trí trong thực tại): sự mâu nhiệm của Điện hiển lộ,

- Không còn chức năng của Trí hoạt động: sự mâu nhiệm của sự Sáng hiển lộ.

b. Sự khác biệt giữa kiến thức phiến diện và Toàn Trí trong sự tiến hóa

Sự khác biệt giữa các loại kiến thức do ở các phương tiện khác nhau như các loại giác quan, những bộ phận vô hình thu nhận những hiện tượng mà phát sinh.

Sự thu nhận nhiều hoặc ít, do sự cảm nhận của nhiều loại thân (Nhục thân, Thủy thân, Khí thân, Điện thân, Quang thân), hay chỉ một loại thân, với một số giác quan có giới hạn ở cả không gian và thời gian.

Trong sinh hoạt hằng ngày, trong mơ, mộng, siêu kiến..., các giác quan (và các trực giác quan) quan sát những hiện tượng. Nhờ đó, con người có ý thức, sinh ra Trí năng. Nhưng kiến thức vẫn chưa toàn diện.

Trong sự ngưng hoạt động của các loại thân (Nhục thân, Thủy thân, Khí thân, Điện thân) và tất cả các bộ phận vô hình liên quan, thì Quang thân hoạt động, và duy nhất chỉ có “linh giác quan” hoạt động với tầm nhìn toàn diện, con người (Vô ngã) ý thức được sự sống, sự Sáng sinh động. Tuệ giác ngộ Thiên Lý, nên Toàn Trí.

Tóm tắt:

- Giác quan (và trực giác quan) quan sát → ý thức → Trí năng tăng → kiến thức chưa toàn diện.

- Linh giác quan hoạt động → ý thức → Tuệ → giác ngộ Thiên Lý → Toàn Trí.

Từ kiến thức phiến diện đến sự Toàn Trí là một khoảng cách rất xa, ngay cả đến Điện thân với siêu Trí, mức độ hiểu biết đối với sự Toàn Trí cũng nằm trong giới hạn với sự mê mông, mặc dù sức hoạt động của nó rất rộng.

Có 3 loại thân chỉ có thể sinh hoạt trong bầu khí quyển (không dùng đến những phương tiện nhân tạo) là Nhục thân, Thủy thân và Khí thân. Còn Điện thân và Quang thân có khả năng hoạt động trên địa cầu và ngoài địa cầu, tức là cả trong vũ trụ.

Con người ở thời đại này tiến bộ nhiều, nhưng hiểu về những gì linh thiêng và mâu nhiệm thì chẳng được bao nhiêu.

Ở những thế kỷ trước, khoa học chưa phát triển đến mức cao như ngày nay.

Hiện nay, sự kỳ diệu của khoa học làm Trí con người mê mẩn, luôn cả tâm hồn nữa. Sự kỳ diệu của khoa học thay đổi quan niệm sống.

Nó xóa tan sự mê tín và dị đoan, nhưng đồng thời cũng làm giảm đức tin ở đa số những người chưa cảm nhận được sự mâu nhiệm trong đời sống của mình.

Do đó, đức tin hướng về những gì linh thiêng, mâu nhiệm kém hẳn.

Ngày trước đức tin khởi động từ Tâm (Lương Tâm) con người, ngày nay không thể lấy Tâm mà tin. Vì Tâm, Trí bị sự kỳ diệu của khoa học, của Trí khôn con người có đại trí, thượng trí sáng tạo làm chuyển hướng đức tin.

Vậy, con người muốn hướng về những gì linh thiêng, mâu nhiệm, thì đức tin

phải được khơi dậy từ Trí khôn con người.

Nếu đức tin được khơi dậy từ Trí khôn, đức tin sẽ trở nên xác tín.

Sự xác tín ở sự mẫu nhiệm đưa đến nhiều hiệu quả khác nhau do mức tiến hóa của Trí khôn.

Các nhà thông thái mà có đức tin, họ xác tín, (tuyệt đối tin tưởng vào) và trở nên khôn ngoan và can đảm.

Với người mê muội, có đức tin, họ xác tín, rồi trở nên cuồng tín và liều lĩnh.

Tất cả mọi sự khác biệt về sự phiến diện của kiến thức và Toàn Trí, hay là sự giới hạn của hiện tượng, sự vô hạn của cái Lý do sự nhận định của Trí khôn mà ra.

Hiện tượng, tuy rằng có vô số, nhưng nó vẫn mang tính tương đối. Còn Lý, chỉ có một, nhưng nó là tuyệt đối, vì đó là nguồn sinh hóa ra các hiện tượng.

Đi tìm cái Lý, có hai cách:

- Dùng hiện tượng (vô số) để tìm cái Lý bên trong.

- Nhập Lý (Trí nhập Lý: giác ngộ): từ cái Một mà biết và hiểu được mọi hiện tượng.

Trong đời sống còn hạn hẹp của thế giới tự nhiên, con người muốn hiểu được cái Lý trong những hiện tượng của thiên nhiên, phải có Trí suy nghĩ. Muốn có Trí suy nghĩ, phải có Tâm.

Loài thú không có được những bộ phận cực quý này, vì vậy, chúng chỉ sống trong một cõi, là cõi tự nhiên.

Con người có 3 cõi giới, và sống bằng 3 cõi, nên vượt trên muôn loài.

Muốn rõ được Nguyên Lý (1), con người phải sống bằng đời sống tâm linh, với hoạt động của 3 loại Trí.

Đời sống tâm linh cao hơn đời sống tinh thần (2 cõi), và đời sống vật chất (1 cõi), bởi vì đời sống tâm linh sống bằng 3 cõi.

Đây là đời sống toàn diện và toàn hảo, vì sinh hoạt luôn tích cực, với 3 đặc tính của vũ trụ là kỳ diệu, linh thiêng và mẫu nhiệm.

Thật ra, con người có được, nhưng chưa biết được mình có, nên chưa dùng được.

Như, sự linh thiêng, là trạng thái không có Ngũ hành sinh động, cực động và cực tĩnh.

Trong con người, khi Tâm và Trí ở vào trạng thái chơn không (Hu vô), nó rất linh thiêng.

Và “Ý” khởi phát từ sự linh thiêng, ý đó mới được hiện thực, mới có sự

(1) Những hàng đại trí, thượng trí sinh hoạt bằng 5 giác quan, chỉ khám phá ra những cái Lý trong những hiện tượng tự nhiên, không thể tìm ra được những Lý trong những hiện tượng siêu nhiên (siêu hình) vì đây thuộc lãnh vực của siêu Trí, hiểu biết và khám phá ra từ 3 trực giác quan. Và chỉ có Tuệ, mới giác ngộ được Nguyên Lý của vũ trụ mà thôi.

mẫu nhiệm.

Những gì lạ thường xảy ra trong con người, mà con người không thể hiểu được bằng Trí, thì nó thuộc về đời sống tâm linh.

Đời sống tâm linh không bị ảnh hưởng của Ngũ hành tiên thiên, theo Vận của vũ trụ liên quan đến Phước, Họa, Đức, Đạo... để tiến hóa sinh linh, tạo vật, trong đó có cả loài người, bởi vì đời sống tâm linh chỉ sinh hoạt bằng Dương và Âm của sự Sáng.

Từ sự Sáng có trong Tuệ, rõ được Vận này, thì biết được Vận của mỗi người, của dân tộc, chủng tộc.

C. SỰ KỶ DIỆU, HUYỀN BÍ TRONG NHỤC THÂN

Những gì huyền bí vượt quá sự hiểu biết của Trí khôn con người. Bình thường, Trí khôn con người không can dự vào sự sinh động, hoạt động của nó, nhưng nó vẫn tự động sinh động và hoạt động suốt trong sức sống kéo dài của Nhục thân cho đến khi Nhục thân không còn sức sống nữa.

Sự huyền bí này mất đi tính huyền bí khi Trí khôn con người biết được nguồn gốc sinh hóa của nó tạo nên sự sinh động, hoạt động trong Nhục thân, phát sinh từ Thiên Lý, Thiên Cơ và Thiên Năng với tất cả đặc tính của ba yếu tố đó trong đời sống con người.

Nếu mắt cứ mãi nhìn những hiện tượng hữu hình bên ngoài, dù tầm nhìn được kéo dài đến hàng triệu cây số, con người vẫn không thể khám phá được sự sinh động vô hình của 3 yếu tố trên.

Nhưng với cái nhìn quay vào trong của Trí khôn, con người mới cảm nghiệm được những sinh động vô hình, nhờ vào sự Sáng (thể Sáng) của Trí, mà cảm ứng được với sự Sáng tiềm ẩn sinh động trong 3 yếu tố đó có trong vũ trụ, trong đó có cả con người và những sinh tạo, sinh linh... chủ động sống với sự Sáng như một thể cơ bản để tiến hóa.

Trên tiến trình tiến hóa, với cái nhìn quay vào trong, Trí khôn con người cảm nghiệm được sự kỳ diệu của Nhục thân chứa đựng những bộ phận vô hình, nội lực, những chức năng liên quan đến sự sinh hóa, chuyển hóa, những trạng thái của sức khỏe của Nhục thân, và rất nhiều mối liên hệ đến tính chất siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Sự cảm nghiệm được những sinh động vô hình của Trí khôn nhờ vào sự Sáng (thể Sáng) chuyển động trong những thể khác (như Điện, Khí, Huyết) có trọng lượng nặng hơn sự Sáng. Như Trí khôn con người cảm biết được tư tưởng, tình cảm và cảm giác của mình. Với nhãn quan, những hiện tượng vô

hình này không thể thấy được. Nhưng thật ra, “sự Sáng của Trí khôn luôn sinh động trong hệ Điện, Khí, Huyết (1)”, tức là sự Sáng sinh động trong tư tưởng, tình cảm và cảm giác, khi những sinh hoạt này nảy sinh, tức thì, Trí khôn con người cảm biết được.

1. Những biến đổi kỳ diệu

Những biến đổi kỳ diệu xảy ra từng giây, từng phút trong Nhục thân mà Trí khôn con người không nhận ra được, vì nhãn quan thường xuyên hướng ra ngoại cảnh sinh hoạt.

Nó bao gồm nhiều lãnh vực như sự sinh hóa của những bộ phận hữu hình sang vô hình, những thể có trong lượng nhẹ chuyển động trong thể nặng, sự chuyển hóa cuộc sống tự nhiên sang siêu nhiên, sự sinh hóa và chuyển hóa hai vị trí khác nhau, sự sinh hóa tiếp diễn không dứt v.v...

a. Đời sống con người là sự tổng hợp toàn hảo của ba bộ phận Thân, Tâm, Trí. Các sinh vật hữu hình trên địa cầu không sao sánh được với con người

Thú vật, sinh vật không có được hai bộ phận vô hình (Tâm, Trí) như con người, nên chúng không thể, và chưa thể chuyển hóa thành người được.

Tình cảm vô cùng phong phú của Tâm.

Chức năng kỳ diệu của Trí có thể hiện thực sáng tạo được sự mẫu nhiệm.

Do sự sinh động của Tâm mà Tâm có sự sống. Sự sống thuần túy của Tâm (tức là Tâm chọn không hay Tâm trong trạng thái Hư vô) mà sinh động mãi thì Tâm đó tạo nên một huyền lực bằng với huyền lực của thể giới siêu nhiên.

Nếu điều khiển được huyền lực của Tâm (siêu nhiên), lực này có thể chuyển hóa được sinh vật, thú vật và luôn cả đồ vật nữa.

Nếu siêu nhân chỉ chuyển cho thú vật một ít tâm lực bằng huyền lực của siêu Tâm thì thú vật sẽ có một ít tính người.

“Chọn không hóa Tâm”, “là tâm lực sinh động, chuyển hóa thành huyền lực của thể giới siêu nhiên”.

Tâm mà đã chuyển hóa thành siêu Tâm thì Trí cũng tự nó chuyển hóa thành siêu Trí, và tư tưởng cũng là siêu tư tưởng sinh hóa từ siêu Ý.

Siêu tư tưởng ảnh hưởng đến cả hai thể giới và hai cõi giới.

(1) Nhờ vào sự Sáng của Tuệ, siêu Trí, qua sự trưng thu, cảm nhận của linh giác, hoặc trực giác quan, con người khám phá ra, và tạo nên các khoa học siêu nhiên, trong số đó có khoa chiêm cầu, và một số pháp môn ứng dụng được những lực siêu nhiên hay những loại thân nhẹ hơn Nhục thân...

b. Trong thân thể, chức năng sinh hóa từ trên xuống dưới và sự chuyển hóa từ dưới lên trên

Quan sát những vị trí của những bộ phận, cơ quan quan trọng nuôi dưỡng Nhục thân, điều này dễ nhận rõ. Như, nơi chứa tinh hoa của Khí, Huyết là Phổi và Tim ở gần đầu. Và ở vị trí cực cao của Nhục thân là đầu, não..., lại chứa đựng những tinh hoa, những năng lực được chuyển hóa.

Trong thân người, sự sinh hóa từ trên chuyển xuống dưới.

Như sự phát triển tinh cảm, cũng từ tạng trên bắt đầu chuyển dần xuống các tạng dưới. Trong sự tiêu hóa cũng vậy, sự hấp thu những tinh túy của chất dinh dưỡng cũng ở vị trí cao, và bài tiết ở vị trí thấp.

Tinh hoa của Khí, Huyết là những lực vô hình (Vía, Thần) ở vị trí gần đầu, chúng có thể được chuyển lên đầu não một cách nhanh chóng mà không bị trở ngại.

Sự sinh hóa trong thân thể từ trên chuyển xuống dưới và sự chuyển hóa từ dưới lên trên.

Những bộ phận vô hình như Tâm, linh hồn, Lương Tâm, siêu Tâm, siêu Trí, Tánh siêu nhiên, Tánh vũ trụ... là những bộ phận mới được tác tạo và những lực vô hình (huyền lực, huyền năng) đều ở đầu, não.

Sự sinh hóa, chuyển hóa ở hai vị trí khác nhau là ngoài và trong Nhục thân.

Ở con người, sức sống sinh động từ bên ngoài rồi dần dần chuyển vào bên trong tức là Thân sinh động trước, rồi sinh ra Tâm, Trí.

Tức là, cảm giác bên ngoài Nhục thân có trước rồi mới sinh ra tình cảm (Tâm) và tư tưởng (Trí).

“Càng ở bên trong, sự sinh động càng có tốc độ nhanh”.

Sự Sáng của Trí mà động thì Điện, Khí, Huyết... đều động theo. Hay là, sự Sáng của Trí mà động thì tiểu vũ trụ đều động.

“Động từ trong” ra ngoài thì sự Sáng sinh hóa. “Tĩnh từ trong” thì sinh hóa ngưng, sự Sáng tụ lại, và sự Sáng tăng dần để chuyển hóa.

(Sự Sáng tiềm ẩn sinh động trong 3 thể linh thiêng kia, tụ lại để chuyển hóa thành Tuệ... Cường độ của sự Sáng tăng thì sự màu nhiệm có thể hiện thực theo siêu Ý và siêu siêu Ý).

Trí “động” trong chức năng thuần túy của nó, thì sự Sáng và sự sáng suốt của nó tăng, nếu sự Sáng của Trí liên quan đến Tâm, Thân... thì nó hao tán.

Nhưng nếu chức năng của Trí mà ngưng động thì Trí ở trong Tâm (minh Tâm), tức là “Trí chơn không” cũng là “Tâm chơn không”. Tâm và Trí đều chơn không thì Thân cũng chơn không (1). Lúc đó, sự Sáng ở vào mức cao nhất của nó.

(1) Xin xem ở cuối trang 568.

c. Hiện tượng kỳ diệu, và huyền bí trong Nhục thân liên quan đến vũ trụ xảy ra trong con người với sự sinh động cùng loại, cùng chức năng của các thể linh thiêng trong sự sinh hóa và chuyển hóa

Trong sự sinh động đó, hiện tượng vật lý cũng là sinh lý. Nhưng sự thật này xảy ra như thế nào?

- Trong vũ trụ, khi các thể linh thiêng sinh động điều hòa trong dịch kỳ của nó, sự sinh hóa và chuyển hóa cân bằng, thì nó tạo ra những năng lực làm đầy đủ cho sự sinh động của nó.

Với cơ thể của người trưởng thành cũng vậy. Trong sự sinh động mà không có sự dao động của Thân, Tâm, Trí, thì những nội lực do sự sinh hóa và chuyển hóa tự nó làm đầy đủ mà không cần đến ăn uống. (Sự thư giãn toàn diện của Thân, Tâm, Trí, hay trong trạng thái Hư vô, hành giả có thể sống trong trạng thái này nhiều ngày hay nhiều năm mà chẳng cần ăn uống).

Trong vũ trụ, nếu sự sinh động của 4 thể linh thiêng mà có một thể dao động, tất có sự biến động. Sự biến động đó có thể là một cuộc biến thiên (2), hay một thiên tai, tật ách của địa cầu.

Một thể linh thiêng mà biến động, nó sẽ ảnh hưởng đến những thể khác, mà tạo ra những biến động trong những thể đó.

Thí dụ: Điện bị biến động.

Điện tiềm ẩn trong Khí và Thủy, nó sẽ tạo ra sự biến động có liên quan đến 3 thể.

Thiên tai liên quan đến 3 thể, hay thiên tai được tạo ra từ sự biến động của 3 thể.

Trong cơ thể con người cũng vậy, tư tưởng (nhân điện) mà có sự dao động mạnh thì các tạng, phủ, huyết... cũng liên quan ảnh hưởng. (Tùy theo giờ sinh động của mỗi tạng, phủ... mà sự dao động của tư tưởng tác hại đến tạng hay phủ đó).

Sự dao động của nội lực làm cho nó bị hao tán ra ngoài.

- Sự thư giãn toàn diện của Thân, Tâm, Trí phải được thực hiện từ bên trong.

- Bình thường hóa sự sinh động của 4 thể linh thiêng, tức là “điều hòa nội lực”, “tương quan với sự kiểm soát tư tưởng, tình cảm và cảm giác” để cho những sinh hoạt này không tạo nên sự dao động. Hay là:

(1) Nhục thân vẫn tự động sinh động với những nội lực của nó, nhưng lúc đó không có một cảm giác nào nảy sinh.

Nhục thân lúc đó gọi là chơn thân.

(2) Nguồn gốc của cuộc biến thiên khởi phát từ năng lực tiên thiên (Điện và thể Sáng), có sức tàn phá mạnh hơn năng lực hậu thiên (Khí, Thủy... trong bão tố, mưa lũ v.v...)

- Sự Sáng của “Trí quan sát” quay vào trong, phối hợp với sự sinh động của nội lực để làm cho nội lực được đầy đủ mà chẳng cần đến thức ăn uống bên ngoài.

d. Sự phát triển của Nhục thân trải qua nhiều trạng thái

Nó chẳng khác gì sự phát triển của thân cây, với dáng vóc bên ngoài. Nhưng với sự tiến hóa, tăng trưởng nội lực, đó là sự chuyển hóa từ cõi giới này sang cõi giới khác vô cùng kỳ diệu và huyền bí.

Tiến trình phát triển của Nhục thân là:

Nhi đồng: thân thể mềm mại, da sáng; sức tăng trưởng, tương tự như cây con, dễ uốn nắn, đang sức lớn.

Thanh niên: dẻo dai, cường tráng, nội lực đầy, như cây đang lớn.

Lão nhân: linh hoạt, uyên chuyên, lão niên trường.

“Linh hoạt”, nhờ Thần mạnh.

Uyên chuyên, nhờ Khí thông. Nhờ đó, mà gân dẻo, cơ khỏe.

Già, chỉ cần dưỡng “Thần, Khí”. Nhục thân khỏe, tương tự như đại mộc còn tươi.

Nhược lão nhân: xương khô, da mốc do Khí kém. Như cây khô, đời sắp tàn.

Những biểu hiện bên ngoài của Nhục thân đều do nội lực tỏa ra trong đó những sinh hóa và chuyển hóa của những bộ phận quan trọng.

Những biến đổi này do nội lực, tuổi tác, sinh hoạt tâm lý, sinh lý, tinh thần, tâm linh... ảnh hưởng đến.

Như Gan là nơi sinh ra Giác hồn, Phôi sinh ra Vía, Tim sinh ra Thần..., Tâm hồn sinh ra Linh hồn...

Những bộ phận vô hình này đều là năng lực mà khả năng và chức năng của nó dùng được trong cõi giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Chúng có thể tách ra để hoạt động riêng rẽ, hay để được cường hóa. Như, ngưng tâm hồn hoạt động, để linh hồn toát ra, và cường hóa linh hồn. Cũng như, dùng thể Sáng của Trí mà cường hóa Thần.

Tóm lại, những bộ phận hữu hình có thể hoạt động, cử động theo ý muốn, từng bộ phận riêng rẽ, hay cùng lúc phối hợp nhiều bộ phận.

Cũng vậy, những bộ phận màu nhiệm như linh hồn, siêu Tâm, những loại thân (như Khí thân, Điện thân v.v...) cũng có thể điều khiển được bằng siêu Trí, Tuệ...

Sự vận dụng những bộ phận vô hình và màu nhiệm minh chứng có sự chuyển cuộc sống tự nhiên sang đời sống siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Nhưng nó phải chuyển từ đâu?

- Ngoài Trí ra, Tâm con người được coi như là cửa ra vào các cõi giới và thế giới khác. Từ phạm Tâm sang các loại Tâm khác, mà mỗi loại Tâm có những chức năng, hiệu quả và cảnh giới khác nhau.

Có nhiều đường để phạm Tâm chuyển hóa:

- Tâm chuyển sang Lương Tâm, và để Lương Tâm sinh động, sinh hoạt trong cuộc sống.

- Tâm chuyển sang Chơn Tâm, Tánh.

- Tâm chuyển sang siêu Tâm (tức là tâm hồn chuyển sang Linh hồn).

Tâm chuyển sang Lương Tâm

Lương Tâm là nơi hiện hữu của Thiên Tuệ, Thiên Tánh trong Tâm người.

Đây là cách sống, cách cư xử giữa con người và Tạo hóa, và con người với con người.

(Các Đạo đều dùng Lương Tâm mà tiến hóa loài người. Đây là việc làm của các Đạo có đời sống nhập thể, trong đó Đạo lý chỉ dạy cho con người luôn dùng Lương Tâm để sống).

Đối với Tạo hóa thì con người dùng Đạo. Đối với tha nhân và muôn vật thì người sống bằng Lương Tâm, dùng Đức, Phước.

Sống bằng Lương Tâm, là người thực hành sự Thiện, cảm nhận được Thiên Tuệ, Thiên Tánh qua Lương Tâm. Tâm hồn, tuy đã được Thiện hóa, nhưng nhân quan chưa sinh hoạt được trong cảnh giới siêu nhiên.

Tâm chuyển sang Chơn Tâm, Tánh

Chuyển Tâm vào trạng thái chơn không. Trạng thái chơn không trong thực tại xóa bỏ ký ức của cảm giác, tình cảm cá nhân.

Đây là sinh hoạt “xuất thế gian”. Tính siêu nhiên và siêu siêu nhiên của sự chơn không đồng nhất với hai loại tính này có trong vũ trụ. Vì vậy, Tâm, Trí chuyển hóa, sinh hoạt trong vô cảnh giới, và giác ngộ được Thiên Lý.

Tâm chuyển sang siêu Tâm (hay tâm hồn chuyển sang Linh hồn).

Sự chuyển hóa sâu vào bên trong. Sâu hơn cảm giác, tình cảm, vì vậy, khi linh hồn hoạt động thì chẳng còn sự cảm nhận của cảm giác, tình cảm.

Nó cảm ứng được với Thiên Tuệ, Thiên Tánh. Do đó linh hồn được Thánh thiện hóa và sinh hoạt được trong cảnh giới siêu nhiên.

Sống với những bộ phận vô hình, đời sống con người rất phong phú. Nhưng điều cần thiết trong sự tiến hóa, là khám phá ra những kỳ diệu và huyền bí của những bộ phận đó, trong số đó có Tâm. Và con người cảm nhận được sự sinh động của nó, tức là biết được nó có sự sống, nhưng chưa thấu triệt được sự sống đó được nuôi dưỡng bằng gì?

- Cái gì, bộ phận nào, dù vô hình mà có sinh hoạt, thì nó có sức sống và sự sống.

Tâm cũng vậy, dù vô hình, nhưng nó có tâm trạng. Và tâm trạng này sinh hoạt.

Sự sinh hoạt của tâm trạng là sức sống của Tâm. Nhưng khi tâm trạng ngưng động, không phải là Tâm chết, mà Trí cảm biết.

Hay là, Trí biết rõ tâm trạng trong trạng thái Hư vô, có sự sống của Tâm đang

sinh động, mà không dao động.

Khi biết và nhận ra sự sống của Tâm, lấy gì mà nuôi sự sống đó?

- Nếu Nhục thân cần có thức ăn, thức uống để nuôi dưỡng thì sự sống của Tâm cũng phải được nuôi dưỡng. Nhưng nó phải được nuôi dưỡng bằng sự Sáng (thể Sáng), năng lực của vũ trụ có trong con người là sự Sáng của Trí.

Phương pháp nuôi dưỡng này là dùng “Ý”, đưa sự Sáng của Trí quan sát nhìn vào sự hư vô của Tâm cho đến khi không còn một sự dao động nào nữa, lúc đó có nhiều hiệu quả xảy ra (người tu gọi là diệu hữu):

- Tâm cũng là Trí, mà Trí cũng là Tâm: chỉ có cái Lý sinh động mà thôi.
- Tâm không còn tâm trạng nổi lên và ngưng động (đây là sự sống của Tâm, và cái chết của tâm trạng, hay là trong Tâm hư vô, chỉ có sự sống).
- Sự Sáng của vũ trụ thấm nhập vào sự hư vô của Tâm bằng sự Sáng của Thuần Trí, tạo cho nó thành năng lực tự tạo: cường độ của sự Sáng tăng, đặc nhập sự sống.
- Cảm ứng được với Tạo hóa và mọi vật thụ tạo bằng thể Sáng (sự Sáng: năng lực chung của sáng tạo và thụ tạo), tức là với Trời, Đất, Người.

2. Sự sinh hóa và chuyển hóa của nội lực trong Nhục thân

Hiện tượng này liên quan đến nội lực, tức là những chuyển động biến đổi của những thể có trọng lượng nhẹ chuyển động trong những thể nặng hơn. Hay ngược lại, những thể có trọng lượng nặng chuyển động biến đổi trong những thể nhẹ hơn nó.

Trong Nhục thân, con người khó cảm nhận được những gì thuộc về vô hình, vì nhãn quan luôn hướng ra ngoài. Nhưng những hiện tượng xảy ra trong thiên nhiên, qua sự trung thu của 5 giác quan, Trí khôn con người dễ hiểu.

Chẳng hạn như, mây có chứa nước, trong đám mây có trọng lượng nặng ở trong một trọng lượng nhẹ hơn, tức là có Thủy ở trong Khí.

Và nhẹ trong một chất có trọng lượng nặng hơn, là Khí ở trong Thủy.

Trong con người cũng vậy, hơi thở có hơi nước. Khi con người còn sống, hơi thở ra, chứa đựng hơi nước.

Hiện tượng này xảy ra trong Nhục thân. Nhưng trong những bộ phận vô hình và hữu hình, những sinh hoạt có liên quan đến những thể nặng, và nhẹ cũng liên đới sinh động trong nhau.

Như trong cảm giác (của Nhục thân), có tình cảm (Tâm), có tư tưởng (Trí) sinh động trong đó, tức là có hai thể nhẹ sinh động trong một thể nặng hơn.

Hay là trong tình cảm, có tư tưởng sinh động trong đó.

Và ngược lại trong nhẹ, có trọng lượng của một thể nặng hơn sinh động. Như trong tư tưởng, có tình cảm sinh động, có khi có cả cảm giác nữa.

Nhờ vào sự sinh động này mà có sự sinh hóa, và sự chuyển hóa, tức là có sự biến đổi không ngừng trong đời sống tinh thần và tâm linh, nhờ vào sự hiện hữu của Nhục thân mà mọi hiện tượng sinh lý và vật lý xảy ra, để cho Trí khôn con người tiến hóa và tiến bộ.

Tất cả những hiện tượng trên đều thuộc về năng lượng, tức là thuộc về Lực.

Lực có động, mới tạo thêm Lực.

Động có “Động và Tĩnh”.

“Động trong động” thì có sinh hóa. Trong con người có sinh hóa, có tiến bộ.

“Động trong Tĩnh”, có chuyển hóa. Có chuyển hóa tất có sự tiến hóa.

Nhưng Lực ở mức độ mạnh nhất là “Tĩnh”. Tức là, “Tĩnh” là trạng thái mà Lực ở vào mức độ mạnh nhất của nó. Như khi con người ngủ, hay ở vào “trạng thái Vô ngã”, trong chiêm niệm, tọa vong, trong thiền định (1) v.v...

Ngư: Thân, Tâm, Trí... đều không hoạt động một cách chủ động. Trong trạng thái “Tĩnh” này, năng lực hao tán, được tụ lại dần dần một cách tự động, không nhờ vào sự vận dụng của Trí.

Trạng thái Vô ngã: năng lực tụ lại nhanh, tụ lại từ năng lực mạnh nhất của 4 thể linh thiêng là: thể Sáng (sự Sáng)

Vì vậy, sự phục hồi của những lực hao tán (Điện, Khí, Huyết) rất nhanh.

Khi 3 lực này được quân bình rồi thì sự Sáng tụ lại quá nhiều, vượt quá lực bên ngoài vũ trụ. Do sự thịnh dư đó, sự Sáng của Trí bức xạ thành Tuệ. (sự Sáng của Tuệ bằng với sự Sáng nguyên thủy của vũ trụ, có khả năng sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ).

Nhưng điều khiến sự sinh động của 4 thể linh thiêng đến mức độ cực Tĩnh là một điều rất khó. Và khó nhất là điều khiển sự Sáng.

Vì sự Sáng liên quan đến Trí, mà Trí có nhiều chức năng nhất so với những bộ phận khác liên quan đến sinh hoạt (là Tâm và Thân).

Chỉ riêng về chức năng suy nghĩ của Trí, con người cũng khó kiểm soát nó. Vì sự suy nghĩ của con người phát sinh từ nhiều vị trí khác nhau và tạo nên nhiều hiệu quả không đồng nhất.

Sự suy nghĩ làm cho Trí khôn con người tiến hóa. Sự tiến hóa của Trí khôn, thông thường, hướng về hai lối: Thiện hoặc Độc, Ác, Dữ (2).

Sự suy nghĩ từ “Tâm cá nhân” có thể Thiện hoặc Độc, Ác... tùy theo chí hướng, ý muốn của mỗi cá nhân.

Sự suy nghĩ từ Lương Tâm luôn luôn hướng con người về đường Thiện, nghĩa là “sự sáng tạo từ Trí khôn xuất nguồn từ Lương Tâm luôn hướng con

(1) Tùy theo môn phái, người ta dùng nhiều từ khác nhau, nhưng trạng thái chung, vẫn là bắt đầu từ “Vô ngã”.

(2) Cọp, beo... còn ăn thịt, luôn luôn đưa nanh, vuốt ra. Nếu đói không gì ăn, phải ăn cỏ..., thì nanh vuốt không dùng đến. Trí khôn con người cũng vậy.

người về hướng Thiện”, trước hết là loại bỏ thủ tánh, sau đó từ Thiện chuyển sang thánh thiện.

Trí khôn sáng tạo từ Lương Tâm tiến hóa con người trong sự Thiện, mà các chánh đạo, chơn đạo đều áp dụng trong giai đoạn đầu để con người dần dần khám phá, và cảm nghiệm được Đạo.

Chỉ có “sự ý thức từ Lương Tâm” của mỗi cá nhân mới Thiện hóa được con người, mà chẳng cần đến sự khuyên răn, khiển trách, sự trừng phạt...

Tất cả những điều sau chỉ có thể sửa đổi nhất thời, nhưng không thể đổi thay được tâm hồn con người.

Sự tiến hóa từ đối tượng suy nghĩ (sự kiện hữu hình) đạt được ở mức thấp, ở sự phiến diện.

Nhưng nếu “*thấy được sự sinh động của Lý trong những hiện tượng tự nhiên, siêu nhiên và siêu siêu nhiên thì Trí khôn phát triển toàn diện, ở mức cao nhất*”.

Và vị trí cao hơn hết để Trí khôn có thể phát triển toàn diện là đầu não con người. Hay là, não và cuốn não, là hai bộ phận chính yếu (cũng là nguồn gốc) của mọi sinh hoạt thuộc Thân, Tâm, Trí, nhưng thể linh thiêng tạo ra chức năng cho chúng, tạo ra sự điều khiển và điều hòa sinh hoạt... đều do sự Sáng khởi động.

Các loại lực

Lực sinh động trong con người, nhưng nó có những biểu hiện bên ngoài.

Nội lực của cơ thể ở 3 mức độ: yếu kém, đầy đủ hay dư thừa... đều được nhận ra từ những hiện tượng, dấu hiệu bên ngoài mà không cần đến dụng cụ, máy móc..., chỉ vì con người chưa tìm ra hết được mà thôi.

Nội lực tổng hợp của con người thuộc bốn thể linh thiêng là: Huyết, Khí, Điện, sự Sáng.

Nội lực được biểu lộ từ những nơi liên quan như sau:

Huyết: chuyển động trong thịt, nhưng nội lực của nó tỏa ra ở da như:

- Sắc da, trạng thái căng, bóng, nhẵn, sần sùi, lông, tóc, bàn tay, sắc của móng tay, môi.

Khí: chuyển động trong Huyết, nhưng nội lực của nó tỏa ra ở Thanh, trong tiếng nói như: trong, mạnh, trầm, cao, hô hấp ngắn, dài, có lực hay không có lực.

Điện: chuyển động trong hệ thần kinh, tiềm ẩn sinh động trong kinh, mạch, trong tư tưởng, biểu lộ ra ngoài bằng sự chính xác, hay thiếu chính xác của động tác, sinh hoạt, ngôn từ...

Sự Sáng: sức mạnh, và yếu kém của sự Sáng trong các chức năng của Trí bộc lộ ra ngoài rõ rệt nhất là Trí nhớ và Trí suy nghĩ.

Sự nhớ nhanh hay chậm của Trí nhớ. Sự mau quên và quên nhiều của Trí nhớ (đây là hai chức năng thu và giữ của Trí nhớ. Khả năng của chức năng này là thu nhanh và giữ lâu. Nếu khả năng kém thì nó thu chậm và giữ không được lâu).

Trí suy nghĩ tốt: là sự Sáng mạnh.

Sự Sáng mạnh thì Trí tìm ra nguyên nhân của sự việc từ sự kiện và dữ kiện nhanh. Và có cách giải quyết nhanh.

Nếu sự Sáng mạnh hơn nữa thì vòng sáng quanh đầu càng lớn rộng.

Biểu hiện bên ngoài là vòng sáng, bên trong có những thị kiến, siêu kiến, những gì liên quan đến các trực giác quan và Siêu Trí. Sự linh cảm tăng lên do nội lực tăng.

Nội lực liên quan đến sinh hoạt con người bao gồm 3 loại: Trí lực, Tâm lực và Thể lực.

Trí lực: dùng để tiến hóa loài người.

Tâm lực: dùng để khai hóa nhân tâm, loại trừ thú tánh trong con người.

Thể lực: làm cho thân thể khỏe mạnh, sinh sản để di truyền loài người.

Trí lực dùng để tiến hóa loài người. Ở mỗi người, năng lực cơ bản của Trí là sự Sáng (thể Sáng). Nó là năng lực chính yếu của mọi sinh hoạt, của Thể lực, Tâm lực và cả Trí lực nữa.

Điều này được cảm nghiệm như thế nào?

- Nhục thân mệt, mỏi, đau, nhức, bệnh, yếu; không kể đến những nguyên nhân bên ngoài (như thiếu vệ sinh, thực phẩm có độc tố v.v...), một trong những nguyên nhân gây bệnh do sự rối loạn chức năng của các cơ quan (tạng, phủ), như sự rối loạn nội tiết (thiếu hoặc dư các chất cần thiết có trong ngũ tạng, cơ quan, các hệ thống tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, miễn nhiễm, nội tiết, thần kinh v.v...).

Đây là sự rối loạn bên trong do Tâm, do Trí mà nguyên nhân là sự hoạt động của các cơ quan thiếu sự Sáng (thể Sáng), tức là thiếu năng lực, năng lượng cần thiết, không đầy đủ để cho các chức năng trong các hệ thống có thể hoạt động được một cách bình thường.

Hai bộ phận vô hình làm tiêu hao nhiều năng lực, năng lượng này là Tâm và Trí.

Ở Tâm, do tâm trạng dao động nhiều. Ở Trí, những tư tưởng liên quan đến bản ngã tạo nên tâm trạng.

Do sự động loạn của Tâm, Trí, mà các chức năng của tạng phủ rối loạn, vì vậy mà Nhục thân sinh ra đau, bệnh v.v...

Sự Sáng là năng lực chính yếu của mọi sinh hoạt của con người, hay là của những hoạt động của Thân, Tâm, Trí phải luôn luôn đầy đủ.

Thiếu sự Sáng, sinh bất ổn, rối loạn. Muốn ổn định, phải phục hồi sự Sáng bằng cách An, Định Tâm và Trí.

Ở mức độ nặng hơn, vì thiếu sự Sáng nên xuất hiện các căn bệnh. Bệnh sẽ phát sinh từ hệ thần kinh, não, óc, ống tủy sống, dây thần kinh.

Các nguyên nhân do thiếu nhân diện và thanh khí thì bệnh sẽ phát từ các tế

bào (1), máu, tân dịch...

Nghĩa là, nhân điện và thanh khí thiếu hoặc yếu đi thì chúng không đủ sức để nuôi tế bào. Do đó, mà “Thủy” trong tế bào khô đi và chết, tức là Huyết sẽ khô và chết.

D. TUỔI THỌ VÀ TRẠNG THÁI SỨC KHỎE CỦA NHỤC THÂN

Điều này liên quan đến nhiều yếu tố đến nhiều trạng thái tự nhiên và siêu nhiên xảy ra trong Nhục thân như cảm giác tâm trạng, phản ứng tâm lý, hóa chất, ý thức và vô ý thức, những trực tổ và độc tổ ảnh hưởng đến tất cả 3 cõi giới (Thân, Tâm, Trí) v.v..., sức khỏe, sự yếu mạnh của Thân, và Trí, nội lực và sự sinh hóa của những thân khác sinh động trong Nhục thân.

1. Chết, ngủ, thức

Ba trạng thái luôn xảy ra trong sinh hoạt của đời sống con người bình thường. Trừ cái chết, là điểm kết thúc của Nhục thân, ngủ và thức luân phiên can dự và ảnh hưởng đến đời sống vật chất, tinh thần và tâm linh của con người.

Riêng đối với đời sống tâm linh ở mức tuyệt đối của Trí, không còn sự luân phiên, đối đãi của hai trạng thái “chết, sống” hoặc “ngủ, thức”, mà nó là sự đồng nhất (cái Một) của sự sống và chết, (nửa sống, nửa chết) và của sự ngủ và thức (nửa ngủ, nửa thức) của trạng thái Vô ngã (2).

Trong sự chết của Nhục thân, không có, hay là không còn ý thức về sự đau đớn của Nhục thân, không có sự thống khổ của Tâm, Trí liên quan đến Nhục thân.

Trong việc ngủ, một phần giống sự chết, nhưng có nhiều hiện tượng xảy ra mà Tâm cảm nghiệm, và Trí ý thức được.

Những hiện tượng siêu hình và vô hình này là những kiến thức. Chúng góp phần vào sự tiến hóa của con người.

Còn lúc con người thức, mà không có sự đau đớn của Nhục thân, không có sự thống khổ của Tâm, Trí, chủ quan hoạt động, lúc đó, con người cảm thấy mình đang sống hạnh phúc.

(1) Sức sống cơ bản của tế bào là nhân điện và thanh khí. Nếu nhân điện yếu và thanh khí không đầy đủ để loại độc tố trong bào tương (cytoplasm), nhân tế bào (nucleus), thì nhân tế bào sẽ chết và bào tương khô đi.

Sự chết đó, là nguyên nhân của ung thư, hay là các tế bào có độc tố hút tinh hoa của những tế bào mạnh, để tự nuôi mình sống, và tăng sức sống cho mình, như sự sống của cây đa; hay là, dễ thấy hơn, là rắn hổ mang chúa ăn rắn hổ mang để sinh tồn.

(2) Xin xem ở cuối trang 576.

Nhưng khách quan mà quan sát, Trí khôn mới khám phá ra sự kỳ diệu xảy ra trong giấc ngủ, như không có tâm trạng, thu hồi năng lực hao tán, sự tăng trưởng nội lực, hoạt động của Tâm, Trí trong mơ, mộng v.v...

Nhưng trong giấc ngủ thật, đó là trạng thái ngưng động các chức năng liên quan đến sinh hoạt của Thân, Tâm, Trí và cũng là trạng thái vô ý thức. Nó không làm cho trí năng phát triển được, và Tâm không hoạt động, nhưng không hoàn toàn hóa giải được tâm trạng.

Nhờ vào ngủ nhiều, trẻ con không bị tâm trạng dao động lâu dài, nên Khí, Huyết mạnh. Do đó, chúng mau lớn và Nhục thân khỏe mạnh, không bị bệnh do tâm trạng gây ra.

Người lớn, nếu không có tâm trạng, nội lực không hao tán, và mạnh dần. Khí, Điện, sự Sáng mạnh và tỏa ra ngoài Nhục thân.

Sự châu biến của thể nào mạnh hơn thì loại thân tương quan (Khí thân, Điện thân hoặc Quang thân) đó được hoạt động trong mộng và trong tiên cảm.

Tóm lại: “trẻ con không tâm trạng, mau lớn, và ngược lại, người lớn có tâm trạng nên mau già”.

Sự ngủ được coi như là chết phân nửa của Nhục thân, vì hệ thần kinh giao cảm (hệ động vật) không được chủ động hoạt động, chỉ có hệ đối giao cảm hoạt động (hệ thực vật).

“Năng lực hao tán được phục hồi, và do đó con người bình thường không chết trong khi ngủ”.

Nếu trong trạng thái nửa thức, nửa ngủ như trong đại định, sự Sáng của Trí hoạt động trong khi hệ thần kinh giao cảm ngưng hoạt động, con người có thể thu nhập năng lượng tiên thiên của vũ trụ một cách chủ động.

Sự thu hút này căn cứ trên chức năng phục hồi năng lượng do hệ thần kinh đối giao cảm.

(Điều khiển được hệ thần kinh đối giao cảm qua chức năng của hô hấp, hay của tuần hoàn, hành giả làm chủ được sự sống, sự chết, tăng mức trường thọ cho Nhục thân, cải lão hoàn đồng v.v... Vì sao? Vì nó liên quan trực tiếp đến năng lực tiên thiên).

Trong lúc ngủ, Thân Tâm, Trí không hoạt động, con người xã hội không còn, thì giấc ngủ ngon. Nhưng có mơ, mộng, đó là sự hoạt động của Tâm, Trí trong khi Nhục thân ngưng nghỉ.

Trong mơ (chiêm bao), Trí nhớ còn hoạt động nên những hình ảnh và ký ức của quá khứ hiện ra.

(2) “Trạng thái Vô ngã” là bước đầu của đời sống tâm linh để vào mức tuyệt đối. Với trạng thái này, hành giả có thể điều khiển và làm chủ cả sự chết giả tạm, ngủ tạm thời. Trong cái chết giả tạm, hai hệ thống hô hấp và tuần hoàn được điều khiển để tạm ngưng. Trong cái ngủ tạm thời, 5 giác quan ngưng hoạt động, tức là Trí tạm thời tách khỏi Nhục thân.

Nếu Trí nhớ, Trí suy nghĩ còn hoạt động, thì Khí thân hoạt động, thấy lại những hình ảnh cũ, và còn ký ức của quá khứ.

Trong mộng: siêu Trí hoạt động vượt quá giới hạn của Thủy, Khí, Điện thân sinh hoạt ở cõi siêu nhiên với 3 trực giác quan.

Hiện tượng này là những loại thân nhẹ hơn Nhục thân hoạt động.

a. Với những người không tập, luyện nội lực qua các phương pháp, thì mơ, và đặc biệt là mộng, họ nhận ra được các trực giác quan hoạt động trong khi họ ngủ

Nhưng tại sao khi con người ngủ thì các trực giác quan hoạt động?

- Vì khi ngủ thì Tâm chơn không, hệ thần kinh ngoại biên ngưng hoạt động. Do đó, các loại thân khác (Khí thân, Điện thân) toát ra và hoạt động, cho nên các trực giác quan và siêu Trí cũng hoạt động theo.

Ban ngày, hay lúc tỉnh thức, Nhục thân, các giác quan và Trí hoạt động, thì các loại thân nhẹ (Khí thân, Điện thân) không thể hoạt động được.

Nhưng nếu luôn luôn Tâm được chơn không và Nhục thân có trạng thái như ngủ, tức thì không có cảm giác sinh động, thì con người linh cảm được.

Sự linh cảm chứng thực có sự hoạt động của các loại thân nhẹ trong khi Nhục thân vẫn hoạt động bình thường.

Mơ, mộng là những phương tiện đưa Trí khôn con người vào các cõi giới khác, hay có thể nói con người hoạt động trong trạng thái siêu nhiên.

Mơ, mộng... không phải là trạng thái tự nhiên như trong sinh hoạt khi con người tỉnh thức.

Mơ là hoạt động của Khí thân.

Lúc con người ngủ, chẳng còn cảm giác, tình cảm, tư tưởng. Sự kỳ diệu của sự sinh động của Nhục thân không còn nữa. Từ đó Khí thân hoạt động với các trực giác quan, siêu Tâm, siêu Trí. Nhờ trực giác quan hoạt động, nên siêu Tâm, siêu Trí tiến hóa.

Sự hoạt động của Khí thân trong thể giới tự nhiên, trong trạng thái linh thiêng của thể linh thiêng là Khí.

Trong mơ, con người hoạt động trong trạng thái linh thiêng. Vì thế, “mơ” là một trạng thái linh thiêng.

Cảm nghiệm được trạng thái này, con người đang lúc tỉnh thức, các giác quan tuy hoạt động, nhưng sự quan sát của Trí hướng vào bên trong, chẳng còn cảm giác, tình cảm, tư tưởng cá nhân nổi lên thì Thân trở thành Chơn Thân, Tâm là Chơn Tâm, Trí là Chơn Trí (Thuần Trí), lúc đó con người đang sống trong trạng thái siêu nhiên, linh thiêng.

Sống trong trạng thái linh thiêng, con người mới linh cảm và tiên cảm được.

“Mộng” là hoạt động của Điện thân. Trong khi ngủ, sự rung động tiếp diễn

dưới dạng ký ức của cảm giác, tình cảm, tư tưởng của bản ngã không còn nữa, lúc đó Điện thân mới xuất hiện và hoạt động được. Các trực giác quan hoạt động, thu nhận những hiện tượng siêu nhiên. Nhờ đó mà siêu Tâm, siêu Trí tiến hóa.

“Mộng” là Điện thân hoạt động trong thế giới siêu nhiên. Hay là, con người đang hoạt động trong trạng thái linh thiêng.

Như vậy, *“mơ, mộng” là con người đang sinh hoạt trong trạng thái siêu nhiên và linh thiêng.* Lúc này, Thân trở nên Chơn Thân. Tâm, Trí thành siêu Tâm, siêu Trí.

Nếu ban ngày, lúc tỉnh thức, bản ngã cá nhân chẳng còn, với Chơn Thân, Chơn Tâm, Chơn Trí, con người có thể trực cảm được tư tưởng của tha nhân, khi họ đang nghĩ, đang nói về mình.

Do đó, *khi nào sống trong trạng thái linh thiêng, con người có thể trực cảm được tình cảm và tư tưởng của tha nhân khi họ hướng về mình.*

Và cảm nhận được những biến động của những hiện tượng siêu nhiên trong trạng thái của Điện, trước khi những hiện tượng này, chuyển sang những hiện tượng tự nhiên của thể Khí và Thủy dưới dạng của Thiên tai, Địa họa.

Nói rõ hơn, những gì trong mộng là những hiện tượng siêu nhiên, và siêu siêu nhiên sẽ xảy ra trong tương lai, hay đã xảy ra trong quá khứ.

Những việc này liên quan đến tương lai xa, gần và cả quá khứ. Đây là sự chứng thực của các loại thân nhẹ hơn Nhục thân. Các loại thân này sẽ phải trải qua, hoặc đã trải qua những hiện tượng, những hình ảnh đó. Nhờ vào mộng mà con người biết được.

Vậy thực tế trong mộng như thế nào?

- Các thiên tài và các nhà khoa học đối với đời sống nội tại rõ hơn hết về những nguyên nhân khám phá của họ.

Được gọi là khám phá, vì người đương thời chưa biết, chưa hiểu đến. Do đó, người đời thấy được và khâm phục công trình của họ. Nhưng thật ra, đó là sự cảm nhận, biết và hiểu của họ trong mộng, tức là tiên kiến và tiên tri (thấy và biết trước) của các loại thân khác như Khí thân, Điện thân hay Quang thân.

Như vậy, sự khám phá này không do Trí của Nhục thân, mà do siêu Trí và các trực giác quan của Khí thân và Điện thân, hoặc cao hơn nữa là do Tuệ và linh giác quan với sự thấy toàn diện (của 360°) của Quang thân trong khi Nhục thân ngưng động.

Khả năng siêu việt này ai cũng có, chỉ vì chưa hiểu nên không dùng được mà thôi.

b. Trong mộng có siêu kiến (sự thấy siêu nhiên của các trực giác quan hoặc của linh giác quan) về những hình ảnh, hiện tượng siêu nhiên là hiệu quả của sự thư giãn của Thân, Tâm, Trí

Sự thư giãn hoàn toàn của đời sống tự nhiên (liên quan đến đến sinh hoạt của Thân, Tâm, Trí) là trạng thái hư vô để cho các loại thân khác nhẹ hơn xuất hiện, và hoạt động.

Nhờ vào sự hoạt động của các loại thân nhẹ (như Khí thân, Điện thân), mà siêu Trí cảm nhận được tầm mờ rộng của thời gian. Nếu con người quan tâm, học hỏi thì họ nhận ra, và phân biệt được cái thấy bên ngoài (ngoại kiến) và cái thấy bên trong (nội kiến).

Ngoại kiến: là thấy được những gì bên ngoài Nhục thân bằng thị giác quan (mắt).

Sự thấy này chỉ xảy ra trong hiện tại và trong thế giới tự nhiên.

Nội kiến: là sự thấy bên trong của Nhục thân bằng trực giác quan của Khí thân, Điện thân, hoặc bằng linh giác quan của Quang thân.

Sự thấy này xảy ra trong thế giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên với sự mờ rộng của thời gian, mà tâm khả năng thấy bao trùm cả quá khứ và tương lai do Khí thân, Điện thân hay Quang thân.

Thời gian mờ rộng và khả năng thấy này tương ứng, tương quan với sức sống của mỗi loại thân, hay ở mức tuyệt đối, với sự sống.

Tại sao Khí thân, Điện thân và Quang thân lại có thể thấy được quá khứ và tương lai?

- Quá khứ và tương lai đối với hiện tại (của Nhục thân) liên quan đến thời gian.

Thời gian này bao trùm cả hiện tại, tức là “nó bao trùm cả quãng thời gian (1) mà Nhục thân có thể sống” (trên dưới 100 năm), tức là trong sự diễn tiến của Nhục thân với những hiện tượng và sinh hoạt mà Nhục thân đã trải qua, hoặc sẽ phải gặp và sẽ trải qua.

Loại thân nào có nội kiến tuyệt đối, có khả năng thấy được quá khứ và tương lai của các loại thân khác?

- Chỉ có Quang thân, với linh giác quan mới có khả năng thấy được quá khứ và tương lai của các loại thân khác, nhờ vào sự Sáng. Vì sự Sáng bao trùm thời gian sinh động của các loại thân, đồng thời nó sinh động trong các loại thân, tức là tiềm ẩn sinh động trong các thể linh thiêng của các loại thân.

(1) Hiện tượng này tương tự như không gian rộng lớn bao trùm không gian nhỏ hơn, như tốc độ nhanh bao trùm tốc độ chậm của phi cơ. Với không gian rộng lớn hơn do tốc độ tạo ra, từ phi cơ nhìn thấy những phương tiện chuyển động với tốc độ chậm hơn trong hiện tại. Với tầm rộng lớn của thời gian, sự thấy bao trùm cả quá khứ và tương lai của sức sống hiện tại.

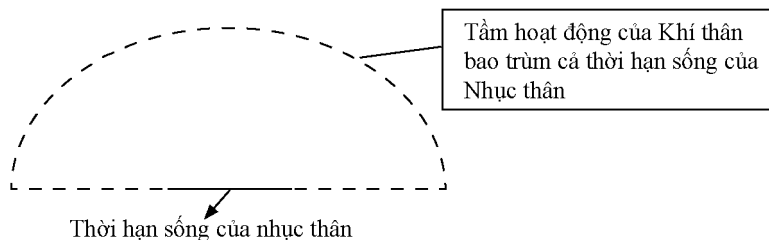
Điện thân thấy được quá khứ và tương lai của Khí thân và Nhục thân.
Và Khí thân chỉ thấy được quá khứ và tương lai của Nhục thân mà thôi.

Sự thấy được quá khứ và tương lai của một loại thân này trên một loại thân khác được hiện thực như thế nào?

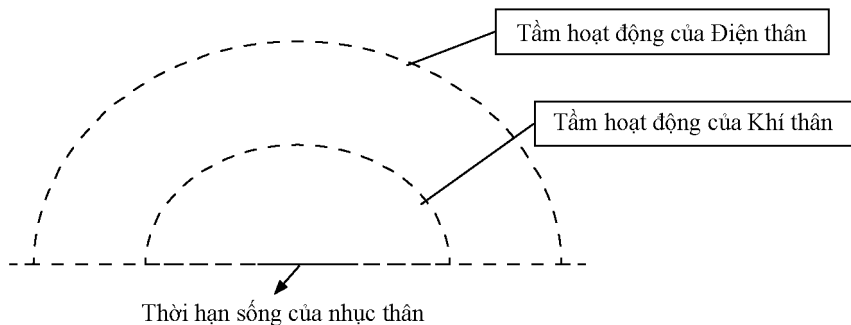
- Quá khứ và tương lai thuộc về yếu tố thời gian.

Sự thấy này dựa trên tầm hoạt động của một loại thân có tầm hoạt động dài hơn của một loại thân có sức sống ngắn hơn. Như Khí thân có sức sống trên dưới ngàn năm, có khả năng thấy được quá khứ và tương lai của nhục thân trong kiếp hiện tại, và cả trong quá khứ (tiền kiếp) và tương lai (kiếp sau) của Nhục thân đã xảy ra trong vài trăm năm trước, hoặc vài trăm năm sau trong thời hạn của Khí thân.

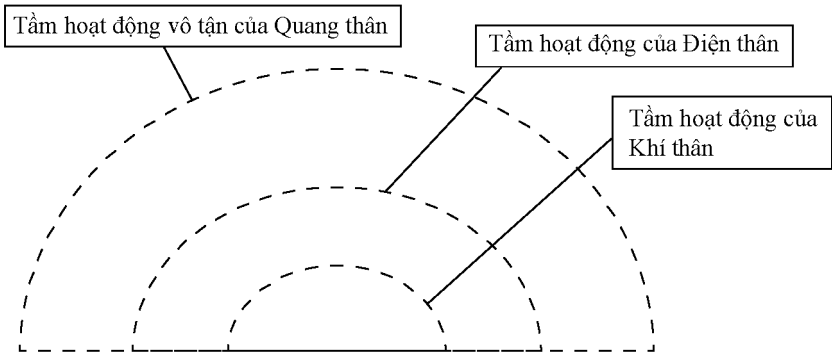
1. Tầm hoạt động của Khí thân và Nhục thân



2. Tầm hoạt động của Điện thân so với Khí thân, Nhục thân :



3. Tâm hoạt động vô tận của Quang thân so với Điện thân, Khí thân và Quang thân:



c. Quang thân không phải tự nhiên được hình thành, nó nhờ vào sự hoạt động duy nhất của thể Sáng. Do đó mà Nhục thân được trường thọ

Trẻ thơ, ngủ nhiều để Nhục thân mau lớn, nhưng chúng không thể suy nghĩ lâu được.

Trái lại, người già ngủ ít, nhưng có thể suy nghĩ lâu được. Và “suy nghĩ được lâu thì Nhục thân được trường thọ”.

Vì do suy nghĩ mà sự Sáng tăng. Sự Sáng là năng lực tiên thiên. Năng lực này mà tăng lên, nó bồi bổ cho năng lực hậu thiên là Khí, Huyết.

Nhờ đó mà Nhục thân được trường thọ.

Ngoài chức năng suy nghĩ, sự trường thọ của Nhục thân còn liên quan đến sự tăng trưởng năng lực của nội lực, tức là còn liên hệ đến tính cách sinh hoạt của cá nhân.

Chẳng hạn như, “nếu nội lực ngưng chức năng sinh hóa với tinh lực thì nó tự sinh động và tăng năng lực”.

Nội lực sinh động, tự nó tăng năng lực, này sinh ra những hiện tượng, những sinh tạo mới, như sự xuất hiện của các loại thân nhẹ như Khí thân, Điện thân, Quang thân.

Nội lực và sự sinh hóa ra những hiện tượng, sinh tạo mới liên quan đến những cấu trúc, chức năng của Thân, Tâm, Trí, tức là chúng liên hệ đến sự ngưng nghỉ của chức năng sinh hóa, sự ngưng chức năng sinh hóa với tinh lực, và hiệu quả, và những hiện tượng khác thường của sự hoạt động của Cảm và Biết v.v...

- *Ngưng chức năng sinh hóa*: chức năng sinh hóa do 5 giác quan, hệ thần kinh và vỏ não liên đới hoạt động, mà hiệu quả của Cảm và Biết, là “Hiệu”.

Ngược lại, nếu có một lúc mà Cảm và Biết không có thì 5 giác quan và vô não, hệ thần kinh giao cảm ngưng hoạt động. Lúc đó, chức năng sinh hóa cũng ngưng. Nội lực không tiếp xúc với tinh lực trong chức năng sinh hóa. Nó sinh động trong tùy sống và não, tức là vô não ngưng hoạt động.

Sự sinh động tự động của nội lực (Điện, sự Sáng) trong tùy và não tự làm cho nó tăng năng lực.

Hiệu quả của nó cũng tăng, tức là, *“nếu Cảm và Biết mà ngưng thì sự Hiểu tăng lên”*, do bản chất, bản tính và tính năng của sự Sáng tăng lên.

- *Ngưng chức năng sinh hóa với tinh lực, nội lực (Điện, sự Sáng) tăng.*

Sự Cảm và Biết ở Nhục thân không có, tức là Tâm và Trí không còn liên hệ đến Nhục thân nữa.

Như vậy, ý thức về Nhục thân không có, không phải là ý thức không còn nữa. Nhưng lúc đó Trí chuyển sang siêu Trí. Do đó, ý thức cũng chuyển sang siêu Ý thức.

Sự sinh động của Điện và sự Sáng không xúc tác vào tinh lực, nên hai thể này tăng năng lực, tức là nội lực tăng.

- *Hiệu quả và những hiện tượng khác thường của sự ngưng hoạt động của Cảm và Biết:*

Sự ngưng hoạt động của Cảm và Biết từ Nhục thân phát sinh ra những hiện tượng khác thường và hiệu quả như:

- Làm ngưng luôn sự sinh động, hoạt động của Tâm, Trí (như ngủ).

- Nếu Trí tách khỏi sự liên hệ với Nhục thân, và tỉnh táo hoạt động, thì Tâm, Trí chuyển sang siêu Tâm, siêu Trí.

- Siêu Tâm, siêu Trí hoạt động với Khí thân, Điện thân, thì chức năng sinh hóa của Nhục thân cũng ngưng. Tuổi thọ tăng.

Chức năng sinh hóa của Nhục thân ngưng, Điện và sự Sáng sinh động, tự tăng năng lượng, năng lực, cường độ... Các bệnh do vi trùng ở các tế bào được lành do chức năng sinh hóa của Nhục thân ngưng hoạt động.

- Làm giảm đau bằng cách ngưng sự Cảm, Biết, Trí ý thức trạng thái sinh động của sự Sáng, hay Trí hướng về một đối tượng vô hình...

Sự trường thọ của Nhục thân cũng ảnh hưởng bởi hai trạng thái ngủ và thức, với sự thư giãn trong giấc ngủ, và trong trạng thái, thức mà như ngủ, trong đại định, hay nửa sống nửa chết.

Sự thư giãn trong giấc ngủ và đại định

Ngay trước khi ngủ, con người có một trạng thái thư giãn hoàn toàn của Thân, Tâm, Trí.

Sự thư giãn bắt đầu từ bên trong, từ Tâm, Trí. Sau đó, nó ảnh hưởng đến Thân.

Sự thư giãn hoàn toàn của Thân, Tâm, Trí, đưa đến trạng thái vô thức, là ngủ.

Vô thức là trạng thái mà Trí ngưng hoạt động, ngưng thu nhận những tín

hiệu từ hệ thần kinh giao cảm, và ngưng truyền lệnh từ Trí. Chỉ còn lại sự hoạt động của hệ thần kinh đối giao cảm, và sự sinh động tự động của hai thể Khí, Huyết và những cơ quan, bộ phận liên hệ của chúng. Chúng hoạt động một cách tự động, và không có sự can dự của Trí.

Trong đại định thì khác: Vô thức ở Thân và Tâm, nhưng ý thức ở Trí.

- Thân, Tâm hoàn toàn vô thức, hoàn toàn thư giãn như khi con người ngủ, nhưng chỉ có Trí hoạt động một cách riêng rẽ, không can dự vào Thân, Tâm.

Hay là, chỉ có sự Sáng thuần túy của Trí sinh động ở não, cắt đứt mọi liên hệ với hệ thần kinh giao cảm, cho đến khi sự sinh động của sự Sáng hoàn toàn tập trung về não, thì hai thể Khí, Huyết, cùng những bộ phận liên hệ là Phổi và Tim, cũng ngừng hoạt động. Do đó hệ thần kinh đối giao cảm cũng ngừng hoạt động luôn.

Ba thể Huyết, Khí, Điện ngưng hoạt động. Từ sự ngưng động của hai hệ thần kinh giao cảm và đối giao cảm, chỉ còn sự sinh động của sự Sáng ở não bộ mà thôi.

Trí ngưng cảm nhận những gì thuộc về thế giới tự nhiên và siêu nhiên. Trí chuyển sang Tuệ (siêu siêu Trí).

Ý thức phân tỏa ra Thân, Tâm từ sự Sáng được thu hẹp về não bộ, cho nên chỉ còn có ý thức ngay ở sự Sáng của Trí ở não bộ.

Ý thức không liên hệ đến thế giới tự nhiên và siêu nhiên nữa, nên ý thức được trong cõi siêu siêu nhiên. Ý thức trở thành siêu siêu Ý thức.

d. Siêu siêu Ý thức là mức cực cao mà con người đạt được, nhưng trong diễn tiến này, có những hiện tượng khác thường xảy đến, để con người nhận thức thêm hoạt động của Thân, Tâm, Trí, và để thụ hưởng những điều mới trong sinh hoạt.

Nhờ ở ngủ và thức, ta nhận thức rõ ràng những hoạt động tiềm ẩn trong Thân, Tâm, Trí.

Trong giấc ngủ, vô não ngưng hoạt động, Nhục thân không còn cảm giác. Và 5 giác quan đều đóng lại, mọi tiếp xúc với không gian bên ngoài của Nhục thân không xảy ra.

Nhục thân ngưng hoạt động, nhưng Tim luôn đập đều, Phổi vẫn điều hòa hô hấp, và các tạng phủ khác đều hoạt động một cách tự động.

Sự điều hòa của tuần hoàn và hô hấp có chức năng thu năng lượng bên ngoài Nhục thân để nuôi nội lực.

Nội lực (1) đầy đủ, điều hòa chức năng hoạt động của các tạng, phủ v.v...

Ngoài ra, nội lực còn bổ túc, hồi phục cho sự hao tán của ngoại lực hoạt động trong sự vận dụng của cơ bắp, các tế bào của chúng khi Nhục thân trong

(1) Xin xem ở cuối trang 584.

trạng thái ngủ, hay trong sự thư giãn hoàn toàn của Thân, Tâm, Trí.

Tâm: không một tâm trạng nào dao động, hay là Tâm ngưng hoạt động, một phần của não và vỏ não ngưng hoạt động, con người mới ngủ được.

Trí: không một chức năng nào của Trí hoạt động, hay là Trí ngưng hoạt động, con người mới ngủ được.

Như vậy, cái gì gây ra ngủ?

- Là cái “đầu, não và vỏ não ngưng hoạt động, hay là sự chủ động trong mọi sinh hoạt liên quan đến Thân, Tâm, Trí đều ngưng”.

Tóm lại, cái đầu phải ngủ trước, toàn thân mới ngủ được.

Nhưng trước khi ngủ, hiện tượng nào đã xảy ra?

- Đó là “trạng thái hư không” của Thân, Tâm, Trí. Hay là, Thân, Tâm, Trí trong trạng thái hư không, mọi sự chủ động của con người không còn nữa; mọi sinh hoạt liên quan đến Thân, Tâm, Trí, được buông xả hoàn toàn, con người mới ngủ được.

Con người ngủ, sự chủ động ngưng, nhưng sự tự động của sự sống trong tiêu vũ trụ vẫn còn hoạt động, tức là sự tương quan giữa năng lực, năng lượng của hai vũ trụ vẫn sinh động.

Nhưng năng lượng của vũ trụ sinh động trong con người gồm hai thể (Điện, sự Sáng), và của địa cầu cung cấp cho Nhục thân là Thủy, Khí, trong hai thể này vẫn luôn có sự tiềm ẩn sinh động của Điện và sự Sáng, tức là năng lực tiên thiên luôn tiềm ẩn sinh động trong năng lực hậu thiên.

Điện và sự Sáng sinh động trong não và tủy (2).

Sự tăng trưởng của Điện và sự Sáng do công phu, phương pháp tập luyện v.v..., thu nạp từ vũ trụ, được chứa đựng trong não bộ và tủy (não và trong xương), tức là đầu người chứa đựng năng lượng của vũ trụ.

Trong đầu người, bộ phận vô hình liên quan đến hai năng lực và năng lượng của vũ trụ là Trí, nhưng đó là siêu Trí và Tuệ.

(1) *Nội lực của Nhục thân kéo dài tuổi thọ của Nhục thân.*

Loại nội lực này thấp, vì cơ bản của nó là Khí và Khí lấy oxy làm gốc.

Oxy trong sạch: là Thanh Khí

C_O₂ : là Trọc khí

CO₂ + khí độc : là Độc khí (có mùi hôi và thối)

Cho nên, muốn Nhục thân được trường thọ, và không bị các tạng phủ đau yếu, con người phải biết nuôi nội lực một cách chủ động và tự động.

(2) *Nơi con người, nếu Đất, Nước, Gió, Lửa (tứ đại) hay một trong những yếu tố đó mà thành xả lợi (ngọc xả lợi) thì mọi người, lúc chết, đem thiêu tất phải có xả lợi như nhau. Tại sao có người có, người không?*

- Nếu không thì xả lợi được tạo nên bằng năng lượng của vũ trụ, là Điện và sự Sáng, hoặc cao hơn nữa là sự Sáng (thể bất hủy hoại). Chỉ có chúng mới có thể tồn tại, sau khi Nhục thân tan rã, dưới dạng một hợp chất tồn tại lâu dài.

Điều này chứng thực năng lực tiên thiên còn tồn tại sau khi Nhục thân tan rã.

Hai loại Trí này (siêu Trí, Tuệ) mới có thể “Thu, Giữ và Dừng” được năng lượng của vũ trụ (năng lực tiên thiên) khi ý thức của Trí được hoạt động ngay não bộ, khi vô não ngưng cảm ứng với bên ngoài.

Trí không hoạt động ở ngoài, ý thức được chuyển sang siêu Ý thức, và cao hơn nữa là siêu siêu Ý thức.

Muốn tiến hóa trong sự tăng trưởng của sự “Thu, Giữ và Dừng” năng lượng của vũ trụ trong não, trong Trí, trong siêu Trí và Tuệ, con người phải làm sao?

- Nhờ sự chủ động của con người trong Trí khôn mà con người có thể vận dụng các loại Trí.

Sự vận dụng mỗi loại Trí liên quan đến những bộ phận, và chức năng vô hình, đến những bộ phận, cấu trúc của não và dẫu, và đến cả sự tỉnh thức của Trí, và năng lượng liên quan đến mỗi loại Trí.

Mỗi loại Trí có một tốc độ riêng của nó. Sự khác biệt của tốc độ xác định mức tiến hóa khác nhau của mỗi loại Trí trong sự vận dụng của mỗi loại.

Tốc độ liên quan đến cấu trúc của những bộ phận, và chức năng của các loại Trí. Hay là, mức tiến hóa của Trí, và sự phát triển Trí năng, nhanh hay chậm, bị ảnh hưởng bởi cấu trúc và chức năng tạo nên năng lượng và Trí độ.

Như Trí:

Trí	Bộ phận		Thể
	Vô não →	→ Não →	→ Sự Sáng
	↕ Cảm nhận →	↕ → Ý thức →	↕ → Hiểu

Trí năng của Trí phát triển phải trải qua ba giai đoạn, sự Sáng mới có thể làm tăng Trí năng, là sự Sáng được chứa trong não. Sự Sáng và não được vô não chứa đựng và bảo vệ.

Cũng vậy, “Hiểu” được chứa đựng trong ý thức. Và “Hiểu và ý thức” tiềm ẩn sinh động trong sự cảm nhận.

Siêu Trí:

Siêu Trí	Bộ phận		Thể
	Não	→	→ Sự Sáng
	↕ Ý thức	→	↕ → Hiểu

Siêu siêu Trí (Tuệ):

Tuệ	Thể
	Sự Sáng
	↕ Hiểu tức thì

e. Người nào hiểu được con người được sinh ra để làm gì thì người đó có thể tiến hóa rất nhanh, và luôn sống trong hạnh phúc, vì mọi sinh hoạt và hành động rất tích cực trong sự tiến hóa của chính mình, và luôn cả tha nhân nữa

Đời sống luôn tiến hóa và tiến bộ bao gồm nhiều yếu tố, như sức khỏe của Nhục thân, sức mạnh của đời sống tinh thần và tâm linh, cùng với sự vận dụng có hiệu quả những bộ phận vô hình v.v...

Một trong những nhân tố chính yếu của hạnh phúc con người là sức khỏe. Nhưng đó phải là một sức khỏe tốt, không mệt mỏi, yếu, đau, bệnh hoạn hay tật nguyền...

Nếu không có sức khỏe tốt, con người không hoàn toàn thông minh trong mọi thời gian. Do đó, sự phát triển Trí năng bị gián đoạn.

Trí thông minh vô cùng quý vì nó là nguồn gốc sinh hóa ra mọi sinh hoạt, của mọi sáng tạo, của mọi của cải tinh thần, và vật chất, kể cả đời sống tâm linh nữa.

(Đối với đạo nhân: đau, yếu, bệnh hoạn... làm cho con người mất thời gian đóng góp năng lực vào vũ trụ, làm gián đoạn sức tiến hóa...)

Đối với mọi tạo vật trên địa cầu dưới dạng hữu hình, con người có một sức tiến hóa cực nhanh.

Sự tiến hóa này do ở sự sinh hóa của những bộ phận vô hình như Tâm, Trí, Tánh, Lương Tâm, linh hồn v.v... chúng sinh động bằng năng lực hậu thiên, từ thể Khí quanh địa cầu do con người hấp thu.

Năng lực này có tính tự tạo lấy năng lực do bộ phận vô hình là Tâm và Trí. Thể Khí tăng trưởng, tiến hóa để trở thành năng lực tiên thiên là Điện và sự Sáng, sinh động trong cả vũ trụ. Và rồi hai loại năng lực tiên thiên này cùng sinh động để trở thành năng lực tự tạo.

Năng lực tự sinh động, và mãi mãi sinh động, để tự tạo thành một năng lực sinh động vô tận, như năng lực nguyên thủy của vũ trụ, là sự Sáng.

(Con người tạo nên của cải vật chất, thực phẩm cho nhiều người dùng đã là một việc làm tốt rồi. Đó là một đức hạnh.

Nếu con người tạo nên năng lực tự tạo, cung cấp cho vũ trụ, cho muôn loài, muôn vật hữu hình, siêu hình và vô hình, đó là một công đức.

Tạo và cung cấp những gì cho sức sống con người, là đức hạnh. Tạo và cung cấp những gì cho sự sống muôn loài, muôn vật, đó là công đức.

Hay là:

Những gì cung cấp và góp phần vào vũ trụ mới gọi là công đức).

Tóm lại:

Sự tiến hóa trong con người do những bộ phận vô hình, là sự thăng hoa từ năng lực này sang năng lực khác, có cường độ cao hơn. Và chúng tăng trưởng mãi, để trở thành năng lực tự tạo như trong vũ trụ vậy.

Muốn tiến hóa nhanh và để góp công vào vũ trụ, con người cần đến sự tu luyện hay sống đạo.

Thông thường, con người hơn các loài hữu hình nhờ ở Tâm, Trí. Và nhờ ở phương pháp tu luyện, đạo nhân hơn hẳn phàm nhân, và giữa những con người trong một xã hội, mức tiến bộ và tiến hóa cũng không cùng một mức.

Con người hơn thú vật do bộ phận nào?

- Con người hơn thú vật nhờ ở Tâm, Trí.

Ở Trí: con người có Trí nhớ tốt, phát triển. Và nhờ vào sự lưu giữ nhiều dữ kiện. Và sự lưu giữ này tồn tại lâu dài, qua đó Trí suy nghĩ có thể suy nghĩ được. Nếu khả năng và chức năng suy nghĩ có thể hoạt động được lâu (1) thì con người có thể tiến hóa cực nhanh.

Trong xã hội, con người hơn nhau ở Lực, Quyền, Thế, Tài năng... tùy theo mục đích, con người có thể dùng để hơn thua, chiếm ưu thế, giúp đỡ, hoặc để hướng dẫn cho nhau.

(1) Tọa thiền để Định, và Định để phát Tuệ, không giống như cách sử dụng công án để suy nghĩ, tức là vận dụng chức năng suy nghĩ, với khả năng suy nghĩ lâu, để cho sự Sáng của Trí bức xạ thành Tuệ.

"Tọa thiền" không dùng đến một chức năng nào của Trí hoạt động, mà là để cho sự Sáng của Trí thông minh sinh động. Và sự Sáng này sinh động mãi, cho đến khi nó đủ năng lực bức xạ thành Tuệ. Nói cách khác, Tuệ là năng lực bức xạ của sự Sáng của Trí.

Đạo nhân hơn phàm nhân ở chỗ, đạo nhân dùng linh hồn, Tánh vũ trụ (siêu Tâm, siêu Trí, Tánh của vũ trụ... liên quan đến Chơn lý, Đạo lý) hoặc cao hơn nữa, là Tuệ, để tiến hóa phàm nhân.

Có thể nói, đạo nhân hơn phàm nhân về sự hiểu biết cả 3 thế giới, hoặc 2 thế giới, trong khi đó, phàm nhân chỉ biết đến thế giới tự nhiên.

(Điều này giống như cá với rùa. Cá dù có to lớn như cá voi, cá đuối, cá mập v.v..., chúng vẫn thua tầm nhìn của rùa, và khả năng sống trên mặt đất cũng như dưới nước. Con người cũng vậy, dù cho Trí người đạt đến mức thượng trí, đại trí, thì các loại Trí này cũng không bằng siêu Trí được, dù cho siêu Trí chưa được phát triển nhiều theo bản chất, bản tính và tính năng của nó).

Tiến hóa phàm nhân, đạo nhân chỉ dạy cho họ những gì thuộc về thế giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên, và hướng dẫn họ cách sử dụng những bộ phận vô hình và mẫu nhiệm (các trực giác quan, linh giác quan, các loại thân, siêu Tâm, siêu Trí, Tuệ v.v...).

(Ở thế giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên, Luân lý, Triết lý... của con người không còn dùng đến, bởi vì chúng chỉ “thiện hóa” được tâm hồn con người.

Ở 2 thế giới kể trên, chỉ có linh hồn, Tánh vũ trụ của con người, cho nên muốn tiến hóa chúng, chỉ có Chơn lý và Đạo lý được đem ra giảng, dạy).

g. Thu hồi năng lượng của con người gồm có 2 cách xảy ra trong hai trạng thái ngủ và thức, tức là có sự thu hồi tự động năng lượng trong trạng thái ngủ, và chủ động thu hồi năng lượng và tăng năng lượng trong trạng thái thức với phương pháp hồi quang

Đây là những điều cần biết và cần thiết cho sự nhập định:

Ngủ: con người không có ý thức, hay là sự Hiểu, Biết và cảm biết đều ngưng hoạt động. Tất cả chức năng của Thân, Tâm, Trí đều ngưng hoạt động, chỉ còn lại sự sinh động của Khí và Huyết.

Sự sinh động của một thể linh thiêng tự tạo thêm năng lượng cho nó.

Nhờ vào sự sinh động của Khí mà những lực hao tán (như Điện và sự Sáng) “được sự chuyển hóa của Khí” phục hồi cho chúng. Nhưng sự phục hồi rất chậm, và thời gian phục hồi phải kéo dài trong trạng thái vô ý thức của Thân, Tâm, Trí.

Như vậy, *muốn thu hồi, hay tăng trưởng năng lượng, năng lực tự tạo (sự Sáng ta phải làm sao?*

- Phải thu hồi nội lực qua sự Sáng. Và tăng trưởng sự Sáng với sự sinh động của chính nó.

Nguồn gốc sinh hóa ra những lực khác là sự Sáng. Nhờ vào sự sinh động của sự Sáng mà những lực hao tán được phục hồi một cách nhanh chóng.

Nhưng thu hồi, và tăng trưởng năng lượng và năng lực bằng cách nào?

- Bằng cách rút sự cảm biết ra khỏi Thân, Tâm, Trí, chỉ còn lại sự sinh động của sự Sáng. Hay là, vô ý thức cả toàn Thân, Tâm, và một số chức năng của Trí, và chỉ ý thức sự sinh động của sự Sáng mà thôi.

Hiệu quả của sự sinh động của sự Sáng như thế nào?

- Thu hồi năng lực hao tán.

- Sự Sáng tăng dần.

Thu hồi năng lực hao tán

- Nếu Khí hao tán mà thu hồi đầy đủ thì Nhục thân khỏe mạnh. Nhưng nếu khí thu được quá mức cần thiết cho Nhục thân thì Khí thân mạnh. Khí thân mạnh, nó có khả năng toát ra khỏi Nhục thân.

- Nếu nhân điện vượt quá mức cần thiết của Nhục thân thì Điện thân mạnh. Điện thân mạnh, trong trạng thái vô cảm giác, vô tâm trạng (như chết thật, chết giả, trong trung định), Điện thân toát ra khỏi Nhục thân (1).

Tóm lại, theo vật lý, thì:

Sự toát ra của Khí thân, hoặc của Điện thân là do ở sự thặng dư của Khí và nhân điện. Nó vượt quá sự chứa đựng của Nhục thân, (tức là vượt quá sức chứa đựng của Huyết).

Sự toát ra của Khí thân và Điện thân xảy ra bằng hai cách (tự động và chủ động) trong sự luyện tập, hoặc bằng cách sống, cách sinh hoạt liên quan đến Thân, Tâm, hoặc Trí (cách sống bằng đức tính, đạo tính, tức là sống Đạo vậy).

Như:

- Thu nạp Khí cho Nhục thân trong khi tập luyện. Sau đó ngủ, Khí được nạp thêm nữa trong khi ngủ làm thặng dư mức cần thiết của Khí cho Nhục thân. Mức thặng dư của khí làm mạnh Khí thân. Nó đủ sức toát ra khỏi Nhục thân, và sinh hoạt trong thế giới siêu nhiên.

Khí thân hoạt động với sự hiểu biết của siêu Trí (Đây là sự phân thân tự động).

- Thu nạp Điện đầy đủ cho Nhục thân trong khi luyện tập hai hệ thống của Khí và Huyết đều ngưng động.

Hiện tượng sinh lý được biểu lộ bằng sự ngưng hô hấp, tim ngưng đập, hay là hai hệ thống Khí Huyết ngưng hoạt động, thì Điện mới thu nạp được.

Sự thu nạp Điện đầy đủ cho sự cần thiết của Nhục thân, sau đó, hành giả ngủ, lượng nhân điện được tăng thêm do sự chuyển hóa của khí được tăng nhanh do “Tâm chơn không” trong lúc tập, được nối tiếp trong khi ngủ. Nhân điện thặng dư làm cho Điện thân mạnh. Điện thân đủ sức toát ra, và hoạt động trong thế giới siêu nhiên với siêu Tâm, siêu Trí... (Đây cũng là sự phân thân tự động).

(1) Từ sự toát ra của Khí thân, Điện thân, và qua sự tìm trải đó, mà hành giả có thể phân thân theo những điều kiện đời đời.

Khả năng thực hiện này nhờ ở sự hiểu biết về những hiện tượng ở bên trong Nhục thân.

- Sự phân thân chủ động chỉ xảy ra khi hành giả ý thức được khi Trí còn hoạt động, nhưng nhân diện được cường hóa bằng sự sinh hóa của sự Sáng, tức là sự Sáng sinh động và sinh hóa ra nhân diện, trong khi cả hai thể Khí, Huyết ngưng động trong hệ thống của chúng.

Nhân diện được cường hóa quá mức cần thiết của Nhục thân, làm cho Điện thân mạnh, đủ sức toát ra khỏi Nhục thân. Nhưng Điện thân được điều khiển theo siêu Ý.

(Đây mới thật sự là sự phân thân chủ động).

Tất cả ba hiện tượng trên về sự phân thân đều liên quan đến sự thu hồi năng lực, năng lượng.

Nhưng sự thu hồi năng lực nhanh và hiệu quả cao là sự thu hồi qua sự sinh động của sự Sáng.

- *Sự Sáng tăng dần*

Khi mọi năng lực hao tán được thu hồi đầy đủ cho Nhục thân bằng sự Sáng (qua sự chuyển hóa từ khí ở tam tiêu, hay bằng sự Sáng ngay ở não, tức là Thân chuyển lên đầu, hay ngược lại, là ở trên đầu chuyển xuống dưới Thân).

Sau đó, sự Sáng tăng dần vượt quá mức chứa đựng của não bộ và toát ra, hòa nhập vào sự Sáng của vũ trụ.

Năng lượng hao tán thuộc nhiều loại bao gồm năng lực hậu thiên và tiên thiên. Nhưng với sự tiến hóa nhanh thì sự thu nạp năng lượng tiên thiên quan trọng hơn.

Nó liên quan đến nhiều bộ phận và chức năng của những bộ phận vô hình, và cả hệ thần kinh nữa.

“Hệ thần kinh” giao cảm trực tiếp của các giác quan với thể giới tự nhiên nằm trong $\frac{1}{3}$ bên ngoài của hệ thần kinh của các giác quan.

Nếu Trí quan sát ngưng ở $\frac{1}{3}$ đó, thì còn lại $\frac{2}{3}$ bên trong sinh động (1), tức là sự cảm nhận của giác quan ngưng hoạt động. Do đó, nó vừa thu năng lượng tiên thiên, và đồng thời các trực giác quan có thể hoạt động với siêu Trí.

Nhưng hạnh phúc của con người không chỉ dựa vào năng lực tiên thiên, mà còn cần đến sự toàn diện của sức mạnh, là tinh lực và nội lực.

Tinh lực bộc lộ ra bên ngoài là sức mạnh của Nhục thân, cũng là sức mạnh của cơ bắp.

Nội lực trở nên cực mạnh khi nào nó thu được năng lượng của vũ trụ mà năng lượng mạnh nhất, là sự Sáng.

Nội lực sinh động bên trong là sức mạnh của Khí thân, Điện thân hoặc Quang thân, bộc lộ ra bên ngoài bằng những sinh hoạt siêu nhiên như linh cảm, tiên

(1) Các phần chia làm 3, không căn cứ trên phần chia của chiều dài, mà tính theo 3 chức năng của hệ thần kinh là cảm nhận, đưa đến sự Biết và Hiểu, liên quan đến vỏ não, não và sự Sáng.

cảm, tiên kiến, tiên tri...

h. “Khí” và “tính của Khí”, Điện và sự Sáng

Sự trường thọ của Nhục thân tùy thuộc vào Khí nhiều hơn là Huyết, dù rằng cả hai đều là năng lực hậu thiên sinh động ở Nhục thân.

Trước khí sinh động ở trung tiêu, độc khí ở hạ tiêu (1), còn thanh khí sinh động ở thượng tiêu.

Bản tính của Khí ở một môi trường được nhận ra từ đâu?

- Bản tính của Khí ở một môi trường được nhận ra từ sự cảm ứng của nội khí.

Khi thanh khí sinh động trong con người, Nhục thân khỏe mạnh. Nếu đến một môi trường có trước khí, độc khí, thì hô hấp khó khăn, mũi ngửi được mùi hôi hoặc thối. Nơi đó làm hại sức khỏe, lông tóc không mọc.

Tóm lại:

Tính của Khí ở một môi trường được cảm nghiệm bằng nội khí, bằng hô hấp.

(Ở một môi trường, nhìn Thủy cũng biết được tính của Khí. Những nơi có nước, giếng đào, nước ngầm trong, chứng tỏ nơi đó trên mặt đất có thanh khí).

Điện và sự Sáng là năng lực tiên thiên, sinh động ở tủy và não, ở đầu não.

Tính tốt và xấu của năng lực tiên thiên ở một môi trường được nhận ra từ sự cảm ứng của từ trường Điện và sự Sáng (hào quang quanh đầu và hệ thần kinh).

Nếu môi trường có nhiều Điện tốt và nhiều sự Sáng thì Trí thông minh tăng và hiểu nhanh. Trái lại, trong trạng thái, thân thể khỏe mạnh, minh mẫn, với môi trường xấu, có ma, quỷ, thì hệ thần kinh có cảm ứng rờn rợn, tức là hệ thần kinh và sự Sáng có cảm ứng.

Như vậy, những cảm ứng trên cho ta thấy con người có khả năng nhận ra được tính tốt, xấu của những thể linh thiêng sinh động trong một môi trường. Và cho đến nay, chưa có một loại máy nào đo được.

Đây là sự cảm ứng nhận ra tức thì hiệu quả của tính năng của một thể linh thiêng.

(1) Nếu có hơi hôi, thối bốc lên trong hơi thở, hoặc trong miệng..., chứng tỏ trước khí, độc khí không được đưa hết ra ngoài bằng trung tiện, đại tiện, tức là mầm bệnh đã có trong tạng, phù rồi.

Trong phương pháp luyện Khí, thanh khí được đưa vào hạ tiêu. Nhờ đó mà trước khí, độc khí được đẩy ra ngoài, thân thể khỏe mạnh.

Hiệu quả của hô hấp bằng hạ tiêu giúp cho cơ thể luôn đầy đủ thanh khí. Nếu thanh khí được thu nạp quá nhu cầu của Nhục thân thì Khí thân được hình thành nhanh.

i. Sự cảm ứng của con người với trực tổ và độc tổ của bốn thể linh thiêng ảnh hưởng đến 3 cõi giới (Thân, Tâm, Trí). Đây là sự cảm ứng từ môi trường bên ngoài, và ngược lại, tính chất và tính năng của 4 thể linh thiêng bên trong cũng tỏa ra, và ảnh hưởng đến môi trường thiên nhiên, sinh thái và nhân sinh

Bên ngoài có những Thủy độc, Khí độc làm con người sống trong một vùng bị ho, cảm, dịch... gây hại đến Nhục thân. Thêm vào đó, có những luồng độc tổ (độc hay trực điện) làm cho tâm hồn con người bị động loạn, bức bối, cáu kỉnh...

Đây là trực tổ và độc tổ trong 4 thể linh thiêng ảnh hưởng đến Thân, Tâm, Trí con người. Hay là con người bị ảnh hưởng, ô nhiễm do 3 nơi là Thân, Tâm, Trí.

Ở Thân: Nhục thân bị ô nhiễm do Khí, Thủy đưa vào Thân do 3 giác quan là da, miệng, mũi.

Chất dơ: làm cho cơ thể đau, rồi yếu dần.

Chất độc: làm cho cơ thể rất đau đớn, hệ thần kinh, hay khí huyết không lưu thông, không hoạt động được, nên sự chết xảy ra cho Nhục thân.

Cách đề kháng: Nếu nội lực mạnh (sự Sáng, Điện, Khí) thì sức đề kháng cao. Cho nên, phải luyện nội lực thường xuyên.

Ở Tâm: Tâm con người bị ô nhiễm do Tâm địa của người khác và của chính mình nữa.

Sự ô nhiễm bên ngoài thâm nhập vào Tâm bằng ánh mắt và âm thanh. Sự ô nhiễm do tư tưởng và tâm trạng của người khác qua mắt và tai.

Cách tránh ô nhiễm: đối với người mà Tâm chưa hoàn toàn chơn không, thì chẳng nhìn, chẳng để ý nghe thiên hạ nói những điều Nghịch Lý.

Nên phải tiếp xúc thì nhìn và nghe bằng Tâm chơn không.

Ở Trí: tư tưởng trong lời nói làm chao đảo tâm hồn, và “*Lương Tâm không làm chủ được mình*”(1). Do đó, mình không còn thấy được sự thật trong sự Thuận Lý.

Lời nói làm chao đảo tâm hồn chỉ là những hứa hẹn, với những hình ảnh, mà trong tương lai có thể có được, hoặc chỉ một phần, và hầu hết là không có.

Sự ô nhiễm này đưa vào Tâm, Trí qua thính giác.

Nó ảnh hưởng đến sự già trẻ của Nhục thân. Tức là, sự trẻ hoặc già của Nhục thân do nơi Tâm hoặc Trí. Nhưng trạng thái trẻ lâu do sự Sáng, tức là do nơi xúc tác của sự Sáng vào các tế bào.

Hiện tượng này liên quan đến chức năng “oxy hóa”. Trong cơ thể con người,

(1) *Đừng để tâm hồn mình làm chủ đời sống, vì tâm hồn là gốc của bản ngã. Nó phát sinh ra mâu thuẫn, đối đãi. Nhưng “hãy để Lương Tâm và Trí làm chủ, vì nó là chơn Ngã”.*

cũng như kim loại, cái nào cứng hoặc nặng, cái đó lâu tan rã, vì khó “oxy hóa” như xương, tóc, răng v.v... còn thịt, da mau tan rã.

Nhục thân mau tan rã, còn “Khí thân, Điện thân, Quang thân không bị oxy hóa”, nên các loại thân này sống lâu, có nghĩa là Khí, Điện, sự Sáng không bị oxy hóa.

(Cả 3 thể này cũng thuộc về vật chất, nhưng chúng vượt qua sự cảm nhận của giác quan. Chúng không bị xúc tác bởi Thủy và Khí. Hay là, những gì thuộc về vật chất siêu nhiên và siêu siêu nhiên không bị xúc tác bởi vật chất tự nhiên hữu hình).

Ngoài khả năng không bị “oxy hóa”, Điện thân và Quang thân là “những thân vô trọng lực, vô trọng lượng” chỉ sinh động bằng Điện và sự Sáng.

Trên địa cầu và trong lòng đất, có nhiều vùng vô trọng lực vì vùng này thuộc vào vùng vô trọng lượng sinh động (1). Vùng này chỉ có Điện, sự Sáng, hay chỉ có sự Sáng sinh động.

Những vùng này chỉ có sinh linh, với Điện thân hoặc Quang thân, có thể thâm nhập và sống được mà thôi.

Kém hơn những vùng này, thanh khí ảnh hưởng đến cây cỏ, sinh vật.

Cao nguyên, những vùng cao ráo nào, có cây cỏ xanh tươi, màu sậm, nước trong..., nơi đó có nhiều thanh khí, có nhiều loài hoa, hương thơm nhẹ (Dương khí). Con người sống ở môi trường này, thượng tiêu nhẹ nhàng, tâm hồn thanh cao, âm thanh từ tốn, toát ra sự An, Lạc của tâm hồn. Đây là nơi sinh ra các nhà triết lý, nghệ thuật nổi danh.

Ở những nơi như vậy, không có thiên tai lớn lao, nghiêm trọng.

Trái lại, những nơi âm, thấp, khí Âm sinh động nhiều, âm thanh ồn ào, do các tạng khí của Gan, Tỳ, Thận toát ra. Tâm hồn náo động, hợp cùng với Âm khí của môi trường, là nguồn phát sinh ra tai họa.

k. Nhục thân con người kỳ diệu và huyền bí, nhưng con người ít quan tâm, khám phá ra những điều đó để tiến hóa nhanh. Ngay như vị trí cao thấp của các giác quan, của những bộ phận trong con người, với sự tiêu thụ năng lượng, hay hấp thụ năng lượng, đều có giá trị và chức năng kỳ diệu

Tiêu thụ năng lượng từ sự ăn uống thực phẩm với tinh hoa của nó, là Hương, Vị. Và hấp thụ năng lượng tiên thiên từ não bộ.

Cây cỏ rút chất nuôi sống, nuôi dưỡng và Vị từ Đất, hương thơm của lá, hoa, quả, từ Trời..., còn con người, rút tinh hoa của cả Đất Trời bằng cái đầu.

(1) Nhục thân được đem chôn, giữ ở nơi này, không bị tan rã, vì thân xác không bị oxy hóa. Năng lượng tiên thiên được duy trì, nhờ đó, năng lượng tiên thiên của hậu duệ được bồi tiếp... sinh hóa ra Phước, Đức.

(Cây dưới mặt nước sống được là nhờ Đất, Khí trong nước. Những thứ này chỉ tạo nên Vị, nhưng kém Hương, hoặc không có Hương. Vì không có, hoặc không đủ ánh sáng mặt trời).

Năm giác quan đều ở đầu.

Miệng (1): đưa thức ăn, uống vào bao tử để sinh ra Huyết, Tân dịch v.v...

Mũi: đưa không khí vào phổi để sống, nhưng tính chất của Khí cũng khác nhau ở vị trí.

- *Thượng tiêu*: thanh khí, khí thơm của hoa, quả, lá... ở thượng tiêu thì còn hương thơm.

- *Trung tiêu*: khí trọc, khí hôi..., khí sinh ra hại.

- *Hạ tiêu*: độc khí: khí thối, độc khí.

Hai giác quan mũi, miệng... làm tăng trưởng, nuôi dưỡng Nhục thân.

Tai, mắt: hai giác quan này không nuôi dưỡng Nhục thân, nhưng chúng giúp cho Tâm, Trí phát triển, làm tăng sự Sáng trong não bộ.

Rễ cây to, dài đến mức độ nào, chúng cũng chỉ có thể hấp thu chất dinh dưỡng từ Đất đến một mức độ nào đó mà thôi. Nhưng sự Sáng trong não bộ con người có thể rút năng lượng tiên thiên với tầm rộng lớn vô tận.

Khi hạt giống đã nảy mầm thì mầm đó đã hút được tinh túy của Đất. Cũng vậy, khi sự Sáng đã bức xạ thì sự Sáng trong não có thể hấp thu được năng lực nguyên thủy, và tinh hoa của cả vũ trụ, bao gồm các hành tinh, tinh tú – là tất cả những năng lực toát ra từ những tạo vật có sự chứa, và tỏa ra từ những tạo vật đó.

Tóm lại:

Mầm mống của sự sống của con người là sự Sáng (thể Sáng). Nó ở vị trí cực cao, cực sâu, đó là não bộ, nơi chứa đựng mầm sống vĩnh cửu của con người.

Hay là, con người hấp thu tinh hoa của Đất và Trời bằng cái đầu.

Hấp thu của Đất bằng miệng, mũi, của Trời (năng lực tiên thiên) bằng não qua các phương pháp.

2. Sức khỏe và bệnh

Sức khỏe và bệnh là hai trạng thái tương phản về tính, chất mà mỗi người đều phải trải qua. Chúng liên quan đến nhiều yếu tố bên trong và bên ngoài tác động, xúc tác vào Nhục thân.

Bên ngoài do thời tiết, ăn, uống, do những độc tố của Thủy, Khí, Điện... đưa vào, làm hại đến Nhục thân.

Bên trong do Tâm, Trí sinh ra tâm trạng và tư tưởng, với những phản ứng hóa chất tạo thành mầm mống của bệnh.

Bệnh do bên ngoài sinh, do sự tác động của năng lực hậu thiên từ chất lỏng

và Khí, con người dễ đề phòng, ngăn ngừa và bệnh dễ chữa hơn. Vì nguyên nhân bệnh, hầu hết đều bằng thể lỏng, con người có thể phân chất, và từ đó tìm ra cách chữa.

Bệnh do bên trong, từ sự tác động của năng lực tiên thiên (Điện và sự Sáng) của Tâm, Trí tạo ra những phản ứng hóa chất ở mỗi cá nhân, đa số con người chưa tìm ra được thực chất của nó, tuy rằng có một số ít được nói đến.

a. Sức khỏe và bệnh liên quan trực tiếp đến sự toàn diện của sinh hoạt con người.

Và sinh hoạt, phần lớn chịu ảnh hưởng của hoạt động và đặc thù của mỗi bộ phận, hay cơ quan hữu hình và vô hình của con người, như Nhục thân, Tâm, Tâm hồn, linh hồn, Tuệ v.v...

Những bộ phận hay cơ quan đó lại là nguồn gốc sinh hóa như:

- Nhục thân: nguồn gốc của cảm giác.
- Tâm: nguồn gốc của tình cảm.
- Tâm hồn: (Tâm, Trí) nơi sinh động của tình cảm, tư tưởng.
- Linh hồn: có khả năng linh cảm được tâm hồn của tha nhân, tức là linh cảm được tình cảm và tư tưởng của tha nhân.

Trạng thái siêu thoát này, cảm ứng được những hiện tượng trong thế giới siêu nhiên.

Mức tiến hóa này đưa sự Hiểu, Biết của con người vào thế giới siêu nhiên.

- Tuệ: bộ phận giác ngộ được Nguyên Lý sinh động trong sự Sáng, có khả năng thực hiện được sự mẫu nhiệm.

Sức khỏe và bệnh liên quan đến những bộ phận hữu hình và vô hình. Nhưng thật ra, “Lực” mới là tác nhân chính của hai trạng thái trên. Những tác nhân này bao gồm ba loại, là Tinh, Khí, Thân. Nhưng những nơi nào trong con người có liên quan đến Tinh, Khí, Thân?

- Tinh lực: liên quan đến cảm giác. Nó tỏa ra cả toàn thân, và cũng từ toàn thân, mà tinh lực hao tán ra bên ngoài, nhất là các khiếu.

Ngược lại, nếu tinh lực được giữ lại bên trong, không bị cảm giác làm hao tán, thì tinh lực tăng. Tinh lực đầy đủ thì Nhục thân khỏe mạnh.

- Khí lực: gốc của sức khỏe của Nhục thân, nguồn sinh hóa ra tình cảm. Các loại tình cảm liên quan đến Khí trong các tạng, phủ và tam tiêu.

Đây là nội lực bên trong thân thể, hao tán ra bên ngoài bằng miệng (nói nhiều), bằng các lỗ chân lông, các khiếu.

Muốn khí lực tăng:

1. Không để Khí của ngũ tạng dao động bằng cách An Tâm.
2. Điều hòa Khí ở cả tam tiêu để chuyên dưỡng khí về đầu, não.
3. Nhờ vào sự điều hòa của Khí, mà con người hóa giải được ảnh hưởng

của Ngũ hành hậu thiên, hóa giải được Phước, Họa của cá nhân, vào được ảnh hưởng của Chơn Phước của loài người trong trạng thái Chơn Tâm.

- *Thần lực*: liên quan đến tư tưởng. Tư tưởng là Điện lực. Nhân điện tụ ở não do các mạch của nhân điện đưa về não.

Điện hao tán do tư tưởng sinh hóa ra tình cảm, (tức là điện năng sinh hóa ra Khí) và cho những siêu hình ảnh.

Nếu không có siêu hình ảnh nổi lên, và không có tư tưởng làm hao tán điện lực, thì Thần lực tăng... hiện thực bằng mộng, tiên kiến, mạc khải, và những việc làm mẫu nhiệm.

(Siêu hình ảnh nổi lên làm tâm trạng dao động, làm hao tán luôn cả hệ thống của lực là nhân điện, khí lực và tinh lực.

Với sự mẫu nhiệm, hiện tượng này chỉ liên quan đến Thần lực.

Những lực tự nhiên như Khí, Huyết (Khí lực, tinh lực) thực hiện được những việc, hoạt động, sinh hoạt tự nhiên.

Còn Thần lực thuộc về Lực siêu nhiên, vì vậy nó thực hiện được những việc làm siêu nhiên).

Những gì Nhục thân thực hiện là việc bình thường đối với mọi cá nhân. Nhưng những việc khác thường như tiên kiến, mạc khải, mộng... thì do Thần lực được tạo nên từ cách sống, luyện tập của cá nhân.

Nó là một loại lực được chuyển hóa do tinh lực và khí lực.

Bất cứ một loại lực mới nào, được sinh ra, hoặc được tạo nên, cũng hoạt động, sinh động theo hệ thống mới của nó, liên quan đến các chức năng, đến những sinh tạo mới được hình thành từ nhiều trạng thái.

Như Thần lực có trong Nhục thân, nhưng thực ra nó là thực lực của Khí thân, Điện thân. Hai loại thân này tiềm ẩn sinh động trong Nhục thân và hoạt động trong trạng thái Vô ngã.

Hay là, chỉ trong trạng thái Vô ngã mà các loại thân nhẹ được hình thành, biểu lộ ra và hoạt động với thần lực, và huyền lực v.v...

Hệ thống hoạt động được mở rộng ra, là các loại thân được hình thành tùy theo sự sinh động của mỗi thể linh thiêng kết hợp với sự xúc tác của sự Sáng của Thuần Trí.

Hiện tượng chính yếu của trạng thái Vô ngã là không có sự sinh động chủ động của Nhục thân.

Do đó “Nhục thân phải chịu sự điều khiển của Trí khôn (Trí thông minh), hay của Trí thông minh và Lương Tâm” (1) trong mọi sinh hoạt.

Hay ngược lại:

- Nếu “Trí thông minh đơn thuần” hay là “Trí thông minh và Lương Tâm”

(1) Xin xem ở cuối trang 597.

điều khiển mọi sinh hoạt thì Nhục thân đang trong trạng thái Vô ngã.

- Nếu chỉ có sự Sáng (sự sáng suốt) của Trí thông minh sinh động mà không có một hiện tượng tâm sinh lý nào nổi lên thì trạng thái Vô ngã mới ở mức tuyệt đối.

Nó tỏa ra bên ngoài một phong cách An, Lạc, sinh hoạt hồn nhiên như trẻ thơ.

An, Lạc ở tâm hồn thì Khí hòa, truyền dẫn đến mọi nơi, tay, chân, ngón ... đều mềm mại.

Khí điều hòa, được truyền dẫn lên đầu thì tóc giữ được độ đen của nó lâu dài, sức khỏe của Nhục thân tốt.

b. Sức khỏe con người phần lớn nhờ vào 3 hệ thống quan trọng là:

- Hệ thống thần kinh.
- Hệ thống miễn nhiễm.
- hệ thống nội tiết.

Có những hệ liên quan đến Nhục thân, và có hệ liên quan đến Tâm, Trí và luôn cả Nhục thân nữa.

Với 3 hệ thống trên, liên quan đến sức khỏe của Nhục thân gồm 2 hệ:

Hệ nội tiết và hệ miễn nhiễm.

Liên quan đến Tâm, Trí, chỉ có hệ thần kinh.

Sức khỏe con người được tốt là nhờ vào nội lực đầy đủ để đẩy lui các độc tố, vi trùng gây ra bệnh cho Nhục thân, và làm cho Trí được sáng suốt, đó là sự Sáng.

Khi sự Sáng thuần túy của Trí không liên hệ đến một chức năng nào của Trí, như Trí quan sát, Trí nhớ, Trí suy nghĩ, tức là *khi sự Sáng của Trí tách ra khỏi chức năng của nó, thì nó tự sinh động và tăng tính năng, bản tính và bản chất của nó, tự nó làm tăng năng lực, và có khả năng xúc tác, kích thích mạnh nhất.*

Trạng thái này liên quan đến hai hệ thần kinh:

Khi hai hệ thống giao cảm và đối giao cảm (hệ động vật và hệ thực vật) hoàn toàn ngưng động (do sự điều khiển của Trí) thì sự Sáng có tính năng rất mạnh, có năng lực cao.

Nó bồi bổ tức thì cho những hệ thống nào kém, và yếu khả năng. Vì vậy, có những bệnh nan y có thể được lành nhờ ở hệ miễn nhiễm và nội tiết được tăng nội lực (Điện và sự Sáng) đầy đủ.

Hai hệ thần kinh giao cảm và đối giao cảm rất quan trọng trong đời sống con người. Nhưng chức năng của chúng mới biểu lộ bản tính quan trọng của chúng là sự kỳ diệu và mầu nhiệm.

(1) - Chịu sự điều khiển của Trí thông minh, là để cho Trí tiến hóa.

- Chịu sự điều khiển của Trí thông minh và Lương Tâm: là để ứng dụng trong cách cư xử, giao tế giữa ta và người, và giữa con người và con người.

Sự điều khiển này toàn hảo, vì nó là sự hòa hợp của cái Lý (của Trí), và sự chí thiện của Lương Tâm con người, tức là “sự hợp nhất của sự sáng suốt và tính Thiện”.

Sự kỳ diệu của hệ thần kinh giao cảm trong sự chủ động của con người liên quan đến địa cầu.

Sự mâu nhiệm của hệ thần kinh đối giao cảm trong sự tự động của nó liên quan đến vũ trụ.

Khi con người chủ động hoạt động thì sự tự động hoạt động của hệ thần kinh đối giao cảm luôn tiềm ẩn sinh động. Dù con người không có ý thức trong sinh hoạt (như ngủ, tập trung chức năng của Trí vào sự việc gì) thì hệ thần kinh này vẫn luôn hoạt động.

Hệ thần kinh mà được lành mạnh thì Trí trở nên sáng suốt, các cơ bắp, gân, tế bào... đều hoạt động tốt, Nhục thân không bị đau, nhức, mệt mỏi...

Trạng thái sức khỏe được biểu lộ ra bên ngoài, là sức sáng tạo và sự linh hoạt của ánh mắt biểu lộ sức mạnh của Trí và hệ thần kinh.

Khi Trí khôn con người cảm nghiệm được sự sinh động của trạng thái hư vô, lúc đó sự sáng suốt của Trí mới khám phá ra tính quan trọng của hệ thần kinh đối giao cảm.

Đó là thiên nhiên làm chủ hệ đối giao cảm, còn con người làm chủ hệ giao cảm.

Nhưng khi nào con người điều khiển được hệ đối giao cảm, vô não ngưng hoạt động, thì Thân, Hồn, Vía trở nên mạnh, các tế bào có thể duy trì được sức mạnh của nó, để Nhục thân được trẻ lâu và khỏe.

Làm chủ được hệ thống thần kinh đối giao cảm, con người có thể đi ngược lại tiến trình lão hóa của Nhục thân, thực lực của nội lực được tăng trưởng.

Một trong những yếu tố của sự lão hóa là gốc bệnh còn tiềm ẩn sinh động trong Nhục thân. Khi hệ đối giao cảm ngưng hoạt động thì sự Sáng của Trí bức xạ, quang tỏa xuyên qua các thể linh thiêng khác, vì vậy mầm mống của các loại bệnh bị triệt hoàn toàn.

c. Sự yếu mạnh của Nhục thân liên quan đến Tâm và Trí

Hoạt động liên đới của Thân, Tâm, Trí ảnh hưởng trực tiếp đến sự yếu, mạnh của Nhục thân. Và trạng thái yếu, mạnh của Nhục thân phát sinh ra một số hiện tượng tự nhiên, hoặc siêu nhiên như sự linh thiêng, sự hoạt động của trực giác quan, Trí nhớ kém, nội khí yếu v.v...

Trẻ thơ, có một số đã có tánh linh. Tánh linh thiêng này biểu lộ sự thông minh về sau của chúng. Sự linh cảm và tha tâm thông của chúng với cha mẹ do sự đồng nhất của thể Sáng do di truyền và ảnh hưởng lẫn nhau.

Tùy theo mỗi cá nhân, sự linh cảm trong tánh linh có thể được duy trì, hoặc bị mất đi do nơi Tâm, Trí dao động, phát sinh ra độc khí, trọc khí trong Nhục thân.

Nhục thân được coi như một môi trường thiên nhiên, trong đó có những tác nhân, ảnh hưởng dưới dạng của Khí và Điện.

Cũng vậy, ở một môi trường thiên nhiên, sinh thái hoặc nhân sinh, “thời

gian nào và không gian nào, mà có độc khí và trược khí nổi lên, thì thời gian và không gian đó, không có sự linh thiêng”.

Với con người cũng vậy, nếu Tâm còn tâm trạng cá nhân, còn bản ngã thì Tâm, lúc đó không có sự linh thiêng. Hay nói ngược lại, khi bản ngã hoạt động, con người đó mất tánh linh.

Nếu Trí có những tư tưởng thuộc bản ngã, ô nhiễm Độc tính, Ác tính..., thì Trí, lúc đó không có sự linh thiêng và mẫu nhiệm.

Ở một thể trạng cao hơn tâm hồn (Tâm và Trí) là linh hồn.

Một linh hồn cực sạch là linh hồn đó không còn gì thuộc về thể gian (siêu thoát), chẳng còn một ký ức nào thuộc về thể gian tồn tại, sinh động..., thì linh hồn đó mới linh thiêng và mẫu nhiệm.

Ngay lúc đó, linh hồn (với thanh khí của Tâm, thanh điện của Trí trở thành thể linh thiêng của vũ trụ) và cùng với sự Sáng mới cảm ứng được với những bậc linh thiêng (đã từng trải sống bằng năng lực tiên thiên).

Đây là: *“Sự sống của tiểu vũ trụ cảm ứng được với sự sống của vũ trụ bằng tính chất linh thiêng và mẫu nhiệm trong Điện và sự Sáng” (1).*

Nếu con người sinh hoạt bằng sức sống thì người đó chỉ cảm ứng được sự mẫu nhiệm, linh thiêng theo tỷ lệ mẫu nhiệm chứa trong mỗi thể linh thiêng.

Tóm lại:

- Phàm tâm mà được “chơn không hóa” thì Khí thân được bộc lộ ra, và có khả năng di chuyển trong giới hạn của bầu khí quyển.

- Phàm tâm, phàm trí được “chơn không hóa” thì Điện thân được bộc lộ ra, và có khả năng di chuyển trong thể giới siêu nhiên.

Mỗi cá nhân cảm nhận được sức khỏe của chính mình. Nhưng mức thặng dư của nội lực trong Nhục thân làm cho các loại thân khác nhẹ hơn trong Nhục thân hoạt động, qua sự linh cảm, mộng, siêu kiến, với sự hoạt động của các trực giác quan, như trực giác quan nghe được Âm.

Hay là, khi con người không còn nghe được Thanh thì mới nghe được Âm, tức là thính giác quan ngưng, thì trực giác quan mới nghe được Âm.

Thính giác quan ngưng, khi Nhục thân ngủ, hay trong trạng thái nửa ngủ, nửa thức thì Khí thân, Điện thân mới nghe được Âm. (Liên quan đến sinh lý, hiện tượng này là sự sinh động của vô não, và chỉ có não hoạt động mà thôi).

Cho nên, mộng, siêu kiến, linh cảm... là những dấu hiệu, biểu hiện tình trạng sức khỏe tốt của Nhục thân.

Trái lại, có những sinh hoạt kém linh hoạt dính dáng đến sự suy yếu của Nhục thân, như nội khí yếu, sức nhớ kém, sự yếu mạnh của Thân và Trí, tâm trạng bất ổn v.v...

(1) Tính siêu việt của con người nhờ vào sự linh thiêng và mẫu nhiệm.

- Tâm trạng động loạn, nội khí yếu.

Sự yếu đuối của nội khí đưa Nhục thân nhanh đến cái chết. Nguyên nhân của sự chết phát sinh từ bên trong, từ nội khí yếu đuối do Ngũ hành khí dao động.

Những loại tình cảm dễ đưa con người nhanh đến cái chết:

Nhất là Sợ: Tim bóp mạnh, Thần thoát.

Hai là Lo: Phổi khó thở Vía yếu.

Ba là Giận: Gan nóng, gân cứng, hỏa bốc: Hồn thoát.

Thần thoát, Vía yếu, Hồn thoát đều do ngoại cảnh sinh ra.

(Còn Đạo nhân thì nhìn vào trong mà “hư không hóa” (“Hư vô hóa”) Thân Tâm, Trí, tức là “hư không hóa” dục cảm, tâm trạng, trí trạng.

Đốn pháp của Đạo nhân, là “hư không hóa” các chức năng của Trí, cũng có nghĩa là đưa toàn bộ sự Sáng ở cùng khắp thân tụ về não.

So sánh:

- Phàm nhân: mãi lo toan việc bên ngoài, nên Thần, Hồn, Vía đều yếu.

- Đạo nhân: Thần, Hồn, Vía luôn mạnh, nhờ ở phép Hư vô.

“Hư vô” làm cho sự sống mạnh, vì vậy “*đạo nhân chỉ nuôi dưỡng sự sống trong Hư vô mà thôi*”.

Việc đời đâu còn là chuyện đề nói của Đạo nhân).

Tâm trạng là gốc của bệnh.

Chính do tâm trạng, với tình cảm nặng nề làm cho Trí nhớ kém đi và mau quên. Bởi vì tâm trạng tạo ra hóa chất (1) mà hoạt tính của nó quá mạnh xúc tác, ảnh hưởng đến hóa chất của những dữ kiện được lưu giữ.

Trái lại, nếu trong cuộc sống, mà Tâm được bình an, thì Trí nhớ con người rất tốt, tức là nhớ nhanh, và lâu như trẻ con sống trong tánh hồn nhiên.

Nếu Trí nhớ bị tâm trạng dao động ảnh hưởng đến những chức năng khác của Trí, như Trí suy nghĩ, Trí quan sát cũng theo đó mà bị ảnh hưởng, sẽ kém đi sự sáng suốt và độ chính xác của nó.

Phải nói rằng: “*Tâm trạng nặng nề là mầm mống tạo ra bệnh*”.

Tâm trạng con người quá nặng nề, nó tiết ra hóa chất làm giảm sức sống của tế bào.

Tế bào yếu, lão hóa nhanh. Do đó, mà diện mạo, thân thể của người cũng già theo.

(Người tu luyện mà để ý đến tâm trạng nặng nề của người khác, và bị nhiễm theo, thì chính mình cũng trở nên nặng nề).

Trạng thái yếu mạnh của Nhục thân liên quan trực tiếp đến sự yếu mạnh của Trí.

(1) Trước khi giải phẫu, đánh thuốc mê, bệnh nhân được giải phẫu không có tâm trạng dao động. Vì vậy, các bác sĩ không khám phá ra được các hóa chất đã tiết ra do tâm trạng dao động trong sinh hoạt tâm lý trước đó.

Nếu Thân mà bị nhiễm độc tố, độc khí, vi trùng, vi khuẩn..., thì Thân đau yếu. Sức sống của nó giảm, tức là Thân không được trường thọ, lại còn đau, yếu nữa.

Nếu Trí bị ô nhiễm bởi những tư tưởng độc, ác... thì nó mất đi sự lạnh mạnh, tức là sự Sáng (sự sống) mất đi tính linh thiêng và mẫu nhiệm.

Nhưng nếu sự sống được sinh động bằng tư tưởng lành (tư tưởng xuất nguồn từ tình thương) thì sự Sống lạnh mạnh. Và từ đó phép lạ xảy ra, mà năng lực để hiện thực có sự tác động của Thiên Tuệ, Thiên Tánh.

Năng lực trong phép lạ từ sự sống thuộc về năng lực của vũ trụ. Nó có quyền lực cao hơn và mạnh hơn các điều lạ xảy ra trên địa cầu do quyền lực của sinh linh, siêu nhân tạo ra do công phu tập luyện.

d. Sự tăng, giảm mức độ đau đớn và khoái cảm của Nhục thân

Nhịp độ mau chậm, mạnh nhẹ của tim liên quan đến sự tăng, giảm về mức độ của sự đau đớn và khoái cảm của Nhục thân.

Mau và mạnh của nhịp tim, sự đau đớn và khoái cảm tăng mức độ.

Chậm và nhẹ của nhịp tim, sự đau đớn và khoái cảm của Nhục thân giảm mức độ của nó.

Nhịp tim ngưng đập (trong trạng thái Cực lạc), Nhục thân không còn cảm giác, không còn sự đau đớn và khoái cảm. Vì trong lúc đó, sự Sáng tỏa ra khắp Nhục thân, hoàn toàn tụ về não.

e. Đời sống con người liên quan đến Trời Đất, chứa đựng năng lượng hậu thiên và tiên thiên

Năng lượng hậu thiên là Khí, Thủy (trong con người là Khí, Huyết) sinh động ở Thân là chủ yếu.

Năng lượng tiên thiên, là Điện và sự Sáng, sinh động ở đầu và não, với chức năng sinh hóa và chuyển hóa là chính.

Từ nhiều ngàn năm, con người khám phá ra bản chất, bản tính và tính năng của hai loại năng lượng này sinh động trong hai vũ trụ, và gọi tên theo chức năng, bản tính và tính năng là Ngũ hành, Âm Dương và Thái cực.

Nơi con người:

- Ngũ hành (dưới dạng năng lượng là ngũ khí) sinh động ở tam tiêu bao gồm ngũ tạng (ở Thân).

- Âm Dương: sinh động ở đầu, phần bên trong vô não.

- Thái cực: ở não.

Ngũ khí

- Tâm khí, Phế khí: sinh ra Mừng, Vui. Hai loại khí này sinh ra Thiện tính.

Mừng, Vui: đưa đến Thiện cảm, để làm cho con người hòa, hợp nhau.

- Đâm khí, Tỳ khí, Thận khí: sinh ra Giận, Lo, Sợ... chúng thuộc loại trực khí và độc khí.
Giận (bực, tức): sinh ra đối kháng, hơn thua. Hậu quả của chúng là hãm hại.
Lo: mưu toan (mưu mô, toan tính).
Sợ: tránh né.

Tóm lại:

- Thượng tiêu: sinh ra thanh khí.
- Trung tiêu: tạo ra và chứa trực khí.
- Hạ tiêu: độc khí.

Bản tính của Ngũ hành, Âm Dương và Thái cực trong con người như thế nào?

- Ngũ hành: kỳ diệu.
- Âm Dương: linh thiêng.
- Thái cực: mẫu nhiệm.

Hay là:

Kỳ diệu sinh động ở ngũ khí.

Linh thiêng bên trong vô não.

Mẫu nhiệm sinh động ngay não bộ.

3. Thân bệnh và Tâm bệnh

Những tệ hại của bệnh là nhức, đau đớn, thống khổ. Nhưng bệnh phát sinh từ đâu?

- Bệnh phát sinh từ bên ngoài Nhục thân đưa vào, và từ trong sinh bệnh. Nhưng có loại bệnh từ bên trong phát sinh.

a. Bên ngoài đưa vào do Thủy (chất lỏng) Khí, tức là các loại chất lỏng, và tất cả các loại hơi. Khí, có trong không khí, trong bầu khí quyển v.v... Và mầm mống gây ra bệnh của nó được chứa trong Huyết và Khí.

b. Bệnh bên trong phát sinh từ đầu con người, từ não bộ, hay do nhân điện phát sinh. Nó không phải là bệnh ở Thân, nhưng là bệnh ở Tâm, Trí, từ tư tưởng nảy sinh bệnh.

Loại bệnh nào dễ và khó chữa?

- Bệnh gốc ở Huyết, dễ chữa; bệnh ở Khí, khó chữa; bệnh sinh ra từ nhân điện, thuốc làm từ cây cỏ, khoáng chất, các loại có được chất hữu hình v.v... Không thể chữa lành được (nên gọi là nan y).

Bệnh do Điện gây ra, không có thuốc chữa. Nó chỉ có thể được chữa lành bằng nhân điện của con người, hay là bằng tâm lý, tức là chữa bằng cách “hoàn ngược tâm lý (lấy tư tưởng chữa cho tư tưởng, tâm trạng chữa cho tâm trạng. Hay là, “sống bằng tính tích cực để hóa giải tính tiêu cực”, “sống bằng tính lạc

quan để xóa tính bị quan”).

Nói cách khác là trực khí, độc khí, trực điện, độc điện... chẳng phải hoàn toàn do bên ngoài nhập vào Nhục thân, mà còn do bên trong phát sinh.

Bên trong tạo ra do Tâm (tâm trạng có hại đến sức khỏe), do tư tưởng độc, ác (do Trí) hay do sự yếu kém của tinh thần.

Trực khí, độc khí... làm hại các kinh, gây ra các bệnh cho các tạng, phủ.

Trực điện, độc điện... do sự yếu kém của “Thần”, làm cho kinh, mạch đều yếu, sinh ra sự yếu kém của hệ thần kinh (tức là nhân điện yếu).

Do đó, có một số dây thần kinh bị đau, yếu đi. Triệu chứng của sự đau, yếu của các dây thần kinh sinh bệnh cho các giác quan như mắt, tai, miệng...

Muốn trừ các bệnh do sự yếu kém của nội lực, chỉ cần “lành mạnh hóa” của hai hệ “Khí và Điện” bên trong Nhục thân, các bệnh sẽ khỏi.

Đây là cách trị bệnh bằng cách “chơn không hóa Tâm, Trí” với nhiều phương pháp, phương thức khác nhau.

- Các loại bệnh phát sinh từ da, thịt không làm yếu, hay hao tán nhanh sự Sáng, sự sáng suốt của Trí khôn, và nó không có tính cách cấp tính.

Còn bệnh ở tạng, nhất là Tim, làm hao tán nhanh nội lực, và có tính cách cấp tính (1).

Bệnh ở Tim làm cho sự tuần hoàn của Huyết không điều hòa. Và nội lực của Huyết yếu đi.

Nội lực của Huyết là Thần cũng kém đi. Thần kém, các chức năng của Trí mất khả năng chính xác trong sự quan sát, nhớ, suy nghĩ... Sức sáng suốt của Trí giảm, hoặc có lúc mất, vì vậy nói năng các từ hay vấp. (Lượng máu cần thiết lên đầu không đủ hoặc nhất thời không lên được).

Triệu chứng này do 2 nguyên nhân chính: bên ngoài và bên trong.

Bên ngoài: do thân thể làm việc nặng hơn khả năng chịu đựng của cơ bắp.

Bên trong: do tâm lý. Sự dao động mạnh của tâm trạng làm cho nội lực của Huyết yếu, tức là Thần yếu.

Làm sao trị bệnh tận gốc được?

- Trị bệnh tận gốc là An Thần.

Thần sinh động bên trong, nếu trị từ ngoài vào là hạ sách.

- Cho bệnh nhân nghỉ ngơi.

- Tự hóa giải tâm trạng của chính mình. Thần mạnh dần. (Dấu hiệu của Thần mạnh là luôn được may mắn, vì sự Sáng sinh động bên trong, trừ, tránh được họa).

- Bệnh ở tạng Phổi.

Khí không điều hòa do ho, hen, suyễn v.v... Nội lực của Khí yếu. Nội lực

(1) Mãn tính không nguy hiểm bằng cấp tính. Bệnh phát sinh từ tâm trạng, tư tưởng luôn có tính cách cấp tính, vì nó phát sinh từ nhân điện và sự Sáng.

của Khí là Vía. Vía yếu, nên sinh ra táo bón, không có mộng, là do ho, suyễn. Vì vậy, mà Khí thân không thể kết thành một mảng khí đầy đủ.

Hay ngược lại, nếu không có mộng, bị ho, suyễn, có táo, bón..., là Vía yếu.

Nếu Vía mạnh thì ho, suyễn, táo, bón đều ngưng, vì khí được điều hòa từ bên trong.

Hiệu quả của “sự cường hóa Vía” (1) bằng sự Sáng rất nhanh, nhưng khó nhận ra.

Ba loại nội lực “Thần, Hồn, Vía” cũng là nội lực của Khí, Huyết, (và Thần là cộng lực của Khí, Huyết), mà yếu, đó là gốc của Tâm bệnh. Triệu chứng khó tìm ra, vì chúng là những lực vô hình.

Bệnh của Nhục thân phát sinh từ nhiều nguyên nhân, nhưng chỉ gom vào hai tác nhân là Thủy (Huyết) và Khí, do:

- Sự thiếu hoặc dư hóa chất trong cơ thể, trong các tạng, phủ mà sinh ra, hoặc do sự khắc chế của ngũ vị.

- Do tâm trạng nặng nề gây ra, từ sự phản ứng hóa chất tạo ra từ tâm trạng, tình cảm.

- Do sự mất quân bình giữa Dương và Âm, của Ngũ hành, sự thâm nhập của ngũ tạng khí.

(Ngũ tạng khí bao gồm: phong, hàn, thấp (âm ướt, bốc lên hơi dơ và độc), thử (là nắng, nhưng cũng có nghĩa là “nhiệt”, là sức nóng trong nắng và lửa), táo (khô)... Nôm na, năm loại loạn khí này là: gió, lạnh, hơi ẩm, nóng, khô, phát sinh ra từng mùa và tùy môi trường. Nếu khác mùa, loại khí đó được sinh ra, nó là dịch khí. Hay sau cơn thiên tai, thường có dịch khí, đó là hiệu quả của sự sinh hóa từ trực điện, hay độc điện trong bão.

Dịch khí nguy hiểm hơn “dịch do chất lỏng” phát sinh. Vì nó lây lan trong không khí rất nhanh, thâm nhập vào cơ thể con người qua hơi thở (phổi) và da.

Ngũ tạng khí cũng vậy, thâm nhập qua da và hơi thở để vào các tế bào gây ra đau, nhức, môi, tê, liệt... Các loại này đều là cảm giác, làm hại đến Huyết, Khí, hệ thần kinh.

Nếu ngũ tạng khí còn ngoài biểu bì (ngoài da) thì dễ chữa trị. Và khi chúng đã thâm nhập vào trong, như trong các khớp, thì thời gian trục chúng ra hơi lâu).

a. Tâm bệnh và phản ứng hóa chất

Nhục thân bệnh do vi trùng, vi khuẩn, các loại trùng (như nhóm giun, loại ký sinh ở người) thuộc Thủy, Khí sinh ra.

(1) “Niệm” mỗi từ theo hô hấp (tùy theo mỗi tôn giáo), khi ra vào chuyển động nhẹ nhàng, nhưng rất có lực, thì “Thần, Hồn, Vía” đều mạnh. Vì trong cách hô hấp đó, có sự phối hợp của sự Sáng và Khí. Nhờ đó mà nội lực của Khí mạnh, làm mạnh luôn nội lực của Huyết.

Chúng làm cho Nhục thân đau, bệnh và làm ô nhiễm luôn cả môi trường sinh thái tự nhiên.

Nhưng tâm bệnh do Tâm và Trí gây ra, tức là do tình cảm (tâm trạng) kết hợp với tư tưởng mà sinh ra

- Tình cảm: giận, hờn, bực, tức, ghét, lo, sợ... gây ra tâm bệnh, tác hại Nhục thân. Và làm ô nhiễm luôn môi trường sinh thái của tầng dưới của bầu khí quyển, luôn cả trên mặt đất.

- Tư tưởng: Ác đức tính và tâm trạng sinh ra tâm bệnh, và ô nhiễm luôn cả môi trường sinh thái siêu nhiên.

Chúng phải được xem như những tác nhân gây bệnh cho cõi giới siêu nhiên trong con người, và tác hại đến các tạng, phủ, luôn cả Nhục thân nữa.

Sự tác hại của tâm trạng làm rối loạn chức năng của ngũ tạng. Cường độ tâm trạng nặng nề tương đương với mức độ rối loạn của chức năng.

Sự rối loạn của chức năng của ngũ tạng tác hại đến sự phản ứng hóa chất của ngũ tạng. Do sự phản ứng hóa chất của tạng, phủ, mà con người bị bệnh.

Tóm lại:

Tâm trạng nặng nề là nguồn gốc của Tâm bệnh sinh ra bởi:

- Sự rối loạn chức năng của tạng, phủ, và sự rối loạn trong phản ứng hóa chất, trong sự tiêu hóa của thức ăn, nước uống.

Cần nói thêm là những bệnh không do vi trùng, vi khuẩn xâm nhập vào cơ thể gây ra, thì những bệnh này do sự bất bình thường của 4 thể linh thiêng trong cơ thể.

Cũng có thể nói: “bệnh không vi trùng gây ra là một tệ trạng của sức khỏe. Tệ trạng này do tâm lý gây ra. Tệ trạng tâm lý do tư tưởng tạo nên, ảnh hưởng, làm trở ngại chức năng của hệ thần kinh đối giao cảm.

Những bệnh này chỉ có ở con người, không có ở những sinh vật khác như thú vật, động vật... sống bằng Khí, Huyết như bệnh tiểu đường, uất khí kết thành bướu lạnh, bạch huyết (leucemie), khủng, điên...

Sự tác động của một thể linh thiêng cao và mạnh có thể gây ra nhiều bệnh ở 3 thể khác:

Sư Sáng (Trí) bất bình thường, hay là sự dao động mạnh gây ra bệnh cho thể Điện, Khí, Huyết.

Điện: bất bình thường gây ra bệnh cho 2 thể Khí, Huyết.

Khí: bất bình thường gây ra bệnh cho Huyết.

Huyết: bất bình thường cũng gây ra bệnh cho những tạng, phủ, gân, tế bào...

Thí dụ: Lo và tạng Tỳ

Lo: là một hiện tượng tâm lý, do tư tưởng tác động. Tư tưởng là Điện bị dao động, sinh ra sự dao động cho Khí.

Tạng Tỳ hoạt động từ 10 đến 12 giờ trưa. Chức năng của nó là tiết hoạt

chất (insulin) ra làm cho dạ dày xót và thèm ăn. Nhưng tư tưởng “Lo” có cường lực cao hơn sức hoạt động của chức năng của Tỳ để tiết hoạt chất ra.

Do đó, đường không vào máu được, nhưng lại tháo ra đường tiểu, sinh ra bệnh tiểu đường – là bệnh của thời đại, vì “Lo” trong giờ hoạt động của Tỳ.

Thí dụ khác: bướu lành

Nguyên nhân của nó thuộc về sinh lý và tâm lý, do sự tụ của uất khí, tức là vừa giận, vừa lo.

“Khí” không chuyển động điều hòa, lôi cuốn theo sự mất điều hòa của Huyết mà gây ra chứng bệnh trên.

Sức khỏe và bệnh trong con người phần lớn do hóa chất ảnh hưởng. Người lớn do sự dao động của tâm trạng tạo ra sự phản ứng về hóa chất. Trẻ con, sống hồn nhiên, không có tâm trạng nặng nề, vì vậy chúng không có tâm bệnh do hóa chất tạo nên.

Nhưng hóa chất từ đâu mà có?

- Hóa chất được tạo ra từ năng lượng mặt trời là chính, do hai dòng điện Dương và Âm trong vũ trụ.

Hay là mặt trời do hai dòng điện Dương và Âm tạo nên. Vì vậy, tất cả các thể, chất trên địa cầu đều do Điện mà thành, như:

Sắc, Âm, Hương, Vị, nhiệt độ... và mọi loại hóa chất trong đó có cả chất mặn của muối. Chất mặn này cũng do Điện Dương và Âm trong lòng đất toát ra.

Trong Nhục thân cũng vậy, các loại hóa chất cũng do nhân điện tạo nên, và hơn nữa, còn có sự xúc tác của sự Sáng của Trí (não).

Sự Sáng là năng lực mạnh nhất mà con người có được.

Sự Sáng trong não tạo nên phản ứng hóa chất sinh lý (biochemical reactions) do sự xúc tác vào một vùng hay vào một thể nào đó liên quan đến tâm trạng và tư tưởng.

Ở phương diện này thì:

- Tâm trạng là tình trạng của Tâm, và cũng là một hiện tượng vật lý với sự xuất hiện cùng lúc của một loại hóa chất.

- Tâm trạng được sinh ra do tư tưởng. Và tư tưởng được sinh hóa ra từ sự Sáng. Hay ngược lại, *“sự sáng tạo ra tư tưởng, và tư tưởng sinh hóa ra tâm trạng. Tâm trạng sinh hóa ra hóa chất”*.

Tùy theo loại tình cảm, loại hóa chất được sinh ra có độc tố hay không có độc tố ảnh hưởng đến cơ thể, bộ phận v.v...

Sự xúc tác của sự Sáng			
Sự Sáng →	→	Điện →	→ Khí
Trí →	→	tư tưởng →	→ tình cảm
Trí →	→	trí trạng →	→ tâm trạng
Não →	→	hệ thần kinh →	→ hóa chất liên quan đến các tạng

Hóa chất do sự xúc tác của sự Sáng có thể có độc tố hoặc không có độc tố, hay có tính chất bồi bổ cho cơ thể, bộ phận.

Mức độ ảnh hưởng của từng loại hóa chất do ở trường độ và cường độ của tâm trạng.

Trong Nhục thân, khi có phản ứng tâm lý, tức là có phản ứng hóa chất.

Phản ứng tâm lý do ở ngũ tạng và 3 thể linh thiêng là Khí, Điện, sự Sáng.

Ngũ tạng chứa đựng hóa chất. Vì vậy, khi có phản ứng tâm lý, tức thì, xảy ra sự phản ứng hóa chất.

Cả hai đều tương quan, tương ứng về trường độ và cường độ.

Cường độ càng cao thì sự phản ứng càng mạnh. Nó ảnh hưởng đến 3 hệ (thần kinh, miễn nhiễm, nội tiết).

Hệ thần kinh yếu: Nhục thân đau.

Hệ miễn nhiễm kém: sức đề kháng yếu.

Nội tiết rối loạn: do tâm trạng gây ra, do sự xúc tác của hóa chất: phát sinh sự ngứa ngoài da.

Tiến trình của nó là:

Tâm trạng → xúc tác của Điện → phản ứng hóa chất → liên quan ảnh hưởng đến các hệ thống trong Nhục thân.

(Y học chưa có phương tiện khám phá trực tiếp, ngay khi có sự xúc tác của các thể (điện và sự Sáng) trong cơ thể và phản ứng hóa chất).

Tóm lại:

Sự phối hợp của sự Sáng, Điện và Khí trong các tâm trạng phát sinh ra những phản ứng về hóa chất.

Tức là, khi có tư tưởng, tình cảm và cảm giác thì trong cơ thể con người có sự phản ứng hóa chất.

Nói cách khác, Tâm và Trí có khả năng gây ra sự phản ứng hóa chất trong thân thể con người.

Thật ra, *Trí quan sát mà quan sát một sinh động nào của một trong các thể linh thiêng thì sự Sáng trong chức năng quan sát của Trí sẽ tạo ra một loạt phản ứng hóa chất của một Lực mới.*

b. Chữa Tâm bệnh

Tâm bệnh là bệnh của tâm hồn do Tâm, Trí gây ra. Một loại bệnh không có vi trùng, chỉ có hóa chất tác hại, do tình cảm và tư tưởng của 3 thể linh thiêng (Khí, Điện, sự Sáng) sinh hóa ra từ bên trong và biểu hiện ở bên ngoài.

Chúng được coi như tai họa của con người, vì vậy, phải tìm cho thật đúng nguyên nhân sinh ra chúng. Cũng như các nhà khoa học luôn tìm kiếm nguyên nhân của thiên tai, địa họa, để con người có thể tránh được những tàn phá của chúng.

Bên ngoài, thiên tai, địa họa đâu phải từ Trời, từ tầng bình lưu giáng xuống, mà chúng khởi sinh từ Đất, từ lòng Đất, mà bốc lên cao, để rồi từ những đám mây, từ cao giáng xuống, trong đó có luôn cả sự đóng góp của tâm địa con người tỏa ra dưới dạng năng lượng.

Cũng vậy, mưa, bão, sấm, chớp... đâu phải từ cao mà có, nó phát sinh từ mặt địa cầu bốc lên.

Có người cứ nhìn lên trời cao mà trách việc Trời làm, sao không tự hỏi, ta đã làm gì để nhận lấy thiên tai?

Nhiều người có Tâm bệnh, cũng vậy, cứ luôn than phiền bệnh trạng mà không cố gắng tìm nguyên nhân, chỉ nói đến triệu chứng. Nhiều bệnh, dĩ nhiên là nhiều triệu chứng, tính phức tạp càng cao. Suy nghĩ trên sự phức tạp, hiệu quả không bao giờ được chính xác.

“Phức tạp ở những hiện tượng, đơn giản ở cái Lý, ở nguyên nhân”. Hay là, “dễ hiểu ở cái Lý, khó hiểu ở hiện tượng”.

Tâm bệnh cũng vậy, chẳng phải nó tự sinh ra được, do con người, tức là “từ Không sinh ra Có, và từ Có trở về Không”, thì Tâm bệnh chẳng còn, Nhục thân hết đau đớn.

Từ cái “Không của tâm hồn đơn sơ, chẳng vương ngoại cảnh, nội cảnh, tâm trạng, ký ức, trẻ con sống vui vẻ, Thần của chúng ngày càng mạnh dần. Chúng không có sự đổi thay về huyết áp. “Thần”, là gốc của huyết áp. “Thần” ổn định, mạnh, huyết áp bình thường; “Thần” dao động, huyết áp đổi thay. Và sự đổi thay của huyết áp là triệu chứng của bệnh về tim, và cũng là Tâm bệnh (bệnh của tâm hồn).

Nội khí vượng (1), huyết thông, nên trẻ con không bị chứng nhức mỏi ở cơ

(1) Nội khí (cũng gọi là Khí) được tạo nên từ nhiều loại Khí, từ nguyên khí được di truyền từ cha mẹ, và những loại khí khác được đưa vào thân thể, chính yếu là không khí.

bấp. Nội khí vượng, Khí thân được hình thành, chúng bắt đầu có mộng chiêm bao.

Nhịp tim thư giãn, nhẹ nhàng như trong giấc ngủ ngon. Nội khí mạnh: Thần, Hồn, Vía đều mạnh.

Tất cả, đó là “trạng thái vô tâm bệnh” của tuổi thơ, tức là, cái Không trong một đời sống đơn sơ.

Và “từ cái Không dẫn đến cái Có của đời sống phức tạp, do Tâm hồn dao động”, để sinh ra Tâm bệnh.

Tâm hồn dao động do ngoại cảnh, nội cảnh (hình ảnh trong tư tưởng), tâm trạng, ký ức..., thì Thần, Hồn Vía đều yếu.

Từ sự yếu kém của ba bộ phận đó mà bệnh tật phát sinh từ Khí, Huyết. Chúng bộc phát từ ngũ tạng, lục phủ. Và nặng hơn, là do nơi Điện (tư tưởng), hay Điện và Khí, thì bệnh làm suy yếu chức năng của Trí (chức năng “quan sát, nhớ, suy nghĩ”).

Bệnh của ngũ khí phát sinh từ ngũ tạng. Ban ngày, Khí thân yếu kém, linh cảm không xảy ra. Ban đêm, nếu trước khi ngủ mà Tâm được An thì có mộng.

Đó là “diễn tiến của cái Không đến cái Có của Tâm bệnh”, tức là “từ sự đơn giản đến sự phức tạp của đời sống”.

Nay, “hoàn ngược quan niệm sống”, từ cái “Có phức tạp” đến cái “Không đơn giản”, nhưng “với cái Trí và cái Lý”, thì Tâm bệnh và Nhục thân đau đớn sẽ tự nó tan biến.

Với quan niệm sống này, là “Có cũng như Không có”, “tâm hồn luôn trong trạng thái Hư vô”. Nhờ đó mà linh hồn hoạt động được.

Sự đổi thay này biểu lộ một sự tiến hóa, tuy không nhiều, nhưng nó tạo cho cuộc sống một sự An, Lạc trong những hiện tượng có chiều sâu trong cõi siêu nhiên. Và những hiện tượng đó trở thành kiến thức và dữ kiện siêu nhiên được lưu giữ trong Trí nhớ.

Như, sự khác thường xảy ra trong ban ngày, lúc tỉnh thức, tâm hồn mà Hư vô, thì linh hồn hoạt động được.

Kinh nghiệm cho thấy rằng:

“Tâm hồn Hư vô, Khí nhẹ tam tiêu,

Sinh động nội khí, hiện Khí thân

Khí vượng, Huyết thịnh, trục căn bệnh,

Trí sáng, linh cảm, đứng Linh hồn”.

“Hoàn ngược quan niệm sống”, từ “Có đến Không có” để hóa giải tâm bệnh ảnh hưởng đến Nhục thân gồm có hai hướng, với tính tích cực, hoặc tiêu cực, tức là có tính chủ động, hoặc thụ động của người bệnh.

Tính tích cực hay chủ động mang tính lạc quan, tạo ra sức mạnh, ý chí ... để tự chữa căn bệnh và tự cứu lấy mình.

Trái lại, tính tiêu cực, thụ động mang tính bi quan, sinh ra sự yếm thế, bỏ

mặc, cũng ở vào trạng thái hư không của 3 hệ (Huyết, Khí, Điện), chỉ còn lại sự Sáng sinh động, nó tác động vào căn bệnh, ảnh hưởng đến sự liên đới hoạt động hay làm ngưng tạm thời sự hoạt động của 3 thể kia mà căn bệnh được lành. Điều này cũng do tư tưởng.

Nó liên quan nhiều nhất đến sự tạm ngưng của nhân điện, liên hệ đến nhiều hiện tượng. Và hiện tượng này sẽ xảy ra như sau:

Nếu hệ của nhân điện tạm ngưng thì hệ Khí, Huyết của Nhục thân cũng ngưng theo. Nhưng sự Sáng còn sinh động thì Nhục thân tạm chết sẽ sống lại. Và khi nhân điện được phục hồi đầy đủ sức của nó thì Nhục thân khỏi bệnh.

Nguyên nhân của hệ thần kinh tạm ngưng

Do từ bên ngoài hoặc do từ trong.

1. Từ bên ngoài

Do một hiện tượng vật lý có cường độ mạnh như điện giật, sét đánh v.v... làm cho nhân điện bị ngưng, hay bị tán ra ngoài, làm mất khả năng tư tưởng.

Khí thân hoặc Điện thân toát ra khỏi Nhục thân (1), nhưng sự Sáng, sự sáng suốt của Trí vẫn còn sinh động ở não bộ. Mãi cho đến khi, Khí thân, Điện thân nhập trở lại Nhục thân, lúc đó nhân điện hoạt động trở lại, sức sống của Nhục thân được phục hồi, con người sống lại.

Có nhiều nguyên do khác, từ bên ngoài làm cho tâm hồn khiếp đảm, hệ điện đột ngột ngưng, Nhục thân cũng chết giả.

2. Từ bên trong

Sinh hoạt liên quan đến hệ nhân điện như suy nghĩ, nhớ... ngưng hoạt động. Tư tưởng được sự Sáng của Trí điều khiển cho ngưng động, hệ Khí không còn tinh cảm dao động, cho nên “khí lực” trong Nhục thân tăng lên. Hệ Huyết (máu) cũng vậy, không còn cảm giác dao động, vì vậy “Huyết lực” tăng do sự xúc tác của sự Sáng, trong khi đó, Tim và Phổi đều ngưng hoạt động...

Hệ thần kinh tạm ngưng một cách thụ động hay chủ động, trong khi đó, Nhục thân tạm chết, sự Sáng với năng lực đầy đủ của nó, mới hóa giải được bệnh của Nhục thân, do tâm hồn gây ra.

Đó là nhờ vào tính toàn năng của sự Sáng. Nghĩa là, chỉ có sự Sáng trong não bộ mới có khả năng trừ lành mọi bệnh tật, mọi đau đớn.

Tại sao?

(1) Trong khi Nhục thân tạm chết do Khí thân và Điện thân toát ra, hai loại thân này sinh động, hoạt động, và có khả năng tiếp xúc với các sinh linh khác trong thế giới đó. Chúng có thể học hỏi những kiến thức siêu nhiên bằng siêu Trí do những sinh linh truyền đạt lại. Vì vậy, khi Nhục thân sống lại, người này có thể dùng những khả năng phi thường do sự truyền đạt.

- Vì sự Sáng là năng lực có khả năng tự tạo lấy năng lực cho chính nó, và là nguồn gốc tạo nên những Lực khác.

Nếu Lực khác mà thiếu thì sự Sáng bỏ tức cho, và bệnh lui.

Chữa bệnh tật, đau đớn bằng sự Sáng, là một khoa cấp cứu (ít người biết và chưa được phổ biến rộng) mà phương thức của nó, là lấy năng lượng từ não để làm tăng năng lượng cho những thể khác (Huyết, Khí, Điện) yếu tiềm năng.

Nó không giống như phương pháp cấp cứu của châm cứu cổ truyền là cấp cứu không cần đến thuốc. Chỉ kích thích các huyết, khơi động tiềm lực, và từ đó toát ra được chất. Và được chất này do Khí và nhân điện tạo ra, được đưa vào các kinh, mạch, dẫn tới nơi đau. Bệnh nhân bớt đau, và nếu nội lực được đầy đủ, bệnh sẽ khỏi.

Điều này chứng tỏ, bệnh nhân đã tự nhận năng lực ngay trong bản thân, nhưng phải cần đến một lương y.

Còn phương pháp “cấp cứu Tâm bệnh” bằng sự Sáng, là tự mình chữa lấy mình từ não bộ mà không phải nhờ đến một người khác, nhưng với một trạng thái khác thường, là “Vô ngã”.

Tâm bệnh là bệnh do bản ngã gây ra, tức là do tâm hồn gây ra.

Và chỉ có “Vô ngã” với sự Sáng của Trí mới hóa giải được Tâm bệnh. Tâm bệnh không còn thì Nhục thân khỏe mạnh.

Trạng thái “Vô ngã” với sự Sáng hóa giải được Tâm bệnh, đó cũng là hóa giải độc tố trong con người.

Hiện tượng này cũng đồng bản tính với sự hóa giải độc tố trong những môi trường thiên nhiên.

Trong hai vũ trụ, khi nào Ngũ hành mà động thì độc khí bộc phát.

Trong con người, khi “ngũ tạng khí” động, loạn thì độc khí phát sinh. Và đó là một trong những nguyên nhân của bệnh.

Biển cũng vậy, khi có gió to sóng lớn, nó cũng tạo ra độc khí. Nó mất chức năng tẩy độc. Trái lại, khi nào biển lặng, nước biển mới có khả năng hóa giải độc tố của các dòng sông đưa vào nó.

Hóa giải được độc tố là nhờ ở muối. Hàm lượng của muối càng cao thì độc tố càng được hóa giải nhanh. Nhưng chất mặn nhờ ở điện sinh hóa.

Con người cũng vậy, muốn hóa giải độc tố, hay là muốn hóa giải khí độc, phải dùng nhân điện, hoặc sự Sáng của Trí và Tâm chơn không (1).

Muốn cho nhân điện sinh động thì “Tâm phải chơn không” trước hết.

(1) Trẻ thơ, Tâm chưa động, loạn, chỉ có bệnh do bên ngoài đưa vào, nhưng chưa có bệnh do tâm trạng sinh ra.

Khí lớn lên, có tâm trạng. Nếu nhẹ thì sinh ra phiền não. Và nếu nặng hơn thì chính những tâm trạng, là nguyên nhân của bệnh, đặc biệt là Tâm bệnh.

Tâm mà chơn không thì nhân diện sinh động, Tâm có sự linh thiêng.

Nếu lấy sự Sáng của Trí soi vào sự linh thiêng thì có sự mâu nhiệm phát sinh.

Đến đây, ta thấy có hai cách hóa giải khí độc:

- Dùng Điện để hóa giải.
- Dùng sự Sáng và Điện để hóa giải.

1. Dùng điện để hóa giải:

- Dùng sự chơn không của Tâm, tức là dùng sự sinh động của Điện để hóa giải khí độc.

2. Dùng sự Sáng và Điện để hóa giải:

- Dùng sự Sáng của Trí chơn không và Điện để hóa giải khí độc.

Muốn hóa giải chất độc thì chất dùng để hóa giải phải có một lực mạnh hơn chất bị hóa giải. Hay là, “khả năng xúc tác” để hóa giải, làm biến thể chất bị hóa giải phải mạnh hơn chất bị hóa giải.

Theo khả năng xúc tác thì:

- Sự Sáng có khả năng hóa giải độc tố sinh ra từ Điện, Khí, Thủy (trong Nhục thân là Huyết).

- Điện có khả năng hóa giải độc tố sinh ra từ Khí, Thủy.

- Khí có khả năng hóa giải độc tố sinh ra từ Thủy.

Nói cách khác:

- Năng lực của cõi giới siêu siêu nhiên có khả năng hóa giải Lực của cõi giới siêu nhiên và tự nhiên.

- Năng lực của cõi giới siêu nhiên có khả năng hóa giải lực của cõi giới tự nhiên.

Trong chức năng sinh hóa, chuyển hóa để tiến hóa, mọi vật, tạo vật, có thể bị biến thể, biến thái, biến tướng, kể cả các loại năng lượng cũng vậy.

Sự biến thể của năng lực tiên thiên (Điện, sự Sáng) sang một trạng thái khác, sinh động dưới dạng của sinh hoạt tinh thần và tâm linh là Đức và Đạo (đức tính và đạo tính) vẫn giữ nguyên tính năng của nó.

Tính năng của những đức tính và đạo tính có khả năng làm tăng phước tính, và hóa giải Họa cho Nhục thân, tức là có thể hóa giải được sự chết có thời định của Nhục thân.

Thực tế đã chứng minh, đâu phải những người sinh ra cùng ngày, tháng, năm, giờ... phải chết cùng một lúc. Vì trong giờ, còn có sự khác biệt về giây, phút nữa.

Cái chết Nhục thân có giờ, có phút, nhưng những người khác không chết, vì điều này còn do nơi Tâm, Trí của họ, tức là “Đức và Đạo” trong đời sống của họ hóa giải được cái chết phải xảy ra trong Nhục thân.

Nghĩa là, “đời sống tâm linh và tinh thần của con người có khả năng hóa

giải tai họa, đứng ra, nó phải xảy ra cho Nhục thân của họ”.

Nhục thân chết, thông thường do bệnh, trừ ra cái chết bất ngờ do tai nạn.

Bệnh nào cũng làm cho Nhục thân đau. Tâm bệnh làm cho Tâm thống và Nhục thân đau. Nhưng những người hiểu biết sâu sắc về cuộc sống sẽ ngăn ngừa bệnh tâm lý bằng cách ứng dụng Triết lý và Đạo lý trong sinh hoạt.

Những phương thể chữa bệnh, ngừa hay hóa giải tai họa cho Nhục thân, không thể làm cho Nhục thân không khỏi chết được. Và ý muốn cho Nhục thân được sinh tồn của một sinh tạo, thụ tạo không thể đảo lộn quy luật của Vận trong sự sáng tạo được. Nghĩa là Nhục thân phải chết, khí số (1) phải hết. Nhưng dấu hiệu nào cho con người thấy khí số của Nhục thân gần hết?

- Với người bình thường, không có bệnh trong Nhục thân, thì mức trường thọ của Nhục thân tùy thuộc vào Lực của nội khí.

Lực của nội khí để tăng mức trường thọ tùy thuộc vào Dương khí lực.

Dương khí lực còn mạnh thì sức sống của Nhục thân còn. Nhưng khi Dương khí lực yếu, kém, sức sống của Nhục thân chẳng còn bao lâu, tức là Nhục thân sắp phải chết.

Những dấu hiệu cho thấy Dương khí lực yếu là:

- Âm thanh trong tiếng nói kém lực. Không đủ sức để nói lâu, để nói hết một câu dài.

- Bàn chân, ngón chân thường bị lạnh, tê cóng. Đôi chân không đủ lực để đi, đứng, nên hay té, ngã....

E. CÁC LOẠI “NGÃ”

Con người, khi đã có những sinh hoạt riêng, và ý thức được những sinh hoạt đó thuộc về cá nhân mình thì cái “Tôi” (cái bản ngã) được tạo nên.

Vậy “bản ngã”, hay là “cái tôi vô hình vô bóng” là gì?

- Là toàn thể đặc thù bao gồm những tính tình, điều kiện, những sở đắc và quan niệm của một cá nhân ý thức được. Và coi đó như nhân cách, nhân phẩm và cách sống của mình.

Tùy mỗi người, cách sống này có thể được duy trì suốt cả một cuộc đời, hoặc do nhầm chán trong cách sống, hoặc muốn tiến bộ, tiến hóa để sống một cách khác, mà các loại “Ngã” khác được tạo nên, như: Vô ngã, chơn Ngã, Đạo ngã v.v....

Sự thay đổi cuộc sống từ sự nhầm chán, phiền não, đau khổ của cách sống cũ thì rất nhanh. Nhưng trong sự tiến bộ, trong mâu thuẫn vẫn có thể sinh ra nhầm

(1)Số của năm mà Nhục thân thọ được, sống được hay là khả năng sinh động của khí lực trong Nhục thân.

chán. Nghĩa là, trong sự tiến hóa của Trí khôn, vẫn nảy sinh sự mâu thuẫn.

Như một số người cùng sống theo con đường Thiện, nhưng lại có sự mâu thuẫn trong tư tưởng. Nếu sự mâu thuẫn được bộc lộ ra, chắc chắn, từ đó phát sinh ra tranh chấp, bất đồng trong sinh hoạt, trong hành động.

Điều này do nơi Tâm, Trí của mỗi người không giống nhau.

Có người quá thận trọng, tỉ mỉ, kỹ đến từng chi tiết sinh ra nghiêm túc, khắt khe..., người khác thì quá đơn sơ, nhiệt thành, cấp tiến... Dù rằng hai mẫu người này cũng đều sống Thiện, nhưng cách nhìn sự việc, giải quyết, rất khác xa.

Vì vậy, từ đó nảy sinh ra sự bất đồng, mâu thuẫn, tranh chấp trong tư tưởng và hành động.

Càng hiểu sâu, càng thấy rõ: *“chẳng phải “Thiện, Ác” đối đầu mới xảy ra mâu thuẫn, mà chính riêng trong sự Thiện, hay trong sự Ác, tự nó cũng nảy sinh ra mâu thuẫn, tranh chấp”*. Và nơi này sinh ra chúng, là Tâm, Trí con người vậy.

Tâm trạng, tình cảm, tư tưởng của mỗi cá nhân sinh động, xuất hiện không ngừng trong sinh hoạt. Thù hờ, với hàng tỷ người trên địa cầu, hàng tỷ bản ngã, thì sinh hoạt của con người sẽ trở nên vô tận, với vô số đặc thù.

1. Bản ngã

“Bản ngã là cái Tôi vô hình vô bóng” do chính mình tạo ra nó. Vậy mà mình không thể kiểm soát được nó, do sự xuất hiện vô hình của tình cảm, tâm trạng, và sự nảy sinh cực nhanh của tư tưởng với những đặc thù của chúng, càng làm cho cuộc sống con người càng phức tạp.

Tính phức tạp làm cho bản ngã trở nên đa dạng, dù rằng ta có thể quy về ba cõi giới là Thân, Tâm, Trí. Nhưng với mục tiêu hiện đại hóa đời sống bằng những tiện nghi, sự sáng tạo của Trí làm nảy sinh ra nhiều ngành, nghề trong đó sở thích, và nhu cầu tăng trưởng không ngừng con số bản ngã, trong một xã hội văn minh.

Trở lại nguồn gốc sinh hóa của con người, ta mới nhận rõ được sự đổi thay và khoảng cách lớn lao của sự siêu thoát, thanh thoát và sự ô trược của Tâm, Trí con người, trên đó cá nhân, chủ quan đặt bản ngã của mình lên.

Nó giới hạn sự cảm ứng toàn diện của con người.

Vì con người được sinh ra đầy đủ với 3 cõi giới. Nhờ những cõi giới này, con người cảm ứng được với vạn vật, sinh linh ở 3 thể giới.

“Thân”, cảm ứng với muôn vật, sinh linh ở thể giới tự nhiên; “Tâm” ở thể giới siêu nhiên; “Trí” với thể giới siêu siêu nhiên. Nhưng, vì sự ô trược của Tâm, Trí che lấp đi, ngày càng nhiều, càng dày đặc. Do đó, Tâm và Trí mất đi khả năng của chúng, mất đi sự cảm ứng.

Nhưng nếu Tâm, Trí trở lại trong sạch, sự cảm ứng sẽ xảy ra.

Nói cách khác, sự trở ngại của sự cảm ứng của Tâm và Trí, là sự ô trược, tích lũy từ lâu đời, và di truyền đến những đời sau. Nó được coi như hạt giống nảy mầm, rồi sinh sản, như một năng lực sinh hóa ra năng lực khác.

Mầm ô trược, là sự Sáng sinh ra Điện, rồi Điện sinh ra Khí, Thủy, thực tế, là tư tưởng sinh hóa ra tình cảm và cảm giác vậy.

Nói cách khác, sự ô trược kéo Điện và sự Sáng từ đầu não xuống dưới Thân.

a. Nguồn gốc của Dục

“Dục” là sự ham muốn của con người sinh ra dục vọng, hy vọng, kỳ vọng, tham vọng v.v... nhưng nặng nề, và mang thú tánh, là ở Thân, tức nhục dục.

Dục nổi lên do ngoại cảnh, hay những cảnh vật, hiện tượng bên ngoài khơi động cái Dục.

Dục do từ ngoài Thân, tức là từ nhục dục có trước. Nó tạo ra cảm giác.

Dần dần nó tiến vào trong, Trí quan sát cảm nhận được gọi là dục cảm. Cường độ của cảm giác và dục cảm tăng dần ở tuổi thanh niên (Nam: từ 16 đến 32 tuổi; Nữ: từ 14 đến 28 tuổi), sau đó giảm dần cường độ của dục cảm.

Mạnh nhất trong các loại cảm giác, dục cảm: là dâm dục (1) (không có tình yêu trong dục cảm, nên nó chỉ có thú tánh trong đó). Nó làm dao động Dương và Âm của các thể, làm mờ mịt sự Sáng của Trí.

Loại dục vọng này là nguồn gốc sinh ra sự Nghịch Lý.

Dục vọng cá nhân đòi hỏi sự thụ hưởng về cảm giác của nhục cảm, dục cảm. Sự nặng nề trong sự rung động của thể Huyết về cảm giác tạo nên sự ô trược, lôi cuốn Điện và sự Sáng tụ về cảm giác. Do đó, sự sáng suốt của Trí trở nên mờ mịt, tối tăm.

Về phương diện Luân lý xã hội, “*sự Nghịch Lý trong dục vọng làm nảy mầm “Xấu, Sai, Trái”*”. Ba nhân tố này là gốc của Tội, Lỗi”. Và những người thể hiện dục vọng của mình trong sự Nghịch Lý, rất liều lĩnh, không thân trọng...

b. Bản ngã trên ba nhân tố Thân, Tâm, Trí

Bản ngã được tạo nên từ nhiều phức hợp của sinh hoạt của cả ba nhân tố, hoặc hai, hay chỉ một nhân tố, như:

Thân	}	→ bản ngã
Tâm		
Trí		

Thân	}	→ bản ngã
Tâm		

(1) Xin xem ở cuối trang 616.

Thân }
Trí } → bản ngã

Tâm }
Trí } → bản ngã

Tâm } → bản ngã

Trí } → bản ngã

Sự phức hợp này tạo nên vô số bản ngã do sự khác biệt về số lượng của sinh hoạt của mỗi nhân tố.

Như cảm giác: có rất nhiều loại cảm giác.

Tình cảm: vô số. Có loại tình cảm đơn độc, hay có sự phối hợp nhiều loại tình cảm trong một sinh hoạt.

Tư tưởng: vô tận. Nó sinh hóa nhanh hơn cả tình cảm và cảm giác, và nảy sinh suốt cả đời của một cá nhân.

Mỗi mẫu bản ngã liên quan đến nhu cầu, hay sở thích của ngành, nghề, công việc, việc làm của mỗi cá nhân chọn lựa.

Ví dụ như, bản ngã chỉ gồm có sinh hoạt của Tâm, Trí (thuộc về nghệ thuật, văn học, điêu khắc v.v...) nghệ nhân, nghệ sĩ sinh hoạt nhiều bằng tình cảm, tư tưởng, không quan tâm đến cảm giác.

Với các khoa học gia chọn chính, tư tưởng sáng tạo, nghiên cứu, khám phá, là nền tảng của bản ngã, trong khi đó, tình cảm và cảm giác không nảy sinh.

(Những tư tưởng sáng tạo chọn chính hướng về lợi ích cho nhân loại, với sự phối hợp của Trí và Lương Tâm, bản ngã cũng là chọn Ngã vậy).

c. Bản ngã và mục tiêu tiến thân

Trừ ra những người sống ngày qua ngày, không thấy được bản ngã của mình, thì tất cả cá nhân sống bằng bản ngã đều có hy vọng, kỳ vọng, với những mục tiêu tiến thân trong xã hội.

Những mục tiêu này bao gồm: Danh, Lợi, Tài, Sắc, Quyền, Thế, Lực v.v...,

(1) Trẻ con được sinh ra từ dâm dục khó dạy bảo vì thú tánh nhiều hơn nhân tánh. Trái lại, những trẻ được sinh ra từ tình yêu chọn chính, với giáo dục về Đạo lý, dễ trở thành chọn tài, thiên tài...

và trên những mục tiêu đó, bản ngã thấy sự vinh dự trong sự thành đạt.

Bản ngã luôn có tính chủ quan, nhưng với sự can dự của tính khách quan, cá nhân đó có thể vận dụng Trí sáng suốt, và tâm tư trong cách cư xử (là Tốt, Xấu; Đúng, Sai; Phải, Trái), thì mục tiêu tiến thân, và sự vận dụng tâm tư làm tăng Trí khôn, và nhân tính của bản ngã cá nhân. Vì tâm tư biểu lộ giá trị của nhân bản qua lãnh vực nhân văn.

Tuy nhiên, nếu kỳ vọng, hy vọng trong những mục tiêu tiến thân là một định kiến của bản ngã mang tính cực đoan trong sự đối đãi thì bản ngã đó khó lay chuyển, khó thuyết phục để thay đổi, hay để xóa được định kiến đó.

Đối với tâm tình con người luôn có, là thích và không thích, yêu và ghét. Nếu sự đối đãi này ở vào mức cực đoan thì thích trở nên rất thích, yêu rất yêu. Trái lại, nếu không thích thì bỏ mặc, nếu không yêu thì rất ghét.

Mở rộng ra trong giao tế xã hội, dù cho định kiến của bản ngã không có tính cực đoan trong sự đối đãi, định kiến trong tình cảm cá nhân cũng khó hòa hợp.

Nếu một trong những tình cảm, như giận, ghét, bực, lo, sợ... có trong định kiến thì cách giải quyết sẽ không thuận lợi, khó thành, vì chúng là những yếu tố ngăn ngại trong giao tế.

Cũng vậy, nếu trong đời sống, lúc nào cũng có những tình cảm nặng nề như giận, lo, sợ..., dù cho tai họa chưa xảy đến, người có tâm trạng này cũng khó hòa hợp với tha nhân.

Trong mục tiêu tiến thân, chưa hề bị vấp ngã, trở ngại, con người tự tôn, coi mình là quan trọng, thì Tâm, Trí đã tạo cho bản ngã một đặc thù rồi.

Sống bằng bản ngã đã khó hòa nhập với tha nhân, huống gì thêm vào đặc thù của bản ngã nữa, thì làm sao con người có thể hòa nhập vào sự sống của vũ trụ.

Cũng như: ăn, uống, ngủ, nghỉ... là nhu cầu của Nhục thân.

Ăn ngon, ngủ ngon... là do sự cảm nhận của Nhục thân, chẳng phải là Tâm, Tánh hay Trí ăn ngon, ngủ ngon.

Đơn giản vậy thôi, vậy mà nhiều người cứ nói là: “Tôi ăn ngon, ngủ ngon”.

Đơn giản trong hiện tại mà không sáng suốt nhận ra, chắc chắn những thiếu sót, bất minh đã phải xảy ra trong quá khứ.

Đó là, những việc gì đã qua, mà ngày nay ta còn thắc mắc, băn khoăn, còn nghĩ đến mà lòng chưa yên, thì sự suy nghĩ, hay quyết định trong việc đã qua còn có sự thiếu sót, không đúng, hấp tấp.

Như vậy, trong sự quyết định có sự mơ hồ, bất minh, không tự chủ. Đó là sự bất minh của bản ngã.

Đối với người cố chấp, độc tài, bản ngã lớn, họ không thích người khác nói đến sự sai sót của mình, huống gì là lỗi lầm.

Bản ngã lớn, thông thường, lòng vị kỷ càng cao, từ đó phát sinh ra những điều sai, trái, xấu. Tội lỗi, tánh hư, tật xấu, tính độc ác, dữ, do lòng vị kỷ mà có.

“Biết” việc làm xấu, sai, hoặc trái mà vẫn làm, đó là sự liều lĩnh.

Và liều lĩnh luôn luôn đi đôi với bạo lực. Việc đời trong sự liều lĩnh như một canh bạc, bản ngã lớn chỉ mong thắng, chẳng cần biết đến hậu quả. Nếu phải thua, đó là kẻ liều lĩnh.

Liều lĩnh, thích dùng bạo lực, chẳng cần biết đến Thuận Lý, lẽ phải.

Dùng bạo lực để hơn thua, để giải quyết sự việc thì sự việc chưa dứt khoát, mà hậu quả của bạo lực trong sự hơn thua vẫn tồn tại với những bức bối lớn lao hơn.

Còn can đảm khác với liều lĩnh.

Người biết hiểm nguy mà xông vào sự hiểm nguy để hành Thiện, bảo vệ sự công chính là người can đảm.

Chẳng nghĩ, chẳng nói đến hơn thua, chỉ cần làm sáng tỏ lẽ phải, sự công chính, là lòng đã vui rồi, vì sự việc đã hoàn tất.

Hành động can đảm trong sự việc đem lại niềm vui.

Cái Vui của người công chính trong đời sống tinh thần và tâm linh, gọi là Lạc.

Đó là cái Vui của tâm hồn, của linh hồn. Cái Vui bên trong chẳng cần bộc lộ ra ngoài bằng lời nói.

Nó cũng là cái Vui của Trí vậy.

d. Bản ngã trong vòng lẩn quẩn

Vòng luân quần của bản ngã bao gồm nhiều sinh hoạt liên quan đến tình cảm, ý nghĩ tới lui, và không thể thoát ra hẳn. Chúng có thể đúng với mình, nhưng tương phản với ý nghĩ và tình cảm của người khác. Tức là, nó luôn sinh động trong trạng thái nhị nguyên, hoặc đa nguyên, và bản ngã không sao tránh khỏi trong đời sống của mình, mặc dầu nó chưa xảy ra lúc ban đầu.

Trong Nhị nguyên hoặc đa nguyên, luôn luôn có sự đối đãi, đối chiếu, đối kháng... mà các nhân tố của bản ngã trực tiếp can dự vào là Tâm và Trí.

Tâm và Trí đề ý, quan tâm đến sự việc bên ngoài, sinh phiền não.

Quan tâm vào một sự việc, cũng đã nảy sinh ra năm, ba ý rồi (đã sinh ra nhiều xét đoán). Rồi từ đó, có ý can dự vào, phát sinh ra cách giải quyết.

Một ngày nhiều sự việc xảy ra, nhãn quan con người phóng ra ngoài. Bao nhiêu ý nảy sinh, bận Tâm, bận Trí. Nếu không được thỏa mãn thì khổ Tâm, thống Trí biết chừng nào.

Mọi sự việc của đời sống xã hội đều vô thường, hoặc tương đối. Tất cả những thứ đó không tồn tại, cho nên chúng là “ảo ảnh”.

Nhưng người ta muốn chúng là toàn hảo, tuyệt đối. Ước vọng này chỉ tốn công sức, thời giờ để suy nghĩ, đưa đến khổ tâm, thống trí mà thôi, vì chúng không thể tồn tại mọi lúc, mọi nơi.

Sự thật thì chúng không thể tồn tại với không gian và thời gian. Tuy nhiên,

đa số luôn coi sự việc là thực tế của đời sống xã hội, nhưng sự việc này vừa dứt, lại nổi tiếp những sự việc khác để giải quyết.

Và giá trị của những sự việc đã qua không còn giá trị ban đầu, đúng với giá trị của thời gian khi có kết quả, tức là giá trị của sự thành tựu trong thời gian đó.

Ước vọng trong vòng luân quần của bản ngã, không được hiện thực, hay không có kết quả, sẽ sinh ra phiền não, chán nản trong tâm hồn.

Ngày nay, con người có quá nhiều ước vọng (quá tham lam), do đó, họ sống với nhiều phiền não, chán nản, và tâm hồn luôn bất an.

Vì ước vọng là muốn có được. Nó đi ngược lại “cái cho ra” của Tình thương, mà sự tuyệt đối của Tình thương, là cho ra tất cả không cần suy nghĩ, đắn đo, điều mà chính bản ngã không thể làm được. (Nhưng không phải tất cả, cũng có một số người cảm nghiệm được tính “Chơn, Thiện, Mỹ” của Tình thương, khi họ cho ra.

Sự sinh động của ba loại tính tạo ra sự tích cực trong đời sống, trong sự hy vọng để giúp tha nhân. Nó hóa giải được sự chán nản, tuyệt vọng của bản ngã, khi ý muốn không đạt được).

Khi lòng vị kỷ của bản ngã tỏa ra khắp trong mọi sinh hoạt thì “Tội” dễ phát sinh.

Như vậy, có thể nói rằng: “chính con người nhốt sự tự do vào lồng bản ngã. Muốn sống tự do, tự tại, cũng tự chính mình đập tan bản ngã thôi”.

Hay là:

“Vi cái “Tôi”, nên sinh Tội
Tội chẳng cần, Tội tan biến”.

Hoặc:

“Sống vô thường, việc nhỏ hóa to
Lớn cái Tôi, sinh lắm chuyện phiền”.

Bản ngã là hư ảo, con người chủ quan coi nó là có thật, và tồn tại mãi, cho nên không nhận ra nguồn gốc của “Vui, Khổ ở ta”.

“Vi Ta thấy Ta, nên Vui sinh
Vi Ta thấy Ta, nên Khổ đến
Thật ra, Vui Khổ chẳng tự có,
Chỉ vì luôn mãi, Ta còn Ta”.

Đời sống của bản ngã như sống trong “mê cung”, Vui, Buồn, Sướng, Khổ luân phiên xây đến. Trong sự bất hạnh, muốn thoát ra, với cái nhìn bản ngã, lại gặp phải “mê đạo”, khó tìm lối ra. Hơn nữa, trên người luôn mang gánh nặng chuyện đời, nhưng không buông bỏ.

Cho nên nói rằng: “Tâm phạm quá nặng, nhưng không dám bỏ”

Tâm phạm mang nặng nhiều ký ức,
In đậm không gian lẫn thời gian,
Tới, lui, hiện mãi hình ảnh đó,
Làm sao chịu nổi sức ngàn cân?
Phạm nhân giữ mãi suốt cuộc đời,

Cứ luôn vương vấn, lòng nhắc nhớ,
Cớ gì không xóa hẳn nó đi,
Nếu làm vậy, bỏ đời mình sao?

Trong vòng lẩn quẩn, bản ngã không xác định được giá trị thật của hạnh phúc, vì lấy phương tiện làm cứu cánh.

Phương tiện hữu hình luôn mang tính phù du, như hoa phù dung thay sắc, sáng nở, tối tàn. Hạnh phúc thật ở tâm hồn con người không ở Nhục thân.

Người đời từng trải, kinh nghiệm sống quá nhiều, sao không tự hỏi, suy nghĩ:

“Hạnh phúc thật” ở đâu?
Dư ăn, dư để sinh phiền não
Đủ ăn, đủ sống, chẳng vọng cầu (1)
Phải chăng phú gia không than vãn,
“Hạnh phúc thật” trong “Tâm bình an”.

Đa số con người, khi tuổi đã già, nhưng bản ngã vẫn lớn, vòng lẩn quẩn không thu hẹp được. Nếu may mắn, tự hỏi: “Minh là ai”, thì mới có thể thoát khỏi mê cung được, khi hiểu được: “Nhân chi giả - con người là ai?”

Tận xa xăm, tầm mắt nhìn đến
Cho rằng Ta hiểu mọi căn nguyên
Làm sao khoanh khắc bao vô tận
“Cõi giới hạn” trải hết vô biên?
“Nghịch Lý”, thụ tạo sinh sáng tạo,
Nào khác gì con sinh ra cha.
Dựa Trí khôn, con người tự đại,
Nuôi ý đó, trở thành tự tôn.
Niên kỷ Trời Đất, từ đâu có,
Hãy tự hỏi phải mình sinh chẳng.
Mãi mãi suy ngẫm “Nhân chi giả”
Mới hiểu được: “Con Người là Ai”.

e. Hai phương diện của bản ngã

Hai phương diện của bản ngã cũng là hai mặt tương phản của một bản ngã.

Một trong những sinh hoạt thường xuyên của bản ngã là tâm trạng. Hay là, tâm trạng nổi lên, là bản ngã hoạt động.

(1) Ý nghĩa của nó, không phải sống hoàn toàn thụ động, có hy vọng ở tương lai, sống tích cực với khả năng và tài năng của mình, nhưng không kỳ vọng quá mức.

Trong Nhục thân, tâm trạng là sự sinh động của “Khí” trong các tạng, cơ quan. “Khí” sinh động, chuyển động trong người, khi tâm trạng “động”, là bản ngã thuộc về địa cầu.

Nó cộng hưởng với các loại Khí quanh địa cầu, tùy theo chủng loại mà sinh hóa ra những hiện tượng có lợi, hay có hại cho loài người, được gọi là Phước, Họa.

Nếu thời gian của tâm trạng kéo dài ra và không ngưng thì con người phải luân phiên trải qua vòng Phước, Họa, mà mỗi cá nhân tự tạo lấy cho mình qua sinh hoạt của bản ngã.

Bản ngã vô hình bóng, hai mặt tương phản của nó không thể nhìn thấy như trên một tạo vật hữu hình.

Tâm trạng thuộc về tâm hồn, về tâm lý. Và như vậy, hai phương diện này là hai trạng thái tương phản của tâm hồn, của tâm trạng và tư tưởng (của tâm tư). Và tâm tư này bị chi phối, hay được tạo nên từ hy vọng, kỳ vọng hay thất vọng do mục tiêu mà cá nhân nhắm vào.

Những mục tiêu này bao gồm Danh, Lợi, Tài, Sắc, Quyền, Thê, Lực v.v.. Nếu chúng được làm sáng tỏ tính Nhân, Nghĩa trong đó, thì con người trong xã hội hưởng được Phước, Đức.

Trái lại, theo ước muốn vị kỷ, thì trong chúng đã sẵn có hấp lực đam mê, tiềm ẩn sinh động trong Tâm con người rồi, mà hai mặt tương phản của nó, là Vinh và Nhục.

“Vinh quang sinh Lạc, Nhục nhã hóa Sầu,
Lạc Sầu, Vinh Nhục: hai mặt thể gian”.

Hai trạng thái tâm lý và tâm hồn này biểu hiện hy vọng và thất vọng trong đời sống của một bản ngã.

Tùy theo sự chủ quan của mỗi cá nhân, có người hy vọng trong tự phụ, có người trong sự tự tin, hoặc thất vọng trong tuyệt vọng, hoặc không tuyệt vọng v.v...

Vậy, hy vọng và thất vọng nói lên được điều gì?

- Hy vọng trong tự phụ: làm tăng tính tự cao của bản ngã.

Người này thích nói cho người khác nghe hơn là để Tâm nghe người khác nói, dù người đối thoại lớn tuổi và từng trải hơn.

- Hy vọng trong sự tự tin ở sự cố gắng của bản thân: làm tăng ý chí thành đạt.

Người này ít nói, nhưng luôn xem xét khả năng của mình.

Nhưng:

- Sự thất vọng mà không tuyệt vọng từ một hy vọng, kỳ vọng... là một kinh nghiệm quý. Nó làm giảm đi tính tự cao, tự đại, hay là, làm cho bản ngã nhỏ lại, dễ tiến hóa và dễ hòa hợp với tha nhân.

- Vì tâm hồn đã trở nên khiêm tốn.

Hơn nữa, nếu bản ngã chẳng còn, mà sống bằng Lương Tâm và Trí thông minh, thì người này đang sống bằng Đạo tự nhiên vậy (cũng là Đạo liên quan

đến đời sống tâm linh của con người).

1. Lối sống nhập thế và xuất thế

Tâm hồn đổi thay, từ sự cố gắng của bản thân, đưa con người vào lối sống nhập thế và xuất thế.

Trong bất cứ một sinh hoạt nào, khi tính chủ quan và khách quan xảy ra đồng bộ thì cả hai lối sống cũng đều tiến hóa và có hiệu quả cao. Vì sao?

- Vì con người không cảm thấy cô đơn, do họ có sự giao lưu về tình cảm, về tư tưởng, (tức là có sự giao lưu của Tâm và Trí, giữa Tâm và Tâm, giữa Trí và Trí).

Đó là lối sống nhập thế.

Ngược lại với lối sống này là xuất thế. Lối sống này chẳng cần phải sống xa, sống cách biệt với xã hội, nhưng là “*sống với bản tính của loài người trong bản thân của chính mình thì đời sống vẫn không có sự cô đơn*”.

Tại sao?

- Vì trong lối sống này cũng có sự giao lưu giữa những bộ phận vô hình và màu nhiệm của chính mình. Đó là cuộc đối thoại giữa Trí và Tâm, giữa Trí và Tánh v.v...

Hơn nữa, có sự cảm ứng và đối thoại giữa mình và các sinh linh trong thế giới siêu nhiên. Nhờ sự giao lưu này mà đời sống tâm linh tiến hóa, tức là nhờ ở sự giao lưu của sự linh cảm, cảm ứng qua những bộ phận màu nhiệm của các loại thân nhẹ, và của các trực giác quan và linh giác quan.

Sự giao lưu được mở rộng vào cả 3 thế giới. Đời sống tâm linh tiến hóa, nhờ đó, đời sống tinh thần được phát triển và phong phú.

Đến mức này, có người có được sự cảm nhận trực tiếp của Lương Tâm về sự màu nhiệm. Nó không giống sự cảm nhận những sự kiện, hiện tượng màu nhiệm bên ngoài qua sự trưng thu của cảm giác.

2. Hai cõi giới của một bản ngã

Nội tâm và ngoại cảnh là hai cõi giới mà bản ngã luân phiên gắn liền trong sinh hoạt.

Mọi người đều khác nhau ở đời sống nội tâm – một đời sống có hẹp, có rộng, nhỏ mọn, cao thượng v.v...

- Nhỏ mọn, hẹp hòi ở tình cảm.

- Lớn rộng, cao thượng ở đức tính.

Đời sống nội tâm là sinh hoạt của Tâm, Trí, mà hai bộ phận vô hình này “có chức năng sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ” để những bộ phận này được tiến hóa.

Bản ngã cảm nhận được sinh hoạt của nội tâm, nhưng không thể khám phá ra được sự màu nhiệm trong sự tiến hóa. Bởi vì, nhãn quan luôn hướng ra ngoại

cảnh, và bản ngã có thể dễ dàng cảm nghiệm sự tiến bộ của Trí khôn.

Ngày nay, con người mau nhàm chán cảnh trí, cảnh vật bên ngoài nên lòng họ muốn đổi thay, sáng tạo nhanh và nhiều.

Sự biến đổi này làm cho tính vô thường trở nên lớn lao. Tâm, Trí luôn hướng ra ngoài bằng tình cảm và tư tưởng, sống mãi bằng sức sống.

Nếu Tâm, Trí hướng vào trong, sinh động bằng đức tính, đạo tính, thì dần dần khám phá ra sự sống, con người sống rất tích cực.

Hướng ra ngoài mà sống, con người nuôi lớn cái bản ngã mà bỏ quên sự sống.

Cho nên nói rằng:

“Danh, Lợi, Tài, Sắc (1), gốc động loạn,
Biến hóa vô tận, phiền não tăng.
Lên Trời, xuống nước, mọi lòng đất,
Kỳ vọng lớn đó, cũng vì “Tôi”.
Thân tuy chết, vẫn sống cái Tôi
Ấm ức, sức siêu nhiên quấy phá.
Âm Dương cách biệt, lòng vương vấn,
Ý muốn đảo lộn luật Thiên Cơ
Thân chết, Tâm còn, thật khó sửa,
Đáng thương, lúc sống chẳng biết đường.
Miệt mài tô điểm cái vô thường,
Bỏ quên sự sống, chẳng chăm lo.

2. Vô ngã

“Vô ngã”, là không còn bản ngã. Nó không phải là một trạng thái hoàn toàn không có gì hết, mà nó là một cõi giới bao gồm nhiều sinh hoạt, sinh động vô hình, với cái nhìn của Trí khôn mới mong khám phá và hiểu được.

Sinh hoạt và sinh động vô hình của Vô ngã liên quan đến đến nhiều phương diện, cách sống, phương pháp, trạng thái, các thể linh thiêng, cái “Diệu hữu” trong sự “Vô hữu”, vô không gian, vô thời gian của sự thư giãn hoàn toàn của vô cảnh giới, vô cảm giác, vô tâm trạng v.v...

a. Hiệu quả của hướng nhìn ngoài và trong

Chuyển hóa là một chức năng vô tận, hoạt động không ngừng nghỉ, để tiến hóa sinh linh, trong đó có cả con người, mà hiệu quả của nó liên quan đến hướng nhìn của nhãn quan, và của Trí khôn.

(1)Danh, Lợi, Tài, Sắc, Quyền, Thế, Lực v.v... là mục tiêu, hy vọng... mà mỗi cá nhân nhắm đến trong sự thành đạt, để chứng tỏ tài trí của mình, và vinh dự của bản ngã được gắn trên đó.

Nhìn ra ngoài, và sống với bên ngoài là sống cùng đồng loại, và muôn vật, muôn loài, con người “biết và hiểu” được những gì thuộc về thể giới tự nhiên.

Nhìn vào trong, và sống bên trong, là sống và tiếp xúc với sinh linh, những người này “biết và hiểu” được những gì thuộc về siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Nhìn ra ngoài, sống với bên ngoài, Tâm, Trí hoạt động, mang tính chủ quan, cuộc sống thuộc về bản ngã, về cá nhân.

Nhìn vào trong, sống với bên trong là Chơn Tâm, Chơn Trí, Chơn Tánh hoạt động của nó thuộc về chơn Ngã.

Nếu cái nhìn vào trong, mang tính khách quan, nó thuộc về Vô ngã.

Cá nhân, bản ngã có Sinh có Diệt, vì nó thuộc về ngoại lực (sức sống), có tăng, có giảm.

Các loại Ngã sinh động hoàn toàn bên trong chỉ có Sinh, chẳng Diệt, vì nó thuộc về nội lực, chỉ tăng, và tăng mãi theo sự chuyển hóa của nội lực, của các thể linh thiêng, tức là nội lực tăng và tăng mãi đến sự hằng sống.

Từ: Khí → Điện → sự Sáng. Và sự Sáng tồn tại mãi do sự tự tạo lấy năng lượng cho nó.

Sống bên trong, là cách sống để trở về nguồn gốc sáng tạo của vũ trụ. Hay là, sống bên trong, là sống bằng cách đi ngược lại chiều sinh hóa, tức là chuyển hóa sự sinh hoạt từ dưới lên não bộ.

(Chuyển hóa sự sinh hoạt từ dưới lên não bộ, không thể hiện thực được trong một thời gian ngắn.

Sự chuyển hóa là một chức năng hoạt động không ngưng nghỉ. Do đó, người thực hiện phải sống bằng chức năng của vũ trụ, mới đồng nhất được với vũ trụ. Vì vậy, nó đòi hỏi hành giả phải có sự kiên trì của ý chí vô tận như chức năng của vũ trụ.

Dù cho con người chuyển hóa sinh hoạt từ dưới lên não bộ, nhưng nó vẫn tạo ra hai cách sống khác nhau là xuất thế và nhập thế. Vì vậy, Thân, Tâm, Trí có những phương pháp tu luyện, thực hành khác nhau.

Xuất thế: Dùng pháp (phương pháp Luyện, Tu) là chủ yếu, để có huyền lực, huyền năng, hoặc giác ngộ Nguyên Lý vũ trụ.

Nhập thế: tiếp xúc với tha nhân, dùng Đạo lý, và thực hành Đạo lý là chính yếu, để thiện hóa tha nhân.

b. Thấy được chính mình

Thấy được chính mình, mới sửa mình được, mới tiến hóa được, nhưng thấy làm sao?

- Thấy mình là thấy được mọi sinh hoạt của mình, hay là thấy được mọi sinh hoạt của Thân, Tâm, Trí.

Thấy được mọi sinh hoạt của Thân:

Thấy được cả dáng đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, uống v.v... đúng như thấy một đối tượng ngay trước mắt mình.

Nghe được mọi ngôn từ phát ra, nhận ra được tâm trạng, tư tưởng trong những ngôn từ đó, như mình đang đối thoại với người khác. Cảm thấy được cả cách nhìn, và ánh mắt của chính mình nữa.

Thấy được Tâm mình:

Là thấy được tâm địa của mình.

Thấy được sự “Động, Tĩnh” của Tâm.

Tâm động: là có tâm trạng.

Vui, mừng thuộc Thiện (gốc của sự May mắn).

Giận, Lo, Sợ: thuộc Ác (gốc của Họa).

Tâm tĩnh: là Tâm không có tâm trạng.

Tâm trong trạng thái Hư vô (chẳng Thiện, chẳng Ác, cũng chẳng có Phước, Họa của loài người, thì nó thuộc về vũ trụ).

Thấy được Trí của mình:

Là thấy được sự hoạt động của mỗi chức năng của Trí.

Tức là, quan sát được mỗi chức năng của Trí, và đối tượng sinh hoạt của chức năng đó. Như, quan sát được chức năng “nhớ” và “đối tượng của sự nhớ” (hình ảnh, ngôn từ, tâm trạng, cảm giác... được chứa đựng trong bộ nhớ).

Tóm lại:

Đây là sự hồi quang (1) hoàn toàn để thấy rõ mọi sinh hoạt của đời sống. Như vậy, mới có thể sửa mình cho tốt được, tiến hóa được. Nhưng tiến hóa đến mức nào?

- Đó là sự tiến hóa từ những gì thuộc về địa cầu đến những gì liên quan đến vũ trụ.

Địa cầu	{	- “Mỹ hóa” cảm giác ở Thân: thì phong tục, tập quán được tốt, đẹp.
		- Thiện hóa Tâm: nhân tánh được sử dụng, thì thú tánh mất, tức là đem Thiện tánh ra dùng, thì Ác tính, Độc tính, tính hung dữ không còn nữa.
Vũ trụ	{	- Tiến hóa Trí vào sự hiểu biết về vũ trụ, chỉ có 1 một con.
		đường duy nhất, và cũng là phương tiện duy nhất, là sự Sáng của Trí. Đây là sự tiến hóa của Trí thành ra siêu Trí, Tuệ, để hiểu biết thế giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên, và về Nguyên Lý của vũ trụ.

Sự tiến hóa của Trí quan trọng, và cũng là cứu cánh đưa sự sống con người vào sự sống của vũ trụ, tức là đưa sự Sáng của Trí, sau khi nó bức xạ, hòa nhập

(1) Đưa sự Sáng, sự sáng suốt của Trí vào những sinh hoạt của Thân, Tâm, Trí, và quan sát chúng.

vào năng lực nguyên thủy (là sự Sáng, sự sống nguyên thủy).

Mỗi thể linh thiêng (1) trong con người sinh động, hoạt động liên quan đến những thể khác. Trong sự sinh động, hoạt động, nó có những sinh hoạt đặc thù của nó sinh động.

Khi nào thể đó ngưng hoạt động thì những sinh hoạt liên quan đến thể đó cũng ngưng động.

Thí dụ: Hành giả điều khiển cho Tim ngưng đập, Phổi ngưng thở, thì sinh hoạt liên quan đến 2 thể Huyết và Khí là cảm giác và tình cảm cũng ngưng luôn. Chỉ còn lại Điện và sự Sáng sinh động (2), tức là những sinh hoạt liên quan đến Điện và sự Sáng như siêu Tâm + siêu Trí (linh hồn) và những gì liên quan đến Điện thân và trực giác quan hoạt động.

Khi đó Điện thân có linh cảm, tiên cảm, tiên kiến... những hiện tượng siêu nhiên sinh động bằng tần số của Điện.

c. Trạng thái Hư vô trong Vô ngã

“Hư vô, Hư không, chơn không” là những từ người ta đã quen dùng, nhưng cả ba đều cùng một trạng thái là không có, không còn những gì sinh động, sinh hoạt trong một bản ngã nữa.

Đời sống con người bao gồm nhiều thành tố sinh hoạt. Một trong những thành tố đó, là Tâm, mà “Tâm hư vô”, là Tâm của Vô ngã, và của chơn Ngã.

Với trạng thái Hư vô của Tâm, thì những gì liên quan đến bản ngã (như Trí quan sát ngoại cảnh, Trí nhớ, Trí suy nghĩ) không còn hoạt động nữa, chỉ còn lại sự Sáng, sự sáng suốt của Trí thông minh sinh động.

Chính trong trạng thái của “Tâm hư vô”, mọi sinh hoạt của bản ngã với xã hội, địa cầu không còn nữa, sự Sáng (sự sáng suốt) của Trí thông minh trở nên cực động (biến thành cực tĩnh), sự Hiểu (không cần đến đối tượng) tăng đến mức cùng cực, sự Sáng của Trí thông minh bức xạ trở thành Tuệ (siêu siêu Trí) với sự Sáng của nó bằng với sự Sáng nguyên thủy trong trạng thái chưa có Âm Dương sinh động, tức là Thái cực.

Tóm lại:

“Tâm hư vô” làm biến mất bản ngã. Các chức năng của Trí ngưng hoạt động. Chỉ còn lại sự Sáng (sự sáng suốt) của Trí hoạt động. Biến mất bản ngã, là Vô ngã, chỉ còn lại sự Sáng sinh động.

(1) Những thể nào có sự sinh động tiềm ẩn của sự Sáng trong đó đều là những thể linh thiêng như Huyết, Khí. Trong Huyết gồm có Khí, Điện, sự Sáng sinh động, nên Huyết thuộc về thể linh thiêng.

(2) Sự sinh động của Điện và sự Sáng trong chơn thân đưa sự sống con người vào sự sống của vũ trụ (giai đoạn đầu) đưa con người vào vũ trụ bằng Điện thân.

Sự Sáng là năng lực của vũ trụ, sinh động với cái Hiểu toàn diện, nên sự sinh động đó cũng là chơn Ngã vậy.

Cũng có thể nói: *“chơn Ngã là bản ngã của vũ trụ sinh động trong bản ngã của một cá nhân, khi bản ngã này tan biến”*.

Trạng thái Vô ngã có sức sống, và sự sống tiềm tàng sinh động trong đôi mắt, với ánh mắt Hư vô.

Trạng thái này, được mô tả trong những câu văn vần dễ nhớ:

Ánh mắt Hư vô

Ánh mắt Hư vô có sự sống
 Mãi mãi sinh động, dao động “Không”,
 Thăm thăm sâu, không gian vô tận.
 Yên lặng, trầm mặc, Ngũ hành ngưng.
 Chẳng còn thời gian trong đôi mắt,
 Đưa người nhìn vào cõi Hư vô.
 Ngắm tỏa sức thiêng cùng mầu nhiệm
 Biểu lộ sự sống của Đạo nhân
 Huyền năng sáng ngời trong ánh mắt,
 Ngắm ngắm quang tỏa lực tâm linh.

“Khi sự sống sinh động, và tiếp tục sinh động mãi, tức là sức mạnh tuyệt đối của sự Sáng sinh động”, thì tâm trạng cũng tan biến, tâm trạng lo, sợ chẳng còn nữa, cái chết của Nhục thân, biết có cũng như không, dù biết sự đau đớn vẫn tiềm tàng trong Nhục thân.

Nếu sức mạnh tuyệt đối của sự Sáng được sinh động mãi thì tâm hồn, linh hồn sẽ được mạnh mãi.

Sức mạnh này tỏa ra trong “dáng bước của đạo nhân”.

Ung dung chẳng phải do cố ý,
 Bởi Tâm trong, Trí sáng mà ra.
 Khoan thai, thanh thoát trong dáng bước,
 Lâng lâng Hồn, ý ở Hư vô.

Tuy nhiên, trạng thái này cần phải được duy trì trong mọi lúc, mọi nơi, trong tất cả các sinh hoạt.

“Tâm hư vô” được mãi, chỉ còn Trí thuần túy hoạt động.

Trí hoạt động, sự Sáng sinh động. Sự Sáng sinh động, toàn thân nhẹ nhàng.

Người sống với sự Hư vô hoàn toàn trong sinh hoạt cả ngày và đêm, cảm nghiệm được sự nhẹ nhàng của Nhục thân, và cái cực nhẹ của trạng thái vô tâm trạng.

Vì sao toàn thân được nhẹ nhàng?

- Vì chỉ có sự Sáng sinh động mà thôi, còn Điện, Khí, Thủy..., tự chúng được điều hòa hoạt động một cách tự động, không còn cảm giác, tình cảm, tư tưởng làm cho chúng dao động.

Toàn thân nhẹ nhàng, sự Sáng của Trí sinh động, Trí năng tăng lên. Hay là, sự Sáng tăng lên cao hơn, và mạnh hơn năng lực của những sinh linh, linh vật. Do đó chúng mới phục tùng, chịu phục và làm theo siêu Ý và siêu siêu Ý.

Nói một cách khác, toàn thân nhẹ nhàng, là “đắc Tâm hư vô”. Nhưng sở đắc này như thế nào?

- Là không một điều gì, việc gì... do các giác quan đưa vào Tâm, Trí mà làm cho Tâm dao động.

“Tâm hư vô” sinh động, nhưng Tâm thì không dao động, tức là chỉ có Thuận Trí sinh động mà thôi.

d. Hiệu quả của Vô ngã

Vô ngã: hằng sống.

Bản ngã: có tâm trạng, phải chết.

- Tâm trạng làm tâm hồn đau khổ. Còn cái chết do sự đau khổ, đau đớn sinh ra. Cũng như Nhục thân, do bệnh hoạn, đau đớn, yếu đuối mà Nhục thân phải chết.

Trong Vô ngã, bao gồm nhiều hiệu quả:

- Siêu thoát (Tâm, Trí chơn không).

- Trạng thái chơn không của Tâm, Trí: con đường vào đại định.

- Vô hữu: trong Hư vô, “có cái Có vô hình”, tức là “có cái Có vô hình sinh động”.

Cái Có vô hình của vũ trụ sinh động trong tiểu vũ trụ là Thiên Lý, Thiên Cơ, Thiên Năng, Tánh của vũ trụ (đặc tính của vũ trụ sinh hóa, chuyển hóa đồng bộ, sự mâu nhiệm, linh thiêng và kỳ diệu, sự Cục lạc sinh động trong tiểu vũ trụ).

- Tâm, Trí chơn không: bản ngã không còn, nên gọi là Vô ngã.

Trong trạng thái “Hư vô”, xuất hiện những gì vô hình sinh động vô tận của vũ trụ trong con người.

Người ta đã từng nói: “trong cái Không, có cái Diệu Hữu”.

Nếu Diệu Hữu không được nói ra thì không ai biết nó là gì?

Cái Không của bản ngã, hay là bản ngã không còn nữa, thì hiện ra cái cùng cực lớn của vũ trụ trong ta. Và có tất cả những gì vô hình sinh động mà vũ trụ có mãi mãi.

Tóm lại, khi con người đắc trạng thái Vô ngã, năng lực cuối cùng của con người cũng là năng lực nguyên thủy của vũ trụ sinh động vô tận, con người hằng sống.

Thật ra, đó là sự Hiểu (thể Sáng) hằng sinh động.

Đề hiểu rộng hơn, ta cần biết thêm, Diệu Hữu là gì?

- Trong trạng thái Hư vô có Diệu Hữu.

Đó là “cái huyền diệu vô hình”. Nó là sự sống sinh động trong sự toàn diện (sự đầy đủ của mọi phương diện) vô tận, vô biên.

Hay là, “*cái Có toàn diện trong sự vô tận (không có thời gian), vô biên (không có không gian), chẳng còn gì để so sánh*”.

Trong sự toàn diện đó, là sự ý thức được toàn diện mọi ý thức khác liên quan đến sức sống của mọi cấu tạo trong con người, và luôn cả bên ngoài.

Đây là “*sự ý thức được sự sống của cả hai vũ trụ trong sự toàn diện, sự vô tận, và sự vô biên của vũ trụ*”.

Sự đặc nhập của tiểu vũ trụ vào đại vũ trụ là trạng thái của 3 nhân tố này (toàn diện, vô tận và vô biên).

Trái lại, *nếu chỉ một phương diện xảy ra, còn thời gian, còn không gian, thì con người vẫn là con người bình thường.*

e. “Kênh hằng sống”

“Kênh” là con đường giao thông bằng đường thủy do con người đào ra, nhưng đây là phương tiện để sự sống (sự Sáng) của tiểu vũ trụ giao lưu được với sự Sáng của vũ trụ, và với những sinh linh sống bằng sự Sáng trong thế giới siêu siêu nhiên.

Đối với con người, “kênh” là sự Sáng của Trí đạt đến mức hằng sống, thì hai thể Sáng của hai vũ trụ hòa nhập vào nhau, hay giao lưu với nhau được.

Với người thường, con đường giao lưu này không thông giao được, do sự suy thoái của khả năng của những chức năng của Trí.

Như lúc trẻ, Trí quan sát, trí nhớ, Trí suy nghĩ rất tốt. Đến tuổi già, các chức năng này kém khả năng, là quan sát chậm, không nhớ (quên đi nhiều), suy nghĩ chậm v.v..., tức là Trí thông minh giảm.

Trí thông minh giảm thì sự Sáng (thể Sáng) cũng giảm, hay ngược lại sự Sáng giảm thì Trí thông minh kém.

Sự Sáng kém, sức giao lưu không được mạnh, “kênh hằng sống” bị cản trở. Chỉ khi nào Trí thông minh được phục hồi trở lại, linh hoạt, lúc đó, sức giao lưu của “kênh hằng sống” tăng lên, nhưng trường hợp này rất hiếm.

Trái lại, người già mà Trí thông minh cực linh hoạt, cách sống hồn nhiên, sinh hoạt thư giãn như trẻ thơ, tay chân lúc nào cũng mềm mại. Người này, Nhục thân khỏe, vì vô tâm bệnh do vô tâm trạng, hoạt động, sinh hoạt như Vô ngã, nên con đường giao lưu giữa hai vũ trụ lúc nào cũng thông.

Sinh hoạt như Vô ngã, là trạng thái Hư vô, tức là sự chơn không cả ngoài lẫn trong. Bên ngoài, sự cản trở của Hư vô: là Danh, Lợi, Tài, Sắc, Quyền, Thế, Lực..., bên trong là cảm giác, tình cảm, tư tưởng thuộc về bản ngã của cá nhân.

Tất cả là mười yếu tố, chỉ một trong số mười sức cản trở nổi lên trong ý thức, thì “kênh hằng sống” bị nghẹt tức thì. Sự giao lưu của hai sự Sáng của con người và vũ trụ bị gián đoạn.

Sự giao lưu chỉ có thể thực hiện được khi Tâm, Trí đều trong trạng thái Hư vô, và sự Sáng của Thuần Trí ở vào mức cực mạnh.

Cường độ của năng lực này, con người không tự có được, mà phải biết nuôi dưỡng, hay tập luyện Trí, để sự Sáng của Trí tăng thêm.

Muốn được như vậy, trước hết con người phải hiểu biết về thực thể của Trí khôn.

Nó là phương tiện để con người tiến bộ, và đồng thời cũng là cứu cánh để con người có thể hằng sống, tồn tại. Đây là sự tồn tại của một năng lượng tự tạo, sau khi những sức sống khác không còn sức duy trì.

Nhưng con người phải được “khai Trí” để hiểu biết sự thật về thực thể này, để có thể dùng trạng thái Hư vô, mà đưa sự Sáng của Trí vào sự Sáng (sự sống) của vũ trụ.

Khai Trí

Từ đâu con người được khai Trí,
Vạn năm kinh nghiệm chẳng được bao.
Lưu truyền Thiện Ác, không ngừng diễn,
Phàm nhân dạy, bao giờ “Lý thông”?
Nếu được chỉ đường, nhanh tới đích,
Trí nhập Nguyên Lý mới Toàn Trí.
Hiểu được toàn diện, chỉ thực hành,
Chẳng Thần, chẳng Thánh, chẳng ngôi vị,
Giác ngộ tuyệt đối, nó là chi?
Vô hình đáng, chỉ còn Hiểu Biết,
Toàn năng sinh động, vĩnh viễn tồn,
Tương đối Biết, phải qua nhiều kiếp,
Đốn ngộ tận tường chưa đến giây,
Hư vô Tâm, Trí, chính Càn khôn.

(Vạn năm kinh nghiệm của thế giới hữu hình, con người cho là nhiều, nhưng kiến thức phải qua nhiều thời gian học, hỏi, kinh nghiệm.

Nhưng chẳng là bao nếu đem so sánh với sự giác ngộ về Nguyên Lý của vũ trụ. Sự Hiểu xảy ra chưa đến một giây, Trí không mệt mỏi vì suy nghĩ, trái lại “Trí hiểu mãi” trong sự Cực lạc).

g. Những hiệu quả của hồi quang sinh ra nhiều phương pháp

Người bình thường, nhãn quan hướng ra ngoài, nhìn cách sống của người khác, đề ý và xét đoán, ngược lại chẳng thấy rõ được mình.

Với người tu luyện, sống đạo... phải thấy rõ mình trước mới sửa mình, luyện nội lực, sống theo đạo lý được.

Tất cả đều hướng sự Sáng của Trí khôn vào trong, tức là hồi quang.

Hồi quang: là tập trung sự Sáng vào trong. Sự Sáng không phân tán ra ngoài do sinh hoạt, do các giác quan, cho nên sự Sáng tăng.

Sự Sáng tăng, là hiệu quả của hồi quang. Hiệu quả của hồi quang có thể:

- *Luyện*: Tinh, Khí, Thần.

- *Tu* : Tâm, (xét mình, an Tâm, định Tâm). Hiệu quả của hồi quang vào Tâm: làm tan biến bản ngã. Nghĩa là, nhìn mãi vào Tâm cho đến khi bản ngã tan biến (cái Tôi chẳng còn).

Cái Tôi chẳng còn, không phải là hết, nhưng nhờ ở sự chơn không của Tâm, mà Trí thông minh luôn được linh hoạt.

- *Định* các chức năng của Trí để phát Tuệ.

- “*Hư vô hóa*” bản ngã.

- *Hòa nhập sự Sáng* của Tuệ vào sự sống của vũ trụ.

Hiệu quả cao hơn hết của sự Sáng trong sự hồi quang là sự xúc tác của sự Sáng vào những thể khác, vào những bộ phận vô hình.

Sự Sáng xúc tác vào Nhục thân (vào hai thể Khí, Huyết) sinh hóa ra thần lực và huyền lực.

Sự xúc tác và hiệu quả của hồi quang:

- *Hồi quang vào bên trong Nhục thân*, vào những sinh động của các thể linh thiêng, con người có thể *Luyện*.

- *Hồi quang vào Tâm*: nhìn vào sự dao động của tâm trạng, con người có thể *Tu*.

- *Hồi quang vào Trí* : để *giác ngộ*.

(Khi sự Sáng không xúc tác vào một thể nào nữa thì chức năng xúc tác của nó trở nên sự sinh động tự động.

Sự sinh động tự động của sự Sáng trở thành năng lực tự tạo, trở thành sự sống, hay là sự hằng sống).

Hiệu quả của hồi quang qua các phương pháp, tu luyện, sống Đạo..., con người có thể đổi thay được sự an bày của số mạng, thân phận v.v...

Thông thường, con người được sinh ra, số mạng, thân phận đã được an bài, và những biến đổi của cuộc đời đều có thể nhận ra.

Tuy nhiên, con người có thể đổi thay sự an bày, thân phận do Tâm, Trí, Tuệ... do tu luyện nội lực.

Sự đổi thay có chiều hướng tốt từ bên trong ảnh hưởng đến cuộc sống bên ngoài.

- Số mạng ngắn, dài : do hệ thần kinh đối giao cảm (hệ thực vật).

- Thân phận : cốt tướng.

- Biến đổi của cuộc đời : ngũ sắc của sắc diện.

- Tâm tướng : làm thay đổi Đức, Phước, Họa.

(Luyện Khí: điều khiển hơi thở để cho Tim đập chậm lại: tuổi thọ tăng. Đời sống của Nhục thân được kéo dài thêm. Số mạng đổi thay.

Tu Tâm: bỏ những tình cảm nặng nề, sống với tình cảm nhẹ. Nội khí được cường hóa: Họa giảm, Phước tăng.

Nếu sống bằng đức tính: Đức tăng, Phước tăng theo, Họa giảm. Nhục thân không bệnh: tuổi thọ tăng).

Sự đổi thay hoàn toàn có thể hóa giải được mọi sự, mọi sức sống có giới hạn: đó là Tu Luyện siêu siêu Trí (Tuệ).

Sự Sáng của Tuệ có thể hóa giải mọi Nghiệp. Vì “Nghiệp là Lực”, gọi là Nghiệp lực.

Sự Sáng của Tuệ là Nguyên lực (Lực nguyên thủy), Lực này sinh hóa ra mọi sức sống. Do đó, sức tuyệt đối của nó hóa giải được những sức tương đối khác.

h. “Hư vô hóa” Tâm

Đây là một trong những phương pháp của hồi quang và nó tạo nên những diễn tiến đổi thay vô hình khó nhận ra,

Từ trạng thái “Động” của Tâm, chuyển sang “Tĩnh”, rồi đến trạng thái Hư vô.

Sự diễn tiến như sau:

Động → Tĩnh → Hư vô

Nhưng làm sao có được sự Hư vô?

- Thanh tâm, Thanh tâm mãi không dứt cho đến khi Tâm trở nên Hư vô.

Tức là, dùng “Trí quan sát” mà quan sát liên tục Tâm, không để cho một tâm trạng nào nổi lên cho đến khi nào Tâm trở nên Hư vô.

Làm sao duy trì được sự Hư vô?

- Khi Tâm trở nên Hư vô rồi, vẫn luôn dùng Trí quan sát mà duy trì trạng thái Hư vô này mãi, cho đến khi các chủng tử (ký ức) tâm lý, tư tưởng... đã được tích lũy lâu đời, không còn ký ức để nổi lên nữa. Có nghĩa là các loại ký ức của tâm lý và tư tưởng thuộc về bản ngã bị xóa đi, hoặc là bị tận diệt.

Đến lúc đó, Tâm hoàn toàn trở nên Hư vô, cực trong, cực sạch..., thì cái Tâm đó mới to lớn bằng thể giới siêu nhiên. Và nó chứa đựng mọi huyền lực của thể giới siêu nhiên.

Vì vậy, nó trở nên linh thiêng, tiềm ẩn luôn cả sự mầu nhiệm. Và những hiện tượng có trong thể giới siêu nhiên, thì cõi giới siêu nhiên trong con người là Tâm (siêu nhiên), hay là siêu Tâm đều có vậy, do sự đồng bản thể, bản tính và

tính năng của hai thể giới đồng loại của hai vũ trụ to và nhỏ.

Trong Tâm Hư vô chẳng sinh ra Thiện, Ác, Dữ v.v... ngay cả sự Khôn, Ngu, Đại bên ngoài do mắt, tai đưa vào cũng không khuấy động được Tâm.

Trong, ngoài, không khuấy động được Tâm, và chính mình cảm thấy được sự Hư vô đó. Cảm thấy được sự Hư vô sinh động, từ sự sinh động đó, dần dần xuất hiện các loại thân nhẹ, như Khí thân, Điện thân, và các bộ phận vô hình hoạt động với sự linh thiêng và mầu nhiệm.

“Trạng thái Hư vô” của Tâm làm tan biến bản ngã, con người trở nên một sinh linh, tùy theo mức tiến hóa, mang dáng của Khí thân, Điện thân hay Quang thân.

Nhưng với Tâm Hư vô thì Khí, Huyết ở Thân được điều hòa. Trí nhớ không hướng về quá khứ, Trí suy nghĩ không hướng về tương lai.

Do đó, Trí luôn trong thực tại, sáng suốt, hay là Trí tỉnh thức, mà thân thể khỏe khoắn như lúc ngủ vậy.

Tâm hoàn toàn Hư vô, Trí ngưng mọi chức năng, chỉ còn Trí thông minh cực sáng suốt, thì con người cảm nghiệm được trạng thái hư không của vũ trụ trong con người đang sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ.

Chức năng đồng bộ của sự sinh hóa và chuyển hóa cũng là sự sinh động của Dương và Âm, của Đạo, Đức, Phước (Chơn Phước) trong sự sinh động của sự Sáng (thể Sáng).

Ở một mức thấp Chơn Phước, tác dụng của nó là sự may mắn, lạc quan tự nhiên... hóa giải được cái Họa do Tâm gây ra.

Như vậy, “bản tính của vũ trụ” (1) hóa giải được sự rối loạn do phàm tâm gây ra để đưa con người vào trật tự toàn hảo của vũ trụ.

Hiệu quả của “bản tính của vũ trụ” trong ba cõi giới trong Thân, Tâm, Trí như thế nào?

- “Tính” này hiện ra ở Nhục thân, thì diện tượng (tức diện mạo và tướng: đi, đứng, nằm, ngồi) trang nghiêm.

Bên trong thì linh thiêng ở Tâm, và mầu nhiệm thì ở Trí.

Càng chơn như thì đời sống, sinh hoạt càng linh thiêng và mầu nhiệm.

(Với người sống Đạo, tu hành..., thì càng chơn như, đời sống càng linh thiêng và mầu nhiệm.

Sự chơn như tỏa ra đến đâu thì sự linh thiêng và mầu nhiệm tỏa ra đến đó.

Thời gian mà sự chơn như kéo dài lúc nào, thì đó cũng là thời gian sinh động của sự linh thiêng và mầu nhiệm).

Trạng thái chơn như, hay là bản tính của vũ trụ sinh động, con người hết mơ mộng, dù thức hay ngủ.

(1) Có người gọi bản tính của vũ trụ sinh động trong con người là chơn như.

Nếu trong khi ngủ con người còn mơ mộng với hình ảnh và cảnh trong đó thì tâm hồn chưa được hoàn toàn sạch, vì còn vương quá khứ tương lai. Cho nên nói rằng:

“Tình cảm, dục cảm trong giấc mơ,
Tâm hồn chưa sạch bụi gian trần.
Khi nào ngủ, nghỉ, dứt mơ mộng,
Tâm trong, Trí sáng, Tuệ phát quang”.

Với đời sống con người, sự sinh hoạt càng ở sâu vào trong, thì không gian càng mở rộng trong sự sinh động vô hình. Nghĩa là, sinh hoạt không còn bên ngoài Nhục thân, nên sự sinh động ở đầu và não chỉ liên quan đến Lý.

Những đức tính, tư tưởng xuất nguồn từ Lý trong não liên quan đến Điện và sự Sáng, trong đó có sự sinh động của sự linh thiêng và mẫu nhiệm.

Hai đặc tính này do đâu mà có, và nó có từ bao giờ?

- Sự linh thiêng có trong sự sinh động của Điện. Sự mẫu nhiệm có trong sự Sáng của vũ trụ.

Nó có trước khi tạo Thiên, lập Địa, nghĩa là trước khi mọi tạo vật được hình thành.

Nó là bản tính của bản thể của Điện và sự Sáng. Hay là, sự sinh động vô hình toát ra từ sự sinh động của Điện và sự Sáng.

Cho nên nói rằng:

“Sự sinh động của Điện và sự Sáng trong não là linh thiêng và mẫu nhiệm khi sự sinh động không còn vương vào sinh hoạt của bản ngã nữa”.

Hay là:

“Chẳng có sự linh thiêng và mẫu nhiệm nào xảy ra khi con người sinh hoạt bằng tình cảm và cảm giác”.

Nó chỉ có khi con người sống bằng đức tính và đạo tính, mà một trong những đạo tính con người dùng là Đạo Bi.

Hay là:

Khi con người sinh hoạt bằng những gì liên quan đến năng lực hậu thiên (Khí, Huyết) thì những năng lực tiên thiên không tự động xuất hiện, mà bản tính (hay là nguyên tính của năng lực tiên thiên) của chúng là sự linh thiêng và mẫu nhiệm không thể hoạt động được.

Cần biết thêm về sự linh thiêng và mẫu nhiệm, ta tìm xem đời sống nào, có nhiều hoặc ít những điều đó?

- Đời sống vật chất (đời sống cảm giác) liên quan đến toàn thân và đầu não, sinh hoạt bằng Thân, Tâm, Trí hoạt động chủ yếu bằng năng lực hậu thiên.

Đời sống không linh thiêng và cũng chẳng mẫu nhiệm.

- Đời sống tinh thần (đời sống tình cảm và tư tưởng còn liên quan đến bản ngã), hoạt động bằng Tâm, Trí, liên hệ đến tam tiêu, tức là sinh hoạt từ bụng (ngũ tạng khí) đến đầu và não.

Đời sống này cũng không linh thiêng.

Nếu chỉ sử dụng Chơn Tâm, Thuần Trí trong sinh hoạt, lúc đó có sự linh thiêng xảy ra mà hiệu quả là sự linh cảm.

Tóm lại:

“Chẳng có sự linh thiêng và mẫu nhiệm trong bản ngã con người”.

Hãy là:

Tâm tư (tâm trạng, tư tưởng) là sinh hoạt của đời sống nội tâm... tỏa ra ngoài bằng những động tác (đi, đứng, nằm, ngồi...) và trong âm thanh của tiếng nói.

Tâm tư mà dao động mạnh thì sự linh thiêng và mẫu nhiệm sẽ không xảy ra.

Bản ngã chẳng bao giờ có những đặc tính này, nhưng trong Vô ngã, những gì thuộc về sinh động của vũ trụ đều có. Nhưng con người cảm nghiệm được trong trạng thái Hư vô.

Vậy hãy xem **Trong Hư vô có gì?**

“Nhìn xem có gì trong Hư vô,

Có vẫn có, nhưng dường như không,

Thanh thoát quá nhẹ, chẳng thấy gì,

Lâng lâng vui, chẳng biết Thân còn.

“Tự động”, thuộc trạng thái hư không,

Tim ngưng đập, khí tự vào ra,

Thân mạnh sống, do Tâm hư vô,

“Tĩnh hư vô” tạo nên Thanh khí.

Tâm chết, Vô ngã toát linh thiêng,

Trong não Cực lạc, tự mỉm cười,

Toàn Kiến vô tận, từ Tuệ nhãn,

Thấy mình sống trước thuở lập Thiên.

Mẫu nhiệm, “Trí sáng” nhập Nguyên Lý,

Tức thì Hiểu mãi, chẳng cần Biết,

Đại định, đại định từ đâu đến?

Trạng thái đó, đến từ Hư vô.

Để dễ hiểu hơn về những diễn biến trong trạng thái Hư vô, quan trọng hơn hết là Tuệ tỏa ra từ Hư vô.

Tuệ tỏa ra từ Hư vô

Hư vô đưa sự Sáng về não

Sự Sáng tự tăng trong Hư vô

Từ não tràn đầy, nó quang tỏa.

Tuệ luôn Hiểu, Thân sao ngủ được?

i. Sự biến đổi của nội lực từ bản ngã đến Vô ngã

Sự biến đổi của nội lực mang tính cách sinh lý và cũng là vật lý. Hiện tượng này xảy ra ở bên trong, từ bản ngã chuyển sang Vô ngã, hay là từ đời sống của phàm nhân chuyển sang siêu nhân. Nhưng nếu không có phàm nhân thì cũng chẳng có siêu nhân, đạo nhân...

Đúng ra, đó chỉ là sự tiến hóa của con người.

Bản ngã sinh hoạt bằng ngoại lực. Đời sống của Vô ngã hoạt động bằng nội lực, bằng năng lực tiên thiên (Điện và sự Sáng).

Sinh hoạt bằng nội lực là sinh hoạt bên trong bằng hồi quang, tức là quay cái nhìn của Trí khôn vào trong mà sinh hoạt.

Trí quay vào trong tức là sự Sáng của Trí chiếu soi vào trong, nó sinh động tự động không bị hao tán, và với chức năng xúc tác những năng lượng khác để sinh hóa và tăng trưởng nội lực.

Nội lực tăng, sự linh thiêng tăng.

Sự linh thiêng tăng. Nó liên quan ảnh hưởng đến những bộ phận vô hình, mẫu nhiệm.

Với trạng thái Hư vô của Vô ngã, nội lực tụ về não: Điện và sự Sáng tụ về não.

Nội lực càng tụ về nhiều, sự linh thiêng càng tăng.

Điện tụ về não: thì Nhục thân phải không còn cảm giác, mất nhục cảm và dục cảm.

Với trạng thái Hư vô hoàn toàn, hệ thần kinh đối giao cảm ngưng hoạt động, dịch kỳ của Khí, Huyết đều ngưng động, Điện tụ về não.

Lúc tỉnh thức mà Tâm chơn không: Điện cũng tụ về não.

Ngủ (trước thời gian ngủ mà Tâm chơn không): Điện tụ về não, và Điện thân hoạt động được, thì có mộng với cảnh xảy ra trong mộng, mang tính cách tiên tri. Loại mộng này được hiện thực trong tương lai.

Sự Sáng tụ về não: ngũ giác quan ngưng tiếp xúc với thế giới tự nhiên.

Mọi dịch kỳ của ba thể linh thiêng đều ngưng động.

“Thiên môn”, động, mở. Nếu Tâm thức chết, sự Sáng bức xạ vào vũ trụ.

“Tuệ nhãn” Toàn Kiến, và tức thì giác ngộ...

(Nếu Tâm thức không chết, sự Sáng không thể bức xạ được. Và sự Toàn Kiến, Toàn Tri, toàn năng của Tuệ không thể xảy ra).

Sự biến đổi của nội lực từ bản ngã đến Vô ngã liên quan mật thiết đến cách sống của một cá nhân. Cách sống đó, có thể nặng nề hay nhẹ nhàng, dưới dạng trầm luân, hay siêu thoát.

1. Trầm luân và siêu thoát do đâu?

Chẳng phải đợi đến Nhục thân chết, con người mới biết được mình bị trầm

luân, hay siêu thoát. Ngay trong hiện tại, hai cảnh giới này, cũng được nhận rõ qua sinh hoạt của mỗi cá nhân, hay qua cách sống của mỗi người.

Sinh hoạt và cách sống, bộc lộ sở thích của mỗi người. Sở thích chung của con người gồm có 3 loại: Dục, Lạc và Cực lạc. Và từ đó phát sinh ra sự trầm luân, hay siêu thoát.

Dục: là lòng ham muốn, sở thích. Nhưng khi nó trở thành sinh hoạt, hành động, nó mới tạo ra cảnh giới, trạng thái.

Nặng nề hơn hết trong mọi loại dục, là nhục dục.

Nhục dục bao gồm nhiều loại: tình dục (dục cảm phát sinh từ tình yêu, tình cảm... thuộc về nhân tánh); vị dục, hương dục... là loại dục nhẹ, nặng nề là dâm dục (dục thuộc thú tánh).

Lạc: là cái Vui của tâm hồn (của Tâm, Trí) thuộc về đời sống tinh thần. Nó làm cho tâm hồn nhẹ nhàng, thanh thoát, không trầm luân, nhưng chưa phải là trạng thái siêu thoát.

Cực lạc: là trạng thái cực sung sướng, vượt qua mọi cảm khoái của Nhục thân, qua sự nhẹ nhàng của tâm trạng, và tư tưởng của tâm hồn của bản ngã.

Đó là sự Cực lạc của thể Trí (siêu Trí và siêu siêu Trí) do sự hợp nhất của sự Sáng Dương và Âm.

Tóm lại:

Sống bằng dục cảm nặng nề đưa đời sống con người vào sự trầm luân. Đời sống, nặng về phương diện vật chất tạo nên cảnh giới nặng cho tâm hồn.

Đời sống tinh thần hướng con người vào sự thanh thoát.

Chỉ có đời sống tâm linh (linh hồn, Trí) mới tạo ra sự siêu thoát.

2. Hiện tượng vật lý, sinh lý và nguồn gốc phát sinh ra sự cảm khoái, Lạc và Cực lạc

Sự cảm khoái, Lạc và Cực lạc đều là những hiện tượng vật lý, và cũng là nền tảng sinh lý.

Sự cảm khoái bắt đầu từ Nhục thân trước, tức là từ hệ Huyết, rồi chuyển qua các hệ khác và đưa về sự Sáng.

Hay là, từ thể nặng chuyển qua các thể nhẹ, nhưng sự cảm khoái do một nơi nào đó của Nhục thân gây ra, nó không có tính toàn diện.

Thí dụ: ăn ngon, uống ngon... Cảm giác này chỉ có lưỡi cảm nhận. Sự cảm khoái chỉ giới hạn trong diện tích của lưỡi.

Trái lại, sự Cực lạc, từ thể nhẹ là sự Sáng bức xạ mà toát ra toàn thân, không từ hệ thống này truyền qua hệ thống khác. Tức là, không theo sự tuần tự của hệ thống mà truyền cảm, nó tràn ngập tức thì, rung động trong mọi tế bào.

Sự Cực lạc có tính cách toàn diện làm cho mọi loại thân có trong Nhục thân (Quang thân, Điện thân, Khí thân, Thủy thân) đều hưởng sự Cực lạc toàn diện

của mỗi loại thân với sự cảm khoái, Lạc và Cực lạc xảy ra cùng lúc do những thành phần của những thể linh thiêng cấu tạo nên chúng.

Cảm khoái, Lạc và Cực lạc, là những trạng thái làm cho con người thích thú. Nhưng chúng là những hiện tượng vật lý kích thích sự Sáng của não với những phản ứng hóa chất, hoặc ngược lại do sự xúc tác của sự Sáng vào những thể khác.

Mức độ của sự cảm khoái và Lạc do sự xúc tác của những thể phối hợp hoặc do Dương và Âm của thể đó hòa hợp với nhau.

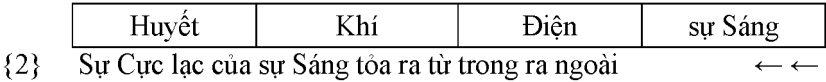
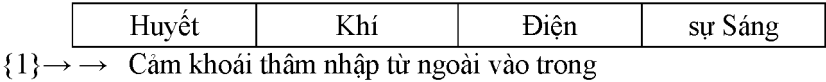
Thể phối hợp	Mức độ của cảm khoái, Lạc và Cực lạc
sự Sáng (Dương + Âm) sự Sáng + Điện sự Sáng + Khí (Điện) sự Sáng + Huyết (Khí, Điện)	Cực lạc Lạc Khoái lạc Cảm khoái

Từ cảm khoái đến Lạc và Cực lạc là diễn tiến của sự tiến hóa từ đời sống thấp đến cao hơn với một nguồn gốc biến đổi.

Nguồn gốc của sự cảm khoái là từ ngoài vào trong, còn nguồn gốc của sự Cực lạc là từ trong tỏa ra ngoài.

Sự cảm khoái từ cảm giác bên ngoài của Huyết thâm nhập vào trong, qua các hệ của Khí, Điện và sau cùng là sự Sáng, tức là từ da truyền vào não bộ.

Với sự Cực lạc thì từ sự sinh động của sự Sáng tỏa ra ngoài, cực nhanh bằng sự bức xạ của sự Sáng, không tuần tự qua các hệ, tức là “từ não bộ, sự Cực lạc tỏa ra bên ngoài da”.



a. Sự cảm khoái thâm nhập từ ngoài vào trong qua các hệ thống của mỗi thể, tức là qua các kinh, mạch.

Hệ thống của 4 thể, không chiếm toàn diện thể tích của Nhục thân. Do đó hiệu quả của nó không có tính cách toàn diện.

b. Sự Cực lạc của sự Sáng tỏa ra từ trong ra ngoài với sự toàn diện của 360⁰ mà không theo hệ thống của những thể khác.

Trong trạng thái Cực lạc, sự Sáng của Tuệ tỏa ra với sự toàn năng của nó. Các loại vi trùng của Huyết, Khí và virus của Điện, lâu nay sống trong Nhục thân, đều bị hủy diệt trong sự bức xạ của sự Sáng.

Nhờ đó mà Nhục thân được khỏe mạnh như lúc thơ ấu khi chưa có vi trùng thâm nhập, và công phạt Nhục thân. Hơn nữa, con người được trẻ lại, và tình trạng này giữ được lâu.

3. Những trạng thái và hiện tượng được cảm nhận trong Hư vô

Sự cảm nhận trong Hư vô những hiện tượng siêu nhiên và siêu siêu nhiên bắt đầu từ sự ý thức được trạng thái Hư vô. Từ đó, sự hiểu biết của con người được mở rộng nhờ những chức năng thâm sâu của những bộ phận vô hình đi vào chỗ thâm sâu hơn nữa.

a. Thân → Tâm → Trí (đời sống trên địa cầu)

↓
Trí → siêu Trí → Tuệ (đời sống trong vũ trụ)

b. Chỉ có cái thâm sâu mới biết rõ được những gì bên ngoài. Và chỉ có cái cùng cực thâm sâu mới hiểu, biết tất cả những gì bên trong.

c. Cái thâm sâu nhưng cùng cực rộng lớn như sự Sáng của Tuệ.

Sự Sáng của Tuệ bao trùm tất cả những bộ phận vô hình khác, và đồng thời, những đơn vị cực nhỏ của nó tiềm ẩn sinh động trong cả Thân, Tâm, Trí. Do đó, Tuệ biết rõ hoạt động, và sinh động của siêu Trí, Trí, Tâm và Thân.

Như sự tỏa ra của nhân điện:

- Bản tính linh thiêng
- Sự cảm ứng với sinh linh, cảm nhận được những hiện tượng siêu nhiên.

Càng đi sâu vào những chỗ thâm sâu, con người càng ý thức được sự rộng lớn của những bộ phận vô hình, và khám phá ra những thuận lợi cho sự tiến hóa để sinh hoạt gắn liền vào đó.

Hai bộ phận vô hình này, Tâm, Trí được coi như khu vui chơi.

Tâm, Trí: khu vui chơi

Người tạo quá hẹp, khu vui chơi,
Nhân loại, Trí nhỏ, việc sao to,
Nhìn xem, Thiên tạo trong con người,
Mệnh mông Tâm, Trí, khu vui chơi.
Vô tận cảnh giới hiện trong Tâm,
Tình cảm đổi thay, con người học,

Nhiều tư tưởng, Trí khôn sinh hóa,
Chơi đề tiến hóa, tại sao không?
Ai biết Tâm, Trí, khu vui chơi,
Cứ ngồi nơi đó, chẳng cần đi,
Càng chơi, càng thích, đâu mất gì,
Vui nơi Tâm, Trí, là đạo nhân.

Càng vào chỗ thâm sâu, sự khám phá càng mở rộng ra trong cả hai vũ trụ, đến cả những hiệu quả của tình cảm, tư tưởng, Tâm, Tánh v.v... liên quan đến cách cư xử. Như sống với ơn, oán... mà đa số người gặp phải trong cuộc sống:

- Người biết ơn nhiều hơn oán: là người có Nhân, Hiếu, Nghĩa... thuộc về người tốt, gặp được may mắn.

- Người biết oán nhiều hơn ơn: thuộc người kém Nhân, Hiếu, Nghĩa..., ít gặp may, nhưng lại gặp nhiều trở ngại.

- Người chỉ biết oán, hận, quên ơn: là người bắt Nhân, bắt Hiếu, bắt Nghĩa: thường xuyên gặp trở ngại tai ương.

Có phải con người luôn chịu số phận này hay không?

- Không, lòng người mà đổi thay thì số phận cũng theo đó mà biến đổi.

Nếu tự mình không nhận ra được những điều trên để thay đổi thì con người cần đến Chơn đạo, Chánh đạo... qua cách sống bằng đạo lý, giáo lý, tức là sống bằng nhân tính, đức tính, đạo tính... làm cho Tánh được an lạc, Trí tiến hóa, thì số phận, thân phận, nhân phẩm, nhân cách... đều được đổi thay.

Từ chỗ thâm sâu, và cực rộng của sự Sáng của Trí, siêu Trí, Tuệ, sự hiểu biết của con người dễ dàng nhận ra Tâm, tâm trạng, và những tình cảm liên quan đến sự xuất hiện của bản ngã.

Giữa hai bộ phận vô hình là Tâm và Trí, thì Tâm liên quan đến bản ngã nhiều hơn hết. Chỉ một tâm trạng thoáng qua, bản ngã lộ nguyên hình của nó rồi.

Như lo lắng trong vài giây thì bản ngã cũng hiện hữu trong quãng thời gian đó. Hay bực bội, tức giận chỉ xuất hiện trong chốc lát, thì bản ngã bộc lộ ngay đặc thù của tâm trạng đó.

Về phương diện sinh lý, Tâm và Trí đều có những ảnh hưởng.

- *Khi một tâm trạng nổi lên, là có sự dao động của một tạng thuộc về Khí. Nghĩa là, có sự dao động của Khí thuộc về tạng nào đó. Vì vậy, Khí thân không hiện ra được. Nói cách khác, khi nào ngũ tạng khí dao động thì Khí thân không có hình dáng toàn vẹn của nó. Và khi nào không có một tâm trạng nào nổi lên thì Khí thân mới được hình thành, như trong giấc chiêm bao, chết hoặc Tâm định.*

(- Trong khi ngủ, con người không còn tâm trạng, nên trong giấc chiêm bao, mộng, Khí thân hiện ra và sinh hoạt.

- Khi Nhục thân chết, tâm trạng hiện tại không còn nữa, Khí thân toát ra với sự toàn vẹn của nó.

- Tâm đại định, Khí thân toát ra với thần lực của nó. Và nó hoạt động với thần lực đó).

Tâm không có một tâm trạng nào hết, đó là Tâm chơn không, có nghĩa là *“Khí thân được hình thành từ trạng thái chơn không của Tâm”*. Và sự chơn không của Tâm càng lâu bao nhiêu thì sức mạnh của Khí thân càng tăng theo trường độ chơn không của Tâm.

Với Trí, khi ba chức năng quan sát, nhớ, suy nghĩ của Trí hoàn toàn ngưng động, chỉ còn lại sự Sáng của Trí thông minh ngưng động.

Trong sự chơn không của Trí, Điện thân mới có hình dáng toàn vẹn của nó, và toát ra huyền lực của nó.

Hay là, khi nào không còn sự dao động của Điện trong các chức năng quan sát, nhớ, suy nghĩ nữa, thì Điện thân được hình thành toàn vẹn, mang dáng vóc của Nhục thân, nhưng nó là Điện thân.

Tóm lại:

- *Khí thân và thần lực của nó được hình thành từ Tâm chơn không.*

- *Điện thân và huyền lực của nó được hình thành từ “Tâm và Trí đều chơn không”.*

Ngược lại trạng thái chơn không của Tâm và Trí, trước đó hành giả gặp nhiều trở ngại để chơn không hóa Tâm, là những định kiến.

Nó khiến cho Trí gần như thường xuyên phải suy diễn về những sự việc liên quan, tạo thêm nhiều vương vấn cho Tâm.

Thực hiện sự chơn không hóa Tâm và Trí không chỉ làm cho ngũ giác quan ngưng tiếp xúc với ngoại cảnh, mà Tâm, Trí được sạch mọi sự việc, hiện tượng của thế giới tự nhiên phát sinh ra tâm trạng.

Nhưng phải làm sao cho sạch được mọi hiện tượng của thế giới tự nhiên được lưu giữ do Điện và sự Sáng trong Nhục thân, thì những hình ảnh, hiện tượng siêu hình mới hiện ra ngay trong đầu não của mình.

k. Hiện tượng tâm sinh lý và vật lý trong Vô ngã

Vô ngã là trạng thái, và cũng là cách sống được tạo nên từ Hư vô, từ sự thư giãn hoàn toàn của Thân, Tâm, Trí, đưa con người vào những cõi giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Sự đổi thay liên quan đến nhiều lãnh vực, nhiều hiện tượng làm cho sự hiểu biết trở nên phong phú trong những sinh động vô hình. Và những sinh động này là những yếu tố quan trọng của sự tiến hóa của những bộ phận vô hình, trong chúng sinh động, tính linh thiêng và mẫu nhiệm.

Đây là sự tiến hóa, từ sự kỳ diệu của đời sống tự nhiên, sang sự linh thiêng

và màu nhiệm của đời sống siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Muốn vào được trạng thái Hư vô của Vô ngã, con người phải vượt qua trở ngại, cản trở. Và đó là bản ngã.

1. Thân, Tâm, Trí: ba yếu tố tạo nên bản ngã

Ở Thân: được sinh ra, con người ai cũng có cảm giác. Khi ngày càng lớn lên, ý thức về cảm giác càng bén nhạy, từ đó sinh ra dục cảm. Nhưng dục cảm không kéo dài, chỉ khi nào dục cảm này có sự khoái cảm thì khoái cảm đó được lưu giữ như ký ức. Dù là sự cảm khoái của một ký ức, nhưng nó không linh hoạt bằng tâm trạng và tư tưởng.

Tâm: Người nào cũng có Tâm, có tâm trạng, do sự tiếp xúc với nhiều quan niệm, quan điểm mâu thuẫn, mà vô số tâm trạng được sinh hóa.

Nhưng tâm trạng không linh hoạt bằng tư tưởng, nhất là khi con người càng về già. Nó cũng là một thành tố của bản ngã, tuy chưa phải là yếu tố chính để tạo nên bản ngã.

Trí: Trí rất linh hoạt, có khả năng sinh hóa vô tận tư tưởng, hầu hết những tư tưởng đó liên quan đến chính mình nhiều hơn là tâm trạng và cảm giác.

Do đó, Trí là yếu tố chính để tạo nên bản ngã.

Tuổi tác và môi trường tạo nên bản ngã

Không một quy định nhất định nào về tuổi tác để tạo nên một bản ngã, để tự mình đánh giá, nếu một người sống cô độc, không có gì để so sánh giữa người và mình.

Trong một cộng đồng sống cách biệt, sống cùng một phong tục, tập quán, thuần nhất trong đời sống trường kỳ, thì cộng đồng đó sống cùng một loại tâm trạng, nên không phát sinh ra nhiều mâu thuẫn về tâm lý.

Như vậy, tuổi tác không phải là yếu tố chính để tạo nên bản ngã.

Ở môi trường nào có nhiều ngành, nghề, sức cạnh tranh cao, nhiều quan niệm, quan điểm, Trí suy nghĩ hoạt động nhiều, lòng tự tin cao, thì bản ngã dễ tạo nên với nhiều cá tính khác nhau. Do đó, sự củng cố và đề cao bản ngã càng mạnh mẽ.

Tuy nhiên, sự Hiểu ở thế giới hữu hình được sâu rộng, thì tâm địa con người càng rộng lớn. Nếu sự Hiểu được những gì thuộc về thế giới siêu hình và siêu siêu hình, hoặc Hiểu được cái Lý vô hình, thì do sự Hư vô của cái Lý, mà tâm địa con người rộng lớn đến vô tận. Vì vậy, mà bản ngã tự nó tan biến đi.

2. Sự thư giãn hoàn toàn

Hai giác quan đem nhiều động, loạn cho Tâm là mắt và tai.

“Tâm trong thực tại” lúc nào cũng thanh tịnh. Nhưng những hình ảnh và ngôn từ... do mắt tai đưa vào bộ nhớ để thành ký ức trong một thời gian dài,

nếu được gọi lên thì những gì thuộc quá khứ lại đẩy động cái Tâm hiện tại. Cho nên, mất tai trong thực tại mà thanh tịnh thì Trí Tâm cũng phải thanh tịnh, luôn cả ký ức nữa.

Đây mới thật là sự thư giãn hoàn toàn cả ngoài và trong.

Sự thư giãn hoàn toàn bao gồm cả những sinh hoạt bên trong như nhớ, suy nghĩ những gì thuộc về quá khứ, tương lai của bản ngã. Và khó hơn hết là sự tiếp xúc giữa con người và con người bên ngoài, vì trong sự tiếp xúc dễ sinh ra phản ứng tâm lý, tức là thời gian này để có tâm trạng nổi lên.

(Đồng ý thì không mâu thuẫn, bất đồng ý có mâu thuẫn. Mâu thuẫn sinh ra tâm trạng. Có mâu thuẫn, Tâm động. Động rồi, sinh ra loạn, không còn sự thư giãn nữa...)

Người sống cô lập, không tiếp xúc với người khác, Tâm không động, không loạn. Sự thư giãn chỉ đạt được một phần.

Nếu Trí nhớ còn nghĩ đến những ký ức của quá khứ, và những hình ảnh của ký ức này còn tác động về tâm lý, để đẩy lên tâm trạng, và Trí suy nghĩ, theo đó, mà hoạt động, thì Tâm, Trí vẫn động loạn, dù cho những hình ảnh đó thuộc dạng siêu hình, nhưng chúng vẫn hiện hữu.

Như vậy, dù bên ngoài được thư giãn, nhưng bên trong Tâm, Trí vẫn động, vẫn loạn, do quá khứ tác động tâm lý.

Với sự thư giãn hoàn toàn, tức là luôn luôn sống trong thực tại (trong thực tế hiện tại), vẫn sinh hoạt, vẫn tiếp xúc với mọi người, trong mọi trường hợp, mọi hoàn cảnh. Tâm không có sự phản ứng tâm lý, không mâu thuẫn và Trí luôn luôn sáng suốt, nên đời sống luôn thư giãn.

Hay là, luôn sinh hoạt với Tâm an, Trí sáng thì biết rõ sự việc, thấu hiểu được nguyên nhân, và hậu quả của sự việc, do vậy Tâm, Trí được thư giãn hoàn toàn.

(Tâm, Trí (tâm hồn) hoàn toàn thư giãn, cuộc sống con người cảm thấy nhẹ nhàng, siêu thoát. Nếu trong sinh hoạt, dù rất ngắn, mà còn cảm tính, thì cuộc sống chưa siêu thoát. Vì còn cảm tính trong tình cảm và tư tưởng.

Sinh hoạt con người thường được hiện thực dưới ba hình thức: lời nói, việc làm và tư tưởng. Nghệ thuật, mỹ thuật, mà còn cảm tính trong đó, là còn bản ngã, tác phẩm chưa đạt đến mức xuất thần).

Trong sự thư giãn hoàn toàn, Trí dễ nhận ra bản thể của mình, mà danh từ thường dùng là quay về bản thể.

Đây chẳng phải là bản thể của cá nhân, mà đó là quay về bản thể của loài người.

Bản thể này có từ bao giờ?

- Nó có trước khi các tạo vật trong vũ trụ được tạo nên. Vì nó là sự Sáng (thể Sáng), là năng lực nguyên thủy của vũ trụ.

Trở về với bản thể, là trở về nguồn sinh hóa, cũng là trở về với thời gian gần như vô tận của sự diễn tiến hằng tỷ năm của sự tiến hóa của tạo vật. Sự tiến hóa

này không bị giới hạn trong vài ngàn năm, hoặc cả trăm ngàn năm.

Sự thư giãn hoàn toàn cũng là sự “Hư vô hóa” ngoài và trong. Trạng thái Hư vô này mới hoàn toàn.

Hai giác quan thường xuyên sinh hoạt là tai và mắt.

Tai: không còn nghe tiếng động bên ngoài	} Vô não được yên. Thanh tĩnh được bên ngoài
Mắt: vẫn mở, nhưng không quan sát hình ảnh	

Bên trong

- Tâm: không tâm trạng nổi lên	} Ý thức được Tâm hư vô, rộng lớn như vũ trụ. Sự Sáng của Trí tăng dần, do tự nó sinh động.
- Trí: không nhớ lại tâm tư hình ảnh cũ	

Tóm lại:

<i>Ngoài:</i> “Thân” được thanh tịnh	} Tất cả sự Sáng trong thân thể tụ về não, tăng lên và bức xạ.
<i>Trong:</i> “Tâm, Trí” thanh tịnh	

a. Thu hút năng lực, năng lượng trong trạng thái Hư vô

Trong trạng thái Hư vô, các loại Thân mới được tạo nên trong Nhục thân (như Khí thân, Điện thân, Quang thân) đều có thể thu hút được năng lực, năng lượng.

Cũng như thai nhi, Tâm và Trí chưa có được như người lớn đang trong trạng thái Hư vô, vậy mà cũng thu hút được năng lực hậu thiên (Khí, Huyết) của người mẹ để có thể phát triển.

Cũng vậy, Điện thân sinh động trong Nhục thân, với Tâm, Trí trong trạng thái Hư vô mới thu hút được năng lực tiên thiên (Điện và sự Sáng) trong vũ trụ để phát triển.

Tóm lại:

Hư vô là trạng thái mà thai nhi, và các loại thân có thể thu hút năng lượng, năng lực vào thân.

Đây là trạng thái thư giãn hoàn toàn như cây cỏ rút chất bổ vào thân nó, đặc biệt là về đêm.

Về đêm, tiếng động ít, nên sự thu hút năng lượng được nhiều hơn. Ban ngày, những nơi nào có nhiều tiếng động, thì sinh vật, thực vật thu hút kém năng lượng.

Như vậy, “muốn thu hút năng lượng tiên thiên (năng lượng của vũ trụ), Tâm, Trí con người phải chọn không, phải Hư vô”.

Trạng thái hư vô của Tâm, Trí làm cho mỗi tế bào được yên (không dao động, không bị phản ứng hóa chất). Nhờ đó, mà chúng tự thu hút lấy năng

Sự thu hút năng lượng có liên quan đến tiên cảm đến cả hai vũ trụ là:

Tiên cảm do Khí, Điện } thuộc về bản ngã, không gian và thời gian
 ở nội quan và đầu người } thuộc địa cầu

Tiên cảm do Điện và } thuộc về chơn Ngã, thuộc về vũ trụ
 sự Sáng ở Trí, ở não }

b. Chiều sâu của sự hiểu biết trong trạng thái Hư vô

Chiều sâu của sự hiểu biết, cũng là khả năng vô tận học của con người.

Nhưng làm sao, và do đâu, con người có khả năng vô tận học?

- Những gì thuộc về vũ trụ thì vô tận, vì vũ trụ luôn luôn sinh hóa và chuyển hóa. Trong sự sinh hóa, luôn có điều mới lạ xảy ra.

Như vậy, con người phải luôn học mãi để hiểu, cho đến bao giờ mới biết, mới hiểu hết, dù đó chỉ giới hạn trong thế giới tự nhiên, hữu hình. Tuy nhiên, *con người chỉ cần Hiểu được tận gốc của sự sinh hóa thì chẳng cần phải Biết nữa, vì cái Lý luôn tiềm ẩn trong sự sinh hóa, tức là cái Lý luôn tiềm ẩn trong sự sống của mọi tạo vật do Thiện Tuệ tạo ra từ Thiên Lý.*

Thông thường, người ta phải tuần tự tiến hóa từ sự cảm nhận qua sự Biết, rồi mới đến Hiểu. Nhưng để Hiểu trực tiếp Nguyên Lý vũ trụ, con người, phải không còn là một con người nữa, hay là, không còn sự Cảm, Biết nữa, mà chỉ còn lại khả năng Hiểu sinh động. Hoặc chỉ còn lại sự Sáng của Tuệ nhập vào Nguyên Lý, sự Hiểu của con người lúc đó cũng là Nguyên Lý của vũ trụ đang sinh động vậy.

Như vậy, *chẳng còn gì ở con người nữa, chỉ còn lại sự Hiểu sinh động mà thôi.*

Đó là “sở học vô tận” từ Nguyên Lý của vũ trụ, mà khả năng này xuất nguồn từ trong “trạng thái hư vô” của ba yếu tố Thân, Tâm, Trí. Và từ sự “Hư vô toàn diện” của Thân, Tâm, Trí, chỉ còn lại sự hiện hữu và sự sinh động của “siêu siêu Ý thức” của siêu siêu Trí (Tuệ) trong sự Sáng của sự sống của vũ trụ.

c. Năng lực tiên thiên thay đổi đời sống từ trạng thái Hư vô

“Trạng thái hư vô” không thể tự có được. Nó là kết quả của sự điều khiển của Trí thông minh, khi sự Sáng hoàn toàn tụ về não bộ, không còn can dự vào năng lực hậu thiên. Từ đó, có sự xuất hiện mới.

Chức năng của Trí thông minh là Hiểu. Nó là mức tiến hóa cực cao của Trí, nhưng so với siêu Trí và siêu siêu Trí, sự Hiểu của Trí chỉ tương đối. Nhưng nhờ ở trạng thái Hư vô, sự Hiểu của con người tăng lên mức tương đối cao, và tuyệt đối của siêu Trí và của siêu siêu Trí (Tuệ)

Với Trí thường, sự Hiểu của Trí thông minh là tuyệt đối so với cái Biết và ý thức. Hai chức năng này chỉ ở mức tương đối.

Lấy cái tuyệt đối để quan sát cái tương đối thì rất dễ. Ngược lại, dùng cái tương đối để khám phá ra cái tuyệt đối thì rất khó.

Nếu lấy sự Hiểu mà quan sát sự Biết và ý thức thì hai chức năng này tăng thêm mức hiệu quả của nó.

Cũng vậy, từ trạng thái Hư vô, sự Sáng tạo về não bộ, vô não ngưng hoạt động, Trí thường cũng ngưng luôn. Với sự sinh động hoàn toàn thuộc về năng lực tiên thiên, “Trí thường” chuyển sang “siêu Trí”. Siêu Trí mới ý thức được sự sinh động của năng lực tiên thiên, và sự đổi thay từ sự bình thường sang những sinh hoạt siêu nhiên, liên quan đến nhiều vấn đề, nhiều hiện tượng tâm sinh lý của đời sống bên trong như hạnh phúc, tuổi thọ, khí số v.v...

Hạnh phúc thật của con người ở đâu?

- Thông thường, đời sống con người liên quan đến sự tổng hợp của Thân, Tâm, Trí. Với tính chủ quan, người ta tìm hạnh phúc ở bên ngoài, do ngoại cảnh và hoàn cảnh đưa đến.

Loại hạnh phúc này như ảo ảnh, lúc có, lúc biến mất. Có người suốt cả đời, đau khổ nhiều hơn hạnh phúc, vì luôn mãi đi tìm, để đạt được một hoặc nhiều yếu tố của Danh, Lợi, Tài, Sắc, Quyền, Thế, Lực...

Đây là loại hạnh phúc do ngoại cảnh mang đến, hòa hợp, luân phiên xuất hiện sự vinh, nhục, vui mừng, phiền não.

Hạnh phúc do ngoại cảnh tạo nên, không thể tồn tại mãi, vì nó không tự có. “Hạnh phúc thật, tự có”, không ở bên ngoài, nhưng luôn mãi sinh động bên trong.

Đó là sự sáng tạo của Trí.

Sự sáng tạo do ở chức năng suy nghĩ. Sự suy nghĩ hoạt động được mãi. Nhờ sự hoạt động không ngừng mà đời sống không có sự nhàm chán, luôn được đổi mới theo chiều hướng tiến bộ.

Sự tiến bộ của Trí suy nghĩ, là sự tăng tốc của sự sinh hóa ra tư tưởng, so với những tốc độ của những sinh hoạt khác ở con người, và với những chuyển động khác nữa.

Tốc độ không đơn thuần ở sức, ở mức chuyển động của một vật, một thể, mà nó còn liên quan đến mức tiến hóa đối với con người.

Ở con người, tốc độ nào trong sinh hoạt đạt đến mức nhanh nhất, không còn sự so sánh ở không gian và thời gian, tức là mức tuyệt đối của tốc độ?

- So với cảm giác và tình cảm, tư tưởng có tốc độ nhanh hơn. Càng nhanh, mức tiến hóa của nó càng cao, hơn cả tình cảm và cảm giác.

Nhưng không phải tư tưởng nào cũng Thuận Lý, đúng với Chơn lý và Đạo lý, tức là nó có thể Nghịch Lý.

Như vậy, tư tưởng con người phải luôn luôn được kiểm soát trước khi nó được sinh ra, và trở thành hành động.

Tốc độ của nó nhanh hơn một giây đồng hồ. Tùy theo ở mỗi cá nhân, nó có thể nhanh đến 1/10 hay 1/100 của giây.

Đây là tốc độ của thể Sáng của Trí khôn. Tốc độ nhanh, năng lực mạnh; tốc độ cực nhanh, năng lực cực mạnh.

Năng lực mạnh, hiệu quả càng nhiều. Sự lành, sự ác độc cũng nhiều. Nghĩa là, nếu tư tưởng lành thì hiệu quả là Thiện, chí Thiện; nếu ác độc thì cực ác, cực độc... bao trùm tất cả những gì tương đối Thiện, tương đối ác, độc. Vì nó xuất nguồn từ sự Sáng (thể Sáng).

Tốc độ sinh hóa ra tư tưởng càng nhanh, hạnh phúc của con người càng nhiều.

Đây là sự đổi thay từ năng lực tiên thiên. Nó cũng ảnh hưởng đến cả những sinh hoạt của Nhục thân, như Phước, Họa, tuổi thọ của Nhục thân từ trạng thái Hư vô.

Nói cách khác, là sự sinh động, hoạt động của năng lực tiên thiên dưới dạng sinh hoạt, làm tăng sức sống của Nhục thân, (tức là của năng lực hậu thiên).

Dương và Âm của Tâm chơn không (Tâm vô tâm trạng) hóa giải được Phước (nhon Phước), Họa nhưng không kéo dài được tuổi thọ của Nhục thân.

Tức là, “Tâm chơn không” chẳng kéo dài được tuổi thọ của Nhục thân, chỉ có Đức (những Đức tính sinh động bằng Điện) mới làm tăng tuổi thọ. Điện sinh động, là vận số hoạt động, khí số nhờ đó mà tăng theo.

Đức tính cơ bản làm Điện sinh động, nhiều hơn hết, là tình thương.

Đây là sự đổi thay cách sống bằng đạo, đức mà tuổi thọ được tăng thêm. Sự đổi thay trong cách sống, cũng là sự biến đổi trong sự vận dụng năng lượng.

Khí số (ngày sống chết) của Nhục thân do năng lực hậu thiên (Khí, Huyết).

Thay đổi khí số của Nhục thân, là chuyển khí số sang vận số, tức là con người phải sống bằng năng lực tiên thiên.

Nói cách khác, “khi con người sống bằng năng lực tiên thiên (Điện, sự Sáng) là khí số được thay đổi bằng vận số”.

Trong trạng thái Hư vô, Thuần Trí hoạt động không ngừng. Nó dễ dàng nhận ra những sinh động vô hình của năng lực tiên thiên, cũng như các hoạt động và hiệu quả của các chức năng của Trí. Như Trí thông minh của chính mình và của tha nhân.

Sự thông minh được tạo nên do những chức năng quan sát, nhớ, suy nghĩ.

Với người thường, người thông minh là người thường xuyên dùng Trí, hơn sống bằng Tâm, với ba chức năng quan sát, nhớ và suy nghĩ. Nhiều hơn hết là dùng sự suy nghĩ để đáp ứng các câu hỏi, vấn đề là phải quan sát chính xác và suy nghĩ nhanh bên trong.

Tóm lại:

Người thông minh lúc nào cũng sẵn sàng suy nghĩ mọi vấn đề. Nó là phương tiện hữu hiệu hơn hết, để vượt lên sự bình thường của mình, để tiến lên hàng siêu nhân, đạo nhân v.v...

Suy nghĩ được nhanh, là nhờ vào khả năng của Trí nhớ.

Khả năng của chức năng của Trí nhớ là “chứa và giữ”. Chức năng của Trí suy nghĩ, là dùng những dữ kiện, được chứa và giữ của Trí nhớ.

Càng chứa nhiều và giữ được lâu thì việc dùng càng phong phú.

Sự thông minh là nền tảng để tánh linh xuất hiện.

Con người vui, sầu, sướng, khổ... là do tâm trạng. Nhưng tâm trạng sinh động, con người mất tánh linh.

“Tâm” không tâm trạng, không phải là “Vô Tâm”, nhưng sự chơn không của Tâm, là Tánh hồn nhiên vậy.

“Tâm chơn không” thì Trí Sáng.

“Trí sáng mà Tâm chơn không thì Tánh linh hiện, tức là con người trở nên siêu việt”.

Tánh siêu việt vượt qua những gì bình thường, vì sự sinh động của nó thì linh thiêng và mầu nhiệm.

Trong sự sinh động của Tánh linh, con người dễ dàng cảm nghiệm được những sự sinh động vô hình, như sự thuận, khắc trong Tâm người, sự thư thái trong thiên nhiên.

Vì sự tiếp xúc của người với người có thuận, có khắc nên Tâm động, loạn.

Người tiếp xúc với thiên nhiên, tâm hồn được thư thái, vì thiên nhiên không gây ra sự thuận, khắc, không nhỏ hẹp như phạm tâm của bản ngã, trái lại, nó yên tĩnh, và rộng lớn mênh mang.

Sự sinh động của Tánh linh mở rộng thêm sự hiểu biết, và sự cảm biết về tâm địa, và trí trạng của tha nhân, tức là:

- Biết được tâm địa (lòng) của con người thì biết được việc làm của con người.

- Hiểu được Trí (tư tưởng, suy nghĩ) của con người thì biết được cách làm của con người.

Việc làm và cách làm của con người khác nhau và có đến vô tận, tất cả đều do thâm ý.

Người ta tìm “tử” để nói nghĩa lý, tìm “danh hiệu” để chứng thực nghĩa cử.

Sự chứng thực từ “nghĩa cử”, từ “hành động” chưa thể đúng được, bởi vì thâm ý, tư tưởng trong nghĩa cử, hành động đó thuộc nhân đức, công đức hay Ác đức.

Đánh giá nhân đức, con người làm được, nhưng công đức lại do Thiên Cơ.

(Nhân đức dễ nhận, nhưng Công đức và Ác đức thuộc vô vi, nhưng ảnh hưởng của nó rất lớn liên quan đến Thiên tai, Địa ách. Hiện tại, họa này xảy ra nhiều nơi trên thế giới).

Thời nào, việc đời tự nó sai, nơi đó lòng người bị nhiễm, và cứ làm theo. Cái Sai tăng, cái Đúng giảm, đến cái Lý cũng chẳng còn nữa, nên là vô Lý.

Đã vô Lý rồi thì Lương Tâm không hoạt động. Chơn Phước mất, Thiên tai dồn dập.

Cái Sai tăng: gian giáo, qui quyết tăng, tình thương giảm, sự chơn thật giảm.
Lương Tâm không hoạt động, thật giả, đúng sai... lẫn lộn, khó nhận ra. Ngay cả trong đời sống của đạo nhân, phạm nhân vẫn thấy sai, tuy nhiên cũng phải suy nghĩ là: “Đúng Đạo, sai Đời”, hay “Sai Đạo, đúng Đời”?

“Điều này, khiến đạo nhân tự vấn:
“Tại sao đạo sư” luôn luôn đúng
Cớ gì “việc đời” cứ mãi sai
Phải chăng Trí ta nghĩ không đúng
Thật ra, việc đời tự nó sai.
Thế gian, muôn sự, thật khó xét
“Đạo” chỉ có một, dễ nhận ra
Mãi so sánh bao giờ mới hết
Sự thật có một, chẳng mất công”

Cái “Một”, chẳng có sự so sánh, nó mới tuyệt đối.

Sự thật chẳng có sự so sánh. Nó có trong Lương Tâm. Khi Lương Tâm hoạt động, nó tự hiện ra.

d. Sự tăng trưởng của Trí thông minh từ trạng thái Hư vô

Từ trạng thái Hư vô, Thuần Trí tự làm tăng sự sáng suốt. Nó là điều kiện chính yếu để con người làm chủ được mình. Nhưng chưa hẳn là người hoàn toàn thông minh vì nó còn gồm nhiều yếu tố.

- Thấy được tâm tư (tâm trạng, tư tưởng) của mình thì làm chủ được mình. Nhưng thật sự thông minh thì phải “biết được sự việc”, “hiểu được sự việc”, và sau đó là “giải quyết được sự việc”, trong đó có sự sáng tạo.

Điều này rõ ràng, con người có óc sáng tạo là người thông minh. Hơn nữa, sự sáng suốt của Trí thông minh dễ nhận ra nguồn cung cấp sự Sáng cho Trí.

Có hai nguồn tạo ra sự Sáng, sự sáng suốt cho Trí:

- Từ những hiện tượng bên ngoài, ngoại cảnh và nội cảnh được đưa vào qua những chức năng của Thân, Tâm, Trí.

- Từ sự sinh động của sự Sáng của Trí, hay là từ sự sinh động thuần túy và đơn độc của sự Sáng tận bên trong, không còn sự can dự của mọi chức năng liên quan.

Hiệu quả của hai nguồn cung cấp sự Sáng cho Trí khác nhau như thế nào?

- Hiệu quả từ những hiện tượng bên ngoài phải trải qua sự cảm nhận, Biết và Hiểu, qua những giác quan của Thân, chuyển vào Tâm, Trí..., qua những chức năng quan sát, nhớ, suy nghĩ của Trí. Sự Sáng và sự sáng suốt của Trí mới tăng dần. Vì vậy, con người phải mất một thời gian dài mới thu nhận, mới tạo nên sự Sáng được.

Trái lại, khi sự Sáng, sự sáng suốt của Trí đã đầy đủ, con người có thể dễ cho sự sinh động của sự Sáng sinh động, tức là sự sinh động của sự Sáng, từ trong tỏa ra.

Hiệu quả tức thì, sự Sáng tăng nhanh, và tồn tại.

(Đây là diệu pháp: đó là dùng nguồn gốc của sự Sáng để tạo thêm năng lực. Sự Sáng sinh động ngay trong não bộ. Nó giống như đại vũ trụ trước khi tạo thiên, lập địa, tức là thời nguyên thủy sáng tạo, sinh hóa ra những năng lực khác).

Trạng thái Hư vô rất quan trọng, trong sự tiến hóa của các loại Trí.

Với siêu Trí, từ trạng thái hư vô của Trí, hình ảnh siêu nhiên mới hiện ra được.

Nhờ hình ảnh siêu nhiên mà các chức năng của siêu Trí mới phát triển được khả năng của nó.

Tiến hóa trong lãnh vực siêu nhiên, nên con người suy nghĩ nhanh hơn ở Trí thường. Đó là nhờ ở siêu Trí.

Tất cả mức, và sức tiến hóa của con người đều nhờ ở sự Sáng thuần túy, và ở sự Sáng, tiềm ẩn sinh động trong những lực khác, như thần lực và huyền lực.

Như vậy, trẻ con không thể thành Thần, Tiên, Phật, Thánh được, vì chúng chức có đủ thần lực, huyền lực và huyền năng.

Ba lực này được phát triển nhiều là do sự Sáng. Và chúng yếu đi cũng do sự Sáng.

Khi ba lực này đầy đủ trong thân thể, con người có sức khỏe, và không bệnh tật. Nếu chúng yếu đi thì cơ thể yếu, và sau đó các cơ quan, bộ phận của cơ quan bị đau, do các chức năng của chúng hoạt động kém, hoặc xấu đi.

Cho nên nói rằng: *“Nguyên nhân của sức khỏe mạnh, yếu, đau, bệnh... của con người đều do nơi sự Sáng”*.

Làm sao biết được sự mạnh, yếu của sự Sáng?

- Chỉ cần biết được trạng thái của những chức năng của Trí, thì biết được tình trạng của sức khỏe của một người.

Trí quan sát bén nhạy, chính xác Trí nhớ nhanh, nhớ lại mau Trí suy nghĩ nhanh	}	tình trạng sức khỏe tốt (1)

(Như vậy, đối với sức khỏe của con người, mọi bệnh đều có nguyên nhân.

Nếu nguyên nhân không từ bên ngoài đưa vào thì nguyên nhân do 4 hệ của 4 thể linh thiêng trong con người sinh ra, mà nguồn gốc chính thuộc về sự Sáng).

1. Chức năng hoạt động và mức tiến hóa của Trí

Trong khi Nhục thân ngủ, Trí vẫn tỉnh thức, các loại thân bên trong Nhục thân hoạt động. Sự tỉnh thức của Trí ở mức độ nào, và của loại Trí nào đang hoạt

(1) Sự Sáng ở não mạnh, mặc dù những hệ thống, cơ quan quan trọng hay các cơ quan... có đau, bệnh, thì những đau bệnh này cũng mau lành.

động, thì mức tiến hóa của Trí mới được nhận ra.

Như nhiều chức năng của Trí hoạt động trong khi Nhục thân ngủ, mức tiến hóa của Trí càng nhiều, khi có mơ hoặc có thị kiến.

Mức độ hoạt động của chức năng của Trí từ ít đến nhiều trong giấc mơ (chiêm bao), và trong thị kiến, siêu kiến (mộng).

Mơ (chiêm bao)

- Trí quan sát, Trí nhớ hoạt động.
- Trí quan sát, Trí nhớ và Tâm hoạt động.
- Trí quan sát, Trí nhớ, Trí suy nghĩ và Tâm hoạt động.
- Trí quan sát, Trí nhớ, Trí suy nghĩ, Trí thông minh (có lý luận) và Tâm hoạt động.

Siêu kiến (mộng)

- Siêu Trí hoạt động
 - Siêu Trí, siêu Tâm hoạt động
- } Điện thân hoạt động

2. Chức năng của Trí thuộc về bản ngã, và không thuộc về bản ngã.

- Trí quan sát: còn thuộc về bản ngã.

- Trí quan sát }
Trí nhớ } thuộc về bản ngã

- Trí quan sát }
Trí nhớ } thuộc về bản ngã
Trí suy nghĩ }

Như vậy chức năng nào của Trí không thuộc về bản ngã?

- Chỉ có Trí thông minh không thuộc về bản ngã. Nghĩa là:

Chỉ còn lại sự sáng suốt của sự Sáng của Trí mới làm cho tiểu vũ trụ hòa nhập vào đại vũ trụ. Và bản ngã không còn nữa, khi đó bản ngã trở thành đại ngã.

Nói cách khác, khi sự Sáng của Trí sinh động được mãi thì Trí thông minh của Trí, siêu Trí và Tuệ hoạt động vĩnh cửu.

Đó là “sự sống của con người sinh động mãi mãi như sự sống (thể Sáng) của vũ trụ vậy”.

Bản ngã không còn hoạt động nữa thì “sự sống trong con người” mới có thể sinh động và hoạt động được. Nhưng sự tan biến của bản ngã không thể tự động xảy ra. Nó tùy thuộc vào sự chủ động của mỗi cá nhân, của sự hiểu biết về sự chuyển động của nội lực, của năng lượng tiên thiên.

3. Khi nào và làm sao cho sự Sáng của sự sáng suốt của Trí thông minh tăng trưởng?

- Khi sự Sáng và sự sáng suốt của Trí thông minh được tự ở bên trong, không bị tản ra ngoài bằng các giác quan, và những chức năng của Trí ngưng động. Trong trạng thái chơn không đó, sự sáng suốt sinh động. Chính sự sinh động đó, làm cho năng lực của nó tự tăng, tức là sự Sáng và sự sáng suốt tự tăng.

Vì sao?

- Vì trong trạng thái chơn không của Thân, Tâm, Trí, sự Sáng không hao tán, nó tự về não. Nó ngưng chức năng sinh hóa, nên nó là sự sống (sự Sáng) tự sinh động và sinh động mãi để tự tạo thêm năng lực cho chính nó. Đây là năng lực tự tạo.

Nếu còn chức năng sinh hóa thì nó còn liên quan đến sức sống.

Trong sự sinh động của sự Sáng, trong trạng thái mà toàn tiêu vũ trụ hoàn toàn chơn không, thì Dương và Âm của sự Sáng hòa nhập làm một, tính “Lạc” trong sự hòa nhập của Dương và Âm của sự Sáng gia tăng thành sự “Cực lạc”.

a. Sự sinh động của sự Sáng cũng là chức năng xúc tác của chính nó.

Những thể Thủy, Khí, Điện (trong con người là Huyết, Khí, Điện) không thể tự tạo ra năng lực cho chính chúng.

Mặc dù ba thể này có sự Sáng tiềm ẩn sinh động bên trong, nhưng chúng không thể tự tạo ra năng lực được mà phải cần đến sự xúc tác của sự Sáng, chúng mới tăng thêm năng lực được.

Như vậy, có thể nói là “sự sinh động của sự Sáng cũng là chức năng xúc tác chính của nó”.

b. Nguồn sinh hóa và chuyển hóa của mọi sinh hoạt và hoạt động của đời sống con người là ở Trí.

Trí điều khiển tất cả sinh hoạt và hoạt động của mọi nhân tố liên quan hình thành sự toàn diện của đời sống con người như Tâm, Thân... và ngay cả những chức năng của chính nó nữa. Tức là, Trí tạo ra sự sinh động đồng bộ của những chức năng của nó trong sự tiến hóa.

Và hơn hết, Trí có khả năng cảm ứng được với những gì có trong vũ trụ bằng sự Sáng.

c. Chức năng suy nghĩ làm tăng sức sinh động của sự Sáng của Trí.

Sự Sáng của sự sáng suốt của Trí thông minh tăng trưởng giúp cho chức năng suy nghĩ làm tăng sức sinh động của sự Sáng của Trí.

Với siêu Trí cũng vậy, trong siêu kiến của giấc mộng, chức năng siêu Trí hoạt động, thì chức năng quan sát, nhớ, suy nghĩ của Trí cũng tăng, tức là chúng nhanh hơn, nhờ ở tốc độ cực nhanh của siêu Trí ảnh hưởng đến.

Do đó, sự quan sát trở nên chính xác và nhanh hơn. Chức năng ghi nhớ

nhANH và giữ được lâu hơn, tức là hình ảnh siêu nhiên hoặc tự nhiên được rõ nét hơn. Sự phản ứng của Trí suy nghĩ nhanh, nhờ vào hiệu quả của hai chức năng trên.

(Mộng: siêu Trí hoạt động. Người ít mơ mộng, các chức năng của Trí chậm hơn người có mộng.

Người không có mơ, mộng... là người đang tập “chơn không hóa” Tâm, Trí đến Thái cực để phát sinh Tuệ).

Liên quan đến đời sống thực tế, tư chất thông minh sinh ra các loại tài năng.

Như đứa bé có tư chất thông minh để thành một nhân tài thì từ nhỏ, đứa bé đó đã phân biệt được sự tốt xấu, đúng sai, phải trái.

Và nếu nó biết áp dụng sự phân biệt này vào Trí thông minh, nó sẽ trở thành một chân tài, vừa có tài năng, vừa có đức độ.

d. Tha tâm thông

Tha tâm thông là thông suốt được Tâm của người khác.

Khả năng này đòi hỏi con người phải thông suốt được Lương Tâm của chính mình trước đã. Vì mọi người đều giống nhau ở Lương Tâm, đều cùng có sự quan sát, phòng vệ của Thiên Tuệ, Thiên Tánh trong đó.

Tức là, con người đang sống trong trạng thái Vô ngã, chơn Ngã..., sự tha tâm thông được hiện thực bằng sự cảm ứng của những thể linh thiêng.

Nhưng thể linh thiêng nào trong con người tha tâm thông được và bằng chức năng nào?

- Thể sáng (sự Sáng) bao trùm mọi thể linh thiêng khác và đồng thời nó tiềm ẩn sinh động trong chúng.

Nó cảm ứng được mọi sinh động, chuyển động của mọi thể linh thiêng được chứa đựng trong nó.

Tức là, sự sống bao trùm mọi sức sống, và sự sống cảm biết được mọi sự sinh động và chuyển động của nó.

Trong tha tâm thông cũng vậy, “sự quang tỏa của sự Sáng của Trí thông minh của Vô ngã, chơn Ngã bao trùm cả tư tưởng, tâm trạng..., do đó, sự Sáng của Trí thông minh thâm nhập vào các năng lực, mới tha tâm thông được”.

Từ mức tiến hóa này, con người có thể trở nên thần thông.

Nhưng thần thông là gì?

- Là sự hiểu biết, thực hiện những việc lạ lùng ngoài khả năng của Nhục thân, Tâm và Trí. Nghĩa là, sự hiểu biết và việc làm thuộc về những gì liên quan đến những chức năng siêu việt của những loại thân nhẹ và mạnh hơn Nhục thân..., như siêu Trí, Tuệ, Khí thân, Điện thân và Quang thân, do những bộ phận vô hình trong đầu não, với năng lực điều khiển do chơn Ý, siêu Ý hoặc siêu siêu Ý.

- Tất cả những loại Ý đó, do “sự Sáng” tác động mà không còn ý thức nào nữa liên quan đến Nhục thân.

Hai khả năng siêu việt trên đều thuộc về sự cảm nhận của năng lực. Chúng sinh động bên trong, nhưng cũng bộc lộ ra bên ngoài bằng những thanh, sắc, bằng sinh hoạt và hành động.

Tâm hồn (Tâm, Trí) con người hiện ra ở mắt, ở miệng. Tức là, Tâm trạng và Trí trạng con người hiện ra trong ánh mắt, trong âm thanh của giọng nói, mà âm hưởng và cao độ của nó biểu lộ rõ ràng tâm trạng. Còn tư tưởng trong ngôn từ thì thể hiện Trí trạng.

Khi ánh mắt chẳng nhìn người, tai không trực tiếp nghe ngôn từ của tha nhân thì những tiếng động trong sinh hoạt cũng bộc lộ ra tâm trạng của con người.

Nếu Tâm trạng, Trí trạng con người không được nhận ra từ các giác quan, làm sao con người có thể tha tâm thông được?

- Tâm trạng, Trí trạng rung động bên ngoài bằng Khí, Huyết, thuộc dạng hữu hình. Trong sự rung động đó, còn có sự rung động siêu nhiên, siêu hình bên trong bằng Điện và sự Sáng. Nhờ trạng thái chơn không của Tâm, Trí, con người mới cảm nhận được Tâm và Trí của tha nhân, nên gọi là tha tâm thông.

“Tha tâm thông” là cảm thông được Tâm trạng và Trí trạng của tha nhân bằng năng lực siêu nhiên sinh động trong những lực tự nhiên.

Đây là *“sự cảm thông trực tiếp từ nguồn sinh hóa của Tâm trạng và Trí trạng của một người và những người khác qua trạng thái chơn không của Tâm, Trí”*.

e. Sự Sáng (thể Sáng) của Trí mở đường cho Trí khôn

Trí khôn con người được phát triển nhờ sự sinh động của sự Sáng. Nó mở đường cho con người vào cõi linh thiêng và mầu nhiệm, trong đó, con người cảm nhận được sự mầu nhiệm biến hóa cực to và cực nhỏ của những bộ phận vô hình và nhiều hiện tượng khác trong Tâm, Trí, Tánh, Tuệ, Lương Tâm v.v...

“Những gì biến hóa vô hình thì mầu nhiệm”, như Tâm, Trí con người, là những bộ phận vô hình.

Chúng có thể cực to, to vô tận, vô biên, và cũng có thể trở nên cực nhỏ, vô hình...

- *Tâm, Trí cực to như vũ trụ*: thì những gì có trong vũ trụ đều tùy thuộc, lệ thuộc vào nó. Nó có tính bao dung.

- *Ở thế giới hữu hình*: khi Tâm, Trí con người chỉ rộng bằng tầm nhìn của mắt mình thì Tâm, Trí cũng là không gian đó, nó đã bao trùm vô số đồ vật, và tạo vật rồi.

- *Tâm, Trí cực nhỏ*: nó phụ thuộc và lệ thuộc vào những gì bao quanh nó. Tất cả những thứ đó chi phối, ảnh hưởng đến nó, nhất là khi nó vướng vào một đối tượng hữu hình.

Hiểu được sự mầu nhiệm này, con người lựa chọn và sống theo sự lựa chọn đó.

“Tâm, Trí mầu nhiệm do đó, tức là sự mầu nhiệm biến hóa của sự cực lớn như vũ trụ và sự cực nhỏ như một vật hữu hình, hoặc một đối tượng nào đó mà

Tâm, Trí gắn liền vào”.

Nhiều người từng trải trong đời sống nội tâm, nhưng không tận dụng khai thác sự từng trải đó, vì vậy mất cơ hội tiến hóa trong lãnh vực mẫu nhiệm.

Như, “Tâm chơn không” con người, cũng vô biên và không có thời gian như vũ trụ.

Vũ trụ tự nó là không gian vô biên và không có thời gian.

“Tâm chơn không” con người cũng vô biên và không có thời gian.

Nếu con người mà vô tâm trạng, lúc đó con người cũng là vũ trụ vậy.

Sự rộng lớn đó do nơi Tâm vô biên vượt quá địa cầu, bao trùm cả mọi hành tinh, thì làm gì cuộc sống còn băn khoăn về thời gian, về thời gian địa cầu.

Như vậy, con người cứ sinh hoạt theo nhu cầu của Nhục thân, đói ăn, khát uống..., tùy nghi mà không bị thời gian ấn định theo sự suy nghĩ của Trí..., là có lúc bao tử chưa muốn chứa, mà miệng vẫn phải ăn, thì làm sao mà ngon miệng được.

Sự Sáng mở đường cho Trí khôn mà theo đó, siêu Trí cũng được mở.

Đây là quy trình tiến hóa của một sinh tạo có tính linh thiêng và mẫu nhiệm.

Tinh linh thiêng và mẫu nhiệm có trong sự biến hóa vô hình và siêu hình.

Những gì thuộc về siêu hình và vô hình là đối tượng của Trí suy nghĩ thì nó chuyên Trí sang chức năng của siêu Trí. Nó có sức hoạt động liên tục trong mọi thời gian, cả ngày lẫn đêm, cũng như khi con người thức và ngủ (Nhục thân mỏi mệt, cần ngủ, nghỉ..., ngay cả Nhục thân chết, siêu Trí vẫn hoạt động).

Nó phát triển như thế nào?

- Siêu Trí cũng có những chức năng như Trí.

Quan sát của siêu Trí không qua giác quan mà đưa sự quan sát của Trí ra ngoài.

Sự quan sát hướng vào trong, vào một đồ tượng vô hình hay siêu hình. Như quan sát Tâm vô hình; quan sát sự sinh động của Khí qua hô hấp; quan sát sự dao động của tâm trạng, cũng như sự hư không của Tâm, của Trí v.v...

Nhớ của siêu Trí, là sự ghi nhớ những hiện tượng vô hình hay siêu hình sinh động ngay trong Nhục thân, và những sinh động của những bộ phận vô hình, của những thể linh thiêng trong con người.

Sự suy nghĩ của siêu Trí không qua một quá trình với nhiều chức năng, nhiều giai đoạn như của Trí (cảm, biết, rồi sau đó suy nghĩ để hiểu).

Sự suy nghĩ của siêu Trí không qua sự cảm nhận những tín hiệu từ ngoài đưa vào. Siêu Trí ý thức ngay trong sự sinh động (1), ngay trong các hiện tượng bên ngoài, tức là Biết và suy nghĩ ngay trong sự Biết (trong trạng thái Biết), hay là “suy nghĩ ngay trong ý thức”.

(1) Trong những phương pháp luyện nội lực như Thiền định, các giác quan được đóng lại, Trí ý thức ngay sự sinh động vô hình bên trong, nó trở thành siêu Trí.

Hiệu quả:

Những đối tượng vô hình và siêu hình là những phương tiện để phát triển siêu Trí. Chúng thuộc về lãnh vực siêu Trí.

Rõ được lãnh vực của siêu Trí và hiệu quả của hoạt động đó, người ta tạo nên phương pháp để phát triển “siêu Trí năng”.

Đó là phương pháp “Hồi quang để quan sát” những sinh động trong con người.

g. Sự sinh động của đời sống siêu nhiên

Sự Sáng của Trí mở đường cho Trí khôn. Đến lượt, Trí khôn đưa con người vào đời sống siêu nhiên.

Đời sống siêu nhiên luôn sinh động bằng những bộ phận vô hình như Tâm, Trí. Cả hai đều trong trạng thái chơn không, còn Nhục thân chỉ là phương tiện để phục vụ cho tâm hồn và linh hồn thăng hoa (tiến hóa).

Nói cách khác, đời sống siêu nhiên chủ yếu sống bằng Tâm, Trí trong trạng thái Vô ngã.

Trái với trạng thái Vô ngã, với Tâm, Trí chơn không, là đời sống của bản ngã với Tâm “động”, hay Tâm “chơn không”, Trí “động”. Từ đó phát sinh sự dị biệt của mỗi cá nhân.

- Tâm “động”: là tâm tình (tình cảm) động, tức là ngũ tạng khí động.

Ngũ khí động: Ngũ hành động. “Nhân cơ” động, sinh ra Phước, Họa.

Dương khí: sinh hóa ra Phước. Dương khí trong con người sinh động ở thượng tiêu, từ tâm tình con người phát sinh từ sự Vui, Mừng.

Âm khí: sinh hóa ra Họa. Loại khí này sinh động ở trung tiêu và hạ tiêu, được sinh hóa từ tâm trạng Giận, Lo, Sợ.

Nhân cơ “động” sinh ra Phước, Họa (1). Tức là, Tâm động, sinh ra Phước, Họa cho Nhục thân.

- Tâm “chơn không”, Trí “động” (tư tưởng động loạn), Dương và Âm “động”, sinh hóa ra Đức hoặc Ác đức cho Tâm và Thân.

Đức này là “nhân Đức” có tính Thiện do sự toàn thiện của tạo hóa sinh ra, nên có sự may mắn xảy ra không do sự tính toán của con người, gọi là chơn Phước.

Ác đức do sinh linh, do con người, do tạo vật tạo nên. Rồi tự sinh linh, tự con người chiếm đoạt, chiếm hữu trong một thời hạn, một giai đoạn nào đó, không thuộc vào sự sinh hóa vĩnh cửu của vũ trụ.

Do đó, chúng không tồn tại.

(1) Thời nào và không gian nào, đa số con người sinh hoạt bằng Ngũ hành (ngũ tạng khí) ắt Phước, Họa phải xảy ra. Sống bằng Dương khí: được Phước; bằng Âm khí: Thiên tai, Địa ách.

{1} { Ngũ hành, Âm Dương trong con người còn động, hay là Tâm và Trí trong con người còn động, thì bản ngã còn động.
 ↓ ↓
 Tâm Trí

{2} { Ngũ hành, Âm Dương trong con người mà An, Tĩnh hay là Tâm và Trí trong người mà An, Tĩnh thì bản ngã không còn động.
 ↓ ↓
 Tâm Trí
 Bản ngã không còn động, tiểu vũ trụ sinh động, hòa nhập vào đại vũ trụ.

Ngũ hành, Âm Dương là năng lượng. Nhưng trong đời sống con người, nó là hiện tượng sinh lý của tâm trạng, trí trạng (của đời sống tinh thần, tâm lý), liên quan trực tiếp đến sự rung cảm của con tim. Hay là, sự rung cảm của con tim là hiện tượng sinh lý của tâm trạng, của đời sống tinh thần và tâm lý.

Sự bất ổn định của nhiều loại tình cảm là sự mạnh, hoặc yếu của đời sống tinh thần. (Nhu “Sợ” làm cho tinh thần yếu đi vì “Sợ” không tự chủ được, làm mất đi sự sáng suốt của Trí khôn. Không tự chủ được, con người mất đi “nhân quyền” – là quyền làm chủ của con người trên “muôn vật, muôn loài không có Trí suy nghĩ”...)

Với người sống bằng Âm Dương, ngưng “Ngũ hành”, mới cảm nghiệm được “Tâm khí” làm mát tâm hồn.

Trong một môi trường, nhiệt độ có lúc nóng, lạnh, ẩm, mát..., Nhục thân cảm nhận được những đổi thay của nhiệt độ.

Nhưng chỉ có Tâm mới cảm nhận được sự mát mẻ của Thanh khí của Chơn Tâm tỏa ra từ một đạo nhân vào không khí trong bất cứ một nhiệt độ nào.

Cho nên nói rằng:

“Chỉ “Tâm khí” làm mát tâm hồn,

“Bồng lai khí” tỏa từ “Chơn Tâm”.”

h. Sinh hoạt liên quan đến những thể linh thiêng ảnh hưởng đến tuổi thọ

Con người sống với nhiều loại sinh hoạt liên quan đến “những thể trong Nhục thân có trọng lượng”, và “những thể không có trọng lượng”, mà những sinh hoạt đó liên quan đến các loại thân.

Chính những sinh hoạt đó liên quan và ảnh hưởng đến tuổi thọ của mỗi người.

Sống nhiều bằng:

- Cảm giác, thuộc Huyết : tuổi thọ ngắn.

- Tình cảm, thuộc Khí : tuổi thọ dài.

- Tư tưởng, thuộc Điện : tuổi thọ dài hơn (vô trọng lượng).

- Lý, thuộc sự Sáng : hằng sống, (vô trọng lượng, vô trọng lực).

Do sinh hoạt bằng tư tưởng (Điện) mà các tu sĩ, khoa học gia... có tuổi thọ dài hơn người sống bằng tình cảm, bằng cảm giác.

Những người sống bằng Khí thân (địa tiên), Điện thân (tiên thiên) có thể di chuyển cách mặt đất, trên mặt nước một cách dễ dàng vì các loại thân này không bị hấp lực của địa cầu, nên họ sống lâu.

Nếu các phi hành gia vũ trụ du hành lâu ngoài bầu khí quyển của địa cầu, trong môi trường này, *“sự vô trọng lượng, vô trọng lực cũng gián tiếp làm cho các tế bào của họ sống lâu. Và họ sẽ sống lâu hơn bình thường”* (1).

1. Trong trạng thái vô trọng lượng, “oxy hóa” (oxydation) không xảy ra

Trong con người, Tâm, Trí đều chơn không, đó là trạng thái vô trọng lượng.

Ngoài con người, ở trạng thái vô trọng lượng (như ngoài bầu khí quyển), tức là trong môi trường không có không khí, hay là trạng thái không có không khí, nếu không có tâm trạng dao động (hay là nếu không có khí động), thì hiện tượng “oxy hóa” không xảy ra. Vì vậy, các tế bào chỉ còn Điện và sự Sáng sinh động, nên tế bào trẻ lâu, hay sống lâu.

Trong đại định, “Tâm, Trí đều chơn không” chỉ có sự Sáng của Trí sinh động. Hành giả chỉ ý thức về sự sinh động của sự Sáng mà thôi.

“Khi chỉ còn sự Sáng sinh động trong não bộ, hay là sự Sáng của Trí sinh động, đó là trạng thái vô trọng lượng toàn diện” xảy ra cho toàn thân tức là cho tất cả các loại thân.

Trong trung định, khi tư tưởng không còn dấy lên, chỉ có Điện (và sự Sáng tiềm ẩn) sinh động, đó cũng là trạng thái vô trọng lượng do Điện thân hoạt động. Ở trong trạng thái này, Điện thân có thể thoát ra khỏi Nhục thân do siêu Ý, mà ta gọi là phân thân.

Tóm lại, trạng thái vô trọng lượng gồm hai mức độ:

- Chỉ có Điện sinh động (trong đó tiềm ẩn sự Sáng).
- Chỉ có sự Sáng sinh động.

2. Hiệu quả diệu kỳ của trạng thái chơn không đối với sức khỏe

Trong con người, những gì còn trọng lượng, còn bị chi phối bởi luật Sinh và Diệt.

Còn cảm giác	: còn Sinh, còn Diệt	} thuộc địa cầu
Còn tình cảm	: còn Sinh, còn Diệt	
Còn Đất, Nước, Khí: còn Sinh, Diệt		

(1) Vô trọng lượng, vô trọng lực trong trạng thái Hư vô của Tâm, Trí ảnh hưởng trực tiếp đến sức sống và sự sống của con người.

Trong trạng thái Hư vô (chơn không) của Tâm, Trí, sự Sáng, Điện cung cấp trực tiếp năng lực cho các tế bào (mọi loại) mà không qua sự cung cấp gián tiếp của năng lượng trong thực vật.

Đây là một trong những nhân tố dùng để cải lão hoàn đồng.

Còn những gì vô trọng lực như:

Tư tưởng (1), (Điện), sự thông minh (sự Sáng) chỉ có } thuộc về vũ trụ
Sinh, nhưng không bị Diệt }

Liên quan đến sức khỏe, nhờ trạng thái vô trọng lượng trong một khoảnh khắc, với quan niệm sống trong Vô ngã, mà bệnh nan y của bệnh nhân được lành mau, nhờ Điện và sự Sáng tỏa ra khắp mọi tế bào.

Nói cách khác, trạng thái vô trọng lượng, và sinh hoạt trong sự vô trọng lượng làm cho các bệnh nan y được lành lại.

Hiện tượng này do sự sinh động của Tâm chơn không, Trí chơn không, tức là trong đời sống con người, lúc đó chỉ còn Điện và sự Sáng sinh động.

Nhân điện và sự Sáng sinh động, mà người bệnh cảm thấy mình như vô trọng lượng. Nhờ đó, mà nhân điện và sự Sáng tỏa ra khắp mọi tế bào. Tế bào mạnh lại, gốc bệnh tan.

(Định lý về sự mạnh, yếu của nội lực (bao gồm năng lực hậu thiên và tiên thiên) liên quan đến sức khỏe).

- Năng lực hậu thiên (Huyết và Khí) bị nhiễm trùng, hoặc yếu: các tế bào bị yếu, đau... phát sinh ra bệnh.

- Năng lực tiên thiên (nhân điện, sự Sáng) sinh động mạnh trong nội lực, các tế bào yếu, đau được phục hồi năng lượng, bệnh được lành, sức khỏe được phục hồi, và có thể tăng thêm, nếu bệnh nhân được tập, luyện năng lực tiên thiên).

3. Nguồn gốc của bốn thể, hay của năng lực trong đời sống

Trong con người, có bốn thể linh thiêng sinh động. Mỗi thể là một cõi giới, tương ứng, tương quan với mỗi cõi giới trong vũ trụ.

Sinh hoạt đời sống con người là cảm giác, tình cảm, tư tưởng và Lý. Chúng biểu hiện cho bốn cõi giới.

Nguồn gốc của chúng là:

Huyết : nguồn sinh hóa ra cảm giác.

Khí : nguồn gốc của tình cảm.

Điện : nguồn gốc của tư tưởng.

Sự Sáng: nguồn gốc của Lý (Trí).

Sinh hoạt của cảm giác, tình cảm, tư tưởng và Lý, là những năng lực sinh động có sức sinh động khác nhau. Vì vậy, thời gian tồn tại của chúng cũng khác nhau, dù cho Nhục thân còn sống hay chết, chúng vẫn tiếp tục sinh động theo sức sinh động của mỗi thể, và rút vào cõi giới tương quan.

(1) Những tư tưởng không thuộc về bản ngã, nhưng chỉ thuộc về Lý, chúng chỉ có Sinh không bị Diệt. Vì chúng không sinh hóa từ tâm trạng, không dính dáng đến Tâm. Nếu còn tâm trạng trong tư tưởng thì những tư tưởng đó xuất nguồn từ bản ngã.

Thí dụ: sinh hoạt chung của đời sống bằng cảm giác, tình cảm và tư tưởng, nhưng sinh hoạt của cảm giác chiếm nhiều thời gian và sinh động mạnh. Nó lôi cuốn Trí nhớ tạo ấn tượng mạnh do ở sự Sáng (thể Sáng) của Trí.

Do đó, dù Nhục thân đã chết, tan rã, sức sinh động của cảm giác do thể Sáng sinh động bên trong cảm giác đó vẫn tồn tại.

Dù cho Nhục thân không còn, nhưng đời sống (hay năng lượng) toát ra từ Nhục thân vẫn bị rút vào cõi nặng nề nhất của bốn cõi giới của vũ trụ.

Thí dụ khác: sinh hoạt thường xuyên bằng tư tưởng thuần túy (không tâm trạng), khi Nhục thân chết, tan rã, thì năng lực do sự sinh động của tư tưởng tạo nên vẫn tồn tại sinh động trong cõi giới nhẹ của thể Điện và sự Sáng.

Sinh hoạt con người bao gồm nhiều nhân tố, hay là sự tổng hợp của sinh lý, tâm lý, vật lý, tinh thần v.v... tạo ra nhiều loại hiệu quả, đưa sự tồn tại của năng lực vào cõi tương quan.

Hiệu quả tốt xấu, đúng sai, phải trái, Thiện, Ác, đúng Lý... của việc làm, lời nói đều do tư tưởng con người phát sinh. Nhưng tư tưởng do chơn Ngã hay bản ngã tạo nên.

Từ bản ngã: tư tưởng có thể Thiện, Ác, Độc..., vì nó liên quan đến Thân, Tâm, Trí của cá nhân.

Từ chơn Ngã: tư tưởng luôn đúng Lý, chẳng thiên về Thiện, cũng không nghiêng về Ác, vì nó liên quan đến Tánh, Trí và Lương Tâm của con người.

Lời nói, việc làm đúng với sự thật của sự việc... hoàn toàn đầy đủ, không thiếu sót.

4. Đặc tính của các cõi giới

Vô hình: - Tuyệt đối, Tâm, Trí siêu thoát.

- Sự sống sinh động mãi.

Hữu hình, siêu hình: - Còn đối tượng, còn so sánh (so sánh trong thuần Trí, chức năng của Trí tiến bộ, Trí thông minh tiến hóa, nếu Tâm có tâm trạng: sinh phiền não).

- Sức sống (có Sinh, có Diệt), tức là còn Động, còn Ngưng.

- Tính chất của sự Vui

Nó gồm có sự tương đối và sự tuyệt đối trong cái Vui.

- Sự tương đối trong cái Vui:

Do sự việc bên ngoài, do hiện tượng tạo nên làm cho sức sống trong Nhục thân sinh động. Con người cảm nghiệm được cái Vui. Nhưng sức sống không sinh động mãi. Khi sức sống ngưng sinh động thì niềm vui cũng ngưng.

Hay là, cảm giác, tình cảm, tư tưởng, do sự việc, sự kiện, hiện tượng hay sức sống tạo nên cái Vui. Khi sức sinh động của những yếu tố đó ngưng động thì cái Vui cũng dứt.

Đó là “tính tương đối” của cái Vui, do các sức sống trong Nhục thân sinh động. Cái Vui này từ những đối tượng bên ngoài đưa vào Nhục thân làm Tâm, Trí Vui.

(Ngoại cảnh qua các giác quan như vui tai, đẹp mắt được đưa vào Trí. Và Trí nhận ra cái Vui. Có cái Vui không cần đến ngoại cảnh, là cái Vui của Trí suy nghĩ, suy luận một đề tài có sự tiến hóa, cũng làm Trí Vui).

- Tinh tuyệt đối của cái Vui

Cái Vui tuyệt đối, ngược lại, từ trong truyền ra ngoài, từ sự sinh động của sự sống tỏa ra bên ngoài cho mọi sức sống.

Tức là, cái Vui có trong sự Sáng (thể Sáng) tỏa ra cho 3 hệ Điện, Khí, Huyết. Từ sự Cực lạc của Tuệ tỏa ra cho siêu Trí, Trí, Tâm, Thân, tức là tất cả tiểu vũ trụ đều Cực lạc.

Những bộ phận, cơ quan hữu hình, siêu hình, siêu siêu hình đều Cực lạc.

Nói cách khác, sự Cực lạc của Quang thân lan tỏa ra Điện thân, Khí thân, Thủy thân, Nhục thân – tất cả các loại thân tiềm tàng trong Nhục thân đều Cực lạc.

Sự Cực lạc xảy ra từ bên trong, “do sự trạng thái hợp nhất của Dương và Âm của sự Sáng trong não bộ (Thái cực)”. Nó không cần đến một đối tượng nào cả, dù là vô hình, siêu hình hay vô hình.

Từ sự Cực lạc của trạng thái Thái cực xảy ra trong não bộ, con người mới cảm nghiệm bản chất, bản tính và tính năng của vũ trụ trong chính mình.

Một tiểu vũ trụ vừa có sự sáng tạo, vừa là thụ tạo, vừa có sự sống và có những sức sống.

Sự sống do năng lực nguyên thủy (nguyên năng) sáng tạo mà có, và sức sống do cha mẹ tạo nên.

Con người được sinh ra, phải biết ơn, nhưng lấy gì để biết ơn?

- Lấy linh hồn để biết ơn Đấng đã ban cho sự sống, bằng cách tôn thờ, tôn vinh.

- Lấy tâm hồn để biết ơn cha mẹ, bằng sự kính yêu, hiếu thảo...

Thấu triệt được nguồn gốc sinh hóa của con người, đời sống chỉ có một quan niệm sống, là luôn sống trong sự lạc quan, trong cái Vui mang tính chơn thường:

Vui trong chơn thường (1)

Vui trong chơn thường, mấy ai “Ngộ”

Vui trong tâm trạng, tính vô thường

Vui trong tạo vật, sinh phiến nào

Vui trong Tuệ, Tánh, tất thành Đạo.

Nôm na mà nói:

“Vui trong những gì vô thường (đổi thay), chẳng vui lâu.

(1)Người nào “Ngộ” được tính chơn thường, và Vui trong tính chơn thường của Tánh và Trí (trong Hư vô và trong sự Sáng, và Vui mãi trong Tánh, Trí), ắt đắc Đạo vậy.

Vui trong ngoại cảnh, ngoại vật, chẳng vui lâu, vì chúng luôn đổi thay, không tồn tại...

Những gì chon thường tồn tại mãi..., mà Vui được trong đó, thì mãi mãi Vui.

Những gì thuộc về tạo vật thì vô thường. Những gì có trong sự sáng tạo, thuộc về sáng tạo, thì chon thường.

Vũ trụ thì chon thường, tạo vật của vũ trụ thì vô thường.

Con người – “một tạo vật, mang luôn ba đặc tính kỳ diệu, linh thiêng và mẫu nhiệm vừa có sự sáng tạo, vừa là thụ tạo”, cũng có tính chon thường và những cái vô thường.

“Chon thường” luôn sinh động là Trí khôn. “Vô thường” biến đổi là những gì thuộc về Thân, Tâm.

3. chon Ngã

chon Ngã là bản ngã của vũ trụ trong đời sống con người, theo sự diễn tiến từ bản ngã qua trạng thái Vô ngã. Trong trạng thái Vô ngã, mọi năng lực của vũ trụ sinh động, đặc biệt, con người ý thức được năng lực nguyên thủy (sự Sáng nguyên thủy) sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ trong sự Sáng của Trí thông minh.

Từ sự cảm nghiệm này, con người đưa vào sự ứng dụng trong đời sống, gọi là chon Ngã hay là Đạo ngã.

Đây là sự giác ngộ từ sự Sáng của Trí khôn.

Từ nhiều ngàn năm trước cho đến nay, các bậc siêu nhân giác ngộ đều do Trí khôn khám phá ra, hoặc do sự ngẫu nhiên trong sự đổi thay “từ Có sang Không” trong đời sống, mà “Hiếu tức thì”, chứ không nhờ vào những phương tiện nhân tạo của khoa học.

Hay là, cho đến nay, những phương tiện nhân tạo của khoa học không thể làm cho con người trở thành đạo nhân được.

Trong đời sống, con người xã hội luôn hướng “Trí quan sát” ra bên ngoài. Do đó, con người xã hội che lấp con người thật, hay là bản ngã che lấp chon Ngã.

Nhưng khi Trí quan sát hoàn toàn quay vào trong, bỗng nhiên chính mình lại thấy rõ con người thật của mình (thấy rõ chon Ngã).

Đây là trạng thái siêu nhiên, con người siêu nhiên siêu thoát khỏi con người xã hội. Ngay khi đó, mình sống bằng sự siêu nhiên. Nhẹ nhàng thay, linh hồn sinh động, và nặng nề, động loạn chính là Ta (cái Tôi của xã hội hình thành).

Thêm nữa, Trí quan sát quay vào trong, sự kỳ diệu của chon không xuất hiện. Linh hồn linh thiêng được toát ra từ tâm hồn, chẳng còn thấy sự nặng nề của thân xác nữa.

Linh hồn hoạt động nên nó linh hoạt. Linh hoạt nên nó có sức mạnh. Có sức mạnh mới dùng được.

Trí quan sát hướng vào trong, trạng thái chơn không hiện, chơn Ngã (Đạo ngã) là tiêu vũ trụ sinh động trong thực tại như đại vũ trụ.

Vũ trụ tự nó chẳng có tương lai, cũng không có quá khứ, mãi mãi sinh động trong thực tại.

chơn Ngã (Đạo ngã) cũng vậy, luôn luôn hoạt động trong thực tại. Do đó, đời sống của đạo nhân được nhận rõ qua tính cách thực tại của sinh hoạt, của hoạt động.

Hay là, chơn Ngã giống với vũ trụ ở tính cách thực tại.

“Thực tại ở Tánh và Trí thông minh, chứ không ở Tâm. Vì Tâm có tình cảm luân phiên xảy ra, tức là Tâm còn yếu tố thời gian khi tình cảm xuất hiện. (Những gì xuất hiện, tái hiện..., còn yếu tố thời gian, thì chúng thuộc về địa cầu).

Như vậy, mãi mãi sống trong thực tại, thì tiêu vũ trụ bằng với đại vũ trụ (do sự hợp nhất và cùng một tính năng).

Cho nên, chẳng cần phải dụng nhiều công, cứ luôn mãi sống trong thực tại, thì “tiêu vũ trụ cũng bằng với đại vũ trụ đang sinh động” (1).

Cũng có nghĩa là chơn Ngã là Càn khôn (là Trời Đất) có trong con người.

chơn Ngã là Càn khôn

Bằng tính gì, chơn Ngã sinh hoạt
Chỉ có Đạo, Đức, Phước mà thôi
Ba tính Càn khôn đồng bộ sinh
Cùng đại vũ trụ hòa nhịp tiến
Chẳng Vận, chẳng số, chẳng Sinh Diệt
Luôn đồ Thiên Ân cho muôn loài
“chơn Ngã Ý” xuất từ Thiên Lý
“Ta chẳng còn ta”, chính Càn khôn.
Cùng cực Hư vô, ba tính chẳng mất
chơn Ngã đúng thật là Càn khôn
Nếu đạo tính chẳng hiện hữu
Con người vẫn vướng vào Thiên Cơ
Khi Đạo, Đức chẳng còn sinh động
Chơn Phước ảnh hưởng trên Chơn Thân
Lúc ba tính Trời Đất cùng mất
Vận mạng mình chẳng thuộc về mình. (2)

(1) Trong các phương pháp để con người “đắc nhập vào sự sống” như Thiền định, Linh thao, Tọa vọng... mà sự sinh động của sự Sáng của Trí luôn thực tại, thì “sự Sáng Dương và Âm của Trí thông minh” hòa nhập, bức xạ toát ra thành Tuệ (thành sự Sáng hằng sống).

(2) Do Phước, Đức, Đạo của mình, con người có thể thay đổi vận, mạng của chính mình.

Nếu con người không sống bằng những tính của Trời đất nữa, lúc đó con người cũng giống như con vật, chỉ là vật hy sinh cho nhau mà thôi.

chơn Ngã là Càn khôn mà bản thể, của nó là sự Sáng (sự sống) hằng sinh động. Tạo hóa ban cho loài người “sự sống” trong Trí, tiêu biểu cho sự sống là sự “Hiếu, Biết”, mà con người không nhận ra giá trị tuyệt đối của nó.

Không biết được nguồn sinh tạo, nên vô ơn. Nếu một khi đã giác ngộ được Nguyên lý thì Thiên đàng, Niết bàn, vũ trụ đã sẵn có trong con người, hay là con người:

“Ngộ Đạo tại Ngã” (chơn Ngã)

Vũ trụ trong con người, ta chẳng thấy
 Thiên đàng, địa ngục cũng tại đây
 “Đạo” trong thể Sáng, sinh động trong não,
 Càng mất bóng Đạo, vì mắt nhìn ra.
 Thân, Tâm, Trí sinh động, đời dương thế,
 Siêu Tâm, siêu Trí, đúng cõi siêu nhiên.
 Tâm tử, đại định, “ngũ thân Cực lạc”, (1)
 Linh giác Toàn Kiến (2), khai Tuệ Toàn Trí
 Giác ngộ Nguyên Lý (3), vĩnh Sinh, vĩnh cửu,
 Tuệ nhập Nguyên Lý, tiến hóa vô biên.

Nói cách khác, Nguyên Lý (Đạo) là cốt lõi, hay sự sinh động trong Thiên Cơ (Vận của vũ trụ) và trong Thiên Năng (sự tăng, giảm của năng lực trong vũ trụ trong chức năng tiến hóa chỉ có “Sinh và Sinh mãi”, và trong chức năng tiến bộ, thì có “Sinh và Diệt trong sự sinh tồn”.

Trong Nguyên Lý, hay trong Đạo, có sự sinh động mãi mãi của Thiên Tuệ và Thiên Tánh.

Sự vận hành trong Thiên Cơ, và sự tăng giảm của Thiên Năng trong sự toàn hảo đều xuất nguồn từ Nguyên Lý (hay là Đạo) vậy.

(1) *Ngũ thân Cực lạc*: năm loại thân, là Nhục thân, Thủy thân, Khí thân, Điện thân, Quang thân, tất cả đều sung sướng cùng lúc. Sự Cực lạc tỏa ra từ sự hợp nhất của thể Sáng trong não bộ ra ngoài xuyên qua các loại thân khác.

(2) *Linh giác Toàn Kiến*: linh giác quan duy nhất của Quang thân là sự thấy toàn diện của 360°, bằng sự quang tỏa sự Sáng (thể Sáng) của Trí bức xạ vào sự Sáng nguyên thủy của vũ trụ. Và từ tâm quang tỏa rộng lớn mệnh mang đồ, mà nhìn vào, nên thấy toàn diện mọi tạo vật cực lớn như các hành tinh trong Thái dương hệ v.v... giác quan đó, gọi là “Tuệ nhãn”, tức là con mắt của siêu siêu Trí (Tuệ) với tầm nhìn toàn diện, gọi là Toàn Kiến. Đó là “con mắt một”, không phải là đôi mắt của Nhục thân.

(3) *Nguyên Lý*: Nguyên Lý cũng là Đạo, hay Đạo cũng là Nguyên Lý. Nó là chương trình của Đấng tạo hóa đặt trong thể Sáng (sự Sáng, sự sống) của vũ trụ, nó có trước khi sự tạo thành tạo vật trong vũ trụ, dưới dạng thể Sáng, Điện (năng lực tiên thiên), Khí, Thủy (năng lực hậu thiên).

Giác ngộ được Nguyên Lý, Trí khôn con người cảm nghiệm được sự hằng sống, và được soi sáng về sự hằng sống, về bản chất, bản tính và tính năng của sự hằng sống, với sự tuyệt đối của nó. Biểu hiện trong con người là “tính tích cực không ngừng của Trí khôn” trong mọi sinh hoạt, hoàn cảnh... mà “Ta chẳng còn là Ta nữa”, thì:

Chẳng cần Tu

Chẳng còn bản ngã, cần chi Tu
Hễ Vô ngã, sinh động Hư không
Hư không sinh động, Đạo lý hiện
Đạo ngã mà sống, chết cái Tôi.
Tâm trạng bộc lộ tính con người
Dứt tâm tư, tính Trời hiện ra
Linh thiêng màu nhiệm, sống linh hồn
Hòa nhập tính Trời, mới hết tu.

Con người, chỉ hoàn toàn sống bằng Nhục thân thì Tâm, Trí lệ thuộc vào sự nhỏ bé của không gian và thời gian liên quan đến sinh hóa của Nhục thân.

Nhưng khi con người từng trải được trạng thái Vô ngã, và sống bằng chơn Ngã, lúc đó hiện ra sự lớn lao vô biên của Trí khôn, mà thực thể của nó là sự Sáng.

Sự vĩ đại của con người là sự Sáng của Trí (siêu Trí, Tuệ) khi nó hòa nhập vào sự cực to lớn của Càn khôn.

Đây mới là “Tam tài hợp nhất hóa Càn khôn”.

Hay là:

“Sự Sáng hòa nhập Càn khôn”

Thiên đàng, địa ngục còn nơi, còn chốn
Còn nơi, còn chốn, *còn không gian*
Thiên Cơ chuyển động, tạo nên Vận
Còn diễn, còn tiến, *còn thời gian*
Thiên Năng, tăng giảm, sức biến đổi
Còn Sinh, còn Diệt, *còn vô thường* (1)
Cõi nào chẳng vương luật Sinh Diệt
Và thời gian lẫn cả không gian
Bao trùm tất cả mới vô tận
Khi nào chơn Ngã chính Càn khôn
Hợp nhất Tam tài, “Đại, tiểu hòa”
Sự Sáng, sự sống ngập vũ trụ
“Hư vô, Cực lạc”, mới vô sanh
“Tam tài hợp nhất”, hóa Càn khôn.

(1) Xin xem ở cuối trang 667.

Sự vĩ đại của con người là sự Sáng của Trí, nhưng nó vô hình. Sự sinh động vô hình của sự Sáng bên trong, con người không nhận ra, chỉ thấy cái Tôi (bản ngã) to. Quan niệm sống bám vào cái to lớn của bản ngã, vì vậy cá nhân đó không khám phá được những sinh động vô hình của vũ trụ trong bản thân mình. Có thể nói rằng:

“Con người to, cái Tôi nhỏ”

Con người thấy mình do di truyền
Chẳng biết nó xuất nguồn từ đâu
Thụ tạo sao hiểu được sáng tạo
Vì vậy, mới thấy cái Tôi to.

- Sống bằng cái Tôi (bản ngã), con người có rất nhiều kỳ vọng, tham lam cũng chẳng ít. Do đó, Trí khôn tạo nhiều khả năng cho những phương tiện đi xa, đi sâu, nhưng Nguyên Lý (Đạo) không thể nhận ra, không thể biết được bằng giác quan. Cho nên nói rằng:

“Viễn hành, “Đạo” biến”

Biển rộng, Trời xa, dấu chân người
Ngũ giác quan tăng dần Hiểu, Biết
Vô hình rộng lớn Tâm, Tánh, Trí
Địa cầu, vật nhỏ trong bầu to
Kỳ vọng, lòng người ôm vũ trụ
Như ánh sáng nhỏ soi Càn khôn
Mơ ước, tham lam làm lớn Trí
Luôn mãi thấy to trong tâm hồn.
Cực đại, cực vi, chẳng phân biệt
Tội nghiệp Trí lớn trong sức ngăn
Nếu rõ đường, dùng Thân, Tâm, Trí
“Hư vô hóa” chúng, Tuệ phát sinh
Hoàn toàn Cực lạc, nhập Nhất nguyên
Hằng sống, hằng hữu từ Quang thân.

- “Nguyên Lý chỉ có một”, “Đạo cũng là Nguyên Lý” sinh động bên trong con người, khác xa với đời sống bên ngoài.

(1) Tinh biến đổi, không tồn tại gọi là vô thường. Cảm giác, tình cảm, tư tưởng (thuộc bản ngã) luôn biến đổi ở tính chất..., con người dễ nhận ra. Nhưng với cái vô hình như “thời gian”, “không gian” rộng lớn, qua cuộc biến thiên cũng bị biến đổi... cũng là vô thường.

Bên trong, cái nhìn của Trí khôn hướng vào trong, con người cảm nhận được sự linh thiêng và mầu nhiệm.

Có sự tiến hóa của những bộ phận vô hình.

Bên ngoài, con người cảm nhận được sự kỳ diệu qua 5 giác quan luôn hướng ra ngoài. Có tiến bộ của Trí khôn. Nhưng với sức, và mức tiến bộ của Trí, cũng không thể nào hiểu được Đạo (Nguyên Lý).

Vì vậy, thực sự nói rằng:

“Đạo nan tri”

“Chẳng động, chẳng tĩnh”, tính Hư vô
Vào đại định, trước “chết cái Tâm”
Do nơi Tâm chết, Tuệ phát sinh
Tâm hư không, diệt lỗi Luân hồi
“Mầm Nghiệp” đa kiếp hết nầy sinh
Trong cõi hằng sống, chẳng còn ma
Còn đối đãi, hiện “Thiên, Âm ma”
“Thiện, Ác”, hai đường Luân lý dạy
Vướng một trong hai, “Đạo” khó vào
Lương Tâm toàn thiện, dụng việc đời
Thế gian dễ hiểu, “Đạo nan tri”
Vô hình sao hiểu, lòng thêm nặng
Cứ mãi suy nghĩ, chẳng rõ đâu
“Độc, Biết đạo sự” đến trăm lần
Chẳng bằng một giây, thông Lý Đạo
Nếu muốn tường tận, kiến đạo nhân.

a. Sinh hoạt của chơn Ngã

Sinh hoạt của “chơn Ngã” hay của “Đạo ngã” hoàn toàn khác với sinh hoạt của bản ngã.

Nó liên quan đến nhiều vấn đề, nhiều lãnh vực, đến cách sống, cách cư xử bao gồm cả ba đời sống vật chất, tinh thần và tâm linh v.v... tất cả với sự toàn diện với sự sinh động của sự Sáng của một chơn Ngã luôn hiện hữu.

“chơn Ngã luôn hiện hữu” từ trạng thái Hư vô của con người (của Thân, Tâm, Trí) mà “siêu siêu Ý thức” ý thức được sự sống vĩnh cửu sinh động, khi mới sức sống trong con người ngưng động hoàn toàn.

Sự sống vĩnh cửu này có từ nguyên thủy và sinh động cho đến vô tận. Nó là năng lượng nguyên thủy có trong con người. Nhờ trạng thái Hư vô, và nhờ có nó, con người mới hòa nhập được với đại vũ trụ, hay là “vật thụ tạo có sự sống” hòa nhập vào sự sáng tạo.

Đây là sự sinh động của sự Sáng thuần túy khi sự Sáng hoàn toàn tụ về não không còn can dự vào những chức năng của Thân, Tâm, Trí.

Sự Sáng (thể Sáng) là năng lực cơ bản của các loại Trí. Nghĩa là, các loại Trí (siêu Trí, Tuệ) hoạt động được là nhờ ở sự Sáng.

Các chức năng của Trí ngưng hoạt động nhưng sự Sáng không ngưng động, vẫn tiếp tục sinh động một cách tự động để tăng năng lực.

Sự Sáng thuần túy “tự sinh động”. Đó cũng là Trí thông minh duy nhất sinh động, còn các chức năng khác của Trí đều ngưng động.

chơn Ngã sinh động cũng là Trí thông minh sinh động. Hay là, sự sinh hoạt của chơn Ngã, và sự sinh động của nó, là Trí thông minh thuần túy sinh động vậy.

Với sự thông minh thuần túy sinh động, con người mới thật sự làm chủ lấy mình, và khách quan khám phá ra những sự việc, trạng thái như “Động, Tĩnh, Hư vô và sự Động trong Tĩnh v.v...” và những trạng thái tỏa ra bên ngoài như thế nào?

- Sự “Động” bên trong tỏa ra bên ngoài cũng “Động”.

Sự “Động” tỏa ra ngoài được nhận ra từ ánh mắt, âm thanh trong giọng nói, trong động tác của thân thể và tứ chi.

- Sự “Tĩnh” từ trong tỏa ra, bên ngoài cũng “Tĩnh”.

Nó cũng được nhận ra từ mọi sinh hoạt, liên quan đến ánh mắt, giọng nói, trong động tác của thân thể và tứ chi...

- “Sự Hư vô” cũng vậy, nhiều nhất là ánh mắt.

Đây là sự quan sát của một người đối với một cá nhân.

Trong thực tế, người đang sống trong Hư vô, “cái Có trong Hư vô cũng là Không”, nhưng luôn cảm nhận được sự sinh động toàn diện của vũ trụ trong chính mình, chẳng còn sự nhận định riêng rẽ Trong và Ngoài.

“Dùng Hư vô” trong sinh hoạt thì đối nhân, đối tượng liên quan đến sinh hoạt sẽ không có phản ứng tâm lý, không có sự đối kháng.

Đây là sinh hoạt của “Động trong Tĩnh”, hay của “sự cực Động của sự Sáng trong Tĩnh”, tức là “Trí cực động, với Tâm cực tĩnh”.

Tất cả đời sống bằng bản ngã, chơn Ngã, từ bên trong đều tỏa ra ngoài bằng ánh mắt, âm thanh. Chúng biểu lộ đời sống bên trong.

Sinh hoạt phong phú của con người biểu lộ trong âm thanh nhiều hơn là trong ánh mắt. Vì người ta có thể nghe nó trong mọi thời của thế giới tự nhiên.

Âm thanh biểu lộ tâm trạng, nội tâm, trạng thái Hư vô trong trạng thái Tĩnh và trong “Động và Tĩnh đồng bộ”.

(Biểu lộ tâm trạng: do ngoại cảnh đưa vào Tâm, Trí. Nó tạo nên tâm trạng và tư tưởng.

Trong tư tưởng có tâm trạng của bản ngã được bộc lộ ra ngoài bằng âm thanh trong ngôn từ của sự đối thoại.

Ngoại cảnh ảnh hưởng đến tâm hồn sinh ra tâm trạng, tư tưởng. Vì vậy, mà con người không làm chủ được mình.

Có hai cách biểu lộ tâm trạng: trực tiếp và gián tiếp.

- *Biểu lộ tâm trạng trực tiếp*: do ngoại cảnh, tâm tư được biểu lộ trong ngôn từ.

- *Biểu lộ tâm trạng gián tiếp*: do ngoại cảnh gợi lại trong Tâm, Trí như ký ức. Từ ký ức đó, tâm tư nổi lên và được diễn tả, như trong các ngành nghệ thuật).

Nội tâm: tư duy nhiều, không tâm trạng dao động, nên âm thanh nhẹ, đều, không có nhấn âm, không nhanh: Tâm an. Bàn ngã ít bộc lộ ra ngoài.

Đời sống thuộc về nội tâm. Sinh hoạt là tâm trạng và tư tưởng thiên về nhân loại nhiều hơn là bản ngã. Nếu bộc lộ ra ngoài, nó được diễn tả dưới dạng nghệ thuật.

Trạng thái Hư vô: Không muốn nói nữa, và chẳng muốn nói một điều gì thuộc về mình. Tâm chơn không, bản ngã không còn, không còn tâm trạng riêng tư của mình để diễn tả.

Nếu có nghe những điều gì liên quan đến mình, dù cho là lời khen, lời xúc phạm (theo ý nghĩ của phàm tâm), thì vẫn nghe, nhưng Tâm không động. Nếu có thấy thì chỉ thấy không để ý nhìn, Tâm vẫn không động.

“*Vô tâm trạng hoàn toàn*” là *Vô ngã*. Nếu “*Vô ngã*”, con người còn sống bằng tình cảm nữa hay không, hay là con người trở nên vô tình?

- Nếu không sống bằng tình cảm, trở nên vô tình, làm sao có thể sống hòa hợp với tha nhân, đời sống xã hội sẽ không có.

Đây là, “*đời sống xuất thế hoàn toàn*” – một đời sống cô lập với xã hội.

Sự tiến hóa của con người không thể dừng lại ở chỗ Vô ngã, mà phải chuyển sang một đời sống rộng lớn hơn, liên hệ đến cả nhân loại. Đó là “*đời sống của chơn Ngã*” (Đạo ngã) – một con người sống bằng Lương Tâm với tình cảm chung của loài người, mà nguồn gốc của loại tình cảm này là Tình Thương.

Và đó là nơi phát sinh ra sự sáng tạo “*Thiện hóa*” được tâm hồn của con người.

1. Sự khác biệt giữa sinh hoạt của bản ngã và chơn Ngã

- Sinh hoạt liên quan đến Thân, Tâm thì sinh hoạt đó thuộc về bản ngã.

Chẳng còn gì liên quan đến Thân, Tâm, thì Trí không thuộc về bản ngã nữa.

Trí không phục vụ cho bản ngã, nó trở nên tự do và rộng lớn, mới phục vụ cho lợi ích của nhân loại được.

Loại Trí này mới sáng, mới mạnh. Nhờ đó mà Thần, Hồn, Vía được cường hóa. Cho nên nói rằng:

“Chẳng vươngong Thân Tâm... Trí cực sáng

Âm Dương sinh động, biến Ngũ hành

Vô Họa, “Chơn Phước, Đạo, Đức” hiện

Linh thiêng, mẫu nhiệm, đứng đạo nhân”.

Sự khác biệt giữa hai loại sinh hoạt càng rõ ràng, tức là bản ngã thuộc “*Đời*”,

chơn Ngã là đời sống của “Đạo”.

Đời và Đạo chỉ khác hướng đi, hướng nhìn của chính mình.

“Đời, Đạo chỉ khác hướng đi”

Bước ra là đời, bản ngã hoạt động

Đi vào là Đạo, hình thành chơn Ngã

Hướng Tâm, Trí ra ngoài, là phạm nhân

Đạo nhân đưa Tâm, Trí vào trong

Bên ngoài, sự việc biến động vô tận

Bên trong, Hư vô cực An, Lạc.

(Đưa Tâm, Trí vào trong, không dùng đến nữa, nhưng chỉ có Lương Tâm và Thuần Trí đem ra ứng xử, tiến hóa Đời).

Hư vô làm mất bản ngã

Bản ngã tan biến, chơn Ngã sinh.

(chơn Ngã sinh: cũng giống như hạt giống phải tan rã, mầm non mới nảy sinh. Cõi tự nhiên bé nhỏ phải mất đi, vũ trụ mới hiện ra.)

Sự việc trần thế vô tận diễn

Tâm, Trí vương bận, luôn động loạn

Đoạn tuyệt thế sự, Tâm tắc tử (1)

Xóa sạch ký ức “tiềm sinh động”

Chùng tử Luân hồi, Thiện, Ác tan.

Chẳng còn bản ngã thì cái gì sinh động?

- Chẳng còn bản ngã của phạm nhân, chỉ còn Tánh, Trí thuần túy hoạt động. Mặc dù Nhục thân vẫn còn đó, nhưng con người đã thuộc vào hàng sinh linh rồi (có thể là Thần, Tiên, Phật, Thánh).

Trí quay vào trong hoạt động trong cõi giới siêu nhiên hoặc siêu siêu nhiên, Trí tiến hóa, thành siêu Trí hoặc Tuệ.

Sự diễn tiến của sự tiến hóa của con người từ bản ngã, đến Vô ngã, rồi đến chơn Ngã.

Bản ngã vào Đời, Vô ngã nhập Đạo, trong Đạo chỉ có Tình thương.

- *Bản ngã là Đời.* “Đời”, luôn mãi có tranh chấp. Có tranh chấp, có hơn thua.

Có hơn thua, ắt phải có toan tính, có giải pháp.

Hơn thua, để rõ tài cao thấp, phải dùng đến Trí suy nghĩ.

Hơn thua để trút hận, trả thù..., thì Tâm sâu, Trí suy nghĩ, toan tính. Cho nên, “Tâm sâu”, “Trí thông”.

- *Vô ngã nhập Đạo.* Trong Đạo, không có tranh chấp nên không có hơn thua. Do đó, chẳng có “Tâm sâu, Trí thông”. Hay là:

(1) Phạm nhân lo sợ Nhục thân đoạn thọ. Đối với đạo nhân, “phạm tâm” phải chết, Tuệ phát sinh trong sự Cực lạc.

“Vô ngã là vô đối tượng”. Vô đối tượng, nên chẳng còn đối tượng để tranh chấp.
Trong Đạo chỉ có Tình thương.

Đem Đạo vào Đời là đem Tình thương vào đời sống xã hội.

Nếu nhân tâm sinh động bằng Tình thương, làm gì còn Sầu, Thống trong đời sống con người.

“Đời” phải cần đến giải pháp hơn thua, thắng bại. Từ đó sinh ra cái Vui của người thắng, cái Sầu khổ của người bại. Cứ như vậy, “Đời” sinh ra vô vàn, vô tận thống khổ, sầu bi.

Đạo: không có sự thắng, hơn người khác, mà chỉ có sự thắng lấy chính mình, nên tiến hóa trong đó, và chỉ có cái Vui của linh hồn, của đời sống tâm linh, mà chẳng Sầu, chẳng Khổ.

Cái Vui này do tính Thiện toát ra.

Sự Thiện trong một thụ tạo như con người, *lúc nào cũng sinh động, thì sự Thiện đó mới đạt được mức toàn thiện, trọn vẹn trong tạo vật đó*. Dù cho tạo vật đó không còn hiện hữu hay bị hủy diệt đi, nhưng “tính toàn thiện” của tạo vật đó vẫn tồn tại mãi.

Sự sinh động tồn tại mãi, nó mới tạo ra sự vĩ đại của sự sinh động đó.

Chưa nói đến đạo tính, ở địa cầu, sự vĩ đại của con người được tạo nên do những đức tính. Và những đức tính này xuất nguồn từ lòng yêu thương tha nhân (hay cao hơn nữa, là lòng yêu thương nhân loại).

Lòng yêu thương tha nhân phát sinh ra những đức tính. Chúng tạo nên sự vĩ đại của con người (sự vĩ đại của tâm hồn, hay của linh hồn).

(Các bậc vĩ nhân sống bằng đức tính, luôn hưởng được chơn phúc, dù có gặp phải tai ương cũng được người cứu).

Cho nên nói rằng: “Đức dày, Họa chẳng lọt”, tức là, nếu Đức Bi sinh động chẳng ngừng, tai họa không thể lọt vào sinh hoạt, vào cuộc sống được.

Như cánh quạt xoay nhanh, những vật có tốc độ chậm không xuyên qua được)

Đời sống của những người sống bằng đức tính khác hẳn với người thường sống bằng tình cảm.

Tình cảm làm cho tâm hồn rung động, nhưng không thể làm cho linh hồn mạnh được. Chỉ có Tình thương mới làm cho linh hồn mạnh được.

Nó là phương tiện để tiến hóa đời sống và sự sống con người.

Sự cảm nghiệm này được nhận ra từ cách sống của mỗi cá nhân.

Tình thương sinh động (1), Ác tính, Độc tính bị đẩy lùi.

“Tình thương” lớn nhanh hơn “Ác tính, Độc tính”, cũng như cỏ không thể lớn nhanh hơn lúa được.

Nơi nào có lúa mọc, cỏ không thể mọc nhiều được.

(1) *Đạo nhân sống bằng Tình thương, và dùng Đạo lý để gieo Tình thương.*

Cũng vậy, trong con người và “môi trường nhân sinh” nào có Tình thương sinh động, và cang sinh động, trong cá nhân, và nơi đó, Ác tính và Độc tính bị đẩy lùi, hay là “bản tính của Tội” bị đẩy lùi, hay bị xóa đi.

Trong xã hội, có người, vì biết rằng mình đã phạm tội, ăn năn, thống hối, tự đánh mình. Nhưng Nhục thân không chủ động phạm tội, tại sao lại đánh nó. Đó là do Tâm, Trí con người. Nếu phải sửa, phải trừng phạt, thì phải sửa, phải phạt từ gốc tạo ra tư tưởng và tâm trạng. Đó là tâm hồn vậy.

Bản tính của tội là gì?

- Là sự Hung, Dữ, Độc, Ác. Tất cả đều gây ra sự đau đớn, khổ Tâm, thống Trí cho tha nhân và cho sinh vật có cảm giác.

Ở con người, những tính này do lòng vị kỷ (vì mình) mà phát sinh.

Tất cả những tính này đều là Ác tính.

Nếu Ác tính được duy trì trong con người, và làm cho nhiều người sống bằng Ác tính, nó sẽ trở thành Ác đạo.

Nhưng làm sao để Ác tính không nảy sinh, và sinh động?

- Chỉ có một cách, là dứt lòng vị kỷ.

Dứt lòng vị kỷ, là Ác tính hết sinh động. Nhưng nó vẫn tái sinh động nếu lòng vị kỷ nổi lên.

Ác tính chỉ có thể tuyệt mầm nảy sinh khi lòng vị tha (vì người khác) sinh động mà nguồn gốc của nó là Tình thương trong đó sinh động Thiện tính.

Tóm lại:

- Lòng vị tha mà sinh động thì vị kỷ mất đi.
- Thiện tính sinh động, Ác tính ngưng.
- Tình thương sinh động thì sự Hung, Dữ, Độc, Ác... chẳng còn.

2. Đạo lý trong chơn Ngã (Đạo ngã)

chơn Ngã (Đạo ngã) khám phá ra hiệu quả của Đạo lý.

“Thiện hóa” Tâm người, “thánh thiện hóa” “Trí suy nghĩ” con người, “Đạo lý” không có sự khiển trách, trừng phạt, hăm dọa.

Lời lẽ trong “Đạo lý” nhẹ nhàng, dịu dàng, vậy mà nó làm cho con người dễ dàng tiến hóa, quả thật là diệu pháp.

(Dùng Lý lẽ để soi sáng cho “Trí khôn” suy nghĩ).

Tóm lại:

Phương pháp dạy người bằng sự khiển trách, trừng phạt, hăm dọa... không làm cho con người tự suy nghĩ lấy hành vi của mình, để tự nhận ra được sự đúng sai, phải trái, tốt xấu... của tư tưởng mình.

Nó chỉ làm cho con người lúc đó trở nên lì lợm, ù lì, và liều lĩnh hơn.

Hơn nữa, nếu những lời khiển trách dựa trên sự biến đổi của tâm trạng thì sự xét đoán không chính xác.

Vì những ý nghĩ, lời nói, hành động từ sự không bình thường, thiếu sự sáng suốt của Trí khôn, như đang trong cơn giận, mê muội, vì đam mê, trong sự thất vọng v.v... chúng không có tính cách xác định cho mọi thời gian, con người không thể căn cứ trên đó, xét đoán, hay định đoạt những biện pháp, tức là chưa thể xác tín vào đó mà xét đoán, khiển trách...

Với phương pháp này, muốn người nghe mình nói, dù nói nhiều điều, nhưng người ta không muốn nghe, không chú ý. Bởi vì những điều nói ra, người ta đã biết, và không có gì làm cho người ta thông minh hơn.

Trái lại, chỉ một câu nói, người ta đã muốn nghe, cần nghe, hay cao hơn nữa, là cần được nghe. Vì trong câu đó, có những ý lạ lùng khiến người nghe phải suy nghĩ, thấy thú vị, và Tâm, Trí được soi sáng, cho nên người ta muốn nghe, cần nghe và cầu được nghe.

Con người cầu được nghe, và thích nghe Đạo lý, vì ngôn từ phát ra, hoàn toàn bằng “Âm” của Tánh và Trí, chứ không bằng Thanh.

Trong Thanh, có Âm. Trong Âm có tư tưởng, tâm tư.

Dù là bên ngoài nhưng âm thanh của tiếng nói, bộc lộ ra bản tính của Tâm, Tánh, Trí bên trong.

Trong bản tính của chúng, sự sinh động đã tạo thành Phước, Họa, Đức, Ác đức, Đạo... rồi.

Ngoài bản tính của những bộ phận vô hình kể trên, có những âm thanh toát ra từ bản năng của Nhục thân như tiếng kêu, rú, rống... như cầm thú.

Âm thanh từ bản tính của Tâm

Bản tính đặc thù của Tâm là Tâm trạng. Có nhiều tâm trạng: đơn thuần và phức tạp.

Đơn thuần là một tâm trạng của một loại tình cảm như giận, lo, sợ v.v...

Phức tạp là sự phối hợp nhiều tâm trạng nổi lên cùng lúc (như lo và sợ cùng lúc, hoặc ghét và tức giận, hay ghét và hận...).

Dù nhiều đến đâu, chúng cũng chỉ thuộc vào hai loại Phước, Họa... mang đến cho đời sống con người.

Phước, Họa là hậu quả của tâm trạng. Nếu tâm trạng đó trở thành sinh hoạt thường xuyên của đời sống thì Phước, Họa cũng gắn liền vào đó mà sinh động.

Nếu cường độ của tâm trạng tăng lên, lực vô hình cũng tăng lên thì mức độ của Phước Họa theo đó mà lớn lên.

Âm thanh của Tánh

Tánh liên quan đến Trí, chẳng có sự can dự của Tâm, cho nên là vô tâm trạng trong âm thanh.

Không phải tất cả trẻ thơ đều có loại âm thanh này.

Chúng chỉ có “sự Biết của Trí khôn” trong sinh hoạt. Âm thanh này cũng vương tâm trạng, tiềm ẩn sự sinh động của quá khứ, vương vào Ngũ hành.

Chúng lọt vào vòng Phước, Họa.

Trẻ nào biểu lộ “sự Hiếu của Trí khôn” trong sinh hoạt, âm thanh trong suốt, vô tâm trạng. Chúng lọt vào vòng Đức, nên hưởng được chơn Phước.

Âm thanh của chơn Ngã (Đạo ngã)

Âm thanh của chơn Ngã (Đạo ngã) được tạo nên từ trạng thái Vô ngã, nên không còn tiềm ẩn sinh động của Ngã hành, không còn tâm trạng trong đó.

Nó thuộc về sự sinh động của Âm Dương trong âm thanh. Trong đó, bao gồm Đạo, Đức, Phước, nhưng tùy theo đối tượng, đối nhân trong sự giao tiếp mà nó tỏa ra Đạo tính, Đức tính hay Phước tính... cả ba đều chứa đựng Đạo lý để tiến hóa con người.

Ngoài mục tiêu tiến hóa con người, trong sự giao tế chỉ có chân tình, không mang tính lịch sự như người đời thường dùng.

Tuy lịch sự trong giao tế, luôn có nghi thức ngoại giao, nhưng nó không bộc lộ được chân tình.

Chân tình trong thiện cảm, không nghi thức, nhưng đơn sơ, hồn nhiên trong tiếp xúc, không có hậu ý, cho nên sự thông cảm, thân thiết tăng lên. Vì vậy, mối liên hệ trở nên lâu bền.

Cho nên nói rằng:

“Lịch sự, nghi thức, kiêu cách... trong giao tế, chỉ tìm nơi dễ gặp, dễ đến, tìm người quen, dễ biết...”

Chơn tình, đơn sơ, hồn nhiên trong tiếp xúc là dễ có bạn”.

“Bạn” là người làm cho ta có sự thông cảm, thân thiết trong sự tiếp xúc lâu dài, trong sinh hoạt của đời sống.

Đạo lý trong chơn Ngã, chỉ có Lý, Trí sinh động, đời sống siêu nhiên.

Trong sự tiếp xúc với tha nhân, Lý, Trí và Lương Tâm sinh động, tức là đưa đời sống siêu nhiên vào đời sống tự nhiên, hay là đưa trạng thái siêu thoát vào nhân trần.

Trạng thái siêu thoát, chỉ có vậy thôi. Ứng dụng vào xã hội, cũng chỉ có vậy.

Sự ứng xử.

Thiên tính (Tánh của vũ trụ) và Nhân tính trong chơn Ngã được đem ra ứng xử đúng nơi, đúng lúc, thích hợp với hoàn cảnh và trường hợp, với những sự kiện, hay sự việc quan trọng trong đời người, tức là “tính quan trọng của một lần”, hay là “tính quan trọng của cái Một”.

Những sự kiện hay việc gì chỉ xảy ra một lần trong đời người là quan trọng như hôn lễ, tang lễ, sinh nhật đầu tiên, ngày sinh..., thì không thể vắng mặt được.

Còn những gì xảy ra nhiều lần trong đời thì không quan trọng bằng.

Cách ứng xử từ sự hiểu biết rộng lớn vào việc nhỏ thì dễ, nhưng từ hiểu biết giới hạn vào việc lớn sẽ mắc phải sai lầm, thiếu sót...

Cách ứng xử của Thuần Trí, Tuệ với Trí khôn của tha nhân là: khôn ngoan

hơn sự qui quyết, và khôn hơn sự khờ khạo, ngu dại.

- Khôn ngoan hơn sự qui quyết: tránh được những bất lợi, độc, ác... của sự qui quyết gây ra.

- Khôn ngoan hơn sự khờ khạo, ngu dại: hướng dẫn con người để tiến bộ, tiến hóa. Giúp họ những sự thuận lợi.

(Sự khờ khạo, ngu dại bị sự khôn khéo của sự qui quyết khuất phục. Chỉ có sự khôn ngoan mới khám phá ra cam bẫy của sự qui quyết là chước, mưu.

Chước: dùng để gạt, lừa đảo người.

Mưu : lập trước chước, lược, kế hoạch để chiếm ưu thắng).

Sự khôn ngoan trong chơn Ngã (Đạo ngã) không có mâu thuẫn, tranh chấp, mà chỉ giúp cho tha nhân những thuận lợi, chỉ phương tiện, giải bày những phương pháp để tiến hóa như “Thiện hóa”, “thánh thiện hóa” và “thông thái hóa” Trí khôn con người.

- “Thiện hóa” tâm hồn con người: dùng giáo lý, Đạo lý để dạy.

- “Thánh thiện hóa” tâm hồn, linh hồn con người có Đạo lý, được mạc khải.

- “Thông thái hóa” Trí khôn con người: đại định.

(Thông thái gồm có 2 bậc: thông thái của một ngành, nghề và sự thông thái toàn diện.

- Các nhà thông thái của mỗi ngành, nghề: phải suy nghĩ, rồi mới hiểu được Lý, phải tốn nhiều thời gian.

- Thông thái toàn diện (Toàn Trí): Hiểu ngay Nguyên Lý của vũ trụ mà chẳng cần đến sự suy nghĩ. Không cần đến nhiều thời gian.

Đây là sự Hiểu từ căn nguyên, từ vũ trụ..., không cần có đối tượng để suy nghĩ).

Trong đời sống thực tế, hiệu quả của sự thông thái toàn diện dễ nhận ra, như khi con người đang Hiểu thì không có Họa xảy đến, và “chơn ý” được hiện thực.

- Hai hiện tượng này đều do sự Sáng (thể Sáng) đang sinh động, đang sinh hóa, và đang hiện thực “chơn ý”.

Ngũ hành với chức năng sinh khắc của nó không ảnh hưởng được con người khi sự Sáng đang sinh hóa với bản tính linh thiêng và mẫu nhiệm của nó.

Tức là, “Khi con người Hiểu, sự linh thiêng và mẫu nhiệm trong sự Sáng đang sinh hóa. Nó hóa giải mọi nhân phước, nhân họa”.

Cho nên, muốn linh thiêng và mẫu nhiệm, Thuần Trí luôn hoạt động với sự Sáng, tức là “Trí khôn” phải luôn luôn sáng suốt trong mọi sinh hoạt.

Đến đây, sinh hoạt của con người không bị giới hạn ở cõi tự nhiên nữa, mà là sự phi thường xảy ra trong sự bình thường do ở sự sinh động vô hình. Đến sự Biết cũng vậy, không qua sự trưng thu của giác quan, tức là có thể biết trước những điều, những sự việc sẽ phải xảy ra.

Điều này chẳng phải là hoang đường, hay mê tín, dị đoan. Nó là một thực tế được biết trước bằng Khí thân, Điện thân hay Quang thân.

Những loại thân này có sức sống lâu hơn Nhục thân, tức là thời gian sống của chúng bao trùm cả quá khứ và tương lai của Nhục thân.

Các loại thân này chứng kiến được những hình ảnh đã xảy ra trong quá khứ, và cả những hình ảnh, hiện tượng sẽ xảy ra trong tương lai.

Sự hiểu biết được mở rộng ra trong nhiều cõi giới với những loại sinh hoạt được cảm nhận từ sự thông thái toàn diện qua nhiều loại thân tiềm ẩn sinh động trong nhiều loại thân, tùy lúc mà xuất hiện.

Chúng là những sinh linh đã có sức sống và sự sống trong Nhục thân, nhưng chưa thoát ra ngoài để có một đời sống riêng biệt, vì Nhục thân còn sống, chưa ngưng động hoàn toàn hay tan rã.

Nhục thân có sự cảm khoái, đau đớn, nhưng sinh linh chỉ có Lạc, Sầu, Thống. Đó là sự rung cảm của sinh linh không có Nhục thân, và cũng là những gì liên quan đến nhân tố hình thành đời sống của những sinh linh đó là: Khí, Điện, sự Sáng.

Huyết : cảm khoái và đau đớn của cảm giác.

Khí : “Lạc, Sầu” của tình cảm.

Điện : “Lạc và Thống” của tư tưởng.

Sự Sáng: “Cực lạc” (trong khi giác ngộ, đắc đạo). Sự “Cực lạc” ở trong trạng thái “Không”, chứ không phải trong cái “Có” (cái Có hữu hình còn đếm, còn đo lường được, dù to lớn... cũng là cái nhỏ so với cái “Không”).

Sự Cực lạc của con người ở trong trạng thái Hư vô của 3 cõi giới Thân, Tâm, Trí. Trong trạng thái Hư vô đó, chỉ có sự Sáng duy nhất sinh động. Nó cũng là sự Sáng của vũ trụ sinh động. Và đó cũng là sự Cực lạc của sự sinh động của vũ trụ luôn có mãi, mà con người đồng cảm vậy.

Trạng thái Hư vô trong con người như thế nào?

- Chẳng còn một hình ảnh, một tư tưởng, một tình cảm, một cảm giác nào... xuất hiện trong Trí con người.

Hay là:

Những gì thuộc về mình phải hoàn toàn không sinh hoạt, không hoạt động..., thì sự Sáng (thể Sáng) trong con người mới hòa nhập vào sự Sáng của vũ trụ, và sinh động như vũ trụ vậy.

Đến lúc đó, “trạng thái Hư vô” hay là “cái Không” đó là “cái cùng cực rộng lớn”.

Tại sao?

- Vì “sự Sáng, sự sống” là năng lực nguyên thủy. Nó sinh hóa ra những thể khác, những sức sống khác. Với con người, những sức sống này là Điện, Khí, Huyết sinh động trong Đất (là Nhục thân. Nhục thân được tạo nên từ những sản phẩm của Đất dưới dạng thực phẩm).

Ba sức sống này là sinh hoạt của con người, của mỗi cá nhân. Chúng sinh động trong Thân, Tâm, Trí.

Nếu ba sức sống này ngưng hoạt động thì chỉ còn lại “sự Sáng, sự sống” sinh động.

Sự Sáng, sự sống sinh động cũng là vũ trụ sinh động vậy.

Như vậy, có phải là “trạng thái Hư vô”, hay là “cái Không” đó, cũng là “cái cùng cực rộng lớn” hay không.

Nói cách khác là:

Ngưng sức sống, ngưng mọi sinh động, sinh hoạt của Điện, Khí, Huyết, thì tất cả chỉ còn lại sự sống (sự Sáng) sinh động trong con người mà thôi.

Lúc đó “cái cùng cực nhỏ như con người” cũng là “cái cùng cực to của vũ trụ”. Đó chỉ là sự sống (sự Sáng) của năng lực của vũ trụ sinh động mà thôi.

3. Sự cảm biết trong chơn Ngã

Sự cảm biết của bản ngã về cường độ của cảm giác, tình cảm, tư tưởng đều do năng lượng sinh hóa là sự Sáng của Trí. Nghĩa là, sự Sáng của Trí cảm biết được cường độ sinh động của Huyết, Khí và Điện trong cảm giác, tình cảm và tư tưởng của một bản ngã.

Sự cảm biết của chơn Ngã bằng thể Sáng của Tuệ (siêu siêu Trí) được mở rộng ra ngoài Nhục thân bằng thể Sáng của vũ trụ.

Thể sáng (sự Sáng) này cảm biết được những hiện tượng liên quan đến Thủy, Khí, Điện trong sự sinh hóa và chuyển hóa, mà một trong những nguyên nhân có sự can dự của con người, điều ta gọi Nhân quả. Nó thuộc về năng lực vật lý, cường độ mạnh nhất, là tư tưởng con người với sự sinh hóa nhanh và vô tận.

Nếu tư tưởng con người mà được “hiện thực tức thì”, con người vì lợi ích của mình, sản phẩm của sự suy nghĩ sẽ không đủ chỗ để chất trên địa cầu.

Nhưng hiệu quả trực tiếp từ những tư tưởng vẫn có Ác tính, Độc tính và hung tính nhiều hơn thiện tính. Chúng làm ô nhiễm môi trường siêu nhiên của địa cầu (năng lực tiên thiên bị ô nhiễm) từ đó Thiên tai, Địa ách phát sinh, đánh trả lại con người.

Tư tưởng là Điện năng. Nó là năng lực tiên thiên do Ác tính, Độc tính, hung tính biến Điện năng thành trực điện (loại Điện dơ), sinh hóa thành năng lực hậu thiên là Khí, Thủy dưới dạng cuồng phong, sóng thần, địa chấn, chiến tranh v.v...

Đó là Nhân quả của tư tưởng. Về vật lý, đó là động lực và phản động lực. hay là Nhân quả là năng lực.

Cường độ của động lực cao thì cường độ của phản động lực cũng tương ứng cao.

Động lực là năng lực hậu thiên nên phản động lực cũng là năng lực hậu thiên.

Động lực là năng lực tiên thiên thì phản động lực bao gồm hai loại, là năng lực tiên thiên vừa là năng lực hậu thiên. Như:

Động lực là Điện (Điện năng) thì phản động lực là Điện năng, và vừa là Khí và Thủy. Như, tâm bão là nơi kết tụ điện năng, và lúc nó tàn phá là Khí và Thủy (dưới dạng cuồng phong, sóng thần, mưa, lũ ...) trong đó còn chứa đựng độc tố, tức là độc tố của Điện năng có trong Khí và Thủy.

Trong nước, trong chất lỏng có độc tố được đưa vào Nhục thân, phát sinh ra bệnh gây đau đớn.

Trong không khí có độc tố, con người hít vào, Nhục thân bệnh. Tâm hồn động loạn, tâm trạng bất an, cũng do trước khí và độc khí.

Từ con người, trước khí và độc khí này cũng gây ra ô nhiễm cho tâm hồn người khác. Tâm hồn động loạn, là nguồn gốc của tranh chấp, chiến tranh (dưới nhiều hình thức đề hủy hoại nhau...).

Khí, Thủy đều dơ, độc, môi trường sống của con người, từ dưới nước lên đến bầu khí quyển đều bị ô nhiễm, làm sao con người không bị họa (Nhân họa, Thiên tai: nhân quả phát sinh từ tư tưởng con người, chứa đựng Ác tính, Độc tính và hung tính).

Hậu quả của loại nhân quả này không mang tính trực tiếp như Họa do con người làm ra cho con người, nặng hơn là Thiên tai dưới dạng biến thiên...

“Họa do con người làm cho con người”, thiện nhân có thể tránh được, nhưng ác nhân và độc nhân khó tránh.

Thiên tai xảy đến cho một vùng, ác nhân, độc nhân đều bị, nhưng trong số thiện nhân đó, có những người không bị thiệt mạng.

Vì Thiện nhân gồm có hai mẫu người là:

- Thiện nhân có nhân đức và thiện nhân có chơn đức.

Nhân đức: những đức tính tốt xuất nguồn từ phạm tâm, từ bản ngã, thuộc dạng hữu vi, hữu hình.

Dù có tốt, có lành, nhưng tính thiện hảo còn giới hạn trong gia đình, trong huyết hệ, tập đoàn, cộng đoàn, dân tộc..., nhân đức này còn có thể so sánh được.

Chơn đức: những đức tính, đạo tính tốt, lành xuất nguồn từ Lương Tâm, Tánh của vũ trụ trong Nhân tánh, Vô ngã. Tính thiện hảo tuyệt đối lan tỏa ra cả nhân loại, cho tất cả sinh linh, tạo vật..., và ngay cả đến lúc không còn bất cứ một đối tượng nào hiện hữu nữa.

Tính thiện hảo sinh động đến vô tận, ngay cả trong Hư vô, làm cho chơn nhân và sinh linh thoát khỏi mọi loại thiên tai dù to hay nhỏ.

b. Sự toàn diện trong chơn Ngã

Vô số những hiện tượng hữu hình và siêu hình được nhận ra từ các giác quan và trực giác quan, chưa kể đến những sự tái diễn, lập đi lập lại của chúng. Nhưng tất cả đều xuất nguồn từ cái Một, tức là nguồn sinh hóa duy nhất. Sự sinh hóa này tương tự như sóng với nước.

Nước chỉ có một, nhưng sóng đổi thay vô tận về sự sinh hóa và cường độ của chúng.

Sự toàn diện khó nhận ra ở hiện tượng, ở sự sinh hóa, mà chỉ nhận rõ được ở nguồn gốc sinh hóa.

chơn Ngã (Đạo ngã) cũng vậy, xuất nguồn từ “cái Một”, là “Đạo”. Và từ đó, đời sống bằng chơn Ngã biểu lộ ra tính toàn diện của nó trong sinh hoạt liên quan đến sự linh thiêng và mẫu nhiệm, quan niệm sống, đạo tính, đức tính, đến năng lượng v.v... Tất cả đều mang tính toàn diện và cả sự tồn tại của nó trong sự sinh hóa, với cường độ tăng mãi trong sự sinh động.

“Đạo” là vậy, nó xa xăm, huyền bí đối với nhãn quan con người. Cho nên gọi là:

“Xa xăm Huyền Đạo”

Tháng trẻ, năm già, đời rút ngắn
Ngày đêm nối tiếp, lão tuổi xanh
Tâm hao, Thân kiệt, vì sự nghiệp
U minh ôm gằn, chẳng thấy xa.
Mắt mờ, Trí mờ nhìn sao hiểu
Mạnh việc thể gian, yếu linh hồn
Thân thể cường tráng, tâm linh nhỏ
Xa xăm Huyền Đạo, kiên trì tu.

Không kiên trì tìm, tu và hành, cứ sống mãi với bản ngã, thì tính thiêng chẳng hiện, làm sao Đạo hiện ra. Điều này có nghĩa là “Tính thiêng” hiện trước trong đời sống, Đạo mới hiện ra.

“Hiện tính thiêng”

Tâm trạng Hư vô, linh hồn hiện
Sinh hoạt luôn mãi, bản ngã tan
Linh cảm, tiên kiến, tính linh thiêng
Sự Sáng quang tỏa, ngập Càn khôn.

Nôm na mà nói: “Dứt bỏ việc đời (loại bỏ phiền não) Tâm mới An, Trí sáng. Từ sự sáng suốt thuần túy của Trí, hay là từ thể Sáng cực sạch của Trí thông minh, “Đạo” mới hiện ra”.

Tức là, ngó ra là Đời, nhìn vào là Đạo.

Muốn tìm ra Đạo, tâm hồn (Tâm, Trí) phải sạch bụi trần, trong cũng như ngoài.

Bên ngoài, Tâm chẳng vướng “Danh, Lợi, Tài, Sắc, Quyền, Thê, Lự”. Bên trong, chẳng một tâm trạng nổi lên.

Bên ngoài, sự việc sinh ra tâm trạng. Bên trong, vì ký ức liên quan đến bản

ngã hiện ra nên tâm trạng sinh.

Tâm trạng nổi lên, bản ngã sinh động. Tâm vương bụi trần, Trí u tối, mê muội, làm sao tìm ra Đạo, “Nguyên Lý” (Đạo) là vô hình.

Tâm sạch bụi trần: Trí sáng suốt (1). Tâm chơn không (Hư vô) chẳng phải là không còn Tâm. Đó là Tâm không có tâm trạng nổi lên, tức là không có Ngũ hành khí dao động. Chỉ có Dương và Âm của Khí sinh động và của Điện hoạt động.

Nhờ đó mà lực vô hình của chúng mạnh lên, tức là Thần và Vía cũng mạnh lên.

Trí cũng phải sạch bụi trần: là tư tưởng không dính dáng đến bản ngã nữa, thì mới sáng suốt.

Hay là, “*sự Sáng của Trí không còn đối tượng là bản ngã. Nó tự sinh động và tăng sự Sáng, sự sáng suốt, sự linh thiêng và mẫu nhiệm*”. (Huyền nhiệm, huyền lực này, con người tự tạo lấy từ thể Sáng (sự Sáng) sẵn có từ nguồn sinh hóa của con người nguyên thủy).

Và Đạo chỉ sinh động, tiềm ẩn trong sự Sáng của vũ trụ.

Tóm lại:

Muốn tìm được Đạo và hiểu được Đạo, từ Thân, Tâm, Trí của con người không vương vào việc của bản ngã, của Đời..., thì Đạo trong sự Sáng của vũ trụ sinh động trong các loại Trí mới hòa nhập vào chức năng Hiểu của Tuệ, siêu Trí và Trí..., con người rõ được Đạo.

Đến lúc này, “*Đạo tự hiện ra, chứ con người không thể tìm ra Đạo*”.

Cho nên nói rằng:

“*Đạo vô hình (2), chẳng lấy Trí khôn mà tìm được. Tự nó hiện ra trong sự Sáng của Trí, khi con người hoàn toàn không còn bản ngã nữa*”.

Từ sự Sáng, con người rõ được Đạo. Nhưng sự Sáng là năng lượng, tức là từ năng lượng, con người cảm nghiệm được sự huyền nhiệm trong đó, không phải ở chức năng và bản năng của giác quan. Và biết là năng lượng trong con người được sinh hóa từ vũ trụ vào địa cầu.

Rồi chúng được chuyển hóa từ con người, từ địa cầu vào vũ trụ với khối năng lượng lớn hơn.

Năng lượng này được tăng trưởng do sự xúc tác của sự Sáng vào Điện, Khí, Huyết và cũng chính nơi sự Sáng.

(1) *Trí sáng suốt*: con người linh thiêng và mẫu nhiệm. Hay là, “*linh thiêng và mẫu nhiệm là Trí sáng suốt*”.

Thiên tài, thần đồng... có khả năng này, vì không có tâm trạng nên Trí của họ quá sáng.
(2) “Đạo” dưới hình thức tôn giáo, đó là Đạo lý dùng để xóa thù tính trong con người, thiện hóa nhân tâm, thánh thiện hóa Tánh, Trí con người. Đạo lý còn dùng đến ngôn từ.

Còn Đạo (Thiên Lý hay Nguyên Lý) phải dùng đến Tuệ (siêu siêu Trí) mà đặc nhập.

1. Sinh hoạt toàn diện của chơn Ngã

Sự toàn diện bổ khuyết cho sự phiến diện, tính tuyệt đối bổ túc cho sự tương đối, sự sống tạo ra sức sống, và đồng thời nuôi dưỡng sức sống.

Tất cả 3 yếu tố này đều có chức năng tiến hóa. chơn Ngã hoàn thiện bản ngã, năng lực tiên thiên bồi đắp cho năng lực hậu thiên.

Nhưng với sự Sáng (sự sống) có trong đầu não, con người có thể tự chuyển tiến mình từ sự phiến diện sang sự toàn diện, tương đối sang tuyệt đối, từ phạm nhân sang siêu nhân, đạo nhân v.v... tức là từ con cái của con người trở thành sinh linh (con cái của vũ trụ).

Con cái của con người: sống bằng năng lực hậu thiên (Khí, Huyết). Nuôi Nhục thân bằng thực phẩm, thức uống của địa cầu.

Đời sống còn Phước, Họa luân phiên.

Nói rõ ra, người sống hoàn toàn bằng Phước Họa là con cái của địa cầu, sống bằng nhân tính chưa có thiên tính (đức tính và đạo tính).

Con cái của vũ trụ: Thân vẫn sống bằng năng lực hậu thiên, nhưng tâm hồn sống bằng nhân tính và thiên tính (đức tính, đạo tính) về năng lượng, tức là sống bằng Điện và sự Sáng, thuộc năng lực thiên thiên.

Tâm, Trí, Trí, siêu Trí, Tuệ (ở đầu não) sống bằng Điện và sự Sáng.

Từ sự phiến diện chuyển tiến vào sự toàn diện, hay là, sống bằng chơn Ngã (Đạo ngã) do sự đồng nhất của 2 vũ trụ từ trạng thái Hư vô, từ sự thư giãn hoàn toàn của Thân, Tâm, Trí.

Từ đó “Tánh của vũ trụ” sinh động trong con người, gọi là chơn Ngã (Đạo ngã).

Tánh của vũ trụ là nguồn gốc của sự tiến hóa. Đạo ngã dùng sự tiến hóa này để giáo hóa con người.

Tùy theo sự hiểu biết của mỗi người, sự tiến hóa nhanh hay chậm đặt trên hai phương cách:

- Thay đổi quan niệm sống (tiến hóa nhanh)
- Thanh luyện tâm tư (tiến hóa chậm)

Thay đổi quan niệm sống nhỏ hẹp của “nhân sinh quan” sang “vũ trụ quan” qua sự ý thức của Vô ngã.

Và sau đó dùng cả hai để giáo hóa con người.

Nói cách khác, chơn Ngã (Đạo ngã) là sự toàn diện của sự hợp nhất của nhân tính và bản tính của vũ trụ trong con người.

Trong cuộc sống, tâm hồn rộng lớn, thanh thoát, không còn vướng bất cứ một đối tượng nào thuộc hữu hình, siêu hình hay vô hình... của bản thân như cảm giác, tình cảm, tư tưởng của bản ngã.

Trạng thái chơn không đó chỉ có đạo tính sinh động, tùy hoàn cảnh, môi trường của tha nhân mà sinh hóa ra đức tính, phước tính... để giúp cho tha

nhân. Đồng thời, những loại tính này tăng thêm năng lượng cho đạo nhân.

Quan niệm sống của đạo nhân không bị giới hạn ở nhân sinh quan, mà trở nên toàn diện ở cả vũ trụ quan trong tính đồng bộ, và luôn sống bằng đạo tính.

Sinh hoạt toàn diện của đạo nhân làm thay đổi cách nhìn.

Cái nhìn toàn diện của đạo nhân trong lúc tĩnh thức là 360^0 , tức là cái nhìn 180^0 của nhãn quan, cộng thêm cái nhìn vào trong 180^0 của Trí khôn.

Hay là “cái nhìn bên ngoài và bên trong cùng lúc” của Trí khôn với sự toàn diện là 360^0 trong mọi lúc, mọi nơi, mọi hoàn cảnh, trong thực tại.

Cái nhìn bên ngoài và bên trong từ sự sống hoặc sức sống của con người đều hiện ra ở mắt.

Cái nhìn từ sức sống (cảm giác, tình cảm, tư tưởng) của bản ngã hiện ra ở sự dao động trong ánh mắt. Đó là đời sống của người thường.

Với đạo nhân, ánh mắt chỉ còn lại sự sống sinh động trong trạng thái cực tĩnh, không còn sự dao động của sức sống tỏa ra từ cảm giác, tình cảm, tư tưởng nữa. Nghĩa là, trong cái nhìn, ánh mắt chỉ còn sự sống của vũ trụ sinh động, không còn sức sống của tạo vật dao động.

Nói cách khác, “nếu sức sống của tạo vật không còn dao động nữa thì sự sống trong đó xuất hiện và sinh động”, người sống được như vậy là đạo nhân.

Như thế “đạo nhân đặc đạo là sống bằng sự sống hằng sinh động”, hay là “đắc nhập vào cái Một của vũ trụ”.

Sinh hoạt của đạo nhân trong xã hội vẫn còn, và luôn theo sự điều khiển của sự Sáng thuần túy của Trí, nên sinh hoạt luôn chính xác và nhanh hơn sự can dự của các sức sống.

Sinh hoạt toàn diện của Đạo ngã (chơn Ngã) là sự hợp nhất của đời sống vừa xuất thể vừa nhập thể.

Xuất thể với vũ trụ quan, đưa con người vào sự tiến hóa, nhập thể với nhân sinh quan, tạo ra sự tiến bộ trong đời sống.

Với sự phiên diện của mỗi đời sống thì:

Xuất thể: dùng Tâm chơn không, và sống xa cách với thế gian.

Nhập thể: dùng Lương Tâm để sống, và sống hòa nhập vào thế gian.

Tánh của vũ trụ sinh động trong đời sống của đạo nhân, được biểu lộ với những sinh hoạt khác thường mang tính tự hữu, được gọi là:

“Tính đạo nhân”

Thiện tính trong người, tính hay ban

Vì do “tự có”, luôn đủ đầy

Không như thụ tạo, cần nuôi dưỡng

Cả Thân, Tâm, Trí phải bổ bồi.

May mắn thường xuyên đầu (1) “tự hữu”
Ước muốn hiện thực, nói điều gì?
Chưa từng trái, phạm nhân sao biết
Sinh động Thiên tính, “tự hữu” hiện
Linh thiêng, mẫu nhiệm thấy trong đời
Sinh hoạt lạ thường “tính đạo nhân”.

Sinh hoạt con người, phần lớn, xuất phát từ cái nhìn của giác quan. Nhưng với đạo nhân, “cái nhìn của Trí khôn” luôn hướng vào trong. Và trong ngôn từ của sự tu luyện, ta gọi là: hồi quang.

Trí khôn nhìn vào trong, con người thấy được gì?

- Cảm được sự sinh động vô hình của các thể linh thiêng: rõ được Vận (qua sự linh cảm).

- Nhận ra được “trạng thái chơn không” của Tâm, Trí: rõ được Lý.

(Những sinh động bên trong tạo nên chơn Ngã. Còn ngoại cảnh tạo nên bản ngã, khi nó làm cho Tâm sinh hóa ra tâm trạng).

- Trạng thái chơn không của Tâm, Trí (cũng là Vô ngã), làm cho hai bộ phận vô hình này trở nên linh thiêng và mẫu nhiệm.

(Nếu những bộ phận vô hình bị lôi cuốn vào sự sinh hoạt của bản ngã trong thế giới tự nhiên... thì những gì có trong hai thể giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên không thể cảm ứng được với Tâm và Trí. Vì vậy, sự linh thiêng và mẫu nhiệm bị ngưng lại do sự hoạt động của bản ngã).

Hồi quang, trong sinh hoạt ngày và đêm, có nhiều cách.

Ban ngày: mọi sinh hoạt của giác quan đều hướng vào trong.

Nhìn vào trong, nghe những tiếng động của Tim và Phổi, tức là nghe sự sinh động và hoạt động của Huyết và Khí.

Nói bên trong bằng Âm (là tiếng nói của tư tưởng). Điều khiển cao độ và cường độ của âm thanh theo nhịp độ vừa, để người đối thoại có thể nghe từng chữ, từng câu, để có thể hiểu ngay cái ý trong đó.

Hiệu quả: Nhìn vào sự sinh động bên trong Thân, Tâm, Trí, tuy rằng có sự hoạt động, nhưng nó không gây ra sự phản ứng tâm lý.

“Sinh hoạt bên trong là sự sinh động, nhưng nó không dao động. Vì nó không có sự đối đãi nên không có phản ứng tâm lý”.

Hay là, “mọi sinh hoạt của Thân, Tâm, Trí ngay trong bản ngã của một cá nhân không có đối tượng, nên trong Tâm, Trí (tâm hồn) của cá nhân đó, không nảy sinh ra sự đối đãi, phản ứng tâm lý (không có tâm trạng nổi lên)”.

(1) đầu: đầu hiệu.

Về đêm: nghỉ ngơi.

Thư giãn thân thể bằng cách hồi quang, bế các giác quan. Các giác quan ngưng thu nhận những tín hiệu bên ngoài thì võ não ngưng hoạt động.

Suy ra, những gì liên quan đến năng lực hậu thiên đều ngưng động, chỉ còn lại sự sinh động tự động của năng lực tiên thiên mà thôi.

(Khi con người ngủ, sức sống của Khí Huyết vẫn sinh động, với hơi thở điều hòa, và nhịp tim đập đều. Sự sinh động tự động của năng lực hậu thiên này do sự ảnh hưởng của sự sinh động tự động của năng lực tiên thiên, tức là vận số ảnh hưởng trên khí số).

Nói một cách khác, *nếu sự sinh động của năng lực hậu thiên mà hoàn toàn ngưng thì năng lực tiên thiên sinh động*.

Đó là, *mục tiêu của hồi quang để cho năng lực tiên thiên, là Điện và sự Sáng sinh động và tăng năng lực*.

Sự sinh động và tăng năng lực của Điện và sự Sáng lôi cuốn theo những gì liên quan đến bản thể của nó, là bản tính và tính năng với những bộ phận và các loại thân liên quan.

Bản tính của năng lực tiên thiên (Điện và sự Sáng) thì linh thiêng và mầu nhiệm. Nếu năng lực này tăng lên, theo đó, “mức linh thiêng và mầu nhiệm cũng tăng lên trong sinh hoạt” (1).

Hiệu quả của sự linh thiêng là sự thu và phát của nhân điện. Trong sự thu nhận của sự linh thiêng là sự linh cảm và tiên cảm, còn sự phát ra là siêu Ý của siêu Trí, và siêu siêu Ý của Tuệ được hiện thực.

Tính năng của năng lực tiên thiên: năng lực tiên thiên sinh động lôi cuốn theo sự khơi động của các bộ phận siêu hình và siêu siêu hình hoạt động trong não bộ, cột sống và các tế bào tùy..., là các trực giác quan, linh giác quan, các luân xa v.v... và tâm cỡ hoạt động của chúng, do sự châu biến của các năng lực tiên thiên, mà sự hiện thực từ siêu Ý và siêu siêu Ý xảy ra trong tâm cỡ châu biến của tính năng.

Tóm lại:

Kết quả của hồi quang là sự ngưng động hoàn toàn mọi tín hiệu và sự cảm nhận từ các giác quan đưa vào Trí. Đó là “Trí ý thức được trạng thái hư vô của Trí, Tâm, Thân”.

Hay là, *ý thức được trạng thái hư vô của Thân, Tâm, Trí, là kết quả của sự hồi quang (của Thuần Trí hướng vào trong để quan sát, để ý thức được sự sinh động của sự Sáng).*

(1) Trong sinh hoạt hằng ngày, nếu mức độ linh thiêng và mầu nhiệm sinh động thì hiệu quả của sinh hoạt rất thuận lợi. May mắn sẽ đến bất ngờ mà người thường không hiểu vì sao nó xảy ra như vậy.

Đây là “chơn phước sinh hóa từ sự linh thiêng và mầu nhiệm trong năng lực tiên thiên”.

Nếu không hồi quang, con người không thể hiểu được cơ quan, bộ phận nào điều khiển được các loại lực, năng lực có trong con người.

Với Thuần Trí, bộ phận điều khiển được các loại lực là:

- Trí điều khiển được lực hậu thiên (Khí, Huyết).
- Siêu Trí và Tuệ điều khiển được năng lực tiên thiên (Điện và sự Sáng).

Mục đích của hồi quang, trước hết là “hư vô hóa” Tâm tư, sau đó mới khám phá ra những huyền nhiệm trong sự Sáng.

“Hư vô Tâm tư, thấu Thiên Lý”

Hồi quang, “hư vô hóa” Tâm tư
Nhân trần tan biến, xóa Luân hồi (1)
Vô sanh sinh động, Tuệ phát sinh
Toàn Kiến, Toàn Trí, thấu Thiên Lý.

Đời sống của đạo nhân rất đơn sơ trong nhu cầu vật chất, nhưng rất tích cực trong sự tiến hóa đời sống tâm linh, và trong sự tiến bộ của đời sống tinh thần, nên vui hưởng được những tinh hoa trong thiên nhiên, và trong cả những tạo vật siêu nhiên vô hình. Chúng luôn sẵn có mà con người chẳng cần tốn công để gieo trồng, cấy gặt.

“Đồ chơi của đạo nhân”

Đời sống vui, con người chẳng biết
Hoa sắc muôn màu, đẹp mắt xuân
Âm thanh chim hót, nghe nhẹ lòng
Ngọt ngào trái quý sao không nếm
Thích chi nông béo do người làm
Thiên tạo tinh tế, ban đồ chơi
“Suy nghĩ, Hiểu, Biết”, chơi chẳng chán
Đổi mới cuộc sống chẳng khổ đau
Đồ chơi đạo nhân chẳng cần nhiều
Suy nghĩ, Hiểu, Biết, “vô tận” sinh
Cái Vui vĩnh cửu sao không hưởng
Sao ôm mãi biến đổi trần gian.

- Đồ chơi vô hình, tuy có mà dường như không, nó không bị mất, cũng chẳng bị hư hoại. Nó mới cùng cực quý, và quý hơn tất cả những gì có trong đời.

(1) Luân hồi: quay đi, trở lại, bằng sự di truyền của năng lực, trong đó có chức năng được thực hiện bằng động lực và phản động lực.

Ở đời, người ta hơn thua nhau chỉ vì cái Có {cái Có đếm được, 10 lớn hơn 9, số 1 lớn hơn số không (0)}.

Trong Đạo, “cái Không” lớn hơn “cái Có”. Vì cái “Hư vô” vô hình là nguồn gốc của mọi tạo vật, và của các con số đếm được, tức là cái Hư vô không có gì để so sánh cả.

2. *“Vũ trụ quan” trong sự cảm nghiệm của chơn Ngã (Đạo ngã)*

Từ trước đến nay, quan niệm về vũ trụ, chủ yếu dựa trên tầm nhìn của mắt. Ngày nay tầm nhìn được mở rộng tối đa bằng siêu viễn vọng kính và với những chuyến bay xa của các phi thuyền không gian.

Con người tiến bộ, sự hiểu biết tăng trưởng theo sự mở rộng của tầm nhìn. Nhưng sự hiểu biết từ những đối tượng, hiện tượng hữu hình, dù nhiều và lạ hơn ở địa cầu, Trí con người vẫn chưa khám phá ra sự thật, sự sinh động tồn tại vĩnh cửu trong năng lượng nguyên thủy của vũ trụ.

Tương tự như các nhà khoa học về hải dương, họ đi sâu vào lòng biển, nhãn quan cảm nhận được những sinh vật kỳ lạ, các sinh tạo lạ thường. Trí hiểu biết nhiều, nhưng họ vẫn chưa khám phá ra được sự sống có trong nước biển, mà chỉ biết được “những sức sống trong sự sống” dưới dạng sinh vật và sinh tạo... đang sống trong lòng biển.

Sự thật, sự sinh động vĩnh cửu có trong “năng lượng nguyên thủy”, hay là “năng lượng nguyên thủy” sinh động vĩnh cửu là một nhân tố chính yếu trong quan niệm về vũ trụ, mà Trí khôn con người, được tạo nên từ nhãn quan và những phương tiện nhân tạo, còn mang tính phiến diện, chưa thể đưa ra một quan niệm đầy đủ và chính xác về vũ trụ.

“Sự chính xác” có trong “sự thật”. Và “sự thật” có trong “cái có thật”. “Cái có thật” hằng sinh động, nó mới là đặc tính của vũ trụ. Và sự “hằng sinh động” nằm trong năng lượng nguyên thủy.

Vũ trụ quan đặt trên những yếu tố trên mới có được sự toàn diện, vì nó bao gồm những sinh động tự nhiên, siêu nhiên và siêu siêu nhiên, và với sự thấy của 3 loại giác quan (thị giác, trực giác quan và linh giác quan) liên quan đến Trí, siêu Trí và Tuệ.

Sự Toàn Kiến mở đường cho sự Toàn Trí, tức là, sự thấy toàn diện mới tạo cho Trí khôn sự hiểu biết toàn diện. Và đó là “cái có thật” mà con người có được, nhờ vào năng lượng nguyên thủy, là sự Sáng. Và các loài tạo vật khác trên địa cầu không có được.

Quan niệm dựa trên sự thật của cái có thật không đổi thay và tồn tại mãi trong mọi thời.

(Nhân sinh quan từ trước đến nay không có sự đồng nhất do nó phát sinh từ bản ngã, không nhất quán do sự khác biệt về sự hiểu biết và mức tư duy. Quan

niệm khởi sinh từ tâm địa được tạo nên từ khuôn mẫu của môi trường nhân sinh, hoặc từ sự rung cảm của tâm hồn của bản ngã trong những hoàn cảnh đặc biệt, hay từ thực tế của đời sống xã hội của thời đại. Nghĩa là, từng thời kỳ, quan niệm về nhân sinh được tạo nên.

Dựa trên bản ngã, nếu tích cực, quan niệm này thiện hóa được tha nhân. Trái lại, nếu tiêu cực, nó khơi dậy sự thù hằn cá nhân).

Quan niệm về vũ trụ từ sự cảm nghiệm của chơn Ngã không có sự rung cảm của Tâm, chỉ có các loại Trí trong trạng thái thuần túy cảm nghiệm từ nguồn gốc sinh hóa, từ sự sinh động của thể Sáng (sự sống), của năng lực nguyên thủy.

Tức là, sự cảm nghiệm trực tiếp của sự Sáng của Tuệ với sự Sáng của vũ trụ không qua sự trung gian cảm nhận của những hiện tượng, tạo vật được sinh hóa từ nguyên năng.

Quan niệm về vũ trụ xuất nguồn từ sự cảm nghiệm của chơn Ngã bằng sự Sáng của Tuệ mang tính chơn thường, bất di bất dịch, tạo nên sự tiến hóa cho con người do đạo tính – là những đặc tính sinh động trong thể Sáng (sự Sáng) sinh hóa ra đức tính và phước tính mà con người cảm nghiệm được qua bản ngã.

Nhờ vậy, con người mới nhận rõ những gì được vũ trụ cung cấp, nuôi dưỡng, có cả sự bỏ tức của vũ trụ quan cho nhân sinh quan qua sự trung gian chuyên tiếp từ chơn Ngã đến bản ngã.

a. Trong sự cảm ứng giữa hai vũ trụ

Khi con người trở thành tiểu vũ trụ thì sự cảm ứng của hai vũ trụ mới xảy ra. Quan trọng hơn hết, là con người biết “thu, giữ và dùng” những gì tích lũy được từ hai vũ trụ cho sự tiến bộ và tiến hóa của loài người.

Luyện tập môn nào cũng có sự tiến bộ trong đó. Nhưng tiến hóa thấy rõ chỉ ở sự cảm ứng giữa hai vũ trụ.

Nó có một sự thay đổi lớn trong đời sống, từ sinh hoạt tự nhiên sang sinh hoạt siêu nhiên và siêu siêu nhiên. Hay là, từ sinh hoạt của Nhục thân, Tâm, Trí sang những sinh hoạt của các loại thân khác sinh động bên trong Nhục thân là Khí thân, Điện thân hoặc Quang thân, với những bộ phận vô hình liên quan đến từng loại thân là siêu Trí, Tuệ, trực giác quan, linh giác, hệ thần kinh đối giao cảm v.v. ...

Đời sống tự nhiên sang một đời sống khác với những sinh hoạt mang tính linh thiêng và mầu nhiệm.

Sự đổi thay gần như hoàn toàn phát sinh từ cảm ứng giữa năng lượng của con người và vũ trụ.

Nó liên quan đến cột sống, cuốn não, vô não, não và hệ thần kinh.

Đây là những bộ phận, cơ quan chứa đựng năng lực tiên thiên, có khả năng biến những năng lực này thành “năng lực hằng sinh động” trong vũ trụ.

Tuy nhiên, điều cốt yếu để tiến hóa trong sự cảm ứng này là phải thấu triệt

chức năng và khả năng của chúng, tức là Trí quan sát phải hoạt động bên trong, và sinh hoạt từ trong ra ngoài.

Với sinh hoạt tự nhiên, “Trí quan sát” luôn hướng ra ngoài bằng nhìn và nghe. Như vậy, rất khó để đưa Trí quan sát vào trong để định Tâm, Trí.

Ngày nay, sinh hoạt xã hội rất linh hoạt, nhất là ở thành phố lớn, đông người, khiến cho mắt, tai, mũi, miệng con người thường xuyên tiếp xúc với bên ngoài.

Trái lại, với sự cảm ứng của năng lượng, Trí quan sát luôn luôn hoạt động bên trong. Sinh hoạt bên trong, khiến cho Trí quan sát thường xuyên quay vào trong.

Do đó, mà đời sống dù ở chốn đông người, dường như là cô lập và cô đơn, nhưng lại không nhàm chán, nhờ vào sự sinh động của phước tính, đức tính và đạo tính... tùy theo hoàn cảnh luân phiên hoạt động trong sinh hoạt.

b. Sự rung cảm của tư tưởng

Con người có nhiều loại rung cảm. Có loại được biểu hiện ra bên ngoài, dễ nhận ra bằng các giác quan qua ánh mắt và âm thanh, như sự cảm động của các loại tình cảm xen lẫn cả tư tưởng trong đó.

Đây là sự rung cảm của tâm hồn (của Tâm, Trí). Về năng lượng, sự rung cảm này là sự kết hợp rung động của khí và điện trong con người.

Sự rung cảm của tâm hồn được khơi động bằng ngoại cảnh (hiện tượng và những hình ảnh trong thế giới tự nhiên).

Những hình ảnh và hiện tượng siêu nhiên và siêu siêu nhiên là nền tảng tạo nên sự rung động của các loại Trí, không có sự can dự của Tâm.

Sự rung động này là kết quả của Điện và sự Sáng ngay trong não bộ, thuộc về năng lực tiên thiên.

Năng lực tiên thiên (Điện, sự Sáng) là tiềm năng của con người liên quan đến sự sống và sức sống của mọi hệ thống trong con người.

Sự rung cảm của tư tưởng làm tăng thêm tiềm năng ngay trong não nếu nó không bị hao tán ra ngoài bằng các giác quan.

Tiềm năng tăng lên, con người ý thức được những hình ảnh siêu nhiên, càng rõ nét, trường độ nhớ của siêu Trí và Trí càng lâu. Nếu những hình ảnh siêu nhiên được gọi lên nhiều lần, bộ nhớ (sức nhớ) của siêu Trí và Trí càng tăng thêm tiềm năng.

Sự rung động của tư tưởng trở nên mạng và lâu hơn, sự rung cảm rất bén nhạy.

Tư tưởng của siêu Trí sinh động, sinh hóa, đời sống con người chuyển sang cõi siêu nhiên, và cũng là giai đoạn chuyển tiếp sang cõi giới siêu siêu nhiên, với sinh hoạt bằng đức tính và đạo tính.

c. Nguồn sinh hóa của đức tính và đạo tính

Đức tính xuất nguồn từ sự rung động của tư tưởng, hay là đức tính được sinh hóa từ năng lực tiên thiên là Điện, sinh động ở não bộ.

Đạo tính trong con người, được sinh ra từ sự sinh động của sự Sáng Thuần

Trí (của siêu Trí, Trí và Tuệ), cũng từ não bộ.

Khi con người sống hoàn toàn bằng sinh hoạt của não bộ, cá nhân đó thuộc hạng sinh linh. Sinh linh có thể sống bằng bản ngã hay Đạo ngã.

Với bản ngã, luôn vị kỷ, từ não bộ, tư tưởng tạo ra Ác đức. Với Đạo ngã, hướng về tha nhân, tư tưởng sinh hóa ra đức tính, và nguồn gốc của mọi đức tính là Đức Bi; hướng về nguồn sinh hóa, tư tưởng liên quan đến đạo tính, đến sự sống của muôn loài, sinh hóa ra đạo tính, cảm nghiệm được đạo tính từ thể Sáng của vũ trụ, là Đạo Bi.

Đức Bi là “Đức yêu thương”, sinh hóa ra từ con người.

Đạo Bi là Đạo yêu thương, là sự sinh động sẵn có trong sự Sáng của vũ trụ.

“Những gì gọi là Đạo, nó phải có tính sinh động hằng hữu, hoặc phải sinh động vĩnh cửu”.

Như Đạo Bi: tình thương sinh động có tính vĩnh cửu, tính cách hằng sống làm cho nó có sự sống.

Cũng vậy, khi sự Ác, Độc mà vĩnh cửu sinh động trở thành Đạo, thì Ác Đạo cũng có sự sống của nó.

Nghĩa là, những gì liên quan đến vũ trụ đều sinh động một cách vĩnh cửu như Thiên Lý, Thiên Cơ, Thiên Năng và Đạo cũng vậy.

Cho nên, Đạo Bi sinh động mãi mãi, chan hòa cả trong vũ trụ. Nhưng mỗi tạo vật theo từng loài, tùy mức độ tiến hóa, mà tạo vật đó có thể được ít nhiều lòng yêu thương. Cũng như tùy theo sự thu hút của mỗi loài thực vật mà năng lượng mặt trời được chứa đựng trong chúng.

Tình yêu thương sinh động, nhưng nguồn gốc của Đức Bi và Đạo Bi khác nhau.

Đức Bi có sau khi loài người có. Lòng yêu thương này xuất nguồn từ Lương Tâm con người, yêu thương sức sống của con người từ đối tượng hữu hình, yêu thương loài người.

Dù nó không xuất nguồn từ sự sinh hóa, nhưng nó thuộc về sự sinh hóa của một bộ phận vô hình của Vô ngã. Năng lực tiên thiên (Điện, sự Sáng) sinh động cũng thuộc về công đức, vì đó là “sự Thiện mang tính vô vi” sinh động thuận với Thiên Lý tiềm ẩn trong Lương Tâm loài người.

Đạo Bi có trong sự sinh hóa, trong sự Sáng, sự sống của vũ trụ trước khi mọi tạo vật được hình thành. Tức là “tạo vật chưa có, đã có Đạo Bi sinh động trong sự Sáng rồi”.

Chỉ riêng có sự Sáng mới có “Đạo Bi”, là “tình thương vô nguồn gốc thể gian”. Tình thương này có trong sự sống của những sinh linh cảm nhận được bằng sự Sáng của Tuệ (siêu siêu Trí).

“Tình thương vô nguồn gốc thể gian” là sự sinh động thuần túy từ sự Sáng xuất nguồn từ cõi siêu siêu nhiên trong con người.

Muốn cảm nghiệm được tình thương này, con người phải hướng cái nhìn vào

tận sâu bên trong mới nhận ra được sự sinh động của nó.

Từ Đạo Bi mới có sự sáng tạo nguyên thủy, từ đó sinh hóa tạo vật.

Đạo Bi là tình thương nguyên thủy.

Còn Đức Bi, sinh ra từ tạo vật, có đối tượng mới có tình thương. Đó là tình thương có từ tạo vật.

Hiệu quả của Đạo Bi là sự sáng tạo sinh ra sự mẫu nhiệm có tính cách hiện thực tức thì, giống như sự sáng tạo nguyên thủy. Nó sinh hóa ra nhiều loại tình thương khác nhau của sinh linh, của con người, của sinh vật v.v...

Đạo Bi chỉ có một, nhưng Đức Bi có nhiều. Tương tự như, “số một chỉ là số một”, từ đó sinh ra vô tận số khác...

Đạo Bi là “một sinh động lực” sinh động trong sự sáng tạo, mà chức năng để cho sự sáng tạo trở nên vĩnh cửu, là sự sinh hóa.

Tính vĩnh cửu của sự sáng tạo cũng là tính vĩnh cửu của Đạo Bi.

Đức Bi và Đạo Bi làm cho con người dễ siêu thoát. Vì sao?

- Vì tính chất siêu nhiên của Tình thương được tị về não. Nó không phải là tình cảm, không phải là Khí, vì Khí chỉ dao động, sinh động trong ngũ tạng. *Tình thương sinh động trong não, là sự sinh động của Điện và sự Sáng.*

Tình thương làm tăng sức mạnh cho linh hồn (và tâm hồn thanh cao). Linh hồn mạnh có thể hoạt động được ngay cả lúc Nhục thân còn sống. Và khi Nhục thân chết, linh hồn dễ thoát ra.

Trong đời sống, sự tuyệt đối thanh cao và mẫu nhiệm chỉ có trong tình thương.

Tình thương càng sinh động, tính thanh cao và mẫu nhiệm càng tăng.

Nếu Tình thương luôn sinh động trong Tâm, Trí, trong mọi sinh hoạt, mọi thời gian thì “quả thánh thiện” đã được tạo nên rồi.

Hay là, *“sự thánh thiện” là kết quả của Tình thương luôn sinh động trong đời sống.*

Nó không có đối tượng hữu hình để so sánh (không hơn, thua), cũng không có phản ứng tâm lý (không có tâm trạng cá nhân nổi lên).

Cho nên nói rằng:

“Suốt thời (1) Tâm, Trí sinh động Tình thương

Linh hồn thánh thiện, hóa sinh nhiệm mầu”.

Trong Tình thương có tính Thiện, hay là tính Thiện có trong Tình thương. Nhưng loại Thiện nào đạt đến mức toàn thiện và cao nhất trong các loại Thiện?

(1) Thức cũng như ngủ, nghỉ, trong Trí vẫn sinh động Tình thương (trong giấc mộng), đó là đạo nhân.

Ngủ mà trong Trí (trong giấc mơ) vẫn sinh động tình cảm, dục cảm, đó là thường nhân.

Tình thương luôn sinh động, con người đắc Đạo Bi. (Tình thương luôn sinh động trong sự Sáng, tỏa ra tư tưởng (Điện), ra đến tình cảm (Khí), tức là Tình thương tỏa ra trong tất cả mọi sinh hoạt của Tâm, Trí).

- Cao nhất trong các loại Thiện là sự toàn thiện của sự sinh hóa nguyên thủy trong Dương và Âm của sự Sáng. Sự toàn thiện trong sự sinh hóa ban sự sống cho muôn loài, tạo vật.

Nghĩa là, sự Thiện có trong sự hằng sống, hằng sinh hóa mới có tính toàn thiện.

Trong con người, sự toàn thiện sinh động ở đâu?

- Chẳng phải ở Tâm, vì Tâm do Ngũ hành, ngũ khí mà có. Nó thuộc về bản ngã, còn có sự đối đãi giữa Thiện và Ác, còn có thể so sánh được.

- Ở Lương Tâm, con người cảm nghiệm được tính Thiện sinh động trong chính mình.

- Cuối cùng, chỉ ở Tuệ và Tánh của vũ trụ trong con người, tức là sự sinh động của sự sinh hóa nguyên thủy trong con người, lúc đó con người mới rõ được nguồn gốc của sự toàn thiện trong sự sinh hóa của Dương và Âm.

Trong sự sinh hóa nguyên thủy từ Dương và Âm của sự Sáng, chẳng có đối tượng yêu thương, mà lòng yêu thương luôn sinh động, thì người đó đã đắc Đạo Bi. Và sự An Vui luôn có trong mọi sinh hoạt.

(Luôn luôn vui vẻ là sự sinh động bên ngoài của Đạo Bi, Đức Bi. Nó là sự Lạc của Tâm an. Trái lại, vui mừng từ đối tượng hữu hình, là Tâm động, mặc dù đó là sự sinh động của Thanh khí Dương).

Tình thương của người thường được tạo nên từ các đối tượng hữu hình làm cho người đó có lúc mạnh, lúc yếu về tinh thần. Nhưng khi sống bằng Đạo Bi, con người có một sức mạnh mãnh liệt.

Vì sự hy sinh quên mình trong Đạo Bi mà con người không yếu đuối, không còn sự lo, sợ làm ô nhiễm sự trong sạch của lòng mình.

Sức mạnh trong Tình thương tăng lên do ở ước muốn sáng tạo những lợi ích cho tha nhân.

Đạo (Thiên Lý) sinh động vô tận. Như vậy, Đạo Bi là Tình thương vô nguồn gốc thể gian có trong thể Sáng cũng sinh động cho đến vô tận. Hay là Tình thương sinh động vô tận là Đạo Bi.

Trong con người, “Tình thương này thuần khiết”, vô nhiễm cảm giác, tình cảm và tư tưởng của bản ngã.

Trong trạng thái này, tính của Tình thương mới hoàn toàn Thiện.

Tính toàn thiện sinh động trong Tình thương được chứa trong thể Sáng (sự Sáng) của Trí.

Khi Trí hướng ra ngoài bằng những tư tưởng trong sinh hoạt, tính Thiện trong Tình thương cũng toát ra trong ngôn từ, hành động, trong chơn tình và trong tất cả những gì được sinh hóa ra từ tư tưởng.

Sự sinh động nào cũng là năng lực. Ngược lại, năng lực nào cũng sinh động, và ảnh hưởng đến những gì mà nó giao tiếp.

Tính Thiện cũng vậy. Tính này ảnh hưởng đến môi trường nhân sinh. Tính

thương này càng nhiều bao nhiêu, tính Lành càng tỏ ra bấy nhiêu và ảnh hưởng đến sinh khí của môi trường.

d. Quan điểm và quan niệm sống bằng Tình thương

Tình thương được tạo nên từ đối tượng và không có đối tượng, khác nhau trong quan niệm và quan điểm trong đời sống yêu thương.

Đối với người thường, sự khôn ngoan và khôn khéo thì dễ thương và dễ mến.

Dễ thương và dễ mến nên được nhiều người thương mến.

Còn sự ngu dốt thì đáng thương. Đáng thương nên được ít người thương. Và tệ hơn nữa, sự ngu dốt gây ra bức bối cho người khác.

Nhưng nếu người nào yêu thương được sự ngu dốt, đại dốt của người khác thì người đó mới thật sự sống bằng Tình thương.

Nhưng cho đến khi nào Tình thương mới trở thành một đạo tính?

- Đạo tính cũng là Tính của vũ trụ. Những gì thuộc về Tính của vũ trụ phải có “sự sống”, và nó không còn là “sức sống” nữa. Sự sống này sinh động mãi mãi và tồn tại vĩnh cửu.

Khi Tình thương sinh động mãi mãi, mọi lúc, mọi nơi, thì nó trở thành Đạo Bi.

Người nào mà trong mọi sinh hoạt đều có sự sinh động của Tình thương, người đó đắc Đạo Bi. Có thể nói nếu Tình thương sinh động mãi mãi trong tâm hồn và linh hồn của con người thì người đó có sự sống bằng Tình thương và không còn sự chết nữa (tức là “Sinh và Sinh mãi”, “không có sự Diệt nữa”).

Hiệu quả của Đạo Bi trong sinh hoạt là sự lạc quan, là cái An, Vui tỏa ra từ sự thánh thiện.

Hay ngược lại, “sinh hoạt trong mọi sự việc... luôn toát ra sự lạc quan. Đó là tính thánh thiện của Đạo Bi sinh động trong đời sống con người”.

CỨU CÁNH

Cứu cánh của con người là hướng đến sự tuyệt đối. Nó liên quan đến nhiều sinh hoạt, nhiều vấn đề như là thay đổi cả một đời sống, tìm giá trị thật về các loại sở đắc, về đẹp nào tồn tại và không tồn tại, hưởng thụ cái vui sẵn có v.v...

Đối với một cá nhân, thay đổi cả một đời sống là luôn thấy chính mình, như mình đang thấy mình hiện hữu trước mắt mình vậy.

Luôn thấy chính mình là thấy luôn mọi sinh hoạt của Nhục thân, của Tâm mình và của Trí mình.

Nhờ thấy được Tâm, Trí mình, con người mới nhận ra giá trị sống động của tình cảm, của đức tính.

Chúng là những giá trị có khả năng sinh hóa, tạo thêm giá trị, làm phong phú đời sống của mình. Đồng thời sự sinh hóa của tình cảm và đức tính làm tăng thêm năng lực cho vũ trụ. Đó là Khí, Điện cho địa cầu.

Con người, đa số, đánh giá cao của cái vật chất. Nhưng tài sản này có “giá trị chết”. Nó không sinh hóa được, còn tình cảm và tư tưởng, đức tính, sinh hóa tăng trưởng, chúng có “giá trị sống”.

Nhiều người vẫn thích “giá trị chết” hơn là “giá trị sống”.

“Giá trị sống” chỉ sinh động sinh hóa, sinh động ở trong con người, không phải ở bên ngoài. Về đẹp vô hình này con người chỉ cảm nghiệm được, chứ không thể nhìn thấy.

Giá trị chết và sống thuộc về ba loại sở đắc, tức là con người có 3 cái Có: Có của ngoại thân, nội thân và cái Có vô hình.

- *Cái Có, cái sở đắc thuộc về ngoại thân*, như tài sản tiền bạc v.v... Sở đắc này không có tính cách vĩnh cửu. Nó có thể còn, hoặc có thể mất đi.

Tính bất thường của nó không đủ sức tạo nên một ý chí mãnh liệt cho những người có Trí khôn nhận ra được những biến đổi trong vận may, rủi của cuộc đời.

- *Cái Có, cái sở đắc của nội thân* như sự thông minh, sự hiểu biết về Lý, thuộc Tâm, Trí..., thuộc những bộ phận vô hình.

Sở đắc này vô hình, tồn tại. Nhưng trong sự tồn tại có sự tăng giảm.

Sự tăng giảm, thêm và bớt đi... không có sự mất hoàn toàn. Tính này tuy bất thường, không hoàn toàn cố định, nhưng nó cũng tạo cho người có loại sở đắc này có được một ý chí vững bền đủ sức để duy trì sự tiến hóa.

- *Cái Có, cái sở đắc vô hình, vĩnh viễn tồn tại, bất biến, vô cùng sinh động. Cái Có này là sự sống.*

Và, “*khi sự sống là chính mình thì con người có một ý chí mãnh liệt bằng với sự sinh động của vũ trụ*”.

Tóm lại:

- Cái có, cái sở đắc ngoại thân thuộc về Phước. Như vậy, Phước có tính cách bất thường.

- Cái Có, cái sở đắc của nội thân thuộc về Đức. Đức có tăng, có lúc giảm, không hoàn toàn cố định.

- Cái Có, cái sở đắc bất biến thuộc về Đạo. Đạo bất biến, sinh động vô tận, nên hằng sống.

1. Sự hằng sống trong phương diện vật chất

Sự hằng sống trong con người là sự Sáng của Tuệ mà bản chất của nó là thể Sáng, cùng một thể Sáng có trong vũ trụ.

Bản tính của nó sinh động vô tận, vừa sinh hóa, vừa chuyển hóa đồng bộ mãi mãi mà không cần đến đối tượng (hữu hình hay siêu hình) nào cả.

Nó biểu lộ sự tích cực tuyệt đối trong mọi thời gian, không gian.

(Còn tính tích cực của Trí vẫn liên quan đến đối tượng, đó là sự quan sát của Trí vào sinh hoạt, động tác.

Nó chỉ tương đối, vì còn sự việc, còn tích cực, nhưng khi mọi sự việc đã xong, sự tích cực không còn nữa.

Nhưng nhờ vào sự tích cực tương đối ngắn hạn này mà con người biết và hiểu được sự tích cực tuyệt đối của Tuệ, và sử dụng nó vào tất cả mọi sự việc trong đời, mà không phải trong ngày hay trong một thời hạn nào đó).

Tính năng của thể Sáng (của Tuệ) là huyền năng, tác động và xúc tác vào tất cả những lực khác yếu hơn nó để những lực này được cường hóa thêm.

Khi bản chất, bản tính và tính năng của sự Sáng của Tuệ bằng với 3 yếu tố này có trong vũ trụ thì lúc đó con người mới thật sự là một tiểu vũ trụ bằng với đại vũ trụ trong mọi sinh động của vũ trụ.

Trong trạng thái này, mọi sức sống trong con người tự động sống, nhưng có cũng như không. Vì mọi liên hệ đều gián đoạn với sự điều khiển của Trí.

Chỉ còn lại sự Sáng (sự sống) của Tuệ tỏa ra khắp trong ngoài. Con người cảm nghiệm được sự tích cực tuyệt đối của sự hằng sống, của sự Sáng của Trí khôn.

2. Cứu cánh trong sự tiến hóa

Sự tiến bộ làm thay đổi đời sống, nhưng nó không phải là cứu cánh. Cứu cánh nằm trong sự tiến hóa mãi mãi, sinh động vô tận như cái Lý trong Thái cực.

Trong sự tiến hóa chỉ có Sinh, không có sự Diệt, hay là chỉ có Động mãi và không có sự ngưng động.

Cứu cánh trong sự tiến hóa. Sự tiến hóa có trong sự sống. Còn sự tiến bộ có

trong sức sống. Nguyên Lý và tạo vật cũng như vậy. Vậy mới thấy rõ là:

“Lý trong Thái cực”.

“Sinh động trong Dương Âm” (+, - sinh động).

“Sinh khắc trong Ngũ hành”.

Thiên Lý (Nguyên Lý của vũ trụ) sinh động trong Thái cực. Hay là, Thiên Lý sinh động tiềm ẩn trong sự Sáng (thể Sáng nguyên thủy) khi sự Sáng chưa chia ra thành hai dòng năng lực Dương và Âm, tức là trong trạng thái nguyên thủy, khi sự Sáng chưa tạo nên ba thể giới trong vũ trụ.

Với con người, muốn trở về trạng thái nguyên thủy để hòa nhập vào sự Sáng nguyên thủy với sự Sáng (thể Sáng) có trong con người chỉ có Tuệ (bao gồm cả siêu Trí và Trí) là nơi con người có thể trở về nguồn để giác ngộ được Thiên Lý. Nghĩa là, Hiểu được cái Lý sinh động trong mọi cõi giới của tiểu vũ trụ, trong mọi hiện tượng có trong 3 cõi giới, hoặc trong 4 thể Huyết, Khí, Điện, sự Sáng, liên quan đến Tim, Phổi, hệ thần kinh, đầu não...

Thái cực của Huyết: là sự ngưng đập của Tim. Dương và Âm của Huyết không sinh động, máu đen, máu đỏ ngưng lưu thông. Sự Sáng ngưng cung cấp cho sự chuyển động của chúng, nhưng sự Sáng (sự sống) vẫn còn.

Sức sống của Huyết ngưng động, sự sống trong Huyết vẫn sinh động.

Thái cực của Khí: là sự ngưng hô hấp của Phổi. Dương và Âm của Khí ngưng sinh động. Sự Sáng ngưng cung cấp năng lượng cho Khí. Con người sống bằng sự sống, không cần đến sức sống.

Thái cực của Điện: các chức năng của Trí ngưng hoạt động. Sự Sáng tỏa ra do những chức năng của Trí đến 3 hệ Huyết, Khí, Điện... được tụ về não.

Đến mức này cảm giác, tình cảm và tư tưởng đều không sinh động, Điện Dương và Âm hòa nhập, gây tiếng nổ thật to trong đầu (nhưng vô hại).

Đó là trạng thái “Thái cực của Điện”.

Thái cực của sự Sáng: là sự hòa nhập của sự Sáng Dương và Âm trong não. Lúc đó Tuệ (siêu siêu Trí) mới trực tiếp Hiểu được Thiên Lý do sự bức xạ của sự Sáng của Tuệ vào sự Sáng của vũ trụ. Và Hiểu được Thiên Lý do cùng một sự Sáng sinh động trong vũ trụ, và chứa đựng Thiên Lý đó.

Năng lượng của con người bằng với năng lượng nguyên thủy của vũ trụ chỉ có trong Tuệ (siêu siêu Trí).

Và muốn đạt được mức này, các thể linh thiêng trong con người phải trong trạng thái “Thái cực”, hay là 3 cõi giới Thân, Tâm, Trí phải ở trong trạng thái Thái cực.

Nói cách khác, Thân, Tâm, Trí phải hoàn toàn ngưng động để cho Tuệ sinh động mà thôi.

Cứu cánh của con người chỉ có một, và chỉ có trong sự Sáng của Tuệ. Con đường trở về nguồn sinh hóa chỉ có một. Nếu không rõ được đường này, con

người sẽ lạc vào mê đạo. Và từ mê đạo, con người sẽ sống trong mê cung, không có lối thoát, và quan niệm rằng mình đang sống trong hạnh phúc.

3. Cứu cánh của hạnh phúc trong sự Cực lạc

Có rất nhiều quan niệm khác nhau về đời sống với nhiều quan điểm qua sự từng trải, kinh nghiệm, kiến thức v.v...

Cũng vậy, hạnh phúc cũng không đồng nhất ở cá nhân. Và hầu như không ai tránh khỏi sự thăng trầm trong cuộc đời. Nó tương quan với hạnh phúc và bất hạnh mà con người hưởng thụ những niềm vui, sung sướng hay phải chịu đựng, cảm nhận những đau đớn, sầu khổ... trong những giai đoạn của sự diễn tiến đó. Thông thường, con người luôn hy vọng trong hạnh phúc, và cảm thấy tuyệt vọng trong sự bất hạnh.

Đó là hai phương diện của đời sống luân phiên xảy đến cho mỗi cá nhân, mà đời sống gắn liền và lệ thuộc vào hoàn cảnh và những biến đổi của xã hội.

Chúng là những đối tượng bên ngoài, hữu hình, cường hóa bản ngã bao gồm Danh, Lợi, Tài, Sắc, Quyền, Thế, Lực. Và những yếu tố bên trong, ảnh hưởng bởi những tác động bên ngoài gồm có cảm giác, tình cảm, tư tưởng liên quan đến Nhục thân, Tâm, Trí.

Sự sung sướng, đau đớn bắt nguồn từ cảm giác, sinh động ở Nhục thân.

Sự biến đổi của hoàn cảnh trong xã hội càng nhanh lôi cuốn theo sự dao động càng nhanh của tâm hồn. Cái Vui, cái Lạc biến mất, thay thế vào đó, sự Sầu, Thống của Tâm, Trí, dù cho Nhục thân vẫn đầy đủ nhu cầu, hay dư thừa.

Hạnh phúc biến mất, xuất hiện bất hạnh với sự tuyệt vọng của bản ngã, và tinh thần suy sụp.

Nhưng với cái nhìn khách quan của Vô ngã thì sự tuyệt vọng của bản ngã là mầm mống của một kỳ vọng với năng lực sinh động mạnh mẽ hơn là năng lực của niềm hy vọng trong đời sống xã hội.

Từ kỳ vọng của Vô ngã, Trí khôn con người hướng vào trong, tính khách quan loại bỏ những hiện tượng bên ngoài một cách tự động. Những sức sống ngưng động theo dịch kỳ, từ đó sự sống (sự Sáng) sinh động trong sự chuyển hóa. Năng lực này tăng mãi, Trí khôn cảm nghiệm được sự Cực lạc, trong đó chức năng Hiểu mới khám phá ra được “huyền bí của năng lượng” trong tiểu vũ trụ.

Tính toàn diện có trong vũ trụ, dù nhỏ hay cực lớn, hạnh phúc cũng trở nên tuyệt đối trong sự Cực lạc của tiểu vũ trụ. Và đó là “cứu cánh của hạnh phúc trong sự Cực lạc mà từ trước đến nay nhiều người đi tìm qua cách tu luyện, và sống Đạo.

Chương VII

CON ĐƯỜNG VÀO SỰ SỐNG

- Con đường vào sự sống**
- Luyện**
- Tu**
- Sống Đạo**

CON ĐƯỜNG VÀO SỰ SỐNG

Trong con người, sự sống sinh động bên trong những sức sống của 5 loại thân (Nhục thân, Thủy thân, Khí thân, Điện thân và Quang thân) mà con người biết được qua sự hoạt động của 4 loại thân tiềm ẩn sinh động trong Nhục thân.

Trong số bốn loại thân, trừ Thủy thân ra, con người cảm nghiệm được sự hiện hữu và hoạt động của Khí thân, Điện thân và Quang thân rõ rệt hơn trong sự tiến bộ và tiến hóa bên trong Nhục thân, nhờ vào sự luyện tập, tu luyện và sống đạo.

Sự hoạt động của ba loại thân nhẹ được cảm nghiệm và ý thức được từ bên trong với sự đổi thay của nhiều nhân tố, bao gồm nhiều sinh hoạt liên quan đến sinh lý, tâm lý, vật lý v.v...

Từ bên trong, Trí khôn con người mới nhận ra được sự sinh động của sự sống chuyển động, và xúc tác vào những sức sống có thời hạn dài, ngắn của những sức sống đó dưới dạng năng lực mà con người đưa vào vô tận sinh hoạt của đời sống vật chất, tinh thần hoặc tâm linh, với vô số dị biệt trong cảm giác, tình cảm, tư tưởng của mỗi cá nhân.

Tuy vậy, thật ra con người khó tìm ra được sự sống trong chính mình.

Tương tự như Trí khôn con người là nguồn sinh hóa ra tư tưởng; tư tưởng sinh hóa ra tình cảm và cảm giác. Đến lượt ba yếu tố này tạo ra sinh hoạt, hoạt động. Rồi đến sinh hoạt, hoạt động hình thành tâm địa, bản ngã của mỗi cá nhân. Thế là con người thường xuyên sống bằng những sức sống bên ngoài. Chúng luôn đổi thay với ngoại cảnh, với hoàn cảnh chung của đa số, với hai mặt Sinh, Diệt và mãi mãi Sinh Diệt.

Từ nguồn sinh hóa ra đến bản ngã, bao gồm ba lớp vỏ bọc lấy Trí khôn. “Nguồn sinh hóa này chỉ Sinh và Sinh mãi”, dù cho Nhục thân trong mọi trạng thái khỏe, yếu, đau, mệt mỏi... hay chuyển lên những hệ cao hơn như siêu Trí và siêu siêu Trí. Sự sinh hóa vẫn tồn tại và mang tính vĩnh cửu.

Chỉ có một con đường duy nhất, là trở về nguồn sinh hóa để tìm ra sự sống từ sự Sáng (thể Sáng) của Trí với sự hiểu tường tận ba nhân tố luôn sinh động trong nó, là bản chất, bản tính, và tính năng của sự Sáng, sự sống vậy.

“Sự đón ngộ (giác ngộ tức thì) này xảy ra trong thực tại với năng lực của Tuệ”(1) ở vào trạng thái mạnh nhất của sự bức xạ của thể Sáng của các loại Trí sau sự tập trung về não.

(1) Sự đón ngộ của Tuệ trong thực tại sáng tạo không do sự suy nghĩ như Trí thường. Loại Trí này phải suy nghĩ mới hiểu được những gì Trí khôn tìm ra từ những hiện tượng, tư duy có hệ thống v.v... mà ta gọi là lý tưởng, chủ thuyết v.v...

Sự cảm nghiệm của sự sống (sự Sáng) và của sự sáng tạo của chính nó ngay trong nguồn sinh hóa của mọi tạo vật siêu siêu hình, siêu hình và hữu hình, tức là sự thông minh của Tuệ hiểu được tính toàn diện của sự sáng tạo ngay trong sự sống (sự Sáng) mãi mãi sinh động.

Con người bình thường khó nhận ra những sinh động vô hình. Tuy nhiên, họ cũng có thể hiểu được những gì đã xảy ra trong chính mình, và cảm nghiệm được lúc nào năng lực của Trí mạnh nhất.

Thử hỏi, lúc nào năng lực của Trí mạnh nhất?

- Trong thực tại, năng lực của Trí mạnh nhất vì chỉ có Trí thông minh hoạt động.

Trí hướng về quá khứ, năng lực kém đi vì Trí nhớ hoạt động, gọi lên hình ảnh cũ làm cho Tâm dao động lại.

Tâm, Trí hướng về tương lai thì Trí suy nghĩ và Trí nhớ hoạt động, có những hình ảnh mới được tạo nên.

Tâm, Trí hướng về quá khứ hay tương lai đều tạo nên thời gian của địa cầu.

Như vậy, *chỉ có thực tại là không còn yếu tố không gian và thời gian của địa cầu. Vì chỉ trong thực tại, chơn Ngã mới xuất hiện sinh động và hoạt động.*

chơn Ngã đồng bản chất, bản tính và tính năng của vũ trụ, vì vậy mà sinh hoạt của nó chẳng còn dính dáng đến những gì thuộc về tạo vật, hay thuộc về sự sống của tạo vật.

Trí thường của con người bị giới hạn do các giác quan, nhưng sự thông minh cũng đã kỳ diệu rồi, hướng gì nói đến sự rộng lớn của Tuệ với sự Sáng và sự sáng suốt của nó luôn sinh động với 3 yếu tố kỳ diệu, linh thiêng và mầu nhiệm trong đó.

Nhưng làm sao sự Sáng của Tuệ có thể rộng lớn như vũ trụ được, hơn nữa làm sao nó có thể bao trùm và thấu triệt những tạo vật khác?

- Thân người tuy nhỏ, nhưng Tánh và sự Sáng của Tuệ thì rộng lớn bằng vũ trụ. Nay lấy cái rộng lớn vô cùng mà nhìn những cái nhỏ trong nó thì làm sao mà không rõ được.

Cũng như bóng đèn thì nhỏ so với căn phòng, nhưng khi nó tỏa ra ánh sáng thì ánh sáng đó bằng với thể tích căn phòng.

Như vậy, hai vũ trụ bằng nhau không do hình dáng của nó, nhưng do cả hai có cùng một thể tích, có cùng một bản chất, bản tính và tính năng mà cái cực nhỏ bằng với cái cực to.

Sinh hoạt của con người đa dạng, phức tạp làm cho con người luôn bị phân tâm, chia Trí, khó hướng vào cứu cánh. Nhưng tựu trung, chỉ có Thân, Tâm, Trí hình thành 3 đời sống (vật chất, tinh thần và tâm linh). Ba bộ phận (thật ra chúng là 3 cõi giới) này phải nuôi, phải dưỡng sức sống trong đó tiềm ẩn sinh động sự sống.

Thân:

Nuôi dưỡng Thân (Nhục thân) nhờ vào bao tử chứa đựng, thức ăn, thức uống. Những thức này phải ngon bổ, có vị ngọt, ngon, có hương thơm. Vì “Vị” thì bổ Huyết, “Hương” thì bổ Khí.

“Vị và Hương” đầy đủ thì Nhục thân khỏe, có sức sống mạnh.

Tâm hồn: bao gồm Tâm, Trí

Dưỡng Tâm, phải sinh hoạt bằng những tình cảm nhẹ nhàng, như Vui, Mừng.

Dưỡng Trí, phải sinh hoạt bằng những đức tính cao thượng.

Được như vậy thì tâm hồn luôn thanh thoát (Thanh thoát là bước đầu của sự siêu thoát. Thanh thoát là trạng thái của tâm hồn, còn siêu thoát là trạng thái của linh hồn).

Linh hồn: hình thành từ siêu Tâm, siêu Trí.

Nuôi dưỡng linh hồn bằng tính linh thiêng và mẫu nhiệm. Trong 4 thể linh thiêng, chỉ có sự Sáng mới có hai đặc tính này.

Nuôi linh hồn, cũng là dưỡng đời sống tâm linh, phải nhờ vào não chứa đựng sự Sáng. Sinh hoạt chủ yếu tập trung vào sự vận dụng các chức năng của Trí để tăng trưởng sự thông minh, tức là làm tăng thêm sự Sáng.

Sự Sáng nhiều thì sự linh thiêng và mẫu nhiệm cũng nhiều. Hai tính này càng nhiều thì linh hồn càng mạnh.

Tóm lại:

Chỉ có não mới chứa đựng được sự linh thiêng và mẫu nhiệm. Hơn nữa, tất cả sự huyền bí của vũ trụ chỉ được “Biết và Hiểu” được bằng sự Sáng trong não con người.

Về vật lý, mọi sức sống thuộc về Huyết, Khí, Điện trong con người đều phải Sinh, Diệt có tính vô thường. Chỉ có sự Sáng (thể Sáng) Sinh và Sinh mãi, có tính chơn thường mà thôi.

Về Đạo lý, chẳng có phạm nhân nào điều khiển được sự vô thường. Liên quan đến đời sống, con người không làm chủ được sự may mắn trong mọi hoàn cảnh, trạng huống trong tương lai của mình.

Do sự hiểu biết đó mà đạo nhân tìm ra những gì chơn thường, những gì có tính vĩnh cửu mà sống.

Nghĩa là phải tái sinh, nhưng để tái sinh phải làm sao?

- Cho cái phạm ngã chết đi, để sống bằng chơn Ngã, hay là cho phạm tâm chết đi, và sống bằng Tánh siêu nhiên (1).

Sự tái sinh này là một sự chuyển hóa, trong đó một sức sống mới này sinh với ý chí mãnh liệt hơn để tiến hóa và với những hiện tượng lạ lùng, những kiến

(1) Nếu sống bằng Tánh hồn nhiên thì cách sống còn ấu trĩ, chưa hiểu được cái Lý trong cảm giác, tình cảm và tư tưởng của con người và những hiện tượng trong các cõi giới.

thức và kinh nghiệm mới có trong tiêu vũ trụ.

Nhưng nếu người ta chưa cảm nghiệm được sự Sáng duy nhất sinh động riêng ở não bộ và chưa nhận ra được tính chơn thường của nó, tức là “không thể Hiểu mà không cần đến sự Biết”, thì phải theo con đường chậm hơn, phương pháp đòi hỏi nhiều thời gian để chuyển hóa qua cách Luyện, Tu, Sống đạo.

Ba cách này liên quan đến nhiều vấn đề cần được biết để tiến bộ nhanh, bao gồm nhiều sinh hoạt của Thân, Tâm, Trí, áp dụng cho cách sống như: Luyện thân; Nuôi Khí; Biết rõ về hai khiểu đưa con người vào thể gian hay vũ trụ; Cách sống bằng đức tính; Trạng thái của sự Sáng tụ về não; Những hiện tượng vật lý; Về tình thương tha nhân hóa giải được sự căm dỗ; “Ý chí” trong đời sống tâm linh; Rửa sạch bụi trần; Dùng Đạo, Đức làm sinh hoạt của mình; Sống Đời, sống Đạo; Đức tin và tình thương tạo ra những điều lạ; Những hiện tượng vật lý, sinh lý của cảm giác và tình cảm; Những sự phi thường được hiện thực từ tu luyện; Sống đạo; Ngũ hành ngưng động; Dương Âm sinh động; Tăng trưởng khả năng của các chức năng; Luyện năng lực siêu nhiên; Siêu thoát và phương cách siêu thoát; “Đạo lý” đưa đến sự toàn hảo; Trời đất ở đâu trong con người; Thực hành Phước, Đức, Đạo; Tánh vũ trụ trong con người; Hiện tượng vật lý của sự siêu thoát; Tâm trạng và tư tưởng có phản ứng hóa chất; Sự sung mãn của Khí thân; Sự tiến hóa của siêu Trí trong thế giới siêu nhiên; Sức mạnh của tư tưởng trong trạng thái chơn không; Luyện ngoại lực và nội lực; “Lý chí sinh không diệt; Tâm chơn không vô nhiễm, Hối quang và bức xạ; Sự hợp nhất của những hiện tượng vật lý và sinh lý, Tiến trình sinh hóa tự nhiên; Những hiện tượng làm hao tán nội lực; Bệnh tâm hồn; Khí động loạn Tâm, Trí động loạn; Luyện nội lực, giữ và tạo Phước theo lòng mình; Thiên môn phải mở mới cảm ứng được với vũ trụ; Chuyển động trong sự sinh hóa và chuyển hóa; Đầu não điều khiển mọi lực; Thời gian và sự chơn không hóa Tâm, Hiệu quả của Chơn Tâm, Hóa giải sự luân hồi; Nuôi dưỡng thực lực của nội lực; Chơn không hóa Tâm là xóa đi bản ngã; “Tâm chơn không” tạo ra vòng sáng quanh đầu tỏa ra, Hối quang; Hơi thở ra chuyển hóa nội lực và thư giãn; Luyện nhanh là luyện ngay trong Dương và Âm; Luyện phải rõ những chức năng của những bộ phận vô hình, Hiệu quả của các loại Trí; Hành Đạo bằng sự khơi dậy lòng thương của tha nhân; Sinh hoạt với những thể nhẹ lúc tỉnh thức; Trạng thái Hư vô xóa sự giận dữ; Tâm trạng là đặc thù của thể gian; Chơn không nuôi Điện thân, Hiệu quả của tu luyện là hưởng Phước, Đức, Đạo; “Sống Đạo” với sự sáng suốt luôn hiện hữu; “Lý trí” với sự nhận xét khách quan; Sự chuyển hóa do sự Sáng của Trí tạo nên; “Tu Luyện” với sự tiến hóa có tính cách vĩnh cửu; “Tình thương” làm tăng sự linh thiêng và màu nhiệm; “Lòng yêu thương” làm tan biến bản ngã xã hội; Ý chí là yếu tố quan trọng cho sự Tu Luyện; Hư vô là không gian rộng lớn và vô thời gian; Tu là sống bằng 3 đời sống; Sự lành trong thực phẩm và

tính Thiện trong Tâm, Trí trong sự Tu Luyện; Trong Tu Luyện khi có phản ứng tâm lý, phải buông xả ngay; Lực trong người được tăng lên như thế nào; Những sinh hoạt lợi ích trong sự Tu Luyện; “Tình thương” là một năng lực với hiệu quả là Vui mừng; “Tu Luyện” liên quan đến những bộ phận vô hình; Sinh hoạt đặc thù của mỗi bộ phận; Xem xét khách quan khi Tu Luyện; “Sống bằng sự công bằng, Thuận Lý”, thì lòng đã vững chắc; Sự tiến hóa căn cứ trên sự quan tâm của Thân, Tâm, Trí; Mắt sáng suốt, thú tánh nổi lên, Lương Tâm không hoạt động, quý tánh hiện; Luôn luôn phải nhận rõ tâm trạng của mình trong Tu Luyện; Phải hóa giải ngay nguyên nhân làm tâm hồn bất an, “Sự hợp nhất của Trí và đối tượng” này sinh hậu quả và hiệu quả; Sự thuận lợi và ngăn ngại trong Tu; “Lành mạnh hóa” Thân, Tâm, Chơn phước trong sự tu tiến; Mơ thì ngăn ngại nhưng Mộng là siêu kiến; Những hiện tượng cần được biết trong sự tu tiến; Người Tu Luyện, sống đạo khác với người thường; Sự nghiệp thành quả bao gồm nhiều nhân tố; Dùng Tâm thay thế các giác quan; Kết quả đạt được tốn nhiều thời gian trong Luyện ngoại lực; Trong sống đạo, tha thứ nhiều, lòng mở rộng; Làm sao mới được gọi là Đạo; Muốn các loại thân khỏe phải luyện tập; Trong Luyện Khí phải luôn quan sát dịch kỳ của Khí; Hoàn toàn ý thức được sự “chơn không” thì phàm tâm bị diệt; Oai nghiêm trong Đức độ khác với oai nghiêm trong chức quyền; “Ý” điều khiển được mọi hoạt động; Chơn tu sĩ sống bằng tâm linh; “Luyện” làm sạch nội lực; Lời nói và tâm lý con người trong Tu hành; An Tâm, An Trí trong sự Tu Luyện; Những nơi nào trong con người liên quan đến Tinh, Khí, Thần; Tầm nhìn gần xa, rộng và tuyệt đối ở Lý đạo; Làm sao cho dễ Tu; Thông minh, sáng tạo trong tính Thiện; Trí khôn đưa con người vào sự Thiện, toàn thiện; Phương pháp nào làm cho Thần mạnh; Lòng nhân hậu là một cường lực; Hiệu quả của Tâm chơn không; Phương pháp làm cho các khiếu được thông; “Tình lực” mới là thực lực; Sự ngăn ngại của đời sống tâm linh; Đạo Bi chỉ có Sinh và Sinh mãi; Sức mạnh của Tình thương; Sinh hoạt và ý thức của đạo nhân; Tình cảm, đức tính thuộc về thế gian, sự thánh thiện thuộc về vũ trụ; Luyện: dùng gì để tinh luyện; Luyện mỗi loại thân, phải luyện nơi nào; Đạo nhân sống vừa xuất thế vừa nhập thế; Tu, dùng Đạo lý để làm gì; Đạo Bi sinh động vĩnh cửu; Sự linh thiêng, mẫu nhiệm sinh động ở phần nào; Thực tại của Trí, Tuệ thì linh thiêng và mẫu nhiệm; sự sáng suốt có khả năng hiểu sự sinh động vô hình; Lòng toàn thiện, sự ác không còn; Sự Cực lạc của sự sống; Giả tu và chơn tu: theo Đạo, sống Đời, sống Đời nhưng Tâm Đạo; Trong Luyện, làm sao nuôi Điện thân; Tâm, Trí còn không gian và thời gian, và không còn...; Đời sống bằng sự sống như thế nào; Sự cảm dỗ tăng, khó tu; Tâm chết: chùng từ luân hồi chết; Sự sinh động của Tâm; Tiến trình tu luyện của Tâm; Những hiện tượng vật lý liên quan đến Tâm chết; Tu: ban bố sinh Thiện tính, chiếm hữu sinh Ác tính; Nội khí điều hòa: Nhục thân nghiêm trang; Huyết và Khí

không còn dịch kỳ: Thủy thân và Khí thân hiện; Trung dung đi vào chỗ nhất nguyên là Đạo vậy; Sự cảm dỗ được biểu hiện như thế nào; Luyện Khí; Tại sao khi Tuệ sinh động, con người không ngủ được; Tu, sống Đạo: sức mạnh dồn về não; Muốn có hiệu quả phải rõ trạng thái tinh thần và tâm linh; Tu: cần rõ được tình trạng sức khỏe, sức mạnh tinh thần và tâm linh; Tu: chủ động tiến hóa và tự động tiến hóa; Hành đức tính Nhân ái: thái độ hòa nhã; Luyện: cường hóa nội lực; Vui: hóa giảm; Tu: phải thấy rõ từng bộ phận, cõi giới để tiến hóa; Tâm phàm đi vào vạn nẻo, Tâm đạo đi vào cái Một; Nhìn vào đâu để biết mức độ tiến hóa; Hiệu quả của tu luyện; Phương pháp nuôi khí để tạo thành Khí thân; Sự kỳ diệu của tính Thiện trong tình yêu; Phiền não từ đâu đến; Những gì có tính cách thực tại; Muốn đắc đạo phải làm gì; Quán âm, quán thanh; Làm chủ được tiêu vũ trụ là gì; Đạo nhân cư xử và tiến hóa tha nhân; Đời sống của đạo nhân như thế nào; Tình cảm và tình yêu trong sự sống Đạo; Yêu tha nhân, việc Thiện nảy sinh; Sự tiến hóa của sự sáng tạo không ngừng; Đạo nhân chỉ có cái Một, là nguyên nhân sáng tạo; Đạo nhân điều khiển được sự sống chết của Nhục thân; Đạo Bi hóa giải được những họa; Thiện hóa và thánh thiện hóa làm tăng năng lực cho vũ trụ; Đắc Đạo: để tiến hóa sinh linh; Ý thức sinh động: Trí Tuệ tiến hóa; Niềm vui của người ban bố; Tánh Thiện và công đức ở đâu; Đạo nhân: tìm việc của tạo hóa; Phương pháp duy trì mức độ thông minh; Làm sao cho tâm tư vắng lặng; Ngũ khí dấy động do nơi đâu; Năng lực xúc tác không cùng một tỷ lệ mẫu nhiệm; Tại sao ta cần thư giãn trong mọi trạng huống; Hai yếu tố để tu tiến là quyết tâm, quyết chí; Phàm tâm và Đạo tâm; Tu Tâm: chiến thắng mình trong sự tự cường; Thực tại cần cho sự tu luyện; Chữa bệnh không bằng không có bệnh; Khi nào con người biết trong mình có sự sống đang sinh động; Sự sinh động của Tình thương; Con đường đi vào giác ngộ (điều khiển sự sống chết); Tu tiến phải như thế nào; Đạo nhân ứng xử khi nhập thế; Tu: Thân cần được vô bệnh; Cường hóa Khí thân; Hiệu quả của Tâm hư vô trong sự tu tiến; Nghịch Lý: yếu tâm hồn, Thuận Lý: cường hóa tâm hồn; Chẳng còn bản ngã: Tâm trong, Trí sáng; Tu luyện: nếu không thấy sự tiến hóa, phải suy nghĩ lại; Tâm hồn vương bận hay tự do trong Tu Luyện; Tâm chơn không: Trí sáng; Mục tiêu vô hình, vô tận của đời sống tâm linh; Ba loại Đạo; Căng thẳng và thư giãn theo ý muốn tự nhiên; Tu Tâm, Tu Trí: được ơn; Chân sư là gì; Đốn pháp: chẳng cần Tu, chỉ hành: Đạo nhân sinh hoạt; Đạo nhân và phàm nhân khác nhau ở sự nhận định của sinh hoạt; Biết và Hiểu được để linh thiêng hóa, mẫu nhiệm hóa thì chẳng cần tu nữa; Đạo: không phải tôn giáo, chẳng phải đường; Thực lực của thể linh thiêng thuộc về não; Tâm chơn không: nhận đúng sự thật của sự vật; Hiểu rõ tường tận: con người có thể hằng sống; Sự khác thường trong đời sống chân sư; Yếu tố thành công của Tu Luyện: kiên nhẫn, kiên định; Hành Đạo: nền tảng của sự công bằng, sự thật và tình thương; Tu

Tâm: nội lực được luyện, nó tăng trưởng; Các loại sức mạnh và cách dùng chúng; Tu chân chính: không một tai nạn xảy ra; Hành: sức mạnh của Tình thương; Trí thức tỉnh: con người mới giác ngộ được; Cách cư xử của Đạo nhân; Tu: chủ động tiến hóa, thụ động tiến hóa; Sự chơn không của Tâm: tha tâm thông; Trí tinh táo: cảm ứng cao; Sự mới lạ trong sự sáng tạo, và sáng tạo có định hướng; Sự thật trong lời nói; Các Đạo được đưa vào thế gian; Sự kỳ diệu của Tâm chơn không; Trí khôn dùng cho mình, cho tha nhân; Muốn tiến hóa theo ý muốn; Vì sao Tâm chơn không linh thiêng; Sự tiến hóa của sự Tu luyện; Cách cư xử của một Lương Tâm; Sống bằng Nhân, Nghĩa: tạo Phước, Đức; Cường hóa Khí; Những điều cần thiết cho sự Tu Luyện; Vừa Tu, vừa Luyện; Hiệu quả của hồi quang; Làm sao cho Thiên Tánh sinh động; Cái tôi hiện ra, khó Tu; Thiện Tâm sinh động, may mắn đến; Uy lực trên các loài thú: Tu Tâm; Tại sao đạo nhân mất đi sự siêu việt; Hành: cái vui trong Nhân, Nghĩa; Tâm hỗn động loạn trong sự khoe khoang; Hành: Tình thương tỏa ra sự Lành; Sự tiến hóa toàn hảo; Làm sao cho Điện thân, Quang thân được tạo nên; Tu: sống với sự tôn trọng; Tin: bớt lo, gặp may; Tình thương vô tận, rộng hẹp; Những gì làm tăng nội lực; Cư xử ở đời: quản lý nhân tâm hơn nhân sự; Tình thương vượt qua quyền lực, bạo lực; Tính Thiện trong sự công bằng; Hiệu quả của phương thức, phương pháp; Tu Tâm: sự Sáng tăng, Trí sáng suốt; Làm sao để trở nên linh thiêng, trang nghiêm; Linh thiêng sinh động trong Tâm, Trí chơn không; Tha tâm thông; Người thật thông minh; Tính vĩnh cửu của Tốt, Đúng, Phải nằm ở đâu; Tâm an Định; Làm chủ được Tâm, hết tu sửa; Sinh hoạt bằng đức tính, đạo tính, Tâm sẽ ra sao; Tình thương hóa giải mọi Độc, Ác tính; Tai họa ngoài và trong; Ngủ, không ngủ và tỉnh thức; Nơi nào làm Tâm dao động hơn hết; Rung chân, rung đùi biểu hiện Tâm động; Nơi nào đàm Đạo và Đạo ở đâu; Thanh tịnh hóa Tâm; Tu: tự hỏi để hiểu, thực hành để tiến hóa; Nơi nào đàm Đạo, nơi nào nói việc đời; Do đâu các luân xa được mở; Tu: luôn phải thấy chính mình như đang thấy trước mắt; Gieo hạt tình thương; Tu đắc Đạo, con người phải như thế nào; Chẳng có gì để phàn nàn từ Tâm hư vô; Cảm ơn từ lòng mình vượt qua cảm ơn bằng lời nói; Sự can đảm của phạm nhân, của đạo nhân; Mầu nhiệm biến hóa to nhỏ của những bộ phận vô hình; Sinh hoạt của phạm nhân, đạo nhân; Sự cảm dỗ và những bộ phận loại sự cảm dỗ; Làm sao nhận ra sự hiện hữu của bản ngã, chơn Ngã; Hồi quang trong Tu Luyện: sự Sáng của Trí xúc tác; Tâm chơn không: con người trong trạng thái vô biên, vô tận như vũ trụ; Đời sống tâm linh dùng gì; Làm sao thay đổi khí số; Tâm động, Tâm an, Tâm hư vô mãi: mức tuyệt đối của Tu; Muốn có hạnh phúc: sống bằng Tình thương; Sự chơn thật của Lương Tâm diệt được Ác tính; Vì sự công chính, không thể nói sai sự thật; Thuận Thiên hành Đạo bằng cách nào; Tu Luyện: phải làm chủ Tâm, Trí mình trước; Làm sao cho ma quỷ không khuấy phá; Hư vô hóa Tâm,

Trí; Tu Luyện, sống Đạo: chỉ cần hồi quang; Làm chủ tiểu vũ trụ; Cách sống để trở thành một tiểu vũ trụ; Tu và phương pháp; Mục đích của đạo nhân; Thiên định là gì; Làm sao để có thanh Khí, khí tụ, khí vượng; Tình thương: động lực vô hình có sự mâu nhiệm; Thanh Tâm, thanh Trí; Nín thở: vướng mãi vương trần; Những chức năng vô hình: làm sao cho con người tiến hóa; Trí Tuệ; Thuận Thiên hành Đạo là gì; Tu: triệt phiền não; Tịnh khẩu, khẩu tịnh; Luyện thực lực; Luyện đức tính: luyện nội lực; Tu: con người phải nhận ra mình trước hết; Luyện Lực là luyện thực lực; sống bằng tình thương, không có ngăn ngại; Tâm, Trí chơn không (trạng thái Tĩnh): lực tụ cao nhất; Phương pháp: tu luyện; Đạo lý nhập thế; Thành thật: tội được xóa; Chơn thật; Làm sao tránh khỏi sự cám dỗ; Tu Tâm, dưỡng Tánh, không tu thân; Ba cách hóa giải phiền não; Tu và Hành; Sự khác biệt giữa đạo nhân và phàm nhân; Hiệu quả của Đạo Bi: lạc quan trong sự thánh thiện; Hành Đạo: sống với người, có lúc sống với mình; Tọa niệm: trở ngại cho sự Hư vô hóa; Ý chí: sức mạnh của tư tưởng; chơn Ngã, Vô ngã: tạo ra công đức; Luyện Thân, luyện Trí: quan niệm về luyện; Tu: cần tịnh Tâm hơn tịnh khẩu; Đạo tính: tiến hóa sinh linh; Đắc Đạo Bi; Thực hành yêu thương; Tu: cứu cánh là thay đổi một đời sống; Tu Luyện: là để đạt được sự linh thiêng và mâu nhiệm v.v...

LUYỆN

Cứu cánh của Luyện là thay đổi cả một đời sống được mở rộng thêm với nhiều sinh hoạt liên quan đến cõi siêu nhiên và siêu siêu nhiên bằng cách duy trì sức khỏe của Nhục thân (luyện cơ bắp, khí, huyết, khớp...) và phát triển nội lực (thực lực của năng lực tiên thiên điện, sự Sáng).

Nó liên quan đến nhiều yếu tố bao gồm ý chí; phương pháp, phương thức; những chức năng vô hình; sự xúc tác của sự Sáng; làm chủ được tiểu vũ trụ; làm tăng nội lực; các loại thân khác xuất hiện; những yếu tố để tiến bộ: quyết tâm, quyết chí; luyện nội lực, ngoại lực v.v... và nhiều yếu tố khác.

A. NHẬN ĐỊNH CÁCH SỐNG CỦA CON NGƯỜI VỚI THIÊN NHIÊN VÀ TRONG CƠ THỂ

Con người sống hòa hợp với thiên nhiên là phải thuận theo thiên nhiên. Rồi sau đó, con người có thể phát triển những đặc thù của thiên nhiên trong vùng mà con người đang sống.

Dương và Âm trong một vùng lấy Khí, Thủy làm gốc sinh hóa.

Khí, Thủy của một vùng tạo ra đặc thù của thổ (địa lý, địa chất của vùng).

- Khí + Thủy Dương: đất khô, vì không có nước chứa ngầm dưới đất (như sa mạc, những nơi cằn cỗi).

Đặc thù: có thể phát triển Khí và Thủy Dương.

- Khí + Thủy Âm, Dương: cây xanh, lá có sắc xanh đậm nhiều, chứng tỏ nhiều Khí Dương và có nhiều nước ngầm.

- Khí: lấy gió làm gốc. Gió: lấy Hướng làm gốc.

Hướng gió đúng mùa (nếu gần biển thì gió đất thổi ra biển từ sáng đến trưa; từ trưa đến chiều tối, từ ngoài biển gió thổi vào); gió mát; gió động loạn không được (gió động loạn xoay nhiều hướng, lúc mạnh lúc nhẹ không đều. Những gì liên quan đến Dương đều động loạn, người Nam, những tạng phủ có nhiều khí, bị động loạn).

Cơ thể con người cũng vậy, chứa nhiều loại lực (ngoại lực, nội lực) luôn luôn sinh động, hoạt động theo sinh hoạt, theo ý của con người. Nếu chưa nhận ra được chúng, con người không thể phát triển được chúng, tức là có ý, có sự điều khiển, có khả năng cảm ứng, khả năng thu nạp năng lượng, làm tăng giảm, thực hiện v.v...

1. Ý

Ý là một động lực vô hình có khả năng điều khiển được những năng lực khác yếu hơn năng lực của nó.

Ý điều khiển được mọi hoạt động của những cơ quan, chức năng của Nhục thân và luôn cả Nhục thân nữa.

Nó điều khiển từ động tác nhẹ đến động tác mạnh của Nhục thân, Khí thân, Điện thân và Quang thân.

Ý điều khiển mọi loại hoạt động, nhưng sự hiện thực thì xảy ra cùng một tốc độ.

Ý thuộc loại lực nào mà có uy lực như vậy?

- Ý thuộc về Trí, mà thể của nó là sự Sáng. Tức là, sự Sáng của Trí theo ý muốn và tùy theo loại Trí mà điều khiển được tinh lực, thần lực, huyền lực và huyền năng.

Ý có khả năng cảm ứng được với siêu sinh linh và Thiên Tuệ, nếu có thì sự cảm ứng phải qua thể nào trong con người?

- Đây là sự cảm ứng với những gì thuộc về siêu nhiên và siêu siêu nhiên, và chỉ có một thể linh thiêng và mẫu nhiệm mới có thể thực hiện được. Đó là sự Sáng của Trí – sự Sáng thuần túy của Trí thông minh.

Ý có thể thu nạp được năng lượng trong vũ trụ không?

- Ý làm hao tán năng lượng thì ý cũng thu nạp được năng lượng, nhưng phải để cho bộ phận thu nạp được mở ra.

Bộ phận thu nạp năng lượng của vũ trụ trong con người (trong tiểu vũ trụ) là Trí thông minh, tức là sự Sáng thuần túy của Trí thu nạp sự Sáng của vũ trụ với tất cả những gì được chứa và sinh động trong sự Sáng của vũ trụ.

Ý có khả năng làm tăng giảm nội lực không?

- Ý có thể làm cho nội lực tăng hoặc giảm. Như làm tăng nội lực bằng sự Sáng.

Nội lực giảm, thân thể uể oải, mệt mỏi. Khi Ý đưa sự Sáng của vũ trụ vào Trí thông minh, sự Sáng của Trí tăng, mức minh mẫn của Trí tăng, thì Nhục thân hết mệt mỏi ngay.

Ý còn có khả năng thực hiện sự thần thông, nhưng để hiện thực thì do các loại thân (Khí thân, Điện thân, Quang thân) và do các bộ phận vô hình và mẫu nhiệm.

Tóm lại:

Tất cả các khả năng đó đều thuộc về bộ não và sự Sáng.

Hay là, đầu não con người điều khiển mọi loại Lực với ba loại Trí (Trí, siêu Trí, siêu siêu Trí).

Trí điều khiển ngoại lực, tức là Trí điều khiển tinh lực, Khí lực nằm trong Nhục thân.

Nói cách khác, sự Sáng của Trí và Điện lực của tư tưởng tác động đến khí lực và huyết lực trong Nhục thân.

Siêu Trí điều khiển nội lực (1), hay là siêu Trí điều khiển Khí lực và nhân điện lực sinh động trong Khí thân và Điện thân.

Siêu siêu Trí (Tuệ) điều khiển nội lực (huyền năng), tức là siêu siêu Trí điều khiển Quang thân và chức năng của các loại thân.

Tóm lại:

- Não điều khiển (sự Sáng trong não điều khiển) mọi lực, cũng như điều khiển mọi sinh hoạt và chức năng của các loại thân.

Lực siêu nhiên chuyển động trong trạng thái siêu nhiên, vì vậy mà Tâm, Trí và Thân đều phải ở trong trạng thái chơn không, tức là 3 cõi đều phải siêu thoát, thì Lực siêu nhiên trong 3 cõi đó mới chuyển động được, để thoát và tỏa ra ngoài Nhục thân.

2. Ý chí trong sự Luyện (hoặc Tu)

Ý chí là gì?

- Là sức mạnh để thực hiện một ý, trong đó có sự kiên nhẫn, kiên trì, kiên định và sự thông minh.

Ý chí có thể tồn tại ở người này, nhưng lại mất đi ở người khác.

Sự tồn tại hay mất đi của ý chí do nhiều nguồn cung cấp sức mạnh cho ý chí.

Nguồn cung cấp sức mạnh cho ý chí do ở sức sống của các thể linh thiêng. Và các thể này liên quan đến những bộ phận siêu hình hay vô hình trong cấu trúc con người.

- Ý chí do sức sống của khí, huyết cung cấp.

- Ý chí do sức sống của điện cung cấp.

- Ý chí do sự Sáng cung cấp.

Sức sống của khí, huyết có tăng, giảm. Thông thường, sức sống này tăng lên mức tối đa ở tuổi 32 (đối với nam nhân), ở 28 (đối với nữ nhân) khi răng cấm cuối cùng mọc.

Đây là sức mạnh của ý chí căn cứ trên sức khỏe của Nhục thân.

Ý chí của con người bình thường (không luyện nội lực) dựa trên sức mạnh của Nhục thân, có lúc tăng, lúc giảm.

Lúc tăng, Nhục thân khỏe và mạnh, ý chí mạnh mẽ, làm việc có hiệu quả.

Lúc giảm, Nhục thân yếu, hoặc hơn nữa, là đau đớn, ý chí yếu đuối hay tan rã, nhất là cuối thời trung niên, và lão niên.

(1) *Nội lực là lực sinh động trong ngoại lực, cũng là năng lực tiên thiên sinh động bên trong năng lực hậu thiên. Chúng là sự Sáng và Điện sinh động trong Khí và Huyết. Nội lực là thực lực.*

Sức sống của Diên, sức sống này tăng dần. Sức sống vượt qua thời hạn sống của Nhục thân.

Đây là sức mạnh của ý chí căn cứ trên sự sinh động của Tâm (của Chơn Tâm, siêu Tâm và Lương Tâm), cho nên, dù Nhục thân có đau đớn, già yếu, ý chí này vẫn tồn tại.

(Mẫu người này là đại nhân, hiền nhân v.v... Họ lấy Lương Tâm và sức mạnh của nó mà nuôi dưỡng ý chí. Càng về già càng hưởng được Phước do nhân đức hoặc công đức tạo nên).

Ý chí do sự Sáng (sự sống) cung cấp. Ý chí này tồn tại mãi, vì nó được sức sống vĩnh cửu nuôi dưỡng.

Sức mạnh, sức sống này thuộc về Trí, về Tánh của vũ trụ nuôi dưỡng lấy.

Người mà có ý chí thuộc loại này là Thánh nhân hay là đạo nhân.

Ý chí này không bị Nhục thân, không còn bị phàm thân ảnh hưởng. Nó thuộc về sự sống, cho nên Thân, Tâm có tan rã, nhưng ý chí này vẫn còn.

a. Ý chí: sức mạnh của tư tưởng, của Trí thông minh

Bản chất của ý chí là cường độ của sự Sáng, cũng là cường độ của sự sống làm tăng sức sống trong sự sống.

Trong đời sống, ý chí mạnh thì hy vọng nhiều; Ý chí yếu, hy vọng kém; mất ý chí thì tuyệt vọng (năng lượng yếu: bệnh, đau yếu hoặc chết).

Nó là yếu tố quan trọng đưa con người đến những thành tựu, đến kết quả của đời sống tinh thần, hay đời sống tâm linh.

Cường độ của ý chí đưa ước muốn con người đến mục tiêu.

Thời gian thành đạt nhanh hay chậm do nơi cường độ của ý chí và mức cao thấp của Trí thông minh.

Hay là

$$\left. \frac{(\text{cường độ ý chí} + \text{mức thông minh})}{1} \right\} \rightarrow \text{hướng đến mục tiêu}$$

Tóm lại:

Ý chí là một nhân tố trong một năng lượng mạnh nhất, là tinh hoa của nội lực sinh động trong nội lực đó để tăng trưởng sức sống và sự sống cho nội lực đó.

b. Yếu tố quan trọng trong sự Luyện (Tu)

Ý chí: theo vật lý nó là gì?

- Ý chí là nội lực. Nó có thể thuộc về thần lực, huyền lực hay huyền năng. Khi nội lực sinh động thì những gì liên quan đến cảm giác như dục cảm, khoái cảm... không còn ảnh hưởng nữa.

Thần lực

Khi ý chí sinh động, không còn sự dao động của tình cảm cá nhân, không còn cảm giác..., chỉ còn lại sự Sáng của Trí và mục tiêu của ý chí. Ngay lúc đó, ý chí là Thần lực.

Ý chí thuộc loại này mà sinh động, tức là Thần lực sinh động. Sự sinh động của thần lực do cường độ và trường độ của nó tạo nên sức mạnh của Thần, Hồn, Vía.

Huyền lực

Khi ý chí chỉ liên quan đến Tâm, Trí, không còn sự can dự của Thân nữa, nghĩa là chỉ còn đầu sinh hoạt, thì ý chí này thuộc về siêu nhiên, thuộc về huyền lực.

Sống với ý chí và loại huyền lực này nên hành giả thường trải qua cơn mộng, siêu kiên và được mặc khải.

Huyền năng

Khi ý chí liên quan đến sự Sáng của Trí, nghĩa là chỉ còn lại sự Sáng sinh động, Thân, Tâm, tâm hồn chẳng còn liên quan đến sự sinh hoạt của Trí, lúc đó ý chí là huyền năng.

Hiệu quả của ý chí

- Hiệu quả của ý chí làm tăng sức sống của nội lực, Thần, Hồn Vía, và những bộ phận vô hình, mẫu nhiệm được cường hóa (1). Nó hóa giải được Họa, nhưng nếu ý chí yếu đi, Họa sẽ đến (đau, yếu, kém may mắn...).

- Ý chí tạo nên nhiều đức tính, mà đức tính đầu tiên là sự kiên nhẫn, kiên trì. Và chính sự kiên trì của ý chí mới tạo nên cường độ của ý chí.

- Sống với ý chí: là sống bằng nội lực. Nội lực mà sinh động luôn, dù Nhục thân chết, nhưng nội lực sẽ tiếp tục sống, tức là thần lực, huyền lực hay huyền năng vẫn tiếp tục sinh động.

Như vậy, sống với ý chí, là sống bằng nội lực. Sống với nội lực, con người sẽ được siêu thoát nhanh.

Đây là một đời sống rất bình thường, nhưng lại là một đời sống mang tính siêu thoát.

c. Các trạng thái trong sự kiên nhẫn

Học tập, Tu Luyện lâu năm hay thực hiện một công trình sáng tạo dài hạn... đều phải có sự kiên nhẫn. Trong sự kiên nhẫn nào cũng có sự cố gắng, trong đó có cả sự cộng tác của Thân, Tâm, Trí, hay của Tâm, Trí, hoặc chỉ có riêng Trí.

Nói cách khác, là trong sự hiện thực đó, có sự tổng hợp của Lực của cơ bắp, và ý chí của Tâm, Trí, hay là chỉ có ý chí của Trí và Tâm (tâm hồn), hoặc chỉ có riêng ý chí của Trí.

(1) Sự tập trung nội lực, ý chí qua sự chơn không của Tâm, Trí thì nội lực (thần lực, huyền lực và huyền năng) tỏa ra ngoài, cảm ứng được với tâm trạng, trí trạng của tha nhân và sinh vật. Qua sự cảm ứng đó, hành giả thực hiện mục đích, ý muốn của mình.

Trong sự kiên nhẫn và cố gắng này sinh ra hai trạng thái, tâm trạng: vui thích hay buồn rầu, đau khổ.

Vui thích: khi người thực hiện nhận ra có sự đổi mới, tiến bộ trong kiến thức, hay là có sự suy nghĩ làm cho Trí khôn tiến hóa, có sự khám phá mới trong sáng tạo. Do đó, mà sự cố gắng kiên nhẫn chẳng còn nữa, chỉ có sự vui thích trong việc học, Tu Luyện hay trong việc làm, nên con người trở nên tích cực trong sự lạc quan.

Buồn rầu đau khổ: khi người thực hiện không nhận ra được có sự đổi mới, có sự tiến bộ trong kiến thức trong việc học, Tu Luyện hay trong việc làm, mà chỉ thấy sự mệt mỏi của cơ bắp, sự nhàm chán, chán nản của tâm hồn trong một thời gian dài..., nên lòng sinh ra tiêu cực.

d. Hai yếu tố trong sự Tu Luyện tiến bộ

Quyết tâm và quyết chí.

- Quyết tâm là sự quyết định của lòng người muốn đạt đến mục đích nào đó, trong đó có sự kiên trì của tâm lý và sự chịu đựng những gian nan, khổ cực của Nhục thân, tức là có sự kiên trì của Tâm và Thân.

- Quyết chí là sự quyết định của lòng và Trí của con người muốn đạt đến kết quả, trong đó bao gồm cả sự sáng tạo của Trí, sự kiên trì của Tâm và luôn cả sự gian khổ của Thân nữa, tức là sự tham gia tích cực của Trí, Tâm, Thân, cho đến khi đạt được mục tiêu. Vì vậy mà luôn có kết quả cao.

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN THIẾT CHO SỰ LUYỆN (HOẶC TU)

Với đời sống bên ngoài, sự nghiệp là thành quả bao gồm nhiều nhân tố như: ý chí, lòng kiên nhẫn, sự tính toán đúng thời cơ, đúng với không gian thích hợp, Trí thông minh biện biệt được lợi hại..., có trình độ Biết và Hiểu rộng.

Với người Luyện, Tu, trước hết phải hiểu điều gì và ứng dụng cái gì vào sinh hoạt.

Người muốn thật sự vào con đường này, trước hết phải giác ngộ được cái “Lý biến hóa” của thế giới hữu hình.

Trong thế giới hữu hình, tất cả đều phải biến hóa để tiến hóa. Từ sự biến hóa mà có sự biến thể, biến tướng, biến thái.

Giác ngộ được cái “Lý biến hóa”, người tu luyện, mới có được tinh thần vô sân, Vô ngã, tức là bên ngoài cả bên trong đều không chứa chấp những gì không tồn tại. (Người chọn tu phải vô sân, nhưng chưa Vô ngã, thì chưa thể vào đường Đạo được, huống gì là đắc Đạo).

Hiểu được, người tu luyện không còn bận Tâm, bận Trí, và tốn thời giờ về

tài sản, về bản ngã xã hội nữa, mà phải tận dụng thời giờ và Trí khôn để tiến hóa, thăng hoa khả năng của những bộ phận mẫu nhiệm để sống bằng sự sống trong con người.

(Sự sống sinh động, tiềm ẩn trong sức sống, mà một trong những sự bộc lộ ra bên ngoài dễ nhận, dễ cảm biết, đó là “Tình thương của loài người”. Tình thương này xuất nguồn từ “Đạo Bi”.

“Đạo Bi” có trước khi vũ trụ được hình thành. Nó tồn tại mãi và hằng sinh động. Vì vậy, nó là “Sự sống”. Cho nên, “sống bằng Đạo Bi, là sống bằng sự sống” vậy).

Tóm lại:

“Giác ngộ được cái “Lý biến hóa” là thấu triệt được tính vô thường của mọi tạo vật trong thế giới hữu hình”.

Giác ngộ, lòng người trở nên xác tín. Ngược lại với sự xác tín là sự nghi ngờ, lòng đa nghi.

Với lòng đa nghi, con người kém đi sự quyết đoán. Vì nhiều tư tưởng nghịch nhau tạo ra sự mâu thuẫn trong sự quyết định.

Người có lòng đa nghi khó mà thấu triệt cái Lý của sự việc. Không thấy được bên trong, chỉ thấy nhiều phương diện, hình thức bên ngoài... Chính cái đa diện bên ngoài mới tạo ra sự đa nghi, sự nghi ngờ.

Đa nghi, nghi ngờ bên ngoài không thấy được sự sâu sắc bên trong, nên chưa phải là người Trí.

1. Nhìn ngoài và trong (1)

Con người có cặp mắt để nhìn ra bên ngoài, và luôn muốn nhìn xa hơn nữa. Càng nhìn xa, kiến thức càng rộng. Trí hiểu, biết được nhiều, nhưng không biết được cõi giới và thế giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên (vô hình). Và con người chưa có thể cảm ứng được với các sinh linh trong những cõi giới đó.

Vì vậy, muốn phát triển sự hiểu biết của thế giới tự nhiên, người ta nhìn ra ngoài. Còn như muốn hiểu biết về 2 cõi giới và thế giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên qua sự Luyện, Tu và Sống đạo, thì cái nhìn phải hướng vào trong.

Nhìn vào trong, con người mới rõ được sinh hoạt, các loại Lực, sự linh thiêng và mẫu nhiệm của những bộ phận vô hình của Tâm, Chơn Tâm, Lương Tâm, Tánh, Trí, Tuệ v.v... và mới điều khiển được nội lực của chúng như giác hồn, Thần hồn, linh hồn, Vía ...

(Rõ được sinh hoạt, hoạt động của những bộ phận vô hình đó, con người

(1) “Từ chuyên môn” trong sự Tu Luyện, Sống đạo là “Hồi quang”, có nghĩa là quay tâm nhìn vào trong, với sự cảm nghiệm bằng sự Sáng của Trí khôn.

mới tạo thành pháp môn – phương pháp, phương thức dành riêng cho môn đó. Và Đạo do con người đặt ra cũng từ bên trong, từ những khám phá bên trong mà ra).

Hiệu quả của hồi quang

Trong sự nhìn của đôi mắt ở bên ngoài gồm có hai hiệu quả là nhìn để biết và sâu hơn nữa là nhìn để hiểu. Nhưng trong sự hồi quang, hay là nhìn vào trong thì sự Sáng của Trí tạo ra nhiều hiệu quả.

Cùng một chức năng quan sát của Trí, sự Sáng của Trí có lúc tạo nên sự xúc tác, có khi không có.

Trí “quan sát” ngoại vật, ngoại hình, sự Sáng của Trí (năng lực của Trí) không tạo nên sự xúc tác trong sự nhận biết.

Nếu “quan sát và suy nghĩ”, nó sẽ tạo nên “Trí năng”.

Trái lại, khi Trí hướng vào trong để quan sát và điều khiển sự sinh động của một thể linh thiêng (như sự sinh động của máu, là nhịp đập của tim, hay sự chuyển động của Khí) thì sự Sáng xúc tác vào thể linh thiêng đó. Và nó sẽ tạo nên năng lực cho nội lực.

Sự xúc tác này làm tăng năng lực cho Huyết, Khí, Điện. Trước hết là thân thể được khỏe và sự Sáng của Trí tăng.

Hồi quang luôn mang tính chủ động của con người, nội lực được tăng lên, nhưng với sự sinh động của nó trong sự chuyển động được tăng lên như thế nào?

- *Thể linh thiêng nào sinh động trong dịch kỳ khép kín, mà không còn sự dao động hay bị gián đoạn do bất cứ một nguyên nhân nào bên trong hoặc bên ngoài gây ra, thì Lực của thể đó tăng lên do sự sinh động của chính nó. Hay là:*

- *Thể linh thiêng nào sinh động trong dịch kỳ khép kín mà có sự xúc tác của một thể linh thiêng mạnh hơn, thì sự xúc tác đó làm tăng thêm một lực mới.*

Thí dụ: dịch kỳ của Khí (hô hấp) được xúc tác bằng sự phối hợp của sự Sáng (của Trí trong chức năng quan sát) thì sự phối hợp đó làm tăng cường độ của nhân điện và Thanh khí Dương.

- *Dịch kỳ khép kín của 3 thể linh thiêng (Huyết, Khí, Điện) chỉ xảy ra khi con người ngủ (trạng thái tự động liên quan đến hệ thần kinh đối giao cảm), hoặc lúc Tâm, Trí đều ở “trong trạng thái chơn không” trong lúc tỉnh thức hay đang trong Thiền định (trong tiểu định, trung định hay đại định).*

Hiệu quả của hồi quang mang lại cho người Tu Luyện, Sống đạo những sinh hoạt lợi ích. Đó là sự linh cảm được tạo nên từ sự tăng trưởng của nội lực. Nhưng linh cảm sẽ bị mất, hay bị gián đoạn, do sự rung động của tình cảm, và mạnh hơn hết là cảm giác (nhục dục cảm, khoái cảm ...).

- Sự linh cảm ở mức cực cao là do ở sự Sáng, hay là trong thể Sáng, mức linh thiêng cao nhất.

Khi cảm giác gia tăng sinh động thì Huyết sinh động. Sự sinh động của

Huyết ở bên ngoài che đây, hoặc làm ngăn ngại sự tỏa ra bên ngoài của sự Sáng, nên sự linh thiêng không xảy ra.

Sự linh thiêng trong sự linh cảm không phải là nó mất đi, nhưng nó bị che đây do sự cảm biết của cảm giác.

Trong sự cảm biết về các loại cảm giác, có sự can dự của sự Sáng của Trí trong đó, vì vậy mà sự linh thiêng trong linh cảm bị sự cảm biết của sự Sáng của Trí ngăn ngại.

Sự cảm biết của Trí trong cảm giác là sự phối hợp của sự Sáng với Huyết, hay là sự Sáng của Trí tiềm ẩn sinh động trong Huyết.

(Huyết + sự Sáng của Trí) → là sự cảm biết của cảm giác.

Như vậy, muốn có sự linh thiêng trong linh cảm, người ta có thể giảm đến tối đa (1) sự cảm biết của cảm giác trong sinh hoạt ban ngày, và xóa luôn sự cảm biết bằng cách đưa sự Sáng tập trung về não bộ.

Thực tại trong hồi quang

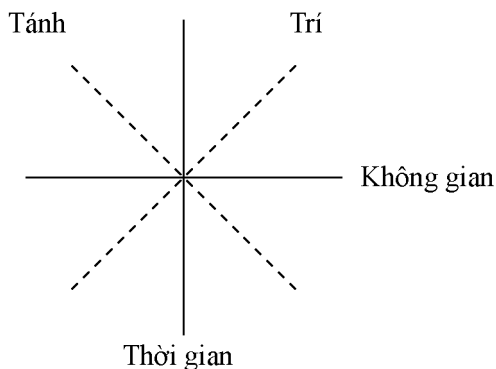
Thực tại trong hồi quang là bước đầu để con người cảm nghiệm được sự linh thiêng và mẫu nhiệm.

Trong đời sống của con người, sinh hoạt nào có sự Sáng thuần túy của Trí (như sự hiểu biết của chơn Trí) tương đồng với sự Sáng của vũ trụ thì sinh hoạt đó có sự linh thiêng và mẫu nhiệm.

Sinh hoạt của Trí trong thực tại không phải chỉ có Trí đơn độc hoạt động mà có sự phối hợp vô hình của 4 yếu tố sinh động đồng bộ cùng lúc với sự sinh động của sự Sáng của vũ trụ.

1. Thực tại của Chơn Trí

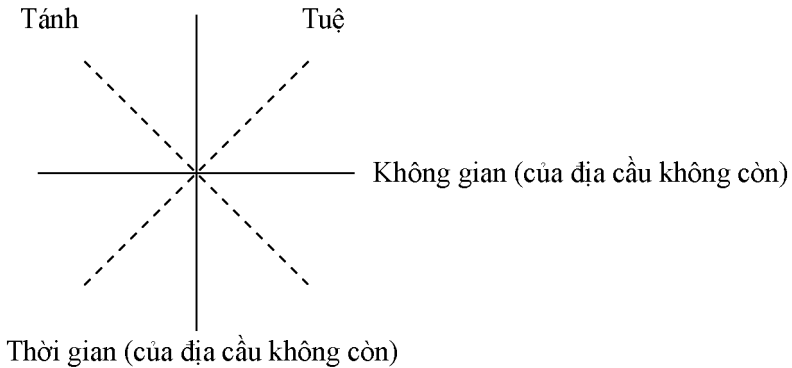
$\frac{(\text{không gian} + \text{thời gian} + \text{Tánh} + \text{Trí})}{1}$ } có sự linh thiêng và mẫu nhiệm trong sinh hoạt



(1) Xin xem ở cuối trang 718.

2. Thực tại của Tuệ

Hoàn toàn linh thiêng và mâu nhiệm của sự Sáng nguyên thủy.



Đề rõ hơn, ta hãy nghiệm xem linh thiêng và mâu nhiệm trong con người thuộc về thể nào?

- Đời sống con người thường, chưa sống bằng nội lực, thì gần như lúc nào cũng liên quan đến cảm giác (Huyết), và tình cảm (Khi), tức là liên quan đến 2 thể của thể giới tự nhiên của địa cầu. Do đó, người thường không cảm ứng được với những gì linh thiêng và mâu nhiệm.

Sự linh thiêng thuộc về thể Điện (và trong đó có sự Sáng tức là có một ít mâu nhiệm), còn sự mâu nhiệm có trong sự Sáng.

Sinh linh sống trong cõi giới này tức là luôn sống trong sự linh thiêng và mâu nhiệm. Con người sống bằng Chơn Tâm, Siêu Tâm, Chơn Trí, Siêu Trí, Trí, Tuệ ..., lúc đó, cũng thuộc vào hàng sinh linh.

Nơi nào trong con người, hai yếu tố này sinh động nhiều nhất?

- Đầu người chứa linh thiêng, còn não bộ chứa đựng sự mâu nhiệm.

Các trực giác quan, linh giác quan, những bộ phận vô hình, những chức năng siêu nhiên và siêu siêu nhiên hoạt động bằng Điện và sự Sáng, hay chỉ bằng sự Sáng nối liền với 2 cõi giới và thể giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên đều ở đầu và não.

(1) Người mới tập Luyện, Tu không dùng những thực phẩm có máu (dù có máu đen nhiều hơn máu đỏ, như cá, các loại bò sát. Loài thú có máu đen, sự cảm biết của cảm giác của chúng kém bén nhạy hơn là loài có nhiều máu đỏ), mục đích là làm giảm bớt sự tích chứa "cảm giác tỉnh" của các loài thú trong máu của mình.

Khi con người thường xuyên vận dụng sự Sáng thì thực phẩm không còn là vấn đề quan trọng nữa.

Biết rõ điều này làm sao ta có thể có được sự linh thiêng và mẫu nhiệm trong sinh hoạt?

- Con người, khi quay Trí vào quan sát bên trong, tự mình ý thức được sự đau yếu, khỏe mạnh của thân thể, ý thức được vui, buồn, của tâm hồn.

Cũng vậy, do sự quay vào quan sát bên trong của Trí mà con người có thể cảm nghiệm được sự linh thiêng và mẫu nhiệm đang sinh động trong mình.

Muốn có được sự linh thiêng và mẫu nhiệm trong sinh hoạt hằng ngày, thì Thân, Tâm, Trí đều chơn không..., tức là Chơn Thân, Chơn Tâm, Chơn Trí... sinh hoạt thường xuyên (1).

Thực tại cần cho sự Tu Luyện, Sống đạo, nhưng sinh hoạt nào luôn luôn sinh động trong thực tại?

- Cảm giác, tình cảm, tư tưởng của cá nhân luôn sống bằng bản ngã, là những sinh hoạt luôn gắn liền với 3 yếu tố của thời gian (quá khứ, hiện tại và tương lai), vì vậy đời sống luôn bị dao động trong đó.

Chỉ có cái Lý không có 3 yếu tố thời gian, và lúc nào cũng sinh động trong thực tại.

Như vậy, sinh hoạt của con người liên quan đến Lý là sinh hoạt trong thực tại.

Thực tại trong hồi quang làm nảy sinh ra nhiều hiện tượng trong số đó có cả những hiện tượng vừa có tính vật lý, vừa liên quan đến sinh lý.

Khi Trí hướng chức năng quan sát vào trong, với các giác quan đóng lại, quan sát sự Sáng trong đầu cho đến khi sự Sáng ổn định, thì chức năng quan sát cũng ngưng luôn.

Lúc đó chỉ còn sự Sáng sinh động. Khi sự Sáng sinh động thì máu và Khí cũng ngưng chuyển động theo dịch kỳ, Tim ngưng đập và phổi cũng ngưng hít và thở (2).

Năng lực của sự Sáng tăng dần do trường độ sinh động của nó. Năng lực tự sinh động, năng lực đó tự tạo lấy năng lực cho nó.

Trong 4 thể linh thiêng, chỉ có sự Sáng là năng lực tự tạo mà thôi.

Nội lực kết tinh và tỏa ra nhờ hồi quang

Nơi đông người (như chợ, nhà ga v.v...) do nhu cầu thúc đẩy, tâm hồn thiên hạ động loạn, ta dễ nhận ra được bằng tai, mắt (thấy và nghe được), nhưng nếu

(1) Sinh hoạt bằng Chơn Thân là sinh hoạt bằng Thanh khí Dương, trong người cảm thấy nhẹ nhàng như muốn bay bổng.

Còn Âm khí thuộc ngũ tạng khí. Khí này nặng nề, lôi cuốn Nhục thân theo sức hút của địa cầu.

Thanh khí Dương vượng: trông trắng mắt xanh như mắt trẻ con.

(2) Những hiện tượng sinh lý vừa vật lý phát sinh từ sự Sáng của Trí, trong thực tế là những kiến thức từ sự thực nghiệm được coi là nền tảng để y học phát triển trong việc trị liệu. Người bình thường không nên tùy tiện luyện tập, nếu chưa gặp chân sư giảng dạy, chỉ dẫn... chức năng và hệ thống của các thể.

tâm hồn của mình động loạn thì mình thấy ở đâu. Tức là tư tưởng, tâm trạng của mình động loạn, thì tai, mắt của mình cũng chẳng nhận ra.

Vậy lấy gì để nhận ra, làm sao cho tâm hồn được an, và điều khiển được nội lực?

- Chỉ lấy Thuần Trí nhìn vào để nhận ra sự động loạn của tâm hồn.

Tâm hồn được an, nội lực mới kết tinh, các loại thân mới được hình thành.

Sự diễn tiến xảy ra như sau:

Thuần Trí hồi quang ở não bộ. Và não không còn chức năng nào của Tâm, Trí hoạt động. Vô não ngưng hoạt động, thì lực tiên thiên sinh động.

Lực tiên thiên sinh động, các loại thân (Khí thân, Điện thân, Quang thân) tùy theo điều kiện sinh lý và vật lý mà được hình thành. Và dần dần chúng đủ mạnh để thoát ra khỏi Khí, Huyết của Nhục thân.

Tóm lại:

Thuần Trí hồi quang ở não bộ. Điện và sự Sáng ở não bộ sinh động. Nhân điện tụ lại thành một mảng toàn diện mang dáng vóc của Nhục thân, nhưng nó là Điện thân.

Điện thân đủ mạnh thoát ra khỏi Nhục thân.

(Trong sự Tu Luyện cần đến cách hóa giải sự động loạn của tâm hồn).

Nếu tâm hồn động loạn, thì Thần yếu. Sức mạnh của Điện thân và Quang thân ở não bộ. Cách hóa giải sự động loạn để duy trì nội lực và tăng trưởng chúng cho các loại thân như sau:

a. Nếu tâm hồn động loạn do ngoại cảnh, ta điều Khí ở hạ tiêu.

b. Nếu tâm trạng, tư tưởng của chính mình động loạn, ta dùng Thuần Trí hồi quang ngay trong não.

Dùng hiệu quả của hồi quang

Ước muốn của con người càng nhiều làm cho sự vận dụng hiệu quả của hồi quang trở nên phong phú hơn. Tức là từ một thành tựu tỏa ra nhiều ước vọng.

Như, muốn tu sửa, luyện nội lực, chuyên sang sinh hoạt ở cõi siêu nhiên và siêu siêu nhiên, chuyển hóa sang các loại thân khác, trường sinh, hằng sống, hay chẳng muốn vướng vào những phiền não của việc đời để không phải động tâm v.v... chỉ cần hồi quang.

Và hồi quang thì có hiệu quả. Hiệu quả càng cao thì:

- Thời gian hồi quang càng lâu: sự sáng suốt tăng.

- Phải vô tâm trạng, chỉ có sự sinh động của Hư vô mà thôi (vô hình ảnh, vô tâm, vô tư) chỉ có ý thức về trạng thái Hư vô. Những gì do Nhục thân, do bản ngã tạo nên đều không có, chỉ những bộ phận vô hình thuộc về vũ trụ còn sinh động, như sự Sáng và sự sáng suốt của các loại Trí.

Tóm tắt những điều cần thiết cho sự tu luyện có kết quả

Từ nhận định của đời sống bên ngoài bao gồm những mâu thuẫn, đối đãi, phiền não, tính vô thường của bản ngã, “thật, giả” khó hiểu... đến sự sống khởi sinh nhờ vào sự hồi quang, cảm nhận được sự Hư không là đường vào cõi sống bên trong.

Tất cả những điều trên được tóm tắt bằng những câu văn vắn đề cho người đọc dễ nhớ sự diễn tiến và hiệu quả của nó:

Vui ở đâu?

Mới vào đời, vui chốn đông người
Đến cuối đời, vui cõi nội tâm
Tuổi tác nào biết vui cõi đó
Linh hồn ấy mở được “Đạo môn”.

(“Đạo môn” là “cửa vào đường Đạo”, thật ra đó là “cửa vào cõi hằng sống”. Nhờ vào “mắt của Trí khôn” mở, Trí sáng suốt, chẳng còn sai lầm, không còn nghi ngờ... mới vào con đường này được. Những người bị quan, yếm thế, chán nản việc đời, nhưng Trí chưa đủ sáng để thấy rõ bước đi của mình, cũng chỉ dừng lại ở “Đạo môn”).

- Trí khôn con người chưa đủ sáng, nên sự “thật, giả” của dương trần là huyền ảo khó nhận ra.

“Giã, chân” nan tri

Huyền ảo, huyền ảo cõi dương trần
Biến động cực nhanh, cảnh phù dung
Mê hoặc hồn người, sai lạc bước
Nhận thấy Có, cuối cùng lại Không.
Hư không, hư không, sự sống thật
Thanh thoát sinh động nhẹ như không
Cực lạc, Cực lạc trong toàn giác
Hằng hữu sinh động cõi Hư vô.

- Hằng hữu sinh động cũng có nghĩa là “Sinh mãi chẳng Diệt”. Ý chỉ con người giúp cho con người kiên trì, kiên định, nhưng nếu Trí không sáng, con người khó thành đạt. Trong những bộ phận vô hình con người có, Trí “sinh mãi chẳng diệt”.

Sinh mãi chẳng diệt

Trí khôn người đâu phải tự có
Nhờ Tâm, Trí... Tuệ được phát sinh
Vô hình, mẫu nhiệm, mãi mãi sống
Giác ngộ Nguyên Lý, cực thông minh.
Sinh mãi chẳng diệt, là “sự Sáng”
Chẳng ngưng, động mãi, vũ trụ to
Tự Sinh, tự Hữu, chẳng phải lạ
Công đức vũ trụ hiện trong người.

(Trí con người sinh mãi, chẳng diệt, nhưng nó còn liên quan ảnh hưởng đến Thân, Tâm. Vì vậy có lúc nó hoạt động, có khi nó ngưng hoạt động, trong sự thức và ngủ. Sự sinh chẳng diệt của Trí còn bị giới hạn về yếu tố thời gian.

Với Tuệ, yếu tố thời gian không bị giới hạn, nó sinh động mãi mãi như thể Sáng nguyên thủy của vũ trụ. Nó tách khỏi ảnh hưởng của Thân và Tâm.

Thể sáng (sự Sáng) của Tuệ là “sự sống”, hay nó là “sự hằng sống” vậy. Vì bản chất, bản tính và tính năng của nó hằng sinh động để góp vào sự sinh động chung của thể Sáng của vũ trụ và làm cho vũ trụ được to lớn thêm.

Nói cách khác, *vũ trụ lớn ra, nhờ vào sự sinh động của thể Sáng của sự sống và của sức sống.*

Vì vậy, *Tuệ ở con người sinh động, sáng tạo, mới được gọi là công đức)*

- Mức cùng cực tiến hóa của loài có Trí (con người và các loại sinh linh), có sự Sáng là sự phát sinh của Tuệ. Nhưng từ Trí đến Tuệ, tuy gần ở Trí khôn, nhưng lại rất xa, rất khó đến, là do sự xuất hiện của bản ngã, lôi cuốn mãi những mâu thuẫn, phiền não, tính vô thường... ngăn chặn lối tiến hóa.

Mâu thuẫn (giáo và khiên)

“Còn giáo, còn khiên” (1), còn đau khổ
Còn mâu, còn thuận, còn Ta, còn Người.
Hết mâu thuận, bản ngã cũng không.
Hết đối đãi, giải thoát tâm tư.

- Với con người, đau đớn ở Thân, khổ sầu ở ở Tâm, nhưng Thống (nhức) thì ở Trí. “Thống, Khổ, Đau...” là nguồn gốc của phiền não. Tương tự như một con sông dài, nguồn thì ít nước, nhưng cuối dòng (cửa ra biển) lưu lượng nước càng nhiều.

Với bản ngã, lúc đầu phiền não ít, thời gian sống càng dài, phiền não tích lũy trong bản ngã càng nhiều. Thiện trí thức dùng Hư không xóa phiền não.

Phiền não

Bao giờ nói hết việc thể gian
Quay về quá khứ trách lại mình
Mòn mỗi vọng cầu, hướng tương lai
Phiền não sinh mãi lúc nào vui?
Trong hư không chẳng có phiền não
Biết có người, nhưng chẳng thấy ai
Phải chăng tai mắt không nghe thấy
Bởi lòng chẳng muốn “cõi sâu vương”.

(1) Xin xem ở cuối trang 723.

- Con người nhắm mắt ngủ yên, tâm tư bất động, thức giấc, mắt nhìn ra, Tâm, Trí hướng ra ngoài, tâm tư động loạn sinh phiền não, mà phần lớn do sự đánh giá sự việc của mỗi người.

Có gì quan trọng

Có gì quan trọng trong thời gian?
Chỉ do mỗi người hướng Tâm vào
Có gì quan trọng trong đời sống?
Chỉ do bản ngã định giá thôi.

Đa số người đời đánh cao Nhục thân, nuôi dưỡng Nhục thân thì khó vào đường Đạo.

Dưỡng Nhục thân, bất khả ngộ Đạo

Số thọ, yêu, người đời quan tâm
Thời gian đếm được bằng năm tháng
Mãi nhìn bên ngoài Tâm vướng bận
Dưỡng Nhục thân, bất khả ngộ Đạo.

- Với thiện trí thức, sống bằng đời sống tinh thần, bằng nội tâm, hướng nhìn của Trí khôn hướng vào trong, cho nên đời sống được mở rộng.

Mở rộng cõi sống

Tâm tư vắng lặng, nhẹ tâm hồn
Linh hồn sinh động, cõi siêu nhiên
Trực giác hoạt động, mở xa tầm
Tiên tri, tiên kiến “vận tương lai”.
Hiện tượng đổi thay, khó nhận rõ
Mức độ tri thức cực nhanh tăng
Kiến thức siêu việt được mở rộng
Sống hai thế giới vẫn lớn hơn.

- Sống trong cõi siêu nhiên, con người dễ nhận ra tính vô thường của bản ngã. Vì Trí sáng quay vào trong, cõi Hư vô hiện ra, trong đó có sự sinh động mà người ta gọi là Diệu Hữu.

Đây là sự diễn tiến từ bản ngã vô thường vào cõi sống qua sự hư vô.

(1) “Giáo, khiên” là khi giới, dùng trong chiến trận. Giáo dùng để đâm, còn khiên để đỡ. “Đánh đâm, chống đỡ”, với tâm hồn của bản ngã, nó mang tính đối đãi, đối kháng, đối nghịch... làm cho tâm hồn bất an.

Bản ngã vô thường

Phòng cái Tôi, biến nhỏ mọi thứ
Che lấp không gian luôn thời gian
Đây là giới hạn chốn dương trần
Trong sự nhỏ hẹp, cái Tôi to.
Từ giác quan, tích lũy kiến thức
Mãi dưỡng nó cùng với tâm tư
Trân trọng giữ “cái Có vô thường”
Thật đáng thương nhận thức phạm nhân.
Muốn vào cõi sống, phải Vô ngã
Mắt tuy mở, Trí sáng quay vào
Tai nghe, nhưng Tâm không khuấy động
Chẳng phiền não, thật chốn Hư không.
Nhìn mãi Hư không suốt đêm ngày
Đến khi nào chính mình Hư không
Thời gian không gian chẳng còn thấy
Trong “Hư vô”, Diệu Hữu hiện ra.
Linh giác mở, Tuệ nhãn bao trùm
Vũ trụ hẹp trong sự Toàn Kiến
Giác ngộ ngay Nguyên Lý muôn thuở
Sống trong Cực lạc, cõi chơn thường.

Cả một thế giới rộng mênh mang trong sự hồi quang, từ trong, con người mới cảm nhận những cái sâu sắc của những cái vô hình và hữu hình như đức tính và sự cao thượng của nó, cái hay, vẻ đẹp, cái tốt, cái quý của những vật hữu hình và sự sinh động vô hình, kiến thức và sự mạc khải v.v...

Nhờ hồi quang, sự thật có trong tạo vật được nhận rõ như:

Cái đẹp của hoa: hình dáng, màu sắc. Cái quý của nó: ở hương thơm.

Con người có nhiều yếu tố để chiêm ngưỡng hơn.

- Vẻ đẹp ở hình dáng, diện mạo, ở sự vui, sự mừng. Vui: ở nụ cười; Mừng: ở sự hân hoan, ở sự rực sáng của đôi mắt.

- Cái hay: ở tài năng; Tốt: ở đức tính.

- Cái quý: ở Trí, ở chức năng suy nghĩ ra những tư tưởng để tiến hóa cho chính mình, và cho tha nhân.

Cái Dụng của hiệu quả của hồi quang mà con người cảm nhận ra và biết dùng là thực hiện vẻ đẹp, cái hay, cái tốt, quý của mình cho tha nhân thì đời sống dễ hòa hợp. Vì Vui, Mừng sinh ra sự thiện cảm; cái Hay, cái Tốt sinh ra sự cảm hóa; cái quý: sinh ra sự tiến hóa.

Và cái quý của sự tiến hóa con người là sự giáo dục, giáo huấn những gì cao thượng cho con người để xóa thù tính, chặn đứng sự quỷ quyết trong tâm hồn.

Sự cao thượng của con người nảy sinh từ tâm hồn, Trí, từ Lương Tâm..., thú vật không có những bộ phận mẫu nhiệm này, không thể dạy cho chúng Luân lý được. Đối với những người ngu, dại..., cũng chưa thể dạy cho họ những đức tính cao thượng được.

Cho nên, muốn dạy người, phải biết được trình độ hiểu biết của người, và xem người ta có muốn tiếp thu hay không. Từ đó, ta mới tiến hành sự dạy dỗ được.

Cái quý của sự tiến hóa là giáo dục, giáo huấn mà cái quý của giáo dục, giáo huấn là kiến thức.

Cái quý của tạo vật hữu hình của con người làm ra để dùng, hoặc để chiêm ngưỡng, thuộc loại vô tri. Còn kiến thức của loài người thuộc về hàng cao quý, vì nó tồn tại, tăng trưởng trong sự vận dụng v.v...

Kiến thức con người có được đến từ nguồn nào?

- Kiến thức mà con người có được do con người truyền lại.
- Và sự hiểu biết của con người từ sự mạc khải.

1. Kiến thức do con người truyền lại là do sự từng trải, kinh nghiệm.

Sự tích lũy của sự từng trải và kinh nghiệm phải mất nhiều ngàn năm với biết bao là công sức và đau thương mới tạo nên giá trị của kiến thức.

2. Sự hiểu biết của con người từ sự mạc khải có tính cách tức thì. Đó là một Thiên Ân – Giá trị của sự hiểu biết không mang tính tương đối, vì sự hiểu biết này xuất nguồn từ nguồn gốc sáng tạo.

C. Tinh luyện

Tinh luyện là luyện những tinh hoa tiềm ẩn sinh động trong những lực và năng lực mà con người có được dưới dạng sức sống và sự sống.

“Luyện”, thuộc về công phu hướng về một mục tiêu, liên quan đến mưu sự và thành sự (thành quả).

Mưu sự: dùng Trí; thành sự: một phần nhờ vào ở vận may.

Hay là:

“Chủ quan ở tài trí, nhưng thành tựu còn do những điều kiện khách quan”.

Nhưng nếu thành tựu chưa được như ý muốn (1) thì ý chí cũng đã nâng tài trí con người lên.

(1) Trong tinh luyện, phần lớn do công phu. Nó luôn đem lại sự tiến bộ và tiến hóa, nhưng điều kiện khách quan không đem lại sự thành tựu như ý muốn, đó là sự đoán thọ làm gián đoạn công phu.

Tinh luyện những tình hoa của nội lực còn liên quan đến nhiều lãnh vực, phương diện như tu Tâm, dưỡng Tánh để công phu có một thành tựu đồng bộ.

Đây ta thấy rõ là cần Tu Tâm, dưỡng Tánh, nhưng không tu thân (mà luyện nội lực trong Nhục thân).

Thân người không có gì sai, trái, xấu, chỉ yếu đuối vì thiếu sức khỏe.

Thân yếu đuối, cần luyện tập, nhưng Tâm phải sửa đổi, bỏ đi những gì sai, trái, xấu. Và những điều này dần dần với thói quen dùng, chúng tạo nên tâm địa xấu xa.

Phân cốt lõi của Tinh luyện nội lực một phần quan trọng là Đạo lý.

“Đạo lý của Chơn Đạo, Chánh Đạo” (1), không dùng để sửa Thân người, mà chính yếu, Đạo lý một khi đã nhập Tâm, nó đổi thay tâm hồn con người, làm sạch những sai, trái, xấu.

Những độc tố vô hình này vô cùng nguy hiểm, dễ lây lan trong một cộng đồng đồng người. Sự cộng hưởng của những độc tố đó tạo nên mầm mống của Họa (cái họa của cá nhân và luôn cả cộng đồng).

Sự thay đổi tâm hồn phần lớn do Đạo lý, mà nội dung để cải hóa là đức tính. Nó là một năng lực. Luyện đức tính, là luyện năng lực vậy.

(Đến đây, ta nhận ra Tinh luyện cũng là Tu. Và Tu cũng là Tinh luyện).

Đức tính là sức mạnh của tâm hồn. Nó ngăn ngừa được sự cám dỗ của tứ đồ tường (sắc, dục, tửu, cờ bạc, hút xách...).

Tâm hồn yếu đuối mới đam mê. Tâm hồn hướng ra ngoài, tiếp xúc với ngoại cảnh, thì bị đam mê.

Trái lại, hướng vào trong, và luyện đức tính, thăng hoa nó..., tâm hồn không đam mê.

Luyện đức tính là luyện nội lực. Lực của đức tính là Điện và sự Sáng. Chúng thuộc về lực siêu nhiên (siêu lực).

Luyện đức tính là tăng trưởng siêu lực. Với đời sống tinh thần, người ta coi đức tính là sự cao thượng.

Nhưng về phương diện vật lý, sự cao thượng của đức tính là lực siêu nhiên.

Đức tính là tính tốt của loài người có trong một con người, mà tuyệt đối trong mọi đức tính là Đạo Bi, Đức Bi.

Những đức tính này có làm cho con người tránh khỏi cám dỗ, và đam mê không, nhưng làm sao để tránh?

- Còn cảm giác, còn tình cảm, còn tư tưởng của bản ngã, là còn bị cám dỗ, đam

(1) Những tổ chức tự gán cho mình danh xưng là “Đạo” mà không có Đạo lý để dạy con người sửa đổi tâm hồn, không phải là Đạo. Nếu dùng pháp thuật với quyền năng của tha lực (ma, quỷ, ác thần...) mà không nói đến giáo lý, đến Đạo lý thì đó là “Tà Đạo”. Đạo tiến hóa cả một vũ trụ, với con người, Đạo tiến hóa cả 3 cõi giới là Thân, Tâm, Trí.

mê. Bởi vì cảm giác cảm dỗ cảm giác, tình cảm cảm dỗ tình cảm, và tư tưởng cảm dỗ tư tưởng. Và lớn hơn, là cảm giác, tình cảm, và tư tưởng cảm dỗ tư tưởng.

Vì sao?

- Vì còn bản ngã, còn yếu đuối. Lực của con người có bản ngã yếu hơn lực của ma, quỷ, thần v.v...

Chỉ khi nào con người không sợ cái chết, không sợ, không lo nữa, như khi Đạo Bì và Đức Bì sinh động (1), và chỉ có sự Sáng thuần túy sinh động, lúc đó con người làm chủ được chính mình, có quyền năng trên các loại sinh vật, sinh linh trên địa cầu, thì làm sao có thể bị cảm dỗ bởi những tạo vật đó.

Điều này tương tự như đại dương nuôi dưỡng các sinh vật trong nó, làm sao nước biển lại phải chịu ảnh hưởng do các sinh vật đó tạo ra?

Tóm lại:

Con người không bị cảm dỗ, đắm mê khi nào sự Sáng thuần túy của Trí luôn sinh động. Hơn nữa, Trí khôn con người có cường độ mạnh hơn tất cả những loại sinh vật và sinh linh trên địa cầu.

Không sợ, không lo bất cứ điều gì liên quan đến Nhục thân, thì nội lực tăng, thâm hậu.

Sự Sáng là thể có cường độ cao hơn hết những nội lực khác, nếu nó sinh động và quang tỏa ra ngoài thì những sinh linh, sinh vật sống bằng Điện, Khí, Thủy phải tránh xa.

Do đó, người luôn sống bằng sự Sáng thuần túy của Trí không còn họa bên ngoài vương vào.

Cho nên nói rằng:

“Sợ thú, sợ người, tâm hồn yếu
Sợ ma, sợ quỷ, ta bị hại
Chẳng sợ, Thần mạnh, sự Sáng tăng
Quang tỏa ngoài thân, chúng sợ ta”.

1. Luyện là gì?

Luyện là nuôi dưỡng và tăng trưởng những lực.

So cách luyện và dùng những lực, từ đó các phương pháp, pháp môn được tạo nên như thể thao, thể dục, luyện khí, luyện khớp, xương v.v...

Với tuổi trẻ, luyện tập thể thao:

- Luyện cơ bắp, gân, điều khí, vận động mạnh...

Thể dục, với người lớn tuổi, khí, huyết yếu:

- Điều khí, luyện gân, luyện khớp, vận động nhẹ, và ít thời gian hơn.

(1) Tình thương của con người có quyền năng trên các loại sinh vật trên địa cầu.

Luyện nội lực:

- Điều khí, huyết, làm chủ nội lực bằng thể Sáng, tức là luyện não bộ, luyện những chức năng của Trí, của hệ thần kinh v.v...

Đây là cách nuôi dưỡng và tăng trưởng những lực siêu nhiên và siêu siêu nhiên của các thể và những lực này thay thế cho lực tự nhiên.

Do cách luyện và dùng những lực đó mà các pháp môn được hình thành. Chúng có những quyền năng khác nhau về cường độ do sự lựa chọn và luyện các thể linh thiêng.

Luyện nội lực phải trải qua sự khổ luyện, hoặc khổ hạnh để cho huyền lực hiện ra. Vì vậy, hành giả phải đặt mình vào một kỷ luật khắc khe để chế ngự sự sung mãn của đời sống vật chất và tinh thần để hoàn hảo đời sống tâm linh.

Về vật lý, sự tan biến này phải xảy ra như thế nào?

- *Bất cứ một lực tự nhiên nào có sức sống thì trong lực đó tiềm tàng sinh động hai lực khác: lực siêu nhiên và siêu siêu nhiên.*

Lực tự nhiên mạnh thì lực siêu nhiên và siêu siêu nhiên càng nhiều.

Thí dụ: Lượng của nước biển trong, nhiều và mặn, thì Khí, Điện, sự Sáng trong nó càng nhiều, như biển và sông. Nước biển chứa nhiều lực siêu nhiên hơn nước sông.

Thí dụ khác: Ngũ tạng mạnh, nó cũng có hai lực khác mạnh tiềm ẩn sinh động trong nó. Mỗi tạng sinh ra tinh cảm tương quan (khí). Và từ khí toát ra điện (năng lực tiên thiên) trong đó sinh động bằng thần lực.

Cõi giới tự nhiên cũng tiềm ẩn sinh động 2 cõi giới khác (siêu nhiên và siêu siêu nhiên). Đó là: Trong Thân tiềm ẩn sinh động Tâm và Trí.

Sự tan biến phải xảy ra như thế nào?

Sự tan biến là sự ngưng hoạt động của một lực hoặc hai lực, hay cả 3 lực. Từ hiện tượng đó, toát ra những lực mạnh hơn (1).

Như Thân ngưng sinh động, Nhục thân mất cảm giác, thì Tâm, Trí sinh động.

Thân Tâm ngưng động thì Trí sinh động. Thân, Tâm, Trí ngưng động thì chỉ còn lại sự Sáng (sự sống) sinh động, Nguyên Lý xuất hiện và Tuệ hoạt động.

Tuệ giác ngộ được Nguyên Lý, vì mọi hiện tượng tự nhiên và siêu nhiên không còn, thì xuất hiện những hình ảnh siêu siêu nhiên. Và khi những hình ảnh này không còn thì Nguyên Lý xuất hiện. Nếu siêu siêu Ý xúc tác vào sự Sáng, thì hiện tượng hoặc hình ảnh siêu nhiên và tự nhiên hiện thực, và tạo vật xuất hiện.

(1) Tạng "Thận" liên quan đến sự Sáng của Trí. Nội lực của Thận mà thoát ra ngoài thì có sự sinh hóa (sinh sản). Nếu mạch của Thận ngưng, mà thân cường, Trí sáng, đó là siêu Trí hoạt động.

a. Luyện và dùng gì để tinh luyện

“Tinh luyện”, là loại ra các tạp chất dính trong một chất, mà chất đó cần giữ lại để được tinh thuần.

Phương tiện dùng để luyện những chất cứng rắn như kim loại là lửa (từ gỗ, than đá, điện v.v...). Lửa phải đốt cháy nhiều giờ mới loại được tạp chất.

Trong con người, muốn luyện những thể linh thiêng như Huyết, Khí, Điện ô tạp, người luyện phải dùng gì?

- *Chỉ dùng sự Sáng của Trí (siêu Trí, Tuệ) mới loại được tạp chất trong Huyết, Khí, Điện với một thời gian dài, thì sự sinh động của Huyết thuần túy tinh thuần mới hình thành được “Thủy thân” với năng lực của chính nó; “Khí thân” với năng lực của chính nó là “Thần lực”; “Điện thân” với năng lực của chính nó là Huyền lực.*

Muốn luyện có hiệu quả, phải làm sao?

- Lửa phải tăng dần nhiệt độ đến tối đa, và sau đó duy trì nhiệt độ.

Đối với con người, sự Sáng của Trí phải tăng sức sáng suốt của nó và duy trì mãi, trong khi đó, sự sinh động của sự Sáng xúc tác vào Huyết, thể Khí, hoặc thể Điện... cho đến khi xảy ra hiệu quả của sự xúc tác đó.

Vậy hiệu quả của Luyện do đâu?

- Hiệu quả của Luyện do sự kiên trì của Nhục thân, sự kiên định của Tâm, Trí, và sự công phu liên tục không gián đoạn cho đến khi có kết quả.

Như luyện kim: kiên trì, công phu..., giữ cho nhiệt độ không giảm, bằng cách thêm chất đốt đúng thời gian.

Luyện những thể linh thiêng: công phu liên tục từng sát na (là đơn vị thời gian ngắn hơn giây) trong mọi thời gian, mọi không gian.

Thí dụ:

Luyện Khí thân

Dùng sự Sáng soi vào nội tức (là hơi thở bên trong thân, tức là Khí), soi và soi mãi cho đến khi không còn một tạp chất nào (không còn một tình cảm nào nổi lên) trong thể Khí nữa, lúc đó Khí thân mới được hình thành với năng lực của chính nó.

Luyện Điện thân

Dùng sự Sáng soi vào chơn Tâm (“Tâm chơn không” là thể Điện đang sinh động), soi và soi mãi cho đến khi không còn một ký ức nào nổi dậy, không còn một tư tưởng nào của bản ngã xuất hiện. Được mãi như vậy, Điện thân mới được hình thành với năng lực của chính nó.

b. Chức năng của Trí trong tinh luyện

Trong xã hội, để tạo nên sự tiến bộ cho môn, ngành, nghề mà con người yêu, thích, người ta dùng “Trí” quan sát vào động tác, vào sinh hoạt để cải tiến, hoàn thiện.

Với sự tinh luyện những thể linh thiêng để có được nội lực, hành giả cũng dùng “Trí quan sát” để điều khiển một trong những sức sống (thể linh thiêng sinh động trong cơ thể) để hòa nhập mình vào vũ trụ.

Ở Thân	{	(1) Trí + Huyết (sự tuần hoàn của Huyết) (2) Trí + Khí (hô hấp của không khí)
Ở đầu não	{	(3) Trí + Tâm (chọn không hóa tâm trạng) (4) Trí quan sát + sự Hư vô của Trí (chọn không hóa tư tưởng của bản ngã; Ý thức được sự chọn không trong đời sống và sự sinh động của sự Sáng).

- Hiệu quả về vật lý và tâm lý:

Là hòa nhập sự sống (sự Sáng) vào sức sống ở Thân. Sức sống ở Thân có thời hạn, sự xúc tác của sự Sáng vào Huyết (ở nhịp tim), vào Khí (vào sự hô hấp), tuy có thể làm tăng Lực (sức mạnh) cho thân thể, hóa giải sự xuất hiện của cảm giác, tình cảm, tư tưởng của bản ngã, nhưng nó không thể đưa con người vào sự hằng sống, vào sự sống của vũ trụ.

Ở phương cách (2):

- Trí “quan sát” Khí thuần túy (không còn sự dao động, sự xuất hiện của tình cảm) thì Khí sẽ tạo thành một mảng Khí để hình thành Khí thân.

Và khi nào Khí thân đủ lực để thoát ra khỏi Nhục thân, nó sẽ hoạt động hoàn toàn với năng lực siêu việt của chính nó.

Ở phương cách (3) và (4):

- “Trí quan sát” chỉ ở đầu não, hay là chỉ tập trung ở trong não, tức là sự Sáng sinh động hoàn toàn ở não bộ. Sinh hoạt của Trí không liên hệ đến hai hệ thống Khí, Huyết nữa, tức là không có sự chủ động của Trí trên hai hệ thống này, thì sự Sáng (sự sống) sinh động và hòa nhập vào Điện ở não bộ, làm tăng cường lực của Điện để tạo thành Điện thân (theo phương cách (3)).

Ở phương cách (4):

- Sự Sáng của Trí không bị những chức năng của Trí chi phối nữa. Sự Sáng thuần túy của Trí sinh động, tự tạo lấy năng lực cho chính nó để tạo thành Tuệ và Quang thân.

Kết quả trên là do sự Sáng tụ về não đầy đủ, tạo thêm năng lực cho chính nó, trong đó có những hiện tượng sinh lý và vật lý xảy ra.

c. Hiện tượng sinh lý và vật lý xảy ra khi sự Sáng tụ về não

1. Khi sự Sáng tụ về não, vỏ não ngưng nhận những tín hiệu từ ngũ giác quan.

Nếu Trí “quan sát” được sự Sáng hiện lên trong não, mà Thân, Tâm ngưng sinh hoạt, lúc đó con người đang trong trạng thái “nửa thức, nửa ngủ”.

Trong trạng thái này, thể Sáng tăng.

Tim vẫn đập, Phổi vẫn thở hít, sự Sáng của Trí còn can dự vào ngũ tạng, mặc dầu bên ngoài Nhục thân, sự Sáng đã được thu về não, nên vỏ não không nhận những tín hiệu từ phần ngoài của Nhục thân.

2. Sự Sáng hoàn toàn tụ về não với hiện tượng sinh lý là Tim ngưng đập, Phổi ngưng thở tức là ngũ tạng, lục phủ đều ngưng hoạt động và các chức năng của Trí cũng ngưng luôn, trừ “Trí quan sát” vẫn quan sát được sự Sáng đang sinh động.

Trạng thái này, *con người đang “nửa sống, nửa chết”*:

Năng lượng thu trực tiếp từ đại vũ trụ do sự sinh động và hòa nhập của sự Sáng của Tuệ. (Con người có khả năng thu năng lượng từ thể giới tự nhiên, siêu nhiên và siêu siêu nhiên) (1).

Từ tự nhiên:

Nuôi Khí, Huyết. Những tinh hoa trong Khí và Huyết là Điện và sự Sáng. Chúng nuôi những hệ thống, cơ quan cần đến Điện và sự Sáng như Tâm, Trí.

Từ siêu nhiên và siêu siêu nhiên:

Điện và sự Sáng được thu trực tiếp vào sự Sáng của Trí.

Sự Sáng được thu vào, cung cấp ngược lại cho toàn thân, tức là lấy năng lượng nguyên thủy nuôi lại các tạo vật, hay là nuôi lại mọi bộ phận, cơ quan được tạo nên trong con người.

d. Luyện thực lực

Luyện năng lực, nhưng hiệu quả của nó là luyện thực lực.

Mục đích của luyện là tăng trưởng năng lực đó. Nhưng hiệu quả là luyện thực lực của năng lực đó.

Thực lực của một lực không phải là sự vận hành của thể đó. Như máu đỏ chuyển động. Sự chuyển động của nó không phải là thực lực của nó, mà là lực vô hình của nó là “Thần”. Thần là thực lực của máu đỏ.

Cũng vậy, sự hô hấp của không khí vào phổi không phải là Khí mà là Vía.

(1) Đây là “*huyền bí của năng lượng nguyên thủy trong chức năng sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ*” ở vũ trụ.

Vía là thực lực của Khí.

Lực có ngoại lực và nội lực. Ngoại lực liên quan đến năng lực hậu thiên, còn nội lực thuộc về năng lực tiên thiên (gồm có Điện và sự Sáng)

Luyện ngoại lực liên quan đến cơ bắp, gân. Luyện cơ bắp, gân nhờ thể thao, thể dục.

Luyện thực lực của ngoại lực liên quan đến sự tuần hoàn của Huyết, hô hấp của không khí để tăng thực lực cho nó, tức là tăng lực cho Thần và Vía.

Luyện thực lực của ngoại lực bằng cách dùng “Trí quan sát” soi vào trong để cho chúng tự sinh động và tăng lực do sự xúc tác của sự Sáng vào năng lực chứa đựng chúng. Hiệu quả cao ở vào giờ thực lực sinh động (Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu).

Thực lực của nội lực là sự Sáng và Điện. Chúng liên quan đến hai chức năng: tự động và “chủ động vừa thụ động”.

Tự động: chỉ còn hệ thần kinh đối giao cảm (thực vật) hoạt động.

“Chủ động vừa thụ động”: khi Tâm và Trí hoạt động.

Luyện thực lực của mọi loại nội lực là luyện từ sự sinh động của sự Sáng, chứ không luyện ngay sự vận hành của hệ thống của các thể (Điện, Khí, Huyết).

Thực lực của nó ở vào mức toàn năng, khi nó không bị chi phối bởi những chức năng của nó.

Thí dụ: sự Sáng của Trí trong 2 trạng thái:

- Sự Sáng trong trạng thái không toàn năng:

Khi chức năng quan sát bên ngoài, hay Trí nhớ, Trí suy nghĩ hoạt động. Hoặc các tứ chi, cơ bắp và thân thể hoạt động theo sự điều khiển của Trí.

- Sự Sáng trong trạng thái toàn năng (hay là thực lực trong trạng thái toàn năng):

Trí tỉnh thức, các chức năng của Trí ngưng hoạt động. Sự Sáng tập trung hoàn toàn về não.

“Thực lực của sự Sáng ở vào mức toàn năng đang sinh động, khi các chức năng liên quan với nó ngưng hoạt động. Thực lực của nó tăng một cách tự động”.

e. Luyện sự hợp nhất trong và ngoài của các thể linh thiêng

Khi hai vũ trụ (nhỏ và cực to) bằng nhau ở bản chất, bản tính và tính năng, mà sức sống và sự sống của chúng cũng bằng nhau, có nghĩa là “sức sống và sự sống của hai vũ trụ bằng nhau”, thì 2 vũ trụ mới hợp nhất được.

Ở Thân: Khí, Huyết bên trong phải bằng với Khí, Huyết bên ngoài.

Sinh động thì cả hai đều giống nhau, nhưng dao động thì sức sống không đồng nhất.

Giống nhau: khi con người ngủ, đại định.

Khác nhau: do sự dao động của sức sống. Sự dao động này do con người làm cho cường độ của Khí, Huyết trong Nhục thân tăng, trái lại, nó rút ngắn thời gian sinh hóa, chuyển hóa, nên Nhục thân giảm thọ.

(1) Sinh động

khoảng 120 năm

(2) Dao động

khoảng 70 năm

(Cường độ dao động của Khí, Huyết càng mạnh, thời gian của tuổi thọ của Nhục thân càng rút ngắn).

Sự dao động chỉ xảy ra nhiều trong sinh hoạt, khi con người tiếp xúc với con người và ngoại cảnh.

Sự dao động do tốc độ không đồng đều của sinh hoạt làm cho Khí mất đi sự điều hòa, tức là sinh hoạt làm hơi thở mất đi sự điều hòa.

Hiện tượng này chứng tỏ con người mất đi sự chủ động của Tâm, Trí trong sinh hoạt.

Ngược lại, khi Tâm, Trí chủ động trong sinh hoạt thì nhịp độ của sinh hoạt tùy thuộc và điều hòa nhịp nhàng theo hơi thở.

Hiện tượng này chứng tỏ điều gì?

- Hơi thở điều hòa trong sinh hoạt chứng tỏ sự sinh động của Khí, Thủy trong và ngoài bằng nhau, Nhục thân kéo dài tuổi thọ đúng với sức sống tự nhiên của nó.

Sinh hoạt của Thân bao gồm những gì?

- Sinh hoạt của Thân, của tứ chi (đôi tay, đôi chân) bao gồm nhiều động tác liên quan đến sinh hoạt hằng ngày. Chúng gồm có: đi, đứng, chạy, nhảy, nằm, ngồi, ăn, uống v.v..., bất cứ ở tốc độ nào cũng phải thuận theo sự điều hòa, nhịp nhàng của hơi thở.

Sinh hoạt của Nhục thân không hoàn toàn thuộc về Nhục thân mà chúng còn liên quan đến Tâm, Trí nữa, tức là liên hệ đến sự tổng hợp hoạt động của Thân, Tâm, Trí.

Tâm, Trí hướng ra và tiếp xúc với ngoại cảnh, nhưng cả hai đều chủ động điều khiển cho Nhục thân điều hòa, hợp nhất với tự nhiên, với sự sinh động của thể giới tự nhiên.

Đây là năng lực siêu nhiên và siêu siêu nhiên (Tâm, Trí) sinh động trong thể giới tự nhiên của Thân và ngoại cảnh.

Tóm lại:

Luyện Thân là luyện cho Thân được khỏe và trường thọ, phải lấy sự điều hòa, nhịp nhàng của hơi thở làm gốc, hay là luyện Nhục thân phải lấy Khí làm gốc.

Luyện Tâm: Tâm không dính dáng đến ngoại cảnh và bên trong vô tâm trạng

là Chơn Tâm.

Luyện chơn Tâm tức là luyện chơn tức (là thở bằng khí tinh tuyền sinh động bên trong các loại tế bào (của tủy não, tủy cột sống, trong xương, trong thịt v.v...) khác với ngoại khí do hơi thở ra vào bằng phổi, tam tiêu.

Đúng ra nó là nội khí.

Nội khí tỏa ra bên trong Thân lên đến cả đầu. Khí này tiềm ẩn sinh động, không chuyển động theo dịch kỳ của hơi thở ra vào.

Khí này tinh tuyền, có sức sống cao và mạnh hơn các loại khí tạo thành nó.

Nội khí sinh động, không chuyển động theo dịch kỳ. Mật độ của nội khí cao, có thể chuyển hóa thành điện với sự xúc tác của sự Sáng của Trí.

Nội tức là thở bên trong Thân. Nó có thể điều chỉnh tim đập nhẹ và chậm lại.

Chơn tức không còn sự hít thở nữa. Nó là sự sinh động của nội khí bằng với sự sinh động của không khí bên ngoài của Nhục thân.

Hiện tượng này là sự sinh động của Khí bên trong và bên ngoài hợp nhất với nhau, nên chẳng cần thở nữa. Sự sống và sức sống của Khí của vũ trụ đã thâm nhập được vào tế bào qua các lỗ chân lông (qua da) mà chẳng cần đến hít thở, để lọc lấy không khí làm thành nội khí.

Đến mức này, và trong thời gian đó, các tế bào duy trì được sức sống, không già đi. Vì vậy trong thời gian của chơn tức, không có sự đổi thay các tế bào mới.

1. Khí tinh tuyền, có sức sống cao và nhẹ hơn không khí: Khí thân được nuôi dưỡng bởi nội khí, nên nó nhẹ hơn không khí và mạnh hơn do sự điều khiển của siêu Ý.

Hiện tượng này giống như sự biến đổi chuyển hóa của thân cây vậy. Càng vào sâu bên trong, sức sống của nó càng tăng, gỗ càng chắc.

Bên ngoài là vỏ cây, đến gỗ, cuối cùng là lõi của gỗ. Lực bên trong cao hơn bên ngoài.

Lực cao hơn nên sức sống của nó kéo dài hơn. Do đó, lõi của gỗ lâu bị hư hoại.

Đối với con người cũng vậy, Nhục thân phải hư hoại, tan rã, nhưng Tâm, Trí không bị hư hoại.

2. Nội khí sinh động trong các tế bào: nội khí khó nhận ra trong các cuộc thử nghiệm, giải phẫu.

Những bệnh phát ra từ bên trong Nhục thân mà không do tác nhân bên ngoài đều do nội khí kém không đủ sức đề kháng, hay để “loại” các độc tố ra khỏi tế bào yếu, đau...).

Tĩnh lực mới thật sự là thực lực

Có một điểm giống nhau trong sự Luyện, Tu và Sống đạo là nuôi dưỡng và tăng trưởng thực lực của nội lực.

Thực lực của nội lực ở trong “tĩnh lực”, hay là “lực ở trong trạng thái cực tĩnh mà sinh động mới là thực lực”.

Thực lực hay tinh lực sinh động bên trong Thân, muốn cảm nhận được loại Lực này, phải hướng Trí quan sát vào trong.

Sự sinh động của thực lực trong con người xảy ra ở ba trạng thái: Ngủ, “nửa thức, nửa ngủ” và “nửa sống, nửa chết”.

- Ngủ: thực lực của Huyết và Khí hoạt động. Con người vô ý thức ở sự sinh động của hai lực này, nhưng sự hoạt động của chúng thu hồi nội lực một cách tự động cho Nhục thân.
- “Nửa thức, nửa ngủ”: Nhục thân trong trạng thái ngủ, nhưng Trí tỉnh thức. Con người ý thức được thực lực của Khí, Huyết, chủ động tăng trưởng thực lực.
- “Nửa sống, nửa chết”: thực lực của bốn thể hoạt động, chỉ còn sự Sáng của Trí, Siêu Trí, Tuệ sinh động. Con người ý thức được thực lực của chúng, và chủ động tăng trưởng thực lực cho tất cả các loại thân. Nhưng, chủ yếu là tăng trưởng sự Sáng (sự sống).

g. Sức khỏe và Luyện

Sức khỏe của con người có hai trạng thái: mạnh và khỏe.

Mạnh: là có sức mạnh dồi dào ở cơ bắp. Sức mạnh này thuộc về tinh lực.

Khỏe: là không bệnh tật, tinh lực không cần phải mạnh lắm, nhưng bên trong nội lực phong phú, tức là khí lực, điện lực và quang năng đều đầy đủ, tinh thần luôn minh mẫn.

Muốn có sức mạnh của cơ bắp: phải thể thao.

Muốn có nội lực phong phú: phải luyện nội lực.

Nhưng mạnh không quý, nhưng không tốt bằng khỏe.

Mạnh: có lúc phải yếu. Người tập thể thao, mạnh trong lúc tập luyện, nhưng có lúc yếu tinh thần, có thể có những mầm bệnh tiềm tàng trong Nhục thân, cần phải ngủ, nghỉ.

Khỏe: thì lúc nào cũng khỏe khoắn, tinh thần sáng suốt là do nội lực phong phú, chẳng cần ngủ nghỉ theo nhu cầu của Nhục thân.

Nội lực mạnh thì Hồn, Vía, Thần đều mạnh, không bị tai họa. Vì vậy các siêu nhân (những người có Hồn, Vía, Thần cực mạnh tỏa ra bên ngoài Nhục thân) không bị tai nạn.

Muốn luyện nội lực (1), trước hết phải điều hòa, bồi bổ nội lực.

Điều hòa, bồi bổ nội lực, phải biết rõ nội lực nào yếu và loại nào tạo ra

(1) *Luyện nội lực cũng là luyện sự linh thiêng của những thể linh thiêng.*

Muốn luyện sự linh thiêng là phải luyện ngay thực lực của chúng. Và khi thực lực của chúng tăng thì những bộ phận liên quan như trực giác quan, siêu Tâm, siêu Trí... hoạt động. Có sự mẫu nhiệm xảy ra. Thực lực của thể linh thiêng là Dương và Âm của thể.

nguyên nhân của sự yếu đó. Muốn rõ nguyên nhân của sự yếu, phải rõ triệu chứng. Và triệu chứng đó thuộc về thể linh thiêng nào.

Triệu chứng yếu kém của nội lực:

- *Khí kém*: ngực nặng, hơi thở dường như thiếu.

Nguyên nhân của Khí kém: làm việc tay chân quá lao lực, hơi thở mất điều hòa, thanh khí (oxy) hao tán, trược khí (CO₂) tăng.

Sinh lý quá sức chịu đựng của sức khỏe do tuổi tác.

Triệu chứng của Khí kém: cơ bắp mỏi mệt, hơi thở như thiếu, tâm trạng hồ đồ, Trí quan sát, Trí nhớ... kém bén nặng, ý của tư tưởng không minh bạch, thiếu sáng suốt trong sinh hoạt của Trí, Tâm, Thân. Sự may mắn kém đi, nếu sinh hoạt của 3 cõi giới mơ hồ, ắt có họa đến.

- *Điện kém*: mắt mất đi sự tinh anh, ánh mắt không long lanh. Tâm hồn và linh hồn không được ổn định, hình ảnh trong chiêm bao không được rõ ràng, mất sự chủ động trong chiêm bao (không có sự suy luận, quyết định trong khi chiêm bao, tức là siêu Trí kém khả năng suy nghĩ).

Tâm làm chủ Trí, nghĩ là có tâm trạng dao động khi có việc gì bất ngờ xảy đến, không ứng phó nhanh được.

Nguyên nhân của Điện kém: do sự dao động quá mạnh, quá mức chịu đựng của hệ thần kinh.

Tâm trạng dao động, làm phát sinh tư tưởng, tạo ra sự lo sợ, suy nghĩ nên Điện hao tán... Sự hao tán của Điện làm cho Hồn, Vía, Thần đều yếu đuối, nội tạng sinh bệnh do sự sinh động của tình cảm tương quan.

Hai hệ của Khí, Huyết đều sinh ra bệnh, sẽ là trọng bệnh, vì nó liên quan đến Hồn, Vía, Thần. Nếu quá mức chịu đựng thì sẽ xảy ra sự chết bất ngờ, mà nguyên nhân là “Thần” toát ra.

Sự Sáng kém: Khi sự Sáng đã được tạo nên nó tăng mãi, do những chức năng liên quan của nó hoạt động. Tự nó không hao tán.

Nó chỉ hao tán khi có một thể linh thiêng khác làm nguyên nhân cho sự sinh hóa của sự Sáng, mạnh nhất là Điện. Nó lôi cuốn sự Sáng sinh hóa do Tâm, tức là do tâm trạng.

Triệu chứng của sự Sáng kém:

Không chính xác trong những chức năng của Trí.

Không có mộng và thị kiến của siêu Trí.

1. Luyện nội lực theo mức độ hiểu biết, từ thấp đến cao

- Nuôi dưỡng thực lực của sức sống theo dịch kỳ.

- Nuôi dưỡng mỗi loại thân để tăng sức sống và khả năng của chức năng của những bộ phận vô hình liên quan đến mỗi loại thân.

- Muốn tiến hóa đúng như mức tiến hóa của vũ trụ, hoặc nhanh hơn, để đạt

đến sự sống, đến nguồn gốc sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ của sự Sáng trong vũ trụ.

Nuôi dưỡng thực lực của sức sống.

Thực lực của sức sống của mỗi thể thuộc nội lực sinh động trong cấu trúc của mỗi thể.

Nó chuyển động trong dịch kỳ riêng rẽ của mỗi thể để tự sinh động.

“Nuôi dưỡng” là dùng một vật, một thể này để tạo năng lực và năng lượng cho một thể khác, một thể mới khác được tạo nên, như dùng thực phẩm để tạo nên Huyết.

Nhưng nuôi dưỡng thực lực của nội lực là dùng một năng lực có sức sống vô tận (là sự Sáng) để nuôi dưỡng “một sức sống có sức sống” ngắn hạn để biến nó thành “một sức sống có sức sống” dài hạn hơn.

Nói cách khác, *“hòa sự Sáng vào thực lực của thể đó theo sự chuyển động của thể đó trong dịch kỳ của nó”*. Cũng có nghĩa là *“sự Sáng xúc tác thể đó, làm tăng năng lực cho năng lượng đó”*.

(Sự quan trọng trong năng lượng là năng lực của năng lượng đó. Trong trường hợp năng lượng không thay đổi, nhưng năng lực thay đổi). Thí dụ: khối lượng máu đỏ giữ nguyên, nhưng năng lực của máu đỏ thay đổi để thành Thần (thành Thần lực).

Nuôi dưỡng mỗi loại thân

Tất cả các loại thân sinh động và hoạt động khi nó tách ra khỏi Nhục thân, nhưng chúng đều mang hình dáng của Nhục thân. Các loại thân, khi nó đầy đủ năng lực, sẽ tách ra khỏi Nhục thân, khi Nhục thân và sinh hoạt của nó ngưng. Như:

Nhục thân ngưng động: Khí thân xuất hiện.

Nhục thân, Khí thân ngưng động: Điện thân xuất hiện.

Nhục thân, Khí thân, Điện thân ngưng động: Quang thân xuất hiện.

Nuôi dưỡng bất cứ một loại thân nào là phải nuôi dưỡng toàn thân của loại thân đó, nhưng thời gian để tạo thành năng lượng, năng lực thích hợp cho mỗi loại thân khác nhau rất xa về tỷ lệ thời gian, tức là sự biến hóa của chất nuôi dưỡng khác nhau nhiều về thời gian biến hóa của năng lượng, năng lực.

Thí dụ: *nuôi Nhục thân.*

Thực phẩm, nước (các loại dinh dưỡng) được đưa vào trong bằng miệng, chứa ở bao tử, để thực phẩm được các loại hóa chất, nhiệt độ, trong các tạng tiết ra trộn với thực phẩm và nhiệt lượng biến hóa chúng thành máu.

Thời gian biến hóa các chất dinh dưỡng phải mất nhiều tiếng đồng hồ.

- *Nuôi Khí thân:*

Không khí được đưa vào bằng mũi, chứa ở hạ tiêu.

Không khí được sự Sáng xúc tác qua Trí quan sát. Sự xúc tác này biến không khí (ô tạp) thành Thanh khí và Điện.

Thời gian biến hóa năng lượng, năng lực này chỉ mất vài giây đồng hồ.

Sau đó năng lượng, năng lực này được Trí quan sát điều khiển nó để đem nuôi toàn thân của Khí thân.

So sánh về sự biến hóa của của hai thể Huyết và Khí trong sự tác tạo năng lượng, năng lực của Khí nhanh hơn Huyết.

Suy ra: *“thể nào nhẹ và có năng lực mạnh hơn thì sự biến hóa năng lực trải qua một thời gian nhanh hơn là một thể nặng hơn”*.

Nuôi Khí thân: là nuôi toàn thể Khí thân bằng Thanh khí Dương và Âm.

Không khí được Trí quan sát đưa xuống hạ tiêu. Không khí do phổi hít vào biến thành Thanh khí Âm. Không khí, do Trí quan sát đưa lên trên đầu não bằng hơi thở ra, nó biến thành Thanh khí Dương.

Khí được Trí quan sát đưa đi đúng với dịch kỳ của nó mới nuôi dưỡng được toàn thể Khí thân, là Âm ở phần dưới và Dương ở trên.

- *Nuôi Điện thân:*

Trước hết phải rõ sự tán, tụ của nhân điện.

a. Điện hao tán từ trên trên xuống dưới:

Tư tưởng (là Điện năng) nảy sinh mà sinh hóa ra tâm trạng, tình cảm liên quan đến các tạng hóa sinh ra khí. Tức là nhân điện từ não, hệ thần kinh đổ vào các tạng, sinh hóa ra khí mà hao tán.

Do đó, Trí kém sáng suốt, thần kinh bải hoải.

b. Điện tụ từ dưới lên trên:

Không có tâm trạng dao động thì khí hòa. Điện cũng từ hệ thần kinh trả về não.

Hai trạng thái làm tụ Điện: ngũ và Tâm chơn không.

2. Phải rõ những chức năng vô hình

Hầu hết ai cũng biết đến ngũ tạng, lục phủ thân thể của mình, nhưng nếu chúng bị bệnh, hoặc yếu đi, thì cũng không sao tự chữa cho mình khỏi bệnh.

Nhưng y sĩ lại chữa được, vì họ biết và hiểu rõ những chức năng, sự cấu tạo, sự hoạt động của của những bộ phận, cơ quan đó.

Với người Tu Luyện, Sống đạo, muốn phát triển sự linh thiêng, sự màu nhiệm, hành giả phải rõ những chức năng sinh hoạt của những bộ phận vô hình đó, và những thực lực của các thể.

Ngoài sự phát triển, hành giả có thể luyện nhanh và có hiệu quả, tức là luyện ngay trong Dương và Âm, chứ không luyện trong hiện tượng.

Như luyện Khí: luyện ngay thực lực của Khí Dương và Khí Âm, chứ không luyện trên sự hít thở, tức là, Trí “quan sát” ngay Khí để xúc tác nó.

Cần biết thêm những gì liên quan đến Khí là: Nơi luyện cho Khí thân là tam tiêu. Luyện Khí ở tam tiêu thì lấy nội tức mà luyện.

Thời gian luyện nội lực ngắn hơn luyện ngoại lực nhưng kết quả nhanh. Vậy hiện tượng nào cho biết là Khí thân mạnh?

Khí thân đủ mạnh để tách ra khỏi Nhục thân và hoạt động bằng siêu Trí, đó là trong mộng, trong khoảng thời gian đó, Khí thân bay bổng, hoặc nhảy cao nhưng với sự hoạt động của siêu Trí.

Hiện tượng khác liên quan đến hiệu quả cường hóa Khí thân và Nhục thân là: khi nội tức được điều hòa, “ngũ tạng khí” không còn dao động nữa. Hay là Dương và Âm của Khí được điều hòa thì “Ngũ hành khí” không còn dao động.

Tóm lại:

Luyện Khí thân: là dùng Khí Dương và Âm trong nội tức mà cường hóa Khí thân.

(Khí thân được cường hóa một cách tự động, khi Nhục thân ngủ, “ngũ tạng khí” không dao động, lúc đó Khí Dương và Âm được điều hòa, Khí thân mạnh, và có mộng, trong đó có sự tiên kiến, tiên cảm).

Luyện Khí thân là luyện từ tam tiêu, lấy sự Sáng soi vào khí Dương và Âm. Sự Sáng xúc tác làm cho khí lực tăng trưởng (tuổi trẻ, Khí lực tăng nhanh nhờ tích lượng lớn của tam tiêu, người già, hoặc phổi đau yếu, tích lượng kém, Khí lực chỉ được duy trì, vì vậy càng già, nên dùng nhiều đến hạ tiêu, vì lồng phổi bị thu hẹp lại nhiều).

“Tam tiêu” là “cái lò để luyện Khí lực, Thần lực” cho Khí thân.

Do vậy, muốn luyện thần lực là phải luyện từ tam tiêu mà nơi quan trọng để tạo ra thần lực, là hạ tiêu.

(Sự quan trọng của hạ tiêu: khí huyết, khí hải đều nằm ở hạ tiêu. Hai điểm này nói lên sự rộng lớn trong chức năng chứa đựng Khí và trong chức năng chuyển hóa không khí thành “thanh khí” – là một lực mạnh hơn là không khí).

Hiệu quả của sự luyện nội khí, nội lực, không phải là luyện sự chuyển động của nó, mà luyện ngay sự sinh động của nội khí.

Khi nào Khí tỏa ra thành mông, Trí quan sát không còn thấy sự chuyển động trong dịch kỳ của khí nữa, thì mông khí đó hình thành Khí thân, và có cường lực cao hơn là không khí.

Sự sinh động của mông khí đó kéo dài thì Khí thân được cường hóa.

Những hiệu quả khác của Trí quan sát dịch kỳ của Khí:

- Hóa giải tâm trạng do các tình cảm động loạn, do tư tưởng tạo ra. Vì, *khi “Trí quan sát” hoạt động thì chức năng nhớ lại và chức năng suy nghĩ ngưng*.
- Loại được trọc khí, độc khí.
- Làm giảm độc tố trong các tế bào.
- Làm giảm sự dao động của huyết áp.

Còn hiệu quả của Khí ở hạ tiêu là hiệu quả chung, đó là:

- Hóa giải được ảnh hưởng tác hại do 3 nguồn gốc gây ra là Huyết, Khí, Điện.
- Nhưng tính quan trọng trong sự chuyển hóa nội lực, thư giãn tâm trạng, duy

trì sức sống lâu của tế bào v.v... đều do hơi thở ra.

- Không khí được đưa vào phổi; việc hít vào, thở ra là hai chức năng (Âm và Dương) tạo ra phản ứng hóa chất (oxy và CO_2).

“Hơi thở ra” quan trọng trong chức năng chuyển hóa của nó.

Chuyển hóa: Khí Dương biến thành Điện Âm do Trí quan sát đưa từ dưới lên não.

Thư giãn tâm trạng: Tình cảm tăng, khí của tình cảm tăng lên, làm Tâm dao động, ngăn ngại Dương và Âm trong Tâm chơn không, làm giảm sự linh thiêng và mâu nhiệm trong sự chơn không.

Hơi thở ra nhẹ nhàng, hóa giải tâm trạng, điều hòa Khí.

Duy trì sức sống lâu của tế bào: tế bào sống lâu nhờ thanh khí. Hơi thở ra thật nhẹ, thanh khí nhiều, và được giữ lâu ở tế bào, nên nó có sức sống lâu.

Vai trò của “Trí quan sát” rất quan trọng trong sự luyện nội lực. Nó tăng trưởng khả năng của chức năng, tức là tăng trưởng Lực của khả năng của chức năng.

“*Tăng lực*”, tương đối dễ hơn là giữ (*duy trì*) được cường độ của nó.

Không giữ được cường độ của lực là do nó tán ra. Như:

Sự tán của Lực vô hình của Huyết là cảm giác (nhục cảm, dục cảm, xúc cảm, vị giác v.v...). Nó làm cho nhịp tim đập nhanh, tức là, “sự dao động của cảm giác” làm cho Thần tán.

Không có, không còn cảm giác: Thần tụ, Thần hoạt động, “Thần lực” tăng.

Không có cảm giác, tim đập nhẹ, đều.

Không còn cảm giác (nóng, lạnh, ngứa, đau...): tim ngưng đập.

Cho nên nói rằng: “*Lực động thuộc hữu hình, Lực trong “trạng thái Tĩnh” thuộc về siêu hình hay vô hình*”.

Không giữ được Lực thì nó tán ra, mà tán ra thì khó luyện.

Như, sự tán của lực vô hình của Khí do tình cảm (do sự dao động của ngũ tạng khí. Sự dao động của “ngũ tạng khí” sinh ra trọc khí, độc khí, ở trung tiêu và hạ tiêu).

Thanh tẩy trọc khí, độc khí... cũng là thanh tẩy trung tiêu và hạ tiêu.

Khí của ngũ tạng mà không dao động thì Vía tụ.

(Vía tụ, Khí thân mạnh. Trường hợp xảy ra như khi chụp thuốc mê vào bệnh nhân để giải phẫu mà bệnh nhân không có tâm trạng, thì Vía và Khí thân toát ra khỏi Nhục thân).

Không còn tình cảm dao động thì Khí thanh. Không còn tình cảm lâu ngày, Khí tụ ở Khí huyết, Vía sinh động, tăng lực.

(Tóm lại: *hiện tượng sinh lý cũng là hiện tượng vật lý*).

Giải thích được hiện tượng sinh lý là phải rõ được những định lý vật lý của những thể linh thiêng cấu tạo trong cơ thể.

Sự chết, trường thọ, trường sinh, sống và hằng sống... là những trường độ

và cường độ của những thể linh thiêng trong con người, trong cơ thể con người.

Làm chủ được Lực (nội, ngoại) của những thể linh thiêng là định được thời hạn sống chết của chính mình vậy).

Lực vô hình của Huyết là “Thần”, ổn định được huyết áp, thì Vía mạnh, nó có khả năng thông được các khiếu.

Các khiếu được thông chứng tỏ Khí thân đã được hình thành và có khả năng tách ra khỏi Nhục thân. Nghĩa là, Khí thân có khả năng tách ra khỏi Nhục thân thì các khiếu được thông.

Các khiếu được thông nhờ vào ở nội khí sung mãn do sự hợp nhất của hai Khí Dương và Khí Âm.

Hô hấp ngưng động, nhưng nội khí sinh động, tăng trưởng lực của nó bằng cách rút tinh hoa của Khí trong bầu khí quyển.

Các tế bào rút được tinh hoa của Khí nên Nhục thân rất khỏe.

Muốn đạt đến trạng thái này, trước hết con người, suốt cả ngày, không có sự phản ứng của tâm trạng.

Không có phản ứng của tâm trạng, cũng là không có sự phản ứng của hóa chất.

(Phản ứng của hóa chất do tâm trạng nặng nề tạo nên độc tố, trong đó gồm nhiều nhân tố được tạo nên bằng nhiều thể (Huyết Khí). Nếu có tư tưởng trong tâm trạng thì nhân tố độc gồm có Thủy, Khí, Điện..., tất cả đều độc. Chúng là nguyên nhân của ác bệnh).

Nhục thân khỏe mạnh nhưng chưa phải là Khí thân mạnh.

(Không có sự di truyền những độc tố từ cha mẹ, bình thường trẻ được sinh ra không bệnh tật, nhưng chưa hình thành Khí thân vì ngũ tạng khí chưa sinh động).

Chú ý: Vía mạnh, Khí thân mạnh làm các khiếu được thông (Nam: 7 khiếu, Nữ: 9 khiếu). Nhưng nó không thông được huyền khiếu (hay còn được gọi là Thiên môn).

Huyền khiếu nằm ngay đỉnh đầu, hình tròn (huyết Bá hội nằm trong huyền khiếu), có chức năng chuyên hóa và quang tỏa huyền năng.

Hiện tượng về các khiếu được thông không do từ bên ngoài mà phải từ bên trong bằng nội tức.

Nội tức đạt đến độ cực nhẹ, cực nhuyễn do trạng thái chơn không của Tâm, Trí... lúc đó các khiếu được thông.

3. Cường hóa nội lực

Hiểu được “ý lý”, và sống theo đó, thì con người ngừa được bệnh do những tác nhân gây ra bệnh từ ngoài đưa vào. Những tác nhân gồm 3 loại thuộc ba thể: Thủy, Khí, Điện.

Như vậy, sức khỏe con người phải được cường hóa từ bên trong bằng nhân điện và sự Sáng.

Sự Sáng phải được cường hóa ở não, và nhân điện được tăng lên trong 3 hệ thống quan trọng liên quan đến sức khỏe là: hệ thần kinh, hệ miễn nhiễm và hệ nội tiết.

Khi nội lực (sự Sáng, nhân điện) mạnh hơn những lực bên ngoài của những tác nhân gây ra bệnh thì cơ thể không bị ngoại lực thẩm nhập và tác hại.

Sự Sáng được tập trung, và được cường hóa ở não, nhưng nếu ta không hiểu cách thức tập trung năng lực qua các hệ thống của các thể linh thiêng, thì ta không thể giữ lâu được năng lượng để dùng. Nghĩa là phải biết cách cường hóa nội lực, ngược lại nội lực được giảm đi rất nhanh.

Dưới đây, là hiện tượng dẫn cảm, và truyền lệnh của sự Sáng qua các hệ và thể:

Hệ, Thể			
Bắp thịt →	→	Hệ thần kinh →	→ não
Cảm nhận →	→	biết →	→ hiểu
Huyết → (Khí, Điện, sự Sáng)	→	Điện → (sự Sáng)	→ sự Sáng
Hệ thần kinh → ngoại biên	→	Hệ thần kinh → của cột sống	→ não

Mỗi tín hiệu khi chuyển từ một hệ của một thể này sang hệ khác, hóa chất trong cơ thể tạo nên một xung lực (qua bộ phận synapse). Cường độ đó mạnh dần, để tín hiệu dẫn cảm được đưa vào sự Sáng của Trí trong não, tức là cường độ mạnh dần lên, từ cột sống đưa về não.

Như vậy, cường độ mạnh nhất của xung lực được tụ về não.

Trái lại, khi tín hiệu truyền lệnh từ não (từ sự Sáng) đến cơ bắp thì cường độ của sự Sáng giảm dần theo hệ và theo thể.

Hiệu quả của hiện tượng chuyển động của sự Sáng hai chiều là:

Thu nhiều năng lượng, và giảm ít.

Nội lực mạnh nhất trong các loại nội lực là sự Sáng. Nó thuộc Trí năng của con người. Trí năng cao, mạnh, thì ở người đó có sự linh thiêng và mẫu nhiệm, nhưng với nhãn quan, người ta không thể nhận ra. Tuy nhiên trong phong cách, ta cũng cảm biết được.

Ở một mức thấp hơn là sự sinh động của nội khí, nó cũng biểu lộ ra phong cách sinh hoạt của con người.

Như nội khí trong Thân mà được điều hòa, không dao động bởi tâm trạng, thì sinh hoạt của Nhục thân biểu lộ sự trang nghiêm.

Dấu hiệu của sự trang nghiêm là sự ngay thẳng của chi thể của Nhục thân trong sinh hoạt (đi, đứng, nằm, ngồi, nói, ăn, uống v.v...)

Như: ngồi

- Ngồi ngay thẳng: khí được điều hòa, tư thế ngồi tạo ra phong cách trang nghiêm, nhưng nhẹ nhàng.

- Ngồi xiêu, vẹo: khí khó thông, ngăn ngại, phong cách không đứng đắn.

Dấu hiệu trang nghiêm trong phong cách kéo dài mãi, mà không do sự cố gắng để làm cho con người được trang nghiêm, là bên trong, “Thần mạnh”.

Điều này do Khí (hồ hấp) điều hòa và nhẹ nhàng nên Tâm an. Và Tâm an (1) thì Thần mạnh.

(“Thần” yếu, mạnh, liên quan đến sự thức, ngủ của con người.)

- Trẻ con, vì Thần còn yếu kém nên chúng ngủ rất nhiều, cho đến khi chúng có tình cảm sinh động mạnh, và có chiêm bao, thì “Thần lực” trong thân thể của chúng đã đầy đủ.

Vì lực làm cho Khí thân hoạt động được trong giấc chiêm bao là “Thần lực”, chúng ngủ và thức một cách tự nhiên.

Nhưng có nhiều người lớn tuổi muốn ngủ mà không ngủ được là do “Thần kém”.

“Thần kém”, sinh ra chứng hồi hộp. Nó làm tăng, hay giảm huyết áp.

Chứng hồi hộp sinh ra do hai nguyên nhân:

1. do tâm trạng dao động mạnh..., thuộc về nguyên nhân tâm lý.
2. do thức ăn uống có chất kích thích, làm giảm lực của Thần.

Phương cách “an thần” là:

- Dùng thức ăn, uống, hay thuốc có dược chất an thần. Nhưng dược chất có trong thức ăn vẫn tốt hơn (nhiều nhất là ở các loại nấm: linh chi, đông cô...)

- Dùng Khí để an thần: Nội khí được điều hòa thì “Thần được An”, và sau đó được cường hóa, “Thần mạnh”.

Cường hóa nội lực, đầu tiên là không để Tinh lực toát ra ngoài (2), nó toát ra, Khí lực kém. Khí lực toát ra ngoài thì Thần lực kém.

Không có nhiều cảm giác hao tán thì Tinh lực mạnh. Không có tâm trạng dao động, nói năng không quá mức..., thì Khí lực mạnh.

“Tinh lực, Khí lực mạnh” thì Thần mạnh.

(1) Từ hiện tượng “Tâm an, Thần mạnh” mà con người bày ra phương pháp thở là:

“Trì quan sát hơi thở, hay quan sát Tâm”. Hễ Tâm được An thì Thần mạnh. Hiệu quả của năng lực là: (sự Sáng + Khí) → sinh hóa ra nhân điện.

(2) Tinh lực toát ra ngoài bằng nhiều đường, bằng nhiều khiêu. Bằng khiêu của bàng quang, do sự hoang dâm, Tinh lực toát ra. Bằng miệng, hậu môn, tân dịch toát ra. Tân dịch là lực chưa được tạo thành Tinh lực, nhưng chúng cũng làm cho nội lực giảm nhanh.

Do bên trong con người mà Thần lực được tăng trưởng. Nhưng nếu không để ý đến sinh hoạt thì Thần tóa tán ra ngoài.

Ban ngày, trong sinh hoạt, Thần tóa ra từ con người của mắt.

- Ban đêm, khi Tâm, Trí ngưng động, Thần toát ra bằng Khí thân, Điện thân.

Cường hóa nội lực liên quan đến sự luyện các thể linh thiêng và những thể này liên hệ với sự sinh động của Thiên Năng, Thiên Cơ, Thiên Lý.

Nếu Luyện một thể linh thiêng nào, và sống, sinh hoạt bằng thể linh thiêng đó, thì trường độ của loại thân đó bằng với sức sống của thể đó trong vũ trụ.

Như luyện Khí và sống bằng Khí thì Khí thân sống cả 1.000 năm.

Luyện: liên quan đến Thiên Năng, gồm có 3 nơi để luyện.

Luyện Huyết, Khí: ở Thân.

Luyện Điện : ở Tâm.

Luyện sự Sáng : ở Trí, siêu Trí, Tuệ.

Luyện Huyết: do ăn uống với sự lựa chọn thực phẩm. Cách ăn uống, giờ giấc ăn uống.

Luyện Khí: phần nhỏ do ăn uống. Phần quan trọng là do hít thở.

Nơi thở: ngoài và trong. Ở ngoài thì ai hít thở cũng giống nhau. Thở bên trong có nội tức, chơn tức.

Chơn tức: là lối thở như cây cỏ, không có cảm giác, thì khí mới thâm nhập được vào các tế bào bên trong.

Cái tuyệt đối của chơn tức là chức năng chuyển hóa của sự Sáng, của nhân diện tự thành nội khí.

Tại sao con người có thể thực hiện được điều này?

- Vì sự Sáng và Điện có trong toàn vũ trụ, còn Khí, Thủy chỉ có xung quanh địa cầu. Sự Sáng và Điện có khả năng xuyên qua mọi tạo vật, cho nên không có một tạo vật nào ngăn chặn được sự thâm nhập của sự Sáng và Điện.

Nhưng mọi sự điều khiển xúc tác, sáng tạo, chuyển hóa, sinh hóa... đều do nơi Trí.

Luyện Điện: ở Tâm.

Luyện Điện ở Tâm cũng là Tu, và Tu cũng là luyện.

Luyện Điện tức là luyện Tâm lực, mà Tâm chơn không, thì Tâm lực cũng là Huyền lực.

Huyền lực là năng lực của thế giới siêu nhiên. Nó là lực sinh động và chuyển động của Thiên Cơ của thế giới siêu nhiên, trong đó có cả thế giới tự nhiên.

Nếu sự sinh động của nhân diện bằng với Điện của thế giới siêu nhiên thì Tâm biết được sự quá khứ, vị lai của Nhục thân.

Luyện Tâm lực, tức là luyện sự sống của Tâm. Thấy được sự sống của Tâm thì người luyện không còn thấy sự chết, không sợ cái chết, và không lo ngại, sợ những gì phải xảy đến cho Nhục thân.

Từ chức năng sinh hóa và chuyển hóa của Trí trong vòng tỏa ra của huyền lực (tâm lực) mà Trí tạo ra các phương pháp, thuật..., cho nên nói rằng:

“Trí con người mô phỏng theo chức năng sinh hóa và chuyển hóa mà tạo ra pháp, ra thuật trong tâm tỏa ra của tâm lực. Hay là “Tâm lực” châu biến đến đâu, thì Trí có khả năng hiện thực theo tư tưởng những biến hóa bằng huyền lực”.

“Tâm lực mạnh”, tức “Điện thân mạnh”. Và chỉ có Điện thân mới có khả năng thấy biết được quá khứ, vị lai... (những hiện tượng, hình dáng bằng thể điện do Thiên Cơ nhào nặn...).

Luyện Trí, siêu Trí, Tuê, cũng là Tu và sống đạo, hay là Tu và sống đạo cũng là luyện Trí các loại.

Khi sự sinh động của Trí thoát khỏi sự mệt mỏi, đói khát của thân xác, hay là lúc thân thể mệt mỏi, đói khát, đau đớn... mà Trí còn suy nghĩ, nhớ, quan sát được..., thì Trí không còn bị ảnh hưởng đến cái chết của Nhục thân nữa.

Cho nên nói rằng: *“Luyện Trí, tức là “luyện sự sinh động của sự sống”, tách rời nó khỏi những bộ phận khác như Tâm, Thân”.*

Và quyền năng của sự Sáng để hiện thực theo chức năng “chuyển hóa, sinh hóa” cao hơn tâm lực nhiều.

h. Nguyên tố sinh hóa

Những bộ phận vô hình như Tâm, Tánh, Trí, Lương Tâm v.v... có chức năng làm cho con người tiến hóa.

Nhưng mức độ, hay tốc độ tiến hóa nhanh hay chậm lại do ở sự thực hành và sự ứng dụng những bộ phận vô hình, kể cả các tôn giáo, đạo giáo... muốn đưa những năng lực vô hình của con người vào sự sống của vũ trụ.

Nói cách khác, mức độ hay tốc độ tiến hóa nhanh hay chậm khác nhau ở mỗi bộ phận vô hình, dù cho chúng có liên quan đến vũ trụ.

(Mỗi bộ phận vô hình là những phương tiện chuyển hóa để tiến hóa. Tương tự như các phương tiện di chuyển là xe, tàu, máy bay v.v... đều di chuyển, nhưng chúng khác nhau về tốc độ).

Nhưng với tiêu vũ trụ, với con người, mức tiến hóa cực nhanh mà con người muốn đạt được, là phải tìm ra “Nguyên tố sinh hóa và chuyển hóa” trong tiêu vũ trụ. Và nơi mà nguyên tố này có được là sự Sáng trong não, với bộ phận vô hình điều khiển sự Sáng là Trí (và các loại Trí).

Trí: là một bộ phận vô hình với cấu trúc kỳ diệu, với nhiều chức năng. Nhưng sự sinh động chung của nhiều chức năng lại chỉ do một Nguyên tố: là sự Sáng.

Những gì được sinh hóa từ sự Sáng không phải là Nguyên tố. Đó là tạo vật của sự Sáng, như tư tưởng, hình ảnh siêu nhiên, những hiện tượng siêu hình v.v... vẫn có sức sống siêu nhiên. Sức sống này thuộc về nhân điện.

“Sự Sáng (thể Sáng) là Nguyên tố của sự sinh hóa và chuyển hóa của tiêu

vũ trụ” chưa phải là Nguyên tố sinh hóa và chuyển hóa của đại vũ trụ, cho đến khi nào sự Sáng này sinh động đến mức có khả năng bức xạ để hòa nhập vào nguyên năng lực của vũ trụ.

Đến lúc đó, năng lực con người mới phát triển đến mức tuyệt đối, góp phần vào “sự sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ” của vũ trụ (1) tức là hòa nhập vào Thiên Lý, Thiên Cơ, Thiên Năng, vào Đạo lý, Vận, sự tăng giảm năng lực của vũ trụ.

1. Tiến hóa đến mức tuyệt đối

Trong Luyện, Tu và sống đạo, muốn tiến hóa đến mức tuyệt đối, con người phải nhắm vào đâu?

- Chỉ cần nhắm vào năng lực có sự sống và phát triển nó vào mức tuyệt đối hằng sống.

Đó là sự Sáng (thể Sáng) của Trí.

Vì sao gọi sự Sáng của Trí, là sự sống?

- Vì sự Sáng “có khả năng sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ” và “sinh và sinh mãi”.

Hay là: “Những gì có khả năng sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ đều có khả năng tự tạo lấy năng lực cho chính nó”.

Trong con người, chỉ có một năng lực duy nhất. Đó là sự Sáng, cũng là sự sống.

Ngoài sự Sáng của Trí có khả năng để hằng sống, những bộ phận vô hình khác có khả năng hằng sống hay không?

- Thần, Hồn, Vía đều vô hình, Tâm cũng vô hình, nhưng tất cả không sinh động thuần túy bằng sự Sáng như Trí. Vì vậy, chúng không có khả năng để tự tạo lấy sự hằng sống(2).

Khi sự Sáng của Trí thông minh tách ra khỏi các chức năng khác của nó thì sự Sáng có thể tạo lấy năng lực cho chính nó, tức là chỉ còn lại sự Sáng của Trí thông minh sinh động. Lúc đó, con người mới thật sự là một tiểu vũ trụ. Nhưng hiện tượng đó xảy ra như thế nào?

- Khi 3 cõi giới (Thân, Tâm, Trí) ở trong trạng thái thuần nhất, sinh động

(1) Sự Sáng (thể Sáng) của vũ trụ là nguyên tố tác động đến mọi sinh động, chuyển động của các hành tinh, sức nóng của mặt trời v.v..., thì sự Sáng của tiểu vũ trụ, một khi đã hòa nhập vào nguyên năng của vũ trụ, nó cũng là “nguyên tố tác động” và đương nhiên, con người này có công đức.

(2) Các pháp môn trong Tu Luyện, sống đạo mà không dùng đến sự Sáng (nguyên tố sinh hóa) để tiến hóa con người, thì kết quả chỉ đạt được mức tương đối, dù cho đã tốn nhiều công phu.

bằng sự Sáng. Khi đó, sự Sáng của Trí làm chủ, điều khiển luôn cả 3 cõi giới trong con người.

Nếu chỉ một trong 3 cõi giới sinh hoạt, đó là sinh hoạt của bản ngã.

Những gì còn liên quan đến bản ngã, còn sự luân phiên hoạt động của Thân, hoặc Tâm, hay Trí, chưa có sự điều khiển thuần nhất từ Chơn Trí, thì chưa phải là tiêu vũ trụ. Đó là sinh hoạt của từng cõi giới.

Trong tiêu vũ trụ, do sự Sáng của Tuệ điều khiển luôn 3 cõi giới, nó mới hoạt động, chuyển động, sinh hóa, chuyển hóa và tiến hóa trong sự toàn hảo (1).

(Tâm, Trí của con người còn bản ngã, tuy vô hình nhưng nó được tạo nên từ những hiện tượng ngoại cảnh, có không gian, có thời gian bị giới hạn bởi tâm quang tỏa của sự Sáng trong khả năng châu biến của nó.

Do đó, những gì được sinh hóa ra từ Tâm, Trí... (tình cảm, tư tưởng, tâm trạng, trí trạng) vẫn còn liên quan đến không gian và thời gian, tức là còn thuộc về sức sống.

Còn “sự sống bao trùm những sức sống”, trong nó không còn hai yếu tố không gian và thời gian.

Sự sống sinh động trong Thiên Lý, Thiên Cơ và Thiên Năng “cực động trong sự cực tĩnh”, nhờ đó mà các pháp, các Lý được tuôn trào ra mãi do sự hòa nhập của Tuệ vào sự Sáng của vũ trụ.

2. Duy trì mức thông minh và sự tăng giảm của nó

Mức độ thông minh có thể duy trì được, nếu ta rõ được bản chất, bản tính và tính năng của nó. Nếu không, sự tăng và giảm của sự thông minh sẽ xảy ra và Hiểu, là chức năng của Trí thông minh.

Sự thông minh và sáng suốt của Trí có lúc tăng và cũng có lúc giảm. Như vậy, sự Hiểu cũng theo đó, có tăng, có giảm.

Sự “Hiểu” có trong sự Sáng, vì sự Hiểu có tăng, giảm (có mau, có chậm), tức là sự Sáng có lúc nhiều, có lúc giảm đi.

Lúc nào con người Hiểu nhanh nhất?

- Sau khi Tâm, Trí con người được hoàn toàn thư giãn, như sau khi ngủ đầy đủ, sự Sáng được phục hồi, cường độ năng lực của nó cao lên.

Lúc thức, Trí ở vào trạng thái chơn không, tức là không có sự can dự của Tâm (không tâm trạng), và không bị ảnh hưởng của Thân (không có cảm giác của Nhục thân).

(1) Đại vũ trụ cũng vậy, chuyển động, “sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ” để tiến hóa trong sự toàn hảo... đều do từ Thiên Tuệ tác động trong “Nguyên tố sinh hóa” của vũ trụ, là thể Sáng vậy.

Trong đời sống, con người thường làm tăng sự Hiểu mà không để ý đến, hoặc không rõ hiện tượng chuyển hóa này.

Ba chức năng suy nghĩ, nhớ và quan sát đều làm tăng sự Sáng. Làm tăng sự Sáng bằng ba chức năng của Trí, cũng là làm tăng tốc độ của sự Hiểu vậy.

Còn một cách khác để đạt được sự tuyệt đối, là “để cho sự sinh động của sự Sáng tự nó sinh động mãi cho đến khi sự Sáng thành năng lực tự tạo.

Năng lực này sinh động mãi không ngưng nghỉ thì sự Hiểu cũng đạt đến mức tuyệt đối là Hiểu mãi không ngừng, mặc dù thân thể cần ngủ, nghỉ.

Sự sinh động của sự Sáng của sự thông minh (của các loại Trí) và sự Hiểu liên lũy (1) là sự sinh động vĩnh cửu, chỉ có Sinh mà chẳng có Diệt, cho nên nó hằng hữu.

Phương pháp làm tăng sự Sáng và sự Hiểu, trước hết tách sự Sáng ra khỏi sự tương quan liên hệ của ba thể linh thiêng kia (Điện, Khí, Huyết), và sau đó tập trung sự Sáng về não.

Khi sự Sáng được tập trung hoàn toàn về não bộ thì nó bắt đầu tự sinh động. Và sự sinh động cần phải không bị gián đoạn cho đến khi sự Sáng bức xạ.

Nếu như sự sinh động của sự Sáng bị gián đoạn thì sự Sáng do mức tập trung nhiều cũng có thể tăng sự Sáng lên được phần nào (2).

Khi sự Sáng tăng lên, sức linh hoạt của những hiện tượng liên quan đến Điện, Khí, Huyết giảm đi, tức là tư tưởng, tình cảm, cảm giác của hành giả giảm bớt. Hay là, những tín hiệu do hệ thần kinh đưa về não không được tiếp nhận.

3. Sự hiểu thông thường của Trí và “sự hiểu tức thì của Tuệ”

Sự hiểu thông thường của Trí có tính tương đối (còn sự nhanh hay chậm) còn sự “Hiểu của Tuệ thì tức thì” mà không cần đến sự suy nghĩ.

Từ sự hiểu thông thường đến “Hiểu tức thì” (là giác ngộ) mà không cần đến sự suy nghĩ có một sự biến đổi, biến hóa của Trí thông minh đạt đến mức tuyệt đối của nó, được mở rộng, lan tràn (3) hết không gian của vũ trụ.

Nhờ vào cái gì mà sự Hiểu lan tỏa được?

- Cái Hiểu của Trí được chứa đựng trong sự Sáng của Trí (thể Sáng của Trí).

(1) Đây là trạng thái “Toàn Trí”, hay là sự “Hiểu hoàn toàn” trong mọi không gian và thời gian (quá khứ, hiện tại, tương lai) và trong mọi trạng huống.

Sự Hiểu mãi không cần đến sự suy nghĩ.

(2) Những gì thuộc về não bộ trở nên tinh hoa, trong đó hình thành đời sống tinh thần, và cao hơn nữa là đời sống tâm linh.

Và khả năng siêu việt trong đời sống này là kết quả của mức tiến hóa được nhận rõ từ sự tăng trưởng của sự Sáng với linh cảm, tiền cảm v.v...

(3) Sự lan tràn này là sự quang tỏa của sự Sáng của Tuệ. Nó giống như ánh sáng của một bóng đèn khi bật lên, lan tỏa chiếm cả không gian của căn phòng.

Khi sự Sáng của “Trí thông minh” sinh động mãi cho đến khi sự Sáng đó có năng lực cao hơn năng lực của nguyên năng, thì sự Sáng bức xạ, quang tỏa vào sự Sáng của vũ trụ (ở mức đầu, quang tỏa vào sự Sáng của Thái dương hệ), thì sự Hiểu trong đó cũng theo đó mà châu biến vào vũ trụ, để rồi sự Hiểu đó, rộng vô tận nhập vào Nguyên Lý được chứa sẵn trong sự Sáng của vũ trụ mà toàn giác.

Muốn đạt đến sự Hiểu tuyệt đối, con người phải rõ sự Hiểu của Trí nằm trong bộ phận, chức năng nào của Trí?

- Sự “Hiểu” sinh động trong sự Sáng (thể Sáng) của Trí thông minh.

Trí thông minh được tạo nên bởi sự tổng hợp của sự Sáng của Trí quan sát, Trí nhớ và Trí suy nghĩ.

Nhờ đó, sự Sáng của Trí thông minh có một cường độ năng lực cao hơn tất cả cường độ năng lực của ba chức năng kia. Nghĩa là, nó là sự tổng hợp của ba sự Sáng với cường độ khác nhau của mỗi chức năng.

Năng lực tổng hợp của 3 cường độ năng lực của sự Sáng là Trí thông minh, tức là “sự Sáng tổng hợp của 3 sự Sáng” của Trí quan sát, Trí nhớ và Trí suy nghĩ.

Vậy làm sao để cho sự Hiểu tăng đến mức tuyệt đối của nó?

- Sự Hiểu có tăng nếu con người vận dụng ba chức năng (quan sát, nhớ, suy nghĩ) một cách thường xuyên mà không có sự bộc phát của tâm trạng, thì sự Hiểu có tăng nhưng rất chậm để đạt đến mức tuyệt đối của nó.

Phương pháp cực nhanh là để cho sự Sáng của Trí thông minh tự nó sinh động (1).

Sự Sáng càng lớn rộng thì sự Hiểu càng tăng. Sự Sáng quang tỏa ra hết vũ trụ thì sự Hiểu ở vào mức tuyệt đối của nó – là Hiểu những gì mà vũ trụ chứa đựng.

Trong trạng thái này, con người mới thật sự “cảm biết chi có sự sống sinh động”, sự chết (2) không còn nữa. Con người chỉ thấy sự sống, nên không sợ chết. Sự Sáng (sự sống) sinh động trong trạng thái Hư vô, Dương và Âm của sự Sáng hợp nhất trở về Thái cực.

Trong Thái cực nguyên thủy, chỉ có sự sống (sự Sáng), nhưng từ lúc sự Sáng có Dương và Âm sinh động, bấy giờ sức sống đầu tiên mới được tạo ra. Trong sức sống có sự sống và sự chết (có Sinh có Diệt), đặc biệt là trong Ngũ hành, sự sinh hóa ở vào giai đoạn thứ ba.

(1) “Đại định” là trạng thái tạo ra hiệu quả nhanh để cho sự Sáng của Trí thông minh sinh động cho đến mức cực mạnh, để tự nó bức xạ, trong khi đó “Tâm phải chơn không”, và 3 chức năng của Trí đều ngưng hoạt động.

(2) Con người quan niệm cái chết của Nhục thân là cái chết thật, không còn gì tiếp diễn hoặc tồn tại cả. Nhưng trong đại định, cái chết của Thân và Tâm đã xảy ra, nên lúc đó chỉ có sự sống sinh động.

4. Vai trò của ý thức và sự tăng lực

Ý thức có tác dụng lớn lao trong sự tiến hóa, trong đó có cả sự tiến bộ nữa.

Với sinh hoạt của con người, ý thức là sự cảm nhận và biết được những hiện tượng liên quan đến Thân, Tâm, Trí, và sau đó Trí mới nhận ra được những sinh động trong đó. Nhưng nhờ vào chất gì, hay cái gì mà Trí mới nhận ra, hay ý thức được.

Nhờ vào sự Sáng, con người mới ý thức được.

Sự Sáng hoạt động, nó tự làm tăng lấy năng lực cho nó.

Như vậy, ý thức được coi như một hoạt động làm tăng sự Sáng, làm tăng Trí năng. Và nó cũng là một phương tiện làm tăng nội lực.

Như ý thức được sự sinh động của nội lực thì nội lực tăng.

Tất cả những bộ phận vô hình như Tâm, Lương Tâm, Trí quan sát, Trí nhớ, Trí suy nghĩ... đều có nội lực.

Ý thức được sự hoạt động của những bộ phận vô hình, sự Sáng của Trí, và nội lực của chúng đồng bộ tăng lên.

5. Luyện và kết quả

Có công phu thì có kết quả. Nhưng Luyện kết quả đạt được lâu hơn là Tu và sống đạo.

Vì Luyện liên quan nhiều đến Nhục thân, mà Thân thì thuộc về sự tiến hóa tự động, tức là tuân tự tiến hóa, hay là lúc sinh ra đến lớn, thời gian đó đối với mọi người đều giống nhau. Vì vậy, Luyện Khí, Huyết..., nội lực của chúng cũng dần dần mới được mạnh lên.

Nhưng Tu, chỉ liên quan đến Tâm, Trí. Hai bộ phận này, con người có thể chủ động tiến hóa nó. Vì vậy, thời gian đi đến kết quả ngắn hơn so với Luyện, mà Nhục thân cũng khỏe mạnh do Tu.

- Luyện liên quan đến toàn thân.

- Tu chỉ liên quan đến đầu, não, đến những chức năng của Trí...

TU

Người ta nhận ra được sự tiến bộ, mức tiến từ nghề nghiệp, cách sống, cách sinh hoạt v.v... Nhưng muốn tiến hóa theo ý muốn, con người phải:

- Nhận xét
- Đánh giá
- Lựa chọn cách sống
- Thực hành, hay sống với cách sống đã được lựa chọn...

Theo sự nhận xét khách quan, từ lúc được sinh ra, đời sống con người biến đổi và thay đổi rất nhiều, nhưng chung qui chỉ trong ba đời sống (vật chất, tinh thần và tâm linh), mà sự thay đổi lớn lao từ bên trong là từ Tánh hồn nhiên sang sinh hoạt của Tâm.

Trong sinh hoạt của Tâm mới xuất sinh ra sự Thiện, sự Ác mà con người cần đến Tu (sửa), thăng hoa nó, hoặc đổi thay bằng những bộ phận vô hình khác để sống có hiệu quả hơn.

Thật ra, trẻ con chẳng cần đến Tu mà đời sống như ở trong “địa đàng”, nhờ vào Tánh hồn nhiên. Tánh khí nhẹ nhàng, sinh hoạt chẳng vương không gian và thời gian, đời sống quá vui đẹp từng giây, từng phút của:

Tánh hồn nhiên

Hồn nhiên, thanh thoát Tánh tuổi thơ
Lung linh ánh mắt, trẻ tâm hồn
Chẳng Thiện, chẳng Ác, vui đêm ngày
Chạy nhảy tung tăng chẳng bận tâm.
Vô tâm tư, đây vườn địa đàng
Trong chốn đó chẳng có sầu bi
Triền miên hoan hỉ Tánh mệnh mang
Ánh mắt như Trăng chẳng vương sầu.

Đời sống trẻ thơ, tự do ở Tánh hồn nhiên, nhưng bị giới hạn trong một cõi giới, một thể giới tự nhiên liên quan đến Nhục thân, và với nhu cầu của nó như ăn uống, ngủ nghỉ.

Tâm chưa có, Trí mới bắt đầu hoạt động với hai chức năng là Trí quan sát, và từ quan sát, chức năng “nhớ” mới hoạt động. Nhưng vẫn còn Tánh hồn nhiên.

Hồn nhiên

Trẻ thơ hồn nhiên sống bằng Tánh
Trí sinh thông minh vô nhiễm trần
Thiên đàng, địa ngục chưa thấy bóng
Tương lai, quá khứ cũng vẫn không.
Tánh hồn nhiên, Lành Dữ chẳng hiện
An nhiên, vui vẻ, ngày qua ngày
Chẳng hề hay, sống trong thực tại
Nhẹ nhàng thay, đời sống trẻ thơ.

Đời sống con người không phải chỉ giới hạn ở Tánh hồn nhiên sinh động trong cõi giới tự nhiên, mà nó được mở rộng ra đến vô biên ở sự xuất hiện của Tâm và Trí, tương quan với 2 cõi giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên. Cả ba cõi giới này là Thân, Tâm, Trí mới hình thành một tiểu vũ trụ trong đó gồm có Tam tài (Thiên, Địa, Nhân).

Sự sinh hóa từ Tánh sang bộ phận vô hình (Tâm, Trí) không đồng nhất ở mọi người. Có người thì Tánh chuyển sang sự sinh động của Tâm trước, và Trí sau; người khác thì Tánh chuyển sang Trí trước và Tâm sau (những mẫu người này, đa số là các nhà thông thái, thiên tài v.v...).

Tánh và Trí có trước là sự khác thường, nhưng Tánh chuyển sang Tâm, rồi Trí mới mở ra, là chuyện bình thường của đa số con người.

Tâm: gốc phiền não, hay là nơi học hỏi?

Đa số con người liên quan đến bên ngoài và trong.

Bên ngoài, Nhục thân gắn liền với Trời Đất, tức là với sự thuận lợi, hay với sự khắc nghiệt của thời tiết, của môi trường sống với sự phong phú, hay sự cạn kiệt của tài nguyên, của thực vật dành cho nhu cầu của Nhục thân. Có nơi, con người sống với sự độc, ác... của động vật, cây cỏ, nhưng không thường xuyên xảy ra nguy hiểm...

Cái có, cái không, sự thừa, thiếu... cũng đã hiện rõ cho nhu cầu của Nhục thân. Sự đổi thay bất thường tuy có nhưng cũng ít xảy ra. Con người tuy có lo, tuy nhiên không có phiền não liên miên của Tâm, Trí.

Bên trong, Tâm, Trí hoạt động thường xuyên, nó mới là sinh hoạt chính của con người.

Sinh hoạt này khởi nguồn từ hai bộ phận vô hình, từ tâm hồn động loạn phát sinh ra năng lực siêu nhiên dưới dạng phiền não, mà con người phải chịu đựng suốt cả cuộc đời, nếu không có cách hóa giải.

Tâm hồn động loạn

Chẳng phải Trời Đất tạo phiền não,
Vì chôn đông người, mâu thuẫn sinh.
“Tâm” động loạn, “Trí” mờ, “Lý” mất,
Bệnh lạ bộc phát do tâm tư.

Như vậy, chẳng phải do Trời Đất mà con người khổ vì phiền não, mà là do ở chính mình, với sự hiểu biết và quan niệm sống của mỗi người.

Thử hỏi: “Phiền não từ đâu sinh ra. Và cuộc đời thì ngắn ngủi, nhưng sao phiền não lại quá nhiều. Những ai tránh được phiền não?”

- Mất không thấy, tai chẳng nghe trong giấc ngủ, tâm hồn chẳng vui, buồn. Lúc tỉnh thức, phiền não do từ ngoại cảnh và tâm hồn của người khác đưa vào. Thế là tâm trạng phát sinh, ngày càng nhiều phiền não.

Nơi nào và thời gian mà sinh hoạt biến động nhiều thì tâm hồn con người bị ảnh hưởng mà tăng thêm phiền não.

Quan niệm sống và sự hiểu biết của một số mẫu người bị phiền não và tránh được những thống khổ đó là:

- Người Trí kém thông minh, chẳng thấy được việc, nên lòng đầy phiền não.
- Người sống cầu kỳ, khó khăn... tự đặt cho mình ngôi vị, địa vị, một bản ngã dị biệt... tự tạo thêm cho mình nhiều phiền não.

- Người có kỳ vọng, tham vọng, ước vọng... không đạt được mục tiêu, lòng sinh phiền não.

- Người khôn khéo tránh được nhiều phiền não ngoài đời, nhưng tâm hồn của bản ngã vẫn bị vương vấn.

- Người sáng suốt thấy được nguyên nhân bên ngoài, rõ được Tâm trạng bên trong, thấy được nguyên nhân sinh ra phiền não, nên không bị nó ảnh hưởng.

- Người hiểu biết cuộc đời là nơi để học hỏi, để tiến hóa... thì không có phiền não. Người này coi tất cả những việc xảy ra là bài học để suy nghĩ, để phát huy khả năng phân biệt, so sánh, đánh giá, nhận định, phân tích, biện luận, lý giải... và cuối cùng là tìm cách giải quyết.

Đây là hai mặt của một đời sống:

- Phiền não : người ta tìm cách giải thoát.

- Nơi học hỏi: là nơi tạo ra sự phong phú của đời sống tinh thần do sự phong phú của sự đối đãi. Càng đối đãi nhiều, đời sống tinh thần càng mở rộng. Người hiểu biết dần thân vào sự tìm tòi để học (như càng nhiều chất độc thì càng nhiều cách để giải độc; Ác nhiều, đối đãi của Thiện càng cao...).

Cuộc đời là nơi để học hỏi, ít người biết và đời sống luôn lạc quan. Nhưng đời là phiền não, đa số con người phải trải qua với sự chịu đựng, và tìm đường

giải thoát, hướng vào sự Tu (sửa). Mà điển tiền của nó để đến thực hành được, là: Tu, Cách tu, Hiệu quả và Thực hành.

A. TU LÀ GÌ?

Tu là sửa, nhưng là sửa toàn diện đời sống, “lành mạnh hóa” Thân, Tâm, Trí.

Sau khi Thân, Tâm, Trí được lành mạnh rồi, người này sống bằng sự sinh động của vũ trụ, tức là sống và sinh hoạt với sự kỳ diệu, linh thiêng và mầu nhiệm.

Sinh hoạt này liên quan đến nhiều vấn đề như: xem xét khách quan, nhận ra tâm trạng, hóa giải nguyên nhân sinh hóa ra bất an, sự thuận lợi và ngăn ngại cho sự Tu, nơi tu sửa, phải chiến thắng mình trong sự tự cường, phải thấy rõ từng bộ phận để sửa chữa, phải thấy mình như thấy trước mắt, ở đâu làm Tâm dao động v.v...

1. Xem xét khách quan

Một người thận trọng, khi xem xét một sự, một việc nào, cũng phải khách quan, hay là không có một định kiến nào do dư luận tạo nên (1).

Nếu dựa trên sự xét đoán của dư luận mà tạo nên một định kiến thì người có định kiến mất đi tính chủ động của Tâm, Trí mình trong sự xem xét.

Có định kiến là lòng đã cố chấp rồi. Lòng đã cố chấp rồi thì tự mình không chấp nhận những ý kiến khác, hoặc bài bác ngay. Chính vì sự cố chấp mà Tâm, Trí không được mở rộng.

Nhân tâm đổi thay không ngừng, vì vậy, trên đường tu sửa tâm hồn, đừng bao giờ cố chấp vào định kiến của mình, vì có rất nhiều định kiến sai lầm, làm trở ngại sự tiến hóa. *Nhưng có một định kiến tuyệt đối đúng, đó là định kiến đặt trên ý chí không thể lay chuyển được, là “định kiến tiến hóa Trí khôn đến sự Toàn giác, Toàn Trí” (2), tức là đến chỗ không còn sự sai lầm trong sự tiến hóa nữa.*

Và đó là sự tiến hóa có tính cách tồn tại trong đời sống siêu nhiên và siêu

(1) Dư luận: trong dư luận luôn có sự phán xét, có sự thưởng, phạt, kết tội... theo tình cảm và tư tưởng của mỗi cá nhân.

Nếu phán xét mà căn cứ trên tình cảm thì sự phán xét, xét đoán đó chưa thể Thuận Lý được. Tình cảm, tư tưởng con người biến đổi cực nhanh theo hai hướng Thiện, Ác. Một định kiến đặt trên sự đổi thay, không bao giờ đúng với sự thật của tâm tư.

(2) Đây là định kiến đặt trên sự “chơn thường” (sự không biến đổi) của đời con người, tức là “định kiến tiến hóa” trong cả thời gian sống của con người, cả lúc Nhục thân chết nữa.

siêu nhiên, không giống như sự cố gắng thành đạt của những bậc thang giá trị trong xã hội đặt trên địa vị và chức vị của đời sống tự nhiên.

Sự thành tựu này là một chiến thắng, nhưng nó là “chiến thắng mình trong sự tự cường”, mà không có sự tranh chấp giữa người và ta.

Tự chiến thắng mình mà không gây thiệt hại cho người khác, không hao tổn Tâm, Trí. Trái lại, nó làm cho người tu sửa, tăng thêm ý chí, nghĩa khí và đức tính.

Có ý chí: có chí khí, can đảm, kiên trì...

Có nghĩa khí: dũng mãnh trong hành động (trong tư tưởng, lời nói, việc làm...).

Có đức tính: mới có thể quên mình, vì lợi ích của tha nhân...

Nhưng để chiến thắng mình trong sự tiến hóa, trước tiên, người tu phải nhận ra chính mình trong mọi sinh hoạt của Thân, Tâm, Trí, tức là mọi sinh hoạt liên quan đến mỗi chức năng hoạt động, bắt đầu từ tư tưởng sang lời nói.

Tư tưởng sinh động, nảy sinh bên trong Trí của mình, nhưng lời nói thì có trong quan hệ, trong giao tế... với tha nhân, tuy nhiên không thể không quan tâm đến tác dụng của nó.

Lời nói phải như thế nào?

- Lời nói mà người nghe phải suy nghĩ, nhưng không hiểu được, khiến người nghe bức bối và không muốn nghe.

- Lời nói là một nghi vấn: người nghe suy nghĩ và hiểu được. Người nghe hiểu tường tận hơn, nếu nghi vấn này tiến hóa Trí khôn của họ.

- Lời nói (như ngụ ngôn), hay trong đó hiện ra hình ảnh, người nghe dễ cảm, dễ nhận rõ..., thì người nghe thích thú, hỏi để học.

Trước khi lời nói được nói ra, con người phải nhận ra được chính mình trước, tức là nhận ra sự sinh động, hoạt động của Tâm, Trí mình.

Nhận ra được sự sinh động của tâm trạng, con người mới sửa được, để thiện hóa hay thánh hóa được Tâm của mình.

Thấy được Tâm, con người mới chơn không hóa Tâm của mình.

Đối với Trí cũng vậy, phải thấy rõ được, hay nhận ra được chức năng nào của Trí đang hoạt động.

Thí dụ: “Đang nhớ”, phải nhận ra là mình đang nhớ; “chức năng nhớ” đang hoạt động.

“Đang suy nghĩ”: phải nhận ra là mình đang suy nghĩ.

(Như vậy, khi để cho “Trí thông minh” hoạt động, hay để cho Trí thông minh tự sinh động bằng sự Sáng, thì con người mới có thể giác ngộ được Nguyên Lý.

Tóm lại:

Mọi chức năng của Thân, Tâm, Trí, con người phải rõ tất cả, và luôn luôn phải thấy được sinh hoạt của mọi chức năng).

Khởi đầu tu là phải xem xét khách quan, phải thấy rõ từng bộ phận, cõi giới

nào cần được sửa, hoặc phải thay thế.

Cuộc đời là sự tổng hợp của nhiều bộ phận, của nhiều cõi giới.

Nếu biết rõ cõi giới nào cần phải sửa thì người tu phải tách chúng ra để kiểm soát, sửa chữa, thì sự tu hành mới có hiệu quả.

Như tách “Tâm” ra khỏi Thân.

Tách “Trí” ra khỏi Thân.

Tách “Trí” ra khỏi Thân, Tâm (để chuyển hóa thành Tuệ).

Và khi nào người tu điều khiển những bộ phận vô hình thuận thực như điều khiển thân thể, tay chân... lúc đó người tu mới có thể tiến hóa được.

2. Sự thuận lợi và sự ngăn ngại của Tu

Sự thuận lợi cho sự Tu là con người cảm biết được tình trạng sức khỏe của cơ thể mình, nên cũng rõ được sức mạnh tinh thần và tâm linh đang trong tình trạng nào. Nhưng hầu hết người ta chỉ quan tâm đến sức khỏe của Nhục thân.

Thật ra, mức linh hoạt của Trí khôn và linh hồn mới quan trọng hơn, vì đời sống con người được mở rộng ra trong thế giới siêu nhiên. Hai sức mạnh này tạo nên giá trị của sự tiến hóa của con người.

Nếu Nhục thân được vô bệnh (1), đó là một sự thuận lợi cho việc tu sửa, chỉ còn lại hai phần ba, là Tâm và Trí để sửa chữa, tiến hóa mà thôi.

Thân vô bệnh, là một sự thuận lợi, nhưng tâm bệnh là một sự trở ngại chính.

Con người, hầu hết ai cũng nhận ra tình trạng sức khỏe của mình như yếu, đau, khỏe mạnh, nhưng ít người quan tâm, hay nhận ra được tâm trạng của mình.

Thân thể và Tâm tương quan ảnh hưởng.

Thân thể đau yếu, Tâm có những tâm trạng lo, buồn, sợ... nổi lên. Trái lại, thân thể không đau, yếu, cảm thấy dễ chịu, thoải mái, Tâm được bình an.

Thân đau yếu bệnh tật, nhưng Tâm người có đau, yếu, bệnh (2) hay không?

- Có, chính Tâm con người cũng đang đau, yếu, bệnh. Chúng cũng có triệu chứng, cũng có nguyên nhân. Dù là vô hình, những triệu chứng, nguyên nhân này là các tâm trạng.

Chẳng có loại thuốc nào con người làm ra có thể chữa được Tâm bệnh, chỉ chính người đau tự chữa lấy mà thôi.

(1) “Nhục thân vô bệnh” trong thời gian luyện, tu, là bệnh không khởi phát từ bên trong do sự dao động của Tâm, Trí sinh ra phản ứng hóa chất, tức là người đó làm chủ được Dương và Âm, và Ngũ hành trong con người của mình, cũng là làm chủ được Tâm rồi.

(2) Bệnh của Tâm trong thời đại này là những tâm trạng Lo, Buồn, Sợ, Giận..., nhưng nguồn gốc phát sinh là Lo. Và chính nó là bệnh của thời đại. Lo sinh ra buồn, sinh ra bực bội. Lo sinh ra sợ. Sợ sinh ra Thận đau; Buồn, đau Tim; Bực bội, tức giận, Gan đau.

Các tạng quan trọng mà đau, con người còn gì là hạnh phúc.

Tâm bệnh ảnh hưởng đến Trí, đặc biệt là Trí thông minh. Nó làm cho Trí thông minh kém sáng suốt, linh hoạt.

Nhưng nếu Trí thông minh, sáng suốt sẽ nhận ra được tâm trạng, thông minh và thêm vào sự hiểu biết nữa, thì luôn làm cho Nhục thân được khỏe.

Vì vậy việc tu sửa phải bắt đầu từ Tâm. Nhưng sự ngăn ngại trong sự tu sửa là sự xuất hiện thường xuyên của bản ngã, của cái Tôi, luôn hướng ra ngoài.

Ở chốn đông người (1), trong sự tiếp xúc dễ lộ ra bản ngã, vì muốn người khác biết được “cái Tôi” to lớn của mình. “Cái Tôi” luôn hiện ra, thật khó tu sửa.

Nhưng khi chỉ còn một mình, mà cái Tôi luôn hiện ra trong tâm tư, thì người đó lại càng khó tu, sửa.

Trái lại, trong cảnh đơn độc, nhưng không cảm thấy cô đơn, “cái Tôi” không hiện ra, thì dễ tu, vì thấy được chính mình.

Và “*thấy được chính mình*”, là cái “*Hay trên hết*” mọi “*cái Hay bên ngoài*”, do sự diễn tả, diễn xuất được vẻ đẹp tâm hồn, tài năng của Trí. Vì những “cái Hay bên ngoài” không thể “an Tâm”, hay “tu sửa Tâm được”, vì còn cái Tôi (2).

Một sự ngăn ngại khác là Trí khôn con người mất sự chủ động, do sự cảm dỗ ngày càng tăng về cảm giác ưa thích.

Riêng về cảm giác ưa thích, chúng không thể tạo ra theo ý muốn. Nhưng với Trí khôn, con người có thể tạo thêm sức hấp dẫn trong cảm giác bằng sự suy nghĩ. Do đó, sức cảm dỗ trong ký ức, trong chức năng nhớ sự cảm dỗ ngày càng tăng.

Từ sự khám phá, tìm tòi ra “sự say” do “chất say”, như men trong rượu, say thuốc, say trà..., dần dần con người làm tăng mức say lên thành say ma (ma túy), quỷ túy...

Chúng ảnh hưởng đến Thân, Tâm, Trí như thế nào?

- “Say” làm tăng cảm giác bên trong Nhục thân, bên ngoài da, mức độ cảm xúc giảm. Sự thích thú bên trong tăng.

Đối với ma túy, quỷ túy..., chúng làm tê liệt chức năng suy nghĩ về Lý, làm mờ tối sự thông minh, nên Trí chẳng còn sự sáng suốt. Chẳng còn Trí sáng suốt nên Lý cũng mất.

Chẳng còn Trí, chẳng còn Lý, con người mất nhân tánh. Do đó mọi hoạt động, hành động đều có thú tánh, quỷ tánh... bộc lộ ra sự hung, dữ, độc, ác.

(1) Nếu như ngay cả ở chốn đông người, và bất cứ nơi nào, lúc nào mà con người chẳng còn cái Tôi hiện ra nữa, thì người đó chẳng cần đến tu nữa. Chỉ còn lại “Trí và Lý” sinh động trong sinh hoạt, con người đã được giải thoát rồi.

(2) Ở những buổi hội họp, trong những buổi tiệc, yến..., những gì thuộc về cái Tôi được đưa ra nhiều nhất như kiến thức, tài năng, địa vị, học vị... được nói ra nhiều, để tô điểm thêm cho cái Tôi.

Trong con người, hay trong xã hội cũng vậy, khi mà chất say tăng lên thì trong đó sự hung, dữ, độc, ác ... cũng tăng theo và tạo nên mầm mống của sự băng hoại tinh thần.

Sự thuận lợi và sự ngăn ngại cho sự “tu tiên” có thể dễ nhận ra, hoặc khó thấy, vì chúng thuộc vô hình như tư tưởng con người, và nơi đó được phát xuất ra, như Trí.

Trí là nơi phát sinh ra tư tưởng, nhưng liên quan đến Luân lý để người tu ứng dụng, thì đó cũng là nơi tranh chấp, đối đãi giữa sự Thuận Lý và Nghịch Lý; giữa sự Thiện và sự Ác; giữa Lương Tâm và sự vô luân của cảm giác mang tính chất thú tính, và sự thiên vị của tình cảm cá nhân (của bản ngã).

Đây là Lực của hai bên tham gia vào sự tranh chấp:

$$\left. \begin{array}{l} \text{Thuận Lý} \\ \text{Tính Thiện} \\ \text{Lương Tâm} \end{array} \right\} \text{ đối đãi với } \left\{ \begin{array}{l} \text{Nghịch Lý} \\ \text{Sự Ác} \\ \text{Sự vô luân} \end{array} \right.$$

Khi sự thông minh, hiểu biết của con người chưa làm chủ được mọi sinh hoạt của bản ngã, thì trong Tâm, Trí con người luôn xây ra sự đối đãi, giằng co của hai Lực trên. Vì sự đối đãi, dằng co luôn xây ra, tất cả đều do cái Tôi, cho nên con người:

Bất An nhiên

Tai, mắt hướng ngoại, vương thể gian
 Khuấy động tâm tư suốt mọi thời
 Vui, khổ luân phiên, bất An nhiên
 Chỉ vì luôn mãi “Ta thấy Ta”.
 Vì “Ta thấy Ta”, nên Vui đến
 Vì “Ta thấy Ta”, nên khổ sinh
 Nhưng “Vui, Khổ” chẳng phải tự có
 Chỉ vì, luôn mãi “Ta còn Ta”.

Nếu không khám phá ra cái “Vui thường xuyên”, xây ra ở thời gian nào trong cuộc đời, thì suốt đời sự chán nản, phiền não vẫn còn.

Nội Tâm Vui

Mới vào Đời, vui chốn đông người
 Đến cuối đời, vui ở nội tâm
 Nếu hiểu được, vui hưởng cuộc đời
 Chẳng thấu triệt, chán nản triền miên.

Trong đời sống nội tâm, con người mới thấy rõ sự thật về bản ngã của mình, và luôn cả con đường Tu sửa.

Đường Tu

Tu bên ngoài, nội tâm chẳng sửa
 Miệt mài như vậy, chỉ mất công
 Miệng trường chay, Tâm tư động loạn
 Quan niệm sai, giới hạn cuộc đời.

Sự việc bên ngoài làm tâm hồn con người động, người ta có thể tránh xa nó. Nhưng bên trong Tâm tư động loạn, làm sao “Ta tránh Ta” được, chỉ có một cách là xóa nó đi, vì “Tâm tư” là “bụi trần” đó.

Tẩy bụi trần

Chẳng phải bên ngoài bụi trần sinh
 Do bên trong, tâm trạng hình thành
 Mãi mãi chất chứa vô số loại
 Mờ mịt Tâm, Trí, chẳng rõ đường
 Muốn sạch bụi trần phải làm sao?
 Lấy “Trí quan sát” nhìn vào Tâm
 “Sự Sáng” soi Tâm, tẩy sạch bụi
 Ngay “Tâm hư vô”, mọi Lý thông.

B. CÁCH TU

Cách tu, hay là phương pháp, phương thức đưa con người đến kết quả nhanh hay chậm.

Chậm: là phương pháp tu từ ngoài vào, là Tu Thân, đến Tâm, đến Trí.

Nhanh: thì từ trong ra ngoài, từ đầu não xuống Thân. Nó giống như sự sinh hóa của vũ trụ vậy, tức là:

- Từ trong ra ngoài (từ vô hình, đến siêu hình, đến hữu hình).
- Từ Nguyên Lý sinh ra hiện tượng.
- Từ sự sống sinh ra sức sống.
- Từ sự Sáng sinh ra những hiện tượng liên quan đến Điện, Khí, Thủy (trong con người là Huyết).
- Từ Trí sinh ra tư tưởng, tình cảm và cảm giác.
- Nhanh hơn nữa là Luyện ngay nguồn gốc sinh hóa của con người. Đó là sự Sáng là Trí con người vậy.

(Điều này liên quan đến sự sinh động của ý thức trong trạng thái Hư vô của cả Thân, Tâm, Trí.

“Ý thức” mà sinh động liên tục thì Trí tiến hóa (tức là sự Sáng tăng) nhưng siêu Trí và Tuệ chưa hoạt động được.

Nếu Tuệ hoạt động thì siêu Trí và Trí cũng theo đó mà hoạt động, và Thân, Tâm đều được thư giãn.

(Đây là đốn pháp, chuyển sinh hoạt qua một hệ cao hơn mà không cần phải Tu Luyện từ ngoài vào, vì nó đổi thay ngay từ bên trong).

Đốn pháp: đi đến kết quả nhanh, nhưng không phải ai cũng vận dụng được. Nó chỉ thích hợp cho Thiện trí thức đã hiểu rõ những chức năng của Trí, và đã luyện qua năng lực tiên thiên (Điện và sự Sáng) có kết quả, với những dấu hiệu đã dứt căn trần là:

Thân: hết gốc bệnh.

Tâm : dứt phiền não.

Trí : hết lo toan, luôn sáng suốt trong thực tại, sống Tánh hồn nhiên.

Sống Tánh hồn nhiên

Nhẹ nhàng hít vào, thở ra

Tâm tư vắng lặng, bình an tâm hồn

Sinh hoạt, động tác khoan thai

Sự Sáng của Trí quang tỏa khắp nơi

“Hư vô” xóa nghiệp luân hồi

Cả Thân, Tâm, Trí căn trần dứt luôn

Tánh người trở lại hồn nhiên

Tự do, tự tại vui đời sinh linh.

Dứt căn trần thì các loại gốc bệnh không còn, điều này nhờ vào sự Luyện, Tu hay sống Đạo.

Bệnh ở Nhục thân: do nơi Khí, Huyết.

Bệnh ở Tâm (Tâm bệnh): do nơi Khí, Điện.

Bệnh ở Trí (thống Trí): do nơi Điện và sự Sáng.

(Có bệnh thì phải chữa, nhưng chữa bệnh không bằng không có bệnh.

Có nhiều cách chữa, nhưng tựu trung chỉ còn hai:

- Chữa bằng thuốc.

- Hoặc không thuốc (giải phẫu, trị liệu pháp, châm cứu, bấm huyệt v.v...: kết quả chỉ giảm đau, nhưng gốc bệnh không hết).

Dùng nội lực thắng dư của sự Sáng và nhân điện bồi hoàn cho Khí lực và Huyết lực. Hai lực này quân bình điện cho sự thiếu hụt. Nhờ đó, Khí lực, Huyết lực được mạnh trở lại với mức bình thường của nhu cầu thân thể. Bệnh lui).

Trở về đồn pháp, những dấu hiệu đã dứt căn trần, cũng là lúc con người cảm nghiệm và hiểu rõ được có sự tiến hóa trong những bộ phận vô hình như Tâm, Trí, Tánh. Từ đó, con người mới biết trong người mình có sự sống.

Khi con người cảm nghiệm được sự sinh động của sự sống, cũng là lúc Nhục thân không còn cảm giác, Tâm không tâm trạng thì sức mạnh của tư tưởng càng mạnh thêm.

Sự sáng suốt của Trí càng sáng thì sự thực hiện của tư tưởng càng có hiệu quả. Trạng thái này con người cảm nhận được trong lúc mộng, đại định, Cực lạc...

Người ta có thể luyện được sức mạnh của tư tưởng hay không?

- Lực siêu siêu nhiên và siêu nhiên, cũng như những lực tự nhiên trong cơ thể, đều có thể luyện được, như Thân, Hồn, Vía, Tâm, Tánh, Trí, Tuệ... tất cả đều có thể Luyện, hoặc Tu mà có được.

Tóm lại:

Đồn pháp là Tu Luyện từ trong ra ngoài, từ sự sống đến sức sống, mà hiệu quả của nó là sự Cực lạc. Nhưng sự Cực lạc như thế nào?

- Nhục thân lạc thú chỉ chớp lát.

- Vui mừng của Tâm chẳng bao lâu.

- Cái Vui của Trí bên trong, hay là Trí vui bên trong, nhưng vẫn không tồn tại.

Như vậy, Thân, Tâm, Trí dù có vui, có thích thú..., nhưng chẳng triền miên. Làm sao con người đi tìm cái Vui vĩnh cửu (1) – một cái vui tuyệt đối của muôn loài hợp lại, cái Vui của tạo vật hòa với cái Vui trong sự sáng tạo của Tạo hóa.

“Cái Vui của mọi sức sống” có giới hạn, nhưng “chỉ có trong sự sống (sự Sáng) mới sinh động cái Vui tuyệt đối này”.

Trong con người, cái Vui này ở não bộ, khi sự Sáng của Tuệ quang tỏa và nhập vào sự Sáng của vũ trụ, con người mới cảm nghiệm được cái Vui này.

Sự từng trải, kinh nghiệm cho ta thấy rõ cái vui, cái thú của Thân, Tâm, Trí.

Nếu ý thức được cái vui thú đó còn giới hạn thì chỉ có sự khôn ngoan, sáng suốt chọn lọc mới khiến cho ta đeo đuổi, tìm lấy (2) và hưởng được cái “Vui vĩnh cửu” và “tuyệt đối” mà thôi.

Đây là hiệu quả cực cao của đồn pháp. Nhưng với những người không đủ điều kiện thuận lợi để tu nhanh, tất nhiên phải lựa chọn phương pháp chậm hơn, là Tu Luyện từ ngoài vào trong, tức là Tu Luyện từng phần: Luyện Thân, Tu Tâm và Tu Trí.

(1) Mục tiêu của sự Tu Luyện, sống Đạo không phải là giải thoát tâm hồn khỏi phiền não, đau khổ... của đời sống, mà là đạt được cái Vui vĩnh cửu. Sống bằng cái Vui vĩnh cửu thì sự phiền não, đau khổ của Tâm hồn tự nó tan biến mất.

(2) Vương, Hầu... là những người hưởng nhiều lạc thú trần gian, nhưng mau chán, tìm mãi và tìm mãi những lạc thú khác, rồi cũng không được như ý. Vì vậy, có một ít vị từ bỏ ngôi vị để tìm cái “Lạc vĩnh cửu” ngay trong cơ thể của mình.

Phương pháp này liên quan đến nhiều vấn đề, đến các bộ phận của Thân, Tâm, Trí, sinh hoạt của chúng, như các giác quan thường bị ô nhiễm, nguyên nhân sinh ra bất an, bệnh của tâm hồn v.v... tức là những gì liên quan đến Tu cho có kết quả.

Tiệm pháp (phương pháp chậm):

Trước hết là tìm cho ra nguyên nhân sinh ra bất an, bắt đầu từ bên ngoài đưa vào mà giác quan thường xuyên đưa sự ô nhiễm vào Tâm, Trí là tai, sau đó đến mắt.

Ngày nay, sinh hoạt của đời sống vật chất tạo nên sự ô nhiễm cho Tâm, Trí con người, qua thính giác hầu như cả ngày lẫn đêm như:

- Tiếng nổ của động cơ.
- Âm thanh (của nhạc, phát thanh, truyền hình...).
- Tiếng nói, ngôn ngữ (chứa đựng tâm trạng hỗn loạn, thô bỉ, tục tĩu...).

Muốn dễ tu, dễ tịnh Tâm, Trí..., phải ngưng nghe bên ngoài những gì làm ô nhiễm Tâm, Trí, và phải nghe bên trong sự sinh động của sự sống, sức sống v.v...

Sự ô nhiễm đưa vào Thân, gồm có 3 giác quan từ thấp lên cao:

Xúc giác	}	→ làm Nhục thân bị ô nhiễm
Vị giác		
Khứu giác		

Sự ô nhiễm đưa vào Tâm, Trí gồm có hai: nhiều là Thính giác; ít hơn, là thị giác.

Thính giác	}	→ làm cho Tâm, Trí bị ô nhiễm. Vì mắt vẫn nhắm, tai vẫn nghe
Thị giác		

Nói chung, tâm hồn bị dao động và lung lạc do những thứ liên quan đến ngũ giác quan, là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc cảm...

Nguồn gốc đưa đến sự dao động tâm hồn của cá nhân không giống nhau. Có người do Sắc, kẻ do Thanh, hoặc Vị v.v...

Như vậy, muốn cho tâm hồn được An thì phải quan tâm và hóa giải nguyên nhân tác động.

Nguyên nhân tác động bên ngoài nên dễ nhận ra. Và nhận ra được thì hóa giải chúng được. Nhưng liên quan đến sự thanh tịnh bên trong, hành giả phải tự hỏi, dễ hiểu, và sau đó thực hành. Thử hỏi trong một ngày đêm, có bao nhiêu thời gian Tâm ta được thanh tịnh? Có bao nhiêu giờ Tâm, Trí ta được Hư vô?

Với người sống bình thường, Tâm, Trí dao động gần như trong mọi thời gian tỉnh thức, hay là gần như suốt ngày và đêm, trừ khi đi ngủ.

Sự tiến hóa của một người tu, là sống từ sự thanh tịnh của Tâm, Trí vào trạng

thái hư vô của tâm hồn, để cho linh hồn vào sự hoạt động của cõi siêu nhiên.

Với người thường, Thân, Tâm, Trí lúc nào cũng hoạt động trong sự dao động.

Thân: sinh hoạt theo dục cảm.

Tâm: luôn có tâm trạng, nhưng là tâm trạng nặng nề (chỉ một cái Lo, cái Bực nổi lên trong một giây thì Tâm cũng không được thanh tịnh).

Trí: luôn suy nghĩ để đáp ứng cho những nhu cầu vô thường (1), cho đời sống ngắn hạn của Nhục thân.

Phương pháp tu là:

- Từ bỏ, hay giải trừ những dao động của Thân, Tâm, Trí để cho đời sống được thanh tịnh (tức là Thân, Tâm thanh tịnh, chỉ còn lại Trí hoạt động). Và sau đó, từ sự thanh tịnh vào sự Hư vô.

Diễn tiến của Tu, là từ:

Dao động → đến thanh tịnh → Hư vô

Sự dao động của Tâm, Trí

Mắt nhìn ra ngoài, Tâm, Trí cũng hướng ra ngoài. Ngoại cảnh động loạn thì tâm hồn cũng theo đó mà bị dao động.

Nhìn vào trong, con người mới khám phá ra sự dao động của tâm hồn bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, như sự truyền nhiễm của những năng lực vô hình, khí động loạn thì Tâm, Trí động loạn, những hiện tượng hao tán nội lực v.v...

Những năng lực vô hình là bản tính của sự việc, sinh hoạt hằng ngày của con người. Nó là sự tốt, hay sự xấu, sinh động trong sự việc, trong sinh hoạt. Chúng truyền nhiễm, hay ảnh hưởng trực tiếp vào tâm hồn con người.

“Tốt, xấu”, hai từ đơn giản, nhưng hiểu và cảm nhận được bản tính của nó đã khó rồi.

Như “Xấu”, trong đó đã có sẵn sự Dữ, sự Độc, sự Ác... chỉ có 3 đặc tính này, mà nó sinh hóa ra vô tận những hiện tượng, tâm trạng, việc làm, biến cố, tai họa... cho cá nhân và lan tràn ra cả loài người.

Đặc tính này, tuy vô hình nhưng rất truyền nhiễm. Và truyền nhiễm rất nhanh từ tâm hồn này sang tâm hồn khác.

- Sự Dữ làm cho con người phải lo lắng, sợ, khiếp.
- Sự Độc tạo nên sự đau khổ, vừa đau đớn cho tâm hồn và thể xác.
- Sự Ác gây ra sự đau đớn cho thân thể.

Sức tàn phá của cái “Xấu” mãnh liệt và toàn diện hơn sức tàn phá của các loại vi trùng, vi khuẩn, bom, đạn..., vì những thứ này chỉ hủy hoại được thân thể con người mà thôi.

(1) “Suy nghĩ đáp ứng cho sự vô thường. Vô thường sinh hóa ra vô thường. Sinh hoạt của Trí lọt vào cõi vô thường”.

Còn sức tàn phá của cái “Xấu” hủy hoại từng giây, từng phút cả thân thể, tâm hồn và trí trạng con người, và dần dần cả loài người. Sức tàn phá liên tục, di truyền.

“Xấu” là nguyên nhân vô hình của mọi tai họa cho con người. Chẳng những vậy mà tai họa còn lây lan, ảnh hưởng đến cả những loài vật khác.

Những gì làm cho tâm hồn con người bất an đều thuộc về sự “Xấu”. Ở đâu, lòng người bất an, nơi đó “sự Xấu” và sức sinh hóa của nó đang hoành hành mạnh mẽ, hoặc ở cá nhân mà tâm hồn bất an, là sự Xấu đang tàn phá.

Bao nhiêu ngàn năm nay, sức di truyền của sự Dữ, Độc, Ác... đã bám rễ sâu vào tâm hồn loài người. Sức lây lan của nó trở nên nhanh chóng, rộng lớn vì những điều kiện thuận lợi của nền văn minh vật chất (từ sự đánh giá cao của đời sống Nhục thân hơn cả giá trị đạo đức).

Sự động loạn bên ngoài đưa vào tâm hồn bằng tai, mắt, sự động loạn bên trong ở hệ thấp là Khí. Khí động loạn thì Tâm, Trí cũng theo đó mà động loạn, tức là cả Thân, Tâm, Trí đều bị động cả.

“Khí” gồm có ngũ khí (năm loại) liên quan đến ngũ tạng, đến các loại tình cảm. Chỉ một loại khí (tình cảm) mà động thì Tâm cũng loạn theo.

“Tâm loạn thì Trí mờ, mơ hồ” không sáng suốt để rõ được Lý.

“Khí động, Tâm loạn, Trí mờ ảo”. Do đó, con người giảm thọ vì hao nội lực.

Với người đời, chỉ cần nhìn bên ngoài thì biết được nội lực liên quan đến tuổi thọ bên trong.

- Nhìn bên ngoài, thấy được “Tâm bình an”, “Trí sáng suốt”, thì “Khí hòa” bên trong.

“Tâm bình, Trí sáng, Khí hòa” là người được trường thọ (1).

“Khí động, Tâm loạn, Trí mờ” là nguyên nhân của “bệnh tâm hồn” – một loại bệnh của nền văn minh vật chất. Bệnh này nặng hơn bệnh của Nhục thân.

Vì thân xác, dù có mang vật nặng, mệt nhọc nhưng con người có thể nghỉ mệt. Đêm có thể ngủ ngon.

Còn “tâm hồn bị tâm trạng đè nặng”, ngày và đêm lúc nào cũng vật vờ, làm sao nghỉ, ngủ được. Khí, Huyết không điều hòa, nên thân thể tiêu tụy.

Bệnh này hủy hoại cả hai cõi giới (Thân và Tâm).

Sự thanh tịnh của Tâm, Trí

Sự thanh tịnh của Tâm, Trí không phải tự nhiên mà có được, người ta phải dùng đến phương pháp, phương thức, quan niệm sống... mới hóa giải được sự dao động của tâm hồn để làm cho Tâm, Trí được thanh tịnh.

(1) Nhục thân trường thọ nhờ Khí hòa. “Khí hòa” do “điều Khí”. Nó làm cho Nhục thân khô, Khí thân được cường hóa, Tâm an. Đây là kết quả của “Tu và Luyện đồng bộ”, tức là “Tu cũng là Luyện”, ngược lại “Luyện cũng là Tu”.

Phương pháp khác với phương thức:

- Phương thức là một hình thức được áp dụng, mang lại hiệu quả chung, không cần đến trình độ, cấp bậc (như đọc kinh, cầu nguyện).

- Phương pháp là phương cách được đem ra thực hành. Nó được đặt trên một nền tảng vật lý, có tính cách khoa học. Vì vậy, nó tạo nên tiến trình tiến bộ. Sự tiến bộ này được chia ra nhiều cấp, bậc, nhiều trình độ.

Trong sự thanh tịnh của Tâm, Trí, con người có thể, tùy theo ý, dùng một trong hai, hoặc dùng cả hai.

Như đọc kinh, cầu nguyện: thì tâm hồn thanh tịnh, nhưng khi hết đọc kinh, cầu nguyện tâm trạng vẫn nổi lên.

Vận dụng hai phương thức này liên lũy cho đến khi bản ngã tan biến, thì nó là một diệu pháp.

Một hiệu quả khác để “thanh tịnh hóa” tâm hồn là hồi quang để hóa giải tính chất thế tục trong Tâm. Sau đó siêu nhiên hóa cái Tâm để nó trở nên linh thiêng.

Sửa Tâm để thanh tịnh, nhưng để cho Tâm sinh động, linh hoạt với những đức tính, thì Tâm hoạt động với những cái tốt.

Như sửa được một nét xấu, tật xấu, rồi từ đó phát sinh ra một đức tính tốt, một nét tốt.

Thí dụ: - Bỏ được sự lười biếng thì thành siêng năng. Sinh hoạt của con người trở nên linh hoạt.

- Bỏ được sự nói láo thì trở nên chơn thật. Và sự chơn thật là nền tảng của sự tu tiến.

- Ăn năn, thống hối: con người còn biết đến sự công bằng và tình thương.

(Và nếu hiểu rõ về tác dụng của Tình thương, con người sống bằng Tình thương thay thế cho tình cảm cá nhân, thì con người này chẳng còn gì để tu sửa nữa.

Với hiệu quả sâu sắc hơn, là *sự mẫu nhiệm của Tình thương tạo nên sức sống. Và sự sinh động của sức sống bằng tình thương tạo nên “sự sống” cho cá nhân đó.*

Lòng muốn thể hiện Tình thương nảy sinh ra hy vọng chơn chính. Hy vọng này làm cho tâm hồn và linh hồn được trẻ trung và lạc quan. Nó là “mầm sống”.

Mầm sống của sự sống mà còn thì con người không bao giờ chết).

a. Ấn tượng, ký ức: sự ngăn ngại của sự “Thanh Tâm”

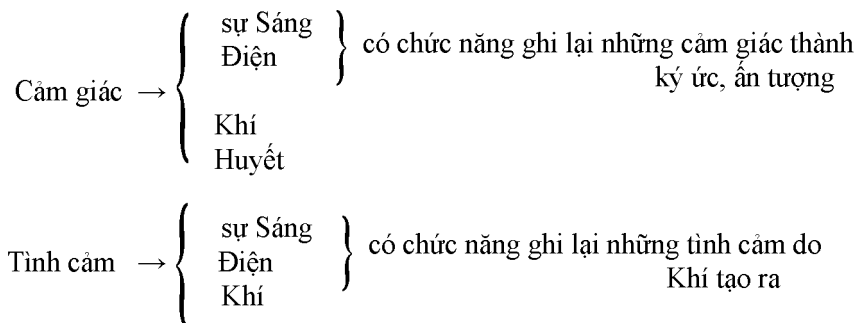
Ấn tượng, ký ức là những hiện tượng vật lý, sinh lý và tâm lý mà sự sinh động của nó tạo thành ấn tượng, ký ức.

Ấn tượng, ký ức được giữ lại bằng 2 thể: Điện và sự Sáng.

Chẳng hạn như, cảm giác là một hiện tượng bao gồm nhiều phương diện

(sinh lý, tâm lý, vật lý) sinh động bằng 4 thể (Huyết, Khí, Điện, sự Sáng).

Sự sinh động của nó tạo thành ấn tượng. Và Điện và sự Sáng có chức năng ghi lại cảm giác xuất nguồn từ Huyết



Ấn tượng, ký ức được lưu giữ lâu trong bộ nhớ do sự sinh động của sự Sáng và Điện, là hai thể có sức sinh động rất lâu.

Muốn xóa nó phải “Hư vô hóa” Tâm, Trí, hoặc lấp nó bằng những tình cảm nhẹ (như vui, mừng), bằng những đức tính, hay là toàn diện hơn là dùng Lương Tâm trong lãnh vực sinh hoạt của Tâm.

Nếu những “ấn tượng, ký ức” (1) thuộc dạng phiền não thì chúng cần được triệt đi, và xóa nó ngay căn nguyên sinh ra phiền não.

Căn nguyên sinh ra phiền não là bản ngã, và lòng vị kỷ của chính mình.

Bản ngã (cái Tôi) càng to, lòng vị kỷ càng lớn, thì phiền não càng nhiều.

Nếu bản ngã chẳng còn, lòng vị kỷ cũng không, chẳng còn gì để sinh ra phiền não.

Không còn bản ngã, con người còn giá trị của con người hay không?

- Không còn nói đến cái Tôi, nhưng con người vẫn còn sự Hiểu, Biết, Trí khôn v.v... Bản ngã không còn, nhưng giá trị tinh thần và tâm linh của con người không mất, ngược lại nó dễ dàng tăng thêm.

Không còn nói đến cái Tôi thì sinh hoạt liên quan đến bản ngã cũng đổi thay theo (đó là Tịnh khẩu và Khẩu tịnh).

- Bản ngã chủ động, con người muốn “tịnh khẩu”, nhưng “khẩu vẫn khó tịnh”.

Đối với người không nói đến cái Tôi, hay sống bằng chơn Ngã, “không cố ý, cố tâm tịnh khẩu, nhưng khẩu vẫn tịnh”. Vì Trí luôn hồi quang, nhìn, và ý thức sự sinh động của Hư vô.

(1) Chúng thuộc hai phương diện: phiền não, hay là những dữ kiện có lợi ích cho sự suy nghĩ để thăng hoa Trí thông minh. Nếu có ích thì chúng cần được lưu giữ lâu, như vậy chúng cần thường xuyên được nhắc nhớ.

Điều cần biết cho người khởi tu là “cái gì làm cho Khẩu tịnh mà chẳng cần Tịnh khẩu?

- “Tịnh khẩu mà Tâm động”, không thể Tu được, chỉ tốn công phu. Tâm chơn không (1) (Tâm vô tâm trạng) thì khẩu tất Tịnh.

Hiệu quả của Khẩu tịnh là:

Khí tức, Huyết thông (Nhục thân khôe)

Tâm an, minh Trí, Phước khai mở

Tâm chơn không, xóa nhân trần.

Hay là:

“Tâm chơn không” sinh động trong thực tại, xóa ký ức phiền não, tẩy sạch bụi trần trong Tâm, Trí.

Tóm lại: “Tịnh khẩu không bằng khẩu Tịnh”.

b. Tâm trở lại Tánh

Tâm vô tâm trạng là Tánh. Nhưng Trí hiểu được Lý, nên Tánh là Tánh siêu nhiên.

Lý thì vô hình, mà Trí hiểu được Lý, thì hoạt động này đưa con người vào thế giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Cho nên nói rằng:

“Tâm vô tâm trạng, là siêu Tánh

Ngũ hành bất động, hiện Âm Dương

Sự Sáng sinh động, biến Luân hồi

Vô Phước, vô Họa [1], hưởng chân Phước

Minh Trí hoạt động, sự Sáng tăng

Góp vào vũ trụ, tạo công đức [2].

[1] *Vô Phước, vô Họa:*

Phước, Họa sinh ra từ những hiện tượng của Ngũ hành, sinh động trong các tầng mây, và từ đó đổ xuống địa cầu, cộng thêm Ngũ hành khí của tâm trạng mà sinh ra Phước, Họa.

Tâm vô tâm trạng là siêu Tánh. “Âm Dương của nhân diện và sự Sáng sinh động”, không bị Ngũ hành ảnh hưởng, gọi là chơn Phước vậy.

[2] *Tạo công đức:*

Sự Sáng Âm Dương của Trí (các loại) chẳng có Ngũ hành sinh động. Góp sự Sáng (sự sống) vào vũ trụ cho tất cả mọi tạo vật có trong vũ trụ, mới được gọi là công đức.

(1) *Tâm vô tâm trạng: không còn đối tượng, không còn đối đãi, nên không có đối thoại, “khẩu tất Tịnh”.*

Tóm lại:

Tâm là cửa đưa con người vào vũ trụ.

Tâm vô tâm trạng là Vô ngã.

Hành động của minh Trí trong Vô ngã là vô vi (“Đạo hạnh vô vi, vô tận” tất thành Đạo vậy).

Hay là:

“Chẳng Tu, chẳng sửa..., chỉ cần dứt bỏ phàm tâm, dùng Thuần Trí, ắt ngộ Đạo”.

Đây là đốn pháp – một phương pháp cực nhanh, hữu hiệu, thay đổi từ bên trong. Chẳng cần lấy Thiện tánh để chế ngự hay xóa bỏ Ác tánh. Chính cái Tâm hư vô đó, là sự toàn thiện vậy.

Tức là, từ cái Tâm còn sinh động Thiện, Ác chuyển sang trạng thái Hư vô, cái Tâm này toàn thiện vậy.

Trong vũ trụ, không có một đặc thù nào về sự đối đãi và sự chế ngự của Thiện và Ác cả.

c. Thời gian để “siêu nhiên hóa Tâm” và “siêu siêu nhiên hóa Trí”

Thời gian để chon không hóa cái Tâm để nó trở nên siêu nhiên tương đương với thời gian của thế giới tự nhiên phải mất 8640 năm.

Thời gian của cõi giới siêu nhiên tương đương với 8640 năm của thế giới tự nhiên là 6 ngày và đêm, tức là 144 tiếng đồng hồ.

Cho nên, muốn Tâm cảm ứng được với thế giới siêu nhiên, hành giả phải “chon không hóa” cái Tâm liên lũy 144 tiếng đồng hồ. Theo tỷ lệ của thời gian: 1 giờ đồng hồ của trạng thái siêu nhiên của Tâm bằng 60 năm của thời gian của thế giới tự nhiên.

Đối với Trí, phải mất bao nhiêu thời gian để “chon không hóa” Trí để nó trở nên siêu siêu nhiên?

- Muốn chon không hóa Trí để nó trở nên siêu siêu nhiên phải mất 72 ngày (1.728 giờ)...

Hiệu quả của sự sinh động của Trí là sự tỉnh thức thường xuyên của Trí thông minh, hay là sự sinh động thường xuyên của sự Sáng trong não.

“Sự Hiểu” trở nên tự động, cũng là mức tuyệt đối của sự tiến hóa của con người. Nó hoạt động không ngừng, tức là sự Sáng (sự sống) sinh động không ngừng nghỉ (1).

(1) Sự sống (sự Sáng) hoạt động hóa giải sự Luân hồi. Luân hồi nằm trong định luật sinh hóa và chuyển hóa để tiến hóa, giúp cho sinh linh tự động tiến hóa.

Muốn thoát khỏi Luân hồi, con người phải theo con đường “chủ động tiến hóa”, tức là phải đạt đến “mức thái Cực của Dương và Âm của sự Sáng, có sự sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ”.

Và sau đó sống bằng cái Lý – một động lực vô hình và hằng sống.

Đến mức này, Trí mới hiểu được “sự thật của sự sống con người” và con người không còn mê muội nữa.

Hay là, con người mê muội mãi cho đến khi khám phá ra “sự thật của sự sống con người”, lúc đó mới sáng suốt.

Được gọi là sáng suốt (1), khi con người có khả năng hiểu được sự sinh động của những gì vô hình (như Lý, Trí, Lương Tâm v.v...)

[Sáng suốt của Trí (các loại) sinh động, hoạt động là không còn sự sinh động của Tâm.

Tâm quá khứ: là sự sinh động tiềm tàng của Tâm trạng quá khứ. Chúng là chủng tử luân hồi.

Tâm hiện tại và tương lai: sự sinh động của hiện tại liên quan đến tương lai.

“Tâm chết” xóa đi yếu tố không gian và thời gian (quá khứ, hiện tại, tương lai) được chứa đựng trong Tâm.

Không còn yếu tố không gian và thời gian, sức sống của Tâm bằng với sự chết.

(Sức sống = sự chết) = đó là sự sống].

C. HIỆU QUẢ TU LUYỆN

Hiệu quả của Tu luyện là những đổi thay với những hiện tượng khác thường mà người bình thường không thể có được, và khó nhận ra.

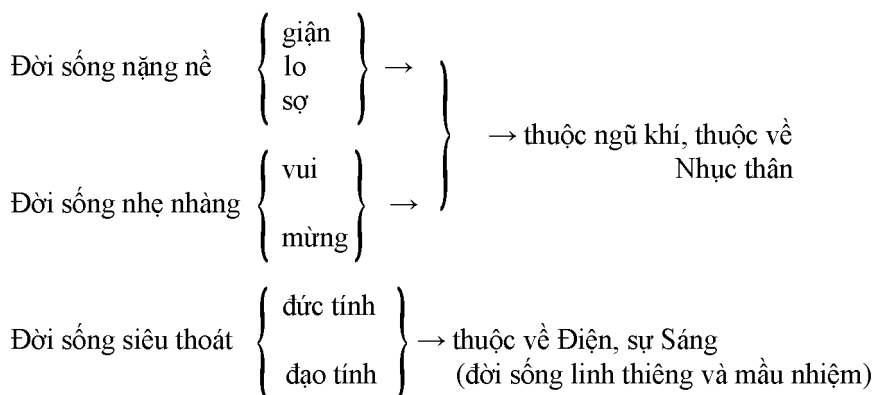
Nhưng những hiện tượng này dựa trên sinh hoạt mang tính vật lý, nên mỗi cá nhân cũng có thể nhận ra bằng sự cảm nghiệm của chính mình, như sự nặng nề, nhẹ nhàng, thanh thoát, hay siêu thoát trong cuộc sống hằng ngày, hoặc trong các loại đời sống.

(1) Sự sáng suốt này thuộc về Tuệ.

Người tu luyện lâu năm mà không phát Tuệ, là do Tâm chưa chết (chủng tử luân hồi chưa chết – chủng tử này là sự sinh động của nhân diện trong dạng ký ức của bản ngã có sức sống trên 8000 năm).

“Tâm chết” (hay là mọi sức sống phải chết) thì Tuệ mới toát ra (tức là sự sống, sự Sáng nguyên thủy trong con người mới sinh động). Tức là Tâm “chết”, con người mới vào trạng thái đại định.

Đại định là trạng thái mà Tuệ sinh động được. Và sự sáng suốt của Tuệ là bản tính của Toàn Trí.



Hiệu quả của người Tu Luyện là sự linh cảm. Nó không liên quan đến sự suy nghĩ của Trí khôn.

Linh cảm là hiệu quả của sự linh thiêng. Nhưng linh thiêng là một hiện tượng vật lý liên quan đến 2 thể nhẹ là Điện và sự Sáng. Sự linh thiêng thuần túy trong con người mới tạo nên sự linh cảm, nghĩa là phải có sự tách rời những thể nhẹ ra khỏi những thể nặng.

Như, cảm giác ngưng sinh động thì Khí (trong nó có Điện, sự Sáng) tỏa ra. Nếu tình cảm (Khí) ngưng động thì Điện (sự Sáng tiềm ẩn trong điện) tỏa ra, tức là sự linh cảm bắt đầu hoạt động.

(Lực cực nhẹ tiềm ẩn sinh động trong Lực nặng, cũng vậy, thể nhẹ sinh động trong thể nặng hơn. Ví như oxy là khí trên mặt địa cầu, cũng tiềm ẩn sinh động trong nước; tinh điện sinh động ngoài bầu khí quyển cũng tiềm ẩn sinh động trong oxy (trong bầu khí quyển) và trong nước. Nếu thể nặng mà ngưng động thì thể nhẹ toát ra.

Với sinh hoạt con người, “muốn cho sự linh cảm hoạt động, phải để cho cảm giác và tình cảm ngưng động).

Trong sinh hoạt hằng ngày, hay trong các quãng đời, con người có lúc phạm tục, có khi thoát tục nhờ vào sự linh cảm và màu nhiệm xảy ra.

Cũng vậy, nhờ vào sự giao lưu tình cảm và tư tưởng, con người thấy được sự kỳ diệu của Tâm và Trí.

Nếu có sự linh cảm và màu nhiệm trong đời sống thì sinh hoạt đó đã thoát tục, đã siêu thoát.

Nhờ trải qua con đường này, và sống bằng trạng thái này mà con người trở thành vĩ nhân, siêu nhân, thánh nhân v.v... mà mọi sinh hoạt đều được thăng hoa.

Với sinh hoạt của Nhục thân không phải thuần túy là cảm giác, mà người tu phải khám phá ra sự kỳ diệu trong cảm giác đó, và thăng hoa sự kỳ diệu đó đúng

với mức tiến hóa của Trí để tăng sự Sáng cho cõi giới tự nhiên.

Cũng vậy, với đời sống tinh thần, cũng phải cảm nhận được sự linh thiêng trong Tâm mình, không phải là đời sống tinh thần chỉ là sinh hoạt của tình cảm và tư tưởng của một cá nhân.

Đời sống tinh thần sinh hoạt bằng sự linh thiêng của tình cảm và tư tưởng. Chính nhờ ở sự linh thiêng trong Tâm, mà lời nói, tư tưởng, việc làm... mới toát ra sự cao thượng của Tâm loài người.

(Điều này cho ta thấy rõ nhân tánh, khác xa thú tánh nhờ ở Tâm, nhờ ở sự cao thượng trong tình cảm và sự linh thiêng trong Tâm cung cấp cho tư tưởng vậy).

Tiến hóa hơn là đời sống tâm linh. Sinh hoạt của đời sống này tỏa ra sự mẫu nhiệm có trong mọi Lý (Thuận Lý, Chơn Lý, Đạo Lý) được chứa trong tư tưởng của Đạo ngã.

Lý liên quan đến Trí. Sự Sáng của Trí thuần túy và Lý hoạt động làm cho con người thoát tục.

Mọi sinh hoạt chỉ từ những bộ phận vô hình và mẫu nhiệm khởi sinh:

- Tâm hồn liên quan đến Thuận Lý.
- Linh hồn liên quan đến Chơn Lý.
- Tánh của vũ trụ liên quan đến Thiên Lý.

(Đây là hiệu quả của cuộc sống hoàn toàn “quay vào chính bản Tâm” của mình, để soi Trí vào Tâm, hóa giải tính chất thể tục trong Tâm. Sau đó, cái Tâm trở nên linh thiêng).

Đến mức này, khi Trí và Lý ngưng thì con người chỉ còn lại sự sinh động của trạng thái Hư vô (hay chơn không) trong đời sống, chẳng còn không gian tính và thời gian tính nữa.

Chẳng còn không gian tính, chẳng còn không gian điểm (không còn sự phân biệt nơi này, nơi kia). Không còn không gian điểm thì sự vĩ đại mới toát ra từ Tâm, Trí.

Sự vĩ đại không còn giới hạn của không gian điểm cũng là sự vĩ đại của vũ trụ. Nó làm tan biến bản ngã. Sự tan biến của một cái này, nảy sinh ra một cái khác, thì sự tan biến của con người xã hội, nảy sinh ra đại ngã. Nó là một đời sống khác, rộng lớn như vũ trụ thay thế cho đời sống nhỏ bé, hẹp hòi, vì vương mắc vào không gian điểm.

1. Hiệu quả không đồng nhất

Cùng đến trường để học, nhưng không phải tất cả có cùng một học vị. Cũng vậy, hiệu quả của sự Tu Luyện không đồng nhất.

Người theo đường hướng Tu Luyện, thực hành tùy theo môn phái, tôn giáo..., nhắm vào những mục tiêu khác nhau để thành, để đạt như: quyền năng, quyền

lực, pháp thuật, giác ngộ, sống bằng sự thánh thiện trong sinh hoạt xã hội v.v...

Nhưng muốn đạt được một mục đích nào, người ta phải tìm ra một phương pháp, phương thức, hay một phương tiện thích hợp cho mình.

Như một người tu muốn “thánh thiện hóa” đời sống tâm linh, người này phải nhắm vào sự thánh thiện, và tìm nơi phát sinh ra sự mâu nhiệm.

Tìm ra sự mâu nhiệm rồi, sống mãi với sự mâu nhiệm, thì mọi sinh hoạt đều thánh thiện.

Điều này chứng tỏ: “Người thánh thiện có sự mâu nhiệm, hay là người mà có được sự mâu nhiệm, thì người đó thánh thiện và có tánh linh”.

(Hiện tượng sinh lý của sự mâu nhiệm trong đời sống con người: trong lòng luôn cảm thấy nhẹ nhàng, siêu thoát, vì sự Sáng chủ yếu sinh động).

Hiệu quả không đồng nhất do mục tiêu được nhắm vào là Tu Thân, Tu Tâm, Tu Trí... Sự tu sửa một cõi giới nào cũng đưa đến một sự đổi thay với sự thăng hoa vượt qua đời sống bình thường.

Hiệu quả của ba mục tiêu:

Tu Thân: Phước sinh, Họa giảm.

Tu Tâm : Đức sinh ra, đồng thời hưởng được Chơn Phước.

Tu Trí : Đạo sinh, đồng thời Đức tăng trưởng, cùng lúc hưởng được Chơn Phước (hiệu quả của Chơn Phước: là không còn gốc bệnh trong Nhục thân).

Phước, Đức, Đạo... đều là năng lượng, năng lực từ các thể linh thiêng tỏa ra từ những bộ phận vô hình.

Tâm cỡ châu biến của năng lực tỏa ra đến đâu thì trong tâm cỡ đó, có sự linh thiêng và mâu nhiệm. Cũng như, sức sáng của bóng đèn tỏa ra đến đâu thì trong không gian đó đều có ánh sáng.

Tóm tắt về hiệu quả từ cao đến thấp: Đạo, Đức đến Phước.

- Đắc Đạo: có luôn Đức và Phước.

- Đức : có cả Phước.

- Phước : có Phước thì Họa giảm (hiệu quả của Phước: thân thể khỏe mạnh, kèm theo sự may mắn đến không do Trí suy nghĩ của mình).

2. Hiệu quả của đặc thù năng lượng

Phước, Đức, Đạo đều là năng lượng nhưng với đặc thù khác nhau. Và năng lượng này được chứa trong Thân, Tâm, Trí.

Cũng từ một cái Tâm, nhưng Tâm thể gian có đặc thù khác với Tâm hư vô (hay chơn không).

Đặc thù của Tâm thể gian, cái Tâm cá nhân: là tâm trạng.

Tâm cá nhân sinh hóa ra tình cảm. Và tình cảm sinh động mãi, con người bị quay cuồng vì tình cảm.

Xóa bỏ Tâm thể gian là xóa bỏ sự sinh diệt của Tâm trạng, tình cảm, thì con người đắc sự “vô sanh” của Tâm.

Tâm vô sanh không phải là Tâm chết, đó là khi sự linh thiêng và mầu nhiệm của Tâm xuất hiện. Lúc đó con người dùng đến Lương Tâm, Trí và Lý trong sinh hoạt.

Sự vô sanh của Tâm bộc lộ ra tính chất siêu nhiên của nó. Tính chất siêu nhiên của Tâm chơn không mới nuôi dưỡng được Điện thân trong Nhục thân.

Điện thân hoạt động, sinh ra thần giao cách cảm, tiên cảm, thị kiến siêu nhiên, mộng v.v...

Tất cả những hiện tượng siêu nhiên là đặc thù của năng lượng siêu nhiên liên quan đến Đức.

“Đức thăng hoa Phước” do siêu Trí và nhân điện, nên thân thể được khỏe mạnh và Trí được tăng trưởng kiến thức do siêu Trí cung cấp từ những hiện tượng siêu nhiên và những dữ kiện trong cùng một bộ nhớ lưu trữ của 3 loại Trí (Trí, siêu Trí, Tuệ).

Nhìn vào đời sống trong môi trường nhân sinh và thiên nhiên, con người mới rõ được đặc thù của năng lượng.

Như mưa, nắng, gió... phải đúng thời, đúng mùa, đúng tiết.

Mùa xuân: gió nhẹ và mát, hướng gió thổi một chiều nhất định trong 3 ngày, và sau đó đổi hướng. Nếu mùa này gió mạnh và hướng gió loạn, thổi từng cơn như mùa đông, thì lòng người nơi vùng đó đang giận dữ.

Và khi đang giận dữ, lòng họ muốn hại nhau, muốn đổi thay Phước của người khác.

“Họa” loại này mà đến, chỉ “người có Đức” mới thoát được, tức là, chơn Tâm sinh động bằng Điện (Dương, Âm) của Tâm chơn không thì loạn phong (ở con người là sự giận dữ) không ảnh hưởng được.

Thân, Tâm, Trí đều có đặc thù năng lượng của mỗi cõi giới.

Như Tâm chơn không thì đặc thù năng lượng của nó được bộc lộ ra.

Nếu Tâm chơn không là nơi mình cư ngụ thì chính mình là năng lượng đó. Tâm chơn không là nơi mình cư ngụ thì Lòng mình chẳng còn nơi nào để nhớ, tức là chẳng còn nhà nào để nhớ nữa.

Nếu “Tâm chơn không” là sinh hoạt của đời sống thì Lòng mình chẳng vương ngoại cảnh nữa.

Nếu ta sống bằng “Tâm chơn không” thì đời sống hiện tại đã được siêu nhiên hóa rồi.

Đặc thù năng lượng liên quan đến vật lý. Tâm vô hình, siêu nhiên, thì vật lý cũng thuộc về loại vật lý siêu nhiên.

Thử hỏi, tại sao “Tâm chơn không” lại linh thiêng?

- Vì chẳng còn sự dao động của tình cảm cá nhân, chỉ còn lại “ý thức của

Trí” về trạng thái hư vô của Khí trong con người.

“Khí” trong trạng thái hư vô thì nhân diện sinh động và châu biến ra vũ trụ.

Sự chọn không của Tâm tỏa ra đến đâu, thì nhân diện tỏa ra đến đó. Và Thuần Trí ý thức được sự linh thiêng, hay là ý thức được những hiện tượng siêu nhiên trong vũ trụ liên quan đến tiêu vũ trụ đang trong trạng thái hư vô.

Với chính mình, Tâm mà vô tâm trạng thì Tâm bình an. Khi tâm hồn cảm thấy vững chắc thì không có một vấn đề nào thuộc về Tâm mà nan giải cả.

Vì “Tâm chọn không” chẳng còn sự so sánh có tính chủ quan, không có tính cách xét đoán từ bản ngã, chỉ có sự nhận thấy và nói đúng sự thật của sự vật, sự việc mà thôi.

Đề rõ hơn nữa, *trạng thái này không phải là sự hư vô hoàn toàn làm mất đi sự “Hiếu, Biết” và “ý thức” của con người. Nhưng sự sinh động của Tâm và Trí vẫn tồn tại với sự sinh động của hai thể linh thiêng của vũ trụ, là Điện và sự Sáng của vũ trụ đang sinh động trong trạng thái chọn không của Tâm và Trí.*

Do đó, những hiện tượng trong bản chất, bản tính và tính năng của Điện và sự Sáng của vũ trụ xảy ra trong Nhục thân con người. Còn những loại thân khác có liên quan đến Điện và sự Sáng, có đặc tính như “vô trọng lượng, vô trọng lực”, các tế bào không bị oxy hóa, trê hóa, Thần lực, Tinh lực, Huyền lực... đều tăng, và có thêm những hiện tượng liên quan đến sự sinh hóa và chuyển hóa của vũ trụ, vì chúng là năng lực của vũ trụ.

Trong sự chọn không của các loại Trí, con người cảm nghiệm được Đạo tính và những chức năng vô hình cũng như những năng lực liên quan tăng trưởng và tồn tại trong sự sinh động của vũ trụ.

Sự sinh động vô tận và tăng mãi năng lực là đặc tính của vũ trụ. Vì vậy mà sự sinh động đó mới được gọi là sự sống. Và những gì chứa trong sự sống cũng theo đó mà sinh động, tăng trưởng năng lực và tồn tại, ta gọi là Đạo tính.

Nó tồn tại mãi trong sự sinh động của vũ trụ mà con người dễ nhận ra, đó là tính toàn thiện và toàn hảo.

Với con người, chỉ cần có một đạo tính sinh động mãi, người đó là một tiêu vũ trụ, như Đạo Bi, hay sự giác ngộ của Tuệ.

Cả hai là sự sinh động mãi mãi. Do đó, chúng chỉ tăng thêm năng lực, tức là sự yêu thương và sự Hiếu tăng mãi mà không hề giảm.

Đạo Bi và sự giác ngộ của Tuệ đều từ sự Sáng (sự sống) mà có. Cả hai cũng là sự Sáng, hễ chúng càng sinh động, thì sự Sáng càng tăng.

(Đây là hai đạo tính đạt đến mức toàn thiện, toàn hảo của đạo nhân.

Đối với thiện nhân, Đức Bi là đức yêu thương chỉ ở vào mức thiện, lúc có, lúc không. Nó không có tính liên tục, vì cần phải có đối tượng, có hoàn cảnh... mới làm cho tình thương này khởi động.

Sự phát khởi của tình thương này ở Tâm và Trí con người, không phải ở Tuệ.

Nó thuộc về Khí và Điện, và còn có những biến động về cường độ yêu thương như những sức sống.

Còn Đạo Bi sinh động liên tục. Sự toàn thiện của nó khiến cho đạo nhân không còn sự phản ứng tâm lý.

Đối với sự giác ngộ, sự Toàn Tri cũng vậy, với sự Hiểu trong mọi sinh hoạt, đạo nhân không còn phản ứng tâm lý).

Nói cách khác, những gì bất diệt, bất tận sẽ chứa đựng trong đó sự bất diệt, bất tận, như sự toàn thiện, toàn hảo trong Thiên Lý dùng để tiến hóa muôn vật, muôn loài, cũng bất diệt, bất tận.

Chỉ có Thiên Lý mới có sự toàn thiện, toàn hảo, còn con người, với sự tích lũy của sự khôn ngoan hàng vạn năm cũng chỉ đạt được mức Thiện mà thôi. Ở loài người, sự Thiện không ổn định ở sự tăng trưởng đều đều, nó có lúc tăng, lúc giảm.

Sự khôn ngoan biểu lộ sự tiến hóa của Tâm, Trí con người theo hướng Thiện. Nhưng còn có một sự tăng trưởng, ngược lại với hướng Thiện, là Ác tính, Độc tính trong đó bao gồm những sự khôn khéo, quý quyết...

Con người có cần học những gì mà con người không có không?

- Với người thường, những điều tốt như điều xấu, con người cần biết, để hiểu. Nhưng khi đem ra dùng, chỉ dùng những điều tốt.

Cái tuyệt đối để con người phải học và hành là Tu Luyện để “giác ngộ Thiên Lý” để đem sự toàn thiện, toàn hảo trong đó mà tiến hóa sinh linh.

(Giác ngộ Thiên Lý (cũng là Nguyên Lý) mới hiểu cái “Một” và sự tuyệt đối trong Nguyên Lý, tức là “Hiểu tức thì” mà không cần đến suy nghĩ.

Những gì còn có thể suy nghĩ, so sánh hay bàn luận được..., thì những điều đó chưa đạt đến mức tuyệt đối.

Giác ngộ được Nguyên Lý của vũ trụ mà chẳng cần so sánh, suy nghĩ, bàn luận hay qua sự Biết, thì Nguyên Lý mới biểu lộ được “cái Một” (1) và sự tuyệt đối của nó.

Tóm lại:

“Hiểu rồi, thì chẳng còn gì để bàn luận nữa”. “Giác ngộ rồi, chỉ còn tìm cách để giảng, để dạy cho người khác để hiểu mà thôi”).

3. Sự mới lạ trong sự sáng tạo, và sáng tạo có định hướng

Sáng tạo đều do nơi Trí. Các loại Trí, từ Trí thường, Chơn Trí, siêu Trí và siêu siêu Trí đều có sáng tạo.

(1) “Một” không có một đối tượng nào để so sánh. Từ hai trở lên hay nhiều mới có thể so sánh được. Vì vậy, “Một” là tuyệt đối.

Mọi sáng tạo có sự mới lạ để con người có thêm kiến thức. Nhưng kiến thức này chưa hẳn là giá trị thật của sự sáng tạo, dù sự sáng tạo có làm cho người sáng tạo hân hoan.

Giá trị thật của nó được đánh giá ở hậu quả tốt hay xấu của nó, mà phần lớn do con người ứng dụng nó vào mục đích của mình.

Sự sáng tạo có tác dụng hai chiều:

- Tốt hoặc xấu cho Thân, cho Tâm hoặc cho Trí, tức là tốt hay xấu cho đời sống vật chất, cho đời sống tinh thần và tâm linh.

Sự sáng tạo có tác dụng duy nhất là có sự lựa chọn của người sáng tạo, và có định hướng theo mục tiêu:

- Sáng tạo để giúp đời: tốt hoặc xấu, như tốt cho đời sống vật chất, nhưng xấu cho đời sống tinh thần hoặc tâm linh.

- Sáng tạo của Đạo (1): chỉ có Tốt không có xấu. Tốt cho đời sống tinh thần và đời sống tâm linh.

Tóm lại:

Vì lợi ích của người mà sáng tạo, đó là công đức.

Vì lợi ích của bản thân mà sáng tạo thì sự sáng tạo thuộc về Danh, Lợi cho mình.

(1) Lấy những gì mà Đạo có, đem ra giúp đời, thì bao giờ cũng Tốt, Đúng, Phải.

Còn lấy Đời mà can thiệp vào Đạo thì xấu nhiều hơn tốt. Vì “lấy cái vị kỷ mà định hướng cho sự vị tha”, làm sao mà Tốt, Đúng được.

Đời: vị kỷ; Đạo: vị tha. Nhưng Đạo mà nhiễm vị kỷ vào thì Đạo chẳng còn là “Chơn Đạo”, vì nó không thuần túy chơn chính nữa.

SỐNG ĐẠO

Sống Đạo là phần thực hành thành quả của sự Tu Luyện.

Thành quả này bao gồm nhiều yếu tố được đưa ra để chỉ dẫn người khác tiến hóa. Đây là trách nhiệm và bổn phận của con người, là học, thực hành và truyền đạt lại cho những người sau tất cả những gì mình có được, mà cao nhất, là Đạo.

Sự truyền đạt này do một bộ phận quan trọng là Trí. Nó dành cho người khác và luôn cả chính mình nữa.

Ở mỗi người và cả các sinh linh, Trí và siêu Trí không thể nào trực tiếp hiểu được Thiên Lý, hoặc Đại Đạo. Nhưng có thể hiểu được một cách trực tiếp tự động nhờ ở Tuệ (siêu siêu Trí).

Tuệ truyền đạt đến siêu Trí và Trí. Nếu Tuệ chưa hoạt động được, chỉ có siêu Trí hoạt động, thì siêu Trí truyền đạt đến Trí.

Ba loại Trí, nhờ vào sự Sáng mà sự truyền đạt này được thực hiện.

Nhờ vào sự Sáng, ba loại Trí có những chức năng giống nhau. Nhờ đó, bộ nhớ của Trí mới lưu trữ được những hiện tượng của thế giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

Nhưng chúng khác nhau về tính năng, về bản tính, dù rằng 3 loại Trí có cùng một bản chất là: sự Sáng.

Sự Sáng của Trí, siêu Trí, Tuệ và cường độ khác nhau của chúng

Cường độ của sự Sáng		
		Tuệ
Trí	Siêu Trí	

Mọi chức năng của Trí đều dùng đến sự Sáng, nhưng chức năng thông minh chứa sự linh thiêng và mẫu nhiệm, cao tuyệt đối là ở sự thông minh của Tuệ. Vì nó thuộc về nguyên năng lực của vũ trụ.

- Chỉ có Trí thông minh, hay là sự Sáng của Trí (trong chức năng này) không còn yếu tố không gian và thời gian nữa, thì “sự Sáng (sự sống) mới toát ra sự linh thiêng và mẫu nhiệm” (1).

(1) Ở con người, sự thông minh tuyệt đối ở Tuệ, do ở sự sinh động của sự Sáng (thể Sáng) nguyên thủy có trong não bộ. Từ đó, “Đạo” xuất nguồn từ Tuệ, cũng là xuất nguồn từ Thiên Lý vậy.

Còn các chức năng khác của Trí vẫn còn giới hạn:

- Trí quan sát : sự Sáng từ trong Trí đưa ra ngoài: còn yếu tố không gian và thời gian.
- Trí nhớ : sự Sáng từ trong Trí đưa ra ngoài và được đưa ngược vào trong: còn yếu tố không gian và thời gian.
- Trí suy nghĩ : sự Sáng của Trí ở trong, không còn yếu tố không gian. Nhưng còn thời gian suy nghĩ dài, ngắn. Như vậy cũng còn yếu tố thời gian.

Tóm lại:

Cả ba chức năng của Trí còn liên quan đến không gian và thời gian, còn thuộc về sức sống (1), cho nên sự linh thiêng và mẫu nhiệm còn tiềm tàng trong đó, chưa thể tỏ ra.

Chỉ có sự Sáng của sự thông minh của Tuệ mới cảm ứng được với Đạo, Thiên Lý v.v...

Làm sao mới được gọi là Đạo?

- Với con người, những gì liên quan đến sự sống (sự Sáng) mới được gọi là Đạo, như nuôi dưỡng sự sống, sinh hoạt bằng sự sống.

Hay là nuôi dưỡng sự Sáng, sinh hoạt bằng sự Sáng, mới được gọi là sống Đạo, hành Đạo.

Còn những người qua sự tập luyện những loại thân, có khả năng thực hiện những việc phi thường, thần thông, biến hóa... chỉ là những pháp thuật do các pháp môn truyền dạy. Chúng chưa thể gọi là Đạo.

Đạo liên quan đến cả vũ trụ, không phải chỉ liên quan đến địa cầu như những pháp môn do con người tìm ra.

(Pháp thuật: không thể tiến hóa con người được. Nó không phải là Đạo, vì Đạo phải có Đạo lý để dạy, còn pháp thuật không có khả năng đưa con người vào sự hằng sống).

“Sống trong sự sống” là con người sống trong sự Cực lạc. Nó xảy ra trong sự hợp nhất của Dương và Âm của thể Sáng.

Đây là sự Cực lạc của sự sống, không giống cái thú, cái lạc của sức sống.

Trong sự Cực lạc (cực vui) thì “tính toàn thiện” cùng lúc sinh động, Độc tính và Ác tính biến tan. Về vật lý, khi sự Sáng sinh động thì độc tố của Huyết, Khí, Điện trong thân thể bị tan biến luôn, các tế bào khỏe mạnh.

(Như vậy, ta nhận ra, trong sự sinh động của năng lực nguyên thủy không có một độc tố nào cả).

(1) “Trí nhớ” hay năng lượng trong chức năng nhớ thuộc về sức sống cũng không tồn tại mãi được. Nó chỉ sinh động trong thời gian của một vạn năm.

Với người bình thường, chưa trải qua sự Cực lạc và tính toàn thiện, đời sống còn sự luân phiên giữa Thiện và Ác.

Khi Lòng người còn Thiện, còn Ác, thì con người mới dùng được sự công bằng, là lấy Ác đối với Ác, lấy Thiện đối với Thiện.

Đến khi Lòng người chỉ có Thiện thì người đó mới dùng được Tình thương trong đời sống, là lấy Thiện đối với Thiện, và lấy Thiện đối luôn cả Ác nữa.

Do đó, mầm mống của sự Ác không còn nữa.

1. Nền tảng của sống Đạo

Không phải những người đã giác ngộ rồi mới sống Đạo, người có Tu Luyện với ý nguyện muốn giúp cho tha nhân cũng có thể sống Đạo với những nền tảng của nó. Như sự sáng suốt của Trí khôn luôn hiện hữu, sự thật, Tình thương, Lương Tâm v.v...

Trong sống Đạo, “sự sáng suốt của Trí khôn luôn luôn hiện hữu” trong sinh hoạt thì sinh hoạt đó không sai lầm.

Sinh hoạt bao gồm: tư tưởng, lời nói, việc làm, động tác...

Sự sáng suốt của Trí thông minh trong tư tưởng thì “Ý” được giải bày một cách rõ ràng, người nghe dễ hiểu.

Sự sáng suốt của Trí thông minh trong lời nói thì âm thanh phát ra không có nhần âm của sự dao động tình cảm trong đó. Lời nói mạch lạc, các từ dùng không vấp.

Sự sáng suốt của Trí thông minh trong động tác, việc làm, thì động tác chính xác, việc làm không sai, lỗi lầm.

Sự sáng suốt của Trí luôn hiện hữu trong mọi thời gian khi con người tỉnh thức, thì Thân cường, Tâm an.

a. Sự thật

Sự thật là nền tảng của sự công bằng. Sự công bằng (1) là nền tảng của trật tự xã hội. Xã hội có trật tự thì người dân sống yên và vui.

Với cá nhân, hiệu quả của sự thật càng cao hơn nữa. Người chấp nhận sự thật và sống bằng sự thật thì tâm hồn trở nên chân chính và mạnh mẽ.

Tâm hồn chân chính, đời sống luôn được may mắn, vì nó hòa nhập vào sự toàn hảo của sự chuyển động của vũ trụ. Đây là sự hài hòa của Tam tài (Thiên, Địa, Nhân).

(1) Sự công bằng phải thể hiện trong mọi sinh hoạt của cộng đồng xã hội, trong những gì liên quan đến nghĩa vụ, bổn phận, quyền lợi, cơ hội v.v...

Công bằng trong cơ hội thì con người có nhiều cơ hội. Và cơ hội giúp cho con người tiến hóa, tiến bộ nhanh. Nước nào mà người dân có nhiều cơ hội, nước đó mau giàu, mạnh.

Ngược lại với sự hài hòa là sự chao đảo. Nếu không thật với chính mình thì tâm hồn mình đã chao đảo rồi. Sự cộng hưởng của sự chao đảo của nhiều tâm hồn làm cho thiên nhiên mất đi sự hài hòa của Tam tài. Đó là một trong những nhân tố của Thiên tai, Địa họa (1).

Trái với sự chơn thật là sự dối gian, lừa đảo, quỷ quyệt v.v..., ngay cả điều mà ta coi là không quan trọng gì cả, đó là lời hứa mà không thực hiện. Lời hứa này làm cho tâm hồn của người được hứa chao đảo, Trí phải suy diễn, nhưng thật ra, tâm hồn của người đưa ra lời hứa đã chao đảo rồi mà chính mình không nhận ra. Vì người này coi lời hứa như ưu thế trong giao tế, làm tăng thêm mức thiện cảm và lòng tốt của mình khi quan tâm đến người khác.

Sống với sự chơn thật, con người hưởng được sự an lành.

Đó là nền tảng của sự sống Đạo. (Nhưng trong đời, vì danh dự của bản ngã, và của những gì mình muốn đề cao, con người có thể nói sai sự thật. Nhưng vì sự công chính, người ta không thể nói sai sự thật).

Cao hơn sự an lành là An lạc. Nó là bản tính của Tình thương.

b. Tình thương trong sự sống Đạo

Tình thương là một động lực sinh hóa ra sự Thiện (sự Lành), sự Lạc (sự Vui của tâm hồn), còn sự thật (sự chơn thật) chỉ ngửa được sự xuất hiện của sự Ác, Độc, Dữ ... từ sự không chơn thật. Nó không triệt được mầm mống của sự Ác, Độc, còn Tình thương thì hóa giải được sự Độc, Ác, và biến chúng trở nên Lành.

Ở tâm hồn, Tình thương tạo ra Đức, từ siêu Tâm, siêu Trí (linh hồn) mà Tình thương xuất nguồn, thì động lực sinh hóa này tạo thêm sự linh thiêng và mẫu nhiệm cho tạo vật và luôn cả cho vũ trụ.

Động lực sinh hóa ra sự linh thiêng và mẫu nhiệm cho vũ trụ và tạo vật là công đức (2).

Sự sinh động của bản tính của Tình thương tuy có, nhưng con người khó cảm nhiệm. Cũng như những vị ngon, mọi người đều thích, “Hương trong Vị” tuy nhiều, nhưng ít người thụ hưởng cái quý bên trong của Vị.

Sự An, Vui của Tình thương có đó, nhưng rất ít người cảm nghiệm được, duy trì để thăng hoa nó.

(1) Cá nhân, tập thể, đoàn thể, dân tộc, chủng tộc nào mà coi mình là tuyệt đối vượt trên cả Thiên, Địa..., thì sự hài hòa của Tam tài không còn nữa. Nếu tự mình tách ra khỏi sự toàn hảo của sự tiến hóa chung của vũ trụ thì cũng tự mình tạo nên sự chao đảo cho mình vậy.

(2) Mọi Đạo lý, mọi phương pháp hướng dẫn cho sinh linh tiến hóa đời sống tâm linh, tức là những phương tiện làm tăng sự linh thiêng và mẫu nhiệm đều là công đức. Người tạo ra các pháp này, là tạo ra công đức vậy.

(Người không cảm nghiệm được cái An, Vui của Tình thương, chỉ cảm thấy vui thích trong sự độc, ác, thù hờ làm sao người đó không gặp họa).

Khi nào Tình thương luôn sinh động trong Tâm, Trí con người thì tâm hồn đó không còn phân biệt về đối tượng trong khi hành Thiện (trong hành động bác ái), và luôn cảm thấy Vui ở Trí, còn Tâm thì nhẹ nhàng trong sinh hoạt (1).

Trong sống Đạo, con người nhận ra Tình thương được tạo nên từ nhiều nguồn, từ có đối tượng đến không còn đối tượng, và luôn cả những bộ phận vô hình.

Tình thương có đối tượng hầu hết con người đều trải qua suốt cuộc đời trong “sự nhận và cho ra” là gia đình (trừ một số người bất hạnh không có gia đình từ lúc được sinh ra). Lúc nhỏ thì nhận, lớn lên cho ra người thân, dần dần cho tha nhân.

Tình thương sinh động mãi ở con người. Nó là căn bản của nhân tánh, để từ đó chuyển lên Thiên Tánh.

“Tình thương ngưng”, “nhân tánh ngưng”. “Tình thương mất”, thú tánh, quý tánh xuất hiện.

“Tình thương còn nhân tánh còn”. Đem Tình thương trong nhân tánh ra ứng xử với tha nhân trong đời sống, nó trở thành một động lực, sinh động mãi, dù đối tượng còn hay không còn, hoặc không có đối tượng.

Tình thương sinh động, khi không còn đối tượng, thì sức mạnh trong đó càng tăng. Nếu không có sức mạnh trong Tình thương thì con người không thể thực hiện được những công trình bác ái lớn lao.

Càng nhiều Tình thương, càng nhiều sức mạnh. Nhờ đó, con người có thể hy sinh, kiên nhẫn, nhẫn nhục, khiêm nhường, khiêm tốn và hòa nhã được.

Từ Tình thương mà nhiều đức tính được sinh hóa, và người thực hiện Tình thương mới trực tiếp cảm nghiệm được sự kỳ diệu và tính Thiện trong đó.

Trong Tình thương chẳng có sự Độc, Ác, Dữ. Cũng như nước mặn của biển hóa giải mọi độc tố từ các dòng sông đưa vào.

Độ mặn của nước biển có thể tăng, hoặc giảm, nhưng rất ít, còn cường độ của Tình thương tăng rất nhiều, nếu như nó xuất ra từ nguồn năng của nó, là Lương Tâm. Và Lương Tâm cảm ứng với Thiên Tuệ, Thiên Tánh.

Có thể ví Tình thương là hạt giống Lành, gieo ở mảnh đất Lương Tâm, nó sinh ra vô vàn sự Lành cho mọi tạo vật. Nghĩa là, nó nối tiếp, làm nảy nở “Tình thương và sự Lành” trong sự sáng tạo nguyên thủy ban cho mọi vật thụ tạo.

(1) Các bác sĩ chân chính, khi “hành Thiện từ Tình thương”, không còn phân biệt bệnh nhân, đối tượng chữa bệnh, chỉ thấy bệnh trong bệnh nhân để chữa trị.

Ở trại phong cùi, người săn sóc đã cảm nghiệm sự đau đớn của người bệnh nên chẳng còn quan tâm đến sự hôi thối, truyền nhiễm của vết thương cho mình.

Đó là “sức mạnh của Tình thương” tạo ra hành động bác ái, khiến con người có Lương Tâm phải cảm mến, cảm phục.

Lương Tâm là bộ phận vô hình. Nó có khả năng chứng thực được mọi sinh hoạt của tâm hồn, của tâm trạng, tư tưởng con người được hiện thực trong mọi sự việc, lời nói, việc làm.

Cái cùng cực to lớn của Lương Tâm loài người, từ nguyên khởi đến nay và cả mai sau, bao trùm cái cực nhỏ của Tâm cá nhân. Như lòng bác ái vô biên, vô lượng của loài người xóa tan tính ích kỷ cá nhân.

Trong đời sống, khi nào con người có, và cảm nghiệm được lòng bác ái trong Lương Tâm mình, tự nhiên, lòng ích kỷ của cá nhân biến mất.

Tình thương mà ngưng sinh động, hoặc không còn nữa, thì Ân, Phước của cá nhân, nhận được từ sự Sáng của vũ trụ cũng không còn ở cá nhân đó nữa.

(Điều này biểu hiện rõ ở tuổi già do cách sống tích cực cho tha nhân, hoặc chỉ sống cho riêng mình).

Tình thương trong việc làm bác ái được thể hiện dưới hai dạng: Phước và Đức.

Ban bố của cái vật chất là hành động hữu vi (dễ thấy, dễ nhận ra): là Phước. Hành động bác ái vô vi (làm mà như không làm): là Đức. Đây là sự ban bố tài sản tinh thần và tâm linh. Nó có thể thay đổi cả tâm hồn, quan niệm sống theo chiều tiến bộ và tiến hóa.

Việc làm dù dễ thấy hay không thấy của Phước hay Đức, đều thuộc về Tình thương, mà trong nó là “Nhân”, hiện thực ra bên ngoài là “Nghĩa”.

Cho nên nói rằng: “gieo hạt Tình thương, sinh quả Nhân, Nghĩa”.

Trong “Nhân, Nghĩa” có sự Lành (sự Thiện), đem lại lợi ích cho tha nhân bằng hành động bác ái. Hành động này được hiện thực từ tư tưởng. Tư tưởng được sáng tạo từ tánh Thiện với Trí thông minh. Thông minh sáng tạo trong sự Thiện sinh ra những đức tính khác cho người có Thiện Tâm, như tính kiên nhẫn và hiệu quả của nó.

Tính kiên nhẫn xóa đi tính hấp tấp, sự bực bội trong sự hấp tấp.

Kiên nhẫn suy nghĩ, sinh ra sự thông minh, sự sáng tạo.

Hành động bác ái làm rung động “nhân tình”, tức là làm rung động lòng người, với cả lòng mình nữa. Và luôn cả “người cho và người nhận” đều cảm thấy điều Lành.

Đây là sự thiện cảm của con người ở mức cao: là sự thông cảm của tâm hồn bằng Thiện tính.

Về đẹp bên ngoài của màu sắc, của dáng: cái quý của Hương... làm rung động tâm hồn con người chốc lát, vì tự chúng không có sức sinh hóa. Nhưng về đẹp, cái quý của Tình thương trong tâm hồn, Lương Tâm con người, có sức sinh hóa có sức tăng trưởng, nên về đẹp và cái quý của Tình thương tồn tại trong sự tăng trưởng, luôn làm rung động tâm hồn con người bằng sự An, Vui.

Người hiểu biết, khôn ngoan nuôi dưỡng sự An, Vui của Tình thương cũng là hưởng thụ sự An, Vui vậy. Có thể nói: “nuôi Thiện tính, là hưởng

cái tính Thiện vậy”.

Hạnh phúc tồn tại mãi của con người là cái quý ở bên trong. Muốn sống hạnh phúc chỉ cần sống bằng Tình thương.

Người có Tình thương, và biết sử dụng nó, thì Lòng chẳng bao giờ bức, tức, giận, ghét,... bên ngoài không có thái độ khó chịu, cau có... vì sự sai phạm của một Trí khôn còn non nớt, ấu trĩ của một người tuổi đời (1) đã nhiều hoặc còn ít.

Nhân tố chính của Tình thương là tha thứ, và hiệu quả của nó là, chỉ dạy để tiến hóa Trí khôn của người khác.

Tình thương vượt qua cả quyền lực và bạo lực.

Trong xã hội có 3 loại lực chi phối, ảnh hưởng đến sự tốt, xấu của đời sống con người là: bạo lực, quyền lực và Tình thương.

Bạo lực : lực được dùng theo ý riêng của bản ngã (của “cái Tôi”).

Hành động của bạo lực rất liều lĩnh, không có nền tảng công lý, nó xâm phạm đến quyền lợi, tự do của người khác.

Quyền lực : dựa trên Công Lý. Công Lý dựa trên Thuận Lý. Thuận Lý xuất nguồn từ Lương Tâm. Nó có sức mạnh chung được mọi người công nhận và ủng hộ.

Tình thương: trong Tình thương chẳng có sự đối đầu, đối đãi nào cả và cũng không có sự tranh chấp, hơn thua. Vì vậy, nó vượt qua cả quyền lực và bạo lực.

Dùng Tình thương, Lòng người được An, Vui.

Dùng bạo lực để đối phó với bạo lực, sự tranh chấp sẽ còn. Và sự Ác, Độc cũng theo đó mà tăng lên.

Dùng quyền lực để chế ngự bạo lực, thì bạo lực chẳng dám chống đối (như dùng cái Đúng mà chế ngự cái Sai).

Nhưng nếu có “Tham trong vị kỷ, trong quyền lực” thì quyền lực mất đi sự chân chính của nó, và nó không đủ sức để chế ngự bạo lực, hoặc không triệt hạ được bạo lực.

Ngược lại, quyền lực sẽ yếu đi, và quyền lực sẽ bị bạo lực lợi dụng.

Bình thường, quyền lực dựa trên sự công bằng, nó sẽ mạnh. Vì trong công bằng đã có tính Thiện rồi, nó không có sự thiệt hại cho người khác. (Ở mức thấp, con người có thể “Thiện hóa” cái Tâm của mình bằng sự công bằng – Điều mà mọi người đều chấp nhận trong sự tranh chấp).

(1) Các nhà tri thức, thông thái trong một hoặc nhiều lãnh vực được gọi là thượng tri, đại tri... với sự hiểu biết còn giới hạn trong thế giới tự nhiên, không biết và không hiểu nổi những điều mầu nhiệm. Họ vẫn có sai phạm, vì Trí khôn của họ vẫn còn ấu trĩ so với luật của Thiên Lý, Thiên Cơ, và Thiên Năng...

So sánh ba loại lực: Tình thương, quyền lực, bạo lực, thì Tình thương hóa giải được Độc tính, Ác tính, mà hai loại lực sau không thể thực hiện được.

Trong mọi môi trường nhân sinh, nơi nào mà tình thương sinh động, nơi đó tính Độc, Ác, Hung, Dữ... không còn.

Trong Lòng người cũng vậy, nếu Tình thương sinh động thì tính Độc, Ác, Hung, Dữ cũng tan biến đi.

Trong gia đình hay trong một cộng đồng, nếu Tình thương sinh động thì nơi đó, có đời sống thanh bình, an lạc..., không có tai ương.

Tai ương (Thiên tai, Địa họa) ảnh hưởng bên ngoài.

“Họa” khởi phát từ trong, là do Lòng người không có Tình thương tha nhân, thì từ lòng vị kỷ mà họa phát sinh.

Tóm lại:

Trong sự mẫu nhiệm, sinh động một động lực vô hình là Tình thương mà con người dễ nhận ra từ lòng “Nhân, Nghĩa”.

“Nhân, Nghĩa” sinh động, từ trong nó sinh ra may mắn. Và sự may mắn cũng tỏa ra sự mẫu nhiệm.

Mọi đức tính như vậy đều xuất nguồn từ Tình thương.

Và chỉ có Tình thương mới nâng cao tâm hồn lên, trội vượt lên tình cảm của một bản ngã cá nhân, mà nó là nền tảng của sự thánh thiện.

Tình thương sinh động mãi trong tâm hồn con người nên tâm hồn đó cũng mãi mãi mẫu nhiệm. Và nó tỏa ra sự Lành.

Nếu Tình thương sinh động liên tục, mà “Ý” muốn tỏa Tình thương ra ngoài cho tha nhân, vạn vật..., thì Tình thương đó sẽ đem nhiều điều tốt lành cho người và mọi vật.

Nếu chỉ có “Ý”, mà không có Tình thương sinh động trong lòng, thì “chẳng có gì Lành” để tỏa ra.

c. Sự tiến hóa toàn hảo

Sự tiến hóa toàn hảo phải đầy đủ cho 3 đời sống (vật chất, tinh thần và tâm linh) hay là cho cả Thân, Tâm, Trí.

Nếu thiếu một trong ba phương diện thì sự tiến hóa vẫn chưa hoàn toàn.

Ba đời sống toàn hảo liên quan đến tu luyện, sống Đạo.

Luyện : Lực và nội lực (năng lực tiên thiên).

Tu : Tâm để chuyển sang Tánh siêu nhiên.

Sống Đạo: Trí ứng dụng hiệu quả của Luyện và Tu cùng với Lương Tâm để giúp cho tha nhân, mà điều quan trọng là giúp cho con người một quan niệm sống đúng, có hiệu quả tiến hóa, như:

Con người thay đổi vận mạng

Đổi thay vận mạng do con người
Thiện Tâm sinh động, xóa tai ương.
Vì sao “Đạo” đổ cho nhân loại
Phương tiện đó, để tiến hóa Đời.

- Sự thay đổi vận mạng để tiến hóa hoàn toàn, gặp khó khăn, chính là ở Tâm, tức là ở bản ngã vậy. Vì đó, mà Đạo không hiện ra được?

“Đạo biến, Đạo hiện”

Còn bản ngã, nói chi đến Đạo
Bởi vì trong Đạo, chẳng còn Ai
Vô số việc liên quan bản ngã
Một cái nổi lên, Đạo biến ngay.
Hỏi rằng Đạo nhân có những gì?
Chẳng còn, chẳng có như phạm nhân
Chỉ luôn “Hiếu, Biết” trong “thể Sáng”.
Vì thế, “Đời” nhẹ như Hư không.

- Mất con người, lúc tỉnh thức luôn hướng ra ngoài, tâm hồn gắn liền với ngoại cảnh, sự việc. Bên trong, Tâm trụ vào những đối tượng mà bản ngã hướng đến. Muốn hiểu biết những điều sâu sắc trong thiên nhiên, siêu nhiên, Tâm phải bất trụ:

Tâm bất trụ

Danh, Lợi, Tài, Sắc... dậy ba đào (sóng gió)
Che lấp tâm hồn, tỏa u minh
Mắt mở, tai nghe, chẳng biết đường
Cuộc đời quanh quẩn, không lối ra.
Phiền não triền miên, Trí búa đập
Thấp thòm Tâm, Can, đa bệnh phát
Chông chất khổ sầu, đột biến cảnh
Hiểu rõ vô thường, ắt minh Tâm.
Tâm “an, định”, lặng yên sóng Đời
Trong Hư vô, linh thiêng tính chất
Mọi cảnh giới, hiện biến tùy nghi
Tâm bất trụ, giải thoát gian trần.

- Tất cả từ bản ngã, vô số việc liên quan, làm Tâm động loạn. Cái “Tôi” còn thì việc Đời chưa chấm dứt, nhưng lúc nào “Tôi” chẳng còn, lúc đó sự kỳ diệu, linh thiêng, mẫu nhiệm sẽ hiện ra.

Tôi chẳng còn, Đạo hiện

Trong một lời, còn vương “cái Tôi”
Linh thiêng chẳng có, mẫu nhiệm không
Bỏ Đời đến Đạo, chỉ một bước
Sống trong “Cực lạc” từ “Chơn không”.

Đã có người hưởng được sự Cực lạc trong trạng thái Chơn không, bỏ tất cả mọi lạc thú trần gian có tính vô thường. Từ trạng thái Cực lạc nhận ra “sự sống” của vũ trụ trong con người. Còn đa số chỉ thấy cái chết như điểm chấm hết của cuộc đời, và sau sự chết còn có gì?

Chết rồi đi đâu

Người tự hỏi: “chết rồi đi đâu”?
Mệnh mông vũ trụ, sao biết đường
Mắt nhìn gần, chẳng rõ xa xăm
Thiên Cơ nhiệm mầu, hiểu được chẳng
“Thánh, người, thú, quỷ” trong một kiếp
Sống theo sở thích Tâm mở đường
Chính “tâm địa” tạo nên phương tiện
Đưa linh hồn vào cõi tương quan.
Thế gian bên ngoài, Càn khôn bên trong
Ngoại cảnh, “Thân, Tâm, Trí động loạn”
“Hư không” bên trong, mạnh linh hồn
Chính mình chọn lấy, chẳng phải ai.

- Sự lựa chọn cách sống đã xác định sự rộng, hẹp, của cuộc đời. Tầm nhìn ngắn chỉ thấy cái chết của Nhục thân trong cõi giới hữu hình, con người phải dùng “cái nhìn của Trí khôn” mới khám phá ra “sự sống” trong sự Sáng của Trí minh, trong tiêu vũ trụ vậy.

“Sự sống” trong Càn khôn

Càn khôn bao trùm Lý, Cơ, Năng (1)
 Hư vô bản ngã, Tuệ nhập vũ trụ
 Vô ngã, hiển lộ “Đạo, Đức, Phước”
 Ba tính sinh động trong chơn Ngã
 Tuôn trào Thiên Ân cho mọi loài
 Phạm nhân luôn thấy sự Ác, Dữ
 Chẳng qua có Diệt để tiến Sinh
 Thiện Ác chẳng còn, sinh “toàn thiện”
 Chỉ có “sự sống” trong Càn khôn.

- Trong sự sống Đạo, với sự tiến hóa toàn hảo, việc làm là sự hợp nhất của Tam tài, nên hiệu quả của nó là công đức.

Tam tài hợp nhất

Phải lớn tiếng mới đúng Lý sao (2)?
 Tự nhiên sinh lắm chuyện khác thường
 Chẳng do nơi mình, từ đâu sinh?
 Quyền năng, hiểu biết, có, cứ dùng
 Tự ý mình, “Vi Thiện bất minh” (3)
 Biết rõ nguồn căn, “bản ngã” biến
 Chính từ Hư vô, xuất nhiệm mầu
 Vô vi cứu đời, Càn khôn đức (4)
 Chẳng biết mình làm, tức Trời làm
 Tam tài hợp nhất hóa Càn khôn.

- Sự trở ngại lớn trong sự tiến hóa toàn hảo do nơi Tâm. Nó là gốc của bản ngã. Nhờ tu sửa, con người mới vượt qua trở ngại. Nhưng phải nhìn đâu?

(1) Thiên Lý, Thiên Cơ, Thiên Năng sinh động trong thể Sáng (sự Sáng) của vũ trụ. Càn khôn (Trời Đất) cũng là vũ trụ.

(2) Người tranh luận, cứ to hơi, lớn tiếng, áp đảo, tự cho mình là đúng Lý.

(3) Vi Thiện bất minh: làm việc Thiện mà không sáng suốt.

(4) Càn khôn đức: Đức của Trời Đất là hiệu quả của việc làm, mà người làm không cần biết đến việc Thiện mình làm. Nó cứu độ được tâm hồn và linh hồn (là những bộ phận vô hình liên quan đến sự Sáng, sự sống của vũ trụ).

Tu nhìn đâu

“Tu” nhìn ra ngoài, làm sao sửa
Thấy mãi đối đãi, mâu thuẫn tăng
Rửa sạch Thân, sao hết phiền não
Cứ vậy duy trì, tốn thời gian
Chăm trồng sự dữ, lớn hung hăng
Mãi gieo sự Ác, tăng đau đớn
Trí người độc, vượt xa nọc rắn
Độc tố đó gây ra khổ sâu.
Nhìn ra, “vị kỷ, vị ngã”, sinh
Chính tâm trạng tạo nên bụi trần
Hồi quang nhận rõ Tâm dơ bẩn
Lấy “Hư không” mới tẩy sạch Tâm
Gốc bản ngã lại do Tâm tạo
Sạch phạm Tâm, biến mất cái Tôi
“Hư vô” Tâm địa, Trí thông Lý
Lý, Trí minh, rõ “Đạo tự nhiên”.

- Những vật hữu hình, như nhà cửa, vật dụng... mà hư hỏng, con người sửa và thay thế dễ dàng, nhưng Tâm (bộ phận vô hình) xấu, sai, trái, con người khó sửa, khó đổi thay. Vì vậy, Tu luôn tự hỏi:

Tu thấy được gì

Công phu nhiều, Tu thấy được gì
Thê nghiệm các pháp, lòng thêm rối
Miệt mài làm chi, thêm mờ Trí
Tu tới, sửa lui, chỉ tốn giờ
Phiền não chấm dứt, biến cái Tôi
Chẳng Thiện, chẳng Ác, mới toàn chơn
Bản ngã tan biến, “Hư không” hiện.
Xóa sạch căn trần, “Sống vô biên”.

- Tâm trạng “chơn không”, là bản tính của sự An, Vui, nhưng đã là con người, làm sao chấm dứt được sinh hoạt trong cuộc sống. Tuy nhiên, trong giao tế con người có thể:

Lấy “Hư vô” sống đời

Quan tâm thể sự, sinh phiền não

Vui khổ, khổ vui suốt cuộc đời

Làm sao nhận ra mê muội ấy

Chính mình tự nghĩ, xét lấy thôi.

Dùng Hư vô, nghe, thấy việc đời

Tâm bất động, khẩu tịnh, vô ngôn

Nêu chẳng phải Đạo, miệng không nói

Không là “sự sống”, bàn luận chi.

2. Đạo nhân

Đạo nhân là người cảm nghiệm được Đạo và sống bằng Đạo (đạo tính, Đạo lý). Hiệu quả này do sự Tu Luyện, đưa sự Sáng của Trí (siêu Trí và Tuệ) nhập vào sự sống của vũ trụ, tức là sự Sáng của Tuệ nhập vào nguồn gốc sinh hóa ra mọi tạo vật. Trong nguồn gốc sinh hóa là “sự sống”, “sự Sáng nguyên thủy” chứa đựng tất cả những gì có trong vũ trụ mà con người đã tìm ra một phần nào, hoặc chưa thể khám phá được những gì sinh động dưới dạng siêu hình và vô hình.

Nhưng đạo nhân, từ sự thấy toàn diện của linh giác quan, hiểu được từ nguồn sinh hóa của sự Sáng, cảm nghiệm được sự sống bao gồm nhiều đạo tính của vũ trụ.

Từ sự cảm nghiệm bằng sự hợp nhất của thể Sáng của Tuệ với sự Sáng nguyên thủy, mà đạo nhân “tự có” những đạo tính đó, hiểu được sự sinh hóa của năng lượng v.v... Và đạo nhân, có bốn phận với sự tiến hóa của vũ trụ, chuyển hóa những yếu tố này để tạo công đức, trong đó liên quan đến cả đời sống con người là Thân, Tâm, Trí.

Nói một cách khác đơn giản là đạo nhân biết con đường vào sự sống, vào sự sinh động của vũ trụ. Nó khởi từ đầu, não con người, tức là từ Trí vậy, hay là từ sự Sáng của Trí – là con “kênh của sự hằng sống”, đưa con người vào vũ trụ, vào sự hiểu biết tuyệt đối của con người.

a. Sự bức xạ của Trí để thành Tuệ

Về vật lý, hay về năng lực, thì sự bức xạ của sự Sáng của Trí con người, là năng lực được tích lũy trong não, được chuyển lên bằng năng lượng nguyên thủy của sự sinh hóa.

Bức xạ là một hiện tượng vật lý, khi một năng lực của một thể tăng lên, có khả năng vượt quá sức chịu đựng bình thường của nó.

Như sự Sáng của Trí quang tỏa trong tâm cỡ rộng lớn theo chức năng và khả năng thấy của mắt (của thị giác quan).

Khi 8 giác quan (gồm 5 giác quan và 3 trực giác quan) ngưng hoạt động, sự Sáng tự về não, tăng năng lực lên, do sự sinh động tự nhiên của sự Sáng. Năng lực này tăng lên cho đến khi nó đủ khả năng vượt qua sự quang tỏa bình thường của Trí (của sự Sáng trong não). Nó bức xạ và trở thành sự Sáng của vũ trụ, thành năng lực có khả năng tự tạo mà không cần đến một chức năng nào của Trí, của siêu Trí nữa.

Khi sự Sáng của Trí bức xạ, hòa nhập vào sự Sáng của vũ trụ thì Trí là Tuệ, tức thì hòa nhập vào “thể nguyên thủy” của vũ trụ, và có cùng một sự sống.

Như vậy, “cái Trí và sự Sáng của Trí ngày nay đã có nguồn gốc từ nguyên thủy, tức là, có từ sự Sáng của nguyên thủy”.

Khi nào Tuệ hoạt động, con người làm chủ được tiểu vũ trụ, và luôn cả sự sống, chết trong đó, tức là làm chủ được mọi chức năng liên quan đến sinh hoạt con người, có nghĩa là “sự sống làm chủ được mọi sinh hoạt có sức sống”. Hay là, sự Sáng của vũ trụ trong con người làm chủ được các thể Điện, Khi, Huyết.

Do đó, người sống bằng Tuệ có khả năng tách sự sống ra khỏi sức sống.

Sự sống (sự Sáng) tiềm ẩn sinh động trong sức sống. Sức sống bao gồm có sự Sáng + (Điện, Khí, Huyết).

Khi sự Sáng được Thuần Trí điều khiển tự về não thì mọi chức năng của Trí liên quan đến sức sống đều ngưng, như cảm giác, tình cảm, tư tưởng.

Sự Sáng ở não tăng lên, rồi hình thành một mảng, mang hình dáng của Thân, gọi là Quang thân.

Sự sống toát ra khỏi sức sống, cũng là Quang thân. Nó có khả năng toát ra khỏi tất cả các loại thân.

Nghĩa là: “sự sống toát ra từ sự chết” của Thân, Tâm, Trí.

Làm chủ được sự chết, sự sống, là điều khiển cho tất cả sức sống phải ngưng động (chết), để từ đó sự sống toát ra.

b. Sự “tự hữu” của đạo nhân

Cái “tự có được” (tự hữu) của đạo nhân với sự thu nhận từ sự Sáng của Tuệ con người, đồng bản chất, bản tính, và tính năng của sự Sáng của vũ trụ. Hay là, nếu vũ trụ chứa đựng những gì trong nó thì đạo nhân, trong trạng thái cực tinh của các chức năng, sự Sáng của Tuệ cũng chứa đựng như vậy, trong khi sự Sáng của hai vũ trụ hòa nhập với nhau.

Tương tự như ánh sáng mặt trời chứa những tinh hoa trong năng lượng của nó như: sắc, thanh, hương, vị, nhiệt..., tùy theo hấp lực của mỗi loài, mỗi tạo vật, có thể chứa được ít nhiều theo sự hấp thụ của chúng.

Sự hấp thụ của tạo vật những tinh hoa trong ánh sáng mặt trời cho sức sống,

phải mất ít nhiều thời gian (theo ngày, tháng, mùa...).

Trái với sự hấp thụ của một sự sống, “khi một sự sống hòa nhập vào sự sống nguyên thủy, tức khắc, sự sống này có tất cả những gì mà sự sống nguyên thủy có”.

Như, giọt nước mưa rơi xuống biển, nó hòa nhập vào nước biển, và có cùng một bản chất, bản tính và tính năng của nước biển.

Sự Sáng của Tuệ con người cũng vậy. Khi nó hòa nhập vào sự Sáng của vũ trụ, nó có những gì mà vũ trụ có. Đạo nhân đã trải qua trạng thái này, vì vậy, ta gọi đó là sự “tự hữu” (cái tự có) của đạo nhân.

Khi Tuệ ngưng hoạt động, con người dùng Trí trở lại, “sự tự hữu” không mất. Nó vẫn tiềm tàng sinh động, nhưng không bộc lộ ra được. Cũng giống như, khi chức năng “Hiếu” đã hoạt động, nó không mất, khi “cái Biết” hoạt động.

Nếu không thấu triệt được hiện tượng này, đạo nhân có thể mất đi tính siêu việt của mình, vì phải tiếp xúc mãi với thường nhân, nên tính cách siêu việt của tư tưởng không có dịp được bộc lộ ra. Và đức tính, đạo tính cũng sẽ không thể hiện được trong sinh hoạt liên quan đến đời sống của người thường.

Muốn duy trì “sự tự hữu”, đạo nhân phải sống bằng hai đời sống : vừa xuất thế, vừa nhập thế.

Xuất thế: sống với sự sống, cái Một, nguồn sinh hóa, cho nên thông suốt được chức năng của siêu Trí, Trí, Tâm, Thân... Từ đó, đạo nhân nhận ra được “sự thật trong tư tưởng”, “vẻ đẹp của đức tính” (của đời sống tinh thần), “sự thật của Lý sinh động trong sự sống” (của đời sống tâm linh).

Còn cái vô tận biến hóa của sinh hoạt thể gian thì Tâm, Trí chẳng vướng bận. Tuy nhiên, vẫn nhìn ra nguyên nhân của sự việc, tức là sự việc của con người xã hội, cái nào cũng có gốc sinh ra. Nay giữ lấy “gốc của cái gốc” được sinh ra mà học và dùng thì mọi việc đều đúng.

Cũng giống như người ăn ngon thì biết vị ngon, nhưng chưa phải là người làm ra thức ăn, chỉ có người đầu bếp mới thật sự sành sỏi, thường thức được vị ngon và biết cách làm ra những thức ngon.

Nói cách khác, đạo nhân sống với sự sống trong trạng thái cực tĩnh, để từ sự sống mà khám phá ra sức sống – những sinh động trong sinh hoạt của trạng thái động.

Đây là hai sinh hoạt hoàn toàn khác nhau của người thường và đạo nhân:

Người thường thích nghe người nói, muốn nhìn việc người làm.

Đạo nhân tìm việc của Tạo hóa.

Từ sở thích đó mà tầm nhìn của con người mới có sự khác biệt:

- Một tầm nhìn giới hạn nhằm vào con người. Và một tầm nhìn vô hạn vào vũ trụ và hư không.

Nhập thế: là cách sống của đạo nhân trong trạng thái “động”.

Chẳng khác gì phàm nhân, cũng ăn uống, ngủ nghỉ, nhưng chỉ có cái Tâm

hư vô, Trí Vô ngã, với việc đời thì dùng Lương Tâm:

- “Lấy cái có của đại vũ trụ trong tiểu vũ trụ” mà dẫn đường, chỉ Đạo. Từ sự sống, sự Sáng đưa con người vào đời sống tâm linh.

Chất chiu từng giây, từng phút để giúp đời, giúp cho sinh linh tiến hóa, và để cho con người cảm ứng được với Tạo hóa. Đó là mục đích của đạo nhân.

Nhiều người chẳng tìm ra lẽ sống, chẳng hiểu con người được sinh ra để làm gì, dư dã thời gian, nên phí phạm ngày, giờ, tháng, năm trong đam mê.

Trong nhập thế, sinh hoạt của đạo nhân ở :

Thân: chẳng quan tâm đến cảm giác.

Tâm : tâm trạng, tình cảm được thay thế bằng những đức tính, đạo tính.

Trí : ngôn từ chỉ liên quan đến Thiên, Địa, Nhân, đến Đạo lý mà thôi.

Tóm lại:

Sinh hoạt của đạo nhân chỉ toàn là đức tính, đức hạnh, đạo lý, đạo hạnh. Tất cả đều vô hình nên hoạt động vô vi. Chúng thay thế cho tâm trạng, tình cảm, tư tưởng cá nhân của một bản ngã.

Về vật lý:

- Cảm giác, tình cảm, tâm trạng... thuộc về Huyết, Khí, tức là thuộc về sự sinh động của năng lực hậu thiên.

- Đức tính, Đạo lý... thuộc về Điện, sự Sáng (sinh động ở não bộ), tức là thuộc về sự sinh động của năng lực tiên thiên.

Sinh hoạt bằng đức tính, Đạo lý... cũng là làm tăng trưởng năng lực tiên thiên cho mình và cho vũ trụ vậy.

Người mà năng lực tiên thiên sinh động nhiều thì nhân diện và sự Sáng tăng, Nhục thân được trường thọ.

So sánh, ta nhận thấy:

- Phạm nhân sinh hoạt bằng năng lực hậu thiên là chủ yếu.

- Đạo nhân sinh hoạt bằng năng lực tiên thiên. (Tiên phong, đạo cách... nhẹ nhàng, thanh thoát... là do ở năng lực tiên thiên sinh động mà sinh hoạt chỉ toàn là đức tính, đạo lý, đạo hạnh mà thôi).

Trong vũ trụ, sự sống (sự Sáng) có trước rồi đến năng lực tiên thiên (sự Sáng, Điện). Năng lực tiên thiên có trước khi loài người có trên địa cầu nên nó được gọi là năng lực vô sanh. Nó có, và sinh động trong những bộ phận vô hình, vô sanh.

Đạo nhân luôn sinh hoạt bằng những bộ phận vô sanh.

- Mọi sức sống có thời hạn sống, chúng còn Sinh còn Diệt (còn tăng, còn giảm). “Chỉ có sự sống (sự Sáng) không có thời hạn sống, nó hằng sống”.

Nếu sự sống đó tự sinh động thì sự sống đó thành năng lực tự tạo, và năng lực đó tăng trong sự hằng sống.

Hay ngược lại, “năng lực tự tạo” thêm năng lực trong sự hằng sống. Và chỉ

tăng Lực mãi, mà không có giảm. Năng lực này chỉ Sinh mà chẳng có Diệt.

Đây là mức cuối cùng mà con người có thể đạt được, nếu con người hiểu rõ điều này và sống bằng những bộ phận có khả năng phát triển năng lực thành năng lực tự tạo.

Đạo nhân đã khám phá ra điều này, và sống bằng những bộ phận vô hình, vô sanh đó.

Với người muốn tiến hóa, cần phải biết là trong con người, bộ phận có khả năng phát triển năng lực này, và nó sinh động nơi nào, và trong sinh hoạt nào?

- Trí con người có khả năng này, và mỗi chức năng của Trí, như Trí quan sát, Trí nhớ, Trí suy nghĩ, Trí thông minh... đều làm cho sự Sáng (sự sống) tăng thêm.

Khi sự Sáng có khả năng tự sinh động mà không cần đến một chức năng nào khơi động nó nữa, để tạo ra sự Sáng, chính lúc đó con người sống bằng sự Sáng.

c. Sự khác biệt trong sự nhận định, trong sinh hoạt của đạo nhân và phàm nhân

Đời sống của phàm nhân luôn gắn liền với sự Sinh, Diệt. Sinh hoạt luôn đổi thay trong sự Sinh, Diệt.

Điều kỳ diệu của sự Sinh Diệt là sự đổi thay – một sự đổi thay gần như liên tục mà phàm nhân dễ nhận và thích thú.

Nếu con người cảm được quy luật Sinh, Diệt trong tạo vật (trong cảm giác, tình cảm, tư tưởng) thì cũng thọ cảm được sự kỳ diệu trong đó rồi.

Đạo nhân sống bằng sự vô sanh, sinh hoạt bằng những bộ phận vô sanh, hiểu được qui luật vô sanh. Và mọi sinh hoạt đều xuất nguồn từ những bộ phận vô sanh của sự hằng sống.

Cái mâu nhiệm của sự hằng sống là sự bất biến. Cái “Có”, mà bất biến chỉ có đạo nhân mới nhận ra, và sống trong sự bất biến. Như vậy, mọi sinh hoạt từ sự bất biến, là bất biến và bất diệt...

Những bộ phận vô sanh chứa đựng sự linh thiêng và mâu nhiệm. Vì vậy, sinh hoạt của đạo nhân luôn có sự linh thiêng và mâu nhiệm.

Đạo nhân không sống hoàn toàn bằng giác quan hướng ra ngoại cảnh, không sống với sự kỳ diệu của khoa học. Nhưng sống nhiều với sự linh thiêng và mâu nhiệm trong cõi giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên, sử dụng trực giác quan và linh giác quan để tiến hóa siêu Trí và Tuệ.

Trái lại phàm nhân sống với ngoại cảnh, với sự kỳ diệu của khoa học. Vì vậy, Tâm, Trí, qua các giác quan, luôn hướng ra ngoài, tiếp xúc với thế giới tự nhiên, nên Trí hoạt động nhiều.

Sự kỳ diệu của khoa học liên quan đến ngoại cảnh hữu hình. Nó phát sinh ra sự so sánh, đối đãi... liên quan đến đối tượng. Các chức năng quan sát, nhớ, suy nghĩ hoạt động rất nhiều. Do đó, Trí năng phát triển, kiến thức mở rộng.

Nhưng sự linh thiêng và mâu nhiệm khác với sự kỳ diệu của khoa học, có khi xảy ra dưới dạng hữu hình. Hiện tượng này vượt sự suy luận của Trí, được tạo nên từ giác quan. Sự thông minh của Trí chưa thể lý giải được, vì hiện tượng phát sinh từ năng lực tiên thiên.

Từ sự cảm nghiệm được sự linh thiêng và mâu nhiệm, đời sống của đạo nhân thay đổi hẳn. Nghĩa là, khi đạo nhân “ý thức được sự sống và sống bằng sự sống rồi” thì không còn quan tâm đến cái chết của Nhục thân, và của các loại thân khác nữa.

Sinh hoạt của đạo nhân xuất nguồn từ sự Sáng, từ sự sinh động vĩnh cửu của sự Sáng của Trí (siêu Trí, Tuệ), còn Nhục thân chỉ là phương tiện của sinh hoạt. Lực vô hình của sự sinh động vĩnh cửu của sự Sáng trong sinh hoạt là ý chí mãnh liệt ngày càng tăng. Nó trở thành năng lực tự tạo.

Với năng lực của Trí, cường độ của năng lực tự tạo này (hay là cường độ của ý chí) tăng theo khả năng sinh hóa của từng chức năng từ yếu đến mạnh là: Trí quan sát, Trí nhớ, Trí suy nghĩ, và sau cùng là Trí thông minh.

Tất cả những đặc tính của sự Sáng đều tăng năng lực theo sự sinh động của sự Sáng, tức là theo sự hoạt động của Trí, siêu Trí, Tuệ.

Sống bằng sự Sáng của Trí (các loại), do đó, sinh hoạt bằng sự Sáng thường xuyên đổi thay cả cách sống, luôn cả mối quan hệ giữa bạn bè:

Bạn đời, bạn Đạo

Nhiều bạn đời, rối rắm cuộc đời
Mời qua đáp lại, lòng chẳng vui
Hao sức, mất giờ, lảm chuyện nói
Bằng mặt đó, bằng lòng lại không.
Từ khi giác ngộ, đổi cuộc sống
Bớt bạn đời, tăng thêm bạn Đạo
Đàm thoại suốt ngày chẳng tốn chi
Đạo lý tương truyền, tất cả vui.
Thông thường tính khí trải qua tuổi
Vui của trẻ, tuổi già ưu tư
Nhưng “Đạo mẫu” đảo lộn luật này
Sống Đạo lý, tuổi nào cũng vui.

(Những Đạo lý tồn tại, không thể sửa đổi được, mới chứng thực là nó thuộc về Chơn Đạo. Vì chúng được xuất nguồn từ sự hằng hữu, hằng tồn tại, cho nên chúng không thể sửa đổi được. Như, tính người có thể sửa đổi, còn tính của Trời Đất chẳng bao giờ đổi thay).

Đạo nhân tích lũy

Đạo nhân tích lũy tính Trời Đất
 Lấy Thiên tính mở Đạo giúp Đời
 “Thiên, Địa tính” sinh động Âm Dương
 Chỉ Sinh chẳng Diệt, tính vĩnh hằng.
 Nơi đâu trong người, Thiên tính hiện
 Chỉ có chơn Ngã, mới cảm thông
 Hằng hữu vĩnh tồn, Chơn Đạo chứng
 Sinh động Thiên tính, biến cái Tôi.

(Thiên tính hằng hữu mở Đạo, Đạo mới trường tồn. Vì ước vọng, tham vọng, có người lấy Nhân tính mà mở Đạo. Sự từng trải của Nhân tính quá nhỏ hẹp, làm sao thu được Tâm người. Chỉ có Thiên tính, trong cái cực to của vũ trụ, mới bao hàm tất cả mà thôi. Lấy cái to mà chứa cái nhỏ, làm sao mà không được?).

Đạo nói nơi đây là Chơn Đạo. Nhưng như thế nào được gọi là Chơn Đạo?

- Đạo không phải là tôn giáo, cũng không phải là đường, không còn sự phân chia chánh và tà đạo.

Tôn giáo, chánh đạo, tà đạo của con người lập ra còn có lúc thắng, trầm..., còn Chơn Đạo thuộc về vũ trụ, tồn tại sinh động trong sự quân bình vĩnh cửu. Và Đạo chẳng phải xuất nguồn từ con người, vì nó có trước khi tạo thiên, lập địa, tức là nó được tạo nên từ Thiên Tuệ, Thiên Tánh.

Nó là năng lực nguyên thủy sinh động trong vũ trụ, tiến hóa toàn diện mọi nhân tố trong sự sống và sức sống của mọi sinh linh, mọi tạo vật. Đối với con người, Đạo tiến hóa ba nhân tố trong con người là Thân, Tâm, Trí tương quan, tương ứng với Phước, Đức, Đạo.

Thân: dùng để sống cho chính mình bằng Huyết, Khí. Về Huyết: con người phải bồi dưỡng, ăn ngon, bổ. Về Khí: điều hòa hơi thở để sống bằng Khí thân.

Tâm: tiến hóa cho chính mình, và cả tha nhân, là sống bằng Lương Tâm, bằng đức tính. (Dùng đức tính để tiến hóa sự ấu trĩ của tình cảm đến những tình cảm trưởng thành hơn: đức tính).

Sống bằng đức tính thì “nhân diện tăng”, tăng để Điện thân được mạnh thêm.

Trí : để con người có thể hòa nhập vào vũ trụ bằng sự Sáng của Trí, Siêu Trí và Tuệ.

Sống bằng Đạo lý và mọi Lý có trong ba cõi giới của tiêu vũ trụ.

Nói đến Đạo, tức là nói đến năng lực nguyên thủy tiến hóa toàn diện mọi nhân tố trong sự sống và sức sống, trong đó có Thiên tánh sinh động, tức là có tánh của Trời Đất sinh động trong con người. Và nó được biểu lộ như thế nào?

- Khi Thiên tánh sinh động trong con người thì nhân tánh phải tuân theo, tha nhân vâng phục.

Khi nhân tánh sinh động thì muôn thú, thảo mộc phải chịu khuất phục.

Cũng vậy, về vật lý, nếu lực tiên thiên sinh động thì lực hậu thiên phải chịu ảnh hưởng của nó.

Nhưng con người phải sống, sinh hoạt hay tu luyện như thế nào, để cho Thiên tánh sinh động trong con người, hoặc để cho năng lực tiên thiên sinh động thường xuyên trong con người?

- Tất cả những gì thuộc về bản ngã không còn hoạt động nữa thì Thiên tánh mới sinh động.

Chẳng cần phải tu luyện, chỉ khi nào cái “Tôi” không còn nữa thì Thiên tánh xuất hiện ngay. Cũng như Tâm của cá nhân phải vâng phục Lương Tâm trong chính mình vậy, tức là, Tâm phải khuất phục trước sự thật. Nó sinh động trong Đạo lý. Mà đạo lý thì tồn tại đến vô tận, sinh động mãi mãi trong Lương Tâm của loài người.

Hay là, trong Đạo lý có sự thật, có sự toàn hảo cho đời sống tâm linh, tinh thần và luôn cả đời sống vật chất nữa.

Nói cách khác, là Thiên tánh tiềm ẩn sinh động trong Lương Tâm, trong sự thật. Và khi con người sống với sự chơn thật, thì từ đó phát sinh ra sự mẫu nhiệm.

Con người chưa thành thật với chính mình thì làm sao người khác tin tưởng được, và sinh linh thông cảm được.

Cho nên, việc tu luyện của đạo nhân, bước đầu tiên là phải thành thật với chính mình, và nó là nền tảng để tu tiến.

Nghĩa là, thành thật với chính mình, con người mới rõ thấu sự thật. Một sự chơn thật có từ Lương Tâm.

Nó linh thiêng và mẫu nhiệm. Những lời ước nguyện, cầu nguyện mới được đáp ứng (1).

Trái lại, nếu tư tưởng và lời nói không chơn thật, dù chẳng làm hại, làm tổn thương tha nhân, nó cũng là sự giả dối, hay một sự lừa dối.

Nếu nó được tiếp tục, sẽ có nhiều lời giả dối, lừa dối khác phải xảy ra, để những điều bịa đặt kế tiếp che đậy sự giả dối, lừa dối của sự không thật đầu tiên thành một sự thật.

Những lời giả dối để che đậy sự giả dối làm cho người đó trở nên giả dối, lừa dối trong một khoảng thời gian.

Để tránh điều này, con người phải xét mình thường xuyên, để trở nên thành thật. Và quan sát từng tư tưởng và lời nói, để con người luôn được chơn thật.

(1) Linh thiêng và mẫu nhiệm của tiểu vũ trụ cảm ứng với linh thiêng và mẫu nhiệm trong vũ trụ, từ đó phát sinh ra những hiện tượng kỳ lạ, mẫu nhiệm.

Hơn nữa, là sự chơn thật xóa tan tội lỗi. Tức là, “sống chơn thật thì tội lỗi không phát sinh”.

“Chủ động được sự thành thật” là “thiện hóa tư tưởng”, “siêu nhiên hóa đời sống”.

Từ đời sống siêu nhiên, đạo nhân nhận ra được có sự khác biệt về sự cao thượng trong nhân đức tính, và sự siêu việt trong chơn đức tính.

- Đức tính nào cũng thuộc tính chất siêu nhiên, nhưng nhân đức tính thì từ trong tâm hồn mà nảy sinh.

Chơn đức tính, từ tính chất siêu nhiên sẵn có trong vũ trụ, nhập vào siêu Trí, siêu Tâm của con người mà hình thành. Vì vậy, chơn đức tính có trong con người và sinh linh đều giống nhau do cùng một nguồn gốc phát sinh.

Nhờ ở tính chất siêu nhiên thuộc về nguồn gốc của vũ trụ, vì vậy chơn đức tính sinh động mãi, còn nhân đức tính của con người, có lúc còn, lúc mất. Điều này tùy thuộc vào cách sống của mỗi cá nhân.

Sự sinh động mãi và có giới hạn càng dễ nhận ra trong chính mình, đó là hiệu quả của nghệ thuật (đời sống tinh thần), và của Đạo lý (thuộc đời sống tâm linh).

Nghệ thuật cao làm vui tai, đẹp mắt con người. Cái Vui, Cái Hay, cái Đẹp làm nhẹ tâm hồn. Nhưng sự thanh thân đó chỉ kéo dài trong một thời gian ngắn.

Như vậy, tâm hồn nhẹ nhàng chưa phải là nhân tố chính để thiện hóa đời sống con người.

“Thiện hóa đời sống con người” là làm biến đổi hoàn toàn cách sống của con người theo hướng tốt, lành. Và con đường này chỉ có một, đó là Đạo lý.

Suy ra, chỉ có Đạo lý mới thiện hóa và thánh thiện hóa được tâm hồn và linh hồn con người, làm cho đời sống con người được An, Vui.

Tóm lại:

Nghệ thuật, dù có cao đến đâu, cũng chỉ làm cho tâm hồn con người được thanh thân, hoặc kích động tâm hồn con người trở nên linh hoạt hơn. (Như nghệ thuật âm nhạc, ngày xưa, làm thanh thân tâm hồn bằng giai điệu, hòa âm, hay và đẹp, ngày nay đa số bản nhạc kích động bằng tiết tấu rộn rã, tạo nhiều cảm giác tức thì, nhưng không có ấn tượng sâu.

Ngày trước, người làm việc bằng Trí, dùng âm nhạc nhẹ, êm dịu để thư giãn tâm hồn. Ngày nay, Trí nhớ, Trí suy nghĩ hoạt động gần như thường xuyên, nên Trí rất căng thẳng, lại tăng thêm tiếng động, nhiều decibel xung quanh môi trường, và nghe âm nhạc kích động, thì làm sao con người không bị stress?).

Còn Đạo lý, luôn luôn khơi dậy Lương Tâm con người. Và từ sự sinh động của Lương Tâm mà tâm hồn được thiện hóa, và linh hồn được thánh thiện hóa.

Người thường khó nhận ra sự hoạt động của linh hồn, nhưng với tâm hồn được thiện hóa, con người cảm nghiệm được từ những sinh hoạt tốt lành của

chính mình, tức là những gì liên quan đến Thiện Tâm. Đó là:

- Hễ có Thiện Tâm: thì có người giúp.
- Thiện Tâm khai mở: may mắn đến.
- Thiện, Ác lẫn lộn: con người có lúc Thiện, lúc Ác: may, rủi vẫn xảy ra.
- Còn Độc, Ác hiện rõ: người lánh xa. Cũng như, con người biết cạp, beo... nguy hiểm, nên con người không đến gần, và luôn đề phòng.

d. Cách ứng xử của đạo nhân

Đạo nhân là người đã trải qua Tu Luyện, Sống Đạo... thì sức mạnh dồn về đầu, não, nên sinh hoạt hoàn toàn biến đổi, mà một trong những đức tính nổi bật là sự can đảm.

Trong đức tính này gồm có sự chịu đựng, sự kiên nhẫn chịu đựng. Nhưng trong đó, có nhiều mức độ của sự chịu đựng, của sự can đảm.

- Sự chịu đựng đau đớn của thân thể, sự kiên nhẫn chịu đựng trong một thời gian.
- Sự chịu đựng đau đớn và sự khổ tâm. Sự chịu đựng trong sự kiên nhẫn của sự đau đớn và khổ tâm trong một thời gian.
- Sự chịu đựng đau đớn của thân thể, khổ tâm, và thông trí.

Đó là sự kiên nhẫn chịu đựng của ba loại đau: đau đớn, khổ, và thông, trong một thời gian.

Người ta hơn nhau ở sự can đảm trong một thời gian. Còn đạo nhân phải can đảm suốt cuộc đời để làm chủ được những đòi hỏi của bản ngã. Nhưng chính thực, “can đảm tuyệt đối của con người là làm tan biến bản ngã của chính mình”.

Cho nên nói rằng: “Trong Vô ngã, chẳng có một đức tính nào sinh động một cách đặc thù, nhưng nó có mọi đức tính sinh động một cách vô vi trong mọi thời gian”.

Trong đời sống, đạo nhân dùng tất cả các loại sức mạnh mà mình có được. Như:

- Sức mạnh của Thân: được biểu lộ bằng sức mạnh của cơ bắp. Chúng được dùng cho nhu cầu của chính mình.
- Sức mạnh tinh thần: biểu lộ bằng sức mạnh của tư tưởng, của đức tính, của sự thông minh. Chúng được dùng cho nhu cầu tiến hóa của chính mình, và của tha nhân trong sự thiện hóa.
- Sức mạnh tâm linh: biểu lộ bên ngoài bằng sự linh cảm bén nhạy, và sự tiên cảm. Nó cũng là cường độ của sự linh thiêng và màu nhiệm. Chúng được dùng cho tất cả tạo vật.

Cách dùng sức mạnh của các loại, phải tùy sự việc mà dùng, tùy tuổi tác, và đối tượng.

Việc của con người thì dùng sức mạnh của cơ bắp, sức mạnh tinh thần.

Việc của Trời, Đất, Người thì dùng sức mạnh tâm linh.

Trong mọi thời gian, đạo nhân luôn thực hành “Phước, Đức, Đạo”.

Với người thường, hiệu quả cũng dễ nhận ra.

Con người chỉ cần có một phước tính và thực hành một phước tính đó, thì “người đó đã là người có phước rồi”.

Chỉ cần có một đức tính và thực hành đức tính đó, “người đó đã là người có Đức rồi” (1).

Chỉ cần có một đạo tính, và thực hành đạo tính đó, “là người đó đã có Đạo rồi”. Và đắc được Đạo đó.

Sự ứng xử trong sự tiến hóa tha nhân

- Sinh hoạt giao tế giữa người với người, bằng Tâm hoặc bằng Trí, hay trong giao tế giữa cá nhân với cá nhân, hoặc với cộng đoàn, thì sinh hoạt thuộc về Tâm, hoặc Trí.

- Đạo nhân dùng Lương Tâm, dùng Tâm chơn không, Tánh hồn nhiên, siêu nhiên, hoặc Tánh của vũ trụ... để hóa giải tâm trạng nặng nề của phàm nhân. Và dùng những kỳ diệu, phi thường của các bộ phận trên mà tiến hóa họ.

Trong giao tế, mà sinh hoạt thuộc về lãnh vực của Trí:

- Đạo nhân dùng Trí thông minh nói về sự Thuận Lý, dùng siêu Trí nói về Chơn lý, và dùng Tuệ để truyền đạt Đạo lý..., thì kiến thức rộng lớn của ba cõi giới có thể hóa giải tính tự kiêu của phàm nhân, và sau đó tiến hóa họ.

Nghĩa là, nói cùng một kiến thức mà họ biết, tăng thêm sự kỳ bí, tính cách phi thường của kiến thức vũ trụ bao trùm, và tiềm ẩn trong những kiến thức của sự lưu truyền của phàm nhân.

(Sự lưu truyền kiến thức có nhiều loại và thuộc các đẳng cấp tiến hóa khác nhau:

- Sự di truyền (lưu truyền) kiến thức của Tâm, Trí phàm nhân.

- Sự lưu truyền kiến thức siêu nhiên của thánh nhân, đạo nhân... qua linh hồn, các loại thân nhẹ (Khí thân, Điện thân, Quang thân), qua siêu Trí, Tuệ v.v...).

Ứng xử của đạo nhân khi nhập thể, vẫn phải thấy ngôi vị, địa vị, thân phận của mỗi người để giao tế, ứng xử.

Khi có một sự việc cần phải nói thì chỉ nói những gì liên quan đến sự việc mà thôi, không nói đến người nghe (không có ý kiến liên quan đến người nghe). Vì nếu nói đến người nghe thì người nghe sẽ có phản ứng tâm lý. Từ đó nhiều chuyện sẽ xảy ra.

Tóm lại:

Nói những gì liên quan đến bản ngã người khác, ắt sẽ có chuyện xảy ra. Việc, thì chỉ nói đến việc, chẳng nói đến người.

(1) Một “đức tính gốc” của mọi đức tính, đó là Tình thương, còn được gọi là Đức Bi.

Tình thương từ Tâm con người là “Đức tính”.

Tình thương vô nguồn gốc thế gian là “Đạo tính”, còn được gọi là Đạo Bi.

“Chẳng nói đến ai cả thì Tâm mình đang ở tại Tâm mình, chẳng ở Tâm người, hoặc chẳng vương Tâm người”.

Với đạo nhân, việc đời tịnh khẩu, Đạo mở lời. Lời nói có hiệu quả cho mọi thời, là danh ngôn. Nó có giá trị cho muôn đời, vì nó là sự thật của mọi sự, mọi việc của loài người.

Sự việc chỉ xảy ra trong một khoảng thời gian, còn sự thật của sự việc thì tồn tại mãi.

Nhờ vào danh ngôn mà người ta biết được sự thật. Và muốn ứng dụng giá trị của sự thật, người ta cần phải ghi nhớ danh ngôn, đặc biệt là nó bao trùm Đạo lý.

Ứng xử trong sự tiến hóa tha nhân, lòng lúc nào cũng vui. Đó là niềm vui của người hay ban bố, dù dưới hình thức nào:

- Lòng vui, vì của cho ra, khi người nhận có lòng thích thú.
- Lòng vui, vì kiến thức cho ra, khi người nhận biết dùng.
- Lòng thấy hạnh phúc, vì đạo lý, đạo pháp cho ra..., khi người nhận thực hành và tiến hóa.

Đạo nhân hoàn toàn vô vi, nhưng với thiện nhân làm việc thiện, không phải lúc nào cho ra, mà lòng cũng được vui.

- Bồ thí của cải, có người nhận lấy, nhưng lòng chưa cam.
- Thầy giáo tốn công sức giảng dạy, cũng có học sinh vẫn bực bội, chẳng vui để học. Kiến thức đổ ra, chẳng người nhận.
- “Đạo”, dạy người cứu lấy sự sống của chính mình, nhưng không phải ai cũng muốn nghe, muốn thực hành.

Với đạo nhân, suốt đời gieo hạt Tình thương. Hạt Tình thương sinh hoa “Nhân, Nghĩa”. Rồi đến hoa “Nhân, Nghĩa” kết quả “Hạnh Phúc”. Do đó mà luôn sống trong An, Bình (1).

Chân sư

Chân sư không phải là một thầy có thiện tâm để truyền đạt những kinh nghiệm, kiến thức của một ngành nghề cho học sinh, hay cho đệ tử của mình.

Đây là “một bậc thầy chơn chính” đã trải qua sự Tu Luyện, Sống Đạo với Tình thương vô biên để tiến hóa sinh linh, con người, với tất cả những hiểu biết những gì có trong vũ trụ, qua sự cảm nhận của linh giác quan, trực giác quan và sự giác ngộ của Tuệ trong chơn Ngã.

(1) Người có thể sống đơn độc được nhiều ngày mà không cảm thấy cô đơn, mà lòng luôn An, Bình..., thì người này có thể Tu Luyện được.

Nếu “cảm thấy vui một mình trong sự cô độc” thì người này có thể ngộ Đạo được. Và sau đó có thể đắc Đạo. Con người trở nên thật thông minh: biết được tâm trạng của người khác, biết được sự diễn tiến của tâm trạng đó, và có thể hóa giải được tâm trạng đó.

Cũng có thể nói, khi một người chưa sống bằng chơn Ngã thì không thể là chân sư được.

Do đó mà sự hiểu biết của chân sư về Lý, là hiểu Đạo lý, Chơn lý và Thuận Lý, có nghĩa là kiến thức từ nguyên thủy đến mãi mãi.

- Tác phong của chơn Ngã: nghiêm trang, cao thượng, siêu việt và mẫu nhiệm.
- Thái độ từ tốn trong sự trao đổi về Đạo, Pháp...
- Giảng về Lý: người nghe dễ hiểu.
- Giảng về Pháp: người nghe nhận ra hiệu quả của Pháp mà mình công phu, ứng dụng trong sinh hoạt.

Có gì khác thường trong đời sống của chân sư?

- Sinh hoạt đời sống của chân sư thì cao thượng, siêu việt và mẫu nhiệm. Đó là nền tảng sinh hoạt của chơn Ngã.

Cao thượng: sự cao thượng của đức tính của vũ trụ vượt trên tình cảm cá nhân. Nếu là tình cảm thì đó là nhân tình (tình cảm của loài người trong con người) không có đặc thù cá nhân, nên tình cảm đó không sinh ra mâu thuẫn, tranh chấp.

Siêu việt: tính siêu việt trong tư tưởng làm cho bất cứ ai nghe cũng cảm nhận được tính này, vì nó có tính cách toàn diện của loài người, của sinh linh. Nó không có đặc thù của một phạm nhân, với những tư tưởng chỉ liên quan đến đời sống hữu hình, mà mọi người thường thấy, và suy nghĩ ra từ sự tương thu qua các giác quan.

Tư tưởng siêu việt xuất nguồn từ siêu Tâm, siêu Trí (linh hồn), từ Tuệ, từ vũ trụ.

Mẫu nhiệm: những điều, sự việc xảy ra không qua sự suy nghĩ, hay từ bàn tay của con người làm..., như sự giác ngộ Thiên Lý (thuộc về Tuệ), sự cảm ứng với sinh linh (thuộc về Điện thân, Khí thân, Quang thân... qua trực giác quan và linh giác quan).

Tóm lại:

Sự cao thượng, siêu việt và mẫu nhiệm chỉ ở đầu não con người liên quan đến các loại Trí, đến Trời và vũ trụ.

Liên quan đến Đất, đến Thân người, là tình cảm và cảm giác. Những gì thuộc về Tâm, Thân là thuộc về con người, về bản ngã.

Sinh hoạt của chân sư

Mọi sinh hoạt của chân sư đều có mục đích để tiến hóa sinh linh.

Lời nói: để chỉ, dạy.

Việc làm: là mẫu gương của sự Tốt, Đúng, Phải... để người đời bắt chước.

Đời sống biểu lộ Tình thương vô nguồn gốc thế gian, sự toàn diện, sự vô biên của vũ trụ. Tính cách chơn Ngã là ở chỗ vô biên, toàn diện, luôn luôn sinh động. “Chơn như, diệu hữu”, cũng ở tính toàn diện và vô biên, mà trong đó, sự sinh động bao trùm mọi sự sinh động có trong sự toàn diện đó.

“Cái vô biên của cái Không”, là “cái Không có” không gian và thời gian của vũ trụ, bao trùm mọi thời gian và không gian của những tạo vật cực to cho đến cực nhỏ có trong sự toàn diện và vô biên đó.

“Sự Hiểu, sự Biết” cũng vậy, nó bao trùm tất cả kiến thức đã có, hiện có và sẽ có của con người.

Tại sao vậy?

- Vì chơn Ngã là vũ trụ, vũ trụ cũng là chơn Ngã vậy.

Chân sư lấy gì để dạy?

- Nếu không “giác ngộ được Nguyên Lý của vũ trụ” thì chân sư chẳng có điều gì để nói, phương chi là dạy cho người khác.

Những sự Hiểu, Biết từ Nguyên Lý được giảng dạy, gọi là “Kinh”. Và tính cách chính thống của “Kinh” mới hướng dẫn con người đi đúng đường được.

Và phương pháp dạy cho người thực hành đúng, gọi là chánh pháp (dù đó là tiệm pháp hay đốn pháp), vì chân sư đã chứng nghiệm.

- Hai: là chân sư được Đấng tạo hóa mặc khải trực tiếp để mở Đạo. Lời nói ra từ sự mặc khải, gọi là “Kinh” và đó là “Chơn Kinh”.

[“Sự Hiểu” của đạo nhân từ nguồn sinh hóa của sự Sáng, cảm nghiệm từ sự sống, đạo tính của vũ trụ bao gồm:

- Sự tiến hóa toàn diện của Thân, Tâm, Trí, Tuệ, Tánh...

- Nhân sinh quan và vũ trụ quan: quan niệm về nhân văn tiến hóa đời sống tinh thần và tâm linh, tiến hóa những chức năng của Trí – là con đường vào vũ trụ. (Kỹ thuật và khoa học do con người làm ra, chỉ mở được Trí mà không thiện hóa được tâm hồn).

- Tình thương vô nguồn gốc thế gian: vượt qua quan niệm về tình thương có giới hạn trong bản ngã như, “đời ta muôn vạn đời nó”, hay còn giới hạn trong gia đình, trong huyết hệ, như “một giọt máu đào hơn ao nước lã”.

Với Tình thương bao la, vô nguồn gốc thế gian, cảm nghiệm trực tiếp từ Vô ngã, tha nhân không còn là nước lã nữa, mà tất cả đều là máu đào, và mọi tạo vật có sự sống đều được yêu thương.

Chú ý:

Con đường vào vũ trụ, đó là Trí; để có được sự hằng sống, cũng là Trí. Nó lấy năng lượng nguyên thủy, và tự tạo lấy năng lượng, không như thân thể con người, thu nạp dần dần năng lượng của tạo vật (mặt trời, mặt trăng, các tinh tú) của thực vật (dưới nhiều dạng) để lớn lên, rồi cũng phải chết.

Nhờ thể Sáng (sự Sáng) của Trí, một khi nó hòa nhập vào sự Sáng của vũ trụ, con người có tất cả những gì mà sự Sáng nguyên thủy chứa].

Chương VIII

CÁC PHƯƠNG PHÁP

- Giá trị lưu dụng**
- Thiền**
- Con đường giác ngộ**
- U minh trong sự Sáng**

CÁC PHƯƠNG PHÁP

Phương pháp, phương thức không phải là “cái tự có” mà do con người suy nghĩ, tìm ra và áp dụng.

Nhưng hiệu quả của sự áp dụng đem lại cho con người nhiều tiến bộ hơn là sự tiến hóa.

Sự tiến bộ liên quan đến hoạt động của con người. Còn tiến hóa gắn liền với sự sinh động vĩnh cửu của vũ trụ trong con người.

Rõ ràng, tiến bộ thuộc về hoạt động của con người. Và tiến hóa thuộc về sự sinh động của vũ trụ trong con người.

Hoạt động của con người phát sinh từ Thân, Tâm, Trí. Sự tiến bộ được bộc lộ ra từ bản năng, khả năng và tài năng.

Hay là, có sự tiến bộ của Thân, Tâm, Trí, nhờ vào hoạt động trong phương pháp áp dụng mà có sự tiến bộ trong bản năng, khả năng và tài năng..., đồng thời có sự tiến hóa trong sự tiến bộ, vì tài năng liên quan đến Trí, tức là liên quan đến sự Sáng (thể Sáng).

Sự tiến bộ không có tính cách vĩnh cửu, nó có thể ngưng lại, hoặc thoái hóa. Nhưng sự tiến hóa luôn vĩnh cửu, vì nó liên quan đến sự sinh động của thể Sáng trong con người, trong Trí (trong siêu Trí và Tuệ).

Hiệu quả tuyệt đối của một phương pháp hay “cách sống đồng bộ với sự sinh động của sự sống” trong vũ trụ chỉ liên quan đến sự Sáng, trong con người, là não bộ.

Tức là, phương pháp có hiệu quả tuyệt đối để vào cõi hằng sống, hay để đạt được sự hằng sống, đó là luyện tập ngay não bộ.

Chính xác hơn là luyện tập những bộ phận, chức năng có liên quan đến sự tăng trưởng của thể Sáng (sự Sáng), tức là luyện cái Trí vậy.

Khi sự Sáng của Trí càng hướng sâu vào trong thì cõi giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên sẽ được mở ra. Khi đó, khả năng của con người được mở rộng ra hai thể giới bên trong nữa, nếu sinh hoạt sinh động bên trong vô não. Hay là, chỉ còn lại não bộ hoạt động với sự Sáng và Điện, hay chỉ hoàn toàn với sự Sáng duy nhất.

Đây là sự tiến hóa của con người trong lãnh vực không gian và thời gian. Không gian mở rộng, thời gian kéo dài do sự sinh hoạt của những thể linh thiêng có năng lực mạnh hơn hết. Đó là sự Sáng.

Sự Sáng sinh động trong vũ trụ. Trong tiểu vũ trụ, nó sinh động ở Trí, trong não con người.

Bình thường, Trí con người sinh động, khi một trong những chức năng của nó hoạt động, hay là sự Sáng sinh động khi chức năng hoạt động. Nhưng sự hoạt động này không có tính cách liên tục, tức là có lúc hoạt động, có lúc ngưng. Sự Sáng theo đó, có lúc sinh động, có lúc ngưng.

Đến khi nào sự Sáng trong Trí (trong não) sinh động mãi mãi thì sự Sáng trong não đồng bản chất, bản tính và tính năng của vũ trụ, khi đó sự Sáng của con người mới thật sự hằng sống (1).

Trong con người, chức năng nào của Trí có khả năng tạo nên sự sinh động mãi mãi?

- Có ba bộ phận của Trí tạo nên sự sinh động mãi mãi là Trí thông minh, Trí suy nghĩ và Trí nhớ.

Ba bộ phận (hay chức năng) này tạo nên sự sinh động mãi mãi của Trí bằng hai trạng thái “Tĩnh và Động”.

Hai trạng thái này được con người thực hiện bằng vô số phương pháp và phương thức dựa trên sự vận dụng của những bộ phận vô hình và các loại năng lực (tiên thiên và hậu thiên) có trong con người.

Sự sinh động của sự Sáng trong hai trạng thái “Động và Tĩnh” thuộc về ba bộ phận của Trí đều có thể đưa đến sự sinh động vĩnh viễn, nhưng thời gian của kết quả thì có nhanh, có chậm.

- Phương pháp dùng trạng thái Tĩnh (của Tâm) để Trí thông minh sinh động (Trí nhớ, Trí suy nghĩ ngưng động).

- Phương pháp dùng trạng thái “Động” của Trí suy nghĩ:

Dùng đối tượng vô hình để suy nghĩ. Nếu dùng đối tượng hữu hình để suy nghĩ thì sự Sáng của Trí sẽ hao tán.

- Phương thức: tụng niệm... bằng Trí nhớ, bằng cách lặp đi, lặp lại miên man một nhóm từ. Chúng được gọi lại liên tục. Động tác này làm cho sự Sáng của Trí sinh động, và dần dần trở thành sự sinh động vĩnh viễn của sự Sáng, mà không còn sự can dự của chức năng nữa.

Hiệu quả nhanh chậm trong sự vận dụng mỗi loại bộ phận (chức năng) của Trí để tạo nên tính vĩnh cửu của sự Sáng như sau:

Trí thông minh: cực nhanh

Trí suy nghĩ : tương đối nhanh

Trí nhớ : lâu

Tại sao sự vận dụng Trí thông minh lại đạt đến sự sinh động vĩnh cửu cực nhanh?

(1) Hiện tượng biểu lộ “sự hằng sống của Trí” của sự Sáng trong tiểu vũ trụ, là người này không còn ngủ nữa, tức là tỉnh thức. Hiểu mãi, và tiếp tục hiểu. Đó là Tuệ sinh động, cũng là sự sinh động mãi mãi của sự Sáng từ con người.

- Vì Trí thông minh tổng chứa năng lực của sự Sáng được cung cấp từ Trí quan sát, Trí nhớ và Trí suy nghĩ.

Vì trong Trí thông minh chỉ còn là năng lực thuần túy của sự Sáng mà không còn một hình ảnh nào cả, dù dưới dạng dữ kiện.

Tại sao, dùng Trí nhớ để đạt đến sự sinh động vĩnh cửu lại lâu?

- Vì khi nhớ lại, còn có đối tượng để nhớ. Dùng đối tượng vô hình, như một nhóm từ để xóa đi những hình ảnh, ký ức khác, trong đó có cả các Nghiệp, có từ nhiều đời trước. Chúng là những sức sống phải tan biến đi thì sự sống mới sinh động được.

Do đó, phương thức này đòi hỏi một thời gian thực hành lâu dài.

Tóm lại:

Sự nhanh, chậm trong sự vận dụng những chức năng khác nhau của Trí tuy có, nhưng nó vẫn nhanh hơn các phương pháp, phương thức luyện các lực hậu thiên (Khí, Huyết).

Vận dụng các chức năng của Trí đều là phương pháp tiến nhanh, gọi là đốn pháp. Nó thay đổi từ nguồn gốc chuyển hóa.

Ngược lại đốn pháp, là tiệm pháp – là phương pháp tiến chậm, tuần tự theo cấp bậc, liên quan đến Luyện.

Luyện bản chất: bản chất mà biến đổi thì bản tính và tính năng cũng biến đổi theo.

Phương pháp tiến nhanh:

Sửa đổi từ bản tính, tính năng trước thì bản chất cũng tự biến đổi.

Như, Tu Tâm, Trí thì Thân cũng biến đổi. Cho nên, đốn pháp: thay đổi từ nguồn gốc chuyển hóa.

1. Mức tiến hóa của Tâm, Trí con người qua các phương pháp, phương thức (trong tôn giáo, Đạo...)

Những phương tiện trên tiến hóa Tâm, Trí con người có nhanh, chậm, và dễ và khó:

Triết lý : - Thiện hóa Tâm người bằng đức tính khai sáng Trí con người bằng sự thật trong Lý.

Chánh Đạo: - Thiện hóa Tâm, Trí con người
- Thánh thiện hóa Tâm, Trí con người (Tâm, Trí được xóa bỏ mọi sự việc của thế gian. Phương pháp này, ít người thực hiện được).

Chơn Đạo : - Thiện hóa Tâm, Trí con người.
- Thánh thiện hóa linh hồn, Tâm hồn bằng Đạo Bi (phương pháp này nhiều người thực hiện được).
- Linh hồn thánh thiện cảm ứng được với Đấng tạo hóa và được soi sáng.

(Đạo: dạy con người sống bằng Đạo lý, nhưng trong đó liên quan đến năng lực, như đức tính và đạo tính cường hóa được Khí thân, Điện thân.

Tính cách dinh dưỡng Khí thân, Điện thân bằng đức tính, đạo tính chẳng khác nào ngành Y. Nhưng đây chẳng còn là “y thuật” (trừ bệnh), “y lý” (ngừa bệnh bằng cách cường hóa Âm Dương và Ngũ hành, tức là cường hóa nội lực), mà là “y đạo”, hay là phương pháp nuôi dưỡng “sự sống”.

Cho nên, bất cứ phương pháp, phương thức nào mà có hiệu quả nuôi được sự sống, thì đó thuộc về Đạo vậy).

Mức tiến hóa của Tâm, Trí con người còn dựa trên sự cảm ứng liên tục hay gián đoạn với năng lượng vũ trụ.

Khi con người cảm ứng được với thế giới siêu siêu nhiên thì đời sống tâm linh giác ngộ được Nguyên Lý. Nếu sự cảm ứng này được liên tục thì đời sống tâm linh, tinh thần, vật chất đã trở nên “Một”. Ba cõi giới trong con người cũng trở nên “Một”.

Về vật lý, sự Sáng của Trí (Trí, siêu Trí, Tuệ) đã hòa nhập vào nhau.

Người bình thường, Trí hướng ra ngoại cảnh hữu hình, chưa thể nhận ra, hoặc tin vào hiệu quả của đốn pháp.

Đốn pháp, để có được Đạo ngã, chơn Ngã, là đưa bản chất của ý thức, là sự Sáng thâm nhập vào cõi giới siêu nhiên (người ta gọi là tiềm thức) và vào cõi giới vô thức (cõi giới siêu siêu nhiên sinh động bằng thể Sáng). Nhờ đó mà “đạo nhân”, “chơn giác nhân” ý thức được 3 cõi giới và 3 thể giới.

Nghĩa là, khi sự Sáng của Trí thâm nhập vào cõi giới siêu nhiên (thuộc tiềm thức) thì ý thức của Trí hòa nhập vào cõi giới đó mà trở nên siêu Ý thức. (Đối với Trí thường, nó thuộc về tiềm thức, nhưng với siêu Trí, thì tiềm thức không còn nữa, mà đó là siêu Ý thức).

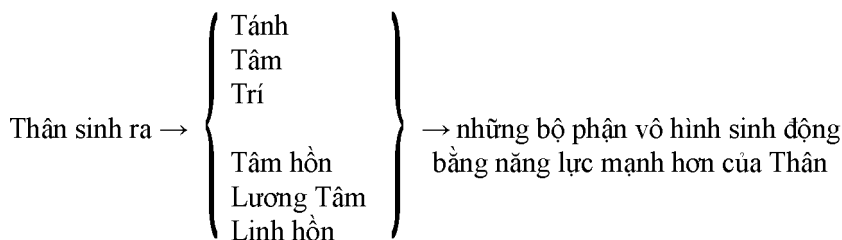
Với cõi giới siêu siêu nhiên cũng vậy, khi Trí thâm nhập vào cõi giới này, không còn là vô thức nữa, mà đó là siêu siêu Ý thức.

Bản chất của ba loại ý thức đó cũng là sự Sáng (1).

2. Có bao nhiêu phương pháp để luyện các bộ phận hữu hình và vô hình

Do luật chuyển hóa để tiến hóa vào cõi siêu nhiên và siêu siêu nhiên, từ Thân hữu hình sinh ra những bộ phận vô hình là Tánh, Tâm, Trí, tâm hồn, Lương Tâm, linh hồn v.v...

(1) Vì sự Sáng của Trí chưa thâm nhập được vào cõi giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên nên con người còn phân ra tiềm thức và vô thức. Nhưng nếu ý thức của con người hoạt động, sinh động được trong hai cõi giới đó thì tất cả đều là ý thức. Cũng như khi con người có mộng, siêu kiến..., Trí chuyển sang siêu Trí, và loại Trí này hoạt động bằng siêu Ý thức, không còn gì thuộc về tiềm thức cả.



Có bao nhiêu phương pháp tập luyện những bộ phận này?

- Có rất nhiều phương pháp như:

Tập Thân : lấy Trí điều khiển.

Tập Tâm : lấy “Trí quan sát” và điều khiển.

Tập Trí : lấy chức năng của Trí quan sát (hay chức năng quan sát của Trí) mà điều khiển.

Tìm Lý : Trí suy nghĩ tìm ra Lý.

Lý ở đâu : Lý, do Thiên Lý cung cấp sinh động trong sự Sáng của vũ trụ.

Tập Tâm hồn: lấy Lương Tâm quan sát, điều khiển.

Lương Tâm : Lương Tâm do Thiên Tuệ, Thiên Tánh tác động, và soi sáng.

(Đạo có trong Lương Tâm. Và Lương Tâm mới cải thiện được tâm hồn.

Lương Tâm sinh động mãi, con người giác ngộ được Đạo).

Tập Linh hồn: lấy đức tin mà nuôi dưỡng, hay là lấy sự Sáng của vũ trụ trong não mà nuôi dưỡng.

Ngoài các phương pháp, phương thức để luyện tập..., còn có một hình thức khác là thực hành Đạo lý ngay trong đời sống, chẳng cần đến tu luyện.

Dùng ngay não mà thực hành, trong đó vừa có tu, vừa có luyện cùng lúc.

Trong mọi thời gian, nơi nào cũng thực hành được, tức là luyện ngay thể Sáng của não với hai đối tượng vô hình, nhưng rất sinh động là Tình thương và Đức tin.

Hai yếu tố này được sinh động mãi trong não, trong Trí, thì sự Sáng tăng. Sự sinh động này được thực hiện trong mọi trạng thái, hoàn cảnh, môi trường... “Động hay Tĩnh” đều thực hành được.

(Tình thương này bao gồm hai loại: Đạo Bi và Đức Bi.

Đạo Bi có từ Thiên Tuệ, Thiên Tánh. Nó có trước khi tạo vật được tạo ra.

Đức Bi có sau khi có nhân loại. Tức là nó được tạo nên từ đối tượng, hay là có đối tượng, hay là có đối tượng rồi mới có Đức Bi).

Tóm tắt về tiêm pháp và đón pháp:

Tiêm pháp:

- Là phương pháp chậm. Từ hiện tượng, hiệu quả đi tìm nguyên nhân.
- Phương pháp này dùng giác quan để mở Trí khôn.
- Luyện những bộ phận chứa đựng năng lực hậu thiên để ảnh hưởng đến năng lực tiên thiên. Vì năng lực tiên thiên tiềm ẩn trong năng lực hậu thiên.

Đón pháp:

- Luyện những bộ phận vô hình chứa đựng năng lực tiên thiên.
 - Chẳng Tu, chẳng Luyện, nhưng “Hành có hiệu quả là đắc Đạo”.
- “Hành có hiệu quả” là nhờ ở sự nhận định đúng quan niệm sống, không còn bần ngã. Hay đã trải qua sự Cực lạc trong đại định, hoặc đã giác ngộ được Nguyên lý của Vũ trụ.

- Phương pháp nhanh và duy nhất để rõ được Lý, cảm nghiệm được nguyên nhân và nguyên lực tác tạo, là dùng Trí não...
- Vô cảnh giới trong cõi hữu hình: xuất thế. Tâm, Trí siêu thoát.
- Vô cảnh giới, vô cõi giới: vô cảm giác, vô tâm trạng, vô tư tưởng, sự Sáng của Tuệ hòa nhập vào sự Sáng của vũ trụ.

Đây là phương pháp tạo nên năng lực tự tạo. Đó là: mọi sự tập trung của sự Sáng đều tạo thêm năng lượng, năng lực cho nó, đặc biệt là sự tập trung vào một đối tượng vô hình.

GIÁ TRỊ LƯU DỤNG

Những phương pháp, phương thức được lưu dụng đến ngày nay, tất phải có giá trị của nó.

Sự tồn tại của chúng kéo dài từ nhiều ngàn năm, và hiệu quả áp dụng ngày càng nhanh, và dễ thực hiện cho đa số, nhờ vào khoa học bắt đầu đưa vào lãnh vực siêu nhiên, và y học tiên tiến.

Những phương pháp, phương thức dùng để con người phát triển đời sống tâm linh là: tụng, niệm, công án, Thiền (1), cầu nguyện v.v...

Những từ trên đây bao gồm cả phương thức và phương pháp.

Phương thức để dùng cho đa số. Nó chỉ cần một phương tiện thì người có Trí có thể dùng được, với nhiều hình thức như: kinh, kệ, chú v.v... Và con người áp dụng vào tụng, niệm, đọc v.v...

Việc thực hiện những phương thức không đòi hỏi một công phu liên tục, và sự hiểu biết rộng về nhiều lãnh vực như trong phương pháp. Nhưng hiệu quả của nó cũng có những đổi thay lớn trong đời sống, liên quan đến năng lượng, tâm lý, sinh lý, đến cả sự phát triển ba yếu tố Thân, Tâm, Trí v.v... cả luôn quan niệm sống nữa.

Các phương thức đều dùng đến chức năng của Trí, nhưng với chức năng khác nhau, và với hiệu quả làm tăng sự Sáng ít hay nhiều của mỗi chức năng được vận dụng trong đó.

Nhưng tất cả đều hướng cái nhìn vào một đối tượng, bên ngoài, hoặc bên trong và sự Sáng không bị phân tán, vì đối tượng có tính cố định. Như:

Tụng

Tụng kinh (2): là đọc nhịp nhàng câu kinh quá dài, không nhớ hết.

Tụng: vận dụng Trí quan sát, với hai chức năng quan sát của Trí: là nhìn vào các từ và phát âm (tức là vận dụng mắt, và miệng).

(1) Có nhiều phương pháp từ nhiều ngàn năm qua, để con người cảm ứng với năng lượng tiên thiên bằng sự Sáng của Trí, với nhiều danh từ như: tọa vong, tĩnh tâm, linh thao, cùng với nhiều từ của các dân tộc xa xưa đã trải qua kinh nghiệm tâm linh mà di tích còn tồn tại, được coi là kỳ quan tâm linh.

Nay, dùng từ “Thiền”, là từ phổ thông, để tiêu biểu các phương pháp, các từ chuyên môn để phát triển đời sống tâm linh.

(2) Tụng kinh do nhiều nguyên nhân, người tụng muốn hóa giải phiền não, hoặc có ý nguyện hướng phước đức cho thân nhân, tha nhân v.v...

Sự tập trung của Trí vào đối tượng với Tâm, không có tâm trạng. Sự Sáng của Trí sinh động, tăng cường độ, hay là sự Sáng của Trí tăng.

Hiệu quả trực tiếp của tụng với sự chơn không của Tâm đưa đến sự đổi thay trong đời sống.

“Tâm chơn không” tương đồng như sự trong lành của bầu khí quyển, trong đó không có sự dao động của Khí, Thủy, nên ánh sáng chan hòa, và mọi vật hưởng được Chơn Phước.

Chơn Phước hiện thực ở Thân con người thì thân thể không có bệnh, tật. Nếu thân thể không có bệnh do Khí, Huyết sinh ra thì người đó đã hưởng được Chơn Phước. Cuộc sống luôn gặp may mắn.

Cho nên nói rằng: “Với Tâm chơn không trong Tụng (1) cũng tạo nên Chơn Phước”.

Hiệu quả của Tu Tâm là xóa bỏ thú tánh để nhân tánh sinh động. Nhưng ở Tụng, một thời gian lâu, bản ngã không giao tiếp với tha nhân nhiều, dần dần thú tánh cũng mất (tức là sự hung, dữ, độc, ác được thay thế bằng nhân tánh), tình cảm nhẹ nhàng được biểu lộ ra, làm người nghe rung động ở tâm hồn.

Hơn nữa, tâm hồn trở nên cao thượng, bằng sinh hoạt của đức tính (2).

Đời sống của con người thường luôn sống bằng hai thái cực của tình cảm là: Thương và ghét.

Người hướng vào đời sống tâm linh, ở mức thấp, như Tụng (hay đọc kinh), tâm trạng cũng bớt dần sự ghét, hoặc không còn nữa. Sau đó chuyển sang Tình thương, tánh vị kỷ không còn, nên con người có một thái độ khác.

Đó là thái độ hòa nhã và từ tốn. Chúng là dấu hiệu bên ngoài của đức tính Nhân ái. Thái độ này không bộc lộ rõ rệt cái Tôi, vì vậy người này hiểu được người, thấy được mình, dễ đi đến sự thông cảm.

Nếu có dịp thực hiện lòng bác ái, người này cảm thấy vui trong Nhân, Nghĩa, lòng luôn An, vì trong Nhân, Nghĩa, chẳng có sự hơn thua. Nó khác với cái Vui kim tiền, luôn bất an, vì lòng chỉ lo nghĩ đến mất mát.

(1) Tâm chơn không là ngũ tạng khí không dao động, Khí thân được hình thành. Người tụng kinh lâu năm, đôi khi cũng có linh cảm và có siêu kiến, tùy theo điều kiện tâm lý và sinh lý, nhờ vào phương tiện tạo năng lượng: là kinh.

(2) Vai trò của giáo dục tâm lý, là hướng thú tánh về nhân tánh, bỏ sự nặng nề của tình cảm như bực, giận. Vì giận sinh ra Dữ, Độc, Ác.

Từ nhân tánh mà giáo dục con cái, cũng không có sự khiển trách, trách mắng. Đó là vừa hình thức xét đoán vừa là hình phạt. Nó không phải là cách giáo dục hữu hiệu. Sự ấu trĩ của Trí khôn cần được giáo dục hơn là khiển trách hay trách mắng.

Niệm

Có hai cách:

- Đọc lâm râm trong miệng.
- Đọc bằng tư tưởng, có phát âm trong Trí, nhưng không phát thanh bằng miệng.

Phương thức này liên quan đến sự vận dụng của Trí nhớ, tức là sự Sáng sinh động ngay trong não, không tỏa ra ngoài như Trí quan sát bằng giác quan.

Đây là sự phối hợp sinh động của 2 thể Điện và sự Sáng.

Nó đưa ý thức con người vào cõi siêu nhiên. Ở tuổi thơ, khi Trí nhớ con người hoạt động nhiều thì chiêm bao (1) mới có. Và siêu Trí bắt đầu hoạt động.

Trong đời sống tâm linh, sự phát triển về năng lượng, là điều cần thiết cho sự tiến hóa. Vì vậy “niệm” có hiệu năng cao hơn “Tụng”. Tâm lý không bị chi phối bởi ngoại cảnh. Tâm luôn luôn được chơn không, nếu con người niệm bằng tư tưởng và hai giác quan (tai và mắt) được đóng lại. Nói cách khác, là tâm hồn không còn dao động nữa, nên linh hồn bắt đầu hoạt động.

“Niệm” một nhóm từ liên lũy, miên man, năng lượng tiên thiên ở đầu, não, tăng lên cho đến khi Trí không còn nhớ rõ đến các từ nữa, tức là chức năng nhớ không còn ý thức về sự nhớ nữa. Lúc đó chỉ còn lại sự Sáng sinh động mà thôi. Nếu được tiếp tục lâu, sự Sáng tăng lên để có thể bức xạ và giác ngộ được.

Dấu hiệu bên ngoài để nhận ra cường độ của nhân điện và sự Sáng, là vòng hào quang lớn bao quanh đầu.

Từ trường của năng lực tiên thiên là vòng hào quang, càng lớn thì linh cảm và tiên cảm càng nhiều.

Niệm bằng tư tưởng đưa sinh hoạt con người vào thực tại.

Và thực tại xóa nghiệp của quá khứ.

Phương thức này được đa số người dùng và cảm nhận được hiệu quả của nó, qua sự đổi thay của tâm địa, tâm hồn mình.

Hiệu quả của niệm là “âm” của các từ được nghe từ trong tâm hồn. Và ý nghĩa của các từ làm đổi thay tâm địa, làm mất tâm trạng.

Nếu tâm địa con người được đổi thay, trở nên bình an, trở nên Thiện, thì đời sống con người cũng được Thiện hóa, may mắn. Hay là “Đức, đổi thay vận Phước, Họa” của con người từ bên trong, bằng ý nghĩa của các từ.

Đây cũng là “lời và ý của các từ” tỏa ra từ Trí nhớ đi trực tiếp vào Tâm. Và

(1) Trong giấc chiêm bao, vỏ não ngưng hoạt động, thể Sáng và nhân điện sinh động. Trí ngưng động và chuyển sang siêu Trí, nhưng con người chưa chủ động điều khiển được.

tâm địa được “Thiền hóa và linh thiêng hóa” do sự sinh động của sự Sáng và Điện ngay trong não (cũng là năng lực tiên thiên được vận dụng để chế ngự ảnh hưởng của năng lực hậu thiên ở dạng sinh lý và tâm lý).

Cầu Nguyện

Cầu nguyện là nài xin cho được toại ý nguyện của mình.

Nếu sự cầu nguyện không thuộc hẳn về sự tiến hóa tâm linh thì sự cầu nguyện khởi nguồn từ những việc, những điều gì mà sức người (khả năng, tài năng) không làm được, và phương thế cuối cùng để con người dùng là cầu nguyện.

Như Thiên tai, Địa ách, những gì mang đến sự khùng khiếp cho đa số, mà khả năng và tài năng con người không thể làm cho mình thoát hiểm được, thì phương thế sau hết, là cầu nguyện.

Về phương diện cá nhân, con người thấy không đủ khả năng để chu toàn một trọng trách nào đó, vì còn thấy yếu kém, sợ sa ngã, đam mê... cũng phải cần đến cầu nguyện.

Tóm lại, vì vô số nguyên nhân, tất cả đều do khả năng và tài năng không cân bằng được với sự thực hiện, với ý muốn.

Từ đó, xuất sinh ra đức tin. Và từ đức tin này, mà có sự cầu nguyện.

Nhiều người cầu nguyện, nhưng có người có được kết quả, người khác lại không. Điều này liên quan đến nơi cầu nguyện (ngoài hay trong con người), thời gian cầu nguyện, và lấy gì để cầu nguyện cho có kết quả.

Nhưng nơi con người thường đến để cầu nguyện, là miếu, đền chùa, nhà thờ v.v... và những nơi thanh vắng, linh thiêng, và đặc biệt, là ở ngay chính mình (1).

Trừ ra một tha lực tác động vào vật chất mà có sự mâu nhiệm, hay có chuyện lạ thường xảy ra. Bình thường thì lâu nay, hình tượng và đền thờ do con người tạo ra. Dù được làm bằng vật liệu nào, tự nó không thể trở thành linh thiêng được, mà do lòng người.

Như vậy, Tâm, Trí con người mới là linh thiêng. (Thần, Tiên, Phật, Thánh mà con người tôn thờ vì tánh linh, nhưng chính các vị này đã có sự linh thiêng trước khi trở nên những ngôi vị đó).

Với lòng tin, sự linh thiêng của Tâm, Trí con người hướng vào một đối tượng nào, thì vật đó, đối tượng đó, trở nên linh thiêng.

Và từ sự linh thiêng đó, sinh linh (hay vị Thần, Thánh v.v...) mà lòng người hướng vào đó, mới có thể nhập vào, và từ đó thực hiện sự mâu nhiệm.

(1) Do cường độ đức tin trong sự cầu nguyện mới trở thành mâu nhiệm.

Cường độ đức tin tương quan với kết quả của sự mâu nhiệm. Đây là con người lấy linh hồn mà cầu nguyện, tư tưởng là Điện và sự Sáng mới toát ra, vào thế giới siêu nhiên, qua sự cảm ứng, mà lời cầu nguyện trở nên hiện thực.

“Tâm, Trí mình”, “lòng mình” linh thiêng mà chính mình lại không biết. Những người đã biết, họ liền thăng hoa nó, phát triển sự linh thiêng.

Nơi thờ phượng là chốn trang nghiêm, càng sạch, càng trang nghiêm càng tốt. Nếu dể bụi bặm bám vào, làm nó mất đi sự trang nghiêm, hoặc giả Thân, hay tâm hồn ô uế, người ta sẽ làm mất sự linh thiêng của những nơi đó.

Tâm là nơi linh thiêng, nếu dể tâm trạng hèn hạ, bần thiêu, độc ác sinh động, thì sự linh thiêng làm sao có được.

Vì vậy mà con người phải ăn năn, thống hối, và sau đó cầu nguyện, niệm danh xưng liên lũy... để phục hồi tánh linh.

Đây là phương thức muốn tiến hóa chính mình vậy. Và đó cũng là phương tiện tạo nên ý chí trong đời sống tâm linh.

Ý chí có trong đời sống vật chất và tinh thần đi đến sự tạo nên bản ngã.

Ý chí thành đạt, tốt và bổ ích, tạo nên hy vọng. Không tốt và độc hại, nếu không thành đạt, nó tạo nên sự thất vọng.

Trái lại “ý chí trong đời sống tâm linh”, nó toàn hảo. Nó tạo nên sự kiên nhẫn trong sự tiến hóa.

Tóm lại:

Cầu nguyện là một hành động vô hại, nhưng làm cho tâm hồn con người được trang nghiêm, khi nó trong trạng thái hướng thượng. Nhưng đạt đến mức trang nghiêm và linh thiêng, khi nào linh hồn đang cầu nguyện.

Công Án

Công án là một phương pháp vận dụng chức năng suy nghĩ của Trí hoạt động không ngưng nghỉ, cho đến khi sự Sáng của Trí đủ sức bức xạ để trở thành “sự Sáng hằng sinh động” của vũ trụ.

Nó dùng một đề tài vô hình (như sự chết, sự sống v.v...) để suy nghĩ mà không cần đáp số, cũng không nhắm vào sự phát triển về kiến thức, cũng chẳng phải sự suy luận, biện luận như trong một luận án.

Mục đích của nó là khởi động Trí suy nghĩ và để cho sự suy nghĩ hoạt động liên tục, để tăng sự Sáng (thể Sáng), tức là từ sự suy nghĩ hoạt động mãi, cho đến khi chức năng Hiểu hoạt động.

Khi chức năng Hiểu hoạt động một cách tự động thì đề tài dùng để suy nghĩ không còn cần thiết nữa. Và con người đã giác ngộ, tức là, sự Hiểu hoạt động liên tục mà không cần đến sự suy nghĩ nữa.

Về vật lý, “Hiểu” là một năng lượng, năng lực, có sự sống bằng với sự sống (sự Sáng) của vũ trụ. Trong sự sống nguyên thủy chứa đựng Nguyên Lý. Do đó, “giác ngộ” là hiểu được Nguyên Lý do hai sự Sáng của tiểu vũ trụ và đại vũ trụ hòa nhập vào nhau.

Hiệu quả thành đạt mục tiêu của phương pháp này nhanh. Nhưng không phải người nào cũng đủ điều kiện, đủ khả năng để thực hiện.

Về phương diện sinh lý, người thực hành phương pháp này phải có khả năng suy nghĩ liên tục nhiều ngày (1), với sự ngưng hoạt động của vỏ não. Phải nói rằng, không phải người nào suy nghĩ lâu được, để có thể thực hành phương pháp công án. Cũng vậy, không phải bất cứ là phi công nào, cũng có thể trở thành phi hành gia vũ trụ được.

Chức năng suy nghĩ tạo nhiều sự Sáng cho Trí thông minh nhanh hơn chức năng nhớ và quan sát.

Càng suy nghĩ, sự Sáng càng động, và động mãi cho đến cực tĩnh, thì “sức sống của nó trở thành sự sống”, hay là “sức sống của nó bằng với sự sống”. Nghĩa là, nó từ sự sinh động của Âm Dương trở về Thái cực, tức là, Trí trở về nguồn sinh hóa bằng sự cực động của chức năng suy nghĩ.

(1) Sự vận dụng chức năng suy nghĩ không thể tĩnh bằng giờ như trong các ván cờ, trong thời gian đó, Trí còn hướng ra ngoài. Trong công án, sự Sáng của Trí chỉ sinh động ngay trong não. Sự Sáng tăng cực nhanh, nhờ vào vỏ não ngưng tiếp nhận các tín hiệu bên ngoài. Trái lại, nếu vỏ não không ngưng, Trí suy nghĩ trong nhiều ngày, mắt sẽ bị lòa.

a. Tư tưởng do sự Sáng Dương và Âm sinh hóa

Sự sinh hóa của tư tưởng liên quan đến chức năng suy nghĩ và công án, cần được biết thêm là:

Sự Sáng Dương và Âm hòa hợp sinh động, chúng sinh hóa ra tư tưởng, trong tư tưởng đó vẫn có nguyên động lực (của sự Sáng) sinh động, và thêm vào đó, là động lực của tư tưởng.

Sự Sáng sinh hóa, đồng thời nó cũng chuyển hóa. Cho nên, sinh hóa mãi, tức là chuyển hóa mãi. Nhưng năng lực không hao tán ra ngoài, vì không có cảm tính, không có tâm trạng dao động liên quan đến Thân, Tâm.

Do sự chuyển hóa này mà sự Sáng của Trí bức xạ thành Tuệ. (Đây là phương pháp cực động đến hóa ra cực tĩnh trong công án).

Nếu dùng sai, tức là có sự hao tán của sự Sáng ra ngoài bằng cảm tính, tâm trạng, thì sẽ mau già. Nếu hao tán nặng thì nhân diện kém, làm cho đời sống tinh thần và tâm linh suy nhược.

Trái lại, nếu dùng đúng, hiệu quả lại khác. Trí suy nghĩ, bản tính của nó đã là sinh động rồi. Sự sinh động này không có sự can dự của Trí quan sát và Trí nhớ (1), thì sự Sáng cũng tăng.

Suy nghĩ một đề tài vô hình, vô nguồn gốc thế gian, cũng là quan sát một vật vô hình. Lúc đó, Trí suy nghĩ cũng là Trí quan sát. Sự Sáng thuần túy sinh động, tự xúc tác lấy chính nó. Sự sinh động trong trạng thái ổn định tăng dần, làm cho sự cực sinh động biến thành cực tĩnh và bức xạ.

b. Định luật vật lý trong sự suy nghĩ

Sự suy nghĩ có hiệu quả cao, khi sự Sáng tập trung vào một không gian cực nhỏ.

Tập trung sự Sáng vào một không gian cực nhỏ thì mức sáng suốt càng tăng. Cường độ của sự sáng suốt cao, Trí mới thông Lý được.

Bình thường thì sự Sáng của Trí tỏa ra Thân, Tâm, hay là, tỏa ra ở những chức năng của giác quan. Nó tỏa ra một không gian rộng lớn, cường độ của sự sáng suốt giảm, lý luận không được sắc bén.

Cao hơn bình thường, trong giấc mộng, sự sáng suốt tăng, lý luận của siêu Trí sắc bén, do ở sự thu hẹp không gian.

(1) Trí nhớ: một bộ phận vô hình vừa có ích, vừa có hại, là nó gây ra sự trở ngại cho đời sống tâm linh.

Có ích: Trí nhớ tốt, là nhớ nhanh, nhớ lâu tạo cho Trí suy nghĩ nhanh, Trí thông minh tiến hóa nhanh.

Có hại: Trí nhớ có sự can dự của Tâm (những tâm trạng nặng nề: giận, lo, sợ, buồn) xuất hiện làm cản trở sự bức xạ.

Định luật vật lý: khi một năng lực tỏa ra một không gian rộng lớn, cường độ của nó giảm. Và khi năng lực đó tụ vào một không gian cực nhỏ, cường độ của nó tăng.

Nếu là sự Sáng thì sự Sáng tập trung tăng lên mãi để phát sinh ra một hiện tượng là bức xạ và thông được Lý nhờ sự sáng suốt.

THIÊN

Có rất nhiều phương pháp dùng để phát triển những khả năng siêu nhiên trong con người mà người ta đã dùng nhiều danh từ. Mục đích giống nhau, nhưng danh từ thì nhiều, nay ta dùng một từ rất phổ thông, là Thiên.

1. Mục đích của Thiên

Mục đích của Thiên bao gồm nhiều mục tiêu mà mỗi hành giả nhắm tới. Như:

- Để cho sự Sáng của Trí bức xạ, và đặc nhập vào sự Sáng của vũ trụ.
- Làm ngưng tất cả sức sống trong con người để sự sống trong đó được bộc lộ ra.
- Làm ngưng tất cả những chức năng của Thân, Tâm, Trí, để cho sự Sáng (sự sống) tiềm ẩn trong Huyết, Khí, Điện... tụ về não. Và cường độ của sự Sáng của Trí tăng lên, bức xạ, tỏa vào vũ trụ để hòa nhập vào năng lượng của vũ trụ.
- Để cho sự Sáng (sự sống) của Tuệ hòa nhập vào sự Sáng của vũ trụ: giác ngộ được Nguyên Lý.
- Về phương diện vật lý cũng là sinh lý: để cho 3 thể Khí, Huyết, Điện hoàn toàn ngưng động, chỉ còn lại sự Sáng sinh động mà thôi. Hay là, để cho toàn cơ thể ngưng động, chỉ còn lại sự Sáng sinh động trong não bộ.

- Là “chơn không hóa” mọi sự động loạn của Tâm và Trí phát sinh từ mọi sinh hoạt. Tức là, “chơn không hóa” mọi động loạn một cách trọn vẹn từ bên ngoài đưa vào, và từ bên trong nảy sinh ra để sống trong trạng thái chơn không.

Sự động loạn của Tâm, Trí do ngoại cảnh đưa vào. Một số lưu giữ ở bộ nhớ, trở thành ký ức. Và ký ức tái xúc tác, gây ra sự động loạn tiếp theo của Tâm, Trí.

Đây là sự động loạn từ quá khứ.

Nếu sự động loạn của Tâm, Trí là sự sinh động, nó vẫn tiếp tục sinh động trong khoảng thời gian mà Tâm, Trí có thể tồn tại, tức là trong tương lai, trong sự diễn tiến của Nhục thân và cả sau khi Nhục thân chết nữa.

Đây là sự động loạn của Tâm, Trí hướng về tương lai.

Tóm lại:

“Chơn không hóa” tất cả mọi sinh hoạt liên quan đến đời sống, tức là Tâm, Trí đều chơn không, thì sự Sáng của Trí không xúc tác vào Điện, Khí, Huyết, để sinh hóa, để tác tạo.

Không xúc tác, sự Sáng (sự sống) trở nên “tự động” “sinh hóa, chuyển hóa đồng bộ” và tiến hóa, tức là tự tạo thêm năng lượng, năng lực để tự hằng sống.

Đến đây, ta thấy mục đích của Thiên là:

- Đạt đến mức tuyệt đối tiến hóa của con người đồng bản chất, bản tính và tính năng của vũ trụ trong sự sinh động vĩnh cửu.

Như vậy, muốn tiến nhanh đến mục tiêu, phải có một phương pháp. Diễn tiến của phương pháp này là:

- Có “Động”, mới cần đến “Định”. “Định” được rồi thì Tuệ sinh.

Tuệ đã phát sinh rồi thì tiểu vũ trụ cũng là đại vũ trụ.

Đã là đại vũ trụ rồi thì những gì vũ trụ chứa đựng, sinh động..., con người nhờ Tuệ, nhờ sự Sáng của nó mà tự Biết, tự Hiểu (1).

Động loạn Tâm, Trí, nhiều người dễ nhận ra. Nhưng đề “Định” được Tâm, Trí thì rất khó hiểu, khó thực hành, cho nên con người rất cần đến phương pháp, và am tường những cấu trúc huyền vi và chức năng của chúng.

Phương pháp có hiệu quả nhanh, nó phải dễ hiểu và dễ thực hành.

- Thiên định không phải là sự thư giãn đơn thuần của một bộ phận nào, cũng không phải là sự tập trung của Trí vào một nơi nào nhất định mà nó là sự phát triển nội lực (Thần lực, Huyền lực và Huyền năng) qua sự thư giãn hoàn toàn 3 cõi giới (Thân, Tâm, Trí).

Sự thư giãn (2) liên quan đến 3 trạng thái của Định là tiểu định, trung định và đại định. Mỗi trạng thái của Định tương quan với sự phát triển một loại lực.

Tiểu định phát sinh Thần lực.

Trung định phát sinh Huyền lực.

Đại định, mới có Huyền năng.

Sự thư giãn bao gồm hai chức năng và hai trạng thái (ngủ (3) và thức).

Chức năng: thu hồi năng lượng hao tán, và tăng năng lực, sau khi năng lượng được thu hồi.

Năng lượng hao tán do 3 nơi: Thân, Tâm, Trí.

- Ở Thân: do cơ bắp hoạt động nhiều, Huyết lực, Khí lực hao tán. Sự hao tán có tâm trạng, hoặc không có tâm trạng can dự.

Sự hao tán có tâm trạng, thì có phản ứng hóa chất do tâm trạng gây ra. Sự hao tán này nhiều hơn là không có tâm trạng.

(1) Mắt nhìn được đến đâu, Trí con người cũng biết được đến đó.

“Tuệ quang” tỏa đến đâu thì Tuệ cũng biết và Hiểu đến đó.

(2) Tinh lực hoạt động, sinh động trong sinh hoạt con người chưa được thư giãn. Trong các loại Định, sự thư giãn làm ngưng hoạt động của Tinh lực, từ đó, các loại siêu lực mới phát sinh được.

(3) Bình thường, con người ngủ vì nhu cầu của cơ thể, Tâm, Trí mệt mỏi. Sự ngủ đến một cách tự động.

Trong Thiền định, hành giả điều khiển cơ thể vào giấc ngủ, Tâm chơn không, và chỉ còn lại sự sinh động của sự Sáng của Trí thông minh.

- Ở Tâm: sự hao tán trực tiếp của Khí (Điện, sự Sáng) do tâm trạng làm rối loạn khí ở tam tiêu (Uất ức, buồn..., khí ở thượng tiêu rối loạn. Giận, lo, ganh, ghét..., trung tiêu rối loạn khí. Sợ, khiếp đảm..., khí ở hạ tiêu loạn. Triệu chứng: ngủ, không nằm ngửa được, phải nằm nghiêng).

Điều khí (để tránh sự hao tán): là điều hòa hô hấp bằng sự quan sát của Trí, nên không có tâm trạng nổi lên. Nhờ đó, trực khí, độc khí do tâm trạng gây ra được thanh tẩy.

- Ở Trí: Điện (và sự Sáng) bị hao tán do tư tưởng mang tính Độc, Ác, Dữ. Đây là những độc tố làm hao tán nhân điện và sự Sáng.

Tóm lại: Thu hồi năng lượng hao tán trước, sau đó, năng lượng mới được tăng dần.

Cả hai giai đoạn này đều do Trí, do sự Sáng và sự sáng suốt của Trí.

Trạng thái ngủ (tự động, hoặc chủ động) và tỉnh thức trong Thiền định là sự thư giãn đạt đến mức hoàn toàn, và mức gia tăng của sự Sáng ở vào mức cao nhất.

Ngủ : là sự thư giãn hoàn toàn của Thân, Tâm, Trí.

Thức: chỉ còn lại sự Sáng đơn thuần sinh động. Sự Sáng này không tỏa ra 3 cõi giới, vì vậy mà cảm, biết, hiểu đều không còn.

Do đó, sự Sáng đầy đủ năng lực để chuyển hóa (1) thành Tuệ.

- Phát triển nội lực (Thần lực, Huyền lực, Huyền năng) là gián tiếp luyện những bộ phận vô hình (Hồn, Vía, Thần, Tâm, Tánh, siêu Trí v.v...)

Muốn luyện nội lực, phải sửa, từ bỏ những gì làm trở ngại cho sự phát triển nội lực, tức là phải Tu Thân, Tu Tâm, Tu Trí.

Muốn cường hóa nội lực và những bộ phận vô hình và màu nhiệm, phải bế các giác quan (các cửa của Thân) để cho sự Sáng hoàn toàn quay vào trong. Nhờ ở sự Sáng phối hợp với những thể linh thiêng tương quan với những bộ phận màu nhiệm để sinh hóa ra nội lực.

Sau đây là những phối hợp của sự Sáng với những thể linh thiêng khác để sinh hóa ra nội lực:

Sự Sáng + *Huyết* → sinh hóa ra Khí, Điện cường hóa cho Huyết, Khí, Điện. Nhờ đó, Hồn, Vía, Thần được mạnh.

Sự Sáng + *Khí* → sinh hóa ra Điện, “sự Sáng Âm”, làm cường hóa Huyết, Khí, Điện, sự Sáng. Nhờ đó, Hồn, Vía, Thần và linh hồn được mạnh.

(1) Tinh lực: Huyết, Khí phải phát triển lực của nó đến độ, nó có thể sinh hóa và chuyển hóa được, và từ năng lực đó, mới phát sinh ra sự sinh sản được. Trẻ con, tinh lực còn yếu không thể sinh con được.

Trí cũng vậy, chức năng suy nghĩ phải hoạt động được mạnh, sự Sáng của Trí thông minh tăng đến mức độ, nó có thể sinh ra Tuệ được.

Với các loại cây ăn trái cũng vậy.

Sự Sáng + Điện → sinh hóa ra Điện Dương. Sự Sáng cường hóa tất cả 3 thể linh thiêng. Nhờ đó, Hồn, Vía, Thần và linh hồn được mạnh có khả năng tách ra khỏi Khí.

Hiệu quả của sự phát triển hay cường hóa nội lực, là Nhục thân không có bệnh, khỏe mạnh. Điều này do ở Khí, Huyết được thông, nhân diện mạnh.

(Huyết không thông: cơ bắp đau, nhức, mệt mỏi. Tạng nào có Huyết nhiều, dễ bị đau như ruột non, bàng quang, gan, sau đó là ruột già, bao tử.

Khí không thông: da khô, tóc không mượt, không thẳng, mau bạc. Tạng nhiều khí dễ bị đau, như tam tiêu loạn khí, mật, tim, thận, phổi, tỳ.

Điện không thông: đau nhức hệ thần kinh, nặng hơn là Tâm khùng).

Định: các bộ phận màu nhiệm và vô hình được cường hóa, và sự Sáng của nội lực (sự Sáng trong Thần lực và Huyền lực) tụ về não để bức xạ.

2. Những hiện tượng và những vấn đề cần biết trước khi thực hành Thiền

Năng lượng đưa Trí Tuệ con người đến sự giác ngộ là sự Sáng, hành giả không thể không biết đến những gì liên quan đến nó. Và nơi nó sinh động, hoạt động là ở não bộ con người.

Trong sự hoạt động của 3 chức năng của Trí là: suy nghĩ, nhớ, và quan sát (sự quan sát đối tượng hữu hình và siêu hình), thì sự Sáng của Trí tăng.

Với chức năng suy nghĩ, sự Sáng của Trí sinh hóa ra tư tưởng, ý nghĩ.

Với chức năng nhớ: sự Sáng của Trí tạo ra cường độ và trường độ của hình ảnh, tâm trạng dễ nhớ rõ, nhớ lâu hơn.

Với chức năng quan sát: sự Sáng của Trí sinh hóa ra thêm khả năng và hiệu quả của sự quan sát.

Nếu có ý thức hoạt động trong 3 chức năng này thì Trí năng tăng thêm (1), tức là sự Sáng của Trí đang sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ. Nếu không có ý thức trong hoạt động của Trí, hoặc có sự can dự của cảm giác và tình cảm (của Thân, Tâm), thì trong sự sinh hóa của Trí có sự hao tán của sự Sáng.

Còn trong trạng thái, mà mọi chức năng của Trí và siêu Trí ngưng hoạt động, thì tất cả sự Sáng tụ về não, tự động sinh động, đồng bộ sinh hóa và chuyển hóa, thì năng lượng tăng dần lên để bức xạ.

Trong khi tất cả sự Sáng tụ về não bộ và sinh động, con người vẫn còn ý thức, nhưng ý thức được “sự sinh động vô hình của sự Sáng” mà thôi, tức là ý thức được sự sống.

Đây là “sự ý thức của Tuệ”. Nó không còn là sự ý thức từ một đối tượng để

(1) Con người hoạt động với những chức năng của Trí mà không có ý thức trong động tác, tức là làm theo bản năng, thì Trí năng không tăng, sự thông minh không tiến triển.

suy nghĩ, rồi để hiểu, mà ý thức này cũng là “sự Hiểu tức thì” vậy. Nó có khả năng Hiểu mãi mãi đến nỗi hành giả không còn ngủ được nữa. Không ngủ được nữa, tức là hằng sống, vì ngủ là một dạng của sự chết.

Trong trạng thái này, hành giả ý thức được sự sống và đang sống bằng sự sống, cảm nghiệm được năng lực tự tạo lấy năng lực. Và nhân ra “sự sống” tạo ra sức sống. Khi đó sức sống tăng trưởng để “sự sống” “sinh động trong sức sống” tăng theo và tồn tại.

Trong con người bình thường, bộ phận tạo ra huyền năng là Trí suy nghĩ, nó hình thành Trí thông minh, thành sự sáng suốt (là bản tính của sự Sáng). Và sự Sáng, sự sáng suốt sinh động tạo thành năng lực tự tạo.

Quy luật của sự tự tạo năng lực là: “sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ”.

Các bộ phận quan trọng liên quan đến năng lực tự tạo là:

- Trí suy nghĩ: bộ phận tạo năng lực (1).

- Trí thông minh: bộ phận tự tạo năng lực, năng lượng để bức xạ.

Trước khi Trí thông minh có thể tự tạo lấy năng lực, năng lượng để bức xạ, hành giả phải biết cách làm ngưng hệ thống thần kinh ngoại biên, chỉ có sự Sáng trong não và cột tủy sống sinh động mà thôi. Và tất cả các chức năng của não liên quan đến Thân, Tâm, Trí đều ngưng động.

Đến đây, điều cần nhắc nhở thêm là: khi nào sự Sáng của Trí trở thành năng lực tự tạo?

- Khi sự Sáng của Trí bức xạ và tự sinh động mãi thì sự Sáng đó trở thành năng lực tự tạo.

Và chức năng nào của Trí có khả năng tự tạo lấy năng lực?

- Khả năng tự tạo lấy năng lực từ sự Sáng của Trí là Trí thông minh, khi sự “Hiểu tức thì” hoạt động không ngừng (hay là khi sự giác ngộ được Nguyên Lý sinh động mãi, thì sự Sáng cũng sinh động không ngừng).

Do đó, nó trở thành năng lực tự tạo, chỉ Sinh và Sinh mãi không còn sự Diệt nữa. Năng lực đó trở nên hằng sống.

Có bao nhiêu phương pháp để tạo thành năng lực hằng sống?

- Có vô số phương pháp để đạt đến kết quả này, nhưng tất cả đều dựa trên 4 chức năng của Trí mà hình thành. Đó là Trí quan sát, Trí nhớ, Trí suy nghĩ và Trí thông minh.

Ngoài Trí thông minh hay là ngoài sự “Hiểu tức thì” ra, thì sự quan sát, nhớ và suy nghĩ của Trí có khả năng khởi động sự Sáng của Trí, để cho sự Sáng hoạt động mãi cho đến khi sự Sáng đó sinh động không ngừng. Nó tăng cường độ

(1) Nếu không có ý thức trong mọi hoạt động của các chức năng của Trí, con người sẽ phí phạm thời gian, vì Trí năng không phát triển và không tiến triển theo sức sinh động của nó, có nghĩa là sự thông minh phát triển không đúng mức.

của năng lực lên, và bức xạ dễ thành năng lực tự tạo của vũ trụ. Đến khi sự Sáng trở thành năng lực tự tạo thì chức năng khởi động không cần đến nữa.

Chức năng khởi động (sự quan sát, nhớ, suy nghĩ) là những phương tiện, hay là những bộ phận khởi động không cần thiết nữa, khi năng lực (sự Sáng) trở nên tự động phát sinh.

Có phải ai cũng có thể dùng 4 chức năng của Trí để tạo nên năng lực tự tạo không?

- Trẻ con và những người Thân, Tâm, Trí chưa phát triển hoàn toàn thì không thể dùng một trong những chức năng của Trí để tạo năng lực tự tạo được.

Trí quan sát

Lấy Trí quan sát để quan sát một đối tượng vô hình là lấy sự Sáng của Trí tập trung không ngừng, để quan sát một sự sinh động vô hình, như quan sát và điều khiển nhịp tim ngưng đập; quan sát hơi thở và điều khiển dịch kỳ hô hấp cho đến khi chỉ còn “Khí”, tự nó sinh động; quan sát Tâm, để không còn một tâm trạng nào nổi lên, cho đến trạng thái “hư không” của Tâm; dùng sự Sáng của Trí để quan sát sự Sáng của Trí.

Tóm lại, đây là sự quan sát của Trí vào sự sinh động của 4 thể linh thiêng.

Hiệu quả: sự Sáng của “Trí quan sát” sinh động không ngừng, cho đến khi nó đủ sức toát ra khỏi sự chứa đựng của nó, gọi là bức xạ.

Hiệu quả này có tính đa dạng do sự liên kết của 4 thể linh thiêng với nhau, tức là hiệu quả này liên quan đến sinh lý, tâm lý, tinh thần và tâm linh.

Trí nhớ

Lấy Trí nhớ mà nhắc nhớ mãi một câu nào đó, những từ nào đó (mà tôn giáo gọi là niệm). Niệm mãi những câu đó bằng thanh hay bằng âm (tiếng nói của tư tưởng), hay là niệm ra tiếng (tụng), hay không ra tiếng (niệm) một đối tượng vô hình mà đối tượng này liên quan đến những từ nằm trong câu đó.

Những từ này được nhắc đi nhắc lại mãi, làm cho sự Sáng của Trí nhớ tăng dần sức sinh động của nó. Mức sinh động của sự Sáng của Trí nhớ tăng dần thì đối tượng vô hình, những từ dùng để niệm mất dần đi tính hiện hữu. Đối tượng vô hình là phương tiện. Khi sự Sáng của Trí sinh động một cách tự động đến mức “cực động hóa tĩnh” thì sự Sáng bức xạ, và không cần đến phương tiện nữa.

Hiệu quả đầu tiên của nó là Tâm trở nên hư không, Thân trở nên nhẹ nhàng, vì không còn cảm giác liên quan đến bản ngã nữa.

Sự Sáng của Trí nhớ tăng. Nhờ vậy mà khả năng nhớ cũng tăng, tức là người tụng, niệm, dễ nhớ nhanh, và nhớ lâu. Đây là phương pháp luyện Trí nhớ.

Những ai có thể dùng phương pháp này để luyện Trí nhớ, hay để cho sự Sáng của Trí nhớ sinh động tự động để bức xạ?

- Những người đã có khả năng nhớ, và hiệu quả hơn, là đối với người có khả

năng nhớ nhiều và nhớ lâu. Nhớ nhiều và nhớ lâu, chứng tỏ sự Sáng của Trí nhớ có tích lượng lớn.

Trí suy nghĩ

Suy nghĩ, là một chức năng, một hoạt động của Trí. Nó có khả năng làm cho sự Sáng của Trí sinh động, đề tạo thêm sự Sáng và sự sáng suốt cho Trí.

Nhưng làm sao để cho chức năng suy nghĩ có thể hoạt động một cách liên tục?

- Để cho chức năng suy nghĩ có thể hoạt động liên tục, ta tự đưa ra một đề tài để suy nghĩ, mà nó vô hình, như sự Sáng thể và tận thể v.v...

Đề tài là phương tiện để cho chức năng suy nghĩ hoạt động không ngừng, cho đến khi sự suy nghĩ chỉ tạo ra hoàn toàn sự Sáng. Và sự Sáng sinh động đến mức cực động thì đề tài này không hiện hữu nữa. Sự Sáng sinh động tăng dần, vượt quá sức chứa của nó, rồi bức xạ thành năng lực tự tạo của vũ trụ.

Người nào có thể dùng phương pháp này để tạo nên sự Sáng của vũ trụ?

- Những người có thể dùng phương pháp này một cách an toàn, không phải gặp những nguy hại do các hệ thống thần kinh, nội tiết và miễn nhiễm gây ra. Đó là những người có khả năng suy nghĩ nhiều giờ, nhiều ngày liên tục. Hay là, các nhà trí thức dùng thường xuyên chức năng suy nghĩ không thấy mệt mỏi (1) thì những người này hoàn toàn dùng Trí suy nghĩ để suy nghĩ mà không bị tâm trạng làm hao tán sự Sáng. Họ có thể dùng dễ dàng phương pháp này để phát Tuệ.

Trí thông minh

Trí thông minh là kết quả của những hiệu quả của các chức năng khác của Trí, là sự quan sát, nhớ và suy nghĩ.

Về vật lý, sự thông minh là sự Sáng tổng hợp từ các sự Sáng khác sinh động trong chức năng quan sát, nhớ và suy nghĩ. Do sự tổng hợp đó mà sự Sáng của Trí thông minh nhiều hơn tất cả mọi sự Sáng sinh động riêng rẽ ở mỗi chức năng của Trí.

Nhưng cái gì biểu lộ ra sự thông minh, hay một cái gì đó sinh động trong sự Sáng?

- *Cái biểu lộ được sự thông minh là sự Hiểu, hay là “cái sinh động trong sự Sáng là sự Hiểu”.*

Như vậy, “sinh động được trong sự sinh động của một thể, của một năng lực, là sự Sáng, thì Hiểu cũng là một năng lực”.

Nói đến sự sinh động của một năng lực là nói đến hiệu quả của sự sinh động

(1) Nếu suy nghĩ mà thấy người mệt mỏi, là có tâm trạng can dự vào sự suy nghĩ. Hậu quả của nó làm cho tóc mau bạc.

đó, mà hiệu quả của nó là sự tăng trưởng, sự châu biến, quang tỏa... và đến mức, nó trở thành năng lực tự tạo.

3. Sự Sáng và đồn pháp

Đồn pháp là phương pháp nhanh, luyện năng lực ngay ở não. Năng lực mạnh nhất trên các loại năng lực là sự Sáng, luyện ở não, tức là luyện sự Sáng ngay trong não mình vậy.

Khi Tâm, Trí đã định (1) được rồi (tức là không còn chức năng của Tâm, Trí hoạt động nữa), chức năng của Trí không còn ở Nhục thân, ở các giác quan, thì sự Sáng tụ về não.

Sự Sáng tụ về não hoàn toàn, thì Tim ngưng đập, phổi ngưng thở. Trong đầu sáng ra, sau đó để cho sự Sáng, sự sáng suốt châu biến vào vũ trụ.

Sự Sáng của Trí (các loại) lan tỏa vào vũ trụ. *Sự châu biến của sự Sáng càng xa thì sáng suốt của Trí càng tăng cao.*

Sự sáng suốt của Trí càng mạnh thì sự linh thiêng và mẫu nhiệm càng nhiều.

Tâm, Trí mà định thì Tim ngưng đập, Thần cực mạnh (2). Thần cực mạnh thì Thần toát ra khỏi máu đỏ, và có sức sống riêng.

Sự Sáng trong đồn pháp phát sinh nhiều hiệu quả như:

- Làm cho sự Sáng và sự sáng suốt quang tỏa thật vào vũ trụ.
- Làm tăng thêm sự linh thiêng trong con người.
- Làm Tim ngưng đập, Thần mạnh.
- Làm cho các loại thân (Khí thân, Điện thân, Quang thân) được mạnh thêm.
- Làm tụ Thần lực, Huyền lực, Huyền năng về não (nghe nhịp tim đập nhẹ ở đầu, thờ ở đầu, sau đó hai tạng này đều ngưng động).
- Dùng tính linh thiêng trong sự sáng suốt mà cầu nguyện thì sự mẫu nhiệm sẽ xảy ra.
- Dùng tính linh thiêng và mẫu nhiệm của sự sáng suốt của sự Sáng của Trí (hoặc Tuệ) mà cảm ứng với siêu sinh linh (Thần, Tiên, Phật, Thánh) và Đấng tạo hóa (hình thức mặc khải).

Công thức để thực hành đồn pháp là:

- Dùng tính năng của thể mạnh nhất (là sự Sáng của Trí để điều khiển các chức năng của các thể ngưng động, và tăng cường cho các thể đó).

(1) Định: có nghĩa là không còn sự dao động của Tâm và Trí, hay là Tâm, Trí hoàn toàn chơn không.

(2) Những người công chính, đại nghĩa, anh hùng... trước cái chết không sợ, tim không hồi hộp, vẫn mẫn, vẫn nói, “Thần” của họ rất mạnh, nên khi họ chết, họ thành Thần (tức là “Thần lực, năng lực” này vẫn sinh động trong khi Nhục thân đã chết. “Thần lực” vẫn còn ảnh hưởng đến người sống).

Từ đốn pháp mà có những hiệu quả:

Tâm, Trí định:

Thần mạnh. Thần mạnh, Trí sáng suốt. Trí minh mẫn, không cảm thấy buồn ngủ.

Trí sáng suốt, Trí càng linh thiêng. Sức châu biến của sự Sáng càng xa.

Hiệu quả của của Trí sáng suốt:

Là ứng dụng tính chất linh thiêng của sự Sáng, sự sáng suốt trong sinh hoạt siêu nhiên và siêu siêu nhiên để hiện thực những sự màu nhiệm.

Sự tiến hóa tuyệt đối:

Sự sáng suốt của Trí trong trạng thái chơn không sinh động mãi cho đến khi hoàn toàn tỉnh thức, lúc này sự Sáng của Trí bằng với sự Sáng của vũ trụ. Trí sáng suốt của Trí luôn luôn sinh động (1) thì đắc Đạo.

Chú ý về sự sinh động của sự Sáng là:

- Khi con người đã có Trí thông minh rồi thì sự Sáng của Trí, tự nó sinh động.
- Khi sự Sáng tự sinh động được thì sự sinh động đó tự tạo thêm năng lượng cho nó. Hay là:

- Khi một năng lực tự nó sinh động thì trường độ của sự sinh động đó tự tạo thêm năng lực cho nó. Và tâm cỡ châu biến và cường độ của sự Sáng được tăng trường.

- Năng lực tự tạo cũng là sự hằng sống. Và đây là mức tuyệt đối mà mọi sinh linh thực hành đốn pháp mong cầu để đạt được.

Những gì liên quan đến sự tiến hóa phải nằm trong “sự sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ”.

Trong con người, đó là sự Sáng của Trí trong những chức năng của Trí. Như, Trí quan sát, Trí nhớ, Trí suy nghĩ tạo nên Trí thông minh và làm phát triển Trí thông minh. Ngược lại, Trí thông minh cũng làm phát triển khả năng của chức năng Trí quan sát, Trí nhớ, Trí suy nghĩ.

Sự phát triển đó làm cho khả năng của chúng trở nên bén nhạy và nhanh hơn, như nhớ lại nhanh và suy nghĩ nhanh.

Sự Sáng của Trí thông minh như nước đại dương sinh hóa ra sinh vật và nuôi dưỡng lấy chúng. Cũng vậy, sự Sáng của Trí thông minh làm tăng thêm cường độ cho sự suy nghĩ, nhớ và quan sát.

Trong sinh hoạt hằng ngày, mức sáng suốt của Trí thông minh không phải

(1) Muốn cầu nguyên, Trí con người phải tỉnh thức. Tỉnh thức và cầu nguyên mãi nên sự Sáng, sự sáng suốt của Trí sinh động mãi. Do Trí sinh động mãi mà con người đắc Đạo.

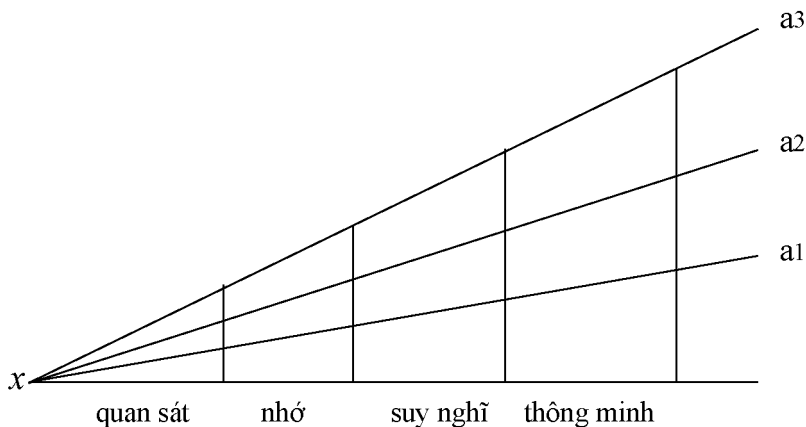
Với người bình thường, Trí sáng suốt, thì sức khỏe tốt. Hay là, người mà lúc nào cũng cảm thấy khỏe, thì Trí mới thật sáng suốt.

lúc nào cũng được ổn định, nó có lúc tăng, lúc giảm tùy theo điều kiện sinh lý và tâm lý.

Với việc luyện sự Sáng cũng vậy. Thời gian luyện nhiều, nó tăng, ít luyện, nó giảm.

Sự tăng, giảm của sự Sáng của Trí thông minh tương quan, tương ứng với sự tăng, giảm về khả năng của chức năng quan sát, nhớ và suy nghĩ.

Nếu sự Sáng (sự sáng suốt) của Trí thông minh mà tăng thì khả năng quan sát, nhớ, suy nghĩ cũng tăng theo.



So sánh xa_3 và xa_1 , nhận thấy khả năng quan sát, nhớ, suy nghĩ của xa_3 cao hơn xa_1 .

Khi sự Sáng (và sự sáng suốt) của Trí thông minh ở mức độ cao thì khả năng suy nghĩ càng nhanh. Và khả năng suy nghĩ nhanh là nhờ vào những dữ kiện của bộ nhớ xuất hiện nhanh và rõ nét.

(Sự sáng suốt của Trí thông minh không do nơi tuổi tác. Nhờ ở luyện sự Sáng mà người lớn tuổi thông minh, sáng suốt hơn người bình thường cùng lứa tuổi).

Một hiện tượng quan trọng hơn nữa trong sự luyện sự Sáng ở Trí thông minh là “sự linh thiêng và mẫu nhiệm bắt đầu sinh động khi Trí thông minh hoạt động, với Tâm chơn không”. Và nhờ vào trường độ sinh động của sự Sáng thuần túy mà sự linh thiêng và mẫu nhiệm tăng lên trong sự Sáng.

Khi Trí thông minh tiến hóa, có khả năng hoạt động được trong thế giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên, thì khả năng của Trí quan sát, Trí nhớ, Trí suy nghĩ cũng tiến hóa và cũng hoạt động được trong hai thế giới đó.

Những sinh động vô hình luôn làm cho hành giả phải thắc mắc, và tự hỏi tại sao Trí thông minh có khả năng hoạt động được trong cả 3 thế giới (tự nhiên,

siêu nhiên và siêu siêu nhiên)?

- Vì bản chất của Trí thông minh là sự Sáng. Nó là thể nguyên thủy của vũ trụ. Nó tiềm tàng sinh động trong toàn thể vũ trụ, cho nên nó có khả năng hoạt động trong cả 3 thể giới.

Điều quan trọng hơn hết trên mọi điều quan trọng là hành giả phải biết và hiểu cái gì cũng như chức năng nào “tuyệt đối làm chủ và điều khiển được” tất cả những chức năng tương đối quan trọng khác.

Đó là Trí thông minh và điều quan trọng tuyệt đối là sự Sáng thuần túy sinh động trong đó.

Khi con người ý thức được sự sinh động này, lúc đó con người mới điều khiển được các thể linh thiêng và những chức năng khác.

Điều khiển các thể linh thiêng là điều khiển thực lực của những thể đó.

Chỉ có sự Sáng thuần túy của Trí thông minh (1) mới làm được điều này, tức là điều khiển được thực lực của nó.

Mọi thực lực của 4 thể đều ở não.

Như dùng siêu Trí điều khiển cho nhịp tim chậm và nhỏ lại. Hành giả phải nghe được tiếng đập của nhịp tim ở đầu, não, tức là nghe được tiếng dội của nhịp tim ở đầu. Và đó là thực lực của nó, thực lực của nó là Thần lực (ta cũng gọi là Thần).

Đến khi nó chậm và nhỏ lại, hành giả điều khiển cho Tim ngừng đập (2), thì “Thần” xuất hiện. Thần mạnh, không có bệnh ở Tim.

Đó là sự điều khiển của Trí thông minh bên trong. Nhưng với sinh hoạt bên ngoài, “sự can dự của Trí thông minh với Tâm vô tâm trạng”, tạo ra sự chính xác trong những sinh hoạt liên quan đến Thân, Tâm, Trí.

- Sự chính xác của khả năng của động tác của Nhục thân.
- Sự chính xác trong sinh hoạt của tình cảm (tình cảm chọn chính).
- Sự chính xác của tư tưởng căn cứ trên Lý.

Hiệu quả: không có yếu tố không gian và thời gian.

Trong tiêu vũ trụ, nguồn gốc sinh hóa và chuyên hóa ở đầu não con người.

Hay là, đầu não con người điều khiển mọi sinh hoạt của con người.

Bộ phận đó là: Trí.

Chức năng của bộ phận: là Trí thông minh (hay là sự “Hiểu”).

(1)- Sự Sáng của Trí điều khiển được thực lực của Khí và Huyết.

- Sự Sáng của siêu Trí điều khiển được thực lực của Huyết, Khí, Điện.

- Sự Sáng của Tuệ điều khiển được tất cả mọi thực lực của 4 thể linh thiêng.

(2) Khi Tim ngừng đập được lâu thì mọi bệnh liên quan đến Tim không còn nữa, như ngoại tâm thu, nhồi máu cơ tim v.v... Tóm lại, là tất cả những bệnh liên quan đến “cơ” bóp của Tim, lý do là cơ bóp được trở lại trạng thái bình thường.

- Thực lực của nhịp tim là Thần lực. Nhịp tim mau, mạnh: Thần yếu. Nhịp tim nhẹ: Thần mạnh. Tim ngừng đập, Trí thông minh ý thức: Thần cực mạnh và sinh động ở đầu.

Ngủ và thức cũng thuộc về sinh hoạt của con người, vì vậy mà Trí thông minh cũng điều khiển được sự thức, hay ngủ theo ý muốn.

Như vậy, ngủ và thức đều do nơi Trí, do sự Sáng của Trí hoạt động, hay ngưng động, do chức năng của các loại Trí.

Chức năng phức tạp của thức ngủ liên quan đến tính năng của các thể nhẹ và nặng, mà trạng thái thức do ở sự sinh động của tính năng của các thể nhẹ (sự Sáng, Điện và sự sinh động của chúng là tư tưởng, ký ức).

Trong phương pháp luyện sự Sáng, điều khiển được sự thức ngủ là điều cần thiết, hành giả có khả năng điều khiển. Nhưng phải hiểu rõ sự cấu tạo vật lý, tức là phải hiểu bản chất, bản tính và tính năng của các thể liên quan sinh động trong chức năng thức và ngủ, thì con người mới điều khiển được sự thức, ngủ theo nhu cầu của cơ thể để tránh sự đau, yếu, hoặc để tiến hóa sự sống và sức sống.

Điều này giống như một người muốn điều khiển một cái máy, trước hết là phải rõ các chức năng của các bộ phận của động cơ, mà nơi quan trọng hơn hết, là nơi mở và tắt động cơ.

Ngủ: ngưng sự hoạt động của 3 chức năng quan sát, nhớ, suy nghĩ.

Thức: một trong 3 chức năng của Trí mà hoạt động, con người phải thức.

Nửa thức, nửa ngủ (1): tất cả 3 chức năng đều ngưng động, chỉ còn lại sự Sáng của Trí thông minh sinh động.

Khi 3 chức năng ngưng động, chỉ còn lại sự Sáng, sự sáng suốt sinh động, nó làm cho 3 thể Huyết, Khí, Điện mất đi tính hiện hữu của nó, mặc dầu chúng vẫn sinh động.

Mất đi tính hiện hữu lúc đó là vì chúng không còn chuyển động, dao động nữa. Do đó, những chức năng của chúng ngưng sinh hoạt. Như, khi chỉ còn duy nhất sự Sáng, sự sáng suốt sinh động, tách rời khỏi sức sống của chúng, thì phổi ngưng hít thở, tim ngưng đập.

Lúc đó, sự sinh động của sáng tạo ra nhiều hiệu quả cho Thân, Tâm, Trí.

Đây là con đường ngắn đi đến sự giác ngộ, là tách chức năng của Trí ra khỏi hai cõi giới liên quan (là Thân và Tâm). Sau đó hành giả mới luyện được từng chức năng một của Trí (sự quan sát, Trí nhớ, suy nghĩ).

Thí dụ: Tách “Trí quan sát” ra khỏi toàn Thân thì chức năng quan sát mới đạt đến mức tập trung cao, tức là, lúc đó Thân không còn cảm giác, Tâm không còn tình cảm, Trí không còn tư tưởng. Hay là Thân và đầu không còn liên hệ nữa. Và chức năng quan sát và đầu cũng chẳng còn liên hệ với nhau nữa.

Từ mức tập trung đó, “Trí quan sát” mới quan sát được thực lực của một sự

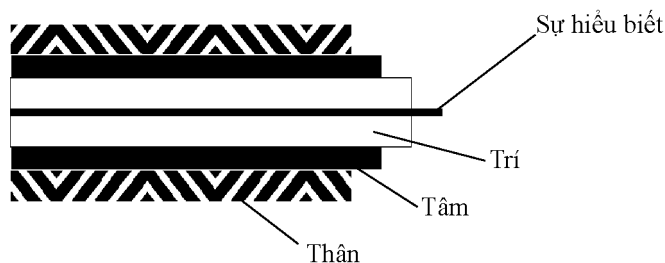
(1) Trạng thái này rất cần cho việc luyện sự Sáng. Nếu không thực hiện được trạng thái này, con người sẽ phải yếu, hay thiếu ngủ, thay vì sự Sáng được tăng thêm, lại trở nên hao tán sự Sáng. Trạng thái được giải thích trong phần “tiểu định”.

sinh động. Như “Trí quan sát” quan sát được thực lực của nhịp tim ở trên đầu, quan sát được thực lực của Khí ở đầu do sự sinh động của hô hấp.

Sau khi tách chức năng của Trí ra khỏi 2 cõi giới (Thân và Tâm), rồi đến, “để cho các chức năng của Trí ngưng hoạt động, thì sự “Hiếu Biết” tự nó tách ra khỏi chức năng suy nghĩ và hòa nhập vào Nguyên Lý của vũ trụ mà giác ngộ, tức là sự sáng suốt của sự Sáng của Trí (Tuệ) hòa nhập vào Nguyên Lý.

Tóm lại:

- “Sự hiếu biết” sinh động trong những chức năng của Trí.
- “Sự hiếu biết và Trí” tiềm ẩn sinh động trong Tâm.
- “Sự hiếu biết với Trí, Tâm” tiềm ẩn sinh động trong Thân.



(Những sinh động vô hình không thể hình dung, và cũng không thể vẽ được. Nhưng để cho độc giả, hành giả có một khái niệm về sự sinh động phức tạp của cấu trúc, nên hình này được vẽ ra).

Hay là, giác ngộ được Nguyên Lý của vũ trụ: là sự Sáng (sự sống của Trí Tuệ) hòa nhập vào sự Sáng (sự sống) của vũ trụ, trong đó sinh động Thiên Lý, tức là tiêu vũ trụ tách ra khỏi sự chi phối của Thiên Cơ và Thiên Năng.

Nhưng nếu tiêu vũ trụ chưa tách khỏi ảnh hưởng của Thiên Cơ và Thiên Năng thì nó còn phải luân hồi để tiến hóa.

(Khi hành giả đã giác ngộ được Nguyên Lý của vũ trụ rồi thì chẳng cần đến một phương pháp nào nữa).

Điều cần biết về những biến đổi sinh lý trước khi Tuệ bức xạ:

- Bình thường tim và phổi hoạt động luôn ngay cả lúc con người ngủ. Nếu chúng ngưng động, con người phải chết.

Nhưng trong đại định, tim và phổi không hoạt động như lúc bình thường. Chúng ngưng động, vì lúc đó không còn tư tưởng nào dấy lên, liên quan đến cảm giác và tình cảm, cho nên Tim và Phổi ngưng hoạt động. Trường hợp này khác với ngủ, là Trí thông minh vẫn sinh động. Nhưng Điện không còn sinh động trong Khí và Huyết nữa, chức năng tuần hoàn của chúng ngưng động, vì vậy mà Tim và Phổi ngưng hoạt động.

Hai cơ quan này ngưng hoạt động, nhưng thân thể vẫn còn sống, nhờ vào một năng lực tiềm tàng trong chúng vẫn tiếp tục sinh động, đó là sự Sáng. Nhờ đó mà thân thể không chết, trái lại, các tế bào được bồi bổ bằng một năng lực có cường độ cao hơn, nên chúng mạnh hơn, và sống lâu hơn bình thường.

Trạng thái ngưng động của Tim và Phổi tạo ra hiệu quả rất cao cho chúng.

Quả tim ngưng co bóp nên các cơ tim được thư giãn, thân thể nhiều oxy, và giảm CO_2 . Nhờ đó, một số bệnh được lành một cách tự nhiên. (Không có một bệnh nào được lành một cách tự nhiên không cần đến thuốc, mà không có nguyên nhân. Huyết và Khí dơ độc, là nguyên nhân và cũng là điều kiện thuận lợi, để cho vi trùng nảy sinh. Trong trạng thái mà Huyết và Khí được sạch và có sức đề kháng cao thì mầm mống sinh ra vi trùng yếu đi. Hơn nữa, sự Sáng và Điện là năng lực có tính sát trùng, và cũng là nguyên năng của dược chất. Chúng tỏa ra khắp nơi, làm sao bệnh còn tồn tại được).

Chẳng còn Điện rung động nữa thì Khí, Huyết đều ngưng động, tức là Tim ngưng đập, Phổi ngưng hít thở.

Trạng thái này biểu lộ cái chết của Nhục thân. Trong khi đó, chỉ còn lại sự Sáng (sự sống) ở Trí sinh động.

Theo sự cảm nghiệm từ bên trong, đó là Thân, Tâm đều chết, chỉ còn lại Trí sinh động, tức là, chỉ còn lại sự Sáng sinh động, còn Điện, Khí, Huyết đều ngưng.

Cũng vậy, khi các sức sống có thời hạn (Điện, Khí, Huyết) mà ngưng động thì sự sống vô tận (sự Sáng) toát ra và sinh động.

“Sự sống vô tận mà sinh động thì sinh linh này mới thật sự hằng sống”.

Trong đại định, con người mới khám phá ra huyền bí của năng lực, mà cốt lõi của nó, là sự Sáng (sự sống).

Vì sao người nhập đại định có thể ngồi rất lâu (nhiều ngày) mà không cần đến ăn uống?

- Thức ăn uống tạo năng lượng cho Nhục thân từ ngoài đưa vào cơ thể. Sự thừa hoặc thiếu quá cũng gây ra bệnh cho các bộ phận tiêu hóa. Đây là hệ thống có chức năng: thu, tiêu thụ và thải ra (1) những gì không thể đưa vào máu.

Trái với sự thông thường, là sự hấp thu năng lượng từ ngoài đưa vào Nhục thân, còn có một sự cung cấp năng lượng khác từ trong đưa ra nuôi dưỡng Nhục thân, và đồng thời cũng nuôi dưỡng luôn cả Khí thân và Điện thân nữa. Sự cung cấp năng lượng từ trong ra bên ngoài không gây ra sự tác hại cho các loại thân.

(1) “Sự thải ra độc tố bằng tiêu chảy, ói mửa” là chức năng có tính cấp cứu của sự tiêu hóa.

Nếu không có chức năng cấp cứu này thì độc tố sẽ thâm nhập vào máu, và cái chết sẽ đến rất nhanh. Vì chúng vào máu sẽ khó trị. “Miệng và hậu môn” là hai đường thoát hiểm cực nhanh của sinh mạng, nếu độc tố được đưa vào thân.

Nuôi dưỡng mà không gây ra sự tác hại là sự cung cấp của một năng lực có tính cách toàn hảo. Do từ “sự tự sinh động”, mà năng lực này tự tạo lấy năng lực và năng lượng cho chính nó. Như vậy, “nó chỉ Sinh mà chẳng có Diệt”, “từ sự sinh động tự động mà năng lực và năng lượng tăng”.

Trong đại định nhiều ngày, nhờ vào sự Sáng của Trí Tuệ “tự động sinh động”, năng lực và năng lượng của nó tăng lên.

Khi một thể linh thiêng trong cơ thể con người thiếu hụt năng lượng, từ nhu cầu đó, nó tự động được cung cấp do sự sinh hoạt của sự Sáng biến thành Điện; Điện chuyển sang thành Khí; Khí chuyển sang thành máu..., nhờ vào hệ thống liên quan đến mỗi thể, và liên đới với nhau trong chức năng sinh hóa và chuyển hóa, để cho sự thiếu hụt năng lượng được quân bình.

Không cần đến ăn uống trong đại định mà Nhục thân vẫn duy trì được sức khỏe trong nhiều ngày, đó là nhờ vào sự cung cấp năng lực và năng lượng bên trong.

(Năng lượng cung cấp cho Nhục thân từ bên trong và bằng sự Sáng sinh hóa ra nên hệ thống tiêu hóa không hoạt động và 3 chức năng của sự tiêu hóa cũng ngưng luôn.

Đây là năng lượng cung cấp từ bên trong cho tiểu vũ trụ, theo định luật sinh hóa của đại vũ trụ).

Sự phân phối năng lượng từ bên trong đi ngược lại sự bình thường, tức là con người thu nạp năng lượng từ bên ngoài vào.

Thực phẩm dùng để bồi bổ năng lượng cho những thể linh thiêng trong con người phải trải qua một thời gian dài, để dung nạp đầy đủ năng lượng, để cung cấp cho cơ thể con người. Tùy theo loại, từ vài ngày đến vài năm đối với loại đặc biệt. Nhưng bình thường phải mất vài tháng trong năm. Sự bồi bổ từ ngoài vào cơ thể phải theo quy luật chuyển hóa năng lượng qua chức năng tiêu hóa.

Tất cả đều phải theo chu kỳ, phải trải qua một thời gian.

Trái với sự bình thường đó là năng lượng cung cấp từ bên trong bằng sự Sáng, giống như vũ trụ cung cấp năng lực, năng lượng cho mọi tạo vật trong vũ trụ từ cực to đến cực nhỏ một cách trực tiếp, để tất cả đều có thể tồn tại sinh hóa và chuyển hóa.

Chỉ trong đại định, tiểu vũ trụ mới bằng đại vũ trụ với 2 chức năng “sinh hóa và chuyển hóa đồng bộ”.

Sự cung cấp năng lực từ bên trong ở trạng thái đại định, con người mới đạt được mức toàn năng. Và từ đó, sự Sáng cung cấp.

- *Chẳng phải con người đạt được mức toàn năng mà chính là năng lực tuyệt đối của vũ trụ trong con người đang sinh động và hiện hữu.*

Năng lực này có khả năng sinh hóa ra mọi lực khác trong khoảng thời gian đó, nên được gọi là toàn năng.

Nhưng cái gì chủ động điều khiển sự sinh hóa của năng lực này?

- Chẳng phải con người, chẳng phải cá nhân có thể điều khiển năng lực này, mà là “siêu siêu Ý của Tuệ” sinh động trong sự Sáng được tập trung hoàn toàn về não bộ.

Khi sự Sáng được tập trung hoàn toàn về não bộ, và hòa nhập vào nhau (Dương và Âm của sự Sáng hòa nhập vào nhau) như năng lực nguyên thủy của sự Sáng của vũ trụ, khi chưa chia ra thành hai dòng năng lực, thì khả năng sinh hóa của nó ở vào mức tuyệt đối, và năng lực cũng “cùng cực mạnh”. Do đó, khi siêu siêu Ý xúc tác vào sự Sáng thì sự hiện thực xảy ra.

a. Sự Hiểu trong đại định

Trong đại định, chỉ còn một chức năng cực kỳ sinh động, là “sự Hiểu không cần đối tượng”, còn Biết, và sự cảm nhận thông thường đều hoàn toàn ngưng hoạt động.

Nghĩa là, Thân, Tâm đều ngưng động, chỉ còn lại sự Sáng của Trí thông minh sinh động, những chức năng khác của Trí đều ngưng (sự quan sát, nhớ, suy nghĩ).

Với 4 thể linh thiêng, chỉ còn sự Sáng duy nhất sinh động, còn 3 thể kia thì “tự động sinh động”, mà không có ý thức của Trí trong đó. Hay là, chỉ còn lại sự Sáng của siêu siêu Trí (Tuệ) sinh động với sự Hiểu toàn diện, tức là Tuệ nhập vào Nguyên Lý của vũ trụ.

Đây là mức độ tuyệt đối màu nhiệm của sự sinh hóa nguyên thủy là siêu siêu Ý xúc tác vào Nguyên Lý để tác tạo, sinh hóa ra tạo vật (1).

Như vậy, trong đại định, mọi sinh hoạt của con người có hoàn toàn “tĩnh” hay không?

- Trong đại định, sinh hoạt của con người không hoàn toàn cực tĩnh, có nghĩa là có những sinh hoạt, chức năng hoàn toàn cực tĩnh. Và cũng có chức năng, sinh hoạt rất cực sinh động.

Tất cả những chức năng, sinh hoạt liên quan đến Nhục thân, Tâm và ba chức năng quan sát, nhớ, suy nghĩ của Trí đều hoàn toàn ngưng động, cực tĩnh..., chỉ trừ ra Trí thông minh với chức năng “Hiểu” trở nên cực sinh động.

Sự “Hiểu” trở nên cực động, cũng là “cái ý thức duy nhất của Trí” (2), ý thức được sự sinh động của sự Sáng được tập trung vào bên trong vô não, tức là được tập trung về não bộ mà thôi.

(1) Đến mức độ này, việc làm của con người giống như sự sáng tạo nguyên thủy trong vũ trụ.

(2) Trong sinh hoạt của đời sống, sự Sáng của Trí tỏa ra 3 cõi giới (Thân, Tâm, Trí), vì vậy mà có nhiều ý thức. Càng nhiều ý thức, Trí năng con người phát triển. Nhưng sự tuyệt đối trong mọi ý thức, là ý thức được sự sinh động của sự Sáng ở não, và “ý thức được sự Hiểu đang Hiểu”. Loại ý thức này là “siêu siêu Ý thức”.

Sự sinh động của sự Sáng càng sinh động, càng tăng năng lực, năng lượng..., thì cũng theo đó mà “sự Hiểu cũng tăng lên sự Hiểu của nó”.

Điều cần nói thêm, đây là trạng thái cực tĩnh toàn diện của Thân, Tâm, Trí, bản ngã hoàn toàn tan biến, hay là “Ta chẳng thấy Ta nữa” (1). Đối với Trí, các chức năng của Trí đều ngưng động, trừ ra sự Sáng của Trí thông minh sinh động và “cái Hiểu đang Hiểu cái Lý”, chứ không hiểu từ sự suy nghĩ.

“chọn Ngã sinh động” nhờ ở “ý thức được cái Hiểu đang Hiểu Nguyên Lý của vũ trụ”, chẳng còn thấy gì ở bản ngã, ngoài cái Hiểu ra...

“chọn Ngã sinh động”, cũng là “ý thức sự hiện hữu của sự sống”.

b. Đốn pháp và phương tiện nhân tạo và thiên tạo

Các nhà khoa học muốn Biết và Hiểu, và cũng cho người khác Biết và Hiểu những điều kỳ diệu, phi thường mà mình, thấy, nghe, cảm nhận được qua ngũ giác quan hoặc với những phương tiện tối tân.

Nhưng đạo nhân chỉ muốn Hiểu cái Lý của vũ trụ mà không dùng đến một phương tiện nào hết, luôn cả đến giác quan, nhưng chỉ với một chức năng duy nhất của Trí thông minh, là cái “Hiểu” mà thôi.

Hai chiều hướng tiến bộ và tiến hóa khác nhau không thể so sánh được.

- Các nhà khoa học phát triển Trí với những phương tiện nhân tạo để quan sát những hiện tượng xa xăm trên trời, dưới biển.

- Còn một bên, phát triển siêu Trí và Tuệ với những chức năng, bộ phận của Trí sẵn có trong con người. Và đó là phương tiện thiên tạo bên trong con người.

Thông thường, càng nhìn ra ngoài, bản ngã càng lớn, chỉ khi nào, nhìn vào trong, bản ngã mới tan biến để trở thành “Vô ngã”.

“Vô ngã” là không còn bản ngã, nhưng không phải là Vô Tâm.

(Có người hiểu lầm, Vô ngã là hiệu quả của “vô thức hóa” ý thức. Đây là một nhận định sai lầm trong phương pháp “chọn không hóa” Tâm.

Ý thức phát triển Trí năng. Nó thuộc vào loại sinh hoạt cực sinh động của đời sống. Ngược lại, với sinh hoạt cực sinh động, đó là vô thức – một trạng thái làm thoái hóa “Trí năng và Tâm năng”.

Nó làm tê liệt chức năng của Trí, và mất đi sự sinh động của tình cảm. Nếu con người lọt vào sự vô thức lâu thì tâm hồn không còn rung động nữa. Và như vậy, linh hồn cũng chẳng còn hoạt động, chỉ còn lại bản năng của Nhục thân mà thôi, tựa như thú vật vậy).

Con người có Tâm, “không có Tâm”, không phải là con người.

(1) Trong trạng thái Vô ngã này, tất cả đều Hư vô những gì thuộc về quá khứ, như ký ức rung động bằng âm ba của điện đều ngưng, dù những rung động này có hàng vạn năm trước. Đây là trạng thái “diệt tận định” trước khi giác ngộ.

Nhưng với những người thật sự Tu, là để cuộc sống đi vào sự sinh động của cõi giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên

Sự tuyệt đối của “Tu Tâm”, là tạo thêm năng lực, năng lượng của Điện bằng trạng thái chơn không.

Nó là nền tảng của đại định (đại định: sự thường xuyên của trạng thái chơn không).

Thai nhi luôn luôn “ở trong trạng thái chơn không” để thu năng lượng. Nhưng nó chưa có thể tạo năng lực, chỉ có thánh thai (Điện thân) mới có thể thu năng lượng, và tạo năng lực của loại năng lượng được thu vào theo ý muốn).

Sự từng trải của Tu Tâm là “Biết và Hiểu” được đặc thù của trạng thái chơn không. Đó là sự linh thiêng và mầu nhiệm.

Biết và Hiểu được đề “linh thiêng hóa” và “mầu nhiệm hóa” đời sống thì sự Tu Luyện đó đã được đưa vào sự thực hành.

Sự linh thiêng và mầu nhiệm luôn mãi sinh động trong 4 thể linh thiêng có trong 2 vũ trụ (to và nhỏ). Nhưng mức độ linh thiêng và mầu nhiệm mà con người cảm nhận được và thu giữ, lại do sinh hoạt của con người ở cõi giới nào, và liên quan đến tỷ lệ mầu nhiệm.

Tỷ lệ mầu nhiệm do sự cảm ứng được giữa 2 vũ trụ, cũng là mức độ linh cảm (linh cảm của Huyết và Thủy; của nội khí và Khí; của nhân điện và Điện; của sự Sáng và Trí Tuệ và sự Sáng giữa 2 vũ trụ..., qua sự cảm ứng của mỗi thể mà con người biết và hiểu được qua những hiện tượng, hình ảnh liên quan).

Lúc nào có sự sinh động của một thể linh thiêng mà con người ý thức được, lúc đó bản ngã của con người đó không còn nữa. Hay là, bản ngã của con người không còn nữa, khi chỉ còn thể linh thiêng của vũ trụ sinh động trong con người đó mà thôi.

Bốn thể linh thiêng luôn tiềm tàng sinh động trong con người. Nhưng sự sinh động của chúng bị ảnh hưởng và bị che lấp đi, do sự đặc thù ở bên ngoài liên quan đến sinh hoạt của Thân, Tâm, hoặc Tâm, Trí, hay luôn cả Thân, Tâm, Trí.

Trong trường hợp, nếu con người sinh hoạt với sự Hư vô của Tâm, lúc đó sinh hoạt liên quan đến siêu Tâm, siêu Trí, tức là sinh hoạt bằng Điện và sự Sáng, thì tỷ lệ mầu nhiệm trong sinh hoạt tăng, đúng với tỷ lệ mầu nhiệm của Điện và sự Sáng.

“Biết và Hiểu” được như vậy, con người có thể theo ý muốn của mình mà “linh thiêng hóa” và “mầu nhiệm hóa” đời sống của mình.

“Linh thiêng hóa” và “mầu nhiệm hóa” đời sống, là đón pháp vậy.

Hai tính này luôn liên quan đến thực tại. Đối với đời sống, có những sinh động, sinh hoạt, chuyển động mang tính thực tại.

Những sinh động, chuyển động có tính cách thường xuyên, hằng hữu... mà không làm tâm hồn dao động, hoặc hướng về quá khứ hay tương lai, thì những

sinh động và chuyển động đó có tính cách thực tại.

Trong Nhục thân, như nhịp đập của tim, hơi thở ra vào; trong Lương Tâm là những Lý (Thuận Lý, Chơn Lý, Đạo Lý); ở não, là sự Sáng.

Hay ngược lại, nếu lấy Trí quan sát:

- Nhịp tim, hơi thở (Thân)	} → thì tâm hồn không dao động, và luôn sinh động trong thực tại
- Cái Lý (Lương Tâm) hoặc	
- Sự Sáng	

Nhưng có những cái làm cho mình rời khỏi thực tại.

Chính bản ngã (cái Tôi) để làm cho mình rời khỏi thực tại. Và vô số cái liên quan đến bản ngã, chính những cái đó làm cho mình rời khỏi thực tại.

Cho nên nói rằng:

“Còn bản ngã, nói chi đến Đạo
Bởi vì trong Đạo, chẳng còn ai
Vô số cái liên quan bản ngã
Một cái nổi lên, Đạo biến ngay
Hỏi rằng đạo nhân có những gì
Chẳng còn, chẳng có như phàm nhân
Chỉ luôn “Hiếu, Biết” trong thể Sáng
Vì thể đời nhẹ như Hư không”.

Chỉ có sự Sáng sinh động (1), Trí mới tỉnh thức. Trí tỉnh thức, sự Sáng tăng thêm do sự sinh động của nó, đặc biệt là trong công phu. Nếu công phu, mà không có sự Sáng sinh động, mà buồn ngủ, công phu sẽ không có kết quả.

Không phải “tọa thiền” đem lại kết quả mà kết quả là sự tập trung của sự Sáng tỏa ra khắp các hệ thống của toàn thân tụ về não.

Năng lượng được tăng thêm mới có khả năng đổi mới trong sinh hoạt.

Sinh hoạt được đổi mới, linh hoạt, chính xác, minh triết... là hiệu quả của sự Sáng, của sự sáng suốt trong Thiền định.

Nếu hành giả không rõ, cái gì tạo nên hiệu quả để Trí chuyển sang Tuệ, thì thời gian tọa thiền, dù cho lâu dài đi nữa, cũng chỉ tốn công sức trong công phu mà thôi.

(1) *Thú vật không biết làm cho Trí của chúng hoạt động. Các nhà thông thái luôn làm cho sự Sáng sinh động bằng cách suy nghĩ để tìm ra nguyên nhân của hiện tượng (đặc biệt về siêu hình và vô hình).*

CON ĐƯỜNG GIÁC NGỘ

Giác ngộ là “sự Hiểu tức thì”, không cần đến chức năng suy nghĩ.

Giác ngộ là một hiện tượng sinh lý, vừa là năng lực, năng lượng.

Hiện tượng sinh lý: nó liên quan đến cấu trúc của não, đến chức năng của Trí v.v...

Hiện tượng vật lý: nó liên quan đến năng lực, sự sinh động của năng lực và các trạng thái của nó v.v...

Nó là mức tiến hóa rất xa của con người trong lãnh vực Trí khôn, trên nhiều ngàn năm khi con người bắt đầu đi tìm sự sống ở Thân (tìm sự sống cho Nhục thân), ở Tâm và sau cùng là ở Trí (tức là ở sự Sáng, sinh động trong não con người).

Đây là con đường đưa con người từ cõi tự nhiên vào cõi siêu nhiên và siêu siêu nhiên; từ sức sống có thời hạn đi vào sự hằng sống; từ sự giới hạn của không gian vào sự vô biên, từ sự giới hạn của thời gian của địa cầu vào sự vô tận, vô thời gian của vũ trụ v.v...

Ở trong sự tuyệt đối rồi, những gì thuộc về tương đối không cần đến nữa. Như, khi đã Hiểu rồi thì Biết và cảm nhận không còn được sử dụng; cái Lý đã được dùng thì quan niệm, khái niệm, định kiến, luôn cả kiến thức, tuy có đó, nhưng vẫn như không.

Nói cách khác, sự toàn diện đã có rồi thì mọi sự phiến diện luôn cả đặc thù của chúng không cần đến nữa.

Với con người, sự tiến hóa cực xa này không phải là cái có tức thì, mà nó phải trải qua nhiều giai đoạn liên quan đến nhiều vấn đề, nhiều đòi thay tiến triển, như sự phát triển của Trí sang siêu Trí, Tuệ, sự hình thành của nhiều loại thân nhẹ v.v...

Sự đổi thay này không phải từ ngoài đưa vào, mà nó do những nhân tố, yếu tố bên trong. Và khởi đầu là hướng nhìn, nhìn vào trong bằng “sự thấy của Trí khôn” với một ý thức duy nhất về sự Sáng (sự sống) sinh động bên trong những năng lực có sức sống như Điện, Khí, Huyết chuyển động trong con người.

Trong con người, sự sống và sức sống ở đâu?

- Sự sống (sự Sáng) ở não. Sự sống (sự Sáng) tăng mãi mà không giảm. Vì vậy, đầu não to ra, con người càng thông minh.

- Sức sống ở Thân. Sức sống tiềm tàng trong Khí, Huyết. Sức này có tăng, có giảm. Vì vậy, Thân có lúc mập, lúc ốm.

Trạng thái của sức sống liên quan đến sự ngủ, thức, nhịp tim, hơi thở, tình cảm, tư tưởng v.v...

Đó là tất cả những gì thuộc về sinh hoạt của Thân, Tâm, Trí, của sức sống, mà cái nhìn, cái thấy của Trí khôn cần biết, hiểu để điều chỉnh, điều khiển chúng cho trở nên linh hoạt và tích cực hơn, để từ sinh hoạt của sức sống chuyển sang sự sinh động thường xuyên của sự sống (hay là sự Sáng sinh động mãi).

Con đường đi đến sự giác ngộ, hành giả cần biết và hiểu những trạng thái và ngăn ngại sự tiến bộ và tiến hóa.

Ngủ và thức

- Về sinh lý, ngủ và thức là một chức năng phức tạp liên quan đến nhiều trạng thái khác nhau của Thân, Tâm, Trí, và đến 4 thể trong cơ thể con người.

- Trạng thái khác nhau do con người sinh hoạt với những thể linh thiêng sinh động.

Như, sinh hoạt với những thể càng nhẹ thì con người càng tỉnh thức.

Sinh hoạt bằng:

- Cảm giác (Huyết): ngủ thật nhiều.

- Tình cảm và cảm giác (Khí, Huyết): ngủ nhiều.

- Đức tính (Điện): ngủ ít, mà dễ tỉnh thức (hay là tỉnh táo nhanh).

- Đạo tính (sự Sáng): tỉnh thức (thân thể nghỉ, nhưng Trí tỉnh thức).

Thí dụ: - Trí hoạt động, sự Sáng sinh động; Trí tỉnh thức.

Tại sao trẻ sơ sinh và trẻ con ngủ nhiều?

- Trẻ sơ sinh ngủ nhiều vì hệ Huyết của chúng sinh động để phát triển. Do đó, cảm giác của chúng tăng dần. Còn trẻ con ngủ nhiều vì chúng đang sống trong sinh hoạt của hệ Huyết.

Người lớn ngủ ít vì họ sống trong nhiều sinh hoạt thuộc Khí và Điện.

Tuy nhiên, người lao động chân tay, thông thường ngủ nhiều hơn người dùng Trí. Vì họ sinh hoạt bằng hệ Huyết và Khí, tức là sinh hoạt bằng bản năng.

Các thể linh thiêng là nền tảng của đời sống nhưng trường độ của đời sống do sinh hoạt của “thể” mà con người thường dùng.

Hay là, thể nào sinh hoạt thì thể đó là nền tảng của trường độ của đời sống.

Thí dụ: Huyết là sinh hoạt chính yếu (cảm giác sinh hoạt) thì trường độ của đời sống thuộc về Huyết.

Những người sống hưởng thụ cảm xúc, cảm giác sinh hoạt nhiều bằng hệ Huyết, tuổi thọ ngắn.

Trái lại, người sống bằng hệ “sự Sáng”, và tạo thêm sự Sáng, như trong đời sống tâm linh, tuổi thọ của Nhục thân tăng. Và sau khi Nhục thân tan rã, sự Sáng vẫn tiếp tục sinh động.

Trong đời sống bình thường, khi sự Sáng hao tán và thấp hơn nhu cầu của những chức năng của Trí, Tâm, Thân, thì con người cảm thấy buồn ngủ. Và khi ngủ, sự Sáng tụ lại đầy đủ, con người tỉnh thức.

Nếu sự Sáng tụ về não quá mức nhu cầu và bức xạ (1) thì con người hết buồn ngủ và Trí tỉnh thức mãi mãi, hay là các loại Trí (siêu Trí, Tuệ) sinh động được mãi mãi.

Với người bình thường, ngủ là một nhu cầu cần thiết cho sức khỏe, cho sức sống. Vì trong thời gian đó, vỏ não ngưng hoạt động.

Nhưng với người hành Thiền, trạng thái vỏ não ngưng hoạt động (tức là con người làm chủ sự ngủ) thì đó là giai đoạn đầu (cũng là giai đoạn “định” từng phần) để con người vào đại định.

Từ sự sinh hoạt bình thường đến đại định là một sự diễn tiến trong đó Thân, Tâm và 3 chức năng của Trí (quan sát, nhớ, suy nghĩ) phải giống như trạng thái ngủ, chỉ còn lại sự Sáng của Trí thông minh sinh động mà thôi (tức là chỉ có sự Hiểu, Biết sinh động).

Ngủ và Thiền định

Ngủ và Thiền định là hai trạng thái động và tĩnh, liên quan đến những hiện tượng sinh lý và vật lý. Nhưng cả hai đều thuộc về sự sinh động của năng lượng, năng lực.

Khi ngủ, vỏ não ngưng hoạt động, hệ thần kinh giao cảm (động vật) cũng ngưng (2), chỉ còn lại hệ đối giao cảm (thực vật) hoạt động.

Tương tự như trạng thái này, khi Thiền định, nếu hồi quang sâu vào trong não bộ thì vỏ não cũng ngưng hoạt động, hệ thần kinh giao cảm (động vật) cũng ngưng, chỉ còn lại ý thức của Trí khôn. Ở mức ban đầu, chức năng nghe và nhìn vẫn hoạt động.

Nghe bên trong, tức là nghe được sự sinh động của nội khí, mà không còn nghe sự hô hấp nữa. Nghe được nội khí, mới có thể điều khiển được hệ thần kinh đối giao cảm (thực vật) liên quan đến những cơ quan cần đến Khí.

Nhìn vào trong thì thấy được sinh động của sự Sáng, mà không còn những chức năng nhớ và suy nghĩ hoạt động nữa. Thấy được sự Sáng, mới để cho sự Sáng sinh động mãi, cho đến khi nó đủ sức bức xạ.

Nhìn vào trong, chỉ còn lại hai lực chính yếu của năng lực tiên thiên (sự Sáng) và năng lực hậu thiên (Khí) hoạt động.

Khí thì tốt cho Nhục thân.

Sự Sáng thì tốt cho các loại Trí.

Nghe được sự sinh động của Khí và sự Sáng bên trong Thân thì Tâm trở nên chơn không rồi.

(1) Do nhiều nguyên nhân: do cách sống, do sinh hoạt, hay do công phu luyện tập.

(2) Thời gian ngưng động của hệ thần kinh này là điều kiện, cũng là trạng thái thuận lợi cho công phu, tức là bản ngã không hoạt động nữa. Chỉ còn lại một hệ hoạt động mà Trí con người có thể dễ dàng điều khiển cho nó ngưng luôn. Đây là thời gian chính yếu để vào toàn định.

(Ngủ cũng vậy, khi chỉ còn một hệ thần kinh đối giao cảm (thực vật) hoạt động thì Tâm không hoạt động. Nhưng trong Thiền định, khi vô não ngưng hoạt động thì Tâm cũng trong trạng thái hư vô.

Nó có thể hoạt động trở lại tức thì nếu Trí nhớ hoặc Trí suy nghĩ hoạt động, không giống như lúc con người đang ngủ).

Tim ngưng đập và Thiền định

Tim ngưng đập cũng như phổi ngưng thở, đều liên quan đến sự ngưng hoạt động của vô não và hệ thần kinh giao cảm (động vật) ngưng hoạt động.

Hiện tượng này mang tính cách vật lý, và tâm sinh lý.

- Tim liên quan trực tiếp đến sự sống của Nhục thân. Còn thai nhi, chưa có Tâm, Trí sinh động, tim thai nhi vẫn đập theo sức sống của Nhục thân.

Ra đời, có sức sống, sự sống riêng, nhưng khi Nhục thân chết, tim con người mới ngưng đập, tức là, khi một trong 4 thể linh thiêng (Huyết, Khí, Điện, sự Sáng) ngưng động thì Tim ngưng đập.

Từ cái chết của Nhục thân, Tim con người ngưng đập. Ngoài ra, con người thức, ngủ, có ý thức hay không ý thức, thì Tim vẫn “tự động” đập.

Sự đập của Tim thuộc về hệ thần kinh thực vật. Nó hoạt động thường xuyên và “tự động”, chẳng liên hệ trực tiếp đến Tâm, Trí.

Nhưng do sự liên đới ảnh hưởng của các thể linh thiêng (1) mà chức năng và khả năng của Trí có thể điều khiển một, hoặc nhiều thể ngưng động, hay là làm cho những dịch kỳ của các thể ngưng động. Mặc dù, các dịch kỳ ngưng động, nhưng sự sống của các thể vẫn sinh động. Do đó, sự chết của Nhục thân không xảy ra.

Khi dịch kỳ của một thể linh thiêng (Khí, hoặc Điện, sự Sáng) mà ngưng động, hay hòa nhập vào nhau, thì Tim cũng theo đó mà ngưng đập.

Ba thể nhẹ liên quan đến Tâm, Trí mà ngưng động, hay là nếu Tâm, Trí mà ngưng dao động, thì dịch kỳ của Khí, Điện, sự Sáng cũng ngưng, theo đó Tim ngưng đập.

Nếu thể nhẹ nhất (sự Sáng) mà ngưng động những chức năng, dịch kỳ của nó, thì những thể khác cũng ngưng theo, và Tim cũng ngưng đập.

Tức là, thể nguyên thủy, sinh hóa ra những thể khác, mà ngưng động, thì những thể được nó sinh hóa (Điện, Khí, Huyết) cũng theo đó mà ngưng động.

Như vậy, cách nhanh nhất là điều khiển sự Sáng của Trí, để nó tự sinh động trong não, thì những thể khác, và hệ của chúng đều ngưng.

(1)Trí điều khiển thực lực nằm trong sự vận hành của Khí và Huyết, đó là Điện. Hay là sự Sáng của Trí điều khiển 3 thể linh thiêng yếu hơn sự Sáng.

Lúc đó, Tim hoàn toàn ngưng đập, Phổi ngưng thở, nhưng khối lượng của máu và khí vẫn đầy đủ ở não. Dù phổi không thở, nhưng Khí vẫn được đổi mới. Do đó, máu vẫn đủ sức sống.

Máu đầy đủ sức sống và kéo dài sức sống, nên các tế bào không bị hoại, mà sức sống của tế bào còn tăng hơn bình thường.

Vì vậy, khi Tim ngưng đập trong đại định thì Nhục thân càng khỏe hơn.

Đây cũng là lúc mà “sự Sáng thuần túy của Trí tách ra khỏi chức năng của nó, tức là chức năng quan sát, nhớ, suy nghĩ không hoạt động, và bản ngã cũng tan biến luôn.

Nhưng, hành giả cần biết thêm diễn tiến của Tim, từ sinh hoạt bình thường đến khi ngưng đập.

Đó là sự điều khiển của Trí để cho cảm giác và tình cảm ngưng động, cũng là làm ngưng chức năng của Tim và Phổi để cho sự Sáng (sự sống) của Huyết và Khí dồn về não, tức là sự Sáng tụ về não.

Những hiện tượng ở Tim:

- Tim đập nhẹ lại: còn ý thức ít về cảm giác.
 - Tim ngưng đập: chức năng quan sát của Trí không còn liên hệ.
- Vì Tim là nguồn gốc của cảm giác. Nó làm cho cảm giác sinh động.

Về Phổi:

- Trong Thiền định: hết tình cảm, là hết sự dao động của Khí. Chức năng hít thở không còn, nên ngưng thở.

Trong trạng thái này, sự Sáng (sự sống) thay thế trực tiếp cho những năng lượng có dịch kỳ là hơi thở (Khí), và sự tuần hoàn của máu (Huyết).

Như vậy, “sự Sáng sinh động thì Nhục thân không chết” (1), dù những chức năng của các thể khác ngưng hoạt động. Nhưng nhiệt độ ở Nhục thân vẫn ổn định ở 37°C.

Hiệu quả và “sự Vô ngã hóa” của hồi quang

Hồi quang là điều khiển Trí quan sát sâu vào trong, quá tầm hoạt động của hệ thần kinh liên quan đến thể giới tự nhiên (vào phần bên trong của vỏ não).

Nghĩa là, điều khiển sự quan sát của Trí vào trong não nên “Trí quan sát” được những hiện tượng siêu nhiên do trực giác quan cảm nhận được.

Nói cách khác, là Trí “quan sát” được bằng những chức năng của trực giác quan bên trong vỏ não. (Trạng thái này giống như ngủ mà có mộng, tức là cơ thể đang trong trạng thái ngủ còn Trí vẫn thức, nhưng không cảm nhận những gì mà các giác quan đưa vào).

(1) Trạng thái Cực lạc của đại định, miệng mỉm cười, nhiệt độ ở Thân là 37°C, có thể kéo dài nhiều giờ, nhiều ngày. Nếu không biết, và căn dặn, người nhà có thể đem đi mai táng con người đang sống.

Nếu Trí quan sát quay vào trong mà quan sát một sự sinh động nào đó, mà không liên quan đến sinh hoạt của bản ngã, thì nó “Vô ngã hóa” được bản ngã, như:

- Thân: không còn cảm giác	} →	Thì không còn “cảm, biết”. Nếu chức năng Biết mà không còn, thì sự Hiểu sẽ toát ra và giác ngộ.
- Tâm : không còn tình cảm		
- Trí : không còn tư tưởng		

Sự trường thọ và thông minh trong trạng thái ngủ, và tỉnh thức

Hai hiện tượng ngủ và tỉnh thức đều biểu lộ ở đầu và não. Và cũng do nội lực (Điện và sự Sáng) ảnh hưởng đến sự ngủ và tỉnh thức.

Ngủ: Tai và mắt đều ngưng hoạt động. Hai giác quan này linh hoạt và hoạt động nhiều nhất trong sinh hoạt.

Các giác quan thu, nhập sinh hoạt của con người đều ở đầu. Điện và sự Sáng là năng lực chủ yếu của mọi sinh hoạt đều ở đầu não.

Tỉnh thức: chứng tỏ điện và sự Sáng có năng lực cao và mạnh ở não bộ. Đây là năng lực linh hoạt làm con người tỉnh thức.

Các nhà trí thức ít ngủ và sống lâu hơn những người lao động bằng chân tay cũng do sức linh hoạt này.

- Với Trí năng thường xuyên linh hoạt, các nhà trí thức luôn tỉnh táo và sáng suốt. “Sự linh hoạt của Trí năng cũng là sự sinh động của sự Sáng và Điện ở đầu não vậy”.

Khí, Huyết sinh động ở Nhục thân, còn Điện và sự Sáng chủ yếu sinh động ở đầu não, nên các nhà trí thức ít ngủ.

Ít ngủ, nhưng tỉnh thức nhiều, đó là hiện tượng của sự Sáng và Điện sinh động nhiều và lâu trong đầu não.

Sự Sáng và điện sinh động nhiều và lâu thì các nhà trí thức được trường thọ.

Sự tỉnh thức của Trí liên quan đến sự thực hành Thiền định, là người thực hành cũng ít ngủ và sống lâu.

Phương pháp này làm cho Thân, Tâm, Trí đều được An, chỉ còn lại sự Sáng thuần túy của Trí không vướng vào một chức năng nào của Trí nữa, nên sự Sáng thuần túy sinh động một cách tự động. Nhờ đó mà Trí năng tăng, tức là năng lực trong Trí tăng.

Năng lực của Trí tăng thì khả năng của những chức năng cũng tăng lên, như quan sát nhanh, chính xác, nhớ nhanh và lâu, suy nghĩ nhanh.

Như vậy, Thiền định làm tăng Trí năng. Trí năng hoạt động, Trí trở nên linh hoạt. Con người tỉnh thức, ít ngủ và sống lâu.

Và sự tỉnh thức, tỉnh táo, linh hoạt có phải là nền tảng để phát triển trí thức hay không?

- Trí hoạt động thì tình thức, tình tảo và linh hoạt. Đó là hiệu quả của Trí năng, và chúng cũng là yếu tố quan trọng để phát triển trí thức con người. Và người thực hành Thiền định cũng sống rất lâu.

Thiền định làm tăng Trí năng, như vậy người thực hành Thiền định có phải là trí thức hay không?

- Trí thức là kết quả của sự nghe, thấy, nếm, ngửi, cảm xúc và sự tư duy, suy nghĩ mà có. Nó là kết quả của mọi sinh hoạt thuộc Thân, Tâm, Trí, mà con người từ ý thức, chuyển sang kiến thức và hiểu biết, để trở nên trí thức.

Với Thiền định, không những làm tăng Trí năng, mà nó còn làm cho con người phát triển siêu Trí năng, và Tuệ năng. Đây là phương pháp đưa sự toàn diện của 9 giác quan (5 giác quan, 3 trực giác quan và 1 linh giác quan) vào hoạt động, và đưa cả 3 loại Trí (Trí, siêu Trí, và siêu siêu Trí) vào hoạt động.

Nhờ sự hoạt động toàn diện của 3 loại Trí mà người thực hành Thiền định ở mức đại định (hay toàn định) vào hàng Trí thức, siêu Trí thức và siêu siêu Trí thức (1).

Hiệu quả của hồi quang

Hiệu quả của hồi quang bao gồm nhiều phương diện (năng lực, tâm sinh lý v.v...)

Nhìn vào trong, sự Sáng xúc tác vào những thể linh thiêng khác để tạo nên:

- Thân lực, huyền lực, huyền năng.

- Để tăng sự chính xác trong tốc độ của mỗi thể, và sinh hoạt liên quan của mỗi thể ở:

Thân: nhịp tim, hít thở (2), cảm giác.

Tâm : nhìn vào tình cảm, đức tính.

Trí : các chức năng của Trí.

(Cách luyện tập sự chính xác trong tốc độ gia tăng, phải khởi luyện từ Thân, Tâm, Trí).

Hiệu quả của hồi quang về phương diện tâm sinh lý, là Tâm, Trí đều Hư vô. Nhưng “ngoài và trong” đều vô hình, mới gọi là Hư vô.

Ngoài: 5 giác quan bẻ lại, chẳng còn sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc... nhập vào Tâm, Trí.

(1)Trí và siêu Trí là hai loại Trí chưa có cái nhìn toàn diện (chưa Toàn Kiến) còn cần đến sự nhớ để suy nghĩ, hoặc có thể cảm nhận trực tiếp những hiện tượng để suy nghĩ, tức là Trí và siêu Trí còn phải suy nghĩ rồi mới hiểu. Còn siêu siêu Trí (Tuệ) thì không cần đến hiện tượng, mà vẫn hiểu được cái Lý (Nguyên Lý của vũ trụ), do sự bức xạ của sự Sáng của Trí.

(2)Dùng sự Sáng của Trí quan sát “điều khiển” Khí Âm, Dương trên mạch Nhâm, Đốc. Sự xúc tác của sự Sáng vào Khí sinh hóa ra Thanh Khí và Điện Âm (hiệu quả: trông trắng của mắt trở nên trong xanh, từ chi mềm dẻo trong động tác).

Trong: chẳng còn một ký ức nào nổi lên, liên quan đến Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc..., dù ký ức đó siêu hình.

Như vậy, “cái gì, điều gì” còn có thể làm cho Tâm, Trí dao động, dù là hữu hình, siêu hình, vô hình... thì chưa được gọi là Hư vô.

“Trong thực hành, “cái gì, điều gì” còn làm cho Tâm, Trí dao động, nó phải được ngưng”.

“Tâm, Trí” (tâm hồn), nhưng Trí do Tâm sinh hóa. “Tâm” là nguồn gốc của tâm hồn. Tâm mà được “Hư vô” mãi, là mức tuyệt đối của hồi quang.

- Bỏ giận, lo, sợ, Tâm còn lại sự Vui, Mừng. Tâm tuy có tiến bộ nhưng Khí vẫn còn động. Cái “Rủi” không có, cái “may” đến, nhưng năng lực hậu thiên còn sinh động.

“Tâm vô tâm trạng, Hư vô mãi, chỉ còn Trí sinh động với cái Lý”. Đó là hiệu quả cực cao của hồi quang.

Lúc đó năng lực tiên thiên mới sinh động.

a. Nhỏ hóa To, cực To hóa ra Hư không

Một điểm nhỏ hữu hình là cái cực To của Hư không. Và Hư không cực rộng lớn, thì không thấy Có.

Tâm trạng con người, tuy chỉ thoáng qua, ta coi nó là nhỏ nhưng nó là một trở ngại lớn cho việc tiến hóa tâm linh.

Một tâm trạng nổi lên, dù chỉ thoáng qua, thì Tâm vẫn động, chưa An.

Thoảng lo, thoảng vui, thoảng bức, thoảng buồn..., sinh hoạt vẫn liên quan đến Tâm.

“Khí” động, tuy nhẹ, nhưng đó cũng là năng lực hậu thiên sinh động.

Nếu Tâm không còn động nữa, tức là Khí không động, thì sinh hoạt chuyển sang Trí. Hay là, năng lực tiên thiên hoạt động theo sinh hoạt của con người.

Nếu năng lực tiên thiên sinh động, mà không liên can đến sinh hoạt của bản ngã, thì sự sinh động của năng lực tiên thiên trong con người hòa nhập vào năng lực vũ trụ.

Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc..., hiện tại vô thọ cảm, vô ký ức của quá khứ, thì Nhục thân được sạch bụi trần.

Tâm vô tâm trạng mọi thời, là “Tâm Hư vô” “Thân sạch, Tâm hư vô”... thì năng lực tiên thiên sinh động.

b. Tập niệm: một trở ngại của sự “Hư vô hóa”

Tập niệm làm trở ngại sự “Hư vô hóa”, “sự chơn không hóa” của Tâm và Trí để vào đại định.

Nó biểu hiện sự tồn tại của bản ngã trong trạng thái sinh động.

Nếu bản ngã tồn tại, sinh động thì chơn Ngã không xuất hiện được.

Tập niệm liên quan đến sinh hoạt của đời sống, mà hai bộ phận chính là Tâm và Trí.

Nó nảy sinh từ sự nhớ lại những gì thuộc về quá khứ (xa, gần), tới sự suy nghĩ, hành động trong tương lai, và ngay cả hiện tại, nếu những điều đó liên quan đến bản ngã, tức là những điều đó tạo nên tâm trạng, và tư tưởng của bản ngã, thì tập niệm nảy sinh.

Phần lớn tập niệm liên quan nhiều đến Trí, đến sinh hoạt của đời sống cá nhân, thuộc về bộ phận, chức năng “Nhớ và suy nghĩ”, và sau đó là “quan sát và suy nghĩ”.

(Quan sát gồm hai chức năng:

- Quan sát những hiện tượng trong thế giới tự nhiên bằng 5 giác quan. Hay là, 5 giác quan đưa tín hiệu vào Trí.

- Quan sát những hiện tượng vô hình, trạng thái “động” hoặc “tĩnh” của Tâm và Trí.

Hiệu quả: - quan sát bên ngoài thì tiến bộ.

- quan sát bên trong thì tiến hóa.

Những trạng thái cần có trước, và cần thiết để vào đại định

Muốn đi đến sự giác ngộ, sự hăng sống qua trạng thái đại định, điều kiện đầu tiên trong sự Luyện Tu, Sống Đạo... phải có Thân, Tâm, Trí khỏe mạnh. Nếu:

- Thân, Tâm, Trí đau yếu - Thân khỏe, Tâm, Trí đau yếu - Thân Trí khỏe, Tâm đau yếu	}	→ đều là bệnh tật của con người xã hội.

Nếu Nhục thân đã được khỏe, chỉ còn lại Tâm, Trí phải được An, Định.

Muốn tâm hồn được An, Định mọi lúc, mọi nơi, hay trong Thiền định, trước hết phải thấy mình là vô hữu, Vô ngã..., nghĩa là không còn gì thuộc về mình nữa, mà chỉ có một tiểu vũ trụ mà thôi.

Vì vậy, nếu cuộc sống là một tiểu vũ trụ thì:

- Trong sinh hoạt với Đời: chỉ có Lương Tâm và Trí (Lý).

- Với chính mình: chỉ có sự Sáng và các loại Trí (Trí, Siêu Trí, Tuệ).

Chỉ có Lương Tâm, Trí và Lý (Thuận Lý, Chơn lý, Đạo lý), và đức tin mới làm cho tâm hồn và tinh thần con người được mạnh. Càng vận dụng nhiều, năng lực đó càng mạnh.

Cũng có thể nói, đây là cách sống của con người để trở thành một tiểu vũ trụ.

- Con người trở thành một tiểu vũ trụ, khi nào những gì thuộc về cá nhân, về loài người không còn sinh động nữa. Chỉ có Ngũ hành, Dương và Âm của vũ trụ sinh động trong con người. Và con người hiểu biết, và điều khiển được chúng.

Tức là, Tâm, Trí con người phải cực sạch những gì thuộc về cá nhân, về loài người sinh động, hay tái sinh động. Đó là những gì đang có trong Tâm, và đã

chứa trong Tâm, tức là phạm tâm phải chết vậy.

Cái Tâm chết thì Ngũ hành khí trong Nhục thân cũng không hoạt động nữa(1). Lúc đó, Khí trong Thân, hình thành “Khí thân”.

Khi Trí không còn những ký ức, những tư tưởng thuộc về cá nhân nữa, thì Điện trong Nhục thân sẽ hình thành “Điện thân”.

Sự cực sạch những gì thuộc về cá nhân, không phải con người không còn sự sống, mà chỉ còn sự hoạt động, sinh động của các loại Thuần Trí học hỏi những gì có trong vũ trụ để tiến hóa (2).

Vậy muốn cực sạch phải làm sao?

- *Tâm là gốc của nhân bản. Tâm trạng, tình cảm, tình Thiện, Ác là giá trị nhân bản, mà Trí dùng để Thiện hóa hay thánh thiện hóa cái Tâm.*

“Trạng thái cực sạch của Tâm” là trong thực tại, không có tâm trạng nảy sinh và không có sự tái nảy sinh của tâm trạng đã có trong ký ức, trong quá khứ.

Tâm: quá khứ “động”, hiện tại “Tĩnh”: chưa cực sạch.

Tâm: quá khứ “Tĩnh”, hiện tại “Tĩnh”: cực sạch.

Tâm cực sạch, Trí cực sáng, con người trở nên linh thiêng và mẫu nhiệm. Vì, Trí là Thuần Trí chỉ có chức năng Biết và Hiểu.

Đây là sự Biết và Hiểu của Thuần Trí (các loại) của Vô ngã hoàn toàn. Thế nhưng, không phải Vô ngã hoàn toàn, hay trong đại định mà con người có thể giác ngộ được. Mà đó là trạng thái thuận lợi để Tuệ giác ngộ, tức là chỉ có sự Sáng của Tuệ mới Hiểu được tức thì mà thôi.

Đó là sự Sáng quang tỏa ra khắp thân thể được tập trung về não.

Sự Sáng được tập trung về não, sinh động và tăng lên, do không còn cung cấp cho 3 thể (Điện, Khí, Huyết) hoạt động.

Nhưng từ sự tập trung về não đến khi sự Sáng có khả năng giác ngộ, Trí con người phải chuyên hóa, hay phải trải qua, từ Trí sang siêu Trí và cuối cùng là Tuệ, tương ứng với ba giai đoạn, hay trạng thái của Thiền định, tạm gọi là: Tiểu định, Trung định và Đại định (hay Toàn định).

Những giai đoạn đưa đến sự giác ngộ

Những giai đoạn đưa đến sự giác ngộ cũng là 3 mức trong Thiền định. Chúng liên quan đến tâm sinh lý, vật lý... như nửa thức, nửa ngủ; nửa sống, nửa chết,

(1)Người chết, Khí thân toát ra khỏi Nhục thân, do không còn cảm giác, và Ngũ hành khí cũng ngưng, giống như vậy.

(2)Những chuyển động của các tạo vật to lớn như các hành tinh, tinh tú... tạo ra Vận (Dương Âm, Ngũ hành) mà con người áp dụng vào lịch, y lý, y đạo v.v... đều xuất nguồn từ Thuần Trí, siêu Trí và Tuệ cả. Nói cách khác, “con người dùng tiểu vũ trụ để cảm ứng với đại vũ trụ bằng sự Sáng của các loại Thuần Trí để Biết và Hiểu được những chuyển động, Vận... trong vũ trụ”.

sự sống sinh động và hoàn toàn tỉnh thức.

Đó là những trạng thái của Tiểu định, Trung định và Đại định, trong đó con người mới khám phá ra sự sống, chết, của con người tiến hóa, đã có từ lâu đời. Và trong đại định, mới biết được con người hằng sống, và không còn sự chết nữa. Từ sức sống có thời hạn của mỗi loại thân đến sự hằng sống của Quang thân, con người trải qua sự biến thể, từ nhiều nhân tố đến một thể duy nhất, là thể Sáng sinh động. Tức là từ bốn thể trong Nhục thân, đến 3 thể trong Khí thân, 2 thể trong Điện thân, và cuối cùng, chỉ có thể Sáng duy nhất sinh động, là Quang thân.

Không giống như những tạo vật khác, chỉ biến tướng, nhưng không có sự biến thể, tức là chỉ có Khí, Thủy (chất lỏng trong người) như con ngài, đẻ trứng, sinh ra tằm, và tằm thành nhộng. Và cứ mãi mãi sinh hóa theo dịch kỳ.

Sự chết của con người thuộc về năng lực hậu thiên. Sự sống thuộc về tiên thiên, là loại năng lực luôn luôn tồn tại sinh động ở đầu não con người.

Năng lực tiên thiên thuộc loại “vô trọng lượng”, “vô trọng lực”, không bị ảnh hưởng bởi hấp lực địa cầu. *Trong sinh hoạt con người, “tư tưởng và Lý” là sự sinh động của năng lực tiên thiên, hoạt động trong cõi siêu nhiên và siêu siêu nhiên, tương quan, tương ứng với cấu trúc của con người, là não và sự Sáng trong não.*

Não con người là nơi chứa những năng lực cực mạnh của con người, mà các bậc siêu nhân (Thần, Tiên, Phật, Thánh) cũng đều tạo nên từ loại năng lực cực mạnh này. Từ đó sinh hóa ra những việc phi thường, siêu nhiên.

Bình thường, con người sinh hoạt bằng Thân, Tâm, Trí, với bốn loại năng lực, là Huyết, Khí, Điện, sự Sáng. Nhưng trong Thiền định, sự tiến hóa làm giảm bớt dần các cõi giới, bắt đầu từ Thân, rồi đến Thân và Tâm, và cuối cùng đến sự giảm bớt những chức năng của Trí. Về năng lượng cũng vậy, bắt đầu là Huyết (loại bỏ cảm giác), rồi đến Khí (tình cảm) đến Điện (là tư tưởng). Cuối cùng, chỉ còn lại sự Sáng sinh động trong não mà thôi.

Như vậy, “Thiền” là làm tăng sự Sáng ở não để giác ngộ, và “Định” là phương tiện, cũng là trạng thái thuận lợi, đưa sự Sáng tự nhanh về não.

Những gì thuộc về năng lượng đều mang tính thực tế, vì năng lượng là một thực thể, nó không có tính trừu tượng.

Do đó, người “hành Thiền”, phải luôn ý thức được sự tăng, giảm, năng lượng ở não, và đó, cũng là ý thức được sự tiến bộ hay thoái hóa của sự luyện, tu và ngay cả những biến đổi trong đời sống.

Đối với sự biến đổi trong đời sống, “Thiền định” là phương pháp chuyên bản ngã sang chơn Ngã không qua Đạo lý, không tuân tụt từ sự Tu Tâm, tu Trí.

Từ chơn Ngã mà Tuệ giác ngộ được Nguyên Lý, có khả năng Hiểu mãi, không cần đến sự suy nghĩ.

Thiền định thuần túy mang tính xuất thế và phương pháp lâu dài trở thành pháp môn. Rồi pháp môn sinh ra môn phái.

Thiền định thuần túy, không Đạo lý. Nó không phải là một tôn giáo (1).

Phương pháp này đưa sự minh mẫn của Lý, Trí đạt đến mức cao trong mọi thời gian, thì trong mọi sinh hoạt, con người có thể dùng đến cái Lý một cách hữu hiệu. Cũng có nghĩa là, con người tự chủ được trong mọi thời.

Sự minh mẫn này biểu hiện không có sự phản ứng tâm lý, hay là trong mọi hoàn cảnh, mà không có tâm trạng nổi dậy, thì con người làm chủ được mình. Và từ đó mới có thể tiến hóa được.

Tọa Thiền

“Tọa Thiền” là ngồi Thiền. Ngồi kiết già, lưng sang hướng Bắc, mặt hướng Nam, cột sống luôn thẳng, đầu giữ ngang, năm giác quan bế lại...

Tất cả những điều đó không phải là chính yếu, bởi vì Tâm, Trí đều vô hình, không phải thuộc về hữu hình, cho nên phương hướng của địa cầu không ảnh hưởng đến hai bộ phận, cơ quan vô hình này. Chỉ có hai trạng thái “động và tĩnh” của Tâm, Trí mới làm đổi thay toàn diện cách sống.

Cách sống của con người liên quan đến tâm lý, sinh lý và vật lý. Chúng có ảnh hưởng liên đới với nhau, cũng như sức khỏe của Nhục thân ảnh hưởng đến đời sống tinh thần, và ngược lại đời sống tinh thần mà mạnh, thì Nhục thân được khỏe.

Trong tọa thiền, điều này dễ nhận ra. Khi Tâm vô trạng (Tâm chơn không) thì Khí “tự động điều hòa”, không có một trong “ngũ tạng khí” nổi lên, thì đó là Thanh khí. Hay ngược lại, nếu lấy Trí “quan sát” hơi thở điều hòa thì Tâm trở nên vô tâm trạng.

Đây là sự điều khiển từ tâm lý ảnh hưởng đến sinh lý, năng lượng, và ngược lại, điều khiển năng lượng để đổi thay trạng thái tâm lý.

Trong “sơ Thiền”, mục tiêu là hóa giải sự động loạn của Thân, Tâm, Trí, hay là “chơn không hóa” Thân, Tâm, Trí. Đó cũng là không để cho cảm giác tình cảm và tư tưởng của bản ngã nổi lên trong thời gian tọa Thiền.

Trạng thái “Tĩnh” của sinh hoạt (cảm giác, tình cảm, tư tưởng ngưng động) càng lâu thì sự sinh động của sự Sáng của Trí càng tăng. Tức là, sự Sáng, và sự sáng suốt của Trí càng tăng. Và 3 cõi giới, có sự đổi thay theo chiều hướng tiến bộ, và về sự tăng trưởng năng lượng.

Sự đổi thay này là hiệu quả của hồi quang trong “sơ thiền”, do sự cộng hưởng

(1) Đạo lý có tác dụng trong đời sống nhập thế là:

- Thiện hóa tâm hồn	} phát sinh ra
- Thánh thiện hóa linh hồn	
	} tôn giáo, giáo hội

của năng lực mạnh nhất của con người, là sự Sáng hòa nhập với những năng lực khác (Khí, Huyết, Điện).

Hiệu quả ở Nhục thân

Hai năng lực hậu thiên hoạt động và chuyển động trong Nhục thân là Huyết và Khí. Nhưng Khí quan trọng hơn Huyết, và thuộc loại năng lực mạnh hơn Huyết.

Làm sạch nội lực, cũng là cường hóa nội lực, không gì bằng làm sạch Khí.

Trong một môi trường thiên nhiên cũng vậy, nơi nào có Khí trong sạch, nơi đó có nước trong dưới mặt đất. Bởi vì thành tố của nước là các loại khí.

Cũng vậy, nếu không khí bị ô nhiễm thì máu con người cũng dơ, chứa nhiều độc tố, dễ sinh bệnh.

Như vậy, muốn làm cho máu sạch, mạnh, con người có thể dùng cách thở để đưa thanh khí vào máu, hoặc dùng cách thở bên trong (nội tức, quy tức hoặc chơn tức), bởi vì một trong các thành tố của máu là Khí.

Khí sạch, Huyết mạnh..., da nhuận sáng, hồng.

Sự Sáng trong đầu não tăng, nó là năng lực cao và mạnh của năng lực tiên thiên. Nó bồi bổ cho tất cả những năng lực, năng lượng khác trong chức năng hoạt động của mỗi hệ thống. Tất cả những hệ thống liên quan đến sức khỏe của Nhục thân, đều nhờ sự Sáng sinh động bên trong mà hoạt động tốt.

Như hệ tiêu hóa: lúc nào ăn cũng ngon miệng, tiêu hóa nhanh, và thải ra dễ dàng.

Hệ thần kinh: dẫn và truyền nhanh.

Hệ nội tiết: hormone không đợi ngủ dậy giấc mới tiết ra. Nó được sự Sáng kích thích nó, tiết ra trong thiên định, vì năng lượng của nó vượt quá nhu cầu của các hệ.

Hiệu quả ở Tâm, Trí

Tâm vô tâm trạng là Tâm chơn không, cho nên Trí sáng suốt.

Trí sáng suốt là sự Sáng (thê Sáng) tăng, do đó mà đầu não lớn ra.

Trong Thiên định, mức tỉnh táo trong sự tỉnh thức của Trí làm tăng sự Sáng, và mức “Hiếu” trong sự Sáng tăng. Có nghĩa là, sự sáng suốt trong mức tỉnh táo tăng, và trường độ “Hiếu” trong đó, tăng theo trạng thái tỉnh táo.

Như vậy, hiệu quả của Thiên định do mức tỉnh táo mà con người duy trì được.

Hiệu quả chung

Thân, Tâm, Trí đều được thư giãn trong khi tọa thiền. Sự sinh động của 4 thê (Huyết, Khí, Điện, sự Sáng) trở nên tự động, không còn liên hệ đến sinh hoạt của bản ngã nữa. Vì vậy, tọa thiền lâu, mà tay chân không tê, cứng.

Nhưng chức năng quan sát của Trí còn hoạt động, còn quan sát sự sinh động của nội lực (1).

Tiểu định

Trong sơ thiền, sự Sáng của Trí còn liên quan đến Thân, Tâm, Trí, tức là liên quan đến toàn thân và đầu não.

Trong tiểu định, sự sinh động chỉ giới hạn ở đầu và não, vì Thân đã được “Định” rồi, tức là không có sự xuất hiện của cảm giác. Hay là, cõi tự nhiên đã được tách ra. Mọi hoạt động thuộc về cõi siêu nhiên.

Về sinh lý, vỏ não ngưng hoạt động, hệ thần kinh giao cảm (động vật) cũng ngưng luôn, chỉ còn hệ đối giao cảm (thực vật) tự động hoạt động. Thân không còn cảm giác, Tâm “vô tâm trạng”. Thân thể tuy ngồi, nhưng như trong trạng thái ngủ.

Thân, Tâm đều ngưng hoạt động, chỉ còn Trí tỉnh thức, sự Sáng thuần túy sinh động. Hành giả đang trong trạng thái nửa thức, nửa ngủ. Do đó, mà Nhục thân không mệt mỏi, tuần hoàn máu đều đặn, hô hấp của khí điều hòa, cho nên có thể tọa thiền lâu. Chỉ còn não hoạt động, sự Sáng tiếp tục sinh động ngay trong não, và sự Sáng không tỏa ra ở các cơ quan, tạng, phủ... của thân. Vì vậy, sự sinh động của sự Sáng làm tăng năng lực cho chính nó.

Ở Thân, “ngũ tạng khí” không nổi lên, khí ở Nhục thân, do sự điều hòa của hô hấp, tạo thành một mảng, mang hình dáng của Nhục thân, đó là Khí thân. Nhưng nó còn yếu, chưa đủ sức để hoạt động ngoài Nhục thân, hay là nó chưa đủ lực để tách ra khỏi Nhục thân mà hoạt động với lực riêng của nó (2).

Với trạng thái nửa thức, nửa ngủ, Trí trở thành thuần Trí. Sự Sáng chỉ sinh động trong não, nhờ đó, các chức năng của Trí tăng khả năng. Như quan sát, nhớ, và suy nghĩ, tất cả những chức năng này đều tăng khả năng trong tốc độ của chúng.

Nhờ sự Sáng của Thuần Trí mà 3 trực giác quan (thấy, nghe, ngửi) của Khí thân bắt đầu hoạt động. Nhưng tầm cỡ của nó còn giới hạn do thời gian công phu của hành giả.

(Khí thân thấy trước tương lai của Nhục thân trong vòng vài năm, hoặc vài

(1) Dù rằng trong “sơ thiền”, con người chưa đạt được trạng thái siêu nhiên, nhưng nhờ vào sự quan sát của Trí vào nội lực, mà nó tạo ra sự xúc tác của năng lực mạnh (sự Sáng) vào hai hệ Khí, Huyết. Hai hệ này được sự Sáng cường hóa. Do đó một số bệnh do Khí, Huyết kém sinh ra, được lành trong thời gian hành Thiền.

(2) Hiện tượng này giống như thai nhi, đã mang hình dáng, Nhục thân tuy có, nhưng chưa đủ sức để đòi ra khỏi bụng mẹ. Đây là huyền bí của năng lực mà con người có được, là có nhiều loại thân được tạo ra từ Nhục thân.

tháng trước, tức là nhờ thời gian sống lâu của Khí thân dài hơn Nhục thân, nên nó thấy được sự diễn tiến của Nhục thân.

Sự chênh lệch của thời gian cũng như không gian, giống như tầm nhìn của người đứng trên núi cao rộng lớn bao trùm cả không gian phía dưới, nên có thể thấy sự di chuyển của các loại xe dưới thấp).

Trong tiểu định, Thân Tâm đều ngưng động. Thân như ngủ nên sự cảm nhận không có, chỉ còn Trí tỉnh thức, nhưng nó thuộc về “Thuần Trí”, không nhớ, không suy nghĩ, hai chức năng còn hoạt động, là quan sát và thông minh, tức chỉ còn “Biết (ý thức) và Hiểu”.

Tính cách khách quan của Biết và Hiểu không thuộc về bản ngã cá nhân nữa. Nhờ tiểu định mà bản ngã tan biến.

Hay nói rõ hơn, trong tiểu định, Nhục thân ngưng cảm nhận, 5 giác quan không thu nhận, Tâm ngưng hoạt động, không ý thức hình ảnh hiện hữu, kể cả những hình ảnh được giữ lâu từ quá khứ. Các chức năng của Trí (nhớ, suy nghĩ) không hoạt động, chỉ còn lại sự Biết và Hiểu hoạt động.

Những gì thuộc về tự nhiên, siêu nhiên mà ngưng động, thì siêu siêu nhiên tất phải hiện ra. Cũng vậy, “nếu bản ngã tan biến, chơn Ngã phải hiện ra” (1).

Tóm lại:

Tọa thiền là hướng đến Định. Và Định được rồi thì Tuệ phát sinh. Tuệ phát sinh, tức thì giác ngộ.

Trong sự diễn tiến của Thiền, Định, Tuệ, Định là quan trọng hơn hết. Và quan trọng hơn hết trong các loại Định, là Trung Định.

Trung định

Trong Tiểu định, Thân, Tâm đã được An Định, nhưng mầm mống tiềm tàng sinh động của “Tâm quá khứ” vẫn sinh động, mà ta gọi là Nghiệp.

Nó liên quan đến cảm giác, tình cảm và tư tưởng. Nhưng chính xác hơn, *đó là tư tưởng mà sự rung động của nó là những rung động dưới dạng tần số của điện, có sức sống trên dưới mười ngàn năm, tùy theo cường độ của tư tưởng. Đây là những tư tưởng tồn tại dưới dạng năng lực, sau khi Nhục thân tan rã.*

Diễn giải hiện tượng vật lý theo sinh hoạt của con người, đó là Nghiệp.

Từ Nghiệp của quá khứ, của hiện tại đến Luân hồi của tương lai, có một diễn tiến của các chủng tử, của mầm mống vô hình sinh động. Và chúng vẫn tiếp tục sinh động cho đến hàng vạn năm.

(1) *Sinh hoạt của bản ngã và chơn Ngã:*

- *Sống bằng sự cảm nhận, cảm giác: là sống cho chính mình bằng Nhục thân.*
- *Sống bằng tình cảm (nội tâm): là sống cho chính mình và tha nhân (Biết).*
- *Sống bằng Lý: là sống với vũ trụ (Hiểu).*

Qua sinh hoạt liên quan đến “cảm nhận, Biết, Hiểu”, con người biểu lộ mức độ, và trình độ sống của người đó.

Trong Trung định, sự tiềm ẩn sinh động của cái Tâm rung động này (tức là siêu Tâm) phải được An. Tức là, cái siêu Tâm này, và cái Tâm hiện tại phải chết, hành giả mới đại định được.

Về sinh lý, trạng thái Trung định như thế nào?

- Thân, Tâm, và đầu, vỏ não đều ngưng động, hai hệ thần kinh giao cảm (động vật) và đối giao cảm (thực vật) cũng ngưng luôn.

Do đó mà Tim ngưng đập, Phổi ngưng thở. Nhưng máu vẫn sống, do mỗi hột máu tự sinh động nhưng không có dịch kỳ của tuần hoàn. Khí vẫn đầy đủ, do nhu cầu của thân thể, khí được hút vào trong bằng da (1) vì Nhục thân không còn cảm giác.

Tất cả những gì liên quan đến cõi giới tự nhiên đều ngưng động để cho năng lực, năng lượng siêu nhiên sinh động, kể cả Thuần Trí cũng chuyển sang siêu Trí.

Trong trạng thái này, con người nửa sống, nửa chết.

Tim, Phổi không hoạt động, Nhục thân như chết, chỉ còn siêu Trí hoạt động, là dấu hiệu của sự sống.

Khí, Huyết ngưng động, Điện tiềm tàng trong 2 thể này vẫn tiếp tục sinh động, nó tăng thêm cường độ, và hình thành Điện thân, mang vóc dáng của Nhục thân.

Trung định được kéo dài, Điện thân đủ sức mạnh, toát ra khỏi Nhục thân bằng tiếng nổ thật to trong đỉnh đầu. Và các trực giác quan (thấy, nghe, ngửi) (2) hoạt động bằng tần số rung động của Điện ngay trong não.

Siêu Trí tiến hóa nhờ các hiện tượng siêu nhiên do các trực giác quan đưa vào.

Nhục thân ngưng động, năng lực hậu thiên (Khí, Huyết) ngưng chuyển động, thì năng lực tiên thiên (Điện và sự Sáng) hoạt động. Tính năng “vô trọng lượng, vô trọng lực” tăng và tăng mãi cho đến khi nó đủ sức toát ra khỏi Nhục thân. Hay là, năng lực tiên thiên trong con người toát ra khỏi năng lực hậu thiên. tâm cơ sinh động của Điện thân rất rộng lớn, kể cả không gian luôn cả thời gian.

Nhưng yếu tố thời gian quan trọng hơn cho sự biết, hiểu về quá khứ luôn cả tương lai. Khoảng thời gian hoạt động và sinh động của Điện thân, tính theo thời điểm sống hiện hữu của Nhục thân, là khoảng 5.000 năm thuộc về quá khứ và cùng khoảng đó cho tương lai.

Nhờ khoảng thời gian lâu dài hàng ngàn năm thuộc về quá khứ, mà Điện thân

(1) Hiện tượng này giống như tảo, rong dưới nước, vì chúng không có cảm giác nên khi được thấm nhập vào trong.

(2) “Thấy, nghe” bằng sự châu biến của tần số của Điện mà ta gọi là Thiên lý nhãn, Thiên lý nhĩ. Kể cả chức năng ngửi được mùi, hương... đều bằng sự rung động của điện tỏa ra từ não, và cảm nhận được mùi hương dưới dạng của Điện năng sinh động bên ngoài.

thấy được tiền kiếp của đời mình. Nhưng không phải thấy được tất cả những gì xảy ra cho toàn đời sống của kiếp đó, mà chỉ thấy lại cảnh quan trọng, tạo ra “nghiệp” trong kiếp đó, vì lúc đó, sự rung động mạnh nhất của tư tưởng (của Điện) vẫn tiếp tục rung động cho đến đời sống hiện nay.

Sự thấy này, là Điện thân thấy Khí thân trong cảnh của tiền kiếp, không phải Điện thân thấy lại Nhục thân, vì Nhục thân đã tan rã sau 49 ngày (1). Nhục thân tan rã, nhưng Khí thân vẫn còn sống trên dưới 1000 năm. Do đó, Điện thân mới thấy lại Khí thân và nghiệp của nó trong khoảng thời gian mà Khí thân đang sống.

Đây là con người việc thấy lại việc làm của mình trong quá khứ, nhờ đó, mới hiểu rõ cường độ ảnh hưởng của nó trong hiện tại.

Mạnh nhất trong các loại Nghiệp là tư tưởng, tức là sự rung động mạnh của sức sống có trường độ sinh động hàng vạn năm là nhân điện.

Đây cũng là “hai thái cực tuyệt đối” về năng lực, mà tính năng của nó là nền tảng của bản tính con người về Thiện và Ác.

Cường độ của Điện trong tư tưởng ở mức này, Thiện thì cực Thiện; mà Ác, Độc thì cực Độc, cực Ác. Trong hành vi của con người, Đức và Ác đức đều ở mức tối đa.

Trong Tiểu định, Tâm mới An, nhưng siêu Tâm vẫn còn dao động do Nghiệp của quá khứ. Vì vậy, muốn vào Đại định, phải “An và Định” được siêu Tâm, tức là phải “An và Định” tất cả mọi rung động của nhân điện còn tồn tại, từ quá khứ, hay là phải bỏ luôn cái Biết của đời sống hiện tại luôn cả quá khứ nữa.

Sự Biết của một đời người rất nhiều, nhưng “sự Biết của nhiều đời” càng rộng, càng nhiều hơn. Như vậy, cái Hiểu từ cái Biết tạo ra, cũng theo đó, trở nên rộng lớn.

Từ mức độ Hiểu này đến sự giác ngộ rất gần, nhưng con người phải ngưng sự Biết của nhiều đời, thì cái “Hiểu vô tận” mới hiện ra. Nghĩa là, cái Tâm, siêu Tâm phải chết thì Tuệ mới sinh động được, tức là “mọi sức sống phải chết, sự sống từ đó mới phát sinh” (2).

Trong trạng thái vô trọng lượng, vô trọng lượng của Trung định, con người cảm thấy cực nhẹ, siêu thoát, cái Lạc đã có, miệng mỉm cười. Nhưng không chết, không thể vào cõi hằng sống được. Cách để cho Tâm chết gọi là “Diệt tận định”.

Đây là “sự tận diệt sự sinh hóa” của vô tận tâm trạng và ký ức chấp chứa

(1) Bình thường, Nhục thân tan rã sau 49 ngày, nếu không được ướp xác, hoặc thân chưa “hoại” do thể Sáng còn sinh động trong não bộ, và tiềm tàng trong các tế bào.

(2) Hiện tượng này giống như “hột giống phải tan rã, mầm sống mới nảy sinh”. Tức là những chất bổ dưỡng trong hạt giống phải hư nát đi, mầm của nó mới sống được.

trong Tâm lâu đời để vào trạng thái Đại định, hay là vào trạng thái chơn không của Tâm, Trí.

Tâm trạng và ký ức là trạng thái vật lý (của năng lượng) của sự sinh hóa, có tốc độ nhanh và cực nhanh của Điện và sự Sáng (hay là của Tâm và Trí).

Sức sinh hóa của chúng vô tận, nên sức sống của chúng mạnh và cực mạnh. Cho nên tâm trạng và ký ức là những sức sống mạnh và cực mạnh.

Sự tận diệt này làm cho tâm trạng và ký ức không còn sức sống để tái sinh nữa. Trong trạng thái chơn không đó, sự sống toát ra khỏi sức sống và sinh động.

Hiện tượng của sự tận diệt là như vậy, là để cho Tâm chết để vào đại định.

Nhưng thực hành, muốn để Tâm chết, phải để sức sinh động của Tâm im lặng dần dần cho đến khi nó hoàn toàn mất sức sống động.

Muốn nó hoàn toàn mất sức sống động, hành giả phải luôn ý thức trạng thái hư không của Tâm mình, cho đến khi Tâm cực im lặng nó mới có thể chết được.

(Đến trạng thái này, có người không dám chết, tức là không dám để Tâm chết, vì nó là sự hoàn toàn mất ý thức.

Mất ý thức là mất đi đời sống, nên họ không dám chết.

Đến đây mới thấy rõ, con người hoàn toàn tự do trong sự chủ động sự chết và sự hằng sống của mình).

Con người vượt qua sự chết để vào sự hằng sống, khi siêu Ý tận diệt sức sống của Tâm và siêu Tâm, thì thể Sáng của Trí bức xạ, tỏa ra vũ trụ để hòa nhập vào sự Sáng nguyên thủy của vũ trụ. Thể Sáng bức xạ, đó là Tuệ. Đó cũng là sự sống (sự Sáng), toát ra từ sức sống, cực nhanh.

Đại định (Toàn định)

Đại định là trạng thái không còn sức sống của con người hoạt động, chỉ toàn là sự Sáng (sự sống) sinh động. Yếu tố không gian và thời gian của địa cầu cũng không còn. Nguyên năng, là sự sống của con người sinh động, con người Cực lạc. Sự Cực lạc này triển miên, và đó cũng là bản tính của nguyên năng trong con người sinh động.

Nó tỏa ra các hệ thống của Điện, Khí, Thủy, “lạnh mạnh hóa” 3 thể linh thiêng, hóa giải mọi độc tố, Nhục thân rất khỏe. Điều này do sự bức xạ của sự Sáng làm thông kinh mạch, tế bào được lạnh mạnh.

Sự sung mãn của sự Sáng cũng là sự tỉnh thức nhất của sự tỉnh thức. Vì vậy hành giả không còn ngủ nữa.

Sự bức xạ của sự Sáng khai mở linh giác quan với sự thấy toàn diện của 360° (Toàn Kiến). Nhờ vào “Toàn Kiến” (1), con người mới “Toàn Tri”.

(1) Cái thấy của giác quan và trực giác quan chỉ trong tầm cỡ 180°. Do đó, sự hiểu biết từ hai giác quan này cung cấp cũng bị giới hạn.

Sự Sáng của Tuệ (hay là nguyên năng) sinh động làm đảo lộn qui luật sinh diệt trong Nhục thân, tức là sự Sáng chỉ có Sinh và Sinh mãi. Vì vậy nó hóa giải tiến trình lão hóa của tế bào, tức là khi sự Sáng sinh động, ngay từ lúc đó, nó làm ngưng tiến trình lão hóa của tế bào.

Thực tế, trong Đại định, khi 3 thể linh thiêng và những chức năng của chúng ngưng động thì sự Sáng từ khắp Nhục thân tụ về não và sinh động.

Sự Sáng sinh động trong một thể tích cực nhỏ (là não bộ), sự Sáng càng tăng thì ba thể linh thiêng kia được bổ túc.

Sự Sáng từ não tăng dần năng lực, hóa giải tiến trình lão hóa của các tế bào. Nhờ đó, thân thể con người trẻ lại, và khỏe mạnh.

(Về phương diện sinh lý, cũng là vật lý thì hiện tượng này xảy ra như thế nào?)

- 1. Khi hai hệ Khí, Huyết ngưng hoạt động thì vỏ não cũng ngưng hoạt động. Tức là, khi Tim ngưng đập, Phổi ngưng thở thì vỏ não không hoạt động nữa.

- 2. Khi các chức năng của Trí ngưng hoạt động thì não bộ cũng ngừng hoạt động.

Hệ Điện ngưng hoạt động.

Vỏ não và não ngừng hoạt động do Huyết, Khí, Điện ngưng hoạt động, lúc đó sự Sáng thuần túy của các loại Trí sinh động, khi đó sự Sáng (thể Sáng) biểu lộ ra tính toàn năng của nó).

Một hiện tượng phi thường xảy ra trong tính toàn năng của sự Sáng là khi linh giác quan Toàn Kiến, ngay lúc đó, con người giác ngộ (“sự hiểu biết tức thì” hoạt động mà không cần đến sự suy nghĩ), cái Hiểu ở vào mức tuyệt đối, vì nó khả năng sinh động mãi (1).

“Sinh động mãi, tức là hằng sống”. Và sự hằng sống của con người, do ở chức năng Hiểu. Và hiệu quả của Hiểu là sự thông minh, tức là càng Hiểu càng thông minh, và Hiểu mãi là thông minh mãi.

So sánh với đời sống bình thường, con người mới nhận ra sự tiến hóa cực xa giữa sức sống và sự sống.

Người thường sống bằng sức sống của những thể linh thiêng trong 3 cõi giới, sinh hoạt với chức năng của Thân, Tâm, Trí.

Trong Đại định, con người sống bằng sự Sáng (sự sống), tức là sống bằng nguồn sinh hóa ra sức sống, sống bằng nguồn năng tạo ra mọi chức năng trong tiêu vũ trụ, và tác động chúng hoạt động.

Chẳng còn sự hiện hữu nào hết, chỉ có sự sống sinh động, sự Cực lạc triền miên và cái Hiểu không ngừng.

(1) Những chức năng của Trí, như quan sát, nhớ, suy nghĩ..., khi chúng được vận dụng, thì sự Sáng sinh động. Nếu ngưng thì sự Sáng cũng ngưng động. Còn sự Hiểu của Tuệ, là sự Sáng sinh động mãi.

Sự tiến hóa nào cũng phải trải qua nhiều trạng thái, nhiều biến đổi, ở con người là sự chết, sự ngưng nghỉ của nhiều bộ phận, chức năng.

Nhờ Nhục thân chết (ngưng nghỉ) mà Tâm, Trí mới toát ra.

Nhờ Tâm chết mà Trí Tuệ mới toát ra được và sinh động. Chính nhờ vào sự sinh động của nó, nên mới có sự tiến hóa.

Đây là một sáng tạo trong cấu trúc con người của Tạo hóa, để đưa con người vào sự hằng sống, tức là con người phải trải qua nhiều bậc chết, cho đến khi con người đặc nhập vào sự Sáng, lúc đó không còn cái chết nữa.

Con đường đưa con người đặc nhập vào sự Sáng, chỉ là chức năng Hiểu.

Con người hay sinh linh nào mà “Hiệu được” thì có sự sống rồi. Nhưng, nếu Hiệu được chẳng giây phút nào ngừng thì có sự hằng sống.

Hay là:

“Hiệu” là có sự sống.

Hằng Hiệu là có sự hằng sống.

Chỉ trong Đại định, sự Hiệu của Tuệ chẳng giây phút nào ngừng cả. Hay là “giác ngộ” là Hiệu không ngừng.

Đây là mức tuyệt đối của sự tiến hóa do sự sinh động của sự Sáng của Tuệ.

Với mức thấp hơn, người trải qua Tiểu định và Trung định cũng thông minh, có tài năng và hiểu biết nhanh hơn người thường.

- Hiệu quả nào cũng có nguyên do của nó. Và nguyên do vật lý, sinh lý, tâm lý, tinh thần cũng là một nguồn sinh hóa.

Sự hiểu biết nhanh, sự thông minh, tài năng này... chẳng phải cần tiếp thu gián tiếp qua con người, qua sự tích lũy từ một thời gian dài..., mà từ sự cảm ứng trực tiếp qua sự châu biến của nhân điện và sự Sáng tỏa ra, nên tiến hóa nhanh.

Trong đời sống bình thường, không có một lực thứ nào kéo dài mà không làm hao tổn năng lực.

Trái lại, trong Đại định, sự Cực lạc trong sự sinh động của sự Sáng kéo dài mãi, đồng bộ với sự tăng trưởng của sự thông minh, và với sự cực tinh táo.

Trong trạng thái này, con người muốn duy trì mãi mãi, không muốn bỏ, tức là không muốn xuất định, vì không được dẫn dò trước.

(Xuất định: ra khỏi trạng thái Đại định. Bất cứ mọi sinh động nào của sự Sáng, của các loại Trí, ý thức luôn có, dù đó là ý thức duy nhất hoạt động của Tuệ trong Đại định.

Muốn xuất định, con người phải trở lại sự vận dụng của Trí thông thường với chức năng nhớ, suy nghĩ... một trong hai chức năng này được vận dụng, con người sẽ xuất định.

Và một thời gian rất dài có thể kéo hằng tháng không ngủ được, nhưng vẫn khỏe. Hiện tượng này do ảnh hưởng của “Hiếu trong đại định” tức là sự Sáng của vũ trụ vẫn còn ảnh hưởng sinh động trong Trí).

Đa số con người bước vào đường Tu Luyện, Sống Đạo, nhưng rất hiếm người hưởng được sự Cực lạc, vì sự Sáng ai cũng có, nhưng vẫn còn u minh.

U MINH TRONG SỰ SÁNG

Con người chứa đựng những tinh hoa của Trời Đất, là năng lực tiên thiên và hậu thiên bao gồm thể Sáng (sự Sáng) Điện, Khí, Huyết. Năng lực hậu thiên (Khí, Huyết) phải được phát triển, và năng lực tiên thiên (Điện, sự Sáng) phải được thăng hoa để con người tiến hóa.

Nhiều ngàn năm qua, con người tiến bộ nhiều hơn tiến hóa, dù rằng sự Sáng đã sẵn có trong đời sống, nhưng vẫn còn u minh, tối tăm trong quan niệm lựa chọn cách sống.

Điều này do sự nhìn ra để khám phá ra vẻ đẹp, sự kỳ diệu của thể giới tự nhiên. Con người chỉ hưởng được sự cảm khoái của đời sống vật chất, và cái Lạc của đời sống tinh thần.

Nếu muốn cảm nghiệm được sự linh thiêng và mầu nhiệm của cõi giới siêu nhiên và siêu siêu nhiên, con người phải dùng “cái nhìn quay vào trong của Trí khôn” mới cảm nghiệm được cái Lạc và sự Cực lạc của đời sống tâm linh.

Nếu chịu khó suy nghĩ kỹ, con người vẫn còn thấy mình u minh trong sự Sáng. Nhưng một khi Trí khôn đã cảm nghiệm được sự linh thiêng và mầu nhiệm trong những bộ phận vô hình của chính mình thì sự Sáng sẽ xóa tan sự u minh. Và đời sống con người là một chuỗi sinh hoạt của sự Sáng trên đường tiến hóa. Nó quét sạch mọi phiền não, cũng là bụi trần vậy.

Phần cuối này tóm tắt nội dung của quyển sách. Nó được nói lại (1) bằng những câu văn vần để người đọc dễ nhớ sự tiến triển của con người từ sự u minh đến sự Sáng.

- Con người, ở tuổi thanh niên, Khí Huyết sung mãn, với Trí khôn, sự cộng hưởng của những yếu tố này làm lớn bản ngã. Chưa thấy những thử thách trong đời sống, tự cho mình đủ khả năng và tài năng vượt trên cả sự mau rủi, Phước, Họa. Như trẻ con, chưa biết phong trần (gió, bụi), mưa nắng..., cho đến khi thật sự gặp mưa to, mới biết lạnh, nắng gắt, mới hay nóng. Từ đó sự suy nghĩ có khác.

Với thanh niên, phong, trần, hàn, nhiệt... trong tâm tư cũng vậy, phải đổi thay quan niệm sống để thích nghi với sự tiến hóa, thay vì phải chịu đựng những biến đổi trong cuộc sống, để cho ý chí quật cường của mình tan biến đi.

(1) Trong toàn bộ quyển sách này, tất cả lời nói được ghi chép lại, không sửa đổi bất cứ một từ nào, vì vậy nó thiếu cái hay, vẻ đẹp của sự trau chuốt của văn chương, kể cả các ngôn từ cũng không được thống nhất trong âm giọng. Điều cốt yếu là cần hiểu được nội dung để vận dụng, hơn là cảm nhận được âm thanh của ngôn từ.

Trẻ đời, lớn tự kiêu

Chân đứng trên tiền, lời nói mạnh
 Khi nó bay mất, nhẹ âm thanh
 Nghĩ rằng may mắn là tài năng
 Họa, Phước luân phiên, chẳng trừ ai
 Trẻ đời, Trí nhỏ, lớn tự kiêu
 Cho rằng tài năng tạo may mắn
 Kinh nghiệm thăng trầm, thận trọng lời
 Giảm Họa, tăng Phước, người khôn ra
 Khôn việc Đời, chưa rõ Huyền Vi
 Miệt mài xây dựng, Phước dương trần
 Sinh mạng đó, mất trắng như không
 Nhục thân tan rã, còn lại gì?

- Giá trị của mỗi đời sống khác nhau ở thời gian.

Sự thụ hưởng của cảm khoái của Nhục thân kéo dài từng tháng, năm, hoặc hơn nữa, bằng thập kỷ (10 năm).

Đời sống tinh thần từ thập kỷ đến thế kỷ, sống trong cái Lạc của tâm hồn.

Đời sống tâm linh sống trong Cực lạc của thiên niên kỷ, đời sống chỉ sinh hoạt bằng Trí Tuệ và Lý.

Sự thăng trầm, biến đổi trong đời sống làm tỉnh thức con người. Nhưng không phải ai ai cũng suy xét, ngẫm nghĩ về việc đời, có người vẫn luôn luôn vẫn say về sự cảm khoái trong quá khứ, tội nghiệp hơn, cường độ của sự say còn tăng thêm.

Say ma

Ma, qui dễ dụ tuổi già hư
 “Vô luân, vô lý”, chúng nắm đầu
 Ăn năn, thống hối, đường quay về
 Nếu không, linh hồn bị dọa dầy
 Tâm hồn yếu, ma đưa, qui kéo
 Vào trong, cảm giác sướng tận não
 Không còn mình cũng chẳng biết ai
 Bất đắc kỳ tử, số phận non.
 Quỷ năng, ma lực, chẳng phải vừa
 Độc, Ác, Hung, Dữ, bản năng chúng
 Che đậy bên ngoài lời đường mật
 Đẹp đáng tô điểm, thu hút tai.

Cạm bẫy, cảm giác, người dễ vương
Giống như tơ nhện, khó bước đi
Tâm trong, Trí sáng, mới hòng thoát
Mỗi bước cuộc đời, phải để Tâm.

- Tâm mình phải nhìn vào luân, nhưng Đời cũng phải luôn luôn ngó, vì nó biến đổi không ngừng.

Thấy gì trong thế gian

Nhìn vào Đời, ta thấy được gì?
Chỉ hiện lên Danh, Lợi, Tài, Sắc (1)
Mãi nầy sinh, tham lam dục vọng
Nổi lên tranh chấp, cùng chiếm hữu
Xô đẩy, níu kéo để tiến thân
Nịnh hót, bợ đỡ, rồi hãm hại
Người có Trí, lòng lại tiểu nhân
Trí càng động, rối loạn thêm Tâm.

- Cội nguồn của thế gian từ tâm địa của bản ngã cá nhân gây ra cho nhau. Nhưng ngay bên trong con người, sự gian truân lại do con người tạo ra.

Nhập gian Truân

Đầy bước, nắm tay, Ma đưa đường
Quí lỗi tư tưởng cột vào đam mê
Tứ đồ tường, đường vào Ác đạo (2)
U mê Tâm, Trí, nhập gian truân.

- Tâm, Trí con người bị sức quyến rũ trói chặt vào cột đam mê, Nhục thân cũng chẳng thoát được ảnh hưởng của nó.

“Tâm tư” hại Nhục thân

Vương mắc tâm trạng, “Khí” không thông
Tư tưởng hiện hình, “nhân diện” bề
Tạng phủ suy yếu, bệnh phát sinh
Nhục thân tiêu tụy, mất mất Thần.

(1) Danh, Lợi, Tài, Sắc, Quyền, Thê, Lực.

(2) Ngày nay chốn dương trần, Ác đạo mở ra vạn nẻo. Vô số gian truân do Ác đạo phát sinh, con người không làm chủ được mình, ắt phải vương mắc.

(Khí tụ lại ở một tạng, là phản ứng tâm lý. Nó phát sinh phản ứng hóa chất, và đó là gốc của bệnh).

- Trong đời sống vật chất, mâu thuẫn, tranh chấp luôn xảy ra, lòng vị kỷ nổi lên làm mất công bằng.

“Công bằng” là bản tính của Công Lý, trong đó biểu hiện của Nhân đạo. Nhưng con người không dựa trên đó mà cư xử với nhau.

Chưa cư xử được, sống sao yên

Trong “Ác đạo”, sao có công bằng
 Chẳng công bằng, “Ác tính” tất sinh
 Công bằng chưa biết, sao cư xử
 Chẳng cư xử được, sống sao yên?

- Trong đời sống, có nhiều điều con người chưa biết đến. Thông thường, người lớn tuổi sống lâu, từng trải hơn người trẻ tuổi. Nhưng có những vấn đề vượt quá nhân quan của mọi lứa tuổi, vì vậy, cần phải học, và muốn học, thì phải hỏi. Nhưng:

Hỏi ai đây

Đời sống phàm phu, có gì nói
 Chỉ nghĩ cái Tôi, tăng phiền não
 Quanh quẩn, lằng xằng do vị kỷ
 Làm sao biết đến cõi Hư vô.
 Cõi siêu nhiên tìm thấy nơi đâu
 Hồn nhiên, tự tại, siêu thoát lòng
 Linh thiêng, mầu nhiệm, nhiều điều nói
 Nếu chưa rõ, hãy hỏi đạo nhân.

- Những người từng trải sự thăng trầm, Phước Họa trong đời sống, dần dần cảm nghiệm được sự vô thường của bản ngã, mới nhận ra được sự chơn thường. Và khi đã nhận ra, con người tự thay đổi quan niệm sống.

Sự sống khởi sinh

Tâm trạng chẳng còn, bản ngã tan biến
 Một cái nổi lên, bản ngã tái sinh
 Tâm mãi Hư vô, Trí cực minh mẫn
 “Hiếu, Biết” hoạt động, “sự sống khởi sinh”

- Con người muốn tiến bộ, tiến hóa phải sửa mình từ những sai, trái, tội lỗi...
Và như vậy, có nghĩa là xét lại tư tưởng, hành động của mình. Tức là:

Rõ được mình mới mong Tu

Thấy rõ được mình mới mong Tu
Mắt mở, Trí nhắm, làm sao hiểu
Tai nghe, Tâm ngủ, biết được đâu
Cứ mãi như vậy, làm sao tu.

Lý, Trí sinh động, cái Tôi biến
“Sự sống” tồn tại, do nơi đó
“Trí động, Lý minh” luôn tiến hóa
Bất khả hoạt động, nó tử vong.

- “Xét mình” là nhìn vào Lương Tâm của mình. Dần dần, sự hoạt động của Lương Tâm soi sáng cho con người, biết được nguồn sinh hóa ra mình, và trở về từ con đường đó.

Hư không, đường vào cõi sống

Hỏi rằng cá nhân từ đâu có?
Cá nhân sinh hóa do phạm tâm
Đặc thù tâm trạng tạo cá tính
Phạm tâm, cá tính xây bản ngã
Cá nhân, tâm trạng, chính trần gian
“Hư không” xóa sạch mọi căn trần
Hồn nhiên, an lạc, chẳng vương phiền
Bản ngã hiện, dấy động tâm tư
“Hư không” đưa đường vào “cõi sống”
“Giác ngộ Nguyên Lý”, mới Toàn Tri.

- Trong sinh hoạt hằng ngày, nhiều việc xảy ra, cần phải suy nghĩ, ứng xử, tâm trạng nổi lên, con người quên cả thờ.

Đừng quên thờ

Nín thờ làm chi cho Tâm khổ
“Lo” mãi sinh phiền, “thờ” quên luôn
“Vui” quá, hết hơi, thờ đứt đoạn
“Mừng” nhiều, tim đập, thờ chẳng còn
Bùng “giận” gân co, dồn khí thờ
“Khí ép đăm” rung tâm, nội khí tan
Sống quên thờ, sao an vui được

Hơi thở điều hòa, khỏe khoắn người
 Hít vào nhẹ nhàng nuôi Nhục thân
 Thở ra dịu dàng, dưỡng Tánh Tâm.

- Điều hòa hơi thở, Nhục thân khỏe, tâm hồn bình an. Điều hòa hơi thở, phải cần đến sự quan sát. Nó là bước đầu để con người hướng đời sống vào trong để Tu Luyện.

Hướng vào trong

Đạo mẫu phải hướng vào trong
 Không rõ đường này, Tu chỉ mất công
 Chừng nào “Ta hết thấy Ta”
 Một trần chẳng vướng, tâm hồn mệnh mang
 Khi nào “Ta sống bên trong”
 Lương Tâm sinh động, linh hồn hiển linh
 Làm sao giác ngộ Thiên Lý
 Ngay trong não bộ, chẳng đâu phải tìm.

- Linh hồn là một bộ phận kép của siêu Tâm và siêu Trí, khi con người ngưng động tâm hồn (Tâm và Trí) thì linh hồn hoạt động. Tức là, cõi giới tự nhiên ngưng động thì cõi siêu nhiên bắt đầu hoạt động.

Hay là, cõi giới siêu nhiên tiềm tàng sinh động trong cõi giới tự nhiên, khi cõi giới tự nhiên ngưng động thì nó hiện ra. Cũng như tâm hồn mà ngưng động thì linh hồn hiện ra. Do sự tiềm tàng đó, mà linh hồn tha tâm thông.

Linh hồn “tha tâm thông”

Gió lay mặt nước, bóng biến tan
 Dao động Tâm, siêu hình sao hiện
 Tuyệt đối vắng lặng, tâm tư ngưng
 “Ngũ tạng khí” hòa, cảm giác mất
 Khí Huyết tự động, nhẹ phổi tim
 Chỉ còn lại “Tâm trong, Trí sáng”
 Linh thiêng tỏa rộng, linh hồn biết
 Điện thân sinh động, tha tâm thông.

- Con người, khi đã có Trí khôn, bất cứ làm việc gì, nghĩ điều gì... cũng phải biết, phải hiểu cái hậu quả, hay kết quả của nó thì mới mong tiến bộ được. Nhưng trong sự Tu Luyện..., liên quan đến những bộ phận vô hình, con người cần phải sáng suốt, mới có thể tiến hóa được.

Hành bất minh

Hành bất minh, Tu mãi vô hiệu
Thân, Tâm, Trí, tổng hợp đời người
Tu Thân, Thân mạnh, Tâm, Trí phạm
Tâm ngưng, Thân Trí vẫn vương trần.
Tu từng phần, sao vào được Đạo
“Hư không toàn diện”, Tuệ quang tỏa
Sự Sáng đưa “Hiếu” vào Nguyên Lý
“Hư vô mãi” đặc nhập vô sanh.

- Trẻ thơ sống với Tánh hồn nhiên, Trí chỉ có quan sát, nhớ, chức năng suy nghĩ chưa đủ khả năng để phân biệt Thiện, Ác.

Đến khi có tâm trạng, Tâm hoạt động, bản ngã hình thành. Nhưng nhiều người cũng không quan tâm đến sự “hướng Hạ, hướng Thượng” của Tâm.

Tâm: cửa của Thiên đàng, Địa ngục

Trần gian chan chứa mọi Lành, Dữ
Thiên đàng, Địa ngục, cửa nơi Tâm
“Độc, Ác” linh hồn về Âm phủ
“Thiện, Chơn”, nâng hồn lên cõi Thiên.
Hai đường đó, ai cũng rõ biết
Tâm lành, cửa hướng lên cõi Trời
Ác Tâm, nẻo đưa vào lòng Đất
Chọn đúng đường đi, rồi hãy sống.

- Không phải chỉ ở tu viện con người mới tu được. Nơi đó, cũng chẳng phải chứa tất cả những tinh hoa của Trời, Đất, con người, kể cả những sự Độc, Ác, Hung, Dữ của trần gian để cần được tu sửa, mà tất cả những điều đó đều ở trong tâm hồn con người. “Tu sửa” phải bắt đầu từ đây, và cũng phải được lựa chọn.

Lựa chọn nơi Tu

Lóe lên chốc lát, *cảm giác* mòn
Rung cảm muôn người, *tình cảm* sâu
Lý trong Trời Đất, vĩnh viễn còn
Hiếu biết lựa chọn, sống được lâu.
Cảm giác của *Thân*, thuộc người đó
Tình cảm riêng, nhưng *Tâm* nhân loại
Trí vô hình, cực to cái Lý

Hòa nhập vũ trụ, mới Toàn Tri.
 Hường nhục dục, đam mê *cảm giác*
Tình cảm nhẹ, sinh hoạt tinh thần
 Tâm linh vô cảnh, dùng Lý, *Trí*
 Mệnh mang Tuệ sáng, rõ Đạo màu.

- Con người có rất nhiều phương pháp để Tu Luyện. Nhưng để siêu thoát, tất cả đều tập trung vào hai đường: xuất thế và nhập thế.

Xuất thế: thì dùng Tâm hư vô.

Nhập thế: thì dùng Lương Tâm.

Hai đường Siêu thoát

Mong đắc “sự sống”, phải biết đường
 Nơi sinh phiền não, chính Tâm ta
 Thế gian sâu khổ cũng nơi đó
 Ý thức sinh động, lời Luân hồi
 Muốn cứu độ người, phải biết nơi
 Lo cho thân thể, chưa đúng chỗ
 Tiến hóa nhân tâm, mới cần hơn
 Biết nơi rồi, cần phải có pháp
 Có hai phương cách để cứu Tâm
 “Thiện hóa Tâm”, hay “giải thoát nó”
 Muốn Tâm nhập thế, nó phải tu
 Sửa Tâm, dưỡng Tánh, việc lâu dài
 Quên, nhớ, luân phiên, công phu ảo
 Hiểu rõ tận tường, chẳng mất công
 Dùng ngay Lương Tâm trong cuộc sống
 Sinh hoạt thường xuyên Tốt, Đúng, Phải
 Chẳng phải Tu, vẫn đắc Tâm lành
 Cách hai: chủ yếu giải thoát Tâm
 Xuất thế gian, búng gốc Luân hồi
 Chứa bao đời, vô số kỷ ức
 Chết cái Tâm, chùng tử tiêu tan.

- Trong đời sống nhập thế, Lương Tâm được dùng thường xuyên, trong đó Tình thương dành cho đời sống con người, không dành cho sinh hoạt cá nhân.

Tình thương trong Lương Tâm

Vui việc đời, Ta chẳng có
Buồn thế sự, Ta cũng không
Chẳng phải con người mất nhân tính
Chỉ còn Tình thương trong Lương Tâm.

- Tình thương tỏa ra cho tha nhân bằng Hạnh Bác Ái. Và đó là biểu hiện của Tâm nhập thế.

Hạnh Bác Ái

Hạnh Bác Ái: thực hành Nhân, Nghĩa
Không lưu giữ, nhẹ vui tinh thần
Có gì cho đó, Tâm chẳng bận
Càng cho càng có, rõ Đạo Bi
Ta thấy gì trong hạnh Bác Ái
Thiện tính tăng dần, mất cái Tôi
Hết đối đãi, chẳng còn mâu thuẫn
Sống cảm thông, hài hòa nhân tâm
Có gì lạ ẩn trong Thiện tính
Thanh khí, Tâm lành, may mắn sinh
Âm thanh siêu nhiên trong ngôn từ
Sinh hoạt an nhiên, vui thể nhân.

- Từ Lương Tâm, Tình thương sinh ra Hạnh Bác Ái. Nó được thực hiện một cách vô vi. Một việc làm Bác Ái vô vi, tự nó là công đức. Muốn vang danh trong việc làm Bác Ái thì đó là Danh, không phải là công đức.

Trong công đức chẳng có Danh xưng

Muốn tạo công đức, đừng nghĩ đến Danh
Còn nghĩ đến Danh, đừng làm công đức
Làm sao có được Danh, từ công đức
Vì trong công đức, chẳng có Danh xưng.

- Đạo nhân sống vừa nhập thế, vừa xuất thế.
Nhập thế: làm cho nhân sinh quan phong phú.
Xuất thế: khám phá thêm những huyền bí trong vũ trụ quan.

Đời sống Đạo nhân

“Chân, Thiện, Mỹ” xuất từ Lương Tâm
 Nơi đây đào tạo “Nhân, Thiên” tính
 Đức tính này, người không tự có
 Muốn cứu độ, mới có Thiên Ân
 Có gì lạ trong ba điều ấy?
 Chân chính, ngay thẳng, Trí công minh
 “Thiện”: giúp Tâm xóa tánh “thú, quý”.
 “Mỹ”: vẻ đẹp tuyệt của linh hồn.
 Lương Tâm vô hình làm sao thấy?
 Vô hình chẳng thấy, tất phải nghe
 Tiếng nói tư tưởng, lắng nghe kỹ
 Cứ mãi vậy “Ta sẽ thấy Ta”.
 Ta thấy Ta, bước đầu đường Đạo
 Bỏ cái Ta, giai đoạn tiếp theo
 Chết cái Ta, mất hết còn gì?
 Chỉ còn “Chân, Thiện, Mỹ” mà thôi
 Từ Vô ngã, Lương Tâm hoạt động
 Hấp thu vào, tinh hoa Càn khôn
 Đưa Nhân tính hòa nhập Thiên tính
 Mới tạo thành, đời sống Đạo nhân.

- Vô ngã khác xa với bản ngã. Trong trạng thái Vô ngã, những bộ phận vô hình mới toát ra tính linh thiêng của nó.

Bản ngã thế gian làm sao linh cảm
 Chỉ có tâm hồn rung động mà thôi
 Linh thiêng, mẫu nhiệm, bộ phận vô hình
 Linh cảm, tiên cảm được việc tương lai.

- Tâm hồn và linh hồn là hai thực thể. Tâm hồn dùng để giao tế giữa con người và con người. Còn linh hồn là giữa con người và sinh linh.

Việc làm tốt của tâm hồn tạo ra nhân đức, còn linh hồn làm tốt, tạo ra công đức.

Linh hồn tạo công đức

Sai, Trái, Xấu sinh ra hoạn nạn
Gian, dối, quỷ quyết rước Thiên tai
Lấy gì để chặn mầm mống ấy
Công đức tràn đầy mới xóa tan
Linh hồn hành Thiện, tạo công đức
Sống Đúng, Tốt, Phải giảm họa tai
Công chính, khôn ngoan đây bất hạnh
Lui Ác, Độc, an vui con người.

- Lâu ngày, mãi nhìn vào trong, tâm tư vắng lặng dần, nhìn ra ngoài, thấy những biến động vô thường cứ mãi tăng, con người càng rõ Đời, rõ Đạo.

Đời và Đạo

U minh bám mãi chuyện vô thường
Tô điểm ngoại hình mắt công to
Cuộc sống biến đổi từng giây phút
Tiếc rẻ cuộc đời, Tâm bắt mình
Hồi quang chầm dứt cõi gian trần
Tuệ quang châu biến, từ Hư vô
Năng lực tự tạo mãi sinh động
Cực lạc, giác ngộ trong vĩnh hằng.

- “Công đức của vũ trụ” là tiến hóa sinh linh trong ba thế giới, không phải riêng cho nhân loại trên địa cầu.

Nếu không tiến hóa được cho linh hồn, tâm hồn..., dù có làm việc Nhân, Nghĩa, Bác Ái..., đó cũng chỉ là làm việc Phước mà thôi.

Linh hồn hiện

Tâm hồn cực tịnh, linh hồn hiện
Sinh động linh thiêng, cùng nhiệm màu
Hoạt động vô vi cõi siêu nhiên
Tiến hóa sinh linh, công đức thật.

- Hạnh phúc trần gian không phải không có, chỉ vì con người chưa tìm ra, nên chỉ thấy phiền não nhiều hơn là vui thích.

Tài sản vật chất biến đổi nhanh, ngay cả Tâm con người cũng vậy. Duy chỉ Lương Tâm loài người, là nơi con người tìm ra được hạnh phúc.

Hạnh phúc trần gian

Cái Tôi ở ngôn từ, bản ngã hiện
Nhắc mãi cái Tôi, nó lớn ra
To lớn quá, sao vào cõi sống
Muốn nhập cõi sống, mất cái Tôi
Bản ngã chết, người sống được không
Chẳng phải Tôi, suy nghĩ hành động
Lấy Lương Tâm ứng xử với người
Tốt, Đúng, Phải hạnh phúc trần gian.

- Tâm người với tâm trạng khác nhau, tạo nên bản ngã cá nhân, rung động bằng Khí, chẳng linh thiêng.

Nhưng Lương Tâm con người là mẫu số chung cho tất cả các loại Tâm. Nó có tánh linh và cảm thông được tất cả các loại Tâm, được coi như tử số, tức là Lương Tâm có thể tha tâm thông.

Tha tâm thông

Lời nói che đậy ý nghĩ sâu
Tâm địa vô hình, làm sao rõ
Âm thanh, ngôn từ tô điểm ý
Lấy tai nghe, chẳng rõ Tâm người.
“Tâm tư” người, nghe phải dùng Tâm (1)
“Song Tâm” giao cảm, rõ thâm ý
Tha tâm thông, nhờ Tâm hư vô
Hiểu được người, mới mong dẫn dắt.

- May mắn là con người được sinh ra đời, để từ nơi này học hỏi, và tiến hóa nhờ vào ba cõi giới là Thân, Tâm, Trí. Thay vì sống với “Chơn Lý tiến hóa”, con người hướng theo chiều trái ngược, là thụ hưởng. Sự thụ hưởng không được như ý nên sinh ra nhiều phiền não, và coi thế gian là phiền não, trong tư tưởng yếm thế, muốn thoát khỏi gian trần. Nhưng với mục tiêu tiến hóa, trong đó luôn mang tính tích cực, thì tâm hồn muốn được mở rộng để học hỏi được những sinh động trong cõi siêu nhiên và siêu siêu nhiên.

(1) Phải dùng Lương Tâm mới nghe, hiểu, được Tâm người, cảm thông được tâm trạng.

Giải thoát gian trần

Danh, Lợi, Tài, sắc (1)... dậy ba đào
Che lấp tâm hồn, tỏa u minh
Mắt mở, tai nghe, chẳng biết đường
Cuộc đời quanh quẩn không lối ra
Phiền não triền miên, Trí búa đập
Thấp thóm Tâm Can, đa bệnh sinh
Chông chất khổ sầu, cảnh đột biến
Hiếu rở vô thường, ắt minh Tâm
Tâm an, Trí định, lặng sóng đời
Hiện hư vô, linh thiêng, tính chất
Mọi cảnh giới, hiện biên tùy nghi
Tâm bất trụ, giải thoát gian trần.

- Tâm bất trụ trở thành Tâm chơn không. Đó là một trong những yếu tố đưa con người vào sự Cực lạc trong đại định.

Tâm chơn không

Nhớ mãi làm chi chuyện vô thường
Chỉ vì cái Tôi, chúng hiện ra
Tâm trạng dao động, Khí không thông
Tâm, Trí chơn không, hương Cực lạc (2).

- Cực lạc là mức sau cùng của sự diễn tiến trạng thái chơn không toàn diện.

Riêng về Tâm chơn không, với trạng thái đó, sự linh thiêng cũng đã sinh động rồi.

Tâm hư không, hiện tánh linh

“Danh, Lợi” náo động tâm hồn
Chẳng nghĩ đến, lòng tắt yên
Luôn mãi nhìn trạng thái đó
Tâm hư không, hiện tánh linh.

(1) Danh, Lợi, Tài, Sắc, Quyền, Thế, Lực (trong xã hội), và cảm giác, tình cảm, tư tưởng (thuộc về bản ngã)...

(2)- Thân: vô cảm giác, Tâm: vô tâm trạng, Trí: vô hình bóng. Tất cả Thân, Tâm, Trí đều chơn không.

- Sự chơn không (trạng thái hư vô) mới hoàn toàn.

- Tất cả những nhân tố của đời sống con người hoàn toàn chơn không, mới đến Cực lạc.

- Trong đời sống bình thường, đặc biệt là trong giao tế, luôn luôn sinh ra mâu thuẫn, tranh chấp, hơn thua, nên chẳng còn sự thông cảm, vì vậy con người sống rất cách biệt, mặc dù ở sát bên nhau. Hậu quả của nó là:

Mâu thuẫn tạo ưu phiền
 Tranh chấp sinh đau khổ
 Lời nói chẳng thông cảm
 Tư tưởng luôn hơn thua.

Nhưng đối với người có Tâm tu, trong giao tế chỉ hướng về sự thông cảm, hòa hợp. Cho nên:

Chẳng có mâu thuẫn trong Tâm tu
 Chẳng có mâu thuẫn trong Tâm tu
 Sinh linh hòa hợp nhờ Tâm này
 Hướng về Hư vô, tìm Nguyên Lý
 Nhập vào sự sống để sinh tồn
 Ý thức hệ do Trí người tạo
 Trong tranh chấp đâu có Tình thương
 Làm sao thông cảm trong lời nói
 Lôi cuốn con người vào khổ đau.
 Phải chăng tranh chấp có tiến hóa?
 Nhưng lại diễn tiến trong đau thương
 Trí sáng tạo, vắng bóng Lương Tâm
 Công đức chẳng có cho loài người
 Trí phát triển, nhưng Tâm bất an
 Chẳng tăng tính “Thiện”, “Ác đạo” sinh
 Nếu Tâm tu, Trí thuận Đạo lý
 Trong sáng tạo, cải tiến sinh linh.

- Tâm tu chẳng có mâu thuẫn trong giao tế giữa người với người. Nhưng chính cái Tâm tu này lại tạo sự thanh thoát trong tâm hồn, và Nhục thân khỏe, nhẹ, do Thanh khí.

Thanh khí sinh

Tâm hồn thanh thoát, thanh khí sinh
 Thành vượng khí, bởi “Tâm hư vô”
 Nặng nề tâm trạng, trì Thân xuống,
 Muốn bay bổng, sống “Tâm hư vô”.

- Trong sinh hoạt bên trong, với những bộ phận vô hình, con người mới cảm nhận được những biến đổi sinh lý, và cũng là những hoạt động của vật lý siêu nhiên khác thường khiến cho con người nhận ra được những biến đổi có chiều tiến hóa.

Và khi cảm nhận được điều đó, đời sống càng trở nên tích cực hơn.

Toát Điện thân, linh hồn ứng mộng

Trong mơ mộng, linh hồn hoạt động
Vấn vương tình cảnh, dao động còn
Xao xuyên tâm hồn trong sinh hoạt
Rung cảm linh hồn, hiện trong mơ
Bao giờ linh hồn sạch bụi trần
Siêu thoát bốc lên cõi Bồng Lai
Sống cảnh siêu nhiên, siêu Trí tiến
Linh hồn châu biến khỏi Nhục thân.

Tâm hồn thanh tịnh chẳng còn mơ
Toát Điện thân, linh hồn ứng mộng
Linh cảm, tiên cảm suốt mọi thời
Vượt số mạng, ứng hiện trường sinh.

- Cha mẹ sinh con, cho con sức sống. Nhưng “sự sống” trong sức sống do Đấng tạo hóa ban cho loài người.

Cũng vậy, sự “Tự Hữu” do mỗi người làm ra. Nhưng sự “Tự Hữu” (cái đã sẵn có, tự có) không do con người làm ra.

Điều này mới thấy, đời sống con người có một nguồn gốc sâu xa, mật thiết với nguồn sinh hóa của vũ trụ.

Tính Tự Hữu

Con người tự cao trong u minh
Nói: “ý người, ý Trời song song”
Nhân sinh thụ tạo có được sao
Sự “Tự Hữu” nơi Đấng tạo hóa
Ban cho con Ngải, như Thiên Ân
Nơi con người có “tính Tự Hữu”
Toát từ Thiên Tánh trong Lương Tâm
Tình yêu chứa đựng mẫu nhiệm này
Vô tận sáng tạo vì yêu thương

Cường độ tỏa rộng đến nơi nào
 Tâm cỡ đó, có nhiều huyền vi
 Tính “Tự Hữu” rộng hẹp tùy lúc
 Nhiều, ít phép lạ do tính này
 “Sự Tự Hữu” vô hình mãi tăng
 “Tính Tự Hữu” thăng trầm có lúc
 Quyền năng Thiên ý chuyển sự Sáng
 Tiềm ẩn động, vạn vật tạo nên
 Năng lực Nhân ý trong Thiên Tánh
 Vì yêu thương, hóa sinh phép mầu.

- Con người tự hỏi: “trâu, bò, gà, chó v.v...” có trước, hay sau con người. Và cũng không thể biết con người được tạo nên như thế nào, và đã có từ bao lâu trên địa cầu. Cho đến khi, con người biết, là Lương Tâm không phải do chính mình tạo ra, nhưng nó tự có (Tự Hữu). Nó luôn “Thiện hóa” đời sống mình, và phải tuân phục những gì nói ra từ Lương Tâm.

Từ “tính Tự Hữu” đó, con người nhận ra là mình có nguồn sống. Và khi biết rõ được điều này, con người có thể trở về nguồn sống, mà không cần biết đến, là con người đã có mặt bao lâu rồi trên địa cầu.

Trở về Nguồn sống

Cha mẹ sinh con cùng “sức sống”
 “Đấng tạo hóa” ban cho “sự sống”
 Sức sống, Khí Huyết của Nhục thân
 Sự sống, sự Sáng của Trí Tuệ
 Tâm cá nhân do mình tạo nên (1)
 Thích thú, ham vui tưởng sống thật
 Động mãi, chú tâm quên đường về
 Bỏ hẳn cái Tâm, trở về Nguồn.

- Tâm người luôn động, từ động sinh ra loạn, làm cho Tâm, Trí con người động loạn.

(1) Tâm: là gốc của chúng từ Luân hồi. Bản ngã cá nhân được hình thành cũng do tâm trạng. Chúng vẫn tiếp tục sinh động sau cái chết của Nhục thân, vì chúng là năng lượng siêu nhiên.

Cho đến khi nào Tâm, Trí Đại định (Tâm chết) chúng từ Luân hồi cũng chết luôn thì không lọt vào vòng Luân hồi của loài người nữa. Nếu sự Sáng của Tuệ hòa nhập vào vũ trụ, thành năng lực chung của vũ trụ, không còn gì liên quan đến sự thụ tạo nữa, kể cả các sinh linh ở đẳng cấp cao.

Bỏ hẳn sự động loạn của Tâm, là đưa Tâm về trạng thái Hư vô. Và từ Hư vô, con người mới trở về Nguồn sống được.

Trở lại Hư vô

Chẳng có Lành, Dữ trong Hư vô
Mệnh mang chứa Thiên đàng, Địa ngục
Nơi Tâm, cửa mở ra hai cõi
Sống Tuệ, Tánh, quay về nguồn căn.
Nguyên thủy, vũ trụ là Hư vô
Thiên đàng, địa ngục do sinh linh
Tâm hôn Lành Dữ tạo hai chốn
Chẳng Lành, Dữ, trở lại Hư vô.

- Trở lại Hư vô, con người cảm thấy gì trong cõi Hư vô.

Vào cõi Hư vô

Bản ngã biến, hiện cõi Hư vô
Trong trạng thái đó, chẳng còn gì
Chỉ riêng Hiểu Biết trong sự Sáng
Thấu triệt Nguyên Lý của Càn khôn
Chẳng còn gì làm sao ta sống
Kỳ diệu thay Hư vô biến đổi
“Sức sống nhỏ” thành “sự sống lớn”
Cái Biết giới hạn, hóa Toàn Tri
Nhỏ hóa to, mắt người khó thấy
Ai biết rõ mẫu nhiệm sinh hóa
Cảm giác ít, nhiều tình cảm sinh
Tư tưởng vô tận lại có sau
Ngưng động toàn diện sinh hoạt đó
Tâm mình hiện rõ cảnh Hư vô.

- Hư vô trong Trung định phải qua trạng thái Tâm chết (tức là các chủng tử luân hồi sinh động dưới dạng năng lực trong nhiều ngàn năm cũng phải chết luôn), tức là Tuệ quang châu biến và con người cùng lúc giác ngộ. Nhưng ít người dám để cho Tâm mình chết, vì họ còn lo.

Lo điều gì?

Thân đau, Tâm khỏe chẳng lo gì
 Thân mạnh, Tâm đau mới đáng lo
 Thân đau, thuốc men trị bệnh lành
 Tâm đau, chữa lành do nơi ta.
 Bao lần Tâm chết, ta chẳng lo
 Có gì phải lo Nhục thân chết
 Đã quen chết rồi, ngại ngừng chi
 Chết để sống mãi, chết sợ gì

- Thiên định để vào đến Đại định, Thân, Tâm, Trí con người đều ở trong điều kiện và trạng thái rất tốt.

Khởi đầu là “Dục” phải triệt hoàn toàn. *Dục*: bao gồm nhục dục (hay là cái dục của cảm giác). “Dục” của Tâm, Trí sinh ra lòng tham.

“*Khí*” hóa “*Thần lực*” khi cảm giác về nhục dục đã hoàn toàn mất, tình hoàn không tạo ra tình trùng, mạch Thần mất. Lúc đó Tình mới hóa ra Khí. Khí hóa Thần ở não. Và Thần hoàn hư. Và cuối cùng là Tâm chết.

Đó là từng giai đoạn để vào Đại định.

Đường vào Đại định

Điều hòa hơi thở suốt mọi thời
 “Trí quán Trí”, mọi Dục biến tan
 Tất cả chẳng còn, ngoài Khí ra
 Quán Khí, nội Khí hóa Thần lực.
 Nội khí mạnh, Huyết được cường hóa
 Thanh Huyết chuyển khắp, gốc bệnh tan
 Khí điều hòa, Tâm trong, Trí sáng
 An nhiên linh hoạt mọi động tác
 “Hư không” chẳng phải chôn Hư không
 Trạng thái đó, Tuệ mới toát ra
 Tuệ quang tỏa, hòa nhập Càn khôn
 Mệnh mang, thái thái, vũ trụ Tánh
 Cực lạc vô tận các loại Thân
 Giác ngộ Nguyên Lý, liên lũy Hiếu.

- Sự “cùng Cực lạc” từ não tỏa ra, khác với tất cả mọi thứ lạc thú từ ngoài đưa vào. Con người “cùng Cực lạc” đồng bộ với sự Hiểu xảy ra, sự thông minh tăng trưởng cực nhanh. Những trạng thái này không có trong thế giới tự nhiên.

Cực lạc, Cực lạc

Giác ngộ Nguyên Lý vô cầu pháp
Thông Hiểu tức thì, chẳng tư duy
Tận tường Thiên Lý không qua học
Đó vũ trụ nói, chẳng do người
Năng lực tự tạo gốc ở Tuệ
Cực lạc, Cực lạc, miệng mỉm cười.

- Cái Vui trong cái nhỏ không thể so sánh được với cái “cực vui” (Cực lạc) trong cái vô cùng to lớn.

Vui trong cái nhỏ là vui trong thân ta, Vui trong cái vô cùng lớn của vũ trụ trong ta, và ta trong vũ trụ. Hiện tượng này do ở sự Sáng của Tuệ quang tỏa.

Sự Sáng của Tuệ hòa nhập vào sự Sáng của vũ trụ để trở nên Một. Nó cũng là vũ trụ, là Càn khôn (Trời Đất) vậy.

Càn khôn là Ta (1)

Dương trần biến động, ảo, huyền ảo
Mê hồn lạc bước chẳng lối ra
Hãy nhìn vào trong tìm sự sống
Tâm không khuấy động chốn Hư không
Nhìn mãi Hư không suốt đêm ngày
Cho đến khi chính mình Hư không.
Trong Hư không đó, hiện sự sống
Càn khôn mệnh mang, chính là Ta.

- Con người do ý chí, hướng về một mục tiêu nào đó, khi đã đạt được, ý chí tiến hóa của thời kỳ nối tiếp không bằng lúc đầu. Cường độ tích cực giảm nhiều.

Trái lại, khi con người đã giác ngộ rồi thì cường độ tích cực luôn ổn định. Hiện tượng này do:

(1) Ta chẳng còn Ta (theo cái nhìn của chơn Ngã), vì chỉ còn là bản chất, bản tính và tính năng của Càn khôn trong ta.

Tuệ Toàn Trí

Hồi quang, Trí soi Tâm Hư vô
 Đại định, sự Sáng hòa Càn khôn
 Linh giác Toàn Kiến mọi tạo vật
 Cực to, cực nhỏ hiện nguyên hình
 Giác ngộ Nguyên Lý, Tuệ Toàn Trí
 Tiến hóa cùng cực từ Hư vô
 Nguồn gốc sáng tạo, Hiểu tận tường.

- Sự bình thường và sự khác thường trong sự quan sát bằng nhãn quan, con người nhận ra ngay. Nhưng với những hiện tượng của những bộ phận vô hình của Trí, Tuệ..., mỗi người tự cảm nghiệm, và xác tín, dù hiện tượng đó, khó chấp nhận được đối với người thường, thuộc hàng thượng trí, hay đại trí do sự tích lũy nhiều kiến thức.

Như sự “hiểu tức thì”. Trong trạng thái đó, chỉ có sự Sáng của vũ trụ sinh động trong não bộ. Sự Sáng là năng lực cơ bản của mọi sức sống. Nếu năng lực đó sinh động mãi thì Thân, Tâm đều khỏe. (Sự mệt mỏi của Thân do sự hao tán của sự Sáng).

Khi “sự Hiểu trở nên tự động”, người giác ngộ không còn ngủ nữa, và trở nên hằng sống, do sự sinh động tự động của sự Sáng trong não bộ.

Suy nghĩ, mệt; Hiểu thì khỏe

Lo trong suy nghĩ, sao chẳng mệt
 Việc đời đa đoan, bao giờ hết
 Tâm mòn sức yếu, giảm tuổi đời
 Nhìn ra suy nghĩ, chỉ thiệt Thân
 Suy nghĩ cái Lý, nhìn vào trong
 Nhắm mắt tìm Nó, Tâm thanh thân
 Chỉ nghĩ một điều, mãi một điều
 Suy nghĩ không lo, Trí càng minh
 Lo, nghĩ, mệt thân, giác ngộ khỏe
 “Hiểu tức thì”, Cực lạc Thân Tâm
 Năng lực vô hình, tự tạo lấy
 “Hiểu tức thì”, là “tạo Huyền năng”.

- Hữu vi: làm mà thấy được việc làm, đó là việc làm của con người. Vô vi: làm mà như không làm, không thấy làm, cũng là việc làm của con người, nhưng

nó có tính của vũ trụ trong đó, tức là có sự sinh động vĩnh cửu và luôn sáng tạo trong việc làm của con người. Tính siêu việt tỏa ra từ đó.

Hành vô vi

Mãi thấy Ta, càng lớn bản ngã
Tìm mãi Vô ngã, làm sao ra?
Nếu chẳng thấy Ta, Vô ngã hiện
chơn Ngã sinh động, hành vô vi.
Hữu vi - hành động do nơi người
Vô vi hiện thực, tự Càn khôn
Việc làm con người, tất hữu hạn.
Trời Đất sáng tạo, vĩnh viễn tồn.

- Khi con người giác ngộ rồi, hành động luôn bằng sự Sáng mang tính vô vi. Tự mình làm, tự mình biết, không cần đến sự xét đoán, khen, chê của người đời. Nhưng chính người đời lại được nhận những hiệu quả ấy mà không hề hay biết.

Ai thấy vô vi

Nhìn bên ngoài, thật đáng trách thay
Đạo nhân tĩnh tọa, hành bất động
Suốt mọi thời, âm thầm vô vi
Sinh động miên man, ánh sáng Tuệ.
Vô vi, việc làm chẳng ai thấy
Chơn hòa, cùng nhịp sống Càn khôn
Đạo, Đức, Phước, ba tính Trời Đất
Vĩnh cửu chuyển hóa, tạo vật Vui.

Sự Sáng trong kỳ quan

Những kỳ quan con người tìm ra, với cái nhìn của nhãn quan, con người trực tiếp thường thức được cái hay, vẻ đẹp của sự kỳ diệu trong kiến trúc và chất liệu xây dựng. Nhưng với “cái nhìn của Trí khôn” thì trong đó còn ẩn, hiện những dấu tích biểu lộ sự linh thiêng và mẫu nhiệm của đời sống tâm linh tồn tại, hoặc được lưu giữ, mặc dù đó là những vật liệu vô tri, vô giác.

Ngày nay, con người đánh giá cao giá trị của kỳ quan nhân tạo và thiên nhiên. Thế nhưng kỳ quan tuyệt đối cao quý trên hết mọi kỳ quan chính là con người, trong đó bao gồm và sinh động mãi sự kỳ diệu, linh thiêng và mẫu nhiệm.

Trừ kỳ quan thiên nhiên ra, không có một kỳ quan nhân tạo nào mà không được tạo nên từ sự suy nghĩ của Trí, và Tuệ con người.

Nhìn vào sự tồn tại và cấu trúc của kỳ quan, người ta có thể biết được mức tiến hóa của đời sống tinh thần và tâm linh của thời kỳ mà con người đã trải qua.

Tâm, Trí (tâm hồn) là nền tảng của đời sống tinh thần, nhưng Tuệ là sinh hoạt của đời sống tâm linh, trong đó sinh động năng lực tiên thiên, là năng lực chính yếu của đời sống.

Từ lâu, năng lực này đã được con người tìm thấy sự huyền bí của nó, và vận dụng thành công qua sự tu luyện.

Nhưng sự phổ biến công khai hầu như không có, nếu có, chỉ là sự bí truyền qua tâm truyền, khẩu truyền, do tôn chỉ, giới hạn của môn phái, hoặc vào thời đó, chưa có chữ viết, và khó thực hành.

Đến nay, nhiều ngành khoa học phát triển, hỗ trợ cho nhau. Tính đồng bộ đưa Trí năng con người lên một mức cao hơn trong sự khám phá và vận dụng những năng lực siêu nhiên trong sinh hoạt bên ngoài. Tức là, chúng đã thuộc vào lãnh vực của siêu Trí rồi.

Vì vậy, người ta dễ chấp nhận hơn những hiện tượng siêu nhiên xảy ra, mà trước đây, người ta cho rằng những gì chưa giải thích được bằng những qui luật tự nhiên, là huyền hoặc, hay ngược lại, đó là sự mẫu nhiệm, nếu họ cảm nghiệm được điều gì lạ thường trong đó.

Những hiểu biết từ bên ngoài tạo nên kiến thức, con người tiến bộ. Nhưng sự tiến hóa chỉ ở bên trong, do sự chuyển thể, chuyển thái của những thể linh thiêng qua kinh nghiệm của sự thực hành.

Hiệu quả của kinh nghiệm là một động lực tạo thêm sự tích cực cho sự tu luyện và luôn cả đời sống hằng ngày.

Những tinh hoa của sự tiến hóa được con người tích lũy từ trước đến nay, là những phương pháp, phương thức di truyền. Và trong sách này, chúng được giải thích theo khoa học hiện đại. Điều này, giúp cho hành giả rút ngắn thời gian luyện tập, nhưng với hiệu quả cao, vì nó sẽ được vận dụng và luyện ngay thực lực của nó.

Thực lực này là sự Sáng (thể Sáng). Nó đưa con người tiến hóa từ địa cầu vào vũ trụ qua phương tiện là Trí, siêu Trí, và cuối cùng là Tuệ, mà hiệu quả tuyệt đối là sự giác ngộ.

Đó là công phu và sự cố gắng đạt đến mức cao nhất của khả năng của các loại Trí.

Nhờ đó, con người mới “Biết được Sự sống”(1). Và mục tiêu đạt được là “Sống bằng Sự sống”.

Viết xong ngày 21/11/2009

VÔ HỮU

(1) Do công phu, hay do Ôn.

Công phu: do sự cố gắng, con người đạt được năng lực tiên thiên, và sống bằng năng lực này.

Ôn: do sự cảm ứng, hoặc do sự mạc khải. Con người có được những khả năng phi thường mà không qua luyện tập. Đây là sự cộng tác giữa con người và sinh linh, hay cao hơn, là Đấng tạo hóa.